

# ĐÀO TRINH NHẤT

TÁC PHẨM



VĂN HỌC

Cô Tư Hồng  
Kẻ bán trời  
Bùi Thị Xuân

Đóng cửa dạy chồng  
Con quỷ phong lưu

NGUYỄN Q. THẮNG

sưu tầm và giới thiệu

vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC



*ĐÀO TRINH NHẤT - TÁC PHẨM*







NGUYỄN Q. THẮNG

# ĐÀO TRINH NHẤT

Tác phẩm

★ ★ ★

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC







# DẪN

Tập *Đào Trinh Nhất - Tác phẩm*★★★ gồm 6 tiểu thuyết và Tuyển dịch *Liêu Trai chí di*, của nhà văn, nhà báo, dịch giả Đào Trinh Nhất.

Phần lớn các tiểu thuyết của ông chúng tôi sưu tầm từ mấy chục năm trước trên các số báo *Trung Bắc Chủ nhật* xuất bản ở Hà Nội mà chúng tôi còn lưu giữ (gần đây chúng tôi “trao đổi vật ngang giá” với ông V.A.T, hiện ông T đã nhượng lại cho một trường Đại học tư ở Sài Gòn). Nay chỉ còn bản phóng ảnh.

## I- Văn học

Về phần sáng tác văn chương, Đào Trinh Nhất đã đăng kí được một số tiểu thuyết có giá trị xã hội, nhất là tiểu thuyết lịch sử cận đại Việt Nam. Các tác phẩm này phần lớn từng đăng định kỳ trên *Trung Bắc Chủ nhật* ở Hà Nội từ năm 1941-1945. Sau đó in thành sách được phát hành rộng rãi trên toàn quốc trước năm 1945, gồm:

**1- Cuốn *Bùi Thị Xuân***, Với bút danh Hồng Phong. Đây không những là một tiểu thuyết lịch sử kí sự mà thật sự đây là một *tác phẩm sử học* vì nội dung sách là một giai đoạn, một thời điểm lịch sử nhất định. Đó là cuộc nội chiến xảy ra từ giữa thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XIX; tức vào những năm cuối của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Đây là giai đoạn bản lề giữa hai thế kỉ vừa nói. Sách nguyên đăng hàng tuần trên báo *Trung Bắc Chủ nhật* từ số 222-264 năm 1945 lúc CMT8 thì ngưng.

Truyện viết về nữ đô đốc triều Tây Sơn tức cô Bùi Phùng Xuân tức bà Bùi Thị Xuân.<sup>(1)</sup>

---

(1) Tham khảo phần lược truyện các tiểu thuyết dẫn ở sau trong Nguyễn Q. Thắng, *Đào*



Vào những năm 1780-1801 nghĩa là hơn một thế kỉ là thời mạt vận của chúa Nguyễn và cũng là thời Tây Sơn bành trướng và phát triển. Phong trào Tây Sơn trỗi dậy và kèm theo các khuôn mặt lịch sử lớn như anh em Nguyễn Nhạc; nhất là người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ. Cùng với Nguyễn Huệ cũng xuất hiện nhiều anh hùng khác trong đó có nữ kiệt Bùi Thị Xuân sau này trở nên một nữ đô đốc kiệt xuất dưới trướng Nguyễn Huệ.

Bùi Thị Xuân lúc tuổi nhỏ có tên là *Mãnh* con gái quan *khán lí Quảng Nam* dinh tên là Bùi Đắc Nhân đời Định Vương Nguyễn Phúc Thuận. Nhân là một quan thanh liêm, chánh trực... từng bị tên gian thần, Thái phó Trương Phúc Loan ám hại. Vợ ông cùng con gái bỏ trốn, giả trai, tầm sư học đạo [võ] mong trả thù cho cha như lời hứa với mẹ trước khi bà qua đời. Học võ thành tài, nàng gia nhập vào hàng ngũ Tây Sơn và trở nên một dũng tướng cho đến ngày Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế thống nhất đất nước lúc sơ khởi, chứng kiến và tham gia chiến thắng vinh quang dưới triều vua Quang Trung đánh tan mấy mươi vạn quân Thanh sang xâm lược nước ta cho đến ngày nhà Tây Sơn sụp đổ.

Tác phẩm trình bày lại tương đối đầy đủ các diễn biến lịch sử gần như khắp từ Nam chí Bắc với bao gương mặt từng làm rạng danh tổ quốc. Tiểu thuyết tuy với đề tài *Bùi Thị Xuân*, nhưng Bùi Thị Xuân là một trong những kẻ làm nên lịch sử mà cũng là chứng nhân thời đại: *thời đại Tây Sơn – Quang Trung*.

Như vừa viết ở trên, đây không thuần túy là tiểu thuyết mà là một cuốn dã sử về Bùi Thị Xuân của Việt Nam thời cận đại với cuộc nội chiến kéo dài hơn thế kỉ. Thế cho nên, khi đọc tiểu thuyết này độc giả có thể lấy con mắt và bộ óc sử học để thẩm định tác phẩm *Bùi Thị Xuân*.

**2- Cuốn *Lê Văn Khôi*** trước khi in thành sách cũng từng đăng trên *Trung Bắc Chủ nhật*, từ số 144 năm 1943 đến số 215 năm

---

Trình Nhất - Nhà văn, nhà báo bậc thầy, trang 120-147, NXB Văn học, 2010.



1944 với bút danh Hồng Phong cũng được tác giả xây dựng, hư cấu các nhân vật, sự kiện, bối cảnh đều phát xuất từ lịch sử cận đại Việt Nam. Nói rõ hơn nội dung tiểu thuyết này cũng là *cuốn sử biên niên Việt Nam* vào thời vua Minh Mạng (1820-1840).

Ở đây tác giả dùng ngòi bút tiểu thuyết có pha chút nghệ thuật hiện đại để tái hiện một thời đoạn lịch sử hùng tráng mà cũng bi thương của dân tộc Việt Nam. Tác giả đã không cố chấp và cũng không quá phóng khoáng gọi cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi là cuộc *khởi nghĩa*, thậm chí là “*cách mạng*”; vì trước sau Lê Văn Khôi vẫn tôn xưng nhà Nguyễn là *hoàng triều ta*. Thực chất cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi chỉ là để trả thù cho Thượng công Lê Văn Duyệt một vị “*khai quốc công thần*” triều Nguyễn. Tổng đốc Bình Phú Võ Xuân Cẩn (1778-1852) người thừa lệnh vua Minh Mạng thi hành bản án hai ông Lê Văn Duyệt (1763-1832), Lê Chất (1769-1862). Nơi mộ phần ông Duyệt vua Minh Mạng cho khắc bia với câu: “*Chỗ này là nơi quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp*”, còn ông Chất thì ghi mấy chữ: “*Chỗ này là nơi Lê Chất phục pháp*”.

Đây cũng là một sử phẩm vào thời cận đại Việt Nam.

**3- Cuốn *Cô Tư Hồng***, với bút danh Hồng Phong, cũng là một tiểu thuyết lịch sử, xã hội. Sách viết về một nhân vật bình thường nếu không muốn nói là tầm thường của xã hội Việt Nam khi văn hóa Việt Nam tiếp xúc với văn hóa Tây phương nên có nhiều phức tạp, đen trắng chưa tường. Sách do *Trung Bắc Tân văn* xuất bản ở Hà Nội trong năm 1941.

Đọc *Cô Tư Hồng*, Vũ Ngọc Phan cho rằng: “Viết quyển truyện kí này, tác giả đã ngã về mặt tiểu thuyết rất nhiều cho câu chuyện được vui, nghĩa là trong những việc thực, tác giả đã xen vào rất nhiều tưởng tượng”<sup>(1)</sup>.

\*

---

(1) Vũ Ngọc Phan, *Nhà văn hiện đại*, *Sđd*



Bên cạnh loại tiểu thuyết lịch sử, Đào Trinh Nhất còn viết thể loại tiểu thuyết *phóng sự xã hội*. Đây là một mảng đề tài xã hội hiện đại Việt Nam vào thời điểm những năm 20-40 của thế kỉ XX; trong đó có: *Đóng cửa dạy chồng*, *Con quý phong lưu*, *Kẻ bán trời*, (xem lược truyện các tác phẩm trong Nguyễn Q. Thắng, *Đào Trinh Nhất - Nhà văn, nhà báo bậc thầy* NXB Văn học 2010).

#### **4- Một kẻ bán trời**

*Một kẻ bán trời* tiểu thuyết phóng sự, với bút danh Hồng Phong, sơ khởi in từng kì trên báo *Trung Bắc Chủ nhật* (Hà Nội) từ số 62 năm 1941 đến số 98 năm 1942 và xuất bản thành sách năm 1942 với tựa đề là *Kẻ bán trời*.

“Mấy năm gần đây (1940-1942) ở tỉnh Nam Định dân chúng bàn tán xôn xao có một đôi sư nam nữ trẻ đến ẩn tu một cách chân thành, chăm chỉ ở chùa Lãm. Sau đó, dần dần mọi người mới biết rõ rằng đôi sư nam nữ đó là hai anh em ruột vì chán cảnh nhân tình thế thái nên đến Nam Định tu hành. Điều lạ thường nhất là sư nam (anh) từng đi du học ở Pháp và lấy vợ đầm, sư nữ (em) mới hơn hai mươi tuổi đầu sắc đẹp như một vị Hằng Nga. Một vị Hằng Nga đã nhiều lần từ chối lời khuyên răn của bà con, họ hàng bỏ chùa... về trần lấy chồng.

Khách bàng quang hỏi về chuyện của hai người thì sư nam, sư nữ chỉ đáp một câu đơn giản:

“*Chúng tôi đi tu là để chuộc lại tội ác cho cha*” vì cha họ từng lấy một “me Tây”, rồi mẹ chúng nó bỏ con chạy theo chồng mới!

Cha họ là Thông phán tên Vi và ông ta gây nên tội ác gì? Mà con cái phải đi tu “chuộc tội ác cho cha”.

Vi mới tốt nghiệp trường Thông ngôn Hà Nội ra, Thông Vi đã làm cho cô Bưởi ở phố Hàng Gai bỏ thói chua ngoa, đánh đá, nghĩa là không biết chàng ta có tài ba, mưu mô gì, Vi quyến rũ được cô Bưởi và mượn được “*bộ quần sồi yếm nhiễu*” đem về trình anh em ở tòa đốc lí lấy tiền thách trong buổi trà dư tửu hậu.



Vì máu mê cờ bạc, làm được bao nhiêu Vi đem nướng các sòng bạc, dĩ điểm nên chàng thường giở ngón bịp với các tay cờ gian bạc lận và giở khốe làm tiền của các “me Khách” “me Tây”... rồi bị truy nã, Vi trốn sang Lào, Thái Lan mong làm lại cuộc đời với nhiều mưu ma chước quỷ.

Bơ vơ nơi đất khách Thái Lan, Vi tìm được một quan thầy cũ tại Tòa đốc lí Hà Nội năm xưa, bây giờ là lãnh sự Pháp tại Băng Cốc. Lãnh sự R vốn là người hay giúp đỡ người thân – nhất là viên chức cũ -. Lãnh sự B sẵn lòng giúp Thông Vi sang Hương Cảng giữ một chức nhỏ tại Tòa lãnh sự Pháp ở Hồng Kông trông coi về việc cấp thông hành đến các nước.

Với sự giúp đỡ của Lãnh sự B, bây giờ thông Vi trở nên một nhân viên bình thường tại Tòa Lãnh sự, nhưng Vi luôn “mai phục” chờ cơ hội. Với mưu mẹo ngầm, Vi giao thiệp với các gian thương người Hoa, giới giang hồ, đầu trộm đuôi cướp, hoặc bọn chuyên nghề tống tiền nhà giàu, cờ gian bạc lận... rồi bại lộ hình tống. Cuối cùng Vi bỏ đất Hương Cảng trở về Hà Nội với một tài sản kék xù, tiền, vàng ê hề.

Tại Hà Nội, Vi càng ngày càng sa vào phường “đổ bác”, “cô đầu” từng cướp vợ người vì tánh háo thắng, mê đắm dĩ điểm, tăng tịu vợ người... Cuối cùng tán gia bại sản phải đi nhờ vả lại bọn lưu manh từng theo hầu hạ hấn, nhưng bị bọn này hất hủi. Cùng đường Vi đành mượn chén thuốc độc kết liễu đời mình!

Lúc sống bao nhiêu bạn bè, mà đám ma lơ thơ không có mấy người đi đưa.

Có kẻ hiếu sự bắt chước một bài thơ cũ, gọi là điệu chàng:

*Đã mấy mươi phen chực bán trời  
Trời cười thẳng ấy khổ vì chơi!  
Cho hay trăm vạn mà ra thế,  
Giấc mộng phong lưu chẳng trót đời!”*

Thông Vi đích thị là *Kẻ bán trời!*



## 5- *Đóng cửa dạy chồng*

*Đóng cửa dạy chồng* cũng là một tiểu thuyết phóng sự xã hội, ban đầu in trên báo *Trung Bắc Chủ nhật* từ số 97 (?) – 140, năm 1942. Sau in thành sách.

Vùng Hồng Ngự thuộc Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), có gia đình cụ điền chủ Châu Hồng chuyên cho tá điền canh tác lúa, bắp, hoa màu nông nghiệp. Ruộng đất của ông mênh mông, nên mỗi năm thu hoa lợi nông sản rất lớn.

Ông bà Châu Hồng giàu có muôn vạn mà chỉ có duy nhất cô con gái là Minh Cầm. Minh Cầm xinh đẹp lại nét na thùy mị. Nàng thông minh và tài trí không kém nam giới.

Mấy năm trước, gia đình ông Châu Hồng bị bọn người làm công lừa gạt mấy trăm đồng rồi bỏ trốn. Ông bà không có cách gì lấy lại được, vì không biết gốc gác bọn ấy ở đâu. May nhờ có tay hảo hớn khét tiếng ra tay giúp người ngay, diệt kẻ gian manh. Anh biệt danh là Đon Hùng Tín, bắt bọn xấu phải trả đủ số tiền đã lường gạt.

Nhờ việc ấy mà ông Châu Hồng nể trọng tư cách của Đon Hùng Tín.

Ông bà Châu Hồng giàu lớn, cô con gái Minh Cầm lại xinh đẹp, nét na; nên từng có lắm nơi muốn gả nghĩa.

Nhưng khi đã giàu thì lại muốn sang, nên ông Châu Hồng chỉ muốn gả con cái cho nơi nào danh vọng, đồ đạc cao mà thôi. Mặc dù trong vùng có lắm nhà làm ăn lương thiện muốn kết sui gia, ông đều từ chối.

Ông bà được toại ý khi gả Minh Cầm cho kỹ sư bác vật hóa học là Lâm Kiều Mộc. Ông Châu Hồng rất hãnh diện có rể đồ đạc, nên trong câu chuyện hàng ngày, ông đều gọi rể là *quan bác vật*.

Vợ chồng Kiều Mộc – Minh Cầm cưới xong bèn đưa nhau lên Sài Gòn để sắp xếp chỗ ở là một căn phố lầu sang trọng mà gia đình ông bà Châu Hồng đã chu cấp cho hai ngàn đồng để bài trí.



Trên đường lên Sài Gòn, vợ chồng Minh Cầm vừa đến phà Mỹ Thuận – Trong khi ngồi giải khát chờ phà thì Kiều Mộc bị người của Đơn Hùng Tín bắt cóc giấu dưới bụng ghe bầu, đưa đến vùng núi Tà Lơn hoang vắng. Thấy chồng đột nhiên mất tích, Minh Cầm thuê người tìm kiếm khắp nơi. Đến chiều tối, nàng thất vọng quay về nhà cha mẹ. Lòng nàng rối như tơ vò vì sự biến mất bí hiểm của chồng.

Không hơn gì con gái, ông bà Châu Hồng càng sửng sốt trước tin lạ lùng ấy. Họ đặt ra bao nhiêu giả thiết. Cuối cùng Minh Cầm sức nhớ cái tên Đơn Hùng Tín, ông Châu Hồng càng ngạc nhiên, không hiểu chàng rể quý của mình có liên hệ gì đến con người giang hồ, khét tiếng ở Biển Hồ ấy. Vì ông nhớ là sau khi lấy lại được số tiền bị gạt, ông có đền ơn Đơn Hùng Tín. Nhưng anh ta cương quyết chối từ.

Nay không biết lí do gì lại bắt *con rể bác vật* của ông có phải để đòi tiền chuộc hay ông có lỗi gì?

Minh Cầm cương quyết đi gặp Đơn Hùng Tín để biết lí do bắt cóc chồng mình.

Sau khi nói rõ với Đơn Hùng Tín, Minh Cầm xin phép lãnh chồng về “giáo hóa” và nàng đặt ra “*mười điều giáo hóa*” và nuôi chồng ăn học.

Kiều Mộc (chồng Minh Cầm) quyết bỏ tà theo chánh bằng cách trốn dưới tàu biển sang Pháp du học đến thành tài với cấp bằng “*Kĩ sư chánh hiệu*” Pháp quốc.

**6- Con quỷ phong lưu** cũng là một tiểu thuyết phóng sự với bút danh Doãn Chu (ĐTN). Sách ban đầu cũng in định kì trên báo *Trung Bắc Chủ nhật* ở Hà Nội từ số 34, năm 1940 đến số 61 năm 1941, tới năm 1943 in thành sách ở Hà Nội. Bản chúng tôi sử dụng từ các số báo vừa dẫn.

Sinh nhân vật chính con một đại điền chủ ở Cà Mau, anh ta là con trai độc đinh được hưởng một gia tài lớn với hơn 40 vạn tiền



Đông Dương và điền sản. Sảnh được cho lên Sài Gòn ăn học mà chẳng học chữ chỉ học toàn nhẩy đầm, trai gái đi, điếm, cờ bạc... làm tiêu tán cả cơ nghiệp. Với cách sống trụy lạc, cờ bạc, gái đi... Sảnh bị tán gia bại sản, cuối cùng bị gái đi xua đuổi, không nơi ăn ở, túi rỗng tiền không... trở nên đói khát, rách rưới... phải đi ăn mày, ngủ vỉa hè... rồi chết trên hè phố Sài Gòn!

Đọc tiểu thuyết ông, nhà văn Thao Thao Cao Bá Thao (1912-1994) cho rằng: “Lúc sinh thời, Đào quân đến đâu được hoan nghênh đến đấy: từ Bắc chí Nam chỗ nào cũng được làng văn, làng báo khâm phục và bạn đọc hoan nghênh.

Làng văn nhìn nhận ở Đào quân, một người xem rộng, nhớ nhiều. Làng báo nhìn nhận ở Đào quân một nhà ngôn luận cực kì đanh thép. Bạn đọc nhìn nhận ở Đào quân một nguồn văn vô tận. Ai đọc *Kẻ bán trời*, *Bùi Thị Xuân*, *Lê Văn Khôi* đăng trong *Trung Bắc Chủ nhật* mà không phải nhận thấy tác giả là người có tài kéo dài nghìn trang như bốn”<sup>(1)</sup>.

## II- Dịch thuật:

Phần này có các cuốn ***Đông Chu liệt quốc***, ***Thần tiên kinh*** và ***Liêu trai chí dị*** (hai cuốn *Đông Chu liệt quốc*, *Thần tiên Kinh* chúng tôi sưu tầm chưa được)

**1- *Liêu Trai chí dị*** (*Những chuyện quái dị chép ở Liêu Trai*), tác giả tập truyện này là Bồ Tùng Linh, tự là Lưu Tiên, hiệu Liễu Tuyền, đỗ cống sinh năm 1711 (Tân Mão) triều vua Khang Hi nhà Thanh, Trung Quốc.

Bồ Tùng Linh tính tình chất phác, giao du rộng, trọng danh nghĩa, suốt đời bỏ dứt lối học khoa cử để chuyên tâm vào việc làm văn, viết sách tự mình dựng nên một lối văn riêng độc đáo.

Tập *Liêu Trai chí dị* có 448 truyện, hầu hết các truyện đều đề

---

(1) Thao Thao, *Một vài cảm tưởng về Đào quân*, Tuần báo *Cải tạo* số 134, ngày 10-3-1951, Hà Nội.



cập đến thần tiên, ma quái hàm chứa một nội dung về nền chính trị độc đoán của người Mãn Thanh đang cai trị Trung Quốc.

Tác phẩm có thể chia thành 3 chủ đề.

- Đả kích chế độ cai trị tàn ác, vạch tội một số quan lại ác ôn.
- Phê phán chế độ khoa cử là dùng văn *bát cổ* để kén chọn nhân tài.

- Ước mơ, nguyện vọng của tác giả [tác phẩm] xóa bỏ chế độ hôn nhân lạc hậu, giành lại quyền tự do trong tình yêu và hôn nhân.

*Liêu Trai chí dị* từng được thi sĩ Tản Đà (1888-1939) Nhượng Tống (1904-1949) dịch và xuất bản năm 1937 tại Hà Nội (chỉ dịch một số truyện) đã có tiếng vang và dư luận tốt trên văn đàn Việt Nam. Đến các năm 1949-1950 Đào Trinh Nhất cũng chọn một số truyện rồi dịch ra Quốc ngữ.

Nhà xuất bản *Bốn phương* (của thi sĩ Đông Hồ) cho rằng họ Đào chọn dịch in ra thành 2 tập, nhưng công việc chưa xong thì dịch giả bệnh nặng qua đời trong năm 1951. Thế cho nên, NXB Bốn phương chỉ in có một tập. Trong tập tuyển dịch này dịch giả họ Đào mới tuyển dịch được 51 truyện.

Theo thi sĩ Đông Hồ (1906-1969) thì: “Sách *Liêu Trai chí dị* này, tiên sinh (ĐTN) mới dịch được nửa bộ, đang đăng báo thì tiên sinh từ trần”.

Bản in này chúng tôi sao lục từ cuốn *Liêu Trai chí dị* của NXB Bốn phương năm 1951, Sài Gòn.

Tập I gồm các truyện sau:

- |                        |                       |
|------------------------|-----------------------|
| 1- Vợ thi hộ chồng     | 7- Lấy vợ công chúa   |
| 2- Trường học toàn ma  | 8- Người dạy ma đờn   |
| 3- Ác báo ghê hồn      | 9- Mổ tim đổi mặt     |
| 4- Duyên lỡ người tiên | 10- Đào mã lấy vợ     |
| 5- Bông sen hóa người  | 11- Bà chúa Tây hồ    |
| 6- Lời hẹn Tây hồ      | 12- Kết duyên với ong |



- |                          |                         |
|--------------------------|-------------------------|
| 13- Tiệc rượu tân hôn    | 33- Nổi giắc kê vàng    |
| 14- Kì ngộ trong núi     | 34- Chết vì mê gái      |
| 15- Cối truồng rượt ma   | 35- Gương sáng anh em   |
| 16- Háo sắc lụy mình     | 36- Nụ cười sát nhân    |
| 17- Một nhà dĩ chôn      | 37- Viết giấy bán vợ    |
| 18- Cậu bé đa tình       | 38- Cô Tân thứ 14       |
| 19- Tấm gương thu hình   | 39- Thấy ma sống dậy    |
| 20- Làm dĩ dưới âm       | 40- Con gái nhà trời    |
| 21- Tình nghĩa với chim  | 41- Dạ xoa phu nhân     |
| 22- Tay áo làm mai       | 42- Cắt thịt vì tình    |
| 23- Một đêm lấy ma       | 43- Đào mã cô Canh      |
| 24- Mặc áo lá cây        | 44- Vạn lí tâm phu      |
| 25- Vợ dữ hơn cộp        | 45- Vợ bé là chôn       |
| 26- Xác chim hồn người   | 46- Lên chơi trên trời  |
| 27- Cái đầu kẻ thù       | 47- Con người quốc sắc  |
| 28- Khắc ra trái tim     | 48- Mắt xanh cô Mai     |
| 29- Mĩ nhân cứu mạng     | 49- Báo ứng trước mắt   |
| 30- Thứ cỏ giết người    | 50- Mũi dao Kinh Kha    |
| 31- Chôn quĩ tranh chồng | 51- Phiên chợ giữa biển |
| 32- Có gan được vợ       |                         |

Đặc biệt bản dịch này có in *Bức tranh Bô Tùng Linh ban đêm ngồi viết sách Liêu Trai*, danh sĩ Vương Ngự Dương đề thơ:

Cô vọng ngôn chi, vọng thính chi,  
Đậu bằng qua giá vũ như ti.  
Liệu ứng yểm tác nhân gian ngữ,  
Ái thính thu phần quĩ xướng thi.

Quán Chi (Đào Trinh Nhất) dịch:

*Cứ nói tràn cứ nghe tràn  
Sân mưa thánh thót trên giàn đậu dưa*

*Đào Trinh Nhất - Tác phẩm*

*Chuyện người đã ngán xưa giờ  
Thích nghe ma quỷ dưới mồ ngâm thơ.*

20-01-50

(Thủ bút và chữ kí dịch giả)

Có thể nói bộ *Đào Trinh Nhất - Tác phẩm* (3 tập) và *Đào Trinh Nhất - Nhà văn, nhà báo bậc thầy* là một toàn tập *Đào Trinh Nhất* (4 cuốn) như dự ước ban đầu của chúng tôi (NQT) đã khởi thảo từ nhiều năm trước. Nay đã hoàn tất một cách viên mãn.

Sài Gòn tháng 5-2011

NQT



ĐÀO TRINH NHẬT  
(Hong Phong)

# CÔ TƯ HỒNG

*(Tiểu thuyết xã hội lịch sử)*

TRUNG BẮC TÂN VĂN  
– 1941 –





## I

# PHẦN SON RIÊNG MỘT SƠN HÀ

Vào khoảng trung tuần tháng giêng năm Canh Tuất (1910), hồi 9 giờ sáng, một ông cụ hình dáng cục mịch hom hem, râu tóc đã bạc gần hết, mình mặc áo the sờn vai, chân đi đôi giày da lộn, một tay kẹp chiếc ô vào nách để chống đầu nhọn lên trên, tay kia xách một lồng chim bồ câu độ chục con, xem bộ tịch rõ ra một vị huynh thứ trong làng, lên tỉnh có việc.

Không ai biết cụ từ đâu đến, chỉ biết khi xuống xe hỏa ở ga Hàng Cỏ, cụ lần mò hỏi thăm người ta đường lối về ngõ Hội Vũ.

Ngõ này ở Hà Thành ta ba chục năm trước hẹp nhỏ, đường đi còn rải gạch non phủ cát, hai bên cỏ mọc làm bờ, phía trong còn nhiều đất để hoang chưa làm nhà; quang cảnh đó đâu sửa sang vui vẻ và cửa nhà tấp nập được như bây giờ.

Tuy vậy, lúc đó ai mới ở ngoài bước vào đầu ngõ, cũng trông thấy ngay một tòa lâu đài sừng sững, kiến trúc xen lẫn hai kiểu Tây Tàu, nhưng đại thể kiểu mới nhiều hơn: nguy nga, đột ngột, rộng rãi, có vẻ như một chốn phủ đệ thâm nghiêm, đài các. Chỉ cái ngoại quan đủ tỏ cho những người trông vào phải đoán ngay chủ nhân tất là một bậc phong lưu, quý hiển.

Thì xem tết Nguyên đán đã đi qua khỏi hơn nửa tháng rồi mà từ ngoài cổng vào đến trước thềm, hai hàng chậu cúc vàng, cúc trắng vẫn còn khoe hết vẻ đẹp, chưa tàn. Những xác pháo nghinh xuân đỏ ối hãy còn tươi bởi ngổn ngang mặt đất, như dán mình dưới lằn bánh xe chéo chồng lên nhau. Đó chính là dấu vết phô bày cho người ta biết nhà này rất mực hào hoa, trong mấy hôm đón rước xuân về, đã có bao nhiêu khách y quan xa mã lui tới.



Tội nghiệp ông cụ thôn lão ban nãy tìm đến ngõ Hội Vũ là cốt vào nhà này, nhưng khi đến nơi, trước cảnh tráng lệ đồ sộ bất ngờ, cụ cứ đứng ngấp nghé thập thò ngoài cửa, không biết tính thế nào, cũng không dám gọi ai.

Trời lạnh tuổi già, mấy tiếng ho húng hắng không thể cầm nổi; ba bốn con chó Tây kễch xù ở trong nhà thính gai nghe động, cùng ồ ra một lúc, vừa sủa vừa chồm lên song sắt, như mắng mỏ và muốn nhai ông lão nhà quê. Ông lão giật mình hoảng sợ, lùi bắn ra mấy bước. Cũng may cổng đóng then gài không thì tấm áo the cũ kĩ của con nhà nghèo đã bị lũ chó nhà giàu xé rách, cả đến da thịt cũng có thể liên lụy mà chẳng biết thừa kiện ai được.

Một cậu bồi, mặc áo cổ là, thắt lưng nhiều đồ ba múi, ứng theo tiếng chó sủa, vội vàng chạy ra:

- Ông lão đi đâu đấy, không biết kéo chuông gọi cửa, cứ thập thò, thập thọt cho lũ chó cắn rằm lên, muốn nghe bà lớn quở cho mất mặt phải không?

Ông cụ nhỏ nhẹ lễ phép nói:

- Lão xin lỗi cậu, cho lão hỏi thăm điều này kìa không phải, đây có phải là nhà Bà lớn Án, quê dưới Hà Nam không? Bà lớn đã dậy chưa?

- Chính phải đây. Bà lớn dậy từ lúc nãy.

- Phiền cậu làm ơn bẩm giùm có Phó cự ở làng lên hầu Bà lớn có chút việc.

Cụ Phó cự theo cậu bồi dẫn vào, vừa đến bậc thềm, cụ trệt đôi giày da lộn để lại đó với chiếc ô, tay xách lồng chim rón rén bước lên. Cậu bồi nói nhỏ:

- Cụ chịu khó đứng đợi đây một lát, tôi sẽ bẩm cho, vì hiện giờ Bà lớn còn mắc tiếp chuyện bà Chánh tòa và bà tuần Lạng ở nhà trong.

Chỗ cụ Phó ta khúm núm đứng chờ có thể dòm xiên vào trong khách phòng chính giữa, rộng lớn mênh mông. Cụ dòm ngó sừng sốt, không rời. Bên trong, đầy những vàng ngọc ánh lộn, khiến cụ phải ngây người choáng mắt. Bao nhiêu vật trần thiết lộng lẫy riêng một khu đó, đời cụ mới được trông thấy là lần thứ nhất. Cụ nhớ có lần được vào trong



dinh cụ Tuần bản tỉnh, nhưng sánh lại cảnh sắc hai đang xa nhau một trời, một vực.

Cụ đề ý nhất và tấm tắc khen thầm bức hoành phi sơn son thếp vàng, chạy nền gấm, treo chính giữa nhà, bốn chữ vàng “樂捐義婦, *Lạc quyên nghĩa phụ*” nổi bật lên. Dưới đó một cái hương án cao, chạm lưỡng long triều nguyệt, cũng sơn son thếp vàng bóng lộn; trên mặt bày một cái hộp đồ dài, chân quỳ. Cụ Phó đoán chắc đây là hòm sắc, vì cụ nhớ hòm sắc Thành hoàng làng mình cũng thế. Trước mặt hương án, kê chiếc sập bằng cẩm lai khảm xà cừ, trên giải nệm gấm xanh. Cách một bộ bàn ghế kiểu Tàu, mặt đá, chùi đánh bóng nhoáng, tới cái giá để hai chiếc ngà voi to tướng và bộ đỉnh bằng đồng đen nạm vàng. Hai bên kê hai cái tủ lồng kính ba mặt, cao gần đến trần nhà, bên trong bày toàn đồ vật pha lê, ngọc thạch, mã não. Thế rồi cụ Phó ta rồi tí cả hai mắt với những đôn, những chậu, những đồ cổ, những đoản kiếm, những quạt lông, những câu đối sơn thếp, bày la liệt trong phòng, treo tứ tung trên tường, mà thứ nào cũng là huy hoàng đoạt mục hết thấy.

Nãy giờ cụ Phó ta mãi nhìn sững đâu đâu, không thấy góc buồng bên trái, ngay cửa chính bước vào, một chú hồ cực to, ngồi phục vị trên một tấm thảm bằng nhung. Nhỡn quan của cụ đảo quanh tứ phía, chợt đưa tới đó, thấy rõ ràng chú hồ ngồi ngửa mặt nhe răng, hai mắt tròn xoe, ngó ngay vào mặt cụ một cách lăm liết, dữ dội, đầy đầy sát khí. Cụ mất cả hồn vía. Chỉ thiếu một li nữa là cụ kêu rú lên, bỏ phăng cả lồng chim mà chạy lấy thân. Nhưng rồi trí thông minh sau chót của một bác nhà quê đã có tuổi, đánh thức cụ sự tỉnh ngay: chắc là con cạp nhồi trấu, chứ cạp thật ai mà dám thả lỏng như thế.

- Cái Lan làng ta – cụ Phó nghĩ thầm trong bụng – sang trọng đến thế là cùng, bắt cả ông Ba mươi về nhà bày cảnh mà chơi.

Giữa lúc ấy, cánh cửa buồng sau thông với phòng khách có tiếng kẹt mở, ba người thiếu phụ từ trong đi ra. Cụ Phó vội chỉnh lại dung mạo, chấp tay sẵn sàng, chờ cho người thiếu phụ đi sau hết, bước gần tới bên mình, bấy giờ cụ cúi đầu vái chào rất cung kính:

- Bẩm Bà lớn ạ!

Bà lớn, chính là chủ nhân dinh cơ tráng lệ này, cụ Phó ta đợi chờ bái yết nãy giờ.



Tác người vạm vỡ, khỏe mạnh, nét mặt tròn trặn, trông vẻ hào hoa có gương phúc hậu, miệng nói cười rất có duyên, nhất là cặp mắt ngó sắc sảo, tinh anh, ai mới trông thấy, không cần phải tài năng thầy tướng, cũng biết ngay là con người thông minh, khôn khéo, lại có cái dáng trầm mặc, hiên ngang. Khác hẳn với hai bà khách trang điểm ngọc vàng vóc nhiều từ đầu đến chân, chủ nhân lúc ấy mới bốn mươi tuổi, không phải là không có nhan sắc, nhưng y phục rất nhã nhặn, như hạng đàn bà buôn bán, chứ không ưa trang sức, khoe của.

Tiến chân hai bà khách tỉnh ra tận ngoài cổng, chủ nhân mới trở vào tiếp vị khách quê:

- À, bác Phó lên chơi. Đi vào nhà trong uống nước.

Cụ Phó xách lồng chim theo gót Bà lớn vào nhà trong, đặt xuống và chấp tay nói:

- Gọi là có chút vi thiềng đem lên biếu Bà lớn.

- Bác khéo bày vẽ làm gì cho tốn tiền.

- Bẩm, chim nhà chúng tôi nuôi ạ.

Bà lớn gọi bồi đem ngay lồng chim xuống bếp, vì sợ để lâu, nó bậy lên trên những viên gạch hoa đánh bóng, có thể soi gương. Rồi quay lại hỏi bác Phó:

- Làng ta có chuyện gì lạ không? Cụ cố nhà tôi có nhắn gì không? Tôi mới gửi về biếu cụ mấy trăm đồng bạc cao nhưng, chẳng biết cụ đã bắt đầu dùng chưa? Còn bác, lên có công chuyện gì đó?

- Bẩm chúng tôi lên hầu Bà lớn vì việc ruộng.

- Ruộng ở đâu?

- Bẩm, khu ruộng ba chục mẫu Bà lớn tậu năm xưa ở giáp hạt Kim Bảng, chia ra năm bảy người lĩnh canh, nghe nói họ làm lụng không tận lực, thành ra vụ nào đông lúa cũng không đủ. Vậy để hết vụ chiêm này, Bà lớn cho một mình chúng tôi lĩnh canh, lệ luật đối với người ta ra sao thì chúng tôi cũng xin chịu như thế.

- Việc ấy, sao bác không bẩm ngay Cụ cố có tiện không? Tôi ở Hà Nội mắc lo những việc buôn bán lớn lao, giao thiệp với các quan khách tới lui tấp nập suốt ngày, không còn thời giờ nào để tâm đến chuyện ruộng đất ở nhà quê. Chuyện ấy đã có Cụ cố. Bác cứ về bẩm với Cụ. Hề



cụ cho là được. Chỗ làng xóm bà con với nhau, tôi không nề hà gì. Để tôi viết thư nói giùm bác với Cụ, cho bác lĩnh canh nhớ!...

Bà lớn bấm chuông bảo bồi đi gọi thầy thư kí riêng vào. Cụ Phó tưởng là vì việc ruộng cho cụ, nhưng lại nghe Bà lớn nói:

- À, thầy thư kí, thầy đánh máy lập tức một bức thư cho nhà hàng *Mê tô bên*, bảo họ tối mai nhà mình có tiệc 50 quan khách, mình chỉ đặt họ cho người vào nấu và bồi hầu hạ, còn các vật liệu và đồ dùng, nhà mình có đủ hết rồi, không cần gì của họ.

Thầy thư kí dạ một tiếng, vừa lui trở ra, Bà lớn gọi giật lại:

- Thầy đã gửi thiệp mời đủ hết mọi nơi chưa?

- Dạ, đã gửi hết từ ngày hôm qua.

- Cả vợ chồng quan tư Choeffet, quan năm Bonifacy, ông Thông Thu, ông Bạch Thái Bưởi, cụ đốc Trần Tấn Bình?

- Vâng.

- Thế còn một việc này nữa. Chiều nay thầy xuống Thái Hà – chỗ thầy đi khuya về sớm mãi, chắc không lạ đường – tìm anh quản ca hiêng mắt dòm trời đỏ, dặn anh ta lựa chọn 12 cô đào thật xinh, tối mai lên đây hát và múa bài bông cho các quan khách xem nhớ. Còn việc gửi mấy toa gạo vào Nghệ, thôi để ngày mai sẽ tính.

Bà lớn quay lại ông khách nhà quê:

- Đấy bác xem một tay đàn bà như tôi, mỗi ngày biết bao công việc; một người đàn ông, chưa chắc đã kham nổi. Giờ, bác xuống nhà dưới nhà nghỉ ngơi, sẵn dịp ở chơi đến tối mai, xem bữa tiệc trọng thể nhà này, cho biết cảnh phen hoa bực nhất Hà thành, kéo ở nhà quê đến chết cũng không được thấy.

Cụ Phó trở ra ngoài thêm, lấy đôi giày da lộn và chiếc ô, rồi lui thủi đi xuống nhà dưới, trong óc lại suy nghĩ thăm vụng vắn vợ:

- Ai ngờ cái Lan làng mình mà tấy đến thế; chẳng bù lúc xắn váy quai cồng, vớt bèo nấu cám cho lợn ăn, cả mấy bố con nghèo cực khổ sở, có hơn gì mình đâu chứ!

Nếu quả có cái máy đo tâm lí như bên Hoa Kỳ đã phát minh, mà



nhà này có mua một chiếc về làm cảnh chơi, thì chắc nó đã chụp được những tư tưởng thâm vụng kín đáo ở trong tâm não cụ Phó:

- Chú đã hai lần nghĩ thâm về bà chủ ta.

Thật thế, cụ đã suy thâm nghĩ vụng đến cái Lan hai lần.

Cái Lan là ai?

Chính là Bà lớn, mà cụ Phó đánh đường từ Hà Nam lên để cầu lụy về việc lĩnh canh, thừa bầm một cách cung kính, và được thấy tận mắt bao nhiêu lớp sơn vinh hoa phú quý đã che lấp mất cái dĩ vãng của con bé nhà nghèo mấy chục năm về trước.

Bà lớn là ai?

Chính là người thiếu phụ, làm chủ cái dinh cơ đồ sộ ở ngõ Hội Vũ và bao nhiêu ruộng đất, bạc tiền, nhà cửa khác nữa, má hồng nổi tiếng, tay trắng làm nên, đã có nhất thời oanh liệt vang động xứ Bắc: cô Tư Hồng.

Ngày nay, người đà lên xe thiên cổ, nhà còn tro bụi tang thương; những ai sẵn lòng hoài cảm, đi qua trước tòa lâu đài ở ngõ Hội Vũ, không khỏi ngậm ngùi chạnh nhớ đến hai câu cổ thi:

*Trước sau nào thấy bóng người,  
Hoa đào năm nọ còn cười gió đông.*

## II

### DÒNG DỐI NHÀ VUA

Có đời phi thường mới sinh ra người phi thường.

Có người phi thường mới làm được việc phi thường.

Các ngài cứ xem những câu chuyện lần lượt kể ra sau đây, sẽ nghiệm thấy hai câu của Trần Lâm mở đầu bài hịch đánh Tào là đúng.

Thiết tưởng không phải nói quá đáng: Con người đóng vai chính ở trong những trang giấy này tức là một kẻ phi thường, sinh ra đời phi thường, đã làm được việc phi thường.



Truy tầm gốc tích tổ tiên 800 năm trước, đã thấy có sự phi thường rồi.

Hồi đó, chắc là vận số nhà Lý đến lúc suy vi, thiên mạng đến lúc cần phải dời đổi, cho nên xui khiến ngôi báu không truyền cho một người Tôn thất nào lớn khôn, lại đặt vào trong tay Chiêu Hoàng, một cô bé mới có tám tuổi. Cô bé hỉ mũi chưa sạch, không chừng đêm nằm còn đái dầm mê mê, biết quái gì là ngôi vua việc nước mà người ta vội đặt lên ghế chỉ tôn và trao cho cái gánh trách nhiệm quá lớn. Nhất là bên mình không có những bậc lão thần, tận trung phò tá. Một đời phi thường.

Trần Thủ Độ, người làng Tức Mặc tỉnh Nam Định, lúc bấy giờ làm Thái sư trong triều, tức là một vị trọng thần phụ chánh của Lý Chiêu Hoàng. Vốn người cơ mưu, giáo quyết, lại đang ở địa vị trọng yếu nhất nước, oai quyền hiển hách giữa chốn miếu đường, nếu Thủ Độ muốn thừa thời cướp ngôi nhà Lý cho mình, chắc là được ngay. Nhưng có lẽ còn sợ nhân tâm bất phục hay hậu thế chê cười sao đó, Thủ Độ khôn ngoan, tính đi nước cờ cao tay hơn: bắt chước cái cố chí của Tào Tháo để ngôi nhà Hán lại cho con là Tào Phi, vừa không mất cái danh vị tôn vinh mà bản thân lại tránh được miệng tiếng thoán đoạt đối với thiên hạ hậu thế.

Song, lúc ấy hoặc giả Thủ Độ chưa có con trai, hay là có rồi, mà cậu ấm ta xấu xí ngu đần, không đủ tư cách đóng nổi vai tuồng mình sẽ đặt cho. Không con thì cháu, cũng là lọt sàng xuống nia, có mất mát đi đâu mà sợ. Sẵn có cậu cháu Trần Cảnh, mới chín mười tuổi, tính nết lạnh lẽ, khôn khéo, lại được cái bộ mặt khôi ngô, Thủ Độ lợi dụng oai quyền của mình, tiến dẫn ngay cậu cháu Cảnh vào ở trong cung cấm, phục dịch chung quanh ngài ngự; tiếng phổ thông ta gọi là *thằng nhỏ hầu cận*, nhưng vua chúa đặt cho cái tên sang trọng là nội thị.

Nước ta thuở ấy, hẳn chưa có lệ bắt buộc mấy chú đàn ông con trai vào hầu nội cung tất phải là hoạn quan, cho nên Thủ Độ mới đem cậu cháu Trần Cảnh nguyên lành vào ở bên Chiêu Hoàng được như thế. Hay người ta nghĩ hai đảng còn là tí nhau cả, chưa có gì phải lo.

Trần Cảnh tinh ranh, khéo hầu hạ vừa lòng nhà vua ra sao không biết; một sáng kia, theo như lệ thường, cậu bung thau nước dâng lên ngài ngự rửa mặt, lần này Chiêu Hoàng lại nô đùa trẻ con – vì còn đang



tuổi bé bỏng chơi nghịch, mặc dầu làm vua – lấy tay múc nước, tạt vào mình cậu.

Trò chơi vô tình của Chiêu Hoàng trúng ngay vào chỗ đợi chờ hữu ý của Thủ Độ.

Chỉ có thế thôi, mà Thủ Độ được dịp trình trọng tuyên bố giữa triều đình rằng hoàng thượng đã kén chồng, và cái cử chỉ tạt nước tức là có ý giao cả nước non lại cho Trần Cảnh.

Thế là ngôi vua trải qua một cuộc đổi triều, thay họ rất êm thấm, dễ dàng, nhờ một đám cưới.

Từ đó cận thị Trần Cảnh trở nên Thái tôn hoàng đế, vua sáng tạo nhà Trần.

Đoạn lịch sử dị thường và thú vị ấy hẳn các ngài đều nhớ.

Tự nhiên Thủ Độ có công gây dựng đế nghiệp, trong lúc vua cháu còn nhỏ, quốc gia quyền bính, thao túng trong tay. Sau, Thủ Độ già yếu về hưu, nhà vua ghi nhớ công ơn to tát ấy, phong cho ông làng ở gần bên Tức Mặc quý hương để làm thực ấp.

Tương truyền làng này là nơi văn vật tối cổ, nhà địa lí nói có nhiều kiểu đất tuyệt đẹp. Thủ Độ về dựng hưu đình ở trên một khu vỹ rộng rãi, ngó ra trước mặt có những hình đất giống như vồng lọng, cò quạt, voi ngựa trống chiêng, như nghi vệ thiên nhiên của một vị tể tướng vậy.

Thực ấp ngày xưa của Thủ Độ chính là làng Thành Thị thuộc về tỉnh Hà Nam ngày nay. Tại đây, hiện còn dấu tích và lăng mộ Thủ Độ; con cháu trải mấy chục đời sinh tụ, biệt lập một chi họ Trần.

Đến lúc cha con Hồ Quý Ly đoạt ngôi nhà Trần con cháu ở làng Tức Mặc sợ họa, nhiều người chạy sang thực ấp Thủ Độ nương náu rồi cũng sinh cơ lập nghiệp luôn ở đó, truyền đời hết đời nọ sang đời kia. Thành ra làng Thành Thị ở Hà Nam bây giờ tuy có hai chi họ Trần, nhưng kì thật là cùng một gốc ở làng Tức Mặc bên Nam Định.

Cô Tư Hồng – nhiều người gọi là bà Án Hồng – chính danh Trần Thị Lan, người làng Thành Thị, tỉnh Hà Nam, dòng dõi của chi họ Trần ở Tức Mặc, cô là dòng dõi vua chúa nhà Trần nước ta vậy.

Đứng về gia tộc mà nói, từ Thủ Độ đến cô, ra cô cũng là một người



phi thường, gặp đời phi thường, làm việc phi thường nữa; cố nhiên, mỗi người có một phương diện khác nhau.

### III

## CON VOI CÁI

Tôi đồ ai muốn kiếm tìm nguyên lai phát đạt của một gia tộc, một nhân vật nào trong xã hội ta, mà trước không thấy đất.

Đời có thiếu gì khách tài hoa. Nhưng không phải cứ tài hoa đều được thanh nhàn, phú quý. Chẳng thấy những hạng như Manon hay Dupleissis, kẻ thì chết vì nghèo khổ, người thì chết vì ho lao. Cô Tư Hồng *“tay trắng làm nên cơ nghiệp lớn, má hồng trang điểm phấn son vua”* hình như có một số phận đặc biệt. Nhất là nhà cô, luôn bao nhiêu đời tổ phụ nghèo khó, bỗng phát ra một người đàn bà *“có tàn, có tán, có hương án thờ vua, được sắc phong cho cụ”*, nếu quả nhờ hòn đất, thì hòn đất ấy cũng kì.

Chắc độc giả không ngại gì câu chuyện dông dài.

Vùng Thành Thị còn có ông già, bà cả nhớ chuyện hơn trăm năm nay, ông tổ tứ đại của cô Tư Hồng làm chánh tổng, có tiếng hiền lành, phúc đức được dân cả vùng mến yêu, gọi là cụ tổng Bụt.

Lúc đó về đời Lê mạt, hai triều Tây, Nguyễn đang tranh nhau thiên hạ nhuộm máu giang sơn suốt cả nam bắc.

Sau khi thôn phục được cả Gia Định, Phú Xuân rồi, đức Cao Hoàng đem quân ra bình định Bắc Hà, nơi còn có dư đảng Tây Sơn nhiều nhưng cát cứ.

Tương truyền một hôm về chiều, long thuyền ngự đến khúc sông làng Thành Thị thì nghẽn mất lối đi. Tình thế của đức Cao Hoàng lúc ấy rất nguy, bởi tứ phía hình như đều có quân Tây Sơn truy tung khẩn cấp, thành ra xa giá không dám đổ bộ, chỉ còn một nước làm sao thông ra sông cái mới thoát được.

Ông tổng Bụt lập tức chiêu tập những dân phu đình tráng trong



tổng được hơn ba ngàn người, ai nấy đều dự bị cuộc xẻng, tức tốc đào một con sông nhỏ. Nhờ lúc bình tổ được lòng dân kính phục, thành ra khi hữu sự, ai cũng tận lực. Chỉ có một đêm, mấy ngàn cánh tay lực điền ấy đào xong một con sông nhỏ từ làng Thành Thị qua ba làng nữa thông ra đến sông Bồ Đề. Giữa canh năm, cả đạo ngự thuyền và quan quân hộ giá đã có lối chảy ra sông Vị Hoàng.

Đến lúc Cao Hoàng định xong việc Bắc Hà, trở về Phú Xuân, thì ông tổng Bụt đã qua đời rồi. Ngài không quên cái công lao đào sông cứu giá, truy phong tước *Triều nghiêm bá* cho ông.

Tuy ông làm chánh tổng 35 năm và có danh vọng như thế, nhưng cảnh nhà rất là thanh bạch; có thể nói là nghèo đói, còn ít nhiều chữ nghĩa, giờ cảnh nhà ông bắt buộc phải xếp lại để đi tìm ăn nuôi mẹ.

Sẵn có viên chánh tổng mới ở làng Ngô Xá đang cần dùng một anh nho thay mình lo liệu giấy tờ việc quan, cậu con ông tổng Bụt sang xin làm chức ấy. Con chánh tổng cũ trở nên bác nho, tức là thủ hạ của chánh tổng mới.

Mặc dầu mưa nắng đường xa, ngày nào bác nho cũng sáng đi tối về, cho được phụng sự mẹ già, không hề sơ sót. Chánh tổng Ngô Xá trông thấy thế, sinh lòng cảm động, ngoài ra sự tư giúp càng ngày càng tin cậy mến yêu, coi như một người thủ hạ thân tín.

Nhà viên chánh tổng này vốn giàu có nhất vùng. Lại có tính hay cầu phúc hiếu danh, tin sự mờ mả, cho nên thường nuôi thầy địa lí Tàu cao tay ở trong nhà hàng tháng hàng năm, không ngại tốn kém. Mỗi ngày thầy địa lí Tàu tha hồ chè chén no say, chỉ có việc xách túi la kính địa bàn đi tróc long tầm hổ, rồi lại cất ngôi mộ này, để ngôi mộ kia cho nhà cụ tổng.

Khi có thầy Tàu đến ở, làm việc đất đai mờ mả nhà mình như thế, chánh tổng Ngô Xá đều phú thác cho tên thủ hạ thân tín là bác nho, giao tiếp thù tạc và hướng dẫn đường lối.

Người quanh vùng ấy, ngày nào cũng thấy hai người, một khách một ta, theo nhau như hình với bóng, lững thững đi hết gò này sang bãi kia, nay lần mò ở làng này mai lặn lội vào xóm khác.

Cặp kẻ với nhau lâu ngày, tự nhiên quen hơi bén tiếng. Bước đường



khập khểnh buồn tình, thế nào cho khỏi thốt ra một hai câu chuyện tâm sự. Chú khách rõ biết anh chàng đồng hành với mình, vốn là con nhà gia thế, nhưng giờ sa sút khó khăn, một nách mẹ già, hai bàn tay trắng, tình cảnh rất là khốn đốn. Bác nho ta than thân buồn phận thì có, nhưng chắc trong chí không có cái mộng tưởng thay đổi mồ mã đất đai. Muốn được đất trước hết phải có tiền. Bác tự biết thân kiết xác như vờ, lấy gì mà mua đất!

Một hôm về mùa hè, giữa lúc chính ngọ, ngọn lửa của mặt trời rọi xuống như thiêu như nấu, hai người phải vào ngồi nghỉ mát trước thêm một tòa cổ miếu thờ bà chúa Liễu ở bên cạnh đường. Trong khi bác nho ngồi trầm ngâm suy nghĩ đầu đầu, thầy địa lí Tào cũng lẳng lẳng ngó nhìn ra phía trước giây lâu, rồi lại ngấm nghĩa tướng mạo bác nho một cách chăm chú. Bác chỉ thấy tay ông cầm quạt phành phạch, miệng nói những tiếng lú lo lú lờng gì mà bác nghe không hiểu. Một lát, ông tươi cười vỗ vai bác và nói với bác bằng tiếng An Nam rõ ràng, không chút ngượng nghịu, đủ tỏ ra ông đã lấy nghề địa lí ăn cơm *Ổ nằm*, khoét hồ bao *Ổ nằm*, không phải là ít:

- Tôi trông diện mạo anh cũng có phúc tướng lắm đấy, không lẽ nghèo khổ mãi; chỉ vì còn thiếu âm chất đó thôi. Bởi vậy tôi đã lưu tâm tìm kiếm, để dành cho anh một kiểu đất rất hay...

Như được nghe chiếu chỉ thiên tử, mặt bác bỗng dung đổi sắc, nét mừng nổi bật lên.

Thầy địa lí Tào bảo bác đưa mắt đi theo ngón tay ông chỉ trở ra đám bãi tha ma ở trước mặt và nói:

- Kìa! Chính là kiểu đất tôi để phần cho nhà anh đó. Nhưng tất phải đến đời cháu chắt của anh thì mới thấy đất ấy phát. Tính ra cũng phải một trăm năm sau. Thế, anh có ưng ý không?

- Thừa cụ, trời cho con cháu được hiển dương phát phúc thì ông bà cũng được thơm lây. Ai sống ở đời chẳng muốn lo xa cho con cháu hơn là bản thân.

Bác nho cảm động quá chỉ nói được mấy câu như thế rồi sụp xuống đất lạy ông thầy địa lí hai lạy gọi là tạ trước cái thâm ân cho đất. Nhưng rồi chợt nhớ đến cảnh nghèo mà ngao ngán, bác vừa nói vừa sụt sùi khóc lóc.



- Khốn nhưng cảnh nhà tôi nghèo khổ quá biết làm thế nào?

Thầy địa lí ôn tồn an ủi:

- Tôi há không biết cảnh nhà anh nghèo ra thế nào? Nhưng anh đừng lo, để mặc tôi toan liệu cách sao cho ông cụ nhà anh được có mồ yên mả đẹp thì thôi mà.

Tối hôm ấy, thầy Tàu ngồi đánh chén với cụ chánh Ngô Xá. Trước bầu rượu, đĩa nem, không ai biết thầy đã khéo điều đình tán tỉnh ra sao, mà lúc bôi bàn còn đang lang tạ, cụ chánh gọi bác nho kiết lên, nói một cách trịnh trọng:

- Ta cho phép anh ngày mai đem di hài ông cụ nhà anh tới cải táng ở miếng đất non Ngô mà ông thầy địa lí đây đã có hảo tâm làm phúc cho anh. Công việc di táng ấy phí tổn bao nhiêu ta sẽ chu cấp cho anh đủ hết, miễn được êm đẹp là quý; không cần gì phải cỗ lớn ma to mới là có hiếu, nghe chưa?

Thế là, một mặt nhờ thầy Tàu cho đất, một mặt chánh tổng Ngô Xá giúp tiền, bộ xương khô của ông tổng Bụt qua ngày hôm sau được cải táng ở kiểu đất mới một cách chu đáo.

Cả đất ấy, mộ ấy, ngày nay vẫn còn di tích y nhiên.

Nó là một bãi rộng chừng bốn năm mẫu, cao hơn bình địa xấp xỉ một thước ta, hình tượng trông rõ ra con voi đưa vòi vờ lấy đám cỏ ở trước mặt. Thầy địa lí Tàu điểm huyết cho mộ ông tổng Bụt táng ngay vào giữa ức con voi ấy.

Người ta thuật lại rằng giữa hồi bấy giờ, ở trên đám cỏ nằm trước mặt voi, đã có ngôi tổ mộ của nhà Bộ Định táng ở đó, con cháu đang phát giàu có thịnh vượng nhất nhì trong vùng. Nhưng quái thay! Từ khi có bộ xương ông tổng Bụt đem về kí tại ức voi, thì con cháu nhà kia bỗng hóa suy vì, sa sút, đến nỗi họ tức mình phải dời tổ mộ đi nơi khác.

Tuy vậy, nhà họ Trần cũng chưa thấy phát gì truyền nhau ba đời, vẫn nghèo xơ, nghèo xác. Họ trông mong mãi, chẳng thấy sinh được một chú đàn ông nào tài năng, có máu mặt, hầu được ứng nghiệm với kiểu đất.

Thì ra ông thầy Tàu tiên đoán một trăm năm sau kiểu đất con voi ấy mới phát.



Mà chắc con voi này là con voi cái, cho nên về sau mới phát ra một thị met có đủ cả “tàn, tán, hương án, bàn đọc, tủ sắt, nhà lầu”!

## IV

### GIẶC CỜ ĐEN VÀ TRẦN THỊ LAN

Một thầy tử vi ở miền Nam, ngày nay đã già nói chuyện với tôi rằng bốn chục năm trước ông đã có xem số tử vi của Trần Thị Lan, còn nhớ rõ nàng sinh ra giờ ngọ, mùng 7 tháng 2 năm Kỷ Tị, dương lịch 1869. Giữa lúc ấy xứ Bắc đang bị giặc Cờ đen, Cờ vàng quấy nhiễu và bắt đầu đa sự.

Thân phụ nàng – nhờ hơi con mà trở nên Cự cổ với hàm Hàn lâm thị độc sau này – lúc đó đang làm một bác phó lí kiết cấu trong làng, mới ngoài ba mươi tuổi. Tuy vậy trước nhà cũng có vườn cảnh; trong vườn cảnh có một vài chậu lan. Ấy là cái một đương thời của những nhà khoa hoạn nho y và mấy nhà hào lí đàn anh chốn hương thôn, thường khi cốt thóc trong bụng không dính một hạt, nhưng thế nào ngoài sân cũng có chiếc bể cạn với hòn non bộ mọc rêu.

Chính ngày hôm cô ả vừa cất tiếng oe oe chào đời phi thường, hai chậu lan bạch ngọc trở được mấy giò hoa, ông Phó lí đặt ngay tên nàng là Lan, gọi thế là để kỉ niệm mùi hương vương giả.

Đời nàng được nếm những mùi đắng cay lưu lạc ngay từ lúc còn bé bỏng trở đi.

Hồi mới ba tuổi đã mồ côi mẹ. Bà này chỉ sinh hạ hai con gái: một chị đầu lòng, tới nàng là thứ hai. Cả hai đang còn thơ bé cần có hơi mẹ, thì bà trút gánh lại cho anh chồng nghèo để đi tìm cực lạc thế giới. Bác Phó đóng vai gà sống nuôi con được ít lâu, tình thế buộc phải tỵ huyên. Cái cảnh “bánh đúc không xương” ở xã hội ta chẳng phải nói thì ai đoán ra cũng biết. Còn may đôi chút, người vợ kế là cháu gọi bằng cô của đời vợ trước; sợi dây huyết thống ấy tuy mỏng manh, nhưng nó cũng không nỡ đánh chặt thông lọng vào cổ hai con bé mồ côi mẹ kia, thành ra chúng nó cũng bớt khổ nhiều ít.



Song, đến cảnh khổ vật chất thì bao trùm cả chúng nó lẫn cha ruột, dì ghẻ. Trước khi mãn lệ, bác Phó đành phải từ dịch. Bởi việc dân, việc làng chiếm mất nhiều thời giờ nên bác cần phải làm mướn làm thuê để nuôi con thơ, vợ dại. Một gia đình như thế, có vài ba sào ruộng thì ăn muối cũng không đủ. Lại thêm mấy năm mất mùa thông luôn; suốt cả vùng Nam giặc cướp như ong, đói khát đầy nội. Bác Phó cự ta liệu bề quyền luyến gia hương mãi thì phải chết đói; ở nhà chịu chết, thà đánh liều đi cầu sống tha phương còn hơn.

Thế là vợ chồng con cái phải dắt díu nhau bỏ làng ra đi.

Trên con đường gồ ghề, khắp khênh, từ Nam sang Đông, một anh đàn ông lực lưỡng, quần áo tả tơi, đầu đội nón rách, gánh đôi quang gánh hăng hái đi trước, trong mỗi chiếc thúng có một đứa bé con ngồi chễm chệ, lơ lảo; còn chị đàn bà hai vai đeo khăn gói tay nải, lếch thếch đi sau. Đó là cả gia đình giang sơn của bác Phó cự lang Thành Thị đưa nhau sang tỉnh Đông để tìm sinh kế.

Lúc ấy Trần Thị Lan lên năm tuổi.

Thời buổi đó chưa có nhà Đoan, dân được nấu rượu tự do. Vợ chồng bác Phó cự có nghề nấu rượu rất khéo. Với nghề sở trường ấy, bác đem ra đổi lấy cơm áo ở chốn giang hồ.

Nhưng trời còn bắt phong trần phải phong trần, khiến gia đình bác Phó tới đâu cũng không thể lạc nghiệp an cư, cơm no áo ấm, mặc dầu rượu bác nấu ngon! Thành ra đến vùng này chỉ ở được ít lâu, lại phải dắt vợ gánh con kịu kịt hai vai, tìm đi xứ khác. Bước lưu lạc bê tha nay đông mai bắc, có khi vào mãi trong Thanh, trong Nghệ, tha phương cầu thực luôn một hơi đến hai mươi hai năm trường, mà con ma nghèo đói vẫn theo riết bên mình không buông.

Hình như thuở nhỏ bác có được học nhiều ít; có người nói lúc bác 21 tuổi đã thi đỗ khóa sinh, rồi sau vì cha mẹ mất sớm, nhà nghèo, không được học thêm nữa. Bấy giờ phong trần lưu lạc, đến nỗi xúc cảm mạnh quá, bác mở cái túi cón con đựng được một mớ chữ nghĩa góp nhặt hồi trước, chấp chênh nên thơ, gọi là tiêu sầu khiển hứng. Người ta nhận ra mỗi khi trong rá hết gạo, hay là lúc nỗi buồn chan chứa tâm can là mỗi khi bác ngâm nga bốn câu thơ tự tác như vậy:

*“Nước chảy hoa trôi sóng rập rênh,  
Ba chìm bảy nổi, chín lênh đênh.*



*Lòng giời có biết thương hoa nữa,  
Cứu vớt cho hoa lại bén cành”.*

Trần Thị Lan lần lần trưởng thành giữa cái cảnh huống cha khó, nhà nghèo, gia đình lưu lạc ấy.

Từ lúc 15 đến 18 tuổi, nàng trở nên người phụ tá lớn khôn trong nhà, vì người chị đã bị giặc Khánh bắt đem đi đâu mất tích. Trong khi cha mẹ đi bán rượu, nàng ở nhà phải xách nước, thổi cơm, hái rau, kiếm củi, vớt bèo, nấu cơm cho lợn ăn, suốt ngày vất vả.

Thật thế, giặc Cờ đen lúc ấy ngang tàng những nhiều xứ Bắc ta lắm. Ngoài sự bắt buộc dân làng cung đốn lương thực và phục dịch khổ sở, chúng thấy nhà nào có vợ đẹp, con xinh cứ tự do dâm hãm, bắt hiếp, hay là đem đi bán cho tụi buôn người mua về bên Tàu. Thì nhà bác Phó đã mất đứa con gái lớn vì giặc Khách. Còn Thị Lan, bác sợ để thò mặt ra cho lũ giặc kia trông thấy, đồ khỏi chúng không bắt đi mất.

Thành ra bác phải giấu nàng rất kín ở trong một gian phòng, nằm trên cát thóc. Nào phải là tiểu thư đài các cầm cung, nhưng tình thế bắt buộc, Thị Lan phải làm thân tù giam lỏng trong nhà hơn một năm giờ. Về sau nàng giàu có tiếng tăm, chú khách Mạch Văn Điền xem sổ tử vi, có câu quyết đoán:

- Hồi bà 18, 19 tuổi, nhà có sự gì lo sợ nguy hiểm mà thân bà phải bị giam hãm một nơi, thế là thân bà mới toàn, nhà bà có phúc lắm. Nếu không thì đã bị trầm hà lạc thủy từ năm ấy rồi, đâu còn đến ngày nay.

Thì ra vận số con người về sau được thoa phấn trắng, lĩnh sắc vàng, mấy chú Cờ đen không làm quái gì được.

## V

### CÔ HÀNG RƯỢU

Hai huyện Kim Sơn, Tiền Hải do tay một nhà nho kinh tế là cụ Nguyễn Công Trứ đã khai thác dưới triều Minh Mạng, như đá nam châm, đã hút bao nhiêu gia đình ở những miền dân cư đông đặc kéo nhau cả bầu đoàn thể từ đến đất mới ấy để sinh cơ lập nghiệp.



Cuộc di dân tự động ấy, lần hồi nhưng liên tiếp, bồi đắp cho hai huyện mới lập không đầy ba bốn chục năm đã trở nên một địa phương phồn thịnh, số người càng ngày càng đông đảo, ruộng mở càng ngày càng nhiều thêm.

Đến sau quốc gia đa sự, khắp xứ loạn li đói kém, người ở giữa chỗ chiến trường cơ cấn, còn đâu dung thân cho họ tốt hơn là Kim Sơn, Tiền Hải; một là có mưu sống yên thân, hai là xa tránh được cái họa Cờ đen và bọn thổ phi, cường hào thừa cơ quấy nhiễu.

Trong đám lưu dân lúc ấy, gia đình bác Phó cự Thành Thị là một.

Sau mười mấy năm kiếm chác đủ nghề, lưu lạc nhiều xứ, mà nghèo khổ vẫn hoàn nghèo khổ, bác Phó nghe người ta mách bảo, dắt vợ gánh con đến ở Kim Sơn.

Lúc này đứa con gái lớn bị giặc bắt đi mất rồi, nhưng có Thị Lan đã khôn lớn. Bà kể thất lại cho ra đời một cái đĩ, một thằng cu nữa. Gia đình lớn bé cả thầy năm miệng ăn.

Bác Phó khéo xoay xở, thuê được vài miếng đất, dựng lên ngôi nhà cột tre lợp rạ, một gian hai chái, bên này làm buồng, bên kia nấu bếp. Đằng trước không có cổng ngõ; phía sau ba bước sân, đến chuồng lợn nho nhỏ, vài khóm chuối lơ thơ bên cạnh, thế là hết đất. Giang sơn, sự nghiệp chỉ có thể thôi. Đồ vật trong nhà chỉ có nồi, chảo, ống rơm là khí cụ nấu rượu, thêm một vài cái hũ, một đôi quang gánh là quý hóa nhất. Những món ấy đối với bác, như mấy bộ máy của nhà đại công nghệ, chứ không phải vừa. Bởi nhờ nó mà cả nhà bác sống.

Thị Lan mỗi ngày một lớn, tuy có duyên, có sắc ít nhiều, mặc dầu áo xống váy đụp, nhưng cũng bị bao nhiêu phong trần của cái nghèo nó che lấp mà làm cho tối đi. Nếu phải là con nhà giàu ăn trắng, mặc trơn, thì đã thiếu gì kẻ muốn đào cả người lẫn của. Khốn nhưng nàng là con nhà có địa vị dở dang – chẳng gì cũng là một ông phó lí cự, còn thêm dòng dõi tiền triều – lại không có lấy tác đất cắm dùi, thành ra cao không tới, thấp không thông.

Vợ chồng bác phó mong mỏi bản khoản mãi về việc nhân duyên của Thị Lan. Ước gì có ai rước nó đi cho để kiếm dăm ba chục quan tiền



làm vốn cũng phúc. Chẳng những bớt được một miệng ăn cho gia đình bác lại còn lấy được một số tiền về.

Nhưng cô ả có tính hợm đời và đồng đánh làm kiêu đáo để. Nghèo khổ mặc kệ, trong túi cũng có chiếc gương Tư mã, ngày đôi ba dạo mở ra soi hình ngấm dáng, hình như có ý tự phụ:

- Ta thế này lại đi lấy chồng quê mùa cục mịch sao?

Quả thật, có mấy đám trong làng, trong xóm mỗi manh giặm hỏi, bác Phó khắp khởi mừng thầm nhưng cô ả cứ khăng khăng từ chối.

Một đám, con một bác nông phu trong làng, bị nàng chê là bé bỏng (kém nàng tới năm tuổi) lại còn vêu răng, lấy về để đêm hôm nó khóc, mình đỡ không được, nó còn cắn mình đau chết. Một đám khác là anh khóa con một ông nhị trường, đang tập văn ở trường Huân bản huyện, nàng cũng chê “học trò dài lưng tốn vải ăn no lại nằm” không chịu.

Bác phó ta câu:

- Con gái đã lớn, bốn phận cha mẹ phải kén nơi định chỗ cho mà nhờ tấm thân. Ai mà cũng chê búng chê hôi cả, dễ thương mà định ở vậy già đời chẳng?

- Thưa thầy, con muốn lấy chồng để nhẹ bớt gánh lo cho thầy và có thể giúp đỡ cho nhà ta; nhưng...

Bác phó nói mát:

- Thế bực người thế nào thì cô mới chịu lấy cơ? Cô muốn làm thứ phi hay mạng phụ chắc?

- Chẳng gì thì hãy thông thả, nào đã vội gì. Thầy cứ để con theo đòi chị em đi buôn thúng bán mủng, để kiếm thêm đồng cà, đồng muối đỡ dần cho thầy với dì con, xin thầy đừng lo.

- Mà y tưởng thời buổi này buôn bán dễ lắm hay sao? Nhất là con gái mới chừng ấy tuổi...

- Thưa thầy, con vẫn biết không dễ đâu. Nhưng công việc nhà ta chẳng có bao lăm, bây giờ chẳng lẽ con cứ ăn không ngồi rồi mãi. Việc đời trước lạ sau quen, người ta cứ chịu khó để ý, rồi cũng buôn bán được, thầy ạ.



Dầu sao, trong gia đình bác phó, Thị Lan vẫn đứng một địa vị quan hệ. Trước, nàng đã đóng những mấy vai: con trưởng trong nhà, chị vú giữ em, đứa ở không công; giờ nàng lại sắp đóng thêm một vai nữa: cô hàng bán rượu.

Hôm sau, gà mới gáy một dạo, Thị Lan vội vàng thức dậy, sửa soạn quang gánh; mỗi bên thúng để một hũ rượu, đút nút bằng lá chuối khô, chung quanh chèn rơm cho chắc, phễu thiếc, giuộc tre thì treo lủng lẳng trên đầu giống. Hàng hóa nàng sắp đi chợ bán chỉ có thế. Lần này, nàng mới xuất thân đi bán rượu là lần thứ nhất. Bác phó thương con, cũng thức dậy xem lại gong gánh tử tế, rồi nói một cách nửa đùa nửa bỡn, nửa âu yếm:

- Tôi chúc cô đi buôn may bán đắt nhá!

Bà dì nghe tiếng tỉnh giấc, nói giọng the thé:

- Trong chạn còn bát cơm nguội với ít tép rang lấy mà ăn rồi hãy đi, con ạ.

Tưởng là việc gì chứ việc ấy thì Lan nhớ từ lúc nãy kia rồi. Lại còn nhờ thôi một nồi cơm, nắm một nắm tương, gói vào mo nang đem theo nữa.

Chưa tờ mờ đất, Lan đã cất gánh khởi hành nhập bọn với năm sáu chị em quen biết trong xóm, cùng nhau đi chợ, chỉ độ ba bốn cây số, nào có phải xa; nhưng ai còn lạ gì thửa xưa đường sá nhà quê còn quá hẹp hòi, khuất khúc, phần nhiều đường đi chỉ là bờ ruộng. Lại gặp tiết trời vào hồi một chập, gió rét mưa dầm, các cô thiếu nữ gánh nặng đường trơn, hết sức vất vả. Mỗi bước chân, phải bầm ghì năm đầu ngón xuống đất thật chặt, sợ ngã thì đổ vỡ hết cả sự nghiệp giang sơn. Thành ra đường gần hóa xa, trời sáng rõ một lúc, các cô mới dần xác đến chợ.

Các ngải chóe tưởng tượng chợ búa thôn quê hồi cuối thế kỉ 19, cũng chinh đồn sạch sẽ được như bây giờ. Chợ búa thuở ấy chỉ là nơi tụ họp tự nhiên của những người cần dùng mua bán, hoặc trên miếng ruộng, hoặc trước sân đình mà không có ai ước thúc, cũng chẳng ai sắp đặt trông nom. Quán lều chẳng thành hàng ngũ và cái nào cái nấy lụp xụp, dơ dáy, chỉ một cơn gió to đủ bay hết cả chợ. Vì nó là một tấm phen đặt trên bốn cái cọc bằng nứa bé nhỏ, phần nhiều đến ngày phiên chợ



người ta mới dựng lên, gập đầu cắm đó, rồi tan chợ lại dỡ đi. Những người không có lều quán thì ngồi lộ thiên. Phiên chợ nào cũng thấy bùn lầy ướt át, trừ ra mùa thật nắng ráo. Ngay đến sở tại phủ huyện, ví dụ như Kim Sơn, tình cảnh chợ búa cũng lòi thối như thế, họa chăng có khác là khu vực họp rộng và người mua kẻ bán có phần đông hơn.

Nhưng có một mối tệ chung cả, là chợ nào cũng có bọn hủi quấy nhiễu. Đời ấy, hủi chưa bị nhốt riêng một nơi, còn được tự do thông hành khắp cả thành thị hương thôn. Đời ấy, chợ chưa có thuế quan, nhưng phải có thuế hủi. Người ta mới dọn hàng quán xong hay là vừa đặt quang gánh xuống đất, khách mua chưa thấy đâu, đã thấy một tên hủi lù lù tiến đến, đưa cái bàn tay năm ngón quặp vào, ghê lở nhầy nhựa, miệng tuy nói là xin tiền, nhưng kì thực là nó đánh thuế. Cái bàn tay ghê lở ấy là khí giới đe dọa dữ tợn. Người bán hàng biết điều, mau mau thí bỏ một vài đồng kẽm, như cách tống ôn, để nó xéo đi nơi khác. Không thế thì nó cứ đứng ngoẹo đầu, ngửa tay mà nói lai nhai mãi, hoặc không kiên nhẫn, thò tay rờ rẫm vào hàng hóa của mình, thử hỏi khách nào trông thấy mà còn dám mua?

Có đứa ghê chốc qua loa, dám cào sát thân thể cho ghê chốc nhiều và bôi dơ trát bẩn, càng lấm ruồi nhặng đậu vào chừng nào càng tốt. Làm thế để thêm phần hôi tanh bẩn thỉu mà dọa người ta. Nào phải có ít, cả chợ đến năm mười đứa không chừng, vừa hủi thật, vừa hủi giả. Người bán hàng thường phải bố thí khắp lượt mới được yên thân. Có người không cho, chúng dám nói hỗn, đến nước kéo bè quấy nhiễu tan hoang cả chợ. Theo lời các bậc phụ lão, thì “hủi phá chợ” là một tấn hoạt kịch thường diễn ra luôn.

Thị Lan, buổi đầu làm cô hàng bán rượu ở chợ Kim Sơn, gặp ngay một sự bức tức vì hủi.

Nàng mới đến chợ, đặt quang gánh xuống, ngồi né mình dựa sau lều gianh một hàng xén cho đỡ gió, rồi mở gói trầu cau ra lấy một miếng ăn để bồi lại sức nóng trong mình, chống với giá rét. Trong óc đang vẫn vơ lo ngại chiều trời thế này, chẳng biết buổi chợ có bán chắc gì được không; nhất là buổi chợ ban đầu của mình cần phải lấy may. Chưa nhai dập bã trầu, đã thấy cái bàn tay cụt ghê lở hôi tanh của một mụ hủi, đang như giúi vào gần sát mặt nàng để thúc thuế:



- Làm phúc làm đức, cô!

Tởm quá, nàng tránh mặt sang một bên và nói một cách gắt gỏng:

- Cái bác này mới hay chứ, bàn tay hôi tanh bỏ mẹ thế mà xia xói vào tận mũi người ta. Muốn xin thì để chốc nữa, cho người ta bán mở hàng đã, bây giờ nửa đồng kẽm cũng không có. Thôi đi đi, gớm chết!

Mắt chọi mắt, răng chọi răng, con mẹ hủi không chịu nhịn:

- Chưa cho thì thôi, làm gì mà quai cái mỏ ra, sỉ mắng ai đấy?

- Sỉ mắng bác không biết điều chứ còn sỉ mắng ai!

- Ủ, có giỏi sỉ mắng nữa đi xem, đây cho biết tay. Con hé mới nứt mắt ra đã lên mặt gớm chưa kia...

Lũ hủi kia ăn chợ búa ngày xưa, ý mình không ai dám động đến – vì động đến thì chúng nằm ăn vạ hay tìm cách phá thói – cho nên hay có những ngôn ngữ hỗn láo với người ta như thế.

Tấn kịch này giờ có một người chứng kiến rồi can thiệp.

Người ấy, trạc ngoài bốn mươi tuổi, đội nón lông quai lụa bạch, mặc áo bông nhiều tam giang, móng tay để dài, sau lưng lại có một tên gia đình theo hầu, ngó ra phết một bức trường giả hay thầy đề, thầy thông gì đó. Câu chuyện cãi vả xảy ra ở giữa cô hàng rượu và con mẹ hủi ra sao, người ấy vừa đi đến nơi, đứng chằm chỉ nghe rõ, thấy hết đầu đuôi. Có lẽ phải nói chằm chỉ nhìn vào mặt Thị Lan thì đúng hơn. Tới khi con mẹ hủi nói câu hỗn láo sau chót, khiến cho Thị Lan nóng tiết, vừa sùng sộ đứng dậy, chưa kịp trả lời, thì ông trưởng giả kia cất tiếng khuyên can:

- Thôi, cô ơi! Đừng thềm cãi nhau với thứ người phế khí ấy làm gì cho uổng nhời.

Rồi trừng mắt lên, chỉ tay vào người hủi ra nói cách oai nghiêm, đồng dặc:

- Con mẹ kia xéo đi lập tức, nghe không?

Như đã nhận biết là ai, mụ mày có vẻ sợ hãi, nói một câu rất lễ phép, phục tòng, rồi lủi thủi đi mất:

- Bẩm cụ, con không dám ạ.



Hai thầy trò vị trưởng giả cũng bỏ đi ngay.

Thị Lan tươi cười hí hửng với mấy chị em ngồi cạnh mình:

- Ông nào tử tế đấy nhỉ?

Một cô trong bọn nói:

- Chị không biết à? Ấy là cụ Bá tổng ta, hôm qua xuống làng dưới ăn mừng đám lên lão, rồi chắc cụ ở lại nghe hát nhà tơ cả đêm, bây giờ về sớm đấy.

## VI

### TÚY ÔNG CHI Ý BẮT TẠI TỬU

Trời vẫn còn mưa lâm râm, cảnh vẫn u ám, chưa thấy có vẻ gì tạnh ráo hừng nắng lên được. Những bước chân, nghe tiếng lép nháp, càng như cày bùn lên bản thiu lầy lội thêm. Tuy vậy, số người đi chợ cũng đông. Các bà nhiều, thím lí mua sắm đồ ăn thức dùng rồi, phần nhiều không quên tìm đến mấy gánh bán rượu để mua năm ba tiền một quan về cho bố dĩ nó ở nhà. Nhưng họ tìm mua ở mấy gánh rượu quen biết xưa nay; không ai để ý tới một cô hàng rượu mới nhập tịch mà có lẽ rượu còn ngon hơn không chừng.

Thành ra Thị Lan chỉ ngồi suông; cặp mắt đầy vẻ lo nghĩ, lúc thì trông lên thấy thiên hạ qua lại mua bán tấp nập, lúc thì trông xuống để phòng bị kẻ cắp và thấy hai hũ rượu của mình vẫn còn đầy nguyên. Một quán bán thịt chó cách chỗ nàng ngồi mấy bước, vài cụ lí già với một cậu nho trong huyện đang ngồi khề khà đánh chén và bàn bạc về lá đơn sắp sửa vào hầu quan buổi chiều. Trong lúc gật gù chén chú chén anh, họ đảo nhãn trông thấy con bé bán rượu có dáng hay hay bèn gọi mua nếm vài nậm để họ đưa cay cho hết đĩa dồi chó. Ấy, từ sáng sớm đến giờ, nàng mới bán được có thể thôi, trong khi các gánh rượu kia đã sắp lật đật hũ chông lên quẩy gánh ra về.

Nàng lo quá, không khéo đến phải nguyên gánh trở về, làm sao có tiền để đóng gạo và mua mớ rau, mớ tép đem về, theo lời ông bố căn



dặn lúc ra đi. Nhất là buổi đầu buôn bán chẳng may, nàng nghe như tinh thần không được khoan khoái.

Bỗng, tên gia đình theo hầu vị trưởng giả ban nãy mà nàng còn phảng phất nhớ mặt, đội nón lá, khoác áo tơ, như có vẻ tất tả vội vàng đến trước mặt nàng, vừa thở vừa nói:

- Cụ... cụ Bá bảo... bảo tôi ra chợ gọi cô gánh rượu vào trong nhà mà bán. Tôi sợ cô về đâu mất rồi, tôi chạy bán sống bán chết.

- Nhà cụ Bá ở tận đâu kia, bác?

- Ở ngay trong làng này. Đứng đây trông thấy cổng gạch ở đầu làng kia kia.

- Thế bác dẫn đường giùm tôi nhé.

Nói xong, nàng đứng phắt dậy, đặt gánh lên vai, đi theo tên người nhà ấy. Chưa biết vào đây sẽ bán được bao nhiêu, nhưng nàng nghĩ ngồi sông ngoài chợ vô ích, chẳng thà gánh vào trong làng bán rong may ra được nhẹ bớt gánh mà về sớm cũng tốt.

Nàng đi ra khỏi chợ rồi, không được nghe thấy mấy chị em bạn trong chợ ngồi nói chuyện gẫu và cười khúc khích với nhau:

- Tôi đồ chị biết đấy, chị Cong.

- Biết cái gì? Ồ, cái Tý sao hôm nay hí hửng tề; mày ngồi phải cộc rồi đấy, phải không?

- Cụ Bá gọi cái Lan đem rượu vào tận trong nhà bán chẳng phải là sự vô tâm đâu. Ban nãy tôi thấy lão ta đứng mà mắt nhìn vào mặt cái Lan tròn trọc không chớp. Giờ lại sai chú trương tuần ra gọi. *Lại đây xem lại cho gần, phỏng tin được một vài phần hay không?* Ý hẳn thế đấy, chị ạ.

- Gớm! Cô lại Kiều lấy nữa. Rõ thấy người ta gọi cái Lan chứ không gọi mình, thì lòng ngay lên.

- Thôi, chị ơi! Em chả có phúc làm vợ bé Chánh tổng đâu.

Hai cô cùng cười và trông theo Thị Lan thì nàng đi khuất đã xa rồi.

Phải, người trưởng giả đã can thiệp vào việc con mẹ hủi nói hỗn với cô hàng rượu và bây giờ gọi cô vào tận nhà để mua rượu, chính là



ông Chánh tổng bá hộ ở tổng sở tại Kim Sơn. Ông hóa vợ vài ba năm nay, con cái đã phương trưởng, nhà giàu có nhất nhì trong vùng, nhưng được cái tính khí hiền lành, khiêm tốn, nguyên là nhà nho mấy khoa đặng phải vỏ chuối rồi phá ngang, thành ra không có cử chỉ hồng hách như các bác cường hào chính hiệu.

Thị Lan theo chú trương tuần dẫn vào tới trước cửa nhà ngang; ông chánh đang ngồi trên góc bộ ngựa giải chiếu cặp đỏ, điều tráp để bên cạnh; một tên người nhà vừa bung mâm cơm lên đặt vào chính giữa. Thấy cô hàng rượu vừa đặt gánh xuống, ông vui vẻ hỏi ngay:

- Nào, rượu của nhà cô nấu có ngon không? Cam đoan nguyên chất chưa pha tí nào đấy chứ?

Ý chừng ông thầm nghĩ câu hỏi “nguyên chất” của mình có ý vị hóm hỉnh, ranh mãnh và lấy làm thích chí cho nên thấy ông vuốt mấy sợi râu mép rồi nghiêng cặp mắt cá ngỗng vừa nhìn cô hàng rượu vừa cười một cách có hơi khả ố.

Nàng quê mùa chất phác, vừa mới nhón lên đầu đã hiểu nổi những tiếng ngân ở ngoài sợi dây đàn là gì; mặc ai bóng gió, nàng cứ thật thà có sao nói thế:

- Bẩm cụ, rượu nhà cháu bao giờ cũng nguyên chất, cụ thử xơi một chén thì biết ngay.

- Thế cô cho tôi “thử” tí xem nào!

Nàng múc rượu đổ đầy trong một chiếc nậm long ám do tên người nhà đem ra; ông chánh rót vào một chén hột mít, cong môi uống cạn một hơi rồi gật gù nói:

- À, rượu cô ngon thật.

- Đấy, cụ xem cháu có dám nói sai đâu. Các cụ ở tổng dưới, hôm nào cũng cho người nhà lên tận nhà cháu để mua.

- Tôi mua cả gánh, cô có bán không?

- Cả gánh là thế nào cơ?

- Nghĩa là rượu trong hai hũ kia còn lại bao nhiêu, tôi mua hết cho cô.



- Vâng, cháu xin để hầu cụ hết.

- Thế bao nhiêu tiền cả thầy?

- Nãy ở ngoài chợ, cháu mới bán có một ít thì cụ sai gọi; đây còn đến tám quan sáu tiền, bẩm cụ lấy hết cho nhà cháu hay thế nào?

- Phải, đến mấy chùng ấy nữa cũng được.

Tức khắc ông bảo người nhà đếm đủ tám quan sáu tiền trả cho nàng rồi nói ân cần:

- Rượu ngon thế này tôi thích lắm, lại được người bán rượu là cô, thành ra lưỡng toàn cả người lẫn rượu. Từ nay, mỗi bận ở nhà bắc nồi rượu lên, cô phải nhớ đến phần tôi nhớ. À, mà nhà cô ở đâu ta nhỉ?

- Bẩm cụ, nhà cháu ở xa lắm.

- Tôi dặn cô từ sau trở đi, mỗi lần có gánh rượu đi chợ Kim Sơn thế nào cũng phải rẽ vào nhà tôi cho tôi mua trước đã nghe.

- Vâng ạ.

Thị Lan trở ra vừa tới ngã ba đầu làng thì gặp cái Tý và ba bốn chị em nữa ở chợ ra về. Chị em lại nhập bọn đi về cùng đường với nhau.

Tý vốn vã hỏi Lan:

- Cụ Bá mời mày ở lại ăn cơm hay làm trò trống gì mà lâu quá thế. Tao có ý đợi mãi ngoài chợ không thấy mày ra nên tao đành quảy gánh về đây.

Lan đáp:

- Người ta mua cả gánh, còn rượu đâu mà trở ra chợ.

- Úi chà! Rồi họ mua cả người nữa kia đấy. Lão Bá này đa tình có tiếng, đã cưới hai ba cô vợ lẽ mà chẳng thấy cô nào ở được lâu. Mỗi cô chỉ ở được dăm ba tháng lại bước. À mà tao hỏi câu này mày nói thật nhá; lão có dò la hỏi thăm nhà cửa mày ở đâu không?

- Điều ấy thì có, nhưng tao chỉ nói tao ở xa.

- Thế thì tao đoán giỏi thật. Lão trông thấy mày xinh xinh, lại định tòm tèm cưới mày về làm nàng hầu cho mà xem.

Lan nhoen miệng cười, toan nói gì đó nhưng chưa kịp nói thì một người trong bọn đã xen vào câu chuyện:

- Nhân tiện nói đến nàng hầu vợ lẽ, tao lại nhớ chị cả con bà cô



ruột tao, hồi đó có một ông Lý cự ở tổng trên, nhà cấy hàng trăm mẫu, chịu dẫn hai trăm quan tiền, một đôi lợn, mười gánh gạo nếp, để cưới chị về làm hầu mà chị ta nhất định không chịu. Chị ta bảo thà lấy thằng cu, bố dĩ mà chồng một vợ một còn sướng hơn làm nàng hầu vợ lẽ nhà giàu, chỉ như đũa ở không công, mà lũ cô chiêu, cậu ấm bên chồng hành hạ cũng đủ khổ. Thế rồi chị ta nói dối ở nhà gánh vải lên tỉnh bán, đi tuốt ra ngoài Phòng, loay hoay thế nào vớ được chú Khách chủ hiệu, sung sướng đáo đẽ. Độ nọ mới về thăm nhà, tao thấy mặc áo nhiễu đi dép cong, vắn tóc đuôi gà, trẻ đẹp khác hẳn lúc trước. Tao nghĩ hay là ở chốn tỉnh thành dễ làm ăn và dễ kiếm chồng hay sao không biết?

Cái Tý chất lưỡi:

- Điều đó chắc phải nhờ phúc đức và sự khôn ngoan của từng người. Các cô trẻ ở vùng ta xuôi Nam, ra Phòng thiếu gì, hỏi ra phần nhiều đi ở nhà thổ hay là vú bố, nhiều ả lúc về chẳng có lấy hai manh áo. Tao tưởng cứ ở đâu quen đấy, buôn bán tần tảo mà sống vô tai, vô tiếng còn hơn.

Mặc kệ chị em bạn cãi vã với nhau hết chuyện này sang chuyện kia, Thị Lan cứ lủi thủi đi từ đấy cho về đến nhà không xen vào nửa lời nào hết. Nhưng biết đâu câu chuyện phát phơ của chị em chẳng là những cái móng sắc đã in vào trong khối óc nàng còn đang non và mềm như miếng sáp ong; biết đâu nó chẳng lung lay đánh thức một ý nghĩ gì bấy lâu nằm ngủ ở trong đáy lòng mà sau này sẽ có ảnh hưởng nhiều đến đời sống của nàng?

Phiên chợ mở hàng, bố chúc cho con buôn may bán đắt, thì ra được buôn may bán đắt thật. Cô ả mừng quá, quên cả việc phải rẽ vào chợ đông gạo mua đồ ăn theo lời bố dặn. Nhưng ông bố cũng mừng, vì thấy con ở chợ về với đôi hũ đựng rượu chồng dít lên trời, thành cũng quên cả việc mình đã dặn mà con không làm theo. Bấy giờ cha con, dì cháu mới tíu tít, kẻ đi kiếm quanh lấy cái ăn, người vào trong xóm đông gạo để thổi nấu bữa cơm trưa; thế mới biết gia đình này thật là túng bấn, ngày nào chạy ăn ngày ấy. Có lúc vợ quá lo nghĩ thở than, bác Phó khéo tìm cách an ủi:

- Bu nó đừng lo, đất có tuần, nhân có vận, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Giờ nhà ta có cái Lan đã lớn khôn, buôn bán đỡ dần, thế là cái vốn to của nhà ta đấy; đã có vốn tất phải có lãi, việc quái gì mà lo.



Thật thế, giờ Lan bắt đầu đứng làm trụ cột cho sự sống một nhà bác Phó ý thác vào một cách trọng yếu.

Qua phiên chợ sau, nàng lại gánh rượu từ nhà đi cùng một bọn chị em quanh xóm, nhưng đến chỗ ngã ba gần chợ thì nàng từ biệt họ:

- Vô phép các chị, để tôi rẽ vào nhà ông chánh một tí nhá.

Cả bọn nháy nhau cười ồ lên:

- Thôi, đích thị cô ả ăn phải bùa của lão Bá Kim Sơn rồi. Coi chừng bộ râu lão ta nhọn như chổi xể đâm vào cái má phình phính kia chắc dễ chịu lắm đấy nhé!

Tuy nghe rõ nhưng Lan cứ giả điếc đi thẳng. Vào tới nơi, ông chánh vừa mới ngủ dậy, khoác chiếc áo bông, đang ngồi gật gù với ấm nước trà tàu, khói tỏa lên cao trước mặt. Thấy cô hàng rượu đặt gánh ngoài thềm, nét mặt ông tươi tỉnh ngay, nói cười ròn rã:

- Cô hàng quý hóa thật, biết nhớ lời ước hẹn đấy. Hôm nay cũng rượu nguyên đấy chứ? Cả gánh bao nhiêu tiền, lại bán hết cho tôi.

- Bẩm cụ, kì này rượu nhà cháu ngon lắm, hai hũ còn nguyên, cụ dùng hết thì xin cụ cho nhà cháu mười quan ạ.

- Ô! Bao nhiêu thì bao nhiêu cô muốn điều gì dầu có khó khăn đến đâu chẳng nữa, tôi cũng không ngại, nữa là mười quan tiền.

Thế rồi ông gọi người nhà đem chiếc vò ra trút rượu và đếm đủ số tiền trả cho Thị Lan, chẳng kèo nài gì cả. Ông lại gọi trẻ lấy trầu ra mời nàng ăn và ân cần dặn với nàng khi nàng quảy gánh ra gần đến ngoài cổng:

- Cô nhớ lần sau lại rẽ vào đây trước nhá.

Đến phiên chợ sau cũng thế, nàng gánh rượu vào nhà ông chánh, lại được bán trút cả gánh rồi về sớm, khỏi phải ra chợ bán từng gáo từng giuộc, lật vật mất công. Và lại mỗi lần nàng nói bao nhiêu tiền, ông đếm trả ngay bấy nhiêu chẳng hề chê đắt rẻ hay bớt đi một đồng kẽm nào. Nếu như nàng tham lam nói nhiều gấp đôi gấp ba đi nữa chắc ông cũng vui lòng trả tiền không chút ngại ngùng.

Thành ra mấy lần tiếng thì đi chợ, nhưng nàng chỉ gánh rượu đến nhà ông chánh bán hết rồi lại về ngay. Đến nỗi bọn chị em nghe nàng



bán được món hời như thế, họ phải đâm ghen, đâm tức, lại càng thì thầm bàn tán thị phi:

- Này, chị thử nghĩ mà xem, ý hẳn là có thể nào, chứ đời thuở nhà ai cứ mấy ngày lại mua một gánh rượu, có họa tắm gội bằng rượu cũng chẳng hết.

- Ôi chà! Cô ả thấy người ta có tường hoa sân gạch, lúa đụn trâu đàn, lại làm ông này ông kia mà đang góa vợ nữa thì cô ả thích mê đi chứ gì.

- Tao bảo là nó bán trút cả xác nó nữa chứ không phải gánh rượu mà thôi đâu. Sao không ai thử nhìn kĩ xem bộ tịch nó mấy hôm nay đổi hẳn, có hơi giai vào có khác.

Chỉ là một sự buôn bán gặp may của nàng, mà bọn chị em ghen ghét miếng ăn, nỡ gia cho những tiếng bắc chì gớm ghiếc đến thế. Tuy nàng được nghe lọt vào tai, nhưng chỉ âm ức riêng trong lòng, không dám nói ra, vì nói ra e rầm rĩ xóm giềng hay chị em đến nổi chửi nhau đánh nhau, là một việc mà bản tính hiền lành của nàng lấy làm kiêng sợ nhất.

Đến sau, vì trông thấy có gia đình ông Chánh lai vãng nhà bác Phó, lại một hôm thấy đích thân ông Chánh cười ngượng ngùng nhong nhong đến, bọn thị phi dài lưỡi kia càng thêm đắc ý, như vợ được chứng cứ hẳn hoi để nói:

- Đây, chúng mình nói có sai đâu.

Cứ nói cho ngay, những cử chỉ hữu tâm và ích kỉ của ông chánh Kim Sơn, khiến cho Thị Lan trong chỗ vô tình đã làm cái đích cho sự châm chích, bình phẩm của chị em cũng phải.

## VII

### MƯƠ SÂU CỦA CỤ BÀ

Một hôm, vào khoảng 23 hay 24 tháng chạp, bác phó ta đang loay hoay trong bếp, bắc lên chiếc nồi to trét lại ống rầm để nấu thêm một nồi rượu bán Tết bỗng có tiếng người gọi cửa. Bác vội vàng chạy ra thấy



một người ra dáng gia tộc nhà ai đầu đội thùng gạo, tay xách cặp gà, nhanh nhẩu nói rằng cụ Bá Kim Sơn sai lại biếu.

Bác phó kinh hoảng, ngờ ngẩn hồi tưởng những lúc mình còn làm phó lí ở làng mình cũng chưa hề có cái hân hạnh được ai lễ tết phong hậu như thế, huống chi bây giờ mang thân nghèo khổ, kị ngụ tha hương. Hay là người ta đi lầm nhà chẳng? Nhất là đôi bên không có bà con, không hề quen biết, cũng không có ân tình gì với nhau, mà chánh tổng đương thứ một tổng tự nhiên biếu tết một lão hàng rượu như bác càng khiến bác hoảng hốt và một hai lần cảm chắc là tên gia tộc đã đi sai đường lầm ngõ.

Nhưng tên gia tộc cứ bình tĩnh đặt thùng gạo lồng gà xuống tử tế rồi móc túi lấy ra một tờ giấy hồng điều có viết sẵn ba chữ tên trao tay cho bác phó và thừa bầm lễ phép:

- Cụ Bá tôi dạy nhân dịp Tết sắp đến nơi, gọi là có cặp gà thùng gạo làm quà, sai tôi đem đến biếu hai ông bà xin ông bà nhận cho.

Trong khi bác phó còn đang ngờ ngẩn, tần ngần thì tên gia tộc đã vái chào và rào bước đi ra thật mau rồi hút bóng đằng nào mất rồi, bác phó không kịp nói gì cũng không kịp gọi lại để phân trần hắc bạch gì cả.

Nhà sản túng nghèo, năm hết Tết đến, được cặp gà thùng gạo tự nhiên cho gia đình mình ăn Tết phong vận kẻ ra như một sự may mắn trời cho, ngoài hẳn sự tưởng tượng của bác. Nhưng bác lo ngay ngáy, vì không duyên cớ, có thể tưởng là người ta đánh bầy gì mình đây thì khôn. Chiều lại, trước mặt vợ con đông đủ, bác đem việc lạ ấy ra bàn tính mãi, rồi lấy hột cơm dán tờ danh thiếp lên trên vách, còn gà với gạo vẫn để y nguyên, tuy trông nhà thềm cũng đành, không dám động đến. Trong ý bác tính để đấy sáng mai, chiều hôm gì chính bác thân hành đem giả lại người ta. Việc này chẳng lẽ nào sai vợ sai con đi, bất tiện. Nhưng bác còn bận hàng Tết, không thể đi ngay được. Thị Lan chắc hiểu sự tình ẩn khúc đó ra sao, song phải làm lơ như không biết, mà kể sự thực cũng khó nói ra. Nàng chỉ bảo cha:

- Người ta đã biếu nhà mình thì nhà mình ăn, việc quái gì phải đem giả lại, hờ thầy. Có đi có lại mới toại lòng nhau, thì mình đem biếu họ một hũ rượu cho ngon cũng thế.



Bác Phó lắc đầu:

- Mày còn trẻ con biết gì mà nói. Thế ngộ người ta lập tâm đánh bầy gì đây với cặp gà thúng gạo này thì có khổ không.

Lan không nói gì nữa, lúi thủi vào bắc nồi cám ra quấy cho lợn ăn. Nàng thầm biết lão chánh Kim Sơn quỉ quái dụng tâm, chắc hẳn một lần nàng vào nhà ông bán rượu ra về, ông đã cho người đi theo hút đèn sau đến tận nhà nàng mà nàng không ngờ. Vì đó gà, gạo mới biết nơi mà đến.

Tuy ban đầu bác Phó định bụng đem gà gạo ấy trả về nguyên chủ, nhưng sau có lẽ bác nghĩ thầm rằng con gái mình nói cũng phải, họ giàu mình nghèo, họ cho thì cứ việc ăn, cũng đỡ tốn được một món tiền Tết cho nhà mình, việc quai gì phải khách khí chối từ. Thành ra luôn mấy hôm sau, thúng gạo để trong góc nhà mỗi bữa khuyết đi một vài đấu, bác Phó chẳng nói gì. Đến cặp gà, tối hôm ba mươi, hai dì cháu Lan cắt tiết vật lông một con để cúng giao thừa, còn lại một con, qua ngày mừng một xử tử nốt. Thêm với mấy quan tiền thịt lợn và dăm bảy chiếc bánh chưng, thế là cái Tết của gia đình bác Phó cũng từng tiệm phong lưu mà lại đỡ tốn tiền nhà được đến quá nửa.

Hôm mừng một, cúng ông bà ông vải rồi, bác lấy cặp chân giò gà ngồi xem tần mẩn – vì bác cũng thạo về môn dị đoan này ít nhiều – thấy móng giò co quắp không đều, vả lại những tia đen lộ ra nhiều quá, bác chất lưỡi và nói nhỏ một mình:

- Quái! Điềm gì thế này?

Rồi lát nữa, bác ngồi gật gù nhắm rượu của nhà với cặp chân giò ấy luôn cả đầu gà cánh gà, nhai nghe rau rầu, dòn tan; con cún ngồi hếch mõm trông lên chẳng thấy ông chủ năm mới mừng tuổi cho nó cái xương nào.

Sang ngày mừng ba, xương cặp chân giò đã tiêu hóa tám đời rồi nhưng mà những tia đen của nó thì vẫn còn bắn khoản ghi chép ở trong tư tưởng bác Phó chưa phai. Ngồi khoanh tay bó gối, suy nghĩ vẩn vơ, rồi sự thực tế đánh thức bác phải nhớ lại hôm nay còn có mấy giờ nữa là xong tết nhất, ai nấy đều trở lại cuộc lo sinh sống hằng ngày. Bác vội vàng xuống bếp, cặm cùi sữa soạn cái nồi, cái hũ để cất một nồi rượu



năm mới cho cái Lan ngày mai đi chợ mở hàng. Giữa lúc ấy có tiếng nhạc ngựa nhong nhong dừng lại trước cửa nhà bác Phó. Bác từ trong bếp hấp tấp chạy ra xem ai không ngờ là khách vào nhà mình.

Khách ra vẻ hào hoa chững chạc, đầu đội nón lông dài lụa buông thò dưới ngực, mình mặc áo bông nhiều, khuy hồ phách, chân đi giày Tàu, bì tất trắng. Sau lưng có người đội nón dứa, ôm điều tráp theo hầu. Hai thầy trò ung dung bước vào trong nhà. Trước khi chủ nhân chưa kịp chào mời câu nào, khách đã tươi cười nhanh nhẩu nói:

- Nhân dịp tân xuân tôi xin đến mừng tuổi ông và chúc ông năm nay đắc tài sai lộc, vạn sự như ý.

Thuở nay chỉ quen tiếp những khách khứa bình thường với lối xã giao giản dị, giờ đột nhiên có một quý khách như thế đến nhà, nhất là một vị khách lạ chưa từng biết tên gặp mặt bao giờ, khiến cho bác phó ngỡ ngàng, lúng túng. Đến nỗi bác chạy vào trong buồng, tí nữa vấp ngã, vớ lấy khăn đen áo dài vừa mặc vừa run ra chiều lúng túng. Bác cung kính mời khách tạm ngồi trên bộ phản thấp, giải chiếc chiếu đã cũ sồn cả bốn góc. Sa-lông tiếp khách của nhà bác đây.

Nhà lại chẳng có tôi tớ con trai nào mà sai bảo, chính bác phải rửa qua bộ chén sứ mẻ và chậu ghét chè tươi lâu đời để pha một ấm trà ô long thết khách. Khách uống một hớp rồi đứng dậy sửa khăn áo như người sắp từ biệt ra về; bác phó ân cần nói:

- Mời ngài hãy ngồi chơi thư thả xơi cạn chén nước đã. Máy khi nhà chúng tôi có phúc may được thừa tiếp quý nhân.

Bác lầm. Khách chưa từ biệt. Khách sửa lại chữ nhân ở nếp khăn cho ngay ngắn, vừa đi ra trước bàn thờ vừa nói:

- Xin ông cho phép tôi làm lễ gia tiên.
- Sự ấy thực chúng tôi không dám nhận, xin ngài thứ đi cho.
- Theo lễ phép tiên nhân phải thế, ông cứ để tôi tự tiện.

Thế rồi khách lễ bốn lễ rất kính cẩn. Bác phó đứng bên vái ba vái để tạ ân. Cử chỉ tử tế của khách càng làm cho bác lúng túng thêm.

- Thế này thì không phải, xin lỗi ngài cho chúng tôi được biết quý tính cao danh và tôn phủ ở đâu để chúng tôi đến đáp lễ mới được.



Khách cười:

- Xin ông miễn thứ cho tôi thật quá đường đột. Tên tôi đã viết trên vách kia kìa.

Khách chỉ vào tờ danh thiếp bằng giấy hồng điều mà bác phó đã trân trọng dán trên vách hôm nọ.

Bác phó giật mình:

- Chết nỗi! Thế ra ngài chính là cụ Bá Kim Sơn mà không chịu nói ngay cho biết, để chúng tôi sơ suất trong việc nghinh tiếp, thật là đắc tội với ngài nhiều lắm. Bấy lâu vẫn nghe danh ngài, nào ngờ hôm nay được ngài hạ cố rồng đến nhà tơm...

Quả thế, khách chính là ông chánh tổng đương thứ Kim Sơn mà chúng ta đã biết.

Ông cười và ngắt lời bác phó:

- Xin ông chớ dạy quá lời. Quân tử kết giao với nhau có phân biệt gì giàu nghèo, quý tiện. Giờ ông mới biết tôi nhưng tôi đã từng hỏi thăm người ta mà biết ông cũng là con nhà hàn nho, danh giáo, trong lòng chứa chan ngưỡng mộ, vẫn muốn làm quen đã lâu.

- Đa tạ ân ngài chiếu cố.

- Vả lại tôi là một khách hàng rất chuộng mùi rượu của ông mà ông chưa biết đấy thôi.

- Chẳng qua nghề nghiệp quen tay có gì mà được ngài quá khen đến thế.

- Hôm nay tôi cốt đến làm quen với ông, thế cũng là chúng ta nhất kiến như cửu rồi. Để mấy hôm nữa tết nhất cho qua, tôi sẽ đến xin ông một người sang bên nhà tôi truyền nghề nấu rượu thì quý hóa biết mấy.

Bác phó ta thật thà, vô tình không hiểu câu nói có nghĩa bóng bẩy chỉ liên thanh đáp:

- Xin vâng! Xin vâng!

Sau khi quý khách lên ngựa đi rồi, Thị Lan mới thò mặt lên nhà trên:



- Chính ông ta mấy phiên chợ Kim Sơn gọi con vào trong nhà mua trút cả gánh rượu đây, thầy ạ!

Bà kế mẫu nàng cười ha hả:

- Thôi thế thì phải rồi, ông ấy muốn cưới cô đây! Hèn nào trong năm tết gà với gạo, hôm nay đến lễ giường thờ và mừng tuổi... ông bố vợ.

## VIII

### THẦY NÓ ƠI! CÁI LAN TRỐN ĐI MẤT RỒI

Thì ra bao nhiêu sự hào phóng, sự tử tế, sự lễ nghĩa của lão chánh tổng Kim Sơn, chỉ động bởi một nguyên nhân và chỉ dồn vào một mục đích: Cái Lan.

Cái Lan trẻ măng, xinh xắn, sắc sảo, dễ yêu.

Mà nguyên nhân ấy là nguyên nhân đa tình; mục đích ấy là mục đích ích kỉ.

Quả nhiên vừa mới qua ngày khai hạ, ông chánh Kim Sơn cậy tay mới lái sang nhà bác phó để giạm hỏi Thị Lan về làm kế thất. Bấy giờ bác phó mới tỉnh ngộ về những cử chỉ dụng tâm của ông chánh từ trong năm đến nay, bác nhớ lại mừng thầm về cặp chân giò đã xem hôm mừng một, tưởng đưa tia đen là báo hiệu điềm dữ mà lo ngay ngáy chẳng hóa ra lại là điềm lành.

Một ông chánh tổng giàu có nhất tổng muốn lấy con gái một bác phó cự nghèo kiệt, mà lại cưới về làm bà kế, còn gì vẻ vang, sung sướng cho bác phó hơn nữa? Bác chưa bao giờ dám mơ ước đến sự ấy.

Phúc đâu đem lại như từ trên trời sa xuống.

Bác phó ta ừ ngay, làm như đang thẳng cánh tay ra chộp lấy, vỗ lấy mỗi hạnh phúc kia cho mau kéo sợ chậm trễ, nó vượt đi mất.

Chắc hẳn các ngài không lạ gì luân lí và phong tục cổ truyền của xứ mình, đối với cuộc nhân duyên, hôn phối của con cái, ngày nay có



tùy thời đôi thay dễ dàng đi nhiều, chứ ba bốn chục năm về trước thì cha mẹ nắm quyền tuyệt đối. Lựa chọn, ưng chịu, gả bán, nhất thiết ở trong ý muốn của cha mẹ “đặt đâu con phải ngồi đấy”, không cần gì phải hỏi con:

- Tao định gả mày cho thằng đó, hay là tao định cưới con bé kia về làm vợ mày, mày có bằng lòng hay không?

Người làm cha mẹ ỷ có quyền hành, lại thêm tấm lòng tha thiết thương con và sự lịch lãm kinh nghiệm của mình, hễ đã lựa chọn đám nào phối hợp cho con tức thì đám ấy xứng đáng thích hợp tự nhiên khỏi phải hỏi ý con hay là bảo nó biết trước làm quái gì.

Tức như bác phó, bác định gả con gái cho một chánh tổng đương thứ, vậy là xứng đáng đủ mặt, bác đã chịu thì tất cái Lan cũng phải chịu.

Bảo rằng thằng chồng ấy xấu?

Mặc kệ! Nhưng nó đang làm chánh tổng hách dịch nhất vùng lại có thóc gạo chứa mấy mươi gian nhà, ruộng đất cò bay thẳng cánh.

Bảo rằng nó hơi già cho cái Lan?

Phải. Nhưng nó cưới về làm bà kế, trông nom tất cả cửa nhà ruộng nương, sung sướng biết bao. Cái Lan mới hai mươi tuổi đầu sẽ đường đường làm một bà chánh mà bác phó sẽ được dựa hơi nhờ thế trở nên danh giá, nổi tiếng quanh miền.

Thành ra mỗi lái vừa mới đánh tiếng ngỏ lời, bác phó gật đầu tức khắc và tự cho mình là phải lẽ, chẳng thèm hỏi con. Chẳng những bác nghĩ mình có quyền như thế mà đến sự phải lẽ chắc con cũng đồng ý với bác, không thể không được.

Đến nỗi cách sau mấy hôm, bên nhà ông chánh đem sang mấy mâm trà rượu bạc tiền làm lễ vấn danh và định ngày mồng bốn tháng hai xin cưới, bác phó cũng nhận lễ và ưng ý một mình chẳng cần hỏi xem ý Lan thế nào?

Một lát sau, người ta về rồi bác mới nghĩ rằng đến lúc cho con biết về việc chung thân của nó:

- Đây, lễ vật của ông Bá Kim Sơn ăn hỏi con và xin chọn ngày lành



tháng tốt là mừng bốn tháng hai sau, thầy đã ưng chịu đâu vào đấy rồi. Con muốn sắm sửa gì thì lo sắm sửa dần đi. Gả được chỗ này, thầy cũng yên lòng và mừng cho con.

Thị Lan sùng sốt:

- Vâng, thầy để cho con suy nghĩ xem đã.

- Con suy nghĩ cái gì? Mọi việc thầy đã bàn định thỏa thuận với người ta rồi. Thầy để ra con, muốn cho con nên hay, nên khá mới chọn lựa và ưng chịu gả cho con đám này thật là xứng đôi phải lứa, cả của lẫn danh không còn phải cân đo suy nghĩ gì nữa. Đến mai con dậy sớm đi với dì con sang Nam đánh một đôi khuyen vàng và sắm sửa các thứ, có mấy chục nén bạc người ta dẫn lễ kia con muốn may mặc gì cứ việc. Thầy bảo phải nghe.

Cả đêm nàng trần trọc không ngủ, lại còn khóc thầm nữa. Sáng dậy, thấy hai mắt sưng húp, gân máu nổi lên đỏ hoe. Nàng xuống ao rửa mặt xong xả rồi lên đứng trước mặt cha, thu góp tất cả tinh thần, quả quyết, mạnh bạo vào lời nói:

- Thưa thầy, đêm con đã suy nghĩ kỹ rồi, con nhất định không lấy lão Bá Kim Sơn đâu. Thầy giả lễ lại cho người ta.

Nếu lúc ấy sét đánh bên mình hay là đất động dưới chân, chắc không làm cho bác phó ta choáng váng cả người hơn là nghe câu nói của con gái bác.

- Mày hóa điên rồi à, Lan?

- Con chả điên tí nào. Mới từng này tuổi, chẳng phải lỡ thì quá lứa gì, con còn muốn ở nhà giúp đỡ thầy chứ chưa muốn lấy chồng. Hay thầy muốn gả con cho bố cu, bố dĩ nào cũng được nhưng lão Bá Kim Sơn thì con nhất định không lấy.

- Mày giết ông đi cho xong! Mày xuống bếp vớ con dao rựa lên đâm chết thằng cha mày đi! Mày định bêu rếu không cho ông ở đây làm ăn và dám thấy mặt ai ở đất này nữa phải không? Con tôi nó báo hiệu cho tôi thế đấy, giời đất!

Bác quay cuồng gằm thét như điên, như khùng. Và rút lấy cây đòn gài cánh cửa liếp để định phang con một mẻ. Thị Lan sợ quá, vụt chạy



sang nhà hàng xóm để trốn. Bác chỉ làm oai, làm bộ thế thôi, không nỡ nào đánh con; nhưng không khỏi lấy làm lạ sao lần này con dám cãi bác, nhất là cãi bác về một việc rất quan hệ. Qua cơn giận chốc lát rồi, bác nói nhỏ với vợ bảo vợ lấy lẽ thiệt hơn, phải trái khuyên bảo cái Lan. Đàn bà với nhau, họ tỉ tê khuyên bảo nhau dễ hơn.

Bác phó nghĩ nhầm rồi...

Đến mạng lệnh cưỡng bách của cha nàng còn không chịu khuất phục, huống chi những lời khuyên nhủ của bà dì ghẻ.

Còn phải bé bỏng gì, Lan hai mươi tuổi đầu đã biết đắn đo suy nghĩ nhiều ít. Mình đang son trẻ thế này đi lấy một người đã ngoại tứ tuần, sao gọi là xứng đôi vừa lứa được. Tóc bạc, má hồng, chẳng khác gì nước với lửa không thể tương dung và phối hiệp nhau. Lan lại sức nhớ đến cái vẻ hom hem không có gì đáng yêu của lão Bá làm Lan đã được nhìn rõ nhiều lần khi vào bán rượu: Lan tưởng tượng đến đôi má đã hơi hóp, bộ râu dài ba chòm, mái tóc đã bạc quá nửa của ông Bá mà Lan nghĩ đến số phận mình sau này đâu có được ngồi trên đồng bạc cũng không thể gọi là hạnh phúc được. Lúc nào, lũ chị em xấu bụng đã thì thầm thị phi đủ điều, giờ họ thấy mình về làm vợ lão Kim Sơn, đồ khôi họ chê cười mình tham lam vàng bạc, bán rẻ xuân xanh. Lại thêm câu chuyện chị em bàn tán về tính cách ăn ở của lão Bá Kim Sơn, nay vợ nọ mai hầu kia, chẳng ai được bền; biết đâu rồi cái thân phận ấy không đến lượt nàng. Đời có thiếu gì kẻ giàu có nông cuồng, hoặc vì lòng hiếu sắc ích kỉ dám quăng ra một số tiền để mua lấy bông hoa đầu mùa mà chơi ít lúc, khi chán ngán, đỡ thềm rồi họ chà đạp dưới chân?

Lan không phải là người không ham giàu, ham danh nhưng chỉ sợ những nông nổi nói trên, khiến nàng có cái quyết tâm không lấy lão chánh tổng Kim Sơn, mặc dầu nàng phải trái ý cha muốn.

Không biết đêm hôm ấy dì đem lời hơn lẽ thiệt ra nhỏ to khuyên bảo cháu ra thế nào, đến lúc trời lờ mờ sáng dì gọi cháu thức dậy thôi cơm như mọi ngày, chẳng nghe tiếng cháu thưa; chạy ra phản ngoài xem thấy bỏ không, sờ lên cây sào mắc xống áo thấy sạch trơn, bấy giờ bà mới hoảng hốt, kêu réo ông chồng:

- Thầy nó ơi! Dậy mà xem mau lên, cái Lan đã bỏ nhà trốn đi mất rồi?



## IX

### CON COSETTE Ở THÀNH NAM

Lúc bấy giờ cuộc bảo hộ Trung Bắc hai kì đã bắt đầu thiết lập và chinh đồn được mấy năm.

Trong triều, vua Đồng Khánh vừa mới thăng hà, sau ba năm ở ngôi cửu ngũ. Các cụ triều thần bàn tính và được chính phủ Bảo hộ đồng ý, tìm rước đức ông Bửu Lân, con vua Dục Đức về nối ngôi.

Ấy là vua Thành Thái. Cụ Kim Giang Nguyễn Trọng Hợp làm phụ chính đại thần.

Ngoài Bắc ta, dân tâm bắt đầu được hưởng yên vui, nhờ cuộc Bảo hộ lần lần đem lại cho họ cái cảnh an cư lạc nghiệp sau bao nhiêu năm điên đảo, lưu li vì nạn giặc khách và binh hỏa, cơ hoang. Tuy là tỉnh này, huyện khác còn lác đác những chòm nhóm cần vương, nhưng không thể ngăn trở gì được công việc kiến thiết, Bảo hộ một mặt tiếp tục dẹp yên Văn thân, một mặt cứ việc ra tay mở mang, sắp đặt, ban bố học thuật mới và bắt đầu xây dựng các cơ sở văn minh tân thời cho dân.

Năm ấy vừa trúng năm Mão, có khoa thi hương.

Thuở trước, xứ Bắc có hai trường thi là trường Hà và trường Nam, nhưng giờ đã dồn chung lại một trường thi ở tỉnh Nam Định vì trường Hà Nội bãi rồi.

Sĩ tử các nơi ôm lều vác chiếu tụ tập về tỉnh Nam, ai nấy đều có cái cảm giác gần bước vào một thế giới nào lạ. Các phố phường buôn bán đông đúc vui vẻ, có nhiều tòa nhà kiểu mới dựng lên nguy nga, tốt đẹp; đường sá đã mở rộng và rải đá: cho tới bến sông, chợ búa đâu đó đều đã cải quan và mọi việc sửa đổi mở mang vẫn đang rầm rộ tiến hành thêm to, thêm đẹp hơn nữa. Những thầy khóa ở vùng đông nam, còn nhớ mười mấy năm về trước mình cũng về thi cử ở chỗ này chỉ thấy một vài phố phường có nhà ngói kiểu xưa, còn thì toàn nhà tranh phố lá ẩm thấp; nói gì đường đi chật hẹp bùn lầy và bốn phía còn đặc những ao tù đất trũng.



*Chung quanh vẫn nước non nhà,  
Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa.*

Hồi xứ Bắc ta hán học chưa tàn, khoa cử còn thịnh, mỗi khi đến khoa thi trường Nam tức là một dịp tô thêm cảnh tượng phồn hoa náo nhiệt cho tỉnh thành này, một dịp phát tài cho các quán rượu hàng cơm, cho chị em hàng Thao, cho những dân cư ở mấy phường Năng Tĩnh, Mỹ Trọng có nhà để chứa trọ sĩ tử và nấu cơm cho họ ăn. Những mối lợi ấy, thành Nam có thể hưởng thụ trong một tháng rưỡi, hai tháng.

Nhất là hai làng Mỹ Trọng, Năng Tĩnh thường ngày vắng vẻ buồn tênh, nhưng đến khoa thi thì quang cảnh tấp nập đông vui bằng mấy đám hội. Vì được địa lợi gần với trường thi, cho nên sĩ tử trọ đông hơn các phường xóm khác. Các bậc phụ lão nói chuyện có lắm chủ nhà ở đây cứ thối cơm chứa trọ xong một khoa thi có thể về làng mua nhiều, tậu ruộng là sự thường.

Giữa phố Năng Tĩnh có hàng cơm bác Khán Tèo, tuy cửa hàng chỉ có một gian nhà ngói thấp nhỏ, nhưng đi vào bên trong, cách một cái sân rộng độ năm sáu thước ta, còn chiếc nhà gỗ ba gian hai chái, cao ráo sạch sẽ. Phía sau lại có ao riêng để giặt giũ tắm rửa. Được mọi sự tiện lợi như thế, cho nên khoa thi năm ấy, một nhà bác chứa trọ được ba chục thầy khóa. Bác khéo thu vén xếp đặt, kê bảy tám bộ phản gỗ giường tre liên nhau ở ba gian giữa để các thầy vừa làm nơi ăn chốn nằm, quanh trong khu vực ấy. Bên chái tây, nhà bác dùng để chứa gạo củi nước mắm một phần, còn một phần thì chất đầy sắp lớp những yên, những chõng, những lều, những chiếu của ba chục ông khách trọ. Có ông lại khiêng cả hai tủ sách cổ văn, bác sử đi theo để nghiên ngắm nữa.

Còn nguyên cái chái bên đông thì bác cho một cậu ấm tử, ấm tôn nào đó thuê 15 quan tiền một tháng, ở riêng một mình. Hình như cậu là con một cụ quan ở miền bắc, tuổi trẻ nhà giàu ra dáng phong lưu công tử cho nên cậu ở trọ đi thi một cách đường bệ khác hẳn người thường. Cậu đem theo hai gia nhân và hòm xiềng đầy đủ các thứ vật dụng thực phẩm, cả điều tráp và ấm chén trà tàu, hỏa lò nấu nước cũng không quên. Thầy trò thuê nguyên cái chái đông của nhà bác Khán Tèo, ở biệt tịch một mình và tự nấu ăn lấy. Trừ ra khi cần mua sắm thức gì mà gia nhân cậu không biết thì phải tần phiên đến bác Khán.



Một nhà có bấy nhiêu người khách trọ hằng ngày phải chợ búa, nấu nướng, cơm nước, hầu hạ thử lượng xem công việc bận rộn đến thế nào, tất là trong nhà phải đông người nhà, đầy tớ mới phục dịch nổi. Còn thêm cửa hàng cơm bên ngoài, có những khách bất thường tới ăn năm bảy xu cũng phải tiếp rước nữa là gì? Thế mà chừng ấy công việc phục dịch, nhà bác Khán chỉ quanh quẩn có hai vợ chồng, một đứa con gái mười sáu, mười bảy tuổi, một u già, thêm một con cháu gái đã lớn, nói rằng gọi mình bằng chú thím họ, mới ở nhà quê ra phải đội thúng đi chợ mua cái ăn rồi về chui vào bếp giúp hai vợ chồng bác để thổi cơm và làm đồ ăn, buổi sáng cũng như buổi chiều; đứa con gái bác thì ngồi đuổi ruồi coi hàng bán cơm bên ngoài, thỉnh thoảng có thầy quyền vào đùa bốn chọc ghẹo, nó lính quính không biết làm sao thì nó réo gọi “U hời! U ơi!”, còn vú già đã chắt nặng hơn sáu chục tuổi trên đầu, mắt lòa, tai nghễnh ngãng, mỗi bước chậm như con sên, thì đóng vai bụng cơm rót nước và cho các thầy khóa sai vặt.

Các ngài thấy đó chắc hẳn dư biết: người sương thân khỏe xác nhất là cô ả con ruột; kẻ đầu tắt mặt tối nhất là con bé cháu ở nhà quê mới ra.

Có lẽ so sánh chẳng sai bao nhiêu, nếu các ngài nhớ đến vợ chồng Thénardier, chủ quán cơm ở Montfermeuil trong truyện “*Những kẻ khốn nạn*”. Vậy thì Cosette tức là con bé cháu ở nhà quê mới ra, chỉ khác lớn tuổi hơn, còn sự được nghe mắng chửi và ngồi đâu khóc thầm thì cũng thế.

Anh chồng còn khá, đến暮 vợ thì mồm loa, mép giải, ăn có nói không, hơi một tí là sung sĩa nhiếc móc con bé cháu tàn tệ.

Lạ gì lúc có khoa thi, tự nhiên chợ búa đồ ăn phải đắt đỏ hơn ngày thường. Ngay bác Khán còn biết lợi dụng thời cơ, thổi cơm hàng và cho ở trọ tính tiền đắt gấp đôi nữa là những người bán hàng ngoài chợ. Mỗi buổi sáng, trước khi con bé cháu đội thúng đi chợ mua cái ăn,暮 Khán dặn dò phải mua những thức gì và giá bao nhiêu. Luôn luôn暮 đánh giá mỗi thứ vào mực rẻ nhất, đến ngày thường mua cũng chẳng được, nói gì những ngày đặc biệt như dạo này. Con bé cháu phải chịu mua đắt mới có đồ ăn, tức là trái ý của bà thím. Sáng nào, các thầy Khóa thấy bóng cô bé cháu đi chợ về thì một lát sau tất được nghe tiếng hạch lạc gắt gỏng của bà chủ nhà trọ, hoặc ở phía cửa hàng, hoặc ở trong bếp:



- Con đi! Chắc mày lại ăn bớt của bà, mớ cá thế này mà năm tiền ư?

Hay là:

- Mày ra chợ ngồi nói chuyện với giai, rồi thì bạ cái gì mua cái nấy, vợ cào vợ cầu, chẳng mặc cả gì hết. Đồ hư! Đồ tồi!

Chốc nữa vào trong bếp, mẹ lại té lên cho một hồi nữa, bất cứ vì một nguyên nhân gì. Mặc dầu con bé cháu làm việc túi bụi, chẳng hờ tay lúc nào, mặc dầu mẹ thấy nó giúp đỡ mình nhiều việc, nó nhanh nhẹn giỏi giang nhưng mẹ cũng cứ mắng chửi. Con cá đánh vảy lâu, miếng đậu rán kĩ, cũng đủ là một vấn đề cho mẹ quai mồm ra. Với hạng đàn bà nỏ miệng lắm điều, mắng chửi người ta hình như là một chứng bệnh, có lẽ cũng có vì trùng như con trùng lao bắt phải ho vậy.

Người ta để ý nghe mỗi lần người thím hành hạ mắng nhiếc là mỗi lần con bé cháu khóc lóc. Hai mắt nàng lúc nào cũng vận tia máu lên đỏ như gấc, phần vì khói bếp hun gần suốt ngày, phần vì sớm chiều hai ba bận khóc. Nàng tủi thân. Tưởng mình nương nhờ chú thím được yên ổn, sung sướng; ai ngờ đã nai lưng cật sức như làm tôi tớ không công, mà cũng bị đối đãi tàn nhẫn. Đến con ranh con, con gái chú mình cũng lên mặt coi mình chẳng ra gì. Thím chỉ biết kẻ miếng cơm cho ăn, nên muốn dẫn vật lại cho bổ, chớ không kể công việc mình đền lại đáng gấp đôi. Nàng càng ngẫm nghĩ càng âm ức mà không biết nói sao, thành ra chỉ có nước khóc cho hả bớt hơi tức.

Rõ ràng cái thân con Cosette lớn tuổi ở dưới bàn tay sắt của mẹ quán Thénardier.

Những lời chua ngoa của mẹ chủ nhà và tiếng khóc thầm của con bé cháu, đã làm động tâm cậu *Ấm*, người khách trọ ở chái đông.

Phải nói cho rõ, cậu chỉ động tâm vì tiếng khóc của con bé cháu nhà chủ, mà nhất là động tâm vì chính mình con bé cháu thì đúng hơn.

Chắc cậu sẵn tiền, ham chơi. Vào kì đệ nhất, mấy bài kinh nghĩa cậu làm có ra hồn gì không chẳng biết, chỉ thấy suốt ngày cậu chè chén, tối lại đi gõ trống hàng Thao. Mùi đời hưởng mãi một thứ có lẽ cũng chán, ý cậu muốn được thay đổi hoa đồng cỏ nội chơi. Sẵn trong nhà trọ, thấy cảnh ngộ nàng khổ sở, cậu thương. Cậu thường nói với hai tên tùy bộc:



- Con bé trông kháu tề!

Có lần, hai tên tùy bộc đi vắng, nàng đun hộ ấm nước sôi và xách lên chái đông, cậu vồn vã cảm ơn và hỏi nhỏ nhỏ đủ nghe:

- Cô em là cháu của ông bà chủ đây?

- Thưa vâng ạ.

- Cô gọi ông bà chủ nhà bằng gì cơ?

- Thưa, là chú thím tôi.

- Cô nay xuân xanh chừng mười tám, mười chín thôi chứ gì?

- Ô, cậu trông lắm đấy, em ngót ba mươi rồi, có con đã nhớn...

Nàng tự biết mình nói láo, nên chỉ nói rồi nhoẻn miệng cười, làm cho cậu Ấm đa tình càng thêm chết mệt. Cậu thở dài, làm bộ thương hoa tiếc ngọc:

- Ai cũng thấy cô làm việc giỏi giang, thế mà bà thím tàn nhẫn, mắng chửi suốt ngày, tôi nghe cũng phải... sốt ruột đau lòng.

Nàng vừa cười tới đó bỗng sầm nét mặt lại, không nói gì, nước mắt chạy quanh, vội vàng bỏ đi ra.

Ngoài ra tấm lòng ao ước thêm muốn, cậu Ấm còn tính hiếu kì muốn dò biết tung tích và tâm sự nàng trước khi định thả mối bắt cá.

Cậu dặn bảo mưu mô miệng lưỡi cho hai tên tùy bộc để chúng lân la dò hỏi u già và cả bác Khán gái. Việc gì dụng tâm mà chẳng có kết quả.

Thì ra nàng là con gái của một người dòng dõi. Từ tể, buôn bán ở vùng Kim Sơn. Bố đẻ nàng với bác Khán Tèo là anh em chú bác họ nhưng mười mấy năm nay, mỗi người đi lưu lạc sinh nhai một phương chỉ có người khác đi lại đem tin tức thế thôi chứ hai anh em không gặp nhau. Một buổi sáng kia bác Khán thấy một người gái quê xách khăn gói đến chào vợ chồng bác là chú thím và xưng là con ông nọ ông kia. Thế là chú cháu nhìn nhận nhau, rồi nàng ở lại từ hôm đó đến nay. Chú gạn hỏi cháu mới biết nguyên do là cháu chê chồng mới bỏ nhà đi hay là không chịu lấy người mà ông bố định gả.

Hắn các ngài đoán biết người cháu gái của bác Khán chẳng phải ai



là: chính là Trần Thị Lan, cô hàng rượu không chịu lấy ông chánh Kim Sơn.

Phải, chính là nàng.

Đêm hôm đó nàng thao thức suy nghĩ đến cùng đường hết kế, biết không còn cách gì đánh đổ được cái đầu óc tham giàu, sợ thế của cha mình. Chỉ còn một nước gọn nhất, là bỏ nhà đi trốn mặc kệ gia sự ra sao thì ra, mặc kệ tương lai đến đâu thì đến.

Quá nửa đêm nàng lén chỗi dậy, đánh cắp của cha được một quan tiền kẽm gói ghém vội mấy chiếc áo xống làm một cuộn, quơ lấy cái nón rồi rón rén mở cửa ra đi. Cuối tháng giêng, trời mưa phùn và tối đen như mực mà nàng thấy trước mắt mình như có hào quang nhấp nháy dẫn đường. Nàng đã đặt bước chân thứ nhất trên con đường giang hồ lưu lạc.

Tảng sáng, vợ bác Phó mới biết và gọi chồng dậy: “Thầy nó ơi! Cái Lan đi mất rồi!”, bác Phó choàng dậy kinh hoàng hồn vía, sau khi xem xét sự thực rồi bác vò đầu giậm cẳng:

- Giời ơi là giời! Cái Lan nó giết tao phen này. Rồi bảo tao ăn nói làm sao với người ta. Thật là nó đắp mo, trát cứt vào mặt thẳng bố nó, nó báo hiệu cho bố nó thế đấy, giời đất ơi!

Trong lúc hai vợ chồng bác, mỗi người một ngã, lùng vào các nhà quen ở đầu làng cuối xóm rồi tốc lên đến chợ Kim Sơn tìm tòi dò hỏi những chị em bạn hàng xem ai có biết cái Lan đi đâu thì lúc ấy cái Lan đang nằm trong một chiếc đò dọc xuôi Nam.

Tiếng đồn cái Lan bỏ nhà đi theo giai, ngay trong hôm đó, vang dậy cả vùng.

Bác Phó thân hành đem đồ lễ trả lại tận nhà ông chánh Kim Sơn, thiếu nước sụp xuống lạy ông mà ông chưa thềm nhận cho:

- Anh nhận lễ đám này lại mưu mô gả con cho đám khác, để tôi vào trình quan cho công cổ anh lại xem...

- Con can cớ lạy ông, quả thật con gái con nó hư, bỏ nhà trốn mất, xin ông làm phúc đánh chữ đại xá đi cho.

Tội nghiệp! Những hôm bác Phó van lạy người ta ở đây và mang



tai mang tiếng xấu hổ thì con gái bác đang bị vất vả mắng chửi ở tỉnh Nam mà bác không ngờ.

## X

### LƯU LẠC RA HẢI PHÒNG

Sáng sớm hôm sau, Thị Lan - các ngài đã biết con bé cháu nhà quê của bác Khán chính là nàng – xách cái thúng đi lững thững từ phố Năng Tĩnh lên chợ Rồng, như thường lệ mỗi ngày.

Nàng vừa đi vừa suy nghĩ thâm thía. Càng thâm thía càng âm ức.

Bao nhiêu chuyện đụng chạm quay cuồng ở trong đầu óc nàng nhưng rút lại chỉ qui tụ vào hai việc cốt yếu: ở và đi.

Hai việc, hai đầu hồi rất lớn.

Tình cảnh nàng thế mà khó khăn. Đã bỏ nhà đến đây nương nhờ chú thím, tuy là họ xa nhưng cũng còn dính dấp rễ má dây mơ hơn là hàng xóm, trong ý nàng chỉ cầu được ở yên thân. Cứ ở yên đây ít lâu, gặp được anh chàng nào xứng lứa bằng đôi, phải duyên phải số thì ta lấy rồi cùng nhau chịu khó làm ăn, sinh cơ lập nghiệp, thế là có thể tạ tội với cha mẹ. Sở nguyện của một cô ả nhà quê mới ra tỉnh lần đầu, chưa có gì là cao kì, xa xôi; đũa mốc đầu dăm chòi mâm son, váy đụp trông gì ngồi võng tía, nàng chỉ ước mong ngày kia vợ được anh chồng trẻ trung, hiền lành có nghề nghiệp tử tế để có thể đưa nhau về Kim Sơn nói với bác Phó: “Thưa thầy nhà con đây”, thế cũng đủ rửa tiếng bỏ nhà ra đi.

Nhưng nào phải con người ta muốn gì cũng được. Thế ra quên đứt ông Tạo hóa và bảo người ta không có vận mạng. Thì xem cảnh Thị Lan đấy. Những ước mong yên ổn, mơ màng tương lai mà vợ ngay được một mụ thím cay nghiệt và xấu bụng hết chỗ nói. Cho con bé cháu nhà quê mới ra được một chỗ ở đậu, hai bữa cơm dư mà ra điều tiếc rẻ suốt ngày nỏ miệng chửi mắng trừ chứ không chịu bác đồng cân, đồng lạng mà cân giùm công việc vất vả nó làm cho nhà mình còn nặng bằng ba cái mình nuôi nó.



Thím gì mà xử với cháu tệt hơn là đầy tớ. Mới ở chừng nửa tháng hai mươi ngày nàng đã thấy rõ mặt thím là một con yêu tinh, nghiệt phụ. Đang lúc đông khách ở trọ ăn cơm, mình làm tối mắt suốt ngày, mặt còn nở lòng xử tệt như vậy, nay mai hết mùa khoa thi, tự nhiên vắng khách ế hàng không biết mặt sẽ tiếc mấy hột cơm bố thí mà dẫn vật mình đến đâu.

Thế tất phải đi.

Nhưng mà đi đâu bây giờ?

Nàng đến tuổi đã biết nghĩ, biết lo. Đi có lẽ là bước chân vào con đường hạnh phúc, mà cũng có lẽ nhảy xuống vực sâu. Sẽ bơ vơ khổ sở, sẽ làm tội tớ người ta để mà sống, sẽ bán rẻ cả xác thịt không chừng để cho con tì con vị khỏi liệt máy, hay sẽ chết đói chết rét một xó xinh nào, như thân con chuột thối nằm trên vỉa đường, người ta hất cẳng đá một cái xuống lỗ cống là xong chuyện. Nhưng cứ phải đi, đi liều vì tình thế không ở được. Cứ đi, nhất nên nhị hư, một sống hai chết, chỉ có thể thôi.

Tối đây, nàng nghĩ nhớ lại câu chuyện chị em hàng gánh nói với nhau hôm cùng đi chợ Kim Sơn về. Nhiều cô con gái quê phần chí, bỏ nhà ra đi xuôi Nam ra Phòng ít lâu trở về thấy nghênh ngang áo the quần lĩnh, nón thao dép cong, thì ra họ đã vớ được chồng là thầy kí thầy thông hay chú khách chủ hiệu. Truyện ấy như có móng nhọn in vào óc nàng, giờ gặp được lúc nổi bật lên. Nàng ngẫm nghĩ những cái may mắn người ta chẳng có nước da cặp mắt như mình còn có thể gặp được hưởng chi mình đây chẳng thua kém ai. Ông trời đã ban cho họ lắm sự may mắn, không lẽ nào lại hẹp lượng với mình. Thôi mình đã xuôi Nam gặp bước không tốt rồi, cũng chưa phải là cùng đường bí lối, vẫn còn một cửa mở nữa: ra Phòng.

Nàng vừa đánh xong cái dấu nhất định ấy trong trí thì chân cũng vừa bước đến chợ Ròng.

Tội nghiệp nàng mua chác mớ rau mớ tép cũng phải mặc cả từ đồng kềm chỉ sợ về nhà bị mặt thím ác nghiệt nghi là ăn bớt.

Tay xách một xâu cá mè, đầu đội cái thúng nặng trĩu, nàng ở trong chợ đi ra được một quãng thì gặp cậu ấm trọ ở chái đông nhà mình đang



từ đằng kia thất tha thất thểu đi lại, chắc cậu ở phố hàng Thao về. Xem bộ tịch mỗi một không muốn bước và cặp mắt thức suốt đêm nó đờ ra thì biết. Nhưng khi trông thấy cô bé cháu nhà trọ thì cậu lại tỉnh táo ngay. Sự gặp không ngờ, làm cậu mừng quá, tươi hẳn nét mặt. Cậu kiểng có xin một miếng trầu để nàng phải đặt thúng xuống đất và mở gói lấy trầu cho cậu được dịp tán chuyện. Cậu nhoẻn miệng cười, cái thứ cười chột nhả, ranh mãnh của kẻ tán gái, cười cả mắt lẫn răng:

- Cô mời miếng trầu này để mừng tôi được vào “kì phú” đây.

- Kì phú là thế nào cơ?

Con gái quê mùa có hiểu chuyện thi cử, chữ nghĩa là gì đâu.

- Vào kì phú nghĩa là vào nhị trường, thì làm thơ phú.

- Thế là cậu đỗ ông cử hay ông tú rồi?

- Chưa, còn phải thi hai kì nữa kia, nếu như được lọt nhị trường. May ra tôi còn được trọ nhà ông Khán cả tháng nữa để hàng ngày được giáp mặt hoa đào...

- Không, nhà chú thím em có cây đào nào đâu mà có hoa?

Nàng cãi ra vẻ thật thà, ngơ ngẩn.

- Tôi nói hoa đào tức là định nói cô đó.

Giữa lúc ấy có tiếng còi tàu tu tu ở ngoài bến đưa vào, nàng làm bộ hỏi như không biết:

- Có cướp đánh ở đâu gần đây, cậu nhĩ mà lại có tiếng tù và họ thổi đó?

- Tiếng còi tàu Phòng lên đấy.

- Thế nó đi bao giờ mà bây giờ đã lên.

- Cô sao thật thà quá. Bao giờ ở bên Nam này cũng có mấy chiếc xuôi, mấy chiếc đến. Ví dụ chiếc Trường Châu xuôi Phòng chiều hôm qua, nay có chiếc Trấn An về.

- Bến tàu chắc vui lắm, cậu nhĩ. Minh đi xem, lính họ có bắt không?

- Việc gì mà bắt.



- Em vẫn ao ước xem tàu chạy một hôm. Tàu Phòng chạy vào giờ nào hờ cậu?

- Vào khoảng một giờ chiều.

- Thế thì giờ ấy em đi xem được. Hôm nào cậu đưa em đi xem nhớ.

Cậu ám thích mê:

- Được. Mai tôi bận vào trường thi, ngày kia tôi dẫn cô đi xem cho biết. Hôm ấy, ta cứ hẹn nhau ra đây rồi cùng đi, nhớ.

- Vâng, chào cậu, bây giờ em vội về nấu cơm kéo trưa mất rồi.

Cậu ám tấp tễnh mừng thầm tưởng mình lợi dụng được chị gái quê chẳng dè chị gái quê đã lợi dụng cậu để dò thăm một tin tức cần biết là giờ tàu Phòng chạy.

Nàng định cao bay xa chạy ngay vì sợ để lâu bại lộ cơ mưu, hay là bác Phó ở Kim Sơn lần mò đến nơi bắt về thì hỏng.

Quả nhiên, ngay sáng sớm hôm sau, nàng thu sẵn gói xống áo để trong chiếc thúng đựng vĩ buồm lên trên, một lát mẹ Khán đưa cho đồng bạc hoa xòe sai đi chợ như mọi ngày nàng vội vã cấp thúng ra đi. Lần này đến đầu phố Khách, nàng không rẽ vào chợ Ròng đi thẳng tuột xuống bến tàu.

Lần lút trong xóm Vị Hoàng đến trưa, nàng vào quán ăn cơm với mấy con tép rang lại mua một nắm cơm gói theo rồi mới xuống tàu *Trường Châu* để xuôi Hải Phòng.

Từ lúc này mãi cho đến khi có Bạch Thái Bưởi nổi lên, tàu thủy chạy trên các ngã sông xứ Bắc, trừ ra mấy chiếc tàu của Tây còn thì người Khách chuyên lợi. Tàu còn chạy bằng guồng bánh xe ở sau đít. Từng trên từng dưới giải những hàng chiếu dài cho hành khách nằm chen chúc nhau như cá mòi sắp lớp. Lúc nào chiếc tàu cũng nghiêng, cũng tránh, người đi không quen tất phải xanh mặt, chỉ sợ lật đổ. Thế mà tới đến, một chú tài công hay chú mại bản còn dòn khách lấy một chỗ rộng độ vài chiếc chiếu để bày xóc đĩa hay phán thán bóc lột bà con mình. Đàn bà con gái thường bị nạn chòng ghẹo, lần mò, nghịch ngợm. Họ thừa đêm tối, rờ rẫm, cầu véo các cô phải kêu lên oai oái. Bọn vô lại



ấy xảo quyết, làm bộ chọc ghẹo mấy bà già, để mấy bà phát giận, phải nói:

- Mấy bác đùa nghịch các cô còn xuân kia kìa, chứ đùa nghịch bà già là nghĩa lí gì?

Thế rồi chúng xoay lại nghịch ngợm các cô, các cô nào chưa ngoa cự lại thì chúng được điều nói:

- Các cụ vừa mới truyền lệnh, cô không nghe thấy sao?

Trong khi mũi tàu và sau lái có những tán kịch khả ố như thế thì ở giữa tàu rền những tiếng kêu của bốn đồng tiền và bán chẵn bán lẻ làm cho nhiều ba con ta máu mê cờ bạc, phải trút túi cạn lưng rồi bán mẹ cả ô và khăn gói, tay nải đi. Tàu thủy bốn chục năm trước thật không có trật tự chút nào, những nhiễu đủ thứ, kẻ cắp cũng nhanh như chớp.

Thị Lan một thân, một mình, vừa nhát sợ, vừa lo ngại, đâu có dám nằm, cả đêm nàng phải ngồi xồm, khoác chiếc nón sau lưng, dựng đứng chiếc thúng bên mình để giữ lấy gói áo, rồi khoanh tay gục đầu trên vành thúng, khi chợp khi tỉnh. Chốc chốc nghe có bàn tay nào mò vào trước ngực, nàng lại giật mình ngẩng mặt lên:

- Cái tay bác khỉ gió này làm cái gì thế?

Không biết bàn tay ấy chỉ tinh nghịch, hay định móc lấy đồng bạc hoa xòe của cô gái quê. Có khi cả hai mục đích cũng nên. Tự đáy, Thị Lan không dám chợp mắt nữa. Nàng mở com nắm ra bề ăn và tán chuyện mưa nắng với mấy bà cụ ngồi gần để thức đến sáng. Phần tử thân phận, phần lo sợ tương lai mịt mù, nàng ngồi khóc âm thầm, rấm rứt. Ai bảo bỏ nhà trốn đi? Thế mà chánh tổng muốn rước về ở ngôi bà kế, tha hồ sung sướng lại còn làm bộ làm cao không lấy? Có lẽ trời bắt đấng cay vát và như thế để phạt cái thói lên mặt đồng đánh kia chăng? Hay là con người có số nay mai giàu có tiếng tăm tất phải trước hết đi qua cái cầu phong trần luân lạc như thế mới được chăng?

Lúc bước chân từ dưới tàu lên bến Hải Phòng, cô ả càng ngơ ngẩn lo âu, tự hỏi không biết mình đến đây làm gì và tìm con đường sống ở đâu bây giờ?

Chúng ta nên biết nguyên xưa Hải Phòng tiếng là một trấn vua ta đặt ra để trông coi việc phòng bị giao thông ngoài bể, nhưng chỉ có danh



nghĩa thế thôi. Toàn cảnh chẳng qua chỉ gồm có một dinh thự cón con cho viên trấn hải sứ, một vài xóm nhà lá, một vài vạu chài, đại khái cũng như cửa Hàn trong kia trước lúc có thủy sư đề đốc Rigault de Genouilly tới, chứ không phải đã có châu thành và thương cảng gì hết. Sau việc Hà Nội thất thủ lần đầu năm 1873, triều đình cắt nhường khu đất Hải Phòng cho nước Pháp làm thương phụ. Người Pháp ra tay mở mang ngay: mở đường sá, cất phố buôn bán, đặt tòa lãnh sự để giao thiệp với quan ta, dọn đến cho tàu thuyền ra vào. Ấy là viên đá thứ nhất của thương cảng Hải Phòng. Đến khi cả xứ Bắc hoàn toàn thuộc quyền bảo hộ thì Hải Phòng đã có cái cơ sở, cái quang cảnh một thành phố tân thời sớm hơn được mười năm rồi. Công cuộc kinh doanh tạo lập cho nên một thương cảng to và mới, những cánh tay khoa học mỗi ngày làm mãi, mở mãi không lúc nào ngừng.

Hôm cô gái quê họ Trần ở dưới tàu Nam bước ngó ngán lên bờ. Hải Phòng đã bày ra quang cảnh một thành phố mới mẻ, đông đúc, thịnh vượng. Phố tây, phố khách đã có, đường Cầu Đất đã vui, bến tàu Sáu Kho đã mở; châu thành giống như con tầm ăn lá dâu, đang vùng to lan rộng ra tứ phía. Dân các tỉnh dồn nhau và kéo xuống buôn bán tìm việc hồ khẩu, tụ tập rất đông. Trước những cảnh tượng to tát mới mẻ ấy, Thị Lan ta bỗng ngỡ lo âu cũng phải. Vì Hải Phòng hoàn toàn mới, đẹp, nàng thấy lạ hẳn mắt mình, không như tỉnh Nam còn pha vẻ mới vào những nếp cũ vết xưa dính lại.

Nhưng gái quê mặc kệ, đã bị số phận ném lên trên đường bơ vơ lưu lạc, tấm lòng muốn sống của họ bắt họ phải trở nên khôn ngoan, bạo dạn, có khi đậm liều. Bởi vậy, Thị Lan chỉ bàng hoàng lúc vừa đặt chân lên đất mới thôi, một lát nàng định thần lại, tắc lưỡi một cái rồi mạnh bạo cất bước đi rất tự nhiên. Cái tắc lưỡi ấy có thể diễn nghĩa ra thế này:

- Trăm sự phó mặc ông trời! Mình đã liều đem thân xô đẩy đến chốn này thì cứ nhắm mắt đưa chân tìm lấy đường sống. Trời sinh trời dưỡng, việc quái gì mà sợ. Ta cứ việc đi, đi tìm lấy việc làm mà sống; nhất là được chỗ may thuê vá mướn, không thì đi ở gánh nước nấu ăn cho người ta; hay có số kiếp vất vả lắm thì đến vào nhà thổ chứa là cùng chứ gì?

Đồng bạc đổi ra lấy vé và tiêu pha, giàu cau lặt vặt dưới tàu, còn lại mấy hào, nàng vào một quán cơm che liếp ở ngay đầu bến, cốt mướn



có ăn cơm để hỏi thăm mục chủ quán ít nhiều đường đi nước bước cần dùng cho mình.

Sau khi đã ních một bụng cơm cho cứng hai bắp vế rồi, cô gái quê ta đội nón cấp thúng, mạnh mẽ, ung dung đi lên trên phố.

Nàng đi tìm việc làm.

Hình như nàng muốn việc làm ở nhà nào giàu có thì hơn, cho nên đi qua cửa hàng cửa hiệu nào trông vẻ hơi khá nàng cũng đứng tần ngần một lát rồi vào hỏi:

- Thưa ông bà có công việc gì cho cháu làm.

Nhà nào cũng lắc đầu. Có bà chủ hiệu thấy cô ả quê kệch ra ý khinh khi, hất hủi đến nỗi nàng chưa nói hết câu xin bà đã gạt ngay:

- Ai thừa cơm mà nuôi thứ mày.

Suốt cả buổi sáng đi mất công mỗi chỗ, nàng đã hơi nản, tìm một bóng cây ngồi phệt xuống nghỉ ngơi. Một con mẹ lân la đến hỏi chuyện, nàng nghĩ là quân mẹ mình đỡ người đem bán, nên chỉ ậm ừ vài câu rồi xách nón đứng dậy đi nữa.

Lang thang mãi đến chiều, sang mạn Cầu Đất, thấy một cửa hàng bán rượu khá to, nàng đứng lại dòm xem lâu lắm. Trạnh nhớ cái nghề nấu rượu, bán rượu vốn là nghề quen của mình, có lẽ vào xin việc ở nhà này may được, nàng đánh bạo bước vào.

Bà chủ hiệu đã già, nét mặt dấn dỏi, đánh đá, nghe nàng hỏi xin việc, bà nhìn kĩ từ đầu xuống chân rồi hỏi một cách nhẹ nhõm:

- Quê quán chị ở đâu?

- Thưa cụ, cháu người tỉnh Nam ạ.

- Mới ra Phòng lần này là một?

- Vâng.

- Thế là chị ở nhà quê mới ra biết quái gì công việc tỉnh thành mà đòi làm.

- Thưa cụ, thầy cháu ở nhà quê chuyên nghề nấu rượu cho nên cháu quen nghề này lắm.



- Thế à?

Bà cụ tươi cười ngay vì đang cần một người biết xem rượu tốt xấu và bán hàng phụ mình, kéo nhiều lúc đông khách quá bà bận tíu tít.

- Mà chị định xin tiền công mỗi tháng bao nhiêu?

- Tùy lòng tốt của cụ, cháu không dám nề hà, để cháu vào làm ít ngày, cụ xét việc định công, sao cho khỏi thiệt thòi cháu thì thôi.

- Quí hóa nhỉ! Thôi, vào trong nhà cất thúng mủng đi.

Thế là nàng đã có việc làm.

Cũng trong một giờ nàng xin được việc làm ở Phòng thì bác phó ở Kim Sơn ra Nam đến nhà Khán Tèo ở Năng Tĩnh hót hơ hót hời:

- Cái Lan nhà tôi có ra đây ở với chú thím không?

Vợ Khán Tèo như có chuyện tức giận sẵn, giờ nghe hỏi càng sung mặt lên:

- Có! Nó ra đây ở mười mấy ngày, sáng hôm qua nó lấy đồng bạc tiền chợ của tôi trốn đi theo thằng cu li, cu leo nào mất rồi không biết. Đồ con gái hư.

Bác Phó bận lo thu xếp việc nhà mãi, ra Nam chậm trễ vài ngày, thành ra con đã đi đàng con, không được gặp mặt.

## XI

### TẠI SAO CÓ CÁI TÊN HỒNG?

Bà chủ hiệu Phát Lộc nhận cho Thị Lan vào làm ngay là một việc cả hai người cùng có lợi.

Lan được lợi hiện tại.

Bà trông lợi tương lai.

Phần nhiều gái quê nhất sơ lên tỉnh, không ai thân thích, không chỗ dựa nương mà không tìm ra chỗ ở việc làm ngay thế tất phải bơ vơ đầu



đường, xó chợ rồi bị quân đảng điểm lợi dụng hay bọn mẹ mìn thổ chứa cám dỗ là sự thường thấy. Lan mới ra Phòng từ sáng đến chiều đã có việc làm chỗ ở ngay thế là có phúc hơn nhiều chị em lắm đấy.

Nhưng bà chủ hiệu chí tâm làm phúc cho người thì ít, vụ lợi cho mình thì nhiều.

Bà nguyên là một thím tài về già được nghỉ cũng như người đi làm việc đến tuổi hưu trí vậy. Không biết rõ quê quán và gốc tích của thím ra thế nào. Người ta đồn chừng thuở mười lăm, mười tám bà trôi dạt đến miền này còn là một xóm vạn chài biệt tịch hoang vu, hình như bà cao số lắm thay đổi năm sáu đời chồng mà đời nào cũng là một chú khách đuôi chuột. Có lúc trong vòng một năm, hai lần bà giới thiệu ông chồng cho bà con hàng xóm biết:

- Chú tài nhà tôi đây.

Người ta nhận ra mỗi lần giới thiệu lại là một chú khách khác lạ hẳn. Thì ra bà đã thay đổi chú tài nhanh chóng như ta thay áo, dễ thường chú nọ xuống thuyền chưa về đến Đông Hưng hay là hòn đất đầy mồ chưa ráo thì bà đã nên chồng nên vợ với một “sếnh sáng” khác rồi. Chẳng ai được biết chồng bà làm nghề nghiệp gì, chỉ thấy bà giới thiệu chồng là chú tài thì người ta gọi bà là *thím tài* và xem ý bà thích cái vinh hiệu ấy lắm.

Tuy vậy bà hiếm hoi về đường tử tức, mỗi đời chồng kết thúc là một sợi dây đứt hẳn không lưu lại một chút kỉ niệm gì về huyết nhục hay tinh thần. Chỉ có điều khác là bây giờ bà đã có một tòa nhà gạch hai tầng ở đầu phố Cầu Đất, dọn cửa hàng bán rượu và các thứ tạp hóa, ấy là cơ nghiệp của đời chồng thứ sáu để lại cho khi phải cuốn gói vĩnh biệt đất nước “Ố nằm” vì anh ta bị nghi là một tên dư đảng của giặc Cờ đen Lưu Vĩnh Phúc.

Trừ ra chiếc nhà gạch, lưng vốn bà cũng có dăm sáu nghìn quan tiền. Cái thời đại 18 đồng tiền kẽm một bát chiết yêu cơm đầy lên có ngon, số vốn của bà được vậy đã kể vào hạng giàu, cũng như đời nay có bạc vạn. Thiếu gì chú tài khác trông thấy mà thèm muốn ra tay đào mỏ nhưng bà không dại, bà vẫn tự khoe một tay mình mấy chục năm khoét tiền của khách, giờ họ định khoét lại thì bà không chơi.



Vả lại, lúc này bà đã 59 tuổi đầu rồi, không còn xuân sắc gì mà đa mang chồng con cho thêm bận. Thím tài đến lúc hưu trí rồi: “*Thương thì tiền của đưa đây, lấy chồng thì gái già này xin van*”, thím tài bây giờ chỉ lo hót của làm giàu. Trong đời thường có nhiều người lạ lùng như thế: họ không có con cái, tự phụng một cách rất kham khổ mà bo bo giữ từng đồng kẽm, chắt bóp từng đồng xu định hót của làm giàu để lại cho ai không biết?

Nhờ bao nhiêu năm lấy khách bà thạo cả đường lối buôn bán của họ. Vì thế mà bà mở cửa hàng rượu, đặt tiền trước cho dân quê nấu rượu rồi đem ra đong hết cho bà, bà bán lại cho khách thành ra những kẻ có nôi nấu mất công mà lãi ít, còn bà chỉ đưa đầy nước bọt thì được lãi nhiều.

Ngoài ra những hũ rượu, thím tài – từ sau ta nên dùng tiếng xưng hô này đúng hơn – còn buôn một món hàng khác, kiếm một mối lợi khác nữa: *buôn người*.

Ta nên biết thím tài buôn người là một công phu trau chuốt, hầu như một nghệ thuật khó khăn, người nào khác tay thím chưa chắc muốn làm mà đã làm nổi. Thím vẫn tự phụ rằng mình từng “đi guốc” vào trong tâm lí của các ông khách vì đã lâu năm cùng họ đầu gối tay ấp. Có những hạng chủ hiệu giàu đầy, béo quay, dù trong nhà mấy thiệp, mấy phòng ra ngoài cũng vẫn còn thềm cửa lạ, hay mấy chú mại bản, tài phú quen thói bốc rời vớ được miếng mồi..... hiêm hoi dù phải tiêu một vài trăm quan tiền họ cũng không ngại tốn kém.....

.....

... Vì thế mà họ dám trả sự may mắn ấy với một giá đắt. Còn một hạng chủ tâm sinh cơ lập nghiệp ở đây lâu dài muốn lấy con gái bản xứ làm nội trợ để giúp việc trông nom tiện đường giao thiệp hoặc để gá tiếng mượn tên trong việc buôn bán cho được tiện lợi dễ dàng hơn. Hạng này thường tinh khôn kén chọn mấy cô nào có căn cơ bề thế để họ tin cậy phú thác mai sau chứ không phải bạ ai cũng vớ, xong việc thì thôi.

Đón biết tâm lí và sự nhu yếu của họ như thế cho nên thím tài dụng công tìm kiếm gái quê để nuôi nấng trau chuốt rồi gả cho khách lấy lãi. Thím làm việc nuôi người thế này, cũng chịu khó cho những kẻ đi mua gà con, lợn giống về nuôi, ban đầu vốn liếng bạc đồng bạc hào,



chỉ mất công chăn nuôi trong ít tháng là có thể đem bán được bạc trăm, bạc chục.

Ai hiểu công khó của kẻ nuôi gà con, lợn giống sẽ hiểu công khó của thím tài nuôi người.

Những người ở thôn quê xa gần thường đem sản vật ra cửa hiệu thím bán, thím ân cần nhắc bảo họ về làng xem có con gái nhà nào nghèo khó mà sạch sẽ - phải biết nghĩa hai tiếng sạch sẽ là có chút nhan sắc - thì đưa chúng nó ra làm việc với thím, thím nuôi nấng cho, may mặc cho, dạy bảo buôn bán cho rồi sau gả chồng lập nghiệp cho cũng nên. Không thiếu gì nhà có con chỉ cầu ước như thế.

Quả nhiên thím khéo tùy theo vẻ người và óc khôn của mỗi chị gái quê mà biến hóa trở nên một cô gái tỉnh vào giai cấp nào, giá trị nào. Trước hết, thím cho chải chuốt ăn mặc rồi dạy bảo cặn kẽ từ những cách đứng, cách đi, cách gói, cách mở và ít nhiều tiếng khách cần dùng để giao thiệp đối đáp. Bấy giờ mới cho ra ngồi phát phối ở cửa hàng hoặc cho đem hàng hóa đến giao các hiệu khách. Từ lúc tô lục, chuốt hồng cho đến lúc xuất đầu lộ diện được, các cô gái quê đôi sắc tướng bao nhiêu tức là thím tài đã tốn công phu bấy nhiêu. Ngộ nhất là cô nào đối với thím, không cháu gọi bằng dì thì cũng em gọi bằng chị, toàn người thân thích ruột già, nào phải ai đâu xa lạ. Một ít danh hiệu xưng hô ấy có ý nghĩa quan hệ khôn ngoan của nó, không phải thường đâu!

Lúc này, một *sénh sáng* nào để vào mắt xanh một cô em hay cô cháu của bà chủ hàng rượu ở đầu phố Cầu Đất mà muốn cưới xin tự nhiên phải tốn cho thím tài năm bảy chục nén bạc hay một hai nghìn quan tiền đen cũng có. Họ tin ở thím là người đã từng làm vợ khách và họ yên trí rằng em, cháu của thím bao giờ cũng căn cơ bề thế hơn.

Thành ra các cô nào đã qua tay tạo hóa của thím cũng được nên duyên hay đất mỗi, phi cách nọ thời cách kia, món nào khá thì thím gả chồng, món nào tầm thường thì thím “bán lẽ”. Người ta nói trong khoảng mười năm, thím phát tài về cuộc buôn này cũng nhiều mà những cô nhờ tay thím gả bán được làm vợ khách vào hạng khá cũng không ít.

Cô em, cô cháu thứ mấy chục của thím không biết vừa mới vu qui với một chú mại bán được mấy hôm, trong nhà đang vắng vẻ chưa có người kế chân thì vừa có Thị Lan ở đâu tới xin vào làm việc, thím tài nhận lời ngay.



Thím liếc cặp mắt tinh ranh nhìn cô ả gái quê từ đầu đến chân thấy mặt mũi tươi tắn có duyên lại ra vẻ người lanh lẹ, chắc không mất công tô điểm bao nhiêu sẽ thành ra một vật có giá trị cho nên thím đón ngay lấy không ngần ngại chút nào. Nhất là cô gái quê này sẽ được việc cho thím cả hai phương diện: vừa biết nghề nấu rượu vừa có ít nhiều nhan sắc.

Nhập gia chưa đầy một tháng, cô gái quê đã thay hình biến tướng.

Con người đã có trí sáng, lại như có vận thời sắp đến giúp thêm vào, sự thay đổi nào có mấy chốc.

Bây giờ Thị Lan nghiêm nhiên là một cô thiếu nữ tỉnh thành luôn luôn quần lĩnh áo the, ra giày vào dép, cái lột gái quê hôm nào đã trút đi mất rồi. Ban đầu nàng tưởng mình được vào ở nhà này già con hầu, non đầy tớ, không dè bà chủ lại cho ăn mặc tử tế sang trọng và đãi như con cháu: sự đó hẳn ở ngoài hi vọng và trí tưởng tượng của nàng. Hình như nàng cảm động mỗi khi nghe ai hỏi về nàng, thì bà chủ cũng nhận là cháu:

- Ấy nó là cháu gọi tôi bằng cô ruột. Vì cửa hàng, cửa hiệu lúc này bận lắm tôi phải nhấc cậu nó cho cháu ra ngoài này trông nom giùm tôi ít lâu.

Sự thật, lâu ngày ở với nhau thành ra tâm đầu ý hiệp, tính nết nàng thùy mị đáng yêu lại được cử chỉ nhanh nhẩu và có trí sáng bảo một biết mười khiến cho thím tài phải vì nể, chiều chuộng. Trước chỉ đóng vai tuồng cháu vờ, sau hóa ra thật như con ruột. Thím tài càng cố trang điểm cho nàng đến nổi tháo cả hoa hột của mình ra cho mà diện những khi sai đi ra ngoài có việc. Ví dụ lúc này bác phó Thành Thị có gặp con, không chừng chấp tay vái chào sát đất, coi con nghĩ là một tiểu thư nào, đổ dám nhận là cái Lan.

Nhưng bù lại cư xử tử tế của thím tài, Lan tỏ ra mình cần dùng sức lực và đỡ dần thím được nhiều trong công việc buôn bán. Nào là đi thu tiền chỗ này, đòi nợ chỗ kia, nào là cầm sổ đến các hiệu khách giao hàng hay lấy hàng, mỗi ngày năm bảy bận. Những lúc ngồi nhà trông hàng, cô ả lại chào mời khách khứa với giọng nói ân cần khôn khéo và nét mặt tươi cười. Thím tài phải khen nàng có khiếu buôn bán đảm đang.



Trên kia đã nói thím tài chuyên nghề cất rượu của dân quê để bán lại cho khách vận tải về bên Tàu. Có lẽ tại bên Tàu nhiều miền ít cây lúa nếp mà rượu nếp ta ngày xưa nấu rất ngon cho nên dân quê nấu bao nhiêu đem bán cho khách cũng hết. Họ xuất cảng về miền nam xứ họ một phần còn một phần thì lại bán lại cho bà con mình, đựng trong hũ sành ngoài dán tờ giấy đỏ gọi là *rượu nhu mễ*.

Lúc dân quê gánh rượu ra bán cho hiệu thím tài thì Thị Lan làm việc một nhà hóa học kỹ sư và đóng vai một nhà giám định. Con nhà nghề nghiệp thừa nay có khác, nàng không cần gì phải nếm chỉ ngửi qua mùi rượu xem nhạt hay nồng và trông qua nước rượu trong đục là phân biệt tốt xấu ngay. Từ khi có nàng thím tài không mua lắm phải những thứ rượu có pha lẫn nước lã như trước.

Chùng nào cất rượu được nhiều thì cũng tay nàng đem giao cho các hiệu khách. Nhờ giao thiệp lui tới thường ngày, nàng học được ít nhiều tiếng khách cần dùng trong việc giao dịch. Lạ hơn nữa, nàng đổi hẳn tính khí nhút nhát ngày xưa mà trở nên mạnh bạo, từ lời nói cho đến cử chỉ. Nhiều chú khách thấy nàng hồng hào, chắc nịch trong ý thòm thèm nhỏ rãi. Nhưng chú nào chòng ghẹo nói năng hơi sỗ sàng thường bị nàng nắm kéo đuôi sam giật ngược lại cho mất cựa hay nàng cướp lấy chiếc quạt tàu của chú đang phe phẩy trong tay:

- Từ rày *nị* đã chừa chưa?

- Thôi, *ngộ* sợ cô hai rồi *lớ*.

Vì nàng đã bạo mà lại khỏe hơn.

Tấn kịch khôi hài ấy làm ngơ ngác lũ trẻ đứng núp xem ở ngoài cửa hiệu. Các bạn nên nhớ lúc bấy giờ Trung Quốc còn ở dưới triều Mãn Thanh, người Tàu mặc áo dài, kết bím và đội thứ mũ có núm ở trên đỉnh đầu, trong tay luôn luôn cầm chiếc quạt tàu vừa đi vừa phe phẩy. Thuở xưa, lũ trẻ mình thấy bóng người khách là sợ run rủ nhau chạy mất. Cái cảnh tượng của cô con gái mình dám kéo đuôi sam chú khách như thế bắt mấy đứa trẻ đứng xem phải lấy làm lạ.

Nàng ở với thím tài thế mà thấm thoát đã được ba năm. Càng ngày thím càng tin cẩn thương yêu, định bụng tìm kiếm cho nàng một đám chồng khách nào rõ giàu, để nàng nhờ cậy chung thân và thím gỡ lấy một món tiền đền công mấy năm dưỡng dục luôn thể.



Tuy có mấy đám mối manh dạm hỏi nhưng đều không xong: hoặc nàng không ưng, hoặc thím không chịu.

Có đám là một *chú tài cây* trẻ tuổi nhưng mang phải tội nghèo, thím không chịu gả. Thím kị nhất là cái nghèo vì chú rể khách nghèo thì bảo thím cậy gờ vào đâu. Còn một đám là chủ hiệu giàu có nhưng mặt như lợn ỷ, bụng phệ bằng chiếc thúng cái, mỗi bữa ăn hơn một cân thịt, đám này thì Lan chê là Đồng Trác tái thể và không ưng. Nàng nói đùa với thím:

- Lấy nó để mùa hè rục lên những mỡ là mỡ, ai mà chịu được.

Sau lại có một đám được cả hai người cùng hợp ý, hoan nghênh chỉ sợ sênh tay rơi mất: ấy là chú khách Hồng, chủ hiệu Bình An.

Chú này vốn là một bạn hàng quen của thím tài vì hiệu Bình An cũng chuyên mua rượu An Nam chở về Tàu. Thường ngày, nàng hay lui tới giao hàng đã quen người nhẵn mặt. Năm ấy chú Hồng mới độ ba mươi tuổi chưa có vợ con gì, một mình chủ trương cửa hiệu của ông bố để lại cho kẻ đáng bạc vạ. Với đám này, thím tài mới chắc kiếm được món “lì xì” khá bở.

Thím khéo mối lái tán tỉnh thế nào không biết chỉ cách sau mười ngày hàng phố bỗng thấy nhà thím có đám cưới linh đình.

Thị Lan, hai mươi ba tuổi, trở nên thím Hồng tức là bà chủ hiệu Bình An.

Cuộc nhân duyên này, theo như thiên hạ đồn, thím tài đã ăn không năm sáu chục nén bạc của khách Hồng. Vì thím này vẽ ra nào là tiền cheo cưới ở nhà quê nặng và phải đãi đằng bà con họ hàng đông.

Thế là Lan đã có chồng mà thím tài đã vớ được một mẻ buôn người phát tài vậy.

## XII

### HÓA AN NAM, LỬ KHÁCH TRÚ

Giữa phố khách buổi sáng hôm đó, trước cửa một hiệu buôn bán đồ ăn đồ hộp tây, thấy tập nập đến mười lăm hai chục người lao động với những xe bò và xe cút kít để một hàng dài, dựa theo vỉa hè. Người nào,



trong tay cũng cầm một cuộn dây thừng thò đầu chỗ miệng vào trong cửa hiệu cùng nói lổ nhổ một lúc nghe như cùng xin một việc:

- Hôm nay có hàng xin ông chủ cho tôi chở mấy chuyến để kiếm mề gạo về cho cháu.

- Có tàu Tây sang rồi, *xì thẩu* cho anh em tôi lĩnh bốc hàng lên nhà.

Bên trong có tiếng nói ra đồng dặc:

- Kiện to hai hào, kiện nhỏ một hào, có chịu giá ấy thì hai giờ chiều lại đây lĩnh vé ra kho mà chở. Buổi chiều mới được bốc hàng lên.

Trong lúc ấy, ông chủ hiệu và bà chủ hiệu ngồi đối diện nhau ở phía sau quầy đang mãi nói chuyện tiền bạc buôn bán.

- À quên! Hôm kia *hóa* đã bỏ thầu được hai vạn năm nghìn cái chổi cho nhà binh dùng. Chiều nay *hóa* phải ra kho trông coi bọn cu li bốc hàng bên Tây mới sang, còn *lú* thì chịu khó đi đặt người ta làm chổi đi chớ.

- Kì hạn bao lâu mới phải nộp.

- Ba tháng.

- Thế thì biết có làm kịp không?

- Phải đặt nhiều nhà cho họ làm kịp thầu đồ của nhà nước nếu trễ thì bị phạt, lần sau người ta không cho mình thầu nữa.

- *Lú* bỏ thầu mấy hào một chiếc?

- Tính ra hơn một hào tư.

- Sao rẻ thế hử?

- Thế mà rẻ à! Mình đặt họ làm, cả chổi với cây nửa làm cán thượng số hơn hai đồng xu, mình lãi hào mấy, còn gì!

- Người ta mua chổi làm gì nhiều thế nhỉ?

- Để phân phát cho các trại binh, đồn lính dùng để quét tước chứ làm gì.

- Thế còn món thầu mấy nghìn tạ gạo cho nhà thương, bao giờ mới cần giao nạp để *hóa* còn lo liệu trước mới kịp.

- Việc ấy thì chưa gấp mấy. Đợi mùa gặt hái này xong rồi dân quê



cần bán thóc lúa để nộp sưu thuế, lúc bấy giờ hóa sẽ bảo cách thức cho lư đi mấy vùng Sặt, Cẩm Giàng, Thanh Miện mà cân sẽ được giá hời. Mình làm nghề bao thầu này phải biết xem thời, chờ dịp, mua rẻ bán đắt thì mới có lãi nhiều.

Tới đây có một bà lão xách chai vào mua rượu đủ số rồi bà lão còn vật nài đắt rẻ đòi thêm cho được nửa giuộc mới chịu đi cho. Ông chủ hiệu như có ý bực mình, nói lầm rầm trong miệng:

- *Ồ Nào dẫn mại quán xối mậu thêm.*

Câu này tiếng Quảng Đông, nói là: *người An Nam chỉ có đi mua quan tài là mới không đòi thêm*, còn mua thứ gì cũng nài thêm cho được một tí mới nghe.

Bà chủ hiệu nghe hiểu vỗ nhẹ trên vai ông chồng ra cách yêu cầu, vừa cười vừa nói:

- *Xi thấu* (ông chủ) vừa nói vụng gì An Nam chúng tôi đấy. Này tôi bảo: vị thần phải nể cây đa mới được chứ.

Rồi cả hai vợ chồng cùng cười.

Hiệu khách này chính là hiệu Bình An ở Hải Phòng. Ông chủ, bà chủ cũng không phải ai đâu xa lạ: chính là chú Hồng với Thị Lan.

Hai người kết hôn thấm thoát đã được vài năm. Con cái tuy chưa có mống nào nhưng tiền bạc thì để thêm ra mãi. Cửa hàng, cửa hiệu ngày càng phát đạt; công việc bao thầu mua bán ngày càng lời lãi. Thím Hồng bây giờ nghiêm nhiên là một bà chủ hiệu to, bạc trăm bạc nghìn đi qua mười đầu ngón tay là sự thường không còn phải là cái Lan nhặt từng đồng kẽm lúc trước nữa.

Cuộc nhân duyên với chú Hồng có ảnh hưởng quan hệ đến thân thế tương lai của Thị Lan một cách đặc biệt.

Chú Khách này chẳng những cho nàng một cái tên mà sau này vua biết mặt, đời biết danh, cha được mở mày, em được nhờ của, ta có thể nói ngay như thế này, hẳn cũng không sai sự thật: trong mười lăm năm nữa, nàng trở nên một người giỏi buôn giỏi bán, làm giàu làm có là nhờ khách Hồng khai quang điểm nhỡn cho từ hôm nay vậy.

Lấy chú Hồng, chẳng phải Thị Lan bước một bước từ cô gái quê



nghèo khổ lên ngay địa vị một thím khách phong lưu hay một bà chủ hiệu mà thôi vì sự ấy cũng thường, có nhiều người khác từng gặp. Người ta vẫn nói đàn bà có thể làm quan tấ, làm giàu tấ, chẳng có lạ gì. Duy có chỗ khác người ta là Thị Lan đã bước chân vào đầu mỗi con đường nó đưa một cô ả nhà quê đi lần tới những thủ đoạn kinh doanh vừa khôn ngoan vừa quỉ quyết đến nỗi: “*Tay trắng làm nên cơ nghiệp lớn, má hồng trang điểm phấn son vua*”, có lẽ có một không hai ở trong lịch sử phụ nữ cận đại xứ ta.

Chỗ hay dở thế nào khoan nói, nhưng sự thật thì quả như thế.

Có người nói chơi câu này, ngẫm lại mà đúng:

- Từ khi xứ ta bước vào kỉ nguyên mới, nếu bảo có cuộc phụ nữ hào hùng là kinh tế tự chủ với nữ tử chức nghiệp thì ta phải công bằng mà nhận cho Thị Lan là viên tướng tiên phong, là nhà thực hành “nữ tử kinh tế, chức nghiệp tự chủ” trước nhất ở đây.

Thật chú khách Hồng là tạo hóa của cô Tư Hồng mai sau.

Nghe hai vợ chồng nọ nói chuyện buôn bán với nhau lúc nấy, các bạn hẳn đã đoán biết khách Hồng là người Phúc Kiến do ở hai tiếng xưng hô *hóa, lư*. Tiếng thông tục của người Phúc Kiến và Triều Châu xưng mình là *hóa* gọi người là *lư* cũng như *nị, ngô* của tiếng Quảng Đông vậy.

Không biết khách Hồng có phải lai căng hay là đẻ bên ta và học bao giờ mà tiếng An Nam nói rất thông thạo, liến thoắng, cả đến tục ngữ phong dao và những tiếng láu tôm láu cá, chú ta cũng rành. Hèn nào bà vợ dọn những món ăn bản xứ trăm phần trăm như giả cầy, riêu cua hay lòng lợn mắm tôm, chú cũng xơi được tuốt.

Tuy khách Phúc Kiến nhưng chú Hồng thạo cả tiếng Quảng Đông, tiếng Quan Thoại và biết nhiều ít tiếng Pháp cần dùng những lúc giao thiệp bao thầu buôn bán. Nhất là nghề buôn bán cực thực phẩm tây phương, người Phúc Kiến sở trường hơn hết gần như độc quyền ở xứ ta, cho đến bây giờ cũng thế, các người đi suốt bắc nam, thấy những hiệu nào gọi là *Épicerie* hay *Alimentation* thì hiệu ấy của khách Phúc Kiến.

Thân phụ chú Hồng lập ra hiệu Bình An từ lúc Hải Phòng mới xây nền, đắp móng sau truyền lại cho con, lưng vốn có vạ bạc và bạn hàng



rất đông. Ban đầu mỗi việc bao thầu lĩnh trung gì người Pháp giao hết cho khách đứng làm trung gian vì An Nam ta chưa có ai biết việc làm mỗi lợi ấy. Thành ra một tay khách Hồng, chủ hiệu Bình An, kinh doanh trục lợi nhiều món: nào là nhập cảng những rượu tây và đồ ăn đồ hộp để bán cho bạn hàng tây, nào là xuất cảng rượu ta và nhiều thổ sản khác về bên Tàu; lại còn bao thầu mua bán cho nhà binh và nhà nước nữa.

Từ ngày có thím Hồng về trông nom giúp đỡ, chú Hồng như chim đủ lông cánh, rết mọc thêm chân, chú càng dễ bay nhảy trong thương trường vì bên mình không có cái gì lo nội cố. Thím Hồng lại đảm đang, tinh quái, thấy một biết mười, khéo tính toán lợi hại giúp chồng, cuộc buôn bán nhờ vậy mỗi ngày một phát tài thêm. Hàng phố đều khen chú Hồng có phúc và đồ chùng vốn liếng của hiệu Bình An bây giờ có đến bốn năm vạn.

Ai không nghĩ cô gái quê họ Trần đến thế là sung sướng tuyệt.

Kì thật lúc nào nàng cũng có vẻ buồn bã âm thầm. Đời con người ta phải có cái biến tượng ấy để tỏ ra ông Tạo hóa chí công. Ta chớ tưởng những kẻ giàu sang kia được yên vui sung sướng mọi vẻ mà lắm. Đáng cao xanh cho họ được sung sướng về phần xác thịt thường bắt họ phải đau khổ về phần tinh thần, chẳng nhiều cũng ít để thừa trừ cho cân. Ta thấy họ mâm cao cỗ đầy, lên xe xuống ngựa thế mà trong tâm não luôn luôn vẩn vít có cái gì lo, cái gì buồn, cái gì tủi thảm cho mình, cái gì thua kém người ta. Ông trời có cho ai được trọn hưởng nhân gian hạnh phúc bao giờ!

Thím Hồng lúc này xác thịt sung sướng thật nhưng tinh thần thì đau khổ như tê, như dần có gì lạ đâu! Trong cảnh phong lưu ích kỉ, thiên lương nó cắn rứt tâm não của nàng, bắt nàng phải buồn rầu tưởng nhớ đến ông cha già, tức là bác phó cự Thành Thị, không biết lúc này đang còn mạnh khỏe hay đã nằm dưới cỏ xanh? Không biết sớm tối có được hai bữa cơm no hay phải khổ sở đói rét? Không biết còn ở Kim Sơn hay đã lênh đênh trôi nổi xứ nào mất rồi? Vì từ ngày nàng bỏ nhà bước chân ra đi chốc đã năm năm, tuyệt hẳn tin tức với cha già, với dì ghẻ, với em bé.

Phải chi nàng cứ lưu lạc nghèo khó thì thiên lương nó cũng không vội lạy động tấm lòng hoài cảm ấy thức dậy làm gì. Đằng này, nàng đã



làm bà chủ hiệu, làm vợ nhà giàu, hình như mỗi khi thấy mình sung sướng là mỗi khi nghe trong cõi lòng có tiếng trách vấn của thiên lương:

- Mày dành vui thú cuộc đời lấy một mình sao? Còn lão già kia đâu?

Một hôm nổi buồn thấm thía quá, nàng không thể cầm được nước mắt rồi đem hết tâm sự gia đình ra tỉ tê kể lể với chồng.

Chú Hồng cảm động và có ý trách thím vô tình:

- Chết nỗi! Thế sao mấy năm nay *lú* không nói cho *hóa* biết? *Lú* không phải câm mà!

### XIII

## ANH ĐI ĐÀNG ANH, TÔI ĐI ĐÀNG TÔI!

Chú Hồng thương yêu chiều chuộng vợ một cách gần như có ý nghĩa tôn giáo. Không phải vì nhan sắc hay mỹ đức gì – sự thật, vợ chú đâu có hai của quý ấy! Chỉ vì thấy từ khi lấy vợ về, việc buôn bán được thêm phần chấn và càng ngày phát tài hơn trước. Chú Hồng tin chắc tuổi vợ có quan hệ mật thiết với cuộc làm giàu của mình nếu rời bỏ nhau ra thì sự nghiệp mình đến phải nghiêng đổ, nguy khốn.

Người Tàu có lòng tin tưởng ấy nhiều lắm.

Chúng tôi được thấy một nhà thầu khoán Hoa kiều lấy một cô giang hồ một trăm phần trăm về làm vợ. Cô này vừa già vừa ốm, nghiện thuốc phiện mỗi ngày nửa lạng là ít lại ham mê đồng cô bóng cậu đến nỗi lúc nào không đi lễ bái, nhảy nhót ở đền kia phủ nọ thì ở nhà nằm li bì cạnh bên bàn đèn. Cái lạc thú giữa vợ chồng hầu như không có nữa. Thế mà ông chồng hết sức chiều chuộng, kính sợ, nào là cho cô thờ tự, đồng bóng ngay ở trong nhà, nào là mua thuốc phiện thượng hạng cho hút và sâm Cao li chính hiệu cho cô bổ dưỡng. Người ta có thể bảo là chú thờ bà vợ. Chỉ vì chú tin rằng tuổi vợ rất hợp với cuộc làm ăn của chú, từ khi lấy cô về, chú thầu khoán được toàn việc to, kiếm ra bạc vạn luôn luôn. Thành ra vợ muốn gì được nấy, tới nước đòi làm phép cưới



(vì chú Hoa kiều này vào làng Tây) và cho của để riêng, chồng cũng chịu ngay.

Chú Hồng thương yêu chiều chuộng bà vợ đại khái cũng do một tâm lí ấy; hay nói cho đúng, cũng thờ một tin tưởng ấy.

Thấy vợ thương cha nhớ nhà muốn về thăm viếng, chú Hồng vội vàng chiều theo sở thích vợ kéo sợ vợ buồn. Giá như người khác, bất quá viết thư cậy người thăm hỏi hay là cho vợ muốn đi thì đi một mình thế đã là tử tế. Đằng này chú Hồng chiều vợ, phú thác công việc cửa hiệu cho mấy người khách làm công rồi chú thím và một con ở bụng tráp trầu, xách va li theo hầu cùng nhau đề huề đi Kim Sơn.

Chắc các bạn còn nhớ, hồi mấy năm trước thím Hồng ở đây ra đi, tay trắng, chân không với một bọc áo vải nâu cũ mềm, một chiếc nón lá rách. Bây giờ thím trở về đây, đi dép cong sơn bóng quai nhung, đội nón ba tầm xuyên thẻ bạc, tai có hoa, cổ có hột, quần áo lượt là, theo sau là một con nữ bộc với một ông chồng thả bím xuống quá ngang lưng, mặc áo dài gần chấm gót, chân đi bít tất trắng, giày Tàu, ông quần thắt sà cạp, đúng một của các ông Thiên triều cuối thế kỉ XIX bước sang đầu thế kỉ XX này.

Trong bấy nhiêu năm xa cách đi về, mấy độ sao rời vật đổi, nhân sự biến thiên.

Trước khi sắp đến đầu làng, thím Hồng chứa chan những nỗi vui mừng khắp khởi vì tưởng sẽ được thấy cha già, gặp dì ghẻ và mấy đứa em đã lớn, thấy những gốc cau thời cũ, khóm chuối ngày xưa. Nhất là mừng thăm ta đi một về mười, được hơi lòng rửa mặt cho cha sạch hẳn cái tai tiếng đối với hàng xóm từ ngày nào. Một người học trò nghèo được về vinh qui bái tổ, cái trình độ vui mừng trong dạ, hẳn cũng đến mực cao chừng ấy thôi.

Khôn thay! Nỗi mừng của thím Hồng chẳng khác gì nỗi mừng của cô bán sữa hay là anh chàng đã tỉnh giấc kê vàng!

Lúc về đến nơi, thím nhận rõ từ khóm tre, từ bụi dâm bụt đi về này những lối này năm xưa, duy có nhà xưa cảnh cũ của mình bây giờ chỉ còn lại một đám vườn hoang cỏ mọc. Thím giật nảy mình khôn xiết ngao ngán băng khuâng, chưa đến nỗi đứng đấy mà khóc òa vì còn có chút hi vọng hay là nhà đã dời vào phía trong xóm.



Thím trông thấy một người đàn bà ẵm con đang đứng ở đầu xóm dòm sững về phía mình liền đi đến chỗ người ấy để hỏi thăm.

Người ấy là thị Tý bạn gồng gánh đi chợ Kim Sơn với nhau ngày trước.

Thị Tý giờ đã có chồng, có con, bộ tịch sỗ sễ như con lợn nái đã đẻ nhiều lứa. Lúc này có tiếng trẻ con trong xóm kháo nhau có vợ chồng chú Khách đi vào làng, thị Tý ẵm con ra đứng ngoài ngõ nhà mình ở đầu xóm để dòm xem cho thỏa tính hiếu kì.

Khi thấy thím khách đi lại gần chỗ mình đứng, thị Tý nhanh nhẩu hỏi trước:

- Thưa bà, bà muốn tìm nhà ai cơ?

Bồng nàng cau mày nhăn trán như lúc trí nhớ của con người ta vụt tỉnh dậy; thím khách chưa kịp trả lời câu hỏi thì nàng đã reo lên:

- Rõ nổi chưa! Chị Lan đây mà? Bây giờ bệ vệ sang trọng như bà lớn, còn nhớ cái Tý bạn cũ ngày nào không?

- Ô! Thế ra chị Tý ư? Trông người bây giờ khác hẳn, giá chị không nói chắc tôi không nhận ra. Ngoảnh lại mới ngày nào, thật là chóng quá nhỉ!

Quả thật, thím Hồng nhận ra bạn cũ. Trong lúc ấy, lũ trẻ trong xóm vây chung quanh chú thím, ghéch mắt lên mà nhìn, ngơ ngác ngác, chúng nó dòm sững từ đồ vàng đồ ỏi ở cổ thím sang đến cái đuôi sam dài thượt của chú; thị Tý xua tay bảo chúng nó giãn ra và nói:

- Mời chú thím vào ngồi tạm trong nhà tôi uống nước nghỉ chân đã.

Nhà thị Tý thanh bạch nhưng anh chồng vốn con nhà học trò nên khéo giữ cửa nhà sạch sẽ và biết cách trang hoàng theo lối quê. Hôm ấy chồng nàng đi vắng, không ai tiếp chuyện chú Hồng. Chú cầm quạt phe phẩy đi lại trước sân, xem hết mấy chậu cây si của chủ nhân dụng công uốn thành chữ phúc chữ thọ, tới xem non bộ và mấy con cá vàng bơi lội tung tăng trong bể nước. Trong khi ấy thím ngồi ăn trầu nói chuyện với thị Tý ở chiếc chiếu hoa giải trên đầu hè.

- Chị về đây hôm nay là có lòng tốt tìm thăm chị em bạn nghèo với nhau thuở trước, hay là có việc gì?



- Phải tôi về trước là thăm nhà tôi, sau là thăm bạn cũ.
- Nhà nào?
- Nhà thầy tôi chứ nhà nào, chị này khéo hỏi ỡm ờ không.
- Giời ơi! Thế ra chị bấy lâu ở đâu chẳng được tin nhà và không biết chuyện thay đổi gì cả thì phải.
- Chắc thầy tôi đã dọn nhà vào xóm trong có phải không chị?
- Xóm trong nào? Hồi ấy, chị bỏ nhà đi được vài tháng thì ông cụ dọn hết nhà cửa di trú đi đâu không biết, chúng tôi có hỏi nhưng ông cụ không chịu nói. Thế từ bấy đến giờ chị không được tin tức gì về ông cụ cả hay sao?
- Nào tôi có ngờ; vẫn đinh ninh trong bụng rằng cả gia quyến tôi còn ở vùng này.

Thím Hồng nói câu ấy với giọng náo nùng và cổ cầm nước mắt cho dừng tuôn xuống. Thị Tý cốt nói nhỏ nhỏ cho bạn vừa đủ nghe:

- Chị này bỏ nhà đi vắng một mạch năm sáu năm giờ không biết gì tin tức của nhà thật nhỉ. Để tôi kể qua cho chị nghe nhớ. Nay, lúc ấy chị bỏ nhà ra đi hôm trước, hôm sau đầu làng cuối xóm, thiên hạ đồn rầm lên rằng chị phải lòng thằng con ông lí Hường, chữa hoang với nó mà nó không thềm lấy thành ra chị phải đi xa để ở cũ xong rồi mới về. Ông cụ nhà chị buồn rầu, xấu hổ đến nỗi gầy hảnh người đi. Thêm mấy người độc ác, gặp ông cụ ở đâu cũng hỏi bóng gió, xỏ xiên: Nghe nói ở nhà ông có chiếc trống cái muốn bán rẻ, phải không?... làm ông cụ tức lộn ruột, có lần chửi nhau với họ. Còn một đằng, lão Bá Kim sơn không lấy được chị về đám bóp cho lão thì lão cũng tức, thường đe dọa kiện thưa ông cụ và tìm cách làm hại hết sức cho biết tay, cho ông cụ không thể nào làm ăn mở mặt ở vùng này được thì lão ta mới chịu.

Hình như có lần ông cụ ra ngoài Nam tìm chị không được rồi về ít lâu, tôi thấy ông dọn dẹp nhà cửa, cái gì bán được thì bán, còn thì nhét đầy hai cái bồ, sáng sớm dắt díu cả nhà ra đi. Ai hỏi đi đâu, ông cụ chỉ trả lời là dọn lên chợ huyện. Kì thật là nói dối vì ông không dọn lên chợ huyện bao giờ; chắc hẳn di trú đi đâu xa biệt, không ở trong vùng này nữa.



- Thế thì mệnh mông giời đất, biết đâu mà tìm cho ra được, hử giời!

Thím Hồng vừa nói vừa dơ dóm nước mắt rồi đứng dậy từ giã bạn. Vợ chồng thầy tớ vội vàng đi ra cho kịp chuyến tàu Kim Sơn về Nam để xuôi Phòng ngay tối hôm ấy. Vì cái mục đích “vạn lí tâm thân” không đạt khiến nàng hết sức buồn bã, không muốn ở lại để ngó thấy cái cảnh tượng dầu cũ rêu phong, đất còn người vắng kia một giây phút nào nữa.

Thế thì trong lúc cô con gái làm ăn đã khá, cốt về thăm cha, giúp cha, với ông rể Thiên triều chịu khó theo vợ đi tìm để chào nhạc phụ, hỏi bác phó cự Thành Thị đã di trú phương nào, lưu lạc đâu tá?

\*

Quả đúng như lời thị Tý đã nói cho bạn nghe sau lúc con gái trốn đi, bác phó như người mắc chẹt ở giữa cái tình thế hai đầu có lửa. Một đầu là miệng tiếng thị phi của thiên hạ thiêu đốt. Một đầu kia là lời hăm dọa của lão cường hào Kim Sơn làm cho bác nóng lòng sốt ruột. Bác liệu bề không ở làm ăn xứ này được nữa thế tất phải đi. Rồi bác lẳng lẳng dặt dít vợ con sang ở Bồng Hải; từ nay bác với thím Hồng, cha con chẳng những tuyệt hẳn âm hao lại biệt cả tung tích. Vì tuy ở trong một xứ nhưng hỏi đó việc giao thông khó khăn nên khó lòng mà tìm nhau được...

Ở Kim Sơn về Hải Phòng được độ mười ngày, thím Hồng bỗng phát bệnh nặng vì lẽ ưu sầu thái quá. Mỗi ngày một cơn sốt rét li bì hề động nhắm mắt là nói mê, nói sảng; ăn uống thứ gì cũng phải thổ ra. Ông chồng lo sợ xanh mặt, đã tưởng phải làm đám ma. Hao tổn bạc trăm, đôi thầy chạy thuốc mấy bận, gần hai tháng mới được thoát hiểm.

Nhưng từ đấy trở đi thím Hồng hóa ra người ốm yếu hom hem, thường biếng ăn mất ngủ và năm ngày ba tật luôn luôn. Trong nhà chẳng mấy ngày không có y sinh ra vào, bên mình cũng chẳng mấy hôm vắng siêu thuốc bổ.

Có người nói thím Hồng có ngoại tình, ốm thế là ốm tương tư, chẳng biết có phải không? Lắm bà lắm cô nhà giàu, giời cho khỏe khoắn sung sướng quá độ mà ái tình không được no đủ, thường sinh ra dâm



đăng, không phải lạ gì. Chỉ biết thím Hồng từ ngày đau yếu liên miên trong mình sớm tối nằm ngòai thờ thần, lừ đừ chẳng còn có thể săn sóc âu yếm chồng như mọi khi và cũng chẳng lí hội gì đến việc buôn bán giúp chồng được nữa.

Trong khi thím Hồng ốm yếu như thế, thì chú Hồng đâm ra chơi bời. Có lẽ tòa nhà đến lúc ọp ẹp, suy đồi, mấy cây cột cái bị một đực khoét tứ tung. Bà vợ như con mèo ướt, nằm rên trên giường bệnh, ông chồng nhảy tung như con ngựa bất kham ở trên con đường tửu sắc, yên hoa.

Đêm nào chú cũng kiếm có trốn nhà đi ngủ lang, không ngòai bốc ròi ở những sòng mạt chược, ngẫu hằm thì cũng xuống nằm khàn dưới xóm cô đầu hay là cặp kè một con đĩ “phì phà chảy” ở trong khách sạn nào đó. Lúc trước chú hiền lành như ông bột đất, bây giờ đồ đốn, phũ phàng hung dữ như một tên côn đồ. Có lúc thím chưa kịp hết lời can gián, ghen tuông, chú đã quắc mắt lên thím lại phải im ngay.

Cửa hiệu mặc kệ mấy người làm công, chú không dòm ngó gì đến sổ sách và hàng hóa thứ nào mất còn thiếu đủ. Chú chỉ cần một việc là mỗi chiều tối mở ngăn kéo ra, nội ngày bán chắc được mấy chục, mấy trăm thì vợ vét bỏ túi rồi đi. Ngày hôm sau cũng thế.

Ai lạ gì cờ bạc, trai gái là một hang sâu vô cùng tận, bao nhiêu kho vàng đụn lúa đem đổ vào đó cũng không vừa. Chơi bời phung phá như cách chú Hồng thì đến sản nghiệp của Vương Khải, Thạch Sùng rồi cũng phải đổ nát tiêu tán, cái lưng vốn dăm ba vạn của hiệu Bình An có thấm tháp vào đâu.

Ban đầu chú Hồng chơi bằng vốn nhà; bao nhiêu tiền bạc buôn bán hay lĩnh trưng kiếm ra, cứ hết trăm nọ đến nghìn kia, chú đem quăng vào cửa hang “tứ đồ tường” cho kì hết. Rồi thì chơi bằng hàng hóa bán đắt bán rẻ và nợ lãi vay cầu vay cào. Tiền hàng còn thiếu chịu các hãng Tây hiệu Khách rất nhiều, nơi thì thúc đòi ngày một, nơi thì thừa kiện thẳng tay.

Thế là cái sự nghiệp của ông bỏ để lại làm gốc và năm năm dư vợ chồng bù đắp thêm vào đến đây tan hoang vỡ lở sạch bong.

Tới khi chú Hồng tỉnh ngộ, muốn cố duy trì gượng lại thì như



người đã ngã, đuối sức quá rồi không vùng dậy nổi. Cho nên trước mấy hôm nguy cấp chú đã bí mật tìm kế thoát thân không thì ở tù mang nhục, chẳng phải khánh tận cửa hiệu mà thôi. Vợ vét tứ phía được dăm trăm đồng, chú lòn ra Móng Cáy xuống thuyền chài trốn về Đông Hưng mất, không hề dỉ rằng một tiếng nào cho vợ biết trước để tự liệu lấy thân. Đàn bà Việt Nam thường nói “*Lấy khách, khách về Tàu*” là sự đó.

Có, chú Hồng có để lại cho vợ mấy chữ viết trên miếng giấy nhỏ vàng in trên chiếc gói bông mai chiều tối hôm sau thím mới thấy vội vàng đưa cho chú tài phú xem và cắt nghĩa giùm. Mấy chữ thế này: “*Ngã cấp hồi Mãn, bất năng thoại biệt. Điểm vụ thính nhĩ liệu lí nhất thiết. Tha nhật hoặc hữu cơ duyên trùng phùng, vị khả tri dã. Lan khanh trân trọng*”. Nghĩa là: “Ta gấp về Phúc Kiến, không kịp từ biệt. Công việc cửa hiệu tùy mình lo liệu tất cả. Ngày sau may có cơ duyên ta lại gặp nhau, cũng chưa biết đâu. Xin chúc Lan khanh, trân trọng”.

Thôi thế là xong: chú mặc mẹ con vợ Ổ Nàm mà tách về Tàu một mình rồi.

Chú bảo thím lo liệu cách gì bây giờ? Người ta đã xin tịch kí mà trong hiệu trống trơn hàng hóa, đồng xu không còn.

Ngày sáng hôm sau, mỗ tòa đến niêm phong cửa hiệu Bình An và sai người canh gác. Thím Hồng chỉ vừa kịp thời giờ gói ghém quần áo, xách nón ra đi; lại mình trần tay không, như hồi mới đến năm năm về trước.

## XIV

### MỘT ĐÊM DƯỚI TÀU CỬU GIANG

Số kiếp giang hồ lại quăng Thị Lan giả về đường cái.

Người ta định chắc Thị Lan trong năm năm ở với chú Hồng thế nào chẳng lần lữa để dành được năm ba ngàn làm vốn riêng, phòng bị mai sau gặp cơn gió mưa bất trắc. Ai lấy Khách, lấy Tây mà chẳng phòng thân lo hậu như thế.



Có lẽ.

Nếu như tìm gặp được ông bố già, hẳn nàng đã chuyên vận cho ông được ít nhiều vốn riêng mấy năm ki cóp. Hay là có ai quen thân chắc nàng có chỗ gửi gắm. Nhưng đằng này Thị Lan không tìm được bố mà cũng chẳng quen thân với ai ở xa hay gần thành ra để riêng được nhiều ít lung vốn thì nàng chỉ biết giấu trong đáy rương rồi đem ra mua sắm những đồ tư trang bằng vàng. Kể ra nàng sắm được ba bốn chục lạng chớ không ít. Thuở ấy vàng rẻ mỗi lạng chưa đến ba chục đồng, thế là nàng cũng góp nhặt tư sản được trong ngoài bạc nghìn rồi, còn tiền mặt chưa kể. Khốn nỗi đến lúc chú Hồng đâm ra chơi bời phóng túng thì đồ vàng, tiền riêng của vợ, chú cũng đổ dành mưu mẹo bóc lột dần dần. Thị Lan vừa nể vừa sợ chồng mà lại không quen biết ai để chuyển của đi, để chồng khéo thổi tiếng quyền, giọng kèn mà bòn đãi lần hồi tới hết.

Cho nên hôm chú Hồng đã quát ngựa truy phong mà mõ tòa đến tịch biên hiệu Bình An tổng Thị Lan ra ngoài – vì nàng lấy Hồng chẳng có hôn thư phép cưới gì cả - lúc ấy nàng chỉ có bọc áo quần là nhiều, với đôi hoa tai và năm bảy chục đồng trong túi họa may, không làm gì có bạc nghìn thủ thân như người ta đoán nghĩ.

Thật là mèo lại hoàn mèo rồi!

Tuy vậy, mất chú Hồng biết đâu chẳng phải là một cái may cho Thị Lan như chuyện thăng con Tái Ông mất ngựa vậy. Đời nàng sẽ bước vào một giai đoạn mới, mở ra một kỉ nguyên mới hứa hẹn nhiều sự hay hơn. Thường khi cái họa của con người ta vẫn là một điềm báo trước hay chính nó là chìa khóa mở cửa cho cái phúc lững thưởng đến sau.

Lúc bấy giờ *bà cô bố* vờ của nàng và thím tài già ở Cầu Đất đã qua đời rồi, ở đất Hải Phòng không có ai thân để cho nàng nấu nướng tin cậy được. Mấy chị em quen bình nhật thường ngồi nhai trầu nói chuyện phiếm với nhau thì kể làm gì. Có người nói định làm mối cho nàng chấp nối nhân duyên với một ông chồng ta hay một chú khách nữa tùy ý nhưng nàng cười và lắc đầu:

- Tôi đã hai mươi tám tuổi đầu, trong tay lại không có một xu thì còn ma nào thêm lấy.

Kì thật nàng nghĩ chín trong bụng rằng: chẳng gì mình cũng đã trải



qua một đời chồng là chủ hiệu giàu có, tiếng tăm hầu khắp tỉnh Phòng đều biết, bây giờ chấp nỗi liệu có gặp được mặt nào cũng bảnh như thế không? Nếu cha căng chú kiết, vợ quàng vợ xiên, e bị thiên hạ mai mỉa. Mà ở nấn ná mãi chỗ này cho đến long đông sa sút cũng hồ với đời; thôi thì “*lại liều nhắm mắt đưa chân, thử xem con tạo xoay vần đến đâu*”. Số kiếp có bắt mình lấy phải thằng cu bố dĩ hay là cùng lắm đến phải bán tròn nuôi miệng như lũ chị em vô phúc kia thì thà rằng đi xứ khác mà làm cho khuất mắt, chẳng ai biết đây là đâu, chứ hồi nào nghiêm nhiên một bà chủ hiệu ở đây, giờ sứt xuống làm một người trụy lạc cũng ở đây thì phiền lắm.

Thế rồi ngay buổi chiều hôm ấy nàng từ già Hải Phòng đáp tàu khách “*Cửu Giang*” đi lên Hà Nội.

Cảnh đi tàu thủy vào thời buổi này ra sao, chúng tôi đã nói cho độc giả biết rồi. Với nàng chỉ khác có một điều là bảy tám năm trước, đi chuyến tàu từ Nam ra Phòng nàng là một cô ả nhà quê nhút nhát, khù khờ; chuyến tàu này từ Phòng lên Hà Nội, nàng là một thiếu phụ có vẻ lịch sự phong lưu, đi đứng nói năng bạo dạn.

Gần cạnh chiếc chiếu nàng ngồi, một người đàn bà nằm ngủ cò queo, gối đầu trên chiếc tráp khảm nho nhỏ, quàng tay ôm lấy va li, một đứa bé ngồi bên vừa coi đồ, vừa quạt phe phẩy. Người này cũng trạc hai mươi tám, ba mươi tuổi, mặt trái soan, môi son má phấn, đầu vấn khăn nhưng bỏ đuôi gà dài, mắt lại đeo kính râm để ngủ cho khỏi chói. Trông có vẻ tỉnh thành, hơn nữa ra vẻ một me Tây vì thấy lông mày cao gọt sắc lẹm, chân lại mang giày đầm và bít tất trắng đó là cái đặc trưng của các bà dương phụ thuở đó. Thị Lan dòm kĩ gương mặt nhớ mang mang như một người nào mình quen.

Mãi chín mười giờ đêm người ấy mới vươn vai chỗi dậy bỏ kính đen ra trở mắt nhìn vào Thị Lan dưới ánh đèn chiếu ngay giữa mặt. Vừa lúc Thị Lan cũng nhìn trừng lại. Rồi cùng trong một giây phút cả hai người cùng hòa tiếng reo lên một:

- Kia! Cô Ba La Vích!

- Ô này! Thím Hồng!

Hai người đã nhận được nhau.



Quả thật cô Ba La Vích là một me Tây sang trọng, vợ một ông quan ba pháo thủ, ý hắc tên ông là *Lavic* hay là *Lavèque* cho nên người ta quen gọi cô là cô ba La Vích. Cách hai ba năm về trước, cô theo chồng xuống phục chức ở Phòng, thỉnh thoảng có lui tới hiệu Bình An mua rượu, đồ hộp, phở mát, dăm bông, lễ tự nhiên hay có dịp giao thiệp chuyện trò với vợ chồng chủ hiệu. Giữa lúc ấy Thị Lan đang là thím Hồng, bà chủ hiệu Bình An vào thời kì cửa hiệu đang tấp, buôn may bán đắt, một vốn bốn lời. Hai người quen nhau hơi thân, mặc dầu không có những sự vãng lai thù tạc.

Về sau cô lại theo chồng dời lên Hà Nội, xa biệt Hải Phòng luôn mấy năm trường, cái tình quen biết giữa khách với nhà hàng sao khỏi phai nhạt dần đi. Hôm nay sự tình cờ cho đối mặt nhau và đánh thức trí nhớ, khiến hai người cùng phải sửng sốt ngỡ ngàng nhất là gặp nhau trên một chuyến tàu ngược.

Me Tây, thím Khách ngồi sán lại nhau chuyện như pháo nổ:

- Rõ thật là may! – Cô Ba nói – tôi xuống Phòng hơn một chủ nhật, mãi hôm qua mới có dịp đến hiệu để thăm thím không ngờ đến thấy đóng cửa có người ngồi canh, tôi hỏi bà chủ đâu nó xua tay đuổi tôi đi như đuổi tà, chẳng thém nói gì cả. Tôi tức cả mình, không nhẽ đứng lại mà “sà lù cu soong” nó...

- Hiệu tôi bị tịch kí rồi, cô ạ - Thị Lan nói và thở dài.

- Chết chưa? Thím nói thật hay bỡn?

- Cô tính đời thuở nhà ai lại đi nói bỡn một câu chuyện tan cơ nát nghiệp bao giờ.

- Thế chú Hồng ở đâu mà đề...

- Thì cũng tại nó đấy, cô ơi! Luôn hai năm sau này tôi ốm nằm bẹp một xó thì nó đâm ra chơi bời phung phá, cờ bạc này, trai gái này, trước còn vợ vét tiền nhà đi tọng vào đào đĩ, vào bạc bài rồi sau vay nợ tứ tung thiếu tiền hàng họ của người ta be bét người ta phải xin tòa cho khánh tận, tịch biên. À Hồng cuốn gói trốn thẳng về Tàu trước, bỏ tôi bơ vơ.

- Ấy đấy, thím xem. Mình lấy chồng khách thường gặp phải cái cảnh họ cuốn gói đi êm, bỏ vợ con giữa chợ như thế, mình cay hơn cần phải ớt. Thím không biết, chồng Tây chẳng có thể bao giờ, dầu sao đi



nữa họ ăn ở với mình cũng tử tế, khi đi khi về phân miêng. Cứ xem ngay ông ba nhà tôi thì biết, đến hạn hưu trí về Tây, ông cho tôi mấy nghìn làm vốn và tất cả đồ đạc trong nhà cũng đáng bạc nghìn. Mấy hôm sắp sửa từ biệt, mẹ sù bà đầm sứt sùi than khóc với nhau cẩn thận. Tôi vừa ra Phòng là cốt đi tiễn ông xuống tàu giờ tôi trở về Hà Nội đây.

- Cô thật có phúc. Chẳng bù với tôi, mang tiếng lên là Hồng mà vận thì đen. Hồng nhan bạc mệnh là thế!

- Có lẽ con người ta cũng có số. Nhân tiện ra Phòng hôm kia tôi có đi lễ thánh xin một quẻ thẻ ngải dạy thế nào tôi cũng gặp một quý nhân còn sung sướng danh giá hơn trước nữa kia. Sao hôm nọ thím không xin thánh một quẻ thử xem?

- Cô nghĩ xem cảnh tôi mấy hôm điều đứng sào khổ đến thế, úa cả ruột gan, mất cả hồn vía, chỉ muốn đâm đầu xuống sông mà chết quách cho xong còn có bụng dạ nào nhớ đến việc lễ bái xin thẻ được nữa!

- Chuyến này hẳn thím cốt lên chơi Hà Nội năm ba ngày cho khuây khỏa rồi lại trở về Phòng tái tạo cơ đồ, phải không?

- Không! Còn nhà cửa thân thích nào ở Phòng mà cô bảo tôi trở về. Chỗ chị em quen nhau một ngày là nghĩa tôi không nói giấu gì cô và cũng không ngại cô cười: tôi đi Hà Nội lớp này, giống như người thò tay mở bát lúc sắp sửa cuốn chiếu, bán chẵn hay bán lẻ, cùg đất tất, mặc nó ra sao thì ra!

- Nghĩa là thím đi liều mạng *văng tê*, không có chủ ý gì cả.

- Kể ra thì tôi cũng có chủ ý lên đó tìm cách buôn bán nuôi thân. Nhưng rồi số kiếp đưa mình đi đâu mà chẳng phải chịu.

Cô Ba La Vích ngồi lẳng lẳng ngẫm nghĩ gì một lát rồi bỗng vui cười, vỗ vai thím Hồng:

- Phải đấy, thím cứ ở Hà Nội ít lâu tôi làm mối cho một ông chồng sang trọng mà nhờ.

- Cảm ơn cô có lòng tốt; chỉ sợ lại vớ phải một chú Hồng nữa thì tôi chết!

Hai người ăn uống chuyện vãn với nhau suốt từ đây cho đến chiều tối hôm sau, tàu mới đến bến Hà Nội.



Cô Ba có bà mẹ và em cháu ra đón tấp tới. Trước khi leo lên chiếc xe tay cao ngất ngưỡng, cô Ba còn nắm tay thím Hồng, căn dặn ân cần:

- Mai kia thế nào thím cũng nhớ xuống chơi nhà tôi ở cửa Ô Quan Chưởng nhá. Cứ đi xe đến đấy, hỏi nhà tôi thì ai cũng biết.

Còn thím Hồng thuê xe kéo về hàng Buồm vào một bạn hàng quen, cũng là chồng khách vợ ta.

## XV

### GẶP ĐƯỢC CẢ CHỒNG LẦN CHA

Thuở ấy, các ông thông, ông kí làm việc ở phủ Thống sứ hay ở tòa Đốc lí mà nhà riêng ở quanh những phố hàng Bông, hàng Hòm, hàng Trống, hàng Quạt những khi đi khi về tất phải qua phố hàng Gai. Người ta thấy họ chiều nào đi làm về cũng thế như chăm chú đưa mắt găm ghé vào một căn nhà gác kiểu xưa, ngay góc hàng Gai, đầu ngõ hàng Hành. Các ông thường liếc mắt dòm có vẻ ranh mãnh rồi khúc khích bảo nhau:

- Con cái nhà ai mà bà mụ khéo nặn thế kia không biết!

- Đẳng ấy có biết không? Cả thấy những năm “kẻ” cơ đấy!

- Ừ phải, khá nhất là con bé nhỏ nhỏ, mới độ mười tám, mười chín, da nó trắng bóc trứng gà, miệng tươi như hoa nở, mỗi khi tớ đi qua mà thấy bóng hồng thấp thoáng đủ làm cho quả tim tớ nhảy cào cào nhất là hai chân rùn cả lên không còn muốn bước.

- Sao các quan bác chỉ thích gái non, tôi thì muốn phải lòng bà chủ. Người đậm đà phúc hậu mà có duyên tề. Nghe đâu như là một thím khách hồi hưu thì phải.

- À ra lão này khôn quá, muốn được cả bò lẫn cơm.

- Thôi đừng ba hoa mãi, con sư tử Hà Đông mà nó thấy mình hay ngấp nghé nhà này, đồ khỏi nó nổi cơn tam bành đồ mẹ cả mâm cơm tối cho mà xem.



Vì trong nhà hình như có hai cô trẻ trung xinh đẹp nhất cho nên các ông đặt tên nôm là nhà Sẻ Đồng (*Đồng Tước*) để biểu riêng với nhau, phòng khi nói đến trước mặt các bà ở nhà.

Chính là nhà thím Hồng dọn lại ở, sau mấy hôm tạm trú đằng hàng Buồm.

Nhưng không biết có phải thím là chủ nhân, là người tổ chức và quản lí hay cũng chỉ là một phần tử của nhà này? Điều đó thật không ai dám quyết chắc. Vì có người nói không phải thím là chủ, chính chủ là người mà thím quen, thím đến ở trọ cho vui, ở cái gác nhỏ bên trong.

Chỉ biết nhà này cố nhiên một nơi tiêu khiển cho khách phong lưu, có điều không phải là nơi tầm thường tạp nập, ai muốn gõ cửa cũng được. Người ta thấy lui tới phần đông là Khách chủ hiệu to hay bậc phú thương quý chức ta; thỉnh thoảng cũng có một vài ông Tây sang. Bên trong đủ cả mặt làng: có rượu, có bàn đèn nha phiến, có bài mạt chược, có mấy cô em ngoan ngoãn phục dịch. Kể ra thì gần như một chốn hồng lâu chỉ khác là không có cung đàn tiếng hát.

Có hai lần, cô Ba La Vích cùng đi với ông chồng và mấy ông bạn lại thăm thím Hồng ở đây. Vì cô đã kết duyên với một ông quý quan mới, quả đúng như quẻ thẻ thánh dạy.

Cô cũng không quên lời ước rồi làm ông Tư bà Nguyệt cho thím Hồng.

Một hôm, tự cô nhắc lại:

- Tôi sắp tìm được cho thím một ông chồng Tây quan tử tế sang trọng ra phết.

- Nhưng tôi không biết nói một tiếng Tây thì làm sao?

- Thì rồi mình chịu khó học, mãi cũng phải biết, lo quái gì! Này nhớ:

*Tôi đi là mỏa a-lê,  
Rề-vay thức dậy, cu-xê đi nằm,  
Toa ba, cát bốn, xanh năm,  
Sà-loong phòng khách, la xăm cái buồng.*

Người ta đã đặt thành các vè câu hát như thế cho mình dễ học.



Chẳng lo gì, chỉ năm bảy tháng một năm, thím sẽ nói tiếng Tây liền thoảng cho mà xem!

Rồi mấy hôm sau, nhân lễ Dân Quốc kỉ niệm, ngày 14 Juillet 1895, ông chồng cô Ba làm tiệc ở nhà đãi năm ba ông bạn thân, cô Ba mời thím Hồng đến và giới thiệu cô với ông quan tư Garlan. Thím Hồng bạo dạn và tinh ranh, cứ dòm chừng người ta cầm phóng-sét và ăn uống thế nào thì bắt chước y như vậy. Trong tiệc, cô Ba La Vích khéo phô trương tán tỉnh, đóng vai băng nhân nguyệt lão rất tài. Thím Hồng chẳng hiểu họ nói với nhau những gì, chỉ ngồi cười với gật. Ông quan tư Garlan thấy thím Hồng bộ tịch hiền lành, mộc mạc vui lòng ừ ngay. Vì chính ông đang muốn tìm một người nội trợ bản xứ.

Cuộc nhân duyên điều đình và kết thúc nhanh như điện. Ngay hôm sau Thị Lan xách va li vu qui nhà chồng, bước vào xã hội me Tây và có cái tên là cô Tư Hồng từ đó.

Bây giờ trở đi, người chép chuyện chỉ dùng tên mới ấy để xưng hô cho tiện và xóa hẳn tên Thị Lan và thím Hồng đi.

Con người ta đến lúc gặp may, tự nhiên thêm khôn, nảy sáng ra là sự thường thấy: “*Phúc đáo lâm tinh*” quả có như thế. Giờ cô Tư Hồng mới bắt đầu học tiếng Tây, cố nhiên học lồi truyền khẩu thấy sao phải uốn lười cong môi khó nói, khó nhớ hết sức; tương đầu phải đành chịu đốt, rồi sự ngôn ngữ giao thiệp ở giữa vợ chồng có lẽ cả đời phải nhờ thông ngôn hay là chỉ đưa mấy ngón tay ra hiệu mãi. Ấy thế mà trời cho hạnh phúc mở mang cả trí khôn, cô Tư Hồng chịu khó học lỏm chị em không đầy một năm đã thông thạo những tiếng giao thiệp cần dùng và có thể nghe hiểu, nói được.

Lại khéo ăn ở chiều chuộng ông chồng, khiến ông phải cảm, phải thương. Hằng tháng, ông để riêng cho một số lương khá hậu; còn may mặc sắm sửa và cô bòn thêm khi ít, khi nhiều là đằng khác. Những món nguyệt bổng và ngoại tài ấy, cô khéo dành dụm, thả lãi, buôn bán loanh quanh mới hơn vài năm giờ đã tậu được một ngôi nhà gạch ở phố hàng Dầu, tạo nên một cơ đồ biệt lập.

Nhờ giờ cho lúc này lại có nhà cửa linh đình, tôi tớ tấp nập, cảnh phong lưu ăn đứt chị em cùng hội, cùng thuyền.



Lạ một điều, là hầu hết me tây, thím khách, khi giời đã cho khá đôi chút, đều tin mê đồng bóng lễ bái. Ba bốn chục năm trước đã thế rồi.

Bọn đồng cốt cung văn nhờ các me, các thím mà phát tài và không bao giờ phải lo nhân cư thất nghiệp. Có lẽ đây là một cái “mốt” của xã hội *me, thím*. Họ rủ nhau, đua nhau, ai không theo “mốt” thì không phải mặt bảnh.

Cô Tư Hồng cũng phải theo “mốt”; sắm khăn châu áo ngự, phải dan díu với chị em đưa nhau cầu đèn kia, lễ phủ nợ luôn luôn. Cầu con, cầu của, cầu tài lộc, cầu bình an; riêng cô Tư Hồng còn thêm một khoản cầu cha già nữa. Vì từ lúc về Kim Sơn tìm không thấy cha, đến giờ cô vẫn chưa dò ra tăm hơi tung tích bác phó cự Thành Thị ở đâu, còn sống hay đã chết rồi.

Ai đi lễ thánh được ngài bố thí tài lộc những gì không biết, cô Tư Hồng đi lễ thánh quả được gặp một sự may mắn ra ngoài mộng tưởng.

Thật thế, nhờ một dịp đi lễ thánh mà cô được phụ tử trùng phùng sau bao nhiêu năm sinh li.

Truyện thật tình cờ.

Mồng sáu tháng ba năm ấy, cô đi theo mấy chị em bạn về hội Phủ Giày lễ thánh xong rồi trở lên tỉnh Nam để đáp tàu thủy ngược Hà Nội. Lúc ra bến tàu chợt thấy một bầu đoàn đang ngồi trong quán nước bên sông, cô mừng quá rú lên, xuýt ngã chết ngất. Này cha già, này dì ghẻ, này em bé, những người thân yêu cách biệt tám chín năm nay mình đang bắn khoăn hỏi tìm, ước ao gặp gỡ.

Thật quả là bác phó cự. Nguyên bác từ bỏ Kim Sơn vào Bồng Hải làm ăn buôn bán mấy năm cũng khá, có đồng dư đồng để bèn dắt cả vợ con về Thành Thị quê nhà, trước là tảo mộ tổ tiên, sau thăm bà con làng xóm, kéo bấy lâu bỏ làng đi biệt, một chốc hai chục năm dư. Hôm nay ở nhà quê lên Nam cốt chờ đáp tàu lại về quê cũ. Bác phó không ngờ gặp con, cũng như con không ngờ gặp cha vậy. Nhất là bác vẫn là bác, mà con thì đã lớn khôn, sang trọng, ra vẻ một bà.



## XVI

### LẦN THỨ NHẤT, BÁC PHÓ ĂN PHÓ MÁT

Cái cảnh phụ tử trùng phùng vui mừng sung sướng của hai cha con cô Tư Hồng lúc ấy tưởng không bút mực nào tả ra cho hết được. Giá có ai đem cả nhà băng hay một ngôi vua đánh đổi với họ chắc họ cũng không thềm đổi nào.

Vui mừng sung sướng nhất là bác phó cự!

Thật thế, con gái bác biệt mất tám tích gần mười năm, bác vẫn đinh ninh tin tưởng nó chết đói bỏ xác đâu rồi, hay có sống sót nếu không làm con sen, con nụ nhà người ta thì cũng đang rách rưới đói khát với một thằng chồng cực kì nghèo khổ.

Ai ngờ...

Phải, không khi nào bác dám ngờ rằng con gái bác còn sống đã lấy được ông chồng quý quan, đã tậu được chiếc nhà. Hôm nay đi lễ, y phục, hành trang, tùy bịch nhất thiết đều có vẻ sang trọng bà lớn, mấy người chị em đồng hành cũng một loạt phong lưu như nhau. Trông thấy con, bác phó ta nghĩ mình nằm mộng cũng phải.

Nếu cô Tư không reo lên nhận ra bố trước, thì đồ bác phó dám chỉ vào cô mà nói: - Này con Lan nhà ta!

Đời người ta có những lúc vui mừng đến phát khóc chính là lúc này.

Mấy người chị em bạn trông thấy cảnh tượng cha con hội ngộ bất ngờ như thế và những tiếng vui cười có đầm nước mắt khiến họ cũng phải bùi ngùi, cảm cảnh.

Một người nói:

- Thật là chị Tư ở hiền gặp lành mới được thánh mẫu dun dủi cho hội ngộ gia đình thế này. Phúc đức quý hóa lắm. Nhân tiện mời cụ lên ở chơi Hà Nội thật lâu cho chị Tư được thỏa lòng ước vọng thân hôn bấy lâu.



- Vâng, tôi cũng muốn thế - bác phó trả lời. Nhưng cửa nhà và công việc làm ăn ở Bồng Hải bỏ bằng gần tháng nay rồi để tôi phải về qua đó sắp đặt rồi sẽ lên Hà Nội chơi với cháu sau.

Cô Tư lắc đầu:

- Chẳng sắp đặt thì đừng. Bây giờ cả thầy u phải lên ở Hà Nội với con trong ít lâu, con sẽ cùng đi về Bồng Hải dọn dẹp cửa nhà lên tắt Hà Nội ở luôn đây. Thầy đã già rồi từ nay con không để cho thầy vất vả nay xứ Đông, mai xứ Đoài nữa.

Thế là một đoàn chị em, cha con, tứ thầy cùng xuống tàu thủy ngược Hà Nội.

Cô Tư hôm đi chỉ cốt đi lễ thánh nào ngờ hôm về lại rước được bố về.

Hôm sau trong nhà cô ở phố hàng Dầu có mở tiệc vui như tết.

Muốn kỉ niệm cái ngày phụ tử đoàn viên cho được trọng thể, cô Tư làm tiệc vừa cỗ bát, vừa đồ tây, trước đề tạ ơn trời đất, gia tiên sau đề mời hợp các chị em và những người giao thiệp quen biết đến ăn mừng giùm cô.

Bốn chục năm về trước, xã hội me tây mới nhóm lên, chưa có bao lắm người, vả lại ai nấy còn chất phác và giữ được lễ thói xưa nhiều, cho nên họ ăn ở với nhau thân thiết đậm đà lắm. Họ thường đỡ đần, dìu dắt nhau, mỗi khi một người có việc hiếu hỉ gì thì cả bọn tới lui thăm viếng ân cần và đưa lễ vật phong hậu. Cách cư xử với nhau như thế tuy không có điều lệ nào ràng buộc nhưng cũng hình như một hội ái hữu hay một nghiệp đoàn vậy.

Nghe tin bạn gặp được cha già, các chị em bạn lại mừng cô Tư đều có quà cáp tặng hảo ông cụ. Kẻ này tặng cái khăn nhiễu, người kia cho chiếc áo the. Có bà cầu kì lại nhờ được cụ đồ nào đó làm câu đối viết vào liễn tàu đem đến mừng nữa.

Tiệc nhà cô Tư hôm ấy đến ngoài mười cỗ vì chị em khách khứa đến rất đông. Cô có ý xen lẫn cỗ bát với đồ tây, tùy khách muốn dùng thực phẩm nào thì dùng mà cũng là hữu tâm để ông cụ nhà cô được nếm cả hai cái phong vị đông, tây cho biết.



Cỗ bát, nếu đời bác phó từng được ném qua, chắc hẳn cũng chỉ một hai lần là nhiều; đến đồ ăn tây thì bây giờ bác mới trông thấy là lần thứ nhất.

Bởi vậy bác sừng sốt khi thấy người ta ăn bằng đĩa với dao. Đến lúc ăn “phó mát”, bác thật tình nghĩ là sắp ong, nhưng chỉ cắn một miếng rồi vội vàng nhả ngay ra tắc lưỡi nhăn mặt:

- Gớm mùi nó nặng nặng làm sao ấy!

Cả ngày khách khứa tấp nập, mãi đến tối mịt mới được thông thả, vắng vẻ, cha con ngồi nói chuyện cửa nhà với nhau. Hình như trong trí bác phó ngấm ngấm băn khoăn một sự gì còn thiếu nên chỉ sau lúc những chuyện hàn huyên li biệt đã tuôn ra hết rồi, bác bỗng hỏi cô Tư:

- Thế còn ông ấy đâu, sao bữa tiệc hôm nay không thấy nhỉ?

Bác hỏi “ông ấy”, nghĩa là ông chồng cô Tư. Thì ra ông thực thà, suy nghĩ theo như lễ tục An Nam thì trong bữa tiệc hôm nay lẽ phải có ông quý tể ra chào nhạc phụ. Cố nhiên cái sự bái kiến bằng áo thụng xanh, chiếu cạp điều, bác không dám tưởng đến. Bác cũng tự biết mình cho nên đã gọi chàng rể là “ông ấy” chứ không hỏi “anh ấy” hay là “nó” đâu.

- Thừa thầy, ông Tư con mấy hôm nay có việc quan phải đi lên trên Hà Giang độ một chủ nhật nữa mới về.

- Về ở nhà này?

- Không! Vì ông Tư nhà con có dinh riêng của nhà nước cho ở trong thành. Con cũng thường ở trong ấy. Cái nhà này con thấy rẻ thì tậu, trước cho người ta thuê, mấy tháng nay con lấy về không cho thuê nữa định để làm chỗ buôn bán. Bây giờ thầy cứ ở đây, tiện lắm.

- Ông ấy là người thế nào, già hay trẻ?

- Còn trẻ mà tử tế lắm, thầy ạ. Mấy hôm nữa ông ấy về thế nào mà chẳng mời thầy lên chơi.

- Khốn nhưng tao nghe tiếng Tây như vẹt nghe sấm.

- Lo gì, đã có con thông ngôn, vả lại ông ấy nói được tiếng An Nam kia mà.



Đêm hồ khuya, đến giờ đi nghỉ.

Trong buồng kê chiếc giường Hồng Kông còn mới. Cô Tư gọi đầy tớ bung chậu nước ấm ra cho ông cụ rửa chân, lau chùi sạch sẽ rồi đưa ông cụ vào nằm nghỉ trên chiếc giường tây. Lòng hiếu thảo của cô muốn cho ông bố già từ nay được hưởng mọi sự mới mẻ, sung sướng, dù mình phải thiệt thòi gì cũng cam. Nhưng chiếc giường Hồng Kông cho bố nằm là cái hảo ý đó.

Bác phó vừa đặt mình ngồi lên giường, thấy sao nó phập phồng không chắc và lại lún dần xuống khiến bác hoảng hồn đứng phắt ngay dậy tưởng đâu mình làm gãy giường.

Cô Tư phì cười:

- Ấy giường lò xo nó thế thầy ạ. Nằm êm mình lắm. Không phải gãy đâu.

- Thế mà không báo trước làm thầy giật nảy cả mình, trông ngực đang đánh thùm thụp.

Giường êm ỏ ấm, bác phó ta ngả lưng xuống một lát, đã cất tiếng kéo gổ khò khò kéo thẳng một mạch đến sáng. Có lẽ đã lâu ngày lắm, bác phó mới được một giấc ngủ quý hóa như thế.

Bây giờ đã gặp được bố đưa về Hà Nội, lẽ đương nhiên cô Tư phải dẫn đến ra mắt ông chồng để ông chia sự vui vẻ với mình.

Nhưng ông Tư còn đi vắng, cô cho thế là sự may.

Ông Tư lên Hà Giang có việc quan còn những một chủ nhật nữa mới về, ấy chính là một cơ hội, một thời gian thuận tiện để cho cô Tư đủ ngày giờ giải quyết một vấn đề quan hệ.

Vấn đề gì?

Vấn đề thể diện.

Cô nhớ lại hôm nọ có người chị em kể một câu chuyện buồn cười nôn ruột.

Một cô cũng quê quán ở đâu miền Nam, Thái, lưu lạc lên Hà Thành vợ được ông chồng Tây là người Anh hay người Ý gì không rõ. Ông bố, một ...



... (sách gốc mất 2 trang)

## XVII

### CHA CON PHÁ THÀNH HÀ NỘI RỒI RẼ BA NĂM

Từ đây, cuộc đời và cách sống của ông lão phó cự Thành Thị đổi hẳn.

Sau mấy ngày về Bồng Hải tổng khứ cả những cửa nhà vật dụng cũ kĩ đi rồi, bác phó trở lên Hà Nội ở phố hàng Dầu, nghiêm nhiên là một nhà phong lưu trường giả. Lúc này lại chơi chầu hoa non bộ, lại uống chè tàu ấm chuyên, mỗi bữa ăn lại có rượu nhắm đưa cay, có người đứng hầu quạt. Giờ, rượu nếp của ta – thứ rượu mà bác chuyên nghề và sống nhờ về nó – bác xem ra nhạt nhẽo; bác thường đánh chén bằng rượu *cô nhắc* nguyên vị của ông quý tế sai đem lại cho. Trong tủ chè, lúc nào cũng có mấy chai cô nhắc để sẵn.

Thật, ông tư Garlan phúc hậu tử tế, đối với bác phó rất ân cần. Mỗi chủ nhật ông mời lên nhà riêng ăn cơm tây, nói chuyện thân mật. Một vài ngày ông lại đến nhà ở phố hàng Dầu thăm hỏi và cho quà này vật kia luôn luôn. Cử chỉ quý hóa ấy là một sự lạ ở cuối thế kỉ trước. Cho nên hàng xóm đều để ý, bàn tán.

Người thì tưởng bác phó là một vị quan to cự triều cho nên có quan Tây hay đến hỏi han đại kể.

Kẻ thì bảo ông Tây đến học tiếng An Nam với lão chủ nhà.

Dần dần nhiều người biết và khao nhau:

- Bố vợ đấy.

Rồi ai nấy đều khen ông quý tế ăn ở như thế, ngay trong nhà lễ giáo bản xứ cũng hiếm có.

Người ta thường nói “*Mẫu dĩ tử quý*” (mẹ nhờ con đỗ đạt làm quan mà được quý hiển) đây thì là “*Phụ dĩ nữ vinh*”, quả thật cha nhờ con gái được vẻ vang sung sướng.



Cứ tháng tháng, ông tư đem lại cho nhạc gia một gói 50 đồng bạc và nói chơi:

- Tôi đem tiền lương hưu trí lại cho ông đây.

Thời ấy người ta được tiêu toàn bạc đồng. Mỗi lần, bác phó cung kính cất gói bạc vào trong tủ rồi pha ấm trà liên tâm thật ngon mời ông quý tế xơi.

Chắc hẳn bác phó có tài thăm mỏ mà đào và miệng lưỡi tán tỉnh cũng khéo. Một ngày kia, bác ngồi than thở rằng phong tục An Nam, ai cũng cần phải gây dựng lấy gian nhà ở chỗ quê nhà đất tổ thế mà phần bác thì ở cô hương chưa có tí gì. Ông tư nói:

- Để tôi giúp ông việc đó.

Quả nhiên năm sau, ông mua cho bác một cái nhà gạch hai tầng ở phố hàng Than, tỉnh Nam Định.

Đời bác phó có lẽ tự cho mình thế là sung sướng mãi nguyện rồi nhưng đời con gái bác thì bây giờ mới là bắt đầu.

Trong khi ông bố vuốt râu nằm khểnh ở trên giàn hoa phong lưu nhàn hạ thì bà con gái sục sạo hoạt động, mưu dựng lên một cơ nghiệp to.

Cô Tư vốn con nhà hàn vi, chịu thương chịu khó làm lụng đã quen lại gặp được chú Hồng chỉ vạch cho những mảnh khóe doanh thương trực lợi cho; khoảng ấy đã hồ tấy lớn mà rồi xôi hỏng bỏng không, cô vẫn tám tức. Giờ được số phận đưa lên Hà Nội là trường hoạt động to rộng hơn, thêm gặp gỡ nhờ vả được ông chồng có địa vị là thế, phen này chẳng lợi dụng mà lên bà phú hộ thì còn bao giờ nữa?

Người ta khỏi lo, cô Tư khôn ngoan tinh quái, cổ nứu chặt lấy cơ hội, không cho nó chạy vuột đi mất đâu.

Các me tây khác gặp được cảnh sung sướng như cô Tư đổ khỏi chỉ lo may mặc, chưng diện, cờ bạc, đồng bóng, không có ý chí gì, dễ thường cũng không nghĩ đến tương lai nữa. Cô Tư thì chỉ lo vun đắp xã giao, gây dùng thực lực để nó làm chìa khóa mở cửa doanh lợi cho mình. Không có một cuộc bao thầu buôn bán nào mà cô ta không chú ý xem xét, mặc dầu mỗi lợi to hay nhỏ, sức mình làm được hay không.



Đến nỗi cuối năm 1897, ông chồng được lệnh bổ lên cung chức ở miền thượng du, cô Tư xin được cho mình ở lại Hà Nội buôn bán. Vì ông Tư là quan họa đồ nhà binh, lên thượng du tất phải xông pha vào những núi rừng hiểm trở, nước độc ma thiêng, nếu đem gia quyến theo, e có nhiều nỗi nhiều khê bất tiện.

Hà Nội lúc bấy giờ, miễn là người ta có chí làm giàu, chẳng thiếu gì cơ hội và công việc lớn.

Các ngài cứ đoán ra cũng biết; cuộc Bảo hộ đặt ở xứ Bắc, khởi từ năm 1883, đến cái thời kì 1897 mà chúng ta đang nói chuyện với nhau đây, trước sau mới có 15 năm. Lúc ấy nhà nước đang lần lần thi hành chương trình mở mang Hà Nội trở nên một thành thị tân thời, rộng lớn, vừa là thủ đô của toàn xứ Đông – Pháp. Tự nhiên các công cuộc cải tạo kiến thiết phải ngổn ngang đầy dẫy, tha hồ cho người ta làm. Hại một nhát cuốc, giăng một sợi dây cũng đủ kiếm ra tiền nghìn bạc vạn.

Cô Tư hơi tinh mắt hơn phần nhiều chị em, trông thấy thời cơ dễ làm cho giàu như thế, trách nào không chuyên tâm chú ý vào việc doanh lợi.

Trăm bó đuốc sao cũng vớ được một con ếch.

Năm 1898, nhà nước làm đúng theo chương trình kiến thiết định sẵn, bỏ thầu phá thành Hà Nội làm đất bằng. Trong giới thầu khoán xứ Bắc, người ta cạnh tranh nhau dữ vì là một việc làm to, chắc có lợi nhiều. Nhưng rồi họ phải nhẩn nhó, ngơ ngác, nháy dưng cả lên như đã ngồi phải ổ kiến lửa, không ngờ cái việc khó khăn mà chắc chắn phát tài ấy lại lọt vào tay một người đàn bà thầu được.

Tất cả các ông thầu khoán vừa thẹn vừa tiếc, dè dặt mình thấp cơ thua trí đàn bà.

Càng không ngờ hơn nữa là thời buổi ấy lại có một “thị mệ” đứng ra tranh thầu với họ.

Chính là cô Tư Hồng.

Phải, quyết ganh đua và ăn đứt bọn đàn ông, cô Tư được thầu công việc hủy phá bốn mặt thành trì Hà Nội.

*(Kiểm duyệt thời Pháp bỏ 7 trang)*



Nói cho đúng, cô Tư thầu được việc này, cốt nhờ tiếng tăm và sự bảo kết của ông chồng mà được tín nhiệm, nhà binh mới giao cho mà làm.

Các nhà thầu khoán có râu, có sừng lúc bấy giờ, lành nghề và nhiều vốn hơn mà không tranh nổi một người đàn bà là vì thế.

Nhưng ta cũng nên biết giùm công việc phá thành không phải đâu một việc dễ, nhà thầu khoán chỉ ngồi mà ăn.

Nhất là ở thời đại bốn chục năm về trước, mọi sự gì cũng còn nhất sơ thiếu thốn, nào có máy đào máy chở gì, động một tí là có cơ khí chuyên môn giúp sức như bây giờ đâu?

Thuở ấy, người ta chỉ có sức bấp thịt để nạy từng viên gạch, xúc từng xẻng đất, bỏ đầy vào đôi thùng gánh đi mà đổ xuống chỗ khác. Liệu chừng mỗi ngày một người đi về như thế được bao nhiêu gánh?

Đã vậy, phần nhiều thành xưa của ta, dưới chân là đá ong, trên gạch nung thật già, hòn nọ dính với hòn kia bởi một thứ hồ riêng, hình như trộn vôi cát với giấy bồi mật ong mà luyện nên, nó bền mà cứng vô kể, trải bao nhiêu gió mưa, binh hỏa cũng vẫn trơ trơ. Thành ra nạy được những hòn gạch này, người ta phải mất bộn hơi sức và mồ hôi.

Công cuộc phá thành lập hào vì thế mà tốn nhiều nhân công và làm vất vả lâu ngày. Cô Tư bắt tay vào việc từ cuối năm 1898 mãi đến đầu năm 1901 mới xong, tính lại vừa đúng ba năm.

Còn nhớ ngay lúc sắp đặt khởi công, cô Tư phải tậu một cái nhà ở phố hàng Da để làm đại bản doanh đốc thúc thầy thợ, trông coi phu phen. Hai cha con thay phiên nhau săn sóc việc làm tận nơi, tận chỗ, vừa đóng vai ông chủ vừa đóng vai “*sú ba đấng*”.

Khổ nhất là việc phá cửa Đông, nên cô Tư phải lập căn cứ ở gần đó cho được gần nẻo đi về, tiện đường coi sóc.

Tuy vậy, việc làm này chính là bậc thang cho cô Tư Hồng bước lên trên đài danh lợi.



## XVIII

### BẮT ĐƯỢC VÀNG CHÔN, HAY LÀ CHỈ CÓ ĐỒNG ĐÁ?

Thật thế, việc thầu khoán phá thành đã đặt vào tay cô Tư một mối phát tài to.

Trong khi xã hội bắt đầu biết tiếng cô Tư Hồng và nhiều chú đàn ông dòm nom, găm ghé thì sở địa ốc của thành phố Hà Nội đã biên tên Trần Thị Lan là một nghiệp chủ.

Người đàn bà mới ngoài ba mươi tuổi ấy có thủ đoạn khôn ngoan thật tình.

Một công hai việc: cô Tư vừa phá, dọn thành xưa vừa xây nhà mình.

Thì ra những viên gạch cạy gỡ ở thịt da bức cổ thành kia nào phải là vật đáng bỏ đi, vô dụng!

Bộ óc tính toán lợi dụng của cô nặng đến mấy ki lô không chừng.

Giữa lúc vất vả dọn thành cứ dọn, cô vẫn lo tậu đất làm nhà. Vì những viên gạch nào nạy ở thành ra còn nguyên lành, vẫn có thể đem dùng vào việc xây nhà cất phố của ta, còn gì tiện lợi và khỏi tốn hơn nữa.

Cho đến sự thuê một căn nhà ở hàng Da để làm căn cứ đã nói ở cuối đoạn trên, cũng là nhất cử lưỡng tiện, để coi sóc công việc dọn thành ở cửa Đông mà cũng để trông thợ làm nhà của mình ở trong xóm ấy luôn thể.

Chắc hẳn cô Tư mua đất ở xóm Đông môn lúc ấy cũng như chú Hỏa mua đất chung quanh chợ Bến Thành, Sài Gòn. Nghĩa là một xu một thước.

Tiền có, đất rẻ, gạch kia tha hồ; lúc bốn vách thành Hà Nội ngã xuống sát đất tức là lúc mấy dãy nhà mới của cô Tư ở mặt đất mọc lên.



Năm 1901, người ta thấy công cuộc phá thành vừa hoàn hảo thì một dãy nhà mới ở phố cửa Đông Général Bichot cũng tạo lập gần xong. Lại xây thêm một dãy khác ở hàng Da cả thấy tám căn.

Thời đại nào, kỉ cương ấy. Những dãy nhà kia, so với lâu đài phố xá bây giờ chẳng thấm vào đâu nhưng mà ba bốn chục năm trước, người làm chủ nó đã nổi tiếng là sang trọng và được coi là một đại phú gia.

Hồi này, vốn liếng trong tay cô Tư được chừng vài ba vạn.

Thấy gái nhiều của mà ở một mình, thiếu gì các ông danh giá mon men, tán tỉnh. Vì quan tư Garlan về Pháp năm 1902, cô Tư ở độc trụ buôn bán làm ăn, người ta đồn cô nhân tình ông này ông nọ, chẳng ai biết đây là đâu nhưng kể danh nghĩa thì chưa có ông nào là chồng chính thức.

Còn các bà thì ngồi lê đôi mách:

- Ấy, cô ả phá thành bắt được vàng chôn từ đời xưa mới chóng giàu to như thế, bà ạ. Chứ công việc dọn mấy đồng gạch, dù có lời lãi cũng không tậu nổi hai ba dãy phố như thế kia!

Tiếng đồn cô Tư Hồng dọn thành được của, đồn vang khắp cả kẻ chợ nhà quê từ đó.

Người ta đồn cũng có lẽ.

Như các ngài đã rõ, thành Thăng Long nguyên là kinh đô của ba triều vua Lý, Trần, Lê. Trước sau gần bảy thế kỉ.

Phàm là chốn kinh sư, bao giờ cũng tụ tập những của trân kì quý báu. Trong chỗ cung vi chứa nhiều vàng ròng, của lạ đã cố nhiên, lại còn các phủ vương công, các nhà quyền quý, các tay phú hào, thiếu gì kim ngân tích súc.

Bảy trăm tuổi của Thăng Long đế đô đã trải qua ba phen thay triều đổi họ, ba lần quân Tàu xâm lăng, ngoài ra còn biết mấy mươi lớp nào loạn li, nào nội chiến, nào đào nạn, nào luân vong. Cứ mỗi cơn quốc gia biến cố như thế, từ trong cung cấm đến ngoài dân gian, trước khi trốn tránh, người ta chôn vàng giấu của ở một xó xỉnh nào đó, họa may sau về còn mong lấy lại của mình. Nhưng thử hỏi bỏ nhà chạy nạn xưa nay, có bao nhiêu người trở về được hay là trở về mà của chôn còn đó không mất?



Vậy thì biết đâu những buổi thành Thăng Long sao đời vật đổi như cuối đời Trần Lê, chẳng có những cung nhân chôn giấu vàng ngọc dưới một gốc cây hay một góc thành?

Lại biết đâu những thuở có quân Mông Cổ tới hay có loạn Kiêu binh nổi lên, chẳng có những nhà quan sang giàu lớn gói ghém vòng xuyên hoa hột, chôn dưới chân thành cho khỏi bị quân giặc cướp mất?

Nhưng rồi ngày qua tháng lặn, cỏ mọc rêu phong, tài chủ một đi không về, bảo vật trăm đời nằm đó. Người sau đào cây cuốc đất, vô tình bắt được vàng bạc của cổ nhân, của tiền triều là sự thường thấy. Vàng Sầm Sơn mấy năm nọ là một chứng cứ.

Suy thế thì vì dọn dẹp thành Thăng Long mà cô Tư vớ được mười con trâu vàng hay một kho bạc nén tương cũng có thể có và cũng không phải quái lạ gì.

Tuy nhiên, câu chuyện được vàng chỉ theo tiếng gió truyền văn, không biết đâu mà chắc chính thực hư thế nào. Duy một đồng đá vút đi mà rồi bán được sáu nghìn đồng thì là chuyện có thật.

Con người ta đến lúc số phận cho khá, thần tài nịnh hót đến nỗi như phép thần tiên “chỉ đá hóa vàng”, có lẽ tiếng đồn được vàng bởi đó mà ra chăng?

Đoạn trên, chúng tôi đã nói thành Hà Nội xưa chân móng xây bằng đá ong thật tốt; hai bên thành cầu đi vào mỗi cửa cũng xây đá hoa. Năm trước, cô Tư Hồng lĩnh việc phá thành, những đá ấy, hòn nào to và nguyên lành, người thầu được bán hay phải nộp nhà nước dùng vào việc kiến trúc khác không rõ. Chỉ biết cô Tư gom góp được vô số đá nhỏ, đá nhón đem về chất thành mấy đồng cao ngất như mấy đồng rơm của nhà đại điền chủ ở trong khu vườn sau nhà cô tại phố hàng Da.

Mấy đồng đá coi như vật bỏ lăn lóc dầu dãi nắng mưa luôn ba bốn năm trời. Cô Tư định bụng nay mai có xây nhà tây thì dùng nó làm nền, làm móng.

Ngờ đâu hôm kia có một ông lão làm nghề bán đá mài nghe tin đến mua. Kể tới những thợ khám các nơi đồn nhau đến mua về để mài trai mài ốc, tốt lắm.

Ấy thế là đá phát giá cao. Hòn to bán một hai đồng; nhỏ nhất cũng



năm bảy hào. Chỉ hơn một năm, cả mấy đồng đá như có chân ra đi, đem về cho cô Tư một số tiền khá lớn.

Chẳng bao lâu, người thấy cô tậu được chín gian nhà tây ở phố Richaud và xây tòa nhà tân thời đồ sộ ở ngõ Hội Vũ. Cô thường nói:

- Đây là số tiền bán mấy đồng đá năm xưa, tôi đem buôn bán sinh lợi mà tậu và làm nên những ngôi nhà này.

## XIX

### NHÀ BUÔN GẠO ĐƯỢC VUA THÀNH THÁI BAN KHEN PHONG SẮC

Thế kỉ thứ 20 đã mở đầu ở nước ta với nạn cơ hoang kịch liệt dọc theo dãy núi Hoàng Sơn.

Luôn hai năm 1902 và 1903, hầu hết mười ba tỉnh Trung kì mất mùa. Có tỉnh còn vơ vét được lúa bắp ít nhiều. Có tỉnh thì mất sạch sành sanh. Dân tình đói kém hết sức.

Nhất là hạt Thừa Thiên.

Các ngài hãn không lạ gì địa thế Trung kì ta đóng vai làm hình chiếc đòn gánh cho hai đầu thúng Nam Bắc. Minh dài và mỏng, ngoảnh mặt ra thấy bề rộng, day lưng vào đụng với rừng núi liên miên, còn lại đất cát khả dĩ cày cấy trồng trọt không được bao nhiêu.

Ngay những năm được mùa, xứ Trung còn thiếu thóc để nuôi cư dân hưởng chi mất mùa, nạn đói kém bày ra nguy ngập tức khắc.

Thừa Thiên, núi non ở chen với đồng điền vốn là một tỉnh vào hạng những tỉnh nghèo nhất trong xứ Trung. Thế mà dân cư lại có phần trù mật, chắc vì lẽ sở tại kinh kì. Địa lợi cũng kén lên và không có công nghệ gì bổ sung vào canh nông. Ấy là chúng tôi nói chuyện bốn chục năm trước.

Bởi vậy, trong cái thời kì hai năm vừa mới kể trên, dân tình Thừa Thiên gặp nạn đói kém lạ lùng. Còn nhớ các bậc phụ lão ở đế kinh nhắc



lại chuyện xưa với những hơi thở dài và cho là một cảnh cơ hoang không tiền khoáng hậu.

Mấy huyện mé ngoài còn khá, khổ nhất phía trong vào tới Thừa Lưu, Truồi, Liên Chiêu, người ta đói tới nước chỉ còn bộ xương bọc da, đói nằm lả trên đường mà chết ngón ngang.

Nghe cũng đủ cho mình thương tâm, nói gì những người được mắt thấy.

Nhà nào nhà nấy đều tuyệt khói bếp lâu ngày. Vì trời đại hạn đã đốt cháy khô nhất thiết, không còn để lưu một trái bắp, một củ khoai, một hột lúa nào cho người ta có thể đun nấu mà bảo phải cần đến lửa?

Đói quá, thôi thì người ta vớ được cái gì cũng nhai tuốt để cho đàn kiến trong bụng khỏi chạy và sợi dây thờ mỏng manh khỏi đứt.

Ban đầu, người ta hái lá sung, rau má mà ăn, coi như cao lương mỹ vị. Đến sau phải ăn cả rơm cỏ dõ lòng. Rồi đem nhau vào rừng bới đào các thứ rễ cỏ, củ cây và bóc lột tới vỏ cây nhai ngấu chẳng kể gì đến sự độc lạnh. Già trẻ lớn bé đều thế. Tội nghiệp, lắm người giữa đường kiệt sức, nằm lả ra đó tắt thở luôn. Có người truy tặng những kẻ bất hạnh ấy là tử thương binh sĩ của trận giặc đói.

Phải biết Chính phủ Bảo hộ và triều đình sốt sắng ra tay cứu cơ phát chẩn nhiều lắm nếu không thì dân tình Thừa Thiên mấy năm ấy còn đói kém khổ sở hơn nữa.

Tai nạn đói tràn lan như đám lửa cháy quá to, cố nhiên một hai gáo nước cứu cơ không thể nào tưới tắt cho được.

Lúc đó ở ngay kinh sư và các thị trấn phủ huyện, những nhà có tiền đổi gạo, phải mua với một giá đắt đỏ ghê sợ. Hạt gạo quý như hạt vàng. Bọn đầu cơ các nơi chở gạo thóc vào Thừa Thiên bán một giá nhất bản vạn lợi, thật là cơ hội phát tài cho họ, nhưng họ cất cổ người mà ăn.

Cô Tư Hồng thấy thế cũng tính cầu lợi mà lại hóa ra lập được công danh, nổi tiếng nhân nghĩa mới kì.

Nguyên là sau việc thầu khoán phá thành được phát tài đâu hai ba vạn, cô xoay ra buôn bán lớn về thóc gạo, bắp ngô. Hồi này cô đã bắt đầu bước vào địa vị một nhà doanh nghiệp có số ở Hà thành. Xã giao cũng



rộng. Khách hàng Tây có, Tàu có, An Nam có. Trong bọn chơi bởi giao thiệp, không thiếu gì quan thương, phú hộ Tây Nam.

Trước cửa tòa nhà ở phố cửa Đông, sáng chiều thiếu gì ngựa xe dừng bước, quan khách ra vào. Nếu không phải khách hàng đến mua bán thóc gạo thì cũng là bạn bè Tây Nam đến thăm chơi.

Cụ Trần Nhật Tinh, tri huyện Đông Sơn, cụ Trần Tấn Bình, đốc học Hà Nam, ông Vũ Huy Quang, thông phán trạng sư, các nhà công thương doanh nghiệp như Trần Viết Soạn, Bạch Thái Bưởi, Cụ Khánh hàng Bạc, Hòa Kí hàng Khay, đều là những khách năng đi lại nhà cô Tư, hoặc tới giao du, hoặc vì việc buôn bán.

... (mất 2 trang)

Đã nói cô Tư đang độ xuân sắc hơ hớ, ở độc thân mà lại giàu có như thế, ai chẳng thích tìm đến kết giao.

Nghề đời, có năm lại muốn giàu mười. Hễ có một cơ hội hốt của thêm họ không khi nào chịu bỏ.

Nghe nói hạt Thừa Thiên đói kém luôn hai năm, thóc gạo rất khan và bán được giá lắm, cô Tư chở đầy một chuyến tàu gạo vào Huế để bán thủ lợi. Hồi ấy vào khoảng đầu năm 1904.

Nhưng khi tàu gạo mới ở ngoài này nhổ neo thì ở trong Huế, nhà đương cuộc Bảo hộ muốn trừ cái nạn thóc cao, gạo kém cho dân, vừa mới ra nghị định cấm buôn bán đầu cơ. Thành ra lúc tàu gạo vào đến nơi, đáng lí bị tịch biên và người chở gạo lại còn bị phạt nữa là khác.

Phúc đáo tâm linh, cô Tư nói dối ngay một cách rất khôn ngoan, miễn tiện:

- Không! Tôi chở tàu gạo này vào, cốt để phát chẩn cho dân đói, chứ có phải bán chác gì đâu.

Câu nói xoay hăn tình thế, lật ngay mặt trái ra mặt phải.

Từ nhà buôn gạo đầu cơ đổi ra nhà giàu lòng từ thiện.

Một việc thừa nguy cầu lợi đáng khinh trở nên một việc cứu khổ phò nguy đáng trọng.

Quan Khâm sứ ngợi khen lòng thiện hiếm có, nhất là từ nghìn dặm chở gạo lại đây cứu người. Thừa Thiên Phủ doãn thông sức cho các địa



phương. Hôm trước hôm sau, nạn dân tứ phía kéo về Phủ doãn lĩnh chân đông như kiến cỏ.

Mỗi người được vài đấu, dăm lon, so với đại nạn tuy không thấm gì, nhưng kẻ cũng níu lại hơi thở của họ được dài thêm mấy bữa.

Khắp kinh sư vang đồn tiếng tăm bà Tư Hồng, nhà từ thiện xứ Bắc. Nạn dân được bố thí thì cảm ơn nhớ người, còn cái ần khúc bên trong, họ nào biết được.

Thử thời nếu có báo chí quốc văn to rộng như bây giờ, chắc người ta đã thấy dung nhan cô Tư in bằng cái mực trên báo vào những bài tán dương leo từ trang nhất qua trang ba, trang bốn.

Tiếng vang thấu đến cửu trùng.

Trong lúc cô Tư đang vui thú phong cảnh sông Hương núi Ngự với những bạn mới ở thần kinh, bỗng tiếp được thánh chỉ triệu vào bộ kiến.

Đoạn này xin để cô Tư – người trong cuộc tự thuật ra thì hơn:

- “Hôm tiếp được lệnh đòi, tôi lo sợ “xanh mặt”, không hiểu chuyện gì. Một bà chị em bạn nói: - Chắc vì việc cô phát chẩn, “ngài ngự” muốn triệu vào tận nơi để xem mặt ban khen chớ gì. Mấy ai được cái vinh hạnh ấy, nhất là đàn bà. Thế là đáng mừng, có chi mà lo.

“Bây giờ tôi mới yên tâm.

“Nhưng thuở nay mình chẳng biết lễ nghi trong chốn triều đình cung cấm là thế nào, biết quì lạy tâu gửi cách sao cho khỏi phạm phép?

“Biết tiếng cụ thương Cao Xuân Dục xưa kia từng làm quan xứ Bắc, tôi vội vàng đến hầu thăm cụ để hỏi cách thức.

“Cụ tiếp đãi ân cần và bảo cho biết việc châu hầu đã có quan Lễ bộ chỉ vẽ hướng dẫn, đừng lo. Vả lại, cụ sẵn lòng để cụ lớn bà đưa tôi vào nội.

“Sáng mai, cụ bà sửa soạn giùm tôi bịt khăn vành dây, mặc áo rộng, do quan Lễ bộ tập qua nghi lễ rồi cùng đi vào cấm thành.

“Chỗ cung điện tôi vào châu gọi là điện gì tôi cũng chẳng biết. Cảnh lộng lẫy uy nghiêm làm tôi choáng cả mắt, run cả người. Một lát, nghe quan Lễ bộ nói nhỏ: Ngài ngự và bảo tôi làm lễ. Tôi lễ năm lễ, khấu



đầu chín lần. Ngài ngự ban cho ngồi và phán hỏi tên họ, quê quán tổ tích và công việc buôn bán thóc gạo. Kế ngài ban khen việc tôi đem gạo từ Bắc vào phát chẩn rồi truyền thái giám đưa tôi vô hậu cung bái kiến các bà phi tần và hầu chuyện khá lâu mới ra.

“Tôi không ngờ đời tôi có cái vinh hạnh ấy, có chỗ sung sướng không thể tả ra được nữa kia v.v...”.

Chuyến này mất mấy nghìn đồng bạc gạo nhưng được tiếng nhân nghĩa, được gần thiên nhan và chắc sắp được phẩm hàm nữa, cô Tư hớn hở ra mặt, khi xuống tàu từ giã đế kinh.

Quả nhiên cô về Hà Nội mới hơn một tháng thì có tin trong Bộ tư ra, cô được triều đình ân thưởng bốn chữ sơn son thếp vàng: “樂捐義婦, Lạc quyên nghĩa phụ” và sắc phong cho làm “Chánh ngũ phẩm Nghi nhân 正五品宜人”

Trong lòng sắc có hai câu:

女中風雅之豪，紅裙拔俗，  
世上雲雷之會，白手成家

*“Nữ trung phong nhã chi hào, hồng quần bạt tục,  
Thế thượng vân lôi chi hội, bạch thủ thành gia”*

(Nghĩa là: Hào hoa bậc nhất chị em, má hồng khác tục; Bay nhảy gặp hội mây sấm, tay trắng nên nhà).

## XX

### “MADAME CÔ TƯ” KHOẢNG ĐƯỢC MỘT MẺ HƠN MƯỜI VẠN BẠC

Địa vị xã hội của cô Tư Hồng giữa đất ngàn năm văn vật lúc bấy giờ, nhờ tờ giấy vàng nâng lên cao hơn một bậc.

Sau những cái danh vọng đã chán tai choáng mắt người ta, nào bà trùm me tây, nào tay thầu khoán sành sỏi, nào nhà buôn bán đảm đang, giờ thêm vào “lạc khoản”: một bà mạng phụ ra dáng.



Ai lấy khách, người ta gọi là *thím*, vợ tây gọi là *cô*, bất luận tuổi trẻ hay già; ấy là thông tục xung hô ở đương thời. Nhưng với cô Tư hồi này trở đi, họ bàn riêng, nói khẽ với nhau thế nào mặc kệ, lúc giáp mặt giao thiệp nhiều người gọi tôn cô Tư Hồng lên là *bà*.

Lắm kẻ khéo nịnh, còn thêm tiếng “lớn”.

Tiệc nhà cô Tư, ăn mừng được sắc, có vẻ phồn hoa, đông đảo, sang trọng, linh đình.

Câu chuyện cô ta cốt chờ gạo đi bán đầu cơ thủ lợi mà lại hóa ra phát chẩn thành danh, một lúc huyền truyền làm câu giai thoại hầu khắp nam bắc. Nhiều người chắt lưỡi kính phục:

- Con mẹ ấy sao mà khéo lâm cơ ứng biến ranh mãnh đến thế?

- Lạ quái gì! Phàm con người ta lúc được số thả bổng lên như điều thì trời thánh chiều đãi thêm cho nguy chuyển ra an, họa đổi ra phúc chứ sao!

Thật thế, đang lúc vận ấy, tung bổng như điều, cô Tư còn phát được tài lợi, công danh hơn nữa, không phải đến chỗ này đã là mãn hạn rồi đâu.

Có điều, sẵn dịp vừa mới kể chuyện phát chẩn thành danh, chúng tôi tưởng nên nói luôn đề các ngài biết một vài công việc và thủ đoạn buôn bán của bà “*Ngũ phẩm nghi nhân*” này xem ra thế nào.

Từ xưa, đàn bà xứ Bắc mình buôn bán vẫn tài giỏi đảm đang có tiếng. Người thì thất lưng bó que, gồng gánh đi hết chợ này đến chợ kia thế mà tảo thần chu cấp được cho cả chồng con, cửa nhà. Người thì ngồi cửa hàng cửa hiệu, tiếp rước khách khứa rất thiệp, xem xét giá cả hàng hóa rất sành. Nhiều nhà buôn bán, tiếng thì đàn ông đứng tên, nhưng mọi việc chủ trương tháo vác khôn ngoan, chính là ở bà vợ. Từ đồng xu cho tới bạc vạn, chẳng có món hàng gì, mối lợi gì mà phụ nữ Bắc ta bỏ sót không buôn. Ấy là cái thực trạng ở xứ này, ai cũng phải thấy.

Vậy thì cô Tư Hồng khi đã có khá vốn trong tay rồi đứng ra kinh doanh thương mại, chỉ là làm một việc mà cơ man chị em khác đã làm, thường làm, vẫn làm, nào có phải lạ lùng gì đâu mà kể.

Nhưng có chỗ đáng kể là ở vào thời đại cô, cái thời đại mới khởi



cuộc Tây – Nam cộng tác, tân cựu giao thời, có lẽ cô là người đàn bà Việt Nam thứ nhất đã mạnh dạn giao thiệp buôn bán với các hãng Tây.

Mà buôn bán khá to chứ không tầm thường.

Chúng tôi đã nói sau lúc phá thành Hà Nội có vốn rồi, cô Tư chuyên nghề buôn bán thóc gạo.

Phần nhiều là giao dịch với các hãng Tây, ở bên này và bên Pháp cũng có.

Lúc bấy giờ công ti độc quyền nấu rượu gọi là Phong-ten đã ra đời. Luôn mấy năm đầu tiên, người được bao thầu cung cấp gạo thóc nhiều nhất cho những nhà máy nấu rượu ở Hà Nội, ở Hải Dương và ở Nam Định chính là cô Tư.

Cô được tiếng buôn bán đứng đắn, vả lại trường lưng vốn cho nên bạn hàng Tây, Tàu họ tín nhiệm lắm. Các hãng Tây ở Hà Nội hay Hải Phòng mỗi khi cần một số gạo bắp để bán về bên Tây hay chở ra thị trường ngoại quốc, thường trong mười lần thì đến bảy tám, họ bảo nhau giao thiệp và ủy thác cho “*Madame Cô Tư*”.

Thành ra cô khéo liệu lượng đầu cơ một cách tinh mắt cả gan, vớ được lắm mẻ bầm đáy bể.

Có mẻ lãi mười vạn một lúc như chơi.

Các ngài thử nghe câu chuyện dưới này xem me Tây họ Trần có thủ đoạn ghê gớm không?

Năm ấy, gạo đang hơn lắm, me tây họ Trần nhờ được ông nhân tình nào đó rỉ tai cho biết, hay là tự cô xem xét tình thế khéo léo cách nào mà dự đoán nay mai bên Tây sắp ăn nhiều gạo xay của xứ Bắc.

Thế rồi cô lẳng lặng về thuê nhà ở chợ Sặt thử thời là nơi trung tâm cân gạo ở miền Đông – mua vét rất nhiều thóc lúa, chứa đầy mấy kho. Một mặt gọi thợ đóng sẵn cối xay để phòng khi lâm thời thuê người làm gạo cho chóng. Một mặt khác, đi lòng khắp các tỉnh đặt giá mua gạo của các hiệu khách hiệu ta, vốn là bạn hàng giao dịch quen biết thuở nay. Cô làm hợp đồng mua gạo của họ, giá mỗi tạ tây chỉ có năm đồng.

Quanh quẩn trong mười hôm, tính ra số gạo mua vét ở các hiệu được hơn 10 vạn tạ. Còn thóc mua trữ để tự xay kia chưa nói.



Cách đây chừng hơn một tháng, quả nhiên mấy hãng Tây ở Hải Phòng tiếp được điện tín bên Pháp bảo mua 35 vạn tạ gạo xay gửi về cần kíp.

Ai không nghĩ cô Tư mau mau tuôn hết số gạo kia ra, còn đợi gì nữa?

Nhưng mà không.

“*Madame Cô Tư*” cứ việc vững dạ làm thỉnh để các nhà mễ thương khác ra bỏ giá thầu thiếc gì đó mặc kệ, mình làm như người bất hơi mất xác đâu rồi, chẳng ai nghe nhúc nhích đả động gì đến món thầu khá to ấy. Bao nhiêu bạn hàng và mấy hãng Tây đều lấy làm lạ không thấy “*Madame Cô Tư*” lộ mặt. Có người nghĩ vợ vẫn hay là con mẹ này khánh tận đã đi biệt xứ mất rồi.

Thì ra “*Madame Cô Tư*” đã tính nước cờ quá cao làm cho bên địch bị nước chiếu bí.

Chết cho mấy nhà mễ thương kia đã bỏ thầu chịu giá với hãng rồi nhưng có gạo cóc đâu mà mua cho đủ, theo như kì hạn hợp đồng.

Tất có người hỏi: sao họ không lòng mua ở những hiệu gạo Khách, Nam các tỉnh?

Khốn nhưng phần nhiều hiệu này từ hai tháng trước đã kí hợp đồng bán tất cả gạo cho cô Tư rồi thì bây giờ họ lo đong trả cô còn dám bán cho ai khác được nữa? Ấy là lẽ rất tự nhiên.

Những nhà bỏ thầu đành phải mua vợ mua vệt, giá mấy cũng mua tràn đi miễn là có gạo nộp cho hãng Tây trong kì hạn ba tháng, không thì khổ to.

Giá gạo vì đó mà vọt cao lên đến 30 phần trăm. Họ mua tranh giành nhau đến thế nhưng cũng vẫn khó khăn và không mua được đủ số.

Kết cục đến kì hạn ba tháng, hiệu thì lỗ vốn xiềng liềng, hiệu thì bị phạt mất cả lời lãi; có hiệu lại chẳng mua được hột nào đong cho hãng mới nguy.

Bây giờ người ta mới thấy “*Madame Cô Tư*” nhảy ra thị trường đánh đùng một cái, như tiếng sét lưng chừng giáng mạnh.



Bấy giờ cô mới cho tuôn ra hết những gạo đã xay chứa tại Kẽ Sắt và gom góp ở các nơi. Phần thì hãng Tây đành chịu mua gạo của cô với giá cao để có mà gửi về Pháp phần thì nhiều nhà bỏ thầu “hụt căng” họ cũng phải mua gạo của cô, để có mà nộp cho hãng mới khỏi bị phạt.

Một chuyện ấy, cô Tư được lãi hơn mười vạn bạc, tính trừ các khoản chi phí đi rồi.

Có nhà buôn cùng nghề phải hủ vía phen này, nhân mặt nói với cô:

- Thôi, con chấp tay vái bà yêu tinh, từ rày đừng có giết người ta bằng cái ngón rào đường chặn cổ như thế nữa nhé.

Cô Tư cười và đáp:

- Nghề buôn bán, bà phải cho phép như thế mới vui chứ.

Một việc nữa càng chứng tỏ ra me tây Trần Thị buôn bán có thủ đoạn và khéo liệu lường thời cơ.

Lần này cô Tư với cô chủ hiệu Cự Khánh ở hàng Bạc, hai chị em buôn bán quen thân, cùng xuống Hải Phòng giao thiệp với một hãng Tây về việc bán bắp. Mỗi người kí một bản giao kèo với hãng, trong hạn ba tháng giao đủ 5 vạn tạ ngô.

Cô Tư nhanh chân sáng trí, lập tức đi về các miền sản xuất ngô ở xứ Bắc ta, đặt giá cho các hiệu cân. Không đầy hai tháng, cô góp lại, chẳng những giao đủ 5 vạn tạ cho hãng mà lại còn thừa.

Trái hẳn lại, hiệu Cự Khánh cho thời hạn ba tháng còn dài nên cứ đứng đĩnh không chịu mua. Có mua thì cò kè bớt một thêm hai, trong ý muốn chờ ngô sục nữa sẽ mua cho được lợi nhiều.

Không dè mùa ngô năm ấy không thu hoạch được mấy mà tỉnh nào cũng có người mua đông. Thành ra càng ngày giá ngô càng cao, so với bình nhật giá đắt gần gấp đôi. Đắt mà lại khan không còn ngô nữa mà mua.

Vì thế, kì hẹn với hãng đã quá rồi, hiệu Cự Khánh chưa giao được phần nửa. Hãng kiện bội tín, bà chủ Cự Khánh bị bắt giam vào nhà pha Hỏa Lò hai tháng lại bị tịch cả gia tài không kịp chuyên chạy được tí nào.



Nghề buôn thóc gạo bắp ngô mấy năm ấy “lột trần” nhiều hiệu ở Nam Định, Hải Phòng như bà chủ Cụ Khánh vậy.

Duy có cô Tư năm nào cũng lãi, chẳng nhiều thì ít. Bởi vậy ai cũng chịu cô buôn bán khôn ngoan, tinh quái và có can đảm hơn người. Cô vớ được lắm món bỏ hơn vì thế.

Cũng vì thế mà cô được các hãng Tây tin cậy, vị nể. Có lúc, đáng lẽ phải ẽ cổ ra đền hãng bạc muôn mà rồi cô cũng tránh khỏi.

Còn nhớ hình như vào khoảng 1906 hay 1907, cô kí hợp đồng bán cho một hãng buôn lớn kia ở Hà Nội 8 vạn tạ gạo xay. Kì hạn chỉ còn một tháng nữa là hết mà còn thiếu đến 5 vạn tạ chưa biết mua vào đâu. Giá gạo chợ bỗng nhảy lên cao, tính ra cao hơn giá thầu đến ba bốn hào một tạ. Thế mới là nguy. Cứ nhắm mắt nai lưng mua gạo giá ấy để nộp cho hãng thì lỗ vốn to. Nếu không thì mình trái lời giao kèo tất phải đền hãng 2 vạn. Đàng nào cũng khổ.

Cô khéo cậy mượn thân thế đến năn nỉ ông chủ hãng Denis Frères bãi tờ giao kèo đi cho, mới khỏi bồi thường hai vạn đồng bạc.

Rõ thật là có thời gặp may!

Nhiều bạn cùng nghề trông thấy thế đâm ra ghen tức. Cùng buôn với nhau, mình lỗ vốn hay sai hẹn thì phải ở tù, tan nát cơ nghiệp, còn nó lãi thì ăn no, lỗ không phải chịu là nghĩa lí quái gì? Có người nói lắm bầm:

- Tôi biết thừa ra rồi. Chính cô ta thân hành đến nhà riêng của ông chủ hãng “năn nỉ luôn hai, ba đêm” ông mới chịu xé giao kèo đi cho đấy. Mình kém cách năn nỉ khéo ấy, hèn gì chẳng phải ẽ cổ ra mà chịu?

Người đời họ hay xoi bói ghê!

Dẫu sao, người ta cũng phải chịu cô Tư Hồng thật có cái óc doanh thương trực lợi. Cô ham buôn bán làm giàu cũng như các bà me Tây kia ham cờ bạc hay là đi lễ ngồi đồng.

Ham buôn đến nổi thượng vàng hạ cám, hễ thấy việc gì có thể sinh lợi cũng làm không chịu khinh bỏ.

Này thầu khoán, này tậu đất làm nhà để bán lấy lời, này buôn bán đồn điền, thóc ngô: một tay kinh doanh mấy môn lợi, có khi một lúc làm luôn hai ba việc nữa.



Thì giữa hồi buôn bán lúc gạo đang thịnh, lại trung mấy chiếc tàu thủy của ông Marty cho chạy đường Hà Nội – Nam Định. Tự mình làm chức vụ kiểm soát. Ai cũng biết cái việc này khó nhọc, phải lặn lội đêm hôm mới bắt được kẻ gian. Thế mà cô Tư đêm khuya xuống bến nọ, lên bến kia, không kể gì những sự hiểm trở có thể xảy đến cho thân mình như chơi.

Cô trung tàu được hơn một năm thấy vất vả thì nhiều mà lời lãi không mấy mới chịu trả lại cho ông Marty để bán cho ông Bạch Thái Bưởi, lúc ấy là một nhà kinh doanh tàu bè vừa mới xuất thế.

Chúng tôi nghe nhiều người thuở đó hay ngược xuôi Hà Nội, Nam Định bằng tàu thủy, nói chuyện rằng trong lúc tàu Marty thuộc quyền cô Tư cai quản, dưới tàu rất nghiêm, không có xóc đĩa bày ra, cũng không có cái tệ trộm cắp những nhiều vì cô Tư rình mò nắm chớp các cậu tiểu yêu ấy luôn. Lại thêm sự sạch sẽ, chạy đúng giờ khắc. Cô lại thuê phường chèo hát đêm cho hành khách được tiêu sầu giải muộn. Nhờ thế mà chuyến tàu nào cũng đông người đi, các tàu khách không cạnh tranh được. Về sau, tàu Bạch Thái Bưởi cũng bắt chước bày trò đãi khách như thế một độ.

## XXI

### CÂU ĐỐI MỪNG CỦA HAI NHÀ DANH SĨ TAM NGUYÊN YÊN ĐỔ VÀ TRẦN TÁN BÌNH

Với cái quan niệm luân lí cũ ở xứ ta mấy chục năm về trước, một người con làm nên có danh phận của triều đình mà để cha mẹ vẫn là chân trắng, bố cu mẹ dĩ như thế thì chưa làm trọn đạo “hiên dương phụ mẫu”.

Tất phải làm sao cho cha mẹ - nhất là cho cha – cũng được trang điểm một chút son phấn nhà vua cho đẹp mày, đẹp mặt với hương tộc, với thế gian. Lúc sống được ngồi chiếu trên ở chốn đình trung, lúc chết cũng có phẩm hàm này kia để vào bài vị. Không vậy thì người con muốn



nên thân sung sướng cách gì mặc dầu cũng vẫn lấy làm áy náy chưa thỏa lòng.

Trách nào chẳng có người, lúc họ làm nên thì cha mẹ đã lên xe thiên cổ lâu rồi, cũng phải cậy cựa xin được truy tặng để làm lễ “phân huỳnh” cho cha mẹ ở dưới chín suối yên thỏa vong linh.

Luôn mấy năm vùng vẫy trong trường doanh nghiệp đều gặp bước may, làm nên giàu có ỨC VẠN, tiếng tăm đồn rầm, lại giao du với nhiều quan sang thế lớn và những bậc cự phách ở đất Hà thành này, chắc cô Tư Hồng phải tự thấy mình thỏa mãn lắm rồi.

Một người đàn bà xuất thân như thế mà cuộc đời tươi cười với mình như thế còn muốn gì nữa chứ?

Nhưng cái bụng muốn hữu hình của con người ta lúc đói cơm gạo, bánh trái được ăn một bữa đầy đủ còn có thể biết no. Đến cái bụng muốn vô hình nó đói lợi lộc, công danh thì không biết thế nào cho vừa. Nó được voi đòi tiên, đứng núi này trông núi nọ. Có mà đồ hết cả bộ quan chế hay cả kho tiền nhà băng vào, cái bụng muốn danh lợi ấy cũng vẫn còn thấy thòm thèm, thiếu thốn.

Hèn nào cô Tư chẳng muốn cho ông thân sinh ra cô là bác Phó cự Thành Thị cũng có phẩm hàm quan chức nữa.

Bản thân được vua ban chữ vàng “*Lạc quyền nghĩa phụ*” và phong làm “*Ngũ phẩm Nghi nhân*” mà ông bố vẫn là một chú xích tử bạch đinh, cô không thích thế.

Mặc dầu cô đã tạo lập cho ông cụ một dinh cơ ở nhà quê, đủ cả tường hoa sân gạch, cổng sắt nhà lầu, ra phết một phú ông trưởng giả nhưng mà dân làng họ vẫn xầm xì, bất phục.

Trong làng thiếu gì kẻ bướng bỉnh, thường mượn hơi men để nói bóng, nói gió, nói xỏ, nói xiên. Ra chốn đình trung, họ cố ý sắp đặt để ông cụ ngồi chiếu gần chót, chung với những hạng bố cu, mẹ dĩ. Có người kính nhường muốn mời ông cụ ngồi lên chiếc chiếu trên thì bọn sinh sự kia vội gạt đi:

- Không! Chỗ Hương đảng phải trọng trật tự mới được. Ông Phó cự có con giàu có làm nên thì ông ấy nhờ nhưng chính ông cũng hai bàn chân “quét vôi” như chúng tôi thì không thể leo lên chiếu của các cụ huynh thứ, chức sắc được.



Cố nhiên mấy kẻ châm chích như thế là người cùng làng mà khác họ, thấy người ta khá thì ghen ghét kiếm chuyện.

Một người bà con đem chuyện ấy ra thật thà nói lại cho cô Tư nghe, cô lấy làm cay lăm. Cô nói đay nghiến:

- Để nay mai ông cụ nhà tôi sẽ ngồi chiếu nhất trong làng để cho quân kia sẽ phải chào bầm quan lớn cho mà xem nhá.

Lúc này, 1906, cô tậu thêm được dãy nhà ở phố Richaud lại làm xong tòa nhà riêng lộng lẫy ở ngõ Hội Vũ và công việc buôn bán gạo bắp đang tấn phát muôn này đến vạn kia. Nhưng không khi nào cô quên việc lo lắng công danh cho ông bố.

Với cô thử thời, hễ muốn thì được. Nội cái tài giao thiệp khéo với bạn quen biết đông, đủ cho cô tự tin nơi mình và nói như kiểu Nã Phá Luân đại đế: - Trong tự điển Việt Nam, chẳng có tiếng “*không có thể*”.

Tự đấy, mỗi năm cô đáp tàu vô Huế một hai lần là ít.

Mỗi lần cô về, chị em bạn lại thăm đều được nghe cô hết sức ca tụng những tấm lòng nhân đức và cách tiếp đãi của cụ thượng Cao hay cụ thượng Đoàn.

Cùng trong khoảng ấy, người ta thấy tên họ ông Phó cự thường xuất hiện ở các cuộc từ thiện, cứu tế. Nào là đứng tên thứ nhất, thứ nhì vào sổ quyên giúp dân đói xứ Bắc, nào là về Thành Thị bỏ tiền ra sửa đình, lập chợ, đắp đường.

Ai thấy hai cha con hoạt động như thế cũng nghĩ là sự rất tự nhiên: con thì cố dĩ là nhà buôn bán năng lui tới kinh kì chắc vì việc buôn bán, cha thì về già, xuất tiền bố thí nhiều ít, ý hăn chỉ muốn lấy tiếng với đời.

Rất đổi muốn mua lòng họ hàng, làng mạc, hai cha con bỏ tiền ra cứu giúp những nhà bần cùng. Có một ông lão và một bà lão nghèo quá, được lĩnh tiền chẩn cấp mỗi tháng ba đồng cho tới khi chết.

Tuy thế bọn đầu bò đầu bấu trong làng đối với ông Phó cự vẫn có vẻ khinh khỉnh như thường chẳng thay đổi thái độ chút nào. Họ vẫn nói:

- Pho tượng có phết vàng bên ngoài, nhưng cái cốt trong vẫn chỉ là đất thó mà thôi.



Bỗng đến giữa năm 1908...

Những người hay chú ý xem mục công văn trong báo “*Đồng văn*” hay “*Đại Việt tân báo*” đều thấy đăng tin sau này:

*“Bà Trần Thị Lan, 40 tuổi, tức bà Tư Hồng, thương gia ở Hà Nội, năm 1904 đã được Triều đình sắc tứ Chánh ngũ phẩm Nghi nhân, nay được thăng Tòng tứ phẩm Cung nhân.*

*“Đồng thời, thân phụ của bà là cụ Trần Văn Mỗ, quán làng Thành Thị tỉnh Hà Nam, được đặc cách thưởng hàm Hàn lâm viện Thị độc, Phụng nghị đại phu”.*

Thế là sở nguyện của cô Tư đã đạt: ông cụ phó cụ cũng được tẩm gội mưa móc ân trên.

Liên ngay hôm sau, có người được thấy trong hiệu chụp ảnh, về bên số lẻ, ở phố hàng Bông, bức chân dung một ông lão rõ ràng mặc nhà quê mà đội mũ mang hia, bận triều phục, ngồi hơi khom khom ra vẻ ngượng nghịu. Ông chủ hiệu ảnh thì đang ngồi chấm màu xanh vào bộ áo triều. Người hiếu kì hỏi thăm cho biết vị quan nào thế, ông chủ hiệu ảnh tươi cười và đáp:

- Cụ Thị đẻ ra cô Tư Hồng đấy.

- Quí hóa nhỉ! Cha nhờ con gái mà được tặng phong, có lẽ ông lão này là người thứ nhất.

Nhất là những kẻ đồng hương lúc nào hay xỏ xiên hóm hỉnh, bây giờ phải lắc đầu lè lưỡi.

Đấy, họ đã trông thấy thế lực vận động của người con gái nhà họ Trần chưa?

Lão phó cụ bây giờ còn chân trắng đâu nào?

Lần này ở làng Thành Thị có tiệc khánh hạ rất linh đình. Các khách sang ở Hà Nội và các tỉnh về dự tiệc mừng tấp nập, có cái quang cảnh “ngựa xe như nước, áo quần như nêm”. Có lẽ cụ tổ là Trần Thủ Độ hồi xưa làm tể tướng trở về cũng chưa có cái vận sự như thế. Vì khách khứa nhà cụ chỉ có quan liêu, nhân sĩ một thời. Không bì với con bé cháu mấy mươi đời sau của cụ bây giờ có những bạn chơi nào Tây, nào Khách, nào Ấn Độ, nào An Nam, nào nhà buôn, nào quan lớn, gồm có nhiều nước, nhiều hạng.



Nhiều câu đối hoành phi, trướng liễn của người ta đi mừng treo chặt mấy gian nhà. Trong đó thấy nhiều câu của những danh bút đương thời tự viết để mừng chủ nhân vì tình đi lại quen biết, hay vì người khác mà soạn dùm cũng có.

Người ta lại nói lắm câu tự chủ nhà phải mất công cày cục và chịu tốn kém để cầu lấy cái lạc khoản một vị quan sang hay một bức danh sĩ cho được hãnh diện với đời. Những nhà giàu lỏi ở xã hội ta thường có cái cầu kì che mặt thể diện đó.

Ví dụ câu đối sau này do cụ Tuần phủ Nguyễn Đắc ở làng Mộc soạn hộ một người khác đi mừng:

施濟全由聖上仁，散為雨露，  
顯揚是謂卿夫孝，別出簪釵，

*“Thí tế toàn do thánh thượng nhân, tán vi vũ lộ,  
Hiển dương thị vị khanh phu hiếu, biệt xuất trâm thoa”.*

Câu này nói không có ý gì xa lạ, Tác giả ca tụng lòng nhân của nhà vua muốn ban ơn mưa móc cho ai thì người ấy được. Duy có việc làm nên hiển dương cha mẹ vốn là đạo hiếu của đàn ông thi đỗ làm quan, thế mà bây giờ một người đàn bà cũng làm được như thế. Tóm lại, bà con gái nhờ cuộc phát chẩn mà được sắc, ông bố nhờ có bà con gái mà nên danh.

Đến bài hát nói của ông Phạm Xuân Khôi, tri huyện Bình Lục – tức huyện sở tại của cô Tư cũng thật thà tán dương chứ không có ý xoi móc gì.

MIẾU:

*Năm mây bỗng thấy chiếu giời,  
Khâm ban sắc chỉ tới nơi rành rành.  
Nền phú quý, bậc tài danh,  
Ngẫm cơ hội ngộ đã đành hôm nay,  
Đội đức cao dày...*

NÓI:

*Ơn vua lộc nước, há riêng gì nam tử mới công khanh?  
Khách trâm thoa này cũng trâm anh,  
Cũng bia đá bảng vàng danh giá vạn.*



白手成家天下罕,  
紅裙拔俗女中英,  
“Bạch thủ thành gia thiên hạ hãn,  
Hồng quần bạt tục nữ trung anh”.  
Vẻ hào hoa phong nhã tài tình,  
Gương kim cổ soi chung người phấn đại.  
Danh giá tự cao nhân phẩm lại,  
Bắc-Trung-Nam lừng lẫy tiếng bà Tư.  
Một đời được mấy anh thư?

Cụ Trần Tán Bình, một bậc danh sĩ của Bắc Hà, lúc bấy giờ hình như lĩnh chức Đốc học Hà Nam, mừng chung hai cha con cô Tư một bài tập Kiều đến nay còn nhiều người truyền tụng:

Rằng nay thánh trạch dồi dào,  
Mà cho thiên hạ trông vào mới hay.  
Đàn bà dễ có mấy tay?  
Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần.  
Vinh hoa bỏ lúc phong trần,  
Làm con trước phải đền ân sinh thành.  
Nền phú quý, bậc tài danh,  
Khâm ban sắc chỉ rành rành tới nơi.  
Năm mây bỗng thấy chiếu giời,  
Hiển thân là hiếu, cứu người là nhân,  
Phong lưu rất mực hồng quần!

Trần tiên sinh lúc sinh bình làm quan nổi tiếng ganh thép, văn chương cũng nổi tiếng uẩn súc hào hoa, thử thời lại là một vị đường quan tỉnh nhà, cô Tư kết giao thân mật với ngài, ý hẳn chỉ cốt cái tiếng quan với cái tiếng hay chữ ấy. Ngài tập Kiều bài trên, kể thật tài tình, vì câu nào cũng đắt và hợp cảnh, cô Tư thêu vào vóc để treo giữa nhà trân trọng là phải.

Nhưng nhà nho hay chữ, gặp những trường hợp có thể xoi móc chơi, mà không xoi móc chút đỉnh thì cái mạch văn nó thấy quẩn quại khó chịu hay sao không biết nên Trần tiên sinh lại mừng thêm một đôi



câu đối nữa. Có lẽ sợ bài tập Kiều có một vài câu ngụ ý kín đáo quá, người xem không thấy chăng?

Câu đối sau này:

*“Ngũ phẩm sắc phong hàm cụ lớn,  
Trâm năm danh giá của bà to”.*

Lơ thơ 14 chữ nghe rất nôm na, thiết thực, giản dị, tầm thường mà chứa đầy ý vị cay chua, xoi móc.

Văn chương vừa thật thà, xinh đẹp như cô mỹ nữ ngây thơ, vừa có nọc độc của loài rắn hổ.

Cũng như hoa hồng đẹp cả hương lẫn sắc, nhưng cây nó có gai.

Có người vội vàng, tưởng rằng *“hàm cụ lớn”* đối với *“của bà to”* thì chữ *“của”* nghe không được chỉnh.

Ấy chết, chính chữ *“của”* ấy mới là chữ đắc ý nhất của nhà nho. Trong mười bốn chữ, chỉ có nó nổi bật lên, làm rung động cảm giác người ta như tiếng trống ngũ liên giữa khoảng làng xa đêm vắng. Có nó, câu đối mới hay. Một mình nó kí thác cả hai ý muốn: vừa khen tâng bốc vừa xỏ ngấm ngầm. Có lẽ khi moi được nó ra để gieo vào câu văn, nhà nho ta đắc ý không biết đến thế nào. Giá ai gạ đổi chữ *“của”* ấy lấy một cơ nghiệp cự phú hay một vật gì quý báu nhất đời, dám chắc nhà nho cũng không thêm đổi.

Cụ Tam nguyên Yên Đỗ vào hội này đã lòa cả hai mắt, không thiết hỏi gì đến thế sự đã lâu. Nhưng khi tiếp được thiệp mời rất trân trọng của hai ông còn nhà họ Trần trong dịp được sắc ăn khao, cụ cũng nghĩ chỗ đồng châu, đồng quận *“kiếm năm ba chữ gọi là tình”*. Cụ gọi cậu cháu:

- Lấy giấy bút cho ta đọc đôi câu đối này mà chép để mừng hai ông con nhà bà Tư ở bên Thành Thị, nghe.

Rồi cậu cháu thay mặt đem lễ mừng bốn bao liên tử với đôi câu đối viết trên một tờ hoa tiên kẻ cũng trân trọng.

Cụ Thị đọc và cô Tư cảm động lắm:

- Được cụ lớn chiếu cố như thế này thật làm cho mà chúng tôi vẻ vang vô cùng.



Muốn cho ai nấy được biết nhà mình có cả câu đối mừng của cụ Tam nguyên Yên Đỗ đây, cụ Thị độc ta lấy mấy thước vóc đỏ của nhà ghim tờ hoa tiên vào giữa để treo lên cho mọi người cùng thấy rồi xong đám sẽ đem thêu để lưu truyền một kỉ niệm quý báu.

Câu đối thế này:

*“Có tàn, có tán, có hương án thờ vua, danh giá vang lừng bẫm  
sáu tỉnh.*

*“Này biển, này cờ, này sắc phong cho cụ, chị em hồ hể mấy lăm  
người”.*

Chỉ trong mấy ngày, đôi câu đối ấy truyền tụng hầu khắp xứ Bắc. Ai cũng phải khen hay và bảo cụ Yên Đỗ thâm quá nhưng mà nhã hơn câu của cụ đốc Trần.

Riêng với hai cha con nhà cô Tư, miễn là có lạc khoản có đứng tên các quan lo để treo cho được hãnh diện với người hàng huyện hàng tỉnh, còn văn chương ngụ ý chê khen xoi móc gì đó mặc kệ hay là không biết.

Một bác phó cự, phó kiết, giang hồ lưu lạc biết mấy chục năm, tưởng là gửi xác vào bờ bụi xó xỉnh nào thế mà nhờ đứa con gái – cũng giang hồ lưu lạc – đến lúc về già lại được vinh hoa phú quý giữa chỗ có hương thế này, kể ra trời đãi cũng hậu lắm đấy.

Đời người ta, phần nhiều cũng như giống hoa đến lúc có sắc đẹp hương thơm là lúc sắp sửa tàn tạ.

Sau ba năm được sắc ăn mừng, cụ Thị độc nhà cô Tư qua đời vào năm 1911, hưởng thọ 83 tuổi.

Cô Tư làm đám hiếu cho bố rất mực linh đình lại mời được cụ Tuần phủ Nguyễn Nhã về đề chủ. Lại một phen dập dìu quan khách tấp nập, vì lúc này cô Tư còn đang thịnh vượng, lừng lẫy.



## XXII

### MỘT VÀI VIỆC LÀM TỎ RA NGƯỜI CÓ THỦ ĐOẠN CHẴNG VỪA

Một đoạn trên kia, đã bày ra cô Tư Hồng là nhà buôn bán có thủ đoạn khôn ngoan quỉ quyệt ra thế nào.

Đây, một vài việc làm, một vài dặt sử, tùy theo trí nhớ và kiến văn góp được, để các ngài thêm rõ ít nhiều cạnh khóe của đời người đàn bà này, đã được tiếng nhất thời là “*Nữ trung hào* 女中豪”.

#### **Cứu một người khỏi ở tù vì cụ trạng trình**

Ngoài vòng buôn bán, cô Tư quảng giao với nhiều giới tây nam trọng yếu. Có lắm cửa ngõ thâm nghiêm, không phải ai muốn ra vào cũng được, cô đến bất cứ giờ nào, nó tự mở ra.

Nhiều người có việc, chạy đến cầu cạnh cô lo toan vận động cho. Vì họ biết cô mát tay chạy việc, rộng giao thiệp, có thanh thế, nhiều hi vọng tất thắng.

Rồi thì kiện tụng, công danh, họa phúc, bỏ bán, việc gì cũng có người ta đến gõ cửa nhà cô.

Thật thế, lắm người nhờ cô giúp đỡ xong việc.

Thầy phó tổng Ngọc Lũ ở Hà Nam bị liên can vào một việc ăn cướp, đáng lẽ vừa mất chức vừa ở tù nhờ cô đi kêu cầu giùm cho thầy mới được khỏi tù lại được tự mình từ dịch nữa.

Đại khái mấy việc lặt vặt như thế, cô chỉ làm ơn lấy tiếng, chứ không đòi công. Có lẽ vì nể sự chủ là người đồng quận. Nhưng cô xoi bắm với những việc mưu vọng to tát và khó khăn, như việc công danh bỏ bán chẳng hạn.

#### **Xuýt nữa bị một ông kĩ sư bắn chết**

Sau khi quan tư G. về Tây (1903), cô Tư ở độc thân đâu được một độ. Mắt xanh chẳng để ai vào, ý chừng còn đợi kén giai tể, vì lúc này



ruột tượng của cô căng thẳng lắm rồi, có thể tự lấy chồng hơn là chờ chồng lấy.

Vào khoảng đầu năm 1905, do một ông Tây quen giới thiệu, cô làm bạn với một vị kỹ sư chuyên khoa kiến trúc mới ở Âu châu sang được ít lâu.

Một hòn đá ném hai con chim, cô vừa lấy chồng, vừa lấy được người cho mình có trụ gọi là để giúp đỡ giấy má sổ sách; nhất là mình đang buôn bán to lớn, không thiếu gì kẻ dị nghị dèm nom.

Thật, tân lang giúp ích cho cô Tư không phải là ít.

Vừa gặp lúc cô mua được một khu đất ở phố Phủ doãn, gần với trại của cụ Quận Hoàng, chính ông kỹ sư trở tài về kiêu rồi lại đứng ra đốc công, xây dựng lên được dãy nhà ba tầng quay mặt về đường Richaud để cho Tây thuê. Đồng thời làm nên tòa nhà ở ngõ Hội Vũ trên miếng đất rộng rãi và có vẻ nguy nga so với thử thời.

Cuối năm 1906, nhà này khánh thành, ông bà từ phố Cửa Đông dọn về ở đấy.

Nhưng mà nhà mới quen cúng thổ thần hay sao không biết, qua năm 1907, hai người tự nhiên gây ra nhiều chuyện xung khắc về tính tình và quyền lợi. Không mấy ngày không diễn một tấn kịch xô xát cãi cọ nhau dữ tợn.

Đến nỗi cô Tư không chịu được, phải bỏ nhà đào tẩu vào Huế tránh mặt; ông kỹ sư không biết là bà đi đâu.

Trong chuyện xung đột này tất có nguyên nhân quan hệ, hay những khúc nhôi bí mật.

Mỗi người bàn một thuyết.

Có người bảo rằng tại cô Tư nhà mình hay “cắm sừng” tua tua trên cái đầu hói của lang quân, khiến lang quân phải nổi ghen phát cáu khua động cả gia đình.

Có người nói ông kỹ sư đã góp công lao rất nhiều trong cuộc doanh nghiệp của cô Tư càng ngày càng phát thêm. Nhất là việc tạo lập dãy nhà chín ngăn ba tầng ở phố Richaud, không những ông vẽ kiêu, đốc công mà thôi, hình như có bỏ vốn chung phần nữa. Mà ông cả tin, chẳng làm



giấy tờ gì, cứ để cô Tư đứng tên hoàn toàn làm chủ, nay cô giờ mặt sao đó, khiến ông phải tiếc công tiếc của, gây nên bất hòa ở giữa hai người.

Dễ thường cái thuyết sau có lẽ đúng.

Chẳng thế thì sao cô Tư trước khi tránh mặt vào Huế lại khéo sắp đặt cẩn thận và lẳng lẳng ra xin tòa án thị chứng cho mình làm giấy tờ đúng luật, giao tất cửa nhà cơ nghiệp cho ông cụ thân sinh và cậu em giai – con người dè gẻ, lúc này đã nhớn – việc xong đâu đấy rồi mới đáp tàu lai kinh.

Sau khi cô Tư đi rồi, ông kĩ sư dò biết như thế, càng giận đầy gan ứa mật, mau mau dọn cả rương hòm vật dụng của mình ra ở trọ *Hà Nội hôtel* không thèm lui tới nhà ngõ Hội Vũ nữa. Nhưng ông vẫn rình hôm nào cô Tư về ông sẽ đến nói chuyện một phen.

Hơn một tháng sau, cô Tư mới về Hà Nội, nhưng tối ngày chỉ nằm ru rú trong một gian phòng kín trên gác, không thò mặt xuống dưới, không tiếp khách cũng không dám bước chân ra khỏi cửa đi đâu. Vì cô biết ông kĩ sư bản tính hung tợn lắm.

Quả nhiên một hôm, vào khoảng bốn năm giờ chiều, ông trèo cổng vào, một tay lăm lăm cầm súng lục một tay xô lắc rầm rầm định phá cửa dưới nhà để lên trên gác tìm cho kì được cô Tư.

Gia nhân sợ chạy tán loạn.

Ông cụ phó cự – hồi này rồi mới sắp được Hàn lâm Thị độc – đang thơ thần xem hoa ngoài vườn, vội vàng chạy vào ôm chặt lấy ngang lưng ông kĩ sư, không còn biết sợ nguy hiểm là gì và mặc dầu sức yếu của lão già đã ngoại tuổi cổ hi khá xa.

Cũng may ông kĩ sư đã hạ bớt cơn nóng tự biết mình cầm khí giới đột nhập nhân gia thế này là có lỗi, nên ông quăng khẩu súng đi. Bấy giờ cụ phó cự mới buông ông ra và cô Tư mới dám ra đứng trên ban công nói chỗ xuống.

Hai người xì xồ tiếng Tây một lát thì ông kĩ sư nhặt lấy khẩu súng ung dung đi ra.

Họ đã điều đình và nói chuyện với nhau lúc ấy những gì, người ngoại cuộc không ai được rõ. Chỉ biết là mấy hôm sau việc ra đến tòa án



hòa giải. Kết quả, cô Tư phải nộp tại tòa sáu ngàn đồng bạc để trả công khó nhọc của ông kĩ sư đã vẽ kiểu và trông coi làm nhà cho cô bấy lâu. Thế rồi ông từ giã Hà Nội vào làm trong Nam kì. Từ đó cô Tư mới được yên trí buôn bán làm ăn, không phải trốn tránh lo ngại gì nữa.

### **Cầu danh cho bố và mua đồ cổ về bán**

Chính lúc cô vào Huế tránh mặt ông kĩ sư là lúc mưu cầu công danh chút đỉnh cho ông bố già hả lòng. Thì ra những hạng con buôn lỗi đời không chịu để trôi qua một thời giờ nào mà họ không khéo lợi dụng.

Nhờ cuộc vận động trong thời kì này mà sang năm 1908, ông phó cự được đặc cách thưởng thụ Hàn lâm Thị độc.

Hơn một tháng trường ở kinh, giao thiệp tốn kém chắc không phải ít, cô Tư nghĩ cách gỡ vốn lại; mua đồ cổ về bán.

Lạ gì thứ buôn này mua một bán trăm.

Chuyến về, cô chở theo mấy xe đồ cổ đã nhặt nhanh được ở kinh, nào ấm chén bát đĩa, nào đôn, chậu, độc bình, bày chật hai phòng khách lớn trong nhà ngõ Hội Vũ. Tiếng là bày chơi nhưng các quan khách tây nam lại xem, thích món nào mà trả được giá hời thì chủ nhân bán ngay.

Một cái thống men chàm, cao 1 thước 20 phân tây, rộng thước 6, chাম bát tiên bán được 500 đồng. Có đôi lọ cao độ 8 tấc, một cái chাম Lý Thiết Quài, một cái chাম Hà Tiên Cô, gặp một người Tàu thích ý nài mua với giá 700 đồng mà chủ nhân còn lăm bộ chưa muốn bán.

Nhà cô nổi tiếng có nhiều đồ cổ ở Hà Thành.

Luôn 12 năm bán hết hai phần ba, còn lại một phần nữa, sau năm 1921, chủ nhân qua đời rồi người ta đem bán ở Tầm Tầm với giá rất rẻ.

### **Cưới vợ cho anh chồng cũ**

Trong lúc cô Tư trèo lên thang giàu có hết bậc này đến bậc kia và khét tiếng trong xã hội ăn chơi hoa lệ thì người chỉ vẽ con đường doanh thương trực lợi cho cô ngày nào, đang lang thang như thằng ốm đói ở bến tàu Hải Phòng.



Hắn các ngài đã đoán ngay ra chú Hồng Kông không cần phải suy nghĩ.

Nhưng chú Hồng đã vỡ nợ trốn đi kia mà?

Đáng lẽ một người khách trú phạm tội mà bị trục xuất cảnh ngoại hay buôn bán vỡ nợ mà bỏ trốn đi không được phân minh như trường hợp chú Hồng thì không trở lại xứ Đông Dương này được nữa. Có kẻ làm liều, đổi hẳn tên họ căn cước rồi trà trộn mò sang, chỉ ít lâu thì cảnh sát cũng khám phá ra được. Nhưng ở thời kì ba bốn chục năm trước, việc trông coi ngoại kiều nhà nước Bảo hộ mới nhất sơ tổ chức chưa nghiêm nhặt chu đáo như bây giờ. Thành ra chú Hồng lại sang Hải Phòng lúc nào không bị phiền nhiễu gì cả. Nhất là chú có thể mạo xưng là người bản xứ mà không ai dám ngờ, nếu như cắt tuột cái đuôi chuột lòng thông sau lưng đi vì chú nói tiếng An Nam thạo lắm, các ngài đã rõ.

Hôm ấy, vào đầu năm 1906, cô Tư xuống Hải Phòng thương thuyết và kí hợp đồng với một hãng Tây về vụ bán gạo, bắp, nhân tiện ra bến tàu để tiễn chân một ông nhân tình về Pháp.

Bỗng dưng cô giật nảy mình khi thấy một chú khách đang đứng ộp bộn cu li đội từng thúng than xuống tàu, tuy áo quần kiết cáu bẩn thỉu nhưng mà mặt mũi hình dạng sao giống chú Hồng như đúc.

Quả thật là chú Hồng.

Cuộc gặp gỡ bất ngờ, thôi thì nổi hàn huyên, chuyện xa gần, thiếu đâu.

Thì ra sau lúc ở Hải Phòng trốn về quê nhà, có chút ít ruộng đất tổ nghiệp, chú đoạn mại cho người ta được mấy trăm bạc đem lên Phúc Châu mở hiệu. Nhưng chỉ được ít lâu, lại buôn thua bán lỗ, mất sạch vốn liếng. Chú phải lêu bêu đói rét ở Phúc Châu đã hai ba phen định quỳên sinh mà không chết.

May gặp người bạn cũ là ông chủ hiệu Hằng Hóa ở Hải Phòng về thăm nhà tại Phúc Châu thấy tình cảnh chú Hồng nghèo đói nên thương, bèn đem chú trở sang Phòng, cho đứng trông coi chành than của hiệu ở bến tàu. Mỗi khi có tàu bẻ ăn than thì phải đứng ộp dân phu đài tải. Chú sang làm công việc ấy đã hai năm nay.

Thật sự, chú vẫn biết tiếng cô Tư đã làm nên giàu có sang trọng



nhưng nghĩ then mình nên không dám lân la thăm hỏi.

Cô Tư động lòng về nghĩa cũ tình xưa, không nỡ trông thấy cô nhân trụy lạc, niềm nở trao tay cho chú mấy chục bạc, bảo sắm hành trang hôm nào lên Hà Nội chơi.

Tuần lễ sau, chú Hồng lên.

Cô Tư tiếp đãi tử tế, cho chú món tiền về cưới một chị vợ Ở nằm rồi lại cấp vốn cho hai vợ chồng buôn bán.

Lúc này cô Tư đang làm bạn với ông kĩ sư kiến trúc và xây tòa nhà ở ngõ Hội Vũ vừa xong.

Về sau, vợ chồng chú Hồng sinh hạ hai đứa con trai mũm mĩm dễ thương. Hằng năm, hai người lại dẫn con về Hà Nội ở chơi trong nhà cô Tư ít ngày. Cô quý hóa hai đứa trẻ, thường gửi quà bánh và may quần áo cho.

Về sau, tới lúc chú Hồng già yếu, đem cả vợ con về Tàu, cô Tư lại tặng cho vài trăm bạc làm lộ phí.

“Một me tây đối với anh chồng cũ như thế, kẻ cũng hậu tình”... ấy là tiếng khen của những người đồng thời biết rõ chuyện này.

### **Sau bố đẻ hàn lâm tới cha nuôi tuần phủ**

Một đoạn trên đã nói, hồi năm 1911, ông thân sinh ra cô Tư, tức là cụ hàm Thị độc – mà nhà danh sĩ Trần Tấn Bình đã khéo gò gẫm đổi ba chữ “*hàm cụ lớn*” với “*của bà to*” – qua đời ở Thành Thị. Cô Tư mời được cụ Tuần phủ hưu trí Nguyễn Nhã ở làng Mộc về tận Hà Nam làm lễ đề chủ long trọng.

Sau đám ma bố đẻ rồi, cô Tư xin làm con nuôi cụ Tuần Nhã.

Cái đời sĩ hoạn của ông cụ này cũng lạ: từ chân thông lại xuất thân mà leo mãi đến ngôi đường quan một tỉnh.

Nguyên là con nhà nghèo, ông cày cật được làm một chân tịch sĩ để kiếm ăn. Tịch sĩ tức là anh nho làm phụ giấy má cho các thầy thông, thầy đề. Năm Tự Đức 16, được bổ chân thông lại huyện Phú Xuyên, ít lâu thăng đề lại huyện Thọ Xương, huyện sở tại Hà Nội.

Không hiểu vì có công lao gì hay chỉ nhờ lúc quốc gia đa sự, năm



Đồng Khánh nguyên niên, chính thầy đề lại Thọ Xương được lên thực thụ tri huyện huyện ấy.

Ông sửa sang lại chùa Đồng Quang – tức chùa ở Thái Hà bây giờ - và bốc hơn ba vạn ngôi mộ vô chủ ở hoàn thành Hà Nội đem về an táng ở nghĩa địa bên chùa Đồng Quang. Việc phúc đức ấy đưa ông lên chức án sát Hà Nội hai ba năm sau.

Qua triều Thành Thái, ông có công tiểu trừ loạn đảng Văn Thân, bắt được Lãnh Trình ở Bắc Ninh và chiêu dụ nhiều bộ hạ Văn Thân ra thú.

Nhờ công ấy, năm Thành Thái 16 được thăng chức tuần phủ Bắc Giang, sau hai năm thăng tổng đốc hưu trí.

Sinh bình làm quan có tiếng thanh liêm không thừa thời làm giàu như ai cho nên lúc về hưu ở Mọc ông nghèo rớt mồng tơi.

Người ta nói cô Tư Hồng cảm lòng tử tế của ông về Hà Nam đề chủ cho thân phụ mình mà không chịu nhận lễ tạ gì hết (theo thường lệ, bao nhiêu đồ bài trí trong trạm của nhà tang đều về phần quan đề chủ được lấy, ngoài ra còn phải tạ một số tiền nữa), nên khi đám tang vừa xong, cô đưa cả cậu em giai cùng về làng Mọc bái yết từ đường nhà ông Tuần và lạy ông xin nhận làm con nuôi.

Từ đấy, cô chăm nom sự sống của ông nghĩa phụ rất tử tế. Tuần nào cô cũng thắt xe ngựa từ Hà Nội về đến đình Hội Xuân làng Mọc đem vật thực về cho ông Tuần và cấp dưỡng tiền bạc luôn luôn.

Năm võ đề Liên Mạc, nước tràn ngập cả một vùng Hà Đông cho đến ô chợ Dừa. Cô Tư các cố, lấy ở nhà ra một chiếc xanh đồng và một chiếc chậu thau đồng thật to để thả làm thuyền, vào Mọc đón cha nuôi ra Hà Nội chạy lụt.

Lúc trở ra gặp nước xoáy mạnh, chậu đồng cứ quay tròn, tên gia đình không sao hãm được, phó mặc trôi theo giòng nước, với hai bố con nuôi ngồi trên chậu đồng ấy. Miệng cô Tư nào có vừa gì, kêu cứu rầm trời mà không ai ra cứu. May phúc làm sao chậu đồng trôi đến Ngã tư Sở thì vướng vào cái cọc nên cô Tư và ông Tuần Nhã mới thoát chết.

Nhưng nước đánh trôi mất hòm sắc của ông.



Cách mấy năm sau, ông tạ thế, cô nghĩa nữ làm lễ an táng rất to và thủ chế ba năm coi như bố ruột vậy.

## XXIII

### NHÂN DUYÊN GIỮA CHA VỚI CON

Chuyến xe hỏa Hà Nội – Nam Định buổi sáng hôm ấy đông khách quá. Đứng vào hồi người ta đi trẩy hội Phủ Giày.

Hạng ba cũng không còn hở chỗ nào. Nhiều ghế có tới ba người chen chúc ngồi.

Xe còn vài phút thì chạy.

Một vị linh mục Âu tây bước lên xe sau chót, mở cửa hạng ba đi vào, đứng nhìn quanh tả hữu, lắc đầu một cách rất kín đáo, hơi như có ý trách mình ra tàu quá muộn, chẳng còn thừa một chỗ nào.

Theo phong tục các xứ văn minh, bọn đàn ông mạnh chân khỏe tay lúc đi xe tàu chật chội bao giờ cũng hờn hờ nhường chỗ mình đang ngồi cho một người đàn bà, một kẻ tàn tật hay một nhà tu hành.

Nhưng ở xứ mình ít có thói quen ấy. Người ta thấy trên xe hỏa, tàu điện những ông ra vẻ tân thời học thức lắm mà không hề có nhã ý đứng dậy nhường chỗ cho một người đàn bà bụng chửa thè lè lại ẵm một đứa nhỏ ba bốn tuổi trên tay mà đứng cho tàu chao bên nọ, lắc bên kia. Nói gì họ nhường chỗ cho một giáo sĩ.

Trong khi ông linh mục kia đang tần ngần bác tính quay lưng bước ra ngoài thì một bà thiếu phụ An Nam có chỗ ngồi giáp bên cửa, tươi cười đứng dậy và nói:

- Mời cha ngồi đây, con xin nhường chỗ.

Bấy giờ một thầy mặc tây ngồi ghế trước mặt, hình như có ý ngượng với cử chỉ của người thiếu phụ, vội vàng đứng dậy nhường chỗ mình một cách rất ân cần.

Ông cố cảm ơn và ngồi xuống đấy.



Thành ra ông với thiếu phụ đối diện nhau.

Những bánh xe hỏa đang lăn nhịp nhàng ở quảng Kim Liên – Cổng Vọng.

Được chỗ ngồi yên ổn và định thần một lát, nhà tu hành ngược mắt có đeo mực kính đen, nhìn kĩ người đàn bà ngồi trước mặt, tức là người đã có nhã ý nhường chỗ cho ông trước tiên.

Người này, trạc ngoài bốn mươi, nhưng còn tươi đẹp, hồng hào, vẫn khăn nhung đuôi gà, mặt chỉ nhòe phấn hơi hơi, càng tôn thêm nước da trắng tự nhiên và đôi hoa tai kim cương to bằng hột đỗ càng chiếu sáng ngời. Cố nhiên là người thành thị trăm phần trăm mà trên nét mặt đầy vẻ tân thời, lịch thiệp, bạo dạn. Bên mình có chiếc “sà cột” khá to, là thứ túi đựng tiền của những người càn gạo hay nhà thầu khoán thường dùng bỏ tiền xách đi xa để phát công thợ và dân phu.

Biết là vị khách đối diện đang chăm chú thả nhõn quan xuyên qua hai miếng kính rộp mà phóng ngay vào mình, người thiếu phụ tự khơi chuyện ra nói trước để cho khỏi đỡ ngượng cả hai bên. Mặc dầu mình không phải là con chiên, nhưng thiếu phụ cũng tôn kính ông linh mục mà gọi là cha.

Nhất là diện mạo ông khôi vĩ, hồng hào, cặp mắt như thước kẻ, con ngươi xanh biếc và uơn ướn, mũi cao và bắt góc như hình Kim tự tháp bên Ai Cập, môi đỏ tự nhiên như son, thêm hàm râu cạo gọt rất khéo. Cái vẻ đẹp giai ấy làm cho thiếu phụ ngây ngất, bàng hoàng, càng muốn gạ chuyện làm quen.

- Cha gặp phải chuyến tàu chật chội thế này có lẽ bức bối lắm thì phải.

Ông linh mục cười và đáp:

- Không bức bối gì mấy; chỉ cách vài ba giờ thì đến nơi, ví dụ có phải đứng cũng chẳng sao.

- Hẳn cha xuống Phủ lý?

- Không, còn gần hơn, tôi sắp xuống Cầu Guột đây thôi.

- Con cũng xuống ga ấy.



- Thế có khi cô về Cầu Guột thăm quê, hay đi cân gạo, phải chăng?

- Con chỉ về chốc nhất để trông nom công việc và phát tiền cho dân phu đắp đê Phú Xuyên.

- Cầu Guột rồi đáp tàu trưa lên Hà Nội ngay.

- Nhà cô ở Hà Nội?

- Vâng.

- Phố nào?

- Ở đầu ngõ Hội Vũ.

- Vậy thì tôi biết rồi, cô là cô Tư Hồng mà tôi vẫn nghe nhiều người Phú lăng sa nói chuyện.

- Thừa phải.

Ông lại cười và nói câu này nho nhỏ không cho những người ngồi bên nghe:

- Ô may nhỉ! Tình cờ Hồng nọ gặp Hồng kia.

Hình như thiếu phụ ngơ ngác không hiểu, ông cố liền nói tiếp ngay:

- Tôi là cố Hồng, linh mục chánh xứ ở nhà thờ Phú Xuyên.

Thiếu phụ mỉm cười thâm hiểu vì chính thiếu phụ là cô Tư Hồng.

Còn nhà tu hành, đạo hiệu là cố Hồng, linh mục Phú Xuyên, một xứ đạo mới mở được ít lâu.

Một bà mẹ tây về già, một nhà tu hành đạo mạo, có ai dám ngờ hai người ấy họ gặp nhau tình cờ trên chuyến xe lửa mà rồi có chuyện tình ái nhân duyên gì dính theo?

Ấy thế mà có.

Thì ra Tạo hóa thật khéo oái oăm bày trò thường khi một chuyện người ta không ngờ lại chính là chuyện xảy đến.

Từ ngày ông cụ cố qui tiên, cô Tư cảm thấy trong lòng yêu đương để trống một chỗ rất lớn.



Cô đâm ra buồn.

Mặc dầu phồn hoa phú quý bao bọc chung quanh; mặc dầu vàng ngọc bạc tiền chan chứa.

Không phải đời người hễ cứ giàu sang thì được thấy toàn sự vui sướng.

Đời người giàu sang có lúc như tấm bảng sơn son thếp vàng, ta trông bề ngoài lộng lẫy, đồ tươi nhưng lớp gỗ bên trong có chỗ mối ăn một khoét mà ta chưa thấy.

Giàu sang cũng có những chỗ buồn rầu nhục nhã riêng của nó.

Người ta vẫn ghê sợ thời vận áo xám. Nghĩa là trong lúc phải mặc xám, mọi việc đều xui xẻo tắc hãm. Trái lại, số phận hậu đãi cô Tư một cách khác hẳn.

Chính lúc đang mặc áo xám, cô lại hái ra tiền.

Nào là vớ được mỗi hàng 30 vạn tạ gạo của mấy hãng Tây ở Hải Phòng đặt mua để xuất cảng.

Nào là thầu việc đắp đê ở Phú Xuyên Cầu Guột. Bọn nhà nghề thầu khoán cạnh tranh không lại, vì cô có những người mạnh thế đỡ đầu.

Họ thường bảo nhau:

- Chuyến này con mẹ Tư lại khoảng được vài vạn bạc lãi là ít.

Tiền vào càng nhiều, cô Tư càng thấy lòng mình trống trải, cảnh mình cô độc.

Con người đã ngoài bốn mươi tuổi đầu, trải hai ba đời chồng, tình nhân không thiếu gì, nhưng bây giờ lại thấy lòng mình khát khao thiếu thốn tình yêu: cái tình yêu chuyên nhất.

Cô nghĩ mình thế tất phải đi một bước nữa. Nghĩa là lại phải lấy chồng. Vì lẽ gia đình và vì lẽ xã hội.

Vì lẽ gia đình, phải lấy chồng để có người giúp mình lo lắng công việc, trông nom sự nghiệp. Bố chết mất rồi, em cháu hãy còn khờ bé, mình lại chưa có con cái gì, cô Tư trợ trợ ở đời có một thân. Mình lại có của, có rất nhiều của, những kẻ tham lam ngấp nghé không thiếu gì, một thân đàn bà, sành sỏi mặc dầu, muốn ứng phó mỗi khi hoãn cấp không



phải là dễ. Huống chi đời người phải có những lúc phong vân bất trắc, biết nhờ cậy ai? Không chồng không con, sự nghiệp đắp cao lên mãi để làm gì?

Vì lẽ xã hội, lấy chồng để bịt hẳn miệng tiếng dị nghị của thế gian. Cô Tư thừa biết thói tục ở chốn Thăng Long nghìn năm văn vật, người ta chỉ khéo làm bộ lễ nghi phong nhã với nhau ở trước mặt mà hay phẩm bình xỏ xiên ở sau lưng. Có người làm nên cửa cao nhà rộng, xuống ngựa lên xe, đủ cả công danh, chức phận; thiên hạ gặp mặt thì vái chào “bẩm lạy cụ” rất cung kính nhưng vừa xoay lưng đi họ đã cười khúc khích và bảo nhau: “Xem bác cai ở phố X... đã gặp thời lên mặt trưởng giả đấy!”

Chính cô Tư nhiều lần được nghe lọt tai những tiếng xỏ mát của thiên hạ, sau khi họ chào “bẩm bà” thật là tử tế. Họ dị nghị cô giàu có như thế mà không chồng không con, tha hồ ăn tiêu sung sướng. Một hôm cô vào nhà nọ đi ra chưa khỏi cửa đã nghe bên trong có tiếng Kiều lấy:

*Sống làm vợ khắp người ta,  
Hại thay thác xuống làm ma không chồng.*

Cô hiểu là câu ấy họ ngầm tặng mình.

Và lòng muốn lấy chồng càng thêm quả quyết.

Nhưng lấy ai bây giờ?

Cô đã tính nhẩm trong những bạn quen và bạn tình hiện tại. Tây có, Nam có, muốn lựa chọn đắn đo, vật sắc lấy một người để làm cho phu tướng, gắn bó chung thân.

Nhưng sau một lúc cân nhắc, cô gạt ra ngoài cả. Cổ nghĩ họ chỉ là một cảnh bày chơi tạm thời, chứ không ai xứng đáng làm chồng vĩnh viễn. Họ làm bạn với cô, bất quá lập lẽ lợi dụng hay là bán tình giả dối lấy tiền của cô, thế thôi.

Cô định tìm một người chồng trẻ trung, khỏe mạnh, đứng đắn; có nhiên phải là chồng Tây mới đúng sở thích.

Có điều người ấy là ai, chính cô cũng đang mong mỏi, chưa biết.

Lúc bấy giờ ở cây đa Cửa Quyền phố hàng Bông, có lão thầy bói già, tự xưng là Qui cốc tái sinh dám treo miếng vải tây điều, viết mấy



hàng chữ: “Hễ đoán không hay, thì xin đền lại gấp hai số tiền đặt quẻ”. Nghĩa là mình đặt quẻ năm hào thì lão mở tráp đền ngay cho một đồng. Người ta nói lão chưa hề phải bồi thường như thế bao giờ, bác tức là nghề bói của lão tuyệt phẩm.

Một buổi sáng, cô Tư sai người ân cần mời lão vào trong nhà ở ngõ Hội Vũ để xem một quẻ.

Cô đặt tiền quẻ hai đồng và nói ngay thật cầu vọng nhân duyên.

Lão thầy bói khấn khứa những Văn vương, Khổng Tử, Quỉ cốc, Trần Đoàn và gieo tiền được quẻ xong rồi có ý ngáp ngừng như e ngại điều gì không muốn nói ra.

Cô Tư hiểu ý:

- Thánh ngài dạy cát hung, họa phúc thế nào thầy cứ việc đoán ngay nói thẳng đừng nể nang gì cả. Dù tốt, dù xấu thầy nói rõ cho tôi nghe. Tôi không ưa nói nịnh như người ta đâu.

- Vâng, bà lớn đã dạy, chúng tôi cứ theo quẻ mà đoán.

- Phải, quẻ ứng thế nào thầy cứ đoán thế cho.

- Bẩm bà lớn tuy có số hồng loan chiếu mệnh, những người ngáp ghé cầu thân nhiều thật đấy, nhưng gọi là có thể chung thân kị thác thì bà lớn không trông cậy được vào một ai.

- Chịu thầy.

- Cứ như quẻ này, thế nào bà lớn cũng phải đi qua một cầu nữa mới xong.

- Nghĩa là phải lấy một đời chồng nữa, phải không thầy?

- Thừa chính phải thế.

- Độ bao giờ thì tôi gặp nhân duyên?

- Chắc chắn vào mùa thu này. Từ rằm tháng bảy cho đến hai mươi tháng tám, thế nào cũng thành.

- Nếu được y như lời tôi sẽ biếu thầy một chiếc áo the. Nhưng thầy đoán hộ xem chồng tôi nay mai là người thế nào?

- Bà lớn có cho phép tôi mới dám nói.



- Tôi đã bảo thầy cứ việc đoán thẳng, không ngại gì mà.

- Vâng, bà lớn cao số lắm, theo như quẻ dạy thì ông lớn nhà ta nay mai tất là một thầy chùa hay đạo sĩ mới đúng số.

Cô Tư phá cười lên:

- Thầy đoán mới liều làm sao chứ, người tu hành nào mà lại bỏ trời bỏ Phật đi lấy tôi bao giờ?

Lão thầy bói vừa thu xếp tiền quẻ bỏ vào tráp vừa nói chắc nịch như đóng đinh:

- Bẩm bà lớn, tôi đoán quả quyết như thế đấy: ông lớn tất là một người tu hành. Bà lớn cứ việc mua áo the sẵn cho tôi đi.

Nghe lời quyết đoán của lão thầy bói, cô Tư bỗng giật nảy mình. Cuốn phim gặp gỡ cô Hồng bỗng diễn lại trong trí nhớ với tất cả những tiếng nói bóng bẩy xa gần, những ý tứ đầu mảy cuối mắt.

Thì ra sự tin tưởng của người ta có lẽ đúng thật: việc vợ chồng là mối nhân duyên định sẵn. Hễ đã định sẵn, dầu cho hai người ở cách xa nhau một bề một trời hay là có cảnh ngộ trái ngược nhau mấy đi nữa, sợi tơ hồng cũng buộc chặt lấy chân và kéo lại cho gần hình như không chạy đâu khỏi.

Ngày xưa Vi Cổ chẳng vác dao vào chợ quyết chém một con bé ăn mày, rồi sau con bé ấy chẳng trở nên vợ chàng với một vết sẹo ở mặt đấy ư?

Cô Tư Hồng còn một đời chồng nữa là thầy tu, số phận đã định trước như thế.

Nguyệt lão đã buộc xích thàng vào chân rồi chỉ còn thắt lại.

Lão thầy bói đi rồi, cô Tư cười bảo người em:

- Cậu Ngữ à! Thầy bói đoán quẻ không khéo mà đúng thật đấy. Rồi cậu sẽ có một người anh rể mới là nhà tu hành cho mà xem.

Cậu em bông lơn:

- Thôi em hiểu rồi. Chắc lão sư chùa Hòa Giao chứ gì. Hèn nào lâu nay Hà Nội đồn rầm lên, lão sư ấy cứ tối đến là trút lột cà sa, diện quần áo tây vào, đội mũ ba na ma, tay cầm cần, miệng ngậm xì gà đi vất



vương ngoài đường, chim gái rất thánh. Em được ông anh rề ấy tha hồ mà tròn quả phúc, chị nhỉ!

- Đừng nói chuyện nỡm. Không phải lão sư hồ mang ấy đâu.

- Thế thì là ai, hử chị?

- Đám khác kia, rồi cậu sẽ biết.

Đám khác: ấy là cô Hồng.

Từ ngày cô thâu đê Phú Xuyên, cách dăm ba ngày phải đi một chuyến để coi sóc công việc và đem tiền ở Hà Nội xuống phát cho dân phu. Trên con đường đi về Hàng Cỏ - Cầu Guột cô có nhiều lần gặp ông cụ chánh xứ họ đạo Phú Xuyên.

Khi ở trên toa xe lửa, khi ở trước ga Cầu Guột, có khi ở ngay trong nhà riêng của cụ xứ.

Ban đầu mới gặp cô không để ý, chỉ tưởng là một nhà đạo mạo vui tính hay chuyện trò vầy thôi. Bởi vậy cô vẫn tôn người là cha, xưng mình là con, một cách lễ phép cung kính, mặc dầu mình không phải con chiên.

Nhưng năm bảy bận sau, cô nghe lời ngôn ngữ và thấy cách ăn ở mà sinh ra cảm.

Nhất là cảm nhà tu hành còn trẻ tuổi hơn mình mà tráng kiện lực lưỡng, vẻ người lại đẹp, đúng như cô vẫn sở thích, mộng tưởng. Khoa ngôn ngữ lại ôn tồn lanh lợi, tán tỉnh rất khéo, nghe như đàn ru mật rót vào tai.

Vả lại nhà tu hành như thể bị giam hãm thêm thường đã lâu, nay gặp một người đàn bà nồng nàn tương đắc với mình lại tự chủ một sản nghiệp lớn trong tay cũng đâm ra cảm nột. Cảm cả người lẫn của.

Trước lạ sau quen, hết xa đến gần.

Lửa tình đã rầm sẵn trong quả tim, giờ được một luồng gió thổi vào, bốc cháy lên ngùn ngụt.

Phải biết một khi ngọn lửa ấy đã bắt mỗi bùng lên, nó đốt cháy tuột cả những hàng rào danh giá lễ nghĩa, miệng tiếng thị phi.

Nó bắt chấp tất cả xã hội.



Trước hết nhà tu hành còn mò mẫm đến nhà ở ngõ Hội Vũ ban đêm, chưa từng tang tảng sáng đã lủi lủi đi ra như thằng ăn trộm chỉ sợ người ta trông thấy.

Nhưng rồi cô Tư cứ tự nhiên để cho người yêu mặc bộ áo dài thâm như thế mà lui tới cả ban ngày thây kệ tai mắt thiên hạ. Nhiều khi ở lại ăn cơm nói chuyện cả buổi trưa.

Người ta bắt gặp cô Tư lắm hôm đi về Phú Xuyên cũng gần như công nhiên lui tới chỗ ở riêng của nhà tu hành mà ăn cơm ngủ đống như thế.

Họ đã già nhân ngãi, non vợ chồng.

Một hôm cô Phó Sơn Tây và cô Giám Binh đồn Bản, cùng là chỗ bạn thân, đến chơi nhà cô Tư gạn hỏi sự tình và nói ngay thẳng:

- Này chị ạ, một là phải tuyệt đi, vì thiên hạ chẳng thiếu gì đàn ông cho mình ôm ấp, hai là phải làm sao cho ra lẽ vợ chồng, để bịt miệng thế gian. Chứ làm mập mờ dờ dạng mãi như thế, thiên hạ họ bình phẩm khó chịu lắm. Chị miệt mài trong cuộc không được nghe lời mai mỉa bên ngoài. Họ chửi chị bỏ bùa mê thuốc lú cho nhà tu hành phải sa ngã đấy.

Cô Tư nhận thấy là chị em nói phải.

Hôm sau gặp nhà tu hành, cô thuật lại và thúc giục phải tính toán thế nào một bề. Ông này yên ủi cô:

- Người yêu của tôi đừng lo, tôi đã xếp đặt đâu đó sắp xong rồi.

## XXIV

### MÁ HỒNG ĐẾN LÚC PHÔI PHA

Giữa buổi sáng hôm rằm tháng tám ta, cô Tư đang ngồi trong phòng giấy, tính toán sổ sách và bảo cậu Ngũ viết thơ cho các hiệu khách cân gạo ở Kẻ Sặt, Cẩm Giàng, Bến Hiệp v.v... thúc họ phải cân mau cho đủ số giao ước.

Vì mấy hăng xuất cảng ở Hải Phòng thúc cô thượng khẩn. Tình



hình bên Âu châu đầu năm 1914 có vẻ rất găng. Nhiều cái dấu vết tỏ ra chiến tranh có thể bạo phát chẳng sớm thì muộn. Bởi vậy số gạo đặt mua, mấy hãng xuất cảng muốn có sớm để xuất cảng sớm hơn được ngày nào hay ngày ấy. Một khi chiến tranh đã phát ra tất là tuyệt đường vận tải giao thông.

Bỗng cô ngó ra ngoài cổng thấy một ông Tây vừa bước xuống xe kéo, người phu xe xách một chiếc va li to tướng vào theo.

Ông Tây mặc y phục sang trọng, đúng một tay cầm ba toong bít bạc, gương mặt tuy gần đúng tuổi nhưng trên mép và cằm nhẵn thín không có sợi râu nào, mắt đeo kính đen che kín.

Cô Tư vội vàng ra tiếp, thấy khách vào thẳng sa-lông ngồi xuống tự nhiên không cần phải mời, cử chỉ roa là một người quen biết thân mật; ông ta nói tiếng An Nam:

- Chào bà lớn mạnh giỏi.

Chủ nhân có vẻ ngỡ ngác không nhớ ra khách là ai. Trong trí đồ chừng đó là một người ở hãng dưới Phòng lên thôi thúc việc gạo cho nên cô nói:

- Chắc hẳn ông ở hãng Denis Frères dưới Hải Phòng mới lên. Ấy tôi cũng vừa mới viết thư đi...

Không để chủ nhân nói hết lời, khách vội gạt ngay bằng một nụ cười và nói:

- Bà lớn quên tôi thật sao?

Trong khi khách cười, cô Tư nhìn thấy hàm răng xinh đẹp, miệng cười như hoa, liền nhận ngay ra khách là ai vì cô đã từng yêu mê hồn hít cái miệng tươi, cái hàm răng đẹp ấy mãi. Cô vùng cười rũ lên như nấc nẻ; chạy ngay lại bên khách, lật kính đen xuống rồi hôn vào má vỗ vào vai:

- Rõ nỡm chưa? Mông sê ri (mon chéri) mà tôi ngỡ ngần, tưởng là ông khách lạ nào!

- Giờ cô đã nhận ra người quen rồi đấy.

- Chứ sao! Cái miệng với hàm răng con trầu này (cô vừa nói vừa



tát yêu) có trốn đi đâu cũng không lẩn. Sao hôm nay lại vẽ trò đồi lốt ăn mặc khác hẳn thế này? Bộ râu xồm đâu mất rồi?

- Cạo tuột nó đi rồi.

- Còn áo thâm?

- Cũng bỏ xó, từ nay không dùng nó nữa.

- ...?

- Nghĩa là tôi bỏ chức đạo sĩ trở về thường nhân để chúng ta được tự do yêu nhau.

- Thế thì còn nói gì nữa, tôi sung sướng quá.

Cô vui mừng líu tíu, cất tiếng gọi cậu em nheo nhéo:

- Ngừ ơi, Ngừ! Mau ra chào ông thầy tu anh rể mới của cậu đây này.

Rồi cô cười ngất nghẻo dặn tiếp:

- Chốc nữa cậu nhớ nhắc chị đi mua cái áo the La Khê thật tốt để cho lão thầy bói ở cây đa Cửa Quyền nhé.

\*

Các ngài đoán ngay là cố Hồng.

Ai cũng biết tôn giáo Thiên Chúa rất trang nghiêm đứng đắn, không khi nào dung túng một việc làm bất chính, không khi nào tha thứ một con chiên ghê.

Việc cố Hồng tầm ngàm phá giới là một việc lỗi đạo rất nặng, bề trên không thể dung thứ. Trước còn khôn ngoan bưng bít miệng bình, nhưng tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa, các đáng bề trên nghe lọt vào tai và xét rõ sự thực lập tức gọi cố Hồng lên quở trách, buộc phải ăn năn chữa lỗi.

Nhưng ông ta bị quỷ Sa tăng cám dỗ, dìm xuống bể tình lút mất cả chòm râu không sao ngóc lên được nữa.

Cần giữ thể thống và trật tự nghiêm chỉnh, đáng bề trên công giáo bắt buộc phải lột chức của ông và truất ra ngoại đạo.



Thế là ông cạo phẳng chòm râu và cởi áo hoàn lương, tự do đi theo tiếng gọi của trái tim không còn phải lén lút như trước.

Từ đây, ông đóng đô ở nhà ngõ Hội Vũ.

Hai Hồng nghiêm nhiên là vợ chồng.

Cô Tư được như nguyện.

Muốn phân bua giới thiệu tân lang với các thân bằng cố hữu, cô đặt một đám tiệc rất to, không ngại tốn kém.

Lạ thay! Thiếp mới gửi đi, kê tên vừa đúng 120 quan khách nhưng đến buổi tiệc vền vền chỉ có 26 người đến dự, không kém không hơn. Trong số ấy, phần đông là mấy bà cụ già nửa tỉnh nửa quê và mấy anh giàu lỏi, tuyệt nhiên không có tay nào là đại biểu Hà thành hoa lệ hay phiệt duyệt như đám tiệc nhà cô những lần trước.

Một chỗ trống trái cho người ta dễ thấy nhất là bữa tiệc hôm nay chẳng có lấy một ông Tây bà Đàm nào đến, người ta nhớ về trước, mỗi khi “*Madame cô Tư*” thết tiệc thì quan khách Âu Tây chiếu cố rất đông. Có những ông bà chủ hăng ở tận Hải Phòng cũng vui lòng bạt thiệp lên Hà Nội dự tiệc nhà cô rồi một hai giờ khuya mới lên đường về.

Không hiểu sao lần này chẳng ai giao hẹn với ai mà chẳng ai thềm đến.

Hình như có một lẽ gì thiêng liêng – chắc nó là nhân tâm, thiên lí – tự nhiên mỗi người đều nghĩ đến mà tránh mặt bữa tiệc ấy chứ không cần ước hẹn với nhau.

Cô Tư buồn ngấm buồn ngấm, cay đắng trong ruột nhưng bề ngoài vẫn gượng nói gượng cười.

Cô Tư biết thế là xã hội kết án mình rồi.

Chỉ sợ cho lũ gia nhân bộc dịch và tất cả bè bạn con sen, cậu nhỏ của họ được hưởng một bữa cỗ nguyên lành, thật là say sưa bữa mửa mà vẫn không hết. Vì thừa ngót một trăm phần ăn kia mà.

Dù sao mặc lòng, bà mẹ tây già với ông đạo sĩ phá giới ấy cũng đã đường hoàng trở nên một cặp vợ chồng, bất chấp cả dư luận thị phi.

Nhưng xã hội đã kết án họ thật.



Cứ nói theo lẽ thuận thì hai người ấy xây ổ tình ái nhân duyên với nhau kẻ thật phải đôi và cùng có ích lợi.

Cô được người giúp đỡ công việc, được người làm bạn cảnh già, được hưởng cái lạc thú chồng một, vợ một cùng nhau chia vui sẻ buồn. Thiên hạ chắc hết chê cô không có chồng, hết nói vụng rằng cô quá lãng mạn hoang đường nên không ai thèm lấy. Cảnh già sẽ thêm đầm ấm vui vẻ, nếu như trời Phật ban phước cho một vài mụn con, biết đâu.

Còn ông, sự độc chiếm một quả tim bọc vàng ở Hà thành và được chỗ chắc chắn dung thân sung sướng, chẳng phải nói gì, ông muốn lợi dụng lưng vốn dồi dào của vợ để vùng vẫy kinh doanh và làm nên giàu có gấp năm gấp mười. Của vợ công chồng, bề nào mai sau mình hẳn được hưởng trong ấy một phần.

Hai cảnh ngộ ngược dòng đã ráp liền họ lại cho họ yêu nhau vì tình ái đã đành mà lấy nhau vì lợi lộc cũng có.

Bởi vậy ngay từ hôm ông “vu qui” về nhà vợ, cô liền đem lòng tin cậy, nể nang và chiều đãi rất tử tế, giao phó nhất thiết công việc. Ông đóng đủ vai tuồng: bạn năm canh, chức thư kí, nhà ngoại giao, có lẽ rồi là một người thừa hưởng sản nghiệp lớn lao của bà họ Trần nữa.

Cứ thế mà cứng cánh gió xuôi mấy chốc họ chẳng bay lên nóc đài triệu phú.

Song đạo trời công bằng lắm, chẳng hề cho ai được thừa ra đẳng này mà không trừ bớt đẳng kia. Không thế thì bao nhiêu hạnh phúc trên đời bọn giàu sang đều vớ hết.

Lẽ thừa trừ ấy, người ta thấy ứng hiện ở khoảng đời áp chót của cô Tư Hồng.

Cũng có lẽ - Số mệnh mượn lấy một cơ để xô lăn má hồng vào góc tường phơi pha mạt vận.

Từ ngày cô lấy chồng mà chồng ấy lại là một nhà tu hành phá giới, cô thấy người đời đối với mình có vẻ lạt lẽo. Chẳng những họ đã không niềm nở vui mừng giùm cô lấy chồng lại còn tỏ vẻ chê bai khinh rẻ cô ngay ở chỗ đó.

Cứ xem họ kết án cô bằng sự lảng lạng trốn tránh bữa tiệc tân hôn của cô cũng đủ biết.



Hồi nào cửa ngõ sớm tối tấp nập ngựa xe, đông đúc quan khách đến nỗi chủ nhân phải mệt nhoài về sự thù tiếp thể mà bây giờ mỗi ngày thấy thưa dần, vắng dần.

Hình như cửa nhà cô có vi trùng ôn dịch khiến họ phải ghê sợ, kiêng cử không đến.

Nhất là hạng Âu Tây thì vắng biệt tăm bóng.

Có thể nói theo tiếng thông tục là người ta từ cửa cô, không chơi với cô nữa.

Thì ngay đến cuộc buôn bán làm ăn lúc nào tài lợi như chạy sắn sỏ vào nhà, giờ cũng lần hồi kém sút trông thấy.

Lạ gì một khi tòa nhà đã núng thì gió thổi tất cả cột kèo rui mè đều nghe kêu lắc rắc.

Chỉ cách đâu độ một tuần sau khi ổ tình vừa mới ầm chỗ, cô Tư tiếp được bức thư đảm bảo của một hãng đại xuất cảng ở Hà thành gửi lại. Cô bảo ông chồng xem hộ rồi giảng dịch ra tiếng An Nam rành mạch như vậy:

- Thưa bà,

“Bản hãng rất lấy làm tiếc xin thưa để bà biết cho rằng: vì một lẽ riêng, công việc hôm nọ bản hãng chủ nhân bắt đầu thương lượng phú thác cho bà nay không thể tiếp tục được nữa.

“Vậy xin bà vui lòng coi câu chuyện ấy như là không có gì cả.

“Vân... vân”...

Công việc thương lượng là công việc gì?

Thì ra cách vài tuần lễ trước, hãng xuất cảng ấy đã mời “Madame cô Tư” đến thương lượng và ăn giá với cô năm vạn tạ bắp ngô trắng và bốn vạn tạ sơn Phú Thọ để họ chở về bên Tây. Chỉ còn đợi họ đánh máy tờ hợp đồng cho cô kí tên vào là xong.

Bỗng dưng hôm nay hãng viết thư giãn ra, không đề cho cô gánh vác mỗi hàng khá bỏ ấy nữa.

Cô tính xoàng trong trí, mất mỗi hàng béo bở này cô hụt ăn ngon lành hai vạn rưỡi đồng bạc lãi là ít.



Một việc xui xẻo.

Các ngài hẳn nhớ mọi khi “Madame Cô Tư” thường được đặt lời, cả nể với các hãng lớn thế nào. Ví dụ đến ngày kì hạn mà số gạo bắp giao nạp không đủ - có lần thiếu hẳn một vạn tạ trong số ba vạn tạ kí trong hợp đồng – hay là chậm trễ hàng tháng chưa cân đủ gạo cho hãng thì cứ chiếu giao kèo, với trường hợp trên đáng lẽ mất không số gạo đã giao nạp chẳng được tính tiền, còn trường hợp dưới thì cứ tính mỗi một ngày chậm trễ là phải phạt một vài trăm hay dăm ba trăm, một nghìn tùy theo hai bên kí ước gặt gao ràng buộc nhau.

Nhưng cô Tư chỉ thân hành đến tận ông chủ hãng bắt tay một cái, cười cười, nói nói vài câu thế là xong việc ngay chớp mắt. Cô chẳng phải đền, phải phạt một trinh nào hết.

Cái ngày “miệng nói có duyên” ấy đã qua đã biến mất rồi.

Bây giờ với vụ 30 vạn tạ gạo của hãng Denis Frères dưới Hải Phòng, cô Tư giao trễ hết 24 ngày hãng cứ tính chẻ hoe mỗi ngày chậm trễ là phạt 500 đồng mà trừ phăng vào tiền gạo của cô. Chính hãng ấy đã từng nể nang tha phạt cho cô mấy lần nay họ thẳng tay không chịu nhân nhượng. Cô thân xuống Phòng năn nỉ ông chủ hãng cũng vô công hiệu. Cái đầu ông chủ hãng ấy hồi nào gật lia gật lịa ở trước nụ cười, tiếng nói của cô Tư thế mà hôm nay nó chỉ ngoảnh đi và lắc mãi.

Vụ này cô thiệt mất đứt một vạn hai nghìn đồng cay đắng.

Hai việc xui xẻo.

Thuở giờ có buôn bán chỉ trông nhờ giao dịch với các hãng Tây mà làm nên cơ nghiệp giàu có, ngày nay họ từ chối cô, xô đẩy cô, hoặc vì cách nợ hoặc kiếm có kia.

Như một cái mỏ vàng, cô thấy cửa miệng nó dần dần thu nhỏ lại rồi lấp kín mất.

Cho đến những hiệu cân gạo cho cô ở các tỉnh lâu nay cũng thấy bơ thờ trễ nải, sở dĩ cô bị hãng phạt một vạn hai nghìn đồng chỉ vì các hiệu kia đong chậm gạo cho cô nên cô nộp chậm cho hãng. Những tư nhân hay cửa hiệu còn mắc nợ cô, kẻ ít người nhiều không hiểu sao bây giờ họ cũng lần khăn, chẳng trả.



Bao nhiêu việc không may dồn dập và xúm lại giày vò cô, hất hủi cô.

Cô bảo xã hội kết án mình là thế.

Vì sao?

Nhân tâm tức là nơi phát biểu của thiên lí. Người ta trở lại chê cười cô, ghẻ lạnh với cô đến nỗi kết án cô bằng cách đoạn tuyệt giao du thương mại chắc hẳn chỉ vì thấy cô đã cám dỗ một nhà tu hành phá giới về làm chồng mình. Thật ra có lẽ nhà tu hành ấy cũng cám dỗ cô nhưng người ta không biết. Người ta kết án cả đôi nhưng trách móc cô nhiều hơn.

Ta nên biết phần đông người Âu Tây rất là mộ đạo; trong ấy thiếu gì bậc quyền hành hay chủ hăng buôn lớn. Hèn nào họ không lạnh lẽo giao thiệp với cô, bày tỏ ra bằng sự không thèm dự tiệc tân hôn và biệt cửa lui tới. Các chủ hăng cũng không điên khùng gì cho cô những mối hàng kiếm lãi bạc nghìn bạc vạn để cô cung phụng một người phá giới!

Những việc rủi ro thiệt hại kia khác mà cô đang chịu đều là cách hành phạt của thiên lí đã mượn nhân tâm làm ngôi mà phát lộ ra.

Cô thấy rùng rợn đau đớn.

Mà những kết sắt, nhà lầu, kim cương, cổ vật bao bọc quanh mình đều không có sức che đỡ hay làm cho cô lãng quên.

Té ra trước khi chưa lấy chồng, cô cảm thấy mình cô độc bây giờ lại càng cô độc hơn.

Con người có nghị lực sắt đá ấy, bị cảnh ngộ éo le nung đốt phải mềm nhũn, một hôm đang ngồi bên ông chồng, suy nghĩ thấm thía thế nào rồi bùng mặt khóc rung rức:

- Sao đời họ độc ác quá, họ xúm nhau lại mà dằn vặt mình. Nông nổi thế này thì ở Hà Nội mình hết cách làm ăn buôn bán gì được. Lại ngồi mà nghe họ mỉa mai và nhìn bộ mặt họ khinh khỉnh mãi, thì cho đến tim gan bằng sắt cũng không chịu nổi. Phải tính làm sao chứ?

- Không muốn ở Hà Nội thì ta đem nhau đi xứ khác kinh doanh vùng vẫy cứ vật lộn với số phận đến keo cuối cùng tất mình phải thắng, đừng lo.

Ông chồng trả lời một cách bình tĩnh tự nhiên.



## XXV

### VỢ CHỒNG DẮT NHAU ĐI CAO MIÊN

Hai vợ chồng bàn tính với nhau cả buổi rồi đồng ý tạm bỏ Hà thành đi ở biệt xứ khác buôn bán để cho thời gian xóa dần dư luận ác cảm sẽ trở về.

Dư luận có lúc độc dữ nghiêm khắc, song nó lại có tính hay quên.

Nhưng đi đâu cho phải bây giờ?

Theo ý cô Hồng, muốn đi biệt sang Tàu ở Hương Cảng hay Thượng Hải không thì sang ở bên Xiêm, Tinh Châu tùy ý miễn là tẻch xa cho khuất mắt. Vì ông tự biết chính mình là cái bia đàm tiếu ở Hà thành và bị người đồng bang ghét bỏ và bà vợ vì tình phải chịu vạ lây nên ông chẳng muốn quyền luyến ở đây một tí nào.

Đi mấy xứ kia, thà bảo rằng mình phiêu lưu với hai bàn tay trắng thì mới phải lo ngại cho sự sống ở chốn tha hương. Đằng này mình có nhiều tiền, đem mười lăm vạn bạc sang mở hiệu bán các thứ kĩ nghệ của xứ Bắc như đồ đồng, đồ thêu, đăng ten và nhiều món sản vật khác thì sự phát đạt có thể cầm chắc trong tay.

Ông chồng ngồi gầy con toán trong óc cho như thế là đúng lắm đấy.

Có điều xuất dương xa hẳn đồng đất nước nhà thì bà vợ lắc đầu không muốn:

- Thế còn cửa nhà, phố xá, quê hương, giỗ tết, mồ mả ông bà, bảo tôi trút những gánh nặng ấy cho ai mà cũng không có ai thân mật để mình có thể ủy thác được. Cậu em và các cháu còn khờ dại cả lũ...

- Thôi thì chúng ta tìm chỗ đi quanh trong cõi Đông Pháp này vậy.

Cô Tư tán thành vì thế mới được thuận tiện gần nhà cho cô thỉnh thoảng chạy đi chạy về trông nom cửa nhà, thăm viếng mồ mả.

Xuống Hải Phòng?



Không tiện, vì nó gần Hà Nội quá và nó cũng đồng tình nghiêm khắc với vợ chồng nhà cô y như Hà Nội vậy, thà cứ muối mặt ở lì lại đây mà chịu trận còn hơn.

Vào Huế?

Cũng không được. Sông Hương núi Ngự, cô Tư đã thừa biết chỉ là một cảnh hữu tình cho làng thơ và khách du lịch, không phải nơi có thể kinh doanh thương nghiệp gì to lớn. Đi đâu thì đi, chứ cô vẫn muốn buôn bán đồ sộ, đâu phải chỉ cầu buôn lấy đủ ngày hai bữa và nộp thuế môn bài. Cà cuống gần chết đến đít vẫn cay như thường.

Duy còn Cao Miên và Sài Gòn nên lựa chọn lấy một.

Cô Tư muốn vào Cao Miên.

Cô bảo xứ ấy cũng người “đàng thổ” đang lúc nhất sơ khai thác, tất dễ buôn bán làm ăn, vả lại không làm gì có đông người đồng châu mà bảo họ ngồi lê đôi mách đi kháo chuyện riêng của mình.

Nhưng muốn cẩn thận, cô phải chịu khó viết thư vào hỏi thăm tình hình trước đã.

\*

*Cô ba La Vích*, chỗ bạn chí thân mười mấy năm trước đã có công ơn giáo hóa, mới manh cho cô Tư trở nên me tây và nhờ đó mà tấy lên đến thế nào, ý hằn chur vị độc giả còn nhớ.

Cái đời me tây nghĩ cũng hay: lắm cô làm mối cho chị em vợ được chồng sang đáo để mà đến chính thân mình thì số phận lại bắt vạt vả, lẻ loi “chồng mông mà gào” cũng không có.

Ngay cô ba La Vích đấy, sau khi mối lái giùm bạn lấy được quan tư Garlan rồi, ít lâu ông chồng cô về Tây, cô muốn tìm chồng khác để nương thân mà số phận cản trở không cho. Nhiều đám đi lại mối manh, hồ nên lại hỏng. Cô phải một độ “ở góa” như thế đến bốn năm dư, tình cảnh túng bấn hết sức. Nước sơn nghèo nàn làm mốc thối cả phần hương, võ vàng cả da thịt, cô không còn thể làm me tây được nữa. Mãi sau mới gặp một ông cai máy đèn đưa nhau vào Cao Miên làm ăn khó nhọc luôn mấy năm trời. Vợ chồng khéo nhúm rau, nhúm bếp mở ra được một cửa hiệu nho nhỏ ở Nam Vang, chuyên sửa quạt máy và đèn



điện. Nghe nói cô Tư có nghĩ lại tình cũ nghĩa xưa mà gửi giúp cho bạn vài trăm bạc vốn.

Giờ hai vợ chồng làm ăn đã khá có cơ tấn phát, vững vàng. Cô thường viết thư hỏi thăm cô Tư và xa trông con điều hạnh vận của bạn càng ngày càng lên bổng mây xanh đề tiếng sáo phú quý phong lưu đưa vắng mãi đến tận bên tai cổ nhân đang lặn đạn ở chân cổ tự Đế thích. Còn chuyện tình duyên rắc rối của bạn mới đây, hẳn cô chưa biết.

Cô Tư viết cho bạn, hỏi qua đường đất buôn bán ở Cao Miên và ngỏ ý muốn vào mở một hiệu bán hàng Bắc ở Nam Vang, liệu có được không?

Gần một tháng sau, cô mới tiếp được phúc thư của bạn, một tiếng bà, hai tiếng bà, không xưng hô chị chị, em em như ngày trước. Có lẽ cô Ba suy nghĩ cảnh ngộ hai bên đã quá biến thiên, vả lại bạn mình lại có phần vua trang điểm nữa. Nguyên văn bức thư như sau này:

*“Thưa bà,*

*“Lá thư của bà cho tôi cái cảm giác như bắt được lạng vàng.*

*“Tôi vội vã phúc đáp kéo bà mong đợi sốt ruột.*

*“Nếu như đã chán cảnh Hà Nội phồn hoa, bà muốn vào Cao Miên buôn bán là sự nên lắm.*

*“Xứ Cao Miên có rừng vàng, biển bạc mà bây giờ người ta mới bắt đầu khai phá.*

*“Định buôn cá sống, cá khô thì vào Biển Hồ, người ta mỗi năm khuấy nước hồ này kiếm lợi biết mấy trăm vạn. Có một ông lái cá người mình được triều đình Cao Miên thưởng hàm thượng thư.*

*“Định buôn các loài gỗ quý thì vào ở Bát Tâm Boong. Xứ này có gỗ với cá là hai nguồn lợi to nhất.*

*“Còn như muốn đem hàng Bắc vào mở hiệu thì nên ở ngay kinh thành Nam Vang. Nhà nước đã cấm đất và lập kinh, đang mở mang thành phố càng ngày càng rộng lớn.*

*“Dân đàn ông không biết buôn bán. Bao nhiêu thương lợi đều ở trong tay người Hoa kiều. Cửa hàng hiệu Tây cũng đã mở nhiều. Còn*



người xứ Bắc mình thì lơ thơ không mấy. Gọi là hàng Bắc chỉ có một hiệu Đại Thịnh của cụ Cử Can ở đường Quai Piquet là to nhất. Cụ bị an trí vào đây mấy năm nay, nhân tiện kinh doanh thương nghiệp xem ra phát đạt lắm.

“Đường đất còn rộng thênh thang, mối lợi không thiếu gì, một người can đảm tài năng như bà thì Cao Miên là trường hoạt động rất tốt, bà cứ vào đi. Buổi đầu có sự gì cần dùng sai bảo, người bạn cũ sẽ không hề từ nan.

“Kính chúc v.v...”

“Cô Ba La Vích”

Nhận được thư bạn hôm trước hôm sau cô Tư liền sắp đặt việc đi.

Vào khoảng đầu tháng ba năm 1916, hai vợ chồng đáp tàu “Orénoque” vào Nam, sau khi đã làm phép cưới với nhau cho chính danh nghĩa.

Phép cưới làm tại dinh Đốc lí Hà Nội, mỗi bên chỉ có mấy người bạn thân dự lễ và làm chứng. Một đám cưới rất thân mật và giản dị. Có thể nói là buồn tẻ như muốn giấu cả thiên hạ. Cố nhiên không làm lễ ở nhà thờ và cũng không bày vẽ tiệc tùng gì hết. Cho đến người chứng hôn bên cô Hồng cũng là người An Nam mà cô Tư viện trong mấy ông bạn quen đi giùm. Chẳng có một người Âu Tây nào lại đi chứng hôn cho một nhà tu hành phá giới bao giờ.

Vả lại, cô Tư chiều ý muốn của ông chồng mà làm phép cưới cho tác trách thế thôi. Bản tâm cô không muốn. Vì nghĩ không cần và cũng không có ích lợi gì. Con người lối đời ấy đã có lần nói chuyện tâm phúc với một chị em sắp sửa nhập tịch làng me tây:

- Bày vẽ cheo cưới làm quái gì! Vợ chồng ăn ở với nhau quan hệ ở tấm lòng hơn là ở tờ giấy. Có hôn thư mà họ chẳng cầm sừng trên đầu nhau hàng tá rồi không ruồng bỏ nhau như vứt chiếc áo rách đấy ư? Thật lòng thương yêu thì chẳng cần hôn thư cũng ở với nhau được suốt đời. Nhất là nếu mình có của riêng càng không nên đại vì anh chồng tham lam có thể lợi dụng giấy tờ cheo cưới để xài phá, xâm đoạt của mình. Thà cứ thuận mua vừa bán, hay ở dờ đi, lấy chồng như thể mua hàng vậy.



Bởi thế, lần này cô chỉ làm phép cưới để khỏi trái ý chồng. Nhưng về mặt hộ thì hai người lấy nhau theo luật phân sản. Ai có sản nghiệp riêng tự quyền người ấy chủ trương định đoạt, không được xâm phạm của nhau.

Điều ấy hình như cô Hồng lấy làm phật ý vì ông muốn trọn quyền làm chủ cái sản nghiệp của vợ kia.

Cô Tư khôn ngoan yên ủi:

- Của vợ tức là của chồng, sớm muộn thế nào tôi cũng phải giao quyền cai quản cho ông mà. Bây giờ chúng ta hãy lo việc đi Cao Miên đã.

Hai vợ chồng vào đến Nam Vang, trước khi bắt tay vào việc còn chịu khó xem xét tình hình kỹ lưỡng.

Không hiểu cô Tư suy nghĩ thế nào lại đổi ý: không mở cửa hiệu chuyên bán hàng Bắc như chủ kiến đã định ở nhà.

Ông chồng một hai nài nỉ làm công việc khác mà ông tính hoạch lợi rất to: nấu rượu. Ý chừng nhà tu phá giới muốn tập tễnh làm một ông Phong-ten ở đất Cao Miên.

Cũng chiều ý chồng, cô Tư xuất vốn năm sáu vạn bạc mua lại một lò nấu rượu của người khách trú có đủ khí cụ máy móc và sẵn cả mỗi hàng.

Họ không ngờ đã hí hửng bước chân vào cửa tử.

Chế độ nấu rượu ở Cao Miên thử thời đại khái cũng như ở xứ Bắc ta mấy lâu nay, nghĩa là không có độc quyền. Ai có vốn được lập công ti, mở nhà máy nấu rượu bán tự do miễn là đúng phép và trước khi phát hành phải có nhà Đoan xem xét đánh thuế.

Các công ti khác tha hồ cạnh tranh với hãng Phong-ten. Rượu ai nấu ngon hơn thì đông khách đắt hàng, dở thì lỗ vốn đóng cửa.

Ở đất Cao Miên mấy chục năm trước vẫn thế. Tình trạng y như ở Nam kì.

Ngoài rượu của hãng Phong-ten – người ta quen gọi là rượu *công xi* – còn có nhiều hiệu khác do những lò rượu khách trú nấu ra.



Họ rất trường lung sẵn vốn, số rượu xuất sản nhiều, nấu ngon, bán rẻ. Lâu ngày, uống quen mùi vị đi rồi, thân chủ của họ cũng gần như khách nghiện thuốc phiện của nhà Đoan. Sức tiêu thụ rất mạnh, nhờ người đồng bang họ cổ động giúp nhau. Khắp xứ Cao Miên và Nam kì, không một đầu làng xó chợ nào chẳng có dăm ba hiệu khách. Đây là những cơ quan sẵn sàng để truyền bá và tiêu thụ cho họ, lời rao trên báo nào cũng không thể địch lại được.

Thành ra những lò rượu khách tuy không có độc quyền của pháp luật nào cho nhưng thật sự họ vẫn độc quyền về thực tế, về khách quen, về kinh nghiệm lâu năm.

Vì thế mà hồi nào tới giờ, ta không hề thấy người bản xứ ở Cao Miên hay Nam kì mở lò rượu cạnh tranh với lò rượu khách trú vì trong cuộc cạnh tranh ấy mình chắc thua trước.

Phải biết lúa gạo là lúa gạo của mình nhưng họ mua, họ lập nhà máy xay, họ giữ trọn quyền bán. Mình mở lò rượu, gạo là nguyên liệu cần nhất, họ làm cho khó mua hay phải mua với giá đắt cũng đủ nguy rồi.

Rượu mình nấu ra, họ bảo nhau không dùng hay giữ ở các hiệu tạp hóa và họ cứ để mốc nguyên vị không giới thiệu và bán hộ cho cũng khôn.

Vợ chồng cô Tư sang Nam Vang không xét đến nơi những cái thực trạng éo le ấy nên hấp tấp bỏ tiền ra mua lò nấu rượu tưởng đâu mình có vốn thì làm gì cũng nên và tự chắc rượu mình nấu ra cũng bán chạy như họ.

Từ giữa năm 1916 đến cuối năm 1918, lò rượu của cô Tư kinh doanh chật vật được già hai năm rồi đành phải bán lại cho khách với giá rất rẻ.

Việc thất bại này làm ruột tượng cô Tư hao hết ba bốn vạn là ít.

Trong thời gian làm rượu, vợ chồng cô hục hặc gây gổ nhau luôn vì nổi ông chồng đứng chủ không được phân minh về việc tiền bạc sổ sách.

Nhiều món tiền thiếu hụt đi đâu mất một cách vô cơ vô tang.



Thì ra đức lang quân đã khéo làm trò qui thuật cho nó chui vào trong hầu bao riêng.

Cô Tư cay đắng như ngậm quả bồ hòn nhưng muốn nhổ ra không được.

## XXVI

### ĐÁNH VÁN BÀI CUỐI CÙNG LẠI BỊ THUA

Lỗ vốn hết mấy vạn bạc, cô Tư vừa buồn vừa tức.

Từ lúc ra đời, một tay tháo vát gây dựng nên cơ đồ sự nghiệp giữa đất Hà Nội mấy chục vạn cô chưa hề biết một sự thất bại nào.

Cái tay ấy chỉ thu bạc nghìn, bạc vạn của thiên hạ thì có chứ chưa hề để hồ bao rơi lọt đi mất một xu nào gọi là lỗ vốn.

Lần này thất bại là lần thứ nhất.

Mà lại bị một vố nặng.

Lại thêm một nỗi ưu phiền nữa là cô để ý xem xét tâm tình cử chỉ của đức ông chồng, thấy ăn ở với mình nhiều chỗ không tốt.

Mấy năm làm rượu ở Cao Miên, ông ta được giữ quyền hành tiền bạc trong tay đã lạm dụng lòng tin của vợ để ăn tiêu xài phá, trai gái mèo mỡ ra phết. Có kẻ mách cô Tư rằng ông có nuôi một hai ả gái non ở riêng nhưng cô làm thinh không muốn sinh sự.

Mỗi khi có dịp nói chuyện về vấn đề chung thân, ông khéo đem những lí luận lợi hại, với giọng nói như thật thà, rủ rỉ, tán tỉnh bà vợ nên sang tên tất cả cơ nghiệp cho ông trông nom sinh lợi.

Việc ấy ở giữa vợ chồng, đề cập một đôi lần có thể là câu chuyện tự nhiên nhưng mà nhắc đi nhắc lại mãi nghe như nóng nảy, thiết tha thì một người khôn lỏi như cô Tư sao khỏi nghi ngại, suy nghĩ.

Lần lần, cô thấy rõ tâm lí ông chồng đối với cô chỉ vì của cải, không vì ái tình.



Hay là cốt mượn bàn tay ái tình để chụp lấy của cải cho dễ.

Bởi vậy từ đây vợ chồng bề ngoài vẫn niềm nở như bát nước đầy nhưng bề trong cô để tâm phòng bị từng li, từng chút.

Con người đã bao phen chứng tỏ ra có một tâm hồn cứng cáp, không mấy khi yếu ớt phải nhỏ nước mắt vì sự đời thế mà bây giờ có lúc ngồi nói chuyện tâm sự với bạn cũ là cô ba La Vích – hiện giờ là vợ ông chủ một hiệu đèn điện – cô Tư nghĩ thầm thía thế nào đến nỗi phát khóc. Khóc rồi Kiều lấy:

*Trót vì tay đã nhúng chàm,  
Đại rồi còn biết khôn làm sao đây?*

\*

Sau khi thanh toán lò rượu ở Nam Vang xong, vấn đề đi hay về đã gây nên một trận phong ba nhỏ nhỏ giữa hai vợ chồng. Vì ông muốn về gần chỗ mục đích gia sản của vợ mà ông đang dòm nom để mưu mô vận động cho được phần dễ hơn. Còn bà thì chưa muốn trở về nơi mình đã bị mai mỉa.

Vả lại tự mình đánh thấp, thua đau một canh bạc mấy vạn ở xứ người thì phải đánh một hội khác nữa để gỡ lại chứ.

- Giờ chúng ta trở về Hà Nội... lời ông nói.

- Trở về Hà Nội làm gì?... bà hỏi.

- Âu châu chiến tranh thế là xong rồi (hồi này, nhằm tháng Décembre 1918), mọi việc kinh tế công thương lại khôi phục như cũ, trường hoạt động ở Hà Nội rộng rãi đã quen cho mình, về đây mà hoạt động chẳng hơn sao?

- Tôi chịu thôi. Ông muốn về Hà Nội thì về một mình, để tôi ở lại đây buôn bán ít lâu nữa sẽ hay.

Ông chồng lẳng lặng, cô Tư nói tiếp:

- Phen này tôi xuống Sài Gòn mở một hiệu bán hàng Bắc...

- Định dọn ở phố nào?

- Ở đại lộ Catinat, tôi đã nhờ người ta thuê nhà hộ rồi.



- Thế à!

- Tôi sẽ thuê một ngôi nhà riêng ở đường Espagne hay Mac Mahon để vợ chồng mình ở.

- Chúng ta ở ngay cửa hiệu chẳng tiện việc và đỡ tốn hơn sao?

- Tốn cũng phải chịu vì căn nhà ở đường Catinat, trên gác sẽ để chứa hàng không thể ở được. Vả lại tôi cốt thuê nhà riêng để ông nghỉ ngơi biệt tịch vì ông đã làm công việc vất vả hai năm rồi, giờ ông có quyền tĩnh dưỡng ít lâu. Chuyến này việc buôn bán để mình tôi trông nom, ông không phải bận lòng đến.

- Một mình cô trông nom sao xuê? Nhất là sự giao thiệp và sổ sách tiền bạc.

- Điều ấy ông không lo. Tôi đã từng giao thiệp với các hãng lớn và đếm tiền vạn quen rồi! Cần người coi hàng giúp việc, tôi đã viết thư gọi mấy người bà con ngoài Bắc vào.

Tất nhiên cô Hồng thừa hiểu chỗ mình dụng tâm đã hơi bị mù vợ tinh ranh soi thấu ít nhiều rồi. Nhưng ông không hề để lộ ra nét mặt một lần, một nếp gì thất vọng hay bất như ý.

Trái lại ông tươi cười vui vẻ khác thường, khen mãi bà vợ xếp đặt công việc như thế là phải, ôm chầm lấy vợ và tỏ vẻ yêu đương vô hạn, hôn lấy hôn để hai bên gò má nhăn nheo rồi vừa cười vừa nói:

- Bà đảm nhà tôi thông minh và tử tế hết sức có lòng lo nghĩ đến sức khỏe của tôi, ép tôi nhàn dưỡng một độ thế là phải lắm. Cảm ơn! Cảm ơn!

Nếu cô Tư quả người thông minh, chắc phải biết trong cái cười, cái hôn âu yếm đó đầy những gai góc.

Thế rồi ông bà thu xếp, cách mười ngày sau, dọn xuống Sài Gòn.

\*

Quả nhiên cô Tư thực hành đúng theo chương trình đã định từ trước.

Thuê một căn nhà vừa phải ở cuối đường Espagne gần sở Bách thú, mát mẻ, thanh vắng làm chỗ ở riêng.



Tuy chẳng nghe nói ra, nhưng người ta xem ý tứ cũng biết bây giờ cô cung phụng lang quân để làm một cảnh dưỡng lão. Bề ngoài vẫn kính yêu mà bề trong thường phòng bị. Già rồi, thay chồng đổi vợ chẳng hay hóm gì. Thà chịu người ta trách mình căm dỗ một thầy tu còn hơn bây giờ bỏ đi, hẵn người ta sẽ chê cười nhiều hơn.

Cảnh dưỡng lão này mỗi tháng phải tốn kém mấy trăm đồng bạc cũng cam.

Ngày ngày ông chỉ có ăn chơi, xem sách, việc buôn bán của vợ, ông không được nhúng tay vào.

Cô Tư đã trù liệu từ trước, không sót việc gì; nào cậy người thuê nhà đóng tủ, nào đặt mua hàng hóa ở Hà Nội, nào nhặn vợ chồng cậu em với một bà thím họ vào giúp việc.

Thành ra ở Nam Vang xuống Sài Gòn chưa đầy một tháng đã có đủ mọi sự cần dùng để khai trương một cửa hiệu mới ở giữa đại lộ Catinat là con đường buôn bán vui nhất, đẹp nhất của kinh đô miền Nam.

Ngày nay các ngài vào chơi đất Sài Gòn mới được trông thấy nhan nhản những cửa hàng Bắc. Cơ hồ chẳng thấy một đường phố nào không có vài ba cửa hàng cửa hiệu của người đồng châu ta. Rất đổi một quận nhỏ, một chợ nhà quê cũng có người Bắc mở hàng quán. Nói gì các bà đeo những bọc hàng tơ lụa nặng mấy chục kí lô ở sau lưng đi bán rong khắp miền thôn dã sơn lâm, ta tới một chỗ hẻo lánh thế nào cũng có thể nghe những tiếng người Bắc rao: “*Mua hàng không?*”

Nhưng ngoài hai chục năm trước, nghĩa là hồi cô Tư Hồng mở hiệu buôn bán, đang nói trong câu chuyện này, người Bắc mình vào Nam thương công kế lợi còn ít lắm.

Số cửa hiệu Bắc lúc bấy giờ chỉ lác đác như cảnh sao mai.

Nếu trí nhớ của chúng tôi không lầm thì suốt đường Catinat chỉ có một cửa hàng Bắc to nhất là *nhà Đào Huống Mai* chuyên bán đồ khảm, và đồ thêu về sau con rể là ông Nguyễn Đắc kinh doanh chiếm luôn hai căn nhà, mỗi tháng tiền thuê hơn ba trăm bạc. Ngoài ra còn có mấy hiệu nhỏ nữa của ông Nguyễn Chí Hòa và anh em nhà họ Tăng rất phát tài về đóng giày làm mũ trắng và khắc con dấu đồng. Chỉ có thế thôi.

Phong trào cạnh tranh buôn bán với khách trú đã khởi lên trong



nước ta hồi năm 1917, chắc nhiều người còn nhớ. Ấy chính từ hồi đó nội hóa được đồng bào ta cổ vũ hoan nghênh. Các thứ hàng hóa của xứ Bắc sản xuất, nhất là the, lượt xuyên, lụa v.v... tiêu thụ vào Nam đến nỗi các cô chức nữ ở mấy làng La Cả, La Khê, phải “*Con cò mấy máy suốt canh trâu*” mà dệt cũng không đủ bán.

Cô Tư Hồng mở hiệu buôn hàng Bắc giữa lúc ấy thật là hợp thời đúng dịp. Làm gì chẳng kiếm được bạc vạn để gỡ lại cái lỗ ở Cao Miên.

Không ngờ người đến lúc vận đen, trước khi trốn chiếu, đánh một hồi bài sau chót cũng thua. Chẳng những không gỡ được canh bạc hôm qua lại còn thua thêm tiền túi một mẻ nữa.

Sự thật, cửa hiệu của cô buôn may bán đắt tính ra vẫn được lãi lời nhưng vì mọi sự ăn tiêu chi phí nặng quá thành ra chung qui vẫn là lỗ vốn.

Phần vì hồi này cô đã bắt đầu thụ bệnh, rồi khi ra Bắc thuốc men, khi nằm lì ở nhà cả tháng mặc kệ người nhà trông nom, sao khỏi mất mát thâm lậu.

Thế là buôn bán ở Sài Gòn vài năm cũng lại lỗ vốn.

Cô dẹp cửa hàng, dắt díu bầu đoàn về cố hương.

## XXVII

### TRƯỚC KHI NHẢM MẮT ĂN NĂN XIN LỖI CHÚA TRỜI

Đồng tiền của cô Tư nhờ tài riêng thu nhặt, xây đắp trong bao nhiêu năm lao khổ, kinh doanh, năm năm buôn bán không may ở Cao Miên và ở Sài Gòn đã thấy vệt đi một góc khá lớn.

Vì ai cô phải thiệt mất những mối hàng lúa gạo là nghề nghiệp quen tay, lợi lộc sẵn có của cô?

Vì ai cô phải xa bỏ quê hương?

Vì ai cô phải buôn thua bán lỗ?



Những nỗi lưu li tổn hại đó, nếu được một cái tình chân thật của ai kia đền bù lại chắc mình cũng có thể vui lòng mà tự yên ủi. Nhưng đằng này cô lại thấy chồng cô không phải vì tình mà chỉ vì của. Biết bao phen, ông chồng đã dành tán tỉnh cô sang tên sản nghiệp, cô nghĩ mà chán ngán cho thể thái nhân tình. Tự biết mình dại thì việc đã muộn.

Đối với một người vừa tiếc của, vừa thất tình, con ma bệnh chỉ bùng một cái cũng đủ ngã.

Năm 1921, cô Tư ở Sài Gòn ra Hà Nội chỉ vừa đủ thời giờ để leo lên giường bệnh nằm liệt.

Mà bệnh nguy hiểm: bệnh lao.

Con người có tiên thiên vạm vỡ khỏe mạnh là thế, trong tay lại sẵn tiền của tha hồ bổ dưỡng thuốc men nhưng sự lo sự buồn, sự bức tức đã mở rộng cửa ngõ cho vi trùng Kock vào đục khoét gan phổi thịt xương, chẳng mấy chốc mà khô héo tiêu mòn với nó. Tiền bạc có mua lại được tính mạng đâu?

Những thân bằng cố hữu đến thăm, trông cô mà ái ngại; với mỗi ngày một chập ho, một cơn sốt đi qua rồi, cô Tư vẫn có lúc tỉnh táo nói năng được ít nhiều, song cứ ăn vào là thổ ra, thịt da rút đi đâu rất nhanh chóng! Đâu còn là cái Lan chắc nịch, gánh rượu đi chợ Kim Sơn ngày xưa? Đâu còn là người lực lưỡng béo lẳn, không hề biết bệnh tật là gì, đến nỗi chị em bạn đã đặt cho cái tên “một đồng thịt sắt”?

Chung quanh giường bệnh, sớm tối đắp đổi không thiếu gì đông, tây danh y ở Hà thành và từ các tỉnh rước lên cũng có. Ông nào xem mạch rồi cũng lắc đầu thở ra tỏ ý thất vọng.

Một bệnh nan y. Một bệnh bất trị. Những Kỳ Bá, Lãn Ông ngày xưa và khoa học đời nay đều phải khoanh tay ngồi ngó.

Trong lúc ấy đức phu quân nhà cô làm gì?

Chẳng cần phải có máy đo tâm lý hay là cặp mắt thầy tướng, ai chỉ trông qua thần sắc ông thử thời cũng biết ông không lo thuốc men săn sóc vợ ốm cho bằng kí chủ bán khoán về vụ gia sản của vợ.

Thì ra ông thầy tu này tham lam của cải thật.

Chỉ vì đồng bạc mà ông đành tâm lấy mình làm tấm bia cho mũi tên đàm tiếu của dư luận, phá giới và kết hôn với cô Tư. Vì ông rõ biết



người đàn bà này không con mà ở Hà Nội lại có nhiều dãy nhà, trong tủ có nhiều giấy bạc. Của vợ chẳng là của chồng thì của ai?

Tuy nhiều lần gạ gẫm vợ kí giấy sang tên sản nghiệp cho mình đều bị vợ kiêu có thoái thác, hứa hẹn nhưng ông không ngã lòng chút nào. Ông quyết theo đuổi kì cùng để chiếm lấy cái tài sản to tát ấy.

Chưa biết nếu như chuyện này trở về Hà Nội mà cô Tư không ngọ bệnh thì ông sẽ giở ra những mưu mô và thủ đoạn gì để cho đạt mục đích. Rủi ro cho cô Tư về nằm liệt vị, ai buồn, ai lo mặc kệ, chính ông cho đó là một cơ hội rất may cho ông. Bệnh ấy thế nào mà thoát chết. Cô Tư chết tức là sản nghiệp của cô phải về phần ông hưởng tự nhiên.

Ông để hết tâm chí lo vụ sang tên cho dứt khoát và mau xong. Xem chừng cô Tư càng ngày càng đi gần tới nghĩa địa, không còn cách nào xa. Nếu để vợ chưa kịp kí tên mà nhắm mắt thì hỏng bét.

Bởi vậy, trong khi bà vợ nằm rên rỉ trên giường, mặc kệ các thầy lương y tận tâm cứu chữa, mặc kệ gia nhân phục dịch thuốc men, ông lần mò ra sổ địa ốc xem tên bà Trần Thị Lan có những nhà cửa đất cát nào ở Hà Nội, lại ra ngân hàng dò la cho biết vợ còn gửi bao nhiêu tiền.

Một hôm, về buổi chiều thấy bà vợ hơi khỏe khoắn tươi tỉnh có thể nói chuyện được ông liền đến bên làm bộ sờ trán cầm tay, ân cần thăm hỏi rồi đưa ra một tờ giấy biên sẵn mấy hàng chữ và nói:

- Cô chép y theo mấy hàng chữ này rồi kí tên vào dưới là xong. Giấy bút đây.

Cô Tư nhìn thấy viết mấy hàng chữ như vậy:

*“Tôi để lại cho chồng tôi là M. Croibier Huguet, thừa tự tất cả của cải động sản và bất động sản của tôi.*

*“Tôi viết giấy này và kí tên trong lúc tinh thần rất tỉnh táo”.*

*“Kí tên...”*

Vừa đọc hết chữ sau cùng, cô Tư ngã bật ngửa trên giường, hai tay ôm lấy ngực, một cơn ho khúc khắc nổi lên, cô mệt nhọc quá gần như tắt hơi, bí thở.

Người nhà sợ cuồng, tưởng là cô Tư giãy chết.

Cũng may đó chỉ là một cơn uất tức.



Dăm bảy phút sau, cô tỉnh lại mở mắt nhìn đức phu quân trừng trừng rồi khoa tay và nói được có hai tiếng:

- Hôm khác.

Trong ý cô muốn bảo chồng để hôm khác sẽ nói chuyện ấy cho mà nghe. Nhưng ông chồng tưởng là bảo hôm khác cô sẽ kí tên nên chỉ cách sau đó một hôm, cũng về buổi chiều, ông lại mon men đến bên giường bệnh tán tỉnh rồi thò cái giấy hôm trước ra.

Lần này, cô Tư tỉnh trí, cầm lấy tờ giấy xé vụn làm nhiều mảnh, vừa nói vừa nhìn thẳng vào mặt chồng:

- Ông cố tâm chiếm đoạt tài sản của một người đàn bà đến thế kia ư? Thế mà lúc mới gặp nhau, ông nói ông tu hành đạo đức chẳng thiết gì của cải thế gian...

Cô vuốt ngực cho nhẹ hơi thở rồi nói tiếp:

- Tôi nhớ không biết lần này là lần thứ mười mấy rồi ông gạ mãi tôi sang tên gia sản cho ông. Chắc ông nghĩ gái già này dại dột lắm, bảo gì nó chẳng phải nghe. Nó không dại đâu, ông ạ. Nói thật cho ông biết rằng nó đã phòng lấy thân rồi. Bao nhiêu gia sản nó cho người ta và mấy hội thiện hết cả rồi, có còn gì đâu nữa mà cho ông...

Cô nghĩ hơi, thoáng nghe ông chồng nói lảm bảm gì trong miệng có những tiếng... pháp luật... thừa kiện... Chắc ông hăm dọa sẽ đem vụ gia sản này ra tòa.

Cô nghiêng răng, quắc mắt:

- Phải đấy. Tôi chết rồi, ông muốn sinh sự thế nào cứ việc, tôi khỏi phải giương mắt trông thấy tình đời đen bạc mà đau đớn ruột gan.

Ông vùng vằng đi ra không thềm hỏi han bệnh tình vợ nữa tiếng!

Mặc dầu đốc tờ hết lòng chữa mà bệnh vẫn không chịu đầu hàng hay rút lui ít nào, cô Tư chắc hẳn tự biết đời mình sắp sửa đến lúc tàn cuộc.

Buổi sáng hôm ấy, tự nhiên cô bảo người vục ngồi dậy, uống được trên nửa cốc sữa. Nét mặt trông tươi tỉnh, hai mắt như có hào quang. Người nhà hơi mừng, cho là một điềm báo trước của sự bình phục.

Cô gọi cậu em ra ngồi nói chuyện một cách điềm tĩnh rõ ràng như người vô bệnh:



- Em ạ, ngày xưa ông cụ để ra chúng ta bần khổ hàn vi lắm. Có lúc gánh con ngồi trong hai đầu thúng, lưu lạc sinh nhai hết xứ này đến xứ khác. Lúc chị lớn khôn cũng trải bao nhiêu nông nổi gian nan rồi mới dựng nên cơ nghiệp thế này. Bởi chị khéo nhẫn nại, tính toán, bốc vác, tảo tần, từ một đồng xu cho đến một căn nhà đều tự tay mình buôn bán dành dụm mà làm nên chứ không phải cướp được của ai đâu. Lẽ nào để ai cướp được của mình? Nay chị để lại cho em tất cả tức là cho các cháu bé. Hễ chị nhắm mắt rồi, em phải cố giữ gìn cơ nghiệp này mà gây dựng cho các cháu đều được học hành nên thân. Trước khi chị chết, em có dám hứa với chị điều ấy không?

- Sao chị nói gở miệng thế! – cậu em đáp – Chị không chết đâu. Khí sắc của chị hôm nay xem có vẻ tốt lắm, ấy là cái triệu chứng bình phục đến nơi. Chị cố mà tĩnh dưỡng cho mau lành mạnh.

- Cậu có biết đâu cái chết có lúc là một thang thuốc bổ rất quý cho người ta.

Cô tư hơi nhếch miệng cười, cái cười khô khan mà thành thật.

Đoạn cô nói tiếp:

- Giờ chị bảo em một việc nữa.

- Việc gì thưa chị?

- Em bảo đánh xe đến Nhà Chung mời cố Ân lại đây giùm chị.

- Ngay bây giờ?

- Tức khắc. Vì có một chuyện rất quan hệ, chị phải nói với cố.

Cố Ân ở nhà thờ Hà Nội lâu năm là một người đạo đức nhân từ, luôn luôn sốt sắng với kẻ nghèo, kẻ bệnh, ai biết cũng phải kính phục.

Sau đó 20 phút, cố đi xe tới ngôi nhà ở ngõ Hội Vũ vào ngồi bên đầu giường bệnh nhân vỗ về, an ủi:

Cô tư đang nằm, mở mắt ra thấy cố, chào hỏi rồi nói trân trọng rõ ràng từng tiếng:

- Thưa cha, câu chuyện tình duyên của con đã làm phiền lòng dư luận đạo đức, hân cha đã rõ.

- Chuyện đã qua rồi.

- Vâng, chính vì chuyện đã qua ấy mà nay con thành thật ăn năn tội lỗi của con đã đồng phạm với kẻ lỗi đạo tu hành.



- Tốt lắm, con biết ăn năn thì đức Chúa Lời sẵn lòng tha thứ, linh hồn con sẽ lên Thiên đàng.

- Chúng tỏ lòng con ăn năn tha thiết, con xin cha rửa tội cho con trở lại đạo, cứu rỗi phần hồn của con.

- Lòng thành của con đã được Chúa Lời soi thấu.

Thò tay vào phía trong đầu giường, lấy ra một tập giấy cô Tư trao cho cô Ân và nói:

- Con có điều ước nguyện cuối cùng, xin cha chiếu cố.

- Được, con cứ nói.

- Thừa cha, trong tập này là bản đồ một miếng đất đáng giá gần hai vạn bạc và tờ nhượng con đã kí tên để cúng vào Nhà Chung. Với số tiền sẽ bán được miếng đất ấy, xin cha xây một tòa nhà thờ cho kẻ nghèo khó mà dưới nền móng đó nắm xương tàn của con sẽ được chôn nường nhờ để các giáo hữu đời đời cầu nguyện cho con.

- Đấng Cha chung của chúng ta sẽ ban phước cho con được như ý sở nguyện.

Đoạn cô Ân làm phép rửa tội cho cô. Sau khi đó người ta thấy trên gương mặt cô có hừng sáng, cô cố lấy hơi để nói cho to:

- Trọn đời tôi, duy có phút này là thấy sung sướng thanh thoi.

Rồi cô nằm nhắm mắt lại, chắp hai tay để trên ngực.

Một lát người ta sờ thấy người cô lạnh ngắt, chỉ còn tro cái xác không hồn.

Thì ra bây giờ tinh tảo nói năng chỉ là một hơi gắng cuối cùng như cây đèn hết dầu, ngọn lửa bùng lên một cái rồi tắt.

Cô tư Hồng hưởng thọ được 53 tuổi.

Nguyện vọng cuối cùng của cô được như ý.

Miếng đất ở ngay cửa trường Dấu Xảo trông sang và đối diện với hăng xe hỏa Vân Nam, cô dâng Nhà Chung, quả nhiên sau bán được hai vạn bạc. Số tiền ấy dựng lên tòa nhà thờ cho dân nghèo của bà phước Antoine ở hàng Bột. Di hài của người quyền tiền nằm ở trong đó.

Còn ông chồng?

Cô Tư vừa nhắm mắt thì ông vội đệ đơn lên tòa kiện xin lấy gia tài



của cô để lại, viện cứ rằng mình có công gây dựng chung.

Vụ kiện đây đưa đến mấy năm, rốt cuộc lại ông đập nhằm vô chuỗi. Pháp luật xét rõ gia tài ấy do một mình cô Tư làm ra, ông không có quyền gì được chia hay được hưởng.

Hình như ông thu nhặt những đơn hàng và giấy nợ lật vạt của vợ rồi chịu khó đòi hỏi hú họa mà cũng kiếm chác được gần bạc muôn.

Ông mới qua đời hồi năm kia.

Cổ tâm chiếm đoạt sản nghiệp của cô Tư mà không được, chắc ông chết âm ỨC đến ngàn thu.

Sản nghiệp ấy, theo lệnh của tòa, viên chương khế trông nom cai quản từ 1921 đến 1927 mới chia cho sáu người cháu. Tính ra mỗi người được độ hai vạn, cả tiền mặt lẫn nhà cửa.

Một phần vì mấy năm sau, cô Tư buôn bán thất bại hết bốn năm vạn, một phần vì vụ kiện cáo lôi thôi bởi cô Hồng gây nên làm cho mấy người thừa hưởng phải chịu tổn hao chẳng ít. Nếu không thì phần chia cho các cháu chắc còn nhiều hơn.

Cái sản nghiệp lớn đó nay còn giữ được hay không ta không cần biết đến nhưng ngày nay những ai đi qua ngôi biệt thự ở ngõ Hội Vũ – hiện đã về tay người khác nhưng vẫn gọi là nhà “cô Tư Hồng”- và dãy nhà ở phố Richaud chắc cũng phải ngậm ngùi tưởng nhớ đến người cổ chủ đã xây dựng nên nó đã qua đời!

Lúc cô Tư Hồng đang nằm ngoắc ngoải trên giường bệnh, cụ Đốc Trần Tấn Bình có đến thăm nom. Theo ý muốn của bệnh nhân, cụ tức khẩu tặng một bài thơ. Chúng tôi tưởng nên để nó kết thúc câu chuyện này:

*“Giang hồ vùng vẫy buổi ganh đua,  
“Những bạn quần hoa hãnh chịu thua!  
“Tay trắng gây nên cơ nghiệp lớn,  
“Má hồng trang điểm phấn son vua.  
“Công danh bốn chữ chưa từng có,  
“Phẩm giá nghìn vàng hã dễ mua.  
“Đáng tiếc ngọc lành còn có vết,  
“Trời già như thế cũng chơi chua”.*







ĐÀO TRINH NHẬT  
(Doãn Chu)

# CON QUỲ PHONG LƯU

*(Tiểu thuyết phóng sự xã hội)*

TRUNG BẮC CHỦ NHẬT  
(Số 30/1940-61/1941)









## CON QUỈ PHONG LƯU

Phóng sự tiểu thuyết của DOÃN CHU

### I

Một người ngủ trưa hẳn là người chết

“Sài Gòn đẹp và vui đáo để.

“Một hải cảng buôn bán sầm uất và thịnh vượng.

“Có tiếng là hòn ngọc ở phương Đông.

“Nhưng không phải người ta muốn gì có nấy sẵn sàng, đủ thứ.

“Phải biết ông Hóa công xây dựng võ trụ còn nhiều chỗ bất như ý cho chúng ta, còn lắm sự thiếu sót; huống chi một thành thị bởi tay nhân công.

“Tuy vậy, Sài Gòn vẫn là một cảnh đẹp ta nên đến xem, một thứ hoa thơm ta nên thưởng thức.

“Có điều, trước khi khách muốn du lãm, tôi xin ghé tai dặn nhỏ bốn cái bí quyết:

“Một là khoan đề;

“Hai là biết bơi;

“Ba là nhịn đói;

“Bốn là nằm hè.

“Thật đấy, ông thử rờ bụng bà đầm mà ông xem sắp ở cỡ chưa?



Nếu cận ngày quá thì hãy hoãn lại, khoan đi. Vì Sài Gòn chưa có một nhà hộ sinh công lập, nhất là cho người bốn xứ. Muốn đẻ, phải vào tận Chợ Lớn, cách xa sáu cây số. Đi chậm thì sợ đẻ rơi dọc đường.

“Cũng không có một nhà tắm nào cho công chúng những khi cần dùng, như các tỉnh thành người ta. Nhưng có thể lội xuống Cửu Long giang nếu ông giỏi bơi và không sợ cá sấu làm thịt.

“Một tỉnh thành mấy chục vạn dân cư và ngoài trăm đường phố lớn nhỏ, tôi đồ ai tìm được lấy hai chỗ lập riêng cho người ta tháo nước tiểu tiện. Du khách chỉ có việc bóp bụng mà chịu hay là tưới bậy vào bất cứ gốc cây xó tường nào. Không may thì đồng hai bạc phạt.

“Sài Gòn cũng chưa có nơi nào là dạ lễ viện cho dân vô gia cư. Số người đêm nằm màn trời, chiếu đất, nhan nhản ghế nào cũng có. Ta đi chơi khuya, nếu không muốn trở về gõ cửa nhà quen hay không tiền thuê phòng ở trọ, có thể giải một tờ nhật trình nằm khênh ở đầu hè các hăng, cứ nghe người ta chuyện trò ca hát cũng đủ vui...”

\*

Ấy là cảm tưởng kì khôi của một nhà đại lí thương mại bên Pháp, M. Ch. Ritz, chúng tôi quen biết khi ở Paris.

Còn nhớ hồi 1928, ông ta sang Viễn Đông chào khách chiêu hàng cho mấy hãng buôn ở Paris và Lyon có dịp ghé qua Sài Gòn chừng một tháng. Dăm bảy thương gia ta với chúng tôi đãi tiệc tẩy trần. Giữa tiệc, có người hỏi cảm tưởng ông ta đối với “hòn ngọc phương Đông” ra thế nào. Ông vừa cười vừa nói, y như mấy lời tôi đã thuật trên. Rồi ông kết thúc:

- Tôi nói kì khôi cho vui chuyện, các ông đừng phiền nhé!

Phiền nỗi gì? Cảm tưởng ông ta kì khôi, nhưng quả đúng sự thật.

Đáng phục người xứ văn minh, họ có trí quan sát bộn quá. Chỉ ghé ở Sài Gòn độ một tháng, họ khéo tò mò, nhìn thấy cả những cái lật vạt mà mình ở mấy chục năm không hề nghĩ đến.

Miền Nam trung ta nổi tiếng đất vàng lúa ngọc, ai có tưởng đâu chính nơi thủ phủ còn thiếu đến cả nhà đẻ, nhà tắm, nhà đại; nhất là có nhiều người không đất cắm dùi, không có lấy túp lều tranh mà ở.



Nghiem ra cũng lạ: không hiểu tại sao càng những nơi có nhiều lâu đài nguy nga đồ sộ, càng thấy nhiều kẻ vô gia cư. Kinh thành Paris thiếu gì gia đình sống dưới gầm cầu Ausi erlitz hay Coneorde, cũng như Sài Gòn ta có những bầu đoàn thê tử quanh năm sống còn, chữa đở trên vỉa hè mấy hăng Descours hay Charner vậy.

Chẳng những người ta nằm đấy mà sống, có khi lại nằm đấy mà chết nữa.

\*

Ai ở Sài Gòn lâu năm, hẳn nhớ cái khoảng nằm giữa hai đầu đường Catinat và Charner, ngó ngay mặt ra bến tàu Nam Vang, trước kia làm gì có tòa nhà hùng tráng tối tân của chú Hỏa dựng lên, làm đại khách sạn Mejectic, như ta trông thấy bây giờ.

Mười lăm năm về trước, chỗ ấy là mấy căn phố lâu kiêu xưa, gần đến tuổi khai tử, chú Hỏa cho mấy hăng mướn làm kho chứa hàng, tối đến cảnh tượng tối tăm, tiều tụy.

Phía bên kia đường, còn có ga xe lửa nhỏ, người ta gọi là xe lửa “con cóc”, chạy đường Chợ Lớn, Sài Gòn lên Đa Kao. Cách nửa giờ lại có một chuyến xe đi qua, bánh xe lăn càn cạch, uể oải như bước chân của ông lão bảy, tám mươi; tiếng còi rít lên điếc tai mà có vẻ sâu thẳm.

Trong hàng ba và ngoài vỉa hè của dãy phố nói trên, tức là buồng ngủ cho đám dân lao công khổ dịch sớm tối sống nhờ về bến tàu Nam Vang và các hăng, các sở chung quanh.

Ban ngày, mỗi người lo một việc, tản một nơi; anh chồng hè hội khuân vác đủ thứ; chị vợ bán quán trà Huế; mấy đứa con thì đội mía hoặc bươi vào Chợ Cũ bán. Tối đến, cha con vợ chồng quây quần lại, sửa soạn chỗ ngủ. Đêm nào nức nội lắm, họ nằm lăn lóc ngay trên cầu tàu, đắp mình bằng sương gió, tha hồ trăng sao dòm mặt chán chường. Những đêm mưa lạnh – khí hậu ở Sài Gòn thường lạnh ban đêm – họ kéo nhau vào nằm la liệt ở hàng ba hay vỉa hè phố trong kia. Ai cũng quay đầu vào trong, thò chân ra ngoài. Đứng xem như cá mòi nằm sắp lớp.

Gối của họ là một cục gạch, hay chiếc áo bà ba cởi ở mình ra, cuộn tròn lại.



Chiếu là tờ nhật trình cũ, hoặc tấm bao bố rách. Còn người khá hơn, thì mua cái “nóp” ba bốn hào bạc, ngày cắt một xó, đêm xách ra nằm. Nóp làm bằng lá áo tơ, có công dụng kiêm cả giường đệm, mền mùng. Người ta chui vào trong rồi buộc kín hai đầu lại, nằm êm và trốn được cả muỗi mòng mưa gió.

Nhiều kẻ vô gia cư ở phố khác xóm khác, thường đêm cũng ôm chiếc chiếu rách, lần mò đến dãy hàng ba này nằm ngủ cho được yên lặng, mát mẻ.

Phải biết trong số người nằm ngủ đầu hè, nhiều khi lẫn cả dân thầy vong gia thất nghiệp, và những hảo hớn gặp hồi thất cơ, lỡ vận.

\*

Sáng sớm hôm ấy, theo như lệ thường, đám dân vẫn ngủ trong hàng ba của dãy phố chủ Hỏa ở đường Rigault de Genouilly tất cả nam phụ lão ấu đã thức dậy đi làm việc kiếm ăn mỗi người một ngã lâu rồi.

Nhưng ở phía trong, còn lại một cái “nóp” lù lù chưa cuộn.

Nghĩa là bên trong có người còn đang nằm ngủ.

Một sự trái hẳn tục lệ ngủ hè.

Quái lạ! Ai mà ung dung cao ngạo được đến thế?

Chỗ va nằm có một hàng bao lơn bằng gạch che khuất những bạn ngủ hè với nhau ngó vào mới thấy. Khách đi qua đường vô tình, không ai để ý.

Đồng hồ đã gõ 8 giờ.

Bọn tư Chơi và sáu Sừng; cu li bắc tê ở bến tàu, sáng giờ đã khiêng vác được vô số kiện hàng cho nhà Descours, đang tụ họp trước quán bán trà Huế của chị Tám Rỗ để uống nước nghỉ hơi. Họ bàn tán về người ngủ trưa.

Mười Sọc ở dưới cầu tàu cũng chạy lên góp chuyện.

Cả đám sáu, bảy miệng người, một lúc cười nói om sòm ở bên ga xe lửa nhỏ. Mỗi người một thuyết, mỗi người một câu, nghe gần như đám cãi lộn.

- Thằng cha nào sướng dữ, ngủ tới chừng này còn chưa thềm dậy!



- Có lẽ va tu sắp thành chánh quả, không cần lo ăn, cứ việc ngủ kĩ như Trần Đoàn, chừng nào thiên hạ thái bình sẽ thức dậy cười chơi.

- Phải chớ, không cần lo ăn thì cứ nằm ngủ chổng giò cho sưng cặp mắt, tội gì phải đi khiêng vác khòm lưng ồm xác như tui mình.

- Nè, tui bay ạ, tao xem như va là một dân thầy thất nghiệp.

- Tao bảo va là nhà triệu phú.

- Mà nói lão đảng trời!

- Thật a, mày, cả tháng nay đêm nào va cũng nằm ngủ bên cạnh tao, rủ rì nói chuyện tâm sự. Va từng ăn xài phá của với gái hết mấy trăm ngàn, bây giờ hai túi khô rang, không còn dính một đồng điều.

Mười Sọc cười ha hả, xen vô:

- Tưởng là giàu có mà làm sự ích lợi gì cho ai nhờ, cái thứ vác tiền muôn đi nuôi gái như thế, giờ có nghèo khổ nhịn đói là đáng kiếp, tao không thèm thương chút nào.

Chị tám Rỗ lắc đầu và bảo tư Chới:

- Trưa trật ra rồi, thằng tư làm phước đi kêu va thức dậy, có đi cà phê xiu mậu gì chớ, nằm chinh ình mãi để lính họ trông thấy, đổ khối đá cho tiêu mẹ cái nóp và đau thấy mồ to. Chẳng gì va cũng là bạn đồng sàng, đồng tịch với mày mà!

- Bộ chị tưởng tôi đây vô tình hay sao? – Tư Chới trả lời. Sáng giờ tôi chạy lại đánh thức hai ba dạo, mà không nghe va cục cựa ừ hử gì ráo.

- Coi chừng, hay là nó chết cứng ngắc rồi?

- Nói bậy nà!

- Biết đâu? Dân ngủ đầu hè mà giờ này chưa dậy, bắt tao phải nghi mày à.

Chợt đâu hai người lính đi tuần vừa tới, dừng xe đạp lại hỏi:

- Có chuyện gì mà bay xúm lại, chỉ trỏ cười nói rùm lên dữ vậy?

Tư Chới nhanh miệng:



- Thừa thầy, anh em chúng tôi đang nói chuyện một người nằm ngủ ở hàng ba bên kia, giờ này còn chưa chịu dậy.

- Đâu, đưa tao qua coi.

Rồi cả bọn đi theo hai thầy đội tới chỗ người nằm ngủ trưa.

Thoạt tiên, một thầy cầm roi quất mạnh trên nóp, nghe lộp bộp như trận mưa rào, lại đưa mũi giày thúc mãi bên cạnh, không nghe động dậy.

Mọi người đều trợn.

Họ đành xé nóp ra xem.

Ai nấy cùng giật mình, sững sốt, lùi lại một bước.

Thì ra người nằm ngủ trưa không còn phải thức dậy nữa. Hai mắt trợn trừng, miệng há hốc ra, da thịt chân tay đều xám đen và lạnh cứng. Va đã chết từ bao giờ. Trách nào đã sáng banh mắt mà không thêm dậy.

Một vụ án mạng chẳng?

Được tin phi báo, ông Cò quân nhứt và quan Biện lí tới nơi khám nghiệm.

Người này ước chừng 27, 28 tuổi, xem gương mặt và chân tay thì biết không phải con nhà lao khổ. Mình mặc áo bành tô và quần tây vải trắng, nhưng la lét tẩm gội nhiều cát bụi, đã biến ra màu xám. Ta gọi là *cháo lòng*. Đôi săng đan đã đứt quai mòn đế, vẫn mang ở chân.

Lục xét trong mình không có dấu tích gì khả nghi. Chỉ thấy một đồng bạc vừa hào và xu, một chiếc khăn lụa có mùi nước hoa, xếp nếp tử tế, trên góc có hai chữ S. và H. thêu treó nhau. Hình như một vật kỉ niệm mà chủ nó giữ gìn trân trọng.

Chẳng có một miếng giấy gì để chứng tỏ căn cước.

Người ta cho là một quan viên chuyên môn trốn sưu, lậu thuế. Cũng có thể nghi là tù đình quốc sự ở Côn Lôn đã đóng bè tẩu thoát không chừng.

Nhưng mấy giả thuyết ấy bị đánh đổ ngay, khi người ta móc ra tận túi trong áo bành tô, một tờ giấy mỏng, có những hàng chữ viết như sau này:



“... Một khi người ta tìm thấy xác tôi bất luận ở xó xỉnh nào, ấy là tôi tự tử lấy mình, không dính dấp phiền lụy đến ai.

“Sau khi đã lạm tiêu của cha mẹ mấy chục muôn đồng vì tánh say đắm nông cuồng, tôi nghĩ đời tôi không làm ích lợi gì cho ai, không còn sanh thú gì nữa mà chẳng chết.

“Cha mẹ từ bỏ, nghĩ thật đáng kiếp cho tôi. Bạn bè anh em xa lánh cũng phải: vì thân mình như khu đất họp chợ mà buổi sáng tấp nập, xế chiều bỏ hoang, bởi sự nhu cầu của con người ta không còn ở đấy nữa.

“Cho đến kẻ kia khinh khi đoán hậu với mình, cũng chẳng phải lạ.

“Chỉ xin các bạn thanh niên cuồng phóng nên trông lấy gương tôi mà tự răn mình, tỉnh ngộ. Cái chết xó xỉnh của thân tôi âu cũng nghĩa lí ít nhiều...”

Dưới chỉ kí tắt có một chữ S.

Xem mấy hàng tuyệt mạng, thì biết chàng thanh niên này hẳn sống một thời oanh liệt trong làng ôn nhu, đã chơi vung tàn tán một lúc rồi chán đời, tự sát.

Ví thể bán đợ được trời, hay kẻ nào kia đừng phụ bạc, hẳn chàng cũng muốn còn sống.

*Cạn túi cô đi mất,*

*Mang nghèo, bạn ngó lơ.*

Có lẽ bức tức nhân tình thể thái xanh như lá, bạc như vôi, cho nên chàng đã chết trọn tròng hai mắt, không nhắm được chẳng?

## II

### VÒNG HOA CỦA MỘT CÔ THIẾU NỮ

Tuy có bức thơ di bút làm chứng sự tự tử, nhưng đã chắc gì thật chữ của người chết. Một tên can phạm nào, có thể bày đặt bức thơ và câu chuyện hồi hận ấy để che đậy một vụ âm mưu hay một tung tích khả



ngghi khác, biết đâu là chừng.

Bởi vậy, nhà chuyên trách phải làm đúng phép cẩn thận, mở cuộc điều tra, cho biết kẻ bất hạnh con cái nhà ai và căn do vì sao tự tử.

Ty cảnh sát quận thứ nhứt, - ở cách xa chỗ phát giác tử thi độ trăm thước, - một mặt sai chở tử thi vào nhà xác để thầy thuốc mổ khám chất độc; một mặt đòi hỏi những người có thể làm chứng họa may lần được mỗi dây bí mật.

Tất nhiên các chứng tá quan hệ là bọn cùng ngủ đầu hè với nhau. Nhất là tư Chới và sáu Sùng.

Hai người thường đêm cùng chàng ngủ chung một chỗ, làm như tả phù, hữu bật. Thế nào chẳng tỉ tê chuyện vãn, dò biết gốc gác và sự tình của chàng, không nhiều thì ít.

Nhưng sáu Sùng là bợm Lưu Linh, không đêm nào sót: chừng khoảng 10 giờ lần ra Chợ Cũ nhậu một hơi ba tiền (sáu xu), hay một hào rượu trắng, rồi về đầu hè nằm ngáy như trâu rống. Nhiều bữa, va uống rượu trừ cơm. Miễn có hơi men đánh tan trí nhớ những nỗi vất vả mệt nhọc ban ngày. Không mấy khi va gặp bữa chàng nọ về ngủ sớm mà cùng chuyện trò. Thành ra tung tích chàng thế nào, va không để ý.

Duy có tư Chới hay trần trọc thức khuya, thêm chị vợ cặp kè một bên với đứa con nhỏ còn bú. Anh ta mắc phụ việc dỗ con và tính toán đồng tiền bát gạo với vợ, không thể nào nhắm mắt ngủ sớm được. Nhờ vậy, anh có dịp làm thân bắt chuyện với chàng nọ nhiều hơn.

Tuy nhiên, nghe lời anh khai trước cò bót cũng chỉ mập mờ, không phóng ra một tia sáng nào gọi là rọi đường cho cuộc đường điều tra.

- “Thưa ông, người ấy tên thật là gì, tôi không hề biết; chỉ quen gọi là thầy hai. Va mới nhập tịch trong xóm đầu hè chúng tôi chừng hơn một tháng nay.

“Ban ngày va ở đâu và làm ăn gì chẳng rõ, đêm khuya va mới lần về chỗ ngủ, khi thì nửa đêm, khi một hai giờ. Sáng dậy đi thật sớm, có ý làm lủi như không muốn cho khách qua đường trông thấy mình.

“Đêm nào chúng tôi cũng rỉ rả bàn tán việc đời với nhau hồi lâu. Va xem tôi như bạn tri kỉ.

“Ban đầu tôi tưởng là một dân thầy mất sở làm, nhưng sau nghiệm



ra không phải.

“Hình như va là con một nhà giàu lớn ở miền Bạc Liêu, Cà Mau. Một năm về trước, cốt lên Sài Gòn ăn học. Nhưng rồi bị nhan sắc cám dỗ, bẻ bạn rủ rê, đâm ra chơi bời công tử, rất mực phóng túng xa hoa, đến đổi phung phá của nhà hết mấy trăm ngàn đồng. Cha mẹ khuyên bảo mãi chẳng nghe, đành phải từ bỏ. Không mấy chốc va thất cơ lỡ vận, tứ cố vô thân; từ chôn đài các tuột xuống đầu hè, chỉ có một bước.

“Lâu nay xem chừng sản nghiệp chỉ có bộ đồ tây cũ mặc trong mình với cái nóp gửi tôi cất giùm. Thỉnh thoảng nghe trong túi róc rách năm ba quan tiền. Nhiều khi va nằm bóp bụng nhịn đói.

“Va thường ngỏ ý hỏi hận, muốn chết.

“Hồi hôm này, va cũng về khuya, cử chỉ vẫn tự nhiên. Chúng tôi nói chuyện một chặp, rồi ai lo ngủ nghỉ phận nấy. Thì ra cậu ta cố thức để uống thuốc độc quyên sinh, nhưng tuyệt nhiên chúng tôi không nghe tiếng rên xiết giãy giụa gì ráo v.v...”.

Ấy, tư Chơi cứ thực tường khai, chỉ biết đại khái có thế.

\*

Qua ngày hôm sau, 17 Juin, lúc hai giờ rưỡi chiều, một chiếc xe Hispano từ ngã cầu Thủ Ngữ đi nhẹ nhàng như bay trên mặt đường R. de Genouilly trắng nhựa, tới ngay trước cửa ty cảnh sát quận nhứt thì hãm máy dừng lại.

Bốn bánh và quá nửa thân xe, trông như là sơn bằng cát bụi lóm đóm, chỉ tỏ xe này đã tắm gội phong trần từ đường xa đến; nó khác với xe sở tại Sài Gòn, chạy quanh trong châu thành, lúc nào cũng bóng lộn có thể soi gương.

Một cụ già, đoán chừng lục tuần trở lại, mở cửa xe ung dung bước xuống. Cụ bịt khăn đóng, vận quốc phục, trông có vẻ quắc thước và đạo mạo. Nhất là còn để “quốc túy” trên đầu, mà đồng bào Nam gọi là *củ nừng*, chúng ta bảo là *tổ chấy*.

Cụ đi thẳng vô buồng các thầy làm việc, đưa danh thiếp xin diện kiến ông Cò.



Người lính đón lấy danh thiếp, liếc thấy những chữ “*Hồng Đức Thành – Phủ hàm, nghiệp chủ - Cà Mau*”.

Ông Cò mời khách vô ngay.

Thấy khách là ông lão nhà quê, một thầy trong sở toan vào làm thông ngôn, nhưng vừa tới cửa phòng đã nghe khách xô tiếng Tây thông thạo ra phết.

Lão nhà quê ấy nói chuyện trực tiếp với quan Chánh cò bằng tiếng mẹ đẻ của ngài, không phải cần ai đứng làm miệng lưỡi giùm mình.

- Thưa ngài, tôi đến xin ngài cho phép tôi được lĩnh một cái xác chết để về chôn cất.

- Xác nào? – Ông Cò hỏi lại có ý sừng sốt.

- Thưa, xác con tôi.

- Ủa! Con ông là người nào, chết bao giờ, ở đâu? Thật tôi không hiểu!

- Có phải buổi sáng hôm qua, ở gần đây đã phát giác vụ án một kẻ chết đường vô danh, hiện ngài đang điều tra.

- Quả có như thế.

- Người chết đường ấy chính thị con tôi, 28 tuổi, tên là Hồng Đức Sảnh.

- Nhưng ông đã nhìn thấy mặt mũi kẻ bất hạnh ra sao chưa, mà chắc có phải?

- Bẩm ngài, tôi đã biết chắc chắn như hai năm là mười. Tôi ở dưới Cà Mau lên đường hồi khuya, đến Sài Gòn vào khoảng 10 giờ sáng nay, vừa mua báo xem, thấy ngay cái tin vặt, nói hôm qua ở trước bến tàu Nam Vang phát hiện một kẻ tự tử không có căn cước, lục xét trong mình thấy bức thư tuyệt mạng kí tên tắt một chữ S... Tin ấy như xé ruột gan tôi mà bảo: “Chính phải nó rồi!” Những kẻ chết đường như thế, nhà chuyên trách cho đưa tử thi lên nhà xác của thành phố ở bên Đất thánh Chà để quan thầy khám nghiệm, có phải vậy không? A, phải. Muốn được hắc bạch phân minh, khỏi còn nghi ngại, cho nên liền ngay lúc đó, tôi tức tốc lên ngay nhà xác nhận diện, quả thật con tôi...

Ông Cò chận ngang chỗ này, hỏi vặn cụ phủ hàm Thành:



- Việc mới phát giác chưa đầy 48 giờ đồng hồ, ở đây từ cò bót đến các báo chưa tìm ra tính danh căn cước kẻ bất hạnh để thông tin cho nhà khổ chủ hay đăng rõ đầu đuôi trên báo. Tôi xin hỏi ông ở tận Cà Mau, đã có cách gì biết được tin tức mà lên Sài Gòn mau lẹ như thế?

Cụ phủ hàm chậm rãi nói:

- Tôi đã được tin cho hay từ hai bữa trước. Đây ông thử xem.

Vừa nói, cụ vừa móc túi lấy ra một cái phong bì đóng dấu trạm Cà Mau ngày 16 Juin, bên trong có mấy hàng chữ lơ thơ cũng viết trên tờ giấy bóng:

*Sài Gòn, le 15 Juin 1927*

*“Thưa ba,*

*“Con chỉ còn có cách tự xử lấy mình mới rửa sạch được  
tội lỗi nông cuồng.*

*“Ngày 17, ba lên Sài Gòn mà nhận lấy xác con.*

*“Muôn vàn xin ba tha thứ.*

*“Kí tên: Hồng Đức Sánh”*

Thì ra, chàng đã lập tâm từ giã cõi đời, ngày hôm 15 gửi thư về tạ tội với cha, đến khuya thì uống thuốc ngủ tự tử. Qua chiều 16, cụ phủ tiếp được thư, sáng sớm 17 hỏa tốc lên tới Sài Gòn, thấy con đã nằm trong nhà xác.

Ông Cò xem bức thư trên hai ba lần, rồi đem so với tờ tuyệt mạng. Không phải có cặp mắt nhà giám định cũng thấy ngay chữ viết hai bức thư giống nhau từng nét, cùng một màu mực, cùng một thứ giấy, chắc hẳn cùng viết một ngày.

Căn cước của kẻ bất hạnh đây rồi.

Trên mặt đầm nước sơn bi thảm, hai bên khóe mắt đượm những giọt sương chí tình, cụ phủ hàm nói:

- Hẳn ngài đã tin rằng câu chuyện tôi nói nãy giờ là sự thiệt mười mươi.

- Phải, không còn ngờ gì nữa! – Ông Cò trả lời.

- Vậy thì bây giờ tôi xin ngài một việc.



- Việc gì ông cứ nói.

- Thưa ngài, theo tục văn minh, tự tử là một cử chỉ hèn nhất, người ta thường đem chôn ban đêm. Nay thằng con tôi đã phạm tội hèn nhất ấy. Tôi rất đau đớn xót thương. Nhưng tôi không muốn để vì nó mà dư luận sẽ dị nghị đến danh dự tôi, cả gia tộc nhà tôi. Trải bao nhiêu đời sinh trưởng ở Cà Mau, dòng họ tôi vẫn được tiếng trong sạch, đứng đắn. Bởi vậy, tôi thiết tha cầu thỉnh ngài giữ kín giùm chuyện này, đừng cho ai biết gốc gác tên tuổi làm gì. Xin ngài cứ xem như một kẻ chết đường vô thừa nhận, thế thôi. Ngài làm ơn cho như thế, tôi cảm tạ vô cùng. Cố nhiên về việc chôn cất, xin ngài cho giấy phép để tôi lo liệu, không dám để tổn cho công nha thành phố...

Ông Cò niềm nở tiễn khách ra cửa và nói:

- Được, tôi sẵn lòng y theo lời ông thỉnh cầu.

Phạm những danh gia vọng tộc, việc gì có thể, vẫn được các nhà cầm quyền chiều đãi như ý.

Thành ra vụ công tử Sảnh quyền sinh được vui ngay trong đêm tối, không đến nỗi làm món quà cho miệng tiếng thế gian.

\*

Hôm sau, một chiếc xe tang ngựa kéo chở di hài cậu Sảnh vào an táng ở nghĩa địa Bình Phước trong Gia Định.

Người ta lấy làm lạ đám tang không vòng hoa câu đối, không ai để tang chống gậy, không thân thuộc bạn bè nào đi đưa.

Theo sau chỉ có hai người, ra dáng thầy lí nhà quê. Ấy là sáu Sừng và tư Chới. Trong dịp này, họ mượn đâu mỗi người một chiếc áo dài đen, cho ra vẻ trân trọng.

Cụ phủ hàm phú thác họ mọi việc tổng táng rồi lên xe về Cà Mau tức thời.

Họ đưa người bạn ngủ hè về chỗ ngủ nghìn thu.

Chừng sau nửa giờ, có người vô trước mà mới ấy, thắp hương khăn vái, và đặt vòng hoa bằng cườm, có ghim một chữ H.

Ông lão coi nghĩa địa nói là một cô thiếu nữ.



### III

## DÂN ĐÌNH TRONG LÀNG HOA NGUYỆT

- Sao cậu chơi bời hoang phí quá! Xài tiền như rác! Phải biết nước chảy đá mòn, đến núi cũng có ngày phải lở, huống chi tiền của. Chẳng lo giữ gìn mai hậu, để khi cháy túi mang nghèo, có phải khổ thân không?

- Ôi! Cứ ăn chơi cho sướng, cứ xài phá tung trời, chừng nào phải tay sạch nghiệp thì tôi cho một phát... nổ bùm vào đây – vừa nói vừa chỉ ngón tay vào ngực ra hiệu – hay nhào xuống cầu Bình Lợi là xong đời!...

Nghĩa là: cứ chơi vung tàn tán, hết tiền của thì tự sát mà chết; còn sống đâu nữa hòng lo mang nghèo khổ thân.

Ấy, nhiều công tử tay chơi đã trả lời những kẻ khuyên can họ một cách hăn hoi quả quyết như thế.

Họ xông vào trận chơi, như thể một ông tướng xông vào trận giặc, một là cứ tiến, hai là phải chết.

Nhất là trận “gái”.

Vì hiếu thắng, vì tự kiêu, vì sĩ diện, vì ganh gổ với tình địch, không cho họ được phép lùi lại.

Nhưng khôn thay! Chẳng phải cậu nào chơi hết nghiệp rồi cũng có thể làm theo ý muốn, tự đưa mình vào lưỡi hái của thần chết để trốn tránh cảnh khổ ở đời.

Có khi hình như ông Tạo chơi khăm, bắt họ cứ sống, phải chịu mọi sự điêu đứng, gian truân, cho bỏ những lúc nào vung tay xài phá, ngàn vàng mua cười!

Tôi từng biết một người đồ kĩ sư điện học ở bên Tây về, được ăn một phần gia tài chia cho hơn ba vạn bạc, tự nguyện ăn chơi thỏa thích rồi chết. Thôi thì nuôi mèo, đánh bạc, khét tiếng phong lưu công tử một thời. Vài năm, tiêu sạch mấy muôn. Quả thật, ông ta cầm súng lục gi



ngay bên thái dương mà bóp cò. Nhưng hòn đạn xỏ xiên, làm như chêm cái đầu ấy không thềm vào. Nó đi suốt qua một bên để bắt ông ta cứ sống. Mà sống thế nào? Bơ vơ, đói khát, nghiện ngập, rách rưới, mười năm ròng rã như thế, thân chết mới chịu rước đi cho.

Tôi lại thấy một vị công tử khác, chỉ những chơi ngông ở Paris và Sài Gòn, nào quăng tiền vào trong hầm hồ nhan sắc, nào lập gánh cải lương tam, tứ thứ, với bao nhiêu cách hào phóng kì khôi. Trong vòng mười năm, hết sạch gia sản mấy triệu.

Năm xưa, cậu cũng thề nguyện sẽ tuần tiết theo cuộc đời phong lưu của mình. Nhưng rồi chỉ có Tài Bạch tinh quân khiêng tử sắt của cậu đi, còn Nam Tào thì bướng bỉnh, không khứng bôi giùm tên tuổi cậu trong sổ. Ý hẩn ông trời cố níu cậu ở lại trong cuộc đời kham khổ như phần đông chúng ta, để cho họ biết giá trị đồng tiền khó khăn và quý hóa.

Đây, sống có tiền của mà phung phá ngông cuồng thì dễ, đến lúc cạn xu cháy túi mà muốn chết để trốn tránh cảnh nghèo, không phải tay chơi nào cũng quyết làm được “*con quý phong lưu*” như công tử Sảnh.

Chắc ai cũng có tính hiếu kì. Vậy chúng ta thử ngảnh lại nhìn cái sinh bình và cái hoàn cảnh của chàng thiếu niên cuồng đảng ấy xem, có lẽ thấy nhiều chuyện hay.

\*

Dân đình trong làng hoa nguyệt – tôi muốn tránh gọi là mại dâm - ở Sài Gòn chia ra có mấy giai cấp khác nhau một cách phân minh.

Thượng lưu: *đĩ bà*.

Trung lưu: *đĩ cô*.

Hạ lưu: *đĩ con*.

Hạng trên có cửa nhà ấm cúng, đồ đạc trang hoàng; thường khi có tiền gửi nhà băng hay huê lợi ở thôn quê.

Trông bề ngoài ra vẻ hộ chủ đứng đắn, căn cơ. Bề trong, tâm lí và sự hành vi của họ, chỉ bác sĩ Freud mới có thể hiểu nổi.

Lắm kẻ xuất thân trong hàng lương gia tử đệ, có chồng con đàn ông hoàng, nhưng vì tánh chất kiêu sa dâm đảng, khiến nên sa ngã.



Họ sinh hoạt theo bản năng và sở thích rất mực kín đáo, giữ kín. Không phải hạng đưa sau đón trước sớm Tần chiều Sở như ai.

Họ là “gái bao” (*femme entretenue*) của người nào có thể dọn nhà mướn phố cho họ ở, để lấy chỗ đi lại dưỡng già mua vui; có thể nuôi họ được một tháng năm, ba trăm bạc mới đủ sống.

Người ấy, hoặc là một vị cai tổng, hội đồng, năm sáu chục tuổi mà vẫn đa tình hiếu sắc; hoặc là một công tử, một nghiệp chủ ở Lục tỉnh, tiền của dư dật, muốn “làng kiêu” ở Sài Gòn làm cảnh chơi.

Có khi là một chú má chín Chợ Lớn hay một nhà quyền thế cũng nên.

Nhưng chỉ ngảnh đi ngảnh lại ít lâu, đã thấy có cuộc “thay trao đổi họ” một lần. Vì trên sân khấu *già nhân ngãi, non vợ chồng*, họ không thích đứng hát chung mãi với một vai kép. Và lại, tính lãng mạn và đức tiêu xài của họ, không ai có thể chịu đựng được lâu.

Đáng khen họ thật khéo giữ thành tích, làm bộ như một bà một cô lương thiện, chín chắn. Họ có cái ngón mại dâm cao hơn đông bởi một nước, là không suồng sã, vãng mạng cho thiên hạ thấy.

Hạng giữa – dĩ cô – là hạng trẻ trung, xinh đẹp, thích chung diện sang, thích ăn xài lớn, thích phóng túng ngông cuồng, thích giao du quảng cáo cho nhiều tay chơi biết mình.

Với họ, chẳng khi nào lấy hẳn một thằng nào làm chồng, nhưng thằng nào có tiền, có nhiều tiền, thì tao cũng lấy.

Họ khéo xem người đập cửa.

Mà cũng giỏi tùy cơ ứng biến.

Có khi mấy vị công tử nhà giàu chơi ngông, phải cạnh tranh nhau o bế chiều chuộng đủ cách; họ có tài tỉ tê nhõng nhẽo, làm cho mấy cậu phát điên; nhất là họ khéo treo cao giá ngọc, để mấy cậu tuôn từng cuộn giấy bạc ra dọn nhà cửa, sắm hột xoàn, mua xe hơi cho họ rồi, bấy giờ mới cho lân la phương trạch. Tưởng là gì? Hương thừa hoa thái!

Cũng có khi tiền khan gạo hết, nào bộ cánh để ở tiệm cầm đồ chưa chuộc, nào chủ nợ, chủ phố thúc đòi mấy tháng còn thiếu, lại còn nổi lên những cơn ngáp nghiện á phiện hảo hạng, nghiện thuốc lá ăng lê, nghiện



bài tứ sắc, những lúc ấy vớ được anh nào rước đi với cái giá mười lăm đồng vài chục là phước. Họ vồ vập lấy ngay. Chẳng bù lúc nào có khách tình mới đi Đà Lạt thừa lương độ vài ba ngày, họ đòi cho được tiền công 500 bạc chẵn.

Tùng đội mũ miện, lên ngôi hoa hậu ở Sài thành nhất thời, là *Trà Hoa Nữ* và *Nhị Nương*, đã bao phen xuống chó lên voi và ném trái những mùi vinh nhục phù trầm như thế.

Đến hạng *đĩ hạ lưu*, ở thổ chứa, đi lục xì, kiếm chác từ bạc hào mà sống, thì Sài Gòn cũng như các châu thành khác, ai cũng biết rồi, bất tất phải nói.

Tôi đã xem nhiều nhà văn tả những khổ tình khổ cảnh của hạng này. Có lẽ chỉ là bức tranh phác họa. Tất là đàn bà mới hiểu thấu tâm lý và thân thể của đàn bà. Nếu như nữ sĩ Maryse Choisy chịu khó qua Sài Gòn, để trá hình vào nhà thổ chứa điều tra như đã làm ở Paris, tất cho chúng ta được đọc nhiều trang cảm động, được biết nhiều nông nổi thương hại và không ngờ.

Thế mà Sài Gòn còn có một hạng kĩ nữ ở tầng dưới thấp hơn nữa.

Ấy là *đĩ đường*.

Họ chính là dân cùng đinh vô sản trong làng nguyệt hoa; mấy giai cấp vừa kể trên là tiên chi, là kì mục, là huỳnh thứ.

Nơi họ đón khách kiếm ăn, cần phải tối tăm chui rúc. Nhất là bên cạnh vườn Bờ rô và bãi cỏ hoang, trước mặt nhà hội Âm nhạc ở đường Tabert. Đêm khuya, ta đi phát phơ qua đây, thường thấy ở xó tối bóng cây, thò ra những bộ mặt gầy gò trắng nhợt, người không biết trước có thể tưởng là gặp ma. Họ cất tiếng hát nghêu ngao để ghẹo khách:

*Ai đi khoảng vắng đêm trường,*

*Phải chàng quân tử thăm đường tìm hoa?*

Có khi chỉ gạ đòi lấy một bữa ăn rất rẻ, vì thật tình họ đói:

*Bằng không cố đấm ăn xôi,*

*Cơm chiều đã nhịn, bữa mai lấy gì?*

Thì ra họ phải ẩn núp trong lùm cây để tránh lính tuần phong tục; họ cần trát phấn lên mặt để hàn những nét nhăn nhú hay đậy màu da



xanh búng; họ chỉ làm ăn trong xó tối để khách đỡ thấy bản thủ già nua. Tội nghiệp, có lắm ả đến ngoại tứ, ngũ tuần, vẫn phải dầm mưa gội gió, ban đêm nuôi miệng.

Cầu thang hoa nguyệt sinh nhai, họ ở bậc cùng kiệt dưới chót.

Còn người thiếu nữ đã đặt vòng hoa có ghi chữ H. ở trên nắm mồ công tử Sảnh, là một người trong hạng đứng cao chót vót trên đầu thang ấy.

## IV

### ĐI TÌM NHÀ CÚC HƯƠNG

Một tòa nhà lầu hai tầng, xinh xắn, trước mặt có vườn hoa công sắt, trông ra vẻ biệt thự, nổi bật lên giữa xóm phần nhiều phố thấp ở gần hút đầu đường Richaud, một trong những con đường mát mẻ sang trọng của Sài thành.

Người ở trong nhà, nếu là gia chủ, phi bậc phú hào tất người quyền quý. Trái lại, nếu nhà cho thuê, mỗi tháng chắc phải trăm rưởi, hai trăm là ít.

Nhưng quái lạ! Tôi bấm chuông gọi cửa lâu lắm mà trong nhà không nghe lên tiếng.

Lúc ấy độ 11 giờ sáng. Cái giờ, mỗi nhà phải có kẻ đi người về, sửa soạn ăn uống.

Hay là một nhà bỏ không? Người ta dọn đi rồi.

Không có lẽ. Vì trông thẳng vào ga ra phía trong, rõ ràng thấy xe hơi bóng nhoáng. Vả lại, quang cảnh chẳng phải một nhà vô chủ. Nhưng sao họ lại làm thinh?

Thấy tôi chốc lát lại để ngón tay vào chỗ bấm chuông điện trên tường và đứng bần khoản ở trước cửa này mãi, mấy người ở nhà gần hai bên chỉ trở rồi thì thầm nói gì với nhau. Dễ thường họ cho tôi là một quái vật.

Một ông đi làm về, nhà ở gần đây, hỏi với qua phía tôi:



- Chắc ông muốn vô trong nhà đó?
- Thừa phải. Song tôi kêu cửa nóng ruột, chẳng có ai thừa.
- Ông đừng kêu gọi giờ này vô ích. Họ còn ngủ cả. Muốn vô nhà nọ, lổi ba bốn giờ chiều, ông đến cũng còn là sớm.

Phải, tôi khờ thật đấy. Những nhà như nhà này, nếu sự sống cần phải lấy đêm làm ngày thì sự nghỉ tắt phải lấy ngày làm đêm. Mặt trời lên cao mới đi nằm gọi là thức khuya, có khi chính ngộ thức dậy tức là dậy sớm. Hoàng hôn mới ăn bữa sáng; đêm khuya mới ăn bữa chiều.

Hèn nào xế trưa, thiên hạ đã đi làm được nửa ngày trở về, thì nhà họ chủ tớ, lớn nhỏ vừa mới nằm ngủ. Muốn được yên giấc, họ tháo nắp chuông điện ra, cho ai ở ngoài réo mấy cũng như điếc.

Bốn giờ chiều tôi quay trở lại, cô chủ vừa mới thức dậy, đang đứng chống tay vào bậc cửa sổ trên lầu, mắt đăm đăm nhìn xuống vườn hoa.

Thấy tôi, nàng reo mừng nhưng trong vẻ mừng hơi có ngụ ý sùng sốt. Có lẽ vì phải tiếp một người khách mà nàng không hề chờ đợi:

- Kìa, nhà báo! Mời anh bước vô sa lông, tôi xuống tức thời.

Phòng khách bày biện đặc biệt kiểu Tây. Thoáng trông đủ thấy vài ba ngàn đồng, vì đồ đạc toàn gỗ cẩm lai do hãng Lamorthe giám tạo. Nàng tươi cười niềm nở:

- Máy khi rông đến nhà tôm, chắc có sự gì quan hệ lắm đây.
- Cô định nói nhà *tiên*, nhưng vội vàng nói nhin ra *tôm*, phải không?

Con người, bà mụ nào khéo nặn, mà được cả mọi vẻ: tầm thước, đầy đặn, nõn nà, yếu điệu. Con mắt ngó, khéo miệng cười, như thả một luồng điện bắt người ta phải rung động, mà đầy nét ngây thơ, dễ cảm, tuyệt nhiên không có chút gì tục tằn, lẳng lơ. Tôi chợt nhớ bài đầu *Thanh bình điệu* của Lý Bạch, giá để ca tụng sắc đẹp của nàng, cũng không phải nịnh.

Thú thật, nếu tôi có gia sản ông hội đồng Trạch hay được mặc *áo long cổn* trong mình, chỉ đem đổi lấy một giờ say đắm với con người ấy cũng không tiếc. Chẳng trách...

Bỗng nàng cắt đứt ngang mạch tư tưởng chàng màng của tôi bằng một câu hỏi dựng đứng:



- Tôi dám đánh cá trăm đồng lấy một rằng anh quá bộ đến nhà tôi hôm nay chỉ vì chuyện cậu Tâm Sảnh.

- Phải, người đã nhắm mắt, không được ngó vòng hoa cô tặng cho.

- Sao anh biết?

- Trên hoa gài chữ H. Chẳng phải Cúc Hương thì còn ai!

- Anh xem đó thì hiểu tôi khổ tâm. Tôi biết ý người nhà họ làm ma một cách lù xì giấu giếm, thành ra tôi tránh mặt chẳng tiện đi đưa, mà tặng nhau vòng hoa cũng không dám đề thật tên mình.

- Tôi chắc trong đời chỉ có mình cô biết vì sao Sảnh đến đổi phần chí tự tử một cách đáng thương?

Như mũi tên đâm vào ruột gan, nàng sầm nét mặt và cười gằn:

- “Câu anh hỏi đủ hết cả ý nghĩa cay chua sâu sắc. Nhưng tôi không phiền anh đâu, vì tôi biết anh chỉ dịch lại miệng tiếng thiên hạ.

“Họ bảo rằng Sảnh phá hủy thân như thế là vì tôi. Trời ôi! Người ngoài cuộc biết đâu tôi cố xức với Sảnh rất thủy chung. Lòng tôi, có ông Bà Chiêu<sup>(1)</sup> chứng giám.

“Khi thấy y bị nhà tù, bạn bỏ; tình cảnh bắt đầu nguy nan, một hai tôi bảo ả để tôi mượn ghế cho mà ả, mỗi tháng tôi xin cung cấp chừng một trăm. Miễn đừng can thiệp và bó buộc tự do của tôi. Song y không chịu thế, y thích lang thang khổ sở rồi nằm chết trên đầu hè!

“Chớ chi tôi có ruộng đất huê lợi, có số tiền gửi băng, không chừng tôi bỏ Sài Gòn mà đem Sảnh đi ở với nhau biệt tịch một nơi, có lẽ mãi đời. Khốn thay! Tôi hai bàn tay trắng, tôi cần phải sống...”

Tới đây, tôi vừa toan chêm vào một câu hỏi, nhưng nàng thông minh, như đoán trước ý tôi, gạt tay và nói tiếp:

- “Khoan mà! Anh định đặt câu hỏi gì, tôi đoán ra rồi! Hãy để tôi nói hết.

---

(1) Tại Gia Định có lăng và đền thờ ông Tả quân Lê Văn Duyệt, tục gọi ông Bà Chiêu, tương truyền ông rất linh ứng.



“Người ta trách tôi đã được công tử Sảnh phá tán của nhà tôi mấy trăm ngàn đồng, thế số tiền ấy tiêu đi đâu cả?”

“Phải, mấy năm trường gần bó thân mật, Sảnh đã xài phá đến số tiền lớn ấy thiệt. Song hầu hết đều quăng vào những hang hằm lãng phí mất tã, dầu tôi muốn vớt vát lại cũng chẳng được. Bộ người ta nghĩ rằng Sảnh đã tung vãi cho tôi trọn cả hay là một phần, để mua nhà tậu ruộng hoặc gửi nhà băng, làm tư sản cơ nghiệp gì đó sao?”

“Ai tưởng thế, là chưa biết tâm lí bọn công tử nhà giàu một chút nào.

“Điều này tôi nói riêng với anh, nếu anh đăng toẹt trên mặt báo, chỉ danh con Cúc Hương đã nói, thì họ chửi tôi đến mực xương ửng mề ra đấy. Tôi nói thiệt tình: họ hay kiêu căng, cuồng dại, sĩ diện, khoe khoang, một khi đặt tiền vào bàn tay cho chúng tôi, cố để quăng đi cho họ trông thấy, nào phải để tắt một nơi.

“Hình như họ xúi giục bắt buộc mình: - Em cò bạc đi! Em ăn xài tha hồ lãng phí! Em huy hoắc thật sang trọng sao cho thiên hạ phải phục! Tiền đây, hết số này sẽ có số khác, đừng lo.

“Đồng thời, họ nuôi lớn những tánh ngông cuồng của họ, cũng nuôi lớn thói quen cò bạc, hoang toàng và coi tiền như rác của mình lên.

“Mà có thể họ mới xài tiền. Nếu mình có chắt bóp dành để mai sau, thì đừng có hòng họ mở rộng miệng túi bao giờ.

“Trong cuộc ăn chơi của họ cũng có hiệu danh kia mà.

“Thì ông công tử Sảnh nhà tôi lúc trước, anh ạ, cũng là một người trong đám ăn xài lấy tiếng đó.

“Thành ra hơn ba năm quen tôi, tiếng rằng xài phá hết 400.000 ngàn đồng, nhưng chỉ đồ sông rắc đường đâu cả nào có để tôi tích trữ được gì. Còn lại chỉ là đồ dùng trong nhà, hồi nào sắm mười, giờ bán lấy một cũng khó.

“Tôi thương hại cậu ta mà cũng thương hại mình: mang tiếng thì nhiều, có miếng thì không. Anh thấy trong nhà trang hoàng thế này, có lẽ tưởng tôi giàu sang lắm chắc. Nói, anh đừng cười: lúc nào có việc cần xài một món, vẫn phải đi vay”.



- Khéo nói nhún mình! Vay ai? Viết văn tự bằng... thật nhé!

- Ông vật anh đi nào! Tôi nói phải vay là nói thật. Đêm hôm vào nhà tiệc trong Chợ Lớn đánh me thua cháy túi. Giờ đang hỏi vay một hai ngàn để tôi đi gỡ. Anh không tin, một lát có xã tri đến cho mà xem.

Quả nhiên, độ năm phút sau, một ông khách đi xe hơi đến. Ấy là chú má chín Khao làm mại bản của hãng Luctien Berthet, tân lang của nàng, hay là người kế vị công tử Sảnh.

Kế tới anh chà xã tri Nappachachetty ở đường Ohier mà tôi biết mặt, tay xách cây dù, miệng nhai trầu bồm bồm, lưng thưng đi vào. Tôi có cảm tưởng như thiên lôi hạ giáng.

Một người đến kí tên vay tiền cho người yêu.

Một người mang tiền đến tận nhà cho khách nợ.

Họ đưa nhau vào thẳng phòng bên, vì thấy sa lông có tôi. Biết điều, tôi đứng dậy cáo từ. Nàng gượng lưu luyến:

- Anh cứ ngồi chơi nói chuyện. Vội gì! – Thôi mà! Giữ tôi làm gì vô ích! – Sao vậy? – Vì kí tên, tôi không thể làm máng - chín nợ; xĩa tiền, tôi không thể làm cột nhà cháy kia. Phỏng tôi ở lại có ích gì cho cô. – Người ta bảo miệng nhà báo có gai, phải không anh? Nàng cười và tiễn tôi ra cửa.

## V

### HAI CÔ ĐÁNH GHEN VÌ MỘT CẬU BÉ

Vào khoảng bốn năm giờ chiều hôm ấy, xế trước cửa trường tư Nguyễn Xích Hồng, hai người con gái cùng trạc tuổi mười chín đôi mươi và trông có vẻ con nhà bình thường, miệng nói huyền thiên, tay cầm guốc “ngù” múa men và choảng nhau túi bụi, kịch liệt.

Thiên hạ đứng xem chật ních vòng trong vòng ngoài. Tiếng kêu la xen với tiếng bông lơn cười cợt, làm như họ đang xem mấy chú khách Sơn Đông làm trò hát khi để bán thuốc cao.

Cho ngay ông thánh, hay là bản thân đức Phật Như Lai đi qua bên



ngoài, chắc cũng phải bị tấn kịch nửa bi, nửa hài này rút vào như nam châm hút sắt. Nó bắt buộc các ngài phải động lòng hiếu kì mà dừng bước lại xem.

Phải biết hai cô ả dùng đến guốc “ngù” mà bỗ trên đầu trên lưng nhau chan chát, tất nhiên không phải chuyện vừa.

Trước hết, guốc “ngù” là gì?

Phụ nữ Nam kì ngày nay thông dụng sẵn đàn với giày đầm cao gót trang điểm bàn chân; guốc “ngù” đã bị đào thải. Có lẽ nhiều cô tân thời cũng chẳng biết hình dạng nó ra sao nữa.

Đại khái cũng như guốc bây giờ, chỉ khác ở chỗ không có quai. Người ta đóng một cái vấu tiện đầu tròn, gọi là “ngù” để ngón chân cái và ngón chân giữa kẹp lấy mà đi. Ngù ấy làm bằng sừng, bằng xương, có khi bằng gỗ quý hay ngà voi, bào chuốt rất khéo và có mỹ thuật.

Mười năm về trước, guốc ngù là một vật trang sức có giá trị của chị em phương Nam. Ra đường, người ta trông xuống bàn chân, xem đôi ngù ở guốc, thường đoán định được kẻ đi guốc là hạng sang trọng hay tầm thường, giàu có hay nghèo kiết. Vì có đôi ngù bằng ngà – thứ ngà đỏ sẫm như máu, người Tàu gọi là “huyết nha” bán đắt tiền – đôi ngù như thế phải tốn kém mười lăm đồng, vài chục không chừng. Có người cầu kì, hợm của, làm ngù guốc bằng vàng y chạm trổ công phu tỉ mỉ.

Ngoài ra vẻ đẹp chung diện, đôi ngù guốc còn một chỗ hữu dụng khác cho các bà các cô, khi nào cần phải phòng thân hay dụng võ.

Những lúc các bà các cô có chuyện bất bình với nhau, đến nước phải giải quyết bằng võ lực, họ làm gì có và cũng chẳng thèm dùng quả đấm dao găm như đàn ông; chỉ thò tay xuống dưới chân, sẵn có một thứ khí giới rất lợi hại.

Họ rút đôi guốc ngù lên, cứ cái đầu ngù mà giáng cho mạnh tay thẳng miếng, cũng đủ làm cho bên đối địch phải ngã lăn quay bất tỉnh nhân sự, không thì cũng brou đầu tím mặt.

Nam kì thuở trước từng có án mạng xảy ra trong phái yếu với nhau, chỉ bởi một vài cú đánh guốc ngù quá tay.

Hai cô ả đang kịch chiến bằng thứ khí giới ấy trước cửa trường



Nguyễn Xích Hồng, hình như ngang sức nhau, cho nên thấy họ đấu guốc mấy hiệp, lại ngừng tay đấu khẩu một chặp. Tấn kịch diễn quanh cái thứ tam thứ tứ như thế, chưa ai đến nổi trọng thương, hay phải đo đất.

Mà nguyên nhân họ dụng võ, chỉ vì một chuyện ghen nhau người tình... bé bỏng và nhiều xu.

\*

Mỗi ả mặc một màu áo khác hẳn nhau, đằng xanh đằng tím. Thiên hạ đứng xem, thấy họ múa men đôi guốc và thả ra những giọng ghen tuông văn vẻ, thì cho là một tấn hoạt kịch “lưỡng nữ tranh phu” ngộ nghĩnh, cứ để vậy mà xem chơi cho vui, chẳng ai nghĩ tới sự xen vào can thiệp làm gì. Thành ra hai ả cứ việc tự do giải quyết việc mình: chán tay đến lười, đắp đôi làm trò đánh ghen cho thiên hạ xem.

Cô ả áo xanh giơ cao một chiếc guốc lên để dứ bên địch và hạch hỏi, xỉ vả:

- Mồ cha con đĩ! Mày đến cửa trường này làm gì? Để cám dỗ thằng Tuấn mà cạo đầu khô nó phải không?

- Đồ khốn nạn! Mày chửi ai con đĩ, thế ấy là giống gì? Tao đến đâu tao đến, mày có quyền gì cấm tao. Ủ tao lấy thằng Tuấn đấy, mày cần được tao, thử coi.

Cô áo tím trả lời vài cái dáng điệu trợn mắt khoanh tay, không chịu thua kém.

- Chính mày khốn nạn! Chỗ chị em mà mày phản tao, mày nhè mấy tuần lễ tao phải ở nhà thương, mày đem thằng Tuấn đi những đâu, xài hết bao nhiêu tiền giờ còn vác mặt đến cửa trường đón nó để lần lưng móc túi nữa chứ!

- Quân nói gian cho người ta, không sợ ông Bà Chiêu vắn họng nó đi.

- Mày còn giỏi chối phải không? Tao rình ban nãy tao thấy rõ ràng mày đón nó lấy tiền ở gốc cây kia kìa.

- Ủ, nó mới cho tao hai chục đồng đây nè, mày làm gì tao thì làm đi.



Câu nói thách đồ ấy, nhất là số tiền khoe khoang kia, làm cô áo xanh tức tối nhảy bổng lên, như một con trâu bị châm lửa sau đít. Cô chạy vào trong đám người xem, kéo tay một chàng trai trẻ lôi ra giữa cuộc và nói cách hậm hực, giận dữ:

- Đó, ba mặt một lời. Nó bảo mình vừa mới cho nó hai chục, sao mình lại chối không?

Bao nhiêu cặp mắt đổ dồn vào con người mới bước ra giữa chiến trường, vì ai cũng đoán biết chàng là vật tương tranh, là mục đích chiến đấu của hai cô ả nọ.

Nhưng người ta phải giật mình, sửng sốt, tưởng đâu tình lang chắc phải một thiếu niên bằng trang bằng lứa, không ngờ chỉ là một cậu bé con.

Cậu chừng mười sáu mười bảy tuổi là nhiều, mặt còn non choẹt, người lại thấp bé, đứng sừng sững với hai cô tình nương, cậu vừa chấm ngang vai.

Tuy vậy, cậu rất tự nhiên, không một vẻ gì sượng sùng hổ thẹn ở trước mặt bao nhiêu người xem đang xầm xì, chỉ trỏ. Trái lại cậu như có ý tự đắc về chỗ được hai người con gái đánh ghen vì ta.

Cậu không trả lời gì về câu hỏi đôi co gay gắt của cô áo xanh. Với nụ cười ở cửa miệng chắc còn hơi sữa, cậu cất tiếng quở trách cả hai cô, như cách một ông chồng thật có oai quyền, rầy mắng bà chánh, bà thứ trong khi gia đình nổi trận bão táp vậy:

- Thôi, về cả đi! Khéo đến làm rộn người ta.

Thiên hạ vỗ tay cười rộ, khác nào điểm một câu hát hay ở giữa rạp tuồng.

Vừa lúc ấy có tiếng trống nhà trường gọi học trò vào, sắp đến giờ ăn, cậu bé được dịp thoát thân dễ dàng, mặc hai cô ả lại múa guốc hỗn chiến vì cậu một chập nữa.

\*

Cậu là học trò lớp nhì trường tư Nguyễn Xích Hồng.

Bao giờ cũng thế, học trò trường tư, phần đông là con nhà giàu có



ở Lục tỉnh lên. Phải nhà giàu có, mới đủ sức chịu đựng các khoản phí tổn cho con theo học một trường tư ở Sài Gòn.

Nhưng, nếu tiền của sẵn sàng, giúp cho con cháu họ những điều kiện vật chất dễ dàng nên người, đồng thời cũng sẵn sàng bẽ thế cho chúng dễ dàng hư hỏng.

Thiếu gì phú gia tử đệ từ Lục tỉnh lên Sài Gòn, tiếng là đi học, nhưng chỉ cốt xa nhà cho được thông thả ăn chơi. Cha mẹ ở ruộng rẫy, hoặc quá thật thà quê mùa, hoặc quá nuông chiều con cháu, hễ chúng đòi xin bao nhiêu tiền cũng phải gửi lên bấy nhiêu. Ông bà yên tâm rằng mấy cậu học hành tấn tới và sức khỏe điều hòa luôn luôn. Có biết đâu con mình chỉ tấn tới về những khoa ve gái nhảy đầm, ăn hoang xài phí. Mới mười lăm mười bảy tuổi, đã cặp mè chơi gái thành thân, đã làm quen với các loại vi trùng hoa liễu không biết tái thứ hay tam thứ.

Không có ai thân thích ở Sài Gòn mà phú thác trông nom, để cho mấy cậu học trò ở ngoài, cố nhiên là hiểm nghèo dờ dang; ngay đến ở trong nhà trường, cũng chẳng lấy gì làm chắc chắn.

Trọ học ở ngoài? Thường thấy năm bảy cậu thuê chung một căn nhà, tối ngày vang động những tiếng đàn địch ca hát, trai gái nô đùa. Sự đi học như chuyện một nắng mười sương, khéo lắm mỗi tuần góp mặt ở trường học được đôi ba buổi là tốt. Nhà trường đã thu tiền rồi, trò nào đi học hay không mặc kệ, không phải trách vấn. Nếu nghiêm ngặt quá thì mấy cậu bỏ đi trường khác, Sài Gòn không thiếu trường tư.

Lưu trú trong trường? Ban đêm mấy cậu rủ nhau trèo tường trốn ra cờ bạc dĩ điểm, tới sáng mò về. Đến giờ học, nếu không cáo ốm thì ngồi ngủ gật. Nhà trường đủ biết, nhưng thường buộc lòng dung túng làm ngơ, vì e giờ giới trừng phạt hay mách cha mẹ hay, tất nhiên mất một cậu học trò, tức là mất một mối lợi.

Cậu Tuấn, tác giả “tinh thần” của tấn tuồng ghen ta mới được xem, chính là một học sinh tư thực ở vào hạng dưới đó.

Ông thân sinh cậu là một nhà nông, chân lấm tay bùn ở Cần Thơ, mới bước lên địa vị nghiệp chủ được ít lâu, tiền lúa thì nhiều, nhưng kiến thức rất kém. Chỉ có một mình cậu là con, nên ông nung niu chiều chuộng hết sức, cho con lên Sài Gòn ăn học, mỗi tháng con nã tiền chừng nào, ông gửi mặng đa ngay chừng ấy, không hề ngần ngại.



Đời thừa nhà ai, một cậu bé mới mười sáu tuổi, đang học lớp nhì, mà tháng nào như tháng nấy, ăn tiêu không dưới bạc trăm!

Có lúc cậu vẽ chuyện may mặc và đóng góp công ích nọ kia, viết thơ đòi bố gửi lên đôi ba trăm cũng có tức khắc.

Thành ra trong óc cậu không có chỗ ở cho học vấn chữ nghĩa, nhưng trong túi cậu lúc nào cũng rúc rích những giấy nhà băng. Mỗi đêm chừng độ 9 giờ, cậu theo đòi chúng bạn, nhảy hàng rào ra ngoài đi trai gái thả cửa.

Tưởng cậu gặp mỗi nhân duyên tử tế đứng đắn gì sao? Cậu chỉ lui tới mấy nhà thổ chứa, bắt nhân tình với *đĩ có giấy*, nay cặp kè ả này, mai thề nguyên gấn bó ả khác.

Thường ngày có mấy ả đến cửa trường đón hỏi cậu luôn. Hai cô áo xanh, áo tím đánh ghen ban nãy, chỉ là hai phần tử trong đám kĩ nữ được cậu cho vào mắt xanh.

Người ta nói những tấn náo kịch như thế, diễn ra mỗi tháng đôi ba lần, khi ở cửa trường, khi ở ngoài phố. Vì trông thấy cậu khờ dại mà nhiều tiền, mấy ả thanh lâu tranh nhau cám dỗ.

Bạn bè đồng học và quen biết cậu, cùng là bọn đấm đuổi chơi bời như nhau, chẳng nhiều thì ít, hèn nào không có một ai mở miệng khuyên can, hay thương hại giùm cảnh ngộ rắc rối của cậu.

Chẳng khuyên thì chớ, họ còn dụng tâm vạch đường cho hươu chạy, họ mách bảo cậu Tuấn những cách chơi gái thế nào cho sang trọng, cho bảnh bao hơn!

Cậu tám Sảnh học sinh năm thứ nhất, sau tấn kịch ở cửa trường, day nghiêng mãi cậu Tuấn:

- Mày xài phá với hai con nhỏ ấy bao nhiêu tiền rồi, mà nó ghen ăn với nhau dữ thế?

- Cả tiền cho và sắm sửa chưa đầy hai tháng, hết ngoài bốn trăm đồng có lẽ.

- Thế thì mày ngu quá. Xài tốn bạc ấy, mà đi tình nghĩa với mấy con đĩ nhà chứa, để chúng đến tận cửa trường bêu rếu cho, không biết nhục! Tao thì tao chơi toàn hạng đĩ bà kia. Mày muốn chơi bời cho bảnh thì hãy soi gương theo gót tay đây nè!



Quả thật, lúc này cậu tám Sảnh vừa mới tìm ra được một bông hoa trong vườn Sài thành đậm nhạt, mà cậu đang say đắm theo đuổi, quyết hái nó cho được làm kỉ vật mới chịu. Cậu thề đánh đổi tất cả thân danh sản nghiệp cũng cam.

Ta sẽ thấy hai chàng công tử phú gia này, tưởng mình leo lên đỉnh, Giáp non Thần, nhưng kì thật họ bắt đầu xuống dốc nông cuồng sa ngã, mà người nọ dắt tay người kia đi cho có bạn.

## VI

### MUA PHÁO MƯỢN NGƯỜI ĐỐT GIÙM

Cách sau mấy ngày, đang lúc giờ chơi, cậu Sảnh vỗ vai bảo Tuấn, người bạn đồng học đa tình và ngộ nạn hôm trước, đối với cậu vừa ít tuổi hơn, lại vừa là em họ bên ngoại:

- Tuấn à, mày muốn thấy mặt nàng tiên, thì tối thứ bảy này đi xem hát cải lương ở nhà Hát Tây với tao, tao sẽ chỉ cho, mày phải hết hồn.

- Nàng tiên là ai thế, anh? – Tuấn hỏi.

- Là con mèo của tao chớ ai, cứ đi với tao sẽ biết mà.

- Thế anh tạm mua vé mời em nhé!

- Còn phải nói! Tao sẽ cho mày một vé thượng hạng, ngồi chung lô (loge) với tao, năm đồng một ghế. Hôm đó, tao mời người ta hết những bốn lô (mỗi lô bốn ghế) còn được, ai đi tiếc một vé với mày. Tao đã trả tiền giữ chỗ cả rồi. Có lẽ chiều nay họ đem vé tới.

Tuấn thờ dài:

- Ủng quá! Vậy mà anh không cho biết trước, để tôi mua thêm một ghế cho con Sáu Nhỏ ngồi gần cho vui.

Con Sáu Nhỏ tức là ả thanh lâu mặc áo xanh, nhân tình chí thiết của Tuấn, hai hôm trước đã đến cửa trường đánh ghen với con tư Cắc Kè, nàng mặc áo tím.

Nhưng Sảnh lắc đầu:



- Thôi đi cha! Đừng đem mấy con quỷ ấy đi, lại sanh chuyện rầy rà, thiên hạ cười cho, làm xấu cả lũ, tao không chịu đâu. Cứ đi theo tao, tao sẽ giới thiệu cho một con thật bảnh mà chơi.

Tuần làm tỉnh, bỏ vào lớp học.

Lúc có câu chuyện này, Nam kì vừa mới có cải lương nhóm lên. Trên sân khấu tuy chưa có những nhan sắc mê tơi, điệu bộ ỡng ẹo, như hạng Năm Phi, Phùng Há, nhưng gánh hát của thầy Năm Tú ở Mỹ Tho, với mấy tay kép tài hoa mới mọc, đủ khiến cho thiên hạ hoan nghinh nhiệt liệt. Tôi còn nhớ hồi đó, những đêm thứ bảy, chủ nhật, người ở Sài Gòn – Chợ Lớn kéo nhau xuống xem rất đông. Có khi người ta phải nhờ bạn ở Mỹ Tho giữ chỗ trước hàng tuần lễ.

Nói gì mỗi dịp gánh ấy lên Sài Gòn diễn năm bảy đêm, thôi thì trong rạp hát chen chân không lọt. Người ta được nhất cử lưỡng tiện: tai nghe điệu ca mới lạ, mắt được no béo nhìn hoa. Vì bao nhiêu danh sắc của Sài thành phong lưu, những đêm ấy long lanh xuất hiện đủ cả, không thiếu mặt nào.

Nhất là, lại diễn ở nhà Hát Tây, để giúp một việc từ thiện hay cúng hội ái hữu nào chẳng hạn, tha hồ đánh thuế chỗ ngồi cao mấy, người ta cũng tranh nhau đóng góp. Ba đồng một ghế ngoài, năm đồng một ghế trong lô, chẳng thấy chiếc nào bỏ trống.

Chúng ta đưa gia nhân tử đệ đi xem, phải bỏ tiền túi, họa chăng xót ruột. Trái lại, những đóa hoa biết nói kia, dắt theo cả bầu đoàn nhà họ, nào má, nào dượng, nào chị, nào em, chiếm luôn một dãy ghế thượng hạng hay vài ba lô riêng, liền nhau, đã có các cậu nhà giàu tay chơi thi nhau mời họ, dâng họ. Chỉ sợ họ làm kiêu không nhận, dầu tốn bằng trăm thế nữa các cậu cũng vui lòng.

Cậu Sảnh mua luôn 4 lô, gọi là để mời “người ta”, chẳng gì cũng bay hết bốn tờ giấy bạc hai chục. Thế mà cậu khoe khoang, hớn hờ, có lẽ hơn lúc đi thi xem bảng thấy tên. Vì bốn lô cậu dâng đã được “người ta” nhận hộ, thế là cậu hả dạ rồi.

\*



Khuya, ở rạp hát Tây về, Tuấn suy nghĩ lấy làm lạ và có ý băn khoăn thất vọng.

Chẳng những là Sảnh hứa hẹn giới thiệu cho cậu một con mèo thật bảnh mà chưa thấy đâu; ngay chính mình Sảnh, tự khoe có nàng tiên, có mèo đẹp, cũng chỉ ngồi xa mà nhìn, thế thôi.

Mua cái nhìn ấy, chàng đã phải bỏ ra bạc trăm.

Tuấn nhớ lúc ngồi trong rạp hát, Sảnh có ra hiệu cho mình thấy một cô thiếu nữ ngồi lô một bên, hình như muốn nói:

- Đây, mày xem, có phải nàng tiên không? Con mèo của ta mới chấm là nàng đấy...

Thế rồi suốt cả buổi hát, Sảnh chỉ ngồi nhìn một cách đắm đuối, ngây ngất! Nàng đẹp thật tình. Có lẽ cả rạp cùng được nhìn cái nhan sắc tươi sáng hiếm hoi ấy, nhưng riêng mình Sảnh phải trả tiền.

Tuấn để ý lúc nàng mới bước vào, có liếc mắt qua bên phía Sảnh một lần, rồi cứ thản nhiên nói chuyện vui cười với một người đàn ông ngồi bên, hình như không biết có Sảnh nữa. Người đàn ông này mới chính là nhân tình nàng, có quyền về thân thể và cử chỉ của nàng. Thì ra, Sảnh tốn tiền mua vé mời họ hàng lớn bé nhà nàng, lại rước cả kẻ tình địch của mình mà không tự biết.

Lấy thế làm cay cho bạn, Tuấn làm bộ hỏi vợ vẫn trong khi hai người đi trên đường về:

- Người đàn ông đó chắc là cha đẻ của nàng, phải không anh Tám?
- Nói bậy, nhân tình hiện thời của nó.
- Tôi chịu anh Tám nhân đức và bảnh thật, mua pháo mượn người đốt, để đứng bên ngoài xem khói chơi.

Cậu Sảnh cau mặt lại, vì câu nói ranh mãnh của Tuấn có hiệu lực như kim đâm vào chỗ phạm:

- Thôi, mày đừng nói xỏ xiên đâm họng tao mà.
- Nếu đừng có Côn Lôn hay máy chém, chắc tôi dám giết thằng cha ấy hộ anh.
- Để tao giết nó bằng giấy bạc mới sưng, rồi đẩy mày coi.



Sảnh gật đầu hai ba lần, ra vẻ tự đắc tự tin rồi nói tiếp:

*Bao nhiêu của, mấy trăm ngàn,  
Còn ta, ta lấy được nàng mới nghe”*

\*

Như các ngài đã rõ: Sảnh là con ông Phủ hàm Thành một nhà cự phú ở vùng Cà Mau.

Ông vốn nhà giàu tích súc mấy đời; đến đời ông, nhờ có địa vị làm cai tổng lâu năm, được nhà nước tin cậy, thưởng cho phủ hàm, ông thấy khu đất nào tốt thì đứng đón xin khẩn, hoặc mua được giá rẻ, thành ra đã giàu lại càng giàu thêm. Mỗi năm, số lúa thu góp được trên một trăm nghìn rạ, nghĩa là trên một trăm nghìn đồng bạc. Người ta nói ông có tiền gửi ở nhà băng Đông Pháp tới một, hai triệu.

Con cái cả thấy 7 người: năm gái hai trai, nhưng 5 đứa con trước đã kế tiếp qua đời, chỉ còn sót lại một cậu con trai út, là Sảnh, với một người chị gái. Tuy gọi Sảnh là cậu Tám, nhưng kì thật chàng là con thứ bảy. Vì tục lệ miền Nam, người con đầu lòng kể là thứ hai. Người ta tránh tiếng “cả”, hình như để kính riêng ông Hương Cả, chức vị cao quý trọng vọng nhất trong làng.

Gia tình đặc biệt khiến cậu trở nên con cưng trong nhà, muốn học thì học muốn chơi thì chơi, đến đôi muốn ăn xài phao phí thế nào, cha mẹ cũng chiều. Lúc còn học ở trường tỉnh Bạc Liêu, cậu đã ăn xài nổi tiếng và vướng phải nhiều chuyện tình rắc rối. Nếu không có thể thần tiền bạc của cha, thì đã có mấy phen cậu bị đưa ra tòa về tội hãm hiếp và dổ gái vị thành niên.

Năm 22 tuổi, cậu mới thi đỗ tiểu học. Ông phủ hàm có mộng tưởng cho con theo học mãi đến bậc trạng sư hay bác sĩ, nên ông cho lên Sài Gòn tòng học, để nữa sang Tây.

Nhưng ngần ấy tuổi, còn xin vào trường công nào được? Ông phủ cho học trường tư thực Nguyễn Xích Hồng, gởi ở trong trường, tưởng thế là chắc chắn, con mình không thể nào hoang chơi.

Có biết đâu tánh chơi phóng đãng của con đã thâm nhiễm vào mạch máu, một phần vì kém bản lĩnh và gia đình giáo dục, nay lại được



thả vào đất Sài Gòn xa hoa tự chủ một mình, tha hồ cho cậu buông lung vùng vẫy.

Ở nhà trường, sức học cậu chẳng bằng ai, duy những đức tánh hoang phí điểm trang thì hơn hết mọi người. Học trò mà dùng toàn nước hoa hai ba chục đồng một chai con, may áo ở nhà Mercier Courier và đi *giày thừa* bên Luân Đôn gửi sang. Thứ sơ mi dăm sáu đồng trở xuống, lắm người khác đã cho là xa xỉ, cậu chê mặc nó ngứa ngáy thịt da.

Bữa cơm chiều vừa buông bữa, anh em nghỉ ngơi giầy lát rồi sửa soạn vào lớp học bài, còn cậu thì lo chải đầu thật mượt, diện quần áo thật sang, để lát nữa ra ngoài ăn chơi suốt đêm. Cậu sướng hơn Tuấn và nhiều bạn khác, ở chỗ không phải trèo tường đi về giấu giếm, vì hồ bao nặng trĩu của cậu khéo xử với mấy thầy giám thị, và đám mồm anh chàng canh cửa luôn luôn. Họ ngó lơ cho cậu ra vào thông thả lúc nào tự ý, làm như trường học là nhà riêng cậu vậy.

Mật gọi ruồi đến. Những bọn ma cô, chú chích, đóng cửa rút cầu, kháo nhau đi theo sau lưng, bám vào miệng túi cậu. Chúng làm hướng đạo cho cậu biết khắp Sài thành có những cảnh chơi nào sang, thổ chứa nào sướng, sòng bài nào to. Mới lên ở Sài Gòn chưa đầy một năm, giá như cậu viết một quyển “Hoa nguyệt chỉ nam”, chắc hẳn hoàn đầy đủ.

Rất đổi nhà ai có mấy cô mấy bà, đeo lột trưởng giả mà hay đi ngang về tắt, ăn vụng chồng con, cậu cũng thông tỏ ngạnh nguồn, không sót.

Vì thế mà cậu được nghe danh biết mặt cô Cúc, một “gái bao” thượng hạng, nhà ở giữa phố Mac Mahon.

Cậu thúc giục mấy mục chim xanh thiện nghệ làm sao môi giới, sẽ thưởng cho một trăm. Nhưng lần nào họ cũng lắc đầu than khó. Cậu tức mình:

- Thế mà cũng đòi làm thái sư quạt mo, ăn tiền thiên hạ. Để tôi tự làm lấy được cho mà xem.

## VII

### CÂU THƠ LA TANH: FUGAX SEQUAX

Cúc là ai?

Chính tên nàng, bản lai có một chữ Cúc thôi. Về sau, đóa hoa



phong lưu đa tình ấy về tay Sảnh nâng niu bón tưới, chàng gia thêm chữ Hương vào cho ra vẻ tiểu thư hay danh kỹ thường thấy trong truyện Tàu. Nàng mới có tên Cúc Hương.

Lúc Sảnh thấy bóng hồng thoáng qua mắt xanh, Cúc vừa mới nhập tịch và hơi có danh trong hoa giới Sài thành độ một năm nay.

Danh hoa vốn có chủ, là một nhà địa chủ kiêm Hội đồng Địa hạt ở đầu Hà Tiên, Châu Đốc, trông người cũng phong nhã, chỉ hiềm số tuổi chênh lệch nhau quá. Ông ta 38 tuổi, vừa vặn gấp đôi tuổi nàng, ra đường trông như cha con, không ai dám ngờ đây là một cặp uyên ương hồng nhan bạch phát.

Căn phố lâu ở đường Mac-Mahon là nơi tàng kiều của ông. Mỗi tháng, ngoại trừ tiền phố, ông cấp cho nàng trăm bạc, gọi là số lương đảm dưỡng. Tháng nào cũng thế, ông lên xuống Sài Gòn, Châu Đốc năm ba lần không chừng, tùy theo cuộc buôn bán mía và lúa bắp cần dùng nhiều ít.

Nhưng riêng gốc tích nàng là con cái nhà ai, từ đâu mà đến, thì lờ mờ chập choạng như buổi hoàng hôn, không ai biết tường, vả lại mỗi người nói theo một thuyết.

Có người bảo thân thể nàng đại khái cũng như Trà Hoa Nữ, xuất thân là một cô ả hàn vi, đêm đêm đi bán chè bột khoai hay chả giò nem nướng mưu sinh. Mấy tay chơi sành sỏi, họ vật sắc đẹp thiên nhiên, không có thể làm của riêng của ai, bèn tung cô ả ra phong nguyệt và quảng cáo tăng bốc mãi lên. Không mấy lúc, cô ả trở nên một danh sắc. Ta thấy đám dân trong làng ôn nhu, phần nhiều từ thấp lên cao, từ tối ra sáng như thế.

Nhưng cũng nhiều người nói về xuất xứ của nàng một cách khác hẳn:

- Cô ta cội rễ là con một nhà giàu có danh giá ở miền Hậu Giang, lấy chồng tử tế năm 17 tuổi, đã sinh được một đứa con trai. Chỉ vì trắc nết đa tình quá, anh chồng đánh đập như tử rồi đuổi đi. Cha mẹ ruột cũng ghét bỏ, vì phải giữ tiếng lễ giáo trong sạch với chỗ làng mạc bà con. Với 18 tuổi xuân xanh hơ hớ, cô ta lưu lạc xuống Hà Tiên một độ, may gặp được ông Hội đồng Mão thương hại, gấn bó, rồi đem lên ở Sài Gòn bấy nay.



Tóm lại, tung tích nàng ra sao mặc kệ; điều ấy có quan hệ gì. Chỉ biết hiện thời nàng là một gái đẹp, có thể nói là thật đẹp, khoe miệng cười, con mắt liếc, làm cho ngã lăn chết một người ta. Nên bảo ai kia đưa nàng lên Sài Gòn, tuy là góp thêm một mỹ quan cho đất phồn hoa, nhưng cũng vừa tặng cho làng chơi một mối tơ vương, một món quà tình lụy.

Thật thế, từ ngày nàng ở Sài Gòn, chung quanh nhan sắc nàng không đếm hết số người thêm thưởng, chấp chới.

Với trăm đồng bạc mỗi tháng của ông nhân tình già cấp dưỡng, có thể phong túc dư dật cho ai cam sống lương thiện, song phải thiếu thốn tứ tung cho một người rất nhiều vật dục như nàng.

Tự nhiên nàng phải cấm sừng huyền thuyên trên đầu ông Hội đồng Mảo. Bề ngoài, nàng vẫn khéo giữ được vẻ đứng đắn, khó khăn, kì thật bề trong thường lén lút ăn sương một cách kín đáo.

Có điều, nàng có thủ đoạn tinh ranh, không chịu tự hạ, cho nên với một kẻ nào mon men, nàng có chịu hiến thân cũng phải kéo lại một khoản bồi thường khá đắt.

Cách tự cao giá trị ấy, càng làm cho lắm bực công tử phải quý hóa, đắm say, cố tình theo đuổi.

Công tử Sảnh nhà ta là một.

\*

Chàng ám ức về thái độ làm thinh của nàng, đến nỗi nhiều lần cậy mượn mối lái tin đi mà không được đài gương soi đến dầu bèo.

Có lẽ nàng không biết Sảnh là con nhà triệu phú chăng?

Hay là nàng cố ý làm kiêu, để nung nấu trái tim thêm muốn của chàng cho thật chín rục, hầu được sai khiến giầy vò cho dễ cũng nên?

Một hôm, chàng đi với một tay anh chị - ở Sài Gòn, tiếng anh chị là huy hiệu để tôn xưng những hạng du côn bánh bao - vào hăng Charner chơi. Thành linh gặp nàng ở khu vực bán phần sếp, nước hoa.

Chàng niềm nở chào hỏi, mặc dầu chưa hề quen nhau, và trong trí suy nghĩ: - “Mày giỏi tránh mặt ta mãi, giờ bắt gặp đây, có chạy đằng trời”.



Trong bụng chàng tính toán sẽ dâng lễ tấn kiến bằng cách lợi dụ như thế này, chắc nàng phải hờn hờn cắn câu ngay:

- Cô Tư lựa chọn mua sắm bao nhiêu cứ việc, để đó tôi xin trả tiền giùm cho.

Nào ngờ nàng không bắt chuyện với chàng, chỉ trả lễ chào hỏi bằng một cái gật đầu rất nghiêm trang, trong nghiêm trang có giấu vẻ khinh khỉnh, rồi ngay trước mặt chàng, nàng chỉ hỏi chuyện người anh chị kia:

- Anh Hai vẫn mạnh giỏi? Hôm rồi nghe nói anh đi Lục tỉnh hốt me, có phát tài không?

- Cháy túi mới về đây, cô Tư à!

- Vậy thì anh không may mắn bằng tôi, lúc này tôi cờ bạc ăn hoài. Hôm qua đánh ngân hàm trong Chợ Lớn, tôi được trên năm ngàn.

Nàng cố ý nói láo, chỉ để tỏ ngầm cho Sảnh biết rằng: “Đây mới ăn cờ bạc, có giấy xăng (*một trăm*) cả xấp, không cần tiền của cậu”. Hình như nàng đoán biết ý tưởng của Sảnh, nhưng sự thật hiện thời cô ả đang túng tiền thì có, làm gì có sự đánh bạc được mấy ngàn, như nàng vừa khoe.

Một kẻ đi săn, bỏ con chồn, con cáo không bắn, là cốt chờ bắt lấy con voi con cọp vậy.

Nàng không thêm mỗi lợi nhỏ, cốt để câu lấy cả một sản nghiệp to.

Thế rồi, nàng chào chung cả hai người, bỏ đi đàng khác, làm như vô tình, nhưng không đoái hoài đến Sảnh, cũng không để cho Sảnh có cơ hội nhập đề tán chuyện gì hết.

Chàng đứng sượng sùng, thờ thẩn, như người mất cả tâm hồn.

Một lát mới tỉnh lại, dắt anh hai Bạo ra ngồi nhà hàng đãi rượu, nài khẩn anh làm sao tác hợp cho mình. Vì thấy anh quen biết nàng ra vẻ thân mật.

Người ngã xuống sông, vớ được khúc tre hay đồng rác cũng bám chặt lấy, hi vọng may ra thoát thân. Đàng này chàng đang sẩy chân trong bể tình, bất chấp gặp ai cũng kêu gọi, thở than, cầu khẩn họ cứu giúp.



Anh Hai được dịp đưa nhẹ ngón xoay và tán vào:

- Cậu có cặp mắt tinh đời thật. Con nhỏ trông rất dễ thương, tánh nết lại đứng đắn, giữ gìn, tôi biết có mấy ông phủ huyện và chủ hiệu to trong Chợ Lớn, chấp chơi muốn gò, mà nó không chịu.

- Anh bảo phần tôi nên tính cách nào bây giờ?

- Khó khăn gì! Cậu cứ việc thả tiền ra như vãi trấu xem nào. Đến núi đá cũng phải chuyển, nữa là trái tim con người.

- Miễn là như nguyện, tốn kém bao nhiêu tôi cũng không kể đâu.

- Được, để đó tôi kiếm cách làm cho cậu như nguyện nay mai. Rồi nhớ thưởng tôi nhé.

- Anh Hai khỏi lo, tôi sẽ trọng thưởng. Giờ tôi đãi anh một trăm đồng trước đây nè.

Chàng mở ví tiền, rút một tờ giấy bạc trăm, trao cho anh Hai, căn dặn anh phải cố sức lưu tâm, cho chóng được kết quả.

Sau độ một tuần, có tin gánh hát cải lương Năm Tú sắp diễn tại nhà hát Tây, anh hai Bạo đến trường học tìm Sánh, bàn tán với chàng nên thừa dịp mời nàng đi xem, để hai bên có thể gặp nhau nói chuyện.

- Tôi đã bảo nó rằng cậu mời, nó chịu rồi.

- Trước hôm khai diễn, tôi mua vé cậy anh đưa giùm nhé.

- Nhưng chẳng lẽ chỉ mời nó chiếc vé trơ trọi? Vì đêm hát đặc biệt, nó muốn cho tất cả gia nhân cùng đi, vậy mình phải ra mặt hào phóng, đã mời thì nên mời luôn, phải không cậu?

- Anh nói giùm (*Sánh vừa nói vừa cười*) cô Tư nhẩn hết thầy người làng dòng họ lên đây, tôi mời một thể. Thôi đừng nói chơi. Để tôi biếu nàng luôn cả ba lô, mỗi lô 4 ghế, tha hồ cho nàng rước ai đi tự ý. Còn phần anh, tôi cũng tặng nguyên một lô, bữa đó anh chị em mấy cháu đi cho vui.

- Cám ơn cậu. Cậu xử hào phóng như thế, tôi chắc con Tư phải phục lắm. Tôi khôn lắm, phải nói tôn lên rằng cậu là một ông bác vật (kĩ sư) mới thi đậu bên Tây về; không dám nói thật học trò trường tư Nguyễn Xích Hồng, sợ con nhỏ nó khi dễ.



Công tử Sảnh phóng ra một lúc bốn lô vé hát cải lương, hết 80 đồng, chỉ cầu lấy được dịp lân cận hương thơm của đóa hoa mà lâu nay chàng chỉ trông xa và thầm ước hết sức.

Chẳng dè đêm hát ấy như dải sông Tương, mà anh ở đầu ngọn, chị ở cuối dòng, cùng uống nước sông nhưng thâm thương cách trở.

Chàng ngồi riêng một xó với Tuấn, nét mặt tiu nghỉu như con chó uớt cụp đuôi. Cách khoảng một lô, nàng ngồi chung với bác nhân tình già, là Hội đồng Mão, vừa ở Châu Đốc lên lúc chiều, ăn uống rồi muốn nghỉ ngơi, nhưng bị nàng lôi kéo phải cùng đi xem hát cho được. Còn hai lô kia, nàng phân phát cho chị em quen và mấy cậu thiếu niên nào đó chẳng biết. Trong ấy có tình nhân cũ của nàng không chừng!

Vì thế, lúc ra về, Tuấn nói xỏ xiên mua pháo mượn người đốt.

Không phải Sảnh tiếc tiền, nhưng cũng tự cho là một vỏ cay.

Tuy vậy, tánh háo thắng vốn cao ngút ngàn, nhất là tự tin ở hồ bao mình lúc nào cũng phồng, chàng không chịu ngã lòng lui bước. Bất quá như đánh ván cờ tình, chàng suy nghĩ thế, thua keo này ta bày keo khác.

Từ hôm ấy trở đi, chàng vận hết cả tâm tư, mưu chước và nóng nảy, hồi hộp, muốn sao cho chóng được ôm ghì người yêu vào mình, để trên môi ta đặt một cái hôn nồng nàn, dưới chân thì đặt tất cả thân danh sản nghiệp.

Nhưng lạ thay! Lửa tình của chàng như kiêu ma trời tránh xa người sống, hễ chàng càng cố xấp lại gần Cúc thì Cúc lại càng làm bộ giãn ra.

Chàng viết năm bảy lá thơ tỏ tình như hết hơi kêu van, như moi hết gan ruột; Cúc làm thinh, không thềm trả lời.

Chàng đốc thúc anh Hai đến cầu khẩn, đến đổi hứa làm phép cưới tức thời nếu như nàng muốn; nhưng anh đi về trả lời: - “Con bé thật kì khôi, mình hồ mở miệng, nó chỉ nói những chuyện lảng ra”.

Chàng gửi tặng nữ trang và mấy tấm hàng Bombay tuyệt đẹp. Một chốc, nàng sai con ở đem trả y nguyên “vật hoàn cổ chủ”. Có lần tặng tiền, cũng bị trả lại như thế.

Thì ra cô ả này điên rồi hay quái lạ; từ giấy bạc, đồ vàng, cho tới lời nói thiết tha, thành khẩn, cũng không rung nổi trái tim nó ư?



Chàng tức quá, gần muốn phát điên. Đầy bầu tâm sự không biết phát tiết vào đâu, chàng đem ra thổ lộ với mấy anh bạn thân, cùng học một lớp.

Một người vỗ tay cười phá:

- Thôi tôi hiểu cả rồi. Con nhỏ dụng tình làm ra khó khăn cao kì, để anh càng phải thêm thuồng đeo đuôi, vì nó dư biết tánh anh háo thắng, dư biết anh là con nhà giàu. Sở dĩ không thêm một số tiền trăm, một món vàng ngọc, là có ý muốn mai sau khiêng cả tử bạc và lấy cả địa đồ ruộng đất nhà anh. Sao anh khờ thế, không biết tâm lí thủ đoạn của mấy tay giang hồ thượng lưu ở đất Sài thành này và lũ chim mồi của họ ư? Tôi dám chắc mười phần, anh chàng gọi là Hai Bạo kia đồng mưu với cô ả nọ làm khó anh để đập anh vỡ nặng đấy!...

Sảnh ta ngơ ngẩn cả người.

Bạn lại nói tiếp:

- Tôi hỏi thật, anh thiết tha muốn lấy ả Cúc cho được phải không?
- Chính thế, tôi không dám giấu anh em.
- Vậy thì tôi cho anh Cẩm nan có đựng một điệu kẻ Khổng Minh nhé.
- Điệu kẻ thế nào?

Sảnh hỏi một cách sẵn đón, vồn vã.

- Cẩm nan chỉ là hai câu thơ La Tinh vồn vện có 4 chữ, không biết anh đã đọc thấy bao giờ chưa:

*Fugax sequax Sequax fugax*

Cậu Sảnh ta từ ngày lớn khôn, chỉ ham chơi mê gái, có tiếng đi học mà coi văn bài chữ nghĩa hầu như kẻ thù. Đến bài học thường ngày còn không mấy khi cậu thuộc nguyên vẹn, phỏng có hứng thú ngày giờ đâu tò mò xem sách, hòng biết thêm dăm bảy câu cổ văn ngạn ngữ như mấy bạn đồng học. Nghe đọc một câu La Tinh, lỗ tai chàng tưởng chừng được nghe thầy phù thủy đọc thần chú bắt tà vậy.

Chàng lại còn nghi: hay là thằng bạn này cũng kiếm chuyện xỏ mát ta như thằng Tuấn hôm nọ:



- Người ta đang ngấu cả gan ruột, mấy anh còn dùng chữ bí mật mà xỏ nhau thêm, ai nỡ lòng nào xỏ xiên chọc ghẹo nhau cho đành?

- Vậy câu thơ anh mới đọc, nghĩa nó là gì?

- Nghĩa là tất cả cái bí quyết chim gái gồm trong bốn chữ ấy.

- Nói thật hay chơi?

- Thật cả trăm phần trăm. Câu thơ La Tinh, người ta dịch ra chữ Pháp thế này:

*“Fugez on vous suivra, “Suivez on vous fuira”.*

Giờ tôi tạm dịch quốc văn như vậy cho anh dễ hiểu:

*“Mần ngo thì nó theo mình,  
Mình theo thì nó ra tình làm cao!”*

Quả như thế đấy, Sảnh ạ, một con mèo trong lòng anh thích nó như chết, cũng làm như lơ là, vô ý, tức thì nó phải đeo theo anh. Trái lại, nếu anh tỏ ra cần thiết nó quá, bao giờ nó cũng làm bộ khùng khỉnh. Nhất là với mấy ả giang hồ ở Sài thành chúng ta đây. Cái bí quyết chim gái chỉ có thế, anh cứ “y kế thi hành”, ả Cúc sẽ tự nó vô lấy anh ngay! Anh hãy nghe tôi.

## VIII

### TỪ MỘT BÀI THƠ ĐẾN KHOẢN GIA TÀI 40 VẠN

*Fugax Sequax*

*Sequax Fugax.*

Câu thơ La Tinh ấy xoắn tròn trong óc Sảnh như một cơn gió lốc dữ dội.

Chàng ngẫm nghĩ lời bạn vừa nói, âu cũng hữu lí.

Mặc dầu đang lúc mê mẩn, lương tri chàng vẫn biết nhìn nhận lẽ phải.

Đêm bão, giữa cảnh trời đất mịt mù tối tăm, thường lóe ra những cái chớp nhoáng.



Cũng thế, trận bão tình nổi lên trong cõi lòng cậu Sảnh, chỉ bật ra một tia sáng nhấp nháy, rồi mây mù lại kéo đen ngay.

Chàng mê Cúc vô cùng! Đắm say, cả quyết chàng đã thề rằng phải chinh phục được trái tim Cúc mới nghe, dù phải cạnh tranh với bao nhiêu kẻ tình địch cũng dám, đánh đổi cả sản nghiệp cũng là!...

Nào phải tình yêu của chàng còn khù khờ, trinh bạch, chưa có vầu nhon nhan sắc nào in dấu, mà bảo rằng bây giờ mới bắt đầu bị nhan sắc Cúc có ma lực hấp dẫn, khiến chàng đã mê, tất phải mê chết đi.

Kì thật, lúc này chàng đã sẵn có hai ba cô nhân tình ở Sài Gòn và Chợ Lớn. Thêm một cô nữa ở tận trong Gò Vấp chàng quen biết trước mấy hôm linh hồn chàng bị Cúc thu mất.

Cô nào đối với chàng cũng có vẻ gần bó thân mật, già nhân ngãi, non vợ chồng. Cả ba cùng trẻ, đẹp. Hai cô trên là con nhà thanh bạch nhưng mà lương thiện. Cô dưới thì có học, vì trước từng học ở Nữ học đường thi đỗ sơ học rồi thôi.

Người ta nói ba cô vẫn nghe biết lẫn nhau và luôn luôn cạnh tranh một cách kín đáo. Họ không đến nỗi đem nhau tới cửa trường đánh ghen làm nhục, như cặp “ngựa cái” của cậu Tuấn. Bởi vậy chàng mới có thể lên mặt dạy khôn Tuấn hôm nọ...

Cả ba đều biết Sảnh giàu có lớn hể làm sao độc quyền được người, tức là độc hưởng được của. Bởi vậy, mỗi cô đều trở tài khôn khéo, để nữa một mình chiếm lấy Sảnh, cả thân lẫn tâm.

Tiếng là lưu trú học sinh trong trường, nhưng họa chẳng một tháng chỉ độ hai đêm người ta không thấy chàng vắng mặt. Chúng tôi đã nói chiều tối nào cũng thế, ăn cơm vừa buông đĩa bát, chàng đã hấp tấp thẳng bộ cánh rồi đi. Đi đâu? Thì chính là đi tụ hội với một trong ba cô nhân tình nói trên. Luân phiên hôm nay cô này, ngày mai cô khác.

Nhưng, chàng năng lui tới gặp gỡ cô ở Khánh Hội, con một ông Phán hưu trí và cô ở đường Ô Ma vô Chợ Lớn, có bà mẹ góa bụa, lấy một đời chồng khác, quanh năm đi buôn thuyền ở Lục tỉnh. Còn cô Gò Vấp thì chàng ít đi lại, tuy cô này thông minh phong nhã hơn. Chỉ vì Gò Vấp hơi xa, lại trái nẻo đường, cho nên chàng làm biếng ít đi, chớ không có tình nặng nhẹ hơn kém gì ở giữa ba người.



Có lần, chàng diện bộ cánh ra đi rồi, anh em bạn trong trường thấy một bức thơ bỏ quên trên giường. Họ vấy tay reo cười với nhau:

- Chém chết cũng là bức thơ của mèo thẳng Sảnh! Không tin thử mở ra xem, chắc có nhiều chuyện ngộ nghĩnh lắm đây.

Họ xúm xít mở ra đọc.

Quả thật, một bức thơ mèo.

*“Gò Vấp 4 Avril,*

*“Mình ơi,*

*“Sao hai tuần lễ nay không thấy mình vô?*

*“Tôi râu rĩ trông đợi mỗi ngày, mình thật là tẻ.*

*“Không đêm nào tôi không chong đèn ngồi chờ tới khuya, rồi chẳng thấy bóng người thương, thì thao thức suốt sáng không ngủ.*

*“Hay mình có mới nới cũ, trông trăng phụ đèn rồi phải không?*

*“Tối nay hoặc mai, sao mình cũng phải vô, tôi có chuyện cần muốn nói. Chớ sai hẹn đạ”.*

*“Tân Nguyệt”*

Chữ viết mềm mại rất tốt. Dưới tên kí lại viết bài thơ bát cú sau này:

*Đem thân chen chúc phận lâu son,  
Đêm nhớ ngày trông những héo hon.  
Cửa kín Ô Ma hơi gió vắng,  
Phao tuôn Gò Vấp dấu xuân mòn.  
Đã treo cái phận mảnh mảnh chi,  
Bao nữ cầm cân dốc dốc đòn?  
Kìa hỡi trên cao ai có thấu,  
Công bằng hai lẽ giữ vương tròn.*

Ý hay lời hay, thật là một bài giai tác. Mình có nặn óc mười ngày cũng chẳng làm được như nàng. Sảnh chắc đã tu mấy kiếp trước, mới có một cô nhân tình hay chữ như thế.

Nhưng sự thật không phải nàng tìm ra bài thơ xuất sắc ấy.



Ai thuộc ít nhiều thơ xưa Nam kì, cũng biết đó là một giai tác của ông Đỗ Minh Tâm, tức Nhiều Tâm, một danh sĩ ở Vĩnh Long về giữa triều Tự Đức.

Với bài thơ ấy, có nguyên thủy một chuyện tình lí thú, nhân dịp tường các bạn nên nghe.

Số là ông huyện Lê Văn Thiềng, bạn thân của ông Nhiều Tâm, có hai cô hầu non: một cô nhà ở Cồn Cao, một cô ở Chày Đạp. Tiễn đường lên xuống tỉnh thành Vĩnh Long, ông Thiềng có dịp thăm nom ôm ấp cô bé ở Cồn Cao luôn luôn. Còn cô Chày Đạp vì trái ngã đường thành ra ông huyện không mấy khi ghé thăm. Cô ta mong nhớ, oán hận. Có hôm gặp ông Nhiều Tâm, than thở tâm sự, và năn nỉ ông làm hộ một bài thơ gửi cho ông huyện.

Văn chương có sức cảm hóa người ta lạ lùng. Khi tiếp được bài thơ, ông huyện Thiềng đâm bỏ đến ngay.

Tức là bài thơ trên kia, mà nàng Tân Nguyệt, nhân tình Sảnh, đã chép nguyên văn, chỉ đổi hai chữ “*Cồn Cao*” ra “*Ô Ma*” và “*Chày Đạp*” ra “*Gò Vấp*” ở hai câu 3 – 4, để gửi lại cho chàng. Ý hẳn nàng tự cho tình cảnh tâm sự mình cũng như cô vợ bé ở Chày Đạp của ông huyện Thiềng thuở trước bị bơ thờ biếng thăm vậy. Nhất là mình lại trẻ và xinh đẹp, chẳng thua gì ai!

Kể ra nàng cũng thông minh, có theo đòi văn mặc ít nhiều, mới biết sửa đổi lợi dụng một bài thơ xưa hóm hỉnh như thế.

Chúng tôi muốn nói chuyện ấy đông dài, để chỉ tỏ ra trái tim non của Sảnh đã chia hai xẻ ba, và có một cô nhân tình trẻ đẹp, lanh lợi, đáng yêu là thế, mà vẫn không ngăn trở được chàng thêm muốn đắm say Cúc từ khi được thấy bóng nàng.

Cúc là ai? Một ả giang hồ “nhân khả tận phu”.

Chàng đang tâm tâm niệm niệm, mong cho chóng được thành tựu hai việc: tự chủ Cúc và tự chủ cả phần gia tài riêng của mình; vì tiền với gái như cặp “chị em Xiêm La” (*soeurs sixmoises*) phải dinh lưng với nhau.

\*



Hình như thiên tòng nhân nguyện.

Bỗng hôm sau, chàng tiếp được dây thép do người chị lấy chồng ở châu thành Bạc Liêu đánh lên báo cấp:

*“Ba ở nhà bệnh nặng, cậu phải về ngay”.*

Chàng vừa buồn vừa vui.

Buồn vì nghĩ đến đạo hiếu; vui vì sắp được lợi riêng.

Tức thời, chàng thu xếp và thuê một chiếc xe hơi riêng, lên đường đi Bạc Liêu ghé rước bà chị, cùng về Cà Mau.

Trưa ngày hôm trước, ông phủ hàm đi thăm ruộng về nhà một chặp, cơn sốt rét nổi lên râm râm, người nhà vội vã xúc dầu đốt than hơ cho ông và đắp ba bốn cái chăn, mà ông vẫn run lập cập, miệng kêu nhức nhối mình mấy không ngớt.

Một lúc, ông ngất lịm đi, cứng họng, hai mắt trợn trắng, mất hết tinh thần.

Lũ cháu sợ hoảng, một mặt đi rước thầy thuốc, một mặt thông tin cho cô ở Bạc Liêu, để cô đánh dây thép lên Sài Gòn gọi chú Sánh về. Ai cũng tưởng chắc ông phủ hàm không sao qua khỏi.

Nhưng thật ông chỉ cảm thử, vì sức yếu tuổi già, khiến bệnh phát xem đường nguy kịch.

Cũng may, thầy lang tới, sắc một thang thuốc, cạy miệng đổ vào cho ông, đến tối ông hồi tỉnh lần lần và đòi ăn cháo với sữa.

Vài hôm sau ông bình phục.

Có điều, từ hôm trở đi, ông cảm thấy mình yếu sức đi nhiều, e không kịp được mắt thấy cái cảnh sung sướng của cậu con trai út – là Sánh – đi học bên Tây, thi đỗ luật khoa tiến sĩ về theo như lòng già vẫn mong mỏi.

Bấy lâu, một mình ông trông nom tất cả cơ nghiệp đồ sộ, chưa chia cho các con cháu, tuy là chúc thư đã làm sẵn rồi, vẫn để trong tủ sắt.

Nay ông thấy sức mình ngày một suy kém, nếu các công việc tiền gạo ruộng nương, nhất thiết về tay ông liệu lí mãi, tất không kham nổi.



Chi bằng chia cho con cháu, “các hữu kỹ phận”, để chúng tự lo kinh doanh lấy, ông chỉ đứng bày bảo và xem xét đại cương giúp cho mà thôi. Như thế, khỏe khoản cho ông hơn.

Ông chỉ để 30 mẫu ruộng làm phần hương hỏa. Trong khi ông còn, thì lấy số hoa lợi thâu nhập mỗi năm của 30 mẫu đó, ông gọi là “khoản lương dưỡng lão”. Hoặc có thiếu hụt cũng chẳng bao nhiêu. Kì dư, ông quân phân ra bảy phần cho bảy con hưởng đều nhau. Năm người con đã qua đời, phần hưởng về con cháu họ, nội cũng như ngoại. Rồi chúng nó lại chia với nhau.

Sảnh ta vui mừng khôn xiết. Tính cả ruộng nương, phố xá và tiền mặt, phần chàng được hưởng, độ 400 ngàn đồng. Một cái sản nghiệp lớn, từ nay chàng được vận dụng tự do.

Trong khi bà chị ruột và lũ cháu nội ngoại được hưởng phần chia, lo lắng làm ăn giữ gìn, thì cậu Sảnh lo đem phần cậu lên dâng lần hồi cho cô Cúc.

## IX

### CHÌA KHÓA TỦ SẮT MỞ ĐƯỢC ĐỘNG ĐÀO

Sảnh về Cà Mau hết hơn một tháng.

Lúc về, chàng còn là con nhà giàu. Ngoài một tháng, trở lại Sài Gòn, nghiêm nhiên một ông nhà giàu. Trước kia huy hoắc, còn phải xin, phải đặt điều nói dối cha, phải cầu véo xoay xở đủ tam khoanh tứ đổm. Bây giờ xách một cặp da đầy những địa đồ văn khế đứng tên mình và trong túi một quyển ngân phiếu lấy tiền nhà băng.

Ấy là mãnh lực chàng định dùng để chinh phục trái tim Cúc, cũng như binh mã khí giới của những hạng Thành Cát Tư Hãn vẫn dùng chinh phục thiên hạ.

Lúc này chàng không trở vào trường Nguyễn Xích Hồng, mà chàng xếp sách không học nữa. Người ta tiếc giùm và hỏi tại sao. Chàng trả lời rất tự nhiên:



- Học làm gì? Sở dĩ con người ta phải học cốt để lập thân kiếm tiền; bây giờ tôi có sẵn tiền rồi, không phải qua cầu đi học nữa. Sẵn vốn đây, tôi sẽ kinh doanh lớn lao.

Với chàng, kinh doanh lớn lao, chỉ có nghĩa là “gang tấc của ả Cúc”.

Bởi vậy, khi ở nhà lãnh phần gia sản và sang tên giấy tờ xong cả rồi, chàng hấp tấp rong đi Sài Gòn. Nếu có hai cánh, tất chàng đã bay cho chóng.

Việc thứ nhất của chàng trở lên Sài thành là dọn một căn nhà trang hoàng ở phố Pierre Flandin và mua một chiếc xe ô tô cực sang.

Vừa gặp lúc một hãng bán xe mới đem sang ba chiếc *Alpha Roméo*, một hiệu xe đắt tiền, lần đầu tiên có ở Sài Gòn. Một ông chủ công ti lớn và ông hội đồng Ng. Ph. L. mỗi người mua một cái rồi, còn cái thứ ba, Sảnh bỏ ra 12.000p. mua ngay, không hề ngần ngại.

Quả thật như người bạn đã cao đoán: hễ Sảnh chạy theo Cúc mãi, Cúc được thể làm kiêu; cứ lững lờ như không thèm, tự khắc nàng phải vô vấp, kéo sợ rơi mất.

Hơn một tháng việc nhà cầm giữ ở Cà Mau đã cho Sảnh một dịp ngẫu nhiên để thi hành cái chiến lược mới ấy.

Thời gian vừa qua, Cúc thấy bỗng dưng vắng mặt Sảnh, hằng ngày không có tin tức nhắn nhe ve vãn như trước nữa, nàng đã đâm lo. Nàng suy nghĩ hay vì anh chàng đã sa vào lưới nào; có ả nào đã phỗng tay trên mình rồi. Trong ý tiếc rẻ ân hận: *Khi xưa ngọc ở tay ta, Vì ta chảnh mắng ngọc qua tay người*”.

Nhưng nếu có sự “mất ngọc” tất nàng đã biết.

Trong làng nhục dục sinh nhai, từ hạng đài các ngựa xe cho đến hạng gốc cây bãi cỏ, tuy không có tổ chức cơ quan, không có ti trình thám hay sở bưu điện riêng, nhưng một khi xảy ra việc gì có quan hệ đến lợi quyền họ, tức khắc có tờ *lập báo* và “dây thép miệng” báo tin cho họ biết ngay.

Hình như họ có tai mắt dán vào bên mình những người nào họ cần phải giữ gìn hay muốn câu kéo. Họ khéo nói dối như cuội, để nhỏ sừng



này cầm sừng khác lên đầu tình lang nào nhất cử nhất động có thể xâm phạm lợi quyền của họ, mà đây che, giấu giếm họ được. Năm xưa, đã có câu chuyện “làm xấu” nực cười. Một cậu ở Sóc Trăng lên Sài Gòn làm việc, ăn ở với một cô tứ thời đầu vài năm, bỗng vâng lệnh nhà bắt phải về cưới vợ, con một vọng tộc trong miền. Cậu sợ có sự phá đám rắc rối về phía nàng, nên kín nhem hết sức, không hề rỉ rả với ai. Còn một ngày nữa đến việc, cậu lẳng lặng ra về, nói gạt nàng rằng chủ hăng sai đi Nha Trang có việc.

Nào ngờ, lúc nhà trai đón dâu ra đi, người mà cậu giật mình trông thấy đứng ngay trước cửa nhà gái, chính là nàng. Nàng trố trêu, mặc đồ đại tang, tay đốt một mớ giấy vàng bạc, miệng kêu gào tên họ cậu mà khóc lóc kể lể, làm như đưa đám ma cậu vậy. Cô dâu tức thời trở vào không chịu đi nữa. Sau cả hai họ phải năn nỉ và bồi thường nàng một số tiền, để khỏi phá đám.

Ai nghe câu chuyện, cũng phải ghê phục tai mắt của gái làng chơi tinh ranh vô cùng, những khi họ cần tự vệ.

Đối với công tử Sảnh cũng thế, Cúc làm kiêu chỉ là một cách muốn câu con cá to, phải dứ nó nó cắn mồi thật sâu rồi mới giật lên, nhưng bao giờ nàng cũng có tai mắt mồi chài không rời khỏi Sảnh.

Bọn tai mắt ấy – anh hai Bạo là một – đã *lập bô* cho nàng biết công chuyện Sảnh về Cà Mau lãnh phần chia gia tài, vừa mới trở lên được mấy hôm nay; thuê nhà riêng, sắm xe hơi, ra phết một ông tài chủ bánh bao, không còn phải là cậu học trò trường tư hôm trước nữa.

Nàng cười và nói:

- Thế thì trái cam ấy đã chín rồi, giờ ta phải hái đi thôi, không thì có kẻ lấy trộm mất.

Buổi chiều hôm ấy, Cúc đi xem chiếu phim “*Kim Vân Kiều*” tại rạp Eden Cinéma với một bọn công tử quen và mấy chị em bạn. Lúc còn đứng trước cửa đợi mua vé, tình cờ thấy Sảnh đi xe hơi đến, chắc cũng đến xem phim lạ.

Có lẽ một cô nào khác, chạy ra vui cười chào hỏi, để vò ngay lấy con cóc vàng, nhưng Cúc vẫn đứng nguyên chỗ với các bạn; chỉ đưa mắt mỉm cười và sẽ gật đầu chào Sảnh một cách rất kín đáo.



Sảnh hồi hộp vui mừng quá, nghe như trái tim muốn nhảy ra ngoài lồng ngực. Chàng nhớ lại là lần thứ hai; lần trước mất ngót trăm bạc mua vé cải lương mời mọc tứ tung, đã được nàng ban cho cũng cái nụ cười, cái mắt liếc ấy. Lần này được nàng ban cười, ban liếc tự nhiên, chàng cảm thấy sung sướng hơn và đồ chừng là một điềm tốt.

Buổi sáng hôm sau, chàng vừa thức dậy, hai Bạo đến thăm, trên mặt đầy vẻ mơn trớn, hí hửng:

- Cậu Tám về thăm nhà mới trở lên được bao lâu, tôi không biết mà đến sớm, thật là có lỗi.

Sảnh như có ý bất mãn chuyện gì:

- Tôi lên gần hai tuần lễ nay, vì công việc còn bộn bề quá, muốn đi tìm anh mà trách một phen, nhưng đi chưa được.

- Tôi có tội gì đáng trách, cậu Tám?

- Tội anh bắt tài và khéo “đẩy cây” người ta. Chiều hôm qua tôi thấy ả đi xem xi nê với một bọn cô cậu nào, cả lô.

- Trời ơi! Bữa nay tôi cốt đến đây nhận lời cảm ơn của cậu, chớ không phải đưa lỗi tai đến cho cậu lời tiếng trách móc vào đâu.

- Cảm ơn nỗi gì?

- Cậu hứa thưởng tôi ba trăm đồng khi nào xong việc, còn nhớ không?

- Có nhớ. Và anh đã lấy trước một trăm bạc, mà chỉ cho con người ta đớp bóng mặt trăng.

- Giờ cậu đưa nốt hai trăm ra đây.

- Để làm gì?

- Để tôi ban cho một đạo chỉ dụ của Hoa vương sắc giáng; tôi là khâm sai đây, nhưng tôi miễn cho cậu khỏi phải bày hương án để phụng thánh chỉ...

Hai Bạo vừa nói vừa móc túi lấy ra một vật, trông rõ bức thư mở ra xem.

Một tấm danh thiếp của Cúc, ba chữ tên họ in trên một nhánh hoa cúc vàng; dưới viết mấy hàng chữ:

- “*Chiều nay, vào khoảng bốn năm giờ, mời cậu Tám quá bộ lại*



*nhà em chơi, em có câu chuyện muốn nói. Em sẽ để dành tất cả ngày giờ thể phách cống hiến người mong đợi của em. – Cúc”.*

Mấy chữ lơ thơ mà có giá trị với chàng hơn một đạo sắc.

Bao nhiêu lâu, chàng khổ não, thiết tha, trông mong có mấy tiếng; để dành tất cả ngày giờ thể phách cống hiến người chàng mong đợi.

Lúc này hẳn chàng không ngờ mấy chữ viết tươi tắn hữu tình kia chính là lời thẩm kết của một bản án tòa – có thể gọi là tòa phong tình – bắt đầu thi hành tịch biên gia sản chàng. Hơn nữa, một bản án kết chàng vào tử hình mà cho chết thông thả, lần mòn, như hình phạt lăng trì ngày xưa, từng một tiếng trống, xẻo một miếng thịt.

\*

Đúng 4 giờ chiều, Sảnh trang điểm rất mực tinh vi chững chạc, tự cầm lái xe hơi đến gõ cửa nhà Cúc.

Một con tì nữ ra mở, và nói lễ phép nhanh nhẹn:

- Thưa, cô chủ con ở trên gác, mời ông cứ lên.

Thì nó đã được hiệu lệnh trước rồi.

Sảnh chậm rãi bước lên cầu thang. Chàng đang vào nhà một gái chơi bời, chớ phải vào một cung điện thâm nghiêm gì, mà trong tâm hồn nghe ra rạo rức, bàng hoàng, như có một vẻ thiêng gì bất chàng phải chơn, mà không thể tả được. Con người ta khi bước chân vào đầu đường nguy hiểm, mặt vận, thường có những cái linh giác như thế mà không tự biết.

Vừa lên khỏi cầu thang, chàng ngơ ngác vì không thấy ai, bỗng nghe tiếng người nói lạnh lạnh:

- Mời ai đó đi thẳng vào trong này.

Theo chiều tiếng nói, chàng ngó về phía cửa buồng, che một tấm màn mỏng có tua, ánh ra một màu sáng xanh lạt.

Chàng bước vào.

Cảnh sắc bên trong, làm cho chàng giật mình lóa mắt, gần như người ở khoảng tối mịt vừa bước vào chỗ đèn điện sáng trưng. Phòng coi xinh xắn và không có đồ đạc trang hoàng lộng lẫy gì: chính giữa chỉ thấy một cái giường đồng bóng lộn, bên cạnh có chiếc bàn nhỏ và chéo



góc kê một tủ gương cao lớn, soi thấy cả người; có thể thôi. Nhưng có chỗ khiến ai mới thấy cũng phải kinh ngạc, là chung quanh bốn vách, từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, đều bọc thứ da nhuộm màu dương liễu. Đèn điện đặt giấu bên trong bốn góc tường, có thứ chụp xạ quang kiếng riêng, để cho ánh sáng bốn bên như bốn chiếc đèn rọi, cùng chiếu tia sáng vào một mục đích là chiếc giường nằm.

Sao lại bọc da khắp phòng?

Vì mỹ thuật chăng?

Không! Vì tình dục thì phải hơn. Chắc người ta dụng ý cầm giữ những tiếng rên rỉ kêu gọi của ái tình cứ âm ỉ trong khu vực của nó, không lọt ra bên ngoài được. Thật thế; giả họ chém giết nhau và kêu làng gọi nước, người đứng bên kia vách tường cũng không thể nghe thấu.

Trên tường lại treo những tấm gương hoặc tròn, hoặc vuông, hoặc bồ dục, khéo bố trí phương hướng để cho người ta một khi đặt mình trên chiếc giường đồng, đầu quay về phía nào cũng thấy phản chiếu đủ cả hình dạng thần thái của mình.

Cho đến những gối, màn, chăn đệm, cũng khéo lựa chọn tương chiếu lẫn nhau, toàn thứ hàng lụa thêu thùa mỹ thuật.

Cúc gói mình trong bộ áo “Kimono” thêu hoa cúc vàng, xõa tóc dài bên gối, nằm nghiêng mình trên đệm nhung biếc gấm hoa, tay cầm một tờ báo. Trông phảng phất như bức tranh một thiếu nữ đang tắm gội khí mát trên bãi cỏ nhưng mơn mớn.

Toàn cảnh vừa có vẻ thần bí, vừa có vẻ khêu gợi.

Thoạt mới bước vào trông thấy Cúc, Sảnh đã có ngay cái cảm tưởng cảnh này, người này, có thể làm xiêu một cơ nghiệp bá vương, hất cẳng một ngai vàng đổ ụp xuống dễ dàng như chơi.

Chàng không ngờ một ái tình, nói rõ hơn, một tính dục sinh hoạt, người ta cần phải sắp đặt trang điểm một cách tỉ mỉ đến thế.

Trận sóng tê mê ở trong bể lòng chàng nổi lên cuộn cuộn, chưa biết nó đưa tư tưởng chàng vắn vơ trôi dạt đến bờ bến nào, giữa lúc tiếng nói dễ yêu của nàng gọi về thực tế:

- Mình lại ngồi đây, nói chuyện cho vui.



... (mất một số báo)

Đối với họ, Sảnh lạ nhưng mà Cúc quen. Khi vào ngồi bàn, nàng đưa mắt chào họ một cách rất kín đáo.

Sảnh có tài uống rượu như chúng ta uống nước lã. Chàng giải khát một hơi ba cốc to *cô nhất Martell*, còn gọi thêm hai chai *Mumm* nữa. Tử lượng của Cúc chẳng thua kém gì mấy. Sinh nhai của những người như nàng thường bị bắt buộc, lôi cuốn, phải biết uống rượu. Có lúc không say cũng phải làm như say.

Trong bụng đang hớn hở được ngồi kề một đào danh hoa bấy lâu mình hằng ao ước, lại gặp hơi men làm cho bưng trối thêm, Sảnh ta ngất ngưỡng khoe khoang, nào ái tình nồng nàn chân thật đối với Cúc, nào của cải chứa chan, ăn tiêu mãi đời không hết.

Lắm câu chàng nói lớn tiếng, coi như bốn phía không có người nào. Những khách ăn ngồi gần phải cho là trái tai. Có người rộng lượng, bảo ái tình của người ta thường nổi lên những cơn, như bệnh sốt rét phải kêu phải rên vậy.

Sảnh nắm lấy bàn tay Cúc, cái bàn tay có một ngón đeo chiếc nhẫn kim cương, hột cũng khá to. Chàng vuốt ve và hỏi:

- Ban nãy em nói nhất định kí tờ giao kèo ái tình với anh?

Cúc rút bàn tay ra cầm cốc rượu uống và đáp:

- Phải.

- Nhưng em lại nói hôm nay gặp anh có mừng và cũng có buồn. Sự buồn ấy thế nào, vì đâu, em nói cho anh nghe với.

- Ôi! Chuyện riêng của gia đình em, anh có cần biết làm chi!

- Chúng ta đã thương yêu nhau thì chuyện riêng của em, không phải là chuyện chung cả anh nữa sao?

- Vẫn biết thế, song để lúc khác em nói cho mà nghe.

- Anh muốn em phải nói ngay bây giờ. À, cho anh hỏi thật tình câu này nhé: Vậy còn ông hội đồng “via” kia, người đã bao bọc cho em sống ở Sài Gòn lâu nay, em sẽ quăng đi đâu? Nếu phải yêu thương em như kiểu vợ chồng vua bếp, hai ông một bà, chắc anh buồn chết.



Sảnh nhoẻn miệng cười, hình như tự phụ mình vừa nói một câu hóm hỉnh.

Trái lại, Cúc sầm mặt, làm bộ như muốn khóc:

- Chính vì chỗ khổ tâm đó mà em nói em buồn đó, anh à. Với anh từ lâu, em vẫn thương thầm nhớ vụng đến giờ em nghĩ không thể nào không gần gũi anh được nữa, nhưng còn việc kia em vẫn chưa biết giải quyết ra thế nào?

- Khó ở chỗ nào, anh giải quyết cho.

- Nguyên trước kia ba má em ở Châu Đốc làm mía và trồng bắp luôn mấy năm mất mùa, thua lỗ, có vay mượn nhà ông hội đồng Mão đó hết bốn năm ngàn đồng. Sau không thể gì trả nổi, phải đem thân em gán nợ cho ông, theo ý ông muốn. Giờ muốn xa hẳn ông ra, tất nhiên em phải làm sao trả món nợ ấy, không thì ba má em ở nhà sẽ bị thúc đòi, lời nặng, tiếng nhẹ, không sao chịu nổi. Thân em cũng gần như cô Kiều ngày trước, bán mình chuộc nợ cho cha...

Thấy vẻ mặt Cúc âu sầu, càng tăng thêm vẻ đẹp, Sảnh ta càng như ngây như dại:

- Thôi, giờ em bán mình ấy cho anh. Tưởng có bao nhiêu; đến mười số chừng ấy anh cũng cho em lập tức. Chúng ta cứ uống rượu mua vui đi. Mai anh kí một tấm chi phiếu (*chèque*) ra băng mà lấy tiền.

Kì thật, Cúc nói láo. Nàng chỉ cốt thử xem Sảnh có phải con người dễ xiêu dễ đập không, chớ nàng không còn cha mẹ nào ở Châu Đốc, mà cũng chẳng phải đem mình gán nợ cho hội đồng Mão bao giờ. Nàng đã cầm sừng lên đầu ông ta tứ tung thì có.

Bỗng dưng nàng đưa bàn tay có đeo nhẫn hột xoàn và Sảnh vuốt ve ban nãy, tái mặt, tiếng nói run run và không ra hơi:

- Trời đất ơi! Cái hột ở nhẫn em rơi đâu mất rồi. Có lẽ tại anh lôi kéo hồi nãy, làm nó bong ra, chắc rơi dưới gầm bàn hay quanh đâu đây, anh đánh diêm lên soi tìm giùm em mau.

Thật quả, chiếc nhẫn còn trơ cái lỗ trống, hột kim cương tuột ra rồi.

Sảnh móc túi lấy hộp diêm máy bật lửa và trao cho nàng soi quanh



dưới bàn. Song thấy sao được lửa ấy lò mờ, không đủ sức sáng, chàng móc ví da ketchup, rút lấy một tờ giấy bạc 100 đồng còn mới nguyên, xếp nhỏ chiều dài, thành như một que đóm rồi đưa trên lửa diêm máy mà đốt cho sáng.

Cúc giật mình, toan giằng lấy tờ giấy bạc nhưng không kịp, nó cháy vào hết rồi.

Mà hột kim cương cũng chẳng tìm thấy. Nàng làm bộ mếu máo:

- Ăn một bữa nem mát một hột xoàn vừa mua một ngàn một hôm nọ, rõ khổ thân tôi chưa! Chỉ tại anh, em bắt đền anh đấy.

- Anh vui lòng đền cho em. Ngày mai anh dẫn lại tiệm François Sự, muốn lựa hột bao nhiêu tiền anh cũng cho.

Cũng như chuyện đem thân chuộc nợ, nàng không hề mất hột xoàn. Sự thật nàng đã cọ mạnh vào cạnh bàn cho nó bong ra và bỏ trong túi rồi kêu mát. Mà hột ấy chính là hột Xiêm, người ta mài đá làm giả kim cương, đáng giá năm mươi đồng bạc là nhiều.

Sánh ta hãnh diện, khoe của, đốt mất tờ giấy 100 đồng bạc thật để tìm một hột kim cương giả.

Có người đồ chùng ma men làm chàng say quá, vì chẳng có ai say một cách đại dột đến thế.

Cử chỉ ngông cuồng của Sánh, khiến những người chứng kiến đều phải sinh ghét và chửi thề. Nhất là bọn cậu năm Vũng và anh sáu Thiên.

Sau khi cô cậu ra xe hơi đi rồi, họ tha hồ bình phẩm, nhục mạ.

Cậu Năm vỗ bàn tay nói lớn:

- Thằng bé con cái nhà ai mà khoe của một cách ngu dại, thấy mà phát ghét. Lúc nãy tôi muốn vả vào mặt nó mấy cái, không biết cái gì ngăn trở cánh tay tôi.

- Ôi! Nó dại thì mặc kệ nó, hơi đâu cậu Năm phải bận lòng sinh sự! – Một người trong bọn nói xen vào.

- Nó giỏi khoe tiền khoe của, để tôi chọc tức nó một phen cho nó mất bạc ngàn, bạc muôn chơi.



- Chọc tức cách nào? – Anh sáu Thiên hỏi.

- Rồi đây anh xem, ai chớ con Cúc thì tôi có lạ gì! Nó xinh đẹp mà xảo quyết trần đời. Tôi dám đánh cuộc một trăm chỉ ăn một đồng với các anh rằng: Hột xoàn nó giả, đặt chuyện kêu mất để làm tiền thắng bé ngu dại kia đây thôi.

- Những hạng ấy sẽ bị quả báo nhãn tiền, rồi trời bắt bơ vơ chết đói cho mà xem.

Xe hơi của Sánh đã chạy xa biệt mù rồi, chàng không được nghe những lời thóa mạ đích đáng ấy.

## XI

### MỘT ĐÊM NGƯỜI TA GIẾT NHAU BẰNG HỘT HẠNH NHÂN

Bữa nem rượu xoàng, gọi là tráng miệng qua loa thế mà ngọt ba chục đầy. Những *cô nhác* với *xâm banh* đã chiếm hơn chín phần mười; thực phẩm chuyên môn của nhà bà quản K. không khéo chưa thu được một.

Ấy là chưa nói đến tờ giấy một trăm bị hỏa táng oan uổng vì một hột đá mài giả kim cương, đã làm trò cười cho những người trông thấy.

Lúc ở quán nem ra đã 8 giờ tối, Sánh có vẻ gật gù gật giường khá say. Chàng bước lên ngồi phịch trên xe, trong khi chân đạp xăng, một tay vuốt yêu trên má Cúc và nói:

- Thế cũng như chúng ta vừa mới làm lễ tơ hồng rồi đây, em nhỉ? Giờ thì về nhà, chứ còn đi đâu?

Anh chàng ta nóng ruột thi hành một khoản cốt tử ở trong giao kèo ái tình, nhất là sau khi tử húng vì bao lâu mộng ước. Nhưng Cúc còn hành hạ chán chê nữa kia. Máy tay chơi bởi sánh sỏi như nàng vẫn biết bản nghệ họ là hiến thân cho kẻ nào dẫu giá đắt hơn, song họ khéo ngâm khéo vò tác lòng dục vọng của người ta bao giờ thật ngầu như tương



mới chịu. Có thể mới dễ sai khiến, lợi dụng. Huống chi lúc nào họ cũng nghĩ đến lòng ích kỉ riêng của họ trước đã, rồi sẽ đến lòng ích kỉ của kẻ trả tiền cho họ sau. Đó cũng là một điểm cốt yếu – mà hình như ít người để ý xem xét – phân ra giai cấp trên dưới hơn kém ở trong xã hội mãi dâm.

Lúc vừa lấy bông phấn ra tô lại bên má có bàn tay Sảnh mới in nhẹ vào, có lẽ họ sợ loang lỗ mất duyên, vừa trả lời nũng nịu:

- Em đã giao hẹn từ hồi chiều, anh không nhớ sao? Ăn nem rồi vào nhà tiệc chơi mà.

- Thế là bây giờ ta đi Chợ Lớn?

- Chứ sao!

- Được rồi, anh chiều ý muốn của em, lên trời anh cũng đưa đi, nữa là đây vô Chợ Lớn kể gì.

- Nhưng em coi sao anh say khá lắm đấy, hiện có đủ sức cầm tay lái không, hay là đưa nhau xuống ruộng xuống sông thì chết.

- Đừng lo! Em chẳng là thiên thần hộ mạng của anh là gì? Có điều tử tế, thì em thưởng cho anh vài cái hôn nồng nàn đầm thắm ở bên má này, tức là cho Sảnh tôi đây có thần lực để hộ vệ xa giá Nương nương được bình an vô sự.

Cúc vui vẻ làm theo y lời, nhưng cái hôn gần như hát bóng, kêu mà không có vị. Cái hôn chiều khách buổi đầu.

Sảnh lại lấy ví tiền ra trao nguyên cho Cúc.

- Em giữ hộ anh, kéo sợ anh say rồi khi lên xuống rơi mất không chừng.

- Không, em không dám lãnh trách nhiệm ấy đâu. Ví anh có nhiều tiền bạc, rủi em vô tâm đánh rơi mất như hột kim cương của em lúc này thì sao?

- Có nhiều nhởi gì đâu; lúc chiều anh chỉ lấy ở nhà có năm sáu ngàn mang theo, có mất thì bỏ mà!

Cũng là một cách khoe của với gái, nhưng có lẽ Sảnh không ngờ khoản tiền ấy chốc nữa chính bàn tay Cúc nỡ nà, đặt trên thảm xanh, tiến cống cho ông vua cờ bạc.



Độ nửa giờ sau, hai người vào nhà tiệc ở giữa phố *Thủy Bình*, một đường phố dài và náo nhiệt của Chợ Lớn.

Nhà tiệc là gì?

Là một nhà chứa cờ bạc công nhiên tự do, cho những người có tiền nghìn bạc vụn đến đó mà sát phạt lẫn nhau, cũng như cho những kẻ thụt két của chủ hay là vay nợ hai ba chục phân, đến đó mà làm tiền, mà “dậy hóa”.

Có thể bảo rằng nhà tiệc ở Chợ Lớn là một nhà *Cercle* ở Monte Carlo hay ở Nice thu hình nhỏ lại, chỉ kém về lộng lẫy, kém phần sang trọng, kém trận sát phạt. Bên kia là trường đánh vật đỏ đen – mà lực sĩ là giấy bạc – của người quốc tế hào phú phong lưu; bên này chỉ là chỗ gà què đá nhau ở trong một vùng, một xứ.

Còn chỗ khác này nữa: Bên kia mở ra có phép nhà nước để lấy hoa lợi làm việc công ích; còn bên này thì luật pháp nghiêm cấm, sợ hại cho dân, nhưng vẫn có kẻ khôn ngoan tổ chức một cách hầu như giấu giếm, mà thực sự không khác gì công khai.

Vì là khắp xứ, ai cũng biết Chợ Lớn có nhà tiệc đánh cờ bạc to, ai muốn vào cũng được, miễn là có tiền, nhiều tiền.

Ấy là điều kiện quan hệ.

Quan Công thuở xưa qua năm ải chém sáu tướng của Tào Tháo như chơi, bây giờ nếu ngài định lọt qua mấy lần cửa một nhà tiệc Chợ Lớn vị tất được dễ dàng.

Chỉ có độ vài ba lần cửa thôi, mỗi cửa có một đầu lĩnh lâu la canh gác. Muốn vào, các ngài phải được nhận diện là một tay chơi sang trọng, một con bạc nhà nghề, quen thuộc, từng ra vào mỗi đêm. Người lạ phải cần có người quen dìu dắt, giới thiệu, bảo lãnh, thì mới được vào. Không nữa thì mình phải tự trình diện một vài trăm bạc là ít, để phân bua rằng mình cốt đến dự cuộc đỏ đen.

Nhà tiệc Chợ Lớn chỉ để đón rước những con bạc to, mỗi đêm có thể ăn thua năm bảy chục ngàn đồng. Còn những hạng muốn ăn thua bạc trăm cho đến một vài ngàn, người ta gọi là mèo nhỏ bắt chuột con, thì đã có mấy sòng nho nhỏ ở đường phố khác.



Một khi đã vào lọt qua mấy làn cửa mà vào “chính điện” nhà tiệc, các ngài nếu chưa quen mắt, có lẽ giật mình về tiền bạc đem ra kinh doanh công việc lớn cho xứ sở sao thấy hiếm hoi, nhưng tiền bạc người ta đem tới đây đấu tranh bạch đoạt lẫn nhau thì nhiều vô kể.

Nhà tiệc thường là một từng gác rộng rãi, bày biện lịch sự; có khi hai ba gác bên cạnh, người ta đục cửa ngõ thông luôn với nhau. Khu này một sòng *hốt me*, khu kia vài sòng *xổ cu li*; gian khác là sòng *bài thín cầu*. Ai muốn tìm ông thần tài hay là cung cả hồ bao vào sòng nào tùy thích. Sòng nào cũng là một chiến trường êm lặng mà kịch liệt.

Nhưng khu vực *đánh me* bao giờ cũng đông hơn, náo nhiệt hơn, ăn thua nhau dữ hơn.

Một chiếc bàn dài bốn năm thước tây, trên mặt có vải trắng phủ kín; hai bên kê ghế mây liền nhau, trông như một bàn hội nghị, để cho đồ khách ngồi.

Chủ tọa là người hốt cái, ngự trên chiếc ghế cao, trước mặt có những khí cụ nhà nghề, là một cái bát nhỏ, một chiếc đĩa dài, một đồng hột hạnh nhân đã phơi khô, chắc nịch. Tả phù hữu bật, có một người đứng biên trịch, và một người làm thủ quỹ.

Hốt me trong Nam tức là *đánh lú* ở xứ Bắc ta cũng có bốn cửa *yêu, lượng, tam, túc*. Nhưng me có điều khác, là cách chơi rộng hơn (ví dụ đặt ngay một cửa nào đó, gọi là *cầu âu*, hễ trúng thì một ăn ba v.v...), và một đằng hốt tay, một đằng có ba khí cụ vừa kể trên, hình như khó bề gian lận.

Người ngồi hốt cái cầm bát úp chụp vào đồng hột khô rồi kéo ra xa. Đây, các ngài định chừng những hột đang nằm trong chiếc bát úp kia là *yêu, lượng, hay tam, túc*, thì các ngài đặt tiền ra. Tứ phía có người đứng túc trực để đặt cửa hầu ngài, nếu ngài không biết tự cái đặt lấy.

Sau khi từng tập giấy bạc đặt đâu yên đó rồi, người cái đưa chiếc đĩa dài, lật ngửa bát ra, rồi đầu đĩa cứ gảy riêng 4 hột nọ đến 4 hột kia. Chúng tôi từng nhận thấy nhiều người tài lạ; cái bát vừa bật ngửa, đồng hột còn lù lù, mình trông rồi cả mắt, không biết mấy chục hột mà nói, thế mà họ chỉ liếc qua đã gọi ngay kết quả là *yêu* hay *lượng* rồi. Họ nói tiên tri như thế, mười bận khéo lắm sai một là nhiều.



Giữa lúc ấy ta thử đưa mắt liếc quanh mà xem; có người khấp khởi mừng thầm, có người toát ra mồ hôi hột lặn tăn trên trán.

\*

Nhà tiệc Chợ Lớn lại có trật tự nghiêm chỉnh, không hề có sự gì huyền ảo ầu ả xảy ra. Vì người đứng tổ chức có thủ đoạn, có oai danh, khéo rào đón, tôi sẽ nói người ấy là ai.

Bởi vậy, một chàng du côn nào có ba đầu sáu tay cũng không dám vào đây mà sinh sự kiếm chác như mấy sòng bài cào xóc đĩa tầm thường. Không bao giờ nhà tiệc có những chuyện cướp tiền hay phá bình. Bọn sã của tiền và máu mê cờ bạc, thích ra vào nhà tiệc là vì có sự nghiêm chỉnh đó.

Ngài đánh thua nhẵn túi rồi lủi thủi ra về đã cố nhiên; trái lại, nếu ngài chỉ vào chơi giấy lát, được đôi ba vạn đồng bỏ túi lững thững đi ra cũng nhiên. Không ai dám bảo ngài ăn non chạy làng, cũng không ai dòm hành gì. Ngài muốn tránh mọi rủi ro dọc đường vì có một số tiền lớn trong mình cũng có người hộ tống ngài về tới nhà nữa.

Các vị *đỗ khách*, đêm khuya muốn ăn uống thứ gì cũng có, mà không phải tiền. Người ta cốt đến để dây bạc đủ no, không mất đến vì được thết đãi bát cháo bào ngư hay một liễn mì Dương Châu. Chủ tâm đến ăn, phần nhiều là các ông “che tây” hoặc các ông nay đã tán gia sản rồi nhưng còn thừa dư chút dư oai ở nhà tiệc hồi trước.

\*

Sảnh tuy chưa để chân vào nhà tiệc bao giờ, nhưng thì đã quen mắt.

Nàng làm hướng đạo chàng.

Vả, chiếc xe hơi mới hảo hạng kia chẳng phải vật bảo đảm sang trọng. Hai người bước vào sòng giữa lúc có tiếng dào dạt mưa, vì chén me vừa ..... lượng, một thương ..... trúng cả lẫn *cầu âu* hơn bảy đồng, khi ai nấy sử ..... cầm chắc me không thì tam, tức .... mỗi người .... tiếng, nào khen, nào rẻ, nào ... kêu trời ra trong nổi lên mưa...

Tiếp vài chén me sau, Cúc vẫn bình tĩnh là kẻ bàng quan. Nhưng



ngó thấy nhiều người thu về từng tập giấy hai chục với giấy trăm mãi, nằng ngửa tay ngửa mắt, cứ thúc giục Sảnh:

- Đánh chơi cho vui đi, anh Tám.

- Còn phải hỏi, em cứ việc đánh đi cũng thế mà.

- Anh để em đánh nha! Nhưng chỗ này hay dở nên không, anh phải bàn soạn chỉ bảo em: “Thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn” nghe không?

Nhiều người cùng nhìn và tấm tắc khen: “Cô nói rất phải đạo và có duyên”!

Sảnh ta nghe hả dạ lắm.

Thế rồi nàng móc trong ví Sảnh giao cho giữ hộ ban này, lấy ra ba tập mỗi tập 10 tờ giấy trăm, để phanh trước mặt.

Giấy người nửa người, can chi chẳng đốt cho sưng tay; có lẽ trong bụng nàng nghĩ thế.

Nhất là Sảnh đang cố chiều lòng người yêu, càng khuyến khích thêm.

Ban đầu nhập cuộc, nàng còn đánh mỗi chén dăm bảy chục tiêu khiển, để dò nước bạc. Kế thấy ăn được một hai chén, bấy giờ mới hứng chí, thẳng tay xung sát, đặt ra hàng trăm. Con người ta đánh bạc bằng lưng vốn kẻ khác, bao giờ cũng mạnh tay hơn của mình. Nào có phải của đau con xót gì mà lo? Thần tài phù hộ thì vớ to; không thì chết điếng kẻ khác cũng lớn.

Có lẽ hôm nay thần tài muốn phạt Sảnh về tội ngông cuồng hay sao không biết, mấy chén me nào Cúc đánh nhỏ, còn cho được ba thua một; hễ chén nào đánh bạc trăm trở nên thì đều thua mất tăm.

Quanh quẩn một lúc hơi lâu, ba chục tờ giấy trăm lần hồi vĩnh viễn gần hết. Nàng hăng máu lên, con mắt dăm dăm ngó vào hột me, hình như không biết có Sảnh ngồi cạnh. Trong khi đó, chàng chỉ dăm dăm ngó vào mặt nàng, không phải vì tiếc của, thật ra chỉ ngây vì nhan sắc. Có lẽ chàng nghĩ mua chuộc lấy một trái tim mình đem theo đêm nay cũng cầm bằng như mất rồi. Cho nên sự Cúc đánh bạc ăn thua, còn mất, chàng không quan tâm đến.



Nàng đang tức mình, thấy một ông lão già say rượu bí tỉ, vào đánh hơn nửa giờ, ôm ba mươi mấy nghìn đồng ra đi, nàng càng phát ghét thêm.

Thật thế, đêm hôm ấy có một cụ già lạ lùng, ai cũng phải để ý.

Cụ vào sòng với bộ tịch rất cũ kĩ quê mùa, mặt mũi đầy vẻ say sưa, cất giọng nhẹ nhẹ, hỏi người làm cái:

- Đây có thể ăn thua tới bao nhiêu hả, chú?

- Cụ cứ việc đánh đi, ăn thua tới trăm ngàn cũng có.

- Vậy thì được, để lão đánh mấy chén chơi. Đưa gói bạc của tao đây, con.

Cụ ngoái cổ ra phía sau lưng, gọi một người trai trẻ, như anh lực điền nhà quê, mở một gói vải tây điều, to gần bằng quyển tự điển Larousse, toàn thị bạc giấy. Chẳng đếm gì hết, cụ bốc lấy một nắm đủ cả giấy 5 đồng, giấy 20 đồng, giấy 100, đặt vào cửa túc.

Tới chừng me ra cửa túc, bấy giờ người ta phải đếm tiền để đàm, mới biết ông cụ đặt tiếng bạc ấy 1.725\$. Ta cứ nhân 3 số ấy lên trừ 10% tiền hồ đi, còn lại ông cụ được bao nhiêu thì biết.

Mấy chén me sau, ông lão cũng chơi kiểu “bốc đặt” như thế, mà ròng đánh cầu âu, nghĩa là một ăn thành ba.

Độ hơn nửa giờ, đồng bạc giấy chất lên cao ngất cụ nhét cả trong khăn gói đỏ, thắt nút lại, trao cho tên lực điền ôm bên nách và bảo nó: “Thôi, ta đi về, con!” Thế là cụ ngả nghiêng chập chững đi ra, y như lúc mới tới, sau khi đã ban thưởng cho những người chấp sự trong nhà tiệc.

Hỏi dò ra thì một chủ ruộng ở Hậu Giang vừa chở lên ba thuyền chà lúa, bán cho nhà máy lấy tiền xong, thầy trò vào hiệu cao lâu đánh chén say khướt, rồi ngất ngưỡng đến sòng me.

Thật, ông lão say rượu mà đo lạ lùng. Người ta tính lại ông đã vớ được 34.000\$ trong nửa tiếng đồng hồ, một cách dễ dàng như bôn.

Hèn nào người ta nói đúng: Sòng me là một nơi cho kẻ này đêm nay đến, ngày mai về xây nhà tậu ruộng; kẻ kia tới nộp hết sản nghiệp rồi phui hai bàn tay không, ra về!



Cúc thấy ông lão nhà quê may mắn, kì dị, đâm ra ghen tức ông, lại muốn hóa thân ra ông cho sung sướng. Máy lần, Sảnh giục đi về, nàng đều nhăn mặt:

- Để em đánh mấy chén nữa gỡ lại đã, vội gì thế anh!

Được cái nàng buồn và nhăn mặt, càng nổi vẻ đẹp ưa nhìn, thành ra Sảnh cũng vui lòng ngồi lại để ngắm mãi không chán. Nếu chàng là thợ vẽ, không chừng trong lúc ngồi đợi, chàng đã vẽ cho nàng một bức tranh “*mỹ nhân sầu*”.

Nhưng còn gỡ gạc nổi gì?

Bọn sống chuyên nghiệp về me, đã nói thứ cờ bạc ấy như có ma quỷ, chỉ ghé vào đánh năm ba chén, được hay thua cũng bỏ đi ngay, nếu ngồi dai có bao nhiêu cũng phải cùn hết.

Quả thế, Cúc lấy nốt số tiền còn lại trong ví Sảnh ngồi đánh cù cưa một lúc nữa cũng thua sạch. Thêm cả ba chục bạc riêng của nàng vô đó nữa.

Lúc hai người ra về đã hai giờ khuya, Sảnh muốn vào hiệu ăn, nhưng soát lại trong ví chỉ còn mấy hào bạc lẻ. Chàng nghĩ bụng là một điếm có lẽ không hay, vì buổi đầu gặp nhau đã phải chịu một bữa muốn ăn mà hết tiền.

- Anh đói hả? (Cúc như đón được ý chàng). Về nhà em bắt nó nấu cháo gà cho anh ăn.

### **Vua cờ bạc lúc chết không có cái hòm mà chôn!**

Về nhà, Cúc khéo đem những chuyện vui cười và cử chỉ thân yêu vồn vã, để Sảnh quên lãng việc tán tài khá nặng bởi nàng đã ngông quá gây nên.

Sự thật, giá nàng không cần làm thế, Sảnh cũng sẵn lòng quên lãng rồi. Bây giờ đã được nàng yêu, được vào tận trong buồng tứ phía bọc da, chàng lấy làm mãn nguyện vô cùng, không còn nhớ tiếc gì số tiền hơn nửa vạn mới chôn trong đồng hột me.

Lạ gì tâm lí ngoắt ngoéo của con người ta, có khi chỉ một điều khoái lạc tinh thần đã xóa hết nỗi thiệt thòi khổ sở.



- Mà cũng tại anh một phần. Ai bảo anh cứ ngồi tù bí, chẳng khuyên ngăn cản trở gì cả, để em sẵn tiền sẵn trốn đánh thua cho đến cháy túi!

- Thôi bỏ! Có là bao nhiêu mà phải bận lòng. Nếu ban đêm có thể về mở tủ sắt hay viết chi phiếu ra nhà băng lấy tiền được, thì lúc này anh đã làm, để đưa thêm cho em đánh nữa kia. Một cô mỹ nhân, khi đang ham thích một sự gì, người ta thường buộc lòng phải chiều theo, cũng như một con ngựa thiên lý bất kham, nếu ta cản nó đánh nó trong lúc nó đang lồng lên, tất nó đá cho thì nguy.

Tặng cho Sảnh một cái hôn đậm đà, để thưởng câu nói tri kỉ ấy, nàng cười và nói:

- Không hiểu sao em có tật lạ lắm anh à! Hễ em đã ngồi vào sòng me, dầu có sét đánh bên mình hay động đất dưới chân, em cũng mặc kệ.

- Ừ, đánh me vui nhỉ! Chính anh, tối nay anh đã thấy bén mùi, hôm nào chúng ta lại vào nhà tiệc, để anh đánh cho mà xem!

- Anh nói em mừng quá. Mai một chúng ta lại đi nghe anh!

Rồi nàng gọi réo xuống bếp:

- Chín ơi! Dọn cháo mau lên, buồn ngủ lắm rồi.

Tới đây, ta hãy bỏ rơi cặp nhân ngãi mới đi một lúc, để nói qua về chuyện ông vua cờ bạc ở Sài thành.

Vì cờ bạc là một thứ nhân bánh của cuộc đời Sài thành phong nguyệt. Thuở trước đã làm gì có tiệm nháy và nhiều chỗ có thể tụ hội tiêu khiển như bây giờ; thành ra công tử gặp công nương dầu muốn khoe của khoe sang, còn đâu hơn là dất nhau vào sòng bạc. Đến nổi sinh bình mà không thích, mà nàng đưa vào một lần, Sảnh đã tự thú bén mùi. Rồi thì một phần lớn sản nghiệp chàng sẽ chôn vùi trong đó.

Có nhiều vụ khuynh gia bại sản, trai gái tử biệt sinh li, như trường hợp chàng Sảnh sau này là một, người ta muốn tìm kiếm kẻ trách nhiệm có phải từ đâu xa, cứ việc lôi cô *Đổ Vương* ra mà hỏi. Không va, đời có lẽ tránh được những vụ ấy.

Hắn các ngài cũng muốn lục hồ sơ của lão xem qua cho biết.



Chúng tôi xin nói trước: lai lịch, thủ đoạn và tình một đời, Đồ Vương, ai muốn biên chép, in cả 300 trang mới đủ; ở đây chúng tôi chỉ thuật đại khái mà thôi.

Có một độ khắp cả Nam kì, Cao Miên cho tới miền Phan Rang, Phan Thiết, lưng lấy tiếng tăm *Thầy Sáu* là chúa trùm cờ bạc ở Sài Gòn và Chợ Lớn. Thế lực gần như sóng tràn tới cả Lục tỉnh, mặc dầu mỗi tỉnh mỗi vùng có một trùm riêng. Cứ nói hai tiếng *Thầy Sáu*, người ta đủ biết là không cần phải lục đến cái tên cúng cơm làm chi.

Nguyên trước, quyền chứa thổ đồ hồ trong hai châu thành lớn nhất miền Nam còn tam phân ngũ liệt, mạnh ai nấy làm, ai làm nấy ăn. Bọn du côn anh chị, mỗi cậu giành phần một khu, làm chủ một sòng thường hay ganh ăn *phí đồ* lẫn nhau. Có sòng buổi sáng mở ra, tối đã bị bắt những con bạc tay chơi ... thế e ngại không muốn đi sòng mà cũng không dám đánh to. Tình thế không khác gì đời Xuân Thu Chiến Quốc.

Một người khách tên là *Bố Lồ* lại có tên là Wincenot người ta bảo là khách lai Âu châu khôn ngoan, láu lỉnh giao thiệp rộng, đứng ra thu nạp và dẹp lần đám quần hùng, lấy mỗi lợi cờ bạc về một tay mình chủ trương, phụ trách. Trong Chợ Lớn có nhà tiệc ăn thua lớn, ở Sài Gòn có mấy sòng phổ thông mở ra trong một ngõ hẻm. Nực cười ở đường Lefèbvre có một ngõ hẻm, đến bây giờ người ta vẫn quen gọi là đường *hẻm Bố Lồ*, chứ không biết cái tên của thành phố đặt, chỉ vì nơi ở trước kia có một sòng me của *Bố Lồ*.

Lúc ấy, *Thầy Sáu* là một tay tùy thuộc *Bố Lồ*, dụng tâm dò xét được hết những cung cách sắp đặt và đường đi, nước bước khôn khéo của *Bố Lồ* thế nào, để một ngày kia tranh quyền thoán vị.

Ai không có một chỗ nhược; biết đánh vào chỗ nhược của người ta là ăn. Nhất là *Thầy Sáu* lập chí mở mang cuộc chứa thổ đồ hồ lớn lao gấp mấy *Bố Lồ*, vì biết công cuộc ấy có thể làm giàu bạc triệu.

Một ngày kia *Bố Lồ* bị bắt bỏ ngục, thế rồi *Thầy Sáu* lên ngôi chúa trùm.

Với hai bàn tay trắng, *Thầy Sáu* bắt đầu xây nên một độc quyền hốt me, và lần hồi một sản nghiệp triệu phú.

Khó nhất là xếp đặt lo liệu cách nào cho sòng bạc chơi được yên



ồn, vững bền, quan bất phiên, dân bất nhiễu. Sông có yên ổn vững bền, con bạc mới dám đến đánh nhiều và đánh to. Một khi đã giải quyết được vấn đề bình yên rồi, chẳng lo gì không có vốn; miễn sao biết lấy vào lưng người mà giẫy.

Y gọi những *ngành thầu* (chắc là ngân đầu, người bỏ vốn ra hốt cái) từ bên Hương Cảng và Tân Gia Ba đem hàng mười vạn, hai ba chục vạn sang đây hốt cái để chia tiền hồ.

Cứ một nhà tiệc Chợ Lớn với vài sông nhỏ ở Sài Gòn, y khéo xà xẻo mỗi ngày về phần mình không dưới một hai ngàn đồng bạc. Nhất là khoản tiền cần dùng để chi vào việc gọi là “đắm mồm” hay “mua sự mần thính”, y hô bao nhiêu, khách ngành thầu phải chịu bấy nhiêu. Vì sự an nguy lỗ lãi của họ nằm ở trong tay y muốn vo tròn bóp bẹp thế nào cũng được.

Bao giờ y cũng nắm dao đằng chuôi và hưởng phần chia của con sư tử.

Y có cái túi cơ mưu vạn trạng thiên hình, người ta phải ghê là “xuất quỷ nhập yêu”, không biết đâu mà lường trước.

Có lắm ngành thầu khách xiềng liềng vì y, cụt cả vốn liếng và tìm đường đào tẩu thoát thân.

Trong lưng khi đã có số vốn khá to rồi, chẳng cần phải ngành thầu khách nữa, y tự làm lấy, để thủ lợi một mình.

Lại giao tiền cho bọn thủ hạ sừng sỏ, chia nhau đi hốt me “đạo” ở Lục tỉnh. Phần thua ít, phần được nhiều. Độ năm bảy ngày nửa tháng, mỗi người thủ hạ đem bạc nghìn bạc vạn về nạp. Ngoài ra tiền công và phần chia, không ai có thể thâm thùng của y một đồng xu.

Ngành đi ngành lại mấy năm, y nghiệm nhiên là một nhà triệu phú có tiếng rầm lên, không ai không biết.

Mua đất cát phố xá tứ tung; làm chủ một vườn cao su có giá. Trong nhà hai ba chiếc xe ô tô, toàn kiểu tối tân thượng hạng. Vợ nọ con kia, đeo vàng ngọc kim cương đầy cả hai tay. Rồi xây dựng một tòa lầu đài cực kì tráng lệ ở đường Frère Louis, với bao nhiêu công trình tỉ mỉ, đắt tiền; cho đến đồ trang hoàng bên trong cũng thừa đặt từ bên Tây, bên Tàu gửi sang.



Phí tổn kiến trúc tòa nhà này hơn năm chục vạn. Lúc khánh thành, mở tiệc mừng tân gia hết sức huy hoàng xa xỉ, mời quan khách các giới có đến bốn năm trăm người. Ai cũng bảo chưa hề có một nhà mới nào ăn mừng sang trọng tốn kém đến thế.

Ấy là vào khoảng từ 1928 đến 1930, thời kì toàn thịnh của ông vua cờ bạc.

Trong thời kì này, ông là một người có số có bạc trong xã hội tài chủ, nghiệp chủ, giao thiệp lễ nghĩa nhiều và được những kẻ nịnh đời, một tiếng hai tiếng đều tôn là “monsieur”.

Lại bỏ ra 50 vạn chung vào công ti một ngân hàng định lập ở phía nam Trung kì, gọi là nhà băng “Sud An Nam”. Nhưng lừa thiên hạ lắm, bị thiên hạ lừa lại. Nửa triệu chung vào công ti nhà băng kia, không khác gì một cục gạch liệng xuống giếng nước mà mất hút cả tăm!

Người ta bảo Thầy Sáu thành công làm giàu trong nghề chứa bạc, nhờ ở cái ngón huy hoắc tiền bạc để vận động giao thiệp.

Điều ấy quả có.

Y lấy giấy bạc che mắt bùng tai người ta đủ cả bốn phía; khéo rào đón mọi sự thù địch; nhờ hết thấy những bụi chông gai; thu dụng hầu hết du côn; đặt cơ quan nhĩ mục chẳng thiếu một chỗ nào.

Hèn nào những sòng của y, ngày đêm mở cửa cho thiên hạ vào chơi một cách thông thả, hầu như tự do công khai.

Thật thế, chúng tôi còn nhớ rõ ràng những năm 1929 – 1930. Sài Gòn có mấy sòng me ở phố Chợ Cũ, ở ngõ hẻm Lefèbvre, ở giữa đường Alsace Lorraine, trước mặt chợ Bến Thành, từ 8 giờ sáng cho đến 3 giờ đêm, kẻ nọ ra người kia vào, luôn luôn đông vui tấp nập. Nhất là chiều tối, nhiều thầy đi làm việc các sở, các hãng, ghé vào sòng me đánh chơi mấy chén, trước khi về nhà ăn cơm. Lẽ cố nhiên, có những thầy ôm cả tiền kết của sở mình mà gửi lại sòng chẳng phải là ít.

Người ta lui tới rất vững tâm, không lo cái nạn “một xâu dài”.

- Chơi sòng me Thầy Sáu yên ổn như Thái Sơn bàn thạch.

Họ bảo nhau như thế.



Rủi hôm nào có động dạng gì, con bạc được báo tin trước và nói cho biết sòng me đã dọn qua phố khác, đến đó mà chơi.

Hơn nữa, không một anh chị nào có thể tổ chức một sòng giấu giếm ở chỗ nào, mà Thầy Sáu để yên cho. Dù ở một nhà riêng cũng không được. Chỉ nội hôm trước sau, những ổ hang ấy bị vỡ lở và những chủ chứa gái cạnh tranh đó bị bắt ngay. Toàn hạt Sài Gòn, Chợ Lớn chỉ có những sòng cờ bạc thuộc về một tay chỉ huy và mang một chiêu bài mà thôi: Thầy Sáu.

- Oai danh y bởi đây càng to, và phát tài càng lớn.

Nhưng y đang tâm làm hại bọn thủ hạ anh chị không phải là ít. Chính bọn ấy đã đóng góp cơ mưu tài lực họ vào trong việc tạo lập sản nghiệp và thanh danh của y.

Nghề nghiệp y tự nhiên có lắm kẻ ganh ghét thù hiềm, luôn luôn tìm cách phá hại và bới lông tìm vết đủ trò. Mỗi khi có một kẻ thù mọc lên, y dùng đủ phương pháp đối phó, rút cuộc thế nào cũng trừ khử cho được mới nghe. Có khi bề ngoài y làm bộ thân yêu, mà thực ra bề trong nghĩ cách làm hại người ta lúc nào không biết.

Cái ngón ném đá giấu tay, hại người gián tiếp, thì Thầy Sáu chiếm giải quán quân.

Một thủ đoạn gian ác mà y quen dùng thứ nhất, là mượn bàn tay kẻ khác nhổ giùm cây đinh chướng ngại trong mắt mình, rồi chặt phẳng cái bàn tay ấy đi.

Ví dụ, muốn trừ một cừu nhân tên X. nào y có dám tự mình ra tay bao giờ; y gọi một thằng lâu la em út đến, dỗ dành nó, khiêu khích nó:

- Mà đi chém chết thằng X. đi cho tao nha, liệu mày có dám.

- Thầy Sáu đã bảo làm việc gì, em út cũng sẵn lòng hết thảy.

- Ủ, thế là hảo hơn đây. Giờ cầm lấy vài chục mà đi rượu trà ăn chơi, hôm nào xong việc, tao sẽ cấp cho mấy trăm đồng mà làm vốn. Có rủi bị bắt bớ, đã có tao lo gỡ cho.

Thầy Sáu nói ngon lành tử tế như thế, ai mà không tin, không thích? Lại còn đưa dao, đưa súng cho em út và chỉ vẽ cả mưu mẹo làm việc nữa.



Thế là em út hăm hở xách dao đi chém thằng X. rồi mấy ngày sau nó bị bắt, bị án, bị đày ra Côn Lôn.

Tưởng ai xa lạ, chính là Thầy Sáu đã mách cảnh sát mật thám thộp đầu nó, để hăm nó vào vòng tù tội.

Thì ra y lập tâm bắn một mũi tên, trừ luôn hai vật chướng ngại một lúc: hạ được cừu nhân không còn có thể cản trở công việc mình, đồng thời đưa thằng em út đi xa biệt mù, không còn biết đâu mà kể công vồi tiền hay sách nhiễu gì mình được nữa.

Bọn thủ hạ bị nhiều vô cay đắng như thế, mới biết rõ gian mưu độc kế của Thầy Sáu. Người ta nói số ấy đông không biết bao nhiêu mà kể.

Có đứa tù nhẹ, mãn hạn trở về, định tâm hạ sát y để trả thù, nhưng đều thất bại. Họ tin rằng y đang có thời vận đỏ, mình chưa làm gì nổi. Song, ai cũng quyết chắc con người dựng nên cơ nghiệp phù vân ở trên tâm thuật gian hiểm như thế, không khi nào trời cho hưởng được lâu bền.

Quả nhiên, chúa trùm cờ bạc ngã xuống một cách đau đớn thảm khốc, cho bõ với hồi nào tấy lên sung sướng lẫy lừng.

Đã có một thầy tướng tiên đoán cái kết cuộc của nhà triệu phú ấy sẽ là một con *dê rô* kéch xù!

Thầy tướng ấy không ai lạ, chính *thầy Tư Nên*, một nhà xem chỉ tay để tiêu khiển, qua đời chừng sáu bảy năm nay, nhiều bà con Sài Gòn ta còn giữ kỉ niệm lí thú.

Sinh tiền, thầy Tư Nên làm thư kí kế toán của nhà băng Pháp Hoa lương tháng ngoại trăm, vốn không cần gì xem tướng xem tay để sống. Nhưng ưa thích nghiên cứu nghề ấy, nhân thể gặp ai cũng xem, cốt để thí nghiệm. Lâu ngày thành ra một nhà xem tay xuất sắc, nói đâu trúng đó. Người ta đồn nhau đến nhờ xem rất đông. Mỗi tối, ở sở làm về, thầy Tư Nên phải xem một vài chục bàn tay là thường. Tùy ý ai thấy hay, có muốn tặng thưởng hay không cũng được, chẳng hề lấy tiền như thầy tướng nhà nghề.

Một hôm, Thầy Sáu cũng vì nghe danh, đến nhờ xem hộ.



Giữa lúc này Thầy Sáu đang giàu có hiển hách, vừa mới cất xong tòa nhà năm chục vạn đã nói ở trên. Thầy Tư Nên cũng chỉ nghe tiếng chó không quen người thấy mặt bao giờ. Mà dầu có quen người thấy mặt, hễ xem chỉ tay có điều gì xấu, ông cứ nói đốp ngay, chẳng cần dè dặt kiêng nể.

Sau khi xem các chỉ tay Thầy Sáu, nhà thần tướng Tư Nên gật gù đoán rõ từng cung, từng vận, nào là xuất thân bản tiện, nào là tâm địa gian hùng, cho đến việc một cô ái thiếp cầm sừng rồi bỏ nhà cạo đầu đi tu, sau lại trở về, ông cũng nói toạc móng heo. Thầy Sáu phải chịu hết thảy.

Tới chuyện hậu vận, ông vua cờ bạc nói:

- Giờ thầy đoán giùm cảnh già của tôi có được sung sướng không?
- Vận số ông mấy nay phát lên bông bột lắm, hiện thời ông đang lên xe xuống ngựa, có tiền muôn bạc ứ trong tay. Song tôi khuyên ông nên cố hưởng sự sung sướng cho mau đi, không thì chỉ còn chừng vài năm nữa đấy thôi. Ông sẽ nghèo khổ chẳng được như hạng chúng tôi đâu.

Thầy Sáu quắc mắt:

- Thầy dám đoán bậy thế ư? Trước hết, thầy có biết tôi có bao nhiêu tiền của không? Sự sản tôi cả thảy hơn bốn trăm muôn đồng (nghĩa là hơn 4 triệu) xin nói để thầy biết. Năm nay tôi 50 tuổi rồi, với số tiền ấy, tôi không thể sung sướng cảnh già cho tới mãn đời sao?

Thầy Tư Nên ung dung đáp:

- Giả như bây giờ ông có bốn chục triệu thì vài năm nữa cũng tiêu tan hết, không còn một xu, tôi đoán điều ấy chắc như cua gạch.
- Tiêu tan hết, không còn một xu?
- Phải, hai bàn tay ông sẽ trở lại hai bàn tay trắng! Tôi còn nói chắc thêm một điều này nữa, nhưng ông đừng giận thì tôi mới nói.
- Điều gì? Thầy cứ nói tự nhiên tôi không giận đâu.
- Thưa ông, mai sau ông chết, không có cái hòm mà chôn.
- Trời ơi thầy này nguyên rửa tôi hay sao chứ?



- Không! Tôi xem chỉ tay ông rõ ràng như thế. Vài năm nữa ông suy vi, hết tiền, còn phải chịu đựng những cảnh túng thiếu, bệnh hoạn ít năm nữa mới chết được, mà khi chết không còn tiền để mua chiếc hòm đựng xác. Ông nên dặn lại con cháu, gia nhân nếu về sau không quả đúng như lời tôi đoán, thì cứ vác gậy lại đây, cho tha hồ mà đánh tôi.

Câu chuyện kể trên có nhiều người biết.

Đang lúc ông vua cờ bạc sang trọng giàu có biết bao, mà thầy Tư Nền dám quyết đoán tương lai đến thế có ghê không?

Mà sau quả có thể thật.

Đầu vào khoảng năm 1931 hay 1932, nhà nước ra tay trừng trị và quét sạch cờ bạc ở Sài Gòn – Chợ Lớn. Chính danh thủ phạm là Thầy Sáu bị truy nã. Y trốn tránh gần một năm trường, lo chạy hết mấy chục vạn, rút cuộc cũng vẫn bị bắt rồi bị kết án.

Đồng thời có những nguyên nhân khác, làm cho bạc triệu của y gom góp bằng những gian mưu qui kế bấy lâu, giờ đội nón ra đi lần hết. Mất cả lâu đài nhà cửa, vườn cao su bán cho người khác, số tiền hùn vô nhà băng Sud An Nam bị lừa, cho đến xe hơi, hột xoàn cũng không còn. Một cái sản nghiệp to đến đâu mà xây trên chân móng bất nhân bất nghĩa, đến lúc nó đổ sụp xuống, nháy mắt là rồi.

Sau mấy tháng ở tù, được trở về đời tự do, bao nhiêu của cải đã hết nhẵn. Y phải ở nhà thuê và chịu những nỗi túng thiếu hàng ngày. Họa vô đơn chí, rồi lại giáng bệnh lao tổn và bại liệt, vì hồi nào giàu sang chúi đầu vào sắc dục thái quá.

Hồi này tình cảnh trụy lạc không biết sao mà nói cho cùng. May còn được mấy người bạn tốt, đem đi phục dịch một nơi; đến lúc y chết, cũng họ chung góp để mua quan tài tổng táng cho.

Tóm lại, y chứa thổ đồ hồ mà giàu sang oanh liệt đột rõ ràng mười năm trở lại.

Trong thời gian ấy, biết bao nhiêu người chết vì mang nợ, ở tù vì thụt két, thất vọng và tự tử vì khánh kiệt gia tài?

Công tử Sảnh ta là một.



### XIII

## TÌNH TRƯỜNG CŨNG NHƯ CÓ “THỰC THỤ” VÀ “DỰ KHUYẾT”

Giờ lại trở về đàn cừu của chúng ta.

Sáng hôm sau ở nhà Cúc ra về, Sánh đã nghiệm nhiên là một nhân tình của nàng.

Có điều là nhân tình số mấy, thì không thể biết chắc.

Bốn chữ “tòng nhất nhi chung” là bốn chữ không có ở trong quyền tự điển Phong tình. Hạng người như nàng, vì sự sống xa hoa bắt buộc, thế nào đồng thời cũng phải có hai ba nhân tình mới được.

Số nhân tình họ cũng có người là thực thụ, có người là dự khuyết. Với tình lang thực thụ; họ bắt gánh vác những việc cung ứng to; còn tình lang dự khuyết thì để cần dùng trong khi cơ nhỡ, nhất là khi thực thụ xa vắng.

Lúc này, Cúc có hai ba nhân tình cùng trẻ tuổi và nhiều tiền. Trong số ấy, Sánh vừa được chấm từ đêm qua, như một tên lính mới “nhập ngũ”, nhưng chắc hẳn được nàng liệt ngay vào hàng thực thụ.

Không thực thụ sao được? Một đêm làm bay vèo của người ta hơn năm chục tờ giấy trăm ở sông đồ bác, lại còn được hứa cho tiền trả nợ và mua đèn nhẫn kim cương cho nữa. Một thằng dễ nhờ, dễ đập, bao giờ các cô chẳng đặt lên trên!

\*

Chàng y ước, chiều hôm ấy đem đến cho nàng ba nghìn đồng bạc, lại dẫn nàng ra hiệu Prohomull Frères ở đường Catinat mua cho một chiếc nhẫn kim cương 1.200 đồng, hột to và chiếu sáng nhấp nháy. Mất một hột xoàn giả, được đèn lại một hột thật như thế, nàng mừng và thích mê, chỉ còn thiếu nước là ôm lấy chàng mà hôn hít cảm tạ trước mặt công chúng.



Ngựa quen đường cũ. Đi đâu rồi đêm khuya họ cũng đưa nhau vào nhà tiệc Chợ Lớn.

Lần này chàng ngồi đánh chũng chạc. Vì đã bén mùi mà cũng vì hãnh diện. Khi chàng mới bước vào sòng, người ta nhớ ngay đêm qua, vồn vã chào mời và khéo phỉnh hót làm chàng nở mũi lên, không thể nào ngồi làm khách bàng quan được. Chàng móc tiền ra đánh, lại dúi cho nàng mấy trăm để nàng cũng đánh cho vui.

Cờ bạc hay đái tay mới. Luôn ba đêm, cứ ở rạp hát bóng hay cải lương ra, họ kéo nhau vào nhà tiệc đánh me một lúc; đêm nào chàng cũng được ít nhiều.

Tuy số được cả ba đêm cộng lại, chưa gỡ được phân nửa số tiền Cúc đã thua hôm thứ nhất, thế mà chàng cũng dương dương tự đắc:

- Đánh me như tôi thế mới là đánh chứ. Em xem có canh nào tôi thua đâu. Cứ để mỗi đêm tôi vớ không cần chi nhiều, chỉ ít trăm thôi, đủ cho chúng ta ăn tiêu mỗi tháng ở đất Sài Gòn tha hồ đế vương.

- Nói như anh, thì chẳng mấy lúc mà dỡ hết nhà lầu của Thầy Sáu còn gì?

- Chẳng phải bảo!

Tội nghiệp, mới chơi ba đêm cùng được, chàng chắc mẩm trong bụng là đánh me dễ ăn lắm. Có biết đâu cờ bạc hay chiều người mới, cốt giữ mối cho hám để rồi lột trần người ta.

Từ ngày Sảnh được chia phần sản nghiệp, trở nên phú ông, người chàng lớn bông lên, mặt mày cứ chỉ đầy khí tự hào, nhưng không có vẻ gì khiến cho người ta đến nỗi phải ghét. Duy từ hôm vớ được Cúc đến nay, chàng đi ngoài đường vênh vênh vào vào thái độ trông thật khả ố. Ai quen biết chàng, đều nhận thấy thế. Người có tình bà con và lại ít hay phê bình thiên hạ như Tuấn cũng phải kêu lên:

- Thấy cái bộ mặt anh Sảnh cặp kè Cúc đi ngoài đường tôi muốn chạy lại vả cho mấy cái. Không chừng va tin tưởng nó là kỉ vật của một mình va đấy chắc.

Thật thế, Sảnh tự đắc tự mãn, vì trong trí đình ninh tin chắc bây giờ chỉ một mình chàng làm chủ trái tim Cúc, và cuộc đời mình đầy những



hoa hồng tươi đẹp, mỹ mãn đủ các phương diện. Có lẽ chàng nghĩ bụng: “Ta vừa trẻ vừa giàu, lại có một người yêu tuyệt sắc, thiên hạ còn ai tương địch nổi với ta”.

Giữa khi anh chàng khí cao ý mãn như thế, một cái sừng thứ nhất đã mọc trên đầu, khá dài và đau điếng!

Nguyên tối hôm trước, hai người hẹn hò nhau thế nào chiều hôm sau, chủ nhật, cũng đi lên trường đua ngựa chơi. Lúc này trường đua còn ở chỗ cũ, thẳng đường Verdun đi lên, chưa có trường mới ở Chí Hòa như bây giờ.

Sảnh rất tha thiết về cuộc hẹn hò đi chơi này. Trước để khoe Cúc với anh em quen biết: “Tình nương của tôi đây, các anh thấy không?”. Sau để đánh cá chơi dăm ba trăm đồng; vì sẵn tiền trong tay chàng đã bắt đầu dậy máu cò bạc. Mỗi tuần chỉ có buổi chiều chủ nhật ở trường đua, là nơi cho những giai nhân, hào khách, công tử, công nương, đến mà khoe đẹp khoe sang với thiên hạ, cố nhiên Sảnh với Cúc, đôi nhân tình mới, không thể nào vắng mặt được.

Huống chi Sảnh lại chơi sang, từ mấy hôm nọ, đã may sắm những phục sức riêng để diện đi trường đua, như hạng phú hào bên Âu châu, cho nên chàng càng trông đợi cho mau đến kì đua, có dịp thắng bộ cánh ấy vào lần thứ nhất.

Không ngờ khoảng chín mười giờ sáng hôm sau, tức là sáng chủ nhật, chàng ở nhà đang loay hoay kiểm điểm lại bộ cánh mới, bỗng con thị nữ của Cúc đẩy cửa vào, có dáng vội vàng hấp tấp:

- Cô sai con đem lại bức thư này có chuyện gấp.

Chính là thư Cúc:

*“Mình ơi,*

*“Em phải về Châu Đốc ngay bây giờ, vì má em nhắn người ta lên gọi em về có chuyện cần kíp.*

*“Vậy chiều nay em không đi trường đua với mình được. Mình cũng đừng đi rồi cặp với cô nào, em biết được tất em ghen lắm đa.*

*“Tối mình đừng lên nhà em nghe”.*

“Cúc”.



Chàng xem thơ rồi hỏi con bé:

- Thế giờ cô mày đâu.

Con bé ngập ngừng, hơi có vẻ cuống quýt, chàng phải hỏi một lần nữa, nó mới trả lời:

- Thưa, cô con lên xe rồi.

- Thôi được mày về đi!

\*

Chàng ngồi thừ mặt ra, băng khuâng buồn bực.

Cái buồn tương tư!

Chàng suy nghĩ ta với nàng vừa mới quen biết gần bó được mấy hôm, tính trù mến đang nồng nàn, đầm ấm, tất nhiên sự vắng mặt người này phải làm cho người kia xiết bao nhớ thương, khó chịu. Thế mà nàng đi thình lình, không cho ta biết trước, chắc hẳn về phía gia sự có một biến cố hay duyên do gì quan hệ lắm, nàng mới cất bước vội vã bất ngờ như thế.

- Có lẽ nàng vội đem món tiền ta cho hôm nọ về thu xếp việc nhà chăng?

- Hay là bà mẹ nàng ở nhà quê ốm nặng sắp chết, phải gọi nàng về hỏa tốc chăng?

Sanh ta suy đoán lung tung, thả có này lại bắt lẽ kia, duy có cặp sừng trên đầu thì chàng không hề nghĩ đến.

Chỉ béo cậu bếp, chén sạch cả mâm cơm trưa mà chàng không nhúng đũa vào tí nào.

Đến hai giờ chiều, chàng vặn xe hơi đi lên trường đua ngựa một mình. Vì đã lỡ hẹn với Tuấn và mấy anh em khác. Họ xúm xít lại hỏi thăm sao không thấy Cúc cùng đi, như chương trình đã định:

- Ủa, anh Tám, thế còn chị đâu; chắc là chị trễ tới sau?

- Không! Nàng về dưới nhà có việc cần kíp, có báo tin cho tôi biết hồi sáng nay.



Chàng đáp câu hỏi của bạn một cách bần thần. Rồi cố giấu nỗi buồn, chàng gượng tươi cười, đưa tờ giấy bạc một trăm cho Tuấn và nói:

- Đã tới trường đua, phải đánh cá một vài độ cho vui chứ. Kìa, sang độ thứ hai rồi, Tuấn chịu khó chen vào mua giấy hộ anh nha?

- Được, anh mua những gì nào?

- Đây một mình con *Sans Alout*, năm chục đồng *gagnant* và năm chục đồng *placé*.

Tuấn cầm tiền, héch mắt nhìn Sảnh và nhoẻn miệng cười; trong bụng nghĩ thằng cha này hôm nay chắc bị nhân tình cho làm dự khuyết không sai.

Tội nghiệp, chàng cốt mượn ngựa để quên người, cho nên độ nào cũng đánh cá, mà đánh phũ phàng, vong mạng. Từ khi chàng vào cho tới lúc tan cuộc, trong sáu độ chàng đánh cá, chỉ trúng có một độ được chừng hai trăm đồng, còn năm độ kia đều thua nặng. Có độ thua đến năm sáu trăm, vì ai xui đánh thế nào, chàng nhắm mắt nghe lời đánh thế, cứ việc tuôn giấy bạc ra cho căng ngựa giày đạp, không đắn đo tiếc rẻ gì hết.

Mãi sáu giờ tối mới ở trường đua ra. Bọn anh em túi nhọc chẳng thương thằng bạn vừa bị ngựa đá, lại tán tỉnh chàng đưa vào hiệu cao lầu Vĩnh Xuân trong Chợ Lớn ăn uống no say, gần 9 giờ họ mới chịu buông tha chàng về.

Chàng chở Tuấn trên xe hơi, cùng ra Sài Gòn. Không hiểu có nháy mắt hay tâm linh báo hiệu thế nào, trước khi về nhà, chàng vặn xe chạy vòng qua đường Mac Mahon, trước nhà Cúc ở.

Bỗng chàng xanh xám mày mặt, gần buông tay lái, chỉ còn cách một sợi tóc nữa thì xe đâm sầm lên hè phố và chúi mũi vào cột đèn.

Tuấn vội vàng giơ hai tay lên bụng lấy mặt, kêu rú lên:

- Chết tôi rồi, trời ôi!

May phúc làm sao Sảnh nhanh chân hãm kịp.

Trong vũng bể lòng, một lượn sóng ghen nổi lên thành linh, tí nữa lật úp chiếc xe và giết hai mạng người.



Có gì đâu! Chàng trông thấy một chiếc xe Hispano đỗ ngay trước cửa nhà Cúc, trên gác tuy đóng kín cửa chớp, nhưng có ánh sáng xanh nhạt lộ ra bên ngoài, để tỏ trong nhà có khách mà khách tức là chủ nhân chiếc xe hơi tắt đèn đang đỗ kia. Sao Cúc nói về quê nhưng mà nhà nàng có ánh sáng ấy, xe hơi ấy, hai cái dấu hiệu khiến cho Sảnh phải dăm ghen, phải sinh ngờ.

Chàng đoán chắc con mèo mới của chàng xảo trá quỷ quyệt. Nó bày đặt ra chuyện gấp về thăm quê, tự nhiên mình không bén mảng đến nhà nó ở làm gì, để nó tự do tiếp rước thằng tình nhân nó. Không thể, thì giờ này trên gác có đèn sáng, trước cửa có xe hơi, là nghĩa lý gì? Đâu có phải quang cảnh một nhà vắng chủ?

- Thôi phải rồi, nó cho mình đóng vai tình nhân dự khuyết.

Chàng nói lẩm bẩm một mình, rồi mở máy cho xe chạy như biển, về nhà ở đường phố Pierre Flandin, mặc kệ đội xếp huyết còi để biên phạt, chàng cũng không thèm ngừng xe lại.

Sau khi cất xe và gọi bồi đem chai rượu Martell ra, chàng uống một hơi ba bốn cốc nhỏ, rồi bảo Tuấn:

- Em ở nhà nghe, lúc nào buồn ngủ cứ lên giường anh mà nằm, anh phải đi đàng này có việc...

- Mười giờ đêm rồi, đi vò võ một thân một mình có thú vị quái gì! Khuya anh có về không? Có phải định đi tự tử thì nói phăng đi.

Tuấn vừa nói vừa cười, như hiểu rõ chỗ khổ tâm của Sảnh.

Sảnh cau mặt:

- Thằng này nói lạ! Việc gì mà phải tự tử? Mà không nói chơi nữa, em ở nhà, anh đi một lúc thôi.

Ai cũng thừa biết chàng đi đâu.

Con ghen đang rạo rực sôi nổi trong lòng, chàng gọi xe kéo bảo chạy thật mau, cốt trở lại nhà Cúc ở, xem thằng nhân tình kia đi rồi, chàng sẽ gõ cửa lên sinh sự mắng nhiếc nàng một trận đáo để cho đỡ con giận.

Không dè chiếc xe Hispano còn đỗ nguyên trước cửa; trên gác vẫn



còn ánh đèn sáng, nhưng rất lặng lẽ, êm đềm, không nghe có tiếng nói cười động dạng gì.

Chàng biết kẻ tình địch còn đang ở trên gác chưa về.

***Kiểm duyệt bỏ (...)***

Ý nghĩ ấy càng vận thêm máu ghen cuộn cuộn đưa lên, bịt ngang cổ họng chàng, gần muốn tắc thở. Như điên như cuồng, chàng thọc hai tay vào túi quần, đi bách bộ từ đầu phố xuống cuối phố rồi trở lên, hết vòng này đến vòng khác, qua qua lại lại trước cửa nhà Cúc không biết bao nhiêu lượt mà đếm. Chỉ chực khi thằng tình địch ra về, để dòm xem mặt mũi nó ra thế nào, rồi nhảy sô vào trong nhà, vồ lấy Cúc mà nhai, và mắng như tát nước vào mặt nàng:

- Con đi! Mày lừa dối tao!

Thương hại chàng cứ đi bách bộ như thế, mãi tới hơn một giờ đêm, hai cẳng đã mỏi rơi mỏi rụng, vẫn không thấy chiếc xe Hispano nhúc nhích tí nào. Nghĩa là ông chủ nó, tình địch của chàng, vẫn còn đang hằm ở trên gác, chưa thềm ra về.

Chàng tức ói gan lộn mật, chạy lại bên chiếc xe hơi, đánh diêm soi vào bên trong, thấy tấm bảng đồng nhỏ, khắc hai hàng chữ: “*A-Wang Industriel – Chợ Lớn*”. Rồi giữa cảnh vắng đêm khuya, chàng nói cầu nhàu những gì trong miệng không biết, lại khoa chân múa tay, làm như muốn đánh nhau với miếng đồng kia hay muốn thụi chiếc xe hơi vậy.

Lúc bấy giờ, giá ai gọi chàng mà bảo: “Sảnh ơi! Mày mọc sừng kìa!”, có lẽ chàng dám rút dao đâm người ấy chết ngay tức khắc vì cơn ghen đã bùng bột tới cực điểm.

Bực mình quá, chàng tìm cách khác để giết bớt thời giờ, không lẽ trong nhà chúng nó ôm ấp ngủ say, còn mình bơ vơ đứng đợi ngoài này tới sáng.

Chàng ra bến xe hơi “lô ca xông” (Location: cho thuê) ở trước chợ Bến Thành, thuê một chiếc xe khứ hồi, vào nhà tiệc Chợ Lớn đánh me một lúc chơi. Nghĩ con người ta cũng kì: thường mượn cái hại nọ để đánh cái hại kia, cũng như thầy lang vẫn dùng những vị thuốc độc để trị bệnh độc; có khi một bệnh chưa hết, đã thêm ra một bệnh thứ hai nữa.



Sảnh ngồi ở sòng me đến hai giờ rưỡi khuya, chắc là đánh thua, có điều không biết chàng thua bao nhiêu đấy thôi. Con người ta lúc có chuyện tâm sự đến điên đầu não ruột như chàng, làm sao cờ bạc mà thắng cho được? Cờ bạc, người ta đánh lúc tỉnh táo còn phải bán nhà thay, huống hồ đang cơn rối trí!

Chàng trở ra Sài Gòn, thấy chiếc xe Hispano vẫn còn sừng sững nguyên chỗ, ở trước nhà Cúc. Hình như nó muốn nói với chàng:

- Ô! Chú đã trở lại đây à? Tôi vẫn còn phải đợi ông chủ tôi, ông đang nằm với tình nương của chú trên gác kia kìa!

Chàng lại đi bách bộ qua lại trước cửa một lúc lâu nữa, xem chừng mỗi chân mà vô ích, bấy giờ mới chịu bỏ về nhà.

Tuy vậy, máu ghen vẫn đưa lên cổ họng, chưa hạ xuống được chút nào. Chàng vừa đi vừa hậm hực: - Để mai chúng bay sẽ coi tao!

Cái khí uất đang cháy ngùn ngụt ở trong trái tim chàng lúc này chỉ có hai cách dập tắt nó được. Một là hiện tại vợ ngay được Cúc mà giầy vò mắng nhiếc ít câu; nàng khóc lóc, chối cãi, thề thốt, rồi vui cười mơn man với chàng, tự nhiên cơn ghen bay biến đi ngay. Hai là có người nào cho chàng thổ lộ tâm sự, cũng có thể hả bớt hơi tức đang tràn trề trong mình.

Quả nhiên, chàng về gắt gỏng lung tung với thằng bồi; hét nó đi nấu nước sôi cho mau để pha một ấm trà “Thiệt quan âm”, rồi đánh thức Tuấn ngồi dậy uống trà nói chuyện với mình cho khuây.

Chàng thú thật sự mình đã trông thấy và lúc nãy đi là đi đâu, làm gì; đoạn, chàng kết luận bằng hai ba cái thở dài xen vào câu nói:

- Đây, em xem anh mới quen biết mà ăn ở với nó tử tế chiều chuộng biết bao, chưa chi nó đã lừa dối phụ bạc mình như thế nghĩ có tức không?

Tuấn, bé con mà xỏ lá, muốn tưới dầu thêm vào lửa đang cháy:

- Con yêu cái nó “cắm sừng” lên đầu anh một cách vội vàng quá như thế, kể cũng đau đớn thật. Nhưng mà thứ đàn bà phong nguyệt sinh nhai, đứa nào mà không vậy, hờ anh? Con của anh bắt quá cũng như hạng con Tư, con Sáu của tôi, chỉ khác nhau ở hột xoàn và bộ cánh, thế thôi...



Sảnh chặn ngang:

- Em định giờ giọng văn chương mĩa mai bóng gió để trả thù anh về câu chuyện hôm nọ đấy chẳng?

- Không đâu, anh Tám. Em nói tình thật. Lúc tối, chúng ta ở Chợ Lớn về ngang qua nhà nàng, trông thấy bóng chiếc xe hơi Hispano kia, em biết ngay là xe của ai và cũng hiểu lẽ vì sao một tí nữa anh đập vỡ cả đầu em lẫn đầu anh vào góc cột đèn.

- Em biết là xe của ai?

- Phải, xe của A-Wang, con cưng của một chủ nhà máy gạo trong Chợ Lớn.

- Cái tên ấy đúng, vì anh đã dòm thấy ở miếng đồng gắn trong xe.

- Còn sự này nữa cũng đúng: nó là tình nhân thực thụ của Cúc, gần bó đầu từ năm bảy tháng nay, còn anh thì là tình nhân dự khuyết mới “đắc cử” đêm hôm nay. Thế là chính anh làm cho A-Wang mọc sừng, đáng lẽ anh nên lấy thế làm tự đắc mới phải, can gì mà tức với ghen!

- Sao em biết rõ chuyện A-Wang với Cúc như thế?

- Lạ gì, người ngoài cuộc bao giờ cũng sáng, chỉ có người trong cuộc mới tối tăm. Hôm nọ, em đi với mấy người ở đường Bonnard mà gặp anh đưa nàng đi mua kim cương ở hiệu Francois Sự, về sau họ nói hiện trạng của nàng cho em nghe rõ hết.

Sảnh nắm chặt hai bàn tay lại, đặt trên bàn, bặm môi ra vẻ quyết liệt:

- Thế nào anh cũng trừ cho được cái mũi tình địch này để độc chiếm lấy Cúc mới nghe. Em có mưu chước gì hay, làm ơn giúp anh với. Việc gì ở đời cũng có thể san sẻ, duy đến ái tình của hạng trai như anh em mình mà bị thiên hạ san sẻ, thật chịu không nổi.

Tuấn suy nghĩ giây lát rồi vỗ tay cười ha hả:

- Em nghĩ ra diệu kế rồi.

- Diệu kế thế nào, ông Không Minh kim thời của tôi?

- Giờ anh nên tìm đến tận mặt A-Wang mà xuống nước xin nó, van nó buông tha nàng ra cho anh độc hưởng. Nó giàu có gấp ba anh, công



tử gấp ba anh, chẳng thiếu gì mèo đẹp gái tơ, sá gì một ả Cúc mà chẳng bố thí cho anh nếu anh chịu khó khuất thân cầu khẩn?

Trùng mắt tròn xoe, Sảnh phát gắt:

- Con khỉ non! Người ta đương điên đầu rồi ruột, còn nói pha trò mãi. Ví dụ ở địa vị mày, mày có chịu đi van lạy A-Wang không? Phải có cách gì trừ nó không lai vãng với con kia được nữa mới là hay chứ.

-Ồ! Nếu anh muốn thế, thì còn gì ngại hơn là quăng ra dăm ba trăm bạc, thuê vài tên du côn anh chị đón đường mà cho nó vài dao, hay cắt gân bàn chân là mất đi lại chớ gì.

- Phải đấy! Nhưng biết đem việc ấy phó thác thuê mướn ai cho kín đáo bây giờ?

- Còn phải ai xa; anh cứ vãi tiền ra cho hai Bạo, mặc va lo tính sắp đặt cho. Cốt nhất phải giữ kín, không thì liên lụy khổ thân đấy nghe, cha nội!

- Em khỏi lo điều ấy.

- Trước hết, phải giữ kín bắt đầu từ nàng trở đi. Với nàng, anh phải làm bộ tự nhiên, hình như không biết chút gì về việc nàng đã làm tối nay. Tôi khuyên anh ngày mai gặp nàng, cứ việc coi như nàng vừa ở nhà quê lên, đừng thềm ghen tuông hỏi vặn gì cả, nghe anh?

- Được, anh sẽ cố ôm bụng làm thình, nén lòng mà chịu. Trưa mai em đi tìm Hai Bạo lại đây giúp anh nha!

- Thôi, giờ công việc hội đồng đã mãn, ông “dự khuyết” hãy yên nghỉ đi.

## XIV

### QUẢ ĐẮM XEN VÀO VIỆC TÌNH

- Phi rồi! Cái thằng nó nhìn nháo nhác ở đâu; qua ngồi đây mà.

- Kia anh Mười Hạ Hầu Đôn, anh ngồi đó từ hồi nào mà tôi dòm quanh tìm kiếm tứ phía.



- Qua ngồi đợi em từ tám giờ tối.

- Xin lỗi, tôi mắc can thiệp vào một vụ em út chúng nó chém nhau ở Đa Kao, thành ra tới trễ, làm mất công anh đợi chờ.

- Anh Mười nhắn em ra đây, có chuyện gì hay dở chắc?

- Sao lại không! Ngồi đó em, hai đứa mình bữa nay uống rượu nói chuyện thật say sưa, đến ngả ra ngoài đường, như kì năm ngoái xuống đánh me ở Cần Thơ, em còn nhớ không? Bồi đâu?

Một tên bồi trong tiệm chạy lại. Anh mười Hạ Hầu Đôn sai bảo với giọng nói hách dịch:

- Mày đem ra đây hai chai rượu bồ (lớn), hai cái chén tổng, rồi chạy xuống bảo mụ Quai ngồi trước rạp hát bóng Modern nướng một chục miếng khô mực đem lên mau. Nhớ dặn lấy tương ớt đảng hoàng nghe. Để anh em ta uống rượu đã, chốc nữa sẽ gọi món ăn sau.

Tên bồi ra đến đầu cầu thang gác còn đứng lại cười giỡn với một bạn đồng liêu nó, chớ chưa vội đi. Anh mười gọi giựt nó lại trợn một con mắt lên và hét mắng:

- Đi lấy rượu lên cho mau, không thì tao đánh mày bể đầu tao còn chà nát dưới cẳng, nghe chưa?

- Dạ, dạ?

Lần này tên bồi chạy ba chân bốn cẳng, xuống dưới nhà lấy rượu và cốc đem lên tức khắc.

\*

Sài Gòn cận lai nhớ các nhà đương cuộc cảnh sát ra tay trừ khử hết sạch du côn anh chị, dù có sót lại cậu nào cũng lo làm ăn lương thiện, không dám hống hách ngang tàng gì nữa.

Không như hồi có câu chuyện chúng tôi đang nói đây, du côn ở đặt Sài thành có tiếng khắp xứ, chẳng những số đã nhiều, lại những việc cướp bóc, chém giết, ngỗ nghịch, hoành hành, bởi chúng gây nên ngày nào cũng có, làm cho mật thám và cảnh sát phải tróc nã truy tầm, tốn công bận việc hết sức.



Ở những xóm Khánh Hội, Chợ Quán, Bàn Cờ, Ngã Sáu v.v... đều dậy tiếng tăm vì có ổ du côn, chia nhau mỗi phe cánh một phạm vi thế lực, thường sinh sự nghịch thù chém giết nhau luôn.

Đã du côn tức là vô nghệ. Hầu hết chỉ sống về những thủ đoạn dọa dẫm bóc lột kẻ yếu thế; sống về cờ gian bạc lận. Lúc ở Sài Gòn còn đang thịnh hành đồ chữ hót me – Ví dụ những sòng me Sáu Ngộ mà chúng tôi đã nói – bọn du côn chạy theo ăn bón, hoặc sung vào chân canh gác, sai phái. Có ai thuê mướn đánh nhau ở đâu hay đón đường chém một kẻ cừu địch nào, chúng tranh nhau vỗ ngực ứng tuyển ngay để kiếm chác một món tiền công. Ít nhiều tùy theo việc nhỏ việc lớn.

Người ta có thể trông cách ăn mặc của chúng mà nhận ra ngay. Thử thời, du côn anh chị hay đội kiêu mũ *boy scout* vành to, mặc quần lĩnh đen và áo *veston* cổ đứng, phanh ngực để áo *tricot* lót mình; chân đi giày Tàu. Mình mấy chân tay thích chằm những hình rồng rắn, và một hai câu chữ, đại khái như “*tứ hải giai huynh đệ*” hay là “*úy tử bất anh hùng*”.

Hai người đương ngồi trên gác tiệm Đức Thành Hưng, gào lấy rượu và cá mực nướng kia, chính là hai tên đàn anh chị trong xã hội du côn.

Mười Hạ Hầu Đôn vốn tên là Đôn thôi, nhưng làng chơi đặt cho cái tên Hạ Hầu Đôn, vì anh ta chột hết một mắt.

Có người biết rõ gốc tích, thuật lại rằng Mười Hạ Hầu Đôn hồi còn trai trẻ không biết bao phen ra tù vào khám, những dấu đâm vết chém còn in đầy trên lưng trên mặt va. Sở dĩ va chột mắt, cũng vì một chuyện tình rắc rối mà ra. Nguyên bốn năm trước, va chim vợ một thằng anh em, cũng là bạn du côn. Thằng này rình rập mãi để báo thù. Một đêm lừa va ở trong rạp hát đi ra, nó đâm một dao trúng ngay vào mắt bên tả của va rồi bỏ chạy. Thế mà va bình tĩnh như không, tự rút cả mũi dao và con người theo ra, chớ không kêu la một tiếng, cũng không hô người đuổi bắt thằng kia. Cho đến hôm sau cũng chẳng trình báo hay kiện thưa nó.

Và làm như Hạ Hầu Đôn ở đời Tam Quốc đã rút mũi tên và nuốt con người, cho nên người ta quen gọi là anh Mười Hạ Hầu Đôn từ đó.

Bây giờ Mười Đôn đã xấp xỉ năm mươi tuổi, nhưng mà dư oai vẫn



còn, hể có việc gì, bọn em út vẫn phải kiêng nể. Va đóng cái vai anh chị cắt đặt công việc, cho được giây máu ăn phần.

Còn Phi Rỗ mới chừng 30 tuổi, mắt xếch ngược lên, hàm râu quai nón, trông dữ dội như Trương Phi thuở xưa, mà rỗ chẳng rỗ chịt, càng tăng thêm vẻ gớm ghiếc, giá con trẻ đang khóc cho trông thấy cái bộ mặt ấy, chắc phải nín ngay. Không biết tên họ thật của nó là gì, người ta chỉ lấy mặt đặt tên, gọi nó là Phi Rỗ.

Nó vừa mới ở tù lần thứ tư hay thứ năm, mãn hạn được tha về, đang theo ăn bòn ở mấy sòng me. Mỗi khi có món lợi chém thuê đánh mướn nào, bọn anh chị thường triệu đến nó ra lãnh việc. Vì nó phàm phu và liều mạng, không ai bằng.

Hôm nay, Mười Hạ Hầu Đôn nhắn Phi Rỗ đến tương hội ở tiệm Đức Thành Hưng đường Espagne, tất là có chuyện.

\*

- Uống đi, Phi! Mỗi đứa mình một chai, tao giao hẹn mỗi chén tổng chỉ uống một hơi thôi, nghe. Tao biết cái tài uống rượu của mày có thể theo đòi anh chị được mà.

- Phải, anh Mười muốn uống bao nhiêu tôi cũng xin theo. Đến việc to lớn gì kia tôi còn không dám thua sút anh chị, huống gì năm ba chén rượu.

- À, khô mực này họ nướng vừa vặn, tương ớt cũng ngon. Nào, ta nhấm đi, Phi! Tao nghe nói mấy lúc này mày đứng gác sòng me Sáu Ngọ phát tài lắm phải không?

- Phát tài gì đâu! Bao nhiêu miếng thịt béo thì bọn ở trên chúng nó chia nhau xực hết, còn cục xương mới quăng thí cho mình. Anh nghĩ coi mỗi ngày vài ba đồng bạc với mình như muối thả xuống biển. Bởi vậy nhiều khi tôi tức bầm gan tím ruột, muốn cho chúng nó mỗi đứa một dao.

Lúc này mỗi người đã tợp hết sáu bảy chén tổng, mặt tái mét, chéch choáng lắm rồi, câu chuyện bắt đầu mất vẻ hòa khí. Mỗi người một tiếng nói hục hặc xỏ xiên lẫn nhau. Người ta nghe trong câu chuyện đối đáp của hai bên, có những tiếng đâm chém, bẻ đầu, chết cha, chết ông, văng tục đủ thứ.



Nhất là hai người vốn tranh nhau nhân tình một con đĩ có giấy tên là Lết ở nhà chị Sáu Lèo. Phải nói họ làm ma cô cho đĩ mới đúng. Phần nhiều du côn với đĩ nương tựa nhau mà làm ăn sống còn, y như con lang con bói vậy. Du côn hay gạ gẫm gắn bó với đĩ, để nó khoét hồ bao kẻ khác đưa cho mình tiêu. Cũng như đĩ cần có nhân tình du côn để nó chở che binh vực mình khỏi bị anh chị khác bắt nạt, và đối phó với những khách ăn quýt chơi lường.

Bấy lâu, con Lết nhân tình nhân ngãi thân mật với Mươi Hạ Hầu Đôn cũng như với Phi Rõ. Hai người vẫn thường nhẩn nha dọa dẫm lấy đầu cắt tai nhau. Hôm nay có việc lợi chung tụ họp lại một chỗ, mỗi người có thủ một con dao trong mình để phòng thân. Rồi sẵn hơi men làm cho nóng mặt hăng máu, chỉ thiếu chút nữa là họ xô ngã bàn ghế và đập chai vào mặt nhau, chẳng ai nhin ai.

Cũng may Mươi Đôn nhiều tuổi biết nghĩ chín chắn hơn; va nghĩ hôm nay va gọi Phi Rõ đến cốt có công việc mà chính va được hưởng một phần lợi to, lại không lo ngại bện bịu gì tới mình. Va chẳng công việc ấy va xem ra chỉ giao cho Phi Rõ mới được chắc chắn thành sự. Vậy thì tội gì say sưa ẩu đả với nó cho hỏng việc đi. Con cáo già khéo nhin và thôi thêm háo thắng của con sói non:

- Thôi, anh muốn thử xem chú mày còn phải là bực hảo hơn không vậy mà! Chú mày quả là hảo hơn, anh khen và anh chịu...

- Ủ, có vậy mới phải chứ. Anh muốn ý mình là anh chị, ăn hiếp em út, đời nào nó chịu nhin thua.

- Mày giỏi, tao vừa mới nói rồi. Có một việc này người ta phú thác cho anh hai Bạo, anh Hai lại phú thác cho tao, tao nghĩ chỉ có mày làm được, nhưng không biết bây giờ mày còn có gan dám làm hay không?

- Việc gì mà tôi chẳng dám làm, anh thử nói nghe nào!

- Cắt gân A-Wang.

- A-Wang con chủ nhà máy gạo Thành Lợi trong Chợ Lớn?

- Nó đấy.

- Và là nhân tình của Tư Cúc.

- Chính phải! Thằng này giỏi ghê, biết hết đầu hè xó bếp người ta.



- Nhưng mà ai thuê mình làm việc ấy.

- Ai thuê? Mà có cần gì phải thóc mách tới chỗ đó, chỉ biết làm xong việc thì cứ nơi tao mà lấy tiền công.

- Nơi anh?

- Ừ.

- Bao nhiêu?

- Một trăm rưỡi.

Độc giả đã rõ nguyên ủy vụ này. Sánh nghe Tuấn bày mưu, muốn cạy tay du côn trừ giùm A-Wang là tình địch của chàng. Hôm sau, Tuấn đi gọi hai Bạo đến bàn tính công việc và chịu giá với chàng 500 đồng đưa trước.

Số tiền ấy đem về, hai Bạo cấu đứt đi 200 đồng, lấy phần mình, còn lại thì giao phó cho Mười Đôn tìm kiếm bàn tay thi hành. Con cáo già chột mắt này lại véo đi phân nửa, chỉ thí cho Phi Rõ một trăm rưỡi với tất cả những sự nguy hiểm bắt bớ, tù tội.

Thì ra bất cứ việc gì, xã hội nào, cũng có những quân xảo quyệt, ở giữa chাম mút ăn chận của người ta như thế, mà chính nó không phải ra tay, không phải hận mình. Kẻ dưới làm việc hiểm nghèo nặng nhọc, bao giờ cũng ăn phần ít hơn.

Phi Rõ ngồi bần thần suy nghĩ một chặp, đã toan không nhận nhưng mà món tiền khá to, vả lại hiện thời nó đang túng bần, cảnh ngộ bảo nó đành phải nhắm mắt nhận liêu.

- Thế ngộ tôi bị bắt thì sao? – Phi Rõ muốn hỏi cho kĩ lưỡng.

- Thằng này khéo lo! Tao bảo mày chỉ làm sơ sịa gọi là có máu, chớ có ai bắt buộc giết chết người ta mà mày run sợ cho cam. Bị bắt thì bắt quá sáu tháng tù, với mày là chuyện cơm bữa mà.

- Bậy mà! Lần này tôi vướng tù nữa, chắc bị phạt lưu, vì anh dư biết tôi đã có năm án du đang chém người rồi.

- Nói chơi với mày, chớ nếu mày rủi ro bị bắt thì người ta thuê thầy kiện và lo lắng cho mày đủ mọi bề.

- Chắc hả? Anh thề đi.



- Tao nói lão thì tao làm con mày; xin Bà Đen Tây Ninh, Lãng Ông Bà Chiêu vật chết tao đi. Mày cứ tin nơi tao.

- Thế thì được; tôi chịu.

## XV

### GÁI ĐĨ GIÀ MỒM

- Tôi bảo mình, một là mình còn quá trẻ người non dạ, như đứa trẻ con chưa ráo máu đầu, chưa hết hơi sữa, không biết ái tình là gì mà hồng phân biệt chân giả. Hai là mình sắp hóa ra thằng điên, lên ở nhà thương Biên Hòa với đốc tờ Soun, cho nên mình không thể hiểu nổi tấm lòng tôi yêu thương mình thật thà đậm thắm đến thế nào. Đến lẽ thứ ba, không chừng tại mình thương yêu tôi quá, tưởng đâu ai cũng có thể thương yêu tôi như mình, rồi mình sinh ra nghi xằng tưởng bậy, ghen bóng ghen gió. Tôi ăn ở với mình như thế mà mình bảo tôi có nhân tình, thật không còn trời đất nào nữa.

- Nay, tôi không phải thằng bé chưa ráo máu đầu, tôi cũng chẳng hóa điên hay là ghen bóng ghen gió, nhưng tôi biết chắc chắn như đóng đinh vào cột rằng trong khi gắn bó thề nguyện với tôi, mình còn có nhân tình ngoài vô số. Tôi đã thấy rõ được một. Ấy là khách lai A-Wang trong Chợ Lớn.

- Trời đất ông bà ơi! Coi kìa, thằng chồng tôi nó nói dựng đứng lên cho tôi mà không sợ tội lỗi. Tôi hỏi mình: “Chúng có đâu?”

- Mình dám hỏi tôi chúng có đâu à?

- Chứ sao! Quan tòa muốn kết án một thằng có tội, cũng phải trưng đủ bằng cứ mới bỏ tù hay đem đầy nó được. Còn mình... mình cố tình kết án tôi một cách băng quơ, chẳng căn cứ vào đâu hết. Oan ôi là oan!

- Đừng có già hàm to tiếng; để tôi nói cho mà nghe. Bữa tối hôm mình nói đi về nhà quê có việc gấp, sao trước cửa nhà này có một chiếc xe hơi đỗ suốt đêm và trên gác có ánh đèn sáng, không phải quang cảnh một nhà vắng chủ...



- Xe hơi của ai, mình có chắc thấy rõ ràng hay không?

- Sao lại không? Xe hiệu Hisapno, số C. H. 8.992, chính xe của A-Wang.

- Mình rõ khờ quá! Sao đã biết chắc như thế, lại không gõ cửa mà vào bắt quả tang thử xem có phải tôi không?

- Đời nào ai mở cửa cho tôi vô mà gọi. Vả lại tôi đâu dám khuấy tan giấc mộng Vu san của mình. Mình đâu có biết đêm bữa đó tôi như thằng điên, cứ đi đi lại lại trước cửa nhà này không biết có mấy trăm lượt mà nói. Có lúc mới rời hai căng, tôi vào nhà tiệc Chợ Lớn ngồi đánh bầy đánh bạ, thua mất mấy ngàn đồng, oan uổng.

- Thế sáng hôm sau mình đến đây, chẳng thấy tôi vừa ở bên xe Lục tỉnh về, xách một lồng chim lên làm quà cho mình, nào mình có thấy ai...

- Thôi đi! Nếu tôi đến được hồi năm sáu giờ sáng thử xem. Tại tôi mệt quá ngủ trưa, mãi chín giờ mới đến, thì họ đã xếp đặt làm biến cả người lẫn dấu tích đi rồi còn gì!

- Trời đất quỷ thần chứng giám cho tôi! Tối hôm đó chắc mình mơ ngủ hay lóa mắt, trông thấy xe hơi và đèn sáng ở nhà bên cạnh, lại tưởng lầm là nhà tôi, rồi một hai vu oan giá họa cho tôi... Tức chết đi được. Tôi thương yêu mình không còn chỗ nào nói nữa, thế mà mình nghi tôi ngoại tình... Trời ơi là trời!...

Nàng vật mình xuống đi văng, lăn lộn khóc lóc, thảm thiết hơn Thị Kính mắc oan. Đầu tóc rũ rượi, nước mắt tràn trề. Bỗng nàng vùng dậy, vừa chạy lên gác vừa nói meo meo:

- Tôi chết đi cho rồi đời, còn sống làm gì vô ích.

\*

Ai cũng đoán biết đây là tấn tuồng ghen đã diễn ra giữa Sảnh và Cúc ở tại nhà nàng.

Chàng đã hứa chịu với Tuấn sẽ cố dần bụng làm thinh như không hề biết, để dùng cái thủ đoạn du côn trừ ngầm kẻ tình địch thì hơn. Nhưng máu ghen tích tụ ở trong tâm não con người ta thấy bút rút khó



chịu, như một thứ ung độc đã sưng lên, làm phát sốt phát rét, tất phải liên chọc nó ra mà kéo ngòi nặn mủ đi mới thấy khoan khoái. Sảnh đã cố giữ được mấy hôm, không hề đá động thanh sắc gì về chuyện A-Wang, mãi đến hôm nay cây pháo đã cháy bén hết ngòi tới thuốc, tất nhiên phải nổ bùng lên, chẳng thể kiềm chế được nữa.

Nhân một vài tiếng nói khiêu khích gì đó, chàng nổi cơn ghen, sẵn dịp đem ngay án cũ ra hạch tội.

Ban đầu chàng nghĩ chắc việc này nói ra, với chứng cứ rõ ràng như hai năm là mười, thế tất nàng phải ứ cổ chịu ngay, sụp xuống van lạy năn nỉ chàng mà thú tội xin lỗi và cam đoan từ nay xin chừa. Có thể chàng sẽ hả hơi uất ức rồi vui lòng hi hả liền; vì chàng đang say mê đắm đuối, chỉ sợ cục cựa ấy sinh tay mình mất, cho người ta san sẻ đi chút ít cũng đành cam chịu.

Không ngờ mình vừa thốt ra, nó chê ngay mình là con nít; nó bảo mình điên; nó kêu gọi cả trời đất quỷ thần, phân bua thề thốt; nó mồm năm miệng mười, cãi bay cả chứng cứ, rồi nó vật vã khóc lóc bù lu bù loa, một hai bảo mình vu oan giá họa. Tóm lại, nàng đánh đổ cả bức thành ngờ vực ghen tuông của chàng tưởng xây bằng những viên đá mục kích như thế là chắc chắn thập phần.

Kì thật, nàng có nhân tình A-Wang đã lâu, hôm ấy, quả nàng nói láo về quê để tiếp rước chú khách, đại phú cả buổi chiều chủ nhật và suốt đêm, giữa lúc trên lầu có ánh sáng, trước cửa đỗ xe hơi mà Sảnh đã ngó thấy. Với nàng đôi ba tình nhân một lúc không phải là nhiều. Dễ thường có thể mới đủ cho nàng sống còn huy hoắc.

Song gái dĩ già mồm, đã gian lại ngoan, dù bắt được ngoại tình quả tang tại trận, chưa chắc đã làm gì được nhau, huống gì chỉ đứng trông thấy đằng xa, trong cơn đêm tối, một việc có thể bán tín bán nghi. Bởi vậy, Sảnh vừa mở miệng, nàng cãi trần và tìm cách lấn áp ngay. Tay chơi lịch duyệt như nàng dù biết Sảnh là hạng mới nhập môn, tâm trí còn non nớt, cứ việc cả vú lấp miệng em, đủ phá tan những đám mây ngờ vực. Rồi lại khéo lấy lời thề tiếng khóc để che lấp tội lỗi và cảm dỗ trái tim non dù cho trong óc Sảnh còn sót lại một chút hoài nghi nào cũng xua đuổi ra sạch.

Khôn ngoan đến nỗi hôm ấy mua sẵn lồng chim làm quà, như trình



tờ chúng chỉ vừa mới ở nhà quê lên. Đó cũng là một bằng cớ cho nàng đem ra gỡ tội hôm nay rất dễ dàng. Nhất là với người như Sảnh vừa mới đặt chân vào trong làng chơi hoa nguyệt thượng lưu.

Tội nghiệp anh chàng trước còn nghi Cúc, sau hóa ra suy nghĩ lẫn vẩn, rồi đâm tự nghi mình.

Có lẽ nàng chỉ thương yêu một mình ta thật.

Có lẽ hôm ấy nàng về quê thật.

Có lẽ tối hôm ấy xe hơi đỗ trước hè bên cạnh, ánh sáng trên gác bên cạnh, mà ta quáng mắt, tưởng là nhà nàng.

Có lẽ A-Wang nhân tình với một cô nào ở nhà bên cạnh ấy kia. Bọn thằng Tuấn xấu chơi đó ý muốn chia rẽ nhân duyên của mình với Cúc, cho nên chúng nó phao đồn đồ riệt cho nàng là nhân tình A-Wang.

Tóm lại, có lẽ ta ghen quá ngờ oan cho một người thương yêu ta bằng tâm tình chân thật.

Trong khối óc chàng quay tít những tư tưởng có lẽ thế này, có lẽ thế kia, giữa lúc nàng kêu gào vật vã trên đi văng rồi xăm xăm chạy lên thang gác, tiếng chân bước nặng thình thịch xen với mấy tiếng nói vùng vằng mà chàng nghe rõ: - Tôi chết đi cho rồi đời!

Một lát sau, nghe trên gác có tiếng con ở tru tréo và gọi giật giọng, hình như khan cổ, hết hơi:

- Ông ơi!... Ông ơi!... lên mau... lên mau... cô tôi đang cắt cổ tự tử đây này!

Hoảng hồn hoảng vía chàng phóng mình nhảy qua bàn ghế, vọt lên thang gác mỗi bước hai ba bậc, chạy xộc vào trong buồng. Thấy mặt mũi nàng nhợt nhạt, hung dữ, đầu tóc rối bù, tay cầm con dao của Mọi vẫn dùng đi săn, lăm lăm đưa lên cổ, nhưng bị con ở cổ ghì lại và kêu cứu thất thanh. Nàng cũng cố giằng co với nó và nói:

- Tao thương yêu họ một lòng một dạ mà họ nghi oan vu cáo tao, để tao chết đi cho thoát nợ trần duyên, việc gì mà mà cản trở tao? Buông ra...

Khi ấy, chàng vừa chạy đến nơi, giằng lấy con dao quăng xuống gầm giường, rồi ngồi bên nàng vuốt ve an ủi:



- Mình làm tôi hết hồn! Chuyện đến nỗi gì mình lại làm dữ như thế.

- Quan hệ lắm! Mình không hiểu ái tình chân thật tôi đối với mình thì tôi còn vui gì ở đời mà sống.

- Tôi đặt chuyện ra để thử lòng mình đấy thôi, mình bỏ qua đi, đừng thèm nghĩ ngợi đến nữa nhé.

- Thế mình đã hết ghen xăng nghi bậy cho tôi chưa?

- Hết rồi.

Sự thật, Cúc sai khiến được linh hồn chàng dễ như cầm mũi dĩa trẻ con. Sau những lời thề và nước mắt, tự tử chỉ là một cách làm bộ giả dối sau hết, để thổi tan nốt làn mây ngờ vực hãy còn lảng vảng sót lại ở trong óc chàng.

Quả nhiên, công tử Sảnh trúng kế. Bây giờ chàng tin quyết mình làm và nằng thật thà, vô tội. Mình đã nóng mặt ghen xăng. Nàng không có nhân tình với A-Wang bao giờ; tối hôm nọ, cũng chẳng có xe hơi nào đỗ trước cửa như chàng đã trông thấy.

Như thế thì công chuyện phải xoay đổi hẳn phương hướng, không thể để nó đi theo con đường như trước mình đã định. Không níu kéo lại kịp thì nguy to.

Chàng thu xếp xong việc này, lại sức nghĩ đến việc khác mà giật mình, hồi hộp.

- Tôi phải đi đặng này có chút việc cần kíp vô cùng. Thôi, mình nằm nghỉ ngơi, đừng thèm nghĩ gì về chuyện bá láp tôi nói ban nãy nhé. Tối bảy giờ tôi lại đưa mình vô Chợ Lớn ăn cơm rồi chúng ta lại vô nhà tiệc chơi.

Sảnh nói đoạn, tắt tả đi ngay.

Tuấn ơi! Chết cha anh em mình rồi, Tuấn ơi! Mày không làm sao cản trở việc kia lại cho mau, thì ở tù cả nút.

Tuấn được tin Sảnh gọi lại nhà hỏa tốc, vừa bước vào chân trong chân ngoài, đã nghe thấy lời đột ngột và lạnh cả xương sống, như ai giội nước đá trên đầu.



- Việc gì mà dữ tợn thế, anh Tám. Chắc sông me Sáu Ngọ bị bắt mà anh với Cúc chung với một xâu dài đó, phải không?

- Ai bảo mày bẻ ỏ sông me...

- Thế thì việc gì mà mặt mày nhăn nhó, tái xanh thế kia, làm người ta hết hồn.

- Việc gì? Việc tao với mày có mắt mà đui, có tai mà điếc, có óc mà ngu. Tối hôm ấy chúng mình trông lắm; xe hơi và ánh sáng ở nhà bên cạnh, chứ không phải nhà Cúc. Quả thật hôm ấy Cúc về nhà quê vắng. Nàng cũng không nhân tình với A-Wang bao giờ. Tao quáng mắt, tao nghi lắm, tao ghen bóng gió băng quơ. Ai bảo mày rằng A-Wang nhân tình nàng là họ ghen ghét nói láo. Giờ tao biết rõ.

- Thôi tôi van ông, (*Tuấn cười và đáp*), ông đã xơi phải bùa mê thuốc lú của người ta rồi, mới tin ngược lại sự thật như thế.

- Mày cứ tưởng anh mày đây ngu muội hoài. Vừa mới lúc nãy tao ở nhà nàng, tao nổi ghen tao hạch tội...

- Con bò! Tôi đã bảo anh làm bộ mần ngơ như không biết để tôi lừa dịp cho mà bắt được trai trên gái dưới tại trận quả tang... Chưa gì anh đã phun ra hết.

- Khốn nhưng tao ghen quá, để mãi trong bụng nó làm ám ách không sao chịu nổi. Tao đem chuyện A-Wang ra hạch tội, nàng khóc lóc thảm thê, đầm ngực kêu trời kêu đất và thề nguyên rất độc. Rồi lại rút dao đâm cổ tự tử, nếu tao không giăng kịp thì giờ này trong đời tao đã có một người thác oan rồi còn gì!...

- Nghĩa là bây giờ anh đã tin chắc nàng trung thành với anh, không hề có ngoại tình với A-Wang hay tên Mít tên Xoài nào cả?

- Phải, tao tin chắc vậy đó.

- Thế thì tôi xin mừng ông bà “nhất đôi lương duyên, bá niên giai lão”, ông còn nhăn nhó nổi gì?

- Nhưng còn việc kia?

- Lại còn việc gì nữa?

- A-Wang đã không phải tình địch của mình thì lẽ nào mình lại



mưu toan ám hại người ta, như mưu kế Khổng Minh của mây. Tao van mây phải đi tìm anh Hai Bạo tức tức, bảo va cản trở tụi em út va không được hành động gì, kéo tụi nó làm bậy thì khốn.

- Thế mới rầy rà. Để nội nhật hôm nay, tôi đi tìm va hạ lệnh “bãi binh đình chiến”. Nhưng tôi không biết còn kịp được không? Lại sợ va đi cò bạc xa vắng mình không tìm được gặp mới khổ.

## XVI

### MỘT TIN TRÊN BÁO LÀM CHO ANH CHỊ CÙNG TÁI MẶT

Sau một đêm rượu trà rồi cò bạc, cò bạc rồi yêu đương đắm đuối, Sảnh với Cúc ngủ vùi mãi đến hai giờ chiều mới thức dậy.

Họ đang ngồi uống cà phê, ôn lại mấy chén me cao thấp tối qua và hớn hờ với nhau đã được hơn trăm bạc, Tuấn ở phòng khách dưới nhà xông xộc bước lên. Nét mặt cậu lạnh lẽo, không tươi cười bả lả như mọi khi.

- Gớm, ông bà sung sướng nhất thế gian, ngủ trương xác ra đến giờ này mới dậy. Tôi có việc đến hầu, phải ngồi đợi nhà dưới ngót một giờ đồng hồ.

- Em nghĩ coi, Sảnh đáp, mãi bốn giờ sáng anh chị mới về, lại nằm thao thức (!) đến bảy giờ hơn mới nhắm mắt được. À, em đã tìm thấy anh Hai Bạo nói chuyện đó chưa?

- Từ hôm qua đến nay, tôi lục lạo khắp Sài Gòn không thấy tăm dạng va đâu hết. Không chừng giờ này cu cậu đang nằm khểnh trong nhà số 69 đường Lagrandière rồi cũng nên.

Số 69 đường Lagrandière tức là địa chỉ của Khám lớn Sài Gòn.

Sảnh trợn mắt nhìn Tuấn:

- Thằng này nói chuyện quái gở gì thế hả, mây?



Lẳng lẳng chẳng nói chẳng rằng, Tuấn rút lấy tờ “Đông Pháp thời báo” ở trong túi ra, mở ngay chương nhất, khẽ đưa mắt cho Sảnh; ý muốn bảo chàng rằng báo hôm nay có chuyện lạ lắm, xem đi.

Chàng đã hơi hiểu, sắc mặt bỗng đổi hẳn, vừa toan đón lấy tờ báo để xem, nhưng Cúc giơ tay gạt đi và nói nũng nịu:

- Mình để anh Tuấn đọc hộ, cho hai vợ chồng ta cùng nghe có sướng hơn không?

Nàng tinh ý, thấy chàng biến sắc mà nghi, mặc dầu không biết trong báo có chuyện gì. Vì thế, muốn để Tuấn đọc cho mình cùng nghe.

Chàng lắc đầu:

- Để tôi xem một mình cũng được, đọc rầm lên nhức đầu lắm.

- Không! Tôi thích cái giọng anh Tuấn đọc văn nghe rất hay. Cứ để anh đọc. Mình không chiều lòng tôi, tôi giận cho mà xem.

Ý muốn của nàng oai nghiêm như chiếu chỉ thiên tử, hiệu lệnh nguyên nhung, chàng không dám cãi nữa. Tuấn nói:

- Tôi xin đọc bài thời sự Sài Gòn này, ông bà lắng tai mà nghe nhé!

*“Hồi 11 giờ đêm hôm kia, ông từ trong biệt thự Lạc Viên của một người bạn ở đường Cây Mai lững thững đi ra, vừa ra, khỏi cổng sắt, chưa kịp bước lên xe hơi, thì một tên lạ mặt núp đâu bóng tối gần đó, nháy xổ lại giơ dao đâm chém ông túi bụi. Ông chỉ kêu được hai tiếng “Trời ơi!” liền ngã lăn xuống đất, bất tỉnh nhân sự. Người bạn nghe kêu chạy ra ngay, nhưng hung thủ đã kịp lủi vào bóng cây um tùm ở khúc đường này mà tẩu thoát rồi. Còn bỏ lại con dao quăn mũi ở bên mình kẻ bị nạn.*

*“Lập tức, người bạn chở ông A-Wang vào nhà thương Chợ Rẫy cho đốc tờ cứu cấp. Nhà chuyên môn khám xét ông bị cả bảy năm dao, mà nặng nhất là vết thương ở dưới mang tai và một mũi đâm vào cạnh sườn. May phúc cho ông, mũi đâm này trúng vào xương làm cho quần dao, nếu không thì phải thấu vào mạng mỡ, chắc chết. Thành ra bệnh tình ông không có gì phải lo ngại.*

*“Ngày hôm sau, nhà chuyên trách đã bắt được hung thủ, nhờ dấu*



vết tay nó hằn ở chuôi dao. Nó là Phi Rỗ, một tay hung bạo can án nhiều lần.

“Do cuộc xét hỏi khôn khéo, nó thú thật vì nghèo, tham được món tiền 150 đồng người ta thuê nó chém ông A-Wang, chứ nó không phải cướp bóc hay có “thù hiềm với ông bao giờ.

“Thì ra nguyên nhân vụ này chỉ là một cuộc ghen tuông tranh đoạt ái tình của một hoa khôi xui nên.

“Nhưng ai đã sai khiến cánh tay Phi Rỗ.

“Bốn báo tưởng chắc nhà chuyên trách phải tìm đến kẻ ấy cho được biết rõ nguyên ủy của vụ thích khách này.

“Vả lại, chính kẻ ấy mới là thủ phạm trong việc A-Wang bị đâm.

“Tin giờ chót. – Khi báo vừa lên máy in, chúng tôi được tin đích xác rằng: Thầy đội Lý và thầy đội Bốn là hai tay thám tử đại tài về những việc tìm bắt hung phạm, đã dò xét ra tên họ của hai anh du côn về già, đóng vai trung gian cho kẻ có tiền thuê mướn Phi Rỗ làm việc hung bạo nói trên.

“Chúng tôi hãy tạm giấu tên hai đứa du côn về già kia, cho khỏi trở ngại công việc truy tầm của nhà chuyên trách. Vì hiện thời con cáo già ấy khéo ẩn núp trong hang hốc nào chưa tìm ra.

“Hễ tìm bắt được chúng rồi, tự khắc sẽ truy tầm đến kẻ chính phạm không khó khăn gì!”

\*

Tuần đọc bài thời sự trên đây, cứ mỗi đoạn chấm câu sang dòng, là một lần liếc mắt xem thần sắc của Sảnh và Cúc biến hóa.

Cậu có cảm giác mình lúc này cũng như lúc cô Kiều ngồi gầy đàn dưới tiệc rượu cho Hoạn Thư và Thúc Sinh nghe, mà “cùng trong một tiếng tơ đồng, người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm”.

Đằng này cả hai người khóc thầm thì có, chẳng ai cười nụ.

Việc A-Wang bị đâm là một việc cả Sảnh lẫn Cúc cùng có quan hệ, mặc dầu mỗi người một phương diện khác nhau. Chính vì chỗ khác nhau



phương diện ấy mà họ phải giấu giếm lẫn nhau. Cúc chẳng thể nguyên vong mạng cho Sảnh tin rằng mình không hề nhân tình với A-Wang bao giờ ư? Mà Sảnh cũng không dám rỉ hơi cho Cúc biết mình dùng thủ đoạn du côn để trừ tình địch. Nhất là sau khi đã tin lời thề của người yêu là thành thật, chàng càng hối hận việc mình mưu tính là xằng, càng không dám để lộ cho người yêu biết.

Chàng muốn cản trở nhưng đã muộn quá không kịp, việc cứ xảy ra. Giờ nghe bài thời sự Tuấn đọc, cả hai người cùng choáng váng tâm thần, muốn làm bộ trấn tĩnh tự nhiên cũng không được.

Cúc nghe buồn thiu, thương xót một người vì yêu mình mà mang họa.

Sảnh tái mặt, lo sợ việc này vỡ lở, sẽ liên lụy đến mình thì khổ to.

Chàng liền rủ Tuấn đi chơi, nhưng kì thật là rủ Tuấn đi một nơi riêng để bàn cách giải nguy gỡ rối cho mình.

Khi chàng và Tuấn đi rồi, nàng cũng vội vàng điểm trang, thuê xe hơi vội vào nhà thương thăm A-Wang. Nhưng vợ con bệnh nhân ở luôn bên cạnh, nàng làm sao giáp mặt cho được, chỉ hỏi dò một vị y sinh, mừng thầm mệnh hệ A-Wang không đến nỗi nào!

## XVII

### KẾT QUẢ MỘT CƠN GHEN: HAO TỔN 5.000\$

Ban đầu, Sảnh định dắt Tuấn lại nhà hàng Continental ngồi uống rượu bàn mưu nhưng sau lại dẫn nhau về nhà chàng ở đường Flandin. Vì chàng nghĩ bàn tính công việc này, không đâu kín hơn nhà mình.

Lúc ở nhà Cúc vừa bước chân ra ngoài đường, trông ngực chàng đánh thành thạch, đến nỗi thấy ai nhìn mình, cũng tưởng cho là con mắt thám tử hết cả.

Vừa bước vào trong nhà, Sảnh quay lại giục bồi đóng chặt cửa ngõ và căn dặn nó:



- Có ai hỏi tao, cứ nói ông chủ đi vắng xa nha.
- Bầm ông, nhưng có xe hơi của ông để ngoài cửa.
- Khỏi lo! Tao đã bảo *ga ra* cho người lái đánh xe về cất bây giờ.

Ném mình đánh huých trên chiếc ghế bành lót da, nghe tiếng như một quả mít chín nục trên cây vừa rụng xuống đất, Sảnh thờ dài hỏi Tuấn:

- Bây giờ làm thế nào hả, em? Có kì mưu diệu kế gì bàn tính hộ anh với.

Tuấn lắc đầu:

- Việc nào chứ việc này thì tôi chịu phép. Khó lắm, trí khôn của tôi không nghĩ tới được. Anh nên tìm hỏi những bạn lớn tuổi xem họ có phương thuốc gì hay chăng?

Sảnh trợn mắt ngán người, một lát mới nói được:

- Tuấn à, em định bỏ anh trơ vơ giữa đường nguy hiểm hay sao? Quả vậy, anh chắc phải lên cầu Bình Lợi mà nhào đầu xuống sông. Trời ơi! Bị bắt về tội chủ mưu chém người; ở tù với du côn, trộm cắp; bỏ mất tình yêu của nàng; cái đời anh đến thế là bỏ đi, vô vị, nghĩ mà ghê sợ tội nhục. Thật thế, hể thằng Hai Bạo bị bắt, chém chết nó cũng khai tung ra ai bảo nó thuê người đâm A-Wang, chừng ấy anh chạy đâu cho khỏi vào ăn cơm gạo lức cá khô trong nhà số 69 đường Lagrandière? Tình cảnh trước mắt anh đáng lo sợ thế ấy, em khoanh tay đứng ngó mà đành lòng ư?...

Chàng ngừng lại, uống một chén nước nhấp giọng rồi nói tiếp:

- Chúng ta là bạn thân, là đồng học, lại có tình bà con cô cậu thân mật với nhau, những lúc hoạn nạn nguy bức này, anh không trông cậy vào em được thì còn trông cậy vào ai?

Em bảo anh nên tìm những bạn khác mà vắn kế.

Bạn nào đâu?

Có, anh có vô số bạn, nhưng toàn là bạn lợi dụng tiền của và sự thật thà khờ dại của anh. Thằng Lê Xuân Viễn ở Mỹ Tho gạ vay 2.000 đồng, nói để mở hiệu xe đạp, thế rồi mất biệt. Cũng như lũ thằng Bạch



dỗ mãi anh chung vốn năm ngàn đồng vào gánh cái lương của chúng, nhưng chưa biết đến thế kỉ nào thì gánh cái lương ấy mới ra sân khấu. Lại còn thằng Khoa ranh con không biết lấy mười chữ cũng tấp tễnh làm chủ báo; nó tán tỉnh anh cho mượn ba ngàn đồng, anh cả nể quá, không từ chối được. Một khi có số tiền vào tay, nó đi ngủ đi, đánh bạc, ăn nhà hàng; chẳng thấy mặt mũi tờ báo coi thử ra sao. Cho đến thằng Sáu Tâm ở Cần Thơ, chắc em còn nhớ, chẳng biết nó có đánh rơi mất 1.500\$ của ông già nó bảo đem trả nhà băng Đông Pháp hay không, nó đến khóc mếu năn nỉ, mình cũng phải viết chi phiếu (chèque) cho nó mượn tiền đập vào, để nó khỏi phải tự tử.

Tóm lại, các quý hữu của anh, chỉ tốt cho những lúc họ cần dùng xoay tiền và đập nặng vào hồ bao mình. Hay là một tuần vài lần rủ họ đi ăn cao lầu, uống sâm banh, tốn dăm bảy chục mà mình ề cổ ra trả. Họ chỉ là bạn bè sung sướng với nhau trong khi an lạc, không thể nhờ cậy nhau trong khi hoạn nạn, em còn lạ gì?...

Tuấn nghe những lời đau đớn thành thật của Sảnh, có ý mũi lòng. Nhất là Tuấn cũng dự vào số bạn thường ngày lợi dụng Sảnh, lúc túng thiếu vẫn khoét được bạc trăm luôn luôn. Lúc này bỏ nhau không đành, nhưng thực sự Tuấn muốn nghĩ cách cứu bạn và thủ lợi riêng vào trong đó nữa.

- Ví dụ lo chạy việc này mất năm mười ngàn đồng, anh có dám tốn hay không? Tuấn hỏi.

- Hai ba lần nhiều hơn thế, anh cũng chẳng tiếc, miễn sao thoát khỏi nạn tù và không phải xa Cúc.

- Hễ chịu tốn tiền thì lo chạy phăng đi.

- Nhưng chú mày bảo làm thế nào bây giờ?

- Cốt nhất làm cách sao bảo được thằng Phi Rõ nó phản cung mới êm.

- Phản cung là nghĩa thế nào?

- Nghĩa là bây giờ nó trở ngược lại những lời nó đã khai từ trước.

- Nó đang bị giam trong khám, dễ thường ta phải dùng phép thần thông báo tin cho nó chẳng?



- Ấy là một điều em đang suy nghĩ. Phép thần thông tức là Thần Tiên.

\*

Bỗng dung Sảnh giật nẩy mình, vì nghe có tiếng người gõ cửa nhà dưới. Thằng bồi sông sộc chạy lên vừa thở vừa nói:

- Bẩm ông, có bác Hai Bạo đi với một người nữa, một hai đòi lên giáp mặt ông có việc cần kíp.

- Ấy chết, hay là mật thám đã bắt được Hai Bạo dẫn về đây?...

Tuấn chạy ra bao lon dòm xuống rồi trở vào ngay.

- Người đi với Hai Bạo, tôi biết, chính là Mười Đôn chột mắt, cùng tụi anh chị.

- Biết đâu họ không bị mật thám theo hút, có nên cho họ giáp mặt anh em mình không?

- Sao lại không! Tuấn nói; chính mình đang cần tìm họ để bàn tính công việc, nay họ tự đến, thật may. Anh cứ cho mở cửa bảo lên đây.

Sự thật, hai tên du côn cáo già này không phải sợ liên lụy ở tù hay thương hại gì Sảnh mà đến bàn mưu tính kế đâu. Chúng đã âm mưu với nhau, lợi dụng cơ hội đến dọa dẫm chàng để khoét lấy một món tiền đầy thôi.

Lên trước mặt Sảnh, hai Bạo và Mười Đôn cố làm ra bộ tịch bối rối, sợ hãi, vì chúng dư biết chỗ yếu của chàng công tử đa tình, tha hồ rung cây nhát khi. Nào là Phi Rõ đại đột, đã khai hết đầu đuôi; nào là mật thám đang theo rình chúng bén gót, sự bị bắt chỉ trong chiều hôm sớm mai. Rồi chúng vào ngay trung tâm vấn đề, với giọng nói rất khéo giả vờ ân cần tử tế:

- Thật, cậu Tám hết sức nhân đức với anh em chúng tôi, chỉ tại thằng Phi Rõ nhát hèn khốn nạn, để cậu Tám vướng chân vào vụ này, chúng tôi ái ngại vô cùng; nhưng biết làm sao! Bề nào chúng tôi cũng bị bắt sớm tối, chắc phải khai thật mọi sự, vậy xin cậu Tám hiểu giùm chỗ bất đắc dĩ mà tha lỗi cho anh em chúng tôi nha.

- Khai thật mọi sự thế nào? Sảnh hỏi một cách hồi hộp.



Hai Bạo chậm rãi đáp:

- Phải khai là cậu Tám sai khiến tôi, tôi phú thác cho anh Mười Đôn này, rồi Mười Đôn thuê thằng Phi Rỗ đón chém A-Wang.

- Nếu thế thì các anh giết tôi.

- Không, chúng tôi đâu dám thế. Chỉ suy nghĩ là một việc dù trước dù sau cũng phải bị bắt; vả lại không tài nào mà chối cãi được sự thật mà nhà chức trách đã thừa biết, cho nên chúng tôi đành ra nạp mình tự thú trước đi còn hơn.

Mười Đôn biết vọc vạch năm ba chữ nho, xen vô:

- *“Tiên năng tự thú, giảm nhất đẳng”*, luật phép nước nào cũng thế.

- Sao các anh không tìm chỗ tránh mặt đi ít lâu? Sảnh hỏi.

- Đi trốn để cho khỏi phải nạp mình tự thú, tức thì khỏi làm liên can tội vạ cho cậu Tám, ấy là một việc chúng tôi muốn lắm. Ngặt vì một nỗi bỏ xứ Sài Gòn đi đâu nương nấu cũng phải có cái gì sinh sống; lại còn vợ con nheo nhóc ở nhà thì làm thế nào? Bởi vậy chúng tôi bàn nhau chẳng thà nộp mình tự thú để chịu tù tội ít lâu rồi trở về làm ăn bao bọc vợ con, chứ núp lén quanh quất ở Sài Gòn chẳng ích lợi gì, chỉ thêm nặng tội ra mà thôi.

- Các anh đừng ngại, cứ chịu khó tạm xa Sài Gòn trong một thời gian, về sự sinh sống có tôi giúp đỡ mà!

Cậu Sảnh vừa nói trúng ngay vào cái bẫy cò kè của hai con cáo già. Hai Bạo làm bộ bàn bạc phải trái với Mười Đôn:

- Chỗ cậu Tám là chỗ anh em mình còn nhờ cậy lâu dài, nay cậu Tám đã bảo thế, thôi thì mình nên tìm nơi tránh mặt ít lâu cho êm công việc; nếu mình chấp nhất, để cậu Tám là bức người danh giá, giàu có, tử tế, mà phải dính dấp tù tội, nghĩ không đành lòng...

Rồi ra hít hà nói với Sảnh:

- Vậy thì tôi xin bàn tính cách này, chắc thuận tiện hơn. Chúng tôi vui lòng vì sự an toàn của cậu Tám mà xa lánh Sài Gòn đi Lục tỉnh nương nấu trong ít lâu. Có điều, cậu Tám chu cấp cho chúng tôi hàng



tháng, nghĩ thật khó khăn, diệu vợi; lại rủi ro vì sự ấy mà lộ tung tích ra thì khốn. Chi bằng, cậu Tám cho mỗi đứa chúng tôi mượn vài ngàn đồng, để làm vốn đi Lục tỉnh cò bạc kiếm ăn, một mai trở về Sài Gòn chúng tôi xin trả đủ số. Còn vợ con chúng tôi ở nhà, nửa tháng một tháng, cậu Tám có lòng thương, bố cho cháu năm mười đồng gì đó lấy thảo cũng được. Như thế là lưỡng tiện, cậu Tám nghĩ có phải không?

Cố nhiên cậu Tám tán thành là phải ngay. Du côn chỉ được trường hợp lợi dụng chúng không trợn mà nói trắng: “Mày không đưa cho ông, mỗi hai ngàn đồng thì ông đi tố giác”, thế còn là may mắn nể nang lắm đấy. Chúng hỏi vay mượn, chỉ một cách tổng tiền khôn ngoan; mình đưa tiền ra là mất tấm, còn bao giờ hòng thấy trả lại. Có lẽ Sảnh dư biết, nhưng tình thế của chàng bắt buộc đành phải chịu ngay, dầu muốn tiếc của cũng không được.

Ít phút sau, Hai Bạo và Mười Đôn đi ra với bốn tờ giấy bạc trăm độן phòng trong túi, vẻ mặt hớn hờ, bảo nhau:

- Giờ anh em mình thẳng ra bến xe hơi đi Cần Thơ cho kịp tối nay ăn thua ở sông me Sáu Thân chứ.

Mười Đôn hiểng con mắt chột, cười cười nói nói:

- Anh khen chú mày hảo hơn thật tình. Thả câu nước đục, vớ được con cá mập khá to.

\*

Bọn du côn đi rồi, Tuấn ngồi gật gù, như nói một mình:

- Cái ghen nghĩ cũng khi thật. Ai ngờ nó có thể làm cho con người lo sợ xanh mặt và tốn kém bạc ngàn như không. Đến nỗi biết rằng chúng nó dọa già vay xỏ mình mà vẫn phải chịu mất tiền.

Sảnh nghe, cười lạt:

- Tôi đang nảo nề gan ruột, ông còn mai mỉa thêm nữa đấy, ông Tuấn?

- Không! Em mai mỉa thì trời đánh thánh vật em đi. Nhưng em thấy kết quả cái ghen của anh tốn kém bạc ngàn như thế mà tiếc. Thử về nhà quê, nói chuyện với ông, chú bà thím rằng chúng tôi ở Sài Gòn ghen gái cũng mất bạc ngàn, liệu chừng các cụ nói tin cho không?



- Đã lỡ làng rồi tổn kém mấy mà chẳng phải bóp bụng mà chịu. Nếu anh biết trước thế này thì hôm nọ đại gì ghen tuông cho khổ. Mà nghĩ ở đời, làm một việc gì cũng biết trước lợi hại hết cả, thì ai chẳng làm nên thánh hiền như Khổng Tử, Socrate, hay triệu phú như ông vua dầu hỏa Rockefeller.

- Nhưng tôi hỏi thật anh, tại sao anh ghen, nhất là ghen Cúc.

- Tại mình thương yêu nó quá, chẳng muốn để ai chia xẻ với mình.

- Lạ ta? Anh có ruộng lúa gặt rồi, kẻ khác tới mót dăm ba bông lúa thừa, thì anh để yên, vì anh bảo họ nghèo đói. Tôi ví nàng Cúc cũng như ruộng lúa của anh đã gặt đó, có kẻ đói khát nhan sắc nhục dục đến mót mấy chút đỉnh thì anh nổi tam bành với người ta!

- Để nay mai anh làm mối cho em một con nhân tình thật đẹp rồi coi em có ghen không nha?

- Ghen cũng tùy người có đáng hay không anh ạ. Em nhớ đã xem trong quyển “*Enfant du Siècle*” của A. de Musset, có đoạn một người bạn khuyên ông ta đừng thềm ghen với gái giang hồ, thật hay. Ví dụ, anh định ninh rằng Cúc là nhân tình anh trước mà A-Wang chắm mút vào sau, nó căm sừng lên đầu anh, cho nên anh ghen. Giờ anh suy nghĩ trái lại, chính Cúc là của A-Wang, anh bắt nhân tình nàng sau, thế là anh căm sừng lên đầu nó, thì anh nên lấy làm tự cao, sung sướng, có phải hơn không?

Sánh cau mặt và chấp tay vái mãi:

- Thôi, con xin van ông đừng giảng luận lí lúc này. Bây giờ chúng mình đã dàn xếp hai thằng cáo già kia xong, còn với Phi Rõ thì làm cách nào cho nó phản cung như lời em nói lúc nãy. Đó mới là việc quan hệ, em Tuấn.

Tuấn cười sằng sặc:

- Ôi! Tí nữa em bị triết học lôi kéo ra ngoài thực tế. Với Phi Rõ, em tính bây giờ chúng ta phải thuê trạng sư bình vực nó là lẽ cố nhiên. Ngoài ra, ta phải tốn tiền để tìm “tuy đồ” nhắn miệng hay gửi thơ vào khám cho nó, bảo nó mai chiều ra phòng Dụ thẩm thì chối những lời khai cũ và khai lại mới hết.

- Khai lại thế nào?

- Em tưởng nó có thể nói với quan Dụ thẩm rằng hôm mới bị bắt,



nó lính quỳnh khai bậy. Không có ai sai khiến. Nguyên nhân nó có tư hiềm với A-Wang, vì nó vốn là cu li trong nhà máy xay gạo của thân phụ A-Wang, mà chính ông chủ con này đã đuổi nó oan ức. Bị quăng ra đầu hè với cảnh đói khát, thất nghiệp, nên nó oán hận, làm liều đấy thôi. Rồi nó thiết tha ngỏ ý ăn năn tội lỗi, tất nhiên luật pháp cũng châm chước cho một vài phần. Trạng sư cãi giỏi, không chừng chỉ sáu tháng đến một năm là cùng. Anh nghĩ cái điệu kẻ ấy ra sao?

Ừ, kẻ ấy có lẽ thi hành kết quả được đấy. Anh giao một ngàn đồng cho em đi thuê thầy kiện và mua “tuy dô” nha.

Sảnh vào mở tủ sắt lấy số tiền ra trao cho Tuấn.

- Xong việc thì anh thưởng em những gì nào? Tuấn hỏi chơi.

- Được rồi, anh sẽ tặng em một mũ nhân và dọn cho em một căn nhà sang trọng.

- Sung sướng quá! Thôi, giờ anh cứ nằm yên nhà, mặc tôi đi cậy mượn người ta bôn tẩu việc này cho.

- Không, anh không nằm yên ở nhà đâu. Mai, anh định đưa Cúc ra ngoài Đà Lạt, không chừng sẽ đi tới Huế, Hà Nội chơi năm ba tuần lễ, khi nào em lo công việc chắc xong thì đánh dây thép cho anh trở về, chứ nằm nhà buồn lắm.

Tuấn cầm mũ bắt tay ra đi, còn cố quay lại nói kháy ông anh một câu:

- Phải lắm, anh nên dắt nàng đi du lịch cho khuây. Có điều, anh nhớ mua ít cặp sừng ở đế kinh và đất ngàn năm văn vật về làm quà cho em nha.

## XVII

### TỰ ĐÀO LẤY MẢ ĐỂ CHÔN MÌNH

Cách ba tháng sau.

Một hôm, vào khoảng sáu bảy giờ tối, ở khúc đầu đường Richaud, thường ngày tối tăm vắng vẻ, người ta thấy một tòa nhà kiểu tân thời bật



đèn sáng trung từ trong vườn hoa đến ngoài cổng sắt tỏ ra quang cảnh một nhà có yến tiệc linh đình.

Chừng vài ba phút lại có một xe ô tô đưa một bọn khách đến, rồi nối đuôi nhau đỗ một hàng dài ở trước cửa, tới mười mấy chiếc.

Nếu ai để ý, tất phải lấy làm lạ vì khách đến dự tiệc nhà này, không thấy những ông khăn đen áo dài, cũng không thấy bà nào đứng tuổi, búi tóc cánh phượng, quanh cổ quần vàng, ra vẻ quý chức phu nhân hay các bà nghiệp chủ. Khách toàn là hạng thanh niên nam nữ, trạc tuổi trong ngoài đôi mươi, trẻ trung xinh đẹp hơn hớ. Cậu nào cũng mặc đồ tây, cô nào cũng diện *mốt* mới. Cứ trông cách thức họ trang điểm và đi với nhau như thế, người tinh mắt có thể nhận biết ngay là những công tử phá sản và tiểu thư giang hồ.

Rồi những tiếng nói cười, tiếng ca hát, tiếng đùa giỡn, tiếng kêu la ở trong nhà vang động ra đến ngoài đường, khiến ai đi qua cũng phải dừng chân đứng lại, tò mò dòm xem.

Những chai sâm banh mở kêu lộp bộp như tràn pháo nổ. Chừng các cô cậu say khướt cả rồi, tha hồ nghịch đùa tung ném vào đầu vào mặt nhau những bông hoa tươi nhất trên bàn tiệc, phấp phới tứ tung như một trận mưa hoa ngũ sắc.

Kế họ ôm nhau nhảy múa vui cười rầm rập; nhảy múa chán rồi đàn ca inh ỏi; mãi đến quá nửa đêm, không khí xóm đầu Richaud mới trở lại êm lặng như cũ.

Nhưng một xâu dài ô tô vẫn đợi ngoài ngõ, khách khứa vẫn chưa thấy ra về. Bọn sếp phơ đợi chờ lâu quá sốt ruột, anh thì nằm ngủ lã trên đệm xe, anh thì ngồi lên chạy xuống, hút thuốc vặc, tán mảnh với nhau.

- Chém chết thì bây giờ các cô các cậu cũng xoay ra bài cào hay là hốt me để sát phạt nhau to, có lẽ đến sáng. Tôi biết nhiều đám tiệc thừa cơ ăn uống xong rồi, ngả sòng cờ bạc thành linh, nhà chuyên trách không ngờ đâu mà bắt...

Nhà này có việc gì mà bày yến tiệc linh đình như thế?

Đám cưới chăng?



Ăn mừng được gán bội tinh hay thưởng phẩm hàm gì chẳng?

Không.

Chỉ là một bữa tiệc Sảnh dọn nhà mới cho Cúc về ở, tức là nợ kim ốc tàng kiều của chàng.

Trong thời gian ba tháng vừa qua, Tuấn đã hết sức vì Sảnh lo chạy vụ án Phi Rõ được kết quả mỹ mãn vô sự, theo như sở định.

Người chủ sự, kẻ trung gian, đều không bị phiền nhiễu truy vấn gì cả. Vì nhờ Phi Rõ khéo phản cung và chịu hết trách nhiệm. Cũng may A-Wang ở nhà thương một tháng thì bình phục như cũ, chẳng phải tàn tật may may, thành ra tòa cũng lượng giảm, chỉ kêu án Phi Rõ một năm tù, mà không phát lưu, như nó đã lo sợ.

Sau hai tháng Sảnh với Cúc ngao du từng đoàn trên đường thiên lí, ra đến Hà Nội thì được tin của Tuấn cấp báo cho biết mọi sự yên ổn, chàng tức tốc trở về Sài Gòn.

Về đến nơi, có một tin khác làm cho chàng thêm vui, mà có lẽ Cúc buồn thảm. Là tin A-Wang đã phải về Quảng Châu khi va bình phục, vì cha mẹ va cho về bên Tàu buôn bán, không để ở đây chơi bởi sinh sự nguy hiểm nữa. Thế là tình địch khá sợ của chàng đã đi xa biệt, không còn ai dám phóng tiền chơi ngông như va để cùng chàng cạnh tranh chinh phục trái tim của Cúc.

Trên trận địa ái tình ấy, chỉ còn mình chàng là viên tướng chiến thắng hoàn toàn.

Muốn mua lòng Cúc, công tử Sảnh không ngần ngại gì mua một tòa nhà cho nàng đứng tên làm chủ. Sẵn có một tòa biệt thự ở gần đầu đường Richaud của một nhà nghiệp chủ Ấn Độ mới cất được ít lâu, Cúc xem lấy làm vừa lòng, từ cách kiến trúc cho đến vị trí. Nhà cất theo kiểu tối tân, giữa khu đất rộng một ngàn hai trăm thước vuông tứ vi có cây cối mát mẻ, mùa nào có bông trái nấy. Trong nhà sắp đặt đủ cả mọi sự cần dùng kim thời cho một gia đình hào phú. Ga ra cũng rộng, có thể một lúc để hai chiếc xe hơi thông thả. Nhưng Cúc ưng ý nhất, là trên nóc nhà có cái hồ tắm nho nhỏ, xinh xắn, lát bằng thứ đá có vân như cẩm thạch người ta mua từ bên Ý đem sang. Lúc nào muốn tắm thì bơm nước ở dưới lên, tự nhiên là một hồ bơi. Tắm rồi tháo hết nước đi, chỗ ấy hóa



ra một sân gác thừa lương rất đẹp. Những chậu cây cảnh khéo uốn tĩa ra hình này hình kia sắp hàng chung quanh; bóng đèn điện mắc giấu ở giữa nhành lá. Đêm đến, người ta vặn đèn ấy lên, đem rượu ngồi hóng gió nói chuyện với nhau, có thể cảm tưởng như một cảnh tiên.

Có lẽ Cúc đã quen biết người Ấn Độ chủ tòa nhà này, đã thuộc rõ hình thể và cảnh sắc ra sao, cho nên tự nàng lựa chọn và nài nỉ Sảnh mua.

Thành ra đáng giá chỉ độ 35 hay 40 nghìn đồng, nhưng người chủ nhà ngó thấy cô với cậu thích ý quá họ được thể bắt chẹt, Sảnh phải trả tới 50 ngàn đồng mới mua được.

Chàng bỏ ra hơn một vạn nữa sửa sang ít nhiều theo ý mình muốn, và thuê hãng Lamorthe đóng toàn đồ đạc mới, mua toàn vật dụng sang, để bày biện trong nhà. Bấy giờ nàng mới dọn về ở nhà mới, chàng gọi là cái ổ tình ái. Còn cái nhà chàng ở đường Pierre Flandin thì chàng cho Tây thuê, luôn cả đồ đạc trang hoàng bên trong.

Đồng thời, chàng với Cúc mai mối vật sắc trong đám danh hoa Sài thành lấy một ả để tặng cho Tuấn theo như lời hứa và biết ý Tuấn đã gắm ghé lâu nay. Ấy là cô Hai Châu Giang mà Cúc nhận là em họ bên ngoại. Kì thật cô là con lai khách; người mẹ theo chồng sang ở Quảng Đông một độ, sinh ra cô bên ấy, cho nên có tên là Châu Giang. Ân trả nghĩa đền, Sảnh đã thưởng sắc đẹp cho Tuấn, lại tặng cậu ba ngàn đồng bạc để cậu dọn nhà và mua sắm trang trang sức cho người yêu đã... không quả, Tuấn một lời bôn tẩu thu xếp, Sảnh mới khởi dĩnh vào trong vụ Phi Rỗ chém A-Wang. Tên du côn làm nghề đâm thuê chém mướn này đã theo mưu mô của Tuấn bảo phản cung, tự chịu trách nhiệm một mình, đánh đổi lấy một số tiền cho vợ con nó làm vốn. Sảnh đền bồi Tuấn một đóa hoa giang hồ với một tờ chi phiếu ngân hàng như vậy, kẻ cũng xứng đáng.

Nhưng chính là Sảnh đã vô tâm hay hữu ý – nói rằng vô tâm thì đúng hơn – lôi kéo Tuấn theo mình đâm sầm vào bụi gai, nhào đầu xuống hầm hố; Tuấn cũng vốn là người phóng đảng, hai chân đã sẵn sàng đứng chụm ở trên miệng hố rồi.

\*



Sau khi sửa sang chung dọn nhà mới và xếp đặt xong cuộc ở chung rồi, Sảnh và Cúc bàn nhau làm một bữa tiệc linh đình mời những kẻ quen người thuộc để vui mừng hai sự mới một thể; tân gia và tân hôn.

Bản ý nàng muốn bắt buộc công tử Sảnh làm phép cưới tại tòa Đốc lí Sài Gòn hẳn hoi, cho được danh chánh ngôn thuận. Không phải ái tình chân thật, cho là cái gia tài Sảnh đã làm nảy ra trong óc nàng tư tưởng tôn phù lễ nghĩa ấy. Có được làm vợ Sảnh một cách chánh thức, nàng mới có quyền chung đụng tự do vào bạc tiền lúa thóc của Sảnh lúc sống; hay một mai chàng chết đi, thì nàng chứ còn ai là người có quyền thừa hưởng sản nghiệp chàng sẽ để lại, mặc dầu sản nghiệp ấy đã như viên ngọc mẻ hết một góc, nhưng vẫn còn chiếu sáng long lanh và còn là quý giá.

Mấy ả giang hồ sành sỏi, tính toán một việc gì cũng có chủ tâm lợi dụng trước nhất. Có phải bán mình, bán xác thịt họ đi, họ cũng biết đánh đổi lấy một giá rất đắt.

Mà ý Sảnh cũng muốn thế. Chàng nghĩ Cúc như con ngựa trái chứng, bắt kham, mình dùng dây cương tiền bạc ràng buộc nó tuy có phần vững, nhưng cũng chưa đủ; phải nối thêm dây cương pháp luật nữa cho được chắc hơn. Có thể, ta sẽ kiềm chế nó vào khuôn, không thể tự do ngoại tình nhảy đực mà ta nghe cho.

Thế rồi mỗi đảng đi lo giấy tờ khai báo để làm phép cưới.

Song việc ấy không thành.

Vì có hai lẽ:

Một là chàng hơi nể sợ cha, bởi ông Phủ hàm viết thơ trách thiện và mắng như tát nước vào mặt.

Hai là nàng không có một tờ giấy lộn nào để chứng tỏ căn cước của mình.

Tuy Sảnh đã quá tuổi thành nhân và có thể tự chủ lấy đời mình rồi, nhưng chàng cũng thành kính viết thư về Cà Mau kể chuyện sắp sửa kết hôn với Cúc cho ông cụ thân sinh được biết; cũng như một lá đơn xin phép ông vậy. Ông cụ làm như mình là một quan phủ đương chức, phê mấy hàng chữ sau đây vào bên cạnh bức thư của con, rồi gửi trả lại. Còn



trở trêu hơn nữa, ông cụ đề phong bì tên Cúc, thay vào tên Sảnh. Mấy câu cha tuyên án con như vậy:

*“Thằng con núp sau váy dĩ. Tưởng mày lãnh phần gia tài đem lên Sài Gòn kinh doanh được công việc ích lợi gì. Té ra ngày đêm mày bao bọc dĩ, phung phí với dĩ, giờ mày lại định cưới nó làm vợ chính thức. Đồ ngu!*

*“Nhà tao không thể có con dâu là dĩ, cũng không muốn có thằng con như mày. Tao cấm cửa mày, từ nay đừng vác mặt về nhà tao nữa.*

*“Người đã đẻ ra mày uống công: Kí tên.*

Cúc nhận được thư xem rồi tái mặt, và đưa cho chàng:

- Ông già của mình chửi cha tôi đây này.

Kì thật, nàng là đứa con đẻ ra không có khai sinh, không biết cha mẹ nàng là cha căng chú kiết nào. Vì thế, nàng không có giấy tờ cần cước để làm phép cưới.

Hai người đành bãi việc thành hôn ở trước mặt luật.

Tuy vậy, họ cũng mở tiệc vui mừng nhà mới, duyên mới, tức là một dịp cho họ khoe khoang sang trọng với những người mà họ mời đến.

Thật đúng như câu phương ngôn Tây đã nói: “Ai giống nhau hội họp với nhau”. Khách khứa đám tiệc này không có ai xa lạ, chỉ gồm bốn hạng Sài thành làng chơi: *công tử phá của, tiểu thơ phong tình, anh chị du côn và tay nghề cờ bạc.*

Họ ăn uống, họ cười đùa, họ nhảy múa ca hát, rồi xoay ra cờ bạc thâu đêm để thịt lẫn nhau, như đoạn trên đã nói.

Sảnh với Cúc có vẻ dương dương tự đắc lạ lùng, đến nỗi lúc nâng cốc rượu xâm banh chào khách, chàng bá lấy cổ nàng và thốt ra câu này không hề ngượng miệng:

- Chỗ này là nhà vàng của tôi mới mua, để chứa một nàng họ Kiều ở đất Giang Đông kim thời, tức là em Cúc của tôi đây.

- Đại Kiều hay Tiểu Kiều, phải nói rõ cho bà con biết chứ? Một người đã say ngất ngưỡng, reo cười và hỏi như thế.

- Chắc là Đại Kiều! Người khác trả lời hộ Sảnh.



- Thế còn Tiểu Kiều đâu, bớt ra cho tôi.

Ai nẩy cười ồ lên như vỡ chợ. Một người thứ ba chỉ tay vào cô Châu Giang rồi chỉ vào Tuấn và giới thiệu với cử tọa:

- Tiểu Kiều và Chu Du là hai cô cậu đây này.

- Vậy thì chúng ta nên mời ông Tôn Bá Phù và nàng Đại Kiều mỗi người một cốc rượu.

Thế rồi cả mấy chục tân khách luân phiên nhau ép mời Sảnh với Cúc phải uống với họ, mỗi người một cốc xâm banh đầy, làm cho cặp tình nhân đang nồng nàn kiêu thái phải chéch choáng gần ngã.

Bởi thấy Sảnh tự phụ tòa nhà chàng mới tậu là nhà vàng và gọi Cúc là nàng Kiều Thị, cho nên tân khách gọi chàng là Tôn Bá Phù. Họ lấy điển tích chọi nhau cho ra vẻ thiệp thế. Làng chơi trong Nam, nhất là hạng anh chị cờ bạc, thuộc những sự tích và nhân vật tuồng chuyện Tam Quốc, Thủy Hử như cháo, động có dịp là tuôn ra hàng tràng. Từng có tay du côn hay cừu mang em út, tự xưng mình là Mạnh Thường Quân; từng có tướng cướp tự hiệu là Đồn Hùng Tín, luôn mấy năm cướp bóc tung lung ở vùng Biển Hồ trên Cao Miên và miền Hậu Giang xứ Nam kì, sau mãi nhà chuyên trách mới trừ khử được. Những người trong giới chơi bởi thuộc lòng nhân vật tuồng xưa truyện Tàu, cũng như nhà cự nho phải nhớ kinh điển hay nhà tân học cự phách thông cả La Tinh Hi Lạp vậy.

Tuy giữa tiệc họ khéo đỡ tích xưa ra tán tụng cậu Sảnh thế đấy, nhưng chốc nữa ra về, họ phẩm bình mai mỉa với nhau, cho anh chàng khoe mèο hợm của như thế là ngốc.

- Nhà vàng? Vàng thiệt hay rồi hóa ra vàng giấy? Có phải con đó là Đại Kiều hay đổi ra Đại Cừu thì mới thật đúng.

- Tôi cho chúng nó chỉ dính nhau mấy tháng rồi tan rã như nước đá cho mà coi.

- Có lẽ! Thằng đực thì hợm của mà ngu; con kia thì xài tiền như rác, mà lại đa tình ghê gớm. Gái đâu có gái lạ đời, chỉ chừa có một ông trời không chim!

- Thôi đi, nên hư hay dở, kệ xác chúng nó. Có lẽ chúng làm bữa



tiệc tốn kém hàng nghìn để thuê anh em mình chửi đấy sao! Nhưng tôi thì tôi cũng bảo là chúng nó sắp chết.

Ấy là những lời tán mảnh của một bọn khách sau khi ra về. Nếu chàng được nghe, không chừng uất tức đến đập đầu vào tường. Chàng không ngờ đâu đãi khách tốn hao sang trọng đến thế, họ ăn rồi lại có thể chửi mình.

Bữa tiệc chàng làm đến cùng xa cực xỉ; người ta chưa hề thấy một nhà quan đốc phủ sứ hay một đại phú gia nào đãi tiệc hoang phí đến thế.

Đồ dọn ăn toàn bằng vàng bạc và thủy tinh, phần nhiều là đồ ngự dụng trong cung vua Mãn Thanh ngày trước, do một hiệu khách trong Chợ Lớn thuê từ bên Tàu đem qua, phải bảo hiểm mấy vạn bạc.

Hiệu cao lâu Vĩnh Xuân lãnh nấu, lựa chọn tinh những món ăn cầu kì quý giá. Có món nấu hai thứ chim gì ngoài bể không biết, gọi tên là món “Phượng cầu kì hoàng”, mỗi bàn một đĩa, mỗi đĩa tính giá một trăm đồng chẵn.

Cứ hai đồng bạc một ấm trà Trăm Mã, là thứ chè tận trên ngọn núi Vũ Di Sơn, người ta phải thả những con ngựa già ốm cho lên đỉnh núi ăn lá chè ấy rồi mổ bụng ngựa ra mà lấy. Vì thế có tên là *Trăm Mã trà*, cũng vì thế mà quý hóa đắt đỏ.

Rượu sâm banh uống như nước lã suốt đêm, toàn thứ hảo hạng, đắt tiền.

Mua các thứ hoa tươi trên Đà Lạt đem về trang hoàng từ ngoài ngõ vào trong nhà, xen với vóc nhiều mới toanh.

Riêng khoản đèn điện thắp một đêm ấy, công ti điện khí tính cả tiền công và tiền hơi gần năm trăm đồng. Vì đèn điện mắc tứ tung cho đến nóc nhà và các ngọn cây.

Sảnh còn chơi ngông đến nước này nữa mới lạ đời: Tặng quà cho khách. Những người dự tiệc tân gia, tân hôn này đã không tốn đồ mừng thì thôi, lại còn được chủ nhân tặng cho một món quà đem về làm kỉ niệm. Mà phải món quà ít tiền gì sao? Từ mười đồng trở lên tới bốn năm chục không chừng. Sảnh mua ở hãng .... nào giày mũ, nào đồng hồ, nào nước hoa, nào tơ lụa, nào bánh kẹo, nào nhẫn vàng, mỗi thứ đựng trong



một chiếc hộp xinh đẹp. Khi ăn tiệc xong bày ra cuộc xổ *tombola* làm vui; mỗi người khách rút thăm hễ trúng món gì thì lấy món ấy. Ai cũng có phần, không nhiều thì ít. Thế là khách được ăn, được nói, lại được gói mang về.

Họ bảo anh chàng hợm của, thật không oan chút nào.

## XIX

### HỌ QUẢNG TIỀN BẠC QUA CỬA SỔ RA THẾ NÀO?

Từ đây, Sảnh và Cúc sống một cuộc đời rất mực xa hoa, phóng túng, tràn trề vật chất.

Không mấy đêm nhà họ không bày ra những cuộc yến ẩm, tụ họp bạn bè trai gái, hầu như một hội quán, hơn nữa, một tổng bộ của Làng chơi.

Nghề đời, đã sẵn tiền bạc trong tay, lại dám hoang phí giao du, cứ nay yến mai tiệc mời mọc người ta, thì có thiếu gì bạn lui tới vui chơi.

Rất đổi nhà Sảnh trở nên một cơ quan tập trung các tin tức mới lạ về trai gái, về cờ bạc, và các *mốt* ăn chơi và thời trang phục sức; ai muốn biết một tin mới gì, cứ đến đây mà dò la, nghe ngóng. Phàm một tân văn, một biến cố gì quan hệ của làng chơi, chỉ xảy ra độ nửa giờ, nhà này đã có tin báo cáo và biết rõ ngành ngọn.

- Con Năm Nhứt Bồn mới ở Nam Vang xuống hôm qua, nhan sắc giờ coi xinh đẹp bội phần, vàng đeo từ cổ đến chân.

- Công tử Phát ở Cần Thơ vừa mua một chiếc xe hơi Hoskiss cắt chỉ (nghĩa là mới nguyên) cho cô Tám Siêu. Tôi đã thấy cô cầm tay lái vững vàng đáo để.

- Hôm kia, nhà Prohomull Frères ở đường Catinat đã sang nhiều hột xoàn đẹp quá, các bà các cô nhà giàu tranh nhau mua.

- Ngay tối hôm qua, tại nhà Bảy Phang đánh me có xảy ra việc cướp tiền và rút súng ra bắn nhau sao đó, có phải không anh?



Không cần phải có một tờ báo riêng cho làng chơi, bất cứ đêm nào người ta đến chơi tòa nhà ở đầu đường Richaud cũng nghe được một vài câu chuyện sốt dẻo đại khái như thế.

Đêm nào như đêm nầy, hễ thấy cô không đưa nhau vào nhà tiệc trong Chợ Lớn đóng thuế cho ông vua cờ bạc Sáu Ngọ ít nhiều, thì thấy cô họp khách ở nhà sát phạt nhau chẳng vừa chi. Bài cào họ đánh vài ba trăm đầu nặng là sự thường; tứ sắc có chơi nhỏ lắm, gọi là đỡ buồn, cũng một đồng bạc một lệnh. Mỗi đêm có thể ăn thua dăm ba ngàn đồng.

Cúc có máu mê cờ bạc lạ thường, hơn cả đàn ông mê gái. Nàng đã từng nói ra miệng với Sảnh:

- Cờ bạc tức là không khí đối với tôi, mình ạ. Trong khoảng 24 giờ không có nó làm bạn, tôi cảm thấy mình bứt rứt, khó thở. Bất cứ đánh thứ gì, miễn là có cờ bạc cho tôi chơi gọi là, ăn thua đôi ba chục gì đó cũng được, tôi mới thấy khoan khoái dễ chịu, không thì tôi buồn bã cầu nhàu, có thể sinh sự cả với mình.

Thành ra chiều lòng người yêu, mỗi đêm Sảnh phải tìm kiếm sòng bạc đưa Cúc đi, hay là tổ chức ở nhà cho nàng chơi. Chính anh chàng cũng bén mùi lẩn lóc với cuộc đen đỏ. Cả hai người cùng là kiện tướng đỏ bác; họ tương đắc tương thân nhau có lẽ cũng vì đó một phần.

Chàng tổ chức ở nhà thường quá, đến tai ông vua cờ bạc. Phải biết lão này không dung cho ai có quyền lập sòng cờ bạc, mặc dầu ở trong nhà riêng của mình. Phàm ổ cờ bạc lớn nhỏ nào, không phải thuộc quyền lão kinh doanh thủ lợi, đều bị lão mách nhà chuyên trách vây bắt ngay.

Có lần, đang nửa đêm, trong nhà, Sảnh đang chơi bài cào, thì lính ập tới. Chàng mau trí khôn, thu dọn tang vật giấu ngay, tuy không bị bắt quả tang, nhưng Sảnh và Cúc phải một bữa hết vía.

Sau đêm hôm ấy, họ không đại tổ chức ở nhà nữa, rủ nhau đi chơi ở ngoài. Chẳng có nhà tiệc và trường đua để cho người ta đỏ bác tự do là gì kia?

\*

Chàng phải chiều chuộng người yêu thái quá mà mang lụy. Nhất là đau đớn cho cái hồ bao.



Nàng muốn sao được thế. Miễn là nàng hé môi nói: “Tôi muốn vật này, mình ơi!”, tức thời Sảnh phải mua sắm vật ấy cho nàng. Không bao giờ chàng từ chối một sự gì nàng ưng muốn; cũng không bao giờ tỏ ý khó khăn. Giữa cặp tình nhân này, chẳng có tiếng gì là tiếng “không có thể”.

Nàng muốn một chiếc xe hơi nhỏ xinh để học cầm lái, phòng khi đi đâu một mình. Chàng đông lại hãng *Auto Hall* hay *Garage Indochinois* tìm được chiếc xe như thế đem về dâng ngay.

Giày đóng một lúc hàng mấy chục đôi, đủ kiểu và các thứ da. Quần áo may hàng trăm bộ, toàn là đắt tiền, mắc đầy hai ba tủ áo. Lắm bộ treo đến bỏ bụi mà nàng chưa xỏ tay vào lần nào.

Những vòng ngọc thạch, dây chuyền nạm kim cương và nhẫn hột xoàn, nàng gặp thứ gì thích mắt cũng nũng nịu đòi chàng mua sắm cho được. Một hộp đựng đầy nữ trang, khi nào thua bạc túi tiền quá, nàng đem đến các tiệm Vạn Bảo cầm để gỡ gạc. Thế thân những vật điểm thêm nhan sắc cho nàng đó thường bị cầm đi chuộc lại không biết bao nhiêu lần.

Một hôm, nàng đi chơi với Sảnh, mà không thấy đeo một phen vàng ngọc nào, chàng lấy làm ngạc nhiên, hỏi đồ trang sức đâu cả, nàng trả lời không có một chút sợ sùng:

- Dây chuyền và cà rá, em đã cầm hết cả rồi anh ạ.
- Mình tiêu xài việc gì mà phải cầm đồ?
- Thua quá chớ sao.
- Thế cầm ở đâu?
- Cầm ở tiệm thim Xôi đường Verdun.

Thế là Sảnh lại phải bỏ tiền chuộc nữ trang về cho nàng.

- Có lúc mình cầm cả tòa nhà ở đường Richaud cho mà xem.
- Ấy, chưa biết chừng! Nàng nói một cách rất tinh táo tự nhiên.

Tuy vậy, anh chàng vẫn phải cắn răng bóp miệng mà chiều chuộng người yêu đủ mọi sự. Cảnh chàng gần như cảnh những vị trung thần Cơ tử, Tỳ Can dầu gặp phải ông vua hung ác là vua Trụ, cũng vẫn khẳng khái một lòng thảo ngay thờ chúa vậy.



Mỗi tuần lễ, nàng phải tắm ba lần bằng sữa bò tươi để giữ cho da thịt được mịn màng trẻ đẹp luôn luôn. Người ta cứ đoán cũng biết sữa bò tươi đổ đầy một thùng tắm cho con người ấy ngâm da tắm mát cả thân thể, mỗi lần tốn kém đến đâu.

Không một chuyến tàu nào từ Marseille sang đến Sài Gòn, không đem lại cho nàng một hai kiện đồ, nào phấn sáp, nào nước hoa, nào hàng tơ lụa và kiểu mẫu nọ kia, do nàng gởi mua ở Paris hay Londres.

Sắc đẹp của nàng tức là vốn liếng, là mối câu, là khí giới sinh tồn, cho nên nàng lo vun quén, bồi bổ, không kể gì hao tốn. Tắm bằng sữa tươi, chính vì mục đích ấy. Nào phải thế thôi, nàng thuê mỹ viện *Kéva* hai ngày một lần, cho một bà đầm chuyên môn đến nhà sửa vú, nắn da, và đắp bóp cho nàng một giờ. Một giờ đồng hồ ấy tiền công mười lăm đồng bạc. Nội một khoản ấy hằng tháng đã bao nhiêu tiền!

Nàng lại thuê riêng một ả xăm (thím khách, theo tiếng xứ Bắc) chỉ có việc mỗi ngày đến nhà, chờ khi nàng thức dậy, để chải đầu búi tóc cho nàng.

Tóm lại, những cách điếm trang tự phụng của nàng nhất nhất đài các xa xỉ, tưởng vợ con những nhà vương công cự phú xứ mình cũng không được thế.

Tiền ai?

Chỉ chết cái hồ bao công tử Sảnh!

\*

Hình như trong tay chàng có nhiều tiền quá, không biết tiêu xài gì cho hết, mà những việc kinh doanh đứng đắn, ích lợi, thì hạng người như chàng lại không biết làm, thành ra chỉ còn có cách là bốc tiền mà ném qua cửa sổ.

Muốn khoe khoang cho thiên hạ biết mình chơi sang xài bảnh, chàng không ngần ngại đem tiền bạc mồ hôi nước mắt của cha mẹ đã góp nhặt và chia phần cho, quăng vãi lăm cách thật là ngông nghênh, lỗ bịch.

Sáng sớm một hôm đó, ai mở tờ báo *Trung lập* mới ra sớt dềo, xem mục “*Thiên hạ đồn*” – dưới ngòi bút sắc cạnh và rất khéo xoi móc của



ông Trần Văn Chim đã quá cố - thấy mấy hàng tin tức quái lạ như sau này, đều phải sửng sốt.

“Thiên hạ đồn rằng đêm hôm qua, những du khách muốn đi thừa lương ngoạn cảnh, cũng như các cậu làng chơi muốn rước mèo đưa gái đi Thủ Đức ăn nem hay lên Dĩ An tắm mát, tìm khắp Sài Gòn – Chợ Lớn không còn một chiếc xe hơi nào cho thuê.

“Nhiều người tức mình, đến tận nhà các chủ xe, thấy xe để không đó, nhưng họ đều nói đã bị người ta trả tiền trước và bảo gác đề, giờ không thể cho ai thuê được, dù là 50 đồng một giờ.

“Thiên hạ đồn rằng chỉ có một người đã thuê tất cả xe hơi cho thuê ở Sài Gòn – Chợ Lớn, nguyên do chỉ vì hai công tử làng chơi kinh địch với nhau một con mèo.

“Có quả vậy chăng?”

Câu chuyện kì khôi này quả có như lời thiên hạ đồn thật.

Và lại, một trong hai công tử nói đây, nào phải ai lạ, chính là con cừu trong chuyện của chúng ta: Cậu Sảnh.

Ở đất Sài thành phong nguyệt phồn hoa, người ta thấy các vị công tử nhà giàu tay chơi, chỉ vì ganh hơi tức khí, vì sĩ diện, vì tiếng tăm, gây nên những cuộc tranh cướp lẫn nhau một con mèo là sự thường có.

Được cái, họ không làm như bọn du côn lấy dao găm quả thui ra tranh nhau một mối lợi, một miếng ăn. Đằng này họ chỉ dùng rất một thứ khí giới tranh đấu, vừa nhẹ nhàng, vừa có sức mạnh vô song, ấy là chiếc ví da, cuộn giấy bạc. Ví dụ cậu A, may tặng cô B. bộ áo nhung đáng bảy tám chục, thì cậu C. tặng chiếc xuyên nạm hột kim cương đã mua tại hiệu *François Sừ* hơn hai nghìn đồng, tức thời cậu A. điên tiết, cho hẳn cô một chiếc ô tô mới tinh hảo, để chỉ tỏ cho kẻ tình địch biết rằng: “Tao nhiều tiền hơn, tao xài bánh bao hơn; thử xem mày có giỏi thì ganh gổ với tao nữa đi nào!” Nhiều khi, rốt cuộc cả hai cậu cùng khuynh gia bại sản, chỉ cô B. ở giữa là béo bở. Mấy tay danh hoa như bực *Trà Nhị* gần đây, nhờ có những cuộc tương tranh đại khái như thế, đã cho họ phung phá biết bao nhiêu vạn của công tử mà nói.

Cái vật làm đích tương tranh cho họ, có khi chỉ là một tiện phẩm mà họ cũng dở những cú giấy bạc ra đâm nhau túi bụi mới kì. Hèn gì lũ gà thường ganh gổ mổ đá nhau chỉ vì có tiếng gáy.



Cũng bởi tiếng gáy mà Sảnh đã chơi cái thủ đoạn thuê sạch xe hơi ở Sài Gòn – Chợ Lớn, tốn hết vô số.

Bạch Tuyết, một ngôi sao vừa mới mọc lên kể nhan sắc không kém gì Cúc, nhưng nàng được điều hơn, là còn xanh trẻ, như bông hoa mới nở, lại có cái thiên tài ca vọng cổ với thanh điệu thánh thót du dương, nghe rất hay, ai cũng phải phục. Ban đầu nàng dự vào một ban cải lương tài tử, hát giúp hội Dục Anh vài đêm; sau được hai hãng *Pathé* và *Columbia* tranh nhau thuê nàng ca những bản vọng cổ để thu thanh vào đĩa máy hát. Các báo đăng hình và ca tụng rầm rĩ lên. Nhân đó, tiếng tăm Bạch Tuyết nổi dậy, các cậu công tử mê tí, đua nhau chạy theo tán tỉnh thù phụng nàng.

Trong đám ấy Sảnh là người đoạt giải tiên phong, được lọt vào mắt xanh của Bạch Tuyết. Kế đến Giao, một chàng trai trẻ vạm vỡ, con nhà giàu ở Vĩnh Long đỗ tú tài bên Tây trở về, chưa tính làm lụng công việc gì, may gặp một hôm bà mẹ bỏ quên chìa khóa tủ sắt, cậu đánh cắp được một bó giấy bạc – nghe đâu tới ngoài một vạn – đem lên Sài Gòn ăn chơi thả cửa.

Nhưng Bạch Tuyết khôn ngoan biết lựa chọn, đối với Giao có phần gán bó âu yếm hơn. Vì cậu này cũng trẻ như nàng, cũng con nhà giàu, có chút danh giá là cậu tú, mà tái tim non lại chưa có ai nắm giữ. Sảnh đã có Cúc rồi, nàng dư biết; trước hàm sư tử gửi mình đằng la, nàng không đại gì. Thành ra hai cậu vốn là bạn chơi bởi cặp kè với nhau, giờ vì tương tranh một con mèo mà hóa ra ghen ghét, kình địch.

Sảnh chỉ nhắm nhắm tìm cách đoạt lại bông hoa trong tay kẻ thù; nếu không được thì cũng phá đám chơi cho bõ ghét.

Họ đã từng xỏ nhau lắm miếng rất cay, không kể gì là sự hao tiền phí của.

Một hôm, Sảnh muốn trào máu lên cổ, khi được tin Bạch Tuyết từ chối bữa cơm chàng định mời ở *Continental* đại phạn điểm chiều nay, là cốt để sáu, bảy giờ tối, cùng Giao tổ chức cuộc đi tắm suối Dĩ An với mấy bạn thân. Chàng bắn tin đe dọa:

- À giỏi! Con Bạch Tuyết và thằng Giao dám vượt râu cọp mà chơi, để rồi cọp cho hai đứa nó biết nanh vuốt sắc lẹm ra thế nào?



- Anh định cắt gân bẻ giò chúng nó chứ gì? Có người tò mò hỏi thế.

- Không, đây không thêm chơi lồi du côn, chỉ đồ chúng nó chiều tối nay làm sao đi lên Dĩ An được mới giỏi.

Quả nhiên, chiều tối hôm ấy bọn Giao với Bạch Tuyết đành phải tức tối, bãi cuộc chơi suối Dĩ An, vì một lẽ rất quái lạ, không ngờ là Sài Gòn, Chợ Lớn chẳng còn sót một chiếc xe hơi nào cho thuê mà đi.

Họ ra bến xe Chợ Mới, Chợ Cũ, lòng khắp các *ga ra*, nơi nào cũng một câu trả lời:

- Xe có người thuê hết rồi. Người ta đã trả tiền trước tới nửa đêm, và bảo chờ đợi sẽ đi đến bất thành linh. Thôi, xin thầy cô chịu phiền để hôm khác vậy.

Thì ra lúc năm giờ chiều, Sảnh đã lòng khắp hai châu thành, có chiếc xe hơi nào là xe cho thuê, chàng thuê tất cả, xe nào cũng thuê sáu giờ, tính mỗi giờ năm đồng, chàng trả trước 30 đồng cho mỗi xe và bắt buộc cứ đỗ chờ đó. Chàng cố hăm bọn kia không thuê đâu được xe hơi mà lên Dĩ An bơi lội ôm ấp nhau.

Ví dụ thử thời hai châu thành Sài Gòn – Chợ Lớn chỉ có độ một trăm chiếc xe hơi cho thuê thôi, người ta cứ tính nhẩm cũng biết đêm hôm ấy, với cách chơi ngông nghênh kì quái như thế, Sảnh đã ném qua cửa sổ một món tiền bao nhiêu.

\*

Ròng rã hai năm, Sảnh với Cúc thi nhau ăn xài chung diện, cờ bạc, phung phá tràn cung mây; họ đắm đuối trong cuộc đời vật dục, hoang tàng cuồng rỡ đủ thứ; chỉ thấy đồng tiền mỗi ngày đội nón đi ra từng lũ, không bao giờ nghe nó gõ cửa đi vào.

Người ngoài trông thấy, đoán chắc sự sống của đôi nhân tình này, mỗi tháng phải tốn năm bảy nghìn một vạn họa chẳng mới đủ.

Có người bạn tử tế, khuyên chàng xa Cúc, bỏ sự chơi bời, đem vốn ra kinh doanh một việc gì sinh lợi, khỏi khổ tương lai. Chàng bấu môi, gạt phăng:



- Anh rõ gàn quá. Người ta sẵn có tiền của, cứ việc ăn chơi một hồi đáo để cho sướng thân rồi chết. Đời người có được bao lâu. Tôi sống theo thuyết vị ngã của Dương Chu. Anh bảo xa Cúc thì sự sống của tôi còn có nghĩa gì? Thà chết dưới cụm hoa mẫu đơn để làm con ma phong lưu, thích hơn!

Bởi vậy, chàng như vui vẻ dốc mãi hồ bao ra cung phụng người yêu với mình tha hồ huy hoắc.

Mấy lúc về sau, chắc hẳn số tiền gửi băng đã rút ra lần mòn hết cả rồi, người ta thấy chàng ít ngày lại về Cà Mau một lần, là để vận lương. Vì phần gia tài chàng được hưởng, có một vài sở ruộng ở quanh dưới đó. Ban đầu chàng về còn được góp lúa bán lấy tiền; lần sau về bán già bán non hoa màu; sau cùng thì về bán ruộng dần dần, khi dăm chục mẫu, khi một trăm mẫu, tới hết.

Ngay căn nhà ở đường Pierre Flandin cũng đã sang tên đổi chủ. Cho đến tòa nhà lộng lẫy đang ở tại đường Richaud mà chàng đã mua 50 ngàn đồng cho Cúc đứng tên, nàng cũng lén đợ cho Chà Và lấy một vạn để quăng vào sông me và chiếu bài tứ sắc rồi nữa.

Cái gia sản 40 vạn, thấm thoát mới hơn hai năm đã sút mẻ, tiêu tan, không khéo chẳng còn lại được một hai phần mười.

## XX

### BẮN MỘT VIÊN ĐẠN CUỐI CÙNG

Sau những ngày tạnh ráo vui tươi, đến cơn sấm chớp dông tố.

Mọi khi, thầy cô thức dậy buổi sáng – với họ, buổi sáng nghĩa là 12 giờ trưa hay một hai giờ chiều – luôn luôn nét mặt tươi tỉnh, chương trình ăn chơi trong ngày hôm ấy: Chiều đi mua sắm những gì, ăn cơm Tây hay cơm Tàu, tối đi xem cải lương hay xi nê rồi về đánh ở sông nào. Bao nhiêu lâu nay, công việc mỗi ngày của họ quanh quẩn chỉ có chừng ấy, dù đi chung hay ăn mảnh cũng thế.

Hôm nay khác hẳn, thầy cô thức dậy với bộ tịch rũ rượi, thảm đạm;



mỗi người ngồi cú rữ một xó, chẳng nói chẳng rằng, trông như con gà bị nước mưa thấm ướt lông cánh. Đồ điếm tâm và hai cốc cà phê sữa để trên bàn đã gần nguội lạnh. Con sen mời nhắc bị thầy gắt gồng, trợn mắt tròn xoe:

- Mày muốn xực thì xực đi, làm gì hồi thúc người ta.

Cô ngồi bó gối, thỉnh thoảng thở dài một hơi.

Thì ra đêm qua họ đã thua bạc cháy túi.

Cách tuần lễ trước, Sảnh về Cà Mau, bán nốt mười mẫu ruộng còn lại, được đâu hơn vạn bạc, đem lên Sài Gòn; thế là hết của bất động sản ở nhà quê, không còn gì nữa. Vào tay phá của như thầy với cô, vạn bạc có phải nhiều nhỏi gì. Họ lại cứ việc nhắm mắt vung tay xài phí, cờ bạc. Đêm nào chàng cũng phải “hộ giá nương nương” vào nhà tiệc trong Chợ Lớn, rồi cũng ngứa tay nóng mũi đánh theo. Cờ đen vận hăm, số tiền khá to ấy không được nằm ấm chỗ lấy dăm sáu ngày; mỗi đêm nó phải bong đi ít nhiều, rồi tới đêm qua, từ giã hồ bao thầy cô mà đi hết.

Họ đã bán viên đạn cuối cùng, cho nên sáng nay dậy ngồi thừ mặt với nhau đó.

Nhưng chẳng còn tòa nhà giá trị năm vạn là gì kia?

\*

Sảnh vùng đứng dậy rửa mặt chải đầu, rồi thẳng bộ cánh vào đường hoàng, sắc mặt đổi ra vui vẻ, hình như trong trí đã vụt nhớ ra một phương pháp có thể giải ách cứu nguy.

Chàng hớn hờ chạy tới bên Cúc:

- Mình đưa bằng khoán (tức là văn tự địa đồ) nhà đây cho tôi.

- Nhà nào? Cúc vẫn ngồi nguyên chỗ, ngẩng mặt hỏi lại một cách hốt hoảng.

- Nhà chúng mình ở đây chớ còn nhà nào nữa.

- Đã cầm mẹ nó đi rồi còn đâu.

Giá sét đánh bên mang tai, chàng cũng không giật mình hơn:

- Chết chửa! Cầm bao giờ?



- Đã bốn tháng nay. Tôi có việc cần tiêu nên tôi cầm đi, mình tưởng những số tiền mình đưa cho tôi mà đủ xài được sao?

- Thế mình cầm cho ai?

- Tôi cầm cho thằng xã tri (sét ti) Nappa ở đường Ohier lấy 10 ngàn đồng. Bây giờ để tôi bàn tính với mình một việc này, xem mình có chịu không nha.

- Nàng lại ngồi bên bàn, uống cốc cà phê nguội, và nói tiếp:

- Với cái nhà này, nếu ngay bây giờ chúng mình bán đứt, e người ta thấy mình cần tiền, sẽ trả rẻ quá, bán nó uống đi. Tôi có thể năn nỉ thằng chà Nappa cầm thêm lấy chừng 15 ngàn đồng nữa; một mai ta có tiền chuộc thì nhà vẫn còn. Nhưng số tiền này, ta phải tính công việc làm ăn mua bán gì, chứ cầm nhà để lại ăn chơi cờ bạc rồi thì ăn mầy. Mình nghĩ xem có phải không?

- Phải đấy! Chính tôi cũng đang suy nghĩ như thế.

Lần thứ nhất, thấy cặp trai gái này bàn đến sự làm ăn.

Ngay chiều hôm ấy, họ đi khấn cầu ông tượng đồng đen ở đường Ohier chịu cho đợ thêm về tòa nhà lấy được 15 ngàn đồng nữa, như ý sở nguyện. Làm gì nó chẳng chịu? Một tòa nhà còn mới nguyên, đáng giá năm vạn, mà chỉ cầm có phân nửa lấy lãi ba phân, nếu người ta chuộc thì nó được tiền lãi cũng đủ no, không chuộc thì nó được cả tòa nhà với giá rẻ. Lại gì chủ nợ thường chiếm được gia viên điền sản của bọn cờ bạc ăn chơi bằng cách đợ non bán già như thế. Nhờ Cúc khéo “ngoại giao”, tòa nhà đường Richaud hai lần cầm nợ được giá ấy kể còn là khá; có mất cũng đau đớn vừa thôi. Từng thấy ở Nam kì có lăm của bất động sản đáng dăm bảy chục vạn mà bị mất vì số nợ dăm bảy ngàn mới đau!

Cũng là lần thứ nhất, cặp trai gái này có vạn rưỡi bạc trong túi mà đêm hôm ấy họ chịu nằm khàn ở nhà, không đi tiêu pha đánh chác gì hết.

Như đã hối hận chán nản cuộc chơi, họ hiện lành ở nhà một đêm thứ nhất để bàn định sinh nhai.

Dẫn đo tính toán với nhau mãi, họ đồng ý nhất định làm nghề bầu gánh cải lương, một nghề nguy hiểm khó khăn, đầy những gai góc, nhất



là với ai không phải nhà nghề xướng hát và hạng công nương công tử lười biếng, chơi bời đã quen.

Sẵn dịp, họ mua một gánh hát cũ, sửa sang may sắm thêm, đổi tên là “Tân Hí Ban”.

\*

Hôm khai mạc, Sảnh ta mặc *smoking* chững chạc, đứng trước sân khấu, lấy tư cách mình là chủ nhân gánh hát, đọc một bài chúc từ mà chàng đã thuê mượn nhà văn nào viết hộ không biết. Trước cảm ơn khán giả đồng bào, sau nói lung tung về nghệ thuật cải lương và tiền đồ âm nhạc, làm như mình thông thạo nghề hát không ai bằng. Nhưng chàng vẫn thò chuôi ra trước mặt những người kiến thức, vì có lắm chữ nọ đọc sai ra chữ kia, nghe rất buồn cười. Đại khái *mục kích* làm ra *mục đích* chẳng hạn. Hèn gì ông trưởng giả *Jourdain* vẫn tưởng mình đã nói văn ngôn bốn chục năm rồi, chẳng cần phải học nữa.

“*Hồi đầu*”, tấn tuồng diễn tới hôm khai mạc hình như cũng có ý nghĩa. Tác giả vô tình hay hữu ý chẳng rõ, khéo diễn ra tuồng một sự tích có cảnh ngộ giống như cảnh ngộ ông bầu gánh đến bảy tám phần mười. Trọng Lang con một nhà giàu, cha mẹ cho lên tỉnh học, chỉ trốn học đi chơi với lũ vô lại, sau nói dối nhà cấp vốn cho buôn bán, nhưng kì thật chỉ để dăng mèο nuôi gái. Khi cha mẹ qua đời, chàng càng tự do phá tan cơ nghiệp, đến nỗi suy vi rồi lưu lạc, xấu hổ không dám trở về quê hương. May nhờ có người vợ hiền đức, chịu khó buôn gánh bán bưng nuôi chồng và khuyên chồng tỉnh ngộ, trở lại theo đòi bút nghiên, về sau thi đỗ làm quan, khôi phục được gia nghiệp cũ.

Đào kép đóng vai Trọng Lang và người vợ hay quá, nhiều đoạn khiến cho khán giả cảm động phát khóc.

Trong đám khán giả có ít nhiều người biết rõ câu chuyện Sảnh với Cúc từ đầu. Nửa đêm vẫn hát, ở rạp *Modern* ra về, được nghe họ bình phẩm, kể cũng vui tai.

- Các anh há! Có lẽ chính thằng Sảnh soạn ra tuồng “*Hồi đầu*” để ngụ ý tự sám tự hối đấy.

- Nó chỉ giỏi soạn com hay là soạn quần cho gái thì có, chứ soạn



tuồng nổi gì. Đây là tác phẩm của thầy tuồng Nguyễn Trọng Quờn muốn ngụ ý khuyên răn nó không chừng. Nó chính là Trọng Lang thì đúng lắm rồi, nhưng còn con Cúc đâu có phải là hiền phụ.

Ồi chao! Mấy cậu công tử phá gia, ăn chơi dĩ điểm chán chê, rồi cũng ti toe ra làm công kia việc nọ với đời, mà họ không biết làm việc quái gì, họ bỏ tiền ra lập gánh cải lương. Các anh thử đếm xem Sài Gòn ta có mấy công tử làm bầu gánh thất bại nhần rãng rồi? Không khéo cải lương là vòng dây thắt cổ cuối cùng của thằng Sảnh với con Cúc đây. Hề hát dở thì chúng nó chết ngay; nếu hát khá, kiếm ra nhiều tiền thì chúng nó lại chơi, lại phá, đảng nào cũng chết. Các anh có để ý xem lúc thằng Sảnh đứng đọc chúc từ, bộ mặt vênh váo, ưỡn mãi ngực ra; nó tưởng bầu gánh cải lương là một ông chức lớn gì trong xã hội mình. Còn ả Cúc thì liếc cười nhí nhảnh với vô số cậu trai, sao mà nó quen biết “đực non” nhiều thế không hiểu, tôi sợ đầu thằng Sảnh, hơi nhỏ không đủ chỗ cho ả cắm sừng. Ôi! Cải lương rồi hóa ra bất lương!

Lời thiên hạ phê phán thế mà đúng.

Năm sáu tháng đây, gánh “Tân Hí Ban” dậy tiếng tăm vì nghệ thuật nổi hơn các gánh khác. Chỉ nhờ có vài ba tay đào kép xuất sắc và mấy vở tuồng mới, “Tân Hí Ban” diễn ở Sài Gòn – Chợ Lớn rồi đi vòng Lục tỉnh, lên Nam Vang, đâu đâu cũng được khán giả hoan nghinh thưởng thức, hơn bù kém mỗi đêm thu nhập năm sáu trăm đồng là thường.

Nếu đôi nhân tình này quyết chí tu tỉnh làm ăn đứng đắn thì còn nói gì; lúc này tức là cơ hội cho họ chuộc được tòa nhà đã cầm, khôi phục lần lần sự nghiệp đã đổ nát, rồi tự xây đắp lấy một địa vị khả quan trong xã hội cũng nên.

Khốn nhưng họ chỉ làm việc và giữ mình được một vài tháng đầu thôi. Sự phát đạt của gánh hát không mấy chốc khiến họ trở lại kiêu căng, tự đắc và đánh thức con heo “phóng đãng” vừa ngủ lơ mơ kia chồm dậy.

Chúng nào tạt ấy lại hiện nguyên hình như hồi nào.

Sẵn có tiền bạc ra vào, thầy cô lại vung tay ăn xài cờ bạc thả cửa.

Mỗi người lại biên thêm vào quyển sổ tội ác sẵn mắc thuở nào, một tội hư mới nữa.



Sảnh đánh bạn với ả phù dung sau khi làm chủ nhân gánh hát cải lương một vài tháng. Mà chàng nghiện nặng, mỗi ngày có ít cũng phải chi tiêu bảy tám đồng về khoản mây khói. Những đêm có hát mặc kệ đào kép ở trên sân khấu, chàng nằm chúi một góc trong buồng sau, thổi bài kèn tàu và bắn súng liên thanh cho kịp chốc nữa tan hát còn phải hộ giá nướng nướng đi lòng sông me chiếu bạc.

Cúc thì bây giờ như ngựa quen đường cũ, “ngoại giao” tứ tung. Địa vị bà chủ gánh hát cần phải giao thiệp, trông nom, giúp cho nàng có cơ luôn luôn để cất lên chốc lát với công tử này hay tình lang kia, trong khi ông chồng hờ đang nằm lim dim trên chiếu phù dung.

Thì ra căn nhà đến lúc cũ nát, tứ tung mưa giột nắng soi.

Tiếng là gánh hát thu nhập khá nhiều, nhưng vẫn không thể nào thăng bằng thắm thắp cho hai người thi nhau huy hoác.

Bọn đào kép ngó thấy vợ chồng bầu gánh như thế, tự nhiên khinh dễ biếng nhác. Cuộc thịnh vượng của gánh hát cho họ nghĩ được đến quyền lợi mình. Kẻ xin tăng lương ba chục phần trăm, người đòi vay mượn dăm trăm một ngàn bạc trước. Nhưng ông chủ cô chủ chỉ lo ăn xài ích kỉ cho sướng không nghĩ đến những sự thỉnh cầu chính đáng của kẻ làm công. Mấy tay đào kép giỏi lần lượt rủ nhau xin thôi và nhảy sang gánh khác.

“Tân Hí Ban” kém danh vắng khách từ đó.

Nhưng vấn đề thể diện hão huyền, nhất là vấn đề sinh kế quan hệ, không cho phép Sảnh và Cúc quì gối đầu hàng trước sự thất bại ngay. Họ đâm lao phải theo lao, cố tìm cách duy trì và chấn chỉnh.

Lúc bấy giờ số thù nhập kém sút bội phần, họa may chỉ vừa vắn cung ứng vào sinh tồn của gánh hát, mà khoản cần dùng chi tiêu hoang phí của họ thì lại không giảm được chút nào cả. Huống chi còn muốn chấn chỉnh – như may sắm mũ măng và luyện tập đào kép mới – tất phải cần tiền, cần có nhiều tiền. Thành ra họ phải nhắm mắt vay lãi, có món tới đôi ba chục phân. Vay mãi hết chỗ, phải bán lần đồ đạc trong nhà. Đến chiếc ô tô của Sảnh, là cái biểu hiện sang trọng sau cùng, đã cầm cho người ta, giờ cũng phải đoạn mại luôn.

Ba bốn tháng sau, hai người chỉ sống về nợ nần. Vậy mà tình thế nguy nan cũng vẫn không thể cứu vãn lại được.



Rốt cuộc, các chủ nợ tịch biên mất cả gánh hát.

Thế là thầy cô phải hai bàn tay không. Giấc mộng phồn hoa đến đây là tàn, thật tàn.

## XXI

### ANH ĐI ĐÀNG ANH, TÔI ĐÀNG TÔI

*Cần Thơ 27 Avril 192...*

*Anh Tám,*

*“Không có bút mực nào tả hết được nỗi lòng em cảm động tha thiết khi đọc bức thư anh sám hối và cầu cứu.*

*“Anh tuột xuống dốc truy lạc mau chóng bắt ngờ đến thế kia hả?*

*“Vậy mà mấy tháng Tân Hí Ban mới khai sinh, em định ninh rằng phen này thế nào anh cũng khôi phục và trở lại quật cường như trước. Nếu không có thư anh thì em những tưởng anh và người yêu vẫn còn nằm trên vàng, đi trên bạc, hiển hách giữa đất Sài thành phồn hoa!*

*“Chẳng nói thì em cũng đoán biết tình trạng anh lúc này nguy ngập quần bách đến thế nào? Em rất ân hận không thể tức thời trù liệu đâu ra năm ba trăm đồng mà gửi cứu cấp anh, theo lời anh hỏi Bạn giang hồ vô lại với nhau, thêm có sợi dây thân quyến ràng buộc, ta chẳng giúp đỡ nhau lúc này thì còn lúc nào. Huống chi anh từng có lượng hào phóng với em, sự ấy em còn khắc bia dựng trong trí nhớ.*

*“Song cảnh ngộ không cho em làm theo chân tâm ước muốn, nghĩ thật đáng buồn.*

*“Để em kể qua hồi kết thúc cuộc đời Sài thành phóng đảng của em cho anh nghe, vì những lúc ấy anh mắc đưa gánh hát đi châu du Lục tỉnh Nam Vang, chắc anh không biết.*

*“Hơn hai năm theo chân nổi gót các anh trên đường phồn hoa lãng mạn, em đã nhắm mắt làm tôi tớ phụng sự ái tình của Châu Giang, chính là người anh giới thiệu và anh hẳn còn nhớ, giữa tiệc tân gia hôm*



đó, người ta đặt tên nó là Tiểu Kiều. Bây giờ em nghĩ nên gọi nó là Tiểu yêu mới đúng.

“Nó ăn hoang xài phí hơn bà công chúa; nó gồm đủ mọi tật của gái giang hồ; nó ve vãn khắp mọi người, hiến thân cho bất cứ ai, có nhiều nhân tình không biết là mấy tá mà nói. Đến nỗi một thằng trai trẻ nghiện ngập nuôi ở trong nhà, bình nhật vẫn hầu hạ em, phục dịch nó, sau em xét ra chính là một nhân tình cũ của nó, anh ạ. Thằng ấy truy lạc sau khi đã xài bạc vụn vì nó, được nó thương hại, cho nương nấu trong nhà, gọi là em út, mỗi ngày cấp cho đồng bạc ra nằm tiệm công yên, tối về đấm bóp hầu hạ bà chị. Em đố ai trông thấy ma ăn cỗ lúc nào không?

“Thì ra phần nhiều gái giang hồ ở Sài thành đều có nuôi cậu em út đó, mà người phải chịu phí tổn – và bị chia sẻ phần thái hương thừa – tức là bọn như chúng ta.

“Tóm lại, vì nó mà em huy hoắc gần năm vạn đồng, một phần nói dối ăn cắp của nhà, một phần vay chằng vay cối, lợi tức hai ba chục phân, mà sau gia đình em trả mãi chưa hết.

“Em đã nhào đầu xuống hố truy lạc lưng chừng, may phúc có bàn tay nhân từ vừa lôi lên kịp. Ấy là thân phụ em.

“Ông bắt em về ở nhà quê, chăm nom kèm giữ rất nghiêm. Thân em giờ không khác một tên tù bị giam lỏng, để ăn năn tội lỗi, mất cả hành động tự do, và mất....

... (mất 1 trang)

- Phải, tôi biết. Mình cứ ở đây với tôi, các khoản chi tiêu ăn hút về phần mình, nhiều quá thì chưa dám nói, mỗi tháng từ 120 đến 150p, tôi có thể cung ứng đều đủ, mình khỏi phải lo. Nhưng tôi chỉ xin mình một điều...

- Điều gì?

- Trả lại tự do hoàn toàn cho tôi.

- Nghĩa là?

- Nghĩa là mặc kệ tôi làm sao tôi làm, mình không được can thiệp lôi thôi. Mình cứ việc nằm khênh, có cơm ngon áo lành, có a phiền no đủ, còn tôi hành động thế nào mặc tôi, mình có chịu như thế không?



Sảnh choáng người, rùng mình một cái, rung động từ đầu đến chân, như bị ai thỉnh linh giới nước đá sau lưng, lạnh buốt xương sống.

Chàng sức nghĩ cái cảnh em út trong thư Tuấn đã tả. Một anh chàng sa sút, không còn chỗ nào nương sống, phải bám vào tình nương, đóng vai em út trong nhà, bữa ăn ngồi xó xỉnh phía sau, tối ngủ vật vã trong sa lông, làm tên gác. Tùy hôm phát tài hay không, nằng thí cho dăm ba hào đồng bạc tiêu vật. Trong khi ấy, người yêu hồi nào của mình nằm trong cánh tay ôm ấp của ông này đến cậu khác chuyển nhau. Có khi họ lả lơi hôn hít trước mặt mình cũng nên. Muốn cho mình khỏi quá hổ phận tủi thân, hôm nào canh khuya khách vắng, nằng mới đoái tưởng đến mình, gọi lên đấm bóp, ôn chuyện ngày xưa. Cuộc sống đồn mạt như thế, chàng nghĩ mà kinh tởm, nhục nhã.

Chàng nhìn ngay vào mặt Cúc:

- Thế mình bảo ngay tôi làm ma cô cho xong.
- Thì nó cũng na ná đâu vào đấy!

Nằng trả lời một cách tự nhiên, không một tí nào ngại lời ngượng miệng.

Tội nghiệp, Sảnh ứa hai hàng nước mắt, khí uất vận lên, nghẹn cứng cổ họng, làm cho chàng không nói được câu gì, mà cũng không biết nói thế nào.

Chàng với tay vớ chiếc mũ trắng chụp lên đầu, lẳng lặng ra đi.

## XXII

### HAI BÀN TAY TRẮNG, MỘT XÓ ĐẦU HÈ

Đã mấy hôm nay, Sảnh lang thang trên đường cái Sài Gòn, không mục đích, không hi vọng.

Trừ ra những giờ ăn giờ nghỉ, phải ngừng chốc lát ở tiệm hút quán cơm, còn thì chàng cứ đi, đi mãi.

Chàng lựa chọn những đường phố vắng vẻ, có bóng cây. Lúc nào



xem chừng mệt mỏi, ngồi bừa trên bãi cỏ hay miệng cống, nghỉ ngơi giây phút để bổ lại sức khỏe bộ giò, rồi lại đi. Có người bắt gặp chàng kéo lê đôi giày vải trắng, vẻ mặt tiêu tụy, quần áo lấm lem, đi lên đi xuống mãi trên một con đường rất vắng ở xóm Bàn Cờ, họ đã nói đùa:

- Kia lão Do Thái phiêu lưu (*Le Juiferrant*) trong lịch sử đã đi tới xứ ta, chỉ thiếu có bộ râu bạc phơ.

Hình như chàng cố ý xa lánh những đường phố đông đảo, không khi nào bước chân đến, chắc hẳn sợ gặp người quen. Lúc đói cũng không chịu vào những hiệu bán cơm có nhiều người ra vào, chàng tìm mấy quán tịch mịch bên đường của dân lao động, ngồi chen chúc trên đầu ghế, mua một tô cơm, với dăm xu đồ ăn, và mau và chóng rồi đứng dậy đi ngay. Vội vàng đến nỗi thường quên cả uống nước. Khi cần hút cũng thế, chui vào mấy tiệm ẩm thấp, tồi tàn, ví dụ ở mãi dưới kho số 9, mà quan khách phần đông là xe kéo; nơi đó, chàng có thể nằm yên ổn, chắc dạ không ai nhìn được mặt mình mà tò mò hỏi chuyện thương tâm.

Với chiếc măng đa 15 đồng bạc của Tuấn hảo tâm gửi cho, chàng đã lĩnh ngay hôm mới từ giã tòa nhà lộng lẫy ở đường Richaud ra đi, đến nay có lẽ đã cạn hết rồi. Con người quen tiêu bạc chực bạc trăm hằng ngày, bây giờ sống đường sống chợ đã bốn năm hôm với số tiền nhỏ mọn kia, kẻ cũng khéo thu xếp tàn tiện biết mấy. Từ nay trở đi, sẽ ném mùi đói khát thiếu thốn, cả cơm trắng lẫn cơm đen.

\*

Tình cảnh cậu ta bối rối nguy hiểm thật: không thể ở, không thể đi, lại cũng không thể về.

Còn có thể nào ở chung với một người mà sự gần gũi, sự thân yêu, sự liên lạc, chỉ có một điều kiện thiết yếu, là tiền. Trước kia được gần nó, nhờ hồ bao làm môi giới, thì nay hết tiền thất nghiệp, ta phải xa nó là lẽ tự nhiên. Chàng suy nghĩ về chỗ Cúc định lưu chàng ở lại đóng một vai tuồng dở ma cô, dở em út. Nếu sự ấy do lòng giả dối, tức là nó khinh bỉ mình, tìm cách đuổi khéo mình, còn mặt mũi nào mà ở. Trái lại, nếu do chân tâm, cũng là nhờ nhuốc cho đời mình, một người hơi có lương tâm tự trọng như chàng, không sao muối mặt mà sống trong cảnh ấy được. Thà là đi.



Nhưng mà đi đâu?

Đời không thiếu gì hạng trai trẻ gặp cảnh gian nan thất vọng như chàng, mà họ biết tự phần, đánh liều đi xa, rồi lập nên thân danh sự nghiệp. Có điều, chàng không phải là hạng trai đó. Sinh bình quen sống giữa không khí phong lưu dật lạc, đến nỗi chẳng chịu học hành, chẳng rèn tập được một tài nghệ năng lực gì trong tay để phòng khi túng bước sẩy chân, lấy đó mà sống; lại cũng chẳng có tâm cơ chí khí gì khác hơn đăng tích ăn chơi, vậy thì bảo đi đâu, và đi đâu làm sao mà sống?

Mà trở về nhà cũng không được nữa mới khổ.

Bao nhiêu vạn tiền tài điền sản của cha mẹ tích lũy bằng nước mắt mồ hôi, đem lên vung phí ở đất phồn hoa, cho gái giang hồ và sòng đồ bác nuốt sạch trong vòng ba bốn năm trời, một người vô lại đến thế, gia đình hương tộc ruồng bỏ cũng đáng kiếp.

Sự thật, chàng cũng tự biết lỗi mình và hơi có tính khái, cho nên cam tâm để số phận trừng phạt giày vò đến đâu thì đến, còn hơn trở về gia hương nhìn thấy nét mặt buồn thảm của ông cha già, hay là ngựa tay cầu cứu chị em cô bác.

Nghĩ phương diện nào cũng khó, thành ra chàng đành nhắm mắt đưa chân, lênh đênh vất vả giữa bể Sài Gòn phong trần, được ngày nào hay ngày ấy, may ra có một phép lạ sẽ cứu mình, biết đâu.

\*

Phép lạ ấy, chàng mong vào cuộc xổ số gần đến nơi.

Lúc bấy giờ đang có mấy số Cứu tế nạn dân nước lụt bán khắp đầu đường góc chợ, mà lô độc đắc trúng tới mười vạn đồng. Chàng tính toán trong trí, bớt sự ăn hút bỏ ra đồng bạc, mua liền một tấm giấy số.

Cầm nó trong tay, chàng lật qua lật lại, ngắm nghía rất lâu, trước khi cất kỹ vào túi. Trong lòng chứa chan mơ ước. Chừng một tháng rưỡi nữa thì xổ số này. Ta cố gắng chịu đựng từ nay tới đó. Trời ỉa phước trên đầu, cho ta trúng số 10 vạn thì phải biết. Ta lại lên xe xuống ngựa, ăn xài lớn, ở nhà lầu; ta lại sống với Cúc, không thì cũng có con khác đẹp bằng mười cô.

Thế rồi chàng lại lui thủi đi, hết phố nọ đến phố kia, qua ngày ấy



sang ngày khác. Mắt thường ngó chăm chăm dưới đất, làm như người chú ý tìm một vật gì – thôi hẳn là hạnh phúc – đã làm rơi mắt vậy.

Đêm, nằm ngủ lẩn lóc trong tiệm Năm Hoạt, hoặc tiệm chú Hóa. Có khi lại ngồi suốt đêm trong vườn Bờ Rô.

Nhưng số tiền trong túi đã hết mất rồi.

Ban đầu còn tị hiềm lánh mặt người quen, sợ họ cười bỉ. Sau bị hột cơm và khói thuốc kêu gào bách thúc quá, chàng phải đánh liều gõ cửa mấy kẻ cố tri, kẻ lẽ sự tình, gợi lòng tế độ.

Một lần hai lần, họ còn động lòng thương hại, dẫn chàng đi đãi đằng ăn hút, khi từ giã nhau lại gửi cho một đồng hay năm bảy hào bỏ túi. Nhưng làm phiền họ mãi, khiến họ sinh chán, đến nỗi phải tìm cách trốn tránh. Nhất là họ đối với chàng không phải bạn hữu thâm giao, từng có trao đổi tình nghĩa tiền bạc gì; chẳng qua chỉ là chỗ quen tầm thường, nay họ xử tử tế với chàng một hai lần, thế là nhả lắm.

Còn chính những bạn quen thân thiết, hồi nào vốn có ân nghĩa cứu mang, bây giờ phần nhiều tảng lờ trốn tránh. Mூrer cửa chàng gõ, hết chín không nghe tiếng thưa, nếu chẳng có đứa nhỏ chạy ra trả lời: “Ông chủ nhà tôi đi vắng”.

Có khéo rình mò bắt gặp họ và được họ bố thí cho ít nhiều, cũng phải nghe những lời mỉa mai chế giễu rất chua cay. Họ không nhân tay hàn gấm thì thôi, lại đánh vào chỗ ung nhọt tinh thần của chàng cho đau đớn lỗ ló thêm.

Thật thế, một bạn công tử có lần xua tay với chàng như đuổi kẻ ăn mày và nói xỏ lá:

- Về mau, bảo Cúc nó chia tiền cho. Tao biết tối hôm qua nó vớ được một món khách bỏ lắm đấy.

Họ réo tam đại lên mà chửi, có lẽ chàng thấy nhẹ nhàng dễ chịu hơn là nghe một câu đâm hòng như thế.

Chàng tức giận đầy gan mà phải ỉn nhận. Lại sức nhớ hôm kia, vừa ở tiệm hút chú Hỏa thò mặt ra đường Ormay, gần đến quán rượu Tây ở góc nhà in Ardin, chàng chợt thấy Cúc đang nói chuyện tí toét với hai ba anh công tử, nắm tay vuốt má nhau. Chỉ ba bước nữa thì chạm mặt



tình nhân cũ, chàng vội vàng lui ngay. Bởi vậy, nghe bạn nhắc đến tên Cúc để chửi xỏ mình, chàng càng thấy đau khổ vô hạn.

Con người, một thứ thiếu đói đã đủ khó lòng hưởng chỉ hai thứ thiếu đói một lúc – cả cơm trắng lẫn cơm đen – nguy hiểm thật đến cùng cực. Chàng muốn giải quyết một thứ cho được yên ổn, còn thứ kia mới để xoay trở.

Hồi này, thành phố Sài Gòn có tổ chức hai cơ quan từ thiện ở đường d' Ayot, mỗi bữa nấu cơm bố thí cho các thầy thợ thất nghiệp ăn. Chàng bạo dạn đến phòng cứu tế ở dinh Đốc lí để xin biên tên vào hạng ăn cơm thất nghiệp. Nhưng bị người ta đuổi đi.

- Lúc trước chú làm ở hãng nào? Có giấy chứng chỉ là người làm việc mà bị thất nghiệp, thì đưa ra xem.

- Thưa, không có.

- Hay trước chú làm thợ ở công xưởng nào bị loại ra.

- Thưa cũng không.

- Thế nghĩa là thuở nay chú không phải thầy, không phải thợ, không làm nghề nghiệp ở một hãng nào hay xưởng nào?

- Chính thế.

- Nếu vậy là chú vô nghiệp, tức thị không phải thất nghiệp, không được ăn vào cơm này của người ta.

Chàng xấu hổ cúi mặt ra đi, trong bụng đang đói như cào.

Giờ chàng mới biết ra muốn ăn cơm thất nghiệp, phải có mảnh giấy gì chứng nhận trước mình hữu nghiệp. Khốn nỗi thuở giờ chàng chỉ có nghiệp phá tán của nhà, cung phụng gái đi, mà cái nghiệp ấy lại không có chứng chỉ!

\*

Ròng rã hai tháng, chàng sống trong cảnh lang thang đói khát như thế.

Bây giờ tóc dài da sạm, thân thể võ vàng gầy ốm, vì nổi thiếu ăn thiếu hút, lại dãi dầu phong sương quá, đâm ra khái huyết và sốt rét từng



con. Giá người bạn thân nào hay chính Cúc bắt gặp, dễ thường cũng không nhìn nhận được chàng nữa.

Trước còn xoay quanh ra tiền, chẳng nhiều cũng ít, cho nên thường đêm còn được nằm hút rồi ngủ lại trong tiệm công yên. Từ vài tuần lễ nay, hằng ngày chỉ nuốt năm xu nhựa xảm để cầm hơi. Muốn ghé vào tiệm nào nằm nhờ giây lát, họ cũng xua đuổi, vì thấy bộ tướng anh chàng đau ốm hom hem quá, sợ chết trong tiệm họ thì rầy rà.

Cùng đồ mạt lộ càng ngày càng rút ngắn mãi.

Mấy hôm nay, ban ngày chàng ngồi lê la trong công viên. Một mình, ôm ngực mà thở. Tối đến, mon men vào mấy tiệm hút ở quanh xóm, châu chực tiêm thuốc cho người ta để kiếm một vài hào mua nhựa nuốt và ăn uống qua loa.

Vì tiệm không cho ngủ lại, nên chàng phải phòng thân vài tờ nhật trình cũ, đêm khuya lần đến dãy phố trống của chú Hỏa – nơi ấy ngày nay là đại khách sạn Majestic - ở đường Rigault de Genouilly, trông ra bến tàu Nam Vang, trải giấy trên đầu hè, nằm tán chuyện gẫu với mấy anh cu li bắc tề.

Hai ba lần, muốn lấy tám giấy số ra bán rẻ để lấy tiền tiêu, nhưng rồi lại thôi. Chàng sợ trao sự may mắn tối hậu cho kẻ khác chẳng?

Ngày xổ số Cứu tế nước lụt đã đến.

Chàng như phấn khởi, đầy tràn ý tưởng trông mong. Buổi chiều hôm ấy, chàng lảng vảng ở mấy tiệm cà phê Chợ Cũ, đợi xem ai có tờ báo thì mượn đề dò kết quả những số nào trúng.

Chàng đưa trả tờ báo người ta với nét mặt rã rượi mất hết sinh sắc.

Thế là sự xa vọng cuối cùng cũng tiêu.

Chàng nghĩ mình là một người không ở, không đi, không về được, đến nỗi không còn có hi vọng gì nữa thế thì còn sống làm gì?

Ý tưởng quỳên sinh phát ra từ giây phút ấy.

Và chàng nhất định thi hành ngay.

Còn mấy hào bạc trong túi, chàng mua giấy viết bức thư tuyệt



mạng để lại cho cha và một chai thuốc ngủ. Sáng hôm sau, nơi đầu hè nói trên, người ta phát giác một cái tử thi “ngủ trưa” như chuyện đã thuật ở chương đầu.

Ấy là Sảnh.

Chàng đã tự kết thúc cái đời thiếu niên nông cuồng của mình.

\*

- Thế còn ả Cúc về sau ra thế nào?

Đoán chừng có nhiều độc giả cầu kì, muốn có câu hỏi sau chót ấy.

Kể thuật chuyện này, năm 1936, tình cờ đến văn cảnh một ngôi chùa ở miền Tà Lơn, lấy làm kinh ngạc khi nhìn trong đám ni cô một người dung nhan giống nàng như đúc.

Thì ra nàng thật.

Lúc ấy nàng mới độ ba mươi tuổi, mà trông già như người đã ngoài tứ tuần. Nhưng nâu sồng dừa muối vẫn chưa xóa mờ tất cả những nét xuân sắc đương niên.

Nàng ngậm ngùi kể chuyện đã qua. Tòa nhà kỉ niệm của Sảnh để lại cho nàng ở đường Richaud, cách sau ít tháng, bị Chà Và chủ nợ tịch biên phát mại mất. Nàng vẫn sống cuộc đời yên hoa thêm một độ nữa, rồi trôi nổi ra tân Hà Tiên, làm tiểu tinh một nhà nghiệp chủ đã đứng tuổi. Nhưng, trước hàm sư tử gởi người đăng la, nàng chán ngán sự đời, cắt tóc đi tu, nương nấu ở chùa này đã lâu.

Mạn phép với Phật, tôi nói:

- Cô về tu ở *Long Vân Tự* của *Sư Muôn*, chẳng phải gần người gần cảnh hơn.

- Mô Phật!

Nàng cúi mặt, tụng niệm lâm râm, trông hai bên gò má, như còn dính bụi phồn hoa.



ĐÀO TRINH NHẬT  
(Hong Phong)

# MỘT KẺ BÁN TRỜI

*(Tiểu thuyết phóng sự xã hội)*

TRUNG BẮC CHỦ NHẬT  
(từ số 64/1941 - 98/1942)







# Một kẻ Bán Trời

## MỘT KẺ BÁN TRỜI

... (mất một số báo)

**Chuyện một người Việt Nam kì quặc có thể sánh với tên đại  
bịp quốc tế Trébisteh Lincoln**

*Do HỒNG PHONG thuật*

Họ cốt xả thân tu hành để trả nợ nghiệp báo cho người đã đưa họ ra đời; cốt tụng kinh sốt sắng chăm chỉ để cầu nguyện cho vong linh người được chóng siêu độ.

Thì ra luật nhân quả, chẳng hề riêng ở bản thân mỗi người mà thôi, cho đến hành vi và tâm tính lành dữ của người làm cha mẹ cũng ảnh hưởng hay dở cho đời con cháu. Ta thường bảo để đức cho con, và hiểu nghĩa phụ trái tử hoàn là thế. Ý hẳn tin tưởng đạo trời lẽ Phật như vậy, anh em nhà này muốn lấy sự tu hành trang trải phụ trái ở kiếp này, cho khỏi vương mang qua kiếp sau. Cái nghiệp nhà khiến ra phải thế, chính Phật đã tự nói.

Quả vậy, thì hai cái đời thanh niên đáng quý đáng yêu, vô can vô tội, chỉ bởi kẻ trước gây nên oan trái mà thân họ phải chịu long đong vất vả đầy ư?

Kẻ trước của họ là ai? Sinh bình đã gây nên oan trái những gì? Đã làm những việc tổn thương âm đức thế nào? Đến nỗi nhân quả báo ứng đến đời kẻ sau, trẻ trung thế kia, học thức thế kia, nhan sắc thế kia, mà phải lặn độn tẩm thân, phí đời niên thiếu.



## Một cuộc đánh số 12\$

Sau những ngày có vua Thành Thái ngự giá Bắc tuần và khánh thành cầu Giốc Gạch (*Pont Doumer*) đầy tràn vui vẻ, nô nức, người ở Thăng Long cố đô lại thấy buồn tẻ.

Dân cư một thành thị, ở đâu và cũng thế, như người ăn uống khó tính, đầu bếp phải thay đổi món ăn mới lạ, nay vậy mai khác luôn luôn, họ ăn mới thấy ngon miệng, mới cảm hết cuộc đời có sinh thú.

Nhưng bốn chục năm trước, Hà Thành ta vừa mới mọc vùng đông Âu hóa, nào đã có nhiều những trà lâu phạn điểm sang trọng như bây giờ; nào đã có nhiều rạp chiếu bóng, hát tuồng cải lương, trò xiếc, thêm vô số cuộc vui bất ngờ ngoài đường cho người ta lúc nào cũng có thể giải trí tùy thích; nào đã có những sách vở báo chí xuất bản cho người ta biết tin mới chuyện lạ. Cho đến cả bức tranh dân gian sinh hoạt đời bấy giờ cũng chưa tô điểm được nhiều hình hình sắc sắc, cho người ta đi một bước, nhìn vào đâu, cũng có thể tìm ra một chút gì làm cho khuây tâm mục.

Thành ra, một khi ngẫu nhiên đưa đến những cuộc vui, càng rực rỡ nồng nàn bao nhiêu, tới lúc nó đi qua khỏi rồi, trong lòng người ta càng dễ thấy trống trải hiu hắt bấy nhiêu.

Lúc ấy người Hà Nội đang buồn, bỗng có một chuyện nực cười xảy ra, huyền truyền khắp 36 phố phường, được dịp cho ai nấy bàn tán làm vui nhiều ít.

Sáng sớm một hôm, những người đi buôn đi bán, làm thợ làm thầy, từ dưới cửa Nam lên hàng Bông, hàng Gai, qua hàng Đào, hàng Ngang, lên đến chợ Đồng Xuân, phố nào cũng thấy một đám đông người xúm lại đang chăm chú dòm lên một tờ giấy hồng điều có viết chữ, hoặc dán trên vách tường, hoặc ghim vào thân cây.

Thoạt trông, ngỡ là giấy cáo bạch cúng hè, hay là phổ trưởng rao báo gì cho dân. Cố chen vào đứng gần mới nghe rõ tiếng người ta vừa cười vừa đọc râm rì. Té ra một bài văn vần:

*Đố ai bưng kín miệng bình?  
Đố ai đan thúng cho mình úp voi?*



*Hỏi thăm cô Bưởi hàng Gai:  
Quần sỏi yếm nhiều cho ai mất rồi?  
Biết chẳng họa có ông trời;  
Chuyện này, đến bụt cũng cười nhả răng.  
Tre già túi thẹn vì măng,  
Chua ngoa mà cũng gió trăng nữa à?”*

Trên đề tựa “Chuyện lạ Hà Thành” dưới kí tên “Đông môn bản sĩ, người đã bị chửi”.

Ở đời chưa có tân văn nhật báo, nhưng một chuyện gì mới lạ phát ra, nhất là chuyện quan hệ về đạo đức, phong hóa, chẳng phải công chúng mang nhiên không biết. Vì có những nhà hiếu sự thường đặt thơ làm vè để trào phúng, truyền tụng, tức là một cách thông tin đời xưa, rồi một đồn mười, mười đồn trăm, câu chuyện lạ vẫn có thể phổ thông truyền bá khắp dân gian. Ví dụ bài ca “Chính khí” của ông Ba Giai về việc hạ thành Hà Nội năm 1883, chính là một thiên phóng sự, một bài thông tin bằng thơ. Nước Pháp ở thế kỉ 15, 16 chưa có báo chí thịnh hành, cũng có những thi sĩ mượn vắn đưa tin như thế.

Tờ giấy hồng điều trên đây, viết tay và dán trong phường phố, ý nghĩa cũng là thông tin.

Có mấy ông kí ông phán đi làm qua phố hàng Bông, được đọc bài vè dán ở cây đa Cửa Quyền rồi vừa đi vừa nói chuyện với nhau, vì tính hiếu kì.

- Bưởi nào thế nhỉ? Một ông hỏi.

- Là một trong những bông hoa tuyệt sắc ở phố hàng Gai, mỗi ngày qua lại bốn bận, chúng ta phải liếc một cái rồi về ăn cơm mới ngon, bác lại không nhớ à? Ông kia hỏi lại.

- Phải cô ả nồn nà, con gái bà cụ bán sách chuyện chữ nôm, cả ngày mẹ ngồi kè kè bên con để giữ...

- Chính thị! Bà cụ Quán Cót người ta quen gọi ấy mà.

- Ôi chào! Cô ả chua ngoa đánh đá nhất phố, anh nào liếc không khéo để ả trông thấy, thì ả lườm với đôi mắt cá ngáo và nhổ nước bọt đánh phệt, làm bộ chính chuyên đáo đẽ. Giờ bị phải vố này, cay như ớt nhỉ!



- Nghề đời, vỏ quýt dày móng tay nhọn. Chua ngoa lắm thế nào chẳng bị có kẻ chơi chua trả lại cho bõ ghét.

- Nhưng mà anh chàng nào khéo tí tay nghịch ngợm thế?

- Nghe như thông Vi thì phải! Một ông khác xen vào câu chuyện. Mà tôi đoán chắc là y bởi y ở đối diện nhà cô ả, lại trẻ trung, miệng lưỡi, diện choáng bề ngoài. Chỉ y mới có thủ đoạn ranh mãnh ấy.

- Này, lát nữa anh em mình đi qua cửa hàng bà cụ Quán, nhớ dòm xem mặt mũi cô Bưởi có khác gì không? Có trơ trẽn hay vẫn chua ngoa háy nguýt như cũ nhá?

Lúc các ông đi ngang, cùng lập tâm nhìn vào cửa hàng với cặp mắt khinh khinh, cố ý chọc ghẹo. Chẳng ngờ cửa hàng vắng ngắt, chỉ có một con bé ở độ tám, chín tuổi đang ngồi bơ phờ như còn ngái ngủ; chẳng thấy bóng bà cụ Quán và cô Bưởi đâu hết.

Một ông xông vào, giả vờ làm khách hàng, mượn cớ mua một quyển chuyện chữ nôm “*Nhị Độ Mai*”, để cho bà cụ hay tiểu thư ở trong nhà phải chạy ra.

Nhưng hỏi bà cụ, con bé nói bà cụ đang lên cơn sốt rét, nằm rên trong buồng; hỏi đến cô Bưởi, con bé cũng nói ốm nốt.

Thì ra hai mẹ con đã biết có bài vè dán ở vách tường gốc cây, thành ra hôm nay tránh mặt không ra ngồi hàng. Nhất là ngay trước cửa nhà cũng dán một tờ, mà chính bà cụ Quán tay xé miệng chưởi nhem nhem từ hồi sáng sớm.

Không chừng cả hai mẹ con vừa tức vừa then, đến phát sốt rét thật.

Cái mãnh lực của văn chương có thế. Thuở xưa bài hịch Trần Lâm giúp cho Tào Tháo đang nhức đầu thấy hạ hỏa ngay. Trái lại, bài vè chuyện lạ Hà thành làm cho mẹ con cô Bưởi phát sốt.

\*

Trên khu đất có nhà in Đông Kinh ấn quán đồ sộ ngày nay, bốn chục năm về trước là chỗ đứng của bốn năm căn nhà gạch kiểu Hậu Lê, thấp và hẹp, ngoài đường thường cao hơn trong nhà.

Không nhớ rõ từ ngõ Tổ Tịch đi trở lại căn thứ hai hay thứ ba là nhà



cô Bưởi. Chỉ biết là một cửa hàng chuyên bán sách nôm và giấy bản mực tàu, ở vào bậc buôn bán thịnh vượng trong phố hàng Gai đời bấy giờ.

Trong nhà chỉ có hai mẹ con: Mẹ góa, độ năm chục tuổi; con đã ngoài hai mươi tuổi mà chưa có chồng. Một lò đào chú; Bà mẹ đánh đá nỏ mồm có tiếng, chẳng mấy ngày không cãi nhau với khách hàng và người cùng xóm, ai cũng phải ghê; cô con chẳng thua kém tí nào.

Cô Bưởi có nhan sắc, thích trang điểm, chiếc gương tư mã để sẵn trong túi, chốc chốc lại giở ra soi; phục sức toàn vóc nhiều the lụa, trông ra dáng con nhà phú quý. Kể phụ nữ tỉnh thành ta lúc đầu thế kỉ 20, cô cũng là người xinh đẹp, lịch sự. Vì thế mà kẻ qua người lại, ai cũng ưa nhìn ưa liếc. Cặp mắt thanh niên nào vô tình được với sắc đẹp?

Nhưng cô phải cái tính xấu chua ngoa giống mẹ, động một tí là nói hành, nói đong. Những người qua lại trước cửa hàng, lăm le chọc ghẹo dòm liếc cô thì phải biết côm lờm nguýt với bộ tịch kiêu ngạo, coi mình như là cung phi quận chúa; cô bữu môi và nhổ phì nước miếng để tỏ cho người ta biết là cô khinh bỉ, không thèm. Có khi cô chười tạt vào mặt, không nề nang ai cả.

Đến nỗi những công tử ở còn khăn vô, chuyên môn chim gái ở thử thời, đã phải bảo nhau kiêng mặt:

- Đừng có mạn mạn ghẹo vào con Bưởi hàng Gai, nó làm cho bật mả tam đại lên đấy.

Xế cửa nhà cô, trông sang bên kia đường, có nhà ông điều hộ Hải Dương, mở ngôi hàng thuốc bắc.

Nhân có cái gác bỏ không ông điều cho bốn năm thầy thông kí các tòa, các sở thuê ở và ăn cơm tháng đi làm cho gần.

Các thầy một loạt trẻ tuổi đẹp trai, vừa mới được bổ đi làm, cách ăn mặc chải chuốt, sửa sang, và lòng hào hứng đang đầy những vàng, những hoa, những thơ, những mộng. Nhan sắc chẳng để họ vào mắt xanh thì còn ai?

Trái tim phụ nữ ở thời đại này chỉ có hai đường đi cao vọng: một là đi về các cậu ấm hay đệ tử làng nho – vì bấy giờ khoa cử còn đang nô nức – để trông mai kia làm bà cử bà nghè, võng anh đi trước võng nàng đi sau.



Hai là đi về các ông thông ngôn kí lục làm việc Tây, cũng danh giá sung sướng, tối rượu xâm banh, sáng sữa bò, một mai trời để phúc phần cũng có thể đủ che ngựa cười.

Xem ra phần nhiều con gái tỉnh thành khuynh tâm chú mục vào các thầy đi làm việc Tây hơn. Cô Bưởi cũng thế.

Nhưng các thầy trọ ở nhà ông điều hộ nhiều lần muốn ướm lời thử ý cô, đều bị cô cự tuyệt với giọng nói chua và những cái lườm cái bĩu khinh khi. Trời sinh ra cô ả chua ngoa cứ chua ngoa bất cứ với ai và ở trường hợp nào. Cả bà cụ nỗ mồm lại nuôi thêm cái ác khẩu của con nữa.

Các thầy vẫn cam, những muốn tìm một bài học phong nhã cho cô ta mà chưa có cơ hội. Có lẽ thủ đoạn các thầy cũng thiếu.

Một hôm, Vi ở đâu dọn đến trọ chung trên gác ông điều hộ.

Về nhà này được mấy hôm, tuy anh em ở cùng nhà lại làm cùng sở, chưa ai nói gì, nhưng xem ra chính Vi đã để ý dòm dò tiểu thư ở xế cửa.

Vừa tốt nghiệp ở trường thông ngôn ra đi làm được ít lâu, Vi có dáng người khôi vĩ, nhanh nhẹn, nói năng cũng linh lợi, lại có tính ưa vui vẻ nghịch ngợm. Tóm lại, Vi đầy ý muốn khác thường. Có người đã đoán trước:

- Va nhiều cơ mưu quỷ quái, một ngày kia nếu không bay bổng thật cao thì phải chìm xuống thật sâu!

Nhà cha mẹ vốn nghèo, thuở ấy đi làm lương bổng lại ít, thế mà Vi cố giữ bề ngoài bao giờ cũng ra vẻ phong lưu, sang trọng. Cốt to cái mã để ve gái cho dễ, mà ve gái thường là làm tiền. Với tính mò mẫm tinh ranh, phố nào, nhà nào có hoa thơm sắc đẹp. Vi cũng đánh hơi và biết đến cả tông chi gia phả người ta. Học lực tuy chẳng bằng ai, nhưng đến tán gái thôi thì tài năng vô địch.

Biết Vi có ngón sờ trường ấy và lại thấy va có ý ngấp nghé tiểu thư của bà Quán Cốt, anh em cùng nhà được dịp để thách đố thử tài:

- Chúng tôi đố bác làm sao ve được cô Bưởi trước cửa đây!

- Cô ta gang sắt đúc nên hay sao nhỉ?



Vi cười và nói câu trên nghe như ngân ngơ, mà thật bóng bẩy, chứa đầy ý tứ tự hào tự đắc ở trong.

- Chẳng phải gang sắt gì cả, nhưng cái miệng ả chua ngoa thành thần, bác thử đụng vào nó đọc văn tế tổ khảo cho mà nghe. Chúng tôi đã từng bung tai mà chạy không kịp rồi đấy.

- À, với các bác tay non thì mới như thế; Vi vừa nói vừa lắc đầu. Với tôi, thì không khi nào...

- “Ngôn nhi bất hành” thì lấy gì làm chắc. Bác có giỏi thì cái việc cả bọn chúng tôi đã thất bại, thử làm thành công đi xem nào!

- Ủ, đề đấy rồi Vi này làm được cho mà xem. Ngộ tôi làm được thì các bác mất với tôi cái gì nào; có dám đánh cuộc không?

Anh em bàn nhau một lát, rồi nói:

- Phải đấy, ta đánh cuộc với nhau chơi. Chúng tôi chung nhau cả thảy 12 đồng để đặt cuộc, hễ bác làm được việc ấy thì món tiền ấy. Trái lại, nếu làm không xong, cũng bị nghe văn tế tổ khảo như ai, thì bác cũng phải mất 12 đồng cho chúng tôi nhé.

- Được rồi, tôi kí điều ước cả hai tay.

- Nhưng được hay không được cũng phải có chút gì làm chứng có cho anh em tin. Ngộ bác làm chẳng ăn thua gì cũng lòn anh em là được thì sao!

- Các bác muốn tôi trình bằng có thể nào mới được chứ?

- Thế này nhé: bác xin hay đánh cắp tùy ý, miễn làm sao vớ được một bộ quần sồi yếm nhiễu của cô ả mà đem về trình anh em, có thể anh em mới tin và chịu thua cuộc.

- Các bác nhớ lấy lời, nghe!

- Quân tử nhất ngôn mà!

Thế rồi Vi vận dụng mưu mô ra thế nào không ai được rõ. Chỉ biết là cách sau độ một tuần lễ, con người quái ác ấy đi đâu biệt dạng cả ngày đêm chủ nhật, sáng sớm thứ hai sừng sững về nhà trọ, mặt mũi tươi cười hơn hở, tay cầm cái gói, ném phịch trên bàn anh em đang ngồi ăn cháo, và nói:

- Đưa nộp 12 đồng bạc thua cuộc ra đây.



- Thành công? Thành công vạn tuế! Anh em cùng xúm lại và hỏi chuyện.

- Thì mở gói ra mà xem!

Thật quả gói bộ quần sồi, yếm nhiễu của cô Bưởi.

Anh em chịu mất tiền cuộc, nhưng còn phân vân bán tín bán nghi, bởi một người ranh mãnh như Vi có thể mua đâu mấy vật ấy đem về lòe anh em không biết chừng.

Nhưng rồi phố phường xầm xì nhau về chuyện cô Bưởi hàng Gai có kẻ đồ dành đi đâu chẳng biết, đến nỗi mất cả bộ cánh che thân; kể lại có bài vè lục bát dán các ngã ba đường cái, như đã thấy trên. Bây giờ anh em phải tin.

Hai mẹ con cô Bưởi chỉ tránh mặt không ra ngồi cửa hàng có một vài ngày, rồi lại xuất đầu lộ diện như thường, xem như chẳng có chuyện phong vân biến cố gì đã xảy ra vậy. Ai đàm tiếu gì mặc kệ, cứ bịt tai lại đừng thèm nghe là xong. Những nhà có việc chẳng đẹp, thường lấy vè cao thượng ấy để tự giải đôi chút.

Có điều, người ta nhận thấy từ hôm đó trở đi, cô Bưởi ngồi hàng, luôn cúi gằm xuống quyển truyện có lẽ cô giả vờ xem, không ngẩng lên lườm nguýt và nói chua ai như trước nữa.

Ai bảo cô vì chuyện ấy mà phần uất tự tử hay cắt tóc vào chùa, là sự sai lầm. Cô vẫn vui vẻ ở đời, về sau trời đền cho cái hạnh phúc gia đình chẳng kém gì ai; còn lên địa vị phu nhân hơn nhiều người ta là khác.

Hồi ấy, khi đi khi về, Vi làm như trốn lánh, giữ kẽ. Nhưng thờ ơ một hôm, giữa lúc chàng đi về, hai mẹ con cô Bưởi ra đứng trước cửa hàng, xia xói qua bên kia, đọc văn tế tổ khảo cho anh chàng nghịch ngợm lạ đời kia nghe một thôi một hồi, không sợ râm rĩ cả phố!

Từ đây, Vi cũng bật tung tích ở phố hàng Gai.

### III. THỦ ĐOẠN LÀM TIỀN CÁC ME

- Chào hai bác...

Ông Ký Túc đến chơi nhà bạn thân, ông Phán Châu, bước vào



trông thấy vợ chồng bạn ngồi lù lù mỗi người một xó, không ai buồn đáp lại tiếng chào. Lấy làm lạ, ông Ký nói tiếp:

- Kìa! Sao mỗi người ngồi một đồng như bụi mọc, mà ông thì nặng mặt, bà thì nước mắt chạy quanh thế kia? Chắc lại có gia đình náo kịch, đập vỡ hết mấy chai tương rồi.

- *En (elle)* vừa mới té lên đay nghiền mãi tôi đấy. Rõ thật bực quá! Bác ngồi chơi.

- Ông Phán Châu cất tiếng trả lời khách, trong khi bà Phán đứng dậy vòng vằng đi vào trong nhà.

- Chuyện gì thế; lại xuống Thái Hà bị sư tử vồ được hản thôi?

- Đâu phải! Chỉ là chuyện tiền bạc. Tháng này lại bay vèo mất cả tháng lương.

Mất cả tháng lương, ở thời kì đang nói chuyện đây, nghĩa là 12 đồng bạc. Ông Ký Túc cau mặt, có ý ái ngại cho bạn:

- Chết chữa! Làm sao mà mất?

- Lại còn làm sao, trừ phi cờ bạc.

- Sao thời vận bác lúc này xì đặt quá thế? Lại cúng vào nhà mẹ Tổng ở phố Mới chứ gì?

- Không! Nếu phán thán thua đã không ức. Đằng này tài bàn; tài bàn năm xu một lưng, ké ngoài. Bài con khi, nó nghiền cả đêm, mình thua mất sạch tháng lương đã đành, còn đèo thêm hết hai chục của mẹ đi vừa đi vay, tính gửi về nhà quê, thế cho nên mẹ đi mới nổi tam bành. Không bao giờ tôi phải canh bạc đen đến như thế; hai nhà kia thay phiên ù mãi...

- Là những ai?

- Âm Dậu với thông Vi...

Hai cái tên làm cho ông Ký Túc giật nảy mình, như bị ai chơi nghịch châm kim ở dưới ghế ngồi.

Nên biết trong thời kì này tài bàn mới bày đặt ra, chưa thịnh hành, vả lại cách chơi cũng không giống mình chơi bây giờ. Nghĩa là chưa vẽ vờ ra tài bàn tài sừ mà cũng không sát phạt nhau to. Trong quan gia



hay các ông kí phán thời ấy, thỉnh thoảng mới đánh tài bàn, cứ tính mỗi lưng bài một xu, đến năm xu tùy thích – cũng như các bà nhà ta đánh chắn bây giờ - một ván bài ù được bao nhiêu lưng thì mỗi nhà mất bấy nhiêu tiền. Tuy nhiên, thời đại nào kỉ cương ấy, vào lúc mới bước sang nhị thập thế kỉ dăm bảy năm, ông Phán Châu thua một canh tài bàn hơn ba chục bạc, có lẽ cay đắng hơn chúng ta hiện thời thua mất hàng trăm.

Nhất là ông Ký Túc, một nhà nho thật thà vừa được bổ làm ký lục tòa án, có cái cảm giác đình ninh rằng bạn mình thua vì bị bịp:

- Khô quá! Sao bác lại nhè hai ông tướng cờ bạc ấy mà chơi? Khác nào đánh đu với tinh!...

- Tại hôm mình đen chứ!

- Gớm! Cho đến Đại Thánh chơi với họ cũng phải thua. Tôi chắc họ lập ra trận “*Dì cạp dất*” để thịt quan bác.

- Nghĩa là...

- Hai người thông lưng ra hiệu với nhau cố lột trần người kia; tôi thừa biết họ. Vì chính tôi đã bị một hai phen xiềng liềng như quan bác hôm nay.

- Ngô huynh nói có lẽ đúng. Giờ tôi sức nhớ lại: nhiều ván bài họ nhin ăn nhin phỗng cho nhau, xem ý khả nghi.

- Lại còn nghi gì nữa! Quan bác ở tỉnh mới đổi về Hà Thành, không biết đấy thôi. Âm Dậu ở đất này ai chẳng nhẵn mặt; bề ngoài trông nho nhã, ra phết thế gia tử đệ vậy đó mà cờ bạc ăn gian thành thần, dòm suốt bài nọc và chỉ liếc qua một cái, trên tay mình có những đôi gì khăn gì, y biết cả rồi. Máy bác lái mảnh trong Nghệ chở nước mắm ra đây bán được bao nhiêu tiền, hễ tổ tôm tài bàn mà gặp Âm Dậu thì chỉ có nước khóc mếu trở về với cái túi không. Còn thông Vi thì đánh bạc khôn lanh và cao ngất trời; có tài lên xuống bài rì nhanh như chớp.

- Ghê nhỉ, nào đệ có ngờ!

- Lần sau quan bác có gặp họ trên chiếu đỏ đen, có bao nhiêu trong túi cứ trút ra dâng trước họ đi còn hơn, ngồi đánh chác làm gì thêm mỗi lưng, vô ích. Không thì ta “*Kính nhi viễn chi*” là khôn.

\*



Thế ra Vi là tay đồ bác đại tài?

Phải nói trái hẳn lại.

Thử thời có nhiều người làm tương Vi có ngón cờ bạc giỏi và phát tài thắng lợi về cờ bạc, như câu chuyện mới thuật trên đây.

Kì thật, Vi có máu ham mê cờ bạc lạ lùng. Cờ bạc là duy nhất lạc thú, là nghĩa sống, là lóc, nổi chìm, lừng lẫy, quan hệ suốt đời từ lúc xuất thân cho tới lúc chung cuộc phải hai bàn tay đã có bao nhiêu vạn bạc lọt qua.

Đã nói Vi vốn con nhà nghèo, lúc này mới ra làm việc, lương bổng còn nhỏ, mà cái đức ham mê cờ bạc thì to.

Nói cho phải, ba bốn chục năm trước người ta đi làm việc, lương bổng một vài chục bạc thế mà sung túc, phong lưu. Vì đương thời sinh hoạt nhất nhất, còn rẻ. Cái đời, tiền thuê nhà đồng bạc một tháng đã thành thoi; cơm trọ mỗi tháng hai đồng đã ăn sung sướng; áo the đồng rưỡi, đôi giày năm hào; buổi trưa vào hiệu Nguyên Lợi (cạnh đền Bạch Mã phố hàng Buồm, xưa còn nhà lá, bên ngoài bán tạp hóa trong là cao lầu) ngồi ngất ngưỡng uống hai xu một ấm chè Tàu ngon với một chục bánh *tỉm xấm* hết tám đồng xu, đã thấy hào phóng; cái đời ấy, một viên chức mới xuất thân với lương tháng mười hai đồng bạc, đâu có phải là nhỏ.

Nhưng cái hồ mê bạc ở trong thiên tính Vi sâu hóm, lấy nhà băng mà lấp biết đã đầy chưa, huống chi lương bổng làm việc?

Thử thời, nhà đương cuộc vẫn trừng trị cờ bạc gắt gao, nhưng vẫn có khách trú lén mở sòng bạc thủ lợi. Hàng Buồm có mấy sòng *phán thán* khách chơi đêm, chơi ngày. Phố Mới có sòng của bà Tống, vợ khách thừa kế di nghiệp của chồng để lại. Chưa nói những sòng sóc đĩa của mấy tay sinh nhai đồ bác – bao giờ cũng sẵn – mở ra tứ tung.

Thiếu gì tư nhân hay công chức ở đời đó sa ngã vào mấy ổ nói trên mà phải vất vả, túng thiếu. Cố nhiên số tiền làm ra đã chẳng đủ tiêu, còn phải nợ nần vay mượn khôn khổ.

Chính Vi là một.

Chẳng buổi tối nào người ta không thấy mặt chàng đóng góp vào



sòng phán thán bà Tống ở phố Mới. Chàng say mê đến nỗi quên cả ăn ngủ. Nhiều khi đến sớm tại sông để chầu chực mở cuộc thì đánh ngay. Có đêm tan sông, chàng còn băn khoăn chưa muốn về, nếu đánh tới sáng, tất chàng cũng hơn hờ lưu lại măn canh.

Nghề chơi cờ bạc, ai cũng thế, hoặc vào đánh mấy tiếng rồi đi ngay, hoặc ở lâu đến đâu thì cũng tiếng đánh tiếng nghỉ, có ai đánh suốt từ lúc lên đèn trái chiếu cho đến tàn canh măn cuộc bao giờ? Nhưng Vi thì thế; hôm có tiền cứ ngồi lì đánh mãi không chán, hôm thua sạch túi cũng lưu liên ở sông để xem, nếu như không xoay sở vay mượn đâu được mà gỡ. Sông phán thán như thể đá nam châm hút lấy hồn phách và bắt chàng dán chặt mình vào vậy.

Sự thật, chàng mê bạc mà đại bạc, không phải khôn ngoan như người ta đã tưởng. Chàng thua luôn. Thua vẫn chơi, chơi vẫn đại.

Thua đến nỗi xoay cách làm tiền tí mù như chong chóng. Thua đến nỗi vay mượn cào cào hơn chúa Chôm: Từ mấy chú sét ti đen ở hàng Đào, hàng Gai cho đến những con mẹ hàng xáo cắt cổ.

Nhiều bạn đồng sự ái ngại trông thấy chàng thua quá đến phờ cả người, lắm hôm khai đầu cáo ốm với cả sở làm, thường bị ông xếp quở trách, đôi ba lần tất phải ghi vào lí lịch, tự nhiên chàng phải chặm ăn lên, còn e địa vị lung lay đồ ngã là khác. Nhưng bạn có khuyên chàng chừa bạc, chẳng khác đổ nước đầu vịt hay lá khoai.

- Chết chửa! Canh nào cũng thua như thế, họa tiền núi. Ta hãy chừa đi một độ có được không? Một bạn đồng sự khề khà bên bàn đèn, khuyên Vi chừa bạc.

- Bác này thở mãi cái giọng sư cụ, nghe tức anh ách! Tôi cần đánh bạc cũng như bác cần hút nha phiến, có giỏi thì mình hãy đập mẹ nó đèn, chẻ bố nó rọc đi xem nào, rồi sẽ khuyên người ta! Vi trả lời bạn một cách muốn đâm khùng.

- Đẳng này người ta còn có chừng mực nhất định, mỗi ngày có thể thôi. Không quá tai hại như cờ bạc, bao nhiêu cũng chẳng vừa.

- Nhưng cũng có lắm canh tấy, vớ được bạc trăm thì sao? Tôi không đánh bạc thì không biết đời có cái sinh thú nào hơn, mà đời con người ta không biết có sinh thú thì không cần gì sống!...



- Nói bướng lòi ra thế này!

- Nói thật đấy, tôi có đánh mới nghĩ ra lắm cách làm tiền rất hay.

Thật thế, lời nói ấy hầu như lời sấm: sau này Vi làm bao việc quái quắt, tàn phá bao nhiêu vạn, chỉ vì say đắm đồ bạc mà ra.

Nhưng lúc này thì chàng đang khốn khổ về công nợ, tình cảnh nguy bức như một viên bại tướng bị sa hãm vào chỗ tứ phía giặc vây.

Cứ đầu tháng, ở sở chàng lần như chạch, vì bọn sét ti và hàng xáo lòng riết. Có khi luôn hai ba ngày phải chuồn công hậu và chẳng dám mò về nhà trọ ăn cơm. Chờ mấy hôm giặc nợ giải vây lần lần, chàng mới được đi đứng tự do và trở về thường thái.

Tới lượt anh em kí tên bảo lãnh:

- Kìa, anh Vi! Cái món ở hàng Đào tôi kí bảo lãnh hộ anh, rồi anh đâm ỳ ra, chẳng góp được xu nào. Tôi phải ngửa cổ giả đầy tháng này là ba tháng rồi đấy.

- Hừ! Kệ thầy bố nó có được không việc gì bác phải giả đầy thế chứ?

- Không giả, để ông tượng đồng đen lòng anh không được, cứ lù lù đến tận nhà tôi, sợ mẹ đi biết thì chết... Anh phải cố thu xếp hộ thế nào, tôi cũng đang túng khổ...

- Thôi, bác thư cho mấy hôm để tôi làm tiền xong món này, sẽ xin trang trải các khoản chu tất.

Món này là một cô me Tây.

\*

Nàng trẻ và nhan sắc cũng khá, kết duyên với một ông chồng hơi già, người Y Pha Nho hay Thụy Sĩ không nhớ, sang đây làm việc khai mỏ trên mạn ngược.

Vì nghề nghiệp bắt buộc, lang quân thường phải xa vắng Hà Thành mỗi tháng một hai kì, không tiện đem người thiếu phụ đi theo, mà cũng không thể ở luôn bên nàng để trông hoa nở, chờ trăng lên thường thường ân ái.



Cái cảnh vò võ buồng khuê, lòng xuân phơi phới, người đàn bà trẻ có chồng đi xa, dù đi tìm ẩn phong hầu cũng chẳng lấy làm thích. Hơn nữa, tuy được giàu sang sung sướng thế nào mặc lòng, tâm hồn nàng vẫn quyến luyến giấc mộng quê hương, được nghe tiếng đàn đồng điệu bao giờ cũng thấy dễ ưa, dễ cảm.

Giữa lúc ấy, hiện ra trước mắt nàng hình ảnh Vi, một người khôi ngô, một ông phán trẻ, cặp mắt sáng chói tia lửa tình tứ, miệng lưỡi có duyên tán tỉnh nghe như rót mật vào tai.

Nàng đương cần một tình nhân để yêu, chàng đương cần một vị tài chính tổng trưởng để làm tiền, thế là hai người gặp nhau, thành cuộc trao đổi lưỡng lợi.

Người ta thường nói ái tình của đàn bà vẫn mù mắt, hành vi cử động gì cứ theo miệng kêu tay giắt của tình lang, muốn bảo sao làm thế, đưa đi đâu thì đi. Nhất là người thiếu phụ ở trong câu chuyện này.

Từ đó, nàng tích súc trên cổ hay ở trong gói bông được đồng nào, cứ tuôn ra dần dần cho người yêu huy hoắc.

Thời kì thứ nhất:

- Tức quá, mình có món tiền ở nhà quê, nhưng công việc bận luôn, chưa có lúc nào rỗi mà về lấy được.

- Thế thì chắc hẳn mình túng; em có sẵn tiền đây, cứ lấy mà tiêu này. Của em cũng như của mình. Một trăm nhá!

Thời kì thứ hai:

- Đưa tôi mượn vài trăm có việc cần kíp, mai kia tôi lấy được món tiền bông, sẽ giả lại cho!

Chàng đào mỏ dần dần từng lớp, để lấy tiền gỡ gạc, vì lúc này đang thua.

- Được, em chạy về nhà lấy, đem lại cho mình ngay. Khéo vẽ! Ai có đòi ông bao giờ mà ông hẹn giả với chẳng giả.

Nàng cứ vui vẻ lấy ra trong túi, rồi chẻ đến ống tre, đập vỡ con lợn đất.

Thời kì thứ ba:



- Nguy quá! Sét ti xúm lại kiện tôi mấy món nợ một lượt. Phen này đành chịu vào tù và mất cả công việc. Tôi đến để từ giã người yêu...

Vi khéo xếp đặt thần sắc ra vẻ buồn bã, đau thương, gần như muốn khóc.

- Để em bán hết vòng xuyên hoa hột, lấy tiền trang trái hộ mình; ai lại nỡ để mình ở tù mất việc cho đành! Bất quá còn thì ăn hết thì nhịn...

Miệng nói tay làm, nàng trút hết tư trang ra bán, để trang nợ cho Vi khỏi bị vào tù mất việc.

Vì tình, nàng cho ra tới viên *cát tút* cuối cùng.

Vì mua chuộc trái tim ông phán trẻ, cô me tây Ba Huệ - tên nàng – trong khoảng chưa đầy một năm giốc sạch dần vốn hai ba nghìn đồng mà nàng đã góp nhóp không biết mấy năm.

Ta hiểu vì sao Vi mới ra làm việc ít lương, mà có thể cờ bạc công nợ hàng trăm hàng nghìn. Thủ đoạn chàng làm tiền của gái, ai cũng phải phục. Ngoài me Ba Huệ, còn có mấy me nhỏ khác nữa. Người ta nói câu chuyện cô Bưởi độ nợ cũng là một thủ đoạn làm tiền.

Tuy nhiên, cô Ba Huệ chung tình cho đến hết tiền hết của như thế, vẫn không có thể cứu vớt nguy hiểm cho người yêu.

Tình cảnh chàng lúc này như chiếc thuyền cũ nát, rỉ nước tứ tung, hết sức bịt chỗ này rồi nó cũng phá chỗ khác, có gượng gạo với sóng gió được chiều hôm sớm mai, rồi cũng đến chìm.

Sau món nợ cô Ba Huệ trang hộ, chàng còn mắc mứu nhiều món khác nữa, tính ra đến mấy nghìn đồng. Đâm lao theo lao, chàng thua thiếu nợ nần vì cờ bạc, cũng mong gỡ gạc trang trái nhờ cờ bạc. Nhưng khôn nổi! Càng đánh càng thua, càng thua càng nợ, mặc dầu tinh quái khôn ngoan, mỗi ngày chàng đi một bước thêm gần đến chỗ sơn cùng thủy tận.

Sống gượng trong cảnh bốn mặt Sở ca như thế được đâu vài năm nữa, một ngày kia con quái vật lên là công nợ đồng thời đưa nanh vuốt kìm búa ra, chàng nghĩ mãi không có gì hơn là thượng sách của ba mươi sáu chước.



Chàng nộp đơn từ chức, rồi bỏ nhà đi.

Cô Ba Huệ đã có với chàng hai con: một đứa ở dưới vú, một đứa đang nằm trong bụng.

#### IV. KHẨU SÚNG CỦA TÔI ĐÂU RỒI?

- Cụ cai, thật không nhớ ra tôi là ai hay sao?

- Bây giờ tôi già nua, mắt kém, thật tình không nhận ra. Xin lỗi ngài cho tôi được biết quý tính phương danh.

- Thì cụ thử nhìn kĩ xem nào! Bạn đồng tịch đồng bàn ở nhà bà Tổng phố Mới, cụ quên chóng thế ư?

- A, tôi nhận ra rồi, ngài là ông Phán Vi, có phải?

- Chính thị.

Cụ cai Lập vui cười ha hả, sau khi đã nhú mắt dòm sát tận mặt khách và nhớ ra khách là ông phán Vi, một người bạn cũ ở chiếu bạc.

Hai năm về trước còn ở Hà Nội làm cai nhà rượu phát tài, cụ cai Lập thường đến nhà bà Tổng ở phố Mới đánh *phán thán* luôn. Có dễ chẳng mấy đêm vắng mặt. Thành ra cụ vẫn quen biết Vi là một tay cờ bạc dám ăn thua to và đánh rất ngổ. Gặp hôm vận tấy, hai người cao hứng, giắt nhau lên hàng Giấy hay xuống Thái Hà đánh chén ở xóm chị em là thường. Trên đường phóng đảng vô lại, một già một trẻ hóa ra bạn thân.

Sau bỏ nhà rượu, xuống làm cai mỏ ở Hòn Gay, cụ cai Lập tu chí làm ăn và từ giã tứ đồ tường đã trên hai năm. Trong thời gian ấy cũng chẳng lên chơi Hà thành lần nào, cho nên những hình ảnh sòng cũ bạn xưa gần như mờ lấp trong trí ông lão.

Vả lại, hồi nào cụ biết Vi ở trong xã hội Hà thành phong lưu, thì chàng là một nhân vật khôi ngô tuấn tú, lúc nào cũng chải chuốt và diện toàn lượt là vóc nhiều, ra dáng quan tham, quan hậu, gái nào thấy cũng phải mê tí. Bây giờ khác hẳn: mặt mày hốc hác, gói mình trong bộ quần áo *kaki*, xuân sắc đương niên đi đâu mắt cả, chẳng trách cụ cai Lập mới thấy, không thể nhận ra.



Tới khi trí nhớ thức dậy đột ngột, cụ vui sướng quá, reo cười hề hà, vừa mừng gặp một bạn cố giao có chức phận sang, vừa thấy cả cuốn phim ăn chơi dĩ vãng của mình diễn lại trên tấm màn óc.

Nhưng bộ tịch bạn cũ đổi khác và sự đến chỗ này bất ngờ, làm cho cụ cai ngớ ngẩn, phân vân, như cậu học trò ngồi gặm quăn bút ở trước một đầu bài tính đồ rắc rối. Thấy bạn mặc bộ đồ vải tây vàng, cụ cai nghĩ bạn đi bắn:

- Chỗ này gần như đồng chua nước mặn, có thịt rừng hay chim muông gì đâu!

- Ý chừng cụ nghĩ tôi đi săn?

- Không thể thì ngài mò mẫm ra đây làm gì?

- Vâng, tôi đi săn, nhưng không phải cốt săn thịt rừng chim muông gì cả, mục đích ra để săn một...

- Gái!... cụ cai cười và đỡ lời nhanh nhẹn, ra vẻ đắc ý hiểu rõ sở thích của người bạn xưa. Nhưng của ấy ở đây càng hiếm lắm. Hay là ngài đã theo hút từ Hà thành đi về hướng sở tại chúng tôi?

- Thưa cụ không. Tôi cốt đi săn một việc làm đầy thôi.

Cụ cai ngẩn người, không hiểu:

- Thật hay bỡn?

- Thật chứ bỡn gì! Vì tôi đã xin từ chức ở công sở rồi. Nói cho đúng, tôi bỏ ra đi rồi mới gửi đơn từ chức. Bây giờ đang là một người thất nghiệp.

- Chết chửa! Địa vị sung sướng danh giá như giờ, bao nhiêu người khác mong mỏi cầu cạnh chẳng được, sao ngài lại bỏ mà đi, có họa là điên.

Phải, danh giá thật tình, tôi bỏ rất lấy làm tiếc. Khốn nhưng thua thấy quá, nợ nần ngập đầu ngập cổ, cụ ạ. Tính lại ba bốn nghìn đồng là ít. Bọn trái chủ đang kiện tứ tung, sắp thi hành câu thúc thân thể đến nơi. Suy nghĩ nát ruột, thật là cùng đường hết kế rồi, chỉ có cách bỏ sở làm, chúng nó mới hết chỗ bầu víu làm gì được mình. Cụ nghĩ mà xem.

... (mất 2 trang)



- Thế bây giờ ngài định thế nào?

- Tôi xuống Hải Phòng chơi với anh em bạn thiết mấy hôm, định tìm việc làm ở Phòng có thiếu gì; nhưng tôi sợ lắm nỗi bất tiện. Vì hiện thời tôi cần phải mai danh ẩn tích; nói thế cụ cũng đủ hiểu. Có người bạn mách rằng sở mở đang cần một viên phụ việc kế toán, luôn dịp viết thư giới thiệu tôi với ông Tập ở đây để ông đưa tôi vào làm. Ra đây, tôi sợ có cụ là chỗ bạn quen, vội vàng đến thăm cụ trước.

- Cảm ơn ngài. Từ nay chúng ta cùng làm một sở, tình xưa nghĩa mới, “thân thượng gia thân”, vui vẻ lắm nhỉ.

- Nhưng tôi xin cụ một điều.

- Gì đấy?

- Cụ chớ nói ra cho một người nào biết thật tên họ và dĩ vãng tôi nhớ.

- Việc quái gì mà phải giấu giếm...

- Ấy chết! Hễ bọn chủ nợ nghe phong phanh tôi làm việc ở đây, tất chúng nhao nhao lên, đưa lần mò đến tận nơi quấy nhiễu, đưa xin tòa tư giấy tập nã cho mà xem. Vì có hai đám kiện đã thành án rồi, cụ ạ, thế tôi mới đâm hoảng và phải quất ngựa truy phong tẩu trước chứ. Tôi xin vào sở này, khai tên láo là Nguyễn Văn Tuất, đâu dám xưng mình là Vi.

- Được rồi! Tôi xin nghiêm thủ bí mật cho ông bạn. Thế hôm nào ông bạn đi làm? Ở trọ ngay trong nhà ông Tập phải không?

- Vâng; tôi sẽ đi làm kể từ ngày mai.

- Này ở đây chỉ sóc đĩa là sẵn, ông bạn thích phán thán thì phải đi Phòng mới có! Cụ cai nháy mắt và cười, có ý nói kháy bạn.

- Cụ ơi! Tôi vừa mới đứt tay còn đang chảy máu, chưa dám nói đến chuyện dao vôi.

\*

Dưới cái tính danh Nguyễn Văn Tuất – không hiểu sao lại có cả lá bùa hộ thân đứng tên ấy mới tài – Vi trở nên một thầy kí phụ việc trong phòng kế toán sở mở than Hòn Gay, lương bổng hai mươi lăm đồng một tháng.



- Quả thật, Vi rất tiếc phải bỏ địa vị mình ở công sở, mà bao nhiêu người mong mỏi không được – nhất là ở vào thời kì ấy – như lời cụ cai Lập vừa nói. Nhưng bị giặc nợ tổng công kích hăng quá, chàng không chạy không yên.

Bốn năm chủ nợ da vàng, da đen đưa kiện ở tòa; mười mấy chủ nợ vật, đàn ông có, đàn bà có, hằng ngày sai nặc nô mà thiên lôi đã giáng trật búa, đi sẵn đón lưng bắt chàng khắp Hà Nội. Bất cứ ở nhà riêng, ở ngoài đường, chàng thò mặt lúc nào, là lúc ấy thấy mặt nặc nô và nghe tiếng rùng rợn:

- “Này, có giả nợ cho nhà tôi hay không thì bảo? Định quyết hả? Bà lại réo lên cho bây giờ!”. Trong lúc ấy, viên mõ tòa đưa hết giấy đòi nợ đến giấy thúc kia lại như bướm bướm. Còn những bạn hữu kí tên bảo lãnh hộ cho, tự nhiên cũng bị liên lụy rầy rà, họ cũng tìm chàng mà trách móc xia xói vào mặt. Thế tất phải bỏ việc mà đi mới yên thân, chàng đã tính càn nghĩ sâu lắm rồi.

Nhất là sáng hôm được cái tin của người bạn làm thư kí mõ tòa cho biết, thì ngay buổi tối hôm ấy chàng lên đường tức tốc:

- Nói nhỏ với anh: thằng chủ nợ hàng Đào đã nộp tiền cơm của nhà đá rồi, chắc mai đảng này thi hành đấy, liệu sao thì liệu.

Đáp tàu xuống thẳng Hải Phòng, hôm sau Vi mới viết đơn gửi về sở xin cho từ chức.

Bấy giờ các bạn đồng sự và con bạc ở Hà thành mới biết chàng trốn nợ bỏ cả việc làm. Những người nông nổi, thật thà, đều nghĩ chàng đi tự tử, quanh quẩn ở đâu hồ Tây hay sông cái đấy thôi. Họ bảo nhau: chỉ nay mai xác hắn ta nổi phình lên thì biết. Vì thử thời một người đi làm chỉ nhờ đồng lương, nhà không có tư sản gì, mà vỡ nợ tới ba bốn ngàn đồng là một việc to tát lắm, trừ ra nhảy xuống sông, chẳng có cách gì gỡ nổi.

Trái lại, những người hiểu rõ tâm thuật và tài năng quái quắc của chàng không nghĩ như thế:

- Con người ấy, thiên lôi đánh mề hàng chục lưỡi tầm sét chẳng qua chỉ mỗi tay sái cánh thôi; khi nào hắn ta phải tự tử vì mấy nghìn bạc nợ! Chắc hắn đi đâu xoay tiền trang trải nợ nần, chứ không nhảy xuống



sông cái sông con nào hết. Tôi tin một ngày kia hẳn ta làm rằm tiếng tăm và có bạc vạn cho mà xem.

Người bàn thế nọ, kẻ đoán thế kia; không ai ngờ chàng đào tẩu ra đến ngoài mỏ.

Sự thật, Vi chỉ lấy sở mỏ làm chỗ tạm trú, tất nhiên chủ nợ không thể truy vấn đến nơi, để mình nướng nấu yên thân ít lâu, sẽ tính lương sách.

Sau một thời gian làm thầy kí sở mỏ đâu được dăm bảy tháng hay một năm là cùng, chàng lần mò sang tận kinh đô Vientiane, nước Lào.

Lại vào làm công sở.

Lúc này, xã hội Việt kiều mới bắt đầu tạo lập ở quốc đô Lào chưa có bao nhiêu người, sự sinh hoạt và sự giao tế trước giờ rất yên ổn, hòa nhã. Ai nấy chỉ lo làm ăn cần cù, tích súc; cuộc đời họ như bánh xe lăn tròn trên đường sắt nhất định không trượt ra ngoài bao giờ. Từ hồi có Vi sang nhập tịch mới thấy có sự khác thường đưa đến.

Trong xã hội Việt kiều – cố nhiên phần đông là công chức – chẳng mấy đêm không có cuộc đỏ đen sát phạt lẫn nhau, mà chính Vi là người cổ vũ, khiêu khích. Muốn tránh tai mắt cảnh sát ở châu thành, lắm đêm quan viên cờ bạc đưa nhau vào tận trong làng trong sóc của người Lào xa vắng biệt tịch mà chơi thâu canh suốt sáng, đến nỗi về sở làm trễ giờ luôn. Ngoài ra cờ bạc, thỉnh thoảng lại có một tấn kịch nhân tình nhân nghĩa ghen tuông, cũng ông phán trẻ tuổi đẹp trai của ta đóng vai kếp chính. Vì ông trẻ đẹp, đa tình, mới hay có kịch ghen diễn ra, hoặc bởi kẻ đã bị cấm sừng, hoặc bởi mấy cô tranh nhau cống hiến nhan sắc.

Người ta bảo chàng như thần ôn, đến đâu không khỏi ở đấy có dịch.

Rắc rối nhất là chuyện ông phán Lai mất khẩu súng, mà suýt nữa tên đầy tớ bị tù oan.

Ông Lai sang làm việc đã ba bốn năm, không có gia quyến, chỉ đem theo một tên bộc dịch; hai thầy trò ở một tòa nhà gác nằm giữa ngoại ô và châu thành. Khẩu súng hai lòng của ông, bình nhật vẫn để vào túi da, treo trong buồng ngủ, kín đáo và cẩn thận, trừ ông và thằng Mươi – tên kẻ bộc dịch – không ai biết chỗ.



Buổi tối hôm đó, ông đi dạo phố trở về, mới bước chân vào trong nhà, tuy ngọn đèn ba dây không sáng mấy, nhưng một vật khiến ông phải giật mình trông thấy trước nhất, chính là cái túi da đựng súng đang nằm vắt mình trên chiếc ghế đầu ở một góc nhà. Sao khẩu súng mình vẫn để trên gác lại xuống nhà dưới thế này? Ông vừa tự hỏi trong trí, vừa chạy lại xem, thì ra cái túi da trống rỗng, khẩu súng bên trong đâu mất.

Ông Lai tái mặt, lo cuống cả người, vội vàng chạy ra gọi thằng Mươi đang nằm ngủ lơ mơ trên chiếc chõng tre, ngoài cửa:

- Khẩu súng của tao đâu rồi, Mươi? Mày chết bỏ thằng này mày với ông!

- Bầm, ở trong buồng trên gác chứ ở đâu! Mươi vùng đứng dậy trả lời với giọng hốt hoảng, lo sợ ra mặt.

- Trên gác à? Mày vào xem cái túi da không, vớt ở xó nhà kia kìa! Còn khẩu súng đâu?

- Con biết đâu được...

- Mày không biết? Để ra Cầm xem mày có biết không? Phên này mày bỏ bố mày con ạ; ăn cắp súng ông đi bắn, lại còn giả vờ...

Mươi ta sợ run và đứng khóc nức nở, không còn biết nói thế nào.

Lẽ tự nhiên ông phán phải đi trình Cầm, vì mất súng không phải là một việc thường.

Lẽ tự nhiên, tên Mươi bị bắt để tra hỏi, vì nó là nghi phạm ở trong trí ông chủ nó và ở trước mắt nhà chuyên trách.

Dư luận Việt kiều đoán là một việc thù hiềm; kẻ thù ông Lai thừa cơ, hoặc đồng mưu với tên Mươi lấy trộm khẩu súng của ông đưa cho giặc cướp nào đó, một mai võ chuyện, thế nào ông chẳng bị liên lụy rầy rà.

Nhưng sao nó không lấy luôn cả túi da, có lẽ mấy ngày nữa ông phán cũng chưa để ý mất súng, vì súng vẫn treo một chỗ khuất trong buồng. Kẻ thù khôn nhưng không ngoan, quăng túi da ngay dưới nhà, để ông phán thấy mất súng ngay mà đề phòng, trình báo.

Trong lúc xảy ra việc này, người ta để ý vào sự lạ vắng hản hình



tích Vi ở kinh thành Vientiane. Có người nghĩ hai việc tất có liên lạc, nhưng đến duyên do vì sao, thì người ta tìm không ra.

Mười vẫn bị giam. Nhà chuyên trách đồ dành tra hỏi cách nào, nó cũng một mực kêu oan, không biết gì cả.

Nó nằm trong xà lim chưa biết đến bao giờ, nếu không có một sự bất ngờ đến giải thoát cho.

Cách sau bốn năm hôm, thành lình có một người Lào lạ mặt, ôm đến nhà ông Phán Lai một hộp gỗ dài, đóng đinh và đai sắt tứ phía kĩ lưỡng, với một phong thư niêm kín. Ông Phán vội vàng bóc thư ra xem, nghĩ là ai biểu mình vật gì, không ngờ họ trả lại một vật mà ông đang lo ngại, hồi hộp. Bức thư viết như sau này:

*Oubone 7 Février 19...*

*Bác Lai,*

*“Tôi xin trả lại bác khẩu súng mà tôi đã mượn đi săn bắn mấy hôm nay.*

*“Chiều tối hôm ấy tôi đến đằng nhà, bác đi chơi vắng, đĩa ở đi đâu cũng không thấy; nhân phải vội vàng, tôi đã tự tiện lên gác lấy súng ra đi. Việc bất đắc dĩ, xin bác lượng thứ.*

*“Nay không phải dùng đến nữa, tôi phú thác một người tin cẩn đem về trả lại chủ nhân. Bác miễn trách cho người bạn phải lưu lạc đi xa; sau này thế nào anh em cũng có dịp trùng phùng báo đáp.*

Kí tên: Vi.

Quả thật trong hộp đựng khẩu súng ông đã mất trộm. Trước một sự bí mật khó hiểu ông Lai ngần người giây lâu mới hỏi người Lào:

- Thế, anh gặp ông Vi ở đâu mà ông giao cái này đem về?
- Bẩm, hôm ông ta ra đi, cốt đem tôi đi theo sang Oubone để ủy thác tôi đưa cái này về nộp ông, vì ông ta biết tôi là người cẩn thận.
- Nhưng hiện giờ ông ấy đâu?
- Chắc ông ta đi Băng Cốc rồi.
- Đi Băng Cốc.



- Vâng.

Tức thời, ông Lai dẫn người Lào đưa cả khẩu súng và bức thư đến trình sở Cẩm, xin cho thả Mươi ra, miễn cứu.

Thì ra Vi lại bỏ việc làm ở Lào đi sang bên Xiêm.

Hình như có hai lẽ xô đẩy chàng lên đường phiêu lưu. Một là đồ chừng bọn chủ nợ đen vàng ở Hà thành nghe tin chàng lại vào công sở và đang làm việc ở Lào, thế nào lại chẳng tìm cách truy nã đến nơi để quấy rầy cho bở ghét. Dù không đòi hỏi thúc bách hay đe dọa tù như ở Hà Nội, có lẽ chúng xin ộp lương mỗi tháng nhiều ít cũng đủ làm cho chàng nguy khốn, còn lấy đâu mà cờ bạc ăn tiêu. Muốn cho chủ nợ tro mắt cả lũ chẳng làm gì nổi mình, thì tốc thả đi tha hương ngoại quốc là diệu kế hơn cả.

Đến lẽ thứ hai – lẽ này có phần đúng hơn – nghe đâu chàng biết tin quan Lãnh sự Pháp tại Băng Cốc vốn là quan thầy mình lúc trước ở Hà Nội, thế nào ngài chẳng nghĩ tình thầy trò cũ mà cho một việc làm. Do đấy chàng sẽ có thể bay nhảy cao xa, theo như sở nguyện. Nhất là đất Xiêm vẫn có nhiều bà con ta sang nương nấu lán lút bấy lâu, mà nhà đương cuộc Đông Dương cần biết tung tích hành động của họ.

Thế rồi chàng lẳng lặng từ giã kinh thành Vientiane, với khẩu súng của ông Lai, giả làm một nhà đi săn bắn, thuê một chiếc thuyền nhỏ qua sông Cửu Long, đặt chân lên bờ bên kia tức là địa phận Xiêm. Chàng cho tên lái đò bốn hào bạc. Đến châu thành Oubone, gửi súng trở về giả cho ông Lai, còn mình thì lần đi Băng Cốc.

## V. QUÊ BÓI TÀI LẠ CỦA MỘT BÀ GIÀ, NGƯỜI LÀO

Quan tổng lãnh sự Pháp ở Băng Cốc hồi bấy giờ, ông B. người đã có tuổi, hiền lành tử tế nổi tiếng.

Theo những người biết, thì nguyên trước ông ở trong ngạch cai trị thuộc địa, từng sang nhậm chức ở Đông Dương, ban đầu làm phó chủ tỉnh một hạt trọng yếu về miền Hậu Giang xứ Nam kì, lần hồi ra Bắc, lĩnh chức Công sứ Thái Nguyên hay Phú Thọ không nhớ, rồi về làm quan đầu phòng tại phủ Thống sứ. Bất cứ ông cung chức ở đâu cũng



thương yêu giúp đỡ những người làm việc dưới quyền mình và được dân tâm kính mến, nhớ đức mang ơn. Vì đối với ai, ông cũng lấy lượng rộng ăn ở, và nghĩ sự công ích làm đầu, không hề có một chút tư tâm tư lợi bao giờ. Người ta cảm phục, bảo nhau gọi ông là phúc tinh.

Sau vì bệnh phải cáo quan, về ở Ba Lê tỉnh dưỡng.

Song một người có tài năng đức vọng dù ở xứ nào thời nào cũng thế, việc nước không chịu để cho nghỉ ngơi. Tùy theo địa vị lớn nhỏ, quốc gia thường cần dùng đến sự phục dịch của họ luôn. Chẳng thấy như hai ông Poincaré và Doumergne đã làm tổng thống về hưu dưỡng già, lại phải chống gậy trở ra gánh vác trách nhiệm nội các tổng lí đó sao? Nhân thế, ông B. chỉ được nhàn dưỡng ít lâu, vừa mới khỏi bệnh, lại được đề bạt qua ngạch ngoại giao và tức thời ủy nhiệm đi làm tổng lãnh sự ở kinh thành Băng Cốc nước Xiêm, để giúp quan đại sứ Pháp tiến hành công việc Pháp – Xiêm thân thiện giao thiệp đang mở ra hồi ấy. Vì ông rất am hiểu tình thế và phong tục các xứ phương đông.

Sang ở Băng Cốc cũng như lúc ở Đông Dương, giờ lĩnh một chức vị ngoại giao cũng như khi trước làm quan cai trị, ông B. với bản tính trung hậu, chăm chăm có hai công việc; một là làm phận sự, hai là giúp đỡ người. Từ chính giới, thương giới cho đến xã giao ở Xiêm kinh, người ta đều ái mộ ông là một bậc lão thành quân tử.

Bao nhiêu kỉ niệm tươi đẹp trên con đường sĩ hoạn ông từng dong ruổi ở Đông Dương hồi nào, lại thức dậy trong trí nhớ, tha thiết và đậm đà. Từ trí nhớ đến cảnh thực, nay chỉ cách nhau có mấy dãy núi, một con sông, thành ra cách dăm bảy tháng ông lại từ Băng Cốc sang chơi Sài Gòn hay Hà Nội một lần, để thăm hỏi bạn xưa cảnh cũ. Có chỗ thâm tình đáng quý nhất, là ông có lòng hỏi han yên ủi từng người bản xứ trước đã quen biết hoặc đã làm việc thuộc hạ ông, khi ở tỉnh này, lúc đầu ty kia. Người ta nói vợ chồng một tên bồi cũ, nghe tin ông sang chơi Sài Gòn, từ dưới đồng ruộng Cà Mau lên khách sạn continental thăm chủ; khi trông thấy họ, ông hớn hờ reo mừng như đứa trẻ con được quà, rồi móc túi lấy một trăm bạc đưa cho.

Lúc ông làm đầu phòng tại phủ Thống sứ Bắc kì, thông Vi là một viên thuộc hạ đầu chùng bảy tám tháng, thế mà ông cũng không quên hỏi thăm trong một dịp qua chơi Hà Nội để lên Tam đảo nghỉ mát. Người



ta nói Vi cờ bạc nợ nần thái quá, đã từ chức bỏ nhà đi biệt đâu mất rồi, khiến ông ngậm ngùi than thở:

- Tiếc thay! Con người thông minh lanh lợi như thế, mà đem cả chức phận danh giá đặt liều cả vào sòng bạc mất ư?

Rồi ông sai người đem năm chục bạc tặng cho vợ con, tức là cô me tây chủ mỏ và hai đứa con bé, chắc hẳn các ngài đã biết, hiện đang nheo nhóc ở một vùng ngoại ô từ lúc Vi bỏ đi.

Tiếng tốt của ông tỏa ra bốn phía, bay như gió, vang như chuông.

Những người Đông Dương, hoặc đánh cá ngoài biển bị bão táp đánh vỡ thuyền mà trôi giạt vào đất Xiêm, hoặc sang Băng Cốc làm ăn mà bị thất cơ lỡ vận, hết chỗ dung thân, một khi nhà chuyên trách bản địa dẫn đến cho ông, ông sốt sắng cứu mang đủ cách cho họ trở về quê hương. Ngoài số tiền công chỉ được tiêu dùng chu cấp có hạn, ông xuất tiền túi ra bố thí giúp đỡ người ta là sự rất thường. Thành ra lệ quen, hễ người chuyên trách bản địa vớ được một người Đông Dương lêu bêu thất quốc, xét chẳng phi vì phạm pháp gì, thì họ cứ giao thẳng cho quan tổng lãnh sự Pháp, mặc ngài tùy tiện xử trí.

Một hôm, cũng chiếu theo lệ ấy, viên chức công an tại Băng Cốc dẫn đến dinh lãnh sự giao nạp cho ông một chàng thanh niên Đông Dương mà người ta vớ được trên đường Oubone đi về kinh thành.

Sau cuộc giao nhận, ông liền gọi chàng thanh niên kia vào để hỏi quê quán và ý muốn.

Chàng cúi đầu chào một cách rất lễ phép, cung kính.

Lúc ấy tuy chàng có phong trần bao phủ gương mặt, nhưng ông giàu trí nhớ, cũng nhìn thấy những nét ngờ ngợ có thấy ở đâu rồi, không phải mặt lạ.

- Quái! Tôi trông anh rõ ràng mặt quen thì phải. Để tôi nhớ ra xem nào...

- Bẩm quan lớn, quả thực có thể; tôi tên là Vi, mấy năm về trước từng có hân hạnh làm một viên chức thuộc hạ quan lớn ít lâu.

Ô kìa! Anh là Vi đấy ư?

Ông vừa nói, vừa hớn hờ bước ra ngoài bàn giấy, hai tay nắm lấy hai vai chàng mà rung ra vẻ mừng rỡ, thương yêu.



- Trời ơi! Chính thị con ta; ừ phải Vi đây mà! Giá như anh khoan xưng tên thì rồi ta cũng lục trong trí nhớ mà tìm ra ngay... Cái nét mặt thông minh lanh lợi của anh với mấy tháng thầy trò làm việc gần gũi, còn in mãi trong óc ta, có khi nào quên!... A, sao anh đại dốt thế, đang ở địa vị sung sướng, nhiều hứa hẹn tương lai mà chơi bởi công nợ gì cho đến nỗi bỏ việc mà đi?...

Vi giật nảy mình từ đầu tới chân, như bị một làn sóng điện xuyên qua thân thể. Nhưng chàng làm thính, cúi mặt, chẳng khác gì kẻ có tội vừa nghe quan tòa kết án.

- Con ta đại quá! Đời thuở nhà ai lại có cờ bạc cho đến bỏ cả chức vị? Nếu không thì nay cũng tới hạng nhì hạng ba rồi còn gì... Ta tiếc giùm con hết sức.

- Vâng, tôi trót đại thật. Nhưng sao quan lớn biết rõ cảnh khổ của tôi đến thế? Giờ Vi mới hết hoảng hồn, nói được.

- Sao lại không biết! Hồi năm ngoái ta sang Hà Nội chơi, hỏi thăm những người giúp việc cũ xem tình trạng làm ăn tăn tới đến đâu rồi, hỏi tới anh, người ta nói anh say đắm mấy sòng phán thán ở phố Mới, hàng Buồm, đổ nợ ra tứ tung, suýt vào tù nợ, thành ra phải bỏ việc trốn đi... Thế từ độ ấy, anh lưu lạc những đâu và làm nghề nghiệp gì?

- Bẩm, tôi ra làm việc sở mỏ một độ, rồi sang Vientiane lại xin trở vào ngạch tòa sứ.

- Sao đang làm ở Vientiane lại mò mẫm sang đây?

- Thưa, tình thế bắt buộc tôi lại phải bỏ đi, vì còn quanh quẩn trong xứ thì dù làm gì và ở đâu, cũng hồi hộp lo sợ bọn trái chủ theo dõi làm rầy được. May sao, nghe biết quan lớn là quan thầy cũ đang trọng nhậm ở Băng Cốc, cho nên tôi chủ tâm đi sang đây.

Chết nỗi, anh thả mối bắt bóng; hiện đây không biết có việc gì giúp cho anh? Giờ hãy ra nhà trọ nghỉ ngơi, chiều mai trở vào nói chuyện. Để ta nghĩ tìm cách gì có ích cho anh, xem có được không?

Vi sang Xiêm tìm thầy, tìm cách bay nhảy, không phải là một việc làm ngẫu nhiên.

Kì thật, chàng lập tâm và dự bị hàng năm sau khi đến Vientiane được mấy tháng.



Hèn nào giữa lúc say mê cờ bạc trai gái, chàng vẫn để riêng chút ít ngày giờ về việc học tập tiếng Xiêm, khi thì học ở mấy bạn đồng sự Lào cùng làm một bàn giấy, khi thì với những thổ dân Xiêm thường sang buôn bán tại Vientiane. Không bao lâu đủ biết võ vẽ những tiếng phổ thông, giao thiệp. Lại có dịp chơi bởi quen biết nhiều tay giàu có quyền thế ở bên kia bờ sông Cửu Long.

Làm việc ở đất nước nhà, chẳng qua ba cọc ba đồng, hết tháng hết tiền, còn thêm máu mê cờ bạc hoang chơi, xây lên tháp nợ cao ngất, xem chừng không cách gì có thể gỡ nợ và phát to. Nếu cứ đặt mình trong khuôn khổ này mãi, chỉ cong lưng nuôi đám trái chủ bao nhiêu cũng chẳng vừa, mà rồi bị chúng càng ngày càng vít cổ mình chìm xuống đất đen trong khảm nợ lãi, dần dần ngập mất lút đầu, còn mong gì cất lên được nữa. Tất phải đập cửa mà ra. Đã lâu Vi nuôi chí đi ra hải ngoại lập công danh cơ nghiệp.

Quẻ bói của một mù Lào tu hành càng nung nấu cái chí ấy thêm rần rỏi hơn.

Hôm ấy, chàng với người bạn đồng sự, tên là Hách, rủ nhau đi săn bắn ở một khu rừng cách xa Vientiane độ mười cây số, về phía đông bắc. Bỗng nhớ việc mình, Hách chỉ một tòa nhà sàn lơ lửng ở góc rừng:

- Dưới mái lá gồi mốc thếch kia có một dị nhân mai danh ẩn tích đã mấy chục năm.

- Dị nhân thế nào, có tài phép thuật? Vi hỏi.

- Không! Mụ ta có tài bói lá hay tuyệt trần, Hách đáp. Tôi chưa thấy ai bói hay được như thế; những thầy tướng bói xưng là Quỷ cốc Ma y ở Hà thành mình, tôi cho xếp xó cả.

- Thật à?

- Năm kia, mụ bói cho tôi một quẻ, mọi điều tiên đoán đều ứng nghiệm tất. Tôi nghĩ mà ghê. Đến nỗi hôm nào mình tán tài, hôm nào vợ ở cũ, mụ đoán trúng phăm phấp cả từ ngày giờ.

- Thế thì thánh nhỉ! Bác đưa tôi đến xem một quẻ bản mệnh xem nào.

- Ủ, nhân tiện tôi cũng muốn ghé thăm và làm quà cho mụ một vài đồng luôn thể.



Không hiểu mục Phya biết phép độn lục nhâm hay chỉ bắt nọn. Vi và Hách vừa trèo lên nhà sàn, chưa kịp mở miệng, mục đã chào hỏi trước rồi chỉ vào Vi, nói ngay:

- Ông này vừa mới có ý nghĩ đến xem một quẻ bản mệnh, có phải thế không?

Vi sừng sốt, đưa mắt nhìn bạn và nói:

- Tôi chịu bà. Tại sao mà biết?

- Coi nhánh lá còn kia, mục Phya đáp. Tôi vừa bằm độn xong. Giờ ông đi xuống bẻ một nhánh lá nào tự ý, đem lên tôi xem hộ cho.

Chàng bước xuống nhìn quanh, cây lá um tùm bốn phía, trong bụng phân vân chẳng biết chọn thứ lá gì. Sau cùng, thuận tay bẻ một nhánh lá ớt đem lên. Mục Phya tiếp lấy, niệm thần chú lầm rầm ngồi lặng lẽ nhắm mắt như thầy tu nhập định, một lát mới mở mắt, vừa tách xem từng đường gân mỗi chiếc lá ớt, vừa đoán:

- Ông đang có lập chí muốn đi xa tìm đường tiến thân, mà đi xa thì tốt đấy. Tuy là bước đầu không lợi, nhưng phải có bước đầu ấy nó đưa tới bước thứ hai, rồi mới gặp thầy gặp vận, nên danh nên giàu...

- Nếu đi thì hướng nào lợi hơn, thưa bà?

- Tất phải xuất hành hướng nam rồi xoay về phương bắc. Đấy mới là chỗ thuận lợi cho bản mệnh: quý nhân và tiền của sẽ chờ. Tôi thấy chỉ ba năm nữa thì ông bắt đầu có bạc vạn, rồi bao nhiêu vạn nữa kia. Nhưng mà...

Mục Phya ngập ngừng không muốn nói.

- Thế nào, bà cứ việc nói? Vi như nóng ruột hỏi thúc.

- Nhưng mà tôi khuyên ông ở đời nên dụng tâm chính đính, và đừng ưa người ta phỉnh phờ nịnh hót – vì tính ông ưa phỉnh hơn là nói ngay thật – thì công danh và tài sản mới được lâu dài. Nếu không thì phú quý như đám mây nổi, e chẳng tốt lành về sau đâu.

- Thôi việc hậu lai mịt mù ta hãy để đó. Giờ chỉ nói chuyện hiện tại. Bà quyết đoán rằng tôi đi xa thì tốt?

- Phải, cứ việc mạnh bạo mà đi, thế nào cũng gặp quý nhân chỉ giúp cho một lời nói cũng đủ mở cửa tương lai vinh hiển.



Chốc nữa, trên con đường trở về, Hách dò hỏi ý bạn:

- Sao, đằng ấy tính đi xa thật à?

- Ôi chà! Con mụ Phya bói toán bố lão, Vi lắc đầu và nói một cách rất quả quyết. Bác thử nghĩ xem chúng mình đang ở địa vị yên ổn danh giá thế này mà bỏ đi đâu, họa chẳng hóa đại. Vậy mà bác cứ khen mãi mụ ta thánh thần!

Con người khôn ngoan kín đáo không muốn để lộ cho ai biết được việc mình định làm đấy thôi. Những người ấy chẳng bao giờ cho mưu cơ và ngôn ngữ họ cùng đi một đường. Luôn luôn họ muốn tầm ngấm mà đánh chết voi. Sự thật, từ hôm xem bói trở về, khí chí của Vi càng thêm nhất quyết. Chàng tâm phục mụ thầy bói Lào trông thấy phế phủ mình.

Thế rồi ngày giờ sắp đặt ấn định, chàng lặng lẽ thuê thuyền sang bên kia sông Cửu Long, đã có người hẹn hò giúp sức cho cuộc phiêu lưu.

Có kẻ biết chuyện, nói rằng chẳng phải trong lưng chàng không tiền, và cũng chẳng phải đường trường từ Oubone lên Băng Cốc chàng đi trốn tránh gian nan, như nhiều người đã tưởng. Trái lại, trong lưng có bạc trăm, nhưng chàng không muốn tiêu mất tiền túi trong lúc đi đường, có ý để dành một khi đến Băng Cốc mới dùng độ thân, đợi chờ công việc, hay còn phải đi xa hơn nữa cũng nên. Chàng có thủ đoạn, muốn đi tới đâu, bắt người địa chủ ở đấy gánh vác hành phí cho mình mới sướng; đi ra ngoài phải thế, tội gì để mất của nhà! Song có ma quỷ mới biết chàng đã thi thế mưu mô thủ đoạn gì, mà được nhà cầm quyền bản địa cho xe hơi hộ tống quăng đi đường bộ, cho vé tàu thủy khi xuôi dòng sông Mé Nam và phái một viên chức công an đi theo hộ vệ mãi tới kinh thành như hướng dẫn một vị khách quý vậy.

Nếu quả chuyện này có thể, càng tỏ cho mà trông thấy người làm chủ câu chuyện của chúng ta đây tài tình quái quắc rõ hơn.

\*

Bốn giờ chiều hôm sau, chàng lại đến dinh lĩnh sự.

Ông B. niềm nở cùng chàng đàm đạo:

- Này anh Vi ạ, tôi đã suy nghĩ mãi, hiện thời không biết có một



công việc gì cho xứng với tài lực thông minh của anh... Vả lại, theo ý anh muốn có một công việc ra thế nào?

- Bẩm quan lớn, tôi lại muốn được làm thuộc hạ ngài, để phục sự nhà nước bảo hộ chúng tôi. Chẳng nói, ngài cũng đã rõ ở biên giới ta bên kia thường có những kẻ phi vi phạm phép, ví dụ trộm cướp, buôn hàng lậu, bị nhà chức trách ta truy nã riết, chúng tìm cách lẩn lút trốn tránh sang đây. Lại còn lắm kẻ hoạt động bất minh khác nữa. Ta nên để ý xem xét hành tung của những bọn ấy...

- Cố nhiên!

- Vậy thì xin ngài cho tôi giúp vào việc ấy, luôn luôn tôi thành tâm tận chức đối với nhà nước bảo hộ.

- Tôi hiểu tài giỏi và lòng thành thực của anh lắm, ông B. nói. Nhưng mà việc ấy hiện nay cũng đã có người phụ trách rồi. Nghĩa là chưa có đơn vị nào khuyết. Tôi rất lấy làm tiếc không giúp được anh lúc này. Giá như cơ hội có thể, không khi nào tôi từ chối, anh nên biết tình thầy trò cũ...

- Vâng, tôi hiểu độ lượng của ngài đối với ai cũng rộng rãi, nhân đức, huống gì tôi là trò cũ, từng phục sự ngài.

Ông B. bèn kí tên vào mấy tờ công văn đánh máy do một viên thư kí vừa đặt lên bàn giấy. Đoạn, ông ngồi trầm tĩnh một lát, rồi vùng hỏi Vi:

- Anh có đi Hương Cảng được không?

- Bẩm ngài, cho được phục sự nhà nước Đại Pháp, dù đến chân trời góc bể tôi cũng vui lòng mạo hiểm.

-Ồ! Thế thì may thật, tôi vừa chợt nghĩ ra một cách giúp anh.

- Một việc ngài giúp, tôi xin mình cảm trọn đời, không quên.

- Này nhá, tôi có một ông bạn thân, hiện đang làm chủ một cơ quan trọng yếu ở Hương Cảng, để tôi giới thiệu anh sang bên đó, chắc được thu dụng ngay.

Nói liền làm liền, ông lấy giấy viết thư giới thiệu ân cần và trao cho Vi:

- Đây, anh đưa thư này khi đến yết kiến ông bạn tôi, thế nào cũng được như ý.



- Đa tạ quan lớn! Vi cầm lấy bức thư và đứng dậy cáo biệt.
- Liệu hôm nào anh có thể đi?
- Bẩm, trong một vài hôm, tôi đáp tàu đi ngay.

Ở dinh lĩnh sự ra về, chàng nhớ lại câu nói mụ Phya: xuất hành hướng nam xoay về phương bắc.

## VI. TỪ XIÊM ĐÔ SANG HƯƠNG CẢNG

Vì còn lưu liên ở Xiêm đô ba bốn ngày nữa mới đi.

Cái thời gian ngắn ngủi ấy, chàng không để nó trôi qua vô ích với những cuộc hàng lạc phiếm đẳng, mặc dầu bản tính vẫn thích và lại có bạn bè mời mọc lôi kéo.

Bảy mươi hai giờ đồng hồ còn ở Băng Cốc, chàng để hầu hết vào sự nghe, sự hỏi và sự tìm những điều bí ẩn mà chàng cần tò mò xem xét, vì có dính dấp lợi ích cho công việc tương lai của mình.

Cố nhiên những điều cần dùng nghe, hỏi và tìm của một người quái quắc, hữu tâm, không giống như người thường chúng ta và chúng ta cũng chẳng tưởng tượng đến.

Việc đời thường như sợi dây xích, kéo dài bởi khoanh nọ ngoặc lấy khoanh kia.

Bởi vậy, tìm hỏi tình hình Việt kiều ở đất nước Xiêm có thể biết được – chẳng nhiều thì ít – sự sinh tồn hoạt động của một số người Việt Nam kiều ngụ nương náu bên Tàu. Cũng như tìm hỏi trong đám Hoa kiều ở thành Băng Cốc có thể khơi đường bắt mối kết giao với người Tàu ở Hương Cảng, là nơi chàng sắp sang; luôn dịp dò biết được cả những chỗ nào cờ bạc ăn chơi, những cách gì mưu sinh trục lợi, là mấy điều cốt thiết mà chàng muốn hiểu đại khái trước khi đặt mình vào thì hơn.

Phải biết chàng vốn khôn ngoan tinh tế, nhất là có cái óc muốn tìm tòi nghe ngóng những việc riêng chuyện ẩn của người ta, không khi nào làm một việc gì ngẫu nhiên hay vô ý.

Trước hết chàng định xem xét tình trạng Việt kiều. Chập tối, lần mò ra ngoại ô, tìm đến nhà ông Vận, một người Việt Nam sang làm việc



ở Xiêm đô đã ngoài 10 năm, ban đầu ở hãng Descours et Cabaud, sau qua chi điểm Đông Pháp ngân hàng, có tiếng là người quen thuộc thung thỏ, anh em thường gọi là “*ma xó*”. Và lại cũng là bạn quen của Vi, lúc hai người cùng mài đũng quần trên ghế trường học.

- Ô kìa, anh thông Vi, sang đây bao giờ thế? Ông Vận đang ăn cơm, bỏ đũa xuống, tay bắt mặt mừng.

- Tôi sang dăm sáu hôm nay.

- Đi chơi hay có mục đích gì?

- Phải, được nghỉ phép một tháng thì đi chơi cho biết đó biết đây, chứ bác tính tôi còn có mục đích gì nữa.

Ta nên nhận kĩ chỗ này: sinh bình Vi ít chịu nói thật tâm sự và hành chỉ mình với ai, dù là bạn thân.

- Thế, tình hình bên nhà cậu lại ra sao?... À, nhân tiện anh ăn cơm với tôi nhé!

- Không, tôi đã ăn cơm đằng kia rồi, anh cứ tự tiện. Tình hình nước nhà càng ngày mở mang, tấn tới, nhờ chính phủ Bảo hộ tận tâm; Hà thành bây giờ sửa sang đẹp và mới dần dần, anh ạ, khác hồi chúng ta vừa ngủ gật vừa gào *manger* là ăn, *boire* là uống...

- Ông Nguyễn Đình Chú.

- Vẫn giúp việc tại phủ Thống sứ đặc lực đảo để, chắc sắp được thăng quan tiến chức.

- Còn ông Hàn Thái Dương?

- Đã vào làm thông phán tòa Liêm phóng, bao giờ ông ta cũng làm ăn chí thú và thỉnh thoảng cũng kí tên hệ anh em vay nợ sét ti Ấn Độ.

- Tôi rất mừng được nghe tin nước nhà mở mang, bạn bè vui vẻ. Còn anh sang chơi bên này, có sự gì cần dùng đến tôi, tôi xin sẵn lòng.

- Có, tôi muốn phiên “thổ công bản địa” mách bảo cho tôi biết tình trạng Việt kiều ở đây; cả bọn bô đào bí mật nữa.

Ông Vận đã ăn cơm xong, vừa bung cốc cà phê toan uống thì nghe mấy tiếng sau chót của Vi, khiến ông trở mắt nhìn bạn, hình như trong trí suy nghĩ gần xa. Bạn nhắc lại câu hỏi một lần nữa, ông mới trở về trạng thái như thường, và nói:



- Hẳn anh thừa biết ở đời văn minh này, tứ thông bát đạt, dù cách trở muôn ngàn non biển, người ta còn tìm đến xứ sở nhau mà giao dịch, kinh doanh, hưởng chi hai xứ ở liền bờ cõi thì dân xứ nọ sang cư ngụ làm ăn xứ kia, là sự rất tự nhiên. Bà con ta qua ở đất Xiêm làm lụng, buôn bán, cũng là việc tự nhiên như người Pháp qua sinh nhai bên Thụy Sĩ hay Y Pha Nho vậy.

Người mình sang đây kể ra cũng nhiều. Hiện tại thì có những người, dưới nếp cờ ba sắc che chở, sang làm việc ở các cơ quan công thương hay ngoại giao của người Pháp tại Băng Cốc. Cũng có kẻ sang mở tiệm buôn, làm bồi bếp cho các nhà âu-tây hoặc tản mác ở các tỉnh làm thuê, làm thợ. Đây là công khai, còn anh gọi là bô đào kia cũng có.

Nhưng, ngược lên lịch sử về trước, hồi cuối thế kỉ 18 và 19, người mình đã có hai lớp di dân, thành ra hai thôn cư và hai đoàn thể, dường như không liên lạc gì với nhau, cũng như họ không liên lạc với lớp chúng tôi bây giờ.

1- Cựu An Nam thôn, tiếng Xiêm gọi là *Sam phen*.

2- Tân An Nam thôn, tiếng Xiêm gọi là *Sam sên*.

Thôn trên là những người theo đức Gia Long tránh nạn sang Xiêm hồi Tây Sơn đang hùng cường. Tất anh nhớ đoạn lịch sử này, tôi chẳng cần nhắc lại. Những người ấy sinh sản con cháu phồn thịnh. Bây giờ ngôn ngữ y phục, nhất nhất thành người bản xứ, không còn An Nam tí nào nữa. Có lắm người làm nên giàu có, hiển vinh.

Thôn dưới toàn là tín đồ Thiên Chúa, lúc hai triều Minh Mạng Thiệu Trị có lệnh cấm đạo nghiêm ngặt, tổ tiên họ vì lòng tín ngưỡng sắt đá, phải bỏ quê hương qua đây nương náu, rồi lập thành làng xóm, ở luôn. Họ vẫn giữ tiếng An Nam không quên, sự tốt đẹp ấy cố nhiên nhờ sức tôn giáo.

Ấy, tôi chỉ biết có mấy phía Việt kiều và tình hình đại khái là thế. Nếu anh muốn nghiên cứu rõ hơn, hay muốn tìm xét điều gì, cứ việc đến tận nơi mới được. Thông minh và tài giao thiệp của anh, tôi tưởng cửa nào cũng mở toang và mắt cả vẻ cao tường kín cổng...

Ông Vận dứt lời uống cốc cà phê đã hơi nguội.

Vi biên chép những điều đại cương trong quyển sổ nhỏ rồi đứng dậy cáo biệt.



Tối hôm sau, chàng trở lại nhà ông, khoe mình công phu thóc mách một ngày, đã tìm ra ít nhiều manh mối sẽ hữu dụng cho mình mai sau.

- Khô quá! Trời sinh cho tôi cái tính hiếu học và hiếu kì. Giờ tôi lại tò mò muốn biết đôi chút về tình hình Hoa kiều làm thế nào được, anh nhỉ? Anh có quen một vài chú khách nào thật hạng chóp bu, giới thiệu hộ tôi?

- Cứ mua sách mà nghiên cứu cũng đủ, hà tất phải giới thiệu ai. Ông Vận đáp.

- Xem sách đâu có bằng giao thiệp trực tiếp với họ. Anh thử nghĩ xem.

- Thế thì khó gì? Anh cứ lấy ngay tư cách một nhà du lịch, đến thăm mấy người làm đầu Hoa kiều ở đây, tức như bên ta gọi là bang trưởng tha hồ mà hỏi.

- Ủ, cao kiến đấy. Để mai tôi tìm đến họ. Có lẽ phen này tiện đường tôi đi chơi Hương Cảng một chuyến cũng nên.

\*

Một tuần lễ sau.

Tàu “*Hoàng Hải*” từ Băng Cốc về cặp bến Hương Cảng.

Vi bước lên bờ một cách dũng dạc, gần có vẻ như nhà đi chinh phục. Đằng này, chàng đi chinh phục của cải và công danh.

Ngoài bức thư tiến dẫn của ông B. trong túi chàng còn có mấy bức thư giới thiệu của Hoa kiều ở Xiêm đô gửi cho mấy nhà đại thương Trung Hoa ở Cảng. Không biết chàng khéo giao thiệp và tự tôn mình cách nào, mà có một bức thư viết những lời giới thiệu phóng đại nghe phải rùng mình:

“... tiên sinh đây là một yếu nhân trong chính giới Việt Nam, nay đến Cảng để trọng nhậm một chức vụ ngoại giao. Nếu ngài có ý mở mang giao dịch, hay kinh doanh mỗi lợi buôn bán với các thương phụ Việt Nam và hai xứ Đông phố (Cao Miên), Lão qua (Lào), cứ giao thiệp với tiên sinh, tất được giúp tận tâm và hưởng lợi v.v... ”.

Với những lá bùa hộ thân như thế, Vi tin chắc Hương Cảng mới



thật là chỗ phương tiện cho mình vẫy vùng, bay nhảy. Vì nó là nơi phồn hoa thịnh vượng; vả lại người Tàu muốn sang Đông Dương mua bán làm ăn, tất phải lấy Cảng làm địa đầu xuất phát.

Chu vi 30 dặm dài, diện tích 40 dặm vuông, Hương Cảng là một cù lao nhỏ nằm ở phía ngoài cửa sông Châu Giang, cách xa Quảng Châu, tỉnh thành Quảng Đông, ngót tám chục dặm đường thủy. Nguyên xưa chỉ là một đảo hoang vu, duy có quân giặc bể tàu ô lấy làm chỗ họp tập, ẩn núp, làm cho tàu thuyền đi lại khắp miền nam Trung Quốc hải đều bị khó khăn, nguy hiểm, chẳng những ra vào cửa sông Châu Giang mà thôi.

Năm thứ 20 của vua Đạo Quang nhà Thanh (1840), vì chuyện Lâm Tắc Từ, tổng đốc Quảng Đông, đốt phá thuốc phiện của bọn lái buôn Anh ở Quảng Châu, nước Anh lấy cớ ấy đem võ lực đến thị oai, gây nên trận đánh nhau mà trong lịch sử đặt cho cái tên đẹp đẽ, là *Nha chiến tranh*. Quân nhà Thanh thua. Năm Đạo Quang 22 (1842), Thanh triều phải cắt nhường Hương Cảng cho nước Anh. Từ đấy, hòn đảo nhỏ bé và bỏ hoang, được bàn tay văn minh thái tây nặn nọt, điểm tô, không mấy chốc trở nên một thương cảng rất to, một thành thị xinh đẹp ở Đông phương.

Người ta bảo lâu đài thành quách từ trong hốc đá mọc ra.

Ông Nguyễn Bá Trác đã khéo tả cảnh Hương Cảng, trong mấy chục hàng, thu quát được tất cả vẻ đẹp và vị trí quan hệ của nó.

“... Đối diện cái cù lao ấy (Hương Cảng) là thành phố Cửu Long, giữa cách một cái vụng vừa rộng vừa sâu, tàu buôn các nước ra vào đậu được; hai bên có những tàu nhỏ đi lại như mắc cửi, những thuyền nhỏ ghé lại bên tàu lớn, như đàn kiến bám vào con sâu, có nhiều tàu nhỏ đi lại lườn lướt làm cho mặt nước nổi sóng lên cả ngày.

“Trên đất, những nhà liền như úp bát, từ bên Cửu Long trông sang, không biết cơ man là lâu đài chồng chất, từ mé bể cho đến chót núi, hình như một ổ tò vò muôn gian nghìn nóc, còn những cây cổ thụ chung quanh chỉ như mấy chậu hoa để dưới nhà lâu vậy.

“Dưới nước là tàu hơi, trên bộ thì nhà máy, phun khói như mây cả ngày, từ sáu giờ sáng đến bảy giờ tối, không lúc nào trên không khí mà được quang, được tỉnh.



“Có hai con đường xe điện: một con đường đi vòng bờ biển, một con từ trung hoàn đi ngược lên núi, vì thế người ta lên núi xuống núi không phải leo trèo gì cả. Bên Cửu Long có đường xe hỏa đi thẳng đến tỉnh thành, hàng hóa vật sản từ Quảng Tây Quảng Đông chở đến Cảng, một mặt đi xe hỏa Quảng Cửu, một mặt đi đường sông Tây Giang và Ngô Châu, việc buôn bán ở đây thịnh vượng thế nào ai cũng đã biết”.

Ai đã từng qua Hương Cảng, đọc lại mấy hàng trên đây, tất phải nhìn nhận mấy nét bút phác họa của tác giả “*Hạn mạn du kí*” đơn sơ mà đúng.

Nhìn theo góc Đông Dương ta, Hương Cảng có liên lạc quan hệ nhiều phía, nhất là kinh tế và di dân.

Những sản vật xứ ta bán cho nước Tàu, như thóc gạo, cá khô, sa nhân, đậu khấu v.v... hầu hết bốc lên Hương Cảng rồi từ đó phân phát đi nội địa. Phần nhiều hàng hóa Tàu bán sang nước ta cũng thế: ví dụ tơ và thuốc bắc ở Tứ Xuyên, các thực phẩm ở Quảng Đông mà ta ưa thích, không thể nào bay vượt hải quan ấy mà sang bên ta.

Còn như người Tàu qua Đông Dương kiếm ăn, buôn bán, hẳn các ngài cũng biết số nhiều hơn hết, là người Quảng Đông. Từ xưa vẫn thế. Thứ đến người Triều Châu và Phúc Kiến.

Dân ở trong xa nội địa Quảng Đông, một khi muốn sang Hải Phòng hay Sài Gòn, sự thế buộc họ phải đến Hương Cảng đã xin thông hành hộ chiếu; và lại cũng chỉ Hương Cảng mới tiện lợi cho họ đáp tàu mà đi. Ngay đến dân tỉnh Phúc Kiến, muốn sang An Nam, cũng phải qua một chặng bạt thiệp công phu tới Hương Cảng nhà họ, tuy là thương phụ khá đầy, nhưng không tiện tàu bè giao thông với ta.

Thành ra Hương Cảng là quan ải đầu tiên, mà cũng gần như con đường độc đạo, hầu hết người Tàu nào cần sang Đông Dương, buộc phải lấy đó làm nơi xuất phát.

Mấy năm về trước, tuần lễ nào mà Hải Phòng và Sài Gòn ta chẳng có một vài chuyến tàu Hương Cảng vào bến? Và chuyến tàu nào lại đếm không được đôi ba trăm chú khách thím khách di dân?

Trước khi những đám người ấy ở Hương Cảng xuống tàu, nội việc lo liệu giấy tờ này kia cho họ, ai làm cũng là một việc khó nhọc, nhưng



cũng là một mối lợi có thể xoay sở kiếm chác to. Người Tàu cậy phần ai làm hộ một việc gì, không khi nào quên “lì xì”, gọi là đền công. Còn có lắm trường hợp đặc biệt chưa nói.

Trời cho đến vận tầy, Vi sang Hương Cảng được đặt ngay vào một sở làm, một chức vụ chuyên lo công việc ấy, nhờ có bức thư tiến dẫn của ông B.

Với tài năng và thủ đoạn của chàng, thôi thì chúng ta khỏi phải lo hộ. Từ đấy, tiền bạc tự đội nón tới gõ cửa, và tự chàng nắm cổ nó kéo về cũng có.

Không bao lâu, con người vừa mấy tháng trước trốn nợ bỏ việc, lưu lạc ba đào, giờ đã nghiêm nhiên có một địa vị ở Cảng, làm cho phát tài sai lộc, ăn sang, ở sang, diện sang, chơi sang, tối tối thường đi Thâm Xuyên đánh bạc như sấm. Thâm Xuyên, giáp giới Hương Cảng và thuộc về đất Tàu, là một nơi tụ họp những nhan sắc tuyệt phẩm và những sòng cờ bạc ăn thua rất to. Câu chuyện ông tướng Mạc Đức Huệ, trấn thủ Đông Giang, bỏ thành trì đi chơi phiếm đầu mất, đến nỗi giặc tới hạ mất thành trì, câu chuyện hẳn có nhiều người còn nhớ. Thì sáng hôm sau người ta tìm thấy ông đang ngủ vùi ở Thâm Xuyên, sau mấy đêm thưởng hoa và đánh bạc!

## **VII. VÌ SAO TRƯỞNG THUẤN PHONG PHẢI XANH MẶT?**

Bao giờ cũng thế, Á Khâu diện quần áo Tây thật sang, ngồi vắt chân chữ ngũ trên kiệu đăng sơn kê lên vai hai đứa gia bộc, miệng ngậm điếu xì gà thượng hạng, mặt mũi vênh lên, trông rất quan dạng.

Những người không biết, có thể lầm tưởng là một yếu chức, một phú gia ông, hay một nhà du lịch sang trọng từ trong nội địa ra Hương Cảng chơi. Các ngài đã biết thành phố này xây dựng trên núi, đường sá của nhà liên tiếp từ dưới chân lên đến ngọn, thành ra từng hàng từng bậc, đến nỗi khóm cây cỏ thụ ở bậc dưới, ta trông xa như thể chầu cảnh bày chơi của nhà ở bậc trên. Cuộc giao thông xen lẫn cả cỗ lẫn kim: chiếc kiệu hai người khiêng cũng tranh đường lên xuống với ô tô, xe điện. Những hồi có câu chuyện cho chúng tôi đang kể đây, kiệu ở Hương



Cảng đã gần hóa ra vật trần hủ hiêm hoi, không còn mấy ai ngồi kiệu khiêng đi nghênh ngang giữa phố. Có một chiếc kiệu nhà như của Á Khâu, đóng kiệu mới và sơn phết bóng nhoáng, ai thấy cũng phải trầm trồ, tưởng người chễm chệ trong đó không phải thường nhân.

..... (mất một số báo)

Nếu nó trốn tránh cãi chối, thì anh em sẽ có người về Tàu đào mả tổ tiên nó, chặt đầu nó, giết cả vợ con và đốt sạch nhà cửa dinh cơ của nó.

“Phải biết Trung Quốc đương buổi loạn li chưa định này, cái lệnh của bọn *Ma ta hao* truyền cho Lý Tam chẳng phải là một sự dọa nạt bố láo, không dám thực hành. Ví dụ Lý Tam cưỡng mệnh, đồ nó khỏi bị cự đảng xử tử cả nhà và phá tan cơ nghiệp để phục thù báo oán.

“Lý Tam, tức Trương Thuấn Phong, thừa biết cơ nguy trước mắt, bây giờ phải sắp sửa đi sang Đê Ngạn, hầu tạ tội với anh em, và lạy lục trả lại 10 vạn lúc trước, bồi thêm ít vạn làm quà, thì mới còn đời mà vui sống.

“Nên nhớ rằng mười năm về trước nó đã bị nhà đương cuộc bên ấy truy nã, kết án vắng mặt năm năm khổ sai, hễ vớ được lúc nào là thi hành án tiết lúc đó. Nay nó định sang bên ấy với tên giả Trương Thuấn Phong mặc lòng, án kia chưa tiêu mà hình tích nó cũng chẳng xóa bỏ đi được. Trường hợp nó thật khó; đi thì nguy hiểm sợ lộ hình tích, mà không đi thì không thể yên thân với bọn dư đảng *Ma ta hao*.

“Chắc nó tưởng bị được mất chúng ta ở đây, sẽ lại xin giấy hộ chiếu một cách đường hoàng là nhà phú hộ Trương Thuấn Phong đi du lịch Đông Dương. Nếu ta nói cho nó hiểu rằng ta biết đến tận bóng đen dĩ vãng của nó, cố ý trù trù không phát hộ chiếu và dọa lấy hình ảnh lý lịch để tư hỏi bên kia, thì năm ba nghìn bạc, nó phải hai tay đem dâng lập tức. Lại còn mang ơn ta là đảng khác v.v...”.

Đọc hết *lập bố* của Khâu, Vi hớn hờ phen này vợ được một con thịt to ở đâu vô tình đâm đầu vào lưới.

Quả nhiên sáng hôm sau Trương Thuấn Phong đến xin hộ chiếu, chàng tươi cười tiếp đãi, mời ngồi tử tế, rồi làm bộ lấy trong ngăn kéo ra một hồ sơ mở xem, bỗng đổi sắc mặt, nói rất nghiêm nghị:



- Trước kia ông đã có lúc ở qua Đê Ngạn, tên là *Lý Tam*, chắc ông biết *Ma ha tao* là gì đấy nhỉ?

Có tật giật mình, Trương Thuần Phong tái xanh mày mặt và nói ú ớ để chữa mình cáo từ ra đi.

Thế rồi Á Khâu đứng ra điều đình khôn ngoan, gọi là làm ơn giúp việc hộ người đồng hương. Chiều lại, họ Trương đem tới nhà Vi một chiếc phong bì đựng năm nghìn đồng, chẳng những hôm sau được hộ chiếu để xuống tàu, lại được lời hứa bảo hộ giùm cho không bị lộ hình tích.

Tục ngữ nói đồng tiền đổi trắng thay đen, mua tiên cũng được, là thế đấy chẳng?

Làm đầu phòng Xuất dương Hộ chiếu, phú thác, Vi tha hồ làm mưa làm nắng với những người Tàu cần đến xin thông hành sang Đông Dương mà có tình cảnh éo le như Trương Thuần Phong. Cho đi hay không cho đi là tự tay chàng, có khi chàng làm nguy đến sự tự do an toàn của người ta nếu như kẻ hữu sự không chịu lo lót phải chăng.

Cái sổ Hoa kiều ở các thuộc địa Âu Tây, hoặc thiếu thuế má mà trốn tránh về nước, hoặc phạm tội lỗi mà bị trục xuất cảnh ngoại, ít lâu đổi tên biến tướng để lộn sòng trở qua chỗ cũ, không phải là số ít. Muốn có giấy tờ ở nơi khởi hành, họ không ngại gì tốn kém. Sự đánh rào khôn khéo ấy cũng nhiều khi qua lọt con mắt các nhà đương chức hải quan, vì nổi bận việc tứ tung, không thể trông nom cho xiết.

Với bọn đánh tráo, thầy trò Vi, Khâu mới dễ bóp bẹp vo tròn, có thể ăn to. Không phải có một vụ Trương Thuần Phong mà thôi, về sau còn nhiều vụ na ná như thế nữa.

Ngay những người Tàu bình thường, vô sự, một khi muốn sang Đông Dương ở, buôn bán, hay đi chơi rồi về, ai cũng muốn được giấy thông hành mau chóng. Họ mua cái mau chóng bằng năm bảy chục bạc là sự thường thấy. Để chậm giấy tờ mà lỡ mất chuyến tàu, phải lưu ở Cảng tới tuần lễ sau, tốn kém có lẽ gấp đôi gấp ba; thà mua cái mau chóng vẫn còn lợi hơn.

Nhờ thế mà trong thời gian một vài năm, tác oai tác phúc với miếng giấy hộ chiếu thông hành, Vi ăn tiêu phung phí ở Hoàng Hậu tửu điểm với sòng bạc Thâm Xuyên, cũng còn hàng vạn trong túi.



Huống chi chàng còn có lăm ngón làm tiền khác nữa.

## **VIII. VỢ CON NHÀ TRIỆU PHÚ VỚI MỘT CHÀNG HIỆP KHÁCH GIẢ CÂY**

Thâm Xuyên, vị trí ở sát bên cạnh tô giới Hương Cảng nhưng là đất chủ quyền của Tàu, nguyên xưa chỉ là một xóm chợ nhà quê, cư dân thưa thớt, nhà cửa hầu hết bằng lá.

Về sau, cờ bạc trai gái làm tài liệu xây dựng biến hóa xóm chợ tí teo ấy đột ngột trở nên một thành thị ăn chơi không lồ. Không mấy chốc, lâu đài đồ sộ mọc lên như nấm. Đường ngang thế dọc chẳng chịt mạng nhện. Cuộc buôn bán mỗi ngày một thịnh vượng.

Bọn đầu cơ xuất vốn hàng muôn hàng triệu, thi nhau mở ra những sòng đồ bác to và những ca lâu vũ quán rập theo kiểu Mỹ. Các nhà cầm quyền ở Quảng Đông thưởng đó càng khuyến khích thêm, để lợi khoản đánh thuế cho công quỹ, vừa lợi cho cả tư nang ông đốc quân và bộ hạ vây cánh.

Có những tòa nhà cao bốn năm tầng, ta vào đấy tìm thấy nhiều trò vui tùy theo sở thích và muốn chơi thứ cờ bạc gì cũng có đủ. Tầng dưới hát tuồng cổ, tầng trên xi nê với những phim ảnh tối tân ở Anh Mỹ vừa gửi sang. Phòng này chơi phán thán cò con, phòng kia đánh thín cầu sát phạt. Người ta đem cả cơ đồ tổ ấm đến đây mà nộ, hay là khi đến chỉ có dăm ba chục trong túi mà lúc về ngẫm nhiên một phú gia ông cũng nên.

Lại có những biệt phòng trang hoàng hoa mỹ cho các ngài thuê riêng để bày cuộc đồ đen riêng với nhau, tha hồ yên vui lạng lẽ. Trong phòng sẵn có bàn đèn thuốc phiện, một vài cô thiếu nữ như hoa như mộng để hầu tiêm, hầu nước các ngài. Bốn người ngồi châu đầu, quanh chiếc bàn đá cẩm thạch, có thể sát phạt nhau bạc vạn với bộ bài mạc chược; bên ngoài không ai hay biết gì cả, trừ ra những tiếng quân bài nện mạnh trên mặt bàn đá nghe kêu chí chát.

Người Tàu thích đánh mạc chược cũng như người xứ Bắc mình thích sóc đĩa và đồng bào Nam trung thích đánh me hay tứ sắc vậy. Một nhà văn Tàu đã làm bài thơ trào phúng bằng lối thơ mới như sau này:



一個中國人: 悶得發慌

二個中國人: 便好商量

三個中國人: 不能成事

四個中國人: 麻雀一場

*“Nhất cá Trung Quốc, nhân: muộn đặc phát hoang;*

*Nhị cá Trung Quốc nhân; tiện hảo thương lường;*

*Tam cá Trung Quốc nhân; bất năng thành sự;*

*Tứ cá Trung Quốc nhân; ma tước nhất trường,”*

Tác giả có ý ngao ngán việc nước Tàu, cảm thán đồng bào mình hễ quây quần nhau chỉ được có việc cờ bạc ăn chơi là giỏi: một người Tàu ngồi vò võ một mình thì buồn; hai người Tàu ngồi với nhau thì có thể bàn tính việc này việc kia, nhưng đến ba người Tàu thì chẳng làm xong việc gì được (vì trong ba người thế nào cũng có một người bội phản hay không kín miệng); đến bốn người Tàu ngồi chung nhau một chỗ, thì dờ ngay bộ bài mặt chược ra, chí chát bóc lột nhau hay tiêu khiển cho qua ngày giờ, có thể mà thôi.

Tại Thâm Xuyên, đêm nào như đêm nầy, người ta chơi mặt chược ăn thua với nhau bạc vạn là sự rất thường. Chúng tôi đã nhắc qua cho các ngài nhớ chuyện ông Mạc Đức Huệ, làm tướng trấn giữ Đông Giang, bỏ thành trì đi Thâm Xuyên chơi gái đánh bạc luôn luôn, bỏ mặc cả việc bảo vệ; giữa đêm quân địch đổ bộ chiếm mất thành trì Đông Giang, quan tướng đang ngất ngưỡng cao hứng ở trong tòa nhà ăn chơi to nhất Thâm Xuyên, một tay ôm gái vuốt ve, một tay nện bài mặt chược nghe có nhịp nhàng như những hiệp súng liên thanh đang nổ.

Không phải Thâm Xuyên chỉ có thân chủ là các ông phú gia hay yếu chức, và các tay chủ hiệu má chín mà thôi, cả vợ con họ và nhiều vị phu nhân sang trọng, tiểu thư thích chơi, cũng thường pháp phối bóng hồng ở những sòng bài canh bạc. Hình như một phần đi giấu giếm chồng con, nhưng một phần thì ra vào trường đồ bác một cách công nhiên, cũng cay cú và đánh ngổ chẳng kém gì con bạc giống đực.

Vì, con cừu của chúng ta, máu mê cờ bạc khi còn ở nhà các ngài đã biết, từ lúc sang Hương Cảng có việc làm danh giá, có bổng lộc cửa sau, thường đêm mò đến Thâm Xuyên thử vận đen đỏ. Ban đầu còn bờ



ngõ, sau trở nên khách quen của mấy sòng có danh. Ban đầu còn một tuần lễ một lần, đến chừng bỗng lộc cửa sau càng ngày càng nhiều, thì anh chàng ngựa nghề dần xác đến luôn.

Nhất là sau việc Trương Thuần Phong bịt miệng chàng bằng mấy nghìn tờ giấy xanh đỏ của nhà băng Hương Cảng, một độ thông luôn bốn năm tuần lễ, chẳng biết rằng được hay thua, chỉ biết con bạc quen đã nhận thấy chàng không đêm nào vắng mặt ở Thâm Xuyên.

Người ta đâu có hiểu độ ấy chàng năng đi về Thâm Xuyên, vừa để cờ bạc theo bản tính ham mê, vừa để bài binh bố trận, tìm một cách lí tài khác, mạo hiểm hơn và hoạch lợi hơn.

\*

Bảy giờ thì Thâm Xuyên Hương Cảng chắc đã nối liền nhau bằng đường sá của nhà quang đặng, tấp nập, và có đèn điện chiếu sáng thâu đêm, đại khái cũng như Hà Nội với Hà Đông ta vậy. Nhưng ngoài hai chục năm trước, sự mở mang còn đang tiến hành, còn có một vài chỗ khuất tịch tối tăm, bọn côn quang vô lại hay mai phục ở đó để bóc lột những khách đi đêm.

Chúng nó có tai mắt gởi gắm ở mấy sòng bạc lớn của Thâm Xuyên, mà những tay chơi nhà giàu Hương Cảng đến đây ăn thua rồi đêm khuya trở về là sự thường. Hễ được tin phi báo cho biết mấy tay nào phát tài mà nửa đêm gà gáy trở về Hương Cảng, thì làm sao đêm ấy chúng cũng bày mưu bố cuộc, đón đường bóc lột. Thằng nào cũng có bộ đồ nghề và súng lục, y như bọn cướp bên *Chi Ca Go*. Những khách đi về đêm khuya trên con đường này, cố nhiên có xe hơi nhà và lại cũng chẳng phải tay vừa; song bọn cướp vẫn có lắm gian mưu quí kẻ làm xe hơi người ta phải ngừng lại cho chúng đỡ nhẹ hồ bao.

Ai cũng vậy, khi đã biết mình bị trúng kế, thôi thì đành chịu mất của hơn là mất mạng.

Không thiếu gì con bạc, hai ba giờ khuya ngồi xe hơi lồng kính từ Thâm Xuyên về Cảng, đang mừng khắp khởi vừa trúng mấy nước bạc cao tay, vớ được dăm bảy nghìn một vạn, trong trí quay tít những cuộc tính toán nuôi heo tậu bò như nàng bán sữa trong ngụ ngôn La Fontaine, nhưng một lát nữa đến khoảng vắng teo, bọn cướp đưa súng ra vét mất sạch túi.



Nhà đương cuộc công an Tàu và Anh hiệp nhau tập nã trùng trĩ luôn, nhưng bọn này vào tù, có bọn khác kế nghiệp, vì chúng là một đảng tù hợp đồng và có tổ chức.

Giữa lúc, người Tàu ở bậc trung lưu hạ lưu đang mê tiểu thuyết kiếm hiệp, một hôm các báo lớn bằng chữ Tàu, chữ Anh xuất bản tại Hương Cảng, như *Hoa tự*, *Siêu nhiên*, *Hong Kong Télecgraph*, đều đăng một tin làm nô nức những người hiếu kì: “*Đêm qua, một hiệp khách đánh nhau với sáu tên lục lâm, cứu được vợ con nhà triệu phú Linh Tu khỏi chết*”.

Đại khái câu chuyện như thế này: Đêm hôm ấy, Linh Tu phu nhân tức là vợ ông Hồ Linh Tu, một nhà doanh nghiệp giàu ở Hương Cảng, cùng cô con gái lớn, Trương Phổ tiểu thư, mới 19 tuổi; hai mẹ con đi chiếc xe hơi nhà cực đẹp, vừa mua ở Luân Đôn sang, từ Thâm Xuyên chạy về Hương Cảng vào lúc hai ba giờ khuya, chính cô Trương Phổ tự cầm tay lái. Đường vắng đêm thanh xe chạy nhẹ nhàng thoăn thoắt.

Khi đến khúc đường quanh, gần xưởng cửi của nhà họ Bạch, chỗ này, cây cối sâm uất hiu quạnh có tiếng, - ban ngày người ta đi qua cũng chọn, hướng gì đêm khuya, - trước ánh sáng đèn pha độ ba chục thước, cô Trương Phổ trông xa xa thấy một người mặc âu phục chững chạc, đứng chắn ngang giữa đường, dang thẳng hai cánh tay, ra hiệu bảo xe ngừng lại. Cô Trương Phổ vội vàng hãm máy ngừng xe, trong trí định chắc một người lỡ độ đường hay gặp sự nguy cấp gì, muốn cầu mình cứu viện đây.

Quả thật, lúc xe đứng nép bên đường, người âu phục kia chạy lại, với điệu bộ ngôn ngữ rất lễ phép và có vẻ hồi hộp, nói ở nhà mình có ông lão phụ mắc bệnh nguy kịch, cần chở lên nhà thương lớn ở Hương Cảng để mổ, vì thế chàng phải đánh liều đón xe đi qua đường, mong nhờ có lòng từ thiện chở giúp.

Kì thật, nó chỉ là một tên tướng cướp đón đường, cố ý chặn xe và nói giả thác câu chuyện cha già bệnh nặng như thế, để nhận mặt xem khách trên xe có phải đúng với tin tức mật báo chúng nó đã tiếp được hay không. Hễ đúng thì làm hiệu cho quân mai phục đổ ra bóc lột; nếu không thì chúng thả cho đi.

Mẹ con bà Linh Tu vừa nói được mấy tiếng sẵn lòng làm phúc,



bỗng nghe người âu phục ho ba tiếng thật to, tức thời ở bụi cây hai bên đường, có năm đứa lực lưỡng, toàn mặc đồ đen và đeo mặt nạ, nhảy ra vây bọc chung quanh xe hơi, cùng chĩa súng vào mặt hai mẹ con bà, bảo phải nộp hết tiền bạc cùng đồ trang sức trong mình, không thì bị bắn vỡ đầu nát óc lập tức.

Tội nghiệp Linh Tu phụ nhân sợ hãi quá, chết điếng cả người, ngây đờ như mất hết trí khôn, chẳng nói gì được. Còn cô Tương Phố đang tuổi xuân xanh và có tính bạo dạn, vẫn tỉnh táo như thường:

- Để tôi đưa hết tiền bạc vòng xuyên cho các anh, nhưng giao hẹn các anh không được có một cử chỉ nào vô lễ. Và lấy của rồi phải để chúng tôi đi bình yên, tôi hứa rằng không thèm thừa kiện tằm nã gì các anh đâu.

Cô day mặt lại gọi thân mẫu:

- Má ơi! Anh em họ nghèo, mình có bao nhiêu đưa tặng họ tất cả cho xong.

Tương Phố tiểu thư nói rồi từ từ tháo nhẫn và vòng kim cương, lại cầm nguyên cái sắc đầm đựng tiền bạc của hai mẹ con, toan trao cho bọn cướp đang hàm hừ ra vẻ đợi chờ sốt ruột.

Bỗng dung phía sau có tiếng chuông xe đạp kêu leng keng, bọn cướp luống cuống bảo nhau:

- Thôi hỏng mất rồi!

Người ngồi xe đạp nhảy tót xuống, rút súng lục ra cầm tay, hình như biết ngay bọn mặc đồ đen là quân cướp, cho nên xông thẳng vào, vừa đánh vừa la:

- À, chúng bay đón xe người ta lại đòi tiền mãi lộ hả?

Nhanh như cái cắt, người ấy đông xung tây đột, đá thẳng kia ngã nhào, đám đứa nọ văng ra xa lắc; cả năm tên cướp lồm cồm chỗi dậy lùi vào bụi rậm mất.

Bấy giờ người xe đạp mới lại bên xe hơi chào hỏi và yên ủi:

- Chết nỗi! Bà với cô phải một mẻ hú vía. Đã mất gì chưa?

- Đa tạ tiên sinh đánh chạy tứ tán. Cô Tương Phố bắt tay khách và nói.



- Thật mẹ con tôi nhờ ơn hiệp sĩ ra tay giải cứu vừa kịp. Hiệp sĩ có thủ đoạn thật là cao cường! Bà Linh Tu đã hoàn hồn ngợi khen cảm tạ không ngớt.

- Thế bây giờ phu nhơn và cô nương định về đâu kia? Khách hỏi.

- Chúng tôi về Càng, phố Edonard VI.

- Nếu thế thì để tôi xin đưa về tận nhà kéo đường sá tối tăm, còn một vài chỗ hiểm trở đáng quan ngại nữa.

- Chính tôi cũng vừa toan thỉnh cầu điều ấy, bà Linh Tu nói. Luôn dịp mời tiên sinh về uống chén nước giải lao cho vợ chồng tôi làm quen và tạ ơn chứ. Mời tiên sinh lên xe, ngồi bên cạnh tôi này.

- Không! Mời cô vào ngồi phía trong với bà, để tay lái cho tôi, hề có bọn cướp khác chặn đường, tôi sẽ trông thấy từ đằng xa để sự đổi phỏ.

Hiệp sĩ gác xe đạp trên đầu máy xe hơi, rồi nhảy lên cầm tay lái đưa mẹ con Tương Phố về đến tận nhà. Bà Linh Tu ân cần mời vào phòng khách, mở rượu sâm banh thết đãi.

Lúc đó ông chồng cũng vừa mới về, nghe vợ con kể chuyện, vội vàng qua phòng khách xoắn xít cảm ơn hiệp sĩ.

- Thật tôi không biết làm thế nào cho cạn lời kính phục và cảm tạ tiên sinh. Xin tiên sinh cho biết cao danh quý tính...

- Xin cụ chớ dậy quá lời, có gì mà đáng cảm tạ. Tôi cũng ở Càng này, nếu cụ không chê là hèn, cho tôi được thời thường lui tới hầu chuyện, là đủ vinh hạnh cho tôi.

- Ô! Tôi rất sẵn lòng, bất cứ tiên sinh đến lúc nào tôi cũng trân trọng nghinh tiếp. Chiều chủ nhật này mời tiên sinh lại xơi cơm nhà!

- Xin vâng.

\*

Giờ chính tôi nói ra hiệp sĩ là ai, chắc hẳn các ngài đang ngồi phải nhảy dựng lên.

Chính là Vi đây.



Giỏi nhỉ! Sang Tàu mới có ít lâu, hắn chàng đã học được quyền thuật của phái Thiếu Lâm chính tông ở Võ Dương Sơn, không thể thì sao một mình đánh ngã năm thằng cường đạo cùng có khí giới.

Kì thật chỉ là một tấn tuồng tự tay chàng soạn ra từ màn đầu đến màn chót, vả lại tự chàng đóng lấy vai chính – Hiệp sĩ là có chỗ dụng tâm khôn ngoan sâu sắc lắm.

Ngô Linh Tu ở Hương Cảng, cửa cao nhà rộng, xuống ngựa lên xe, bề ngoài trông như một nhà phong thổ đại gia, nhưng bề trong chính là một chúa trùm buôn thuốc phiện lậu và giấy bạc giả. Nhất là về thuốc phiện lậu, con số buôn bán của Ngô hàng một vài trăm vạn; vả lại công cuộc có tổ chức và chi nhánh khắp ba tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam. Song, tính người rất cẩn thận, đa nghi, không dễ tin ai và cho ai bước vào tình thân việc làm của mình.

Từ ngày làm việc ở Hương Cảng, Vi đã đề ý xem xét, thấy buôn bán thuốc phiện lậu là một mối lợi to, có thể kiếm chác bạc vạn dễ dàng như bỡn. Làm sao cho bọn buôn lậu mượn đường Đông Dương mà chở thuốc phiện Vân Nam qua Phòng về Cảng, tất nhiên chúng thích mê, và cũng đủ cho mình vớ một mẻ hàng một hai chục vạn. Vì cuộc mượn đường như thế, làm lợi cho bọn buôn lậu vừa được nhanh chóng, vừa đỡ phí tổn, mỗi lần chúng phải chở Vân Nam đi dọc theo biên giới Quảng Tây, thường mất hàng mấy tháng giờ, công trình rất khó nhọc tốn hao, còn sợ nguy hiểm ở giữa đường là khác.

Vi tính phải làm quen với Ngô Linh Tu mới được. Nhưng con người ấy thâm nghiêm kín cổng cao tường, ít chịu ra vào chốn xã giao, lại hay đa nghi như Tào Tháo, bây giờ làm thế nào gần được, quen được, và khiến phải tin mình? Nhờ người giới thiệu thì Vi không muốn, vì công việc làm ăn này chẳng nên có một người thứ ba xen vào.

Mở túi quĩ kế ra tìm lấy một chước tuyệt khéo, Vi tự giới thiệu lấy mình bằng tấn tuồng hiệp khách giả cầy.

Chàng biết thóp Triệu Thị, vợ Linh Tu, cùng con gái là Tương Phố nữ sĩ, hai mẹ con thường mê cảnh Thâm Xuyên và cùng có máu cò bạc rất háo và rất ngỗ. Tuần lễ nào cũng có vài ba đêm mẹ con tự cầm lái xe hơi – sợ đem sếp phơ theo lộ chuyện – đến Thâm Xuyên chơi mà chước hay phán thán, ăn thua dăm bảy nghìn một vạn, mãi đến khuya mới về.



Còn cơ hội nào tốt hơn là đi qua bà vợ để tới ông chồng.

Chàng bèn mưu tính sắp đặt với A Khâu – con chim môi này thế nào, chắc hẳn các ngài đã biết – thuê năm thằng vô lại y kế thi hành: một đứa mặc âu phục chững chặc, đứng giữa đường chặn xe hơi lại, thác ra chuyện có người trọng bệnh ở nhà, xin cho đi nhờ về Cảng cứu cấp, còn bốn đứa kia thì mặc đồ đen giả làm kẻ cướp, từ trong bụi rậm nhảy ra hành hung, chỉ cốt hăm dọa cho hai mẹ con Triệu Thị khiếp sợ thôi, không được cướp thật.

Tấn kịch soạn và diễn đúng như việc thật, mà Vi mới là kếp chính. Sân khấu đã lựa chọn nhất định một chỗ vắng vẻ rừng rợn trên đường Thâm Xuyên về Cảng. Chàng ắp núp đầu đây, cách xa độ vài ba chục bước. Đợi giữa giây phút thiên nguy vạn cấp cho mẹ con Triệu Thị, chàng giả làm một khách qua đường, cưỡi xe đạp thành linh đi tới. Rồi, thượng bấp tay hạ căng chân, khách đâm đá bọn cướp túi bụi ngã nghiêng; chúng phải chạy trốn tán loạn.

Chúng ta thử nghĩ xem: bọn cướp năm đứa có súng hăn hoi, mà chịu để cho một người đâm đá phải chạy, thế không phải một tấn kịch sắp đặt giả dối thì là gì?

Nhưng mẹ con Triệu Trị đâu có hiểu chỗ tình tiết li kì trái ngược ấy, chỉ biết mừng rỡ, hú vía, tin rằng nhờ có vị hiệp khách nào kia can thiệp, mình đã thoát khỏi một cơn khủng khiếp, hao tài.

Chiều hôm sau các báo đăng tin, Linh Tu càng cảm động nhìn nhận Vi là ân nhân của nhà mình, từ đây coi chàng là một bạn thiết.

## IX. BÁN MỘT ÍT NƯỚC BỘT 20 VẠN BẠC

Từ đây Ngô Linh Tu coi Vi như ân nhân, đãi Vi là thượng khách.

Ngô đem lòng quý mến chàng là một người ngoại quốc, mà lại đêm khuya mạo hiểm hi sinh, cứu vợ con mình thoát khỏi nạn cướp. Đã hi sinh mạo hiểm như thế, lại còn cao thượng không chịu nhận một món tiền hay lễ vật thù tạ gì khác hơn là tình giao du lai vãng.

Đâu có ngờ vụ cướp là tấn kịch, trong lòng Ngô định ninh là chuyện thật, cho nên thường suy nghĩ và tấm tắc khen thầm:



- Con người ấy thật là hào hiệp đến liều mạng khinh sinh. Trong năm tháng ăn cướp lúc ấy chỉ một đũa chĩa súng tương cho một phát, thử hỏi anh ta còn gì là đời?

Nghĩ thế, Ngô càng thêm phục yêu mến Vi đến tha thiết đầm thắm.

Chẳng những Ngô mở cộng cửa biệt thự cho Vi tha hồ tới lui, thân tình như thể bạn bè từ lúc nói khó để chớm lần hỏi, Ngô lại hé cửa tâm sự nghề nghiệp ra thổ lộ nhiều ít với Vi nữa.

Nghĩa là Ngô không còn giữ bí mật mình làm đầu một công cuộc buôn bán và vận tải thuốc phiện lớn lao, hàng vạn hàng triệu.

Giá như một kẻ nào nông nổi, tất đã vồ ngay lấy cơ hội ấy mà tự bày mưu kiếm kế, bảo mình có thể giúp sức thế nọ, bàn lợi thế kia.

Nhưng Vi không hấp tấp như thế. Chàng là người bảy nổi ba chìm, đã lọc lõi nhân tình thế cố, còn lạ gì trò đời, hễ mình ngửa tay xin việc người ta, bao giờ cũng bị khinh thường, giảm giá. Cứ để tự nhiên người ta phải cầu lụy mình, bấy giờ giá trị mình mới tôn, một lời nói đánh đổi hàng vạn rất dễ.

Bởi vậy, không hề nóng nảy, chàng đợi cái giây phút lão trùm thuốc phiện lậu phải cầu đến mình, và cầm chắc thế nào cái giây phút ấy cũng sẽ tới.

Một buổi chiều, theo như lệ thường, hai người ngồi trong nhà tròn ở giữa hoa viên – hoa viên riêng ở trong biệt thự của họ Ngô – ngất ngưỡng uống rượu khai vị, chuyện trò vui vẻ.

Ngô đã gần sáu chục tuổi, đức rượu khá cao, lại gặp Vi cũng là con sâu nuốt men không vừa, thành ra riêng về tửu hứng, Ngô vẫn thích Vi là tay địch thủ.

- Tiên sinh làm việc ở sở *Xuất khẩu Hộ chiếu*, hẳn bận công việc lắm nhỉ? Ngô hỏi: Nhất là vì đồng bào ở đô chuyển tàu nào cũng chen nhau qua Đông Dương, không kém gì sang Nam Dương.

- Vâng, cụ tính một mình tôi phụ trách trông nom cả một cơ quan ấy, không bận sao được!

Vi đáp rồi uống một hơi, cạn nửa cốc rượu. Chàng đã tự khoe có khí quá sự thực, cốt để tăng cao giá trị và thanh thế mình lên.



- Thế là tiên sinh lĩnh một chức ti trưởng trọng yếu trong tòa ngoại giao ấy?

- Chính thế. Cụ đã biết rõ chức vụ tôi quan hệ ra sao!

- À phải. Hôm nọ có người kể chuyện cái trường hợp Trương Thuần Phong, thế mà tiên sinh cấp giấy hộ chiếu cho va sang Tây Cống được, thật là có tài biến báo.

- Ôi! Có việc tây trời, khó khăn gấp trăm gấp nghìn lần, tôi vận dụng thành công như bốn. Miếng giấy hộ chiếu như chuyện cái móng tay, có xá kể gì, thưa cụ.

Bỗng, tên gác cửa vườn bùng một chiếc đĩa bằng bạc để trước mặt Ngô, trên đĩa có tấm danh thiếp:

- Bẩm ông, người này nói có chuyện khẩn cấp, muốn vào yết kiến.

Ngô mang mắt kính, nhìn qua danh thiếp mà giật nảy mình, như có một luồng điện chạy dưới ghế ngồi:

- Chết chữa thằng cha này tự xưng về đây, tất lại có xảy ra việc gì biến cố lớn. Ra bảo hắn vào ngay.

Người đưa danh thiếp, tên là Lâm Ngạc, độ ngoài 30 tuổi, nước da ngăm đen, mắt xếch ngược, bộ tướng dấn dỏi khỏe mạnh, đầu cạo trọc lóc, y phục như binh lính Tàu nhưng không phải là lính. Vì đưa mắt nhìn xa, thấy quần nỉ và đôi giày Lâm Ngạc lem luốc những bụi bặm bùn đất, biết ngay là người đi xa mới về, có việc khẩn cấp, nên chưa kịp thay đổi.

Với nét mặt hoảng hốt, Lâm Ngạc Hồ muốn mở miệng nói chuyện gì với Ngô, nhưng thấy có vị khách ngồi bên, lại ngập ngừng không nói. Ngô hiểu ý, chỉ tay vào Vi và nói:

- À Ngạc ạ, ông này là bạn thân của ta, nhà người cứ việc nói tự nhiên, không phải tị hiềm gì cả.

Lâm Ngạc nói tiếng run run:

- Bẩm lão gia, chuyện này ta lại mất sạch cả hàng hóa...

Ngô xám mặt, đứng phắt dậy rồi lại ngồi phịch xuống:



- Khổ quá! Ta thấy nhà ngươi về đây là đã sinh nghi rồi. Chúng nó lại phục binh cướp giết à?

- Vâng, chúng nó đông và bắn rất quá, đằng ta chết mất hơn mười thủ hạ, còn thì tháo chạy bán sống bán chết mới được thoát thân. Chúng nó còn đuổi bắn theo, làm rách bay một miếng tai của tôi.

Lâm Ngạc vừa nói vừa đưa tai phía tay trái cho Ngô xem, mất bay một miếng bằng đồng hào.

- Lần này chúng nó mai phục ở chỗ nào lại trúng được món bỏ thế? Ngô hỏi với nụ cười hơi gượng, nhưng sắc mặt thì đã hòa nhã như thường.

- Thưa, ở gần Lồng Cống Chạp.

Nhà ngươi có biết bọn nào đấy không?

- Bẩm lão gia, tôi đoán chắc là bộ hạ không Lục Vĩnh Đình thì Long Tế Quang đã giả dạng làm thổ phỉ mà “nhờ nhờ” hai chuyến hàng của ta, chứ không bọn lục lâm nào dám hoành hành và nhiều khí giới quá như thế. Chúng nó đánh cướp hàng ta giữa ban ngày mà lại gần bên huyện lỵ...!

Ngô tắc lưỡi và gật gù nói:

- Thế là hai chuyến đi đời hết hai trăm vạn bạc đấy. Nhưng thôi, chẳng kể làm gì! Mất chuyến ấy ta xoay chuyển khác. Cho nhà ngươi về nhà nghỉ ngơi dưỡng sức rồi đầu tháng sau lại ta bảo nhé!

Lâm Ngạc cúi đầu chào:

- Cảm ân lão gia, tôi nghỉ ngơi ít ngày rồi phải lo mộ thêm thủ hạ mới, điền vào số đã tử trận và bị trọng thương.

- Phải đấy. Rồi mai một nhà ngươi nhớ trình cái danh sách những người bất hạnh để ta chu cấp cho vợ con họ nghe.

Trong lúc hai thầy trò Ngô với Lâm Ngạc nói chuyện, Vi ta cúi gằm mặt trên tờ “*Hoa tự nhật báo*”, dường như lãnh đạm với chuyện riêng người ta, chẳng can thiệp gì tới mình. Nhưng kì thật chàng để mắt vào tờ báo giả vờ; lỗ tai mỏng tang thì dán khít vào câu chuyện, đầu cuối ra sao, không sót một tiếng. Trong trí thầm nghĩ: - Ông thần Tài mặc cân



đai bố tử, xách một túi vàng đứng ngoài cửa ngõ, đang nháy mắt vẫy tay gọi ta kia rồi.

Sau lúc Lâm Ngạc đã cáo từ đi khuất, chàng vẫn như mê mết về tờ báo. Ngô lại rót rượu, nói cười vui vẻ tự nhiên:

- Nào, ta lại nâng chén với nhau cho vui, Vi tiên sinh!

Chàng ngẩng mặt lên, có vẻ sững sốt:

- Vâng, xin mời cụ... Ô kìa! Người khách đã về rồi sao?

- Phải, nó vừa mới đi, Ngô đáp. Có phải khách khứa nào đâu, nó là gia thần tin cẩn của tôi. Tiên sinh có nghe rõ câu chuyện nó vừa đến báo cáo đấy không?...

- Thưa không, tôi mãi xem nhật trình, chỉ nghe mang máng người kia nói bị mất cướp cả hàng hóa, có phải thế không, thưa cụ.

- Chính thế. Chuyến trước mất 80 vạn, chuyến này 120 vạn, sự thiệt hại chẳng nói làm gì, nhưng chỉ tức là chúng nó làm mình không có hàng hóa để giao cho người ta, hại tới tín nhiệm.

- Hàng hóa gì và chuyên chở cách sao để bị cướp bóc thiệt hại đến thế?

- Tiếng của chúng tôi nói hàng hóa, nghĩa là thuốc phiện, cũng như nhà văn họ nói tác phẩm là sách vở văn bài của họ vậy.

Ngô nói và cười, có ý ngà ngà say.

Vẫn giả như kẻ ngủ ngờ không biết, Vi hỏi:

- Thế công cuộc vận tải làm cầu thả thế nào mà để quân cướp cứ phỗng tay trên được như vậy?

- Ô, chúng tôi tổ chức hẳn hoi cẩn thận lắm chứ! Mỗi chuyến có hàng chở từ Vân Nam hay Quý Châu về đây, chúng tôi có đội vận tải riêng, kẻ hàng trăm kiện nhi lực sĩ, sắp đặt với trật tự kỉ luật nghiêm như nhà binh, lại có mấy chục tay súng đi theo hộ vệ đêm ngày. Chỉ khổ về đường đi, phải men theo biên giới và trải qua lắm đoạn rừng hiểm núi cao, cực kì vất vả nguy hiểm. Bọn cướp tinh ma, có tai mắt khắp cả; chúng nó đón đường cướp giật với binh lực nhiều hơn, khí giới sẵn hơn, đội vận tải của tôi không thể địch lại. Nhất là chúng nó lấy thế thần và



có sức ám trợ của đốc quân nọ, thổ hào kia, như Lục Vĩnh Đình, Long Tế Quang mà ban nãy thằng Lâm Ngạc đã nói. Tuy Lâm Ngạc lão luyện về nghề đưa hàng hóa này, vả lại có mưu mô đảm lược, nhờ thế mà nhiều phen tránh một phen nào rủi ro để chúng nó bắt gắp, thì bề nào hàng hóa của mình cũng mất, còn lỗ vốn cả máu thịt thủ hạ mình vào đó nữa. Sự thiệt hại, cứ nói cho đúng, không phải lỗi lại nhân lực mình hèn, chỉ lỗi tại đường xá xa xôi hiểm trở. Nếu có đường vận tải bình yên và mau chóng, thì còn phải nói!...

Ngô nói rồi thở dài:

Vi nhìn thẳng cặp mắt lão chúa trùm thuốc phiện lậu và nói chậm rãi:

- Chẳng sẵn sàng đường xá thuận tiện mau chóng kia là gì? Lỗi ở cụ không biết lợi dụng đấy thôi. Sao không chờ ngay lên xe hỏa ở Vân Nam phủ, xuống thẳng Hải Phòng, rồi chuyển sang tàu thủy mà về đây, có phải yên ổn hoàn toàn không?

- Nhưng sự mượn đường ấy, tiên sinh tưởng dễ đấy à?

- Cụ bảo ở đời này biết cách giao thiệp vận động thì có việc gì mà khó. Thử tôi làm việc buôn bán như cụ xem!

Như được gãi ngay vào chỗ ngứa, Ngô vồn vã nắm lấy hai tay Vi:

- Chắc tiên sinh có phương pháp giúp tôi được việc mượn đường ấy?

- Vâng, nếu cụ ủy thác.

- Trời ơi! Thế thì tiên sinh sẽ là hai từng ân nhân của nhà tôi. Phí khoản vận động phải độ bao nhiêu, tiên sinh liệu định cho biết, để tôi bảo với công ti...

- Tất phải hai mươi vạn mới xong.

- Nghĩa là mỗi chuyến?

- Cố nhiên.

- Hai mươi vạn một chuyến. Xin vâng. Quân tử nhất ngôn.

Vi đòi thù lao hai chục vạn, mà Ngô nhận lời ngay, không hề cò kè thêm bớt nửa tiếng, vì mỗi chuyến mượn được con đường chuyên chở bình yên mau chóng như thế, lão ta có lãi một vài trăm vạn như bốn, cái khoản phong bao kia có thấm tháp gì.



Thấy Ngô nhận lời mau mắn, Vi cũng hơi có ý hỏi: giá mình đòi ba bốn chục vạn có lẽ nó cũng gật đầu ngay, không chê là đắt. Nhưng, hình như có tiếng gọi của lương tri bảo nhỏ trong trí chàng: - Mày đang là thằng khố dây, để nợ bên nhà hàng đồng, nay mai chỉ mất một ít nước bọt để mưu mẹo xin xỏ khôn khéo, mà vớ của người ta hai chục vạn bạc, còn chê là ít hay sao?

Ngô quăng thêm ra một miếng mồi béo nữa, khiến Vi được yên ủi ngay:

- Tiên sinh vận động thành công việc này, mỗi năm công ti chúng tôi xin biếu một phần hưởng lợi. Cứ mỗi một phần hưởng lợi hàng năm, nếu trời cho buôn may bán đắt luôn luôn, tiên sinh cũng được mười vạn là nói bực chót. Rồi lâu ngày làm ăn với nhau may mắn, tin cẩn, tiên sinh sẽ trở nên một vị cổ đông và hưởng lợi hàng chục hàng trăm phần như chúng tôi cũng nên.

- Được rồi, cụ cứ phái người lên Vân Nam mua hàng đi, tôi hứa chắc với cụ rằng chuyến sau nó ngồi xe hỏa nghênh ngang, chứ không phải vất vả xuyên rừng sợ cướp nữa.

Vi nói với giọng quả quyết, như đã định sẵn mưu lược, chắc việc mượn đường thành công.

## **X- HƯƠNG CẢNG VỚI 2.300 TIỆM KHÓI MÂY**

Đoạn này, chúng tôi muốn cùng các ngài xét qua cho biết dăm bảy phần trăm của các nguồn lợi buôn bán thuốc phiện và công phu đài tải thuốc phiện ở ba tỉnh miền Nam nước Tàu (Vân Nam, Quảng Tây, Quảng Đông) mà Hương Cảng chính là trung tâm.

Có thể, ta mới dễ hiểu vì sao chàng Vi ta khôn ngoan, đã lập mẹo dụng tâm, cốt để cắn câu vào miếng mồi thuốc phiện? Vả lại vì sao một chuyến mượn đường, tên trùm buôn lậu ừ ngay số tiền 20 vạn đồng thù tạ cho chàng chớ hề ngần ngại, tiếc rẻ.

Một vị võ quan Pháp đã xem xét tận nơi, viết ra thành sách, bạ mấy lời phán đoán thế này, có như quang tuyến soi thấu phé phủ:

- “Mỗi lợi buôn bán thuốc phiện thu lấy tất cả ý tứ, chụp lấy tất cả



tâm cơ, tất cả nghị lực con người ta; ở miền hạ du Quảng Tây và duyên hải Quảng Đông, không phải là thuốc phiện thì không còn có gì sá kể. Ở đó, người ta chỉ biết có những kẻ làm nghề buôn bán thuốc phiện, những kẻ hộ vệ đài tải thuốc phiện, những kẻ đi mua thuốc phiện cho bọn lái buôn và những kẻ đón đường cướp giật, có đám cướp vặt, có đám võ to.

“Khắp cả đâu đâu, thuốc phiện cũng chết người, mà ở đây nó nuôi sống những ba tỉnh: Vân Nam sản xuất thuốc phiện mà bán, Quảng Tây và Quảng Đông thì vận tải, mua buôn để bán lại các nơi”. (*Le commerce d'opium absorbe toutes les attentions, capte toutes les volontés, toutes les éterges, tout ce qui n'est pas opium n'est rien au Kouang-si inférieur et sur la basse côte du Kouang-toung, On n'y connaît bien que les gens qui font le commerce de d'opium, ceux qui protègent les convois, ceux qui les pillent, en petit et en gros. L'opium tue partout; ici il fait vivre 3 provinces; le Yunnan qui produit et vend, le Kouang-si et le Kouang-toung qui transitent, achètent et vendent*).

Sự thật, Tưởng Giới Thạch mới ra tay cấm trừ nha phiến ở nước Tàu từ 1930 đến nay. Nhưng lệnh cấm ấy dù nghiêm đến đâu mặc lòng, chẳng qua chỉ thấy có hiệu lực nhiều ít ở các nơi tỉnh thành là nơi dễ việc kiểm xét; còn biết bao nhiêu chỗ như có thành sắt rào ngăn, lệnh cấm không đến nơi được và không có hiệu lực gì. Nước Tàu rộng lớn mênh mông ra sao, ai nấy đã biết. Thành ra những miền rừng núi xa xôi, thôn quê hẻo lánh, người ta vẫn trồng, vẫn hút, vẫn buôn bán thuốc phiện như thường. Nhất là ở ba tỉnh miền Nam như trên vừa nói.

Mười năm trở về trước thì còn phải nói gì: thôi thì thuốc phiện hoành hành, tự do, tràn ngập khắp xứ; chẳng những nó là cơm gạo cho nhân dân, mối lợi cho bọn tư bản, lại là kho tàng cần dùng, nguồn suối lí tài cho các ông quân phiệt, đốc quân, mỗi khi thiếu tiền chi tiêu đều thọc tay vào đấy. Đường Kế Nghiêu, Cố Phàm Trân kế tiếp nhau xưng hùng ở Vân Nam, cũng như Lục Vĩnh Đình, Long Tế Quang đắp đổi bá chiếm Quảng Tây, hay là sau này Trần Tế Đường làm ông vua con ở Quảng Đông, một phần lớn về các khoản chi tiêu như nuôi quân lính, quan lại, thêm món thì đập vào công quỹ, món thì bỏ vào tư nang, đều nhờ cái vật đen đen đặc đặc, làm cho bao nhiêu triệu người sa ngã, tê mê.

Lại chính các bố ấy cũng là tay buôn bán thuốc phiện có sừng có bướu. Rình mò, mưu mẹo để cướp lẫn của nhau cũng cừ. Tuy họ chẳng



ra mặt ra tay làm việc ấy bao giờ, nhưng mà họ khéo nhắm mắt ngo tai, chỉ bảo ngấm và dung túng cho đảng vụ bộ hạ mình làm, như thế cũng quá cha ăn cướp.

Từ trước vẫn thế.

Tháng năm, năm 1899, ở trên sông Dụ Giang (con sông từ Pé-sé đi Nam Ninh), cách xa biên giới ta 100 cây số về phía Bắc, một bọn ăn cướp đã đánh chặn lấy 20 tấn thuốc phiện của viên đô đốc oai quyền lừng lẫy ở Quảng Tây lúc bấy giờ. Mất một lúc 20 tấn, dù biết quan lớn đô đốc là tay buôn thuốc phiện to lớn đến thế nào?

Lưu Vĩnh Phúc tướng giặc Cờ đen ngày trước, sinh trưởng ở Khâm Châu tỉnh Quảng Đông, một thị trường thuốc phiện rất thịnh vượng, sinh bình cũng là một chú lái buôn thuốc phiện có tiếng.

Lục Vĩnh Đình, đô đốc Quảng Tây từ 1908 đến 1922, giữa hồi có câu chuyện chúng tôi đang nói đây, nguyên lai là một chú lái đồ ở miền Cao Bằng ta, năm 1885 ở bồi cho Tây, đến 1890 về bên Tàu làm đầu lãnh một toàn lục lâm ở miền Thập Vạn đại sơn, rồi ngánh đi ngánh lại, tới 1908, đường hoàng lĩnh chức đô đốc bản tỉnh và hiển hách luôn 14 năm.

Thì ra Lục Vĩnh Đình chỉ nhờ buôn bán thuốc phiện mà giàu có ức triệu, trong tay có bộ hạ rất đông, hai cái lực lượng ấy đã đưa chú A Sung – tên của Vĩnh Đình lúc còn làm chủ trại lâu la – từ trên sơn trại về dinh đốc bộ một tỉnh lớn.

Những năm hùng trấn ở Quảng Tây, khi nào cầu tiến, họ Lục vẫn điều đình cho người ta chở một chuyến thuốc phiện đi qua địa phận mình được yên ổn, đổi lấy một vài trăm vạn đồng bạc dễ dàng như chơi. Hay là nhắm mắt cho thủ hạ nhờ nhẹ năm mươi tấn thuốc phiện của người ta để bán lấy tiền cũng có.

Thử thời, thuốc phiện mua ở Quảng Tây, Vân Nam, tận gốc, chỉ có một đồng bạc một lạng. Dem về Áo Môn, Hương Cảng nậu ra thành thuốc rồi bán 14 hay 15 đồng một lạng, thế là một phần vốn đến mười lăm phần lãi, bảo người ta không tranh nhau buôn bán, không cướp giật của nhau sao được?

Cuộc buôn bán thuốc phiện ở ba tỉnh miền Nam nước Tàu phát tài



nhất bản vạn lợi thế đấy, - một chuyến hàng buôn càng nhiều chừng nào càng lãi to chừng ấy, - nhưng đến việc chuyên chở thì thật là gian truân, tốn kém, chậm chạp, mười phần nguy hiểm mới có một phần an toàn.

Vì sao?

Chỉ vì đường sá gập ghình hiểm trở phải trèo đèo lặn suối hàng tháng và bị lũ thổ phi lâu la đón đường cướp giết là sự thường xảy ra luôn. Đến nỗi đài tải một chuyến thuốc phiện không khác gì làm việc hú họa, còn thì ăn, mất thì chịu. Ai lạ gì cương giới miền Nam Trung Quốc, nào có xe tàu và đường sá rộng thênh thang như các nơi khác; chỉ toàn những rừng hoang lối rậm, gọi là ruột đê đường chim, nguy hiểm cho khách vắng lai và thuận tiện cho quân cướp mai phục.

Vị quan võ Pháp có lời phán đoán rất đúng mà chúng tôi đã dẫn ra trên kia, từng đồn trú ở biên giới xứ Bắc lâu ngày và có công đánh dẹp giặc khách nhiều, cho nên tình hình buôn bán và chuyên chở thuốc phiện ở bờ cõi bên kia ra thế nào, ông thông thuộc lắm. Theo con mắt ông đã thấy, thuốc phiện sản xuất ở Vân Nam chở qua Quảng Tây về Quảng Đông, cả thảy có ba con đường vận tải, người ta quen gọi là:

Đường thuốc phiện số 1

Đường thuốc phiện số 2

Đường thuốc phiện số 3.

Trong ba con đường này, duy có con đường số 1 là thông dụng nhất. Nó khởi hành từ Vân Nam là chỗ lấy hàng, đi dọc theo biên giới Quảng Tây, qua Long Châu xuống Ninh Minh phủ, chặng đường này dài độ 450 cây số, rồi sang địa phận Quảng Đông hết chừng 100 cây số nữa mới đến Đông Hưng, bốc hàng xuống thuyền, do hải đạo chở về Áo Môn và Hương Cảng. Sánh lại con đường số 1, nửa bộ nửa thủy, đỡ phần gian lao hiểm trở hơn hai con đường kia. Bởi vậy, bọn lái buôn lậu thường dùng con đường số 1 hơn cả.

Chỉ nói rằng đỡ phần gian lao hiểm trở mà thôi, chứ không phải tuyệt nhiên không có.

Chẳng nói ra, chúng tôi dám chắc không đời nào các ngài có thể tưởng tượng được một chuyến đài tải thuốc phiện ở đất nước Tàu như thế, tốn hao sức người và sức bạc ra thế nào?



Có người nghĩ đâu mười lăm quang gánh, vài ba chục phu tải là nhiều. Sự nghĩ ấy cách xa sự thật biệt mù tăm hơi.

Các ngài đừng giật mình khi nghe chúng tôi nói đến sự thật ấy.

Mỗi một chuyến tải, ít nào cũng 20 tấn, tính theo giá mua tận gốc ở Vân Nam độ hơn một triệu bạc. Những kẻ khiêng vác, hộ vệ, phục dịch hơn một triệu bạc “cơm đen” đó phải trèo non lội suối, trải đủ mọi sự vất vả cho thân thể, hi sinh cả tính mạng, từ Vân Nam về đến Quảng Đông ròng rã hết 80 ngày hay chẵn ba tháng. Bọn buôn lậu mỗi năm chỉ tải được có bốn chuyến hàng là vì thế.

Những tiền thuế phải đóng cho mỗi địa phương đi qua cũng hết 40 vạn đồng. Họ tính ra nộp cho Vân Nam một phần sáu, Quảng Tây ba phần sáu, và Quảng Đông hai phần sáu.

Song nộp thuế là một việc, còn đi đường yên nguy còn mất là một việc khác, tự mình phải lo lấy, còn ăn hết nhịn.

Thế nào giữa đường cũng gặp cướp, hoặc gia nhân mình đánh được chúng nó lui, hoặc phải để lại tất cả 20 tấn thuốc phiện hay một phần cho chúng nó hưởng. May phúc gặp những đám cường khấu chỉ đòi tiền mãi lộ, cũng phải dâng nộp dăm bảy vạn là ít. Té ra đã nộp tiền mãi lộ cho quan địa phương, lại nộp tiền mãi lộ cho giặc cướp nữa. Những quan viên nghiện ở Hương Cảng, Thượng Hải, nằm hút lim dim thở khói mù mịt, có biết đâu rằng đám khói ấy đã trải bao nhiêu gian khổ, tốn bao nhiêu của tiền hơi sức?

Chưa hết; lại kể cơm gạo và tiền công cho những dân phu đài tải cùng những người đi theo hộ vệ, cũng tốn kém đến 40 vạn đồng nữa.

Trên *con đường thuốc phiện số 1*, mỗi chuyến đài tải, y như một đạo quân rầm rộ lâm trận; số cu li khiêng vác trung bình là 2.000 người, thêm 300 hay 400 tay súng đi áp tải và hộ vệ. Có khi tay súng đông hơn, để phòng đối địch với những toán cướp hàng nghìn và sẵn sàng khí giới.

Mấy ông làm việc sở Đại lí ở Moncay ta mười lăm năm về trước, mà trông coi về việc phát giấy thông hành, tất nhiên còn nhớ rằng: cứ độ ba tháng lại thấy hàng bốn năm trăm người Tàu lục tục từ bên Đông Hưng sang, nộp ba đồng bạc để xin giấy thông hành đi Vân Nam. Họ chỉ



xin lượt đi, không thấy xin trở về. Ấy toàn là những tráng đinh lực sĩ đi sang Vân Nam để áp tải thuốc phiện theo con đường số 1. Ta hiểu vì sao họ chỉ lấy thông hành một bận đi thôi.

Người ta đã thống kê tất cả ba con đường, hàng năm từ Vân Nam, Quảng Tây vận tải ra đến 400 tấn thuốc phiện. Cho biết mỗi lợi buôn bán này to đến thế nào? Ông quan võ kia nói ở đâu thuốc phiện làm chết người, nhưng ở Trung Quốc nó nuôi sống ba tỉnh miền Nam là thế.

\*

- Nhưng 400 tấn thuốc phiện ấy hàng năm chở đem đi đâu?

- Thưa, một phần lớn chở về Hương Cảng là kinh đô thuốc phiện lậu ở phương đông, có thể nói cả thế giới cũng được.

Tại Hương Cảng, nhà đương cuộc Anh cũng làm lối chuyên mại, chế ra thứ công yên, gọi là *Kim Sơn Trang*, và tận lực ngăn ngừa trừng trị hàng lậu đến nỗi có tàu binh đêm ngày đi xét bắt những thuyền bè khả nghi ngoài bể, nhưng bọn buôn lậu có thiên mưu bách kế, vẫn thắng thế luôn.

Vì địa vị Hương Cảng ở vào trung điểm của con đường hàng hải Đông Á, lại làm trung tâm cho cuộc buôn lậu nha phiến quốc tế. Thành ra khám xét tập nã cách gì, Hương Cảng vẫn là chỗ chứa chỗ nấu những thuốc phiện ở Vân Nam, Quảng Tây, lên lúc chở đến, rồi phân phát đi các nơi.

## XI. PHẠT CÓ NHUỘM RẰNG ĐEN BAO GIỜ ĐÂU

Ngày một chạp có khác, chuyến xe hỏa sáng sớm từ Hà Nội xuống Nam, kéo đến tám chín toa hạng tư, mà nhiều người không chen lấy được một chỗ ngồi. Chỉ những rương bồ gông gánh và trăm thứ hàng hóa đóng lại thành bao, thành kiện kèn càng, trông thấy đã chật toa ngạt thở và nó chiếm hết vô số gang tấc đứng ngồi của người ta. Những tiếng rầy rà cãi cọ làm rộn cả tàu, chưa yên đám này đã nghe chí chóc nổi lên ở góc kia. Có lắm bà lão nhà quê bưng bình thượng hạng, rước cả thúng mủng và tay nải lên ngồi bên cạnh mình, hai tay đề lấy chăm chăm, chỉ sợ kẻ cắp giật mất; ai bảo nhét xuống gầm ghế cho trống chỗ ngồi, các



bà ấy càng đè chặt hơn nữa, vì tưởng quân gian lập mưu để mình hờ cơ thì chộp lấy mà chạy.

Ngay toa thứ nhì, liền với đầu máy xe lửa, mọi khi hành khách vẫn chê là nơi dễ bị than ăn uống bụi, chả mấy ai thềm chiếu cố; nhưng hôm nay người ta chen chúc nhau, không để trên ghế có chỗ hờ nào cho một con ruồi nghỉ cánh.

Khoảng giữa toa có hai nhà sư ngồi sát cạnh nhau, trầm ngâm như cách từ bi nhập định: một vị đã già, có lẽ hơn lục tuần, đạo mạo ra dáng hòa thượng; vị kia còn trẻ măng, ý chừng là đệ tử. Trước mặt, xếp chồng bốn năm chiếc va li và rương da kiểu Tây đẹp lắm, không biết là hành trang của ai.

Hành khách ngồi trong khu vũ này phần nhiều là quan viên nhà quê đi sắm tết về, cùng các bà buôn bán gồng gánh. Họ mãi đưa mắt ra ngoài, dòm xem cảnh vật hai bên đường, nếu không tán chuyện gẫu với nhau, hoặc ngồi ngủ gật lên gật xuống; có cái họ gật, tưởng chừng mắt chột gài ở cổ mà đầu muốn văng ra. Hình như không ai để ý tới hai đệ tử Thích ca ngồi gần.

Mãi đến lúc khỏi ga Thường Tín bỗng có tiếng Tây, xì xồ ở ngay chỗ nhà sư ngồi, bao nhiêu con mắt đổ dồn cả lại.

Thì ra, chính nhà sư trẻ tuổi đối đáp với ông Tây khám vé, về chuyện hành lí của nhà sư chưa đủ tiền cước.

- Va li với rương da của ai? Ông Tây soát vé hỏi:
- Của tôi tất cả; nhà sư đáp.
- Phải trả thêm 1\$35 tiền cước nữa.
- Vì sao? Thưa ông. Tôi đã lấy vé cước rồi mà.
- Vẫn biết thế, nhưng mà chưa đủ, (ông Tây soát vé nhắc thử một chiếc va li và nói), mỗi kiện hành lí này không nặng đến hai ba chục kí lô ấy ư?
- Ông có cân đâu mà biết? Vả lại chúng tôi có hai vé hành khách đây...
- Tôi trông quen mắt rồi, lọ là phải cân. Mới rồi nhà sư đã nhận tất cả hành lí của mình!



- Vậy thì xin ông cứ làm việc phận sự. Tôi phải giả thêm bao nhiêu nữa.

- Một đồng ba hào rưỡi.

Nhà sư móc túi lấy ra tờ giấy bạc hai chục vừa cười vừa nói:

- Sở xe hỏa không biết đãi nhà tu hành tí nào, ông nhỉ!

- Đáng lẽ nhà tu hành nên trả tiền vé gấp hai người ta! Ông Tây soát vé cũng cười biên giấy thu cước thêm và hoàn lại tiền thừa cho nhà sư.

Câu chuyện này khiến bao nhiêu hành khách trong toa cùng chăm chú nhìn vào nhà sư với vẻ mặt sững sốt kinh dị. Mỗi người tỏ ra một ý nghĩ. Bây giờ họ mới nhận ra có nhiều chỗ lạ mà lúc nãy họ cho là thường, không để ý đến.

Riêng có bộ của nhà sư cũng đủ làm một vấn đề cho họ tranh luận nực cười.

- Quái lạ! Sao nhà chùa lại để răng trắng nhơn như thằng ngô nhỉ? Một bà lão nói với người âu phục ngồi bên.

- Nhà sư tân thời thì để răng trắng chứ sao! Người âu phục trả lời.

- Thời nào cũng thế, tôi trông sao nó chướng lắm, ông ạ! Bà lão cãi lại, vì theo ý bà, một người đi tu tất phải răng đen, tẩy chay cái bàn chải và hộp thuốc đánh răng.

Người âu phục ra sức bênh vực đời mới:

- Tu hành cốt có nhân tâm thành ý, bộ răng đen trắng có ăn thua gì. Nhiều ông sư nhuộm răng đen nhánh mà chỉ nhắm rượu thịt cây là giỏi. Cụ không biết à; đức Phật Thích Ca là người Ấn Độ, có nhuộm răng đen bao giờ đâu!

Bà lão ngồi nín.

Bây giờ người ta để ý đến cả y phục của sư, tuy nhuộm mùi nâu, nhưng cốt là hàng lụa láng mượt, khác hẳn vị sư già ngồi bên, mặc áo vải nâu mộc mạc, cũ kĩ.

Có người lấy làm lạ một kẻ đã thí phát xuất gia, sao còn đem theo bốn năm rương hòm va li hành lí, toàn thứ sang trọng đắt tiền.



Nhất là sư nói tiếng Tây liền thoả, làm cho các ông các bà nhà quê nghech mắt lên nhìn, lập lòe những tia sáng kính phục. Vì họ chưa biết xứ mình vài chục năm trở lại đây, có những người đồ cử nhân tú tài Tây hoặc từng làm việc các công sở rồi cắt tóc đi tu.

Một ông, dáng chừng là cụ lí cự, bởi nét mặt dẫn dỏi lí sự và quần cháo lòng, giày da lộn, khiến người ta dễ bắt hình dung, ngồi vuốt bộ râu cá trê, cười nói hề hà với mấy người bên cạnh, có vẻ tự đắc mình thạo đời, cao đoán:

- Chư ông ạ, tôi đoán chắc anh chàng này cũng vào hạng thông kĩ gì đây, như bị thất ý về tình trường, nên mới xuất gia đầu Phật như thế.

Mấy người gật gù cho là phải:

- Hẳn đâu cũng vào quăng ấy.

Lúc đó cũng có một ông chừng ngoài 50 tuổi, mặt trông phương phi phúc hậu, áo bông khăn lượt ra vẻ nhà nho, từ toa trên chen lách toa dưới, hình như muốn tìm chỗ mua ấm nước chè tàu và hút điều thuốc lão; vì ở toa này bao giờ cũng có một góc, dọn hàng bánh trái cà phê, bán cho hành khách. Khi đi qua khỏi chỗ hai nhà sư ngồi, bỗng ông quay lại, nhìn ngay giữa mặt nhà sư trẻ tuổi, rồi hỏi một cách đột ngột, vừa tỏ ý vui mừng, vừa có vẻ sùng sốt, gần muốn reo to lên:

- Kìa, cháu Ninh đấy ư?

Nhà sư trẻ tuổi giật mình, vội vàng đứng dậy chấp tay chào:

- Thừa bác, chính phải cháu Ninh đây.

- Trời ơi! Cháu đi đâu thế? Trông đôi y phục lạ hẳn đi thôi.

- Bác trông thì biết, giờ cháu đi tu.

- Tu ở chùa nào?

- Cháu tu ở một ngôi chùa, về tỉnh Nam Định.

- Chùa nào, nói cho bác biết, để khi có dịp đi văn cảnh, sẽ ghé vào thăm.

- Thừa, chùa...

Ninh, giờ ta gọi ngay tên nhà sư trẻ tuổi, chỉ nói tiếng chùa rồi ngừng lại; ông cụ hiểu ý muốn giấu, thôi không gạn hỏi, xoay qua chuyện khác.



- Thế còn “tây phương mỹ nhân” thì ở đâu?
- Nó đã từ giã cháu mà về quê hương hay sang Thượng Hải không biết.
- Thật ư?
- Vâng, chỗ bác là chí thân, cháu chả dám giấu tình riêng và cảnh nhà cháu hiện nay buồn lắm, bác ạ. Bởi thế cháu muốn qui y cửa Phật, cho được khuất mắt thế thái nhân tình. Con Thùy Lan em cháu, rồi cũng cắt tóc đi tu.
- Có sự lạ đến thế ư? Bác nhớ thầy cháu hứa gả nó cho thằng Bì Diện con nhà họ Ngô kia mà? Thầy cháu cấp dưỡng thằng ấy đi du học đã lâu.
- Thừa phải, nhưng nó du học thành tài rồi lập gia đình ở luôn bên ấy không về nữa. Em cháu thấy thế mà chán ghét thói đời đen bạc, cảnh nó cũng như cảnh cháu, chỉ khác vai tuồng, thế thôi.
- Còn thầy cháu hiện nay ở đâu?
- Thầy cháu bôn tẩu vô định, hiện ở Lạng Sơn hay đi đâu không rõ.
- Không ngờ bác vắng mặt Hà Nội có ít lâu mà trong nhà cháu lắm sự tang thương biến cải đến thế. Đáng tiếc thầy cháu, ngày trước bác khuyên bảo nhiều lần mà ông ta nhất khái chẳng nghe.
- Ông thở dài, nói mấy câu yên ủi nhà sư, rồi trở về chỗ ngồi toa trên; có lẽ cảm xúc quá, quên mất cả việc đi hút thuốc Lào và gọi ấm nước chè tàu.
- Một người bạn già đồng hành, thấy ông về chỗ ngồi thờ mặt, buồn bã, vỗ vai hỏi:
  - Lại ngồi nghĩ bài thơ gì mà ngây ra thế? Đã gọi nước chè tàu chưa, sao mãi không thấy nó đem lại?
  - Chết chữa! Tôi quên băng mắt.
  - Tôi phục ông lão này thật, đứng tán chuyện với nhà sư, quên cả khát nước.
  - Ấy, chính vì chuyện nhà sư mà tôi quên sự gọi nước đây. Nghĩ thật ngao ngán băng khuâng.



- Chuyện nhà sư ra sao mà quan bác cảm thế? Tất có một đoạn khổ tâm thế nào?

- Nhà sư chính là con của Vi Hương Cánh đấy, ông còn lạ gì.

- Thật à? Tôi nghe hẳn lấy được người vợ tây phương có đức hạnh và mở hiệu buôn bán kia mà?

Món nợ kia cũng trả đủ cho nguyên đơn không thiếu đồng kẽm, nhưng chàng không phải móc tiền túi ra nửa xu.

Thế mới bán trời!

\*

Chúng tôi nhớ đã kể chuyện cho các ngài biết hồi Vi còn làm việc tại phủ Thống sứ Hà Nội, ham mê cờ bạc đổ nợ như chúa Chôm. Nợ quá đến nỗi bỏ cả việc làm mà đi. Trước qua Lào, sau lần mò đi Xiêm rồi sang tới Hương Cánh có một địa vị dễ xoay như mấy chương trên đã nói.

Chàng từ giã Hà Nội một cách rất êm, không kèn không trống, để lại năm sáu nghìn bạc nợ cho những anh em kí bảo lãnh, phải ề cổ ra trả nợ đây. Lắm người thất cơ lỡ vận vì chàng.

Những bạn ấy, về sau nghe tin chàng làm việc ở Hương Cánh phát tài, lấy đại nghĩa ra viết thư đòi hỏi ân cần. Chàng xem bạn nào năn nỉ khẩn thiết qua, mà thật tình túng bán vì sự phải trả nợ đây cho mình, thì chàng có gửi về ít nhiều trả đỡ cho họ khỏi điều kẻ lẽ, thóa mạ.

Còn ai nghe ra phong vận, dù phải ngửa cổ trả nợ thay cho bạn hết năm ba trăm, một nghìn cũng chẳng đến nỗi sút mẻ hồ bao, thì chàng cứ đẩy cây và hẹn lần, không bồi thường lại cho người ta xu nào.

Trong cuốn sổ ân nghĩa hãy gác một bên đó, chàng kể ông Hàn Thái Dương là một.

Sự thật, chàng làm việc ở Hương Cánh mấy năm nay, tuy số lương khá và khéo xoay hoành tài được nhiều, nhưng vẫn quen thói cờ bạc sa đà, ăn chơi phóng túng, thành ra ban đầu chỉ vào lỗ hà, ra lỗ hồng, dù bản tâm có muốn, cũng không thể nhất đán trang trải được các món ân xưa tình cũ. Huống chi, chàng nghĩ bạn cố tri với nợ cự triều, ở xa nhau



lâu ngày rồi cũng quên đi. Còn món bổng 20 vạn mà Ngô Linh Tu, chúa trùm buôn thuốc phiện lậu đã khấn thì hiện thời còn ở trong tủ sắt của nó, chưa lọt qua tay mình. Chàng về Hà Nội chuyến này, mục đích là việc bôn tẩu vận động ấy.

Luôn dịp, có mặt lệnh của quan thầy chàng là ông Mã thị gọi về để ủy thác cho một nhiệm vụ gì trọng yếu bên Tàu nữa.

Một công hai việc, lấy sự tận lực nợ đời lấy sự thành công kia.

Vì thế, tuy về Hà Nội là đất cổ hương có gia quyến, có cựu giao, có bao nhiêu kỉ niệm đầm ấm, chua chát, nhưng chàng cố giữ hành tung rất là bí mật, không muốn cho ai thấy, ai biết có mình về đây. Ở thì biệt tịch trong khách sạn Métropole giữa xóm toàn nhà âu tây. Đi ra một bước, ngồi trên xe hơi chạy vùn vụt.

Hình như công việc, chung có riêng có, chiếm hết ngày giờ và tâm tư. Chàng không về thăm bà con và lũy tre làng ở ngay bên kia sông. Cũng không đi tìm kiếm thăm nom một ai là bạn cũ đồng liêu, đồng sự, và những người xưa kia cùng mình lui tới cửa sông mụ Tống ở phố Mới, về sau họ lại ồm nợ và khổ lấy vì mình. Đến nỗi không rảnh trí mà tới đặt hàng chục hàng trăm cái hôn yêu dấu nồng nàn vào gò má hai đứa trẻ xinh đẹp mũm mĩm, tức là kết quả ái tình của chàng với cô me tây mà chàng để lại Hà Nội khi bước chân lên đường tha hương. Tuy cô ả lúc này đã ôm cầm thuyền ai, nhưng hai đứa trẻ thì một nhà thân thuộc nuôi hộ.

Tóm lại, chàng về cổ hương mà công việc bắt phải làm tuồng như một người khách lạ.

Cảnh éo le ấy có nhiều bạn cũ không biết giùm cho chàng. Họ trở lại trách oán chàng bây giờ làm nên khá giả rồi vênh mày vác mặt, không thèm chung chạ ngó ngang bạn xưa. Ở thì nhà hàng Tây thượng hạng kia; đi thì ô tô hòm kính kia; gặp ai bạn cũ thì trốn tránh tàng lờ kia.

Ông Hàn Thái Dương chắc cũng nghĩ thế, cho nên một hôm vội vàng đến nhà ông thông Phu, một người bạn chung, nét mặt ra vẻ tấm tức:

- Này, thằng Vi đã về Hà Nội đến tuần lễ nay, bác có biết không?
- Ấy, tôi cũng vừa khiến nói thì bác đã hỏi, ông thông Phu trả lời.



Tôi cũng nghe có mấy người mách cái tin mừng ấy, nhưng không lấy làm chắc. Vì nếu quả hẳn về đây, thế nào lại chẳng đến thăm chơi nhà anh em mình.

- Hừ! Lại còn không quả? Nó về mà ở khách sạn Métropole, đi ô tô bụi mù Hà Nội, nhưng gặp bạn cũ thì tránh mặt làm lơ, không thèm nhìn quen kia mà!

- Bác này bằng cứ vào cái gì mà kết án một người bạn cũ nặng đến thế?

- Bằng vào con mắt tôi chứ bằng vào cái gì. Chiều hôm qua tôi ghé vào nhà dây thép trông thấy hút nó vừa ở ghi sê đánh dây thép ngoại quốc đi ra, tôi nhìn rõ ràng mười mười là nó, mà chính nó cũng trông thấy tôi. Mừng quá, tôi tính vồn vã chào hỏi, thì nó ngảnh mặt ngó lơ rồi rảo bước đi thẳng, vội vàng leo lên ô tô, nó làm như không thèm nhìn biết mình nữa, tôi nghĩ tức lộn ruột từ hôm qua đến nay.

- Ủ, thế thì có lẽ chính phải hẳn về thật nhỉ. Bác Nhân và bác Mạnh cũng nói trông thấy Vi. Ngồi trên ô tô hòm kính, chễm chệ ra phết. Vậy mà hẳn không đoái hoài bạn cũ là nghĩa gì?

- Rồi bác xem, nội ngày mai tôi phải cho nó một bài học.

- Ấy chết! Tôi xin. Anh em cùng chỗ người lớn với nhau, ai phải trái đã có trời biết, ta đừng kiếm chuyện cả khía ầu đả không nên.

Ông thông Phu cổ lỗ, thật thà, nghe bạn nói “cho một bài học” tưởng là bạn sẽ rình đón Vi mà thương cho ít bấp tay móng giò.

- Ai mà thèm dùng lối du côn bao giờ; tôi sẽ nhờ pháp luật kia.

- Ông Hàn Thái Dương nói rồi vùng vằng đi ra, vẻ tức giận còn in trên nét mặt.

Bài học?

Nghĩa là tông Vi vào nhà pha cho bã ghét chơi.

Nguyên từ hồi còn làm việc ở Hà Nội, Vi lấy tình anh em bạn thân, nhờ ông Thái Dương kí bảo lãnh cho một món nợ 500 đồng ở nhà sét ti da đen phố hàng Đào. Số tiền ấy quanh quẩn mấy hôm chàng cúng vào sòng phán thán của mụ Tống hết sạch, mà rồi trây lười lẩn lút, không



trả góp được tháng nào. Sét ti mỗi tháng xách ô đi tìm đi hỏi mãi cũng vô ích. Đến khi nó phát đơn kiện thì Vi không còn ở Hà Nội nữa rồi. Tự nhiên người kí bảo lãnh là ông Thái Dương phải ngửa cổ ra trả món nợ ấy.

Hình như lúc chàng ở Lào có viết thư về cho ông, chịu nhận mắc ông số nợ mà ông trả đây giùm cho, và hứa hẹn mỗi tháng tháng trả lần. Vì sự phải gánh nợ cho bạn có ảnh hưởng đến gia đình sinh kế của ông Thái Dương không phải là vừa. Nhưng bút sa gà chết, còn chạy đằng nào. Bọn sét ti chỉ thấy anh nào có tóc là vớ lấy, có cần đuổi theo anh trọc đầu làm gì?

Song, lời Vi hứa chỉ hứa để mà không giữ; hứa, chẳng qua một cách yên ủi vuốt đuôi cho bạn khỏi giận, thế thôi.

Nó ăn ốc bắt mình đồ vỏ, ông Thái Dương lấy thế làm tức, bèn đệ đơn kiện thẳng bạn vô tình ở tòa án hộ. Lẽ tự nhiên ông được kiện; tòa cho hưởng cả quyền câu thúc thân thể bên bị.

Nhưng chỉ kiện rồi để đó; Vi ở tận Hương Cảng bên ấy thi hành cho được?

Mấy năm qua.

Bỗng dưng Vi trở về Hà Nội. Tuy chàng giữ hành tung bí mật, mà ông Thái Dương hay tin, vì lúc ấy ông đang làm việc tại sở Liêm phóng.

Giá như chàng nghĩ tình cố cựu đến chơi ông, nói một vài lời tử tế, chắc ông cũng bỏ qua chuyện cũ không nhớ đến nữa. Trái lại, ông nghe tin chàng về ở nhà hàng Métropole, sang trọng như ông hoàng, quên cả bạn cũ, chẳng thềm đoái hoài đến ai, lại còn tránh mặt ông ở nhà dây thép, khiến ông căm giận vô cùng:

- Đã thế thì ông cho mày vào nhà pha cho biết mặt. Không thì phải giả hơn nghìn bạc nợ cũ cho ông.

Liên sáng hôm sau, ông vác mấy chục bạc đến trưởng cò Chrétien, bảo lấy lục tổng bản án cũ, và đóng tám đồng bạc tiền com, để trưởng tòa thi hành câu thúc thân thể Vi vào khám.

Việc bắt bớ nhả nhận thế nào, độc giả đã biết rồi.



Trưởng tòa đưa chàng vào thẳng Hỏa Lò, ngồi đợi ở phòng lục sự. Viên xếp khám lúc ấy là người quen chàng, tay bắt mặt mừng:

- Anh ở Hương Cảng mới về?

- Vâng, độ tuần lễ nay. Chàng đáp.

- Ô, vào đây ở tù nợ còn sướng hơn ở ngoài; ông xếp khám vừa cười vừa nói. Để tôi bảo dọn cho anh một chỗ mát mẻ nhá!

- Không dám phiền ông lo chỗ ở cho tôi, chỉ xin phép ông để tôi dùng nhờ máy điện thoại một lát, có được không?

- Được, anh cứ tự tiện.

Chàng thông tin cho quan thầy là ông Mã thị. Hai người nói chuyện bằng dây đến năm sáu phút. Rồi chàng đưa ống nghe cho viên xếp khám và nói:

- Mã thị tiên sinh muốn nói chuyện với ông đây này.

Viên xếp khám tiếp lấy máy nói:

- A lô!... A lô!... Tôi xin chào ngài... Vâng, tôi nghe hiểu rồi... Để tôi bảo hân về ngay...

Đặt ống nói xuống, viên xếp khám tươi cười bảo Vi:

- Thôi, anh về đi. Ông Mã thị đã sai người đem số tiền tại đảng trưởng tòa trả nợ, để chuộc anh rồi.

Thế là chàng vào nhà pha trước sau có 15 phút lại ra ngay. Vì ông Mã thị đã xuất tiền ra trả ông Thái Dương, để chàng khỏi bị giam cầm.

Chàng biết trước tất nhiên ông phải chuộc mình ra, cho nên khi trưởng tòa đến bắt, vui lòng đi ngay, dù có sức tự trả, nhưng không dại gì phải mất tiền túi.

Song, những người biết đến tổ chấy cậu ta, mỗi khi trông thấy ngồi kiệu đi ngang, họ thường chỉ trỏ và nói với nhau ra cách khinh bỉ:

- Coi kia, thằng bợc nợ ngồi cho thằng bợc kia khiêng, sao mà đời lắm chuyện khỉ thế.

Họ phẩm bình đúng: Á Khâu có phải là ông lớn ông bé gì ở đất Hương Cảng đâu; chỉ là một tên thừa sai loong toong, theo chúng ta



quen gọi ở đây – làm việc chạy giấy tại phòng Xuất dương Hộ chiếu của một cơ quan ngoại giao.

Bức thư tiến dẫn của ông B. đã đưa Vi đến Hương Cảng, hôm trước hôm sau liền vào ngồi ghế đồng lí phòng việc quan hệ ấy.

À Khâu tức là tay sai thuộc dưới quyền chàng.

Khâu rất lanh lợi, có cơ mưu, lại quen thuộc Hương Cảng như trong xó bếp nhà mình, giao thiệp rộng, nói thoả cả tiếng Quảng Đông, tiếng Triều Châu, tiếng Phúc Kiến, tiếng Hà Cá (*Khách gia*) và Quan Thoại cũng thông hiểu ít nhiều. Phàm những gì ở Cảng, từ đồng xu đến bạc ngàn, Khâu ta đều biết thóp và có ngón xoay tài tình; nhất là với những người đồng bang của va muốn xin giấy tờ đi ra hải ngoại, dù gặp trường hợp khó khăn thế mấy, va cũng xoay được. Với va, một việc càng khó càng dễ cho va càng ăn bở.

Con người ấy, giá sinh ở nội địa mà trời cho gặp thời, cũng có thể tranh hành giáo quyết chẳng kém gì ai, làm nên một vị đốc quân hay tỉnh trưởng chưa biết chừng. Ta không nhớ hồi đó Lục Vĩnh Đình, một chú lái đò ở đất Cao Bằng, một tướng lục lâm vô học, trở về chiếm cứ xưng hùng xưng bá một độ hống hách đảo đẽ là gì? Trung Quốc giữa lúc vừa mới đổi chính thể nọ ra chính thể kia, đang phân mang bối rối, không thiếu gì người như Lục, từ đất đen nhảy vọt lên mây xanh!

Nhưng Khâu sinh trưởng ở Cảng, tô giới nước ngoài, chẳng gì cũng làm vương bá trong đám thừa sai, có nhà cửa đảng hoàng, đi đâu cũng ngồi kiệu hoa chinh chện, ăn mặc sang, ngậm xì gà luôn miệng, trông ra dáng yếu nhân hay phú hộ. Ai cần sang Đông Dương, muốn có giấy tờ mau chóng mà xuống tàu, nhất là những người có tình cảnh hơi rắc rối, khuất khúc, thường phải cầu cạnh Khâu bên tàu mưu tính hộ, đút lót tiền trăm bạc nghìn cho Khâu xoi.

Kể ra Khâu cũng bảnh bao ở trong cái phạm vi triều đình nho nhỏ, là phòng Xuất dương Hộ chiếu, mà Khâu đóng vai tể tướng, Vi thì làm ông vua con.

Ngoài nào có đồ ấy. Vài ba thàng cộng sự, Vi với Khâu, thầy trò tương tri tương đắc nhau như keo sơn, liền về giấy thông hành Khâu ta làm con chim mồi, để Vi làm dê mang da cộp. Như con lang con bối,



hai người công nhau đi kiếm ăn chia lợi, thầy có cơm thì trò cũng có cháo.

\*

- Này, ông ạ, (Khâu đứng bên cạnh bàn giấy của Vi nói nho nhỏ), ngày mai chắc chắc có tên Trương Thuận Phong, trạc độ 45, 50 tuổi, người ở Thuận Đức đến xin giấy hộ chiếu để qua Sài Gòn...

- Thì ta làm cho nó chứ sao! Vi ngắt lời và nhìn tên bộ hạ với con mắt gạn hỏi, kín đáo.

- Vâng, cố nhiên. Nhưng xin ông nhớ đập hộ tôi vào hồ bao nó một chùy thật nặng, thứ chùy của La Thông ngày xưa đi *tảo Bắc* ấy.

- Độ mấy nghìn cân thì vừa?

Mỗi cân đây là một đồng bạc: họ nói tiếng lóng với nhau. Thầy trò thường dùng lối nói ám hiệu, khi thế nọ khi thế kia để bàn chuyện làm tiền mỗi lúc có cơ hội đưa đến.

Khâu đang vịn tay cạnh bàn, khẽ thò lên ba ngón và nói:

- Thừa, ba nghìn cân trở lên, với nó chưa mùi vắn gì.

Vi ngẩn người, có ý sững sốt, vì từ khi thụ chức bốn năm tháng nay, lần thứ nhất Khâu đi sẵn về cho mỗi khá to như thế. Con cạp mới lớn lên, vô được miếng mồi là con heo đã tưởng là to, nhưng rồi lâu ngày bén mùi thì đến trâu bò nó cũng cắn cổ mà công chạy như bay.

- Chết nổi! Tính đánh nặng dùi quá thế kia ư? Vi hỏi. Biết nó có đủ gân sức mà chịu đựng được không?

- Xin ông cứ việc nặng dùi thật lực cho tôi. Vì tôi biết sức khỏe nó lạ lùng, hàng muôn người không thể địch nổi.

Sức khỏe ám chỉ sự giàu có; muôn người khó địch, nghĩa là nó có bạc vạn. Thầy trò nói tiếng bóng bẩy, hiểu riêng với nhau, dù có ai nghe lỏm được một đôi tiếng, có thể tưởng họ đang nói chuyện tiểu thuyết hay phê bình một cuộc đấu võ.

- Sức khỏe nó đến đâu mặc lòng, ai đánh nó với thứ đồng chùy những ba nghìn cân, chắc không khi nào nó khom lưng cúi cổ mà chịu.



- Thưa ông, chắc chắn sức nó chịu dư đi, cho nên tôi mới nói chuyện và giới thiệu trước với ông:

- Sao chú dám chắc nó có sức chịu dư đi?

- Vì nó có một trường hợp đặc biệt, không đi Sài Gòn không được, mà sự đi tốn kém bao nhiêu cũng không thể từ nan hay quản ngại.

Giữa lúc ấy, một thầy thư kí trong sở bước vào phòng Vi làm việc, để tìm một tập hồ sơ, Vi khéo nói trở ngay sang chuyện khác, nhưng vẫn ám hiệu với A Khâu về việc làm tiền mà hai người đang bàn dở dang:

- À, chú thử kê rõ cái đơn thuốc bổ tì vừa nói, để tôi liệu xem có uống được không nào!

Nghĩa là bảo Khâu nói rõ đầu đuôi việc Trương Thuận Phong để chàng liệu xem có làm được, có nuốt trôi không và thế nào mà bảo là trường hợp đặc biệt.

Khâu rút ngay một tờ giấy trong túi ra, trao cho Vi rồi nhẹ gót lui ra.

- Bẩm, tôi đã nhờ người kê đơn rõ ràng đây. Lát nữa, tiên sinh rảnh rang nghiên cứu sẽ thấy là phương thuốc hay, có thể uống được.

Đó là tờ báo cáo về vụ Trương Thuận Phong mà Khâu đã viết sẵn, kể rõ sự mình nghe biết và những lí do gì khiến công việc này có thể thành công, phát tài. Theo lệ từ trước đến giờ, và từ giờ về sau cũng thế, mỗi khi có việc gì quan hệ, khả dĩ ăn to mà sợ nói không hết lời, thì Khâu thường biên ra tờ giấy bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh nửa nạc nửa mỡ, cốt dúi cho Vi xem hiểu đại khái là đủ.

Một lát sau, trong phòng làm việc vắng người, Vi mở cái đơn thuốc bổ - tức là tờ báo cáo - của Khâu mới đưa, ngồi xem cẩn thận từng chữ, từ đầu đến cuối. Đại khái A Khâu viết như sau này:

“Thằng cha Trương Thuận Phong này, tôi đã dò xét đến tam đại nhà nó, thêm có người mách nhỏ cho hay: không phải tên nó là Trương Thuận Phong đâu, chính thật là thằng Lý Tam.

“Gốc tích nó ở Phiên Ngung, mười năm về trước sang ở Tân Gia Ba và Đề Ngạn (tức Chợ Lớn trong Nam kì) chuyên môn lừa lọc và



vào nhỏ ra to, ăn cướp của đồng bang Hoa kiều giàu có. Phần nhiều nó sống nghề bạch đoạt ở Đề Ngạn thường hơn là Tân Gia Ba. Tại Đề Ngạn, nó là một tên yếu viên của đảng cần nó, giao cho nó làm thủ quỹ, mỗi khi cướp bóc được tiền bạc hay vàng ngọc. Trong tay nó nắm giữ của chung có bạc vạn là thường. Chính nó bị nhà đương cuộc Nam kì đã kết án vắng mặt và tập nã rất gắt, nhưng nó khéo lẩn lút mãi, chưa sa vào lưới.

“Hồi năm 1906, hay 1907, một hiệu khách to ở Đề Ngạn vừa mới chấp tôi, bị bọn cướp *Ma ta hao* giả làm kẻ mua hàng, xông vào cướp sạch số tiền mười vạn bạc mà hiệu ấy nhặt nhanh, sắp gửi đi Lục tỉnh đong thóc.

“Sau mấy ngày, thám tử tài tình ở Tây Cống (Sài Gòn) dò bắt được gần hết bọn cướp, trừ ra Lý Tam đào thoát.

“Sẵn có mười vạn bạc trong tay, nó thừa cơ mua chuộc anh em thủy thủ dưới tàu *Châu Giang*, chui rúc trong hầm than, trốn về Hương Cảng bình an vô sự.

“Với số tiền to tát ấy, nó không về sinh quán ở Phiên Ngung, sợ lộ hình tích, bèn sang Thuận Đức lập nghiệp, đổi tên là Trương Thuần Phong. Mua ruộng tậu nhà, lấy vợ đẻ con, nghiễm nhiên là phú ông một vùng. Luôn mấy năm được mùa và buôn bán, cho vay, lại càng giàu thêm. Người ta nói tài sản nó bây giờ có tới dăm bảy chục hay một trăm vạn.

“Nó tưởng chắc đổi tên đổi lót như thế, tất được an hưởng phú quý trọn đời, không ai khám phá được hình tích mà sợ.

“Không ngờ dư đảng *Ma ta hao* ở Đề Ngạn theo dò đưa phản bội mãi từ ngày ấy, đến nay biết rõ ông nhà giàu Trương Thuần Phong chính là Lý Tam đã cuốn gói mười vạn trốn đi ngày trước.

“Mới đây họ phái người về tận Thuận Đức vạch mặt nạ nó, kể tội trạng nó, và một hai truyền lệnh cho nó phải thân hành sang Đề Ngạn để tính toán tiền bạc với anh em.

... (mất 2 trang)



### XIII. CON THÒ LÒ SÁU MẶT

Bây giờ Vi nghiêm nhiên là một nhà giàu sang ở Hương Cảng.

Không phải được giàu có bách vạn như hạng Ngô Linh Tu hay các nhà buôn to bán lớn, tiền bạc như nước, nhà cửa ngất trời; nhưng kể vào hạng đi làm việc tây tàu, dễ thường đáng là một người có cơ đồ khả quan nhất.

Ở một tòa nhà ba tầng mới tậu, đáng đến năm vạn bạc, bên cạnh biệt thự họ Ngô. Lấy một người vợ Tàu trẻ, đẹp, có lẽ con nhà hiền lương; hình như cũng tận như tòa nhà mà chính họ Ngô làm mai mối tác hợp. Trong nhà bày biện đồ đạc rất sang, một phần của chàng tự sắm, một phần do người ta tặng hảo trong lúc ăn mừng tân gia, ngày hai buổi đi làm việc bằng xe ô tô nhà, kiểu tối tân, sếp phơ mặc áo dẫu, đội nón trắng. Nhiều người không rõ tông tích, lầm tưởng chàng là một quan phó lĩnh ở Hương Cảng. Kì thật là một thầy kí xoàng như ai, có khác là đẳng kia cuộc bộ đến sở, đẳng này ngất ngưỡng xe hơi, lại thêm được lòng tin cậy tuyệt đối của ông chủ để mà làm mưa, làm nắng, làm cửa, làm tiền.

Có người thấy chàng bạo phú, chắc mẩm nguồn gốc ở sự cờ bạc phát tài. Vì đã mục kích chàng đánh bạc rất ngổ, có canh dám ăn thua bạc nghìn bạc vạn, chọi với những tay có sừng trong làng đồ bác. Nhưng họ không biết chàng cờ bạc hay thua, duy có ngón chạy việc thì ăn.

Thật thế, việc mượn đường vận tải thuốc phiện mà chàng nhận lời và nhận lễ vận động giùm Ngô Linh Tu đã được thành công một cách như ý.

Mới rồi chàng trở về Hà Nội mà giữ hành tung bí mật, chính vì việc vận động ấy.

Trong vòng hơn một tuần lễ xong việc, chàng lại đi ngay.

Hèn gì, sau lúc chàng đi khỏi ít lâu, người ta thấy một chuyến xe hỏa từ Vân Nam sang, chở theo mấy toa đầy ních những hòm thuốc phiện. Cả thấy đến 20 tấn, trị giá gần năm triệu bạc.

Mấy toa quý báu ấy tới ga Lào Kay còn phải đỗ lại mấy ngày, để cho nhân viên sở thương chính Đông Dương kiểm soát rất kĩ lưỡng và đóng dấu niêm phong từng hòm, rồi mới cho chở về qua Hà Nội để



xuống Hải Phòng. Cuộc vận tải này có người nhà đoan đi theo trông nom cẩn mật. Lúc xe hỏa Lao Kay về đến Gia Lâm thì cắt mấy toa ấy ra, để đợi chuyển tàu Hải Phòng buổi tối đi qua, nối lấy đem xuống Cảng, cho vào trong kho an trí, vài ngày có tàu thủy từ Hương Cảng tới rước thì phải bốc đi ngay.

Số thuốc phiện này từ bên Tàu, chỉ được phép nhờ đường xe hỏa Diên Việt vận tải đi qua, - cố nhiên nhà nước có đánh thuế, làm lợi cho công quỹ Đông Dương, nhà chuyên trách thương chánh đề phòng bọn lái buôn quỉ quyết có thừa cơ tẩu lậu trong xứ ta ít nhiều gì chẳng, cho nên phải trông nom nghiêm nhặt và hộ tống cho đến khi chở xuống tàu thủy, ra khỏi Hải Phòng mới thôi. Công việc ấy, nhân viên thương chánh ta đã làm một cách chu đáo, hoàn toàn, đáng khen.

Chẳng nói, hẳn các ngài cũng đoán ra; đây là thuốc phiện của bọn Ngô Linh Tu ở Hương Cảng đã nhờ Vi về tận Hà Nội vận động xin phép cho chở qua đường xe hỏa từ Vân Nam xuống Hải Phòng một chuyến, kéo chúng đài tải đi đường bộ qua Quảng Tây thường bị nạn cướp bóc luôn và chịu thuế rất đắt.

Thấy chuyến đầu trót lọt như ý, họ Ngô thấy rõ Vi có thủ đoạn và thể lực, bảo chàng vận động cho mấy chuyến kế tiếp nữa, nhưng chỉ tốn tiền phong bao cho chàng mà không có kết quả gì.

Tuy thế, một chuyến đầu cũng đủ cho bọn Ngô phát tài hai triệu rưỡi bạc, trừ hết các khoản thuế má, chi phí đi rồi. Cũng một chuyến đầu ấy đủ cho Vi vớ được một món bổng hoạch tài hai mươi vạn đồng.

Với số tiền ấy, chàng tậu nhà lầu, mua xe hơi, bắt đầu trang hoàng tự phụng như một vị trưởng giả làm sang ở đất Hương Cảng. Chẳng những trong giới cờ bạc ở Thâm Xuyên, cho đến các giới Hoa thương có việc buôn bán đi lại Đông Dương, đều biết tiếng Vi xénh xáng là người lợi hại kiệt kiệt thế nào.

Trò đời ở đâu cũng thế, bao giờ cũng thế, mặc kệ mình lúc trước là cha căng chú kiết, một khi có tiền bạc róc rách, nhà cửa trang hoàng, tức là có địa vị trong xã hội. Có địa vị thì có xã giao; có xã giao lại càng dễ gây thêm xông lợi.

\*



Từ đây, chàng có cái bề ngoài như một yếu chức ngoại giao, và khôn khéo lợi dụng cái tư cách ấy để đào mỏ, làm giàu.

Như một việc cấp phát thông hành hộ chiếu được ông chủ tin dùng, cho thao túng ở trong tay, mỗi tháng phát tài cho chàng bạc nghìn, tha hồ huy hoắc. Nhiều việc làm rất liêu lĩnh, bạt mạng, miễn là mở được hồ bao người ta mà tọng vào ruột tượng mình thì thôi. Hút thứ xì gà mấy chục đồng một hộp; đặt một chén me bạc vạn với nụ cười; một đêm phung phí với mấy ả ca kỹ trên bờ Châu Giang bạc nghìn không tiếc.

Hồi ấy có tay chúa trùm cờ bạc ở Sài Gòn là Sáu Ng. sang tận Hương Cảng – Thượng Hải hốt me, lúc trở về nói chuyện với người ta, ghê sợ những ngón ăn xài cờ bạc của Vi.

Cũng như con thò lò sáu mặt, cái tài Vi làm tiền xoay đủ khéo, chẳng phải riêng một mối lợi thông hành hộ chiếu mà thôi.

Thật tình chúng tôi không tin, nhưng mà người ta nói chàng có tới thủ đoạn buôn bạc giấy bạc giả ngoại quốc mà bọn người Tàu chuyên nghề vẫn bí mật in tại Cửu Long hay Áo Môn. Người ta lại quả quyết nhiều lần chàng mua giường Hồng Kông gửi về cho một nhà buôn ở thương phụ kia, trong mỗi cột giường nhét đầy thứ giấy nguy hiểm ấy, vì hai bên đã có mật ước và vẫn cộng sự với nhau. Phúc ấm ba đời cho qua lọt mấy chuyện, thành ra bên nào cũng phát giàu to trong cơn chớp nhoáng.

Vẫn biết con người ấy bán trời không văn tự, nhưng chúng tôi không muốn tin rằng va dám bán trời với cái thủ đoạn như người ta nói trên, ngộ nhỡ ra thì cả lũ kéo nhau đi đại hình và ra Côn Lôn hóng gió như chơi!

Song, đến chuyện sắp kể ra đây thì chắc chắn có thật.

.....

Là người tâm cơ thác mắc, Vi bấy lâu vẫn hay thậm thụt đi Quảng Châu luôn, có lắm bận xin nghỉ việc đôi ba tuần để đi chơi Thượng Hải và Hàn Khẩu nữa. Người không biết, tưởng chàng đi tìm thú cờ bạc phương xa hay là du ngoạn phong cảnh. Kì thật chàng đi săn. Không phải săn sóc chim muông gì, chỉ cốt săn lấy tin tức và ổ hang của những người Diễn Điện, Ấn Độ và Phi Luật Tân bôn tẩu quốc sự trong đất nước



Tàu. Chàng thạo cả tiếng Anh và Quan Thoại, giả làm người Tàu đồng tình đồng chí với họ, cho nên dễ luồn lỏi, giao thiệp, không bao lâu mà cơ quan họ ở những đâu, đang vũ bao nhiêu người, đang mưu toan hoạt động thế nào, chàng mò mẫm biết hết.

Một khi góp nhặt tài liệu đầy đủ cả rồi, Vi đến thẳng đại biểu ngoại giao Anh Mĩ tại Hương Cảng, đưa ra một quyển sổ hàng trăm tên, và hỏi trắng ngay:

- Chắc hẳn các ngài muốn biết hành động bí mật của những người này lắm phải không?

Bình nhật, mấy vị đại biểu ngoại giao ấy đã từng quen biết Vi, nay được chàng gãi trúng chỗ ngứa, vui mừng vô vậ tức thời:

- Thật quả chúng tôi muốn biết lắm, nhưng làm thế nào?

- Còn làm thế nào! Các ngài thừa hiểu ở đời này, tiền bạc là cái chìa khóa bách hợp, mở cửa nào mà chẳng phải bung ra.

- Đã đành rằng thế, nhưng chẳng biết ông có tin tức gì quan hệ bảo cho chúng tôi không chứ!

- Sao lại không! Tôi cho các ngài xem qua cái chương trình hành động của họ đang mưu tính đây này. Muốn theo đuôi dò la đến nơi đến chốn để cho các ngài kịp thời tìm cách đối phó lại, phí tổn vạn bạc không xong.

Vi miệng nói tay rút lấy trong cặp một tập hồ sơ đưa ra. Nhà đại biểu ngoại giao Anh cũng như nhà đại biểu ngoại giao Mĩ, xem thấy quả là một việc mưu tính hiểm nguy, do bọn bô đào Phi và Diên hợp mưu, có liên lạc quan hệ chung cả thuộc địa của hai cường quốc.

Ai còn lạ gì, Anh có cơ quan *Intelligence Service*, trinh thám rất tài và có người thay mặt sai đi dò dẫm khắp thiên hạ. Mĩ cũng có một cơ quan tương đương như thế. Vậy thì bọn bôn đào người Phi người Diên bấy lâu nung nấu bên Tàu hoạt động những gì, có lẽ hai cơ quan kia thừa có tin tức, cần gì phải nhờ đến Vi là một người lạ?

Song có việc nói đây, Vi khéo tò mò biết được mà hai cơ quan trinh thám có tiếng lại không biết một tí nào mới kì. Cái sự tình đặc biệt ấy khiến Vi được lòng tín nhiệm của hai vị đại biểu:



- Ô! Việc hệ trọng quý hóa thật nhĩ. Vậy ông để tập hồ sơ lại đây cho chúng tôi xem chiều mai ông lại tới chơi để bàn tính phương lược với nhau nghe.

Hai ông để ngày giờ xem xét lời Vi nói hư thực và đánh dây thép hỏi trưởng quan đại sứ Anh Mĩ và các nước lúc bấy giờ phần nhiều còn ở Bắc Kinh – cùng thương thuyết với chính phủ bản quốc luôn thể.

Y hẹn, năm giờ chiều hôm sau, Vi đến phòng việc của ông E. Taylor, đại biểu ngoại giao Mĩ, có cả ông đại biểu Anh là Sir Graggy ngồi đợi ở đó. Hai ông tiếp đãi chàng một cách ân cần, vui lòng nhận chàng giúp đỡ việc dò xét hành động của bọn bọn đào Diến, Phi; theo như cái mưu ngầm họ định làm mà chàng đã cho biết.

Mỗi bên trao tay cho chàng một vạn đồng bạc Tàu để làm tiền phí tổn. Về sau, cần dùng tới đâu sẽ đưa thêm tới đó, miễn sao công việc kết quả mỹ mãn, phải tốn tiền bao nhiêu cũng là.

Chàng giảng giải những lẽ gì sẽ phải huy hoắc nhiều tiền mới đi tới được mục đích. Nhất là, theo lời chàng nói, chàng đã giả danh làm một nhà thực nghiệp Tàu, tỏ vẻ đồng tâm đồng tình với đám thiếu niên hoạt động kia và có hứa giúp đỡ họ; nhờ thế, mới được họ đem lòng tin mà thổ lộ hết tâm sự mưu mô. Nay, muốn giữ cho họ khỏi nghi và được dịp gần gũi họ luôn, để thám thính công việc cùng tìm cách đưa tất cả bọn vào tròng, thế tất chàng phải thực hành lời hứa. Nghĩa là xia ra đôi ba vạn đồng bạc tặng họ, gọi là bày tỏ cảm tình. Có thế, họ mới tin lòng mà để cho chàng được thân cận. Có được thân cận thì mới có thể dò dẫm lần hồi biết rõ họ định làm thế nào, phe đảng những ai?

Chỗ khó khăn ấy, dù có phải những tay trình thám đại tài bên Anh bên Mĩ sang cũng không thể trông dò xét thành công. Vì những tay ấy thò mặt ra, bọn thanh niên kia sẽ máy nhau kiêng kị, xa lánh ngay, không đời nào cho họ lại gần mà dòm nom xem xét gì được. Sao bằng dùng ngay Vi là người cùng da cùng sắc với họ. Hai ông E. Taylor và Graggy đã đắn đo suy nghĩ chán. Lại nghe chàng bày tỏ phương lược mình sẽ tiến hành, chỉ tỏ ra chàng là người thành thực, thông minh, có thể tin dùng được. Bởi thế, hai ông nhận đề nghị của chàng và một tiếng xia cho bạc muôn, không chút ngần ngại.

Một đảng hi vọng được thấy thành việc, một đảng chỉ hi vọng xoay



lấy món tiền. Hi vọng của đảng kia còn mịt mù chưa thấy tăm hơi gì đâu, nhưng hi vọng của Vi thì đã thấy đạt một phần khá nặng hồ bao rồi.

\*

- Thôi, thế là chết mấy ông bầu quốc sự Diên Phi đang ần núp bên Tàu và cả cơ quan đảng vũ họ phen này bị vỡ lở tan tành bởi tay chàng Vi nhà ta rồi còn gì! Chàng bán rẻ họ đi lấy mấy vạn bạc; thôi họ còn gì là đời!

Tất có người suy nghĩ và lo xa như thế.

Nhưng nếu người ta nghĩ thế, thì ra người ta không biết Vi.

Và nếu chàng làm vậy, thì ra chàng không còn phải là con thò lò sáu mặt, cây đòn xóc hai đầu.

Thật, chàng ta chỉ khéo lập kế xoay tiền thiên hạ thế thôi, không cốt bắt bớ ai, cũng chẳng dò la hành động gì cả.

Chàng không dại gì mà chẳng biết làm việc dò la bắt bớ ấy sẽ có nguy hiểm cho bản thân mình không chừng. Bọn thù nghịch kia mà lột được mặt nạ - vả lại, cái nghiệp ấy có thể nào che mắt họ được lâu – phải, một khi mặt nạ chàng bị lột, họ không thiếu gì cách mời chàng về châu trời. Trăm bó đuốc phải vớ được con ếch, thế nào rồi chẳng có một hôm họ bắt gặp chàng đi Thâm Xuyên cò bạc hay đi đâu vô ý bất ngờ, có khó khăn gì họ chẳng đẩy chàng xuống Châu Giang, hoặc trói giật chàng khi lại mà đặt nằm trên đường sắt Cửu Long. Tuy được mấy vạn bạc, nhưng còn đời đâu nữa mà ăn tiêu?

Sao bằng việc ai mặc ai, tiền thầy bỏ túi, chẳng phải sướng hơn!

Ấy, cái thủ đoạn nhất sinh quái kiệt của chàng, là thường lấy bạc vạn ăn không của thiên hạ, mà không làm việc gì cho thiên hạ.

Vụ này chính thế. Thủ đoạn chàng cao cường đến nỗi ở giữa hai bên – bên bảo bắt và bên đi trốn – mà khéo mồm miệng, khuôn xếp chẳng méch lòng bên nào, phần mình lại được hưởng lợi. Với bên kia, chàng lợi được bạc vạn; với bên này, chàng lợi được cái tiếng con người tử tế. Mấy ai khéo ở đời như cây gổ tròn được thế chưa?

Sau chuyện vừa nói trên độ một tuần, chàng đi Quảng Châu, tìm



đến chỗ ẩn của một vài tay lãnh tụ của bọn vong mệnh Diến Phi, thú thật hết cả sự tình:

- Này, người ta thuê tiền tôi dò la hành động của các ông và cấm mỗi thả lưới để chộp các ông đấy.

Mấy người đầu đảng nghe nói sững sốt, đưa mắt nhìn nhau, chưa biết đối đáp thế nào. Có người rút súng lục ra, toan để vào ngực Vi.

Vẫn tươi tỉnh tự nhiên, chàng gạt tay người cầm súng và nói:

- Xin các ông cứ yên tâm; nếu tôi có bụng dạ hiểm độc nào, tất cứ lẳng lẳng mà làm, không khi nào thân hành đến đảng bộ các ông...

- Thế ông đến là có ý gì? Máy người đồng thanh hỏi dồn.

- Các ông nên biết tôi cũng là một người có huyết tính, có lương tâm, trông thấy cái cảnh các ông bôn đào nhiều cơn vất vả thiếu thốn mà đau lòng. Bởi vậy, tôi mạo hiểm đến, trước là tỏ thật sự tình vừa nói cho các ông biết, sau là để tặng hảo các ông vài nghìn đồng bạc, tỏ chút cảm tình. Ngoài ra không có một ý tứ gì khác – có quý thần chứng giám – xin các ông cứ việc yên lòng.

- Các ông cứ để cho tôi thời thường tới lui gặp gỡ, làm bộ như tôi đến dò la các ông, nhưng sự thật tôi chẳng dò la gì hết. Trái lại, người có kế định gì quan hệ cho thân các ông, tôi sẽ bảo nhỏ cho các ông hay; còn tin tức gì không quan hệ của các ông, thì tôi cũng góp nhặt một vài làm bộ thóc mách với người ta, để họ tin lòng tôi, khỏi trách tôi không làm việc. Thế là lưỡng lợi cho chúng ta, mà phần riêng các ông chẳng bao giờ có sự hệ lụy gì cả, tôi xin cam đoan như thế.

Quả thật, chàng chỉ cốt xoay tiền người ta bỏ túi làm giàu, không thành tâm giúp người ta được việc gì cho xứng với những số tiền ấy.

Có chẳng, bất quá một vài tin tức lảng nhãng, không quan hệ chết chóc gì ai.

Một người bạn thân, thấy chàng xơi cả hai mang, có ý lấy làm lạ:

- Sao anh không tính cách bắt phăng cả bọn kia mà lấy thưởng công cho sướng, cứ để dờ dang lơ lửng là nghĩa thế nào?

- Anh này rõ thật thà quá! Vi cười và nói. Nếu mình có chỗ hay mà tuôn hết ra một lúc, ai còn có việc cần dùng đến mình làm gì. Hết chim



bể ná, hết cá bể câu, trò đời anh còn lạ gì. Đẳng này ta cứ để lửng lơ, thùng thẳng làm như nuôi con bò cái, được vắt sữa uống hằng ngày. Có thể mới nặn được nhiều tiền của thiên hạ chứ.

Đó chính là mục đích cốt tử của Vi.

Chàng khéo nặn hai ông Taylor và Graggy nay dăm nghìn mai một vạn mãi. Nặn cho tới khi hai ông này tính lại trước sau mất đến tám chín vạn bạc mà chẳng thu về được một chút lợi ích gì, bấy giờ mới biết mình mắc phải tay bọm chàng Vi, không thêm dùng nữa.

#### **XIV. ĐÁNH LỬA CẢ TRẦN QUÝNH MINH**

- Này, anh Vi, tôi hỏi thật anh điều này nhá... Trước li rượu tâm sự ở tửu điểm “Victoria”, Chân Lộc, bạn quen chí thiết khề khà hỏi Vi.

- Được, trăm cho phép nhà ngươi. Vi thường bông lơn trịch thượng với bạn như thế khi đã ngà ngà hơi men.

- Về việc thuê bắt bọn bọn đào, anh khoảng được của người ta bao nhiêu rồi, nói thật xem nào?

- Có lẽ tậu được một dãy nhà cho thuê có dư. Vi cười ha hả có vẻ đắc chí.

Chân Lộc trở mặt lè lưỡi, đứng phắt dậy lấy mũ cầm tay, vái lấy vái để Vi, và nói:

- Ông thật y như Tào Tháo “loạn thế chi gian hùng”, con xin lạy ông cả nón và phục ông sát đất.

Chân Lộc từ giã, vừa bước ra khỏi cửa tửu điểm, Vi chạy theo gọi giật lại, nói nhỏ vừa đủ hai người nghe với nhau:

- Nãy giờ nói ba hoa mãi, quên mất câu chuyện mục đích. À, chuyện Trần Quýnh Minh mà anh giới thiệu thằng Lương Xám Quáy đến nói với tôi hôm nọ, anh bảo nó biết rằng tàu “Paul Lecat” sắp đến bến đây nhá.

- Thì cứ như thử, như thử, y kế nhi hành chứ sao.

- Nhưng anh phải bảo nó sáng mai chồng đủ số tiền bốn vạn, thì tôi mới mưu hộ.



- Được rồi, nhưng con xin bố đừng xoi cả hai mang, lỡ ra bề nào thì con phải bán xoi Hương Cảng đấy.

\*

Lúc bấy giờ Trần Quýnh Minh ở Quảng Đông đang tiếm tâm mưu phản ông Tôn Trung Sơn, nhưng còn sợ binh lực dưới tay mình không đủ dùng, muốn tổ chức thêm nhiều đội tiện y phòng khi phải chiến đấu với quân đội chính thức của phe họ Tôn ở giữa thành phố Quảng Châu.

Đội tiện y tất phải có khí giới.

Trần cho mấy tên thủ hạ thân tín đến Hương Cảng đón mua súng đạn của bọn lái buôn nhà nghề mua từ Âu Mỹ chở lậu về.

Ai cũng biết các tàu Âu Mỹ chạy sang phương Đông, phần nhiều có thuê người Trung Hoa làm công, cũng như các tàu của hãng Nhà Rồng hay hãng Năm Sao chạy đường Marseille Sài Gòn và Hải Phòng thường dùng nhân công An Nam vậy.

Chiếc tàu nào cũng có thủy thủ Trung Hoa, nhiều là một đôi trăm, ít cũng năm bảy chục: làm bồi, làm bếp, làm thợ máy, làm nhà giặt, làm chân đốt than. Cơm thì hãng tàu nuôi, lương bổng sên si tùy theo nghề khéo và việc làm từ hai chục cho đến bốn chục, bốn năm đồng mỗi tháng. Họ chịu khó làm việc hì hục, chăm chỉ để sai bảo mà lại rẻ công, cho nên các tàu đi lại đường bể Đông phương đều cần thuê mướn.

Những nhân công ấy có phải cốt vì tìm kiếm đôi ba chục đồng lương tháng mà đem thân để cho sóng gió giày vò đâu. Họ cốt có mục đích khác.

Mục đích buôn bán hàng lậu.

Họ cốt lấy một chỗ làm dưới tàu gọi là có, để tàu chở hàng hóa cho họ khỏi tốn tiền cước và trốn cả thuế đơan. Chuyển đi thì chở hàng Tàu sang bán cho Âu Mỹ, như đồ cổ, đồ sứ Giang Tây, trà, tơ v.v... bất cứ sản vật gì liệu chừng chở lậu bán lậu được, là họ kinh doanh tất cả. Chuyển về thì mua hàng Âu Mỹ đem về bán cho người đồng xứ. Dọc đường, họ lại khéo buôn hàng xách từ bến này qua bến kia. Cái tài buôn bán của các ông thiên triều, khỏi cần phải nói.

Cùng làm chung một chiếc tàu với nhau, họ có tổ chức, có kỉ luật,



giữ niềm thân yêu gắn bó; ai làm được nấy ăn, không có thói ganh tị kẻ vạch lẫn nhau như bà con mình. Có khi toàn số đồng hương trong tàu góp vốn buôn chung, lãi chung, chịu trách nhiệm chung. Ngoài ra, ai có dư vốn buôn riêng tùy ý. Không ai đi tố giác ai có hàng lậu để ở chỗ nào. Còn cái mối lợi “đưa heo” cũng thế: ai làm được nấy ăn.

Con nhà lao công trên mặt biển, có tiếng lóng “đưa heo” nghĩa là đưa mấy người đi trốn trong tàu không phải lấy vé, không có hộ chiếu thông hành. Mỗi một con heo đưa đi như thế có một vài trăm đồng. Họ chỉ cần giấu heo lúc tàu sắp sửa nhổ neo rời bến là lúc có cuộc khám xét mà thôi, ra đến ngoài biển thì heo ăn chung nằm lộn với người và cũng lên boong hóng mát như ai. Dưới tàu lố nhố hàng trăm dân đinh da vàng mũi tẹt, ông cầm tàu tin là người làm của mình tất cả, không thể nào truy nã được kẻ trốn tàu lậu vé, trừ ra có ai tố giác. Mà tố giác lẫn nhau, là một thói thủy thủ Trung Hoa không có.

Các ngài đã biết lúc đi họ có cái lợi “đưa heo”, giờ tôi nói tới bạn về, họ có cái lợi “buôn chó”.

Một hôm, chúng tôi được thấy ở tàu *Porthos* sau bữa đến bến Marseille, hơn một trăm nhân công khách lĩnh lương rồi đưa hết cho người cặp răng của họ (dưới tàu nào cũng thế, nhân công khách hay An Nam đều có một người đứng đầu gọi là cặp răng - caporal). Chỗ đó được hơn ba nghìn bạc rồi. Nhiều người lại lấy tiền riêng đưa thêm dăm bảy chục hay một đôi trăm nữa.

- Sao họ lại trút túi đưa cho người đầu nậu thế, bác? Tôi lấy làm lạ, hỏi bác Tuyết là cặp răng của người đồng hương chúng tôi.

- Chắc họ lại góp vốn buôn “chó” đấy chứ gì; bác Tuyết cười và đáp.

- Chó Bergers hản thôi?

- Không, thứ chó này nhỏ hơn nhiều. *Chó lửa!* Chuyến tàu này, bạn đi, hôm đến Hương Cảng, nhân viên thương chính Ăng Lê xét bắt được hai hòm đầy chặt chó lửa với một hòm *kẹo ho*. Họ nạy ván ở ô *phích* (*office*, nơi để những bát đĩa li tách), nhét xuống tận dưới cùng; giấu kín đến thế mà đoan Ăng Lê cũng khám ra. Chuyến ấy họ sạt nghiệp cả lũ với nhau, thêm hai người bị bắt, nhưng chuyến này lại góp vốn buôn



chung nữa. Thế mới biết người khách họ buôn bán gan lắm. Vì chó kia, chả trách...

Thì ra “chó lửa” là *súng lục*, “kẹo ho” là *đạn*, cũng tiếng lóng của con nhà đi biển.

Thật thế, món hàng ấy đem về Tàu bán đắt hơn tôm tươi. Các chú khách lục lâm, cường hào, thổ phi, du côn, cho đến các vị anh hùng nho nhỏ hùng cứ nhất phương, tranh nhau mà mua. Mỗi con “chó lửa” từ Âu châu đem về, có thể bán được một trăm. Những người Trung Hoa đi làm tàu biển cốt vì mỗi lợi buôn hàng lậu, mà “chó lửa” là mỗi lợi thứ nhất. Một vốn mười lãi. Cho nên, có mất đôi ba chuyến luôn, họ cũng không cần, chỉ lọt một chuyến là đủ gỡ lại, còn thêm có lời.

\*

Lúc này, chúng ta đã nghe Vi nói đến tên Lương Xám Quáy, tức Lương Tam Quý, một bộ hạ thân tín của Trần Quýnh Minh.

Y vâng mật lệnh họ Trần, đem bạc triệu ra Hương Cảng đón mua vơ vét những “chó lửa” do bọn làm tàu chở lên từ Âu Mỹ về. Trần cho phép Tam Quý được tiện nghi hành sự có bao nhiêu mua hết bấy nhiêu, miễn được thì thôi, không kể đắt rẻ.

Đến Cảng, Lương Tam Quý tìm ngay mấy cái “chàn” mà tụi trùm buôn bán hàng lậu. Tụi này có liên lạc với bọn nhân công Trung Hoa làm các tàu bễ, và đứng làm mồi lái bán hàng. Ai muốn hỏi mua gì hay là đặt mua thứ gì, cứ lại giao thiệp với chúng, tức là tai mắt miệng lưỡi của bọn đem hàng các nơi về.

Chúng cho Tam Quý biết rằng nội tuần lễ sau sẽ có bốn chiếc tàu đến Cảng: hai chiếc “*Porthos*” và “*Paul Lecat*” từ Âu châu lại, rồi tới hai chiếc “*Président Coolidge*” và “*General Pershing*”. Từ San Francisco sang. Chiếc nào cũng có năm mươi hòm “chó lửa” và “kẹo ho” là ít.

Tất cả bốn bọn hàng ấy có đến mười lăm mười sáu vạn bạc.

Đôi bên ngã giá với nhau xong rồi, chúng giao hẹn với Tam Quý: cứ mỗi chuyến tàu lại, sẽ có thuyền riêng cặp bên mạn tàu, đêm khuya có người của chúng bỏ hàng trên tàu xuống thuyền ấy cho; còn từ đây



vào bờ thì trách nhiệm về phần Tam Quý, liệu làm cách nào đem được bộ thì đem. Còn thì nhờ mất thì chịu.

Cái đó mới rầy!

Vì nhân viên sở hải quan Ăng Lê vẫn có tiếng là con mắt dòm suốt lỗ kim ban đêm và có mũi đánh hơi tài lắm, bọn chuyên nghề hàng lậu phải khiếp.

Trước kia có một hồi, Lương Tam Quý đã ở Cảng, làm tài phú cho một hiệu bán sắt vụn, mà Chân Lộc thì làm việc ở một nhà máy đúc đồ sắt. Vì sự buôn bán đi lại, hai người thành ra thâm giao. Giờ Tam Quý sức nhớ lại bạn cũ là người có tiếng cơ mưu lanh lợi, vội vàng tìm đến, tỏ thật việc kín, hỏi xem bạn có cảm nang diệu kế gì giúp mình được chăng.

- Việc ấy khó hơn tìm đường lên trời! Chân Lộc nói và lắc đầu. Là vì số hàng nhiều quá, từng hòm cho hai người khiêng sụn vai. Phải chi một vài chục chiếc, thì mỗi đứa chúng mình chia nhau giắt lưng mấy chuyến cũng xong.

- Vậy thì làm thế nào? Lương Tam Quý hỏi lại.

- Làm thế nào? Chỉ còn có nước khoanh tay bó gối thế này! Chân Lộc vừa nói vừa pha trò, ngồi khoanh tay ôm lấy hai đầu gối và thở phì một hơi dài.

- Cứ khôi hài mãi! Tam Quý nói. Tôi nghĩ giờ có một diệu kế này chắc chắn ổn thỏa.

- Diệu kế thế nào?

- Có ai nhận hộ cho những chiếc hòm ấy có tư cách là “va li ngoại giao”.

Theo quốc tế giao ước phạm những rương hòm va li đựng giấy tờ hoặc đồ vật của nước này gửi đến cho sứ bộ mình trú tại nước kia, ngoài có dán nhãn hiệu riêng, gọi là vali ngoại giao, thì được miễn khám xét, miễn đánh thuế, miễn cả mọi sự khó khăn, lại còn được bảo hộ đài tải nữa là khác. Ở Âu châu mấy năm về trước, đã có kẻ giả mạo “vali ngoại giao” mà chở thuốc phiện trắng và đem tiền bạc xứ này thoát sang xứ kia, về sau chính sở trình thám tài tình của nước Pháp khám phá ra.



Lương Tam Quý láu lĩnh, định vãi tiền ra nhờ người gỡ hộ nước cờ chiếu bí thế này: mượn ai làm ở một cơ quan ngoại giao nào đó, trao cho mình ít tấm giấy nhãn hiệu riêng để dán vào những hòm “chó lửa” kia một khi đã bốc xuống thuyền, cho nó có tí bề ngoài là “va li ngoại giao”. Như vậy thì có tám chín phần mười khỏi bị khám xét trong lúc chở vào bến.

- Mỗi tấm giấy đó mấy nghìn đồng hay bạc vạn cũng nên mua. Tam Quý nghĩ thế.

Hai tiếng ngoại giao như con muỗi to đốt ngay gò má, thức tỉnh Chân Lộc:

- Thế thì được rồi, đi theo tôi lại đằng này, mau.

Chân Lộc đưa Lương Tam Quý lại nhà Vi, nhớ ra bạn mình chính là người làm trong một cơ quan ngoại giao, tất giúp cái mưu của Tam Quý thành tựu được. Mà có phải giúp gì, cứ xỉa tiền ra là xong.

Trông thấy nhà cửa Vi trang hoàng nguy nga, Tam Quý sinh lòng kính nể. Nhất là, đã từng nghe tiếng Vi tức trí đa mưu, cờ bạc rất ngổ.

Nghe Tam Quý bày tỏ ý muốn, Vi gật đầu chịu ngay, và đòi bốn vạn đồng, hẹn ngày cho Tam Quý lại chồng đủ số tiền thì chàng đưa những đạo bùa ấy cho mà dùng. Tính ra bốn chuyến tàu, mỗi chuyến một vạn, và mỗi lá bùa như thế là một nghìn đồng.

- Lương tiên sinh đây là bạn thân của tôi, tin cậy nơi tôi, tôi tin cậy nơi anh. Cố làm cho công việc người ta chắc chắn vô ngại nhé! Chân Lộc ân cần nói với Vi.

- Chuyện dễ như bỡn, việc gì mà lo, Vi đáp. Việc khó tày trời, như mượn đường hỏa xa Lao Kay Hải Phòng chở 20 tấn thuốc phiện, mà tôi nói một tiếng là xong thay. Hẳn anh có nghe nói chứ?

Nhưng việc này chàng thật chủ tâm làm liều, chỉ cốt bốn vạn bạc đút lót, rồi việc thành bại ra sao thì ra. Cái máu nghiện làm giàu to đưa chàng tới những thủ đoạn liều.

Đến hôm Tam Quý đem lại bốn vạn bạc trao tay rồi, chàng có đưa cho y bốn chục miếng giấy nhãn hiệu ngoại giao, nhưng chỉ là đồ giả mạo. Khôn ngoan đủ điều như chàng, thừa biết trong trường hợp này,



không thể nào đẩy lá cờ ngoại giao lên trên những hòm quái vật kia mà hòng che mắt con nhà chuyên nghề khám gian bắt lậu.

Tam Quý mừng hí hửng, gửi mật thư về báo tin thành công cho Trần Quýnh Minh biết, trong ý chắc mẩm tuần lễ tới, bốc xong bốn chuyến hàng, trót lọt trôi chảy. Vạn sự khởi đầu nan; lúc khởi đầu đã kết quả như ý, thì những chuyến kế tiếp về sau trở đi, cứ “mua” thế lực mưu kế của Vi xênh xáng là xong tất.

Thấm thoát hai hôm sau, tàu “Porthos” đến Hương Cảng. Cùng đi với tên trùm buôn lậu, Lương Tam Quý xuống tàu nhận hàng và giao những lá bùa kia cho bọn khách để dán trên những hòm đựng “chó lửa”.

Đêm khuya, hàng dòng xuống thuyền, Tam Quý đi theo áp tải.

Trong khi hàng đang đổ bộ, bốn nhân viên thương chính lù lù ở đầu sập đến xích tay Tam Quý và cho xem cam nhôm chở mười hai hòm súng lậu về ti cảnh sát.

- Các ông không xem giấy nhãn ở trên mặt hòm kia à? Tam Quý còn nói cứng.

- Giấy ấy giả mạo, chú sẽ ra tòa đại hình, mười năm khổ sai là ít, có biết không? Viên thanh tra Ăng Lê trả lời.

## XV. ĐI TAY TRẮNG, VỀ GÁNH VÀNG

Tám giờ sáng hôm ấy, tàu “*André Lebon*” đồ sộ của hãng Nhà Rồng từ bên Nhật chạy về, cập cầu ở bến Sáu kho Hải Phòng.

Trong những hành khách từ từ bước xuống cầu tàu, có một gia quyến người Tàu ra vẻ sang trọng, ai cũng phải để ý nhìn. Người đàn ông vào độ bốn mươi tuổi, đội mũ kết, mặc bộ đồ đen, kiêu lữ hành, trông có dáng như một nhà du lịch Mỹ, đỡ tay cho người đàn bà – ý hẳn là vợ - xuống từng bước thang. Người đàn bà trẻ hơn, có nhan sắc, phục sức tân thời từ đầu tới chân; nội cái áo hồ cừ trắng muốt khoác bên ngoài đã thấy bạc vạn. Vì thứ bạch hồ cừ chỉ sản xuất ở tỉnh Sơn Đông, mà rất hiếm có.



Theo sau có hai ba ả thị nữ, cũng là người Tàu, tay bồng tay dắt một đoàn năm đứa trẻ, gái có trai có, xấp xỉ gần bằng tuổi nhau; đứa nào cũng trang sức ra phết con nhà hào phú. Cầu thang hơi dốc, bầu đoàn gia quyến nối gót nhau một xâu dài và phải bước xuống chậm rãi bước một, thành ra ai cũng thấy rõ.

Lúc ấy, giữa đám người đón rước đứng lố nhố dưới cầu, có hai cụ phán già chỉ trỏ bảo nhau:

- Bác thử nhìn kĩ xem, người đang đỡ tay con mẹ Khách kia chẳng phải thằng Vi thì còn ai? Một cụ nói.

- Đâu phải! Gia quyến họ đặc Tàu cả lũ, không thấy đấy à? Cụ kia cãi lại.

- Thì bố Vi nhà mình sang làm ở Hương Cảng bấy lâu, chẳng đồn tiếng rằng chõm được một chị vợ Tàu phú hộ, bác không nhớ sao? Chính bầu đoàn thê tử nhà nó đấy. Cái mặt ấy ai mà quên được. Tí nữa nó lại gần, bác xem.

Vợ chồng nhà ấy vừa xuống hết cầu thang. Người chồng chạy lại chỗ hai cụ phán già, tay bắt mặt mừng, cất tiếng chào hỏi trước:

- Kia bác tham Thuyết bác phán Lê, hai bác còn nhớ tiêu đệ không?

- Chào bác Vi, tôi đã nhận ra bác từ khi ở trên cầu thang kia! Cụ phán Lê nói.

- Bác Vi thực nhỉ, ông tham Lê tinh mắt quá! Cụ tham Thuyết vừa bắt tay Vi vừa cười thân mật.

Chính là Vi.

Chàng chỉ vào người Hoa phụ:

- Xin giới thiệu hai cụ: đây là tiện nội. Còn một đàn năm cháu kia. Hai cụ ra đón ai đấy.

- Anh em chúng tôi ra đón cụ Đồng lí R. ở, Thượng Hải về, nhưng không thấy cụ về chuyến tàu này. Thế, bác về nghỉ phép đấy chứ?

- Vâng, tôi xin... nghỉ cho các cháu về chơi quê nhà ít lâu. Vi trả lời tiếng “nghỉ” một cách gượng gạo.

Vì sự thật, chàng phải về nghỉ luôn.



## XVI. VÌ SAO CON THẠCH SÙNG KÊU: TIẾC! TIẾC!

Lấy được người vợ Tàu là con nhà có của, lại chính mình có những thủ đoạn “làm tiền” rất là gian hùng, mạo hiểm, Vi đã giàu to những khi còn ở Hương Cảng.

Mấy năm sau cùng, chàng thường đi về Hà Nội luôn. Mỗi lần về thủ đô xứ Bắc đều ở phòng nhất hạng nhà hàng Métropole và ngự chiếc xe hơi “Voisin” cùng ở Hương Cảng về rồi lại cùng đi. Hơn hai chục năm trước, hiệu xe hơi ấy ở Hà thành là một vật mới lạ, hiếm hoi; ai ngồi ngất ngưỡng trên mình nó, không cần phải làm như các vị công tử ăn chơi ở Ba Lê nhìn ngang nhìn ngửa như muốn hỏi người ta “m’as-tu-vu?”, người ta cũng phải ghé mắt và nhìn biết là một tay hào phú sang trọng.

Trong những lúc đi đi về về đó, nhân tiện việc công lo nghĩ việc tư, chàng đã để tâm xây đắp căn bản ở cổ hương, phòng mai sau lấy chỗ vui hưởng cảnh già. Con người ta, một khi vợ nắm được tiền bạc trong tay, đều lo đến kế trường cửu như thế, mặc dầu chẳng biết tiền bạc có lưu luyến với mình trọn đời hay không? Nó là giống hay phù thịnh mà cũng vô tình, khi đầu trần đi đến với ta như tưới, có khi đội nón ra đi cũng mau, dù muốn níu kéo nó ở lại cũng chẳng được. Bởi vậy, nhiều người có tiền, muốn biến hóa nó ra vôi, ra gạch, ra đất, tưởng chắc những vật ấy bảo tồn được lâu. Tất Vi nghĩ thế cho nên mấy chuyến đi về, đã chuyển lần của cải ở Hương Cảng về tậu hàng dãy phố sá tại Hà Nội và Hải Phòng để cho thuê lấy hoa lợi.

Bây giờ bị giải chức ở Hương Cảng, đem cả bầu đoàn vợ khách con lai về Hà Nội, Vi nghiêm nhiên là một phú ông vào hàng ưu hạng ở đất Thăng Long cổ đô.

Không ai biết rõ con số giàu có của chàng thật là bao nhiêu. Nhưng, thấy ở một tòa nhà đồ sộ phố Carreau, làm chủ nhiều nhà to phố lớn cho thuê ở hai châu thành lớn nhất xứ Bắc, ăn tiêu rất sang trọng huy hoắc, đánh bạc như sấm, lúc nào cũng sẵn tiền kí trong nhà băng toàn những cái dấu tổ sặc mùi vàng bạc, khiến người ta có thể đoán chừng tính phòng chàng ta dần vốn có vài ba trăm vạn bạc chứ không ít.



Thằng con chơi bởi phóng đảng của Hà thành, hồi nào trốn nợ bỏ việc ra đi, đồng xu dính túi không có, thắm thoát hơn mười năm trời, ngày nay trở về hiên ngang một nhà triệu phú.

Người ta quen thấy bao nhiêu Hoa kiều ở đây kinh doanh buôn bán giàu có, vận của Việt Nam về Tàu; có lẽ Vi có thủ đoạn vận của bên Tàu về nước Nam là người thứ nhất.

\*

Chàng đi đào mỏ thiên hạ về, hai túi phồng lên bạc triệu tiền muôn như thế, chẳng những là bạn cố giao, cho đến những người nghe danh biết tiếng, đều mong đợi và tin chắc thế nào chàng cũng xuất tài xuất lực để kinh doanh một công cuộc to lớn, cầu lợi cho mình là lẽ cố nhiên, mà cũng mở mang giúp ích cho xứ sở, đồng bào.

Nhất là chàng thông minh, lanh lợi, có tài ngôn ngữ giao thiệp, không phải chỉ nói ba hoa như người ta lầm tưởng; lại bao nhiêu năm sống ở đất ngoài, trông thấy thiên hạ, làm gì chẳng nhận biết những công cuộc nào còn đang thiếu sót ở quê hương mà vốn liếng trong tay mình có thể kinh doanh, lợi mình ích người, nhất cử lưỡng đắc.

Nhưng, con người xưa kia cờ bạc phóng phiếm thế nào, thì ngày nay cũng vẫn thế. Số tuổi chồng cao và những sự kiện văn kịch lịch góp lại mười mấy năm trời ở tha hương, chẳng thay đổi bản tướng đi chút nào.

Trái lại, cái bản tướng ấy còn bị tô cho đậm, bôi cho đen thêm thì có. Giờ nhiều tiền lắm bạc, lại càng đồ bác phóng phiếm già hơn, và nuôi lớn thêm hai cái tính cách khả ố; kiêu sa và ưa nịnh.

Hai tính cách này như hai tấm màn đen, che lấp trí khôn chàng, đến nỗi có nhiều tiền mà không biết kinh doanh công việc gì để sinh lợi và giữ của cho lâu bền, chỉ biết một mực ăn chơi cờ bạc thả cửa, không mấy chốc tiêu tan hết sạch cơ nghiệp. Mèo lại hoàn mèo!

Lúc chàng mới ở Hương Cảng về Hà Nội ít lâu, nghĩa là lúc tủ sắt chàng còn đựng đầy giấy bạc ngân này ngân kia chưa bị suy khuyết, lắm người có tài chí kinh doanh to, tây có ta có, đến rủ họp sức chung lưng, mở mang việc lớn. Người này định mỗi đảng góp vốn một hai triệu, mở



một nhà in thật to, có đủ những máy Linotype, Rotative, Fonderie v.v... để khoáng trương công việc ấn loát văn hóa xứ này. Người kia có cái kế hoạch tự mình xuất cảng lấy lúa gạo xứ mình, dù bán quanh phương đông hay chở sang Âu châu cũng vậy, đoạt lại quyền lợi mà bọn Hoa thương và tài chủ Do Thái nắm giữ xưa rày. Có người lại rủ chàng chung vốn đào mỏ than, mở nhà máy dệt, buôn các đồ dùng về điện khí v.v... Việc nào cũng đáng làm và có lợi, mà vốn liếng chàng có thể hùn hiệp được cả. Nhưng với kế hoạch nào, chàng cũng gật gù ậm ả xằng rồi bỏ qua; dần dần tránh mặt những người muốn đến bàn tính kinh doanh công việc.

Duy có những bạn đến tán tỉnh nịnh hót, cho chàng lên mây xanh, và gạ đi nguyệt hoa đồ bác, thì lúc nào cũng được thừa tiếp, và chàng còn mở hồ bao ra cho mà bốc hốt nữa là khác.

Tự trung có một hai người bạn thành thực, không thêm bôn xu lợi dụng, như Xuân sơn, Thái Đức chẳng hạn, muốn lấy lẽ phải trái khuyên can cảnh tỉnh, thì bị chàng cự tuyệt. Một hôm Xuân Sơn đến chơi, thừa lúc vắng vẻ, mở lời bằng câu chuyện cổ tích xa xôi:

- Bác Vi ơi! Bác ở bên Tàu lâu năm, có nghe họ nói sự tích Thạch Sùng không nhỉ?

- Không nghe bao giờ. Vi đáp, vì thật tình chàng chưa biết.

- Chuyện lí thú lắm để tôi nói tóm tắt cho bác nghe. Thạch Sùng là một nhà cự phú đời Tấn, có núi vàng bạc, kho châu báu, giàu hơn nhà vua lại cho cả nhà vua vay mượn. Thế mà chỉ kiêu sa, phóng túng, ưa nghe phỉnh phờ, bị lũ bạn bịp, không bao lâu sạch của mang nghèo đến sau chết không có cỗ ván mà chôn. Người ta tương truyền con Thạch Sùng ta thấy bò trên tường kia, thỉnh thoảng nghe kêu "*tiếc! Tiếc!*", ấy là Thạch Sùng hóa thân ăn năn tiếc của đấy...

- Ô! Chuyện hay nhỉ, Vi nói. Bây giờ tôi nhớ lại lúc bé đi học, đã được thấy trong một quyển truyện cổ tích nào.

- Tôi cho bác ngày nay giàu có, chắc cũng không bằng Thạch Sùng. Nhưng giàu có mà bác chẳng lo nghĩ làm việc gì có ích cho đời và lưu truyền sự sản cho con cháu hưởng thụ lâu dài; đặng này bác chỉ cắm đầu chúm mũi vào các cuộc đồ bác, xa hoa, kiêu căng, ích kỉ, thì liệu



chừng của cái mấy lúc mà tan ra khói, phui tay không. Lại còn thêm bị những ông bạn tôn hũu chạy theo phỉnh phờ lợi dụng; họ xô đẩy bác lần lần vào bức tường phá sản tán gia mà bác không biết. Tôi e một mai trên vách mỗi nhà sẽ thêm con thạch sùng thứ hai, cũng kêu “tiếc! tiếc!”.

Xuân Sơn chưa nói hết lời, Vi đã sầm mặt lại, như bị mũi kim chích vào ruột gan:

- Tôi xin anh hãy đẩy cái hũ mắm đạo đức nhà nho của anh lại, đem về nhà cho vợ con anh ăn, đây tôi không thể gửi được thứ khảm ấy. Tôi có tiền của phóng túng huy hoắc mặc kệ tôi, không việc gì đến anh và không cần anh can. Thôi, anh xéo đi.

Vi trợn trừng xua đuổi Xuân Sơn. Từ đấy hai người tuyệt giao.

Chiều tối hôm ấy, mấy ông bạn khéo phỉnh, là Phu, Diên, Nghĩa kéo đến nhà, gạ Vi đánh bài cào sát phạt ở nhà mụ Ba C, rồi xuống xóm Thái Hà. Nhân tiện, Vi thuật lại câu chuyện vì sao xua đuổi Xuân Sơn.

Mỗi người mỗi câu pho mát, ba ông bạn khéo phỉnh đội mãi Vi lên mây xanh với những lời nâng đỡ, khéo léo, làm cho chàng thêm nở mũi đắc chí.

- Anh có tiền, ăn tiêu rộng rãi là quyền tự do của anh mà họ muốn cấm là nghĩa lí gì? Diên nói.

- Phải chứ, Phu nói tiếp, ở đời chỉ hơn nhau có sự hào phóng. Anh có biết anh nổi tiếng ở Hà thành, ai cũng phải phục, chỉ vì có đức tính hào phóng đấy. Bây giờ mà bảo ông Vi đóng cửa ngôi nhà, không giao du huy hoắc với đời nữa, thì còn gì là danh thơm tiếng tốt, không biết.

- Hèn gì mà hôm nọ tớ nghe chị em hàng Giấy kháo nhau “trong nước Nam, ngoài nước Đé” xưa nay họ chưa thấy một người nào chơi sang chi rộng cho bằng ông phán Vi, cũng phải! Diên tán thêm vào.

Thế rồi, ba người chạy quanh vòng ngựa mấy vòng, cũng rút lại về mục đích cốt yếu là tán tỉnh vay tiền. Người thì dăm bảy trăm người thì một vài nghìn.

Vi đang sượng như lên mây, mở ví ra đưa tiền. Có khi viết chi phiếu (*chèque*) cho họ ra nhà băng mà lấy.

Vì lúc nào chàng cũng có quyền chi phiếu trong mình. Vào mua hàng ở hiệu Gô-đa; ngồi mấy khách sạn lớn uống rượu khai vị; chi tiền hát cho chị em Thái Hà; giả tiền vỏ ruột và ét săng cho hãng xe hơi; nhất



nhất chàng viết chi phiếu cho ra băng mà lấy. Tiếng đồn ông Vi ăn tiêu sang trọng theo lối Hoa Kỳ.

Những bạn nịnh hót chàng để vay tiền, mà họ có trả lại bao giờ đâu. Chàng mất nghiệp vì tính ưa nịnh. Về sau tính ra số tiền mất mát tung tung vì những khoản bạn bịp vay xỏ, có đến 15 vạn đồng.

Chàng tán tài lệch nghiệp như thế thì được, nhưng mà những cuộc từ thiện muốn đến gõ cửa lạc quyền, hay là những kẻ lâm cảnh khốn cùng muốn kêu gọi tấm lòng nghĩa hiệp thì chớ có hòng.

Có mấy ông từng là đồng liêu cộng sự với chàng ở bên Lào và Hương Cảng, về sau sa sút khó khăn, đã được ném những mùi châu chực cay đắng và nghe những lời hứa hẹn vu vơ của người cố giao trở nên giàu có. Có giới đợi ngoài cửa hay đón ngang đường năm ba phen mà chàng không thể tránh mặt được nữa, cũng chỉ bố thí cho anh em bạn cũ một vài đồng, với nét mặt hết sức lạnh lùng, khó chịu.

Một người còn nhớ năm võ đề Liên Mạc, Hà thành tổ chức các cuộc nghĩa quyên cứu tế, đến gõ cửa nhà triệu phú ở phố Carreau mấy lần mới xin được cho dân nước lụt hai đồng bạc.

Trong những khi ấy, có đêm chàng đánh cờ thua hàng vạn tươi cười như không; các ông bạn bịp cứ phỉnh cho mấy câu đường mật rồi gạ vay năm trăm một nghìn, được thấy xia tiền tức khắc.

“Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi”, mục đích Vi chỉ có thế. Chàng có đại gì mà không biết ở trong trường hợp này miếng giấy nhãn hiệu ngoại giao không thể có hiệu lực, mà cũng không che đậy nổi con mắt tinh ranh của nhân viên thương chính. Nhưng bốn vạn bạc đưa đến tận tay, khi nào chàng lại chịu hắt ra. Dù việc bất thành – mà bất thành đã chắc trước cả trăm phần trăm rồi – số tiền kia cũng là mất của Trần Quýnh Minh, chẳng qua như năm muối quăng xuống biển, chứ có phải mất gì của Lương Tam Quý mà hòng thương hại.

Thế, chàng không lo sợ công việc vỡ lở, sẽ có liên lụy đến mình ư?

Con người khôn ngoan đáo để, có lẽ nào quên được chỗ ấy.

Sau khi đã “tiền trao cháo múc” với tên bộ hạ thân tín của họ Trần rồi, chàng nghĩ ngay đến cách vừa gỡ mình, vừa có lợi. Thủ đoạn ấy mới ghê.



Bình nhật, chàng vẫn quen biết Elior W. một người kì cựu trong đội thanh tra thương khẫu của sở thương chính Anh ở Hương Cảng. Hai người từng mưu tính công kia việc nọ với nhau lắm phen. Ngay buổi chiều hôm ấy, trong khi Lương Tam Quý đi xếp đặt thuyền bè để đêm khuya bốc hàng, Vi có hẹn ước hội ngộ với Elior W. ở đại tửu điểm Victoria.

- Thế nào, mấy lâu nay anh thường đi chơi Thâm Xuyên có phát tài không? Người bạn Anh vốn vãi hỏi. Nghe nói nhiều hôm anh sang tận Áo Môn đánh phán thán được to lắm lắm mà!

- Chúa ơi! Nếu được cờ bạc như lời đồn đến tai anh, thì tôi đã không phải tìm chỗ để cầm cái nhà! Vi đáp.

Cố nhiên chàng đặt điều nói dối bạn, vì lúc này chàng đã giàu to, có hàng trăm vạn gửi bốn năm nhà băng Trung Hoa và Hồng Mao tại Hương Cảng, việc gì mà phải cầm nhà cố đất. Nhưng người bạn thật thà, tưởng chàng nói chân tình:

- Chết nỗi! Anh định cầm nhà thật à?

- Thật thế, tôi đang cần dùng một số tiền mấy vạn để gửi về Hà Nội có việc.

- Thôi đừng cầm nhà làm gì tốn tiền lời lãi. Anh xem có việc gì hay hay, chúng ta kinh doanh với nhau kiếm lấy số tiền cần dùng thì hơn. Tôi sẵn lòng giúp anh, mà lẽ tự nhiên tôi cũng có ích.

- Hiện có việc này kể cũng hay hay, tôi đang muốn hỏi anh. Vi nói và vỗ vai bạn, ra vẻ thân mật.

- Việc gì đấy? Người Anh hỏi nhỏ.

- Ví dụ có người báo tin mách mồi để bắt một đám súng đạn mà bọn thủy thủ Trung Hoa chở lậu từ Âu châu về hải cảng này, thì...

- Thì được lĩnh tiền thưởng chứ sao!

- Độ bao nhiêu, anh? Liệu chừng thử khoản có được kha khá hay không?

- Cái ấy tùy theo số hàng nhiều ít. Nhưng đám anh nói đó đáng giá chừng bao nhiêu.

- Đám này đáng giá đến hai ba chục vạn là ít lắm. Có mười thùng to tướng.



- Nếu thế thì tiền thưởng có lẽ được tới một vạn hay vạn rưỡi cũng nên.

Vi nhắc ghế ngồi sát bên cạnh Elior W. và nói se se:

- Một chuyến tàu ở Âu châu sang, ngày mai hay ngày kia tới bên chúng ta, có bọn thủy thủ Trung Hoa chở lậu 10 hòm to, đựng rất những súng lục và súng liên thanh kiểu nhỏ. Nửa đêm, chúng mới cho đổ bộ, mà trên mỗi hòm chúng dán giấy nhãn hiệu ngoại giao giả mạo. Tôi báo tin bí mật ấy cho anh biết. Tiền chúng ta chia nhau. Nhưng anh nhớ giữ kín, chớ có lộ chuyện cho ai biết người báo tin ấy là tôi, cứ đề tên là X. hay Y. gì đó cũng được.

Thế là chàng Vi nhà ta xơi ngon cả hai mang. Chỉ thiệt thòi cho họ Trần mất tiền toi, đau xót cho bọn thủy thủ Trung Hoa mất không hàng hóa vốn liếng và khổ não cho Lương Tam Quý vừa nộp tiền cho người ta ăn, vừa đưa mình vào tròng.

Bởi vậy, đêm hôm họ Lương bốc hàng lên, nhân viên nhà đoan bố trí công việc bắt bớ rất dễ dàng, không phải khó nhọc gì cả. Đồng thời lại được phép xuống tàu bắt mấy tên đầu đảng buôn lậu và tịch thu được cả số tiền mấy chục vạn do việc mua bán này mà có.

Ở Hương Cảng, một cửa bể trọng yếu, hằng ngày có cả chục chiếc tàu ngoại quốc tới lui, người ta bắt được hàng lậu như cơm bữa, nhưng vụ hàng lậu mới đây có thể quan hệ rắc rối hơn vì những miếng giấy nhãn hiệu ngoại giao như chúng ta đã biết. Nhà đương cuộc Hương Cảng tất phải điều tra đến nơi cho rõ sự thật.

Lí gian nhưng mà tình ngay, Lương Tam Quý khai rõ đầu đuôi làm sao và tổn kém thế nào mà y đã có những lá bùa, nay y mới biết là giả dối.

Khỏi nói, cả Vi cùng người bạn đứng làm môi giới đều bị đòi hỏi. Làm như gái đĩ già mồm, cả hai cùng cực lực chối cãi cho khỏi trách nhiệm phiên lụy đến mình; một hai đồ riết cho chú chệt kia đã tự in những miếng giấy giả mạo và lạm dụng ra làm sao, họ không hề biết. Có ai ngu dại, bỗng chốc bỏ ra bạc vạn mua những miếng giấy ấy bao giờ? Đó là một lẽ cứng nhất của Vi dùng để gỡ mình. Nhất là chàng làm việc lâu năm, có địa vị trọng yếu, lại thông thuộc những lề luật quốc tế ngoại giao có khi nào làm một việc vô nghĩa như thế.



Mặc dầu Lương Tam Quý không có một chút tờ chữ gì để làm chứng cứ cho việc mình đã cung chiếu tổ giác, nhưng nhà đương cuộc ngầm hiểu những lời y khai là thật tình, có lí. Sinh bình Lương không quen biết hay có thù hiềm gì với Vi, không lẽ tự nhiên vô cớ y lại vu cáo chàng một việc quan hệ tày trời mà y thừa biết nguy hiểm cho mình nếu không thật.

Tuy vậy, người ta sợ bút cây động rừng, không muốn thẳng tay làm cho chuyện này đổ bể lung tung, e có ảnh hưởng không tốt về phương diện quốc tế.

Một mặt khác, Trần Quýnh Minh cũng khéo tìm cách thu xếp kín đáo, không muốn để việc này nổi bùng ra to tiếng, sợ cái âm mưu phản bạn họ Tôn sẽ vì đó mà bị nghi ngờ bại lộ thì hỏng bét. Nếu để vỡ chuyện ra Lương Tam Quý là bộ hạ thân tín của Trần, mà Trần sai đi bí mật mua sắm khí giới, thì chẳng những công việc Trần dự mưu sẽ khó khăn thành tựu, cho tới địa vị và tính mạng cũng nguy, không chừng. Thành ra Trần phải quăng thêm ra một túi bạc chôn lấp chuyện này đi.

Nhà đương cuộc Hương Cảng đã bắt lấy được một số khí giới và tịch thu được một số tiền mấy chục vạn bạc của bọn buôn lậu, thế cũng là đủ rồi, bắt tất phải đi xa hơn nữa.

Để cái sảy nảy ra cái ung, ai cũng không muốn thế.

Nhờ có những chỗ khéo xếp vuông tròn, như thế. Vi mới thoát khỏi giam cầm truy tố lôi thôi; cả Lương Tam Quý cũng được khôi phục tự do sau mấy ngày ở vòng luy tiết. Duy có ba tên bị nhận là đầu đảng buôn lậu, mỗi chú bị kết án hai tháng tù và phạt một trăm đồng kim bảng (livre sterling, tiền Anh), thế là xong chuyện.

Tức mình đã mất của lại khổ thân, Lương Tam Quý ở khám ra, liền tìm đến Vi để đòi lại số tiền bốn vạn bạc, nhưng miếng thịt bò đã tọng vào trong hàm cọp, có thánh cũng chẳng moi ra được nữa, Lương thuê mấy tên du côn và chủ nhà thổ, định đón đường nhục mạ ầu đả Vi cho hả giận mà cũng không được như ý. Vì có A Khẩu, tên đồ đệ khôn ngoan trung tín, khéo dàn xếp hộ chàng, vả lại chàng cũng khéo trốn tránh, không để cho bọn kia gặp mặt.



Lương muốn đâm đầu xuống Châu Giang khi biết chuyện rằng chính Vi mật báo làm cho mình hỏng việc khổ thân. Nếu không có lệnh Trần Quýnh Minh sai đi Thượng Hải có việc gấp, chắc hẳn Lương sai thích khách rình mà để ném vào lòng ngực chàng một hai viên kẹo đạn mới nghe.

Luôn hai ba tháng, chàng mất cử động tự do, vì phải phòng thân tránh mặt họ Lương và lũ tay sai của nó.

Nhưng có một điều mà chàng không sao tránh thoát, là thời vận uy danh con người ta đến lúc cáo cùng, như con chim bay bổng trên mây, hai cánh mỏi rời, tự nhiên phải sa xuống đất, không gượng được nữa.

\*

Một hôm, sau vụ Lương Tam Quý phát ra hơn ba tháng, ông chủ của Vi, gọi chàng vào phòng giấy, nét mặt nghiêm trang, lãnh đạm, không phải niềm nở như mọi khi.

- Tôi có một chuyện hệ trọng nói với thầy...

Ông chủ chưa nói hết câu, Vi đã nhanh nhẹn đỡ lời, ý hẵn chàng nghĩ được ủy thác một việc gì quan hệ quốc gia đại sự:

- Vâng, xin ngài cứ sẵn lòng tín nhiệm.

- Không, lần này không nói chuyện tín nhiệm với nhau được. Tôi lấy làm tiếc cho thầy biết rằng thầy bị cách chức kể từ giờ phút này.

- Thưa ngài, tôi có làm lỗi gì? Vi hỏi một cách sừng sốt.

- Làm lỗi của thầy à? Kể cả vụ Lương Tam Quý, có lẽ biên chép được một quyển sách dày. Thử xem bề cao của tập hồ sơ này thì biết.

Ông nói và chỉ vào tập giấy đánh máy để trên bàn, dày ngót một trăm trang. Bản án chàng đấy. Rồi ông đưa cho chàng một tờ giấy xanh và nói tiếp:

- Giấy tàu cho thầy và gia quyến về Hải Phòng đây. Hẹn cho 48 giờ phải đi khỏi Hương Cảng ngay. Thôi, đi về sắp đặt hành trang, để ngày kia xuống tàu.

Thế là chàng bị mất chức và gần như bị khu trục về xứ.



Vì, ngoài việc Lương Tam Quý chỉ là một phần trăm, chàng còn lộng quyền ý thể làm cả trăm việc không thể nào dung thứ được nữa.

## **XVII. MUỐN NUỐT CHỨNG 15 VẠN BẠC NHƯNG KHÔNG TRÔI**

Những người theo đuổi câu chuyện này tất không quên hồi trước Vi còn bảnh giai tuổi trẻ, làm việc ở Hà Nội, đã vớ được một cô me tây có ít nhiều tư trang dần vốn.

Nàng chung tình với người yêu đến nỗi tuôn dần bạc tiền hoa hột cho chàng tung vãi trên chiếu xóc đĩa phán thán hết sạch, chỉ được lại là hai mặt con: một trai, một gái.

Rồi chàng đi Hương Cảng.

Nàng ở nhà chờ đợi mấy năm, có ý mong mãi Hiệp phố châu về không được, chắc hẳn vì lẽ sinh tồn mà cũng vì cả “sinh lí” bắt buộc, đành giao hai đứa con cho một bà thân thích bên chàng nuôi hộ, đi kết duyên với một người khác, cũng làm thư kí.

Bước qua cầu này, nàng có thêm một đứa con, trai hay gái không được rõ.

Từ lúc chàng trở về ở Hà Nội, giàu có lấy lừng, nàng có tìm đến, ôn lại nghĩa cũ tình xưa và muốn chấp nối tơ duyên đã đứt. Cố nhiên chàng có cơ chối từ, mà ai không thể trách được là bạc tình lang. Một là vì nước lũ đã đổ xuống đất, khó nổi mức lên; hai là vì chủ trương bây giờ đã có một chị Hằng khác ở trong, chẳng khi nào chịu cho người ta mót lúa đồng mình, dù là người chủ ruộng cũ cũng mặc. Tuy vậy, Vi có tặng nàng một số tiền đầu độ vài ba nghìn đồng, có lẽ để trả công lao sinh sản hai đứa con, hoặc là đền bồi lại dần vốn me tây mà chàng đã bòn khoét thưở trước. Rồi thì hai bên đoạn tuyệt quan hệ.

Hai đứa con ấy, chàng đem về ở cùng nhà với lũ con mụ vợ Tàu, nuôi nấng ăn học.

Mấy năm sau, cậu con trai thi đỗ tú tài, Vi cho sang Tây học. Đồng thời kén chồng cho cô con gái. Nhân thấy người bạn chí thiết là Ngô Gia Sơn có thằng con, Ngô Bì Diện, lỗi lạc thông minh, Vi bèn đính ước gả



con, rồi gánh chịu tất cả học phí cho Bì Diện du học Ba Lê, cốt gây dựng cho con gái mình cái địa vị bà nghè bà cử mai sau. Một người giàu có và lại thạo đời như chàng, muốn đào tạo tương lai cho con cái học tới bậc gì và chiếm lấy địa vị gì trong xã hội mà chả được. Hẳn lúc ấy chàng không ngờ thiên ý sẽ đi ngược cả sở tâm mình, mà rồi hai người con ấy về sau trở nên một ông sư, một cô vãi!

\*

Được ít lâu, người vợ Tàu thụ bệnh qua đời, để lại cho chàng năm sáu đứa con, vừa trai vừa gái. Bây giờ càng được tự do, không ai kiểm chế, chàng càng chơi già.

Bánh xe ngày tháng quay tít trên đường thời gian, hết sáng tới đêm, đông qua xuân lại, *con người bán trời* của chúng ta cũng chỉ có một việc là phá sản chơi ngông. Cờ bạc ngông, ăn tiêu ngông, hát xướng ngông, khoe sang trưng bảnh với đời rất ngông, đối với những bạn khéo phỉnh phù xu nịnh cũng ngông. Ấy, chỉ ngông những cách tán tài ích kỉ thế thôi, ngoài ra không hề giúp ai vì nghĩa, cũng không biết kinh doanh thì tho việc gì hữu ích.

Tiền bạc trong tủ dắt tay nhau ra đi tứ tán mỗi ngày một nhiều, mà trở về rất ít. Không có hoa lợi thu nhập gì khác hơn là mấy dây phở cho thuê ở Hà Nội và Hải Phòng, mà số tiền ấy cả tháng trường khi chẳng đủ quăng trên chiếu bạc một đêm.

- Các bác không biết đấy thôi! Có người nói. Hẳn vẫn có những phương pháp bí mật kiếm tiền rất tài.

- Phương pháp gì? Người khác hỏi. Chạy việc chẳng?

- Có lẽ.

- Cho vay thả lãi chẳng?

- Cũng có lẽ. Nhưng phần nhiều chỉ cho những bạn khéo nịnh vay mượn, mà họ không trả lại mấy khi. Vì hẳn ưa nịnh lắm.

- Được cờ bạc chẳng?

- Cũng có khi. Nhưng chắc được thì ít mà thua thì nhiều. Người ta nói có đêm hẳn bị bịp, thua tới bốn năm vạn.



- Nếu thế thì có núi của Tản Viên cũng phải lần lần sa sập. Của đau con xót, ai thấy hồ bao mình nay với mai đẹp đi mãi không phải nóng mặt đau lòng, tìm cách bù đắp. Chúng có là lúc này thấy hấn lo việc buôn bán.

Quả thật, hồi này Vi xuống Hải Phòng buôn bán ở Hôtel de Commerce. Buôn bán nhưng vẫn ăn chơi cờ bạc ngông nghênh như thường: cái cố tật thuốc tiên cũng chẳng chữa được!

Chàng ở bên Tàu lâu năm, nói tiếng Quan Thoại và Quảng Đông liền thoảng – lại được trời cho cái lưỡi mềm mại, vẫn nói có duyên lẽ tự nhiên giao thiệp với đám khách thương nhiều và rộng. Họ kháo nhau về thanh thế chàng và những thủ đoạn ghê gớm ở Hương Cảng hồi nào.

Mặc dầu nhân sự biến thiên, họ tưởng chắc Vi xénh xáng (tiên sinh) hồi này cũng vẫn oanh liệt như Vi xénh xáng ở Hương đảo hồi nọ, gõ cửa nào cũng mở, bày kế gì cũng đắt, làm việc gì cũng xong.

Họ sẽ mất không năm sáu vạn bạc chỉ vì một chút tin tưởng lạ đời ấy.

Có một bọn chuyên buôn hàng lậu – về sau bị nhà chuyên trách ta trục xuất cảnh ngoại vì thế - chắc có liên lạc với cánh Ngô Linh Tu ở Hương Cảng mà độc giả đã biết là ai. Chúng tìm đến Vi giao du thân mật, rồi một ngày kia thổ lộ tâm sự, muốn nhờ chàng vận động một việc có thể phát tài to cho cả đôi bên.

Cuộc hội đàm hẹn hò ở một hiệu cao lâm to nhất phố Khách, có bốn năm ả ca kỹ khách, chuốc chén và đàn ca.

Chương Lầy Cắm, vai ăn nói trong bọn, nhập đề với câu chuyện tán dương rất hợp thời:

- Ông Vi ạ! Cụ Ngô Linh Tu ở Hương Cảng đi Nam Dương quần đảo có việc, hôm nọ có ghé qua đây hai hôm, muốn tìm thăm ông, nhưng mấy hôm ấy ông lại đi Hà Nội vắng. Vội vàng quá, cụ không đi Hà Nội được, rất lấy làm tiếc. Tất ông còn nhớ cụ ấy chứ?

- Phải, khi nào tôi quên, Vi đáp.

- Cụ nói chuyện với chúng tôi, không ngớt lời khen ngợi ông là người tài trí, anh hùng, hào hiệp, ở đời ít có...



- Thế à?

Chàng nói hai tiếng này với bao nhiêu vẻ dương dương tự đắc in nổi hẳn trên nụ cười và gương mặt. Tính chàng, được nghe ai nịnh một câu, không còn gì sung sướng hơn.

- Cụ lại kể cả việc năm nọ, Chương Lầy Cắm nói tiếp, nhờ ông mà 20 tấn thuốc phiện được chở bằng xe hỏa từ Vân Nam về Hải Phòng để đáp tàu thủy. Nhân tiện, cụ đình ninh dặn chúng tôi khi có việc cần dùng, cứ nhờ cậy nơi ông là xong tất.

- Được, các ông có việc gì cần dùng vận động, cứ bảo tôi.

- Nếu thế thì may quá, hiện thời chúng tôi đang có một việc muốn phiền ông. Cũng là việc “thử khoản” đấy thôi. Số thuốc mua được, trữ ở Mông Tự cả tháng nay, chưa có cách gì vận tải. Làm sao ông thu xếp hộ cho được phép chở bằng xe hỏa xuống đây, cố nhiên thuế má nhà nước và tiền công cuộc về phần chúng tôi chịu tất, còn như...

- Số thuốc ấy nhiều hay ít? Vi hỏi.

- Có lẽ 15 hay 16 tấn. Độ bao nhiêu thì ông giúp cho?

- Cứ tính mỗi tấn một vạn, mà phải chồng trước.

- Hồi xưa ở Hương Cảng ông chỉ lấy trước một phần, đến khi có giấy tờ hẳn hoi thì mới lấy nốt kia mà?

- Nhưng hồi ấy khác, bây giờ khác. Tùy ý các ông.

- Vâng, thì chúng tôi xin theo ý điều kiện ông định, chỉ xin ông tận tâm giúp cho thành sự.

Sau ba ngày, bọn Chương Lầy Cắm, đem lại 16 vạn bạc trao tay cho chàng, đổi lấy biên lai cẩn thận. Chàng kiểm đủ số tiền rồi nói:

- Các công cứ về đánh chén và nằm ngủ kĩ, tôi hẹn trong vòng một tháng sẽ có tin mừng chắc chắn.

Sự thật, chàng nhận bướng hẹn liệu để chắc lấy món tiền, chứ không còn có thể lực tài năng gì khả dĩ mưu thành công việc bọn kia cậy mượn. Cái thời kì thanh thế ở Hương Cảng đã đi qua lâu rồi, nay không còn nữa. Nhưng một số tiền to tát như thế đã đưa vào tay thì cứ nắm lấy, về sau ra sao thì ra. Hẳn ai cũng nhớ vụ Lương Tam Quý là vụ gì. Vụ



này một mai vỡ lỡ không xong, chàng sẽ nhận ngay có lấy 15 vạn của bọn kia đưa cho, nào có chối cãi, - và lại chối cãi sao được vì có biên lai – nhưng bảo đây là vay mượn họ để buôn bán; mà đã là vay mượn thì “cháo húp quanh, công nợ giả dân”, chẳng làm gì nhau. Rồi thì lâu ngày lần khân xí xóa cũng nên. Chàng nghĩ như thế, cho nên cứ lấy số tiền của người ta, mặc dầu tự biết lực lượng mình lúc này không thể chắc có kết quả. Thôi thì đến đâu hay đó, ứng biến tùy cơ.

\*

Một tháng rưỡi sau.

Bọn Chương Lầy Cẩm mong tin kết quả như đại hạn mong mưa, nhưng vẫn thấy mặt trời nắng chói. Họ bỏ đi tìm kẻ bán trời, tìm đôi ba ngày mới thấy ở một sông bạc.

- Thế nào, ông Vi? Việc “thủ khoán” hẹn trong một tháng mà đến nay già ngày quá hẹn lâu rồi chẳng thấy gì cả. Chúng tôi sốt ruột lắm vì hàng hóa chất đông bên kia, vốn liếng bí tắc cả lại!

- Cứ yên tâm! Chàng đáp. Tôi nói đâu đó xong cả rồi chỉ còn đợi giấy tờ. Thế nào từ nay đến cuối tháng cũng có.

Hôm ấy mới là đầu tháng, mồng bốn hay mồng năm.

- Ông nói chắc đấy chứ?

- Sao lại không! Chàng nói thế rồi quay lại miệt mài vào đám bạc đang sát phạt to.

Kế một tháng sau.

Rồi một tháng sau nữa cũng vẫn biệt vô âm tín.

Bọn Lầy Cẩm hoảng hồn, đi tìm đi thúc chàng, gần như mấy bác thợ săn sơ đẳng đi tìm cọp trong rừng, vừa muốn lòng cọp để bắn lấy da vừa hồi hộp lo sợ nó vồ, nó cắn.

Trải tam tứ thứ hẹn ước tàu bay, chàng bị họ thúc quá, nghĩ cũng ngượng và lo. Nhất là họ đưa tới hậu thư:

- Nếu việc không xong thì ông trả lại số tiền cho chúng tôi vậy.

- Xong mà! Chàng đáp. Tôi vừa gọi điện thoại hỏi tin ban sáng nay. Đúng một tuần lễ nữa, các ông lại đây tôi đưa giấy tờ cho.

Kì thật, công việc vận động đã vô vọng, mà giả lại 15 vạn thì tiếc.



Muốn tìm cách gỡ nước cờ bí, chàng mật mưu với Ngô Gia Sơn, người bạn đính ước dâu gia, làm giấy tờ giả mạo đưa cho bọn Lầy Cắm, bảo họ được phép rồi đây, nhưng phải đợi hai mươi ngày nữa công ti Vân Nam mới có toa cho chở.

Lại một kẻ hoãn binh, mà là một kẻ hoãn binh, mà là một kẻ rất nguy hiểm.

Ngây ngô thật thà, Lầy Cắm thấy giấy tờ có dấu đóng chữ phê đường hoàng, yên trí là thật, trong bụng hờn hờ đợi ngày.

Trong thời gian ấy, Vi bỗng ốm nặng, vào nằm điều trị ở nhà thương Saint Paul Hà Nội. Mấy hôm đầu, người ta tưởng chàng nguy đến tính mệnh; nhờ được các vị danh y tận tâm cứu chữa, bảy ngày sau có cơ thuyên giảm và hết sự lo ngại.

Cũng trong lúc ấy, Lầy Cắm phát giác cái gian mưu tày trời của Vi đã phỉnh phờ lừa dối mình. Nó lú nhưng chú nó khôn. Vỡ nhẽ ra thanh thế chàng là giả, những việc hứa hẹn nay lần mai nữa là giả, cho đến những giấy tờ có dấu đóng chữ phê cũng là giả tuốt.

Lầy Cắm tức tốc bỏ lên Hà Nội, vào tại nhà thương Saint Paul tìm Vi trách mắng thậm tệ và đòi lại số tiền.

- *Nị* thật liều lĩnh, bán trời không có văn tự! Tí nữa ở tù cả nút. Bây giờ đưa giả lại số tiền cho *ngộ* đây, không nói một hai gì nữa.

- Thì để hôm nào tôi khỏi bệnh về nhà, sẽ thu xếp dần... Chàng nói.

- Không được! Phải giả lại ngay, không thì *ngộ* ở đây ra, đi thẳng lại phòng quan Biện lí, cho *nị* vào nằm nhà pha. Hừ! Dám giả mạo những giấy tờ quan hệ như thế để gạt lừa người ta, *nị* muốn ra Côn Đảo à?

Sợ việc sẽ vỡ lở tới nước ấy thật thì khôn, chàng tuy chưa thật khỏe mạnh, cũng phải xin ra về nhà, thu xếp số tiền, van lạy tụi khách và trả lại cho họ tám, chín vạn gì đó, còn thì xin khát.

## **XVIII. TÔI CỐ CHỐNG MẮT LÊN ĐỂ XEM ANH NGHÈO KHỔ**

Giá như lúc Vi ngọa bệnh trong nhà thương Saint Paul mà chết quách đi lại hóa hay. Sản nghiệp chàng tuy đã hao mòn khuyết hãm



nhiều rồi, nhưng còn ít nhiều cửa nhà ở đây và ở Hương Cảng để lại cho lũ con, tất cả đáng giá đến ba chục vạn bạc.

Có người vào thăm, đem cái thiết tưởng ấy ra nói đùa, bị chàng quắc mắt cự lại đả đốn:

- Đồ chó má! Người ta đau ốm, tưởng vào thăm nom để chúc vọng cho nhau tai qua nạn khỏi, mau lành chóng mạnh. Lại gở mồm cầu ước người ta chết đi thì hơn, thế là nghĩa lí gì?

Nếu người khác, tất đã lảng lạng bỏ đi, cho là kẻ ngọa bệnh thường hay trái tính, không nên phạt ý chọc giận nhau làm gì. Nhưng người bạn này vốn chỗ thân thiết, bình nhật quen nói sỗ sàng với nhau, vả lại thấy chàng cũng gần bình phục rồi, cho nên cứ thái nhiên ngồi lại, biện bạch thị phi. Trong ý bạn định chắt một vài câu ngang tai trái ý chàng, cũng không đến nỗi làm chàng uất máu hay nguy hiểm tính mạng gì mà lo.

- Không phải tôi muốn rửa bác mau chết đâu! Ông Thái An (tên người bạn) nói. Bác sống như cụ Bành Tổ hay chết ngay giờ phút này, cũng chẳng quan hệ lợi hại gì đến tôi, nhưng mà quan hệ lợi hại cho con cái, gia quyến bác, nên tôi muốn nói thí dụ mà nghe, thế thôi. Cứ nói thật tình, giá như lúc này bác có chết đi cũng phải...

- Tại sao thế? Vì ngồi chồm dậy, hỏi gắt.

- Tại sao? Tại tôi nghĩ đời bác được ông trời nhỏ phúc cho sống đến nay kể cũng là đủ sung sướng và đủ tai hại lắm rồi, dù có chết, tưởng cũng không còn tiếc rẻ ân hận gì nữa. Sung sướng, vì bác chẳng qua cũng là một thằng dân đen mặt trắng như ai, chỉ nhờ có chút tài khôn ngoan, có thời vận đỏ mà làm nên danh phận, cửa cao nhà rộng, kiếm chác bao nhiêu tiền của thiên hạ, để cung vào sự huy hoắc một thân; bác thử nghĩ xem trong vòng mấy năm nay đã ăn chơi phao phí hàng mấy chục vạn, đời sống như bác thật không còn chỗ nào phải thêm nhạ. Tai hại, vì tôi tin chắc cơ nghiệp nhà bác còn ít nhiều gì, nếu bác sống thêm ngày nào, tất chỉ phá tan dần mòn ngày ấy, chẳng thà bác chết mà con cái được nhờ.

Chàng vốn người hiếu thắng, ưa nghe những bạn phỉnh phờ nịnh hót đã quen, không chịu tiêu thụ những lời trung thực:

- Con cái tôi, tôi nuôi cho học hành đến nơi đến chốn, thế nào



chúng nó cũng tự lập được thân. Vả lại, nay mai tôi bình phục, ra khỏi chỗ này, rồi anh xem tôi kinh doanh hoạt động để kéo lại những số tiền hao hụt đi mất bấy lâu, và mỗi đứa con tôi sau này sẽ được hưởng thụ một cái di nghiệp mười lăm vạn trở lên là ít.

- Đã chắc hay chưa? Bạn hỏi lại. Nếu quả bác có chí tu tỉnh đứng đắn, thì trong chỗ thân giao, tôi sẽ là người vui mừng trước hết. Nhưng bác sẽ kinh doanh hoạt động thế nào kia, chứ kinh doanh hoạt động như chuyện giao thiệp với bọn khách buôn lậu ở Hải Cảng, thì e mất nghiệp và ở tù cũng có, mong gì khôi phục!

Chàng nghe câu nói của bạn, tự nhiên biến sắc, có vẻ lo nghĩ khiếp sợ, vì câu chuyện đã kể trong đoạn trước lúc này đã bắt đầu vỡ lở nguy hiểm rồi. Có điều chàng đã van lơn thu xếp với họ.

- Việc ấy, tôi sẽ điều đình, trả lại nguyên khoản cho người ta, hoàn toàn vô sự. Chàng trả lời với giọng nói không giấu được sự lo ngại đang chất chứa trong lòng.

Các ngài đã biết về sau chàng chỉ trả lại đâu tám chín vạn, còn thì xin khất, bọn khách phải chịu.

Ông Thái An nói tiếp:

- Tất nhiên phải thế, không thì bác có yên thân với người ta làm sao được. Tôi chỉ sợ với cái tật liều mạng của bác, rồi đây lại có những việc đại khái như thế sẽ diễn ra lần thứ nhì, thứ ba nữa mỗi khi bác có việc cần tiền, động lòng tham tiền. Nếu bác biết kinh doanh hoạt động một cách đứng đắn, để giữ lấy cơ nghiệp còn lại cũng đã là may, khoan nói gì khôi phục những số đã mất vì nông cuồng đồ bác, mắc đại bạn bè. Chỉ sợ, còn được bao nhiêu, nay mai lại đem tung vãi trong các cuộc thức đêm với chiếu bạc, với hoa nguyệt, với lũ bạn bè phỉnh phờ đồ ngọt mà hết thôi. Chỗ anh em thân tình, tôi nói câu chuyện này là nói thật, bác đừng phiền nhớ...

- Được, anh cứ việc nói.

- Phải như tôi ở địa vị bác, thì lớp này chẳng những tu tỉnh, xa lánh tất cả cờ bạc, nguyệt hoa, cùng những bạn bè bợm hót phá hại, để kinh doanh buôn bán, cứu vớt lại sự nghiệp đã hầu nghiêng đổ; tôi lại làm hai việc gì phúc đức cho xã hội, để chuộc lại những sự lầm lỗi ngày trước.



Vì bác phải nên thật thà nhìn nhận mình thuở xưa có làm một đôi điều tổn hại âm đức. Với học thức tư tưởng mới, bác suy nghĩ thế nào tôi không được rõ, nhưng phần tôi thì tôi tin các cụ ta lo việc âm đức là việc quả có. Mình lo bồi bổ âm đức để lại cho con cháu, quý hóa chẳng mấy của cải. Mà có âm đức thì của cải mới giữ được bền, con cháu về sau mới được hưởng lộc, mở mày mở mặt. Không vậy thì e mình chẳng được sung sướng mãn đời, mà rồi con cháu phải vất vả khổ sở vì lẽ nghiệp chướng tiền oan cha mẹ để lại, tội thân chúng nó.

Ông Thái An chưa nói hết lời, Vi nổi xung lên, trông trước trông sau không vớ được vật gì nặng, hai tay cầm lấy chiếc gối bông quăng vào mặt bạn và nói:

- Thôi xéo ngay đi. Đừng dở lí luận nước ốc, làm bẩn tai người ta. Cứ chống hai mắt lên mà xem nhau rồi biết!

Chàng không muốn nghe lí luận nước ốc, vì nó động chạm tới sở vi sở hành của mình hồi đó. Lần này là lần thứ hai, chúng ta được thấy người bạn thực thà can ngăn, bày tỏ phải trái, bị chàng giận dữ xua đuổi. Lỗi tai chỉ quen nghe hót, không chịu nổi những lời quân tử trách thiện.

Bị chiếc gối ném vào mặt và bị xua đuổi, mà Thái An không buồn không giận tí nào, trái lại, vẫn tươi cười vui vẻ:

- Thật tức quá, người gì nói phải không biết nghe. Vâng, tôi xin chống hai mắt lên để xem ông. Nếu số trời bắt tôi chết sớm, tôi cũng can cò lay lục ông Nam Tào chấm sổ cho tôi sống thêm dăm bảy năm nữa, cho được trông thấy ông một xu không còn, suy vì cực khổ đáo đẽ, bấy giờ cầu chết mà Tử thần cũng chẳng thềm rước đi cho. Đến lúc ấy họa chẳng ông mới thực nhớ lại: A! Thằng Thái An nói thế mà phải. Thôi chúng ta tuyệt giao với nhau từ đây, bao giờ ông mang nghèo mắc nạn, cần gọi đến bạn hữu, sẽ nghe tôi ứng thanh chạy lại: Thừa ông có tôi!

Sau lúc ở nhà thương Saint Paul về, thu xếp xong việc với bọn khách buôn bán, trung thầu, để duy trì lấy sản nghiệp đã tiêu mòn lung lay hết nhiều, nhưng chàng nhúng tay vào công việc gì cũng chỉ thấy thua lỗ, thất bại. Dù làm một mình hay chung với bạn cũng thế. Buôn bán một mình thì lỗ vốn bởi sự xa xỉ, vụng về, không có kinh nghiệm, không biết tính toán. Hùn hiệp với bạn, phần nhiều bị lường, bị gạt; con người xưa nay chỉ ăn thiên hạ giờ lại bị thiên hạ ăn lại.



Đứng ra lĩnh trưng mua gạo nếp cho một hãng rượu lớn, mọi khi người ta làm vẫn lãi bạc muôn, đến lượt chàng làm chưa đầy một năm đã thấy lỗ mấy vạn bạc, vì lẽ phải mua đắt bán rẻ.

Chung vào với Khang Ký, kẻ bỏ tiền, người xuất lực, được thầu việc đào một con sông ở miền Hải Dương, tính phỏng thấy lãi dăm vạn là ít nhưng rốt cuộc lại cũng lỗ vốn. Còn bị quá hạn hiệp đồng mà phải đền tiền túi ra nữa là khác.

Nhất nhất công việc kinh doanh lớn nhỏ gì cũng thua lỗ, chẳng nhiều thì ít.

Đất có tuần, nhân có vận, chàng đã tới lúc vận suy rồi chăng?

Nghĩ ông tạo hóa thật khôn ngoan thâm hiểm vô cùng. Một khi tiền của vào tay một người nào bởi những đường lối ngoắt ngoéo, tất ông phải lấy đi cho được mới nghe, hoặc cách này cách khác. Ông xếp đặt ra lăm tình cảnh éo le, dùng những phương pháp chua chát để rút lấy số tiền trong tay người ấy, rồi bắt họ phải trải thân nghèo đói một độ cho bỏ ghét. *“Của trời, trời lại lấy đi, giương hai mắt ếch làm chi được trời”*, câu ca dao ấy mà đúng sự thực.

Với con cừu già của chúng ta, trời lấy tiền của lại bằng những tình cảnh phương pháp, là tính khí nông cuồng hiếu thắng máu ham mê cờ bạc, là nhục dục vô nhai, là buôn thua bán lỗ, là bạn bè phỉnh gạt làm hại. Bao nhiêu mưu toan độc chiêu đích vào mình.

Tiền bạc mỗi ngày đội nón sừng sững ra đi, phần này tới những chỗ xa hoa phóng túng phần kia đi đến sông bài chiếu bạc và chui vào trong túi những kẻ lợi dụng, khéo đánh trúng chỗ yếu của anh chàng, hoặc vay mượn xỏ xiên không bao giờ trả. Thứ tiền bạc đi như thế là đi mất tăm mất tích, như hòn đá ném xuống giếng sâu. Tiền đi thì có, tiền về thì không, sản nghiệp của chàng cho có trăm vạn rồi cũng khô kiệt.

Thì đây, lúc này kẻ cả động sản với bất động sản của chàng chỉ còn đáng chừng ba chục vạn hay hơn một hai con số nhỏ nữa là cùng. Từ lúc nghênh ngang về xứ ra phết triệu phú ông đến giờ, của cải đã mòn hết hai phần ba rồi.

Nhưng đến cái đức cờ bạc say mê, ăn chơi phá tán, thì càng ngày càng to.



Hà Nội có canh bạc nào lớn cũng thấy có mặt chàng. Khi được bạc nghìn không mấy, khi thua hàng vạn là thường. Người ta nói có chén xóc đĩa, dù biết thua mười mươi, nhưng được tán tụng một câu chàng cũng mở bát để lấy tiếng chơi sang. Bọn cờ bạc láu lỉnh, vợ được chỗ yếu như thế, khéo đưa đẩy xung tụng, cho anh chàng lên mây xanh, để họ móc hồ bao chàng cho dễ.

Thế rồi tiền bạc gửi nhà băng có bao nhiêu, lấy dần ra hết. Nhiều lúc cần tiền đánh bạc, đem văn tự địa đồ nhà phố đi cầm. Cầm rồi lại chuộc, chuộc xong lại cầm, làm tội những tấm giấy có giá trị mà vô tri giác ấy phải chuyên đi chuyên về luôn luôn.

Có lần, chàng viết chi phiếu ngân hàng (*chèque*) hơn một nghìn bạc, để trả khoản nợ giật lửa cho một người ra băng mà lĩnh, mặc dầu số tiền chàng gửi băng đã rút lấy hết từ bao giờ. Giữa người cầm chi phiếu ấy với viên phát tiền ở nhà băng có cuộc khẩu thiệt vô ích trong mấy phút đồng hồ:

- Chi phiếu này là tờ giấy lộn.
- Vì sao?
- Vì không có tiền gửi thì lấy gì mà lĩnh.
- Thế sao người ta viết đưa cho tôi?
- Có lẽ người ấy điên hay là muốn vào nhà pha nghỉ mát đấy.

Cũng may ở nhà băng người ta thương tình không muốn sinh sự làm gì; nếu truy cứu thì chàng có tội với pháp luật, vì sự viết chi phiếu mà không có tiền gửi băng là một sự phạm tội, có thể mặc áo Hỏa lò, xơi cơm cá mắm.

## **XIX. VỢ CẢ ĐẠI KIỀU TIỂU KIỀU DƯỚI XÓM VẠN THÁI**

Nhiều ngài đọc qua thơ Đường, tất không quên bài “*Tiết phụ ngâm*” của Trương Tích, văn hay mà tình tứ cảm động, đáng kính:

君知妾有夫  
贈妾雙明珠



感君纏棉意  
繫在紅蘿襦  
妾家高樓連宛起  
良人執戟明光裏  
知君用心如日月  
事夫誓擬同生死  
還君明珠雙淚垂  
恨不相逢未嫁時

“Quân tri thiếp hữu phu  
Tặng thiếp song minh châu  
Cảm quân triền miên ý  
Hộ tại hồng la nhu  
Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi  
Lương nhân chấp kích Minh quang lý  
Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt  
Sự phu thệ nghĩ đồng sinh tử  
Hoàn quân minh châu song lệ thủy  
Hận bất tương phùng vi giả thì.”

Còn nhớ hai chục năm trên, cô Hoài Thu, một nữ sĩ ở khoảng non sông Hương Bình, có Hán học khá, mỗi lúc ngâm nga bài này là mỗi lúc ngâm ngợi thương cảm, vì lẽ đồng tình đồng điệu; nhân thế cô đã dịch ra văn nôm, theo thể lục bát. Chúng tôi yêu mến lời văn, tuy cách lâu ngày mà vẫn ghi mãi trong trí nhớ:

*Chàng hay em đã có chồng,  
Tặng em ngọc quý, tỏ lòng thương yêu.  
Cảm tình triu mến trăm chiều,  
Em ghim trong áo lụa điều lót thân.  
Nhà em vườn ngự ở gần,  
Chồng em là ngự lâm quân trong thành*



*Lòng chàng, nhật nguyệt chứng minh,  
Với chồng, em nguyện tử sinh không đời.  
Trả chàng ngọc quý, khóc vùi  
Giận sao không gặp những hồi còn son.*

Người tiết phụ trong bài thơ của Trương Tích là một gái đã có chồng; chồng nàng làm chấp kích lang – tức lính thị vệ hay là lính ngự lâm – trong điện Minh Quang vua Đường, cho nên nhà nàng ở một cái gác, cạnh vườn ngự uyển. Một anh chàng đa tình hiếu sắc, thường ngày đi qua, trông thấy nàng đẹp mà động lòng thêm muốn, bèn tìm cách lân la mối lái, gửi lại tặng nàng hai viên ngọc minh châu, của quý báu và đắt tiền.

Hắn anh ta con nhà giàu, định dùng của cải để cám dỗ người đàn bà ấy, mặc dầu thừa biết vườn xuân có chủ.

Nàng thương hại một kẻ si tình, nhận tạm lấy ngọc tặng cho khỏi méch lòng, sợ chồng trông thấy. Nhưng rồi trả ngọc lại và nói:

- *“Tôi đã có chồng rồi, cậu ạ. Tình sâu nghĩa nặng, tôi đã thề nguyện dạ sắt lòng son, đầu xanh tóc bạc với chồng, dù là sang hèn sướng khổ, cũng sống chết có nhau. Tôi không thể nào phụ chồng mà san sẻ quả tim này cho ai được. Cậu có lòng thương, tặng ngọc minh châu, tôi rất cảm động. Nhưng xin trả lại cậu; tôi trả lại với nỗi buồn ngao ngán, tiếc thay cậu không gặp gỡ lúc tôi chưa lấy chồng; bây giờ thì thôi, xin cậu đừng đa mang theo đuổi gái này làm chi, mà thất vọng luống công!”*

\*

Câu chuyện tình giữa Vi với Châu đại khái cũng rứa.

Vi tức là anh chàng tặng ngọc châu, nghĩa là dùng của cải làm mối câu gái có chồng; hơn nữa, có một lũ con rồi. Nhưng Châu thì không phải người tiết phụ của Trương Tích; đằng này, cô ả nhận được minh châu, chẳng những mê tí không trả, lại đuổi theo vuốt đuôi giấc mộng giàu sang ích kỉ, đành đoạn bỏ cả chồng lẫn con! Người tiết phụ của Trương Tích khiến nàng phải thẹn toát mồ hôi nếu như bây giờ đã biết suy nghĩ, hối hận.



Nàng nguyên là một hồng lâu ca nữ, nhan sắc rất tầm thường, nhưng được trời phú cho hơn người được cái tiếng hay giọng tốt, lúc trước đã có một thời nổi danh tài hoa xênh phách ở xóm Vạn Thái. Con chim bách thanh biết mặc áo chải đầu ấy từng làm chết một bao nhiêu quan viên làng chơi vì tiếng hát du dương, thánh thót. Nghe nói có người mất cả ruộng sâu trâu nái, có người thụt kết ở tù.

Sau nàng gặp một người tâm đầu ý hợp, treo túi xênh phách về đóng vai nội trợ. Chồng cũng là người tử tế, biết chiều đãi, nhưng gia tư sinh hoạt chỉ vừa gói ghém từng tiệm, có khi túng thiếu, vì đã trải qua nhiều phen bốc trời trong những cuộc hỏi liễu tìm hoa. Nhân duyên này đẩy ra đời năm sáu mặt con, chết có sống có. Ai trông thấy cái tình ân ái của hai vợ chồng cũng tin chắc họ được bách niên giai lão.

Những người có kinh nghiệm, nói rằng ai lấy vợ ả đào, phải nên đưa đi non xanh nước biếc, hay ở ngõ hẻm hang cùng, cách tuyệt hẳn xã hội và không khí cũ của họ, họa chăng mới được lâu bền, toàn vẹn. Nếu không thì gà nhớ tiếng gáy, ngựa quen đường xưa, thế nào cũng hỏng. Hầu hết là giống ngựa bất kham, người cưới phải khéo chăn nuôi và cầm dây cương cho cứng lắm mới khiến được. Ý chừng người chồng nàng Châu không phải một nhà thiện kị, để con thiên lí mã của mình tham ăn đến nổi vượt cương xông mất.

Nàng thường đi về xóm Vạn Thái luôn, vì có mẹ và em vẫn dọn nhà hát.

Tấn kịch tham vàng bỏ nghĩa sắp mở màn đầu.

Trong thời kì ấy Vi đang lừng lẫy trong các xóm yên hoa. Thường đêm chàng ở sông bạc ra xuống ngay nhà cô đầu, một lũ bạn lêu lạo đi theo che tàn. Nhiều khi tổ chức sông bạc ở ngay dưới xóm. Chi tiền rất sang; rượu xam banh hảo hạng uống như nước lã. Nhà nào được ông Vi Hương Cảng đến hát, coi như thần tài giáng lâm, các quan viên khác bị bỏ rơi, chị em không cần đếm xỉa. Biết tính chàng ưa nịnh, chị em đua nhau tán tỉnh bom xu. Chỉ khéo đưa chàng lên tàu bay cho nở mũi lên, thì xin tiền bạc hay tặng quà gì cũng cho.

- Nói có trời Phật chứng minh, chúng tôi dọn nhà hát mười hai năm nay thật quả chưa thấy một ông quan viên nào sang trọng quý hóa như ngài.



Mụ cả Khang chỉ đưa đẩy một câu khách sáo như thế, mà châu hát đêm ấy được chi trăm bạc, nghĩa là sáu lần nhiều hơn giá đáng. Không thiếu gì chị em ranh mãnh, nhờ khéo cho ăn phở mát phải thời, phải lúc mà được quà tặng những hàng lụa hoa hột, là sự thường thấy. Rồi người nọ kháo người kia:

- Nay, đảng ấy có túng tiêu không, tớ bảo cho một cách mà làm tiền.

- Cách gì? Đi ăn cướp móc túi à?

- Không, chỉ mất một tí nước bọt thôi.

- Thế nào?

- Tối nay anh Vi xuống chơi, cứ bơm ngọt cho mấy câu rồi xoay đến vấn đề lí tài, thằng cha ấy sẽ diện mở ví cho ngay. Hắn cần nịnh như chúng ta cần không khí, cứ nịnh khéo là ăn!

Tuy vậy, chàng có cái nhả thú biết thưởng âm, thích nghe hát hay; ai nói tỉnh nào vùng nào có danh ca, cũng mò mẫm đến thưởng thức cho kì được, có khi gọi người ta về tận Hà Nội, không ngại tốn hao. Bởi thế, chàng hay đến tìm thú thanh sắc ở nhà hát của mẹ Châu, vì Châu đi lấy chồng rồi, nhưng cô em là Hồ mới nổi lên, giọng hát cũng khá.

Châu năng đi về nhà mẹ chơi, mười bận đến bảy tám thấy Vi triển miên ở đó. Sự gặp gỡ bởi tước duyên hay ác báo xui khiến, vả lại con mắt thâm mĩ của chàng thế nào không biết, chàng thấy mẹ dòng lợn nái mà đâm ra cảm, cảm rồi si, si rồi muốn. Có lẽ hăm mộ nàng thuở trước vốn là một danh ca. Lại được lũ bạn che tàn khéo phỉnh, tìm cách nói khích thêm vào:

- Câu chuyện hàng Gai của anh ngày trước ai nghe cũng phải phục lẫn. Giờ chúng tôi đồ anh làm sao chiếm lấy hòn ngọc ấy của người ta mới giỏi.

- Các anh đòi tôi lấy được Châu? Chàng hỏi lại.

- Phải, của quý ấy phải đặt vào trong tay anh thì mới xứng đáng.

- Việc đời dù khó đến đâu hễ muốn thì phải được, huống chi mình lại có tiền! Vi trả lời có vẻ kiêu căng tự thị.

- Nhưng nó có chồng con rồi, anh phải nhớ.



- Mặc kệ! Con cạp kia, người ta còn nhử mồi cho nó từ trong rừng chui ra mà bắt sống được, nữa là gái có chồng!

Khôn ngoan lỗi đời, chàng thừa biết Châu và những người như nàng, đều có thể lấy mồi lợi lộc cám dỗ như bỡn.

Một hôm, chàng tỏ ý muốn được nghe nàng hát, mặc dầu đã biết cái nghiệp đào nương một khi lấy chồng có con, không khi nào còn hát cho ai nghe, ngay với kẻ đầu gối tay ấp của họ cũng thế.

- Em quên mất cả rồi, Châu nói.

- Quên thế nào được! Em cứ hát một vài câu, riêng với anh em chúng tôi đây thôi, bố cu ở nhà không biết đâu mà sợ. Tôi xin trọng thưởng.

- Thương em trăm bạc nhá?

- Được rồi.

- Hai trăm kia! Cô ả làm về nũng nịu, vùi vĩnh.

- Tôi cho ba trăm đây, thưởng trước nghe sau.

Chàng nói và móc túi lấy ra tờ giấy bạc trăm, dúi vào tay nàng.

Một vài câu hát được ba trăm bạc, chẳng luận lí danh dự thì đừng, Châu ngồi dạo phách, cố đem hết tài nghệ hơi giọng, trộm vụng chồng hát cho giai nghe.

Mấy hôm sau, chàng mua tặng nữ trang đáng giá bạc nghìn. Từ đấy, Châu đi thăm về lén, trở nên một vật phụng thờ ái tình của Vi, chồng con tuyệt nhiên không ngờ.

Nhưng Vi nghĩ mình là một nhà hào phú ăn chơi nổi tiếng giữa đất Hà thành, lại có tính trời cho hiếu thắng thuở nay, chẳng lẽ đi vụng trộm mót lúa ruộng người mãi, thiên hạ chê cười. Mà nếu rủi ro xảy ra tấn kịch lôi thôi gì, không khỏi ngại cho thể diện. Thứ ruộng ấy, mình vãi tiền ra chiếm lấy hoàn toàn một mình làm chủ không được à?

Chẳng úp mở gì cả, một hôm Vi tỏ ngay ý muốn của mình:

- Đóng mãi cái vai tuồng thằng chồng dự khuyết, người yêu thùng phần thế này, anh không chịu được, em ạ!



- Thế thì ý anh định thế nào? Châu cười và hỏi. Chắc muốn chiếm độc quyền thôi?

- Phải đấy, anh muốn như ngồi đánh tài bàn một mình một chân, không thèm ké ai mà cũng chẳng cho ai ké. Nghĩa là em trở nên bà đầm Vi một cách hoàn toàn.

- Em cầu được thế lắm, nhưng còn xừ kia thì xếp vào xó nào?

Nàng tránh tiếng “chồng tôi” gọi là xừ kia.

Chàng cũng dùng ngay tiếng ấy, muốn để tiếng chồng sẽ dùng cho mình thôi:

- Xừ ấy thì tẩy phăng nó đi chứ sao!

- Tẩy bằng cách nào, anh dạy em.

- Muốn dờ mặt tẩy nhan có khó quái gì? Có muốn làm cho cu cậu tức hộc máu lên mà bỏ đời cũng được nữa là...

Châu khoát tay và nói với giọng cười cợt:

- Ấy chớ! Em van anh, nên làm cách nào tẩy nhau cho êm ái thì hơn. Xin ông Khổng Minh rì tai bảo mật kế đi nào?

Vi ngồi bày mưu vẽ chước cho nàng những thế nào cho được sinh sự bỏ chồng, mà không ai chê bai trách móc vào đâu được. Thôi còn phải nói: bộ óc quỷ quái của chàng có chứa bao nhiêu mưu mô tày trời, bán đứng cả trời còn được thay, vắn gì cái thứ mẹo mực cho một gái hư bỏ chồng, đối với trí khôn chàng bất quá là một trò chơi con nít.

Chàng bảo hết những cạnh khỏe vừa gian vừa ngoan, rồi kết luận:

- Đấy, em cứ y theo thế mà làm thì xong việc, như ý. Đến đó, em chẳng tự xách nón ra đi, người ta cũng lột lá cầm tay em mà van mời cô bước ra khỏi cửa, rồi làm xôi gà tế tạ thổ thần nữa kia.

Không biết kế hoạch chàng bày thế nào, cô ả nghe thích chí, cười như nắc nẻ, tát yêu bên má chàng và nói:

- Anh phải gió! Chỉ khéo tán rộng tiểu lâm. Nhưng còn mấy đứa con thì anh bảo xử trí thế nào bây giờ?

- Xừ ấy nuôi cả thì thôi, không thì em gửi ở nhà bà cụ em nuôi hộ, mỗi tháng anh cấp tiền cho.



Chàng không quên hứa hẹn làm cho đời nàng sung sướng, sang trọng, nào là sang tên cho mấy ngôi nhà, nào là cho tiền nghìn bạc vạn làm vốn buôn bán. Đó mới thật là mối thơm thả ra cho con cá tham ăn mắc phải lưỡi câu.

- Vâng, để em suy nghĩ cho chín...

- Còn suy nghĩ con khi gì nữa? Chàng bứt ngang lời nói của Châu. Thì ừ phăng ngay đi cho người ta bằng lòng.

- Thì ừ đây nào!

\*

Sự thật, một lúc sau trở về nhà mình, trông thấy chồng niềm nở và lũ con quần quýt, Châu đâm ra tình tứ tần ngần, ái ngại.

Cả đêm, nàng gác tay lên trán, thở dài thầm trộm một mình, bao nhiêu tâm tư đem hết vào hai vấn đề khó nghĩ, để tìm giải quyết lấy một: Chồng và tiền.

Ban đầu nàng nghĩ chồng thế, con thế, đang tử tế đoàn viên, nhất đán mình bỏ đi, ôm cầm thuyền khác, kẻ cũng bất nhân vô nghĩa, một việc không nên làm tí nào. Nhất là vợ chồng lấy nhau đã có con, một lũ con, bỗng dưng chúng nó sẽ phải bơ vơ xa mẹ, không bỏ cô cũng như bỏ cô; mai sau chúng nó lại chịu tiếng với đời rằng có mẹ bỏ chồng đi theo giai, còn gì đau đớn thân phận chúng nó cho bằng? Huống chi, vợ chồng tuy không giàu có sang trọng gì như người ta, nhưng keo sơn khắng khít, chốc đã sáu bảy năm giờ, nay tự nhiên giứt áo ra đi, nghĩ thật không đành đoạn!

Lúc ấy, nàng muốn choàng dậy mặc áo, đi tìm đến Vi mà nói:

- Anh bảo tôi bỏ chồng con đi lấy anh, tôi xin chịu thôi, luân lí ân tình không cho phép tôi làm việc chó má ấy cho đành. Thôi chúng ta tạ tuyệt nhau từ đây.

Nhưng sau nghĩ lại, đời mình không còn mấy nổi xuân xanh mà tàn, chưa được hưởng sự vinh hoa phú quý như ít nhiều chị em đồng bối, phải đầu tắt mặt tối, chịu thương chịu khổ mãi thế này cũng bức. Vàng nhiều áo đẹp, nhà lầu xe hơi, làm kẻ thất một phú gia ông, nắm trong tay hàng nghìn hàng vạn, những cảnh tượng tươi sáng ấy diễn qua trong



trí, khiến nàng cảm thấy sung sướng vô ngần, rung động cả sợi gân thớ thịt. Cái đời sung sướng như thế, ai không có, còn đi van lơn, xoay xở, tìm kiếm cho kì được thay! Đàng này, tự dưng có người yêu mình, cảm mình, xin đem cái đời sung sướng ấy dâng mình, nếu mình từ chối là nghĩa lí gì? Một cái phúc trời đưa lại cho hưởng mà không biết đón lấy là ngu. Từ chối người ta, để sống khổ già đời với anh chồng này, thật là oan uổng. Nghĩ cho cùng, ta cứ nhận lấy cái đời sung sướng người ta xin dâng ta kia là phải.

Rốt cuộc suy nghĩ, nàng cho bên tiền nặng cân hơn bên chồng.

Nghĩa là nàng đã quả quyết bỏ cả chồng con đi lấy Vi, cho được sung sướng tâm thân.

Một hai hôm sau, tự nhiên trong gia đình nàng nổi sóng đất bằng, vợ chồng sinh sự - nói rõ hơn, chính nàng lập tâm sinh sự với chồng - cãi cọ nhau, đánh đập nhau, dùng đến cả cẳng chân cẳng tay, động đến cả ông bà ông vải, thôi thì điếc tai hàng xóm, lục đục suốt ngày.

Chẳng biết đây có phải là mưu mẹo chàng Vi ta đã bày vẽ, để nổi dáo cho giặc, vạch đường cho hươu? Chỉ biết là nàng nhân dịp đầu cơ tị sự, cuốn gói vùng vằng ra đi, thề độc không còn tình nghĩa vợ chồng, trừ ra lúc xuống hoàng tuyền mới lại trông thấy.

Thương hại người chồng thật thà, không ngờ gian kế của gái bội phu, trong trí đình ninh rằng vợ chỉ nóng giận ít ngày rồi lại trở về với con. Chồng còn giắt con đôi ba phen xuống Vạn Thái tìm nàng để khuyên van, năn nỉ, nhưng đều không gặp mặt nàng đâu.

Mấy đứa bé khóc lóc gọi mẹ, thấy mà thương tâm! Mãi sau, người chồng mới biết con vợ tệ bạc đã chủ tâm sinh sự bỏ mình, để đi xây ổ ái tình với Vi, một ông nhà giàu đã gần bước đến miện hổ khuyh gia bại sản.

Thật thế, bước chân chàng cách xa miện hổ khuyh bại không còn mấy nổi.

Cả một sản nghiệp đồ sộ hồi nào, có dư trăm vạn, đến lúc này chàng lấy Châu làm vợ, dễ thường không còn được lấy một phần mười, mà trong số ấy đại bộ đã cầm đợ cho tài chủ nợ ngân hàng kia mà chưa chuộc được.

Của cải đã không cánh mà bay đi hết nhiều, nhưng đến đức tính



cờ bạc ăn chơi, thì vẫn cố làm giấy rách giữ lề, nông cuồng không bỏ. Châu vẫn tưởng người chồng mới của nàng y nguyên là một phú gia nhất nhì Hà thành, không dè như pho tượng bề ngoài còn tốt nước sơn, nhưng gỗ bên trong thì một đục khoét càng ngày càng ruỗng!

Thế mà hoa thơm quyết đánh cả cụm, rồi chàng lấy luôn cả Hồ là em ruột Châu.

Chàng tự phụ mình banh bao lắm mới quặc được cả Đại Kiều, Tiểu Kiều của xóm Vạn Thái như thế.

Ông Thái An, người bạn đã trung cáo chàng như nước đổ đầu vịt, khi nghe chuyện này, thở dài nói với người ta:

- Đó là cái triệu nó sắp tàn mạt đến nơi, chắc tôi còn được sống ở đời để kịp trông thấy. Trời ơi! Dùng tiền bạc danh vọng làm mỗi cái đổ một người đàn bà bỏ chồng bỏ con đi lấy mình, thật là một việc tổn hại âm đức. Rồi đây các ông xem!

## XX. CÔ Ả VÀO NHÀ BĂNG LẦN THỨ NHẤT

Buổi sáng, trong nhà băng Đông Pháp ở Hà Nội, các ghi sê tíu tí những thân chủ đứng đợi: kẻ gửi tiền vào, người lấy tiền ra, hoặc giao dịch hỏi han về các việc buôn bán.

Một cô thiếu nữ độ 21, 22 tuổi, phục sức ra vẻ tỉnh thành, mặt mũi dễ coi, nhưng xem nét phấn son không có dáng là con nhà buôn bán. Tay nàng cầm một miếng giấy gì gấp đôi, hình như một tấm chi phiếu nhà băng. Nàng vào đã lâu, đi đi lại lại trước mặt các ghi sê, có ý rụt rè, bỡ ngỡ, hai ba lần muốn đưa miếng giấy cầm tay vào một ghi sê nào đó chẳng hạn, nhưng rồi lại thôi. Chắc hẳn cô ả mới bước chân vào nhà băng là lần thứ nhất. Lại chắc hẳn cô ả cũng không biết chữ, cho nên mỗi ghi sê tuy có đề chữ rõ ràng, mà nàng trông lên chỉ thấy lốm đốm những đen với trắng.

Người ta có thể nghi là cô ả vào đây chõm giai, hoặc chờ đợi nhân tình, nếu như không thấy tay nàng đang cầm miếng giấy mà ai thường có việc ra vào chốn này, chỉ trông sau lưng cũng biết ngay là giấy gì.

Nàng muốn nhắm một người để hỏi thăm, mà cũng ngập ngừng,



không dám. Người ra vào đông, phần nhiều là Tây, đầm, khách, cũng có vô số đồng bào mình, nhưng chả hiểu nàng giữ kẽ hay thẹn thùng thế nào, không chịu đón hỏi ai cả.

Thấy người ta ngồi đợi trên ghế *băng* da, nàng cũng bắt chước, mạnh bạo lại chiếm một chỗ ngồi nghỉ chân, cặp mắt thì đăm đăm ngó ra ngoài cửa, tất nhiên mong mọi những người sắp đến, xem có ai quen để mà hỏi thăm.

Có hai người ngồi cách chỗ này mấy bước; họ nói chuyện với nhau, tuy nàng không chủ tâm nghe lóng chuyện người, nhưng mà những câu họ nói hơi to tiếng, dù ai ngồi gần cũng phải nghe rõ:

- Gớm chết, sao buổi sáng nay nhà băng đông khách thế; mình phải đợi mãi chưa len vào ghi sê mà đưa giấy được! Người có râu nói và thở dài.

- Bao giờ sáng thứ bảy cũng thế; người trẻ tuổi đáp. Nhà buôn bán lấy tiền về để tiêu mọi việc; Tây đầm họ lấy tiền ra để đi chơi chủ nhật.

- Cần quái gì, ta cứ ngồi đây cho đến 12 giờ cũng phải lấy được.

- Thế thì hỏng!...

- Sao?

- Lệ nhà băng, buổi sáng chỉ cho lĩnh tiền đến 10 giờ thì họ khóa két lại để tính toán sổ sách. Giờ đã 9 giờ 10 rồi, tí nữa thế nào ta cũng phải chen vào mà lĩnh cho được, không thì lại đợi đến ngày thứ hai kia, vì chiều nay thứ bảy, nhà băng họ có làm việc đâu. Thôi bác vào lĩnh đi, tôi ngồi chờ đây.

- Ủ nhỉ, chú không nói thì tôi quên.

Người có râu vừa nói xong, đứng phắt dậy, chạy lại bên ghi sê, còn người trẻ vẫn ngồi.

Câu chuyện họ nói khiến nàng giật mình, đánh bạo đến trước mặt người trẻ, đưa miếng giấy cầm tay và hỏi:

- Ông làm ơn xem hộ tôi cái giấy này là thế nào?

Nàng hồi hộp đợi nghe câu trả lời.

Người trẻ cầm miếng giấy xem, lật qua lật lại, rồi giương cặp mắt



cá ngỗng, nhìn cô ả từ đầu xuống chân, lại từ chân lên đầu, đến nửa phút mới nói và trả miếng giấy lại cho nàng:

- Tên trong giấy này là tên cô?

- Vâng, tên tôi.

- Nguyễn Thị Hồ?

- Thưa ông, phải.

- Thế thì cô đưa vào ghi sê kia mà lấy ra 5 nghìn bạc, còn phải hỏi gì nữa.

- Thật à?

- Sao lại không thật! Người ta biên rõ “cinq mille piastres” đây này. Nhưng tôi hỏi tại sao người ta viết chỉ phiếu cho đích danh cô mà cô lại còn không biết?

Trong tâm não nàng, cơn sóng vui mừng đang nổi lên cuộn cuộn, nhưng câu hỏi của người trẻ làm cho nàng ngượng quá, ngập ngừng một lát rồi nói chữa thẹn rất khéo.

- Ấy, tôi đòi nợ người ta, nhưng chả biết họ có viết đúng số đúng tên thật không, nên phải phiền ông xem lại hộ, vì tôi không biết chữ.

Nàng cảm ơn rồi đi, toan vào ghi sê, nhưng xem chừng ý tứ vẫn còn có chút ngần ngại, chưa chắc có phải thật người ta biên giấy này cho mình đi lĩnh 5 nghìn không? Hay là giấy bố láo người ta đùa bỡn mình cũng nên? Cho mình 5 nghìn thật? Chỉ sợ đưa giấy vào mà không phải, họ quăng ra, họ cười, không khéo lại đưa sang sở mật thám thì bỏ mẹ!

Bỗng nghe sau lưng có tiếng gọi ngay tên cúng cơm của mình:

- Hồ, đi đâu đấy?

- Kìa anh Lâm, may quá, anh ra đây cho em hỏi thăm câu chuyện này.

Nàng vừa nói vừa kéo Lâm ra đứng một góc vắng vẻ, lại đưa đạo bùa kia nhờ Lâm xem hộ cho thật chắc. Lâm cũng lật qua lật lại, nhìn kĩ ngày tháng, rồi tát đùa bên má Hồ và nói:

- Đi vào mà rước năm chục con voi ra, còn khéo ốm ờ con khi.



- Anh nói dối anh chết nhá.
- Thôi đừng vờ nữa, đi lĩnh ngay kéo hết giờ đây. Quan viên nào mà sộp thế?
- Ông Vi đây, anh ạ.
- Hèn nào, chỉ có lão ta mới sĩ diện với gái đến thế, chứ anh em nghèo thì đừng hòng cạy gỡ của nó lấy nửa xu. À, nhưng lão đã lấy chị Châu rồi mà, giờ quặc luôn cả dì nó nữa.
- Chứ sao!
- Tôi mừng giùm cô, phen này khỏi sợ chuột tha, lại nhiều voi cười. Chỉ tiếc cho chúng tôi từ rày xuống xóm không được nghe tiếng cô hát nữa. Nhưng tôi chắc chỉ trong ít lâu thì lại được nghe...
- Anh phải gió, chưa chi đã rửa người ta.
- "*Cóc chết ba năm quay đầu về núi*" cho mà xem. Thôi, vào lĩnh tiền ra đi. Có căn cước không?
- Có.
- Biết kí tên không?
- Như gà bới bếp, anh ạ.
- Gà bới mặc kệ, miễn có voi cỡi nhong nhong là sướng. Vào đây kí tên, tôi nói hộ người ở kết, họ phát tiền ngay cho.

Mười lăm phút sau, nàng bỏ 50 tờ giấy trăm vào túi, gài ghi băng cẩn thận, hớn hờ đi ra, đến nỗi chân bước luống cuống, tí nữa vấp ngã ngoài cửa nhà băng.

Chính là Hồ, em Châu.

\*

Rước hai vợ ả đào về, người ta bảo đây là triệu chứng Vi sắp đến lúc vỗ hai bàn tay trắng rồi, mặc dầu hai ả không óc tội vào đó. Nhưng chuyện đời đã có câu ca, câu ví: "*lấy khách, khách về Tàu; lấy nhà giàu, nhà giàu thất nghiệp*".

Đối với chàng, cuộc nhân duyên này không thật vì cần dùng tình



ái, phần nhiều chỉ vì hiếu thắng, sĩ diện, những cái khải xằng của kẻ có tiền trong tay. Lũ bạn yêu quý lại phích mãi vào.

Sau lúc lấy người chị và an trí một nơi, chàng vẫn cờ bạc phóng túng và thường khi xướng hát triền miên ở nhà cô em. Lại hiếu thắng đến nỗi muốn chiếm giữ nhà này một mình, không cho tiếp rước ai khác, thiết thời gì đã có chàng. Nhiều khi cờ bạc thâu đêm không xuống được cũng chỉ tiền như cô đến đây.

Nhưng làng chơi còn cô nhiều kẻ khác, đâu cũng có sùng, mặt cũng có sọc, cũng biết chơi ngông bốc rời, chẳng phải chỉ có một mình Vi. Họ thấy chàng ôm giữ lấy Hồ, chẳng cho ai ké với, thật là một sự ích kỉ chướng ách. Nhiều phen gần có sự hục hặc với nhau. Như bị ngòi lửa đốt thêm vào tính hiếu thắng đã sẵn, chàng muốn chỉ tỏ mình không chịu thua ai.

- Đã thế thì ông cưới cả con Hồ cho chúng nó xem.

Liên đêm hôm ấy, chàng ngỏ ý muốn lấy Hồ, giữa cuộc đàn hát, và muốn cưới ngay, kể từ giờ phút này.

- Anh cho 5 nghìn đồng, tức khắc.

- Thật hay bốn? Nàng cười hỏi như có ý hoài nghi.

Không trả lời, chàng móc túi lấy tập chi phiếu ra viết mấy chữ rồi trao cho Hồ:

- Đây này, mai ra nhà băng mà lĩnh.

Mảnh giấy chi phiếu tức là tờ hợp đồng hay là hôn thư.

Nàng sùng sốt, nửa tin nửa ngờ. Xưa nay có biết công việc giao dịch với nhà băng là thế nào, nàng không tưởng được rằng một mảnh giấy con con ấy có giá trị những năm nghìn bạc. Nhất là thấy Vi nói liền làm liền, nàng mừng rỡ được món tiền to, nhưng chỉ sợ là một việc đùa bốn.

Vì thế, sáng hôm sau ra nhà băng sớm, thấy nàng rụt rè, ngần ngại, không dám đi thẳng vào ghi sê, phải đợi hỏi thăm hai ba người cho thật chắc chắn, mới vào lĩnh tiền.

Từ đây, chàng ăn nhà đông, ngủ nhà tây, nuôi nắng chiều chuộng



chị em Châu, Hồ như bai con chim quý. Nói rõ hơn, như bác sĩ Vornoff mua hai con khi độc Phi châu về nuôi ở Paris, khác phong thổ, khí hậu, phải bổ dưỡng tốn kém và hơi một tí là thuốc men. Đằng này, muốn cho hai con chim quý khỏi phá lồng bay đi, chàng phải cho ăn giấy bạc luôn luôn.

Thời gian lừ lừ trôi.

\*

Được ít lâu, người ta thấy hai ả bơ vợ như hoa vô chủ, còn Vi thì vắng mặt ở Hà Nội.

Sòng bạc cũng như dưới xóm chị em, bỗng dưng biệt hẳn tung tích chàng, mỗi người bàn tán một cách:

- Tôi đã bảo cuộc nhân duyên ấy không khi nào bền vững, quả y như rằng.

- Hắn đi đâu kia? Hay là lại mắc lưới của mấy ông khách trú buôn lậu nào không chừng.

- Tóm lại, anh chàng hết tiền, anh chàng đi rồi.

Cái thuyết thứ ba ấy đúng.

... (mất 2 trang)

- Phải, đó là lúc Vi còn bạc vụn trong tay, chứ lâu nay cậu ta tan nhà sạch nghiệp rồi, lấy gì cung cấp cho gia đình con cái theo lối tân thời sang trọng như trước, đến lo thân còn chả xong. Con hắn có văn bằng cao đẳng thương mại, vì nhà bố giàu có ức vạn, nên sang Thượng Hải vớ được chị vợ ngoan ngoãn đáo đẽ, hai người đem nhau về ở đây, có lúc đã lập hiệu buôn bán, tưởng là hạnh phúc bạc đầu với nhau. Nhưng hạnh phúc họ phải chịu ảnh hưởng của sự nghiệp Vi. Mà sự nghiệp Vi, tôi đã nói trước tự bao giờ, chỉ là quả trứng để trên đầu đấng. Cha huy hoác nông cuồng quá, liên lụy đến con. Một khi nàng không được hưởng sự sung sướng phú hộ nữa, thì nàng phải áo ra đi; chàng buồn, cắt tóc đi tu, để tìm sự quên. Đến con em gái cũng bị thằng vị hôn phu bội bạc, muốn bỏ đi tu nốt. Thằng này là con người bạn chí thiết của Vi, nhân thấy nó thông minh, Vi hứa gả con gái và xuất tiền nghìn bạc vụn cho nó đi tu học bao lâu. Không dè khi thành tài thì nó tự lập gia đình sinh kế ở tha



huong, không trở về nữa. Con bé đâm ra thất tình. Nó đẹp và có nết, không ai ngờ duyên phận đáng buồn đến thế. Người ta bảo quả báo tại Vi, nhưng tôi nghĩ một người nào thất đức, thiên đạo cứ trừng trị mình hắn, để liên lụy đến con cái là nghĩa lí gì?

Hai ông bạn già ngồi than thở và bàn chuyện âm đức báo ứng với nhau, cho mãi đến khi cùng xuống ga Nam Định với hai nhà sư.

Nhà sư trẻ tuổi chính là con giai của Vi.

Ông cụ hỏi chuyện nhà sư trẻ tuổi trên xe hỏa ban nãy, tức là ông Thái An, một người bạn trực tính can ngăn Vi hồi trước không nghe, hai bên tuyệt giao đã mấy năm nay.

\*

Vi bước xuống thang, nghèo hết bọc này đến bọc kia.

Lấy hai chị em Châu, Hồ được ít lâu thì cửa nhà của cải ở đây hết sạch. Tục ngữ đã bảo cô đào lấy nhà giàu, nhà giàu thất nghiệp, thật là không sai. Nhưng xô ngã cơ nghiệp đồ sộ của Vi, chính là tự chàng quá phóng túng, mà chính là có thiên đạo ở trong thế tất phải vậy; ta đừng buộc tội Châu, Hồ mà oan cho họ. Lúc hai chị em tưởng mình bước vào nhà vàng, thì nhà vàng ấy đã thủng đột tứ tung mà họ không biết đấy thôi.

Nhưng ở Hương Cảng, Vi còn đâu ba bốn ngôi nhà nữa, một ngôi như biệt thự, có rào sắt vườn hoa, chàng mua lúc mới kết hôn với người vợ Tàu, hơn mười năm làm việc bên ấy vẫn ở; còn hai ba ngôi nhà ở phố buôn bán, cho thuê cả thảy mỗi tháng ba trăm, hoa lợi về gia quyến bên vợ thu, để chi tiêu vào việc dưỡng dục mấy đứa con người vợ Tàu. Chúng nó về ở Hương Cảng sau khi người mẹ qua đời.

Lúc nhà cửa phố xá ở Hà Nội và Hải Phòng bán nhẵn rồi, còn nhà bên Hương Cảng chàng định sang tìm cách bán nốt.

Chúng tôi nói “tìm cách” để chỉ tỏ ra bất động sản chàng có bên Tàu không phải dễ cầm bán theo như ý muốn.

Đang khét tiếng bóc rời ở chiếu bạc và xóm trắng hoa, thế mà một độ người ta thấy mất tăm hơi chàng ở Hà Nội, chính là lúc chàng đi Hương Cảng để xoay bán nhà.



Vừa ở dưới tàu bước chân lên bờ, trước khi đến nhà ngoại quyền thăm nom hôn hít mấy đứa con cách biệt ngày, chàng vội vã đi tìm Á Khâu, tức là tên đồ đệ dưới quyền chàng ở ti Xuất dương Hộ chiếu khi trước và chính là con chim mồi đắc lực cho chàng trong các việc mưu mô làm tiền ở đất Tàu.

Hỏi chàng bị cách chức, Khâu cũng bị vạ lây mất việc nhưng đã gây dựng nên một cơ nghiệp đáng vài ba vạn bạc ở gần Thẩm Xuyên, nghĩa là có chỗ yên thân dưỡng già, không lo gì cơm đen thiếu thốn.

Không ngờ hôm nay thầy cũ đến đây để tìm trò xưa, thì nhà cửa vườn đất đã thuộc về chủ khác. Mất công hai ba giờ hỏi dò tung tích, chàng ra mãi vùng ngoại ô vắng vẻ mới tìm thấy cái ô che mưa nắng của Khâu, là một căn nhà lá xệch xạc ba gian hai chái, chính giữa đặt bàn thờ Quan Thánh để quân bên hữu ngồn ngang những bàn ghế cũ mọt và khí cụ nhà nghề làm đậu phụ, bên trái có chiếc giường la hán bày bộ bàn đèn sơn phủ không biết mấy lớp xái dầu và cát bụi. Chú Khâu ta đang nằm co bên cạnh ngọn đèn dầu lạc lò mờ, hai mắt lim dim, miệng há hốc; giờ ấy đã quá trưa, chả biết có phải chú hút say rồi còn đợi thuốc chưa có.

Chàng thấy cảnh tượng mà chán ngán, thở dài, đứng nhìn bản thân giấy lát, mới đập vào chân Khâu và gọi:

- Khâu ơi! Có người từ phương xa đến, dậy mau nói chuyện.

Giật mình, Khâu ngồi phắt dậy, mắt chưa mở, mà tay toan vớ lấy vật gì thuận tay để ném, vì tưởng như mọi lần thằng bé con hàng xóm thường chạy sang cù gan bàn chân, khi mình đang ngủ.

- Mở mắt ra xem, *ngộ* đây, Vi gọi tiếp.

Bấy giờ Khâu mới dụi mắt, nhìn rõ khách, vội vàng bước xuống đất, nắm lấy tay Vi lắc mãi, sự vui mừng căng thẳng cái miệng cười trong khuôn mặt hốc hác, trông rất ghê sợ:

- Kìa ra Vi tiên sinh! Tôi mừng rú lên được, mời ông ngồi đây. Ông sang chơi Hương Cảng từ hôm nào?

- Tàu vừa đến bến thì *ngộ* đi tìm nị ngay. Chàng ngồi xuống giường la hán và đáp.

- Ô! Quý hóa lắm, tôi xin đa tạ lòng tốt của ông.



Khâu loay hoay nhóm hỏa lò nấu nước ngay dưới chân giường vừa cười vừa nói:

- Thế thì ra lão thầy bói Kim Điều Dũng đoán hay thật. Tôi phục... Tôi phục...

- Lão đoán việc gì mà Khâu nức nở khen quá thế? Chàng hỏi.

- Hôm nọ lão đoán cho tôi ngày dần hay ngày mảo, vào khoảng quá Ngọ, thế nào cũng có quý nhân ở xa đến chơi. Hôm nay chính là ngày Mảo, bây giờ hơn hai giờ chiều, quý nhân phương xa tức là ông; thật lão ta giỏi quá.

Chàng nghe bật cười nhưng là thứ cười có chút buồn bực ở trong:

- Láo quá! Phải đoán là bản nhân ở phương xa lại mới đúng, chứ quý nhân thì sai.

Khâu nghech mặt nhìn chàng một cách sừng sốt, không hiểu ý nghĩa câu chàng mới nói là thế nào.

Hắn vừa muốn hỏi lại, thì chàng đưa ra bốn đồng bạc:

- Có đứa trẻ nào, bảo chạy đi mua hộp thuốc về làm ít khói để đàm đạo chơi.

Trước ngọn đèn dầu khêu sáng hai thầy trò cũ nằm ôn lại không thiếu gì những kỉ niệm tươi đẹp hồi nào. Trước mặt Khâu, chàng vẫn nghiêm nhiên một bức hào phú, xưa ở Hương đảo thế nào thì nay ở Hà thành cũng vậy.

Trái lại, Khâu thành thật kể rõ tình cảnh sa sút của mình.

- Số phận tôi khốn nạn quá, ông ạ. Độ ấy, ông về bên An Nam rồi, tôi cũng mất việc ở sở, vì họ bảo hai thầy trò mình thông đồng làm bậy. Cũng may ông chủ rộng lượng, không thì tôi phải ở tù, vì đơn thưa kiện gửi lại như bướm bướm. Tôi xoay ra buôn bán sinh nhai. Nói rõ, là tôi đi bán hàng dạo những nước hoa và phấn sáp cho hai ba hãng Ảng Lê...

- Hoa hồng mỗi tháng có được khá hay không? Chàng hỏi ngất.

- Khá lắm, Khâu nói tiếp. Mỗi tháng kiếm dăm sáu trăm đồng là thường. Nếu chịu khó làm ăn đứng đắn, tích súc, thì còn nói gì. Khốn nỗi đời mình chó chết, làm ra tiền nhiều chừng nào càng vênh mây vác



mặt, tiêu xài phóng túng chừng nấy. Thôi thì cờ bạc, trai gái, bạn bè, đi thỏa, chỗ tai hại nào cũng đâm đầu vào. Cờ bạc thì tám canh thua, hai canh được; bạn bè gái đi chúng nó khéo lợi dụng chỗ yếu của mình là tính nết kiêu căng hiếu thắng, rồi thông lưng nhau phỉnh phờ đưa mình lên mây, mà kì thật làm hại mình tàn mạt. Cơ nghiệp nhà đất của tôi ở Thẩm Xuyên, chắc ông còn nhớ, lần hồi tôi phải cầm đợ mà chơi, cầm đợ ít lâu rồi chủ nợ tịch biên mạt; lại đèo thêm vài chục mẫu ruộng ở nhà quê cũng đi đờ. Thế là hai bàn tay trắng, mèo lại hoàn mèo. Đã vậy, các nhà buôn bán họ kháo lẫn nhau, không ma nào tin dùng đến mình nữa. Kết cuộc mang lấy bệnh nghiện khốn khổ này, mà bữa có bữa không, thiếu thốn nhục nhã đủ cách. Sáu bảy năm nay tôi ở căn nhà lá này, sống nhờ người vợ đi bán đậu phụ về nuôi, nhưng ông tính cái nghề đậu phụ, thì ngày hai bữa cơm trắng e còn chẳng được chu cấp, nói gì cơm đen. Bực quá, chán quá, tôi đã tự tử mấy lần mà quỷ sứ Diêm vương không thèm rước đi cho...

Khâu nói đến khô cổ khan giọng, ngồi dậy uống luôn một hơi ba bốn chén nước. Nét mặt bi thương đau đớn vô hạn, giá có họa sĩ nào ngồi ngay đầu mà vẽ, chắc được một bức tranh thống khổ tuyệt đẹp.

Chàng nằm lắng tai nghe Khâu kể chuyện thân thế mà phải rùng mình, tưởng chừng như nó biên chép tiểu sử hộ mình. Hai ba lần, chàng mím môi thở dài nhẹ nhẹ, trên mặt như có mây đen che ám từng chập, rồi lại tan ngay. Chắc Khâu không hiểu, có thể nghĩ chàng vì hấn mà buồn rầu cảm động.

Chỉ một tí nữa, chàng òa lên khóc được. Muốn đê nước mắt vào trong, chàng phải tìm một vài câu nói. Bần thần, chưa nghĩ ra câu nói gì, chàng hỏi thăm tin tức con cái Khâu.

- Thế con cái chúng nó không giúp đỡ gì sao? Tôi nhớ hồi đó A Chím đã lớn, đi làm thợ máy, tiền công mỗi tháng năm sáu chục kia mà?

- Nó du côn đâm chém người ta, hiện đang ở tù! Khâu nói rồi thở một hơi dài cho nhẹ bớt khí nắc đang đầy ở trong lồng ngực.

- Còn A Quần đã làm gì chưa?

- Nó đi biệt đâu mất hai năm nay, có lẽ chết đầu đường xó chợ nào rồi.



- Bé thế đã bỏ nhà đi?

- Thế mới là biến!

- À! Ngộ nhớ nị còn đưa con gái, mồm mồm dễ yêu, hồi ấy mỗi khi ngộ đến nhà, thường hay cho tiền mua kẹo, thì nó tươi cười mừng rỡ... tên là gì nhỉ?... Phải, ngộ nhớ rồi, con Hương Lan, giờ chắc nó đã chồng con rồi.

- Nó đang ở nhà thổ.

- Trời ơi! Tội nghiệp quá!

Chàng nói mấy tiếng này với cái giọng nghe đau đớn, khủng khiếp.

Khâu biến hẳn sắc mặt buồn bã ra sắc mặt uy nghiêm, táo tợn, hai con mắt trừng trừng, nhìn thẳng vào chàng và nói:

- Cả lũ con tôi hư hỏng khôn nạn như thế, nhưng tôi nghĩ chẳng phải tí nào tội lỗi chúng nó.

- Thế thì lỗi ai? Chàng ngắt lời.

- Thừa ông, lỗi ở mình này này! Khâu tự đâm vào ngực mình một cái, mặc dầu ngực còn trơ xương, có thể đếm rõ từng chiếc.

- Phải đấy, tại lỗi mình không khéo giáo dục, không cho chúng nó có học thức để mà xử thế lập thân.

- Không phải thế. Khâu cãi. Dù sao chúng nó học thức thế nào, rồi cũng khổ thân xấu số, vì chúng nó phải đền bù tội lỗi của cha mẹ làm nên...

Chàng nhồm ngay lên, hình như người bị con rệp đốt, hay cây kim chích phải da thịt.

Khâu vẫn uy nghiêm, nói tiếp:

- Thật thế, ông ạ. Mấy năm nay nghèo khổ, nằm mãi xó nhà, tôi nghĩ ngẫm, nghĩ ngẫm, bất giác ghê khiếp công đạo thiêng liêng của đấng Tạo hóa. Tôi tìm ra cái chí lý vì sao mình nghèo khổ mà đến con cái mình cũng nghèo khổ lây, ngẩng đầu mở mắt không được. Việc gì cũng có nhân quả báo ứng tất cả. Quyền phép vô thượng của đấng Tạo hóa ở đấy; đạo chí công vô tư trong trời đất cũng ở đấy. Không nói ai làm gì, tôi nói ngay tôi. Thì ra sinh bình mình phi vi tác ác, gian xảo lừa dối, để làm hại người ta, lấy tiền người ta bằng nhiều cách khi biến, làm



cho bao nhiêu kẻ điều đứng oán hận, dù mình kiếm được nhiều, rồi có những cửa nhà, đất cát, gấm vóc, ngựa xe, cuộc đời sung sướng ấy chẳng qua một lúc và chính thật nó ương sẵn mầm giống khổ sở cho mình. Rồi ông Trời hành phạt, bắt mình nghèo khổ cũng chưa đủ đền tội, tự nhiên bắt cả con cái mình đền bù thêm nữa. Quả thật tội cha vạ con, là phải. Các cụ bảo “phụ trái tử hoàn”, có phải chỉ theo nghĩa vật chất mà thôi đâu, nó có nghĩa tinh thần thiêng liêng nữa. Có khi, những món nợ tội lỗi của cha mẹ, đến mấy đời con cháu trả mãi chưa xong. Thánh kinh đã dạy: “Tội cha trút lên đầu con, cho đến tam đại, tứ đại” (*Les fautes des pères retomberont sur les enfants, jusqu’à la troisième et quatrième générations*), có phải Thánh kinh có câu ấy không, thưa ông? Tôi có biết Thánh kinh là gì, nhưng hôm nọ có người đọc cho tôi nghe thế đấy. Ngẫm lại, rất đúng với cái lí thuyết “Phụ trái tử hoàn” của phương Đông nhà mình.

Khầu ngừng lại, uống một chén nước rồi kết thúc:

- Bởi thế, giờ tôi nghèo khổ, tôi nghĩ đạo trời hành phạt mình đã đành, cho đến con cái tôi nghèo khổ, tôi định chắc cũng bởi tội lỗi mình liên lụy đến chúng nó; thành ra tôi đau đớn mà không dám oán trách.

Những lời Khầu nói việc hẩn, thành thật và vô tình, nhưng chàng nghe mỗi tiếng như mỗi gai nhọn đâm vào tâm não, làm cho toát mồ hôi trong mình và xây xẩm mày mặt. Đến nỗi hai lần Khầu hỏi câu này mà chàng không nghe ra, nên chỉ không đáp:

- Chuyến này ông sang Hương Cảng chơi, hay có việc gì?

Hẩn phải nhắc lần thứ ba, chàng mới trả lời:

- Có, tôi sang có tí việc, muốn nhờ đến nị.

- Nếu là việc phải, và sức tôi có thể làm được, tôi rất sẵn lòng.

Mấy tiếng “nếu là việc phải” chỉ tỏ ra bây giờ Khầu đôi đức tính và có ý sám hối vô cùng. Ngày trước đâu có thế: hễ việc gì lợi mình mà hại người, hẩn ta cũng hăm hở làm ngay. Lại còn bày mẹo lập mưu, xui nguyên giục bị là khác.

- Nhưng ông muốn sai bảo tôi việc gì thế? Khầu hỏi lại.

- Tôi định sang bán mấy ngôi nhà tôi còn có ở đây, nị chịu khó



đánh mỗi tìm người nào mua bán mau chóng, sẽ có hoa hồng mà tiêu. Chỉ có việc ấy thôi.

- Vâng để ngày mai tôi đi dạm mấy đám này xem.

- Phần riêng tôi cũng tự đi tìm hỏi, nhưng nếu như nị có mối nào hay thì đến nhà khách sạn ở cạnh Tiên Thi công ti bảo ngay tôi biết nhớ.

Chàng đến Hương Cảng không ở nhà ngoại quyền mà ở khách sạn, ta nên biết thế.

Có lẽ giữa lúc chàng nói chuyện với Khâu – nghe chuyện Khâu nói thì đúng sự thật hơn – là lúc ông Thái An gặp người con trên chuyến xe hỏa Nam Định, nói đi ở chùa.

## XXII. BÀ MẸ VỢ TÀU

À Khâu đứng làm môi lái, chưa đầy 24 giờ đồng hồ, tìm được ông chủ hiệu Thuận Ký ở Quảng Châu, chịu mua ba ngôi nhà của Vi tại Hương Cảng với giá đồ đồng là sáu vạn bạc.

Thật giá đáng hai chừng ấy, nhưng Vi có ý muốn bán đồ tháo cho nhanh để lấy tiền cò bạc ăn chơi, thành ra người ta cố dìm xuống, có rẻ như cá ươn mới mua.

Song có người thọc gậy vào bánh xe.

Buổi sáng hôm sau, kẻ mua người bán họp mặt ở phòng việc chương khế William để làm giấy trao tiền.

Khâu ta vui vẻ ngồi đợi ở phòng khách, nghìn rưỡi bạc hoa hồng giao hẹn, sắp sửa được người bán đặt vào tay này; còn tay kia thế nào chẳng nhận được người mua dúm cho một vài trăm tiền quà nữa.

Giấy tờ làm xong, chủ hiệu Thuận Ký rút ở hai túi áo ra hai phong bì to tướng đựng toàn giấy bạc, vừa tính trút phong bì thứ nhất ra để đếm. Vi ngồi nhìn không chớp mắt và toan đưa tay nhận lấy từng tập một; hồi nào số tiền dăm sáu vạn đối với chàng hầu như không có nghĩa gì, nhưng bây giờ nó có giá trị rất to, vừa là hi vọng cuối cùng. Cánh cũi khô của người chết đuối dờ.



Bỗng cửa phòng mở bung ra, như bị một luồng gió mạnh xô đẩy. Một bà lão ngoài sáu mươi tuổi, bó chân, trông mặt có vẻ đánh đá, hai tay dắt hai đứa bé chừng mười bốn mười lăm tuổi, sòng sọc tiến thẳng vào, vụt như tên bắn.

Cả ba người ngồi trong phòng lúc ấy, đồng thời giật nảy mình, cùng lỗ mắt nhìn ra, ngẩn ngơ sửng sốt. Vì choáng hồn, vì chàng nhận ngay bà lão với hai cậu bé là ai; chủ hiệu Thuận Ký vội vã đề bàn tay trên hai phong bì giấy bạc; chương khế thì đứng phất dậy.

Bà lão thân nhiên nói bằng tiếng Ảng Lê:

- Tôi xin lỗi quan chương khế về sự tôi vào phòng văn của ngài một cách đường đột như thế này, nhưng rồi xét đến lí do, tất ngài rộng lượng tha thứ. Thưa ngài, lẽ phải và quyền lợi giục tôi đến hấp tấp để phản đối cuộc mua bán nhà cửa này.

Ông William đưa mắt vào bà lão và hỏi Vi:

- Bà cụ là người thế nào với ông?
- Thân mẫu người vợ tôi đã quá cố; chàng đáp câu hỏi của chương khế và mắt nhìn bà lão như có ý van lơn.
- Còn hai cậu bé xinh xắn này?
- Chúng nó là con tôi.

Chàng nói mà vẫn ngồi nguyên vị, nếu trong trường hợp nào khác, tất chàng đã chạy lại bên con vuốt ve yêu dấu; nhưng ở trường hợp này hai đứa trẻ đứng về mặt trận đối địch mà bà ngoại là tướng chỉ huy. Lạ thay! Chúng nó cũng lạnh lẽo đứng đưng trước mặt chàng, chỉ riu riu bên cạnh bà ngoại.

Ông chương khế kéo ghế mời bà cụ ngồi tử tế rồi hỏi:

- Bà cốt đến phản đối cuộc mua bán nhà cửa này, vì quyền lợi của hai cậu bé cháu đây hử?
- Thưa ông, vâng! Bà cụ trả lời.
- Tất bà có một lí do, nói rõ hơn một bằng cứ gì dựa theo luật pháp để phản đối.
- Lí do ấy là không phải tiền riêng của người rể tôi đây đã tậu ba ngôi nhà định bán bây giờ; có hai phần ba là vốn liếng con gái tôi. Vậy thì một mình rể tôi không có quyền bán.



- Nhưng địa đồ vẫn tự đứng tên ông Vi tất cả.

- Ấy thế mà rể tôi không có quyền bán, hay là không có thể nói chuyện bán chắc gì được nữa.

- Sao lại lạ thế?

- Không có gì lạ, thưa ông. Vì là ông Vi, rể tôi, đã thuận tình nhường đứt quyền lợi sở hữu cho vợ là mẹ hai đứa bé này rồi. – Thật ư? Chương khế hỏi có vẻ nghi.

Thật lắm! Bà cụ trả lời dứt khoát.

- Thế bà có giấy tờ gì làm chứng cho việc thuận nhượng ấy không?

- Thưa ông, chẳng có giấy tờ thì tôi có đến làm gì ở đây, vô ích.

Bà lão vừa nói vừa lục tận túi áo trong cùng, kéo ra một cái hồ bao bằng gấm, đựng nhiều giấy tờ quan hệ, chọn lấy một tờ đưa cho ông chương khế xem.

Từ lúc hai người nói chuyện với nhau, chàng chỉ ngồi yên lặng, chẳng xen vào một tiếng nào; đến khi nghe bà nhạc mẫu nói có giấy tờ, bỗng chàng xám mặt.

Quả thật tờ giấy chính tay chàng viết, hồi còn làm việc ở Hương Cảng, nhường đứt chủ quyền cả ba ngôi nhà cho vợ, để vợ giữ ngày sau cho con. Chữ kí tên, có quan lĩnh sự Pháp và chính phủ Hương Cảng nhận thực, lại có hai nhà danh giá đứng tên chứng kiến nữa.

Chương khế xem đi xem lại kĩ lưỡng rồi gật đầu, nói:

- Thật nhỉ!

- Tôi nhớ không hề làm giấy thuận nhượng thế ấy bao giờ.

Chàng nói và đỡ lấy tờ giấy để xem, sắc mặt hầm hầm, toan xé phăng đi cho mất tích. Nhưng cả chương khế và bà lão cùng nhanh mắt, trông thấy cái cử chỉ của chàng chực xé tờ giấy, đồng thời hai người cùng đưa tay dằng lại được và nói:

- Đừng có làm chuyện đại dột thế chứ!

Chàng thở dài, không nói gì.



Chủ hiệu Thuận Ký vội vàng bỏ hai gói bạc giấy vào túi, rồi đứng lên cáo từ:

- Hà! Cái này lồi thôi quá. Tí nữa tôi ham rẻ mua lắm, không khéo đến bị kiện cáo và mất tiền toi. Thôi, xin chào các ông và cảm ơn bà cụ, không có bà cụ đến thì tôi mắc lừa.

- Phải, mấy ngôi nhà này không thể mua bán được đâu! Chương khế bắt tay tiễn biệt và nói.

Ngồi thừ như cây gỗ, chàng chỉ đưa mắt trông theo chủ hiệu Thuận Ký, như thấy cái hi vọng tối hậu đã nắm trong tay mà vượt ra đi mất.

- Còn chuyện giữa ông đây và bà cụ, bây giờ tính sao? Ông chương khế hỏi.

- Thưa ông, có chuyện gì đâu, bà cụ đáp. Nhân tiện, tôi sẽ nhờ ông bằng theo giấy tờ này để làm lại văn tự ba ngôi nhà cho hai đứa bé này và em gái nó. Và xin phép ông cho tôi ngồi đây nói chuyện với rề tôi một vài câu.

- Vâng xin bà cứ tự tiện.

Ông William nói rồi ra đứng bên cửa sổ, cách xa bàn giấy, để cho hai người đàm đạo việc riêng với nhau.

Với giọng ôn tồn, bà cụ nói nhỏ nhẹ, vừa đủ Vi nghe:

- Này anh Vi ơi! Con ơi! Giờ tôi mới hiểu vì sao anh ở bên An Nam sang, hai ba lần đến nhà thăm tôi, thăm con anh, anh có ý khản khoản bảo tôi đưa tờ giấy nhượng quyền năm nọ để anh làm lại. Một hai, tôi nói giấy ấy mất rồi, anh có nhớ không? Giời cho bà nuôi cháu, cũng như mẹ nuôi con, vì sự lợi ích tương lai của chúng nó mà mình có cái khiêu linh thính tự nhiên. Tôi biết anh dỏ cho tôi đưa ra để anh xé đi, như anh định làm liều ban nãy, cho nên tôi không đưa. Anh xé để làm gì? Để bán cho dễ. Vì từ ngày anh về... cờ bạc chơi bời, khuynh gia bại sản thế nào, tôi biết hết cả. Đón trước ý muốn anh sang Hương Cảng tìm cách bán nốt mấy ngôi nhà, cho nên hôm nay tôi mới đến đây. Đến để cản trở anh cho khỏi mắc tội, vì anh bán mấy ngôi nhà này là một tội đấy. Anh chỉ biết huy hoắc cho sướng lấy đời mình, không nghĩ đến tương lai của con à?

Nói đến đây, bà cụ khế dúi vào tay chàng một tấm chi phiếu nhà băng:



- Tôi hiểu tình cảnh anh đang cần tiền lắm, tôi tặng anh tám chi phiếu một vạn rưỡi đồng đây, ra Hồng Kông Bank lĩnh, rồi xuống tàu về... đi, cố lo buôn bán làm việc, may ra khôi phục được nghiệp cũ. Đừng mơ tưởng gì mấy ngôi nhà bên này nữa, vì anh không có quyền; cũng đừng lo mấy đứa con bên này, vì đã có tôi chăm nom. Thôi, đứng dậy về đi. Và gắng can đảm làm việc, chớ có chơi bời cuồng dại nữa nghe.

Chàng hầu như người máy, đứng lên đi ra cửa, không cảm ơn bà cụ, không hôn con, không chào chương khế, cứ sừng sững bước ra, trong tay cầm tờ chi phiếu, vạn rưỡi bạc.

Bà cụ trông theo, có vẻ ái ngại, buồn bã, trên hai mắt nhăn nhúm có lăn xuống mấy giọt lệ. Vừa lúc ông chương khế quay lại chỗ ngồi cũ, bà cụ gượng cười và nói:

- Thằng rể tôi bấy lâu buôn bán... lỗ vốn hơn 100 vạn. Giờ nó bất đắc chí, gần như người điên, đến nỗi quên cả việc mình làm, nhưng mà bản tính nó tốt, ông ạ.

Ông chương khế cười nụ và tiễn bà cụ ra về; trong vẻ cười ấy dường như muốn nói với bà cụ: - Thưa cụ, tôi ở Hương Cảng hơn ba chục năm, ngày trước đã biết tiếng rể cụ là ai rồi.

\*

Rể cụ đi thẳng ra Hồng Kông Bank lĩnh được vạn rưỡi bạc; trong lúc đi đường, gió đã đánh bay mất những lời trung hậu của bà nhạc dặn dò “đem về làm vốn buôn bán kinh doanh, may ra khôi phục cơ nghiệp cũ”.

Sau khi thấy túi mình cộm lên những giấy bạc là giấy bạc, việc chàng nghĩ đến trước hết là nhảy đi Thâm Xuyên. Nơi đây, mười năm về trước, có đêm mình đã ăn thua bạc vạn, khét tiếng làng chơi.

Máu cờ bạc lại sôi lên sùng sục.

Tại sông bạc, chàng gặp đám ba người bạn cố tri. Họ đã quên việc sủng lậu ngày nào, và định ninh tin tưởng chàng vẫn là phong lưu công tử, bách vạn phú ông. Người nọ người kia xúm lại thăm hỏi:

- Kia! Vi tiên sinh sang đây du lãm cảnh cũ, hay có công vụ khẩn yếu gì nữa?



- Ấy, cả hai mục đích: chàng đáp một cách hãnh diện tự nhiên. Nhưng cốt nhất là vì chi điểm hăng Lloyd ở đây viết thư mời sang có việc thương thuyết giao dịch.

Ta nên biết hăng Lloyd, gốc ở Luân Đôn, là một công ti bảo hiểm to nhất thế giới. Có việc thương thuyết với hăng ấy, mà lại chính họ mời sang, không phải là chuyện bảnh bao tầm thường.

Thì ra cả cuống chết đến tận đít, cũng vẫn còn cay.

Nhưng đã lâu nay, con ma Bất hạnh ám ảnh theo chàng bèn gót. Từng bức một, nó dun dui chàng phải trụt xuống cái thang phá sản tuyệt nghiệp. Chứng cứ là ở nhà hết tiền, sang đây tính đánh liều, bán phức ba ngôi nhà lấy sáu vạn bạc, mà mưu mô võ lữ không xong. Vì lẽ gì, các ngài đã thấy. Tuy vậy, cũng vớ được vạn rưởi bạc của bà nhạc đền bù cho, chàng phăm phăm vào sông phán thán, tài sừ, quyết đem số bạc ấy làm vốn làm mồi, như cách người xứ Lào thường đem voi đi dỗ voi, để xâu lấy gấp năm gấp bảy, rồi sẽ trở về Hà Nội, lại thả tung lên một độ cho chúng nó biết tay.

- Có đũa trong tay chỉ có năm bảy đồng mà dậy hóa lên được bạc vạn, huống chi mình có bạc vạn, lại là tay sành?

Chàng nghĩ như thế, cho nên quyết đến Thâm Xuyên dậy hóa. Sông chứa lớn, nhiều kẻ dám ăn thua to, tiền bạc đổ ra như trấu thế kia, mình đưa những ngón riêng ra, trời cho trong mấy canh, bốc lấy một vài chục vạn không phải khó gì!

Cơ khổ, thời cùng vận mạt, luôn mấy đêm chàng giở ngón mà đêm nào cũng thua. Số tiền vạn rưởi đem đến đây dậy hóa, hình như củ cải phơi nắng, chỉ thấy tóp lại, không nở thêm ra.

Hay là không phải chỗ, không hạn tuổi. Theo sự mê tín, muốn cầu tài phải tìm chỗ nào hạn tuổi nhằm hướng mới được. Chàng bỏ Hương Cảng đi Áo Môn, định rủ tên cự đồ đệ Á Khâu cùng đi để nó đóng vai “cò mồi”, nhưng Á Khâu sợ tôn âm đức, không đi.

Áo Môn đánh bạc còn to hơn, và giấy bạc đề hàng chồng cả trên chiếu, trông thấy mà ngót. Trong Nam kì, đã có tay đại đồ là Sáu Nhiều sang cù lao này đánh bạc, vớ được mấy chục vạn đem về. Chàng Vi ta cũng muốn thế, song mười canh khéo lắm chỉ ba được bảy thua. Được



không bao nhiêu mà thua thì liềng xiềng, mặc dầu có thủ đoạn ngoại khoa.

Tong cả vạn rưởi.

### XXIII. NHẮM MẮT CHỈ CÒN LẠI 8 ĐỒNG BẠC

Buổi chiều một hôm, dạo tháng tám năm 1934 hay 1935, người kể chuyện không nhớ rõ, có hai ông đã lớn tuổi, diện âu phục sang, đầu trần dắt tay nhau đi loạng choạng như người say rượu, vào gian chính giữa nhà ga Hà Nội.

Họ say rượu thật, say đến mất cả bản tính và nhã độ, chân bước xiêu vẹo không vững; lúc mới lên bậc tam cấp, một ông suýt ngã dúi đầu xuống, làm mấy cậu nhỏ bán báo cười ồ lên. Họ nói chuyện với nhau nghe thật bè nhè, và tiếng nói oang oang như lệnh võ, dùn cả nước bọt ra hai bên mép, không còn biết nhà ga là nơi trú nhân quảng tọa, một cử động gì khiếm nhã cũng bị lườm ngó, chê cười.

Đến khi vào trước ghi sê hạng ba, người nọ thò tay vào lấy vé thì người kia nắm áo kéo ra, rồi thì nhăn nhó, dằng co, cười đùa, cãi lầy, diễn ra một tấn náo kịch vừa khôi hài, vừa quái gở.

- Hai vé khứ hồi Lạng Sơn có ghé Đông Mỏ! Một ông đưa tiền vào ghi sê, nói với thầy kí bán vé.

- Tớ đã bảo tớ không đi Lạng Sơn! Ông kia nhất định kéo ra, làm văng cả tiền xuống đất.

- Cứ đi! Đẳng này cho vay trăm bạc mà dậy hóa.

- Không, không!

- Sao hôm nay đẳng ấy kì thế? Cứ đi!

- Muốn đi thì đi một mình, tớ về.

- Tại sao bây giờ lại sợ Lạng Sơn, Đông Mỏ; sợ nó có răng nó cắn à?

- Tớ thề đến chết không thềm bén mảng đến vùng ấy nữa.

- Thật hay bõn?... Thôi đẳng này hiểu rồi!... Xin thưa với các ông



bà (nói với mấy người đứng gần), ông này từng lên mặt đại phú ở Hà thành ta, nhưng chắc độ nợ lên Lạng Sơn Đồng Mỏ, cao lâu ăn quyết...

..... cho nên bây giờ không dám vác mặt lên nữa, chứ gì?

- Ấy, đại khái đâu vào quăng ấy. Ha, ha!... Thôi, ta cùng đi về, họp ở nhà tớ cũng được. Gọi thằng Phụ, thằng Điền, thằng Nghĩa đến.

Thế rồi hai người bá cổ nhau khập khểnh đi ra, cử chỉ cũng kì quái như lúc mới vào. Mọi người trông theo mà cười, bảo nhau chẳng phải tốn tiền đi rạp Quảng Lạc cũng được xem một tấn hài kịch đấy.

Người cứ giầy nẩy không chịu đi Lạng Sơn, không phải ai lạ: chính là Vi.

Sinh bình sẵn tiền ham vui, nhất là nơi có cờ bạc thì ai rủ cũng đi ngay, nhưng giờ chàng từ chối đi Lạng Sơn, trong sự từ chối ấy chẳng phải có ý “làm khách”, thật ra chỉ vì “sợ khách”.

Lúc ở Hương Cảng Áo Môn trở về, chàng bản thân như một người có sự gì thất ý, tuyệt vọng.

Chàng hết tiền.

Hôm đi, chứa chan mong mỏi sẽ có năm bảy vạn về khoản bán nhà; đến hôm về, hồ bao lép xẹp như bụng con mèo đói, không có được lấy ba trăm đồng bạc. Một đêm, còn là khách lữ hành trên tàu bẻ từ Hương Cảng về, chàng đứng dựa bao lơn nhìn nước trông mây, vô hạn cảm khái, toan nhảy phăng xuống vịnh Bắc kì, làm một cuộc tắm gội thiên cổ. Nhưng nghe như có cánh tay vô hình cản lại và có tiếng gì thiêng liêng bảo nhỏ bên tai:

- Vội gì thế? Trời cho hàng trăm vạn mà không biết đường dùng, ai bảo nông cuồng dại dột, đi ném tứ tung cho hết, giờ định tự tử lấy mình đấy ư? Muốn thế thì được, nhưng hiện giờ thì hãy khoan! Phải sống thêm ít lâu, để ném chơi những mùi đời túng nghèo cay đắng xem nó thế nào đã chứ!

Từ đấy về sau, chàng thường nói với nhiều người rằng đời mình sẽ bất đắc kì tử. Mà lạ thay! Lão thầy bói bát quái ở ô chợ Dừa cũng có tài tiên đoán số chàng như thế.

Bao nhiêu lâu đài phố xá ở Hà Nội đã bán sạch rồi, bây giờ cũng



phải làm theo câu phong dao tân thời như đa số người ta: “A, B, C, không có nhà đi ở thuê”. Chàng thuê một ngôi nhà của mục Đốc Sao ở phố Lê Lợi để đánh bạc kiếm tiền.

Hồi nào đánh bạc vì thị hiếu, vì hãnh diện, vì kiêu căng, tung vãi tiền bạc ra để nuôi sống làm giàu người ta; giờ lật ngược lại, đánh bạc để cung cấp cho sự cần dùng sinh tồn của mình. Hai việc khác hẳn.

Nhưng ban đầu những bạn thân vừa là con bạc như bọn Nghĩa, Diên, Phụ, thường đêm còn kéo tay nhau đi chơi đến nhà chàng tụ họp bài cào rút bắt, cho chủ nhân kiểm chác dăm bảy chục tiền hồ; rồi sau họ lảng dần, họ đi chỗ khác. Chính họ cũng tìm cách xa người tránh mặt, chác hẳn vì thấy chàng nghèo, chả còn gì cho họ phỉnh phờ cạy gỡ như trước.

Đã nói lúc chàng giàu có, nhiều người khéo đánh vào chỗ yếu là tính nết ưa nịnh mà tán tỉnh vay mượn. Được nghe giọng thái sư thì thích, chàng cho vay chỗ này bạc vạn, kẻ kia hàng nghìn, gộp lại có thể là một sản nghiệp to, nhưng rồi mười phần chẳng đòi được một; nay chàng túng thiếu cần dùng, đi tìm họ thì họ trốn, hay là cho ăn bánh ngọt, đưa lên mây xanh, chàng nghe bùi tai khoái ý, là xong.

Chán cảnh Hà Nội, chàng thu nhặt được một ít vốn, bò lên Lạng Sơn Đồng Mỏ đánh bạc; vùng này có sông công khai, nhiều người không lạ. Độ ấy bọn chứa thổ đồ hồ ở đất nghìn năm văn vật bị nhà chuyên trách cấm đoán rất nghiêm; cả những người có máu ít xì xóc đĩa cũng thế. Ai muốn kiếm ăn hay dốt túi trên chiếu đỏ đen, thì lên mạn ngược.

Một chú khách ở Lạng Sơn – có người bảo tên là A Wong, nghe danh tiếng Vi, mượn người giới thiệu cho hẳn được kết giao. Nào phải hào tình hiệp nghĩa gì ở giữa làng chơi, kì thật A Wong có ý lợi dụng, hẳn phong văn chàng có thể lực như trời, tướng thế lực ấy giờ cũng vẫn còn ghê gớm, gõ cửa nào cũng mở, bôn tẩu vận động hộ ai việc gì cũng xong.

- Ông Vi ơi! Tôi muốn nhờ ông giúp hộ việc này.
- Việc gì thế? Chàng hỏi.
- Xin phép mở một sòng bạc nữa ở Lạng Sơn.

Lúc ấy ở tỉnh biên thùi này đã có sòng đánh xóc đĩa do một người



khách trú khác thâu rồi, mỗi ngày thu lợi rất khá, A Wong ta muốn mở một sòng nữa để cạnh tranh mỗi lợi. Hấn nghe người ta nói việc ấy chỉ nhờ Vi xin phép hộ, thế nào cũng được.

- Thế nào? Ông có giúp hộ tôi việc ấy được không? Bao nhiêu thì bao nhiêu! A Wong thiết tha tin cậy thế lực của chàng.

- Hừ! Việc dễ như trò chơi trẻ con, tôi nói một tiếng thì xong. Nhưng mà...

- Vâng, vâng, tôi hiểu rồi.

A Wong đưa trước cho chàng hai nghìn đồng bạc.

Từ đây, chàng cạch miềm thượng du, như người sợ rừng có hùm thiêng cộp dũ, không dám bước chân vào. Ai rủ đi Lạng Sơn Đồng Mỏ, chàng dầy nẩy từ chối.

\*

Mấy năm về sau, đời chàng xoay quanh trong vòng bôn tẩu lật vạt, hễ có món tiền nào cũng vẫn ném vào cờ bạc, mặc dầu tiêu khiển cò con. Quả chuông vang rền thừa trước đã vỡ rồi, gõ không kêu nữa.

Một ngày một bước đi sâu vào hang cô độc, nghèo khổ.

Nhiều khi đến một sự cần dùng nho nhỏ cũng thiếu. Giá chỉ nhặt lại được những cái mảnh vụn tung qua cửa sổ hồi xưa, cũng đủ phong lưu chán!

Con người ta đến lúc mặt lộ cùng đồ, đến cái tình yêu cũng thấy vắng vẻ túng thiếu, không những tiền bạc. Hồi này, người biết thương yêu giúp đỡ chàng, chỉ có người anh ruột chàng. Những lúc chàng nằm trên vàng, đi trên bạc, ông không biết đến và dự gì vào các cuộc ăn chơi phóng đãng của em. Giờ ông giúp đỡ chàng theo sức hữu hạn và nuôi hộ một vài đứa con của người vợ Tàu để lại.

Còn bè bạn thì xa lảng hết. Họ chỉ biết có người bạn lúc nào có thể cho họ vay tiền, rủ họ đi hát, để họ lợi dụng; người bạn ấy nay sa sút nghèo khổ, thì họ không quen. Chẳng những thế, họ lại khinh chàng, tránh xa như bệnh dịch hạch và kiếm chuyện bêu rêu chê bai chàng đủ thứ.



Có một vài người, chàng tưởng lúc hoãn cấp có thể kêu gọi lương tâm họ, nhưng cũng thất vọng nốt.

- Nhỏ! Mày đem thư lại nhà ông Phụ thế nào?

Bầm, ông ấy không có nhà! Thằng nhỏ đáp.

- Sao không lại nhà báo mà tìm?

- Con có lại, nhưng người ta không cho vào. Con nhờ họ đưa bức thư, họ trở ra bảo rằng: Về đi không trả lời gì hết.

- À bạn bè thế này thì tệ thật! Những lúc mình còn giàu có, mời chúng nó ăn Métropole, uống rượu Mumm xuống nhà Đốc Sao luôn, thì giờ nào chúng nó cũng có nhà, ở sở bận việc mấy cũng tiếp, thư nào cũng nịnh hót như khướu!... Thế còn ông Điền thì sao hử mày?

- Thưa, ông ấy có thư phúc đáp đây.

Chàng bóc ra xem, thấy một tờ giấy bạc năm đồng, với mấy hàng chữ viết trên mảnh giấy gói thuốc lào: “Ai bảo nông lắm thì chết. Cầm năm đồng bạc tiêu tạm, chứ nhiều thì làm gì có. Lăn chót đấy nhá!”

Kì thật, lần này mới là lần đầu tiên chàng hỏi vay Điền trăm bạc mà Điền xì ra năm đồng. Gọi là hỏi vay cho nhẽ thế thôi; ngày trước Điền lợi dụng vay xỏ và tiêu tiền của chàng không biết bao nhiêu mà nói.

Chàng tái mặt, giận run lên:

..... Nó làm thế này thì bỉ mặt tao quá. Lại còn chửi tao nông thì chết; hồi đó tao có nông dại dột thì chúng nó mới lợi dụng chằm mút được chứ!... Rõ quân bất lương, một người đã ngã, chúng nó còn đập thêm!... Chúng nó ăn ở khốn nạn như thế, có giới chúng giám!

Rồi chàng xé nhỏ tờ giấy bạc, quăng vào ống nhỏ; miệng vẫn còn..... làm rầm. Giữa lúc ấy trong túi chàng còn có mấy hào. Chàng nghĩ nhân tình thế thái mà tức lộn ruột; nhất là Phụ, Điền cùng giàu có cả, mà họ xử với người cố giao trong cảnh sa sút như thế thật tệ.

Mấy ngày hãy còn căm tức bè bạn vô tình, thì ông Thái An lù lù đến. Ai cũng nhớ ông này hồi trước khuyên can chàng thế nào đến nỗi, chàng bung tai và xua đuổi, hai bên tuyệt giao đã lâu lắm. Lúc ra cửa,



người bạn bị đuổi đã nói “Tôi mong giờ còn để sống, cho được trông thấy cảnh bác nghèo khổ, bạn bè làm lơ”. Bây giờ trông thấy người nói câu ấy dần xác đến, chàng cho là một sự mỉa mai.

- Ông đến để mục kích cảnh tượng nghèo khổ của tôi đây, phải không?

- Không! Tôi đến thăm bác, chỉ tỏ trong cảnh phú gia mặt vận của bác, ai cũng lãnh đạm bỏ quên, nhưng còn có thằng bạn già này.

Ông mở gói tiền ra, có bốn trăm bạc, đưa cho chàng hai trăm:

- Tôi vừa bán miếng ruộng tổ ấm ở nhà quê, mới có món tiền này, chúng ta chia nhau.

Chàng ngồi nhìn sững ông bạn già, nghẹn ngào không nói được, bên khóe mắt điểm mấy giọt sương.

Con người kiêu căng ấy, có lẽ cảm động đến phải thùy lệ, là lần thứ nhất.

Nhưng cái trạng thái, chỉ như đám mây con, che lấp ánh nắng mặt trời dữ dội trong giây lát, rồi nguyên hình thế nào lại hiện ra. Có tiền trong tay, chàng lại đánh bạc, đánh một cách say sưa, vô vấp, chẳng khác gì người đói lâu, vớ được nồi cơm.

Chỉ được vài ngày, hai trăm bạc tong hết, lại vớ hai bàn tay trắng, mà người bạn như ông Thái An thì không có đâu nữa.

Vầu nhon nghèo khổ chỉ buông chàng ra trong cơn chớp nhoáng, rồi lại vồ lấy mà giữ. Bạn này nó quắp thật chặt và mỗi ngày một bóp chặt thêm.

Phong trần cho bỏ lúc phong lưu.

\*

Một ngày cuối năm 1939, chàng nghĩ mình bị dày chịu khổ đã nhiều rồi, quyết định vượt ngục thế gian.

Móc túi ra kiểm điểm tài sản, vừa vặn còn được tám đồng bạc, chàng gọi thằng nhỏ, đưa cho nó bốn đồng bốn hào và bảo:

- Đi mua cho tao hộp thuốc phiện.



- Hôm nay ông hút sao mà mua nhiều thế? Thằng ở lấy làm lạ.

- Ủ, có lẽ tối nay tao có khách, không thì để dành.

- Thưa ông, một hộp...

- Hộp 20 phân ấy, tức là nửa lạng, bốn đồng tư.

Thằng ở chạy đi mua hộp thuốc đem về, chàng khen mãi nó nhanh nhẹn được việc:

- Còn ba đồng sáu đây, tao thưởng cho mày.

Nhỏ ta không hiểu tại sao ông chủ nghèo túng mà hôm nay lại rộng rãi thế.

Chàng uống tất cả hộp thuốc phiện ấy.

Người ta đưa vào nhà thương Đặng Vũ Lạc thì chết.

Lúc sống bao nhiêu bạn bè, mà đám ma lơ thơ không có mấy người đi đưa.

Có kẻ hiểu sự, bắt chước một bài thơ cũ, gọi là điệu chàng:

*“Đã mấy mươi phen chực bán trời,  
Trời cười thằng ấy khổ vì chơi!  
Cho hay trăm vạn mà ra thế,  
Giấc mộng phong lưu chẳng trót đời!”*







ĐÀO TRINH NHẬT  
(Hong Phong)

# ĐÓNG CỬA DẠY CHỒNG

*(Tiểu thuyết phóng sự xã hội)*

TRUNG BẮC CHỦ NHẬT  
(từ số 99/1942 - 138/1942)









## ĐÔNG CỬA DẠY CHỒNG

Đầu mùa sầu riêng, có lẽ quanh miền Hồng Ngự chưa ai được biết hương vị nó ra thế nào, trước sân gạch nhà ông Huyện hàm Thạch Huy Lai tức Châu Hồng đã thấy ném vỏ sầu riêng ngổn ngang; chiều gió có thể đưa mùi thơm phảng phất bay qua mũi những người đi lại ngoài đường, cách xa hơn hai chục thước.

Một nhà trồng bắp (lúa ngô) và buôn bắp phát đạt nhất vùng có khác, mùa nào thức ấy, họ cúng vái thần khẩu một cách chịu khó cầu kì, và chiều chuộng con tì con vị của họ đáo đẽ, không ngại gì những sự tốn kém xa xôi.

Nhà ông Châu Hồng ở tít trong đồng ruộng mênh mông, gọi là đường lối giao thông chỉ có những ngòi với rạch. Người ta đi lại đã có đò dọc tàu con, nhưng ông giàu có lớn, ông sắm riêng một chiếc ca nô chạy bằng máy dầu xăng, cũng như trên bộ có xe hơi nhà vậy. Mỗi năm đến mùa sầu riêng, muốn được thưởng thức hương vị của thứ giai quả ấy sớm hơn hết thấy mọi người quanh miền, ông Châu Hồng sai người đi Kampot hay lên Nam Vang mua về, có phần thuận tiện nhanh chóng hơn, vì tỉnh Châu Đốc tiếp giáp đất xứ Cao Miên, nơi sản xuất sầu riêng không khác gì đất Bắc ta sản mít.

Song, người sành ăn và kén chọn như ông chê sầu riêng Nam Vang không thơm tho ngon lành như sầu riêng ở Lái Thiêu, tỉnh Thủ Dầu Một. Đầu mùa mới có, người ta bán đồng rưỡi hay hai đồng bạc một kí lô. Một quả trung bình độ ba kí lô, trị giá sáu đồng bạc, mà bên trong chỉ có độ dăm múi bằng quả chuối tiêu. Bởi vậy, những hạng giàu có như



ông mới dám ăn sầu riêng đầu mùa; nhất là, cho người lên tận Sài Gòn mua hàng sọt đem về, sao được vừa chín thì ăn mới ngon, đừng sớm quá cũng đừng muộn quá. Thành ra của một đồng, công một nén, ông ăn sầu riêng gần như các vua ta thuở xưa ăn nhãn tiến Hưng Yên hay mía tiến Thanh Hóa.

Tuy vậy, mùa này người ta thấy gia nhân ông Châu Hồng đi Sài Gòn chở về ba bốn sọt sầu riêng, nghĩa là gấp hai mọi năm. Chẳng những ông nghiện nó, ăn tươi no chán, còn bắt chước người Thái Lan thổi xôi sầu riêng, hoặc làm mứt để dành mùa này qua mùa khác, người ta nói năm nay ông cao hứng, mua nhiều về làm quà cho bà con, vì ông có một chuyện khoái lạc trong tinh thần. Chắc hẳn sự vui mừng thảng trước đã gả chồng cho cô con gái lớn kết duyên với một anh chàng nào đó hình như danh giá lắm.

Chiều hôm qua, hai vợ chồng tân hôn dắt nhau lên Châu Đốc để hôm sau đi Sài Gòn, theo lời chàng rể, tính sắp đặt mở ra một xưởng chế tạo nước hoa, vì chàng là chân kỹ sư hóa học.

Có được chàng giai tể như thế, ông bà Châu Hồng vui vẻ vô hạn. Ông hứa cấp vốn cho mà mở mang công nghệ, dù cần dùng mấy chục vạn cũng có.

Sau hôm vợ chồng trẻ đưa nhau đi rồi, hai ông bà chiếu theo lệ quen từ khi bắt đầu mua sầu riêng, cứ đến bốn năm giờ chiều lại bỏ một vài quả ăn chơi và bàn định cái chương trình xây đắp tương lai thật rục rờ cho con gái và chàng rể.

- Ba con Minh Cẩm kì cục quá! Bà Châu Hồng nói. Sao không giữ vợ chồng nó ở nhà chơi ít lâu hãy đi. Mình có một nó là con, nhà lại dư tiền bạc sung sướng, vội gì đi lo làm ăn ở đâu cho cực thân?

- Ê! Má nó quê mùa không biết đó thôi, ông cười và đáp. Xã hội của thằng Hai (tức chồng Minh Cẩm) và chỗ thích hợp cho nó vẫy vùng làm nên quan sang chức lớn, là ở Sài Gòn kia, đâu phải ở xó đồng ruộng mình đây. Phải để chúng nó đi kinh doanh công kia việc nọ với người ta. Thằng Hai có bằng cấp Hóa học kỹ sư ở xã hội mình cũng là bậc quan lớn, người ta gọi là quan bác vật, má nó có biết không?

- Thế ư?... Nhưng không biết nó tính làm việc chi ở Sài Gòn?

- Đã bảo nó tính mở một xưởng chế tạo nước hoa, để cạnh tranh



với hàng ngoại quốc! Ông Châu Hồng nói câu ấy với tất cả vẻ đắc ý ở từng nếp da thớ thịt trên mặt.

- Hôm qua mình đưa cho chúng nó có hai nghìn đồng bạc mà đủ làm công việc mới nói đó à? Bà vợ hỏi lại một cách thực thà.

- Nhà quê! Công việc ấy sẽ bỏ vốn ra hàng chục vạn cũng còn là ít. Mình cho vợ chồng nó hai ngàn đồng, chỉ để thuê nhà, mua sắm nhiều ít đồ đạc, rồi một vài tuần lễ thu xếp nơi ăn chốn ở xong, hai đứa còn trở về đây, bây giờ mới cần đến số tiền lớn để tổ chức công việc.

Ta nên nhận thấy ông huyện hàm Thạch Huy Lai thường dùng những tiếng “quê mùa” và “nhà quê” mỉa vợ, để chỉ tỏ ra mình khôn ngoan thạo đời hơn. Trong gia đình, ông nắm chuyên chế, bà vợ chỉ biết tòng phục, vâng lệnh gả chồng cho Minh Cầm, cũng một mình ông định, tuy bà có phân trần lợi hại nhưng ông không nghe. Bà thật là một kiểu phụ nữ chất phác ở chốn nông trang. Quanh năm chỉ sống ở đồng ruộng, từ hồi nào đến nay ngót sáu chục tuổi, chỉ lên tỉnh thành Châu Đốc đâu một hai lần, còn Sài Gòn, Chợ Lớn phồn hoa náo nhiệt thế nào bà chưa trông thấy; đến đường đi xa gần, bà cũng chẳng biết.

- Giờ này vợ chồng nó đến đâu rồi? Bà hỏi. Chẳng biết đi đường có sự trắc trở gì không, tôi cứ thấy trong dạ bứt rứt làm sao ấy!

- Bà khéo lo những chuyện vợ vắn! Đời nay đường sá đi lại thông đồng, xe tàu chạy như bướm bướm suốt ngày đêm, có việc gì mà trắc trở. Kia đồng hồ đã gõ 5 giờ rưỡi, lúc này chắc hai đứa đã đến Sài Gòn rồi.

Hai quả sầu riêng còn trơ vỏ lại, câu chuyện gia đình nhi nữ vẫn không kém vẻ nồng nàn, bỗng dưng ông bà Châu Hồng cùng biến sắc mặt. Hai cặp mắt cùng trông ra ngoài ngõ một cảnh sững sốt kinh hoàng, hai trái tim già cùng đập một điệu hồi hộp. Một sự lạ khiến cho hai người cùng tái mặt hoảng hồn. Rồi không ước hẹn, cả hai đồng thời cùng thốt ra một câu đầy vẻ lo ngại:

- Trời ơi! Sao con Minh Cầm trở về mà hình dung tiêu tụy, nước mắt chan hòa thế kia?

\*

Quả thật Minh Cầm trở về.

Nàng vừa mới từ già cha mẹ, đi theo chồng buổi chiều hôm qua.



Trong khi cha mẹ ở nhà tính toán đường đất ngày giờ, yên trí rằng vợ chồng nàng đã tới Sài Gòn bình yên, tự dưng chiều nay thấy nàng lù lù trở về ngoài ngõ. Mà trở về trơ trọi một mình, đầu bù tóc rối, chiếc khăn trùm gần tuột ra phía sau, mặt mày mất cả sinh sắc, mới bước chân vào khỏi trong cổng đã òa lên khóc, cha mẹ nào ở trong trường hợp, thấy cảnh tượng ấy, cũng phải giựt mình hết vía, biết chắc có một sự biến cố phi thường đã xảy ra.

Bà mẹ tắt tả chạy ra ngoài sân ôm lấy Minh Cầm, trong lúc ông bố đứng run ở trên thềm hỏi lẫn hỏi đón:

- Sao con trở về có một mình; thế còn thằng Hai đâu?

- Nhà con đi mất đâu rồi không biết, Ba má ạ! Minh Cầm vừa mếu vừa đáp.

Không có bút nào tả hết được vẻ mặt kinh quái của hai ông bà Châu Hồng lúc này.

...., trái tim Minh Cầm bị kích động quá, đang phồng to lên, phải để nàng khóc một chặp, cho ngót trận bão đau khổ trong lòng, rồi mới hỏi chuyện được. Những giây phút ấy thường dài như một thế kỉ.

Nàng gục mặt trên bàn khóc âm, khóc thầm, khóc nức, khóc nở; bà mẹ đứng bên vuốt ve yên ủi, làm như khi con bà còn đang thời kì bú mớm vậy. Một lát nàng ngẩng mặt lên, nhìn cha mẹ bằng cặp mắt ngơ ngác, rồi thở dài và nói:

- Con tỉnh hay là mộng thế này?

- Việc rủi ro xảy ra thế nào, con nói cho cha nghe! Ông cụ giục già con, hình như ông yên trí con rẽ đã bị xe ô tô cán chết ở đâu giữa đường.

- Thừa ba, con đã nói nhà con đi đâu mất không biết; nàng đáp.

- Ủa! Hai vợ chồng cùng đi với nhau, giữa đường chồng đi đâu mất mà con không biết là nghĩa thế nào? Đời nay là đời văn minh khoa học, chứ phải như thời đại Phong thần Tây du hay sao mà bảo người ta tàng hình độn thổ mình không trông thấy.

- Thế mà cũng gần đâu vào chỗ ấy, ba ạ! Thật là một việc kì quái, đến giờ con vẫn còn bàng hoàng không hiểu. Để con nói hết cho ba má nghe.



- Ủ con nói đi! Bà mẹ đưa khăn ướt cho nàng lau mặt và giục con kể chuyện.

Minh Cầm vắt khăn mặt trên thành ghế, rồi thông thả nói:

- Buổi tối hôm qua chúng con đến Châu Đốc, ăn cơm tại nhà bác phán Vinh, rồi bốn giờ khuya ra đón xe ca Nghĩa Lợi để lên Sài Gòn. Vào khoảng chín mười giờ sáng nay, xe đến bến đò Mĩ Thuận. Lúc ấy phà máy đã ra gần giữa sông để sang bờ bên kia, thành ra hành khách phải vào trong các hàng quán ngồi đợi. Bến này, thường khi xe cộ phải chờ đợi nửa tiếng đồng hồ mới được qua sông. Con và anh Hai vào ngồi trong quán, uống nước dừa giải khát. Vừa uống độ nửa tô nước dừa, hình như anh Hai đưa mắt ra ngoài, trông thấy sự gì không biết, bỗng anh nhăn mặt rùng mình và nói nhỏ với con: “Mình ngồi đây, để tôi chạy ra bờ sông một lát nghe, tôi đau bụng quá!” Thế rồi anh chạy đi như gió, con không kịp hỏi lại, chỉ trông theo hút, thấy anh chạy ra bờ sông, rẽ sang tay phải, phía trên bến đò chừng hai chục thước. Con yên trí là anh đau bụng.

Chờ anh Hai trở lại, con đã nóng sốt ruột. Một chốc phà máy đã sang, con đi tìm đi gọi, chẳng thấy bóng dáng anh đâu cả. Con chạy ra tới chỗ bờ sông, đồ chừng khi nãy anh đã tới đó, chỉ thấy gò đồng và cỏ hoang, còn người thì tuyệt vô tung tích. Lúc bấy giờ con như điên cuồng, thôi thì chạy ngược chạy xuôi, kêu gọi rầm rĩ, nhưng chẳng nghe tiếng thưa nào khác hơn là vang bóng tiếng mình dội lại. Hành khách cả xe cùng cảm động hoảng hốt giùm con. Phà máy người ta chịu khó đợi thêm đến mười phút. Sau con phải lấy va li trên xe ca xuống, đành ở lại Mĩ Thuận để tìm cho được anh Hai, sẽ đi xe khác...

Minh Cầm kể chuyện đến đây, ông Châu Hồng vẫn ngồi nghe lặng lẽ, không động thanh sắc, còn bà thì sóng lệ dâng lên đầy hai hố mắt, mếu máo và nói:

- Hay là nó trượt chân ngã xuống sông mất rồi.

- Không phải, má ơi! Minh Cầm đáp. Không có thể nào ngã xuống sông mà không ai biết không ai trông thấy. Vì chỗ đó rải rác có hơn chục chiếc thuyền neo sát bên bờ, họ đang câu cá hoặc chuyển vận hàng hóa lên xuống, đông đặc rộn ràng, chẳng lẽ nào một người ngã xuống sông mà tuyệt nhiên mắt họ không thấy, tai họ không nghe. Ban đầu con cũng



nghĩ đến tai nạn rủi ro, nhưng mọi người trên bến dưới thuyền đều cho là sự vô lí; chính con suy xét sự tình cũng tự biết là vô lí thật. Có người nói: “Hay là thầy Hai nhà cô có nhân tình hẹn hò đâu đây rồi họ đưa nhau đi rồi?” Con nghĩ càng vô lí hơn, nhất là anh Hai không phải người thế; vả lại quãng này làng xóm cách xa, ví dụ có một anh đàn ông với một chị đàn bà nào đưa nhau đi tắt cánh đồng vào làng xóm, cũng không làm sao che nổi cặp mắt hiếu kì của thiên hạ.

Tuy vậy, từ lúc ấy đến hai giờ chiều, con vẫn hết sức tìm kiếm: thuê người lặn mò dưới sông, lục lạo các gò đồng bờ bãi tứ phía, chung quanh đến hàng cây số, lại vào mấy xóm làng phụ cận dò hỏi, không tìm ra một dấu tích gì cả.

Con gào khóc hơn con mẹ hóa điên.

Sau bốn giờ đồng hồ, cả con với bao nhiêu người ra công tìm kiếm cũng đều vô ích, con tính chỉ còn có nước trở về nhà để hỏi ý kiến ba má nghĩ xem một việc mất người lạ lòng như thế, xử trí cách nào cho phải? Có cần trình báo quan làng mở cuộc điều tra hay không? Bởi vậy, sẵn dịp có một chiếc xe lô ca xông (*location*) về qua Mĩ Thuận lúc non 5, 6 giờ chiều, họ đòi giá bao nhiêu con trả y vậy để mở hết tốc lực, cho kịp về đây trước lúc trời tối.

- Việc quái gở này phải trình báo mới được, con ạ! Cũng vẫn bà mẹ nói, trong khi ông cụ chỉ ngồi trầm mặc.

- Vâng, thì trình báo; Minh Cầm nói. Trình báo mà vạn nhất chàng bị rủi ro ngã sông chết đuối thật, chẳng nói làm gì; nhưng nếu không phải thế, mà vỡ lở ra chuyện chàng lừa gạt con đi theo nhân tình, như thiên hạ ở Mĩ Thuận đã thiết tưởng kia, thì xấu chàng hử ai, lại mang tiếng cho cha mẹ, nên con ngần ngại không muốn.

Việc còn kì quái hơn nữa, là khi con bước lên xe lô ca xông, sửa soạn mở máy, thì có một người đàn bà chừng bốn mươi tuổi, y phục nửa tỉnh nửa quê, mon men đến gần, nói nhỏ bên tai con thế này: “Thầy Hai của cô, chắc có người mời đi chơi đâu ít ngày rồi về, không mất biệt được mà lo...”.

- Ai mời đi đâu mà kì cục bất nhân như thế? Bà mẹ nàng phát gắt lên.

- Con mụ ấy có nói cả tên người nào mời, nhưng con quên lững đi mất... Hình như cái tên là... là... Tín.



- Tên người ấy là Tín à? Nãy giờ ông Châu Hồng mới điếm vào một câu hỏi.

- Thôi, con nhớ ra rồi, ba ạ!... Tên là Đon Hùng Tín.

Ba tiếng ấy có sức mạnh như sét đánh dưới chỗ ngồi, làm cho ông cụ phải chồm dậy trừng mắt nhìn con:

- Trời ơi! Đon Hùng Tín!... Thôi, thế thì ta biết rồi.

## II. Một người nằm trong “bụng chữa”

Trời sáng trắng sông.

Mặt sông Cửu Long ở khoảng này căng dài như một tấm vải rộng, không khí hiu quạnh bao phủ tứ phía, chẳng có tiếng động gì khác hơn khúc đờn vi vút từ trong những khu rừng lau sậy trùng điệp ở hai ven sông, và tiếng kêu hát gọi đàn của những loài chim ăn đêm.

Một chiếc thuyền buồm nhỏ, ngược lên theo tả ngạn, chạy về phía Châu Đốc. Trừ ra người cầm lái là một ông lão già ngót sáu mươi tuổi, thủy thủ có năm người, toàn là những trai tráng, lực lưỡng, trạc chừng hai mươi lăm ba mươi, xấp xỉ một loạt như nhau. Trong số ấy kể chung cả hai người đàn bà, nhưng đêm hôm rất khó phân biệt, vì người nào cũng để búi tóc và cùng mặc áo vải đen, quần vải đen, không khác nhau chỗ nào.

Thoạt trông như thuyền buôn bán, nhưng không phải, mặc dầu có chở trong khoang vài ba chục bao thóc lúa hay bắp ngô. Mấy chục bao hàng ấy chỉ là tấm bình phong để che mắt thế gian. Thuyền hơi dài mình và rộng bề ngang, lại kéo hai lá buồm, mà chạy nhưng không nhanh, chẳng phải tại thiếu gió, mà thật tại nó hai đáy. Dưới lớp ván để những bao hàng làm vì kia, còn có một đáy ....., trừ phi là người một hội một thuyền, không có ai biết.

Những người cùng hội cùng thuyền, có tên riêng, gọi cái đáy bí mật ấy là “bụng chữa”.

Chỗ nên để ý, thuyền không lúc nào đi cách xa bờ ba thước rưỡi hay bốn thước. Nhưng gió có đưa lạng ra ngoài ít nhiều, ông tài công tinh mắt thấy ngay, vội vàng sẽ lái cho thuyền trở vào tầm thước đã định. Bên mình lão có chai rượu phong ten, chốc chốc lão tu một hớp. Mỗi khi



tu hớp rượu trôi vào khỏi cổ, lão chép miệng một lần tỏ ý khoan khoái, rồi nói lầm rầm một mình:

- Cứ thế này thì cho cầm lái suốt mấy ngày đêm, lão vẫn tỉnh táo.

Mấy người thủy thủ cắt phiên nhau, một người ngồi trên then ngang đầu cột buồm cái phóng cặp mắt cú vọ ra tứ vi, để dò xét động tĩnh. Cách một giờ, người ấy xuống, người khác lên thay, trong khi anh em đồng bạn nằm ngồi hóng gió trên mui, giết bớt thời giờ bằng những câu chuyện tâm sự nhà nghề.

- Lúc này có ai nhớ có thằng cha nằm trong “bụng chữa” ăn uống gì chưa nhỉ? Một người hỏi.

- Có rồi! (tiếng người đàn bà trả lời). Đại ca dặn bảo cho nó ăn uống tử tế. Hồi bảy giờ tối, em đưa xuống cho một ổ bánh tây to tướng, hai hộp cá mòi, một chai nước suối, hậu đãi đến thế còn sao nữa.

- Chàng ta còn có bụng dạ biết đói kia ư? Người thứ ba xen vào.

- Trời ơi! Chàng đánh hết ráo (một chị đàn bà nữa cười và đáp). Anh thử mở “bụng chữa” ra xem có còn dính lấy mảy may ruột bánh hay vảy cá nào không?

- Tội nghiệp cô ả chắc phải khóc đến sưng húp hai mắt, bằng hai quả trứng vịt.

- Thôi còn phải bàn! Không có thế thì giờ này hẳn thầy cô âu yếm chuyện trò với nhau vui vẻ đáo để.

- Ta cho anh chàng lên trên mui hóng gió một lúc, có nên chăng, anh em? Một người ngỏ ý nhân đức.

- Ấy chớ! (cả ba người cùng gạt đi). Đừng có đại dột mà chết. Rủi nó nhảy tòm xuống sông mất, thì đại ca cho cả bọn mình đi về với ông bà ông vải đấy, không phải chuyện chơi.

- Các anh nói phải lắm. Tôi hỏi đùa chơi thế thôi, ai dám tháo cũi cho cọp sông mất để mà khổ thân! Có điều nghĩ đại ca chúng mình tài giỏi thật, việc gì mưu mô sắp đặt cũng là xuất quỷ nhập thần.

- Ủ, có thể thật! Người đàn bà thứ nhất nói. Em chỉ lấy làm lạ, trưa nay ở bên đò Mĩ Thuận, anh chàng đang ngồi trong quán với vợ, em chỉ đưa mắt ra hiệu, không hiểu sao cậu ta biết thân, đứng dậy đi theo ngay.



- Em không hiểu tại sao à? Tại ý muốn của đại ca chúng mình có sức hút như đá nam châm, anh chàng không theo không được.

- Cẩm nang của đại ca trao cho anh em ta y kế thi hành, vương tròn mọi sự, thế nào phen này ta cũng được luận công ban thưởng, anh em nhỉ?

- Cái đó đã hẳn, cứ nắm chắc mỗi đứa dăm chục, không đi đâu mất phần.

- Tôi cũng nghĩ thế, đại ca mình hào phóng có tiếng mà.

- Này, anh em ta mãi mê nói chuyện, tí nữa quên đứt một sự quan hệ...

- Sự quan hệ gì? Ba người kia cùng hỏi.

- Còn hỏi sự quan hệ gì à? Hình như chỗ đại ca hẹn ước gặp gỡ, gần đến đâu đây rồi. Anh em thử nhìn mấy khóm dừa và cái mô đất thè lè bên bờ sông kia, tôi vẫn nhớ rõ.

\*

Giữa lúc ấy, ở trong mé bờ, phía trước mũi thuyền độ bảy tám trượng, nơi có một túp nhà lá và mấy gốc dừa uốn mình ra ngoài sông, chiếu ra một ngọn đèn xanh tròn và nhỏ, sáng rồi tắt, tắt rồi sáng, lập lòe hai lần. Ngọn đèn này chỉ sáng hơn lửa đom đóm chút đỉnh, người ngoài cuộc có thể vô tình nhầm lẫn, nhưng kẻ trong cuộc dù xa nữa cũng trông thấy và hiểu nghĩa là gì.

Đây là đèn hiệu ở trong bờ, thay cho câu hỏi: “Có phải thuyền ta đó không?”

Người ngồi gác trên cột buồm cũng có đèn hiệu ấy nhấp nháy ánh sáng hai lần, tức là câu đáp: “Chính phải!”

Thuyền chưa kịp ghé vào bờ, đã thấy một bóng đen từ trên bờ nhảy vọt xuống, làm cho thuyền hơi tránh nhẹ một bên, rồi ông lão cầm lái, người trên cột buồm và bốn người đang ngồi trên mũi cùng đứng dậy một lượt, đồng thời nói một câu:

- Đại ca đã xuống.

Không cần đợi thuyền ghé vào đón, cái bóng đen vừa mới bước nhẹ một bước từ bờ sông xuống ngay mũi thuyền cách xa bốn thước, tức



là đại ca. Cái bước trúng đích ấy mà thuyền chỉ hơi tránh, đủ tỏ ra một người có bản lĩnh, không phải tay vừa.

Bóng trắng lù mù, nhưng cũng đủ chiếu rõ hình dung tầm thước người ấy rong rỗng cao, mắt hơi xếch, tóc chùng ngoài bốn mươi tuổi, y phục cẩm nhung màu đen, ngoài phủ chiếc áo bành tô bằng tuyết xo, túi trên lòng thông sợi dây vàng đỏ lóng lánh. Hai cái đặc điểm nữa là đầu đội mũ boy-scout, thứ mười tám hai chục đồng một chiếc, từ bên Mĩ sang; chân đi giày kiểu Mã Lai, thêu hột cườm ngũ sắc. Những tay ăn chơi anh chị ở Nam trung mười lăm năm về trước, phục sức phần nhiều như thế.

Bước chân xuống thuyền, việc trước nhất của đại ca là điểm danh bộ hạ:

- Ba Khâm!
- Dạ.
- Sùng Sa Đéc!
- Có em đây.
- Tư Sanh!
- Dạ.
- Năm Dưỡng!
- Dạ.

Hai người sau này là đàn bà, vừa là chị em ruột.

- Còn cậu già At cầm lái và Tám Xảo ngồi trên cột buồm phải không?

Ông già cầm lái và Tám Xảo ứng thanh đáp lại.

Đến việc thứ hai là kiểm điểm khí giới.

Đại ca vào trong khoang ngồi, móc lấy trong túi ra hai khẩu súng lục để bên cạnh mình, rồi gọi Sùng Sa Đéc, hỏi:

- Khẩu súng Labet, ta dặn lau chùi, chú đã nhớ lau chùi gì chưa?
- Thưa đại ca, em đã chùi đánh bóng lắm; Sùng Sa Đéc trả lời.
- Nạp đạn sẵn sàng rồi chưa?
- Dạ, nạp sẵn cả rồi.
- Chú để ở đâu?



- Em cất kĩ lưỡng ở dưới đồng bao lúa bắp kia. Đại ca cần dùng thì em lấy.

- Ủ, lấy đem ra đây, để bên mình ta. Cả túi đạn nữa. Lúc nào cũng phải phòng thân, chú nhớ dặn Tám Xảo ngồi canh gác phải mở mắt ra cho lớn, đừng có ngủ gục mà ngã gãy cổ nghe. Hơi thấy động rạng chút gì, lập tức báo hiệu cho ta biết.

Sau khi điểm tên bộ hạ xem có thiếu đủ mắt còn gì không, và dự bị khẩu súng để luôn bên mình phòng cơn bất trắc, bây giờ mới hỏi Ba Khâm công việc quan hệ về người đang nằm trong “bụng chữa”; công việc mà Ba Khâm đã vâng lệnh điều khiển và tiến hành.

- Thế nào, Ba Khâm? Công việc ở bên đó có thuận được như ý vẹn toàn đấy chứ?

- Thừa vâng, đúng theo như kế hoạch đại ca đã trù liệu và phú thác mấy anh em hiệp nhau.

Đại ca vừa nói vừa lấy ra hai tờ giấy bạc cầm đưa cho Ba Khâm. Anh này đón lấy, vẻ mặt hớn hờ và cảm động:

- Tất cả mấy anh em chúng tôi xin bái kính và cảm tạ đại ca rộng lượng.

- Với ta hồi nào tới giờ anh em thừa biết, thành công thì thưởng, bại sự thì phạt, là lẽ thường, cần gì phải cảm tạ hay không cảm tạ. Nhưng công việc thì thổ thể nào, kể chuyện cho ta nghe thử.

- Thì tôi đã nói đúng như kế hoạch đại ca trù liệu, không sai mấy may nào. Sáng sớm hôm qua, khi được tin chắc rằng anh chàng đang nằm trong “bụng chữa” này sửa soạn đi Sài Gòn với vợ, tôi sai ngay con Năm Dưỡng giả dạng đi bán lược và tráp đòi mỗi, vào tận nhà ông Châu Hồng, thừa cơ đưa cho anh chàng bức thư của đại ca. Con Năm Dưỡng xinh xắn lại có tài miệng lưỡi ứng biến, nó trao thư và dặn nhỏ anh chàng: “Bất cứ hôm nào và ở chỗ nào, hễ thấy có người mặc y phục đen, gài một nhánh hoa ở cạnh túi trên, đưa mắt ra hiệu, ấy là lệnh đòi của Đon Hùng Tín, thì phải đi theo tức khắc, không được chậm trễ. Nếu như cãi lời ấy, công việc giả mạo để cưới vợ sẽ bị vỡ lở ngay, còn phải ra trước pháp luật nữa là khác”.

“Chúng tôi đem thuyền đón tại bến đò Mĩ Thuận. Hồi trưa, vợ chồng va đến đó, vào ngồi nghỉ chân trong quán, Tám Xảo vâng lệnh tôi,



đi lảng vảng bên ngoài, đưa mắt ra hiệu, và biết thân đứng dậy nói gì với vợ không biết, rồi lủi thủi đi theo.

“Xuống thuyền, tôi mở ngay “bụng chữa” cho va nằm đó rồi nhô sào kéo buồm cho thuyền rời bến tức tốc. Công việc làm rất lẹ và rất khéo, không ai có thể ngờ. Tội nghiệp va khóc lóc va run sợ như con thằn lằn phải lửa, cứ gào hỏi chúng tôi:

- Các anh đem tôi đi dìm nước đây, phải chăng?

“- Không phải thế đâu! Tôi trả lời. Đại ca Đơn Hùng Tín mời cậu đi chơi có chút việc cần, chẳng có tai vạ gì xảy đến mà lo.

“- Thế, ông Đơn Hùng Tín ở đâu, cho tôi gặp mặt ông đi? Va lại khẩn thiết hỏi.

“- Cứ nằm yên đó, tôi nói một đêm nay hoặc có trễ thì chỉ trong vài bữa thế nào cũng được đối diện với ông.

“Theo lời đại ca, mỗi bữa chúng tôi cho chàng ăn uống tử tế; duy có chàng đòi lên khoang trên thì chúng tôi không dám, sợ chàng liều mình nhào xuống sông mất thì chúng tôi có tội. Buồn cười chàng kêu nằm trong “bụng chữa” nực nội, không được khoan khoái như nằm trên giường Hồng Kông lò xo, lại lo rui có nước tuôn vào thì hóa cá mòi ngâm giấm!...

Các ngài đã hiểu lai lịch câu chuyện kì quái: Cậu rể mới của ông Châu Hồng bị bắt xuống thuyền ở bến Mĩ Thuận, chính vì Đơn Hùng Tín, mà Đơn Hùng Tín tức là người được bộ hạ gọi tôn một tiếng đại ca, hai tiếng đại ca. Vậy thì từ đây trở xuống, ta cứ lấy ngay cái xức hiệu Đơn Hùng Tín mà xưng hô người ấy cho tiện, không còn bí mật gì cả.

Đơn Hùng Tín nghe Ba Khâm kể chuyện anh chàng than thở không được nằm êm ái như giường Hồng Kông và lo thân mình hóa ra cá mòi ngâm giấm, bất giác cũng phải phì cười, mặc dầu sinh tính nghiêm nghị, không cười mấy khi. Con người ấy cười đó rồi trở lại nghiêm nghị liền đó, thành ra bộ hạ rất sợ.

Ngồi lặng lẽ giây lát, Đơn Hùng Tín trừng mắt nhìn Ba Khâm và hỏi:

- Nhưng sau khi thuyền nhô neo rồi, có ai đưa hơi cho chị vợ biết rằng chính ta đem chồng nàng đi không? Điều ấy thế mà quan hệ.



- Thừa đại ca, tôi hiểu. Trước khi thuyền nhổ neo, tôi có nhờ một người đàn bà tôi quen tại bến, lừa dịp nói nhỏ bên tai cho cô ả nọ biết. Dem chồng họ đi, tự nhiên phải đánh hơi cho họ biết mà lo tiền để chuộc, chứ sao! Nhà họ giàu lắm mà.

Câu nói thường tình của Ba Khâm làm cho Đon Hùng Tín quắc mắt; bình thời cặp mắt xéch ngược trông đã có vẻ dữ tợn, giờ lại dữ tợn thêm:

- Đừng nói bậy! Tôi cốt thông tin như thế để ông Châu Hồng được biết người bắt con rể ông ta là ai, không phải vì muốn tiền hay có ác tâm gì, chỉ vì một lẽ khác. Cái việc mưu chước bắt người để lấy tiền chuộc như thói quen của bọn lục lâm thổ phỉ bên Tàu kia, là việc hèn nhất, trái đạo, khi nào ta thềm làm. Các người phải biết. Trong bộ hạ ta có một ai làm việc hèn ấy, ta cũng lấy đầu đi, nghe không?

Cả mấy người cùng dạ một lượt và có ý kính sợ, nhưng họ lấy làm sững sốt, không hiểu đại ca xử sự như thế là nghĩa thế nào? Nếu không phải vì có mục đích mưu tài hay hãm hại, thì bắt rể người, chồng người đi đâu làm gì?

Đối với Đon Hùng Tín, thuở nay họ chỉ quen vâng lời, không giao biện bác, cho nên không chú nào dám mở miệng hỏi vặn lí sự. Ngay Ba Khâm là một kẻ trung tùy lâu ngày và thân mật nhất đám cũng vậy. Hắn xoay ra nói chuyện khác để hạ bớt hơi giận của người mà hắn vẫn biết tính nóng như lửa, rồi gọi bảo Tư Sanh, một nữ đồ đệ:

- Em đi dẫn người trong “bụng chứa” lên đây trình diện đại ca.

Đon Hùng Tín xua tay và nói:

- Hãy khoan! Trong khoảng mười dặm nữa, ta phải trở lên bờ, có việc đi quan hệ cần kíp, chưa cần gì lí hội đến việc này.

- Nhưng đại ca định phát lạc người ấy thế nào, xin bảo cho biết.

- Ta dặn các người nhé: đưa nó lên núi Tà Lơn, để ở chỗ ta thường họp nhau đó, đợi một tuần sau ta đến sẽ hay.

Từ lúc Đon Hùng Tín bước xuống đến giờ, thuyền đã chạy ra giữa dòng sông, nhanh hơn trước nhiều.

Nửa giờ sau, Đon Hùng Tín bảo thuyền ghé sang hữu ngạn cho mình lên bờ, cạnh một đám rừng cây mù mịt.



### III. Tên tướng cướp lạ đời

Sáu năm trước khi có câu chuyện chúng tôi vừa mới kể trên, từ Biển Hồ trên Cao Miên xuống đến hầu khắp miền Hậu Giang xứ Nam kì, có những dấu vết của một tay giang hồ cường đạo quái lạ.

Quái lạ từ tính tình cho đến mọi sự hành động.

Tức là Đồn Hùng Tín.

Chúng ta có thể hình dung như hạng tướng cướp có sừng có mỏ thường thấy trong các truyện kì hiệp ở dưới đời Khang Hi Ung Chính nhà Thanh, chỉ khác ở chỗ không có những thuật phi đao luyện kiếm. Nhưng ở đời này có súng đạn, mà Đồn Hùng Tín bắn súng giỏi lắm. Người ta bảo va có tài bách phát bách trúng.

Hình như cái tên thật là Hai Chi hay Chi, con một gia đình Việt Nam sinh trưởng ở Biển Hồ và chuyên nghề chở cá. Có người nói là con một nông gia bình thường ở Châu Đốc. Thuở nhỏ học phép gồng với mấy người chà và Châu Giang, búa bổ dao chém không đứt thịt. Lại tìm mấy thầy võ cử từ Quảng Ngãi Bình Định vào, luyện tập võ nghệ. Sau lên Biển Hồ sinh nhai, nhờ có gồng có võ mà được các nhà ngư nghiệp dùng làm đầu nậu để quản xuất bọn người làm công chà cá, cũng như ở các tỉnh thành, người ta thuê mấy tay du côn anh chị đứng bên xe ô tô chờ khách vậy.

Những lúc còn làm ăn tử tế ở Biển Hồ đã nổi tiếng là một hảo hớn, một thủ đoạn cao cường ở trong làng chơi dao búa và thi nhau hơn kém ở chỗ nhiều ít vết dao hay sẹo mặt.

Không bao lâu, vì một chuyện ganh hơi tức khí gì đó không biết, Hai Chi phạm luôn hai án sát nhân, phải bỏ việc làm đi trốn tránh lẩn lút. Như kiểu mấy tay lâu la ở đảo Corse, giết người rồi trốn biệt lên ở hang núi rừng sâu, Hai Chi có lần phải chui rúc vào những bờ bụi hiểm hóc cả tháng, chỉ sống bằng rễ cây.

Nhiều khi chỉ còn cách một sợi tóc thì vương mình vào lưới tập nã.

Thế mà rồi va củ hợp đồ đệ thành một đám lục lâm có sào huyết, có khí giới, tự mình đứng làm đầu mục. Họ uống máu ăn thề với nhau, rập theo khuôn mẫu hội Hồng Môn và Thiên Địa Hội của người Tàu bí



mật tổ chức sau hồi Mãn Thanh vào làm vua Trung Quốc. Hai hội đảng ấy ở trong nước Tàu có mục đích nhất định là phản Thanh phục Minh, nhưng rồi truyền đi cho những người Tàu kiều cư các xứ thuộc miền Nam Dương, dần dần biến hóa ra phe cánh nghi tiết cho phường du côn anh chị. Phải biết lâu nay nhà nước bảo hộ đã dẹp yên, và lại trình độ dân trí cũng đã tấn tới thay đổi; mười lăm hai chục năm về trước thì khắp xứ Cao Miên và Nam kì, đi đâu cũng nghe nhắc đến Thiên Địa Hội.

Bọn cướp do Hai Chi cầm đầu, chuyên việc làm ăn ở trên sông ngòi. Những thuyền buôn bán hoặc chở cá chở lúa từ Biển Hồ đến các tỉnh quanh vùng Hậu Giang thường bị gặp gỡ thiệt hại. Và xếp đặt và sai khiến bộ hạ đi làm thành công những việc bạc vạn luôn luôn. Dân làng và lính tráng ra sức tập nã gặt gao, nhưng thường chỉ đặt tròng vào cò mấy tay sai mà thôi, còn bản thân va thì mười lần bị vây, mười lần thoát hiểm, nhờ có ngón bắn tài, gân guốc, nhanh nhẹn, lại khéo quyền biến cải trang.

Theo lời mấy kẻ tay sai bị bắt đã khai trước nhà chuyên trách, thì người đầu mục của họ giỏi võ nghệ, gan lì, tuy có tính nóng nảy say máu, nhưng xử với bộ hạ bao giờ cũng ân cần, tử tế, nhiều lúc tự gánh lấy mọi phần nguy hiểm vào mình; nhất là khinh tài trọng nghĩa.

Vì thế mà bộ hạ gọi va là Đon Hùng Tín, một tên hảo hớn ở trong truyện Tàu về buổi đầu nhà Đường, ai từng xem truyện Thuyết Đường, chắc hẳn không lạ.

Đời sống giang hồ cường đạo của va có cái tên Đon Hùng Tín từ đó. Lâu ngày thành quen, người ta nghe danh va bằng xước hiệu ấy thôi; tên thật không còn mấy ai để trong trí nhớ.

Hành tung va khi ẩn khi hiện rất quái. Có độ, nhà chức trách Cao Miên tưởng bắt được tướng cướp Đon Hùng Tín ở Biển Hồ nhưng sáng hôm sau lại nghe tin đêm qua Đon Hùng Tín vừa mới vào nhả ra to ở một làng về hạt Châu Đốc.

Người ta đã điều tra ra Đon Hùng Tín có đảng vũ và tai mắt khắp nơi; những thuyền riêng của va để ở, để đi, để dùng vào việc cướp bóc chuyên chở, từ Biển Hồ xuống Hậu Giang, rải rác trên mặt sông to rạch nhỏ, không biết bao nhiêu chiếc mà nói. Thuyền nào cũng có mặt nạ bẻ ngoài là thuyền buôn bán hay chài cá hiền lành, nhưng bề trong nó chính



là một sào huyết lục lâm, mà thường có hai đáy. Ta thấy trong khoang chông chất hoặc bao lúa hoặc sọt hàng hóa, đến sát ván thuyền, tưởng thế là hết; không ngờ dưới đó còn có một đáy để cất giấu hung khí, có lúc nhốt cả người ta cũng được. Câu chuyện “bụng chứa” chúng tôi vừa kể ở đoạn trên là một chứng cứ.

\*

Va có một vài tính cách quái lạ, khiến người ta nghe mà phải sùng sốt.

Những người được biết nhiều chuyện về va, kể lại một vài giai thoại cho nghe, chúng tôi tưởng chừng như được đọc một hồi nào trong truyện “*Giang hồ nghĩa hiệp*” của Bất Tiểu Sinh.

Có lần, bộ hạ đi khoắng được một mẻ bạc vụn ở miền Rạch Giá, vội vàng trở về lập bộ nạp khoản trong trí đình ninh thế nào chẳng được đại ca khen ngợi rồi chia phần xứng đáng? Trái lại, họ bị một phen kinh khủng hết vía, khi thấy đại ca vung tay hất tung đồng bạc, rút phăng súng lục ra, hai mắt trợn trừng xéch ngược, đầy vẻ thịnh nộ:

- Ai bảo mấy đứa bay đi lấy của nhà ấy?

- Đại ca trách mắng thật lạ, mấy em không thể hiểu nổi. Đã làm cái nghề cướp bóc thiên hạ, hễ thấy chỗ nào hở cơ, mình có thể cướp được thì cướp, sao lại còn phân biệt nhà ấy hay nhà khác.

Như con thú dữ gầm thét tung bừng. Đon Hùng Tín điểm mũi súng vào mặt tên bộ hạ vừa trả lời, và nói dần từng tiếng:

- Những nhà cày cấy hoặc buôn bán đứng đắn ngay thật mà nên giàu nên có, mình dù kẻ cướp mặc lòng, không được tham lam xâm phạm đến của người ta, nghe chưa? Muốn sống muốn tốt, ngày mai phải đem đủ số trả lại người ta, và nói rằng chỉ tiền của nào làm ra bất chính phi nghĩa thì Đon Hùng Tín này mới lấy.

Thế rồi va móc tiền túi cho mỗi người hai chục, gọi là đền công khó nhọc, còn số tiền to tát kia sai bộ hạ đem trả lại tận nhà sự chủ, không thiếu một xu.

Có lẽ tại cái cử chỉ lạ lùng như thế, mà Đon Hùng Tín được tiếng với đàn em bộ hạ là người khinh tài trọng nghĩa chẳng?



Một hôm, va phải trồn nạn tập nã nguy cấp, đến nương náu ở một làng bên cạnh Núi Sập (thuộc tỉnh Long Xuyên), nhưng thao thức không thể ngủ được, vì nhà hàng xóm có tiếng đàn bà khóc rưng rức cả đêm, ý chừng có việc gì đau đớn.

Tảng sáng, Đơn Hùng Tín lần mò sang, mượn có người lỡ độ đường, xin bát nước uống, để lân la làm quen, dò hỏi sự tình.

Bà lão động lòng, lại nước dâng đầy hai hồ mắt, rồi tí tê kể lể cho người khách lạ biết nỗi buồn nhà mình. Thường tình con người ta, khi có một chuyện đau khổ trong lòng, được ai khêu gợi cho mà giải tỏa, không khác gì được gãi vào chỗ ngứa.

Thì ra là một gia đình tá điền, mà ông chồng vừa qua đời dăm tháng nay, còn lại bà lão với hai đứa con côi: người con gái đầu lòng 19 tuổi, nhan sắc xinh tươi, tuy là sinh trưởng trong nhà cày sâu cuốc bẫm; em trai cô 15 tuổi, đang đi học ở châu thành Long Xuyên.

Luôn mười mấy năm, gia đình này lĩnh canh ruộng đất của một nhà cường hào trong vùng, lúa gộp và thuế má luôn luôn đều đủ. Duy có mùa này, hoa lợi kém sút mười phần đến bốn năm bị cua với chuột phá hại, thêm bị việc tang ông chồng tốn kém, thành ra lúa gộp lời thôi, không thể nào chu đáo được như mọi khi. Mẹ hóa con côi làm sao bôn tẩu và có sức bù đắp cho bằng người gia trưởng khi hầy còn sống.

Nhà cường hào có ruộng cho cấy rẽ, gánh tuổi tuy nặng trĩu hai vai, nhưng mà lòng xuân phơi phới; đã có năm thê bảy thiếp rồi, ông bảo sông vẫn còn thiếu nước. Trông thấy cô thôn nữ của nhà thâm niên tá điền mình trắng trẻo xinh đẹp, làm cho con heo hiếu sắc đang nằm trong lớp da nhăn nheo cần cỗi của ông, nhảy lên chồm chồm kêu réo: một hai ông bà quả phụ kia phải gả nàng cho ông đem về làm cảnh dưỡng già.

- Thế bà có ưng gả không? Đơn Hùng Tín hỏi.

- Khi nào tôi ưng! Bà lão trả lời. Vì con mình mới lớn lên, mà ông nọ thì gần xuống lỗ, sự chênh lệch quá thế, người ta cười cho nát mồm. Họ giàu có mặc họ, dễ thường con mình về làm nàng hầu thứ năm thứ bảy nhà họ, có thể nhai tiền bạc mà có hạnh phúc được à?

- Nhưng con bé nó ưng như thế, biết đâu. Bà đã hỏi thử xem cháu nó có thuận tình hay không?



- Còn gì phải hỏi, mấy ngày nay nó khóc không còn nước mắt. Hôm qua nó đã vắn cổ gà, thề trước mặt linh sàng ba nó rằng: nếu người ta cưỡng bức cho được, thì nó tự quyết đâm cổ mà chết. Vì nó hiếu hạnh lắm, bây giờ mà có một mẹ một con phải nương tựa nhau thằng em nó thì đi học xa; cho nên nó nhất định ở nhà với mẹ, chẳng những không chịu đi làm bé mọn người ta, lại cũng chưa muốn đi lấy chồng một vợ một nữa kia.

Tội nghiệp mỗi đêm nó khóc, làm tôi nảo nề như đứt từng khúc ruột.

- Cả hai mẹ con đồng tâm đồng ý như thế, thì từ chối người ta phăng đi, có gì khó khăn ở đâu! Đơn Hùng Tín nói.

- Sao lại không! Bà lão nói và thở dài.

- Từ chối thì người ta giết được mẹ con nhà bà hay sao mà lo?

- Không giết được mình bằng dao bằng súng, nhưng có thể hại mình bằng cách khác. Người ta đang đe dọa nếu như không chịu, thì sẽ thừa kiện thiếu nợ để biên đồ dỡ nhà, mẹ con tôi mất chỗ nương thân; họ lại dọa lấy ruộng lại, không cho lĩnh canh nữa, mẹ con tôi mất cả sinh kế.

Đơn Hùng Tín cảm động ra mặt, ngồi thừ một lát, rồi hỏi bà lão:

- Sở dĩ người ta đòi lấy con mình một cách uy hiếp, chỉ tại mình lĩnh canh ruộng họ mà còn mắc nợ lúa góp. Ba việc ấy có nhân quả dính dấp với nhau. Bây giờ mình trả nợ họ đi, tức thì họ không có cớ gì để đòi lấy ruộng lại. Một khi đã sòng phăng về khoản ấy rồi là yên, còn sự gả con hay không chịu gả con là quyền tự do của mình, chắc họ không bầu vịu vào lẽ gì mà ép buộc mình cứ phải gả cho được. Có phải thế không?

- Chính phải thế đấy! Bà lão đáp. Nhưng nói tới sự trả nợ họ bây giờ thì thú thật nhà tôi cùng đường tuyệt lộ. Người ta nhè đánh mình vào giữa chỗ nhược ấy. Giá như có tiền mà trả phăng cho họ thì còn nói gì!

- Bà thiếu họ tất cả bao nhiêu?

- Cả thấy độ gần bốn trăm, chẳng phải nhiều nhận gì, song tình cảnh nhà tôi lúc này lo chạy không được, mới ra nông nổi.

- Được rồi, tôi xin giúp bà số ấy!



Đơn Hùng Tín nói một cách quả quyết. Bà lão trở mắt ra nhìn, như đang trông thấy trước mắt mình một thứ quái vật. Con người mặt mày lem luốc, quần áo lôi thôi, như mọc trong hang trong lỗ nào ra thế kia, mà dám nói chuyện giúp bà bạc trăm để trả nợ ruộng, làm sao bà tin cho được. Có lẽ là một thằng điên ở Biên Hòa trốn về cũng nên.

Giữa lúc bà đang phân vân kinh ngạc, thì Đơn Hùng Tín đứng dậy từ biệt và hẹn chắc ngày mai đem tiền lại giúp bà, theo lời đã hứa.

Bà lão càng tin chắc là quân điểm đang nói láo; chính thân nó một xu không dất, còn đòi giúp ai.

Nhưng tối hôm sau, Đơn Hùng Tín trở lại thật, đem 5 trăm bạc đưa cho mẹ con bà lão và nói:

- Bà đưa 400 trả nợ cho người ta hết chỗ sinh chuyện, còn trăm bạc để chi tiêu đỡ thời. Tôi cam đoan với bà rằng nhà cường hào kia không dám dă động đến việc cưỡng bách nhân duyên con bé cháu nữa.

Va nói rồi đi liền, không kịp để cho mẹ con bà lão nói lấy một tiếng cảm ơn.

Quả nhiên, nhà cường hào thôi hẳn cái giã tâm cưỡng hôn và vẫn để mẹ con bà lão lĩnh canh ruộng đất như thường. Người ta nói Đơn Hùng Tín đã đến tận nhà nói chuyện phải trái.

\*

Những việc giả mạo lừa gạt người ta, Đơn Hùng Tín cũng ghét độc địa. Hễ gặp là trừng trị không tha.

Một lần, nhân tụ họp anh em uống rượu ở một nơi sào huyệt tại Biển Hồ, va chén vào ngà ngà say, ngồi gật gù phân biệt ăn cướp với lừa đảo khác nhau thế nào:

- Hai việc ăn cướp và lừa đảo cùng có mục đích lấy tiền đoạt của thiên hạ, tức thì cùng trái với đạo công, phạm vào luật đời như nhau. Song, ta tưởng sự lừa đảo nặng tội bằng mấy ăn cướp mới phải. Vì sao? Vì các chú đi ăn cướp một nhà hay một xóm chẳng hạn, bề nào cũng là đương trường chịu lấy trách nhiệm trong việc mình làm, cùng là mọi sự nguy hiểm có thể bởi đó sinh ra; không chừng bị viên đạn hay mũi dao hạ mình chết ngay tại trận nếu như dân làng chống cự gắt gao; không



chừng bị năm mươi năm tù hay mãn đời Côn Lôn nếu như mình sa hãm vòng lưới pháp luật. Trái lại, mấy thằng lừa đảo không thế; chúng nó giả mạo danh nghĩa để chiếm lấy lòng tin của thiên hạ, rồi bày đặt ra những mưu thần chúc quý, bóc lột người ta một cách mờ ám, khôn ngoan. Nghĩa là chúng cũng làm việc ăn cướp, nhưng mà trốn tránh nguy hiểm, trốn tránh trách nhiệm, trốn tránh pháp luật, lại còn thêm cái đáng ghét đáng bỉ, là đeo mặt nạ tử tế để lòe dối người đời, bởi vậy ta cho lừa đảo nặng tội hơn ăn cướp.

Nghỉ hơi giây lát, Đon Hùng Tín ngó ngay vào mặt bộ hạ, đồng dục nói tiếp:

- Lừa đảo là một việc hèn nhất, phạm là hão hơn không khi nào thêm làm, còn nên trừ cái hại ấy giùm thiên hạ nữa. Trong các chú, hễ ai làm việc hèn nhất đó, không phải là bạn chí thiết của ta!

Nói sao làm thế, suốt đời Đon Hùng Tín coi những kẻ giả danh lừa đảo như kẻ thù, bất cứ lúc nào tầm cánh tay có thể với đến, va không chịu dung dưỡng, bỏ qua.

Ai cũng biết Lục tỉnh giàu có, thóc gạo chứa chan, tiền bạc dễ kiếm. Vì được cái điều kiện vật chất dễ dàng như thế; ảnh hưởng đến tâm tính người ta, phần nhiều hào phóng không biết tiếc tiền; lại hay cả tin nhẹ dạ, tưởng lòng ai cũng như lòng mình. Nhất là ở miền đồng ruộng xa xôi, có những nhà quanh năm làm ăn chăm chỉ tích súc, trở nên cự phú, có lẽ già đời chưa biết Sài Gòn, Chợ Lớn là đâu. Họ lại ít giao thiệp, không giàu kiến thức; chính đó là miếng mồi ngon lành, là khu đất dón sẵn để cho bọn chuyên môn lừa đảo tha hồ gieo giống, thả câu.

Chúng dờ thủ đoạn gạt gẫm những nhà trọc phú thôi thì thiên hình vạn trạng. Nào xin việc làm, nào rủ hùn vốn, nào lo chạy thừa kiện, nào vận động phẩm hàm, bất cứ một khe hở nào có thể đầu cơ thủ lợi, chúng không hề chối từ ngần ngại, miễn là cuỗm được số tiền.

Có nhiều kẻ chuyên sống về đi lừa, trong túi đựng vô số biến thuật, đầu năm chí cuối, đi hết miền này sang miền kia, lừa đám này đến đám khác, thế mà tiêu dao pháp ngoại, cuộc đời phong lưu.

Một người khăn đen áo dài, trông bộ rất hiền từ, nho nhã, đeo tay nải đựng quế, đến gõ cửa một nhà phú hộ, múa rối tác lưỡi như rồng như phượng:



- Bẩm ông, chuyện này tôi có vài thanh quế tốt thượng hạng, chính là ngọc quế ở Thanh Hóa, thứ quế mà hồi xưa các vua Kiền Long Khang Hi bên Tàu, lúc cần dùng ngàn lượng bạc một thanh cũng mua cho được. Tôi nghĩ khắp vùng ta đây, chỉ có một mình ông biết thưởng thức của quý và có thể mua, không ngại tốn tiền, cho nên tôi phải đến hầu ông trước. Đằng ông cai tổng Vận và ông phủ Long cũng bảo đem lại, nhưng tôi chưa muốn đến, vì sợ mấy ông ấy không biết quý vật, tức không mua nổi.

Nhà phú hộ được tặng bốc hơn người, lẽ tự nhiên thấy khoái ý, nhưng muốn tỏ ra mình sành của đôi chút:

- Quế Thanh phải có dấu quan đóng vào thị nhận, mới là của thật.

- Vâng chính thế, ngài thật là người sành của. Đây, ngài xem mấy thanh quế thượng hạng này đều có đóng dấu bốn chữ “Thanh Hóa quan quế”. Một cây quế trong rừng, thần thánh cho ai được phúc tìm ra, cũng phải trình quan khám nhiệm rồi lập hội đồng bóc vỏ, đóng dấu chứng nhận từng thanh, bấy giờ mới bán đấu giá. Bởi vậy thanh quế nào có bốn chữ này đều là thượng phẩm đắt tiền. Tôi xin gọt một ít, ngài thử xem thì biết.

- Hai thanh này bao nhiêu? Nhà phú hộ hỏi giá sau khi đã thử là quế tốt rõ ràng.

- Bẩm 5 trăm đồng.

- Sao nói thách quá?

- Không, chúng tôi nói thật, với ngài thừa biết giá trị của quý, đâu dám nói thách. Người khác cũng trả giá ấy, có lẽ chúng tôi không muốn bán, vì sợ họ không biết dùng.

Nhà phú hộ nhẹ dạ dễ tin, xia tiền ra trả một cách vui vẻ, rồi gói hai thanh quế trân trọng cất vào tủ sắt để làm gia bảo. Trong ý chắc mẩm nhà mình tàng trữ một vị thuốc hi hãn, lắm khi dùng đến có thể “bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh tiêu trừ”, một vài giọt nước này sẽ có sức khởi tử hồi sinh như cam lộ của đức Phật Như Lai vậy.

Kì thật, ông đã bỏ ra 5 năm đồng bạc đổi lấy hai thanh quế củi. Kẻ lừa đảo khéo chấp nối hai đầu hai phân quế tốt, còn khúc giữa chỉ là một miếng gỗ cây tạp nham. Việc chấp nối tài tình đến nỗi mắt phàm không



thể nhìn thấy. Có khi chúng lấy quế Quì quế Quảng rất tầm thường mà khéo tẩm khéo nhuộm thế nào không hiểu, thành ra có hình thể và tính chất quế Thanh. Lại cũng có khi đưa cho mình thử, chính là quế tốt, nhưng lúc hai bên thuận mua vừa bán thì đánh tráo thứ quế vỏ củi vào. Người mắc hợm có thể vững lòng tin tưởng đã vật sắc được của quí, cho đến khi nào chính mình có việc đem ra dùng, hoặc cứu cấp người ta trong cơn bệnh tình nguy kịch, thấy hỏa bốc lên ngùn ngụt, suýt mù hai mắt, bấy giờ mới biết mình đã bị lừa đảo, vừa tốn tiền vừa mang hại.

Lúc ấy kẻ lừa đảo đã biệt mù tẩm tích, không chừng tiêu thụ bao nhiêu thanh quế vỏ củi như thế cho bao nhiêu nhà khác rồi.

Người bán quế xảo trá vừa xách gói đi ra khỏi cửa, kẻ bác lái ghe bầu dẫn một thằng bé độ mười bốn mười lăm tuổi đến xin ở đợ.

Miền đồng ruộng Lục tỉnh rất cần dùng nhân công. Chẳng phải thiếu hạng người có sức cày sâu cuốc bẫm, từ sáng đến tối, một người phát cỏ một mẫu ruộng còn thừa thời giờ, chỉ thiếu hạng thằng nhỏ ở chăn trâu cắt cỏ hoặc làm các việc vặt trong nhà. Có nơi hiếm hoi đừa ở, đến nỗi người ta tranh nhau thuê mướn với giá đắt công cao, làm như mua đấu giá một món đồ quý vậy. Nhà nghèo cho con cái đi ở đợ, có thể lấy trước đôi ba năm tiền công một lúc là thường.

Có mấy bác lái ghe bầu – những người buôn bán bằng thuyền ở đàng ngoài chở nước mắm và sản vật vào Lục tỉnh bán, chiếc thuyền hình như quả bầu – lợi dụng ngay tình thế ấy để gặt găm lấy tiền.

Họ đem theo một hai thằng bé cầu bơ cầu bất, nhận là con cháu và dạy bảo những cách nói năng, cử chỉ, rồi nhân lúc bán hàng, đưa tới mấy nhà giàu có đang cần dùng người làm, đề xin ở đợ.

Cả hai cùng làm ra vẻ ngây ngô, thật thà, hình như chỉ tha thiết cầu lấy một chỗ làm có cơm ăn áo mặc, thế là vinh dự mãn nguyện nhất đời, ngoài ra không có chí thú gì khác.

Bác lái ta khéo thừa bầm tán tụng, làm giấy lĩnh trước một vài năm tiền công của cháu rồi làm bộ buồn bã ra đi, để cháu ở lại hầu hạ ông bà. Trước mặt nhà chủ, bác trân trọng căn dặn cháu mọi sự lễ phép nét na, làm việc chăm chỉ, hầu được ông bà vừa lòng đoái thương; cháu không quên nhắc lại bác sang năm có chuyến ghe vô, thế nào cũng ghé đến thăm nom. Kẻ ở người đi, cùng có vẻ trung hậu và bịn rịn như thật.



Ai trông thấy cảnh tượng ấy mà dám ngờ là một tấn tuồng biến thuật?

Cách sau một vài hôm, thằng bé cuốn gói đi mất, có khi gói nhảm cả một ít tư trang áo xống của nhà chủ đem theo. Nhà chủ ra bến tìm chiếc ghe bầu, cũng biết tăm hơi đâu rồi, không còn cấm sào thả neo ở đó nữa.

Thì ra bác lái với thằng bé lập mưu đưa nó đến xin ở mướn, chỉ cốt lừa gạt người ta lấy dăm bảy chục tiền công lĩnh trước, rồi sau một vài hôm, nó thừa cơ tẩu thoát, dù có vơ vét được nhiều ít đồ vật của chủ nhà hay không.

Nó ra một chỗ hẹn hò, lại xuống ghe bầu, để bác lái đưa qua hạt khác xa xa, cũng tái diễn tam diễn tấn tuồng như trước.

Nhà chủ thiệt thòi đằng này lẫn đằng khác, cay đắng như kiểu Chu Du ngày xưa mắc mưu Gia Cát “*bồi liễu phu nhân hựu chiết binh* 賠了夫人又折兵” mà không biết làm sao truy tầm, thưa kiện. Vì người có lưu lại hình ảnh gì mà dễ nhận diện; một chiếc thuyền lênh đênh mặt nước, xuôi ngược biết đâu mà tìm? Tờ giấy biên nhận số tiền lĩnh trước cũng là giấy lộn tên tuổi căn cước bên trong đều là giả mạo.

Có nhà còn sợ liên lụy đến mình mà không dám giờ giới thưa kiện lôi thôi, vì con người ta ở nhà mình đi mất, thân nhân nó có thể giờ mặt kiện cáo bắt đền mình thì làm thế nào?

Vì thế, mấy kẻ bắt lương càng được thể lừa gạt thiên hạ, hết vùng này sang vùng kia. Một con sâu làm rầu nồi canh, lâu dần người Lục tỉnh có ý ngờ vực tất cả những ghe thuyền buôn bán từ đàng ngoài vô, mặc dầu phần đông trong xã hội buôn bán sông biển là người đứng đắn, lương thiện. Chỉ vì một vài đồng bồi không ra gì, mà đoàn thể bị mang tiếng lây. Kì thật, nghề nghiệp nào, đoàn thể nào khỏi xen vào năm ba con chiên ghê!

Nhưng mấy kẻ bắt lương ấy đi đêm ít khi gặp ma, cho nên quen mui làm miếng ấy mãi; nếu vô phúc cho chúng gặp lấy Đon Hùng Tín một lần, đó khỏi hết hồn hết vía, buộc chỉ cổ tay đến già.

Người ta kể chuyện từng có hai đám bị lừa như thế đến tai Đon Hùng Tín, lập tức va đuổi theo dò bắt kì được, và trừng trị kẻ bắt lương bằng cách “ngâm nước” cho đến ngắc ngư gần chết mới tha.



Một đám bị lừa, không phải ai lạ, chính ông Thạch Huy Lai tức Châu Hồng, thân phụ của Minh Cầm.

Chuyện đã qua từ mấy năm trước. Cũng một chú lái ghe bầu, nhân đến Hồng Ngự, đem hai đứa bé chạc 15, 16 tuổi, nhận là con và cháu, đến xin ở mướn cho nhà ông Châu Hồng, lĩnh trước 150 đồng bạc tiền công, rồi một tuần sau hai đứa rủ nhau đồng thời trốn mất, cuồn theo đồ vàng và y phục đáng hơn nghìn đồng.

Tình cờ lúc ấy Đon Hùng Tín đang ở quanh miền, nghe được câu chuyện lấy làm bất bình. Không hề đợi ông Châu Hồng nhờ cậy, va tức tốc sai mấy tốt bộ hạ chia nhau đi mấy ngã, dò la tung tích. Một tốp đến gần Vĩnh Long thì bắt được cả chú lái và hai đứa bé bắt lương đem về.

Đậu thuyền ở một khúc sông vắng vẻ, Đon Hùng Tín tra hỏi chú lái phải thú thật rồi sai lấy một chiếc rọ bằng tre, bỏ chú nằm cuồn tròn bên trong mà ngâm xuống nước. Cách ba phút lại kéo lên một lần cho thở rồi lại ngâm nữa. Va nói:

- Cho mày một bài học, từ rày chừa thói lừa gạt người ta.
- Con van lạy ông, nếu ông ngâm nước mãi thế này thì con đuối hơi chết mất.
- Thế số tiền và vòng vàng chúng bay ăn cắp của người ta, tẩu thoát đâu rồi, phải nói cho thật.
- Bẩm ông, con gửi một người bạn đem lên Sài Gòn trước rồi.
- Giờ mày có chịu đem hết của ấy trả lại nhà ông Châu Hồng hay không?
- Bẩm có! Ông sinh phúc tha thiết cho con, con xin trả lại nguyên số cho sự chủ, và thề từ sau không dám tái phạm nữa. Con đã biết oai nghe tiếng ông rồi.
- Vậy thì ta thứ mạng cho mày một phen làm phước.

Rồi Đon Hùng Tín buộc chú lái tức tịch viết thư, sai một tên bộ hạ đi Sài Gòn, thông tin cho người bạn chú đem toàn số tang vật xuống, trong khi chú vẫn bị quản thúc dưới thuyền. Hôm sau, Đon Hùng Tín lại phái hai người tay chân áp dẫn chú lái cùng hai đứa bé lại nhà ông Châu Hồng, trả của và xin lỗi.

Va truy tầm của cải lại giùm ông mà không hề ra mặt hay kể công.



Can thiệp vào việc ấy chỉ vì cái bản tính rất ghét những việc gặt người lấy của. Va vẫn bảo chẳng thà ăn cướp trước mặt, chứ lừa dối sau lưng là sự hèn nhất.

Từ đây ông Châu Hồng biết Đơn Hùng Tín là người thế nào?

#### IV. Việc bắt cóc chàng rể

Câu chuyện mấy năm trước Đơn Hùng Tín can thiệp vào vụ ông Châu Hồng bị một chú lái ghe bầu lừa đảo, bắt buộc tên bợm này đem châu về Hợp phố cho ông, có lẽ ông quên mất rồi.

Nhưng mà tên tuổi con người lạ lòng ấy vẫn in trong trí nhớ; dễ thường muốn quên cũng có việc nhắc lại, như thể ngọn cỏ mọc ở ven sông, hễ nước triều rút xuống thì nó lại trồi đầu lên. Vì trong thời kì ấy, cách chừng năm mươi ngày nửa tháng, lại thấy các báo đăng tin Đơn Hùng Tín vừa giốc hồ bao của một thuyền buôn nọ hay là thoát hiểm một cuộc vây bắt kia.

Nhất là cái cử chỉ không ai nhờ, không ai bảo, mà tự nhiên va can thiệp dò bắt gian nhân, lấy lại tiền của giùm ông, chẳng thêm kể công ra mặt; cái cử chỉ ấy khiến ông mỗi lần xem báo thấy nhắc đến tên, là mỗi lần ông tắc lưỡi nghĩ thầm: “Con người quái gở!”

Bởi vậy, khi Minh Cầm trở về với bộ mặt rã rượi, thê thảm, kể chuyện chồng nàng mất tích ở bến đò Mĩ Thuận, và nghe như kẻ bắt chàng đi tên là Đơn Hùng Tín, ông Châu Hồng làm như có tiếng sét đánh đầu dưới ghế ngồi, phải chồm dậy trừng mắt nhìn con và nói:

- Trời ơi! Đơn Hùng Tín!... Thôi, thế thì ta biết rồi!

Nhưng, biết rồi là biết thế nào?

Hay ông đã biết chàng rể danh giá của mình bị tên giang hồ đại đạo kia bắt vì lẽ gì và đem đi đâu chẳng?

Không. Hiện thời ông cũng mang nhiên, chẳng biết đầu mối của cuộn tơ vò ở đâu mà gỡ. Duy có một điều lấy việc xét người, suy trước nghĩ sau, ông biết chắc con người quái gở tự dưng có cái cử động dị thường thế này, tất vì một nguyên do nhiều khê bí mật sao đó, quyết



nhiên không phải mục đích làm tiền, mặc dầu nó là một đầu lãnh kẻ cướp, khét tiếng sáu châu.

Vợ chồng cha con, mỗi người như có treo một lá cờ rũ trên gương mặt, ngồi lẳng lặng suy nghĩ cái nguyên do việc gia biên đã xảy tới bất ngờ, và tính cách gì đối phó.

Minh Cầm đánh loăng cái không khí tịch mịch bằng một hơi thở dài, và câu hỏi ông Châu Hồng:

- Đơn Hùng Tín là một tên tướng cướp ở Biển Hồ, thỉnh thoảng các báo lại nói đến, có phải không, thưa ba?

- Chính phải va đấy, con ạ! Ông cụ trả lời.

- Nếu thế thì nó bắt cóc nhà con để đòi tiền chuộc, như kiểu bọn cướp ở thành Chicago bên Mỹ kia chứ gì?

- Thôi chắc phải rồi! Bà cụ nói xen vào. Nó thấy nhà mình giàu to, lại rề con danh giá mới cưới, tưởng đòi chuộc bao nhiêu mà mình không phải chuộc. Tức quá, nếu trời sinh tôi là đàn ông, phen này tôi xách dao đi tìm nó để tỉ thí võ nghệ, thừa cơ bấm chém nó ra thành tương, mới đã nư giận!

Ông cụ lắc đầu và nói:

- Má nó chưa biết đó thôi, ta chắc cái thằng quái gở ấy không phải vì muốn xoay tiền đâu. Thuở nay nó vẫn nổi tiếng là con người có tính kì khôi. Nếu phải hám của, thì năm xưa nó tróc nã được tên ghe bầu, cứ việc ăn chặn hơn nghìn bạc đi, phỏng có làm sao, cần gì bắt buộc tên ghe bầu đem trả tận nhà mình? Nhưng nghĩ lạ lùng quá, nó với nhà mình vô thù vô oán, không hiểu tại sao lại đang tâm làm chuyện ác độc hôm nay, tôi đào mãi trong trí không tìm ra lẽ. Hay là nó nghĩ có công ơn năm nọ, mà nhà mình không thưởng tạ gì, thành ra đem lòng thù oán chăng?

Bà Châu Hồng, theo thói quen phần nhiều các bà già xưa ở Lục tỉnh, nhai trầu xía thuốc luôn miệng; nghe ông chồng nhắc đến sự ân oán, bà moi cái mồi thuốc to bằng quả táo đang nằm, cộm ở trong một bên miệng ra, để nói trùng trợn, thật thà:

- Mốc xì ân với oán, ông sao khéo lo xa thì thôi. Tổ cha thằng Đơn Hùng Tín, nó làm cho con tôi bỗng dưng vợ chồng sinh li đau đớn thế này, chính tôi thù oán nó thấu đến trời xanh thì có. Tôi nói cho



mình nghe; ví dụ nó đòi chuộc mấy muôn đồng, mình cứ bằng lòng chịu đi, nghe không? Để tôi gài bẫy cho nó đi Côn Lôn phen này cho biết thân...

Bộ tịch bà sừng sộ, làm ông Châu Hồng đang cơn lo nghĩ cũng phải phá cười:

- Cái bẫy của bà chỉ gài bắt đàn gà nhà mình họa chăng mới mắc, chứ Đon Hùng Tín nó không khờ dại dút chân vào đâu!

- Bây giờ ba dạy con phải làm thế nào? Minh Cầm hỏi. Ngày mai con đi trình báo nhé. Không biết trình ngay ở quận nhà tỉnh nhà có tiện không, hay là phải lên Cầu Thơ, thuộc nơi sở tại đã xảy ra vụ án tình nghi bắt cóc?

- Sự trình báo sẽ đưa tới kết quả nào theo ý con muốn? Ông Châu Hồng hỏi lại.

- Thì để nhà chuyên trách tập nã Đon Hùng Tín và giải thoát cho nhà con về chứ sao!

- Con ơi! Chẳng có việc mình bây giờ, thì luôn mấy năm nay quan với làng vẫn đuổi theo tập nã mãi, nhưng chưa có dịp nào quăng tròng sợi dây thòng lọng vào cổ nó đấy. Ba nghĩ việc riêng của mình là việc nhỏ mọn, không nên làm phiền đến nhà chuyên trách thì hơn. Nhất là không nên để rầm tiếng, thiên hạ chê cười...

- Vậy thì ý ba má định thế nào?

Ông Châu Hồng chưa kịp nói gì, cụ bà đã quắc mắt và xia xói:

Ý của tao hử? Thì chỉ có việc đem cuộc mà đào mả ông mả cha thằng Đon Hùng Tín lên, con ạ, cho nó tàn mạt, trào máu mà chết, là hơn cả...

Minh Cầm nhìn mẹ, thấy đầy vẻ phẫn uất, dữ tợn, khiến nàng hơi lạnh xương sống. Bà còn muốn tháo tung bình hơi tức giận và tuôn ra một chuỗi nguyên rửa nữa, nhưng bị ông hãm lại ở đây, để trả lời câu Minh Cầm vừa hỏi:

- Đã nói là một việc riêng nhà mình, vậy theo ý ba, mình chỉ nên tìm cách trực tiếp giao thiệp với va thì tiện hơn.

- Nghĩa là?... Minh Cầm tỏ ý không hiểu trực tiếp giao thiệp là thế nào.



- Nghĩa là tự mình tìm đến tận ổ hang va, hỏi va xem vì lẽ gì lại nhè chồng của con mà bắt cóc, và muốn những điều kiện thế nào thì trả lại tự do cho chồng con. Hai mặt một lời, êm ái giải quyết, miễn chóng xong việc thì thôi.

- Nhưng ai đến nơi va, lại biết va ở vào lỗ nào mà tìm bây giờ?

- Điều ấy khỏi lo, ba sẽ bảo chú hương Tám đi dò hỏi tất được, vì chú quen biết va, rồi đích thân con đến mà giao thiệp, chắc được va dễ dàng vì nể hơn cả; liệu con có đi hay không? Người ta khôn ngoan ở miệng lưỡi, dù việc khó mấy cũng dễ điều đình, kết quả.

Minh Cầm hơn hờ nhận ngay, không một tí nào rụt rè, ngần ngại, vì nghĩ đến sự gặp mặt chồng, cứu nạn cho chồng, khiến tinh thần nàng tự nhiên mạnh bạo hăng hái:

- Được, cứ để con đi! Miễn sao cứu được nhà con ra khỏi vòng tai nạn, dù phải trèo non lội bể con cũng chẳng từ.

Bà mẹ nàng nhất định cản trở, không chịu:

- Thôi đi cô! Con mèo đã vồ mất miếng thịt quay, mình đang giăng lại không được, lại còn tiến thêm cục mỡ để mời nó xơi, sao mà đại dốt thế? Rồi nó giữ luôn cả cô nữa, thì làm thế nào? Tôi xin van ông, đừng có nhè giữa bụi gai mà ẵm con đặt vào, nghe!

Tiếng phản đối của bà cụ, chẳng qua như gào giữa đồng trống; một việc chồng đã quyết định, con đã nhận lời, mình bà đứng về thiểu số, có xoay đổi sự thế khác hơn sao được.

\*

Giờ ta hãy để yên nàng Minh Cầm với canh khuya thồn thức; dù nàng có nung chín hai mắt như quả bồ quân và giặt áo gối bằng lệ đi nữa cũng là một thường tình tự nhiên. Đố ai lâm vào cảnh ngộ đau đớn như nàng mà không phải thế!

Nhưng còn một cạnh nữa ở trong tính cách lạ lùng của Đơn Hùng Tín, ta nên nhân lúc này lật trái nó ra nốt mà xem cho biết chân tướng con người, ngoài vỏ chính là lục lâm mà bên trong hình như có cái cốt hiệp khách. Vả lại, chính cái cạnh ấy có chiếu ứng liên lạc với câu chuyện đang nói, chắc hẳn ai nấy đều nóng nảy muốn biết.



Xã hội mình có một hạng thanh niên đường đường sức trai tuổi trẻ thế kia mà không có chí tự cường tiến thủ gì cả, suốt ngày chỉ nhằm nhằm chạy theo sau quần đàn bà, nhất là đàn bà có tiền của, để mong đào mỏ vợ giàu, lấy chỗ sinh tồn cho được nhàn hạ sung sướng.

Họ lấy bộ mặt và mảnh bằng làm mỗi cái dõ, một khi câu được chị vợ giàu rồi tha hồ giở ngón đào khoét. Có kẻ, lúc hiện nguyên hình chỉ là một thằng điếm đàn ông vô lại, nhưng khéo giả mạo danh nghĩa là ông nọ ông kia để lòn đời và giắt được cái vật mục đích phải lọt vào tròng. Thế mà nhiều nhà giàu mắc hớ, vì hám cái hư vinh kén được rể “ông”, con gái mình nhảy một bước lên “bà”. Có chữ phú rồi người ta cần thêm chữ quý đi theo cho đủ vẻ. Không trách có nhà làm như quăng tiền ra mua rể ông cho mình, chồng sang cho con. Vì thế, bọn kia càng dễ đầu cơ gài bẫy, làm cho lắm nhà có con gái bị lừa một vỏ chết điếng.

Những tướng nhà mình chiêu được rể ông, con mình lấy được chồng danh giá, có thể vênh vang hãnh diện với đời. Ai ngờ đến sau ván đã đóng thuyền, tay đã nhúng chàm rồi mới ngã ngựa ra cậu rể ông, người chồng sang ấy chỉ như một chú kếp hát tuồng mà thi nhân đã thích thực bằng hai câu này:

*Mượn màu son phấn ông kia nọ,  
Cối lột cân đai chú điếm đàn ông.*

Ngoài Bắc mình thỉnh thoảng có một tấn tuồng như thế diễn ra, nhưng không thường thấy cho bằng trong Nam.

Miền Lục tỉnh có những nhà đại nông đại phú ở tận trong đồng ruộng xa xôi, hẻo lánh, quanh năm làm ăn sinh hoạt một cách biệt tịch, chất phác; đến mùa thì gặt lúa về chát vào kho vừa hàng trăm gia, hoặc bán ra lấy tiền cất kỹ trong tủ nếu không chôn xuống dưới đất. Dễ thường có người cả đời ít đi đâu xa, cũng không giao thiệp với ai khác hơn chung quanh khu vực tự nhiên của mình; nếu trong chỗ bà con xóm giềng lại không có người học nhiều hoặc đi làm việc ở tỉnh thành, tự nhiên về mặt hiểu biết việc đời của họ rất có chừng hạn.

Nhất đán có kẻ mỗi lá miệng lưỡi uốn dẻo như cao su, đưa đến trình diện họ một anh chàng bánh bao, trai trẻ, tự xưng đi du học về, hoặc đang làm thông phán com mi tại sở kia nọ, đến nộp đơn xin làm giai tế, trong mười phần ta có thể tin chắc đến tám chín là ông cụ bà cụ để ra tiểu thư vô vậ lấy ngay.



Lạ gì hiếu danh là chứng bệnh vi trùng ở trong máu nào cũng có, chẳng nhiều thì ít. Không mấy người thật là sạch trơn, chẳng dính lấy tí máu ham chuộng danh giá hão huyền. Càng những người giàu có càng thích hư danh nhiều hơn. Ta xem họ thường bỏ ra bạc vạn đánh đổi lấy một chút hư danh không tiếc, nhưng bảo quyền vào việc nghĩa hay giúp đỡ kẻ nghèo đói ba đồng thì hay ngần ngại, thoái thác.

Nhất là mấy nhà phú túc ở trong trường hợp vừa nói trên kia càng nặng lòng hiếu danh và dễ bị hư danh dụ hoặc, đánh lừa. Có một vài cô con gái đến thì, nay bỗng được người danh giá đến cầu hôn, chẳng hăm hở mà gả thì để làm gì. Tiền bạc có sẵn, nhưng danh giá khó tìm; họ nghĩ như thế. Phận sự cha mẹ lo việc nhân duyên hạnh phúc cho con, phải chụp ngay lấy cơ hội cho con có chồng tử tế sang trọng chứ sao? Muốn được thế, dù có phải bù ra bao nhiêu tiền của cũng chả quản ngại.

Những kẻ lập tâm đào mỏ vợ giàu biết thóp như thế, cho nên thường hay dò dẫm, đảo soát các miền Lục tỉnh, xem chừng hạt nào xóm nào có nhà giàu, mà nhà giàu ấy có con gái đến tuổi hôn nhân, thì lập tức chúng đem cái thân chải chuốt và miếng bả hư danh đến thả mồi.

Chúng nó trăm phương ngàn kế để lân la tiếp cận mục đích.

Trước hết gò gẫm bộ cách thật sang, có khi cạo gọt lông mày và thoa son điểm phấn y như con gái, tìm cách làm quen với ông chủ nhà. Tùy theo ông này sở thích thế nào, thì chúng đầu cơ thế ấy. Ví dụ ông chỉ biết công việc đồng áng, chúng hòa theo nói chuyện cày cấy và thời giá lúa gạo. Hay ông thích chơi gà, chúng nói chuyện chơi gà với ông. Những lúc tới lui đàm đạo, chúng khéo điểm vào ít nhiều cử chỉ ngôn ngữ để khoe mình có thể lực thế này, danh vọng thế khác. Thế lực và danh vọng ấy, ta phải nói cho công bằng, có khi chúng sẵn có đôi chút, nhưng đại khái bằng hột tiêu, hột đỗ thì phóng đại ra hơn quả bưởi; có khi chúng giả mạo những tiếng tăm chức vị tày trời mà chúng không hề có bao giờ. Ví dụ tự khoe mình nào là con ông cháu cha, nào là đỗ văn bằng này, có địa vị cao ở sở nọ; chúng tự khoe một cách táo bạo, chẳng ngượng miệng hay sợ rơi mặt nạ, vì chắc bụng rằng quanh đó không có ai nghi ngờ kiểm soát gì được. Con điều được gió, tha hồ bay bổng mãi lên.

Sau chúng có đồng lõa thậm thụt nói ra nói vào, đem hết tài nghệ quảng cáo tung bốc, kì cho ông chủ nhà phải say mê, tâm phục. Một khi



thấy ông uống liều thuốc mê khá đậm rồi, bảy giờ thờ hơi nhân duyên mới lái, chắc chắn mười phần thành công. Chúng khéo đánh thuốc mê, đến nỗi có ông háo hức tự mình đề nghị ra ý muốn kén rể gả con, không đợi có mối.

Nhà nào không có con trai, chỉ có một vài mụn con gái, thứ nhất là một, bọn kia đâm bổ vào mạnh nhất, mà cũng hi vọng thành công dễ nhất. Trong Nam, về mặt tài sản hương hỏa, theo như luật tây, nghĩa là của cải cha mẹ để lại, dù con trai hay con gái cũng được hưởng phần chia đều nhau. Khi có một mình con gái, thì người con gái ấy hưởng hết. Vì thế, bọn chuyên môn đào mỏ vợ giàu thường xoắn lấy những nhà con một, để mai hậu ông nhạc bà nhạc về trời, một tay thu quát tất cả sản nghiệp.

Có người đặt cho bọn này một cái tên nghe chát tai, gọi là tụi “bịp vợ”.

Mười năm trở lại đây, nhờ các báo thường đem ra chỉ vạch, đã cảnh tỉnh người ta về những biến thuật quái lạ ở đời văn minh, nên chi tai nạn “bịp vợ” gần đây hình như đỡ nhiều, nếu như chưa được trừ tuyệt. Không như thuở trước, tấn tuồng vừa hài vừa bi này diễn ra gần như cơm bữa.

Ta đi dạo Lục tỉnh, nếu chịu khó lắng tai hiếu kì và biết cách mơn mơn gợi chuyện, tất được nghe thiên hạ kể lể bàn tán luôn: nào là một nghiệp chủ nợ hám danh đã rước phải thằng rể điểm đàn, mạo nhận làm thông phán soái phủ; nào là thiên kim tiểu thư một nhà nợ vợ phải anh chồng bọm bãi, đến khi mặt nạ lột xuống, nàng xấu hổ bực mình, lấy dòng nước Cửu Long xây mồ hồng nhan bạc mệnh.

Thật thế, có người biết mình bị lừa thì đã quá muộn, chỉ còn có cách phát điên hay tự tử. Cũng có người đành ngậm lấy quả bồ hòn mà chịu đắng suốt đời, không dám rỉ hơi, chỉ sợ lộ chuyện, thiên hạ chê cười mai mỉa.

Đơn Hùng Tín coi tụi “bịp vợ” như kẻ thù bất cộng đới thiên. Va bảo sinh ra đời làm thân một thằng con trai, sức dài vai rộng, cố nhiên phải lo nghề nghiệp làm ăn tử tế là tốt nhất; không thế, chẳng thà đi làm lục lâm, chịu lấy trách nhiệm việc mình hành động và xông pha mọi sự nguy hiểm mà sống. Thứ nữa đi làm cu li cu leo cũng còn hơn.



Theo ý va, kẻ cướp là kẻ cướp, thầy tu là thầy tu, đảng nào phân minh đảng ấy; nếu kẻ cướp khoác áo cà sa để khuyên giáo và lạm dụng đức tín của thiên hạ, ấy là một việc gian dối không thể nào dung được. Huống chi giả danh mạo tiếng để lấy con gái nhà giàu, va cho là một cử chỉ đê tiện, một tội ác khôn nạn, phạm là nam nhi hảo hớn không được phép làm.

Có lần, một tên bộ hạ thân yêu, tỏ ra bất đồng ý kiến với va về chỗ ấy:

- Anh nghĩ xem, thiên hạ đại đột hám danh họ mắc, kẻ thầy nhà họ; mình có vợ giàu, có nhiều tiền xài chẳng sung sướng khỏe mình hơn sao?

Nó vừa nói dứt câu, liền bị một cái đá lăn quay hai vòng; rồi va kéo cổ ngồi dậy, điềm mặt và nói:

- Mày đến ăn cướp nhà họ, bắt quá họ chỉ mất một số tiền có chừng, chỉ buồn rầu tiếc của một lúc rồi quên đi. Nếu mày giả danh này khác để lấy cho được con gái họ, đổ mày che đậy cách gì mà ngày một ngày hai không lộ nguyên hình; chừng đó con họ đau khổ về tinh thần, nhà họ buồn rầu hối hận mãi có thể chết được người ta đấy, nghe không?

Rồi va nói hục hặc một mình:

- Những thằng khôn nạn, giả danh để bịp lấy vợ giàu, tao bảo chúng nó nên làm sao khấn trời vái tổ cho đừng gặp phải tay tao, nếu vô phúc chúng nó lọt vào bàn tay này thì tao vắn cổ chúng nó như vắn cổ con gà vậy.

Va vừa nói vừa chập hai bàn tay lại với nhau, vắn treó một cái, nghe có tiếng kêu răng rắc, bởi những đốt xương ngón tay đồng thời bẻ gãy.

Người ta kể chuyện mấy năm trước, có hai chàng bợm ở đầu Sài Gòn xuống Hậu Giang, tự khoe chức vị bố lão, lăm le chõm lấy vợ giàu, là hai chị em một nhà phú hộ ở vùng Đại Ngãi. Đơn Hùng Tín hay được sự tình đón đường trừng trị cho hai cậu một mẻ nên thân và bắt buộc phải bán xối, chưa kịp thực hành mưu gian kế bịp. Hai chị em nhà nọ hú vía, hú hồn, vì chỉ còn cách xa vài bước nữa thì chú mán nghiêm nhiên trèo lên cây quế.



Người ta lại kể chuyện một nhà trung cá ở Biển Hồ, sắp sửa gả làm con gái đẹp như tranh vẽ cho một tên cờ gian bạc lận ở Nam Vang lên, xưng mình là dòng dõi “nhành vàng lá ngọc” mới ở Ba Lê trở về, còn đi du lãm các nơi danh thắng, trước khi ra Huế cung chúc. May sao còn độ năm sáu ngày nữa sẽ làm lễ cưới linh đình, thì Đơn Hùng Tín báo tin cho biết. Bấy giờ nhà trung cá mới giật mình, vội vàng điều tra hỏi ra sự thật, xé ngay tờ giấy tín chỉ định sang tên hai tòa nhà lầu cho chú rể làm món quà cưới. Rồi đáng lẽ mấy hôm nữa đưa chàng vào động phòng hoa chúc, hôm nay ông ta đưa chàng đến nằm phòng giam của sở cảnh sát.

Đến đây, lí chừng các ngài đã thừa đoán vì sao Đơn Hùng Tín bắt cóc anh chàng giai tể của ông Châu Hồng ở bến đò Mĩ Thuận đem đi đâu mất.

Thì chỉ vì chàng chính là một tên bộm trong tụi “bịp vợ”.

Chàng, tên thật trong giấy thân thuế đóng ở Nam Vang là Lâm Kiều Mộc, lại có một tên ngoài là Lâm Điền. Không ai biết rõ chàng là con cái của cha căng chú kiết nào, chỉ biết đại khái sinh đẻ tại Nam Vang, vốn dòng Minh Hương, nghĩa là con cháu người khách ở đây trải lâu đời, đã hóa thành người An Nam, đóng thẻ như dân bản xứ.

Mồ côi cha mẹ rất sớm, chàng được một người chú họ thương tình, đem về chăn nuôi và cho đi học tử tế, mặc dầu người chú làm việc lương ít mà lại đông con.

Năm 15 tuổi đỗ sơ học rồi vào lớp thành chung học được hết năm thứ nhất, qua năm thứ nhì chưa được mấy tháng, thì chàng đua đòi lũ bạn vô lại, tự nhiên bỏ học đâm đi chơi hoang. Đôi ba lần người chú đem về dỗ dành khuyên bảo, chung qui như nước đổ đầu vịt.

Thế rồi trốn biệt nhà chú ra đi, tụ tập với lũ đồng bối mất dạy, tối ngày thả rong ngoài phố, gheo gái, ăn quýt, thôi thì tuôn ra đủ mảnh khốc cờ bạc gian lận, lừa đảo thiên hạ, chẳng tha một việc phóng túng càn rỡ nào không làm.

Không mấy chốc chàng trở nên một thằng điểm đànng xỏ lá đủ trăm phần trăm, và sống nhờ cái óc đưng đầy biến thuật, cũng như hạng người mà xứ Bắc ta gọi là quan viên “càn long” vậy.



Lần lần chàng xuống Sài Gòn kiếm ăn, khi thì vào làm việc lăng nhăng trong một hãng tư, khi thì ở ngoài xoay quanh mấy sòng cờ bạc. Lúc này mới 23 tuổi đầu, mà từng có hai ba phen lên voi xuống chó. Những lúc nhờ tổ phù hộ gặp thời, cũng có nhà cửa đồ đạc trang hoàng, bộ cánh luôn sang trọng, bên cạnh thường cặp kè một hai “con gà mái” biết mặc y phục và biết nói cười. Trời lại cho chàng có cái tướng mạo khôi ngô, chững chạc, có vẻ là một công tử hay một trưởng giả ở trước con mắt những người nào không biết rõ tung tích phẩm hạnh.

Có lẽ chính cái tốt mã bề ngoài ấy – hẳn chàng tự biết và lấy làm tự phụ - làm nảy ra trong óc chàng cái tư tưởng đi Lục tỉnh tìm kiếm vợ giàu.

Lên mặt là một nhà đi du lãm, bốn tháng trước đây, chàng lân la xuống hạt Châu Đốc, ở quận Tân Châu mấy tuần xem chừng không cần được mỗi gì, thuận đường đi sang Hồng Ngự.

Thoạt tiên, tìm cách làm quen với mấy nhà có bề thế nhiều ít ở ngoài phố, sau vào trong mấy làng phụ cận, đến nhà ông Châu Hồng.

Chủ khách ngồi buổi nhất kiến đã có ý tương thân tương đắc. Chủ, vì lẽ thấy khách đĩnh ngộ bảnh bao, nói năng hoạt bát, có dáng như không phải một kẻ tầm thường. Còn khách vì lẽ đã dòm thấy chủ có cơ đồ phong phú, nhất là có một cô tiểu thư xuân xanh ngoài hai chục còn đang cao giá trong chôn thâm khuê.

Vả lại trước khi tương kiến, nhà đại điền chủ ta đã được nghe đôi ba người đến quảng cáo trước cho ông biết Lâm Kiều Mộc là một nhân vật to tát thế nào rồi. Cố nhiên mấy người ấy, hoặc là từng đảng cốt đi tung bốc rêu rao trước, như kiểu mấy đứa chạy hiệu ở rạp tuồng, đứng cửa buồng trò phát cờ ê a, rồi có ông tướng râu dài mặt đỏ, nhảy nhót ra sau; hoặc là người cũng bị tin lầm mắc bọm rồi vô tình gặp ai khoe nấy, chỉ cầu lấy chút khoái lạc tỏ mình được biết ông kia.

Bởi vậy, khi Lâm Kiều Mộc đến chơi, ông Châu Hồng lấy làm vinh dự, tiếp đãi một cách trọng vọng niềm nở đối với khách sang. Huống chi, theo người ta nói, khách là một ông bác vật (*ingénieur*, đảng ngoài quen gọi kỹ sư), ý chừng cùng một hạng văn bằng danh vọng như ông bác vật Lưu Văn Lang mà khắp Lục tỉnh đã từng phục tài dậy tiếng.



- Nghe nói ông bác vật mới ở bên Tây về? Ông Châu Hồng hỏi.
- Dạ phải, tôi mới về năm tháng nay, Lâm Kiều Mộc đáp.
- Chắc ông bác vật còn trẻ tuổi lắm.
- Thưa cụ, năm nay tôi mới 24 tuổi.
- Ông đã nhất định làm công việc gì chưa; thế nào chẳng có một địa vị trọng yếu của nhà nước đang chờ đợi?

- Thưa cụ, tôi có ý muốn kinh doanh kỹ nghệ hơn là vào làm công sở. Chẳng nói cụ cũng rõ kỹ nghệ xứ ta còn khiếm khuyết vô cùng, đang cần phải mở mang nhiều. Tôi có bằng cấp bác vật, chuyên khoa về hóa học, nên có lập chí mở mang cho xứ sở về mặt ấy, đại khái như lập ra công xưởng chế tạo dầu thơm chẳng hạn. Nhưng một cuộc làm ăn to như thế, cần có tư bản to lớn, mà nghĩ mình tài tuy có dư, của thì kém hẳn. Hiện giờ tôi đi Lục tỉnh, cốt lưu tâm nghiên cứu xem có những nguyên liệu gì có thể hữu ích cho thứ kỹ nghệ mình định kinh doanh chẳng.

- Sao không đem bà bác vật cùng đi du lịch cho vui?
- Thưa cụ, từ nhỏ tới lớn, tôi mãi lo việc học, đã có ngày giờ tâm chí nào nghĩ đến sự tạo lập gia thất đâu.
- Với tài học và địa vị ông, lo gì rồi đây chẳng có vợ rất xứng đáng.

Ông Châu Hồng nói câu ấy chẳng qua thù phụng theo cách xã giao thể thôi, vốn không có tư ý gì cả.

Từ đấy, mỗi ngày Lâm Kiều Mộc tìm cơ đến đàm đạo với ông Châu Hồng một lần. Chàng cố làm ra vẻ người đứng đắn cao thượng và nhất nhất giữ theo lễ nghĩa khuôn phép xưa, vì đón biết ông chủ nhà ta thích như thế.

Rồi ông dọn riêng một phòng tử tế, mời chàng ở ngay trong nhà, đãi đằng như thượng khách.

Hai ông bà đã già, có cậu con trai đầu lòng đi học đỗ bằng thành chung, bỗng lẫn ra chết, giờ chỉ vồn vẹn có một cô con gái, tức là Minh Cầm, năm nay 20 tuổi. Nàng có học qua Nữ học đường ở Sài Gòn ít năm, sau vì yếu sức, ông bà bắt về ở nhà, không cho học nữa. Con gái nhà giàu – lại là con một – cảnh sung sướng dành sẵn, cần gì phải học nhiều. Tuy vậy, nàng chịu khó xem sách và tự học lấy, thành ra về phần trí thức không đến nỗi như những người bỏ học khác. Đã vậy, tính nàng



lại tốt, tỏ ra người có giáo dục, không có kiêu thái gì về nhan sắc mình đẹp, gia thế mình giàu.

Nhân vì nàng là con một, nên chỉ được cha mẹ chiều chuộng, nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Việc hôn nhân của nàng là việc hai ông bà Châu Hồng để tâm lo nghĩ kén chọn từ mấy năm nay. Nàng là con gái hiếu thuận, để mặc ý cha mẹ liệu định. Đã có một hai đám ở quanh vùng đánh tiếng, nhưng ông Châu Hồng từ khước, chỉ vì lẽ người con trai không được danh giá theo ý ông muốn.

Ông vẫn thầm ước người chồng Minh Cầm tất phải có địa vị xã hội cao sang, nếu có thể gửi rể càng tốt, vì ông bà không thích để cho Minh Cầm phải chịu cảnh đi về làm dâu con nhà người ta, đối với mặt mũi gia em chồng, nhiều nỗi khổ sở.

Sự tình cờ đưa Lâm Kiều Mộc đến nhà, ông xem xét là người đầy đủ điều kiện.

Một hôm, không dáo đầu nói ướm gì cả, ông ngỏ ý muốn gả Minh Cầm cho chàng, với đình ninh hứa giúp chàng trong việc mở xưởng kỹ nghệ.

Cố nhiên chàng hớn hờ đón ngay, như được phụng chiếu thiên tử. Chính Minh Cầm cũng ưng ý mười phần, vì theo nàng vật sắc, chàng có thể là một như ý lang quân.

Có lẽ số tử vi của chàng đến lúc hồng loan chiếu mệnh, cho nên lập tâm lấy vợ nhà giàu đã được như nguyện. Còn số ông Châu Hồng thì vận hạn bị những sao liêm trinh thất sát phá rồi sao đó, thành ra tự nhiên chiêu cầu giai tể là một thằng điểm đàn mà không tự biết.

Một tháng sau.

Đám cưới linh đình cử hành ngay ở nhà gái. Ngoài ra mấy bạn đồng lứa, Lâm Kiều Mộc rước một hai ông già bà lão bố vợ ở đâu đến không biết, chàng nhận là họ hàng chú bác, để chứng kiến hôn lễ.

Rồi chàng ở luôn tại nhà vợ.

Thế là Minh Cầm, đóa hoa thiên hương đã hoàn toàn phai màu rửa nhệ về tay một kẻ phàm phu, chỉ có cái bề ngoài đánh lừa thiên hạ.

Việc này lúc đến tai Đơn Hùng Tín thì đã quá trễ mất rồi. Va lấy làm tức tối ân hận, sao mình không kịp can trở hộ người ta như mấy đám



giống thế ngày trước, để cho một nhà lương thiện bị bịp, một người con gái ngọc ngà đứng đắn như Minh Cầm thế kia mà phải bị lừa.

Va cho là tại ông Châu Hồng hiếu danh cho nên mắc hợm, nhưng cũng tại thằng Lâm Điền lập tâm lừa người, cố ý bịp vợ, thế thì tội nó to hơn. Trước kia Lâm Điền ở Nam Vang là người hư hỏng thế nào, va đã dư biết từ kẽ tóc chân tơ. Nhất là, nhiều khi va bắt được Lâm Điền tại trận cờ bạc gian lận, hoặc lừa gái quê mùa thật thà.

Còn nhớ mấy lần Lâm Điền cùng quần hết sức, ngựa tay xin tiền, Đon Hùng Tín vui vẻ giúp ngay một hai chục không tiếc. Nhưng mỗi lần cứu trợ như thế là mỗi lần khuyên bảo chàng bỏ thói chơi bời gian xảo, đi tìm một việc gì ở các hãng làm ăn tử tế.

Nhưng chàng vẫn giữ chứng nào tật ấy, đến nỗi có lần Đon Hùng Tín xia vào giữa mặt chàng, mắng nhiếc đả đê, lại cảnh cáo trước:

- Hễ mày còn đem bộ mặt điểm đàn của mày đi cám dỗ gạt lừa đàn bà con gái người ta, thì phải coi chừng gặp phải ông nội mày đây, nghe chưa? Cho mày có giỏi bay lên trời hay chui xuống đất, tao cũng móc đầu mày lên đĩa!

Vậy mà ngày nay Lâm Điền vớ được con gái ông Châu Hồng bằng cách giả mạo danh nghĩa, hèn gì Đon Hùng Tín nghe chuyện, không tức giận đầy gan tím ruột; tức giận thằng điểm đàn ấy không kiêng nể mình, không coi mình ra gì. Lúc nó bày mưu lừa gạt ông Châu Hồng, không dùng cái tên Lâm Điền vẫn thường quen gọi và Đon Hùng Tín đã biết, lại lấy tên là Lâm Kiều Mộc đồ bác vật, cho nên Đon Hùng Tín không ngờ. Và chẳng, từ khi Lâm Điền bán xới Nam Vang xuống Sài Gòn, Đon Hùng Tín vẫn đinh ninh tưởng chắc thằng này quen thói lừa đảo thiên hạ mãi, hẳn đã vào tù hay là bị ai trói quăng xuống sông đâu rồi, không dè nó lần mò đến hạt Châu Đốc làm thành công một vỏ đại bịp như thế.

- Trời ơi! Thằng Lâm Điền có gan to đến thế kia à? Thế nào ta cũng phải trừng trị nó một phen mới được.

Đon Hùng Tín bao giờ cũng nói để mà làm.

Vì thế mà chàng rể ông Châu Hồng bị bắt cóc; việc xảy ra ở bên đò Mĩ Thuận ra thế nào, các ngài đã biết.



## V. Một thầy đạo sĩ ở trong hang

Núi Tà Lơn không to, nhưng mà hình thế rất đột ngột hiểm trở. Cây đá lởm chởm, hang động tứ tung, có cái tự nhiên thiên thành hoặc do nhân tạo cũng có.

Bên sườn có một ngôi chùa đã cũ.

Người ta nói danh sơn này vừa là nơi cách tuyệt thế gian của những nhà chân tu, vừa là chỗ ẩn núp kín đáo cho nhiều giống thú dữ rắn độc và những tay lục lâm đào án.

Trong mỗi một hang hốc có một người ẩn cư tu luyện. Cả cơ nghiệp họ là lương khô, bầu nước uống và năm ba quyển kinh. Dễ thường cả tháng họ chưa phải hạ sơn một lần; trừ ra khi cần dùng xuống mấy xóm làng chân núi để vận lương thực. Đêm khuya nghe bốn phía đều có tiếng lốc cốc gõ mõ tụng kinh, nhưng giá như ban ngày muốn nhớ chừng theo dấu đi tìm, thì cỏ cây che khuất, đồ ai tìm thấy.

Những thầy tu hay đạo sĩ ở hang chơi với tịch mịch như thế, có người Việt Nam mình, có người Cao Miên; cố nhiên trong đám chân tâm tu hành hoặc chán đời ở ẩn, có xen vào những kẻ chỉ là hạng chốn tù phạm phép sao đó, cốt lên núi chui rúc vào hang cho được tránh khỏi cửa ngõ xà lim hay là đáp thuyền ra đảo. Bọn này đã trốn lên núi có họa trời tìm cho ra; cũng như mấy tay anh chị ở cù lao Corse giết người rồi tẩu lên “Maquis” vậy.

Ngay tại đương trường đạo tặc sinh nhai quanh miền Hậu Giang và phía đông bắc xứ Cao Miên cũng có ổ hang bí mật trên núi Tà Lơn, lấy đó làm nơi tụ tập, bàn soạn. Có lúc là chỗ lui chân “nghỉ mát” cho chúng, trước khi tính toán làm ăn đám khác.

Chính Đôn Hùng Tín cũng chiếm lĩnh một hang kín đáo, tọa lạc trong sâu, đã phòng đôi khi qui ẩn, hoặc có việc ước hội anh em. Va đặt tên là hang *Giời*, vì đã tranh đoạt của loài giời chuột mà có. Trong hang luôn luôn có một ông lão đàn thổ - ta quen gọi người Cao Miên như thế - đóng đô trấn thủ. Bây giờ ông mộ đạo dốc tu, ê a tụng niệm kinh kệ ngày đêm, dường như thành thật sám hối, là vì thiếu thời ông từng nhiều phen tung hoành cường bạo, tập hồ sơ để ở tòa án không biết dày mấy chục chương mà nói.



Đối với ông, Đon Hùng Tín có tình thân tôn sư đệ tử. Vì chính ông lúc trước ở Biển Hồ đã dạy va học võ nghệ và phép gồng, thuốc dẫu. Về sau ông già yếu giải nghệ, có ý đi tu, lại muốn tìm một chỗ nào vắng vẻ nương náu cho được yên thân, vì ông cần dùng xa lánh cả trần duyên lẫn pháp luật.

Đon Hùng Tín liền đưa ông lên núi Tà Lơn, ở ẩn hang Giời, hết lòng chăm nom cấp dưỡng, gọi là trả nghĩa tôn sư.

Va thường lui tới luôn, mỗi khi gặp việc khó khăn nghi ngại, vẫn hỏi ý kiến thầy rồi mới quyết định. Trước mặt va, ông già có tài bói toán bằng nhành lá rất hay, mười chuyện ứng nghiệm cả chục.

Các ngài còn nhớ đêm hôm Lâm Điền nằm “bụng chữa” dưới thuyền, sau khi bị bắt, Đon Hùng Tín dặn bộ hạ dẫn chàng lên núi Tà Lơn, tức là đưa lên ở hang với ông già Cao Miên, để ông canh tù họ ít ngày, rồi sẽ định liệu.

Ở đây, chàng được thông thả nằm chung một chiếc chiếu tre trải giường mặt đá với ông già; có khác một chỗ là chàng được tiếp tế đồ hộp cá mòi ba tê ăn và bánh mì hoặc cơm nắm, trong khi ông già chỉ nhai cơm khô rồi ních một bụng nước lã, thế là xong việc.

Không chịu nổi cảnh khổ hang núi giam cầm, ăn nằm mỏi xương nhật miêng, mấy hôm sau chàng vừa phát ốm thì Đon Hùng Tín lên đến nơi.

Chàng sốt mê man, không biết gì cả. Chốc lát lại nghe gọi tên Minh Cầm và nói ú ớ một mình với giọng nũng nịu:

- Mình ơi!... tôi yêu mình... Ngoài mình ra, đối với tôi nhất thiết là... hư vô.

- Thật hay bốn đầy cậu! Còn yêu cái tủ bạc của mình nữa chứ! Đon Hùng Tín cười và nói, trong khi sờ tay lên trán Lâm Điền xem nóng nhiều hay ít.

Đoạn, va tóm tắt mấy câu, kể cho tôn sư nghe vì sao có người đang nằm rên ở đây.

Ông lão Cao Miên trầm ngâm giây lát, rồi hỏi Đon Hùng Tín:

- Chú bắt người ta về có mục đích gì, ý hấn cốt đòi tiền chuộc chăng?



- Không! Không phải vì tiền. Tôi chỉ ghét quân giả mạo lừa người, nên muốn trừng trị làm gương đấy thôi. Đơn Hùng Tín trả lời.

- Thế bây giờ chú định hành phạt người ta bằng cách nào?

- Tôi chẳng hành phạt gì cả, chỉ bắt nó hiện nguyên hình, làm ăn mà sống. Thế là tử tế đấy; việc nó lừa đảo, nếu đưa ra pháp luật đồ khởi ở tù. Nghĩ thương hại ông Châu Hồng, chuyện nhà ông ta mắc hợm, không nên để vỡ lở cho thiên hạ cùng biết, tất họ bàn tán chê cười. Bởi vậy, tôi chỉ xách cổ thằng thủ phạm đi một cách êm ái. Nay mai đem nó ra cù lao Phú Quốc, bắt làm chân sào tay lưới cho thuyền đánh cá, tự nuôi lấy thân. Tôi định xử trí như thế, thầy nghĩ có được không? Thầy bói hộ một quẻ xem nào!

Đơn Hùng Tín nói rồi chạy ra cửa hàng, bứt một nhánh lá đem vào. Ông lão đón lấy xem, ra vẻ suy nghĩ lắm rồi mới nói:

- Chưa chắc xử trí được như nguyện đâu. Còn nên coi chừng có người theo dõi đến nơi...

- Thật à? Đơn Hùng Tín hỏi sẵn đón.

Thật đấy! Ông lão đáp. Cứ xem sợi gân nổi vòng lên ở chiếc lá này, chỉ tỏ ra sắp có người tìm đến đây, có điều là hung hay cát chưa biết.

- Nếu thế thì tôi giải tù ra bể ngay.

- Nhưng nó đang ốm nặng?

- Kệ nó! Tôi cho người công xuống thuyền nằm, không hơn ở đây à.

- Phải đấy.

- Nhưng có ai đến dò hỏi, ông đừng bảo chỗ họ biết nhé!

- Chú cứ yên tâm. Ta có làm thiệt hại công việc của chú bao giờ đâu!

\*

Thuở ấy đường lên núi Tà Lơn gay go hiểm trở; một người đang sơn phải chen gai lách đá, thận trọng từng bước một, không khéo thì khốn, đâu phải có đường lối dễ dàng tử tế như bây giờ. Nhất là tìm đến mấy cái hang động của nhà ẩn cư hay người tu hành biệt tịch càng thấy gian nan nguy ngập bội phần. Có lắm bước đi, như dấn năm đầu ngón



chân mím lấy hòn đá, chỉ hơi hồng một tí là đủ khổ, dù không trút linh hồn giả lại trời Phật thì cũng phải ôm xương thành tật.

Phải nhớ mười mấy hai chục năm trước, bà con ta đi viễn cảnh núi Tà Lơn hay núi Bà Đen – hai danh sơn trong Nam dễ thường cũng thấy nơm nớp khó khăn gần như mấy ông bác học đi thám hiểm đỉnh núi Everest bên Ấn Độ vậy.

Đến sức vóc đàn ông con trai như hạng lực điền mà cũng run chân chột dạ thay, nói gì đàn bà, còn thêm là bực tiểu thư.

Nhưng mà tấm lòng Minh Cầm thương yêu chồng vô hạn, cả quyết đi tìm chồng, cứu vớt chồng, dù mình phải hi sinh đến giá nào cũng không kể. Tấm lòng ấy đã mặc áo giáp sắt cho lá gan và hai bàn chân mềm mại của nàng, thì ra đá cũng mềm, núi non cũng như hình địa, mọi sự lo sợ cũng lần trốn đi đâu mất cả.

Y như lời thệ nguyện trước mặt cha hôm nọ, mà mặc dầu bà mẹ lo xa, cản trở, Minh Cầm mạnh bạo đặt bước lên đường trèo núi Tà Lơn ngay, sau khi chú hương Tám đã dò la được hành tung của Đơn Hùng Tín.

Hai người cùng đi với nàng: một, tức là chú hương Tám, lão bộc trung thành của nhà ông Châu Hồng, làm người đi dẫn đường; hai là cô giáo Nhâm, chị em đôi con dì ruột với nàng muốn cùng nàng chia sẻ hoạn nạn.

Từ sáng sớm đến gần trưa, ba người mới lần mò đến cửa hang đạo sĩ Cao Miên.

Họ đến muộn quá, thành ra luống công vô ích: hai hôm trước Đơn Hùng Tín có ghé qua đây một buổi rồi đi, lại đem cả người tù của va đi theo nữa.

Nhưng hỏi va đi đâu hướng nào?

Đạo sĩ lắc đầu và làm thinh, tỏ ý không biết hay biết mà không nói.

Nửa ngày leo trèo vất vả lên đây, họ không ngờ nhận được cái tin sét đánh và phải đứng trước tấm màn bí mật như thế.

Minh Cầm và cô giáo buồn bã rũ rượi, nhúc nhích khắp các đầu xương, hai bàn chân bị dồn máu sưng lên căng thẳng trong đôi dép da.



Ngồi phục vị trên hòn đá. Đạo sĩ đưa bầu nước lã ra mời giải khát, mỗi cô tu một hơi hết sạch.

Cô giáo chỉ thấy đau khổ xác thịt thôi, Minh Cầm còn thêm một tầng đau khổ tinh thần nữa.

- Biết đâu mà tìm mà cứu chồng tôi bây giờ? Trời đất ơi! Tôi nhào xuống núi mà chết cho rồi.

Nàng vừa khóc vừa gào, có lẽ cây cỏ núi non cũng phải cảm động.

Ông lão Cao Miên đứng nhìn vẻ mặt nàng hiền hậu nhu mì, bất giác chạnh lòng ái ngại.

- Té ra người con trai ấy là chồng của cô à? Đạo sĩ hỏi.

- Thưa vâng, chính nhà cháu đấy! Minh Cầm gạt nước mắt trả lời. Không hiểu anh Đôn Hùng Tín thù ghét gì mà lập mưu bắt cóc nhà cháu đi như thế. Cháu cốt đi tìm để van lơn anh trả lại cho cháu, cụ có biết bây giờ anh ta đi đâu làm ơn chỉ giùm cháu rất cảm tạ.

Cô giáo Nhâm nói phụ thêm, vì sợ ông lão có ý nghi ngại gì chẳng:

- Thưa cụ, chúng tôi cốt đến điều đình thỏa thuận với anh Đôn Hùng Tín, miễn đem người nhà về thôi, quyết không có ý gì khác. Xin cụ yên tâm mách bảo hộ cho.

Đạo sĩ ngó Minh Cầm và thở dài:

- Tội nghiệp! Người hiền hậu như cô thế mà bị...

Ông toan nói “bị lừa” nhưng rồi ngừng lại, không nỡ hết lời Minh Cầm thấy thế, cố hỏi dồn tới:

- Cụ bảo cháu bị... thế nào cơ?

- Không, tôi bảo người như cô mà bị vất vả đi tìm cứu chồng!... đạo sĩ khéo nói trở sang ý khác.

Minh Cầm được dịp, thiết tha năn nỉ ông lão:

- Đấy, cụ xem tình cảnh cháu khổ sở như thế, thật không còn muốn sống tí nào. Cụ hẳn biết chỗ mà không mách bảo, sao cho đành tâm?

Nàng vừa nói vừa thuận tay bứt một nhánh lá bên cạnh chỗ ngồi,



cầm phe phẩy chơi. Cố nhiên là một cử động vô tình. Nhưng đạo sĩ vội giăng lấy nhanh lá ấy, đếm từng lá, xem từng sợi gân, và nói lầm rầm một mình bằng tiếng Cao Miên mà cả ba người cùng không hiểu.

Ông lại bảo nàng đưa bàn tay cho ông xem.

Bỗng ông giật nảy mình.

Minh Cầm có lẽ cảm thấy sức điện của cái giật mình ấy làm rung động cả bàn tay nàng.

Thì ra ông lão vừa xem hộ nàng một quẻ bói lá, giờ lại xem chỉ bàn tay, thấy phù hợp lạ lùng. Số nàng chỉ có một vợ một chồng, giàu có, đông con, người chồng tất nhiên sẽ có danh phận. Cảnh chia lìa buồn bã của nàng hiện thời chỉ là một chuyện thoáng lai, như một vầng mây bay che bóng mặt trăng thế thôi. Vậy mà Đôn Hùng Tín chia rẽ ân ái của nàng và định hành phạt chồng nàng làm tên chèo thuyền đánh cá là nghĩa lí gì? Ông nghĩ thầm đồ đệ ông tính làm việc như thế, là trái với nhân tình và thiên lí; ví bằng khuất mắt ông thì thôi, đằng này ông biết, thì không thể nào để yên mà không can thiệp.

Nhẹ nhàng buông tay Minh Cầm ra, ông nói với giọng ôn tồn:

- Cô nên yên lòng, ngày giờ buồn rầu hoạn nạn của hai vợ chồng sắp hết đến nơi rồi.

- Thừa cụ, nghĩa là cháu sắp cứu được nhà cháu về?

- Chính thế.

- Quả được như lời cụ nói thì cháu vui mừng biết bao.

- Có điều lão khuyên cô rồi đây được nghe ai kể một chuyện gì bí mật quái kì, cũng chớ nên ngã lòng nản chí, là vì duyên kiếp tiền định như thế. Với tính nết hiền hậu trời cho, cô cứ mạnh bạo, nhẫn nại, sẽ giúp chồng trở nên người có danh phận tử tế.

- Thừa cụ, chồng cháu đã thi đỗ bác vật ở bên Tây về tức là có danh phận rồi, cháu còn phải giúp gì nữa!... Minh Cầm nói thế, không phải cốt khoe chồng mình sang trọng, chỉ có ý tỏ ra cho ông lão biết sự đoán số mình sai.

Nhưng ông vẫn điềm nhiên:



- Ấy là việc mai sau, cô cứ nhớ lấy mà nghiêm, sẽ biết lời lão đoán trúng. Lão chỉ khuyên cô nên cố nhẫn nại, luôn luôn nhẫn nại, vợ chồng sẽ được thành công đắc chí, gia đình sẽ được yên vui, quan hệ ở đó. Còn việc bây giờ, thì lão bảo chờ cho mà đến rước chồng về nghe.

- Vâng, trăm sự nhờ cụ!... Minh Cầm đứng phắt dậy và nói, nét mặt tươi tỉnh ngay.

- Vì có việc của cô, lão đành mất công xuống núi mấy hôm mới được. Hôm nay là ngày 14, phải không nhỉ?... À phải ngày mười tư. Vậy đúng ngày 18, vào lúc 12 giờ trưa, cô nhớ lảng vảng đợi lão ở xóm vạn chài Phú Quốc, lão sẽ thân hành chỉ dẫn đến chỗ gặp mặt Đon Hùng Tín và đem chồng về...

- Trời ơi! Phải ra tận cù lao Phú Quốc kia ư? Cả cô giáo Nhâm và Minh Cầm đồng thời sùng sốt và hỏi.

Ông lão cười sảng sặc:

Đã yêu nhau thì biển cũng hẹp, trời cũng gần. Nếu cô ngại say sóng, hay là đừng đi!

- Ấy chết! Cháu van lạy cụ! Minh Cầm vừa vái ông lão vừa nói. Không phải cháu ngại xa gì đâu, chỉ lấy làm lạ anh Đon Hùng Tín lôi nhà cháu ra tận Phú Quốc làm gì không biết. Vâng, xin y lời cụ hẹn; đúng trưa ngày 18. Nhưng cụ bảo chờ để cháu đi ra đó một mình không được hay sao? Làm phiền cụ già nua tuổi tác mà phải xuống núi vượt biển, cháu không đành tâm.

- Không hề gì sự ấy, miễn là giúp cô được việc, Đon Hùng Tín là đồ đệ lão, tính nết nó kì quặc lắm, lão biết, cho nên cần phải thân hành can thiệp mới xong. Cô cứ vững lòng tin cậy nơi lão. Nhưng việc chúng ta ước hẹn với nhau đây, cô và mấy người phải giữ kín tiếng, chớ để ai biết mà hỏng việc đấy.

- Vâng, chúng tôi xin y theo cụ dạy! Cả ba người cùng đáp.

- Thôi, bây giờ mấy người trở về thu xếp công việc khởi hành thì vừa. Về phần lão đây cũng thế. Nhớ trưa ngày 18...

- Cháu nhớ trưa ngày 18, như chôn vào trong óc rồi, cụ ạ! Minh Cầm nhanh nhẹn nói và vái chào đạo sĩ.

- Và nhớ đợi lão ở xóm vạn chài nghe!



Đạo sĩ dặn với, khi ba người đã đi khỏi cửa hang một khúc xa, đang lom khom lần bước xuống dốc.

\*

Ngày hôm sau, Minh Cầm lại cùng cô giáo Nhâm và chú hương Tám lên đường đi Hà Tiên, thuê riêng một chiếc ghe buồm ra đảo Phú Quốc.

Trong mình nàng bọc theo 10 nghìn bạc giấy của ông Châu Hồng đưa và dặn: “Con cứ việc dốc túi đưa hết cho nó”.

Dưới thuyền, nàng nhìn mây nước, tình tứ băng khuâng. Tuy mừng sắp được vợ chồng đoàn viên, nhưng trong trí bứt rứt mãi về mấy lời ông đạo sĩ Cao Miên nói úp mở khó hiểu. Càng suy nghĩ càng thấy rối trí như gặp phải một bài tính đồ bốn góc của chiếc vòng tròn, bao giờ tìm ra?

Nàng vỗ vai hỏi cô giáo Nhâm, lúc ấy đang mải nhìn cái ô nước một con cá ông tia lên đằng xa:

- Chị giáo nhỉ? Lão già đang thổ thật là một người bí mật!

- Phương đông mình hay có những người cổ quái như thế đấy, em ạ! Cô giáo trả lời. Giá chị em mình phải ở hang một thân tro trọi như lão, chỉ nghe tiếng gió thổi vi vút cũng đủ sợ run lên mà chết.

- Em nhớ câu lão ta nói kì cục quá! Tại sao lại bảo em được nghe kể một chuyện bí mật cũng đừng ngã lòng nản chí? Không hiểu là chuyện bí mật gì mà quan hệ thế?

- Không chừng lão ta ám chỉ vào chuyện ông chồng bác vật của em đã có vợ nọ con kia sao đó rồi; lão muốn khuyên nhủ em đừng nổi cơn tam bành lục tặc lên chứ gì! Đàn ông họ tài ăn vụng lắm, em ạ!

- Chắc không phải thế, chị ơi! Gọi là chuyện bí mật mà chỉ có chừng ấy, việc gì đến nỗi phải khuyên bảo người ta đừng nản chí ngã lòng. Lão ta còn nói em sẽ giúp chồng trở nên danh phận là nghĩa thế nào? Nếu vậy thì cái văn bằng kĩ sư hóa học chồng em đã lấy được bên Tây về, là mảnh giấy lộn à?

- Chị tưởng có lẽ ông đạo sĩ ấy muốn đoán thế này: em sẽ vận động cho chồng, lấy văn bằng kĩ sư mà được bổ ra làm quan đấy! Nay mai tôi có gặp dì, tôi phải chấp tay chào bà lớn.



- Nếu quả nay mai chồng em có địa vị gì trong quan trường hoạn lộ, chỉ là do tài năng học riêng của hấn ta, có dính dấp gì đến em mà bảo em giúp trở nên danh phận, chị thử nghĩ xem?

- Giúp công cũng có lời nài nỉ mới nên, biết đâu? Vả lại, lời tục đã nói “gái ngoan làm quan cho chồng”, em không nhớ sao?

Minh Cầm làm thính, trong ý không chắc những lời chị phỏng đoán đã đúng sự thật.

Chiều tối, thuyền đến đảo Phú Quốc.

Ba người vào khách sạn Đại Đồng ở trọ, sai bồi đi mua cơm về ăn. Sau khi ăn uống xong, chú hương Tám xuống ngủ dưới thuyền, canh gác hành lí, để phòng cho hai người đàn bà yên nghỉ.

Cô giáo Nhâm vừa đặt mình ấm chỗ là ngáy; con người thanh nhàn vô sự có khác. Trái lại, Minh Cầm có tâm sự phân mang, thành ra thao thức quá nửa đêm, nằm chán lại ngồi dậy mở cửa sổ dòm trăng, hai mắt càng khuya càng tỉnh.

Một là nàng lo ngại trong mình bọc số tiền to, trong chỗ lữ thứ, sợ có mấy ông quân tử nằm trên xà nhà. Hai là khách sạn ở các châu quận, phòng trọ thường phân cách nhau bằng tấm ván bung, mà đêm ấy phòng bên cạnh có một cặp trai gái, là vợ chồng hay nhân tình không biết, nói cười râm rĩ suốt đêm, chẳng kể gì đến sự yên tĩnh của khách trọ lân cận.

Có câu họ nói với nhau, khiến cho Minh Cầm phải lắng tai cạnh lòng.

- Tại sao mấy nhà có của mà họ khờ thế mình nhỉ? Tiếng người con gái nói. Quãng ra tiền muôn bạc ngàn mua chồng cho con gái mà lại mua phải đồ giả, mới là khổ cho!

- Ai bảo họ hiểu danh lắm mới mắc lừa câu, cần phải ót! Người con trai cười và đáp.

- Có thể, họ lại vô vậ, không kịp suy xét, chỉ sợ nhà khác tranh mất ông rể, rồi con gái mình già đời ở góa, hết mất chồng sang. Mấy tháng trước ở vùng Sóc Trăng hay Châu Đốc có một chuyện như thế, mình không nghe à? Nhà ấy cũng đại phú, độc trụ có một con gái, ông bố lơn tôn gả con, bù của cho một anh chàng tốt mã, tự xưng là đồ ông



nghe ông cống gì ở bên tây về, nhưng kì thật chỉ là một thằng điếm đảng bố lão, ở trên Nam Vang người ta đã nhìn mặt nó.

- Đây, mình đã giật mình hú vía chưa? Người con trai hỏi lại ra vẻ đắc ý. Ngay như mình, nếu lúc nọ má mình đi nghe lời tui “thái sư quạt mo”, gả mình lấy thằng Trần Kinh thì cũng bị bịp như ông nhà giàu mình vừa nói đó. Thằng Trần Kinh còn tệ hơn nữa, vì nó đã bị hai ba án trộm cắp ở tù trên Sài Gòn, thế mà xuống Lục tỉnh dám vênh mặt tự khoe làm thầy thông!

- Minh ơi! Ba má tôi ở hiền gặp lành, cho nên trời Phật xui khiến không phải bị bịp.

- Tôi hỏi mình nhé: ví dụ mình một lần hai lỡ, vợ phải thằng chồng như thế, thì làm thế nào? Mình tổng cổ mẹ nó ra đường hay là mình tự ôm đá nhào xuống sông mà chết?

- Anh này nói nghe ghê quá! Tiếng người con gái vừa cười vừa nói. Việc gì mà phải tự tử? Một khi mình lấy chồng, xóm làng thiên hạ đều biết, thì hay dở nên hư, mình phải chịu lấy. Ví dụ tôi vợ phải thằng chồng như thế, trước hết cũng đành cắn răng mà chịu, nhưng tôi cố khuyên lơn cảm hóa cho trở nên một người lương thiện, chừng nào không được sẽ hay. Nếu ban đầu ruộng rẫy nhau ngay, không khác nào phô trương điều lầm lỡ của cha mẹ và của mình cho thiên hạ chê cười. Sự chay chồng đổi vợ nào có hay hóm gì! Chồng có phải là một chiếc vợ rách đâu mà nói chuyện sớm mang chiều cỗi dễ dàng. Tôi tưởng một người đàn bà biết cách cảm hóa, dù thằng chồng khôn nạn đến thế nào cũng có thể trở nên người khá, trừ ra nó thật là khúc cây cụt đá thì không kể.

- Thôi, lí thuyết của bà cao lắm, con xin bái phục. Tức sao hồi đó Nguyệt Lão không xe dây trói căng bà với ông Trần Kinh để xem bà có cảm hóa nổi ông ấy không?

- Cờ đến tay thử xem có phát được không; anh nghĩ gái này tầm thường hẳn thôi? Người con gái nói với giọng nũng nịu.

- Thì tôi đã tôn làm bà rồi còn sao nữa!

Rồi một trận pháo cười đồng thời phát nổ, làm vang động cả một vùng không khí tĩnh mịch.

Câu chuyện ngẫu nhiên ở phòng bên cạnh, không ngờ có mũi nhọn



như chông gai đâm thẳng vào tâm thần Minh Cầm nghe đau buốt lạ lùng.

Mấy lời nói mập mờ khó hiểu của thầy đạo sĩ Cao Miên lại thức dậy trong trí nhớ, nàng nghĩ đem ráp lại với chuyện này, thấy sao nó ăn khớp như một vậ. Chuyện bí mật mà đạo sĩ bảo ta sẽ được nghe, có lẽ tức là chuyện người đàn bà bên cạnh vừa kể. Mình chẳng phải là người Châu Đốc ư? Mình chẳng phải cưới chồng cách nay mấy tháng ư? Chồng mình chẳng tự nói đi tây đồ đạc trở về, mà hình như vốn người sinh trưởng ở trên Nam Vang đây ư? Thôi, phải dứt đi rồi, cuộc nhân duyên lừa đảo người ta nói đó chính là cuộc nhân duyên của mình chứ ai!

Nàng nghĩ đến đây, tự nhiên thấy mặt mũi tối tăm, ruột gan tê tái, dường như trong mình nổi cơn giông bão hồ thẹn, bức tức, tí nữa thôi nàng ngã phục dưới đất nếu như nàng không đủ sức cố gượng lại.

Cũng may cái gương ấy xoay đổi tư tưởng nàng ra một phương hướng khác.

Trước hết nàng mong mỗi câu chuyện thiên hạ đồn không phải là chuyện có thật. Hay là không phải chuyện mình. Quanh vùng Châu Đốc, Sóc Trăng thiếu gì nhà giàu, và lại thiếu gì con gái lấy chồng vào khoảng hai ba tháng trước. Vậy thì cô ả lấy phải anh chồng giả dối, chắc hẳn là con cái một nhà nào khác, đâu phải nhà nàng. Chồng nàng linh lợi anh tuấn thế kia, quyết nhiên không phải con người có thể làm việc dơ mang da cộp, cho đạt sở vọng lấy vì tiền.

Thế rồi nàng thấy mát ruột nhẹ mình, như hắt được chiếc cối đá đang đè trên tâm não.

Nàng thiết tưởng ra đủ các phương diện, tìm cho mỗi phương diện một cách đối phó rồi kết cục nàng cũng chịu nhận cái ý kiến của người đàn bà ở phòng bên cạnh là phải hơn cả.

Giờ có làm cho lung tung ra lẽ, thì bất quá anh đi đàng anh, tôi đi đàng tôi, li dị nhau là hết. Làm thế, liệu có rửa được tiếng nhà, liệu có khôi phục được tấm thân trinh bạch không? Chắc là không. Chỉ tổ bêu xấu cha mẹ, rầm rĩ dư luận, mà thân mình cũng chẳng còn nguyên vẹn, đời mình cũng mang tiếng một chồng rồi, có ích gì đâu!

Âu là số phận chơi khăm, ta đành hàng phục nó. Nét chữ tiền định



viết bằng một thứ mực gì chắc hơn keo sơn, không thể bôi xóa được nữa. Giờ có tính cưỡng lại bằng cách nào cũng chỉ có hại chứ không có lợi. Phải, ta vớ làm một anh chồng vô danh, nhưng ở đời chẳng từng có bà công chúa lấy kẻ chăn chiên, chẳng có tiểu thư con nhà giàu sang quyền thế mà kết duyên với nông phu điền tốt nhà mình đấy sao! Cũng là tự duyên số oái ăm bắt buộc họ như thế.

Rồi nàng qui kết vào hai chữ thiêng liêng quý báu nhất đời người ta: ái tình.

Vợ chồng lấy nhau chỉ cốt tình yêu. Tình yêu cao quý hơn cả nhất thiết. Nào những tài mạo danh giá, tiền của, văn bằng, môn hộ, đều là những cái bám ở bên ngoài, có khi không cần phải đếm xỉa đến. Hễ yêu nhau thì lấy nhau, những cái bám ở bên ngoài kia dù hiện thời thiếu thốn hay chẳng có tí nào, thì sau này ta đào tạo ra nó cũng được, phỏng có khó gì. Một người được ngồi ăn cỗ sẵn, tuy là có vẻ thanh nhàn, nhưng thật không được sung sướng cho bằng một người tự lấy sức mình làm ra miếng ngon mà ăn, vẫn có vẻ cao thượng hơn.

Có khi ông tạo hóa trở trêu, khiến ta gặp phải sự đau đớn, sự tủi nhục, sự bất như ý, tức là một cách để thử xem tâm chí và tính nhẫn nại tự cường của ta có hay không, giỏi hay dở, cao hay thấp đấy. Nếu ta chỉ biết thở than số phận rủi ro và cúi đầu hàng phục nó ngay, thì ta hèn lắm. Làm sao ta phải bền lòng gắng sức, tự sửa sang lấy đời mình cho xấu hóa đẹp, dở hóa hay, cảnh tối tăm hóa ánh sáng rực rỡ, thế mới khoái hoạt!

Lúc này còn là xét quanh nghĩ thâm trong trí, giờ nàng tự nói lầm rầm một mình:

- Ôi! Việc quái gì mà phải suy nghĩ lo âu cho một tâm thần vô ích. Nếu cuộc nhân duyên ta không đến nỗi như lời thiên hạ đồn thì càng hay; vạn nhất chồng ta có phải là một kẻ vô danh đi nữa cũng chẳng làm sao. Ta đã thuận tình kết duyên phu phụ với chàng, vì ta thương yêu chàng; ở đời đến chữ yêu là hết, kì dư chẳng có gì quan hệ. Ta sẽ dốc cạn lòng thành ra khuyên răn, cảm hóa, giúp đỡ chàng có một ngày trở nên người lương thiện danh giá cho thiên hạ coi.

Một người đã ngồi vào chiếu bạc với tâm trí坦然 nhiên; tỉnh táo, không quá bận lòng về sự đen đỏ được thua, thì dù khi mình đánh chặn mà bạc mở lẻ, hay là trái lại, cũng chẳng lấy làm sững sốt.



Minh Cầm lúc này cũng có chủ kiến không cần được thua và đối với tình cảnh sẽ tới có ý thản nhiên như người ngồi chiếu bạc đó.

## VI. Ở cù lao Phú Quốc

Hôm sau, đúng ngày 18 ước hẹn.

Minh Cầm và cô giáo Nhâm vừa thức dậy còn đang rửa mặt, chú hương Tám đã sừng sững ở dưới thuyền lên, nét mặt nghiêm khắc như có sát khí, tay cầm một cái gói dài, phần trên bọc tờ báo cũ, phần dưới để trần đầu gỗ. Ai thấy cũng biết ngay là chuôi dao mà thứ dao to, có thể lạng thịt người, đào suối máu.

Chú hương vốn người chất phác, nhưng tính khí cương trực, hơi nóng, có biết xỉ xàng một đôi miếng võ. Ông Châu Hồng tin dùng, ủy thác chú hương dẫn hai cô con và cháu đi giao thiệp với Đơn Hùng Tín, khiến chú động lòng tự hào nghĩ mình gánh vác một trách nhiệm quan hệ, không khác gì Quan Vân Trường thuở xưa thanh gươm yên ngựa, phò nhị tâu quá ngũ quan.

Giờ sắp đến lúc đưa hai cô giáp mặt thẳng tướng lâu la, chú hương nghĩ phải mang theo một món khí giới phòng bị. Khí giới ấy không phải thanh long yên nguyệt đao như của Vân Trường, nhưng là một con dao bầu của người chủ thuyền vẫn dùng những khi mổ xẻ cá to.

Cô giáo Nhâm như tuồng thật thà không biết:

- Chú hương tử tế dữ, mới sáng đã mua được một đòn bánh tét<sup>(1)</sup> như thế, ý chừng để cho chị em chúng tôi điểm tâm?

- Không phải bánh! Dao đấy, cô ạ! Chú hương vội vàng cải chính.

- Trời ơi! Ôn hoàng dịch lệ bắt chú đi! Dao ở đâu thế? Nghe nói ghê cả người! Minh Cầm hỏi cách sừng sốt, vì trông mặt chú hương có vẻ gay go khác thường.

- Dao tôi mượn của người chủ thuyền, ra công ngồi mài cả đêm, sắc lắm, chém bay đầu người ta ngon như chém chuối, hai cô ạ.

---

(1) Đàng trong gói bánh chưng, mình tròn và dài như giò lụa đàng ngoài, có khi dài gần một sải tay, gọi là đòn bánh tét.



- Nhưng chú đem dao đi theo tính để làm gì? Minh Cầm gạn hỏi.

- Còn để làm gì? Để chém bay đầu thằng Đon Hùng Tín nếu như nó kiếm chuyện lời thôi, không tha ông bác vật lập tức.

- Thôi đi, khéo vẽ trò khi? Bộ chú mà chém giết ai được; chú chưa kịp đưa con dao lên thì nó đã cho chú ăn mấy viên đạn súng lục rồi, có biết không? Đừng có lăm le đánh đu với tinh mà chết. Vả lại, chốc nữa hai chị em tôi đi một mình thôi, chú xuống coi thuyền, dự bị chiều nay xong việc, chúng ta về ngay.

Chú hương lắc đầu, hai mắt trợn ngược:

- Ô! Phải cho tôi đi theo, phòng khi xảy ra sự gì bất trắc, có tôi đối địch và bảo hộ hai cô chứ.

- Không cần đến chú! Lắm khi phải đánh nhau với Đon Hùng Tín một trăm hiệp, đã có tôi đây! Cô giáo vừa cười vừa nói. Chú không biết tôi võ nghệ cao cường hẳn?

- Cô mà có võ nghệ; liệu trói con gà chưa biết có chặt hay không!

- Mèn ơi! Chú hương này thế mà hữu nhỡn vô chân. Tôi đã từng lên núi học bà Lư Sơn thánh mẫu trở về đây, biết không? Để chuyện này xong việc về nhà, cứ nội thập bát ban võ nghệ, chú muốn học món gì tôi sẽ dạy cho, đừng có lờ mờ khinh thị đàn bà mà khốn. Bây giờ thì chú về dưới thuyền đi, việc hội ngộ Đon Hùng Tín để mặc chị em chúng tôi, không cần chú theo. Nếu bảo không nghe, tôi chỉ búng ngón tay một cái, đủ làm cho chú ngã nhào mấy vòng từ trên gác xuống dưới sân, có vỡ mặt gãy xương, chớ trách.

Cô giáo Nhâm cố nhịn cười mà nói, cho ra vẻ trịnh trọng như câu chuyện thật. Chẳng biết chú hương có tin hay không, chỉ thấy chú ngây như tượng gỗ, có lẽ nghe cô giáo nói hàng nút chữ nho, những là Lư Sơn thánh mẫu với thập bát ban võ nghệ, khiến chú đâm hoảng. Rồi thu gói dao vào bọc, chú hương ta lúi lúi ra đi một nước, chẳng nói chẳng rằng.

Cô giáo tiễn chân chú hương bằng một tràng pháo cười, trong khi Minh Cầm sửa soạn gói bộ quần áo tây để chốc nữa đem đi cho chồng thay đổi, nếu như được gặp. Nàng không quên kiểm lại bạc giấy, phân ra làm hai phong, mỗi phong năm nghìn đồng.



Đúng 12 giờ trưa, hai chị em ra bến thuyền chài, đã thấy ông đạo sĩ Cao Miên ngồi đón ở đấy từ hồi nào.

Ông lững thững đi trước, đưa hai người đến một xóm thôn cư xa bến chừng hai trăm thước, vào một ngôi nhà sàn bằng gỗ, làm theo kiểu mới, ngoài hiên bày chậu cảnh la liệt, bên trong có từng phòng lát gụ đánh bóng, xem rất ngăn nắp, trang hoàng.

Lạ nhất là lúc ấy ở gian chính giữa, và trông hút vào tận phía sau, hình như là ngôi nhà hoang, không thấy một bóng người nào. Hai chị em hơi chợn, bước đi có dáng ngần ngại, rụt rè. Đạo sĩ hiểu ý:

- Hai cô cứ việc mạnh bạo, tự nhiên, đây là một nhà bạn thân, không phải kẻ thù. Hãy vững tâm mong mỏi và tin cậy nơi tôi.

Đoạn, ông nhẹ tay đẩy cửa một phòng bên hữu và nói tiếng khe khẽ với Minh Cầm:

- Trước hết, mời cô hãy vào thăm thầy hai, đang nằm dưỡng bệnh trong này.

Sắc mặt nàng biến từ hồng hào ra xanh xám trong cơn chớp nhoáng. Nghe nói chồng ở trong ấy thì mừng, nhưng lại nghe dưỡng bệnh thì vui mừng nhường ngay cho buồn sợ. Phải nói rằng nàng xông thẳng vào trong phòng thì đúng hơn là bước đi.

Trên bộ ván cấm lai lên nước bóng lộn, chần nệm ngồn ngang, Lâm Điền, - quả thật là chàng – đang nằm thiêm thiếp, mặt hốc hác và xanh nhợt, hai mắt nhắm lại, một cánh tay thò ra ngoài chần để ông lang khách bắt mạch.

Không bút mực nào tả hết được trận bão thảm thương lo sợ đang nổi lên ùng ùng ở trong tâm não Minh Cầm khi nàng đứng trước cảnh tượng như thế.

Nàng luống cuống, hãi hùng, để tay lên trán chồng thấy nóng phùng phùng, sờ dưới bàn chân thì lạnh giá, gọi hai ba tiếng mình ơi, mình hỡi, chẳng nghe chồng thưa. Thử cứa vào da thịt, cũng không thấy da thịt ấy nhúc nhích phản động tí nào. Thì ra Lâm Điền ốm luôn từ hôm ở trên núi Tà Lơn đến giờ. Hiện chàng ở giữa cơn sốt mê man, bất tỉnh nhân sự.

Tưởng là chồng thập tử nhất sinh, xa trời gần đất, Minh Cầm khóc



nước nở và sắp vật vã kêu rống lên, nhưng cô giáo Nhâm ôm đỡ lấy nàng; ông lang khách thì ra hiệu, bảo im:

- Bệnh nhân này, trái tim yếu lắm, ông lang nói. Để cho lặng lẽ yên nghỉ mới được, chớ có làm gì kinh động người ta.

- Thưa ông, ông xem mạch có phải lo ngại gì không? Minh Cầm mếu máo và hỏi. xin ông làm ơn nói thật.

- Ô! Cái này không hề gì lớn! Để ngộ biên toa cân thuốc. Vài ba ngày rút hẳn cơn sốt, rồi thì bổ tim. Không có điều chi phòng sợ... Cô là cái vợ của bệnh nhân thì phải?

- Dạ, phải. Xin ông cố sức cứu chữa nhà tôi, không khi nào tôi quên ơn.

- Được, cô cứ yên tâm, tôi cam đoan chữa khỏi. Phải chi mời tôi ngay mấy hôm trước, thì bệnh đã hết rồi. Cái này tại mấy thầy lang trước bất tài, bệnh một đàng cho thuốc một nẻo, làm cho cơn sốt tăng mãi lên.

Nghe ông lang khách nói, Minh Cầm thêm oán hận Đơn Hùng Tín. Bởi va bắt chồng nàng đi, mọi sự phong sương tù túng làm cho chồng nàng sinh bệnh. Rồi lại không chịu chữa chạy cấp thời, bệnh nhân mới đến nỗi trầm kha nguy hiểm thế này.

Nhưng trông lại trên bàn cạnh giường, thấy để chén bát chai lọ lung tung, có trứng gà, có sữa con chim, có hai ba thứ thuốc Tây, có ấm nước sâm Cao Li, có một bát yến sào nấu với đường phèn, trông rất ngon lành mà bệnh nhân chưa dùng. Nàng nghĩ lại thế thì Đơn Hùng Tín không phải không lưu tâm thuốc men chữa chạy; chứng cứ là những dược phẩm và đồ ăn phục dịch tốn kém kia. Sự thật, Đơn Hùng Tín lo liệu tử tế, chỉ tại chồng mình lúc này gặp phải vận hạn vất vả ốm đau, mà chưa gặp thầy hay thuốc mát đây thôi. Nhất là còn thiếu sự săn sóc của ái tình một người vợ, thành ra bệnh mới dây dưa... Rồi đây ta lấy ái tình chăm nom thang thuốc cho chàng, không lo gì chàng không mau bình phục.

\*

Giữa lúc ấy, ông đạo sĩ Cao Miên với một người lạ mặt cùng nhẹ bước vào trong phòng.



Người lạ mặt để tay lên trán bệnh nhân rồi ngỏ ý mời riêng một mình Minh Cầm qua phòng bên cạnh, có chuyện thương lượng.

Chính là Đơn Hùng Tín.

Hình thù và ăn mặc thế nào, các ngài đã biết. Tuy chẳng ai giới thiệu, nhưng cứ trôngg mặt bắt hình dong, là cặp mắt xéch ngược và hung dữ, Minh Cầm hiểu ngay mình đứng trước mặt kẻ đã làm nàng đau đớn tinh thần mấy tuần lễ nay. Nàng không thể ngờ vận mạng chồng mình, lúc này đang nằm trong tay một người thô kệch như thế. Trong trí nàng cảm chắc con người ấy làm gì có nghĩa khí theo lời thiên hạ vẫn đồn, chẳng qua bắt cóc chồng mình là để làm tiền, như kiểu bên Chicago.

Theo chân đạo sĩ Cao Miên và Đơn Hùng Tín, nàng mới bước vào phòng đã thấy lạnh gáy. Bốn vách treo đầy hung khí: đao, kiếm, tay thước, súng trường, cho tới khiên mộc cung tên lối xưa cũng có, thoạt trông như một viện bảo tàng khí giới nho nhỏ.

Ba người ngồi quanh chiếc bàn tròn, mặt đá cẩm thạch, kê chính giữa phòng.

Với giọng nói thanh nhã, dịu dàng, Đơn Hùng Tín mở lời trước:

- Tôi cam chịu lỗi, vì đã làm một việc phiến muộn cho cô và ông huyện ở nhà.

Minh Cầm đã tỉnh trí, cười gằn và nói rất tự nhiên, trong vẻ cười có chứa bao nhiêu oán hận, khinh bỉ:

- Thật thế, không buồn rầu đau đớn sao được; bỗng dưng vô cớ, chồng tôi bị lôi xách đi và phải chịu đầy đọa cho ra thân thể ốm đau bất tỉnh thế kia? Ước gì anh được hóa thân làm đàn bà mới hiểu hết cảnh buồn nổi khổ của một người đàn bà ở trong trường hợp tôi. Cả ông thân bà thân tôi cũng buồn đáo đẽ và có ý trách anh đấy. Ông thân tôi bảo giá như anh có việc cần dùng tiêu xài, cứ nói một tiếng, chắc hẳn ông vui lòng giúp đỡ anh ngay, chẳng nhiều thì ít, hà tất anh phải làm chuyện bắt cóc như thế!...

Minh Cầm mở túi da cầm tay, lấy ra hai phong bì giấy bạc đã kiểm điểm hồi sáng, đặt lên bàn và nói tiếp:

- Đây, ông thân tôi gửi tặng anh chút đỉnh xài chơi, gọi là lòng



thảo, để tôi đón nhà tôi về. Thế là đôi bên cùng êm đềm thỏa thuận với nhau, chả nên đề tai tiếng vỡ lở, thiên hạ chê cười.

Trong ý nghĩ nàng định ninh được thấy Đơn Hùng Tín tươi cười hơn hở, vội ngay lấy hai phong bạc giấy như con mèo vớ được thịt mỡ vậy. Va không phải một tay du côn anh chị, một tên giang hồ cường đạo là gì? Cô lai có du côn tướng cướp nào lại chê tiền bạc bao giờ? Huống chi trong hai phong bì xinh xắn ấy chứa một vạn bạc, không phải là ít, mà người ta lại đưa đến tận tay.

Nàng sững sốt trông thấy Đơn Hùng Tín sa sầm nét mặt, rõ ràng có ý giận, thò tay gạt hai phong giấy bạc về phía Minh Cầm và nói:

- Cô hãy cất đi!... Chà! Trong hai phong này nhốt bao nhiêu của mà coi phùng thế?

- Mỗi phong năm nghìn, hai phong vừa chẵn một muôn đấy, anh ạ! Minh Cầm trả lời, khai rõ cả số tiền, vì nàng tưởng Đơn Hùng Tín không biết, sờ dĩ gạt tay ra, là chê ít chẳng.

- Ô! Ông Châu Hồng giàu to nhỉ, không ngại quăng bạc muôn ra để chuộc ông rể quý hóa! Đơn Hùng Tín nói và mỉm cười. Xin cô hiểu cho rằng tôi bắt Lâm Điền hay Lâm Kiều Mộc – vì hắn có hai tên – đâu có phải bởi mục đích làm tiền, cầu lợi, mà ông huyện nhà bảo cô đưa tiền lại cho tôi.

- Hay là lúc trước anh có chuyện gì thù oán nhà tôi, nhà tôi có làm sự gì quấy với anh?

- Cũng không!

- Lạ quá! Thế thì vì lẽ gì?

- Chỉ vì sinh bình tôi ghét bọn điểm đàn thường mò về Lục Châu, giả danh ông kia ông nọ để đào mỏ vợ giàu, mà Lâm Điền là một. Nó có phải kỹ sư bác vật cóc khô gì đâu; chỉ là một thằng thất học, vô lại, mấy năm trước chơi bời láo lếu ở vùng Nam Vang, khét tiếng trong phương du đảng. Sau hết đất sống, nó mới đổi tên là Lâm Kiều Mộc, đi miền Lục Châu kiếm chác đủ ngón, rồi sự bất hạnh đẩy nó đến nhà cô. Tôi rất lấy làm ân hận vì không biết trước để kịp cản trở ông huyện và cô khỏi mắc bọm.

- Chết nổi! Anh đang vu cáo một người danh giá mà anh không



biết. Chính mắt tôi đã xem tờ sao lục văn bằng, nhà tôi đồ hóa học kỹ sư rõ ràng.

- Nếu có sao lục ấy thì cũng là đồ giả mạo đấy, cô ơi! Bọn điểm đảng giả mạo đến văn tự bán trời cũng được.

- Nhưng anh có chứng cứ gì quan hệ về lai lịch nhà tôi, như anh vừa nói đó không?

- Sao lại không!

Đơn Hùng Tín nói đoạn, móc túi lấy một tờ giấy trao cho Minh Cầm:

- Cô hãy xem cái này. Ấy là bức thư của ông đốc trường thành chung ở Nam Vang báo tin cho người chú đỡ đầu Lâm Điền biết rằng nhà trường đã đuổi nó, vì nó học dốt, biếng lười, hay trốn học đi chơi lêu lổng, lôi kéo bè bạn sinh hư vì nó.

Đơn Hùng Tín lại đưa một tờ giấy khác cho Minh Cầm:

- Cô xem cái này nữa.

Ấy là tư pháp lý lịch (*casier judiciaire*) của Lâm Điền, chứng tỏ cách đây ba năm chàng đã bị hai án: một án ba tháng tù ở Nam Vang vì tội đánh người có thương tích; một án cũng ba tháng tù ở Battambang vì tội lừa đảo.

Còn chứng cứ thứ ba là bức thư đảm bảo nữa, của người chú ở Nam Vang gửi xuống Sài Gòn cho Lâm Điền, trách mắng anh ta không biết tu tỉnh. Trong ấy có nói cả chủ tâm hấn đòi ra Kiều Mộc, chẳng phải muốn xóa dấu cũ, hàn vết xưa để trở nên người lương thiện, mà chỉ cốt làm những tội ác mới cho dễ.

Minh Cầm choáng váng cả người; trước những thiết chứng như thế, chồng nàng quả là một kẻ vô lại và mạo danh, không còn nghi gì nữa.

Cũng may nàng đã tính sẵn nước cờ, đã lập nguyện từ trước, thành ra cái tin ấy đối với nàng không phải một tin sét đánh, tự nhiên không làm cho nàng bị kích thích gì đến nỗi mất cả lý tính, tri giác. Dù một thằng tiểu tốt cũng là chồng ta rồi, bây giờ chỉ có giải thoát cho chồng là cốt yếu.

- Đây, cô xem tôi có dám vu cáo người ta đâu, Đơn Hùng Tín nói.



Nhiều quân điểm đảng đi Lục châu mạo danh đào mỏ gái giàu như cách Lâm Điền; tất phải trị một vài thằng cho bọn chúng nó soi gương, chữa cái thói khốn nạn ấy đi mới được. Để chúng nó chỉ tổ sẵn tiền của nhà vợ rồi chơi hoang làm xằng, trong khi bao nhiêu người khác làm lụng vất vả hiểm nghèo mà không đủ ấm no!

- Anh định giết chết người ta, hay là trị bằng cách nào? Minh Cầm hỏi.

- Không! Cô tưởng tôi nghiện máu lắm hay sao? Tôi chỉ bắt buộc chúng nó phải hiện nguyên hình, rồi tùy tài tùy lực làm việc mà sống như mọi người, chứ cái thói giả danh gạt người cho được tọa hưởng phú quý, không thể nào dung. Cách thức tôi trừng trị chỉ có thế, nếu chúng cưỡng lại, bấy giờ sẽ hay. Chúng nó họa chăng có cách bay đi xứ khác mà trốn mới thoát.

- Nghĩa là mục đích anh chỉ muốn những người ấy tu tỉnh, trở nên người làm ăn lương thiện?

- Phải, đây là bản ý tôi.

Rơm rớm nước mắt, Minh Cầm nói với giọng tha thiết, gần như van lơn:

- Nếu thế thì chồng tôi, anh để tôi lĩnh về, tôi sẽ cố gắng khuyên bảo đào tạo nên người tử tế cho anh xem.

- Cô chắc thế ư? Hay là chỉ thêm mua não chuốc sầu, mất công vô ích với hạng người ấy? Thà để tôi nhổ giùm cây đinh trong mắt khi nó chưa đóng vào sâu còn hơn.

- Tôi cam đoan rằng tôi sẽ làm được thành công như nguyện. Và lại, việc đã lỡ rồi, thà tôi cắn răng mà chịu và cố sức sửa đổi lại số phận, còn hơn là bây giờ bỏ chồng, để câu chuyện vỡ lỡ, làm mang tiếng mẹ cha và trò cười cho thiên hạ. Anh thử nghĩ xem.

Đơn Hùng Tín có vẻ cảm động.

Từ nãy, ông đạo sĩ Cao Miên chỉ ngồi chứng kiến, giờ mới thốt ra mấy câu bằng tiếng đảng thổ, chắc là can thiệp hộ Minh Cầm theo lời đã hứa.

Với tình cảnh đau xót và cách nói năng dịu dàng của Minh Cầm, không ai có thể từ chối một sự yêu cầu nào được; dù quả tim của tướng



cướp đi nữa cũng không phải bằng đá. Huống chi sự yêu cầu ấy lại chính đáng.

Thật ra Đơn Hùng Tín chịu hàng rồi, nhưng va còn làm bộ khó khăn, từ chối, cốt xem chí khí Minh Cầm có thật kiên quyết hay không:

- Thôi, cô nên để mặc Lâm Điền với số phận đương nhiên của hắn ta. Tôi gì còn rước của nợ ấy về...

Nhanh không thể tả, nàng quay lại phía sau, chụp lấy con dao bẫy đang treo trên vách, đưa vào tận tay Đơn Hùng Tín và nói:

- Dao đây, anh làm ơn đâm hộ một nhát cho tôi chết trước, rồi hãy làm tội chồng tôi sau. Nếu anh thương hại không dám ra tay, để tôi tự cắt họng tôi cho anh xem. Tôi không muốn sống để thấy chồng bị người ta hành hạ, và để cha mẹ xấu hổ vì con!

Chẳng biết nàng thật có can đảm thế không, nhưng Đơn Hùng Tín cười và gạt tay nàng ra:

- Ô! Tôi nói chơi để thử lòng kiên quyết của cô đến đâu, thế thôi. Đây, cô đem Lâm Điền về nhà yên mà thờ, cố răn bảo nó trở nên người xứng đáng nhớ.

- Tôi đã cam đoan với anh rồi! Minh Cầm đáp, sự mừng hiện trên sắc mặt. Nhưng còn số tiền này ông thân tôi gửi tặng anh, thế nào anh cũng phải nhận lấy cho ông thân tôi bằng lòng.

- Một xu tôi cũng không lấy, cô chớ nói nhiều. Nếu tôi lấy như thế, thì việc tôi làm còn gì là ý nghĩa hay và có vẻ tống tiền mất rồi.

- Nhưng từ hôm đó tới nay, anh phải tốn tiền thuốc men cơm nước vì nhà tôi cũng nhiều?

- Ôi! Độ năm sáu chục, có đáng kể gì!

- Vậy thì ít nhất anh cũng cho tôi trả lại khoản nợ ấy, tôi mới đành tâm. Rồi tôi còn muốn yêu cầu anh một chuyện nữa.

- Tùy ý cô nhất định trả lại mấy chục bạc chi phí ấy thì tôi nhận vậy. Còn chuyện yêu cầu nữa là chuyện gì?

Minh Cầm đếm sáu chục bạc đưa trả Đơn Hùng Tín rồi nói:

- Tôi xin anh giữ kín hộ việc này, ngoài ba người ngồi đây không một kẻ thứ tư nào biết. Nếu vỡ lở ra, e ông thân tôi buồn bực xấu hổ mà chết mất, vì lúc này sức khỏe ông kém lắm.



- Tưởng là chuyện gì! Cô cứ yên tâm, tôi không hề để cho tẩu lộ phong thanh đâu mà ngại. Có điều thầy hai hiện đang mệt nặng, phải chờ thuốc men mấy ngày cho bớt rồi mới đi được chứ. Cô ở lại nhà này một cách thông thả tự nhiên, xem như nhà riêng của cô vậy.

- Cảm ơn anh, tôi muốn chờ nhà tôi đi ngay chiều nay, để về ở nhà thuốc men tĩnh dưỡng thì tiện hơn.

Nàng muốn đi tức khắc, vì sợ ở lại nấn ná, Đon Hùng Tín có thể biến tâm rồi dờ quẻ thể khác, không biết chừng. Nhất là muốn đưa chồng về ngay cho ông bà Châu Hồng mừng.

- Để tôi sai bộ hạ sửa soạn một chiếc thuyền cho cô đi. Đon Hùng Tín nói.

- Khởi phiên! Tôi có sẵn thuyền và gia nhân đang đợi ở bến.

\*

Chiều hôm ấy, người ở Phú Quốc thấy một chiếc xe hơi chở bệnh nhân nằm trên ghế vải, có hai thiếu phụ đi kèm, từ trong xóm Hàm Hộ chạy ra bờ biển. Người ta khiêng bệnh nhân xuống thuyền.

Một lát, thuyền mở dây kéo buồm ra biển, chỉ mũi về hướng đất liền.

## PHẦN THỨ HAI

### I. Trận thủy chiến trên sông Cửu Long

Gần cuối đường Taberd, trông sang vườn Ông Thượng, có một dãy nhà cho thuê rất xinh xắn, phía ngoài có cổng sắt vườn hoa, cây cao bóng mát; quăng này đường sá suốt ngày êm lặng, không hay có xe cộ chạy qua, cho đến các hàng quà bánh cũng chẳng buồn chiếu cố mấy khi, nhờ thế mà vắng tiếng ồn ào, đỡ khổ bụi bặm.

Những người khách ở tỉnh mịch, lại được kiêm hai điều lợi gần chợ búa và gần phường phố, dinh tòa, tưởng Sài Gòn khó tìm được chỗ ở nào khác thuận tiện vừa ý hơn. Chúng tôi đã để ý người nào chiếm được một căn phố này, thường muốn ở mãi, có sự gì bất đắc dĩ lắm mới phải dọn đi.



Giữa có năm căn phố thấp, một từng, hai căn nhà lầu. Căn đầu đẳng này cho một nhà chuyên khoa trồng rừng Nhật thuê; còn căn ở đầu kia thì một gia đình vợ chồng trẻ, người Việt Nam ta.

Cả hai vợ chồng xem chừng chưa đến ba mươi tuổi, ra vẻ con nhà phong lưu giàu có; nhất là người vợ trẻ hơn chồng nhiều, ngoài nhan sắc thơ mộng còn có cử chỉ thùy mị, đứng đắn.

Họ đến ở căn nhà lầu này đã mấy năm. Cả gia đình gồm có hai vợ chồng với một thằng bé con trai ngộ nghĩnh, mới độ ba tuổi, do một ả xẩm – đàn bà khách - ẵm bế đi chơi; thêm một ả xẩm nữa, hình như chuyên việc nấu ăn dọn dẹp trong nhà. Thật là chủ nhà người nam trăm phần trăm, mà tôi tớ vú em toàn khách chính hiệu.

Người ta để ý nhà này thường thường đóng cửa, không hề có những sự lui tới tấp nập xôn xao. Vợ thỉnh thoảng đi chợ hay ra phố mua sắm gì chốc lát thấy về ngay. Chồng thì xấp xỉ khoảng giờ thiên hạ đi làm, phóng xe đạp ra đi, chừng một vài giờ trở về, xách chiếc cặp da hoặc ôm mấy quyển sách. Không ai biết anh chàng có chức vị gì, làm nghề nghiệp gì. Có người thấy hay ôm sách, đoán phỏng là một thầy giáo hay nhà văn gì đó.

Suốt ngày nhà họ nghe lạnh lùng yên tĩnh như một ngôi chùa xưa. Ngoài mấy tiếng khóc của cậu bé, và giọng nói líu lo của hai ả xẩm, hàng xóm không nghe vợ chồng họ to tiếng bao giờ. Họ xa tránh tất cả các cuộc vui chơi, không thấy họ đi xem xi nê hay cải lương, như những cặp vợ chồng khác đang độ trẻ trung, ham vui, mà lại có vẻ nhà giàu như thế. Cho đến khách khứa ra vào nhà họ cũng rất hiếm; ngay xóm giềng họ cũng chẳng giao du với ai.

Lâu ngày, hàng xóm phải lấy làm lạ.

Có mấy điều lạ khiến người ta như đứng trước một bài tính đồ khúc mắc khó hiểu.

Một là nhà họ cự tuyệt thằng bếp con sen bản xứ, mặc dầu tiền công đã rẻ, lại dễ hiểu nhau hơn; chỉ nuôi hai ả xẩm già, võ vế ít tiếng An Nam, ý chừng để tránh cái tệ đầy tớ ngồi lê hàng xóm, hay kháo chuyện chủ nhà mình. Vì đàn bà khách có đức tính chăm làm, ngay thật, chuyện đâu bỏ đó, không hay có thói ngồi lê đôi mách; vả lại ả xẩm ít tiếng An Nam, thì còn lo chúng đi kháo chuyện với ai. Nhà ấy giữ kẽ từ việc thuê



mượn tôi tớ, hoặc giả có việc gì cần phải giữ kín, không muốn lộ tiếng ra ngoài chẳng?

Hai là họ cự tuyệt nhất thiết bè bạn vắng lai, và lãnh đạm cả với hàng xóm láng giềng, nhưng không phải là có ý khinhn gặp gỡ. Chúng có là có khi người vợ đi về, chạm mặt mấy bà hàng xóm đang đứng trước cửa, thì cô nàng chào hỏi rất niềm nở, nhã nhặn, không quên dừng lại nói chuyện mưa nắng một hai câu. Duy có đến khi mấy bà hàng xóm vừa toan thăm hỏi chuyện nhà nàng, ví dụ thầy làm ở đâu? Cô là người hạt nào? Tức khắc thấy nàng tìm có đánh trống lảng rồi vội vàng từ biệt ngay. Tại sao thế? Họ muốn giấu kín tung tích chẳng?

Ba là người ta nhớ rõ hàng năm nay, cứ mỗi tuần lễ hai lần, đúng theo ngày ấy giờ ấy có một ông tây đạo mạo đến nhà chơi, độ hơn một giờ mới ra về. Những kẻ hay dòm dò việc người, tần mần đoán mãi, không biết ông Tây đạo mạo ấy là người thế nào, mỗi tuần hai bận đến nhà ấy có việc gì?

Thế rồi họ kết luận với nhau rằng vợ chồng nhà này tất có sự gì bí mật mới phải trốn đời ở ẩn như thế.

\*

Những lúc dư luận bên ngoài bàn tán nghi hoặc, ở trong nhà ấy, người vợ sớm tối chỉ cặm cùi vào công việc giúp chồng nuôi con, thu vén cửa nhà. Không phải nàng không tự biết xóm giềng dị nghị, nhưng cứ lẳng lặng đánh chữ làm thình, ai nói gì mặc ai, không cần đếm xỉa.

Bữa ăn chính nàng xuống bếp làm lấy. Năm ngoái năm kia, còn phải bận bịu con nhỏ, nhiều khi vừa cho con bú, vừa làm việc nhà. Bây giờ nó đã trọng, thôi vú và ăn được cơm rồi, có ả xẩm ẵm bé đi chơi, mẹ được nhàn rồi đôi chút. Ngoài việc cơm nước, nàng đánh bạn với kim chỉ, hết may kiểu áo này áo khác cho con, thì mạng áo quần hay bút tất cho chồng. Trong khi chồng đi vắng, thế nào mỗi ngày cũng có một hai lượt nàng lên buồng học của chồng ở trên gác, lén mở những bài vở ra xem, rồi để lại y nguyên chỗ cũ, không hề sai chuyển.

Chồng nàng, ngày hai buổi cưỡi lưng con ngựa sắt đi về, không phải đi dạy học hay làm việc công sở nào như người ta phỏng đoán.



Chàng còn là đời học trò, mỗi buổi có một vài giờ đi về, tức là đi học với các giáo sư dạy riêng từng giờ ở nhà họ. Tuần lễ hai bận có một ông Tây đạo mạo đến tận nhà chàng, mà hàng xóm trông thấy, ấy là ông giáo sư Michel đến dạy chàng về toán học.

Mỗi khi đi học về, chàng chỉ ôm con hôn hít nựng nịu giấy lát và nói chuyện với vợ một vài câu, rồi lên thẳng trên gác, giam mình trong buồng với sách vở, không còn biết bên ngoài có trời đất thế gian.

Phần nhiều chỉ có hai bữa ăn, vợ chồng cha con được dịp tụ họp chuyện vãn lâu nhất.

Xem ra người vợ có ý ân cần về vấn đề học vấn của chồng hơn cả mọi việc.

- Còn mấy tháng nữa đến kì thi, mình? Vợ hỏi chồng.

- Tính ngày còn già hai tháng nữa thôi, mình ạ! Chồng đáp.

- Thế các thứ giấy tờ cần dùng, mình đã dự bị xong cả chưa?

- Những giấy tờ khác thì xong cả rồi, nhưng chỉ còn thiếu...

Chàng ngập ngừng chưa kịp nói hết, nhưng vợ đã đoán biết ý chồng:

- Chỉ còn thiếu tờ lí lịch tư pháp (casier judiciaire) phải không? Chắc ý mình muốn lấy được tờ lí lịch số 1, trong sạch không có án tiết gì.

- Chính thế! Chàng trả lời mà cúi mặt, không nhìn vợ, dường như hơi có ý thẹn.

- Điều ấy mình khỏi phải lo, tôi đã nhờ người xin tòa bỏ tiền án cho mình rồi, vì là việc cũ đã quá năm năm.

- Không ngờ mình lo việc thân danh cho tôi chu đáo đến thế, chẳng sót tí nào!

Chàng cảm động quá, có mấy giọt nước mắt lăn qua gò má, nhỏ xuống bát cơm, chàng và luôn miếng cơm trộn nước mắt ấy.

Nàng và cơm cho con ăn, làm bộ như không trông thấy, để cho chồng khỏi bị mũi lòng, rồi xoay qua chuyện khác:

- Thế nào? Mình tự liệu sức học, có hi vọng gì trong kì thi này không?

- Tôi có hi vọng lắm, mình ạ. Các ông giáo khen tôi năm nay học tấn tới bội phần, kì thi sắp tới có thể chắc đỗ tú tài phần thứ nhất.



- Đây là phần thưởng quý báu nhất, mình ban cho tôi. Thấy mình học hành tấn tới, thi cử có hi vọng, tôi không còn biết sự vui mừng nào xứng đáng hơn.

- Nhưng còn nỗi lo học tài thi phận, chưa biết làm sao. Nếu kì thi này mà hỏng, chắc tôi tự tử mất. Với bao nhiêu tâm lực cố gắng của tôi và công phu nhằn nại của mình, nếu như số phận không đền bồi lại cho sự thành công, thì buồn biết mấy.

Người vợ cười và nói:

- Sao mình còn để tư tưởng bi quan ở trong đầu óc hoài! Kì này thi đỗ càng hay, không thì mình cứ vui vẻ nhằn nại mà học tới nữa, không việc gì nản lòng ngã chí. Con người ta nhằn nhục mưu toan mãi một việc, chẳng sớm thì muộn, thế nào cũng có kết quả. Mình nên nghe tôi.

- Thì tôi vẫn nghe mình khuyên bảo từ hồi nào tới giờ, có khi nào quên mười khoản giao ước của mình đâu. Nhưng tôi có chỗ tự tin năm nay thế nào tôi cũng thi đỗ, mình ạ.

- Được thế thì tôi vui mừng để đâu cho hết. Mình cố thi đỗ đi, tôi sẽ thu xếp cho mình sang bên Tây du học lập tức, sang năm thi tú tài phần thứ hai ở bên ấy cũng được.

- Mình nói thật nhớ?

- Nói thật! Mình xem cả tiền của thân thế tôi, hi sinh vì mình, có tiếc với mình điều gì đâu, chỉ cầu lấy một mục đích, là mình thành danh.

- Ô! Thế thì tôi sung sướng vô hạn. Mình thúc giục tôi càng thêm phần chắc chắn khoa này thi đỗ. Nhưng mình phải đi sang Tây với tôi kia.

- Chứ sao! Cả mẹ con tôi cùng đi theo mình ở luôn với mình bên Tây, mấy năm cũng là.

À xầm bụng hai cốc cà phê ra cho ông chủ bà chủ uống, vì hai vợ chồng quen lệ mỗi khi ăn cơm xong phải uống cà phê hảo hạng. Nhất là người chồng muốn uống cà phê cho được tỉnh táo mà học.

Một lát nàng nói tiếp:

- Giá lúc này Đon Hùng Tín được nghe chuyện mình học hành tấn tới, chắc hẳn va cũng mừng giùm mình đấy nha!



- Đơn Hùng Tín còn đời đâu nữa mà biết giận hay mừng.
- Sao thế? Vợ hỏi lại một cách sẵn đón.
- Tôi quên nói chuyện ấy với mình.

Người chồng nói rồi đứng dậy, chạy lên buồng học, lấy tờ báo “*Impartial*” xuất bản hồi sáng, cầm xuống đưa cho vợ xem.

Ngay trang nhất, dưới đầu đề hai cột “*Hết đời một tên tướng cướp*”, thuật rõ sự tình đầu đuôi Đơn Hùng Tín tử trận, chúng tôi dịch lại toàn bài như sau này:

“Đêm hôm kia rạng ngày hôm qua, một toán lính đi tuần trên sông, khi gần đến kinh đào Rạch Giá - Hà Tiên, trông thấy một chiếc thuyền buồm chạy vùn vụt, có dáng khả nghi. Tưởng chắc là thuyền buôn muối lậu, lính bèn hô bảo ngừng lại để khám xét.

“Nhưng chiếc thuyền ấy làm thỉnh, cứ việc chạy thẳng. Thuyền lính tức tốc đuổi theo; vừa đuổi vừa kêu réo nếu không ngừng lại thì bị bắn chìm.

“Chiếc thuyền khả nghi trả lời bằng một hiệp súng năm sáu phát nổ liên tiếp nhau. Một người lính trúng đạn, bị thương ở đùi. Bấy giờ lính biết chắc là thuyền kẻ cướp, liền bắn trả lại. Thuyền cướp trước, thuyền giặc sau, giao chiến kịch liệt trên mặt sông, y như một trận giặc nhỏ, tiếng súng qua lại đi đùng, xé tan không khí thanh vắng của một vùng bầu trời.

“Dân cư mấy làng ven sông thấy động, đổ ra trợ chiến rất đông. Những ngọn đuốc lập lòe nổi lên như ma trời, chiếu sáng tứ phía. Nhiều người can đảm bơi thuyền đuổi giặc. Nhưng họ không có súng ống trong tay, phần lại sợ đạn lạc của hai bên làm chết uổng mạng, cho nên không ai dám xông pha nguy hiểm, chỉ la ó vang lên để hư trương thanh thế và giúp oai cho lính.

“Bọn giặc thừa hiểu tình thế như vậy, thành ra cứ việc cự chiến rất hăng, không thấy đông người mà nao núng, và mặc dầu .....

... (mất một trang)



## II- Thập giới hay là 10 khoản giao ước của vợ

Tất ai cũng đoán biết đôi vợ chồng ấy không phải ai lạ, chính Lâm Kiều Mộc với Minh Cầm.

Quả thế.

Chỗ này ta nên lùi lại ba năm về trước.

Hôm ở cù lao Phú Quốc, Minh Cầm chở Kiều Mộc xuống thuyền đem về tới nhà mình ở Hồng Ngự, chàng vẫn nóng sốt mê sảng, làm như người mất hết cả trí giác, trí khôn. Hai mắt lơ đãng, ngơ ngẩn, đến nỗi không nhìn biết vợ là ai, mình đang nằm chỗ nào; hỏi không nói, gọi không thưa, bất quá đổ nước thì uống, dứt cháo thì ăn, toàn thân chỉ như bộ máy chịu sai khiến, không còn phải một người có sức tự động.

Sự thật, bệnh chàng trầm trọng.

Tuy vậy, bà Châu Hồng trông thấy cả rể và con gái cùng trở về đó, bà cũng vui mừng luống cuống, nhai hết miếng trầu nọ đến miếng trầu kia, chạy vào buồng sờ trán con rể rồi trở ra hỏi chuyện con gái, và kêu gọi sai bảo tới tấp, thôi thì lảng xảng, tíu tít. Lúc ấy, ông cụ đang đi Sài Gòn giao thiệp về việc bán bắp ngô, bà sai người đi đánh dây thép với ông về ngay để chia sự mừng rỡ với bà. Dường như sự mừng rỡ ấy nặng quá, một mình bà gánh vác không nổi.

Ông về đến cổng ngoài, đã reo rầm lên:

- Vợ chồng bác vật đã về đó à? Trời ơi! May phước biết mấy. Hôm qua ở Sài Gòn, tao có vào Lãng Ông Bà Chiều khẩn vái, xin một quẻ xăm; ông cho quẻ tốt hết sức.

Vào trong nhà, trông thấy rể ốm thập tử nhất sinh, nằm rũ liệt trên giường, ông lại la lên một chập nữa:

- Trời ơi! Làm sao thế này? Con hai còn đợi gì nữa mà không đi mời đốc tờ về thăm bệnh cho anh bác vật mau lên! Tốn kém bạc ngàn bạc muôn gì ba cũng chịu.

Minh Cầm kể hết những nỗi vất vả trèo non vượt bể cho cha mẹ nghe:

- May có chị giáo Nhâm và chú hương cùng đi, những như một



mình con thì cũng đến chịu. Ba má không thể tưởng tượng lên núi Tà Lơn tìm được cái hang ông đạo sĩ Cao Miên hiểm trở khó nhọc đến thế nào?

- Khó nhọc mà tìm được chồng về, thế cũng bỏ công! Ông cụ Châu Hồng nói. Nhưng con xét ra tại lẽ gì Đơn Hùng Tín nó bắt chồng con đi?

Nàng bỗng phá cười như nắc nẻ, cố nhiên là cái cười gượng gạo giả dối, để che lấp nỗi buồn thật sự trong lòng:

- Cơ khổ! Va bắt nhà con chỉ do một sự lầm lạc, ba ạ. Vì trùng tuổi trùng tên mới có sự lầm ấy; lúc con giáp mặt, va tỏ ý hối hận vô cùng và nhắn lời xin lỗi ba má.

- Đấy, hôm nọ ba bảo trong việc này có chỗ gì nhiều khê, bí ần, nào có sai đâu! Ông cụ Châu Hồng ra vẻ tự đắc mình cao đoán. Nhưng đã biết lầm, sao không thả ngay người ta ra?

- Thì bởi nhà con phát bệnh liên, chưa kịp đưa về. Va chở ra ngoài Phú Quốc thuốc thang nuôi nấng tử tế lắm. Ba má hỏi chị giáo Nhâm thì biết.

Nàng cốt giấu giếm cha mẹ, không muốn cho biết sự thật vì sao chồng nàng bị Đơn Hùng Tín bắt cóc. Đến cả chú hương và cô giáo Nhâm cùng đi với nàng cũng tin cái thuyết bắt lầm, tự miệng nàng nói.

Sáng sớm hôm sau, nàng đi xe hơi nhà lên tận Chợ Lớn, đón thầy lang khách Chiêu Anh về, khứ hồi hơn bảy trăm cây số.

Phải biết ở Lục tỉnh lên đón rước được ông Chiêu Anh về nhà chữa bệnh, là sự khó khăn hao tốn, không phải cái túi nhà nào cũng chịu đựng nổi. Ví dụ mỗi ngày phải cung đốn ăn uống cầu kỳ, một lạng thuốc cống cho ông hút, và mời ông ở lại đôi ba ngày, khi về phải tiễn tặng phong bao ba trăm bạc là ít, chưa kể phí khoản xe cộ đón đưa.

Ông xem mạch, bảo Kiều Mộc sốt nặng là vì cảm mạo phong sương, còn sự mất trí là bởi có ưu phiền kích thích quá độ, làm cho rối loạn thần kinh; nhất là bệnh sốt đã bắt đầu nhập lí rồi, nếu để chậm trễ mấy hôm nữa thì chết.

Minh Cẩm và cả nhà ân cần nói mãi, ông ở lại ba ngày cho thuốc dứt hẳn chứng sốt mới về. Còn chứng mất trí thì ông để lại một lá đơn, bảo cứ y theo mà uống trong mười ngày sẽ bình phục.



Quả nhiên, bệnh thái Kiều Mộc lui dần, nhất nhất đúng lời thần y Chiêu Anh đã nói trước.

Mười ngày trở ra, chàng khôi phục trí khôn, nằm lằn mằn chấp nói những khúc phim dĩ vãng và trông rõ hoàn cảnh hiện tại, cảm giác thứ nhất của chàng là kinh hoàng bút rứt khi thấy mình ở đây là nhạc gia, nằm đây là giường vợ. Hôm nọ Đơn Hùng Tín bắt cổ mình đi, định trừng trị mình khổ nhục kia mà, sao hôm nay còn được trở về chốn này? Thôi thế thì nghĩa là nhà vợ đã tìm cách giải cứu mình về; tức thị bản tướng mình thế nào, gian mưu mình đã làm, đều bại lộ vỡ lở ra mất rồi. Bộ mặt nạ đã bị một biến cố không ngờ nó giăng ra và ném xuống đất!

Nhưng chàng lấy làm quái lạ, không hiểu tại sao ông nhạc bà nhạc với lời thăm hỏi niềm nở, Minh Cầm vẫn sẵn sóc âu yếm ân cần, cả nhà đối với mình vẫn chiều chuộng tử tế, làm như không hề có sự gì xảy ra vậy. Nhất là Minh Cầm nâng giấc chăm nom với tinh thần hi sinh, không để người vợ nào cũng có.

Càng thấy chung quanh mình không khí đầm ấm, mọi người tận tình biệt đãi mình chừng nào, chàng càng ngẫm nghĩ thẹn thùng khôn nạn chừng ấy.

Thiên lương phát động, cắn rứt, đến nỗi chàng cảm mình đáng thẹn với tất cả mọi người mọi vật trong nhà. Nhiều lúc chàng phải nhắm mắt giả vờ ngủ, để tránh cho đôi mắt cái tội cứ phải trông thấy ông nhạc bà nhạc và Minh Cầm luôn luôn. Giá như biết phép độn thổ, hay là trong phòng tự nhiên nẻ đất ra thành hang thành hốc cho chàng chui xuống mà trốn, còn sung sướng hơn nằm giường lò xo và được sự hầu hạ suốt ngày.

Minh Cầm một mực chăm nom với tất cả tình yêu, tất cả đạo vợ, không hề để lộ ra mảy may ngôn ngữ gì có thể nhắc nhở việc qua, sợ làm chồng buồn.

Thông minh, ý tứ, nàng nhận ra từ mấy hôm nay chồng khôi phục trí giác, không một lần nào động tới bàn tay này, không một lần nào nhìn nàng với vẻ yêu đương, nhất là – điều này quan hệ hơn cả - không một lần nào xưng hô tiếng “mình” với vợ. Nhất cử nhất động, chàng đối với vợ có vẻ kính trọng như khách, hoặc như kẻ có tội đứng trước quan tòa vậy.



Nàng thừa biết đây là những dấu tỏ ra trong lương tâm chồng đang nổi trận phong ba, đang bắn khoản hồi hận đến cực điểm.

Nhiều người khác ở trong cảnh ngộ ấy, có thể mặt cứ trơ như cầu hàng thịt, phó mặc sự đời đến đâu thì đến, không biết thẹn thùng hồi hận là gì. Đằng này, thấy chồng biết thẹn biết hồi, Minh Cầm mừng thầm trong bụng.

- Con người này như thế, thì chưa đến nỗi táng tận thiên lương đâu. Ta xem còn có chỗ để cảnh tỉnh và xây đắp một cuộc đời mới được. Mai một chàng khỏe mạnh hẳn, ta sẽ thực hành cho chàng cái chủ trương cải tạo ta định, may ra không đến hoài công vô ích!

Ấy là nàng tự suy nghĩ một mình.

Hai vợ chồng đang sống trong thời khắc cùng giường mà khác mộng.

Chàng bứt rứt khó chịu quá, thầm nghĩ chỉ có cách một là đi, hai là chết, chưa biết nên giải quyết bằng nào.

Trước hết chàng tính đến sự trốn đi khỏi nhà này; đi biệt, đi mất, chứ ở đây để trông thấy người ta lạng lẽ đối đãi mình tử tế bao nhiêu, mình càng thấy mình xấu hổ khôn nạn bấy nhiêu.

Nhưng đi không phải là một cách có thể rửa sạch tai tiếng cho nhà vợ và xấu hổ của mình. Cái hại tức tức là câu chuyện vỡ lở lung tung, thiên hạ đều biết; họ sẽ múa lười thị phi mai mỉa, tội nghiệp cho Minh Cầm; thứ đến thân mình, đi đâu cũng bị thiên hạ điểm mặt mà cười cợt xỉ vả: - “Cái thằng giả danh bịp vợ, sau bị lộ mặt nạ, nhà vợ tống cổ đi kia kìa!”

Chàng nghĩ như vậy thì sự đi chẳng giải quyết được việc gì.

Ấu là có chết mới thật trọn vẹn; tạ tội được Minh Cầm, chôn hẳn được tai tiếng, rửa hết được hồi hận.

Sẵn dịp chàng vừa bệnh nặng, hiện còn khật khừ chưa thật khỏi hẳn, sự ấy bà con xóm làng ở đây đều biết. Giờ chàng tự tử, chắc ai cũng yên trí vì bệnh quật lại mà chết, là lẽ tự nhiên, không thể nghi ngờ dị nghị vào đâu được. Thế là vừa tạ tội, vừa trả lại danh dự và hoàn toàn tự do cho Minh Cầm. Chẳng qua nàng ở góa ít lâu rồi lấy chồng khác, xây cuộc đời mới, có vậy ta mới rảnh đời mà nàng cũng hết có oán trách.



Nửa đêm hôm ấy, Minh Cầm theo lệ chỗi dậy pha sữa cho chồng uống. Nàng ngồi bên chiếc bàn đá nhỏ, hướng mặt vào vách, tay này đang đánh sữa, tay kia vói lấy bình đựng nước nóng 24 giờ, bỗng giật nảy mình ngánh lại thấy chồng quì sát bên chân, hình dung tiêu tụy, nước mắt lâm li, vừa nức nở vừa nói:

- Thưa cô, xin cô tha thứ, tôi là thằng khốn nạn, đã phạm tội giả dối danh nghĩa, lừa gạt lòng tử tế của ông bà và ái tình của cô. Giờ việc đã bại lộ, tôi nghĩ ăn năn và hổ thẹn vô cùng... Chỉ một nước chết, mới rửa được tội lỗi. Chỉ con dao đây (chàng lấy con dao dọn trong túi, đặt vào tận tay Minh Cầm), cô thay mặt luật trời lẽ phải, làm ơn đâm cho tôi một mũi vào chỗ đựng quả tim trước kia xảo quyết tham lam mà giờ thành thật hồi quá này... Nếu không thì cô cho phép tôi tự đâm lấy tôi ở trước mặt cô... Trước hết xin cô ban ơn tha thứ, cho vong linh tôi khỏi bị trôi dạt, đọa đày...

Chàng gục mặt trên đầu gối Minh Cầm mà khóc âm, khóc thầm, khóc thảm, khóc thiết.

Minh Cầm sững sốt, sợ run cả người, vì cái cử chỉ quyết liệt ấy của chàng – xem ra thật tình và nhất định – nàng không tưởng đến.

Cái giây phút rùng rợn cảm xúc biết bao!

Nàng ném con dao ra một góc bàn, hai tay vỗ về chàng và trong cổ họng như có uất khí làm cho nghẹn ngào giây lát mới bật ra tiếng nói được:

- Mình ơi! Tại sao lại gọi tôi là cô? Ý chừng mình coi tôi không phải là vợ mình nữa chăng?

- Thật thế, từ hôm ở bến đò Mĩ Thuận đến nay, tôi nghĩ không có sự đáng sung sướng hạnh phúc ấy nữa! Chàng đáp. Một đảng là quan tòa một đảng là tội nhân.

- Mình tưởng vậy là lắm. Dù ở trường hợp nào, cảnh ngộ nào bây giờ, tôi cũng là vợ mình, mình vẫn là chồng tôi... Trời ơi! Trán mình nóng hổi, lại phát cơn sốt lên hay sao thế này?... Để tôi đỡ mình lên giường nằm nghỉ rồi tôi nói chuyện cho mình nghe.

Nàng vực Kiều Mộc lên giường, kéo chăn ủ cho chàng, rồi bắc ghế ngồi bên cạnh, vừa đầm bóp vừa nói dịu dàng, uyển chuyển:



- Vừa rồi mình tự nói mình đã giả dối danh nghĩa để lừa gạt ái tình của tôi và lòng tử tế của ba má tôi, chính mình tự biết thế là phạm tội hèn nhất. Giờ mình ăn năn hổ thẹn mà lại muốn chết đi cho rảnh đời, tôi xin nói thật, mình đừng giận, như thế là mình phạm thêm tội hèn nhất thứ hai nữa, mình có biết không? Cái tội mình chỉ có thể đền bằng sự sống mới được, chớ nghĩ lấy sự chết mà rửa là xong...

- Nhưng sống mà vô ích vô dụng, sống mà lương tâm cắn rứt suốt đời, trông thấy ai cũng ngượng ngùng xấu hổ, nhất là với mình, thì bảo tôi chịu sao nổi. Bởi vậy tôi mới quyết tâm tự xử, hầu trả lại tự do và danh giá của mình, tôi nghĩ mãi chỉ có cách đền tội ấy.

Chàng thở dài, muốn kêu rú lên một tiếng cho hả lòng, nhưng Minh Cầm vội vàng đặt tay bưng miệng chồng lại, vì sợ kinh động giấc ngủ của cha mẹ, lỡ ra vỡ chuyện bí ẩn mà nàng cố giữ kín riêng.

- Càng thế, mình càng phải sống để lo đền tội mới được! Nàng nói. Tôi có một ý kiến hay giúp mình, chẳng biết mình có đủ tâm chí, đủ can đảm mà làm được không?

- Thế nào? Chàng hỏi một cách hờ hững, sốt sắng.

- Nay nhớ, năm nay mình mới ngoài hai chục tuổi đầu, chưa phải già nua quá độ gì cho đến nỗi chịu ép một bề đành thân vô tài vô dụng. Nghĩa là mình còn kịp ngày giờ tu tỉnh, phấn đấu, lấy sự học để tẩy lỗi xưa, dựng đời mới. Tôi muốn khuyên mình lại ra đi học; ta sẽ cố gắng sách đèn thế nào cho ít năm sau thi đỗ *Hóa học kỹ sư thật*, không thì cũng phải có một danh vị gì khác tương đương, bấy giờ thử xem thiên hạ còn chê cười khinh bỉ mình vào chỗ nào. Việc đời dù khó đến đâu, cứ lập chí cho bền, kiên nhẫn theo đuổi, tất phải thành tựu, mình ạ! Mình sẽ phục thù họ cái tai tiếng thị phi tự mình gây ra cho tôi và gia đình tôi ngày nay.

- Nghĩa là mình khuyên tôi giúp tôi trở ra học lại?

- Chính thế! Tôi chỉ xin mình sửa lại nét na. Chăm chỉ việc học, bao nhiêu sự cần dùng quan hệ gì, tôi cáng đáng hết. Một mai mình đi tới trình độ du học bên Tây, tôi cũng xin lo liệu cung đón cho mình đi. Tôi nguyện hi sinh nhất thiết để tu bổ đời mình có tương lai tốt đẹp mới cam. Chẳng đạt chí nguyện ấy thì không riêng mình muốn chết, tôi cũng không thiết sống.



Rồi nàng nói tiếp:

- Không chừng ông trời cốt bày ra cái biến cuộc éo le để thử xem chúng ta có hay không chí tự cường và tính nhẫn nại. Thế nào, mình liệu sức mình xem có nhẫn nại tự cường được chăng?

- Được lắm!

Chàng trả lời hai tiếng rất dũng dạc và tung chăn ngồi dậy, chỉ tay lên trời thề độc:

- Có trời đất qui thần làm chứng: Vợ tôi sẵn lòng mở đường tái sinh cho tôi như thế mà tôi còn hôn mê, không biết phấn phát, thì làm giống người thế nào được. Tôi xin thề từ nay tu chí học hành, quyết trở nên người tử tế, cho khỏi phụ ái tình và độ lượng của mình.

- Mấy lời mình vừa sám hối đã được thần Lương tâm chứng giám rồi đấy! Minh Cầm nói.

- Nhưng trước hết tôi yêu cầu mình một điều... Kiều Mộc có dáng ngập ngừng bẽn lễn khi nói câu ấy.

- Điều gì thế? Nàng hỏi.

- Mình tha thứ tất cả dĩ vãng cho tôi.

- Còn gì phải nói! Tôi đã tha thứ trước khi mình hỏi... Giờ đến lượt tôi cũng yêu cầu mình một việc nha!

- Việc gì? Không có việc gì mình yêu cầu mà tôi có thể từ chối; mình, chẳng những là vợ hiền, là người đàn bà cao thượng, là tạo hóa sửa sang lại đời tôi!

- Mình nói gì quá thế! Nàng vừa cười vừa nói. Tôi chỉ yêu cầu mình từ nay nhất nhất phải vâng lời tôi.

- Xin vâng!

- Phải nhắm mắt mà vâng lời...

- Được rồi.

- Tôi sẽ có *10 khoản giao hẹn mình trước*, mình không được sai một khoản nào.

- Xin y ước.

Từ lúc ấy hai vợ chồng ngồi bàn soạn kế hoạch xây dựng tương lai, trời sáng rõ lúc nào không biết.



Chàng thấy mình nhẹ nhõm, khỏe khoắn, không còn bệnh tật gì nữa. Cho biết con người ta, một khi bệnh tinh thần đã hết, thì bệnh ở xác thịt tự nó phải lui.

\*

Hai tuần lễ sau.

Vợ chồng đưa nhau lên Sài Gòn, ở căn phố lầu cuối đường Taberd như chúng ta đã thấy.

Từ ngày ấy, nàng bắt đầu ra tay làm việc cải tạo đời mới cho chồng.

Ta nên biết nàng đem chồng lên ở Sài Gòn học, chính là một việc rất khổ tâm.

Trước mặt ông bà Châu Hồng, chồng nàng vẫn nghiêm nhiên là ông kĩ sư hóa học. Việc chẳng may vừa mới xảy ra, chân tướng bên trong như ta đã biết, nàng cố giấu kín, không muốn để cha mẹ già phải hối hận vì lầm, đau đớn vì con, xấu hổ vì đã mắc hợm.

Nhưng ông cụ phải cái tính hiếu danh, hay chưng bảnh. Lạ gì một ông lão nhà giàu thôn quê, có chàng rể đồ bác vật, không phải là điều vinh dự ai muốn cũng được. Bởi vậy hai tiếng kĩ sư hay bác vật như dính ở cửa miệng đầu lưỡi ông luôn luôn. Với bà con khách khứa đến nhà, ông thường đem ra làm then chốt câu chuyện: thôi thì thằng rể bác vật tôi tính thế nọ, anh kĩ sư nó sẽ thế kia, hằng ngày không biết ông nhắc ông phô bao nhiêu bận mà đếm.

Minh Cầm khó chịu như thể kim đâm vào ruột gan. Nàng chỉ e công cụ vớ phải người nơi nào biết chuyện kín nhà mình, lúc nghe ông cụ vênh vang khoe mẽ luôn miệng như thế, họ chỉ ngó xéo con mắt và cười nhếch mép tí ti, cũng đủ khiến nàng chết đắng chết cay được. Biết đâu không có kẻ trắng trợn, thấy ông cụ khoe mãi mà ghét, nói bốp vào mặt thế này thì sao:

- Chàng rể cụ là một thằng điếm đảng đã có tiền án, có phải kĩ sư bác vật móc xì người ta!

Bởi vậy, nàng rấp bụng qui gián cha già một cách khôn khéo.

Nhân chiều hôm ấy, nàng đọc báo cho ông cụ bà cụ nghe, trúng



ngay một bài mĩa mai thói rởm khoe danh rất vô ý thức: anh chàng nọ tuy là cháu một vị Đốc phủ sứ hồi hưu, nhưng kể họ hàng xa không biết mấy dặm, thế mà chàng in danh thiếp, để dưới tên mình hàng chữ “*Neveu de S. E. Mỗ, Đốc phủ sứ enretraite*”, chẳng sợ ai cười. Dù là con đẻ cháu ruột cũng không ai làm thế, huống chi là xa. Nàng đọc bài báo xong rồi, được dịp đi lần vào con đường mục đích:

- Anh chàng ấy rởm thật, họ chưởi cho là đáng kiếp lắm, ba ạ!

- Thì nó là cháu quan Đốc phủ, có sao khai thế chứ sao? Ông cụ thật thà bày tỏ ý kiến.

- Không thể được, ba ơi! Có lắm người mình rởm đến nỗi bất cứ trường hợp nào cũng khoe khoang những danh vọng hay bằng cấp, tưởng thế là hay. Họ tự phô cả chức tước nọ, bác sĩ kia ở trên tựa báo, hoặc cung khai tam đại, ở dưới một bài văn chẳng đáng gì, mà không biết ngượng. Ta nên học theo phong nhã người Tây, không bao giờ người ta có thói rởm phô phang danh vọng bằng cấp một cách vô ý thức. Xem ngay bài trong báo con vừa đọc cho ba nghe người ta nói hai ông Charles Maurras và Léon Daudet, chủ báo danh tiếng ở nước Pháp bấy lâu, mỗi ông có một hai văn bằng bác sĩ là ít, nhưng chẳng khi nào đem ra khoe, chỉ đứng tên tron ở mặt báo. Bao nhiêu người khác cũng thế. Vì sự phô danh cũng phải có giới hạn, tùy trường hợp, nếu bạ đâu phô đó thì hóa ra rởm.

- Thế à, con? Ông Châu Hồng hỏi lại với tất cả chú ý.

- Thừa ba chính thế, Minh Cầm đáp. Ngay như chồng con, đã là rể tức thị là con của ba má, mỗi khi ba nói chuyện với ai, cứ nói rằng thằng rể tôi hay thằng hai nhà tôi, tự khắc đủ hiểu, hà tất kèm thêm danh giá với bằng cấp, mà khoe thằng rể kĩ sư và thằng bác vật nhà tôi, nghe sao kì cục lắm, người kiến thức họ cười thầm đấy, ba ạ! Kì thật, một người được đời quý trọng là ở nhân phẩm, ở trí thức, ở tư cách, nào phải chỉ bởi chức vị cao thấp, văn bằng to nhỏ, nếu đối với ai và bạ lúc nào cũng nhắc đến chức vị văn bằng luôn miệng, dù mình thật tình, người ta cũng cho là chung bảnh không phải lối, khoe khoang để lòe thiên hạ!

Một lát, nàng kiếm chuyện khôi hài cho khỏi méch lòng ông cụ:

- Ví dụ ông trời xuống làm rể của ba, đối với người ta nếu ba nói “*thằng rể trời của tôi*” thì nghe chướng tai, hay là nói “ông rể trời nhà



tôi” thì hóa ra thất cách, vì cha mẹ không một lẽ nào gọi rể bằng ông bao giờ; thôi thì cứ gọi trợn là rể tôi cho gọn và đỡ tốn hơi.

Cả hai cha con cùng cười.

Từ hôm ấy, ông Châu Hồng nói chuyện với ai, không hay chung bảnh cái danh giá kỹ sư bác vật của chàng rể luôn miệng như trước.

Trận bão hoạn tật bệnh vừa yên, ông muốn được thấy danh vọng chàng rể có mặt trời sáng chói mọc lên sớm chừng nào hay chừng ấy. Chính ông cũng sốt sắng thúc giục vợ chồng Lâm Kiều Mộc đi Sài Gòn mở xưởng công nghệ theo như chương trình đã định. Tự Minh Cầm cũng nóng ruột cho chồng mau mau bước chân vào con đường tái tạo thân thể mới, mà nàng sẽ là người hướng đạo, là kim chỉ nam.

Nàng đưa chồng lên Sài Gòn thuê tòa nhà lầu ở đường Taberd và sắm sửa đồ đạc trang hoàng trong nhà hết đến ba ngàn đồng bạc. Sự tô điểm bề ngoài như thế, cốt chiều lòng và che mắt cha mẹ luôn thể. Những như ý nàng, thì vợ chồng chỉ một căn phố xoàng xĩnh độ vài chục cũng xong, cần gì phải thuê nhà lầu mỗi tháng hàng nghìn. Nhưng không thể thì e cha mẹ sinh nghi, vì ông Châu Hồng chẳng khi nào chịu để con gái và chàng rể ông, có danh giá một quan bác vật, mà ở Sài Gòn không trang hoàng sang trọng, không hãnh diện với đời, không ăn ở sung sướng đúng theo giai cấp quý phái của mình.

Dọn nhà xong nàng lo ngay việc cho chồng đi học.

Trước kia chàng đã có một cái vốn học tích trữ được ít nhiều; ta nên nhớ hồi còn ở Nam Vang, chàng theo học ban thành chung đến năm thứ ba mới bỏ học đi hoang. Cái vốn còn con ấy, tuy đã bị hao hụt vì ngày tháng và tự bạo tự khí, nhưng cũng chưa đến nỗi phá sản sạch trơn, kẻ có chí vẫn có thể góp nhặt lại mà trả lãi đặt lời, làm nên giàu lớn được.

Nghĩa là chàng có cốt cách để kế tiếp sự học đến bậc cao xa nếu như quyết chí.

Có điều bây giờ tuổi tác hơi lớn, thêm cái tình cảnh riêng như ta đã biết, không lẽ chàng vác mặt vào trường công hay tư nào, mãi đứng quần trên ghế cũng như người ta. Nhất là chàng không còn đủ ngày giờ để học theo tuần tự; trái lại, cần phải gia bội công phu, làm sao học cách quãng vượt bậc, cho theo kịp người.



Minh Cẩm khuyên chồng đi tìm mấy ông giáo sư Tây danh tiếng ở trường Chasseloup để xin học tư tại nhà, dù mỗi giờ phải tốn mười đồng cũng không tiếc, miễn là được mấy ông tận lực dạy dỗ theo chương trình thi tú tài, càng có kết quả sớm chừng nào càng hay.

Kể riêng tiền học giờ, nàng chịu tốn cho chồng mỗi tháng ngoài trăm bạc, chưa nói đến sách vở, cũng chưa nói đến khoản tiền trả ông giáo sư mời về tận nhà dạy khoa toán pháp, mỗi tuần ba giờ.

Ngày ngày hàng xóm thấy chàng cỡi xe đạp đi về, tưởng đi làm ông gì ở sở nào, kì thật là chàng đi học.

Buổi học đầu tiên, chàng sửa soạn ra đi, nàng khuyến khích vỗ về gần như van lơn:

- Cố lên nghe mình! Phải biết hôm nay mình bắt đầu công việc phục thù cho danh dự đấy.

- Mình cứ yên tâm. Nhờ sự cảm hóa lạ lùng của mình, tôi thấy sức mạnh tăng lên gấp mười gấp trăm, tự tin thế nào cũng sẽ đi đến mục đích.

Chàng trả lời và bước ra gần tới cửa ngoài, nàng chạy theo dặn với:

- Tôi có để trong cặp sách mình một tờ giấy rất lạ, lúc nào mình rảnh thì lấy mà xem cho vui.

Thì ra một bức thư dài, chính chữ nàng viết; những điều gì liệu chừng không tiện đối mặt hé răng, nàng mượn giấy thay mặt, bút thay lời, giải tỏ với chồng cặn kẽ. Trong thư, với giọng ôn tồn đầm thắm, không một câu một tiếng nào có thể khiến cho méch lòng nàng bộc bạch hết những lẽ vì sao bây giờ chàng phải cố học, vì sao cả hai vợ chồng nên đồng tâm hiệp lực để trả thù cho danh dự, rửa nhục cho ái tình. Sau chót là 10 khoản giao ước đã nói với nhau hôm nọ, chàng ngồi xem thư trên một ghế đá trong vườn bách thảo, đọc nhẩm thông thả từng khoản như sau này:

1) *Cố học có một ngày rất gần, cùng sống trong cảnh vẻ vang, không thể thì chỉ có nước cùng chết trong vòng tai tiếng nhục nhã với đời;*

2) *Mục đích cố học kì cho tới đỗ kĩ sư sự thật.*



- 3) *Quên hẳn đời cũ, trong tư tưởng cũng như trong hành vi.*
- 4) *Tuyệt giao với tất cả bạn bè vô lại ngày trước.*
- 5) *Xa lánh nhất thiết các cuộc xài phí, vui chơi, tụ họp, cờ bạc, trai gái.*
- 6) *Không nên lộ ra cho một ai ở Sài Gòn được biết mảy may về quê quán và tung tích chúng ta.*
- 7) *Mỗi việc nên nghe lời tôi can ngăn, khuyên bảo.*
- 8) *Không giao thiệp hoặc làm quen một người nào trong lúc này; đừng mời ai đến nhà mình cũng như mình chẳng đến nhà ai. Tạm thời sống theo cuộc đời hoàn toàn tịch mịch.*
- 9) *Phải giữ tâm tính hết sức thành thật.*
- 10) *Kiên nhẫn, kiên nhẫn và kiên nhẫn.*

Chàng ngồi thừ mặt, nghĩ tự thẹn mình lúc trước giả dối, tiểu nhân, và không ngờ ở đời có một người đàn bà còn trẻ tuổi, nhà giàu, mà lại nhiều độ lượng, chịu nhẫn nại và biết mưu tính xa rộng như Minh Cẩm vậy.

Buổi trưa về, nàng đón và cười hỏi:

- Thế nào, mình đã xem bức thư lạ ấy chưa? Có khoản nào trong 10 khoản, mình cho là quá nghiêm khắc khó chịu không?

- Ô! Mình thêm giùm 10 khoản nữa, tôi cũng chịu được! Chàng đáp.

- Thôi, cứ nội mấy khoản ấy mình cố giữ trọn vẹn cho tôi nhờ, nay mai chắc mình làm cho tôi được vẻ vang sung sướng lắm rồi.

Qua ngày hôm sau, nàng về Hồng Ngự một mình, vẽ chuyện nói dối song thân rằng trong khi chờ đợi mở ra công xưởng, chồng nàng hãy tạm làm phó chủ sở ở một nhà máy kia, lương bổng tuy hơn vài trăm thôi, nhưng địa vị rất được kính nể. Bởi vậy, cần xin song thân phụ cấp cho mỗi tháng vài trăm nữa thì hai vợ chồng mới đủ sống ở đất Sài Gòn củi quế gạo châu, khỏi tốn danh giá.

Luôn dịp, nàng xin ông cụ cho một vạn bạc để lên đặt cọc cho người ta gửi sang bên Tây mua mấy thứ khí cụ cần dùng về việc chế tạo nước hoa.



Ông Châu Hồng vui mừng cho ngay, vì thấy rể con đã nên ông nên bà, và biết kinh doanh theo như ý mình sở nguyện.

Với số vạn bạc ấy, Minh Cầm xoay sở buôn bán vòng cẩm thạch và hột xoàn, cốt kiếm lời lãi mỗi tháng một vài trăm, thêm vào hai trăm bạc nhà trợ cấp, có thể mới đủ duy trì cuộc sống của hai vợ chồng ở Sài Gòn. Cuộc sống ấy, hàng tháng không thể kém số bốn trăm đồng, kể riêng khoản tiền học mà Minh Cầm chi phí cho chồng đã hết phân nửa rồi.

Chỗ khổ tâm của nàng là cố xoay sở buôn đi bán lại cho tháng sinh lợi ra vài trăm, hầu chứng thực lời mình đã nói chồng đi làm máy có lương. Còn sự lấy một vạn đặt cọc mua máy bên Tây cố nhiên là chuyện bịa; nàng cốt mượn số vốn ấy cho nó đẻ ra món tiền kia.

Nhờ vợ khéo cảm hóa, dưỡng dục, Lâm Kiều Mộc có thể yên tâm chuyên chú vào việc học. Chàng tu chí và phấn khích, không đầy ba năm đã thu được cái kết quả tấn tới, đáng lẽ người khác phải đi đằng thẳng sáu năm.

Trong thời gian ấy, một đứa con trai ra đời hàn gắn mối tình nhẵn nhụi của Minh Cầm đối với chồng càng thêm chặt chẽ.

### III- Cô giáo Nhâm

Thằng bé Lâm Thiên Tứ ra đời được vài tuần, thì cô giáo Nhâm đổi lên Sài Gòn, dạy lớp đồng ấu tại đường Chợ Đũi.

Tòa nhà ở đường Taberd bớt vẻ tịch mịch. Cách một vài ngày thấy bóng khách lạ đến chơi một lần, ấy là cô giáo.

Cô là chị em thúc bá với Minh Cầm, gọi ông Châu Hồng là chú. Hai người xấp xỉ một tuổi, nhưng cô giáo cao số, ra làm nghề gõ đầu trẻ sáu bảy năm rồi, vẫn ở độc thân. Có lẽ tại nhà cô nghèo, mà người kém bề nhan sắc, nghĩa là thiếu cả hai điều kiện cần dùng của một người con gái, hèn gì các cậu kén vợ không mặn gắm ghé, tranh dành.

Sinh bình, vốn thích lãng mạn, tự do, thêm có tâm cơ sâu sắc, miệng lưỡi lắm điều, nổi tiếng là “*gái mới*” thứ nhất trong họ. Nên biết ở vào thời kì nữ lưu ta vừa mới bắt đầu tiến hóa cải cách, người ta gía cho cô nào cái tiếng “*gái mới*” nghĩa là cô ấy chỉ giỏi lòn lệt, phóng



túng, không biết làm nghề ngỗng gì, không còn biết trọng lễ giáo ông bà, không kể đến dư luận khen chê dị nghị.

Thành ra, tuy chỗ chị em, xưa nay Minh Cầm đối với cô vẫn có ý kính sợ mà tránh xa, không thường mặn mà, thân cận. Chứng cứ là một người chị con nhà bác lên ở Sài Gòn dạy học mà phải trọ riêng nơi khác; nàng có nhà ở rộng rãi, liệu chừng để cô giáo ở chung thì bất quá thêm đĩa thêm bát, có chật chội lỗ lã gì đâu, nhưng nàng không muốn thế.

Ta nên hiểu giùm nàng bản tâm không ưa cô giáo hay thắc mắc đa sự; huống gì nàng lại có tình cảnh riêng như ta đã rõ, không tiện để một người khác cùng ở chung một mái nhà với mình, mặc dầu bà con họ hàng. Mà càng là bà con họ hàng, lại càng phải giữ kẽ.

Cô giáo lấy làm bất mãn về chỗ ấy, nhất là trông thấy nhà cửa Minh Cầm ở mát mẻ, rộng rãi, sang trọng, từng trên từng dưới, mà chỉ có hai vợ chồng với thằng cu mới đẻ, và hai con ở khách, mà một con tối nào dọn dẹp xong cũng về nhà riêng nó.

- Dì để tôi ở đây cho vui vẻ, không được hay sao? Hay là sợ tôi không có tiền trả chảnh? Cô giáo nói kháy, tỏ ý hờn mát.

- Không phải vậy, chị ạ! Minh Cầm đáp. Nếu chị ở đây thế nào chẳng có các ông giáo đồng liêu tới lui thăm viếng, em chỉ sợ em quê mùa thất thổ trong sự ăn nói đãi đằng, rồi họ cười lây đến chị thôi. Thà chị cứ thuê riêng một chỗ ở cho thông thả tự do, khi nào có sự cần dùng, em sẵn lòng giúp đỡ.

- Thôi, chị cảm ơn em. Tưởng chỗ bà con thân thích, muốn chung đụng nhà cửa cho vui, nhưng em vì có “lẽ riêng” không muốn chứa chị trong nhà thì chị tìm nơi khác cũng được.

Cô nói dần hai tiếng “lẽ riêng” làm Minh Cầm cảm giác khó chịu.

Nhưng cô khôn khéo, chuyển ngay sang chuyện vui vẻ, ôn tồn, để giữ lấy hòa khí giữa chị em và che đậy chỗ bất như ý.

Từ đây, cô thuê nhà riêng ở tận đường Bourdais, song cứ một vài ngày lại phố Taberd chơi một lần, có vẻ ân cần, âu yếm. Cái cử chỉ ấy, động cơ bởi tình bà con thì ít, bởi có tiềm tâm quấy rối “trị an” của gia đình người ta thì nhiều.

\*



Không ai quên cô giáo Nhâm đã đóng vai tuồng một trong hai người hộ vệ Minh Cầm đi ra Phú Quốc để đón chồng nàng về.

Cô vẫn đinh ninh trong việc ấy tất có một nguyên do bí mật. Nhất là mấy lời ông đạo sĩ Cao Miên trên núi Tà Lơn đã yên ủi Minh Cầm một cách bóng bẩy, cô có nghe và còn chôn trong trí nhớ. Thế mà rồi Minh Cầm giấu biệt chân tướng không ngỏ thật với cô, chỉ nói qua loa rằng Đơn Hùng Tín thấy sự trùng tên lắm tưởng chồng nàng là kẻ thù của va hồi trước, nên va bắt đi, chủ tâm báo cừu tuyết hận; nhưng rồi tự biết mình lầm, va ân cần xin lỗi và săn sóc chàng tử tế cho đến hôm có gia nhân tới đón.

Cái lí thuyết ấy không thể làm thỏa mãn tấm lòng cầu biết của một người nhiều tâm cơ mưu mẹo như cô giáo Nhâm.

Cô từng gài bẫy mẹo mực để gạn hỏi chú hương Tám hôm cùng ở Phú Quốc về, nhưng chú lắc đầu trả lời không biết, hay là chú biết mà để bụng không nói.

Từ đó cô thường để tâm suy nghĩ dò xét, may ra lần được manh mối.

Lúc còn trợ giáo ở trường nữ học Sóc Trăng, có lần cô may mò giao thiệp với một tên anh chị du côn, nghe đồn là tay sai của Đơn Hùng Tín. Đến nỗi mời nó ăn, cho nó tiền, cốt dò la duyên cớ Lâm Kiều Mộc bị bắt cóc năm trước.

Kì thật tên anh chị này chẳng biết gì hết, dễ thường cũng không nghe có vụ rắc rối kia nữa. Song muốn cho trôi bữa chén, nhất là món tiền, nó trả lời xuôi chuyện rằng duyên cớ chỉ tại một việc tình. Trăm việc lồi thoi ở đời xảy ra, cho tới đâm chém, kiện thưa, án mạng, vu hãm, chẳng phải hết chín mươi chín việc có nhân tình nữ sắc bên trong đấy ư? Chẳng riêng ở xứ mình, dù ở xứ nào cũng thế. Bên Tây, mỗi khi có vụ nhân mạng phát xuất, người ta thường nói: “Charchéz la femme”, nghĩa là cứ tìm con đàn bà thì ra manh mối.

Bây giờ cô giáo Nhâm mới vận dụng trí khôn, chấp nhận từng mảnh tưởng tượng, cân nhắc từng điều ước đoán, rồi tự soạn ra tập hồ sơ Kiều Mộc như sau đây, mà cô chắc chắn là đúng:

- “Anh chàng lúc còn là học trò hàn vi, trông thấy nhà người ta có một thiếu nữ - ví dụ như cô X. – xinh đẹp dễ thương, bèn thả hết tiếng



kèn giọng quỳên ra ve vãn cám dỗ nàng, thề nguyện những một tấm tình si, trăm năm gắn bó. Nàng cả tin xiêu lòng, không bao lâu khối tình mang nặng, kết quả tống ra một đứa con. Nàng cắn răng chịu đựng cả những roi vọt của mẹ cha, búa rìu của dư luận, một lòng tin cậy nơi tương lai mà người tình đã cam đoan, hẹn ước.

“Không ngờ đến lúc chàng đỗ đạt thành danh lại đành lòng được cá quên đăng, có trắng quên đèn, bỏ nàng và đứa con thơ, đi lấy cho được con ông Châu Hồng là gái con một, nhà giàu ức vạn.

“Phụ tình án đã rõ ràng.

“Cô X. ấy có lẽ dính dấp bà con gì với Đon Hùng Tín, cho nên va lập mưu bắt kẻ bạc tình để trừng trị cho bõ ghét. Hoặc là con một nhà lễ nghĩa tử tế, không thể chịu được cái nhục ấy, cho nên xuất tiền thuê Đon Hùng Tín hành phạt, để báo thù cho danh giá nhà họ không chùng”.

Thờ ơ làm sao giữa trong hồi ấy, ở vùng Đại Ngãi tỉnh Sóc Trăng, vừa xảy ra chuyện thảm thương một người thiếu phụ, dòng dõi trâm anh, ẵm đứa con bé, nhảy xuống sông tự tử. Khi người ta vớt xác lên, hai mẹ con vẫn ôm chặt lấy nhau. Đầu đuôi tấn kịch bi thảm này chỉ vì tình phụ. Trong bức thơ tuyệt mạng có câu: *“Mẹ con tôi đau khổ quá, không muốn sống nữa. Thôi, để cho kẻ bạc tình kia tự hổ với lương tâm và con người ham danh ý giàu, đang tay cướp sống hạnh phúc chồng con của người ta kia, thử xem rồi có ăn đời ở kiếp với nhau được không...”*.

Cô giáo Nhâm ráp ngay việc thực hiện này với chuyện mình ước đoán, tự nói lầm rầm một mình:

- Dích thị cô X. đó rồi, chứ còn ai nữa!

Trước giờ, cô với Minh Cầm chỉ có tình nghĩa chị em bề ngoài, nhưng thật bề trong vẫn ghét nhau ngấm ngấm. Nếu Minh Cầm không ưa cô vì cô lẳng mạn, hiểm sâu, thì cô cũng chẳng ưa gì Minh Cầm, vì cô ghen nàng được trời hậu đãi nhiều quá.

Cô muốn sao nàng phải đau khổ thì mới vừa ý.

Nhiều lần, cô nói riêng với một vài người bà con trong họ, về phe với cô:

- Cuộc nhân duyên của con Cầm, ở trong có một người đàn bà



thác oan, một đứa trẻ yếu tử, một vụ bắt cóc bí mật, toàn là điều xấu, tôi tưởng không thể bền bỉ được đâu. Chúng ta cứ chống con mắt lên mà xem!

Cô tin đạo trời oan ung tương báo, dù cho Minh Cầm có chồng cũng chẳng bền, có của cũng chẳng được sung sướng nào.

Rồi ngót hai năm, chị em xa cách, mỗi người ở biệt một nơi chẳng có dịp gặp nhau; cô chỉ nghe những người làng xóm đi về, kể chuyện lại rằng Minh Cầm ở xó xỉnh nào tại Sài Gòn không biết, không dám tiếp rước ai, hình như tình cảnh buồn bực lắm thì phải. Cô giáo nghe lấy làm thích ý, càng tin đạo trời có thừa trù, có quả báo là đúng.

Đến khi dời lên Sài Gòn, chính mắt cô trông thấy thì trái hẳn.

Tòa nhà ở đường Taberd chói lòa những cảnh sắc yêu đương, vui vẻ, sung sướng, vợ chồng hòa hảo, gia đình phong lưu, lại thêm một thằng bé, trông như con búp bê sống, ai cũng muốn hôn hít nựng nịu. Đôi mắt điều hâu của cô giáo đảo soát tứ phía, chẳng thấy một mảy dấu vết gì gọi là buồn rầu khổ sở. Về vật chất họ chẳng phải thiếu thốn gì đã đành, vì Minh Cầm là con nhà giàu, rắc bạc cho gà ăn cũng chẳng hết: nhưng về tinh thần cũng thế, và Minh Cầm, chỉ thấy xuân sắc hơ hớ tốt tươi thì có, tuyệt nhiên không có một làn da thớ thịt nào chỉ tỏ họ lo nghĩ đau đớn.

Nơi họ, sự sống yên vui phát hiện ra cả trăm phần trăm.

Cô giáo sùng sốt, nghĩ thầm:

- Thế là nghĩa làm sao? Không còn có đạo trời nữa à?

Vì cô vẫn đinh ninh rằng vợ chồng nhà này tất phải khổ não vì lẽ báo ứng.

Thành ra cô ghét Minh Cầm bội phần, trông thấy nàng hình như trông thấy kẻ đại thù vậy. Cô kì kèo luôn với thâm tâm:

- Nó sinh làm con nhà giàu, trợ trụi con một, gia tài hằng triệu, nay mai thừa hưởng một mình. Đã thế, lại có sắc đẹp như tranh vẽ, lấy được chồng khôi ngô danh giá, đẻ ra thằng con mũm mĩm dễ yêu, cửa nhà rất đề huề vui vẻ. Thế ra bao nhiêu hạnh phúc ở đời nhà một người đàn bà mong ước đều qui tụ vào một thân nó thanh nhàn tọa hưởng. Cứ bảo là chị em thân thiết, mà nó có chia xẻ với mình chút nào đâu.



Ở đời, cái hạng đồ hiền tậ năng như cô giáo Nhâm không phải là hiếm.

Vô can vô cớ, những kẻ tiểu nhân trông thấy người nào hơn mình, còn động lòng ganh ghét, muốn cho người ta suy kém mới thỏa lòng thay, luống chi ở trường hợp này cô giáo Nhâm còn có động cơ tư lợi.

Ông bà Châu Hồng sinh đẻ mấy bận, nhưng chỉ còn sót lại độc trụ một cô con gái là Minh Cầm. Giả như đừng có nàng, thì cả sản nghiệp đồ sộ kia thế nào cũng về phần con nhà bác ruột là chị em cô giáo Nhâm được hưởng.

Còn nhớ mấy năm về trước, có lúc Minh Cầm phải bệnh thập tử nhất sinh, ai cũng cảm chắc nàng không qua khỏi; giữa lúc ấy ông Châu Hồng cũng hom hem ốm yếu, đã toan làm chúc thư và họp hội đồng gia tộc để lập tự cho thằng cháu là Thạch Quảng, em cô giáo. Sau cả hai cha con cùng tai qua nạn khỏi, nên việc dự định ấy bỏ đi.

Vì có cánh cửa hi vọng một lần mở hé ra như thế, trong lòng đồ kị của cô giáo Nhâm nảy ra nguyên rủa và mong ước Minh Cầm chết.

Nếu như lúc này có ai đem việc bí mật ở Phú Quốc bán cho cô, dù tốn mấy trăm cô cũng mua ngay. Việc bí mật ấy nếu vỡ lở và bay mùi tứ tung như quả trứng thối, có thể đánh đổi tính mệnh Minh Cầm; vì cô biết rõ tính nàng khí khái, đa cảm, không chịu được nhục nhã. Nhất là nặng lòng hiếu thảo, không khi nào nàng chịu sống mà để buồn để nhục cho cha mẹ.

Nhưng cái dã tâm nguyên rủa và mong ước lạ lùng kia, nhưng khi Minh Cầm son rồi một mình, cô giáo còn không được như nguyện thay, nữa là bây giờ nàng đã có chồng, có con. Vạn nhất nàng có chết, sản nghiệp cha mẹ để lại cũng về chồng nàng, con nàng chính thức thừa hưởng, đâu có đến phần chị em cô giáo Nhâm mà mong.

Biết thế, cô nhất định thay đổi chiến lược khác.

Tìm cách thế nào khuấy hôi bôi nhọ, khiến gia đình vợ chồng Minh Cầm điêu đứng tan nát cho bỏ ghét.

Cô giáo thời thường đi lại phố Taberd chỉ cốt có một việc hiểm độc ấy.

\*



Với con mắt quan sát tinh đời như rọi kính vào ruột gan người ta, cô giáo Nhâm nhận thấy Kiều Mộc tuy yêu vợ, nể vợ, nhưng không giấu nổi bản tướng một người đa tình hiếu sắc.

Cô lập tức lấy mũi nhọn kế, ra tay đẩy ngã anh chồng trước, tự nhiên chị vợ không khỏi liên đới ngã theo.

Bấy lâu Kiều Mộc ăn năn tu tỉnh, nhờ đức vợ cảm hóa, nghe lời vợ khuyên bảo, một mực chăm lo đèn sách, để rửa cái nhục mạo danh; ngoài chí thú ấy, mục đích ấy, chàng không tư tưởng gì khác. Chàng cảm tưởng như mình phạm trọng tội đã được đại xá, giờ chỉ có việc lo làm ăn lương thiện.

Hai món chàng kính thờ nhất, là chung tình và sách vở.

Hai người chàng vâng lời nhất, là vợ hiền và thầy học.

Khốn như ở đáy lòng, chàng vẫn có con heo phóng đảng nằm ngủ thiêm thiếp, nào đã chết hẳn đâu, nếu có bàn tay khéo lay động đánh thức, thì nó chồm dậy. Cũng như rễ cỏ chôn sâu dưới đất, hễ gặp trận mưa bón tưới, nó lại nảy mầm lên.

Gặp người có tính hiếu thắng chừng nào, càng dễ bị khiêu khích chừng ấy.

Một hôm, cô giáo đến phố Taberd chơi, nhằm lúc Minh Cầm ẵm con lại đốc tư Đôn xem mạch, một mình Kiều Mộc ở nhà, vừa mới đi học về.

Không lẽ để chị vợ ngồi suông một mình, chàng phải niềm nở tiếp chuyện.

- Dượng mới ở sở về? Cô giáo thật thà hỏi thế, vì cô yên trí Kiều Mộc là ông bác vật thật và hiện đi làm.

- Phải, em mới về độ mười phút! Chàng nói tiếng “phải” nho nhỏ.

- Này, dượng hai! Tôi cho các cô son trẻ nhan sắc như tiên, thường phải bức mình trách đời, nghĩ cũng có lẽ...

- Tại sao vậy, chị? Kiều Mộc hỏi chặn ngang câu nói, động lòng hiếu kì.

- Có gì lạ đâu! Họ tự phụ tài sắc một thời mà không gặp được người như ý. Hầu hết đàn ông trẻ trung, danh giá lỗi lạc, đại khái như



dượng, một khi lấy vợ, làm gì còn có tự do. Trông thế lực, bả kim tiền, khiến các ông đối với bà đầm, phải kính như thần thiêng, sợ như cọp dữ, còn dám rời đâu nửa bước và tưởng đến ai. Thành ra sông Tương một giải, cách biệt hai đầu, tài tử giai nhân cùng nóc nước một nguồn mà không thể cùng nhau tụ hội, để gây khúc đàn tri kỉ, kể giấc mộng tương tư, chẳng hóa ra phụ cả tài sắc, luống mất xuân xanh, dượng nghĩ xem họ không than phiền buồn bực sao được!

Chẳng nói thì ai cũng thừa biết Kiều Mộc tất phải chạnh lòng, vì một người đã du đãng lối đời, không còn lạ gì những mũi tên độc bắn chéo ấy:

- Hình như chị tả cảnh tiểu thuyết để mai mĩa em đây phải không? Chàng nói và cười.

- Cô giáo nghiêm trang đáp:

- Không! Tôi nói chuyện thực tế mà! Vì sự thật ở Sài Gòn hiện tại có một cô, tài mạo không biết lấy nhà băng nào đánh giá, để nghe tiếng hay gặp mặt dượng ở trường hợp nào chẳng rõ, vẫn kính thờ mong ước trong tâm hồn, nhưng cô ta tự biết không khi nào dượng dám để vào mắt xanh, vì lẽ chàng Thúc đã có chị Hoạn!...

Một mũi tên, cô giáo đồng thời bắn trúng hai đích; lòng tự ái và tính hiếu sắc của Kiều Mộc.

- Có thật tẻ à, chị giáo? Chàng hỏi sẵn đón, nóng nảy, vì đã cắn phải lưỡi câu.

- Bỗng dưng tôi có bịa chuyện nói chơi làm gì, vô ích.

- Giá như tôi muốn gặp người ấy có được không, chị?

- Sao lại không được.

- Thế, chị giới thiệu giùm tôi nha.

- Được lắm.

- Hôm nào có thể?

- Tùy ý. Bởi cái phương tiện khi nào có thể sổ lồng tháo cũi ra mà đi được, là việc riêng của dượng, tôi biết đâu nào!

- Ô! Chị này vẫn yên trí tôi là một thằng không còn có khí khái trượng phu gì hết.



- Đây là tôi thuật lại lời cô kia nói thế. Cô ta bảo làm người đàn ông có học thức danh vọng mà chỉ cúi đầu phục lệnh bà, còn có gì buồn hơn.

- Người ta chưa đến lúc hành động, thì ai biết ai thế nào được. Rồi cô ta với chị sẽ biết tôi có phải là người sợ vợ cho đến tệ lậu như chị vẫn tưởng không.

- Tôi cũng nghĩ thế.

- Chị tính xem bao giờ tiện việc giới thiệu cho tôi với nàng gặp nhau được nào?

- Đã nói hôm nào cũng được.

- Chiều mai nha?

- Được, chiều mai dựng bí mật lại chơi đặng nhà tôi nghe. Kia, dì ấy về... thôi đừng nói chuyện ấy nữa. Cứ y ước chiều mai, khoảng năm sáu giờ.

- Vâng, y ước.

Minh Cầm bước vào trong nhà, thấy chồng tiếp chuyện chị giáo, nàng có ý không vui, nhưng cố nén không để hiện ra sắc mặt.

Chiều hôm sau, từ 5 giờ đến 6 giờ, đáng lẽ phải đến học tại nhà giáo sư B. ở đường Norodom, Kiều Mộc đến viết mấy chữ xin phép nghỉ và gửi sách vở cho người bồi giáo sư, nghĩa là chàng bỏ giờ học ấy cho được lại chỗ ước hẹn ở phố Bourdais.

Trước khi chàng ở nhà ra đi, Minh Cầm để ý thấy chồng hôm nay chải chuốt bóng bẩy khác hẳn mọi ngày, nhưng nàng không hề ngờ chồng cốt làm đóm để đi tìm gái.

Từ hôm khóc lóc hối hận ở trong khuê phòng tại Hồng Ngự, lần này là lần thứ nhất, chàng làm một việc trái với lương tâm, bội với giao ước, phụ tình kháng mệnh đối với vợ.

Nhà cô giáo Nhâm lúc ấy đã có một thiếu nữ ngồi chơi. Hai người đang nói chuyện thì Kiều Mộc đến.

Cô giáo giới thiệu cho hai đảng biết nhau:

- Đây là cô đốc Liên, người vẫn tư tưởng gặp ông, mà tôi đã nói.

- Ông này là bác vật Lâm Kiều Mộc, người mà cô ao ước đấy.



(Mất một số báo)

Thiếu nữ thật tên là Liên, nhưng không phải là cô đốc hay cô tham gì hết, chỉ là một ả làng chơi mới nổi lên, đứng vào cái hạng người ta vẫn gọi là “con gà mái đất tiền”.

Liên còn trẻ lắm, mới độ 19, 20 tuổi là cùng, gương mặt và dáng người kể ra cũng là hạng đẹp, nhưng kẻ nào tinh mắt, sẽ nhận thấy ngay vẻ đẹp ấy là vẻ đẹp của gái giang hồ, nhân công nhiều hơn hóa công và kém phần thủy mị tự nhiên của con nhà khuê các.

Cô giáo cốt dùng Liên làm thuốc độc, làm cạm bẫy để hại Kiều Mộc.

Chỗ nào là chỗ yếu, và những thủ đoạn nào cạm dỗ được chàng, nắm cổ chàng vào tròng, cô giáo đã chỉ bảo đường đi nước bước cho Liên, đầy đủ và cặn kẽ.

Không hiểu Liên khéo tán tỉnh o bế cách nào, Kiều Mộc mê tít.

Có người bảo Liên có ngãi. Miền Nam, nhiều người gặp cảnh bị chồng ghét bỏ, và các cô làng chơi muốn trói chặt quả tim của tình lang, thường mua ngãi yêu ở mấy thầy phép Châu Giang, gọi là *chuộc ngãi*, cũng như ngoài Bắc ta *lấy bùa* vậy. Hễ ngãi còn thì yêu nhau, ngãi nhạt thì tình hết. Bởi vậy lắm cô không ngần ngại chuộc ngãi tốn kém bạc ngàn, vì nó giữ mãi cho họ trái tim một chú khách phú thương hay một công tử Bạc Liêu nào đó, có thể đục khoét bạc vạn.

Nhưng ở trường hợp này, có lẽ tại Liên cao tay cạm dỗ phần ít, mà tại Kiều Mộc không biết trì thủ phần nhiều.

Con người sẵn có cốt cách chơi bời phóng đãng những từ bao giờ, bỗng chốc vì cảnh ngộ bắt buộc, như người mắc bệnh ngã nước phải kiêng khen hoa quả lâu ngày, nhất đáng vớ được của chua, thôi thì ăn lấy ăn để, có chết cũng cam.

Ban đầu chàng còn bỏ học mỗi tuần lễ một vài giờ, sau đến lười biếng, bỏ cả tuần, đi theo tiếng gọi của con quỷ sắc đẹp.

Muốn có tiền huy hoắc, chàng đặt chuyện may mặc nợ, sách vở kia, để gạt vợ đưa tiền cho đi mua vui với Liên.

Chàng gần hoàn toàn ngã chúi đầu xuống hố sâu mà đức tốt của người vợ đã giặt tay vớt lên.



Cũng may ngọn đèn thiên lương của chàng chỉ bị cơn gió thổi tắt, làm cho ánh sáng mờ đi thôi, chưa phải tắt hẳn. Vì thế chàng còn đứng lơ lửng ở giữa khoảng hai đầu thiện ác, chưa có gan lùi về mà cũng không dám tiến mạnh.

Chẳng thế thì con đường Lâm Kiều Mộc quay lại cuộc đời khốn nạn, giả dối, hèn mạt như hồi xưa, chỉ còn cách xa gang tấc.

\*

Kì thủy, Minh Cầm nghĩ chồng thấy sự học mù mịt khó khăn mà đâm ra nản lòng thôi chí. Một người dù thông minh đến đâu, hoang phế đèn sách lâu ngày, bỗng chốc trở lại, không sao tránh khỏi một lúc thấy khó mà ngại mà chán.

Nhưng rồi nàng lưu tâm xem xét, nhận thấy lang quân càng ngày càng biến đổi thái độ, lúc trước ưa giản dị thì bây giờ thích điểm trang; đi học có vẻ biếng nhác, bữa ăn thường ngồi thờ mặt suy nghĩ, ít nói cười. Nhất là sự đi về hay thất thường, trái hẳn thói quen, cử chỉ ngôn ngữ đối với vợ xem ra nhiều bề lúng túng ngượng nghịu. Những biến tướng ấy bắt nàng phải lấy làm lạ, mình tự nhủ mình:

- Có lẽ chồng ta ốm tương tư con nào rồi, không sai.

Nàng xuất hai chục bạc, bảo mụ bếp khách trong nhà thuê hộ một chú lai căng biết đi xe đạp, mỗi ngày theo rình sự đi đứng của chồng.

Sau ba ngày thám thính, nàng biết rõ cả.

Nàng biết chồng mình đang sa vào cái hố sắc dục, mà chủ mưu chính là cô giáo, toa rập với một ả giảng bá thượng lưu, mục đích là phá hoại gia đình hạnh phúc của nàng.

Nếu như người đàn bà nông nổi, tất đã hô hoán tam bành lục tặc thức dậy, rồi thì mồm loa mép giải, ghen tuông, giận dữ, làm rầm nhà cửa, khi nào chịu yên.

Nhưng nàng một niềm lặng lẽ như không, khi ăn ở, lúc ra vào, chẳng để mấy may bất bình, lộ ra từ sắc.

Thâm trầm, chín chắn, nàng biết lượng xét không phải chồng mình tự động bỏ việc học hành, phạm vào sắc giới. Sở dĩ chàng như thế, là bị người chị em họ hàng hiểm độc kia đã khôn ngoan súc siểm, cám dỗ,



khiêu khích, chỉ cốt làm cho thân nàng đau khổ, vợ chồng chia lìa, thiên hạ chê cười, gia đình tan nát, thế thì họ được hả lòng. Họ không muốn thấy nàng được yên ổn sung sướng.

Bởi vậy, nàng suy nghĩ cân nhắc, chỉ nên dùng cách hòa bình, dắt kẻ đi lạc đường của nhà mình về, hơn là làm ra bạo động to chuyện. Nếu làm ra cửa nhà rầm rĩ, vợ chồng mất vẻ hòa khí, té ra trúng kế cô giáo Nhâm mất.

Huống chi người như nàng, không sá chấp trách cô giáo, mà cũng chẳng thêm ghen tuông với Liên.

Chỉ làm sao cho chồng hồi tỉnh, là điều cốt yếu; ngoài ra nàng rộng lòng tha thứ hết thảy!

Từ hôm ấy, nàng đối đãi săn sóc chồng vẫn âu yếm, vẫn tử tế tròn vẹn đạo vợ, làm dường như người tai điếc mắt đui, không hề ngờ trong gia đình đang có biến cố gì xảy ra.

Chàng đi, nàng cố sức trang điểm cho chàng thêm trẻ trung, tuấn tú.

Chàng về, dù đêm khuya mấy nàng cũng chong đèn ngồi đợi để hầu hạ, nâng giấc.

Có hôm chàng đã cười thầm người vợ thật thà, chẳng ngờ bảo chuốt tô điểm cho chồng, để nó đi với tình nhân.

Ròng rã một tháng, nàng đối phó bằng cách ần nhẩn tiêu cực như thế, khiến chàng cảm thấy nhột nhạt khó chịu. Chẳng biết chàng có nghĩ đến ần tình đã bị vợ khám phá hay không, nhưng trong óc chàng bắt đầu nảy sự so sánh giữa vợ và Liên, rõ ràng thấy vợ thương yêu mình nồng nàn chân thật hơn trăm phần, nghìn phần.

Ngoài cách ăn ở đầm thắm, nhẩn nhục, thỉnh thoảng Minh Cầm khéo đem một câu chuyện cổ tích hoặc thời sự, kể ra với nụ cười và miệng nói rất có duyên, dụng ý khuyên can chồng một cách bóng bẩy, gián tiếp.

Có lần, kể chuyện thế rồi, nàng vỗ về thằng bé và nói:

- Con mình cứ ăn no ngủ kĩ, thế mà sung sướng. Mai sau, nó có biết đâu cha nó ngày trước hoạn nạn nhẩn nhục đến thế nào, mình nhỉ!

Nghe nhắc đến con và những tiếng hoạn nạn nhẩn nhục, Kiều Mộc giật nảy mình.



Lương tâm cắn rứt, bắt chàng tự nhiên hối hận âm thầm và tha thiết.

Chẳng ai nài xin hay bắt buộc, hôm sau tự nhiên chàng mạnh bạo cự tuyệt Liên ngay, lại chăm chú việc học như cũ.

Chàng tự giác đã làm một việc đại dột.

Việc đại dột ấy, chàng nghĩ tự giác chưa đủ, phải xem như một ung độc, có nặn mủ kéo ngòi ra hết thì mới nhẹ mình.

Chàng thú tội với vợ.

- Thật tôi có lỗi, đã làm mình đau đớn hai tháng nay, giờ tôi hối hận, mình sẵn lòng tha thứ cho tôi nhé!

- Chuyện gì mà tha lỗi? Trời ơi! Chồng tôi học quá rồi phát điên hay sao thế này?

Minh Cẩm giả vờ như không hiểu chuyện chi cả, vừa nói vừa cười.

- Mình nói mà đúng! Có lẽ tôi điên thật, cho nên đã nhất thời mê muội lương tâm, làm sai 10 khoản giao ước của mình.

- Thật à? Nhưng mình phạm vào khoản thứ mấy thế?

- Về khoản sắc giới.

- Chết nổi! Mình có nhân tình. Thế mê mẹ con tôi cứ nằm cúi ở nhà, không hề nghe biết gì hết.

Rồi chàng đem chuyện đầu đuôi, từ lúc chị giáo Nhâm khiêu khích cho đến lúc say mê Liên những thế nào, kể hết một lượt cho vợ nghe. Kết thúc, chàng phơ gan trải mật cho vợ biết rằng mình đã hối hận và bỏ con giảng há rồi; từ nay chỉ có việc lo học đêm ngày, hầu mau thành đạt. Thuận tay, chàng với lấy chiếc đĩa, bẻ gãy làm hai mà thề:

- Tôi sẽ phải chết phân thay như thế này nếu còn làm sự gì để vợ tôi lo buồn.

Nét mặt chàng lúc ấy trông nghiêm nghị lạ lùng.

Minh Cẩm thở dài:

- Phải ở đời có một người đàn bà nào chịu nhẫn nhục như tôi, giúp mình tạo lại cuộc đời, rửa nhục danh dự được, tôi vui lòng đem mình nhường ngay cho họ...



- Làm gì có ai con nhà giàu mà cao thượng nhẫn nhục được như mình! Kiều Mộc nói.

- Bởi vậy tôi khuyên mình, từ rày chớ có nghe lời đàn bà nào khác, họ chỉ phá hoại hạnh phúc của mình thì có, không cách nọ thì cách kia. Tôi cũng tự hồi đã quên nhãng, không cảnh cáo mình chớ gần chị giáo Nhâm, hóa ra có chuyện hôm nay. Con nữ quái ấy e còn theo khuấy rối vợ chồng nhà mình, chưa phải thôi đâu.

#### **IV- Bức thư của người “đi heo” sang Âu Châu gửi về**

Minh Cầm nhẫn nhục đóng cửa dạy chồng ba năm nay, đã thấy công phu mình có kết quả được một nửa.

Kì thi tú tài năm ấy, chồng nàng đỗ phần thứ nhất, dưới cái tên mượn là Lâm Văn Thành và đứng vào ưu hạng.

Ông Châu Hồng ở nhà xem báo, thấy đăng bảng tú tài, đoán chắc người này là họ hàng cậu rể bác vật của ông, nên ông khoe ngay với bà:

- Má con hai à, Lâm Văn Thành này tất là anh em của thằng bác vật nhà ta.

- Ông chỉ hay thấy sang bắt quàng làm họ! Bà cười và đáp. Thuở nay có nghe chồng con hai nói có anh em dòng họ học hành như thế đâu.

- Ai hơi đâu khai hết sổ họ hàng cho bà mày nghe bao giờ? Tôi chắc là anh em gì với thằng bác vật đó, hôm nào nó về thì hỏi mà xem.

- Quả thế thì họ nhà nó được đất danh giá há! Anh đỗ bác vật, giũ có em đỗ tú tài, rồi không biết sẽ tới bậc nào nữa.

- Thì rồi đến tiến sĩ hay bác vật như thằng rể nhà ta là giỏi chớ gì. Ông nhắc tới danh vọng ông rể nhà ông với đây về kiêu mãn.

Thực tình, việc nhân duyên mắc hờn của con gái ông, có lẽ thiên hạ và làng xóm hơi nghe phong thanh, duy có hai ông bà tuyệt nhiên không biết gì cả.

Ông vẫn yên trí rể là bác vật, và mong đợi mãi cái xưởng công nghệ mở ra ngày một ngày hai, mà “quan bác vật nhà ông” chủ trương, giám đốc.



Trong ba năm, Minh Cầm như thân một tàu lá gồi phải che chống mưa gió hai ba chiều; phần lo nuôi chồng khuyên chồng học tập, chưa kể đến việc suýt nữa chồng lại sa ngã, may mắn cứu vớt vừa kịp. Phần khác đối với gia đình, nàng thường phải mưu mẹo giấu quanh, để cho cha mẹ không nghi, chuyện kín không vỡ.

Bởi vậy, khi thì nàng phải trí trá, đồ tể tại khí cụ gởi mua tại bên Đức còn rắc rối chưa xong; khi thì viện cớ rằng chồng lỡ kí giao kèo làm việc nhà nước những ba năm, cái dự định mở nhà máy cất nước hoa hầy hoãn thông thả, chừng mần giao kèo kia sẽ hay.

Hai ông bà già chiều con, yêu con vì có một mụn, tự nhiên quý rể, chuộng rể, vì là rể sang, nên chỉ con nói thế nào, ông bà tin thế, không hề nghi ngờ và hỏi vặn vẹo.

Nhưng cô giáo Nhâm thì hay nghi. Có thể nói là cô đã biết, vì dụng tâm dò dẫm mãi phải ra manh mối. Nhiều người thường lấy làm lạ sao lắm việc bí ẩn của người ta, che đậy cẩn thận đáo để, mà có khi trong nhà chưa tỏ ngoài ngõ đã hay. Sự thật, ở đời không có một chuyện kín nào mà kín mãi được, nếu có kẻ cố tình hữu ý, ở bên dòm dỏ hàng ngày; chẳng sớm thì muộn, tấm màn bí mật cũng phải cuốn lên.

Chiều hôm ấy đi dạy học về, cô giáo sai con bé ở chạy mua tờ báo để xem bảng tân khoa tú tài, khi trông thấy tên Lâm Văn Thành, cô cười gằn và nói lẩm bầm một mình:

- Nó đây chứ ai! Thế là đây túm được cổ rồi, hễ lúc nào muốn, chỉ bóp lại một cái là hết thở. Để xem phen này con Cầm lên mặt vợ quan bác vật nữa thôi!

Cả đêm, cô chong đèn ngồi viết lách gì hết tờ nọ đến tờ kia, rồi sáng hôm sau thấy đến nhà báo *Bình minh* sớm lắm.

Thì ra cô đem đến một bài dài bảy tám trang giấy, viết theo lối kĩ thuật đá trào phúng, đặt cái đầu bài nghe rất cảm dỗ "*Câu chuyện bí mật từ Đơn Hùng Tín đến Lâm Văn Thành*". Tên các vai chủ động, cô đề chữ tắt: nào Ch. H, nào M.C. nào L.K.M. cốt cho người đọc, nhất là độc giả vùng Hậu Giang, dễ nhận biết là ai.

Nhưng tòa soạn xem rồi đưa trả bản thảo lại cho cô:

- Cho bài này của cô ra, người ta sẽ kiện chúng tôi mất nghiệp, viên chủ bút nói:



- Sao thế hở ông? Cô giáo hỏi lại, với tất cả vẻ thật thà của một người không tường luật báo.

- Tại xúc phạm danh giá người ta chứ sao!

- Tôi đề tên tắt kia mà.

- Dù đề tên tắt, họ cũng kiện được.

- Ông cứ đăng; tôi xin chịu trách nhiệm.

- Ồ trách nhiệm? Cô chỉ nhận bừa đi thế, đến lúc họ kiện đòi bồi thường danh giá đôi ba ngàn đồng chẳng hạn, tắt cô trốn biệt đảng cô, mặc kệ chúng tôi ngửa cổ ra nộp phạt hay ở tù; chúng tôi đã bị đại như thế một hai lần rồi, cô ạ!

- Ông không thể nào làm vui lòng tôi mà cho ra bài này được a? Cô giáo nài nỉ, vì chỗ quen biết.

Ông chủ bút cười, hỏi:

- Cô muốn đăng bài này lắm sao?

- Vâng! Bởi là chuyện hay, có thật, đáng làm gương cho thiên hạ soi mà giữ mình. Tôi chỉ vì công tâm mà thuật ra đây thôi.

- Nếu thế, xin cô kí quỹ ở nhà báo độ một nghìn đồng, để phòng người ta thừa kiện bồi thường, có đấy mà trả. Trong khoảng 6 tháng nếu như vô sự thì tiền cô lại trả cô.

Cô giáo sừng sốt:

- Lạ nha! Tôi viết bài cho báo đăng, đã chẳng được nhuận bút lấy một tiền đôi quan gì, lại phải kí quỹ bạc ngàn, có chuyện ngược đời thế sao?

- Thừa cô, với trường hợp này phải thế mới được, chứ làm vui lòng cô mà rồi chúng tôi mang khổ, chúng tôi chả chơi. Phải biết tiền bạc của nhà điền chủ Châu Hồng như nước, họ có thể kiện người ta lên đến thiên tào cũng không ngại theo đuổi tốn hao. Thôi, chúng tôi xin van bà, nộp trả bài văn kiệt tác của bà đây, bà đem cho báo khác đăng được thì đăng, chúng tôi thú thật không dám thò tay vuốt râu cọp, thi của với Thạch Sùng... nhất là không mắc kế phụ nhân; nói thật, bà đừng nổi tam bành nha!

Cô giáo hậm hực, đem bài qua một tòa báo ở đối cửa, là *Nông cổ*



*mín đàm*, rồi đến *Thời báo* và một hai nhà báo khác nữa, cố tình bêu rếu Minh Cầm ở trên giấy mực để chặt cây hạnh phúc nhân duyên của nàng, mặc dầu cây ấy đã đơm bông kết trái.

Nhưng báo nào cũng từ chối và trả lại bản thảo; ấy là người ta nhã nhận, không quăng nó vào sọt rác! Chả cơ quan ngôn luận nào khờ, để cô lợi dụng giấy mực của họ vì chuyện tư hiềm, tư lợi.

Tức quá, cô đem bài về, thuê người đánh máy ra làm mười mấy bản, và tự mình gắt gồng với mình:

- Khốn nạn! Chẳng có những tờ giấy gói đường gói kẹo của chúng nó dễ thường thiên hạ phải như đui như điếc tất cả, không có cách gì được biết câu chuyện lạ mà ta mỗi lưng ngồi viết cả đêm đây chẳng? Để đó, ta sẽ tính kế khác.

Cũng vào khoảng ấy, ở một nhà gác cuối đường Taberd, các ngài đã biết, vợ chồng Minh Cầm ngồi thủ thủ bàn nhau vẽ kiểu xây dựng tương lai. Nàng vừa ru con đang ngủ ngon lành trên chiếc võng tơ nhỏ, vừa thêu một chiếc khăn tay bằng lụa, trên có hàng chữ vạch sẵn: “*Thành công hay đại nhục*”. Kiều Mộc chăm chăm nhìn vào bức tranh hoạt cảnh rất có sinh sắc và tình tứ ấy không chớp mắt. Lòng chàng đầy ngập vui sướng, thêm sự đắc ý vừa mới ghi tên đầu bảng tú tài phần thứ nhất.

Chàng nói và vuốt mấy hàng tóc mai vợ lên, vì nó xòa xuống trán bởi một làn gió trêu ghẹo, trong khi nàng cúi mặt trên những mũi chỉ thêu:

- Mình ơi! Giờ tôi định thế này nhá: một đằng cứ học tiếp tục để sang năm thi nốt phần thứ hai; một đằng tôi phải tìm công việc gì làm ít nhiều, ví dụ đi làm sổ sách riêng cho mấy hiệu khách to trong Chợ Lớn, hay là dạy giờ ở một trường tư nào chẳng hạn.

Minh Cầm ngược mắt lên nhìn chồng với vẻ hiền từ điềm thêm thần thái ngơ ngác:

- Thế ra ba thằng nhỏ có ý ngại sự học tới vất vả chẳng?

- Không, tôi vẫn hăng hái học tới, có ngại gì đâu.

- Lạ! Không ngại học thì sao chưa chi mình đã bàn chuyện đi kiếm việc làm? Dễ thường mình chỉ định học tiếp cho đến thi đỗ trọn khoa tú tài là xong việc và mãn nguyện thì phải. Thôi, hử mình quên mất cái



cao vọng và điều ước nguyện của tôi rồi. Chẳng thế thì sao đang học lại nói chuyện phá giang đi làm!

- Đây là mình chưa hiểu rõ thâm ý tôi, để tôi nói cho mình nghe: Ba năm nay mình lao khổ hi sinh vì tôi quá nhiều, nhất là vì chúng ta ở vào tình cảnh éo le, đặc biệt đến nỗi mình phải nhọc nhằn lo lắng bồn tẩu, che chống đủ chiều, bù đắp đủ thứ. Nội khoản tiền cần dùng cho tôi ăn học, mình lo cũng đủ phát bệnh. Tiếc là con nhà giàu, tôi thấy mình chẳng được tự phụng chút nào sung sướng, bất quá mình chỉ giữ nhiều ít bề ngoài để che mắt thế gian. Còn bao nhiêu phần sung sướng, đáng mình được hưởng, mình trút hết cho tôi và vì tôi...

Chàng cầm cái tà áo cầm nhung đen của vợ đang mặc trong mình, đưa lên và thở dài, nói tiếp:

- Đây, chứng cứ là manh áo này mình mặc luôn ba năm, chắc hẳn nó đã bỏ và mạng hai ba chỗ rồi, con nhà giàu khác đã bỏ đi tám đời, còn mình thì vẫn đeo lấy không bỏ. Đây là một sự hi sinh và còn bao nhiêu gánh chịu vào mình khác nữa. Tôi biết, chính là vì tôi. Không có cái cảnh ngộ quái ác tự tôi gây ra, khi nào mình phải như thế. Bởi vậy, ngồi mà nhìn mình cứ phải vì tôi chịu lấy mọi sự lao lực lao tâm, tự bạo tự khí thế ấy mãi, thú thật tôi chẳng đành lòng chút nào. Trời ơi! Ba năm đằng đẳng là nhiều lắm rồi. Giờ tôi muốn tìm việc làm, ví dụ mỗi tháng được trăm bạc thì may phúc, không thì năm sáu chục đồng, để đỡ dần mình nhẹ lo được phần nào hay phần ấy. Hay chẳng gọi là đỡ dần mình đi nữa, thì cũng có thể tự lo lấy phần tiếp tục ăn học của tôi, tức thị mình bớt phải vì tôi bồn tẩu hi sinh quá như trước. Thâm ý tôi là thế mình ạ! Còn như sự học, mình muốn tôi đi xa trèo cao đến đâu, tôi cũng chẳng từ, chẳng ngại.

Chàng vẫn có tính quen pha mùi hài hước vào chuyện nghiêm trang cốt làm cho vợ luôn luôn vui vẻ; cho nên sau khi vừa nói những câu tâm sự tha thiết như trên, chàng chụp ngay cái kéo ở rỗ may của vợ, đứng dậy mà nói:

- Mình đã biết bấy lâu tôi tuân thủ 10 khoản giao ước, vâng lời của mình quá hơn tên quân vâng lệnh ông tướng. Hễ ông tướng ra trận, hô tên quân sống được sống, chết phải chết. Giờ mình thử hô: “Bớ Kiều Mộc! Lệnh ta truyền mi phải cầm kéo tự tay đâm cổ”, xem tôi có dám cãi lệnh không? Tôi có kéo đây rồi; nào mình hô đi! Một... hai... ba...



Minh Cầm bật cười:

- Thôi mà, tôi đã để tang trong tâm mấy năm nay, giờ chưa muốn để tang trên tóc đầu!... Đừng làm rầm lên, con nó mất ngủ... Mời ông ngồi xuống đây nói chuyện đứng đắn, không pha trò nữa.

Nàng kéo chồng ngồi xuống bên mình, rồi nói dịu dàng, chậm rãi:

- Mình biết suy nghĩ thương tôi như thế, tôi rất cảm động và mang ơn. Nhưng mà tôi đã tự nguyện với trời đất, lương tâm, vì mình mà nhẫn nhục hi sinh còn lâu bền hơn nữa kia, chưa phải đến đây là hết giới hạn đâu. Tôi còn phải nhẫn nhục hi sinh cũng như mình còn phải học. Cái ngày nào mình học tới đạt chí thành công, rửa sạch tai tiếng với tôi, với lương tâm, với thiên hạ, tức là ngày ấy tôi mới được phép hết nhẫn nhục hi sinh.

Chứ hiện tại thì chưa, vì mình mới đỗ có phần thứ nhất tú tài, thế là mới đi nửa đường sở vọng của tôi. Bởi vậy, cái mình gọi là thương yêu đỡ đần tôi, không phải là việc làm kiếm tiền như mình bàn tính, kì thật là ở cái chí mình cố học cao xa hơn, để ngày kia đem về cho tôi một món quà quý báu mà tôi vẫn tâm tâm niệm niệm, ao ước thiết tha.

- Chắc là cái bằng kỹ sư hóa học, có phải không, mình? Chàng đón được ý vợ.

- Chính thế, chồng yêu chồng quý của tôi. Đối với gia đình và thiên hạ, tôi đang làm bà bác vật “*vô bằng*”, mình có làm sao mấy năm nữa tôi được trở nên bà bác vật chính hiệu của tôi vẻ vang sung sướng với đời. Dù mình có cho tôi làm bà nghề, bà trạng, hay bà gì nữa, tôi cũng không màng, chỉ ước ao sống chết với cái danh bà bác vật ấy thôi.

Nàng dùng hai tiếng “*vô bằng*” thật khéo, tả đúng sự thật mà lại không làm quá méch lòng nhột ý của chồng.

Kiều Mộc trầm ngâm giây lát:

- Vậy là mình muốn tôi phải đi sang Tây học.

- Cố nhiên! Tôi đã bàn với mình từ mấy tháng trước kia mà. Mình quên sao?

- Sang Tây thì lại thêm tốn kém, mình sẽ phải chịu hi sinh lo nghĩ hơn nữa.



- Mặc kệ tôi.
- Tiền ăn học hàng tháng phải đến ngoài trăm bạc mới đủ, chưa kể y phục.
- Tôi đã biết và trù tính rồi.
- Nhưng tôi đi như thế, mình đối phó với gia đình mình, sẽ có chỗ khó khăn.
- Đã biết, nhưng cũng mặc tôi.
- À, tôi nhớ mình hứa cùng đi cùng ở bên Tây với tôi, suốt trong thời kì tôi học.
- Phải, tôi nguyện ước thế đấy. Song còn phải thu xếp việc nhà, mình cứ đi trước, sau năm bảy tháng sẽ thấy tôi ở bên mình.
- Thế mình muốn tôi đi gấp ngay à?
- Đó là dự định của tôi. Mình qua ở Ba Lê mệnh mông như bễ, hay là chọn một tỉnh nhỏ nào ít người đồng bang ta, mà tỉnh ấy cũng có đại học, để mình có thể vừa đi đại học vừa học thi luận phần tú tài thứ hai. Làm vậy cho được rút bớt ngày giờ.
- Thế thì tôi phải lo lấy giấy thông hành ngay và xem kì tàu...
- Chàng nhảy múa vui mừng, như đứa trẻ được mẹ hứa may áo mới. Con mừng vừa phùng lên đã tắt ngay, vì Minh Cầm xua tay lắc đầu:
- Ấy, chớ làm thế!
- Sao?
- Xin thông hành đường hoàng thì tất lộ cả công chuyện và hình tích ra, hỏng hết. Tôi nghe nói có cách đi rất kín đáo, chỉ phải nhọc nhằn ít ngày, nhưng chẳng biết mình có chịu nổi không?
- Cách ấy thế nào?
- Làm bồi dưới tàu.
- Phải đấy! Vợ tôi sao đa mưu và liệu việc chu đáo thế. Nghĩ tính cách ấy mà hay, để món tiền phải mua vé đó sang Tây mình may sắm y phục còn hơn. Hơn hai chục ngày đi bễ có lâu gì; được làm bồi công nhiên càng hay, không thì “đi heo” cũng chẳng sao. Về phương diện ấy tôi cũng dễ mưu tính và có vô số *tuy dô*, để mai tôi đi hỏi ngay. Phần mình, lo sắp đặt việc xuất dương cho tôi sẵn sàng nha!



- Đã nói tôi sắp đặt lâu rồi, và lúc nào cũng sẵn sàng cho mình luôn.

\*

Giữa hồi có chuyện này, anh em lao động và thiếu niên ta đi sang Pháp học hành sinh nhai, như thể đi chợ.

Người ta đồn nhau rằng ở Tây có thể làm cách “cần công kiệm học”, nghĩa là vừa làm việc mưu sinh, vừa đi học. Nhất là ở Ba Lê, kinh đô văn minh, ta kiếm việc làm rất dễ, thường khi sáng gửi đơn xin, chiều đã thấy gọi rồi; ban ngày ta đi làm việc các hãng, các xưởng, lấy tiền nuôi thân, tối đi học ở các trường dạy đêm, mở ra nhan nhản.

Sự thật chỉ có một số thợ thuyền Trung Quốc đưa sang giúp các công xưởng Pháp trong kì đại chiến 14-18; sau hết chiến tranh, họ ở lại thành Lyon, muốn được dịp học lấy những tài nghề khôn khéo của nước Pháp, bèn họp nhau tổ chức cần công kiệm học, cho đạt mục đích ấy. Nhưng cũng nhờ có chính phủ và nhiều hội từ thiện ở xứ họ giúp đỡ thêm mới được.

Độ ấy, những thanh niên ta hiếu học và thích phiêu lưu mạo hiểm, tìm cách trốn sang Tây khá đông, vì tưởng chắc cần công kiệm học là việc dễ lắm, ai làm cũng được.

Phần nhiều chẳng có giấy thông hành, cũng chẳng có tiền trăm bạc nghìn gì, thế mà đáp tàu sang Tây. Người nọ mách bảo dắt díu người kia, chuyến tàu nào cũng có.

Lẽ thứ nhất của sự dễ dàng ấy, là hai hãng Năm Sao và Đầu Ngựa có nhiều tàu đường Hải Phòng hay Sài Gòn – Marseille, không tàu nào không có đôi ba chục người đồng bang ta làm công làm việc. Chính họ đem những người kia đi Tây.

Có hai cách thông dụng.

Một là xin quyền sổ hàng hải (*Livret maritime*), rồi họ đem xuống tàu làm việc công nhiên như người ta; bồi bếp, thợ giặt, khán hộ, thư kí v.v... thiếu chân nào điền chân ấy. Đến Marseille thì bỏ việc lên bờ tự ý.

Hai là đem đi trốn dưới tàu, tiếng nhà nghề gọi là “*đem heo*”. Từ đây sang Tây, “heo” phải trả công người đem mình đi, lỏi chừng trăm



bạc, nghĩa là chưa đến một phần ba số tiền phải lấy vé hạng bát. Nhiều cậu có tiền, mà vì lẽ riêng sao đó không tiện xin giấy thông hành – có khi đi trốn gia đình - nếu xin giấy tờ đường hoàng, tất phải lộ chuyện, họ chịu khó vui vẻ đi “heo”, mặc dầu có lúc bị giấu tặn dưới hầm than, có hơi vất vả.

Kiều Mộc ta đi chuyến tàu “*Porthos*” cũng theo cách ấy.

Chồng đáp tàu đi hôm trước, qua hôm sau Minh Cầm trả lại nhà ở đường Taberd, cho hai người ở khách nghỉ, bán bớt những bàn tủ kenh càng còn thì thu xếp thuê xe cam nhông dọn về Châu Đốc.

Bà Châu Hồng giật nảy mình và tái mặt khi trông thấy bất thành linh Minh Cầm ẵm con và chở theo một xe đồ đạc về, trên mặt lại như che một tấm màn đen. Trong ý bà đoán chắc gia đình rã con đã nổi một trận giông tố kịp mang guốc, bà vội vàng chạy ra đón lấy cháu và úy vắn con:

- Khổ quá! Vợ chồng phải trái, nhỏ nhẹ bảo nhau, đến hờn giận một hai bữa là cùng, việc gì đến quyết liệt quá thế?

Bà cụ đang ngậm một cục trà thuốc lưng bụng trong miệng, lại nói khí nhanh, thành ra Minh Cầm chỉ nghe lổ mỗ tiếng được tiếng chẳng, không rõ mẹ mình nói gì những là phải trái với quyết liệt:

- Má nói thế nào, con nghe không ra.

- Thôi tao biết rồi, lại còn phải giấu! Hắn vợ chồng nhà mày chửi nhau đánh nhau một trận không vừa?

- Đâu có!

- Không có, sao chẳng nói gì cho ai biết trước, tự nhiên hầm hầm ẵm con dọn đồ đạc về, làm như chạy giặc thế này? Trông cái mặt thì buồn thiu, buồn thiu...

- Tại nhà con đã đổi đi xa Sài Gòn, má ạ! Nàng nói dối mẹ.

- Sao lại đổi đi đâu thành linh thế?

- Vâng, hăng người ta phái nhà con sang Lào cần kíp, để tìm mỏ đồng mỏ thiếc gì đó không biết; chắc hẳn lâu lâu, một năm hay hơn nữa mới trở về không chừng. Con nghĩ ở Sài Gòn một mình cũng buồn, nên mới dọn đồ đem cháu về đây.



- Thế thì má cảm tạ trời Phật ông bà vô cùng. Vậy mà cứ nghĩ vợ chồng con có chuyện ầu ả chia lìa nhau!... Phải lắm, về ở nhà đây ít lâu, mẹ con bà cháu quây quần cho vui.

- Ba con đi đâu hả má?

- À, ba con đi với bác hương chủ điền lên tỉnh có việc, chắc cũng sắp về bây giờ.

Từ đấy, Minh Cầm ở nhà cha mẹ, cả ngày chỉ đánh bạc với kim chỉ, và nuôi nấng con, chẳng đi chơi bởi trò chuyện với ai. Xóm giềng có kẻ xấu miệng, xầm xì với nhau rằng nàng đã bị thằng chồng sở khanh đào mỏ chê chán rồi quất ngựa truy phong, giờ ẵm con về đó, có ý hờn, không muốn đàn mặt người ta.

Cách dăm hôm hay một tuần lễ, nàng tìm có đi lên tỉnh thành Châu Đốc một lần, đến thẳng nhà dây thép, lĩnh những thư từ gửi cho nàng, theo lối "*Poste resitante*".

Chẳng khảo cũng biết là thư của chồng.

Hai người đã giao hẹn nhau: mỗi khi chồng gửi thư về, cứ để lưu kí tại sở bưu điện, vợ lại mà lãnh; không gửi thẳng về nhà ở Hồng Ngự, sợ rủi ro sơ suất, tấn lộ phong thanh.

Từ hôm đi, tàu qua mỗi bến: Singapour, Pénang, Colombo, Djihouti v.v... chàng đều mua tranh ảnh sở tại, viết ít chữ sau lưng, gửi về thăm vợ hôn con. Lần nào cũng không quên kết thúc bằng mấy chữ này: "Bê yên sóng lặng, heo vẫn ăn no ngủ kĩ, mình cứ yên tâm".

Cái giây phút nhận được tin tức và nét chữ của chồng, là giây phút nàng tươi vui, thấy có sinh thú.

Một lần nàng lên Châu Đốc, đi không về rồi, chẳng được mảnh giấy tin tức gì cả, đâm ra lo nghĩ bàng hoàng.

- Đâu ốm chẳng? Say sóng nằm liệt chẳng?

Hôm ấy, bà Châu Hồng thấy con đi về, không cười không nói và bỏ cơm mấy ngày.

Chính là đoạn đường từ Djibouti đến Portsaid, "heo" bị dọa chặt một giò.

Nàng ở nhà mong đứng mong ngồi, mãi hơn một tháng sau lên



tỉnh mới nhận được bức thư đóng dấu ở Paris, cho biết tin mừng như sau này:

Paris 8 Septembre 192...

Minh Cầm yêu dấu.

“Tôi đã bình yên đến Paris hôm mồng một tháng này.

“Kinh thành nước Pháp to và đẹp không thể tả: hòn ngọc phương Đông là châu thành Sài Gòn ta so sánh chưa bằng một xóm ngoại ô ở đây.

“Chọn nơi vắng vẻ, ít gặp bạn đồng bang, tôi ở xóm Monsouris, thuộc về cửa ô Orléans. Ở đây lên xóm La Tinh, có đường tàu điện đi thẳng, gần lắm.

“Trong ba hôm, tôi đã hỏi rõ cách thức học hành và xin ghi tên nộp tiền ở trường Đại học rồi. Không nghỉ giây phút nào, tôi bắt tay để trí vào việc học ngay. Đứng trước cảnh văn minh vĩ đại này, tôi nôn nao hăm hở sự học, vì cảm thấy mình còn thấp thỏi, còn tối tăm, còn dốt nát vô kể.

“Mỗi tháng tôi sẽ viết thư cho mình hai kì. Mình có gởi cho tôi, cũng đề Poste restante ở Paris V<sup>o</sup>.

“Nhưng tôi trông mong mình chóng thu xếp việc nhà, mau mau qua đây với tôi thì hơn. Tôi có khuyến khích ở luôn bên cạnh, sẽ rút đường thành công ngắn lại một phần ba.

“Sau hôm đi qua Hồng Hải, sở dĩ không mua tranh ảnh sở tại gởi về cho mình như lúc tàu ghé vào mấy hải cảng kia, là vì “heo” gặp hoạn nạn, phải nằm hầm than hai ngày, suýt nữa hóa ra heo quay. Tin tức bỗng dưng gián đoạn hẳn mình sốt ruột lắm. Ô, câu chuyện như tấn kịch vừa bi vừa bí, để tôi thuật cho mình nghe.

“Trước hết, phải nói cho mình biết “đi heo”, nghĩa là đi cách trốn tránh, không có thông hành, không mất vé tàu, chỉ do mấy người đồng bang làm bồi dưới tàu đem giấu mình đi để kiếm tiền bổng ngoại. Ví dụ chuyện *Porthos* tôi đi mới rồi, anh cặp ràng Tuyết ngã giá trăm bạc, chịu đem tôi đi yên ổn từ Sài Gòn đến Marseille, vậy tôi tức là heo, mà anh là chủ heo.

“Chủ heo chỉ cần giấu heo mấy giờ đồng hồ, lúc tàu sắp nhổ neo



rời bến; khi ra khỏi Ô Cấp, thì họ thả cho heo ra, đi lại tự do, trà trộn với hành khách và mập mờ đánh lộn với người làm tàu, chứ heo bị nhốt mãi thì chết. Họ cho heo ăn cũng khá, có khi được xức cả đồ ăn hạng nhất mà anh chủ heo đi kiểm bụng về cho. Tối lại heo nằm khênh ở chỗ anh em làm bồi ở, gọi là bột bồi (*Porte des Boys*); hay là muốn lên sân cao hóng mát tùy ý.

“Trừ ra khi có động rạng nguy hiểm, heo lại bị đem đi giấu giếm một xó; bằng không thì cứ sống thanh thoi như thế cho tới Marseille.

“Xem tình hình thì ra chuyến tàu nào cũng có đưa heo: bồi ta đưa heo ta, bồi khách đưa heo khách. Người ta kể chuyện có chuyến tàu, heo nằm ngón ngang ở dưới bột bồi. Hoặc họ (mất một hàng) hoặc ai làm nấy ăn, các hữu kỉ phận.

“Nhưng vì chuyện đưa heo, kẻ có người không, mà họ sinh ra ganh ghét, kẻ vạch lẫn nhau, thường khi nguy hiểm cho heo, tức như việc tôi đã kinh nghiệm.

“Tôi hôm ấy, anh Tuyết – người đưa tôi đi heo – bị người bạn đồng sự là Phấn khiêu khích và cãi nhau rầm rĩ. Cố nhiên chỉ vì ganh nhau mỗi lợi, miếng ăn. Nhất là chuyến tàu ấy Phấn không có bổng ngoại gì, mà cò bạc lại thua; muốn gạ vay tiền Tuyết không cho.

“Phấn bèn sinh sự, muốn đánh vào chỗ nhược của bạn, là sự đưa heo.

“Tôi thấy hấn ta, uống một hơi nửa chai rượu *mặc ten*, rồi lấy con dao bầu để trước mặt, hậm hực đe dọa:

- Anh Tuyết! Anh phải đưa cho tôi một đùi heo, không thì không yên.

- Không cho thì mày giết tao chẳng? Tuyết nói cứng, nhưng mà hơi sợ.

- Chẳng giết ai cả, chỉ lấy một đùi heo thôi. Định nuốt một mình thì mắc cổ!...

- Mày có giỏi, muốn làm gì thì làm. Có tử tế thì đến Marseille, tao còn đãi bữa chén, chứ dờ giọng du côn thì đừng có hòng.

- Thật thế?

- Như hai với hai là bốn.



- Ủ, để rồi biết nhau.

“Mọi người xem lại can ngăn, không để xảy ra chuyện lớn, có thể lưu huyết cũng nên. Phần ta nói *để rồi biết nhau*, nghĩa là dọa sẽ tố giác với ông cò tàu xuống khám xét, bắt heo.

“Tôi hoảng hồn, lo sợ ngay ngáy.

“Bốn giờ sáng, Tuyết khê thức tôi dậy, đưa đi quanh co một hồi, xuống tận hầm than, có cái lỗ chỉ vừa một người ẩn núp, bảo tôi nằm đó:

- Thằng Phần khốn nạn, chỉ say sưa nói láo, chứ dám làm gì. Tuy vậy, cậu nằm tạm đây một lúc, để tôi nghe động tĩnh rồi gọi lên. Đừng thò mặt ra đó nha!

“Ai ngờ một lúc, là hết ngày hôm ấy và trọn cả hôm sau nữa.

“Ôi! Nóng ôi là nóng! Khô ời là khô!

“Mình thử tưởng tượng khi tàu chạy qua Hồng Hải, khí nóng từ hai bên bãi cát đánh ra, làm cho bầu trời y như lò than, đến ở trên sân tàu rộng rãi thoáng hơi, còn phải nóng bức điên người lên thay! Thế mà tôi bị lửa bùng máy, mà chỉ nằm xuôi vừa vắn, chẳng nhúc nhích gì được.

“Không khí thiếu thốn, mồ hôi tuôn ra như tắm, bức bối khó thở lạ lùng; chốc chốc có một chú chuột, bò đại qua mặt qua lưng mình làm cho thêm phần rùng rợn.

“Đến bữa Tuyết lén đem đồ ăn xuống hầm cho heo: bánh mì, xúc xích hay dăm bông, và cà phê sữa đựng trong cái chai mà sự sạch sẽ đáng ngờ, vì trong xó này tối tăm, không thể phân biệt.

- Đồ ăn đây, Tuyết nói. Cậu ăn rồi chịu khó nằm đợi tôi một lát nữa nhớ.

- Trời ơi! Bác không thu xếp mau thì tôi thành ra heo quay mất.

- Cứ nằm yên đó, không lâu đâu.

“Tuyết nói vội vàng rồi bỏ đi. Ba bữa ăn sau cũng yên ỉm hứa hẹn như thế.

“So với người nhốt trong xà lim ngục tối, họ còn sung sướng hơn.

“Nghĩ cách sống chui rúc trốn tránh thế này, không thể kéo dài được nữa, kéo dài thì đến chết ngạt, tôi nhất định tự mình giải thoát.



“Cho nên sau bữa ăn thứ tư, Tuyết đem xuống cho tôi rồi, một lát tôi cứ tự do lần mò đường lối, tuôn lên trên sân tàu đứng hóng gió và nhìn ra bể có trăng vừa mọc, thấy mình thần tiên khoan khoái làm sao!

“Hỏi ra thì trong hai ngày mình ở hầm, tàu đã qua kinh đào Suez, vừa rời bến Portsaid, thành ra không được xem hai nơi kì quan thắng cảnh ấy, thật tiếc.

“Tôi đang nhớn nhor đi lại trên sân tàu, thì Tuyết đi qua. Trông thấy tôi quá tự do bình tĩnh, va hết sức kinh ngạc:

- Chết mẹ tôi rồi! Ai bảo cậu vội tuôn lên thế?

- Tôi tự bảo tôi, chứ ở mãi trong cái lỗ ấy để mà chết rũ xương à! Mời bác xuống nằm thử hộ tôi lấy một giờ đồng hồ xem.

- Nhưng ngộ thẳng Phấn nó tố cáo họ vớ được thì sao? Cậu làm khổ tôi...

- Bác đừng lo. Rủi họ vớ được thì tôi trả xuất tiền tàu là cùng, chứ làm heo quay, thật tôi không muốn.

“Kì thật, tôi vừa ở dưới hầm tuôn lên thì gặp ngay Phấn, đã tặng va mười đồng để cho êm chuyện đi; chỉ còn dăm ngày nữa thì đến bến.

“Chính vì câu chuyện ấy mà hôm tàu ghé bến Portsaid tôi không được lên bờ xem phong cảnh và gửi thư cho mình với con.

“V...v...”

Đoạn sau cùng, chàng lại an ủi vợ, giục thu xếp việc nhà gì đó mà nàng đã nói, để mau sang Paris đoàn viên, tụ hội.

Minh Cầm xem xong bức thư, trong trí vừa mừng vừa lo. Mừng chồng đã đến nơi đến chốn, kế tiếp sự học, nhưng lo việc gia đình nàng thế nào cũng có một cơn phong ba bất trắc.

Với con người hiểm ác như cô Nhâm, cố theo đuổi ghen ghét, thù hằn, việc kín của nàng tất sắp đến lúc vỡ lở.

## V- Một người con gái ra trước Tòa án gia đình

- Thôi thì bỏ mẹ nói đi, con ạ!... Ai có ngờ đâu ở đời văn minh tây tàu, lại có chuyện quỷ quái khôn nạn đến thế?... Vậy mà mỗi lần ba mày



gọi: “Anh bác vật đâu?” Nó trả lời “Thưa tôi đây” một cách rất tự thị, chẳng có vẻ gì ngượng miệng hổ người... Nó đã lập tâm lừa gạt nhà ta thì bỏ phứt nó đi là phải, còn tiếc nổi gì?... Đá hất nó đi rồi về nhà này với má, như thuở còn là con gái vậy; mẹ con bà cháu hủ hỉ với nhau càng vui.

Ấy là ý kiến bà mẹ.

- Tao bảo thì phải nghe! Cái thằng đã khôn nạn thế mà mày còn bám riết lấy nó, thiên hạ cười cho thúì đầu mất mặt. Nhất là một nhà thuở nay danh giá giàu có như nhà ta, mày phải biết mới được. Họ không phải cười mày mà thôi, cả thằng già con già này nữa!... Phải bỏ thằng khôn nạn ấy; tao gả cho một người chồng đang làm thầy kiện ở Sài Gòn hiện thời, nghe không?... Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Ấy là quyết nghị của ông cha, có tính cách gần như hiệu lệnh nhà binh, không thể cãi chối phản nản gì được.

- Con van ba má đừng nói đến chuyện ấy nữa. Đời người con gái một lần cha mẹ đặt đâu ngồi đó rồi thôi, hay thì nhờ, dở thì chịu. Trăm phần trăm, con không thể bỏ ai lấy ai được bây giờ!...

Ấy là trần tình của con gái, vẫn tắt nhưng đầy ý nghĩa thiết tha, chí khí sắt đá.

Đã năm sáu hôm nay, trong gia đình ông Châu Hồng đùng đùng nổi lên trận giặc nội loạn, chỉ có ba người đối địch nhau là cha, mẹ, với con gái, mà mỗi người đứng một mặt trận, thủ một chiến lược, không ai nhường ai.

Bà cụ hơi ích kỉ, bảo con gái bỏ chồng đi rồi về ở nhà luôn luôn với bà, để sớm tối mẹ con gần gũi nhau, cho bà nựng nịu chiều chuộng nàng như lúc nàng còn bé bỏng vậy. Ba năm nay, nàng lấy chồng đi ở xa, một mình bà thấy nhà vắng cảnh buồn, dù tiền bạc chứa chan cũng không đánh đổi được tình yêu mẫu tử. Huống chi được thêm thằng Tú, đứa cháu ngoại mũm mĩm bà rất yêu, cảnh già của bà sẽ thêm phần vui vẻ ấm cúng. Bà ghét cha nó lừa dối, làm cho nhà bà mang tiếng thị phi, cho nên một hai bảo mẹ nó phải li dị, nhưng chính nó thì bà lại thương yêu vô cùng; vì thằng nhỏ mới về ở nhà ông ngoại bà ngoại mấy tháng, xem ý nó triu mến bà ngoại có phần hơn má nó.



Ông Châu Hồng quyết định găt gao hơn; ông bắt Minh Cầm bỏ chồng, không phải là để nàng ở nhà cho được mẹ con bà cháu vui cảnh đoàn tụ, mà cốt để gả nàng tái giá một đám khác ngay. Đám ấy hiện đang làm trạng sư theo lời ông vừa nói.

Thế là hai ông bà tuy có hai ý hướng riêng, nhưng đến tôn chỉ thì giống nhau như một, nghĩa là bắt buộc con gái bỏ chồng.

Một mình yếu đuối phận con, Minh Cầm chống với hai sức mạnh luân lí ấy, chỉ có một tiếng không và hai hàng nước mắt.

Thành ra luôn năm sáu hôm, không kể đêm ngày sớm tối, cứ cách khoảng mấy giờ đồng hồ, câu chuyện này lại nổ bùng lên một lần. Mỗi lần như thế, con gái thì khóc tím tấc, bà mẹ thì thở dài, ông cha thì găm thét ghê gớm.

\*

Cái việc Minh Cầm lao tâm khổ trí hàn gấn, che đậy, hơn ba năm nay, bỗng chốc như bức tường mục, bị một trận gió bão xô ngã, vôi gạch rời rã tứ tung.

Hình như nàng tiên liệu kẻ làm bộ tử tế ngoài mặt mà ghen ghét mình trong lòng sâu độc kia sẽ còn đi xa tới đâu; nàng biết chắc sẽ có ngày hôm nay, cho nên phải gác bỏ cái dự định cùng đi sang Tây với chồng mà ở lại nhà, nói rằng có gia sự cần phải thu xếp, chính là vì thế.

Cô giáo Nhâm ném đá giấu tay, đã gián tiếp gởi đến ông Châu Hồng cái bài cô viết định để đăng báo mà không báo nào chịu đăng. Cô sửa lại đúng họ đúng tên và thêm vào những lời châm biếm cay chua, làm như một người có từ tâm, thương hại ông Châu Hồng, không nỡ để ông bị lừa dối sẽ đến mất cả sản nghiệp.

Cố nhiên, mục đích bài ấy là lột hăn mặt nạ Lâm Kiều Mộc, tố cáo cho nhà triệu phú hiểu danh biết rằng chàng rể ông chỉ có mảnh bằng *rime* (primaire), nguyên hình nó là một thằng đều vả vô lại ở Nam Vang từng có tiền án, chứ không phải bác vật kĩ sư hay thầy bà gì hết. Nó đội lốt bác vật kĩ sư, lừa dối ông, lấy con gái ông, để nay mai ẵm cái sản nghiệp trăm vạn của ông đó thôi.

Trong bức thư nặc danh hèn nhát, giấu biệt cái chỗ đáng nói là Kiều Mộc cố học ba năm nay đã đỗ tú tài phần thứ nhất, nhưng chỉ cốt



vạch tìm sâu, mách bảo ông Châu Hồng nên đi đến đâu, tìm hỏi những ai, sẽ biết rõ chồng cô Minh Cầm “thiên kim tiểu thư” chỉ là một thằng bố lão mặt hạng.

Một mặt khác, cô giáo quỉ quyết, tìm cách bí mật xúi siểm một người vai vế trong họ là ông hương chủ Điều, có tiếng hay nói trắng trợn và lắm âm mưu tiểu nhân, để mượn tay nhờ lưỡi cha này khiêu khích ông Châu Hồng phải đi tới cực đoan. Nghĩa là thế nào ông cũng tức tối, xấu hổ, bức bách Minh Cầm bỏ chồng. Mà Minh Cầm khí khái, thế nào cũng không nghe lời nghiêm huấn, thì nàng tất đến phải bỏ nhà đi, sa ngã khổ sở; ông Châu Hồng tất sẽ truất quyền thừa kế nghiệp của nàng, chừng đó không còn ai khác hơn chị em nhà cô mà được thừa hưởng.

Dụng tâm của cô giáo Nhâm bao giờ cũng thế, muốn phát một mũi tên bắn trúng hai đích: vừa hại được Minh Cầm mà cô ghét, vừa quắc được của cải nhà nàng mà cô thèm.

Ai được trông thấy cô cười gằn sau khi viết xong bức thư ác độc này, nhất là nghe câu nói của cô ra vẻ đắc ý, tất phải rùng mình:

- Cáo trạng của Chương lí chặt chẽ đến thế này, tòa Đại hình chắc phải tuyên án xử tử.

Lúc mới tiếp được, ông Châu Hồng chết cay chết đắng trong ruột, nhưng không hề động tới thanh sắc cho ai biết mình có chuyện buồn khổ, ngay với vợ con trong nhà cũng thế.

Thoạt tiên, ông đồ là một việc vu cáo hay tư thù gì đó thôi; vì ông giàu lớn, có địa vị khá, tất không thiếu gì đứa ghen ghét, muốn bày điều bịa chuyện ra để khuấy hôi bôi nhọ nhà ông. Liên tưởng khiến ông nghĩ ngay đến mấy nhà quanh miền, hồi trước định ngấp nghé hỏi Minh Cầm cho con trai cục mịch nhà quê của họ, mà ông từ chối. Bây giờ họ mới được dịp bới lông tìm vết để trả thù chơi.

Nhưng sau ông suy nghĩ mấy nhà ấy đều tử tế, đứng đắn, vẫn đi lại với ông như thường, chả lẽ họ làm việc tiểu nhân như thế.

Vậy thì là ai?

Việc đời không có lửa làm sao có khói, âu là cứ theo đường đi nước bước trong thư mách bảo, ta thử điều tra hư thực xem. Một là thực, hai là hư, đảng nào cho ra lẽ một đảng, chứ để bán tín bán nghi, không thể chịu được.



Ông bèn thác cớ đi Sài Gòn rồi lên Nam Vang, trước sau hơn một tuần lễ. Muốn cho có bạn, ông rủ người anh họ tức là hương chủ Điều cùng đi, và nói:

- Tôi có chút việc nhà quan hệ, cần đi xem xét sẽ định phương châm, anh cùng đi chơi với tôi cho vui, để phòng tôi hỏi ý kiến thiết hơn luôn thể.

Ông hương chủ Điều thừa biết là việc gì rồi.

Trước mấy ngày ấy, Minh Cầm để ý thấy cha già ít nói ít cười, kém ăn kém ngủ, cái triệu chứng mỗi khi người ta có việc lo nghĩ buồn bực trong lòng. Đồng thời, ông cụ đối với thằng Tứ bỗng dưng có chiều ghẻ lạnh, hơi có ý ghét ngầm, chứ không ông ông cháu cháu vui đùa như mọi lần, nàng đã đánh hơi một việc xảy tới quan hệ mà việc ấy không quan hệ cho ai khác hơn là thân mình với thằng bé.

Sau hôm ông cụ ra đi Sài Gòn, nàng nói với mẹ:

- Nhà ta sắp thấy một chuyện sóng động đất bằng, không chừng rắc rối to, má à!

- Sao con nói nhảm thế nhà mình làm gì có chuyện rắc rối? Bà cụ trả lời với nụ cười, tỏ vẻ không tin.

- Để mấy hôm nữa má xem.

Tính lại giờ khắc này vào khoảng sau ba tuần lễ, nàng nhận được lá thư đầu hết của chồng ở Paris gửi về, kể chuyện “đi heo” như ta đã biết.

Quả nhiên, ông Châu Hồng trở về, nét mặt hằm hằm từ cổng vào nhà, lên thẳng trên gác, gọi ngay bà cụ lên nói chuyện. Không phải bói cũng hiểu mấy hôm ông đi Sài Gòn và Nam Vang ra công điều tra, đã tóm được sự thực trần truồng, bức thư ai gửi cho ông kia không phải vu cáo tí nào, chính thật là việc quả có. Trong tâm não ông sôi lên sùng sục, tức tốc về nhà, gọi một mình bà cụ lên gác, kể rõ đầu đuôi câu chuyện mắc hợm, mà ông cho là một việc gia đình đại nhục. Nhân tiện, bàn cách giải quyết mà trong trí óc ông đã có dự định.

Minh Cầm và gia nhân ở nhà dưới chỉ vẳng nghe ông cụ to tiếng, thỉnh thoảng lại chêm vào một câu chửi thề tục tĩu.

Nàng biết đây là tòa án gia đình đang mở tập hồ sơ chung thân của mình ra xét.



Một lúc, thấy bà cụ thò mặt ở trên cầu thang và cất tiếng gọi run run:

- Cảm ời! Lên ba mầy hỏi.

Mấy tiếng gọi nghe oai nghiêm, như tòa kêu tên một kẻ trọng tội ra đứng trước vành móng ngựa vậy.

Nàng cũng lo sợ chẳng vừa, nhưng cố giữ bề ngoài trấn tĩnh tự nhiên, vì giây phút ấy nàng đã có chủ trương nhất định rồi, dù sao cũng không phải chữa lại hay tùy cơ ứng biến gì nữa. Cái chủ trương ấy: một là sống theo ý muốn và con đường đang đi dở dang, hai là chết, chỉ có thể thôi. Phàm một người đã có chủ ý, thì đối với việc khó thế nào cũng không bối rối.

Bởi vậy, khi ông cụ sầm mặt đưa cho mấy trang giấy đánh máy và nói: “..... mở mắt ra đọc cái này thử xem”, nàng đón lấy, liếc qua đại lược, rồi ung dung đáp:

- Thừa ba, con đã biết rồi.

Câu nói thật thà như đếm, không ngờ lại là mồi lửa châm giữa ngòi pháo, làm cho ông cụ vừa nhảy chồm lên, vừa điếm mặt Minh Cẩm mà gào thét, vang dội cả nhà:

- Con bất lương bất hiếu kia! Mày dám nói mày đã biết, thật hả?...

- Dạ, con nào dám nói sai với cha mẹ? Việc ấy, con đã biết ngay từ hồi ra Phú Quốc tìm Đơn Hùng Tín...

- Nghĩa là đã hơn 3 năm?

- Dạ, phải!

- Đẻ với nhau một đứa con?

- Thừa vâng...

- Giấu bắt cha mẹ, đưa nhau lên ở Sài Gòn như ông lớn bà lớn, hơn ba năm tiêu bay của nhà ngót hai vạn bạc, chẳng còn trông thấy tăm hơi?...

- Con không dám cãi!...

Ông Châu Hồng càng thịnh nộ càng gào to, sùi bọt cả hai bên mép:

- Đồ khốn nạn! Cái tội mày to tày đình, đáng trao cho voi giày



ngựa xéo, đáng chém quách đầu mày đi, là ở chỗ mày biết từ hồi nào mà bung bít giấu giếm cha mẹ đó, nghe không?... Trời ơi là trời! Đon Hùng Tín thấy chuyện vô can kỹ sự mà còn muốn ra tay trừng trị thẳng xỏ lá để làm gương răn đời; huống chi mày chính là con tao, là vợ nó, mày biết nó bọm bãi lập tâm bất lương như thế, mày lại bím đi, không nói cho tao với má mày biết là nghĩa thế nào?...

Ông vừa la hét rầm rầm, vừa quài tay ra sau lưng, định vớ lấy cây mộc côn đựng sẵn bên tường, để phang cho con gái một trận què quặt máu me, mới hả hơi giận.

Nhưng bà cụ nhanh tay, gạt cây côn nằm rơi dưới đất, dìu lấy ông cụ ngồi xuống và nói ôn tồn, nhỏ nhẹ:

- Thôi mà! Ông hung hăng giận dữ quá, rủi lỡ tay nhằm phải chỗ phạm, làm chết nó đi thì làm thế nào?...

- Thì đá cái thấy nó ra ngoài mương mà chôn, chớ còn thế nào! Hay là quăng ra ngã ba cho chó nó ăn, quý báu gì cái thầy sống nhục chết thúí ấy, dễ thường chó cũng chẳng buồn tha đâu...

- Ôi! Việc nhà quan hệ tới danh dự cao xa, vậy ta cứ êm đềm lặng lẽ mà nói với nhau, lẽ phải trái để nghe con nó bày tỏ thế nào sẽ hay, chớ ông la hét vang nhà rầm xóm, để gia nhân và tứ cận họ biết tới chân răng kẽ tóc, đổ khỏi họ chê cười mai mỉa, nhà mình còn ra làm sao?

- Ô! Người ta biết rõ cả từ hồi nào, còn giấu sao được không biết!

Tuy vậy, ông cụ cũng nhìn nhận lời bà cụ là có lí, cho nên thấy ông hòa bớt sắc mặt, hạ bớt lời nói, ngó thẳng Minh Cầm mà hất hàm một cái, đủ hiểu cái hất hàm ấy tức là câu hỏi vắn ráo riết:

- Thế nào? Mày biết hết sự tình bí mật ngay từ lúc mới, nhưng giấu nhem không thổ lộ cho ba má hay?...

- Thừa ba với má, lúc ấy ván đã đóng thuyền, tay đã nhúng chàm, lỡ đi mất rồi, con bới ra làm gì vô ích!... Minh Cầm khóc tức tưởi và nói một cách bán thổ, bán thôn, chur dăm tận từ.

- Nhưng phận sự làm con buộc phải tỏ hết mọi nỗi ẩn khuất cho cha mẹ được biết, mà kịp thời cứu vớt, chữa lại cho con, nhất là một việc quan hệ chung thân như thế!... Chuyện đại nhục cho gia đình nhà ta thế ấy, mà mày đành giấu bặt những người thương yêu mày, để ra mày, để



sống vui thú với cái thằng điểm đànng chân trắng nó lừa lọc cho lấy được mảy chỉ vì lập tâm đào mỏ; nó làm nhục ba má mảy phải vì thế mà mang xấu với thiên hạ!... Trời ơi! Đời tao gần kề miệng lỗ, còn bị phải cú này, thật nặng hơn búa thiên lôi... Thà búa thiên lôi giáng một cái cho mình chết đi xong đời, chứ cú này bắt mình cứ sống vất vưởng để nghe thiên hạ chưởi...

Ông cụ thở một hơi dài, rồi lại nói tiếp:

- Hừ!... Chắc mảy say mê thằng khốn nạn ấy nó bảnh trai, nó tán giỏi, nó khéo moi gan móc ruột mảy, cho nên mảy mới đành lòng ngậm lấy sự nhục nhã, sự tai tiếng... vui thú với nó, chứ gì?... Phải không?... Nói đi!...

Ông nghỉ nói, rót một chén nước uống nhấp giọng, có ý chờ đợi, như một quan tòa áo đỏ sắp sửa được nghe tên trọng tù tự thú tội lỗi.

Đối với cha mẹ, Minh Cầm được dịp rút ngòi một cái ung nhọt trong tim:

- Lúc nãy ba nói phận sự làm con... thưa ba, chính cái phận sự ấy bảo con phải cắn răng bóp bụng làm thinh, thà một mình chịu lấy sự đau đớn bởi số phận đưa đến, chứ không tiện nói ra. Vì sao? Vì nói ra tức là phơ điều lầm lỗi của ba má, tất nhiên ba má rầu buồn, hàng xóm dị nghị, con không muốn thế. Con với chàng, nào có phải trai gái ve vãn nhau mà nên vợ nên chồng đâu; chính ba đã lựa chọn chàng, gả con cho chàng, sở dĩ con gặp lấy nhân duyên ấy là do theo ý muốn và mạng lệnh của ba má. Nếu con nói ra, thì vợ chồng con đến thù nghịch xa bỏ nhau đã đành, nhưng thế nào cũng làm cho ba má đau lòng vì con và mang tiếng với thiên hạ là già kén chẹn hom, là ham danh mắc hợm; như thế không phải hay ho tốt đẹp gì cho cha mẹ, cho nên con ngậm tăm không nói.

Vả lại, một cái hại gì, làm sao được biết trước khi nó xảy ra để mà tránh, chứ một khi mình đã vướng lấy rồi, dù biết là hại cũng đã quá muộn. Đàng này, lúc con được rõ tự tình là thế, thì việc đã dĩ nhiên, cái hại mình chịu đã sâu quá mất rồi, có nói gì cũng là vô ích cho thực sự; bề nào danh dự nhà, thân thể con, cũng không thể vì sự nói phô ấy mà cứu vớt lại được nguyên vẹn như xưa. Con nghĩ thôi thà cam chịu, để dần dà chữa sửa cái hại được bớt phần nào hay phần ấy, còn hơn. Ba má lượng xét, hẳn cho con nghĩ thế là phải.



Ông cụ lẳng lặng nghe con giải tỏ, trong trí cũng cho là có lẽ phải, vì kén rể mắc hợm, chính là lỗi ông. Té ra quan tòa đợi tên bị cáo thú tội, mà tội lỗi lại không phải về phía bị cáo. Tuy vậy, ngoài mặt ông vẫn giữ vẻ nghiêm nghị:

- Hừ!... Nói chuyện chữa sửa cái hại cho bớt đi còn hơn. Nhưng mày đã chữa sửa được những gì nào?

- Con đã cảm hóa chàng tu tỉnh và có việc làm với hãng, tử tế.

- Thế mấy tháng nay nó sang Lào tức là làm việc cho hãng?

- Vâng.

- Làm chân gì?

- Thơ kí kế toán.

- Lương tháng bao nhiêu?

- Một trăm đồng, chưa kể phụ cấp...

- Thì chỉ là một thầy thông kí quèn thôi, đâu phải là một ông bác vật... Nhà mình vẫn là mang tiếng... Gọi là chữa sửa cái hại mà như thế, cũng như là không!... Tất phải nhổ phăng cả gốc rễ nó lên mới được.

- Ý ba định bảo con thế nào? Minh Cầm hỏi với tất cả ý nghĩa hội họp, lo ngại.

- Lại còn phải định thế nào?... Năm nọ, ông thầy Thiên lí nhần ở Chợ Lớn xem số tử vi, đoán vận mạng mày sẽ trở nên bà nọ bà kia, chứ không phải làm cô thông cô kí quèn đâu. Bây giờ chỉ có việc bỏ đứt thằng ấy đi...

- Phải đẩy con ạ! Bỏ quách nó đi! Bà cụ tán thành.

Minh Cầm lắc đầu:

- Ba má có giết, con xin chịu, chứ bảo con bỏ ba thằng Tứ, thật con không đành...

- Đồ ngu!... Ông cụ ngắt lời và quắc mắt. Tao bảo mày phải bỏ nó, rồi tao tìm cho một người chồng khác, hiện làm trạng sư, danh giá như trời. Tao đã nhờ bác hương chủ Điều thu xếp đám ấy xong rồi...

Chẳng nói chẳng rằng, Minh Cầm đứng dậy bước xuống dưới nhà, tỏ ý không muốn nghe chuyện thay duyên đôi số.



Ta nên biết vì sao ông Châu Hồng có cái ý nghĩ quyết liệt ấy.

Ai lạ gì ông hiếu danh; chẳng thế mà làm một nghiệp chủ, một phú gia, không đủ vẻ vang với đời hay sao, lại phải bỏ ra bạc vạn, quyền cái huyện hàm, cho được có người tung bốc mình là ông lớn mới thích. Lại còn muốn làm cụ cố, khoe mẽ với thiên hạ rằng ta có con rể là ông kia ông nọ đi học bên Tây lấy được bằng cấp to tướng trở về, cho nên mới mắc hợm anh chàng Lâm Kiều Mộc, nó khéo gãi trúng vào chỗ ngứa ấy mà vợ được thiên kim tiểu thư nhà ông. Đến nỗi vô vậ, hấp tấp, trước khi gả con, chẳng chịu dò xét cho cẩn thận, làm như sợ nhà giàu khác có con gái cập kê đỡ trước ông giai tể ấy đi mất.

Bây giờ vỡ chuyện ra, ông chết điếng cả người, không biết thở than bàn bạc với ai, ông thở than bàn bạc với ông hương chủ Điều. Tưởng là anh em họ hàng thân tín, nào ngờ là lão cáo già này, một phường với cô giáo Nhâm, vẫn ganh ghét ông, chỉ mong cho ông phải đau khổ thì họ mới khoái. Nhất là thấy sản nghiệp nhà ông to quá, mà lại không có con trai, thì họ vẫn rắp lòng thêm muốn nếu không bạch đoạt được tất cả, cũng phải làm sao san sẻ chuyển vận về cho con cháu nhà họ.

Dù chẳng có Minh Cầm – ví dụ nàng chết sớm đi, hay là bị cha mẹ truất quyền kế nghiệp chẳng hạn – thì duy có em trai cô giáo Nhâm là mong được lập tự, vì là thân thích hơn, chứ không đến phần đâu họ xa như con cháu ông hương chủ Điều. Nhưng ông này vẫn muốn chia xẻ cơ nghiệp mà Châu Hồng cho con cháu bên vợ mình, lọt sàng xuống nia, không đi đâu mất.

Có một lần, hương chủ Điều mon men hỏi Minh Cầm cho thằng cháu vợ, nhưng vì thằng ấy không đỗ đạt gì, nên ông Châu Hồng không thuận. Hương chủ Điều bèn lên, từ đây bề ngoài tuy thân thiết với nhà ông Châu Hồng như thường, nhưng thật bề trong ghim chặt mối hờn và không khi nào quên dòm nom cái tủ sắt kéch xù với những đám ruộng cò bay thẳng cánh mà ông Châu Hồng đứng tên sở hữu.

Hôm nay, ông Châu Hồng rủ đi Nam Vang Sài Gòn chơi, bận trở về giữa đường lại đem hết chuyện tâm sự khổ não ra thở than và vắn kể, hương chủ Điều chụp lấy cơ hội ấy, để thực hành ước nguyện chất chứa bấy lâu.

- Bác nghĩ sự tình khốn nạn như thế, bây giờ tôi nên xử trí thế



nào cho phải? Ông Châu Hồng hỏi ý kiến hương chủ Điều giữa đêm hai người nằm trên tàu thủy Phán Nuôi từ Sài Gòn chạy về Châu Đốc.

- Đền nhà ai nấy rạng, hương chủ Điều trả lời. Việc nhà của chú, tùy ý chú xét nghĩ thế nào là phải thì làm, tôi biết đâu mà dám can dự vào. Tôi chỉ biết rằng đối với việc này, thiên hạ quanh miền họ bình phẩm chú nhiều lắm đấy.

- Họ bình phẩm thế nào?

- Họ bảo chú mắc hợm thằng rể điểm đàn từ ba năm nay mà nhu nhược không dám đòi phó.

- Cơ khô! Bây giờ tôi mới biết kia mà!

- Nhưng người ta cứ bảo rằng chú biết rõ sự tình lâu rồi mà nuông con sợ rể, không dám làm cho ra lẽ.

- Tức quá! Thế thì phen này tôi bắt buộc con hai nhà tôi phải bỏ thằng chồng khốn nạn ấy đi mới được! Ông Châu Hồng nói giọng cả quyết.

- Chính cách xử trí ấy là phải hơn cả! Hương chủ Điều đổ dầu thêm vào lửa. Giá tôi gặp cảnh như chú, tôi cũng thẳng tay như thế, không thì thiên hạ chê cười.

Ông Châu Hồng ra về tần ngần nghĩ ngợi.

Hương chủ Điều hỏi:

- Xem ý chú còn tiếc thằng rể thì phải?

- Ôi! Anh bảo thằng rể như thế có quý báu gì mà tôi phải tiếc. Nhưng tôi chỉ nghĩ thương con tôi duyên phận dở dang, chẳng góa bụa cũng như góa bụa, còn ai thêm màng đến, mà nó lại trẻ trung... Tôi nghĩ buồn có chỗ ấy thôi.

- Tưởng là gì? Hương chủ Điều cười và nói. Bây giờ chú về, cứ thu xếp cho con hai bỏ thằng chồng nó đi, rồi tôi giúp nó có một người chồng sang trọng ngay lập tức... Con gái nhà chú giàu có nứt đổ đổ vách, đời nào ế chồng mà lo? Thải đám này ta xoay đám khác...

- Anh nói sao nghe dễ dàng quá? Ông Châu Hồng tỏ ý nghi ngờ, nhưng rất lấy làm thích.

- Tôi nói thật đó. Đám này 28 tuổi, đang làm Trạng sư ở Sài Gòn, tên là Đỗ Xuân Tâm, dễ thương chú có nghe tiếng.



- À, thỉnh thoảng tôi có thấy tên đăng trên báo.

- Ông ta cậy vợ chồng nhà tôi tìm cho một người vợ, bất cứ gái son hay góa bụa cũng được, miễn là con nhà thi lễ có đức hạnh, nhan sắc. Thế thì cháu Cẩm đúng cả mọi điều kiện. Hôm nọ, ông ta về chơi, lại căn dặn thúc giục nhà tôi. Thật là dịp may. Cháu nó bỏ thằng vô lại kia mà trở nên bà trạng sư thì hóa ra Tái Ông mất ngựa mà lại có phúc; chẳng những cháu nó gặp may, mà chú cũng rửa được tiếng lầm lỗi ngày trước.

- Nhưng cảnh con hai nhà tôi éo le như thế, người ta có chịu lấy không?

- Chịu hay không chịu, chỉ ở nơi tôi. Tôi cam đoan với chú rằng được; chú có thể tin là xong việc ngay từ bây giờ.

- Thế tôi trông cậy ở anh nha?

- Tôi đã hứa chắc mà.

- Xong việc, tôi xin tạ bác năm ngàn đồng.

- Được rồi, chú cứ yên tâm.

Kì thật, không phải hương chủ Điều có yêu thương gì cha con Minh Cẩm mà có cái mưu mô giàn xếp ấy; chẳng qua vì lợi.

Đỗ Xuân Tâm là ai? Chính là cháu vợ hương chủ Điều, gọi là di ruột. Chàng đi Tây đỗ được luật khoa cử nhân trở về Sài Gòn làm trạng sư tập sự.....

Mục đích trưng bằng cấp lấy vợ giàu. Chàng vẫn cậy vợ chồng hương chủ Điều tìm giúp một người vợ ở Lục tỉnh, dù nà giòong hay gái góa cũng được, miễn là hồi môn có ít cũng đôi ba chục vạn thì chàng mới thích. Hai bên có giao kèo với nhau bằng giấy tín chỉ hẳn hoi: nếu đào được mỏ nào, thì Đỗ Xuân Tâm phải chiếu số hồi môn mà chia phần cho hương chủ Điều 20 phần trăm.

Chuyện có hơi kì, nhưng thật ở đời có những kẻ cố tâm đào mỏ và bán công mai mối như thế. Đã có một vụ bội ước, hóa ra kiện nhau.

Hương chủ Điều dụng tâm dòm dỏ đã lâu, nhưng mà không thành, nay gặp được đám này xem chừng thuận tiện đủ vẻ, cho nên lão đốc thúc ông Châu Hồng bắt con gái bỏ chồng để làm mối Minh Cẩm cho Đỗ



Xuân Tâm. Lão tính nhảm số tiền hoa hồng “thái sư quạt mo” của mình cũng được mấy vạn là ít.

Chính bản tâm ông Châu Hồng cũng lấy làm thích. Ông đang cay cú về nỗi mắc hợm, giờ gả được Minh Cầm lấy một ông trang sự, để ông rửa tiếng trước với xóm làng thiên hạ không còn gì sung sướng cho ông hơn nữa.

- “Phải, con tao trước kia một lần hai lỗ, vợ phải thẳng chồng không phải là bác vật, nhưng của quý tự nhiên có kẻ tranh dành đón rước ngay, bây giờ nó nghiễm nhiên làm bà trạng sư đấy, bay xem!” trong lòng ông mong ước sẽ được nói câu như thế, để bĩ mặt những kẻ nào chê cười ông mắc hợm bấy nay.

Bởi vậy, từ hôm đi dò xét được tung tích Kiều Mộc trở về, mỗi ngày hai ba phen, ông gọi Minh Cầm đến trước mặt để khuyên lơn và gắt gông, một hai bắt nàng phải bỏ chồng đi, chỉ hôm trước hôm sau trở nên một bà thầy kiện tức khắc.

Đành rằng ông vẫn hiếu danh, nhưng thật cũng có phần thương con tha thiết, muốn rửa lỗi mình và lo tương lai đẹp đẽ cho nó, nên mới có sự bắt buộc gắt gao thế ấy.

Nhưng khí khái và dụng tâm cao xa quả quyết của Minh Cầm ra thế nào, chúng ta đã biết, dù quyền hành cùng sự nạt nộ của người làm cha cũng không thể làm sao cho nàng biến đổi sơ tâm.

Đừng có đem cái danh vị bà trạng sư làm mỗi cái dõ, dù được làm bà gì cao sang gấp mấy đi nữa, nàng cũng chẳng màng.

Tự nhiên nói đến bỏ chồng là một chuyện nàng không muốn nghe.

Thành ra năm sáu ngày nay, hễ lúc nào khai chuyện này ra thì cha gắt mù, mẹ thờ dài, con chỉ khóc, mỗi người một chủ trương không thể dung hợp được.

Trong nhà lục đục, đến nỗi cha mẹ với con thường tránh mặt nhau, mà hễ họp lại một chỗ, thì chỉ những nghe tiếng to và thấy nước mắt.

Đến ngày thứ bảy, ông cụ nóng lòng sốt ruột quá, đâm ra quyết liệt với Minh Cầm, như con hổ đói chực nhai ngấu nhai nghiền con:

- Mày không nghe lời, thì tao đem ra tòa xin từ mày đi, không nhìn nhận mày là con tao nữa.



- Tùy lượng ba thương con phận nào con nhờ phận ấy; ba ghét bỏ, con cũng cam lòng, chứ biết nói sao! Minh Cầm tỉnh táo trả lời.

- Bao nhiêu ruộng đất bạc tiền, tao sẽ cho đứa khác thừa hưởng, mày không có một xu!

- Của ba làm ra, ba muốn cho ai mà không được.

- Thế mày nhất định không bỏ thằng vô danh tiểu tốt ấy đi phải không? Ông cụ hỏi sừng sộ.

- Dạ.

- Mày bước ra khỏi nhà tao đi!

- Ba đuổi thì con xin đi, chứ bảo con bỏ chồng thì con không dám vâng lời.

- À, con này cứng đầu cứng cổ thiệt. Mày tưởng tao không có cách gì bắt buộc mày phải vâng lời hay sao? Tao nghĩ tình cha con, muốn khuyên bảo mày một cách thỏa thuận, đến khi cùng bất đắc dĩ, tao làm thẳng tay cho mày xem.

Bà cụ tưởng là ông chồng lại sắp sửa thịnh nộ đánh đập con chẳng, nên bà vội vàng đề phòng che đỡ và hỏi sẵn đón:

- Thôi ông đừng khuyên con thông thả, tất nó phải hiểu lẽ biết nghe, đừng nóng giận quá không nên.

- Tức quá! Tôi viện chứng cứ, làm đơn kiện thằng Kiều Mộc tại tòa, về tội nó giả mạo chức phận lừa đảo hôn nhân, để xin tòa hủy tờ hôn thú của vợ chồng nó đi, dễ thường không được hay sao?

Câu nói có sức mạnh hơn sét đánh, làm cho Minh Cầm giựt nảy mình và toát mồ hôi.

Ông cụ lấy quyền gia trưởng, có thể viện chứng xin pháp luật can thiệp, để hủy cuộc hôn phối đi được. Mà để cha tính đến phương ấy, thì báo đăng rầm lên, dư luận sôi nổi, hồng hét cả việc Kiều Mộc đang học bên Tây, bấy giờ ái tình hạnh phúc của nàng vỡ tan ra từng mảnh, không còn cách gì hàn gắn thu thập được nữa. Bởi vậy, nàng phải giựt mình lo sợ, hàng phục trước sự dọa nạt của cha:

- Thôi con van lạy ba, đừng làm như thế rầm rĩ tiếng tăm, thiên hạ thóa mạ.



- Nhưng mày đành chịu nghe lời tao khuyên bảo mà bỏ thằng chồng đi không? Ông cụ hỏi bằng giọng đắc thắng. Nếu không thì mai tao đi Sài Gòn thuê trạng sư lập tức.

- Vâng, con xin bỏ chồng con, theo ý ba muốn, nhưng xin ba khoan hạn cho con thu xếp độ ba tuần lễ.

- Ba tuần lễ để làm gì?

- Để con thân hành sang Lào tìm chàng, bảo chàng làm tờ tự thuận li dị. Thế cho công việc êm thấm với nhau thì hơn.

## VI. Muôn dặm theo chồng

Sau màn chót của tấn gia đình náo kịch đã kể ở đoạn trên, Minh Cầm để con ở nhà, xin phép cha mẹ đi Sài Gòn năm bữa mới về.

Chẳng ai hiểu nàng đi có mục đích và công việc gì.

Lúc về, thấy thằng Tứ đang chơi đùa với bà ngoại, cả hai bà cháu vui cười vang nhà. Bà cụ bò dưới đất, cho cháu cỡi trên lưng làm ngựa. Thằng bé mãi chơi, quên cả mừng mẹ mới về, gọi ra cho quà.

Đã nói thằng Tứ rất triu mến bà ngoại, cũng như bà bao phủ lấy cháu với tất cả mạch nguồn thương yêu của quả tim già. Nếu cháu chưa thể trở nên người lớn, thì bà hóa lại tích cách trẻ con để vui đùa với cháu. Một già một trẻ thành ra bạn thân, không mấy lúc rời nhau. Tối lại, Tứ cũng thích nằm với bà để bà hát ru và quạt luôn tay cho mà ngủ, sướng hơn là quán quýt bên mẹ.

Không muốn làm đứt đoạn trò vui trẻ con của hai bà cháu, Minh Cầm đứng nép bên cửa nhìn một hồi lâu. Chừng thằng Tứ ngồi chán trên lưng bà rồi bước xuống, nàng mới chạy lại ôm lấy con hôn hít và đưa cho mấy quả *ma rông* bọc thiếc, quà quý đem từ Sài Gòn về.

Tứ bóc giấy thiếc một quả, đưa lên tận miệng bà ngoại, kéo mời bà cắn trước một miếng rồi nó mới chịu ăn.

Minh Cầm cười và nói:

- Con chơi đùa với bà ngoại mấy hôm nữa cho thật no chán rồi đi theo ba mày...



Nghe câu nói ấy, bà Châu Hồng tái mặt.

- Sao lại trả lại ba nó? Bà hỏi một cách buồn hiu.

- Má tính con sắp li dị người ta thì phải trả con lại cho người ta chứ sao! Nàng đáp.

- Nhưng nó còn bé bỏng thế này đã phải xa mẹ?...

- Mặc lòng, cốt nhục người ta, thế nào người ta cũng bắt đi, còn tình nghĩa gì nữa mà bảo họ để con lại cho nhà mình nuôi.

Bà cụ rơm rớm nước mắt, tỏ ý nhớ thương buồn bã sắp phải li biệt thằng bé mà bà đang trù mến vô hạn. Trong trí bà suy nghĩ nếu biết trước thế này thì hôm nọ không tán thành ông cụ, kéo nài Minh Cầm thả nhất bỏ chồng.

- Điều đình với ba nó, để nhà mình nuôi tới chín mười tuổi sẽ bắt nó được không, bà hỏi?

- Không khi nào ba nó chịu, con chắc như thế. Minh Cầm nói và liếc thấy mẹ đang chùi nước mắt, một tay vuốt ve thằng Tứ.

Nàng đo biết lòng già thương cháu đến cực điểm.

Muốn cho mẹ khỏi quá thương tâm, nàng tạm lái câu chuyện đi hướng khác:

- Hình như ba con đi hơi vắng phải không, má?

- Ừ, ba con đi Châu Đốc có việc; chiều nay mới về.

- Thế thì may lắm. Con có một câu chuyện lạ, muốn nói riêng với má. Để con đi thay đổi y phục rồi nói cho má nghe, nhớ.

- Chuyện lạ gì đó? Mày lại muốn kể *Phong thần Tây du* để nhát mẹ mày sợ chứ gì!...

- Ấy, cũng gần đâu đó, má à! Con sẽ nói Tây du cho má nghe hết hồn hết vía kìa!... Minh Cầm nói và nhoẻn miệng cười.

- Thôi đi! Con gái lớn xác, đã có chồng có con mấy năm, vẫn không chừa tính trẻ nít... Dễ thường còn mong được mẹ ẵm bồng nựng nịu như là thằng cháu búp bê của tao đây chẳng?

Bà cụ lườm con gái một cách yêu thương và ôm lấy thằng Tứ hôn lấy hôn để?



Đứng trước tình cảnh đằm thắm ấy, trong trí Minh Cầm bỗng nảy ra ý kiến chớp nhoáng: một là nhờ thế lực mẹ già, thử giảng giải thu xếp giúp mình, may ra cha có hồi tâm, không cố ép bỏ chồng này, lấy chồng khác; hai là, nếu liệu chừng việc điều đình không xong, thì lợi dụng ngay cái tình bà mến cháu để làm tiền mẹ già, lấy một số dăm ba nghìn phòng khi hoãn cấp phải cần dùng đến.

Đã lâu, mẹ con không có dịp nào đối diện đàm tâm được như hôm nay, bởi vậy nàng tất tả thay đổi y phục rồi chạy ra ngồi bên cạnh mẹ để nói chuyện riêng. Nhưng trước hết, nàng không quên gọi một đứa bé ở dắt thằng Tứ ra ngoài cổng chơi, rồi mới cất tiếng rầu buồn hỏi mẹ:

Việc đã lỡ làng ra thế mất rồi, vả lại xưa kia chính tự ba má lựa chọn gả bán, bây giờ tại sao ba còn một hai bắt buộc con phải cùng chàng li dị? Má không nói hộ một đôi lời phải trái để ba con hồi tâm không được hay sao?

Bà cụ nhìn con và thở một hơi dài:

- Ôi! Ba mày cố chấp và độc đoán quá, hôm nọ má tìm lời khuyên giải để êm việc cho con, nhưng ba mày nhứt định không nghe.

- Nghĩa là má khuyên ba không nghe, rồi má phải đồng ý với ba vậy? Nàng hỏi.

- Chớ sao! Không lẽ để vợ chồng già mà còn sinh sự cãi lầy giận dữ nhau, thành ra thương yêu con thật má vẫn thương yêu, nhưng không đồng ý với ba con thì không được. Theo ý của má, vợ chồng con đã lấy nhau thuận hòa yên ổn như thế là may mắn rồi, dù chẳng có danh giá ông này bà nọ cũng chẳng sao, vợ chồng đem nhau về đây cày cấy mà sống không được à! Lúc trước ba má nên duyên, thì ba con bắt quá một thằng dân cày chân trắng, chứ phải là ông thần ông tướng gì đâu. Bây giờ trời cho khá giả mới hay sinh chuyện, đã chạy lấy huyện hàm tốn mất mấy vạn, lại còn muốn có rể quan...

- Má lấy ý kiến ấy giảng giải cho ba con nghe, sẽ hiểu ra lẽ không chừng.

- Vô ích, con ạ! Ba mày cố chấp lại hay nghe lời thiên hạ phỉnh phờ, *cho đi tàu bay*; bởi vậy ông nhất định gả con cho ông trạng sư nào đó để rửa tiếng, còn khuyên can làm gì cho phí lời mất công.



Minh Cầm biết thế là chủ trương thứ nhất không xong, liền xoay đến chủ trương thứ hai:

- Rồi đây ba thằng Tứ bắt nó đi, chắc má buồn rầu lắm hả?

Cứ nhắc đến việc ấy là bà cụ biến sắc, nét mặt đang tươi, bỗng xám ngắt lại. Bà đưa mắt ra ngoài cổng, chỗ thằng Tứ đang nhảy nhót vui đùa với con bé ở, rồi nói với Minh Cầm bằng một giọng như than van; rên rỉ, không để đâu hết nỗi buồn:

- Lại còn phải hỏi! Nếu ba thằng nhỏ bắt nó đi mất, thì má thương nhớ rầu buồn, e đến phát ốm mà chết được. Con nên biết má đây chỉ có một mình con là con gái, chứ không có con trai, cho nên bây giờ được một thằng cháu trai, má vui mừng dường như được trẻ lại mấy chục tuổi. Nay mai ba nó bắt đi, chẳng những cảnh nhà vắng vẻ quạnh hiu, mà trong tấm lòng già này sẽ thấy chơ vơ trống trải biết bao!...

Minh Cầm chưa kịp nói gì, bà cụ đã vội vàng nói tiếp:

- Con có cách gì giữ lấy thằng bé ở lại nhà này, không nên tiếc công khó nhọc với má.

- Cách gì? Nàng đáp. Bỏ cha bắt con, thật là một chuyện ích kỉ, khó nghe.

- Chứ đem trả người ta, rồi người ta lấy vợ khác, thế nào thằng bé cũng bị hắt hủi, có phải tội nghiệp nó không? “Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời dì ghẻ có thương con chồng!”, tục ngữ nói thế, con không nhớ à? Máu chảy ruột mềm, ai nghĩ đến nông nỗi con mình bị kẻ khác giày vò mà chẳng phải động lòng thương xót?...

Bà cụ quyết định về mặt tâm lí, và cố khiêu gợi mẫu tử tình thâm, để cho Minh Cầm phải hàng phục ý muốn của bà. Giá ai nhẹ dạ, chỉ nghe bà nói thế cũng đủ mũi lòng rơi lệ. Nhưng bà lấy làm lạ, vì thấy nàng tự nhiên như không, lại còn tươi cười chuyện vãn:

- À! Con nhớ hình như lúc nãy má có ý đem một số tiền đánh đổi lấy thằng nhỏ ở nhà, phải không?

- Ừ, má có định thế.

- Nhưng liệu chừng người ta đòi cấp độ bao nhiêu thì má có thể chịu được?



- Tùy đó. Thế nào cho vừa sức má lo chạy được, không khi nào má từ nan.

- Ví dụ họ đòi năm sáu ngàn hay một muôn, liệu má có kham nổi không?

- Số ấy thì má khứng ngay lập tức.

Bà cụ nói và làm bộ thò tay vào túi rồi lấy tay ra đếm xỉa, như đếm tiền thật vậy. Cái cử chỉ ấy tuy là đùa bỡn, là cốt để bày tỏ hết chỗ vui mừng hớn hờ khỏi phải cùng cháu biệt li.

Minh Cầm bật cười:

- Nhưng con hỏi má: tiền đâu? Nếu phải hỏi lấy nơi ba thì bất tiện lắm đó. Vì con xem ý tứ ba không muốn thẳng Tứ...

Nàng bị bà cụ bứt ngang câu nói:

- Con chớ nói thế, mang tội với trời. Sự thật, chính ba con trù mên thằng nhỏ còn hơn má nhiều. Duy có mấy hôm nọ, ông hờn giận về nỗi khuyên bảo con không nghe, rồi thì giận cá chém thớt, làm như hất hủi thằng nhỏ, chớ thật tình ông thương yêu nó đáo đẽ. Một mai ba nó bắt đi, rồi xem ông rầu buồn thương nhớ cho biết.

- Song, nếu phải xuất một số tiền to như vậy, để đổi lấy thằng Tứ thì chắc ba tiếc?

- Có lẽ vậy.

- Vậy thì má giết ai ra số tiền, nào?

Bà cụ cong ngón tay lại, khẽ gõ trên trán nàng một cách yêu dấu và nói:

- Con nhỏ đáng ghét này! Mà khinh mẹ mà lúc có chuyện cần dùng, không tự lo nổi năm bảy ngàn đồng bạc hay sao? Hơn nữa cũng có, mà tao không phải tần phiễn xin hỏi ba mà đâu. Này nha, bà phủ Tôn nợ riêng má năm ngàn, muốn đòi lúc nào bà trả lúc ấy; còn những đồ vàng riêng của má để trong tủ kia không thừa bảy tám ngàn đồng nữa sao. Miễn là ba thằng Tứ làm giấy thuận nhượng, tức khắc má đủ số tiền chồng cho nó ngay.

Vì sao Minh Cầm thiết tha vấn đề tiền bạc như thế?

Nàng định đổi con lấy tiền thật kìa?



Không, nàng có dụng ý khác.

Nàng biết sinh bình bà mẹ không hay lí hội gì đến việc tiền bạc, nhất là những số hàng ngàn trở lên. Nhưng cảnh ngộ nàng nay mai sẽ lúc hoãn cấp phải cần đến tiền bạc tiếp tế, mà trừ bà mẹ ra, không có nguồn tiếp tế nào khác hơn cho mình. Cho nên nàng dụng tâm lấy câu chuyện đem tiền đòi cháu, làm như một con sào đo nước, để dò xem cái nguồn tiếp tế từ phía bà mẹ cho biết nông sâu nhiều ít và có sức bao dung đến mực nào đấy thôi.

Về mặt vật chất, thế là có thể tin cậy được rồi, nhưng còn muốn được vững tâm về mặt tinh thần nữa, nàng ân cần hỏi bà cụ:

- Rồi thì má sẵn lòng sẵn sóc thằng Tứ giúp con, không ngại khó nhọc?

Bà cụ cho câu hỏi ấy là quái dị, vô nghĩa nên chỉ thấy bà quắc mắt:

- Ô hay! Mà nói cái gì nghe chướng hết sức. Tao không trù mên nó, không sẵn lòng sẵn sóc nó, thì bảo tao chịu tốn bạc ngàn bạc muôn để lấy nó, lưu nó lại làm gì?

- Mà sự sẵn sóc ấy dù trực tiếp hay gián tiếp cũng thế, má nghe!

- Trời ơi! Trực tiếp gián tiếp là con thú vật gì, tao đâu có biết! Thôi, con cắt nghĩa nôm na cho má nghe xem thế nào?

- Trực tiếp là nói bà sẽ nuôi nấng sẵn sóc cháu ở trong nhà này luôn luôn. Còn gián tiếp là ví dụ một khi phải gởi nó ở một nhà vú nào, hay một trường học nào, tự nhiên má phải tốn tiền bảo dưỡng chu đáo đã đành, lại còn phải thời thường đi lại chăm nom cháu mới được, má đã hiểu chưa?

Bà cụ đổi giọng:

- Thừa cô, thế thì tôi hiểu rồi. Nhân tiện, tôi muốn nói rõ để cô biết rằng: một khi ba thằng Tứ thuận lấy số tiền mà để nó lại cho tôi, tự nhiên tôi có trách nhiệm chăn nuôi sẵn sóc nó cho tới lúc khôn lớn, thành thân, cũng như là con tôi rồi, không khi nào thằng cha nó còn được lai vãng, nhìn nhận. Ngay đến cô nữa, nay mai cô về làm vợ ông thầy kiện, rồi đẻ ra con khác mà yêu mà nựng với nhau, chớ tôi không cho phép cô đem thằng Tứ đi theo bao giờ. Vì khác máu thịt, bề nào nó cũng bị người ta ghẻ lạnh, rẻ rúng, ấy là một sự tôi không muốn thấy...



Minh Cầm lẳng lặng.

Bà Châu Hồng lấy hơi giây lát, rồi lại nói tiếp:

- Vậy hôm nào cô định đi Lào để thu xếp công việc li dị, thì nói cho biết, tôi giao số tiền đem cho ba thằng Tứ, rồi ba nó làm giấy thuận nhượng vĩnh viễn, cô đem về đây cho tôi.

Đến đây, không còn đề nỗi tâm sự u uất ùn ùn ra, nàng đứng phắt dậy, òa lên khóc và nói:

- Thưa mẹ, xin mẹ ngồi yên, nhận hai lạy này của con, rồi con thưa chuyện.

Tội nghiệp bà cụ ngăn cả người ra, chẳng hiểu thế là nghĩa gì.

\*

Nàng lạy rồi nói:

- Thưa má, tấm lòng nhân từ quảng đại của má, con đã hiểu hết rồi. Con vừa lạy sống hai lạy để gởi má một chuyện tâm sự khó khăn khổ não, xin má thương con, giúp con, nhất là hiểu giùm con.

- Con chẳng nói, má cũng biết chỗ khổ tâm của con rồi... Tức quá, chỉ tại ba con cố chấp quá, để con phải chịu nông nổi chia lìa đau đớn... Phải chớ, một ngày là nghĩa, hưởng chi ăn ở với nhau đã được mụn con... Thế, con định hôm nào đi Lào để gặp mặt ba thằng Tứ?

Bà cụ thật thà, yên trí rằng con sắp phải sang tận bên Lào gặp chồng để yêu cầu li dị, ấy là chỗ khổ tâm, cho nên bà cố tìm lời an ủi.

Hai mẹ con nói chuyện giống một với nhau:

- Con không đi Lào đi Miên nào cả, má ạ.

- Có thể ở nhà viết thư điều đình cũng xong thì càng tốt, khỏi mất công đi.

- Nhưng con cũng đi.

- Ấy chết! Con định đi đâu?

- Thưa má: đi Tây.

Câu nói có mãnh lực như một tiếng sét đánh, làm cho bà cụ giật cả người.



- Thật à?

Vâng, con đã xin thông hành sẵn sàng cả rồi, con mới lên Sài Gòn, chính vì việc ấy.

- Con có buồn, thì ra Bắc mà xem núi non phong cảnh cho khuây khỏa tâm thần. Việc gì phải đi Tây, xa xôi tốn kém.

- Má không biết: con cần đi Tây mới có sự vui, có lẽ sống.

- Vì sao lại vậy, con?

- Thưa, vì có ba thằng Tứ đang ở bên đó.

Một tiếng sét đánh nữa, khiến bà cụ giật mình sững sốt hơn trước.

- Con nói ba thằng Tứ đang ở bên Tây? Bà hỏi dồn hỏi dập với tấm lòng nóng nảy muốn biết câu chuyện mà bà cho là vô cùng bí mật.

- Vâng, chánh vậy.

- Nhưng nó ở làm gì bên ấy?

- Thưa, chồng con ở học.

- Thiệt hả?

- Con đã lay má hai lay, là muốn trút hết gánh nặng trong lòng, còn có điều gì mà không thật...

- Chồng con định học để làm gì?

- Đề thi đỗ hóa học kỹ sư, người ta quen gọi là *bác vật* ấy mà.

Thằng Tứ chơi chán ở ngoài cổng, chạy vào trong nhà, trông thấy bà ngoại có nước mắt, nó tru tréo lên, hỏi má nó sao lại được đánh bà ngoại của nó phải khóc vậy kìa. Tới chừng trông lại khoe mắt má nó cũng có hạt châu lấm tẩm chưa ráo, nó phá cười rũ rượi: “Thế ra bà ngoại cũng đánh má cháu khóc này. Hai người trừ với nhau là xong”.

Cả Minh Cầm và bà cụ cùng tức cười về câu nói ngộ nghĩnh của thằng nhỏ.

Nó được mỗi người thưởng cho mấy cái hôn rất nồng nàn ở hai bên gò má.

Nàng ôm lấy con và bảo:

- Con đi theo con Chín ra đường cái mà chơi, sắp có đám rước đi qua vui lắm.



- Má đánh lừa con đó, con biết rồi. Con cứ ngồi đây chơi với má và bà ngoại không được sao? Thằng Tứ nũng nịu, ý không muốn đi.

- Không được! Để má với bà ngoại yên ổn, nói chuyện này một lát, má bảo phải nghe.

Thằng bé được dạy dỗ khuôn phép đã quen nghe lời mẹ nói nghiêm nghị, thì lủi thủi đi ngay, không dám cự nự.

Nàng muốn xa con, không để nó nghe lóng câu chuyện sắp nói, vì nó còn bé bỏng thật, nhưng rất tinh quái thông minh, hơi có chuyện gì khác ý, là nó biết ngay.

Chính bà cụ cũng muốn thằng Tứ đi chơi, để hỏi má nó về câu chuyện bà đang lấy làm lạ lòng và nóng ruột đợi nghe.

- Thế nào? Chuyện đâu lại có chuyện kì dị đến thế, con nói cho má nghe mau lên, không thì má đến phát điên mất! Bà cụ hỏi một cách thúc giục.

- Vâng, con đã có chủ tâm trước khi đi Tây, thì giải tỏ hết nỗi niềm với má, không còn giấu giếm mảy may. Má ngồi, để con nói má nghe.

Rồi nàng đem hết nguyên ủy từ lúc ra cù lao Phú Quốc được mở màn bí mật, cho đến về sau lập tâm lập chí thế nào, và ba năm ở Sài Gòn sinh hoạt thế nào, nói cho bà cụ nghe tỉ mỉ đầu đuôi, không sót chân răng kẽ tóc.

Bà Châu Hồng nghe con kể chuyện đến đâu, vẻ mặt bà tươi sáng đến đó, trong lòng không ngớt khen ngợi chí khí con và không ngờ đâu con có cơ mưu nhẫn nại như thế.

- Đó, má xem, việc này chính là tự ba con vô vậ làm lỡ, mà riêng con phải gánh chịu tất cả sức nặng của sự lầm ấy vào thân, nếu có kêu làng kêu nước lên thì việc cũng dĩ nhiên mất rồi, chẳng qua chỉ làm buồn cha mẹ thêm nhức tiếng nhà, chớ có ích gì? Con nghĩ vậy cho nên cắn răng mà chịu, để tìm cách tháo trút dần dần cái gánh nặng lầm lỡ kia còn hơn...

- Nghĩa là con đã cảm hóa được chàng biết tu tình học hành.

- Vâng, má đã nói đúng sở nguyện sở hành của con, và con mừng thấy kết quả được phân nửa rồi đấy. Hiện chàng sang Tây theo bậc đại học, chẳng còn mấy chốc thì được thấy phần nửa sau đến nơi.



- Máy chóc là độ bao lâu?

- Chỉ vài ba năm nữa là cùng.

- Chồng con sẽ trở nên?...

- Thì ba con ham muốn một ông rề bác vật mà bị làm, rồi nay mai ba sẽ được như ý, là ông rề ấy đồ bác vật thật trăm phần trăm. Con cố theo đuổi chí hướng chữa lại chỗ làm của ba, danh giá của con, chỉ có như thế.

Bà cụ trừng mắt nhìn Minh Cầm như có ý trách móc:

- Thế sao hôm nọ không kể hết sự thật với ba con như vậy, có phải là yên chuyện không?

- Không thể được, má ơi! Nàng lắc đầu và nói. Ba con thật quả là người cố chấp, như má đã biết. Chẳng khi nào ba chịu nhận lỗi mình đã phạm, lại chỉ ham cầu danh lợi trước mắt, chớ không nghĩ xa, trông xa bao giờ. Dù con có thật tâm sự và công việc mưu tính như thế, ông cũng chẳng chịu tin nào, đổ khối mắng nhiếc con là bịa chuyện, là ăn phải bùa ngãi, và không biết bao nhiêu thứ hư xấu nữa mà kể, thành ra con đành ngậm tằm, không muốn nói thật với ba.

- Nhưng tại sao con lại nói thật với má?

- Vì con biết má chắc hiểu tâm tình con hơn, vả lại, cốt nhờ cậy má giúp đỡ con, nhất là bệnh vực trong khi con đi vắng.

- Cần gì con phải đi Tây mới được?

- Phải đi, để chăm nom đốc thúc chàng học, kéo người có cốt hoang chơi đã sẵn, giờ được thả trôi một mình giữa chốn phồn hoa đệ nhất như thành Ba Lê, rất dễ bị cám dỗ lôi kéo, nếu không có ai ở bên níu lại. Xa chàng mấy tháng nay, con thấy sốt ruột lắm rồi. Con không đi, rủi như chàng lại bị sa ngã, thì hỏng cả công trình theo đuổi bấy lâu. Má xét giúp con chỗ ấy, chẳng phải vì xa chồng ít lâu mà nhớ nhung rưng mỡ, vội vàng đi theo đâu.

- Con nói, má nghe phải lắm. Nhưng sợ con đi, rồi ba con giận dữ làm ra to chuyện, thì làm thế nào?

- Chính vì chỗ lo ấy, mà con phải nhờ cậy má ở nhà giúp đỡ, bệnh vực.



Con trông mong má vì con mà chu toàn hộ ba việc quan hệ sau này.

*Việc thứ nhất:* ba con định ninh rằng con đã chịu phục tòng, hẹn trong ba tuần lễ đi sang Lào lấy được giấy của chồng tự thuận li dị đem về, để ông gả con cho thầy kiện thầy cò nào đó, nay bỗng chốc con bỏ đi biệt mất, làm sai lệch chương trình của ông đi, chắc ông tức giận đến hét ra lửa, không phải chuyện chơi. Nếu ông lại biết rõ sự tình là ba thằng Tứ hiện ở bên Tây, mà con bỏ nhà đi là đi theo chàng, tất nhiên ông làm lời thôi cho bố ghét, chủ trương trình báo nhà chuyên trách và thưa kiện chàng, như lời ông đã dọa dẫm hôm trước. Chẳng gì thì ông cũng đi tới kết quả, là phá ngang công việc học hành của chồng con. Trời ơi! Thân con dù phải khổ sở đến đâu nữa cũng không cần, nhưng việc mưu tính cho chồng có quan hệ đến cả danh dự hạnh phúc, nếu như bị hỏng nửa chừng, thì chắc con phải tự tử.

Bởi vậy, má cần giấu giếm che chở thế nào, nhất thiết đừng cho ba con biết rằng không phải chàng hiện ở Lào, và cũng đừng cho biết là con đi xa...

- Nhưng cũng phải kiếm cớ gì cho xuôi, để giải nghĩa con bỏ nhà đi là đi đâu mới được chớ? Bà cụ hỏi lại.

- Sự ấy đã hẩn. Con sẽ viết thư để lại, tỏ ý chán đời, bỏ nhà đi tu, rồi má cứ vịn theo đó mà nói ra nói vào, làm thành một sự tin tưởng ở trong trí của ba. Ví dụ má bảo được tin người ta mách con tu trên điện bà Tây Ninh hay một ngôi chùa nào ngoài Phan Thiết, Nha Trang chẳng hạn. Cần nhất là phòng khi ba tức giận con bỏ nhà đi, làm dở dang mất cuộc gả bán con cho ông trạng mà ba đã định, e ba phát cáu, quyết đi trình báo để cậy nhà chuyên trách tìm lời con về; hoặc ba giận lây đến chồng con mà đi thưa kiện chàng về vụ mạo danh ngày trước và đổ cho chàng đem giấu con đâu mất bây giờ. Cả hai việc đều có thể xảy ra, vì kẻ thù ghét con – là ai, má chẳng cần biết – vẫn lăm le phá hại gia đạo, chiếm đoạt cơ nghiệp nhà ta, sẽ ngấm ngầm xúi giục ba làm cho đa sự tới đó. Má dư biết hai việc ấy có ảnh hưởng nguy hiểm cho vợ chồng con đến thế nào? Bởi vậy, xin má để ý cẩn thận, nếu nghe thấy ba hơi rục rịch sinh sự, về phía con hay về phía chồng con cũng thế, má cố tìm cách chặn ngay đi. Phải giết cái ý niệm ấy ngay ở trong trứng mới được, để nó kết thai thành hình, thì hại con lắm đó.



- Cách gì, theo như ý con? Bà cụ hỏi.

- Lấy lẽ lợi hại mà giảng giải khuyên can ba đừng nên làm vậy. Má ở nhà cốt che chở bệnh vực, để cho vợ chồng con được yên ổn trong vài ba năm nữa thì hết phải lo.

- Nhưng tính nết ba con bướng lắm, chỉ sợ má khuyên can không nổi thì làm thế nào?

- Con vẽ sẵn cho má một cái điệu kể này nhớ, Minh Cầm vừa nói vừa cười. Hễ lúc xem chừng khuyên can mà ba không nghe, má cứ giả đồ tự vẫn, chắc ba phải chịu phép ngay...

Cái ý kiến kì cục, làm cho bà cụ phì cười bắn cả quyết trầu lên vai áo Minh Cầm:

- Con nhỏ mắc dịch này, không khéo làm tao đến cười quá mà chết như Trình Giảo Kim! Hồi nhỏ tới giờ, mẹ mày có biết tự vẫn là thế nào, mà mày bày mưu hiểm kế cho tao giả đồ tự vẫn? Giả đồ rủi ro chết thật thì khổ; thôi, tao xin bà Gia Cát hãy xếp cái cầm nang ấy, cất đi, đem ra xài không được đâu.

Minh Cầm nắm lấy tay mẹ và nói một cách rất tự nhiên:

- Sao má thật thà cổ nhân quá. Đã nói giả đồ thì chỉ là giả đồ, có gì mà phải lo ngại. Lúc ấy, má làm bộ ra vùng vằng nói với ba con đại khái thế này: “Tôi lấy sự phải trái can ông không nghe, để tôi tự tử cho chết quách, rồi ông muốn làm gì thì làm, mặc ý”, thế rồi má vờ uống một chén thuốc độc – kì thật chỉ là nước trà Tàu hay trà Huế - rồi nằm vật xuống giường mà giẫy lên đành đạch, tự khắc ba con hoảng hồn phải van lơn mà nghe lời má. Con biết tính ba thuở nay thường chiều chuộng kiêng nể má nhất đời, tất nhiên ông bỏ ngay cái ý muốn đa sự với con...

Bà Châu Hồng gật đầu:

- Con nhà có hiếu ha, dạy mẹ tới cách giả đồ tự vẫn... Thôi được rồi, còn việc nhờ cậy thứ hai là việc gì?

- Vâng, giờ đến việc thứ hai, là nhờ má trông nom thằng Tứ trong thời kì con đi vắng. Với má, con đã thú thật đi Tây để săn sóc chồng con học; nhưng với ba thì con mượn tiếng chán đời, bỏ nhà đi tu; trường hợp nào cũng không có thể đem trẻ đi theo, mặc tình nhớ thương triu mến...



- Ô! Để thằng chó con ấy ở nhà với má, thì má vui vẻ chăm nom nó hơn là phụng dưỡng một đức ông hoàng tử, còn phải dận dò làm chi? Bà cụ nói giọng hả hê mừng rỡ, đến run cả người.

- Con vẫn biết lòng bà thương cháu đến cực điểm rồi, nó ở với bà sẽ được sung sướng như tiên, không cần phải nói. Nhưng còn nên phòng xa một tình cảnh bất trắc, có thể xảy đến không chừng, nên con muốn rào sau đón trước cho được kín đáo...

Nàng nhận thấy mẹ có vẻ giựt mình:

- Tình cảnh bất trắc là tình cảnh gì? Con nói cho má nghe lạnh cả xương sống.

- Việc gì con cũng lo tính đường xa, má ạ! Ví dụ mọi bề được sóng êm gió lặng, thì thằng Tứ ở với ông bà ngoại còn gì yên ổn sung sướng hơn nữa. Nhưng còn phòng khi trái lại, ông cụ quá giận vợ chồng nhà con, thì thằng bé ở nhà này, không khác gì một cây đinh đóng ngay trước mắt ông, con không muốn để ông phải sinh buồn vì thế. Giận cha mẹ mà không buồn nhìn mặt con, là thường tình người ta, chẳng có gì lạ. Lâm cảnh như thế, con xin má cứ giao thằng Tứ cho thím Bộ Lân...

- Bộ Lân nào kìa. Bà Châu Hồng đang hỏi lại trí nhớ... À, có phải là chị vú nuôi con hồi bé ấy không? Hắn ta lấy anh Bộ chín, lại đi gọi là Bộ Lân, khiến má bỡ ngỡ quên lửng.

- Thì chú ấy sinh thời không phải tên Lân là gì? Máy lâu, thím ta lập tiệm buôn bán ở gần bến tàu Châu Đốc, có đâu có rể đều làm ăn tử tế, một nhà đoàn viên, phúc hậu, ai thấy cũng khen. Trước đây, những khi đi về, con hay ghé lại thăm nom thím, và hồi đầu năm nay, thím có lên Sài Gòn ở chơi nhà con một độ, thằng Tứ đã quen thuộc quẩn quýt, vì thím đồ trẻ khéo lắm. Hôm qua ở Sài Gòn về, con nghỉ lại nhà thím một đêm, đã ngỏ ý phó thác và căn dặn mọi điều, thím cảm động quá, phát khóc. Người ấy trung hậu, có thể tin cậy được. Một mai, nếu gặp tình cảnh éo le như con vừa nói, thì má cho người lên gọi thím đem thằng Tứ về nhà chăm nom. Nhà ấy cũng có mấy đứa trẻ đồng một trang lứa, chúng nó có bạn chơi đùa với nhau càng vui. Mỗi tháng má đưa cho thím ấy mười lăm đồng, thỉnh thoảng má có rảnh việc, lên tỉnh thăm cháu, không thì những hôm ba đi vắng nhà – mà ba thường có việc đi vắng luôn – thì má sai người tin cẩn, đi đón nó về nhà này chơi. Như thế, bà cháu tuy xa,



nhưng cũng như gần; và được điều có thể vững tâm, là thím Bộ Lân sẽ yêu mến săn sóc thằng Tứ cũng như má yêu mến săn sóc vậy.

Bà cụ ngẫm nghĩ cảnh cháu sẽ phải gian nan lưu lạc, đến nỗi nương nhờ người ta, bất giác động lòng rơi lụy. Minh Cầm yên ủi:

- Ấy là nói chuyện phòng xa muôn một thế thôi, không chắc nó sẽ xảy tới đâu.

- Ủ, má tin dù đến thế nào, chẳng lẽ ba con lại giận lây một đứa trẻ vô tội.

- Con cũng nghĩ thế.

- Còn việc thứ ba thế nào, con nói luôn cho má nghe.

- Việc thứ ba, con xin má nay mai thời thường giúp đỡ cho vợ chồng con ở bên Tây, nhất là để cho chồng con có tiền theo đuổi việc học đôi ba năm nữa, kì được thành công như nguyện. Con nói nay mai và thời thường, là vì hiện tại trong lưng con cũng còn một số ít nhiều, đủ cho con có lộ phí đi Tây chuyến này, và hai vợ chồng tiện tặn có lẽ đủ sống năm bảy tháng nữa. Nhưng sau đó thì đến thời kì khủng hoảng tuyệt lương, nếu má không tiếp tế cho thì vợ chồng con sẽ phải chết đói ở Ba Lê mất. Má nhớ năm nọ, con nói dối xin tiền đặt mua máy móc ở bên Tây, ba má cho vợ chồng con một vạn rưỡi. Với số vốn ấy, con khéo buôn bán ngược xuôi, nó sinh lợi ra cho vợ chồng con sống ở đất Sài Gòn ba năm như nhà triệu phú, mà không hao hụt đến vốn mấy tí. Nhưng rồi lần lần phải hao hụt, vì chàng ăn học tốn tiền giáo sư gấp mấy người ta, vì thằng Tứ càng ngày lớn lên, rồi đến mới đây vì chàng sửa soạn đi Tây, mỗi việc mỗi tốn kém nhiều, con nhờ số tiền ba má cho mà vận dụng đâu đó tốt đẹp, đường hoàng. Thành ra đến nay chỉ còn lại chừng một phần ba. Nay con sắm sửa để đi, và tính cuộc sinh hoạt của hai người ở bên Tây độ dăm bảy tháng sau là vừa. Ngoài lúc ấy nếu không trông cậy vào má thì còn trông ai?

- Sự sống bên Tây, hẳn là gạo châu củi quế, con hả? Liệu chừng hai vợ chồng phải cần dùng mỗi tháng bao nhiêu mới đủ?

- Con chưa sang đến mà hòng xem xét được tường, nhưng cứ hỏi thăm mấy người đứng đắn kinh nghiệm, thì rồi đây hai vợ chồng con ăn ở hà tiện, mỗi tháng cũng phải chi tiêu hai trăm hay ba trăm rưỡi là ít. Vì



sự học của chàng, chắc phải tốn kém, chớ ăn mặc thì có thể giảm được chừng nào hay chừng ấy.

Đề má đòi số nợ bà phủ Tôn, cho con hôm nào đi thì đem theo.

- Khoan, má cứ đề dành đó, chừng nào con viết thư về xin, bấy giờ má sẽ gởi. Mỗi khi con có thư từ tin tức, cứ do nơi thím Bộ Lân chuyển giao, cũng như mỗi lần khi má cho tiền, cứ đưa tay thím đem về bảo người con thím mua măng đa gởi sang ấy. Việc giao thiệp giữa má với vợ chồng con đều do nơi thím làm trung gian, đáng ủy thác tin cậy, miễn là giấu kín, đừng để ba con biết một tí nào, má nghe. Con vái trời phù hộ, thì đôi ba năm nữa, hoặc là chóng hơn cũng nên, con sẽ đem dâng ba con một sự vui mừng bất ngờ.

Minh Cầm lấy trong túi ra một tấm giấy đưa cho mẹ xem:

- Thông hành, con đã xin rồi, má nè!

- Hừ, tưởng là gì, thứ giấy này nhà ta có sẵn một bó, để trong tủ ba mầy kia! Bà cụ đáp với một cái bữu môi.

- Má lầm rồi, đây là phiếu quốc trái, cái này là giấy thông hành để mà đi ra khỏi xứ sở mình ở.

- Rắc rồi há.....

.....

- .....

Có miếng giấy này mới có thể mua vé đáp tàu mà đi. Con là đàn bà đi một mình, không lẽ ngồi trên boong như người ta; hà tiện cũng phải lấy vé hạng ba, đành tốn năm, sáu trăm bạc...

Một lát, nàng tiếp:

- Má ơi! Ba việc ân cần giải tỏ, nếu được má lưu tâm chu toàn giúp con, thì con được yên tâm khuyên giục chàng học, bề nào rồi cũng đạt tới mục đích như con đã sắp đặt và mong ước. Con đi, chẳng những giúp ích cho chồng, lại còn có lợi cho tư cách trí thức riêng của con nữa. Thật thế, một khi sang ở bên ấy, con cố xem xét khôn khéo của phụ nữ phương Tây mà học hỏi, bắt chước, cầu lấy mai sau làm nên một người đàn bà có ích về phương diện xã hội. Chứ mang tiếng là con gái nhà giàu, thân danh là bà kia bà nọ, mà...

.....



chẳng đóng góp mảy may công việc cho nhân quần xã hội, bấy lâu con vẫn nghĩ thế là xấu hổ, má à!

Hai mẹ con trao gởi nhau về tâm sự này giờ, dễ đến gần một tiếng đồng hồ.

Ngoài mặt, bà cụ lộ vẻ buồn thiu, vì lẽ mẹ con sắp sửa li biệt đằng đẵng mấy năm, nhưng mà trong lòng thì đầy sự vui mừng, vì thấy con nhân hậu, khôn ngoan, một tay xốc vác đảm đương cả mấy mặt: nào đào tạo chồng, nào phục thù danh dự, nào cố chịu thiệt thòi để làm vui lòng cha mẹ, nào lo hàn gấn xây đắp hạnh phúc xa xôi của mình. Bà nghĩ lời tục thường nói “cha mẹ sinh con, trời sinh tính” là rất đúng; chính bà không ngờ con bà có ý khí trượng phu, có tâm cơ rộng rãi đến thế.

- Con cứ đi theo chí nguyện cho thành, bất luận việc gì có thể trông cậy nơi má tất cả.

Bà nói thế rồi khóc tầm tức.

## VI- Mắt xanh của ông vua nước Coty

Ở trong hầm xe điện dưới đất (métro) chui lên đại lộ Saint Michel, chúng tôi đập vào xương sống của xóm La Tinh.

Đi một quãng độ mấy trăm thước, thấy một con đường lớn nằm vắt ngang, ấy là phố các trường học, vì đại học viện Sorbonne và các Cao đẳng học đường đóng quanh ở đây.

Chúng ta rẽ sang tay phải, đi qua trước cửa Collège de France trông rất nghiêm trang hùng vĩ – nơi tụ họp nghiên cứu của các bậc danh sư – bác học nước Pháp, như hạng Sylvain Lévy, Henri Bergson, H. Poincaré v.v... cách xa chừng năm chục bước, thì đến phố Des Carmes, một phố rất cổ ở kinh thành Ba Lê, còn nhiều các dấu tích của các tiền triều Louis để lại.

Sánh với bây giờ, phố Des Carmes nên gọi là cái ngõ hẻm thì phải hơn. Đường sá rất hẹp, lát gạch lổm chổm, gần giống như đường lát trong mấy làng xứ quê ta, hàng ngày móng chân trâu bò nện mãi thành ra chỗ lồi chỗ lõm. Nhà cửa toàn thị kiểu xưa, gác thấp, tường đã rạn nhiều, ít cửa sổ.



Nhà nào trông cũng có vẻ sợ hãi gió bão. Nhiều nhà, bên trong cũng tối tăm, ẩm thấp, ta bước vào có thể tưởng tượng như mấy ngôi nhà cổ tại Hà Nội, làm lâu từ đời Lê; chỉ khác nhau là đằng này thấp bé lụp xụp, đằng kia thì nhà gác hai ba tầng. Có nhà, ván gác còn lót bằng gỗ, ta hơi đi mạnh là nó rên rỉ, làm cho người ở tầng dưới mất ngủ.

Đã có một câu chuyện thật ở phố này mà báo “*Le Rire*” đem vào tiểu lâm.

Một người thuê từng gác trên, đêm đi chơi bởi chè chén về, say rượu bí tỉ, đến nỗi chỉ tháo được có một chiếc giày, vất xuống ván gác đánh thình một cái, rồi nằm lăn trên giường mà ngủ, để nguyên cả quần áo và chân giày kia.

Người thuê tầng dưới bị giật mình, thức giấc, ngồi đợi mãi không thấy gì, phải thân hành lên gác trên, gõ cửa đánh thức anh say ta phải thức dậy và bảo:

- Này, bác làm ơn tháo nốt chiếc giày kia để cho nhà dưới người ta ngủ yên với chứ!

Thành phố Ba Lê từng có chương trình phá các nhà phố cổ lỗ, để làm lại tân thời hết; không hiểu gần đây phố Des Carmes đã được sửa sang thay đổi mặt mũi ra thế nào, nhưng giữa hồi có câu chuyện chúng tôi sắp thuật ra đây, thì phố Des Carmes còn giữ lại bảy tám phần mười dấu cũ vết xưa, như trên đã nói.

Thuở ấy, nội phố có đến hàng chục khách sạn chuyên chứa học sinh ở trọ.

Nhiều học sinh ngoại quốc thích tìm buồng trọ ở quanh phố này, vì so sánh giá thuê ở mấy đường phố tân thời gần ngay đó, được rẻ đến ba bốn chục phần trăm. Học trò nhà nghèo, đến Ba Lê trọ học, muốn tìm nhà trọ rẻ tiền, chỉ có phố Des Carmes là nhất.

Còn có lợi khác, là họ có thể ở chung ba bốn người một buồng cũng được; sự ấy, ở các khách sạn tân thời không cho. Có buồng lại sẵn cả máy nước và bếp ga (gaz) bên trong, khách trọ muốn nấu nướng lấy mà ăn, rất tiện.

Học sinh Việt Nam và Trung Hoa thường trọ ở phố này đông, vừa đỡ tốn tiền, vừa gần trường học.



Trong một khách sạn vào hạng nói trên, hai tầng và dưới nhà, độ hai chục buồng, người ở trọ toàn là học sinh Tàu, Cao Li, Tiệp Khắc, chỉ xen vào có một cặp thanh niên nam nữ, là người Việt Nam.

Họ ở tầng thượng, áp với mái nhà, có cầu thang đi riêng, lên đến buồng ấy là hết, không có ai ở gần kề và chung chạ đi lại, thành ra tịch mịch, cách biệt một giang sơn.

Cử động sinh hoạt của họ thế nào, trừ ra mục quản gia mỗi ngày lên dọn buồng một lần, dù ai muốn tò mò dòm dò cũng chẳng được.

Người đàn bà còn trẻ, đẹp, mặc đầm một cách nhã nhặn, càng tôn thêm vẻ đẹp lên; khi đi ra đường, ai trông thấy cũng phải khen thầm là một nhan sắc tiêu hồn. Nhất là lông mày lá liễu, mắt một mí, con người đen nhánh, làm cho nhiều người Âu Tây cũng phải đứng lại, nhìn sững, khi nàng đi phớt qua.

Chắc hẳn người ta tưởng nàng là gái, Tàu gái Nhật, chứ không biết là gái Việt Nam. Vì hai tiếng ấy lạ tai cho phần đông ở Ba Lê, cho nên hễ thấy da vàng, đình ninh là người đảo Phù Tang không thì con cháu Hoàng đế.

Nhưng, với những học sinh Việt Nam tinh mắt, chỉ một cái nhìn, họ nhận biết ngay nàng người đồng hương. Giống nòi với nhau, tự nhiên có cái trực giác thiêng liêng như thế.

Ở chốn tha hương, xa nhà xa xứ, được trông thấy một nữ đồng bào, đối với họ là một sự có ý vị tha thiết, quý hóa. Trong lòng nao nao như có cảm giác khi gặp một bạn thân, một người mong ước chờ đợi, rồi thì tự nhiên, muốn chạy lại làm quen muốn dò hỏi xem người ấy là ai.

Huống chi nhan sắc nàng, dáng điệu nàng trông như thơ mộng thế kia, lại dễ khiến cho lắm cậu thanh niên lãng mạn ta chớp mắt đắm đuối, chạnh lòng cố viên, bất giác sinh thêm, sinh cảm.

Xa quê hương lâu ngày, ăn các món thực phẩm thiên hạ mãi, bỗng trên bàn của người bên cạnh, bày ra một giai vị xứ nhà, trông thấy là đủ thềm nhạt, muốn vồ ngay lấy. Thường tình người ta, miệng đối với miếng ăn, cũng như lòng muốn đối với người vậy.

Rồi các cậu lâm le trở tài chinh phục.

Nhưng cậu nào cũng tự rước lấy sự tức tối, thất vọng.



Một buổi chiều, năm bảy anh em ngồi quây quần ở nhà hàng Sonffot, đem chuyện bại trận ra khảo lẫn nhau.

- Thế nào Tôn? Một người hỏi khai mào. Mấy hôm nọ thấy mày đi theo riết cái “thủ khoản” ở phố Des Carmes, có cần câu gì không?

- Chán quá, anh ạ! Người tên là Tôn trả lời. Chả biết anh Kim đề binh xuất trận, thắng bại thế nào, chứ tôi thì đã kéo cò trắng rồi. Xin đầu hàng.

Kim nhăn mặt như cái bị:

- Con bé ác độc quá, nó báo hại tao luôn ba buổi chiều bỏ học, lẻo đẻo đi theo, mà nó khéo vờ, khéo tránh, khéo đi quanh co, chẳng để cho mình có một giây phút nào được lại gần, hòng mở khoa tán ra. Đến hôm thứ tư gạ chuyện được thì nó trả lời nhát gừng, như đâm vào mặt, làm tao tức quá. Anh em nghĩ xem: đằng này hỏi: “Thưa cô quý quán ở tỉnh nào bên ta?”, nó trả lời: “Người xứ Việt Nam”; hỏi tuổi bao nhiêu và hỏi sang Pháp từ bao giờ, nó lắc đầu và nói: “Không nhớ”. Rồi tao hỏi đến chồng nó học ở trường đại học nào, thì nó đáp trùng trắng như đêm từ tiếng một: “... chuyên học khoa đâm và đánh gươm”, thế rồi gọi xe taxi leo lên đi mất, chẳng thềm chào hỏi ngó ngang đến mình...

Nghe chuyện đến đây, Hoàng, sinh viên trường luật, phá lên cười rũ:

- Kim còn khờ quá, e chưa hiểu nàng trả lời chồng học khoa đâm và đánh gươm là nghĩa làm sao đâu?

- Là nghĩa làm sao, hả anh? Thật em không hiểu. Hay là chồng nàng học võ thuật chẳng? Kim hỏi:

- Nàng nói thế, là để chỉ tỏ bóng bẩy cho mà biết: hễ còn theo tán tỉnh chồng ghẹo, thì rồi được xoi quả thui đấy.

Cả bọn cùng cười.

Anh Lê Trọng Nghi, lớn tuổi và đứng đắn nhất trong đám, hiện đang sửa soạn luận án thi Luật khoa bác sĩ này giờ chỉ ngồi lẳng lẳng nghe mấy người bạn trẻ nói phiếm một chuyện mà anh không biết gì đến. Giờ anh mới xen vào, có ý qui gián:

- Anh em mình đánh đường từ nhà sang đây, hao tốn cha mẹ, khó nhọc công phu, chỉ cốt có việc cầu học. Thế mà mỗi khi có dịp tụ họp,



chả thấy đem việc học vấn ra khảo hạch khuyến khích nhau, hễ giáp mặt là bàn chuyện ve đằm tán gái, mất hết cả buổi, nghĩ thật vô lí.

Tưởng là gái nào, chứ người thiếu phụ các anh mon men tán tỉnh đó chớ có xông vào.

Người đàn bà ấy đáng cho chúng ta kính trọng thì có, không nên lăm le chòng ghẹo.

Chòng ghẹo đã chắc mười phần mất công vô ích, còn sợ có khi làm rầy quá, khiến người ta phải bực bội, chỉ hơi cau mặt nói mát một hai câu, cũng đủ cho mình hồ người hóa ra mình dại.

Sơ năn tùy mặt, ma bắt tùy người các anh ạ!

Người chồng nàng, tôi biết, hiện đang học ở trường Cao đẳng Khoa học, vào hạng thông minh lỗi lạc. Những bạn đồng học nói chuyện với tôi rằng anh ta hiền lành, chăm chỉ, có thiên tư về Khoa học, cho nên mới rồi được nhà đại công nghệ Coty – ông vua nước hoa ấy mà cho một phần thưởng khuyến khích gì đó không biết. Trông anh ta như người lù rù, thế mà sức khỏe dẻo dẹo, có lần đã tỉ thí chơi với bạn học trong trường, một mình đông xung tây đột, làm cho ba người nằm dài đo đất. Không những anh ta có bắp thịt rắn rỏi, ý chừng lại biết cả võ Tàu. Không khéo câu nói nàng đáp anh Kim hôm nào đúng như nghĩa anh Hoàng đã giải đây.

Theo chỗ tôi nghe nói phong thanh thì nàng là con nhà có giáo dục, có học thức, nhưng vì một cảnh ngộ gia đình éo le thế nào không ai biết rõ, nàng theo chồng sang đây, là cốt nuôi chồng ăn học và mình tự học luôn thể.

Cứ xem người ta ăn nhấm ở trọ một phố như thế, và thường đi chợ búa nấu ăn lấy, đủ biết là người có chí thế nào. Người ấy chắc không phải tầm thường như ai mà mấy anh em hồng cám đồ, kiếm chác...

Tôn và Kim đồng thanh nói:

- Thế thì đáng phục nhỉ! Biết vậy, từ giờ phải kiêng đám này, không thì có khi được nghe con mụ ca bài nam ai hay là đức ông đóng triện nắm tay vào mặt thì dại!

\*



Thoáng nhìn bức tranh của ông nghề sắp đồ là Lê Trọng Nghi vừa mới phác họa, các ngài thừa biết hai vợ chồng họ buông thõng từng áp mái ở phố Des Carmes kia, không phải mặt lạ; chính là Lâm Kiều Mộc với Thạch Thị Minh Cầm.

Quả thế.

Sau cuộc giải tỏ tâm sự với mẹ đúng năm hôm, rạng ngày thứ sáu, Minh Cầm nhẹ nhàng đặt mấy cái hôn và điểm mấy giọt lệ trên trán thằng Tứ đang ngủ ngon giấc, rồi thì từ giã cha mẹ, tay xách va li lủi thủi ra đi.

Kì thật, nàng lên Sài Gòn để lấy vé đi Tây và đáp tàu tảng sáng hôm sau nhổ neo rời bến, bà mẹ đã biết rồi. Nhưng riêng với ông Châu Hồng thì nàng từ giã để sang Lào điều đình việc li dị với Lâm Kiều Mộc, như lời hứa hẹn hôm trước.

Ông cụ yên trí như thế, chỉ đợi hôm nào nàng trở về thì sắp đặt việc tái giá và đưa lên Sài Gòn cho ông rể mới trạng sư làm lễ thành hôn. Lần này ông định tránh tiếng, không muốn cho cưới ở nhà. Hình như ông rể mới trạng sư đã đánh máy sẵn sàng cả hợp đồng về của cải vợ chồng, để hôm ra Đốc lí làm phép cưới trở về nhà thì đôi bên kí tên.

Thật ông Châu Hồng chẳng ngờ đâu bộ máy bơi nước do Denis Papin nghĩ ra rồi Fulton thực hành, đã đưa cái hi vọng kí thác của ông ra ngoài bể khơi và đi một phương trời khác.

Mười lăm hôm sau, nghĩa là lúc chiếc tàu không lồ Athos II đang công Minh Cầm mà vươn mình rẽ sóng trên Ấn Độ Dương, sắp vào Hồng Hải, thì ở nhà ông Châu Hồng nhận được bức thư từ trạm Phan Thiết gửi lại, ở trong chỉ có ít hàng lạc thảo như sau này:

*“Kính ba và má*

*“Con lên Lào điều đình với anh Lâm Kiều Mộc xong rồi; anh đã tự thuận cùng con li dị, theo ý ba muốn.*

*“Nhưng con thiết nghĩ bỏ chồng lấy chồng ngay đây là việc hổ thẹn cho thân phận làm xấu cho mẹ cha, nên con quyết xuất gia đầu Phật đoạn tuyệt nợ trần.*

*“Bận về, đi qua Phan Thiết, thấy một cảnh chùa trong núi rất tịch mịch vừa lòng, con đã cắt tóc quy y, xin ba má tha thứ cho đứa con bất hiếu.*



*“Thằng Tứ, nếu ba má không thương được, thì xin đem nó cho các bà phước nuôi.*

*“Minh Cầm hai lạy”.*

Bức thư này, trước khi ra đi nàng đã viết sẵn và giao cho người con thím Bộ Lân, dặn dò hai tuần lễ sau thì đi xe hỏa ra Phan Thiết, bỏ vào thùng thư tại trạm này, cốt làm cho ông Châu Hồng sai đường lạc nẻo, tưởng con thật đã cắt tóc đi tu ở Phan Thiết vậy.

Nàng làm y theo từng khoản trong một chương trình đã vạch sẵn, mà riêng bà mẹ cũng biết rồi.

Không bút mực nào tả hết được cái tình trạng ông Châu Hồng lồi đình thịnh nộ khi xem xong bức thư của con gái bỏ nhà đi tu. Thôi thì ông la, ông hét, ông vật đầu vật tai, ông chửi mắng tung nhà, rồi ngồi cú rữ mà khóc meo mào:

- Mồ cha con hư! Con thú! Con đi!... Thà mày cầm dao đâm cổ cha mày một nhát cho chết đi còn sung sướng mát mặt cho tao hơn!... Bây giờ rồi nói làm sao với người ta!... Để tao đưa đơn lên tòa, bỏ tù thằng Mộc cho mà xem... Nó lừa gạt mày, cám dỗ mày... Tao biết rồi, chúng mày mưu mô làm bộ ra thế, chứ có thật đâu bỏ nhau!...

Rồi ông đứng phắt dậy, mặc áo đội khăn, toan đi trình báo để nhà chuyên trách bắt hộ Minh Cầm. Một lát, ông lại tính thân hành đi Phan Thiết, lồi cổ nàng về.

Khỏi phải nói, ai cũng biết bà Châu Hồng đã van lạy khuyên can với những lời lẽ phải trái và năn nỉ khôn khéo ra thế nào.

- Thôi, ông bảo người ta chờ đợi một chút, trước sau sớm muộn gì, nhân duyên ấy cũng thành. Để thông thả một đôi tháng, hay năm bảy tháng, con nó nguôi cơn buồn và biết nghĩ lại, thế nào tôi cũng tìm nó được về nhà này.

Lí sự và thế lực bà đầm thổi nguội dần dần nộ khí của ông, mỗi lúc một hạ, rồi thì tắt hẳn.

Được lúc nào hay lúc ấy, bà mẹ cố che chở bệnh vực con, khi phải dùng kế hoãn binh, khi phải thủ thế từng miếng, chỉ cầu sao cho con yên ổn đến Tây, và yên ổn ở bên ấy với chồng tới xong việc học, không bị biến cố hay một bất trắc gì làm cho rắc rối; dở dang, ngăn trở...

\*



Quả nhiên, nàng được yên ổn đến Ba Lê, vợ chồng đoàn tụ.

“Nỗi mừng biết lấy gì cân; lời tan hiệp, chuyện xa gần thiếu đâu?”, ta có thể đánh cắp câu ấy của cụ Nguyễn Du mà đặt vào tình cảnh này, hợp lắm.

Từ lúc chàng mới sang, ở trọ biệt tịch một khách sạn cũ kĩ trong phố Montssouris, tận cửa ô Orléans, tứ phía duy có một mình là người da vàng. Tiền buồng mỗi tháng 300 quan. Ngày ngày đi tàu điện lên xóm La Tinh học, nhân tiện đến bữa, vào mấy phạn điểm bán giá nhất định mỗi bữa 6 hay 7 quan là rẻ tốt bụng. Tính cả ăn ở, xe pháo, tiền học và các ngoại phí, hàng tháng đến 1500 quan, hết sức tằn tiện, thành ra vất vả. Ấy là may mắn cần dùng chưa nói.

Sự sinh hoạt bóp thắt, cộng lại với sự tận lực chăm sóc trái mười một tháng nay làm cho chàng gầy cả người.

Minh Cầm sang, thấy chồng như thế, tuy mừng đấy là dấu tỏ chuyên cần việc học, nhưng không khỏi ái ngại về mặt sức khỏe, bèn khuyên chồng dời hẳn lên xóm La Tinh, cho được cận tiện.

Trong cái buồng từng thượng ở phố Des Carmes, cũng biệt tịch mà lại rộng rãi, sẵn cả máy nước bếp ga, Minh Cầm trang hoàng ra vẻ một tiểu gia đình Á đông. Rồi nàng sắm đủ khí cụ để tự liệu ý việc ăn uống: bình nhật nàng vẫn khéo tay về gia chánh, nấu ăn món Tây hay món ta đều là sở trường.

Ở đây cũng như ở nhà, nàng chăm nom cái dạ dày của chồng một cách chu đáo.

- Mình tự lo đi tìm món ăn tinh thần ở các ông giáo sư của mình. Còn tôi thì lo nuôi mình bằng món ăn vật chất. Có thực mới vực được đạo, mình phải biết thế.

Chợ búa ở gần chung quanh, chỉ cách mấy bước. Mỗi sáng, nàng đi mua các vật thực, để bữa trưa ăn cơm ta, bữa tối ăn cơm Tây; không vẽ vờ gì, một vài món ăn mỗi bữa, chỉ cốt lấy ngon lành, phong hậu.

Tại Ba Lê, có mấy hàng quán bán đủ tôm khô, cá mực, nước mắm, xì dầu, dễ thường những phong vị cốt yếu của Á Đông, chẳng thiếu món gì. Cho đến muốn ăn giá xào hay dưa cải, cứ tìm mấy quán cơm hàng xén của người Tàu thì có.



Đã có thành lệ, cứ ngày chủ nhật thì bếp nhà nguội lạnh, vợ chồng dắt nhau đi ăn ngoài; hoặc ăn cơm Tàu ở Bắc Kinh phạn điểm, hoặc đến một hàng cơm Tây có tiếng. Buổi tối ăn rồi đi xem xi nê hay hát tuồng. Nàng muốn di dưỡng tính tình của chồng sau một tuần lễ mài óc trên sách vở, học vấn.

Chàng học tuần tự và tấn tới. Sang Pháp chín tháng, thi đỗ luôn tú tài phần thứ hai lại đỗ được một văn bằng về môn hóa học. Mấy ông giáo sư khen ngợi, có lần khoe học lực chàng với nhà công nghệ Coty, được ông này cao hứng, mua tặng mấy bộ sách khoa học, đáng giá hơn hai ngàn quan. Ông Lê Trọng Nghi nói với anh em rằng chàng được phần thưởng của ông vua chế tạo nước hoa, tức là chuyện ấy.

Minh Cầm sang Pháp, cốt vì chồng hơn là vì mình. Nhưng nàng không để tiêu ma ngày giờ ấy mà không thu lấy ít nhiều bổ ích cho tinh thần trí thức của mình, cho nên nàng cũng lo học.

Với nàng, sự học không phải có mục đích tranh khôi đoạt giáp gì, quý hồ mở rộng sự biết, nhất là những kĩ năng trí thức cần dùng thiết yếu cho một người đàn bà.

Đã có may mắn ở đất Ba Lê, duy có người nào vô tâm vô chí, hoặc nghèo khổ lắm, mới chịu dốt nát, không thể học được. Trái lại, một người muốn học, thì không thiếu gì trường, không thiếu gì thuận tiện cho mình, trên đường học vấn, dù muốn đi xa đến đâu cũng vẫn có thể.

Tại kinh đô văn minh ấy, trăm công nghìn việc, đều có trường học, có xưởng thực hành, chẳng công thì tư, chẳng ngày thì đêm, ta định học chữ hay học nghề gì, ngay trong xóm mình ở, cũng sẵn có thầy, có lớp.

Ngoài ra, con mắt và khối óc ta biết trông, biết tìm, biết suy, biết nghĩ, cũng là một cách học. Ba Lê là trường học thiên nhiên, từ những cổ tích văn minh cho đến các cơ quan tổ chức tân thời, với ai có trí và có mắt, chỗ nào cũng nhận thấy như là một thầy giáo, một lớp dạy.

Minh Cầm chịu khó theo học ở mấy bạn gia chánh nữ công, lại dụng tâm xem xét học hỏi về các vấn đề ấu trĩ viên, nuôi nấng con trẻ, vì nàng có ý mai sau giúp ích xã hội nhà về mặt chăm nom, bảo dưỡng nhi đồng.

Nàng cũng không quên học chữ và đọc sách cho kiến văn trí thức được rộng.



Những lúc chồng đi nghe giảng ở đại học đường hoặc ngồi làm việc trong thư viện, nàng lần mò đi quan sát Ba Lê một mình. Không phải tần phiến thăm đường hỏi lối ai cả, một tấm địa đồ chỉ nam trong tay, nàng đi xem dần dà hầu khắp những chỗ đáng xem ở Ba Lê. Máy cậu đồng hương có tính lãng mạn, đi theo chồng ghẹo tán tỉnh mà chẳng được mỹ nhân đoái hoài, chính là những lúc ấy.

Nhờ sự chịu học và để ý quan sát như thế, không bao lâu nàng biến hóa ra một người có học vấn kiến thức rộng, khác hẳn lúc mới đến. Trong khi ấy Kiều Mộc cũng thay đổi và tấn tới ở trường đại học, sắp sửa thi đỗ cả hai văn bằng cử nhân khoa học và kỹ sư.

Cái ngày Kiều Mộc thành tài tức là cái ngày Minh Cẩm phục thù danh dự, càng đến càng gần.

## VII- Ông lão mê gái lệch nghiệp

Đã thành lệ quen, mỗi tuần thấy báo đăng tin có một chuyến tàu ở Viễn Đông sang, Minh Cẩm tất tả đến nhà trạm ở đường Cujas – cách chỗ trọ chừng vài trăm thước – xem có thơ nhà gởi sang kí lưu ở đó không.

Chẳng lạ gì vợ chồng họ đang ở trong tình thế quái lạ, đặc biệt; một đằng gần như thầy tu nhà kín, một đằng không khác con gái cấm cung cùng phải giấu cả tính danh tung tích, lâu ngày tuy ở giữa đời mà có hàng rào chắn ngang với đời, chẳng có ai mà cũng chẳng cùng ai thư từ giao thiệp. Nhất là từ phía quê hương. Mỗi lần có chuyến tàu từ Đông Dương đem sang một vài phong thư mà họ gọi là thư nhà, người gửi thư ấy, mười lần như một chục, không có ai khác hơn là bà Châu Hồng hay thím Bộ Lân.

Hai bà lão nhà quê này chỉ có khi nào có chuyện đáng nói, hoặc có gởi tiền, thì mới thăm thì cậy mượn một người tín cẩn, biết chữ quốc ngữ, viết hộ cho Minh Cẩm một cái thư.

Thành ra nàng đón kì tàu và tất tả đến trạm Cujas mười lần, khéo lắm mới có vài lần được cô đầm chức sự đã quen nhẵn mặt, chỉ liếc qua giấy căn cước và tươi cười, nói:

- À, có. Hôm nay có một bức thư của cô.



Nàng coi như bắt được của quý, vội vàng lại tất tả đem thư về khoe với chồng. Hai người cùng hớn hờ đọc với nhau; cùng tươi tỉnh vui mừng khi đọc đến chỗ tả cảnh thằng tú ở nhà vẫn ăn chơi, khỏe mạnh và nhí nhảnh ai cũng muốn hôn, muốn tát.

Nhưng bận này, nàng đi ra trạm Cujas trở về, chả biết có thư từ gì không, mà không thấy khoe với chồng, còn sắc mặt thì buồn hiu, những tia đỏ trong mắt nổi lên, hình như mới rồi nàng vừa đi đường vừa khóc.

Chắc hẳn có thư, và cả mặng đa. Chứng cứ là lúc về phòng, nàng cầm một nắm giấy bạc, đầu chừng vài ba nghìn quan, bỏ tọt vào trong ngăn tủ, rồi đi sửa soạn bữa cơm. Hễ có tiền tức thì có thư, nhưng về bức thư ấy, nàng không đả động gì đến.

Kiều Mộc thấy khác ý, trong lòng rất bồn chồn lo ngại, chờ khi vợ chồng cùng ngồi bàn ăn, chàng mới lựa lời, hỏi khéo:

- Kì tàu này dễ thường không có thư nhà gửi sang, mình há?
- Nếu tôi nói không, thì té ra nói dối mình, mà nói dối mình, là một việc không khi nào tôi làm được!... nàng đáp một cách xuôi xị.
- Thế sao mình không cho tôi xem với?
- Lần nào thư nhà cũng chỉ có thế, mình xem làm gì!
- Thôi, tôi hiểu rồi. Chắc có chuyện gì riêng, mình không muốn cho tôi biết chớ gì?
- Có lẽ thế.
- Vậy thì mình hết lòng tin tôi rồi, phải không?
- Bao giờ tôi cũng tin mình...
- Ô hay! Dù trong thư có tin gì dở, chuyện gì buồn, tất nhiên chung cả vợ chồng mình, phải để tôi cùng chia, cùng gánh, cùng chịu, cùng lo; bỗng dưng mình gác tôi ra ngoài, mà yên tâm được ư?

Nàng trầm ngâm giây lát, chịu lời chồng nói phải, liền móc túi lấy bức thư ra và nói:

- Mình muốn xem thì đây mình xem!

Trong khi Kiều Mộc đọc bằng mắt, thì nàng nhắm lại bằng trí. Chàng xem xong bức thư, nét mặt cũng buồn.

\*



Gần ba năm trời, bà Châu Hồng lao tâm khổ trí với vợ chồng Minh Cầm ở bên Tây đủ mọi phương diện.

Vừa đóng vai một ông tổng trưởng bộ lương thực lo cung cấp gạo thịt cho chiến sĩ ở mặt trận, để Kiều Mộc và Minh Cầm có thể sống yên ổn ở Paris, vợ theo chồng, chồng theo học. Vừa có chức vụ như một ông trạng sư bênh vực kẻ có tội để cho hai người khỏi bị phiền lụy về mặt luật pháp cũng như về phía gia đình. Bà ở nhà, thay mặt con gái mà chịu những lưỡi búa rìu trách mắng, những cơn sấm sét đe dọa của cụ ông.

Cách mấy tháng, bà lại xoay xở tiền bạc, gửi sang cho Minh Cầm khi năm bảy trăm, khi một đôi ngàn. Bù qua sót lại, mỗi tháng vợ chồng đều có đủ số cần dùng để chi vào các khoản ăn ở, học hành, may mặc, thuốc men; sự sống của họ giữa đất Ba Lê tuy không được dư dật phong lưu như con nhà giàu khác, nhưng bà mẹ hiền cũng không để họ đến nỗi thiếu thốn vất vả.

Những khoản tiền gửi đi như thế bà đòi nợ riêng hoặc khéo giật gấu vá vai mà có, tuyệt nhiên ông cụ không ngờ không biết đến tí nào.

Trong trí ông có thể tưởng tượng trời nghiêng đất sập họa chẳng, không khi nào tưởng tượng được rằng hai người làm bộ li dị nhau để tụ họp nhau ở kinh đô nước Pháp. Trước mắt ông bây giờ, Kiều Mộc không còn phải là rể con gì của ông nữa, nó có chết trôi nổi đâu mặc kệ nó; còn Minh Cầm thì đã cạo đầu trọc lóc, hiện đang gõ mõ tụng kinh ở một ngôi chùa nào đó ngoài Phan Thiết; hay là đã về núi Tây Ninh theo như lời bà cụ nói.

Hai ba tháng đầu ông làm giông làm bão hàng ngày. Ông hậm hực đe dọa luôn miệng những sự trình tòa báo quan, làm cho ra lẽ. Mỗi lần bà cụ phải can gián, van lơn đến rất cả lưỡi, khô cả cổ họng. Tuy chưa có lần nào bà đến giả vờ tự tử, nằm giãy đành đạch, như con gái bà đã hiến kế ngày nào, nhưng thật sự bà đã khéo khống chế, khéo trở ngán, vận dụng biết bao nhiêu tâm sơ mưu trí, mới khỏi bị ông chồng già làm ra sinh sự lôi thôi.

Thằng Tứ dễ yêu và vô tội kia, giá nó đã khôn lớn hiểu biết, chắc nó trông thấy cái vẻ nhìn mà nghe tiếng hứ của ông ngoại, cũng đủ nhức xương nhức óc, khó chịu vô cùng. Ban đầu, ra vào thấy cháu, ông làm



như giận cá chém thớt, hoặc không thềm đoái hoài hỏi han, hoặc khi nói đến thì nói với cháu những lời buốt như kim châm, nặng như núi đá:

- Thằng cha với con mẹ mày ở đâu sao không tìm nó mà theo, ở đây cho tốn cơm gai mắt ông?

- Ông ngoại không nuôi cháu thì cháu đi ở chăn trâu cho người ta để kiếm cơm ăn như lũ kẻ nghèo kia nhớ!

Thằng Tứ trả lời một cách ngây thơ rồi nhoẻn miệng cười, ôm lấy ông mà vuốt râu, cũng hôn hít, làm cho quả tim ông rần rởi mấy phải mềm dịu. Lâu dần ông nguôi bớt việc đã qua, trở lại thương yêu cháu tha thiết.

Sự khuây dần dĩ vãng ấy không phải bởi thiên lương khiến vậy, chính bởi mấy con mèo đã quặp lấy tâm tư trí não ông thì có.

Những kẻ ganh ghét, cố tình phá hại gia đạo, thềm muốn sản nghiệp nhà ông, dễ chịu buông tha ông ra đâu; hồng keo này, chúng bày keo khác.

Ta đã biết hương chủ Điều xui giục ông, một hai bắt buộc Minh Cầm bỏ chồng, để rồi làm mối nàng cho một vị trạng sư nào đó, vừa là cháu bên vợ y, vừa giao ước có hoa hồng bạc vạn. Cái mưu ấy cố nhiên không thành, là vì Minh Cầm bỏ nhà đi mất. Phàm kẻ tiểu nhân, hễ không được ăn thì tìm cách đập đổ, hương chủ Điều chính là hạng ấy.

Trước va mưu lợi ở con không được, bây giờ mưu hại ở cha cho bỏ ghét chơi.

Sẵn lúc ông đang chứa chất nỗi buồn, chẳng khác gì miếng đất thuận tiện để hương chủ Điều gieo mầm mưu hại.

Khéo lấy tình thân thích vui buồn có nhau, va rủ rê ông Châu Hồng nay lên Nam Vang mai đi Sài Gòn luôn luôn, cho được tiêu sấu giải muộn.

Nhất là ông cự phú, trong túi lúc nào cũng phồng lên từng tập giấy trăm tự nhiên những cách tiêu sấu khiến muộn tha hồ dễ tìm dễ thấy.

Rồi kẻ đồng mưu đồng điệu với va là cô giáo Nhâm đưa ông đi dần vào mê hồn trận.

Muốn hiến cho chú một món quà Sài Gòn để giải khuây dưỡng già, cô giáo Nhâm giới thiệu cô ba Thần Lăn với ông Châu Hồng.



Ả khéo chuộc bù ngải thiêng liêng, hay có thủ đoạn cảm dỗ cao cường đến thế nào không biết, làm cho ông lão mê tít. Hồng nhan bạch phát trở nên một đôi nhân tình. Ông dầm dúi cho ả bạc ngàn để may mặc trang điểm; lại bỏ ra bạc ngàn dọn nhà, xây đắp một ổ tình già rất kín đáo, xinh xắn, để lấy chỗ đi lại Sài Gòn chơi.

Tội nghiệp ông lão mê gái.

Một người sinh bình hiền hậu, thật thà, ngoài ra công việc làm giàu không biết chơi bơi là gì, bây giờ gần đất xa trời lại đồ đốn ra ham mèo mê gái, sự ham mê ấy thật là đáng sợ.

Trước ông chỉ có chút bệnh hiếu danh, nay thêm ra hiếu sắc nữa, mà chứng bệnh này lại nặng, nguy hơn.

Hương chủ Điều ngấm ngấm dẫn dụ ông bước vào đủ các ngách hư hỏng tốn kém: đánh me, bài cào, cá ngựa, không một thú vui nào ông không chơi, không cuộc chơi nào ông hại tiền.

Mỗi tháng, khéo lắm ông chỉ ở nhà độ mười ngày là cùng, còn thì sa đà say đắm ở Sài Gòn với các thú chơi.

Nhờ vậy mà ông quên dần câu chuyện Kiều Mộc, Minh Cầm chẳng đe dọa sinh sự thừa kiện gì nữa. Bà Châu Hồng được yên thân, khỏi phải mất công cầm cự giữ gìn hộ con như mấy tháng ban đầu, nhưng mà việc nhà thì càng ngày càng thấy mòn mỏi suy kém.

Về phía ở nhà đã yên, bà chỉ còn phải lo về phía rẻ con sống ở Ba Lê. Chẳng biết chữ nghĩa gì mà hồng ghi chép cho nhớ, nhưng bà sáng dạ, cứ tính nhẩm trong trí; liệu chừng số tiền gởi trước sắp sửa cạn, thì bà đã nhớ gởi ngay số sau tiếp tế cho con đều đủ thường thường; nàng không cần phải viết thư nhắc nhở lần nào.

Duy có về sau, ông cụ càng ngày càng chơi bời phá tán, tiền của trong nhà cứ đội nón ra đi thì có, trở về thì không, thành ra mỗi lần bà cần dùng xoay tiền gửi sang Tây cho Minh Cầm có hơi chật vật. Trước còn bôn tẩu khó khăn, lâu dần đến chậm trễ kì hạn. Kịp đến thời kì kinh tế khủng hoảng, bà đành chịu bó tay thờ dài, một mình không tìm đâu ra tiền mà gởi tiếp tế như khi trước được nữa, cho nên phải bảo nhỏ người con thím Bộ Lân viết thư kể rõ sự tình ở nhà cho vợ chồng Minh Cầm biết.



Tức là cái thư nàng vừa ra trạm Cujas lấy về, giấu giếm ngần ngừ mãi rồi mới thò ra cho chàng xem, mà chàng xem rồi cũng phải biến sắc.

Vì có mấy đoạn như sau này:

“... Kì này má chạy sấp chạy ngựa gần muốn hết hơi, cũng chỉ được có ba trăm đồng bạc, đổi ra thành ba ngàn quan tiền Tây, gởi sang cho hai con. Ấy là bòn góp chỗ này từ năm mười đồng, vay giạt chỗ kia đôi ba chục, chứ không phải tiền nhà ta có sẵn đâu, mà có lẽ đây là kì sau rốt; từ nay mười phần chắc chín, má không còn có tài lực bao bọc cho hai con được nữa.

“Tất con phải lấy làm lạ, vì lẽ nhà mình vẫn có tiền của ruộng đất như thế, nổi tiếng đại phú một vùng, không hiểu tại sao má lại hết phương xoay xở cho có mỗi tháng mấy trăm bạc để gởi cho con?

“Nhưng để má kể rõ, con sẽ hết thấy lạ. Bấy lâu nhà ta có chuyện má vẫn cất giấu trong lòng, giờ muốn nhân tiện đổ trút ra trên giấy mực này một đôi phần, cho con được biết đại khái.

“Ba năm nay ba con đâm hư ra, chơi bời phung phá tệ lắm, ngoài hẳn sự ước chừng của con có thể tưởng tượng. Sau khi con đi Tây theo chồng độ ba bốn tháng, ông mượn cơ buồn phiền gia sự bỏ nhà đi chơi, hết Nam Vang Đế Thích đến Lục tỉnh Sài Gòn; mỗi lần ông đi biệt hàng đôi ba tuần lễ mới trở về nhà ít ngày, rồi lại đi nữa.

“Ban đầu, má cũng nghĩ ông tìm chỗ du ngoạn phong cảnh để tiêu sầu khiến muộn thế thôi, đi chán một độ rồi cũng về nhà, không ngờ ông tuổi già là thế, bình nhật hiền lành đứng đắn là thế, mà bây giờ ông sa ngã xuống vực tứ đồ tường, ngập đầu ngập cổ. Không còn mong gì ngoi lên.

“Má hết sức chiều chuộng và khuyên lơn ông ở nhà để cưới nàng hầu cho, trẻ mấy xinh mấy cũng có, nhưng ông không nghe. Ông lên Sài Gòn, bị một con đĩ thập thành tứ chiếng nào đó cho ăn bùa ngải, cháo lú, làm ông mê tit. Người ta mách với má rằng con ấy tên là cô ba Thần Lăn; con thử nghĩ xem, có phải nghe nói cái tên cũng đủ rùng mình, chết khiếp! Trời ơi! Ông lão quý hóa nhà ta, giờ đi yêu con Thần Lăn!

“Ông dọn nhà sang trọng cho nó ở, mua những hột xoàn cầm thạch cho nó trang sức mỗi tháng chi lương năm sáu trăm mà nó còn không



bằng lòng. Từ khi ăn phải bùa ngải của nó, không biết ông cung đồn riêng nó đến mấy vạn mà nói.

“Rồi nhân nó, ông kết giao với tụi ăn tàn phá hại ở đất Sài Gòn, bị lôi cuốn rủ rê vào trường đồ bác. Nghe nói chủ nhật nào cũng đi trường đua, không mấy tối không mò đến sông me Sáu Ngọ hay là nhà tiệc Chợ Lớn...”

“Cố nhiên ông tiêu hoang và thua dữ, cho nên má thấy lần nào đảo về Hồng Ngự nét mặt cũng buồn xo, hay gắt, vôi vàng bán đồ bán tháo mấy ngàn dạ lúa, có tiền lại đi. Má khóc lóc can gián cách gì, cũng như nước đổ đầu vịt. Năm ngoái, ông gọi mấy người chủ máy gạo ở Chợ Lớn xuống, điều đình bán trước lúa bắp mùa màng năm nay, để lấy tiền đi chơi, dâng nộp vào tay mấy con đĩ non, vào bốn móng chân ngựa, vào chiếu bạc sông me. Đến vậy thì thật là quá quắt!

“Những thế, cơ nghiệp nhà mình đã bị đào khoét lung lay lắm rồi, huống chi bây giờ còn thêm tai nạn kinh tế khủng hoảng như cơn bão táp ùng ùng đến đây nữa!

“Xứ mình lúc này nguy khốn đáo đẽ, con ạ! Ruộng đất, cửa nhà, lúa gạo, sản vật, thứ gì cũng mất giá, rẻ tẻ mạt. Tiền bạc hiếm hoi hết sức, túng thiếu rất khó vay mượn. Đến nhà băng cũng bắt đầu khóa tủ không chịu ra tiền cho vay nữa. Lúa gạo để mọt, chẳng ai thèm mua cho. Ba con thiếu nợ của ngân hàng bao nhiêu chẳng rõ, đang bị họ thúc đòi khẩn cấp, nếu không trả được thì sản nghiệp không khéo đến bị tịch biên phát mại.

“Sợ ở nhà đại khái thế đấy, cho nên lần này má chỉ gởi được cho con ba trăm và thú thật từ sau hết phương lo chạy; dù má thương yêu hai con đến thế nào đi nữa, bây giờ cũng chẳng tìm đâu ra tiền, vay mượn cũng chẳng có ai cho.

“Má tưởng vợ chồng nên thu xếp mà về thì hơn. Không thiếu gì nhà giàu ở Lục tỉnh đã phải gọi con ở bên Tây bỏ học trở về, vì lẽ kiếm tiền cấp dưỡng không nổi. Chồng con không có số mệnh đồ đạt ông kia ông nọ thì thôi, đành về bên này tìm việc xì xằng gì đó mà làm; chứ ở bên ấy, má không thể gởi tiền cho nữa, thì hai vợ chồng làm sao mà sống?

“Nếu chịu về, thì đánh dây thép ngay cho má biết, má đành phải



thú thật với ba con, cố vay mượn đủ hai xuất tiền tàu, gửi sang cho mà về.

“ Vân... vân...”

Kiều Mộc xem thư đến đâu, giật mình tái mặt đến đó. Thất vọng tràn ngập cả tâm não chàng.

Đối diện Minh Cầm ngồi khóc âm ỉ.

Chết chưa! Bây giờ làm thế nào? Về mà dở dang thì không lẽ vác mặt về; nhưng cố ở lại đến lúc kết quả thành công thì lấy cách gì mà sống?

Cái dấu hỏi ấy, chắc hẳn đang nhào lộn từng phèo trong trí nghĩ của hai vợ chồng.

Nàng ngẩng mặt lên hỏi chồng, có vẻ trông rất thương hại:

- Mình nghĩ thế nào?

- Tôi nghĩ chỉ nên tự tử phút đi là xong!

Chàng thở dài và đáp. Dở dang thế này mà bỏ về, té ra phí mất công tôi cố gắng học hành và phụ cả lòng mình mong ước gây dựng... Rồi lấy mặt mũi nào đối với ông cụ...

- Phải lắm tôi cũng suy nghĩ như mình. Nhất là, nghe lời trong thư bà cụ, tính để thú thật và xin tiền ông cụ cho vợ chồng mình về thật tôi không muốn. Vả lại, chắc gì ngày nay ông đã có lượng khoan thứ mình, hết giận tôi; hay là chỉ tổ đánh thức trí nhớ năm xưa trời dậy, để cho khinh ghét vợ chồng mình thêm!

- Bởi vậy, tôi quyết ở lại học cho đến thành danh hẳn hoi mới nói chuyện về được, mình ạ! Kiêu Mộc tự vỗ ngực nói, tỏ ý quả quyết.

- Việc học của mình cứ tính cho sát ngày tháng, thì còn độ bao nhiêu nữa, gọi được là xong?

- Chỉ độ tám chín tháng nữa thôi.

- Vợ chồng chết sống có nhau, mình đã quyết ở đến bao giờ, tôi cũng theo mình đến lúc ấy, nhưng khôn nổi vấn đề sinh hoạt, chúng ta phải tìm cách giải quyết thế nào?

- Ấy, bao nhiêu sự khó đều qui tụ ở đó cả.



Nàng ngẫm nghĩ một lát, như bật ra một ý kiến gì hay ở trong trí, liền vỗ vai chồng và hỏi?

- Mình thường nói Coty vẫn có bụng yêu mình hiền lành, chăm học và hơi có tài?

- Chính thế! Chàng đáp. Có lần ông đã tặng tôi đến hai ngàn quan tiền sách, mình không nhớ ư?

- Nếu thế, thì mình đánh bạo kêu gọi tám lòng hiếu nghĩa hiền tài của người ấy thử xem. May ra mình tìm được phương pháp học xong mấy tháng nữa. Còn tôi, tôi sẽ tìm việc làm để tự mưu sinh được, không lo.

Chàng bỗng tươi tỉnh:

- Ô! Cái ý kiến của mình thế mà hay đó... Tôi bái phục bà Gia Cát nhà tôi... Để tôi đi tức khắc, mình nghe.

Dứt lời, chàng đội mũ đi ngay.

### **XIII- 125 nghìn quan, món quà cứu tinh ông nhạc**

Chàng đi thẳng một mạch đến nhà báo "*Ami du Peuple*", một cơ quan thuộc về phe hữu, chính ông Coty làm chủ nhiệm.

Ông này có tiếng là vua nước hoa, vì đã chế tạo ra các thứ hương du hương thủy, hiệu là Coty, nổi danh khắp thế giới – vốn người đảo Corse, lúc mới đến Paris, làm một thầy thư kí xoàng ở một xưởng công nghệ, lương tháng năm sáu trăm quan. Sau tò mò thế nào, nghĩ ra được một phương pháp cất nước hoa thơm ngát, đặc biệt, rồi xoay được ít vốn đứng ra làm riêng; lại khéo đặt cái hiệu là Coty nghe hay hay, dễ nhớ, từ đó càng ngày tấy mãi lên.

Không đầy mười năm, nghiêm nhiên làm chủ một nhà máy nước hoa rất to, xây dựng nên cơ nghiệp đồ sộ có đến một hai trăm triệu. Nước hoa Coty cạnh tranh và được hoan nghênh dữ quá, đánh át cả những hàng thượng phẩm bên Mỹ; đến nỗi một nhà sản xuất Mỹ phải chịu trả cho ông Coty mười triệu đôla, chỉ mua cái quyền lợi được dán nhãn hiệu Coty ngoài ve, còn nước hoa bên trong thì của họ cất lấy. Mới ngày nào



chỉ là thầy kí hăng buôn, bây giờ có lâu đài ở Paris, có biệt thự ở Corse, có nhà nghỉ mát lộng lẫy ở Nice, sung sướng như bậc đế vương.

Sau khi làm nên ức triệu rồi, ông Coty lại chán nghề nước hoa, ham thích làm báo viết văn, hoạt động chính trị. Tung ra hàng triệu để mua tờ nhật báo này, hàng triệu để mở thêm tuần san kia; tha hồ phóng tài hóa thu nhân tâm, kết giao với những người có tên tuổi trong văn đàn chánh giới.

Thì ra đời nào xứ nào cũng có hạng giàu rủng mủ như thế: cứ tưởng mình có tiền, có nhiều tiền, tức thì trở nên một nhà viết văn làm báo ngay được, chẳng cần phải có điều kiện gì khác hơn. Có biết đâu cái nghề này, không phải chỉ có tiền mà đủ nắm chắc thành công chỉ huy như ý.

Ngoài ra tờ “*Ami du Peuple*” xuất bản hằng ngày, chính ông Coty chủ trương, viết bài kí tên luôn luôn, còn một tờ hàng ngày khác và hai tờ tuần báo nữa, cũng là của ông, hoặc xuất vốn kinh doanh, hoặc có quyền xem xét. Nhưng chẳng báo nào được thiên hạ hoan nghênh. Phải biết người đời khó tính và rất sành: nước hoa Coty ai cũng thích dùng, nhưng bài văn tờ báo Coty thì người ta không muốn đọc.

Báo ông làm, văn ông viết, thật không có hương vị tiếng tăm cho bằng nước hoa ông chế tạo mặc dầu, ông vẫn cố sức theo đuổi. Báo với bỏ, chẳng được lời xu nào thì chớ, mỗi năm lại phải bỏ thêm vào hàng chục triệu để bù đắp, nuôi sống nó. Thành ra chỉ vì thích nghề làm văn viết báo, mà ông phải tốn hao dần mòn những con số triệu đã do nước hoa đem lại. Đến hồi ông qua đời, hình như sản nghiệp không còn gì, cho nên có người đã bảo ông hi sinh và tuyệt nghiệp vì nghề làm báo.

Tuy vậy, sinh bình ông có một tính cách đáng khen đáng quý, là có độ lượng hào hiệp đối với những người hiếu học. Chắc ông tự nghĩ mình thuở nhỏ đã nhờ thời không được học nhiều, bây giờ trời cho giàu có, mình nên giúp đỡ cho bạn hậu tiến, cho học trò nghèo, kéo họ phải vì thiếu thốn mà học hành dở dang, tội nghiệp.

Ông hết lòng cứu trợ và khuyến khích bạn trẻ hiếu học. Một người hàn sĩ đã đến gõ cửa nhà ông, không khi nào đi ra về trong túi không có một số tiền ít nhiều và bên tai không in những lời yên ủi, hứa hẹn. Thật, ông không phải là nhà giàu keo bần, ích kỉ như người ta. Nghe nói



trường nào có một người học trò chăm chỉ, có tài, bao giờ ông cũng đề ý, gọi đến tận nhà, tặng cho sách vở để khuyến khích: nếu là con nhà nghèo thì ông sốt sắng giúp đỡ cho được học đến nơi, đến chốn.

Tức như năm trước, nghe chuyện một nhà giáo sư ở trường Cao đẳng khoa học, khoe mình có một học sinh da vàng thông minh chăm chỉ lạ thường, cách tuần lễ sau, ông mời đến nhà chơi và tặng cho sách vở đáng hai ba nghìn quan.

Người học sinh da vàng ấy chính là Kiều Mộc.

Từ đấy thành quen, thỉnh thoảng chàng đi lại thăm ông, coi ông như bậc ân nhân trường giả. Có lần, chàng ngó ý mai sau học xong về xứ, cũng muốn kinh doanh công nghệ nước hoa, vì trong xứ có nhiều thứ hoa dùng được, như hoa bưởi, hoa ngọc lan chẳng hạn. Ông nghe rồi vui vẻ khuyên bảo:

- Anh cố học cho thành tài đi. Sự học là chìa khóa bách hợp, mở cửa sự nghiệp nào chả được!

Ngày nay lâm vào cơ nguy vận bĩ, bởi cảnh gia đình, chàng bối rối, quên bẵng một chỗ có thể nhờ cậy, nhưng vợ lại sáng ý nhớ đến. Nàng bảo:

- Mình đi tìm cứu tinh ấy thử xem.

Chàng bỗng nhớ ra, đi thẳng đến nhà báo, xe ông Coty cũng vừa đến nơi.

Ông niềm nở bắt tay và dẫn vào phòng việc hỏi chuyện ra về thân mật, một điều gọi là "*mon enfant*", hai điều gọi là "*mon ami*".

- Thưa ông, đã lâu ngày tôi không dám đến làm phí ngày giờ quý báu của ông, nay tôi đánh bạo đến thăm ông và nhân tiện để xin từ biệt luôn thể.

Kiều Mộc nói với giọng rất thành thực và cảm động, khiến ông chủ báo "*Ami du Peuple*" sùng sốt:

- Từ biệt?...

- Vâng, tôi đến chào ông lần chót, để sắp sửa lên đường về xứ.

- Ô, thế ra việc học của anh xong xuôi hoàn toàn cả rồi? Ông hỏi một cách vui mừng.



- Thưa, chưa xong gì cả...

- Ủa! Anh nói chuyện gì lạ thế? Học chưa xong đã bỏ đi về, công trình dở dang, không phải đáng tiếc lắm sao?

- Quả có như lời ông nói: thật là đáng tiếc. Nhưng vì tình cảnh gia đình bắt buộc...

- Gia đình bắt buộc?... Ông cười và nói. Thôi, tôi đoán ra rồi: hẳn là nhà anh gọi anh về để cưới vợ chứ gì? Hình như phong tục bên xứ anh, con trai mới có tí tuổi, đã lo cưới vợ...

- Thưa ông, không phải vì thế. Chỉ vì cảnh nhà tôi biến cố xảy đến thành linh, không có sức chu cấp cho tôi ở học bên này được nữa. Sáng nay, tôi vừa nhận được tin nhà gọi về, bởi nhà tôi đã bị nạn kinh tế khủng hoảng làm cho phá sản, ruộng đất của cải hết sạch sành sanh... Cha mẹ tôi phải thú thật không thể gởi tiền cho con tiếp tục việc học... Bất đắc dĩ tôi phải về, thật lòng tôi đang nôn nao mên cảnh văn minh nước Pháp, nhớ thầy nhớ bạn, nhất là nhớ một bậc người trưởng giả, tiên giác, lại có lòng chăm nom khuyến khích đoàn hậu tiến, như là ông đây nghĩ thật hiếm có... Đến như công phu học hành dở dang phải bỏ, đáng tiếc biết mấy nhưng mà tình cảnh bó buộc biết làm thế nào?

Kiều Mộc nói rù rì, thỏn thức, nghe rất buồn thảm, chỉ còn thiếu có vài hàng nước mắt nhỏ xuống nữa thì đủ về.

Anh chàng khôn ngoan đến nước; một người thuở trước đã nếm nhiều mùi giang hồ luân lạc cũng có khác! Chủ ý muốn đến cầu người ta cứu giúp việc học cho mình, nhưng còn quanh co thớ lợ, không chịu nói ngay. Lại nhập đề bằng mấy lời từ biệt về xứ và tỏ ý mên thầy tiếc bạn, than thở công học nửa chừng phải bỏ... là cốt để ướm thử lòng người đối với mình xem sao đã, rồi liệu gió phát cờ. Nếu mở miệng kêu cứu ngay, mình đã mất trước thể diện, còn lo người ta từ chối thì nhục.

Đã nói ông vua nước hoa vốn giàu lòng thương những bạn trẻ thông minh hiếu học, vô luận là chính người Pháp hay dân thuộc địa; có nhiều học sinh nghịch cảnh đã được nhờ cặp mắt xanh và tấm lòng vàng của ông phù trì, nâng đỡ, mà được học hành chu đáo. Chứng cứ là trước kia ông có biết Kiều Mộc là cha căng chú kiết nào, chỉ nghe một lời của nhà giáo sư khen ngợi, mà ông tặng ngay cho mấy nghìn quan tiền sách, gọi là khuyến thưởng.



Chàng đã được ông để vào mắt xanh rồi, tự nhiên bây giờ nghe nói cảnh nghèo bắt phải bỏ học, khiến ông phải động lòng thương hại, không nỡ để chàng nửa chừng nửa đoạn trên đường học vấn.

- Hình như anh sắp thi tốt nghiệp ở trường Cao đẳng Khoa học thì phải? Ông hỏi:

- Vâng, tôi còn thi một bằng nữa thì xong khoa học cử nhân. Đồng thời, tôi thi cả văn bằng kỹ sư hóa học. Tóm lại, tôi cần làm sao sống được trong vòng tám tháng nữa thôi, thì việc học hoàn toàn.

- Tám tháng thì mấy, anh cứ ở lại mà học như thường, tôi giúp đỡ anh.

Tức khắc ông gọi điện thoại về nhà máy nước hoa, nói chuyện với ông giám đốc nhà máy trong vài phút, rồi quay lại bảo chàng:

- Được rồi, nhà máy đang cần một người phụ việc trong phòng hóa nghiệm, tôi đã điều đình cho anh vào chân ấy... Hôm nay là 28 nhỉ, thế thì mừng một đầu tháng, anh bắt đầu đi làm ngay... Mỗi ngày chỉ làm có bốn giờ đồng hồ, cũng nhàn... Lương tháng ở đây tuy có nghìn rưởi quan, nhưng phần riêng tôi mỗi tháng giúp thêm nghìn rưởi quan nữa, thế là ba nghìn quan, cho anh đủ sống, đủ học... Bọn trẻ các anh bây giờ cần phải sống rộng rãi một chút mà học, chứ keo cú như lớp chúng tôi hồi trước không được... Thế nào, anh liệu mỗi tháng ba nghìn quan có đủ dùng chưa?

- Thưa ông giúp đỡ cho như thế, quá sự tôi mong ước!...

Chàng đáp và mừng run cả người.

Suýt nữa chàng toan nói: ông giúp cho như thế, là nuôi cả vợ tôi nữa đó.

Khi bắt tay từ giã, ông còn ân cần khuyên nhủ chàng:

- Thôi, anh về yên tâm cố học nhé! Hàng tháng tự khắc có một tấm ngân phiếu nghìn rưởi quan gửi đến cho anh... Phải vui vẻ phấn chấn mà sống mà học, không được lo buồn quá, hại người.

Trời ơi! Ông bảo chàng còn phải lo buồn gì nữa.

Mừng quá, chàng nhảy ba bốn bước một, từ trong nhà báo ra ngoài đường còn thiếu ít tí nữa thì đâm đầu vào một chiếc taxi vừa chạy sượt



đến. Người sếp phơ hoảng hồn hú vía hãm xe vừa kịp, lườm chàng và tặng chàng cái tiếng... lưu truyền khiếm nhã của tướng Cambronne, nhưng chàng chỉ đáp lại bằng nụ cười rồi đi thẳng.

Ba giờ chiều về đến nhà trọ, Minh Cầm đi vắng. Cách sau một giờ, nàng về, nét mặt hơn hờ, khoe với chồng:

- Tôi đã tìm được việc làm rồi, mình ạ! Làm phụ sổ sách ở đại thương điểm *Palais de Nouveautés*, lương tháng 6 trăm quan...

Chàng bứt ngang lời nói của vợ:

- Mình không phải đi làm đâu hết, cứ việc ở nhà nằm khênh, tôi nuôi.

- Chà! Nói nghe ra phết ông tướng!... Trông cái bộ mặt vui vui, khéo lắm thì óc mang lấy mình óc là giỏi, còn muốn đèo bông cọc rêu?...

- Tôi nói thật đấy. Từ giờ mỗi tháng tôi có ba nghìn quan kia mà! Mình hãy hô lên: Coty vạn tuế! Rồi tôi kể chuyện lại cho mà nghe.

Đoạn, chàng thuật rõ cho vợ biết hảo tâm của ông vua nước hoa dàn xếp giúp đỡ ra thế nào.

Nghe chồng kể chuyện xong, nàng để tay lên trán và nói:

- Thật là nhờ mình biết khảng khái tu tỉnh, ông trời mới âm phù mặc tướng cho được gặp vị cứu tinh ấy! Phải cố gắng làm sao, chớ để phụ lòng người ta.

- Tôi thì tôi tin rằng nhờ nơi đức độ của mình, trời mới xui khiến cho may mắn như thế đấy! Chàng nói, luôn luôn qui công về cái đức tốt của vợ.

Hai hôm sau, chàng đến giúp việc trong phòng hóa nghiệm của công ty chế tạo nước hoa, do ông Coty đã giới thiệu. Ông chánh kỹ sư cũng có lòng thương, thu xếp ngày giờ cho chàng được gọn, chỉ phải đi làm về buổi chiều, còn cả buổi sáng, chàng thông thả đến thư viện đọc sách hoặc lại học đường nghe giảng.

Đúng ngày 30, có một tấm chi phiếu nghìn rưởi quan gọi lại cho chàng để ra ngân hàng *Crédit Lyonnais* lãnh tiền.

Minh Cầm xếp đặt lại cách thức sinh hoạt của hai vợ chồng khác



hẳn trước. Từ đấy, mỗi bữa vợ chồng dắt nhau đi ăn cơm hàng, tính cả hai người mỗi tháng tốn về khoản ăn hết 1000 hay 1200 quan. Tiền trợ vẫn 300 quan như cũ. Các khoản chi dụng phong lưu hàng tuần như trước, nàng đều gạt bỏ hết chỉ giữ những món cần dùng thiết yếu, cố tằn tiện để cho ngoại phí hàng tháng không được quá số 500 quan. Nàng bảo chồng:

- Chúng ta phải cố tiết kiệm làm sao mỗi tháng để dành được một ngàn quan là ít, nếu được hơn nữa càng hay. Để rồi nay mai vợ chồng có tiền mua vé tàu mà về, chứ mình bảo còn trông cậy vào ai!

Bây giờ nàng làm tài chánh tổng trưởng có phần chắt bóp hơn là những lúc có mắng đa ngàn này ngàn khác của bà mẹ gửi qua. Tuy vậy, nàng không hà tiện về những khoản cần dùng cho sự học sự sống của chồng; duy có về phần mình, bất cứ món tiêu gì ngoại phụ, vô ích, nàng đều chịu nhịn và tỉnh giảm hết. Thành ra trong số 3 ngàn quan mỗi tháng chồng đem về, nàng để ra ngoài được 1200 quan, gửi kho tiết kiệm.

Thăm thoát 8 tháng.

Kiều Mộc thi đỗ cả hai văn bằng đại học tốt nghiệp, theo đúng ngày tháng dự định từ trước.

Chàng nhờ đức vợ cảm hóa mà biết tu tỉnh phần phát đến đây đã trở nên người học thức, thành danh.

Nàng vì chồng khổ tâm nhứt chí hơn bảy năm nay, đã thấy công phu mình được khánh thành hoàn hảo.

Vợ chồng thu xếp về nước.

Cố nhiên thấy chồng đỗ đạt, nàng rất vui mừng, nhưng chẳng lấy gì làm lạ. Vì sự mừng ấy đã dự bị dần dà trong trí nàng từ trước; nàng có thể tin chắc bề nào nó cũng đến nơi. Có gì lạ, một người đã biết phần chí lập thân, mà lại thông minh chăm chỉ như chàng, thì chỉ có việc tuân tự mà tiến, cái đỗ là sự nắm chắc trong tay.

Nhưng nàng phải một mẻ kinh ngạc, cho đến giựt mình hoảng hốt và không thể tự tin con mắt mình, ấy là trước khi lên đường một hôm, chàng đi từ giã thầy bạn và các chỗ ân nghĩa rồi trở về nhà trọ, vừa nói vừa trao một tấm giấy xanh xanh cho nàng xem:



- Ai bảo rằng “Phúc bất trùng lai” hờ mình? Tôi vừa đổ xong cả hai bằng, ấy là một cái phúc. Còn cái này, mình xem hộ tôi là cái gì đây?

- Trời ơi! Tám chi phiếu ngân hàng 125.000 quan!... Nàng kêu rú lên vì sự bất ngờ. Không biết mắt tôi sáng hay lòà thế này? Tiền của ai gửi mình mà nhiều thế?

- Của tôi, của mình, chứ còn của ai. Không thấy trong chi phiếu biên rõ tên tôi đấy à?

- Ủ, thật há!

Đồng thời chàng đưa cho vợ xem một cái giấy đi tàu hạng nhì cho cả vợ chồng, từ Marseille về Sài Gòn, rồi kể chuyện vì sao có hai sự lạ ấy.

Nguyên chàng được ông Coty giới thiệu cho công ti chế tạo nước hoa, giúp việc phân chất ở ban hóa nghiệm, tỏ ra người mẫn cán, linh lợi, ông kĩ sư giám đốc cũng yêu, thời thường chăm nom chỉ bảo thêm; về mặt hóa học, chàng yêm bác tấn tới hơn người, có nhờ ở đó một phần khá lớn. Năm tháng trước, muốn tỏ sức học mình ra, chàng có đưa trình công ti này một bản điều trần viết rất kĩ lưỡng, rất đúng phương pháp khoa học, kể rõ ở Đông Dương sản xuất những thứ hoa gì không thấy ở Tây phương và có thể rút lấy hương chất để chế tạo nên lắm thứ nước hoa mới.

Công ti chú ý về bản điều trần ấy lắm. Sau năm ba phen bàn bạc, xem xét, công ti đã tính phái một nhà chuyên môn sang Đông Dương nghiên cứu, nếu thật có nhiều hoa dùng được, thì công ti sẽ cho sang một ít máy móc cần dùng để lọc lấy tinh chất gửi về Tây. Nhưng họ suy tính lợi hại, một nhà chuyên môn tự công ti phái đi nghiên cứu như thế - ấy là mới nói nghiên cứu mà thôi, chưa kể đến thực hành - phí tổn đi về có lẽ đến ba bốn chục vạn quan mới đủ.

Trong khi dự định ấy còn đang cân nhắc chưa quyết, thì vừa Kiều Mộc thi đỗ cả cử nhân khoa học và hóa học kĩ sư. Công ti thấy chàng có đủ danh nghĩa và tư cách làm việc nghiên cứu mà họ đang định, hướng chỉ ý kiến ban đầu tự chàng khởi xướng, cho nên họ ủy thác ngay việc ấy cho chàng, phí tổn nhẹ đi được đến hai phần ba.

Vì thế mà chàng có trong tay một tám chi phiếu 125.000 quan với



chiếc vé tàu hạng nhì cho hai vợ chồng về xứ. Lúc này chàng đã nói thật với công ti rằng mình có vợ cùng về.

Sự ủy thác ấy, chính Kiều Mộc không hề tưởng tượng, cũng như Minh Cầm không hề tưởng tượng bỗng dưng chồng nàng có số tiền to như thế.

Nhập với số 9.600 quan mà nàng tiết kiệm trong tám tháng vừa qua, hai vợ chồng đáp tàu về nước chuyển này, đầy sự đắc ý trong tâm và mang hơn 13 vạn quan trong túi.

Con người ta lúc đắc chí thành công sướng thật, hồi nào đi “heo” sang Tây, ngày nay trở về, nghiêm nhiên làm quý khách hạng nhì; theo lệ, hãng A.R.I.P. vẫn báo tin mỗi chuyến tàu đi về có những hành khách nào, trong sổ hành khách đi tàu Porthos nhổ neo ở Marseille chuyến này, có tên kỹ sư Lâm Kiều Mộc và vợ.

\*

Trong 8 tháng vừa qua, khi vợ chồng Minh Cầm ở bên Tây đi chắc từng bước lên đài thành công, thì ở bên nhà, ông Châu Hồng mỗi ngày tuột dần xuống bậc thang phá sản.

Mấy năm về trước, nghĩa là những lúc thóc lúa còn được giá đồng rưỡi một giạ, cao su hai đồng một kí lô, cho đến các thứ sản vật khác như bắp, mía, cá khô, dừa v.v... thứ nào cũng đánh đổi lấy vàng ngọc và chở bán ra xứ ngoài tấp nập, đắt như tôm tươi. Tiền bạc chứa chan dễ tìm như đá sỏi; tủ sắt của các nhà cày cấy trồng tía xếp bạc đồng bạc giấy từ dưới lên đến nóc. Ấy là một thời kì hoàng kim của xứ Nam kì.

Những lúc đó, vô số nông gia nghiệp chủ vung tay quá trán, tha hồ huy hoắc, phóng túng, không cần phải tiếc đồng tiền. Ai nấy đua nhau ăn chơi cực kì xa hoa, mua sắm cực kì phí phạm. Vợ con đeo vòng vàng tới cổ chân, chói lòa kim cương cả mười ngón tay. Nhà nào cũng có đôi ba chiếc xe hơi tối tân ở bên Anh bên Mỹ sang, chiếc này của cụ ông, chiếc kia của cậu, chiếc thứ ba của cô. Hồ thấy nước sơn kém bóng, hay trông đáng hơi xưa, là bỏ cũ mua mới ngay; lên hãng xe hơi lựa chọn chiếc nào mới nhất đẹp nhất, hãng vừa nói giá bảy tám nghìn một vạn, là mở hồ bao đêm tiền “bắt” xe lập tức, không thềm cò kè mặc cả nửa tiếng. Có thể mới là chơi sang xài bảnh.



Lại còn nuôi mèo, cá ngựa, đá gà, hốt me, nhất nhất ăn chơi một cách cùng xa cực xỉ, tiền bạc tung vãi qua cửa sổ, chẳng cần đếm xỉa số ngàn số muôn ra gì. Họ tranh nhau một tiếng “dám xài”, thì nhau tung vãi đủ các phương diện. Cao su được giá, thóc gạo như vàng thế kia, tội gì chẳng ăn tiêu thả cửa cho sướng? Mùa này hồ măn, đã tới mùa sau, tiền của thu nhập dễ dàng đầy dẫy nếu không quăng thả tứ tán, thì rồi năm nay chồng chất năm kia, để đâu cho hết? Dù có thua hết tiền tử, xài hết thóc nhà cũng chả phải lo: chỉ có việc gọi chú má chín của một nhà máy gạo ở Chợ Lớn về, điều đình bán non bán già mùa tới, hoặc lên vay nhà băng Đông Pháp, một tiếng nói đủ lấy dăm bảy chục hay một trăm ngàn lúc nào cũng được. Đến mùa chỉ bán một góc vừa lúa, trả nợ như chơi!

Sở dĩ họ già tay huy hoắc, chẳng cần tiếc tiền như thế, là vì tin chắc lúa cứ cao giá, cao su cứ đắt hàng mãi, hoàng kim thời đại còn kéo dài đến thiên thu vạn tuế, tự nhiên nguồn tiền suối bạc cứ cuồn cuộn chảy đến cho họ, không bao giờ khô kiệt cho được.

Họ không ngờ cái quái kịch gọi là kinh tế khủng hoảng, dữ dội bằng mấy những trận đại hồng thủy.

Thật vậy, dùng một cái, trận bão kinh tế khủng hoảng độ ấy, dầu ngọn gió khởi từ bên Âu bên Mỹ, tràn qua xứ ta và khắp thiên hạ, làm cho bao nhiêu nông gia nghiệp chủ Nam kì hốt hoảng bất ngờ, đành chịu đứng nhìn sự nghiệp tan đổ, không kịp trở tay.

Thóc lúa sụt xuống ba bốn hào bạc một gạ, cao su cũng mất giá bảy tám phần mười, dù muốn bán đồ bán tháo, xứ ngoài cũng chẳng thèm mua cho. Tiền bạc tự dưng hiếm hoi, khô kiệt. Nhà băng khóa tủ lại, không cho vay ra nữa, chỉ lo thu đòi nợ vào. Các cuộc công thương, chế tạo, sản xuất lớn nhỏ, đều đứng sững lại như bộ máy liệt. Những nhà giàu ăn tiêu quá lố, không biết dự phòng kia, bây giờ mới ngã ngựa!

Thiếu nợ thiếu nần người ta, đến kì hẹn không trả nổi, tự nhiên chiếu luật bị thừa kiện và tịch thu phát mại, chứ có gì là lạ. Hồi ấy ở Nam kì có lắm cái sản nghiệp đáng năm mười vạn, mà khi phát mại chỉ bán được đôi ba nghìn, vì không ai có tiền đâu mà mua cao hơn và tranh dành nhau như lúc bình thường. Đố các ngài thử đoán những người chủ sản nghiệp ấy mắc nợ chừng bao nhiêu? Năm vạn? Một vạn? Thừa



không, họ chỉ nợ dăm ba nghìn gì đấy thôi, nhưng cùng kể không tài nào xoay trả được, đành phải để cho sản nghiệp phát mại với cái giá cỏ rác đất bùn như thế. Ngày nay hồi tưởng, còn nghĩ như chuyện thấy đâu trên cung trăng, nhưng mà thử thời chính là việc thật thế đấy.

Thì nhà cự phú Châu Hồng và cả sản nghiệp của ông đang bị lâm le ngã vào trường hợp trên đây đã nói.

Mấy năm ông trở ra chơi bởi vô lại, của nhà tích súc bao lâu, cứ vác đi Nam Vang Sài Gòn xài phá về gái đi, về sông me, về đua ngựa, dần dần tới hết. Nhưng ruộng đất nhà ông còn bát ngát từng dãy, từng đám kia, tức là vật đảm bảo quý báu, ông đi vay mượn đâu mà không được? Vì kẻ nội hồn đất cũng đáng sáu bảy mươi vạn kia mà!

Ông vay nhà băng một vạn đồng bạc để kế tiếp cuộc chơi cho thỏa thích, trong ý cũng định mùa lúa sang năm chỉ thu lúa rẻ của một đám ruộng con con, cũng thừa trang trải khoản nợ ấy.

Không ngờ kinh tế khủng hoảng đùng đùng kéo đến, thành ra mùa lúa năm sau ông chỉ trả được tiền lời, còn vốn thì khất. Qua kì hẹn sau, đến tiền lời ông cũng không có sức trả được nữa.

Theo luật, người chủ nợ xin phát mại gia viên điền sản của ông là lẽ rất tự nhiên.

Lúc bà Châu Hồng viết bức thư kể lể tình cảnh với Minh Cầm ở Ba Lê, chính là lúc chủ nợ thúc đòi nguy cấp, rồi sau đó thì việc thừa kiện đã đưa ra tòa thật.

Hai vợ chồng già chỉ đành ngồi khoanh tay bó gối nhìn nhau, tìm không ra phương, nghĩ không ra kế gì có thể giải nguy thoát nạn phá sản. Bây giờ ông đã vái dài tất cả cô Thần Lăn, sông Sáu Ngọ, cửa trường đua, ngày ngày đóng cửa ở nhà, làm như chân tu và tỏ ý ăn năn sám hối đáo đẽ. Nhưng ăn năn đã quá muộn.

Bà cụ thương con và tiếc của, sớm tối chỉ những thở than khóc lóc, làm cho ông càng buồn tình ruột gan, không có cách tiêu khiển nào khác hơn là chơi giỡn chuyện trò với thằng Tứ. Nhưng thằng Tứ năm nay đã gần bảy tuổi, bắt đầu đi học trường làng; nó không được ở nhà cả ngày cho ông ngoại quên bớt cơn sầu nhờ nó.

Quanh quẩn lại chỉ còn có việc đợi án tòa xử cho chủ nợ phát mại



sẽ có lục tổng đưa đến mình hôm nào; hoặc là trông mong phép lạ trời cứu, chưa chắc đã có.

Bà lo buồn gấp hai ông, là vì từ hôm viết thư tuyệt lương báo cho Minh Cầm, nàng trả lời dù phải ăn mày tha hương cũng cố ở lại cho tới khi chồng nàng thành tài tốt nghiệp; nhưng từ đấy về sau, đằng đằng năm sáu tháng, bà không tiếp được tin con, chẳng biết vợ chồng nó an nguy còn mất thế nào. Có khi bà toan xỏ hết câu chuyện bí mật ra với ông, nhưng nghĩ bây giờ nói cũng vô ích, vì không xoay đâu ra tiền để gửi cho vợ chồng nó ở lại học tiếp hay là trở về, thì chẳng nói cho ông biết vội làm gì. Để nghe ngóng sự thể đáo đầu xem sao đã. Và lại, việc nhà hiện tại, cái lo sắp mất cơ nghiệp là việc đáng lo nghĩ hơn, chiếm hết tinh thần trí lực của hai ông bà.

Một hôm, ông ngồi đọc báo lẫn mần, thấy đăng cả điện tín A.R.I.P. kể tên những hành khách đáp tàu Porthos ở Marseille tuần lễ trước, trong ấy có bảy chữ, mà sức mạnh như tầm sét đánh ngay vào tinh thần ông, khiến ông giật mình kinh ngạc, muốn bắn người lên đến trần nhà, ấy là bảy chữ: *“Kĩ sư Lâm Kiều Mộc và vợ”*.

Bà đang ở dưới bếp, ông gọi giật giọng lên cho được, để phô tin lạ:

- Này, kì thiệt, má nó ạ! Thằng Kiều Mộc đi Tây hồi nào, giờ có tin trong báo đã đỗ kĩ sư trở về đây nè!

- Mộc mạc nào há?... bà hỏi lại như thể vô tình quên lửng, nhưng mà trong bụng thì khắp khởi vui mừng gần muốn té xỉu.

- Thì là chồng con hai nhà ta hồi trước, bà không nhớ hử?

- Thế à!... Ai bảo hồi đó chưa chi ông khinh người ta không phải kĩ sư, một hai bắt con bỏ chồng, giờ người ta đi học đỗ kĩ sư thật, cho mà biết mặt.

- Lại có cả vợ cùng về nữa, không biết vợ đây là gái Tây phương hay là xứ mình?... ông nói hơi có vẻ ngượng, ý hằn chột nhớ chuyện xưa.

- Tôi nghe nói vợ nó cũng là người Lục tỉnh ta.

- Con nhà ai há?

- Nào biết được. Dễ thường ông bắt con gái ông bỏ nó, thì nó không lấy đâu ra vợ nữa à?... Bây giờ ông thấy chưa?



Ông chạnh lòng, giọt lệ hối hận từ trong hồ mắt tràn xuống gò má nhăn nhu:

- Tội nghiệp con hai nhà ta, giờ tu ở chùa nào không biết?

- Hứ!... Giờ ông mới nhớ đến con. Tôi đã nhắn tin gọi nó về đây nay mai, chỉ có mình nó là con, việc nhà đến lúc nguy biến thế này, phải gọi về cho nó biết, kéo sau nó trách vợ chồng mình được.

- Bà tính như thế rất phải. Tôi mong được gặp con, vì lâu ngày thương nhớ.

- Đến cả Kiều Mộc, phen này thi đỗ ở Tây về, có lẽ cũng nghĩ tình xưa nghĩa cũ, sẽ đến chơi nhà ta, chứ lẽ nào không!... Ví dụ nó đến, ông có chịu tiếp chẳng?

Không trả lời câu hỏi ấy, ông trầm ngâm giây lát, bỗng hú lên một tiếng, vỗ tay lên trán và nói:

- Hay là...

Nhưng ông dừng lại đó, không nói tiếp nữa. Không hiểu ý ông định nói hay là thế nào? Hay là ông đoán ra việc bí mật bấy lâu? Hay là trong trí ông muốn nhân dịp đề tính cuộc “*tái hồi Kim Trọng*” cho con gái ông chẳng?

\*

Tàu *Porthos* đến bến Sài Gòn, vào lúc 7 giờ sáng.

Kiều Mộc và Minh Cầm lên bờ, thuê xe chở hành lí về khách sạn Rotonde ở đầu đường Catinat, định lưu lại Sài Gòn một ngày để sáng sớm hôm sau ra đi xe đò về Châu Đốc.

Một tờ báo đất nhà, chàng mua trước nhất để xem tin tức, lại gặp ngay tờ báo có bài xã luận kêu xin nhà đương cuộc nên gấp thi hành luật triển nợ (*moratoire*) cho dân xứ này, kéo có nhiều nông gia nghiệp chủ bị nạn kinh tế khủng hoảng, chỉ vì thiếu nợ một số con con mà sự sản của họ bị tịch biên phát mại, nghĩ rất oan uổng. Bài ấy cử ra làm chứng một lũ sản nghiệp lớn nhỏ ở Lục tỉnh hiện đang nằm vào trường hợp sắp sửa phát mại vì một số nợ không đáng là bao; trong đó sản nghiệp của ông Châu Hồng ở Hồng Ngự là một.



Minh Cầm xem rồi khóc rống, muốn tức khắc một mình thuê xe hơi riêng đi Châu Đốc trước, để xem sự thể ở nhà ra thế nào?

- Tôi nóng ruột như lửa, mình ạ! Nàng nói với chồng. Nhất là mình đã về đến xứ sở, mà nghe việc nhà bối rối nguy nan như thế, không sao yên tâm được. Tôi phải về trước đây...

- Thôi thì bây giờ với sáng mai không xa nhau bao nhiêu, chàng nói. Mình ở lại, chiều nay cùng tôi đi đến đàng này có chút việc quan hệ, rồi sáng mai ta cùng về một thể.

Minh Cầm rầu buồn thốn thức, bữa trưa không ăn cơm.

Đúng 3 giờ chiều, Kiều Mộc dắt vợ lại thẳng nhà băng Đông Pháp, đưa danh thiếp để vào diện kiến ông chánh băng.

- Thế, tôi ngồi đợi mình ở ngoài này nhớ! Nàng nói rồi ngồi xuống ghế ở phòng khách.

- Không, mình cùng đi với tôi (chàng dắt tay vợ đứng dậy). Bao lâu ở bên Pháp, xã giao đã quen, việc gì mà phải e lệ.

- Một lát, ông chánh tiếp kiến hai người.

..... (*mất một trang cuối*)





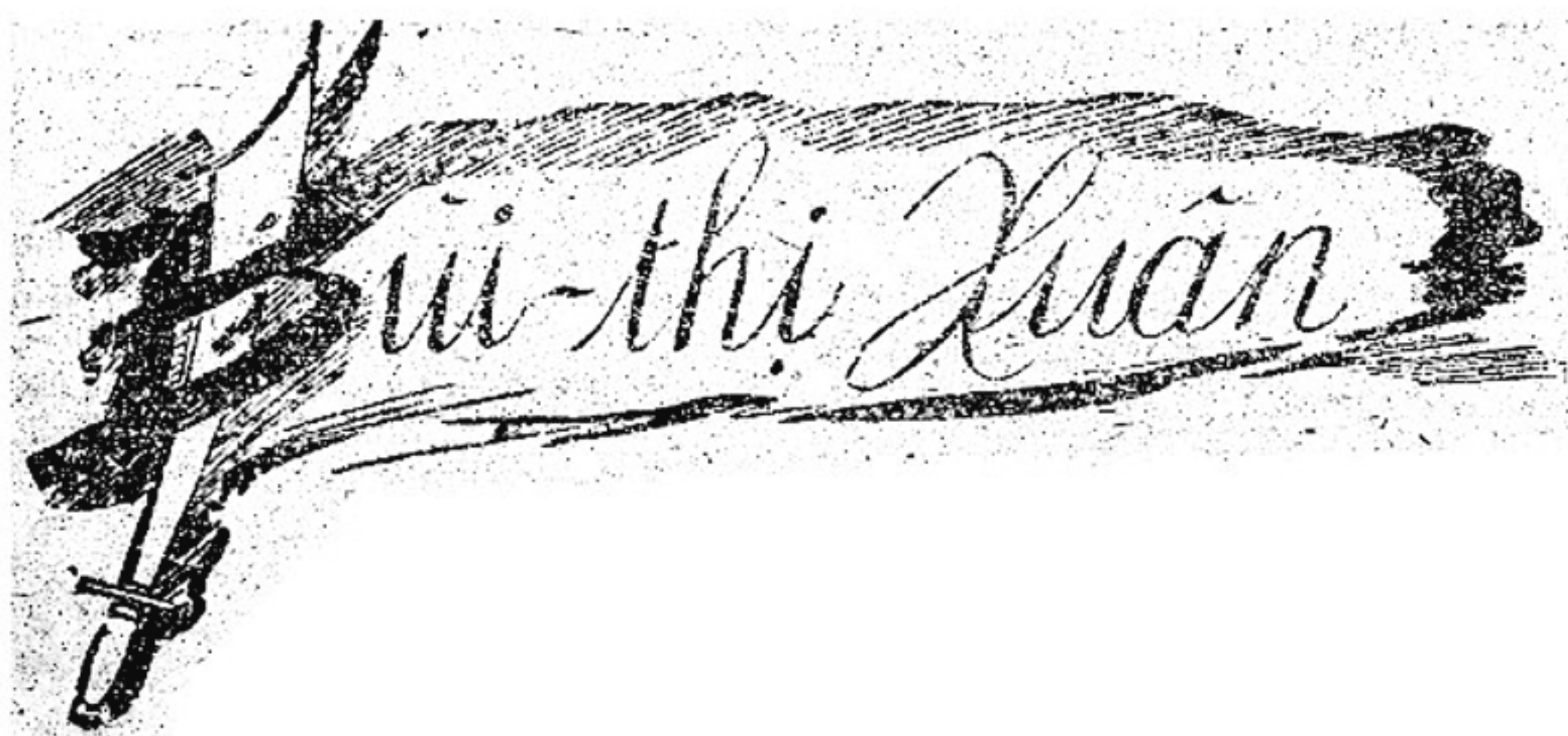


ĐÀO TRINH NHẤT  
(Hong Phong)

BÙI THỊ XUÂN  
*(Lịch sử tiểu thuyết)*

TRUNG BẮC CHỦ NHẬT  
(từ số 222/1944 - 260/1945)





## I. Một vụ kiện lạ đời

Vào khoảng năm Đinh Hợi (Tây lịch 1767), đời chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuận, có một gia đình lạ, - họ tên gốc tích là gì không ai biết, - đến ở phường Tháo Mang gần kinh thành, cũng sắm khung cửi và làm nghề dệt như dân sở tại.

Phường Tháo Mang ở bên sông Phú Xuân, thuộc huyện Hương Trà, nằm giữa địa phận ba xã Nghi Xuân, Sơn Tây và Vạn Xuân. Cả phường có ba xóm, mỗi xóm tụ họp chừng vài chục nóc nhà. Dân cư đều làm nghề dệt, nghề tổ truyền của họ từ trước khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa. Họ chuyên dệt hàng tơ như cấp, địa, cải hoa khéo đẹp có tiếng. Có nhà kiêm dệt cả chiếu cói và buồm để bán cho dân chài ở các cửa bể Tư khách, Việt hải, dùng đi bể rất chịu gió và bền.

Họ không hiểu sao cái gia đình mẹ góa con cô kia ở đâu mới đến, lại làm được nghề riêng của họ hầu như bí truyền lâu đời.

Thật thế, gia đình lạ ấy, làm chủ là một bà quả phụ độ ngoài bốn mươi tuổi, có hai đứa con nhỏ, chỉ hơn kém nhau một vài tuổi, thêm một mụ già nghênh ngang phục dịch.

Cách ít lâu, đứa con trai bị thương hàn chết, thành ra trong nhà còn lại ba người, trẻ già lớn bé toàn là đàn bà.

Thoạt tiên, quả phụ đem gia quyến đến phường Tháo Mang, thuê đất làm một ngôi nhà lá năm gian, rồi mua sắm khung cửi, bắt tay vào



nghề dệt để mưu sinh. Nhất nhất mẹ con tự làm lấy, không thuê mướn thợ bạn như các nhà cùng nghề ở quanh xóm.

Người ta để ý không thấy ai tới lui nhà ấy bao giờ; trừ ra mỗi khi dệt xong một tấm hàng, bản thân quả phụ đem lên kinh thành bán, rồi mua tơ về dệt tấm khác; trong nhà quanh năm lặng lẽ như ngôi chùa, không nghe to tiếng, không nằng đi lại xóm giềng, nhất là không mời xóm giềng qua lại nhà mình khi nào. Có kẻ hiếu kỳ, muốn tìm cớ hỏi chuyện nhà nghề, cốt đến dòm nom nội tình; quả phụ ra tận ngoài cổng niềm nở tiếp khách ngay ở giới hạn ấy rồi cáo từ trở vào, không hề mời khách vào trong nhà, dù là hàng xóm quen thân cũng vậy.

Những gót chân được bước qua ngưỡng cửa lần thứ nhất, là gót chân mấy người phu đòn lúc thằng con trai của quả phụ chết, đưa quan tài đến tấn liệm và khiêng ra. Trong dịp quan trọng như thế, cũng chẳng thấy có bà con họ hàng nào đến hỏi thăm chia buồn. Các bà cùng xóm có chạy sang, quả phụ cũng ra cổng mời điều thuốc miếng trầu ở đấy, và từ khước một cách rất khéo:

- Bà con có lòng tốt chạy qua hỏi thăm tôi xin cảm tạ. Tiếc vì trong nhà hẹp hòi luộm thuộm quá, nên không dám để phiền các bà quá bộ vào chơi, xin các bà lượng thứ.

Một tên phu đòn biết chữ lỗ mỗ, trở ra thóc mách với người ta rằng trong nhà treo mã đao với đoản kiếm tứ tung; chính giữa bày bàn thờ, chắc là bàn thờ chồng, ở trên vát ngang bốn chữ "*Thệ báo phu cừ*" (Thẻ trả thù chồng) khá to, bên cạnh có những chữ nhỏ gì nữa, nhưng họ không đọc được.

Bấy giờ người ta mới xâm xì dị nghị về tung tích của gia đình này. Có lẽ vì bốn chữ ấy mà quả phụ không muốn cho ai bước chân vào nhà chẳng? Trong sự sống cô độc hình như có điều gì bí mật, có cái tung tích mờ tối thế nào, cho nên cần phải giấu giếm với cả mọi người vậy.

Tuy nhiên, người đời bấy giờ, phần nhiều còn thuần hậu, ai nấy yên sống theo phận mình, giữ tôn chỉ "mặc chuyện thiên hạ" như câu cổ ngữ đã dạy: *các nhân tự tạo môn tiên tuyết, mặc quòn tha nhân ốc thượng sương* (ai lo quét tuyết rơi trước cửa nhà nấy đừng quản đến sương phủ trên nóc nhà người ta).

Tôn chỉ ấy, cầm giữ ngọn đèn thiện trong tâm con người ta thường



sáng đều đều; không mấy ai có tính khốn nạn bởi lòng tìm vết, đi tố giác thiên hạ để kiếm chút công danh hoặc lĩnh một món tiền thưởng.

Huống chi quả phụ chi xử riêng với mình thì khát khe, kín đáo nhưng xử với xóm giềng rất mực nhã nhặn, ân cần. Nhà nào có việc, bất cứ giàu nghèo sang hèn, bà đều thân hành đến thăm hỏi, đưa tặng quà cáp là thường, Thấy ai túng bản, tự bà đem bạc tiền thóc gạo đến giúp đỡ, tùy theo sự cần dùng, mà không đòi hỏi bao giờ, dù người ta có giả lại cũng thoái thác không nhận.

Vì thế người ta kính trọng cuộc sinh hoạt bí mật của bà, lâu dần thành quen, không ai có ý dòm ngó soi bói gì cả. Họ bảo nhau rồi cũng chẳng đến công ngó nữa, khỏi làm phiền bà phải tắt tả chạy ra tiếp rước. Chỗ bà ở được xem như một cấm địa.

Nhờ vậy, gia đình quả phụ được sống yên ổn trong phường Tháo Mang sáu bảy năm nay; nghĩa là đứa con gái bé mà số phận còn để lại cho bà mới có bảy tuổi; bây giờ cô đã 13.

Chẳng biết có phải đâu lúc tuổi cô mang con số 13 là số vận xấu hay không, nhưng thật đến năm Nhân Thìn ấy bà thân mẫu cô nằm vật vã trên giường bệnh thập tử nhất sinh, khiến cô xót thương vô hạn.

Tình cảnh mẹ đơn con chiếc thật không có giây phút nào buồn hơn!

\*

- Con Mạnh của má đâu con?

Thưa má, con đây!... Con đang sắc thuốc gần được rồi, để con bung lên má uống...

- Không, má không uống bây giờ đâu!... Con lên đây với má!

- Vâng, con đợi rót nước thuốc kéo nó cạn mất; rồi con lên ngay.

- Để thuốc đó, giao cho mụ Trì coi giùm, con lên đây má bảo, mau!... Trời ôi! Con tôi ở đâu, gọi hoài không thấy...

- Con đây, thưa má!... Con đây... Con lên đây mà!

Nàng lật đặt bung chén thuốc lên, đặt bên giường mẹ nằm, rồi hai tay dịu dàng vuốt ve trên trán bà mẹ, trong ý vui mừng từ sáng đến giờ, bà có vẻ tỉnh táo, không nóng sốt li bì như mọi hôm.



Bà dăm dăm nhìn con, tình thương yêu phát lộ đầy trên hai mắt, dường muốn gói ghém tất cả năng vào trong. Choàng ôm chặt lấy con, nâng niu và hôn lấy hôn để, bà vừa hôn vừa nói:

- Lạy trời Phật! Tôi thương yêu con tôi, không biết để đâu cho hết.

Đoạn bà tươi cười bảo con:

- Con đỡ má ngồi dậy, nào!

- Thôi, má cứ nằm nghỉ cho khỏe, ngồi dậy làm chi? Nàng trả lời và lấy ve dầu Khuất thần thoa hai bên thái dương cho mẹ.

- Ô! Con tôi thế có buồn cười không? Muốn cho mẹ uống thuốc mà không cho mẹ ngồi dậy thì uống thế nào?... Con cứ nâng đỡ má ngồi dậy chốc lát, má kể một truyện cổ tích cho mà nghe.

- Má nói truyện cổ tích? Nàng hỏi lại, có vẻ thích ý, vì bình nhật rất ưa nghe mẹ kể những tích xưa truyện cũ.

- Ừ, truyện cổ tích này hay lắm con ạ!

- Nhưng má đã mệt thế hơi sức đâu mà nói nhiều?... Con van má hãy để lúc khác, bây giờ má cần nghỉ ngơi tĩnh dưỡng mới được.

- Không, hôm nay má nghe trong mình khỏe khoắn lắm; tự nhiên thấy muốn ngồi dậy chốc lát, một nói chuyện với con, không chừng nhờ thế má sẽ khỏi bệnh cũng nên... Con hãy chiều ý má!

Thuở nay không hề cãi lời trái ý mẹ bao giờ, nàng vội vàng đỡ mẹ ngồi lên, dựa lưng bên vách, rồi bung chén thuốc để mẹ uống.

Bà uống thuốc xong, kéo nàng lại gần bên mình vuốt ve mái tóc nàng và nói:

- Giờ con ngồi cạnh má, má kể chuyện cho mà nghe. Hơi thở trẻ trung mát mẻ của con làm cho má thêm khỏe, thêm vui, được sống thêm ngày nào sung sướng ngày ấy...

- Nhưng, má kể câu chuyện nào ngắn ngắn thôi nhé!... Mấy ngày mà không ăn uống gì được, nên để hơi sức mà nghỉ thì hơn... Chuyện không kể lúc này, để dành lúc khác, chẳng sao!

- Không có lúc nào hơn là lúc này, con ạ! Nhất là câu chuyện sắp kể ra đây, má vẫn để dành trong trí bấy lâu, chỉ định lúc đến ngày giờ



đáng nói thì nói cho con nghe; vả lại chỉ có thể nói với con, chứ không nói với ai khác hơn được...

Khi bà nói những câu này, trên gương mặt có vẻ buồn rầu, thăm thẳm, và hai mắt âm thầm ứa lụy, nhưng bà lấy tay áo gạt đi; nàng vô tình, không ngẩng mặt lên, nên không trông thấy.

- Chuyện gì mà quan hệ lắm thế, hờ má? Nàng hỏi và giục giã. Vậy thì má kể đi, con rất thích nghe, chỉ sợ má nói nhiều thì mệt thôi.

- Không, con đừng lo má nói mà mệt; trái lại, má có nói được mới thấy nổi lòng thơ thới, tinh thần khỏe ra. Bởi vậy, con nên nghe chăm chú, giờ má kể đây.

Rồi thì bà chậm rãi nói câu chuyện gọi là cổ tích, một mạch từ đầu đến cuối, chỉ thỉnh thoảng ngừng lại giây lát bởi một tiếng thở dài nhẹ nhẹ, hoặc tạm nghỉ để lấy hơi.

“Ngày xưa, có nhà đó vốn dòng trâm anh, tư sản cũng khá, chỉ khác hơn thế gian, là mẹ già (mẹ chồng) với nàng dâu cùng cảnh góa bụa, ở chung với nhau.

Lạ hơn nữa, là nàng dâu con trẻ tuổi, có nhan sắc, thì giữ được tiết tháo trong sạch, tới ngày chịu khó làm ăn lam lũ, thờ chồng nuôi con, một mực điếc tai đui mắt trước những cử chỉ cám dỗ của quân vô lại quanh miền. Trong khi ấy, mẹ già đã gần răng long má hóp, lại sinh ra trắc nết đa tình, không chịu nổi cảnh sống lạnh lùng đơn chiếc, bèn ngầm ngầm tư giao với một tên thổ hào gần đấy. Ban đầu còn dâu bọc hện hò, sau mẹ công nhiên rước tên thổ hào về nhà, thời thường tụ hội đãi đằng, bề ngoài rằng khách, nhưng trong là tình. Tên thổ hào lợi ở chỗ được người lẫn của, cho nên nó tìm hết cách làm vừa lòng mẹ.

Nàng dâu thấy sự chướng tai gai mắt như thế, không thể chịu nổi, thường lấy lẽ phải trái, khuyên can mẹ già; mẹ chẳng nghe thì thôi, lại trở mặt lấy quyền trưởng thượng, mắng nhiếc đánh đập nàng, cùng gian phu âm mưu trừ nàng không được, nhất định đuổi nàng đi ra khỏi nhà.

Nàng dâu cưỡng lại bằng lý thẳng, không chịu tuân lời mẹ chồng.

Gái đã già mồm, mẹ lên cửa công thưa kiện nàng dâu hư thân mất nết, làm nhục gia phong.

- Thế gian phu là đứa nào, mẹ có biết không? Quan huyện hỏi.



- Bầm quan, chúng tôi không rõ là đứa nào; mụ đáp. Vì nó cứ thậm thụt đêm khuya mới đến, tảng sáng thì đi, chúng tôi làm sao thấy mặt cho được? Tuy vậy, quan lớn đòi con dâu phụ lên tra hỏi khắc biết.

Quan đòi nàng dâu lên hỏi, nàng khai rõ tên họ gian phu và nói:

- Nhưng đây là nhân tình của mẹ chồng con... Chính nó cám dỗ mẹ chồng con, thường tới lui ám muội, gây nên tai tiếng, nhiều lần con van lạy khuyên can chẳng được, mẹ chồng con lại muốn đuổi con đi.

- Con ranh này! Nhân tình của mày, mày lại gấp lửa bỏ tay người, vu oan giá họa cho tao à?... Bầm quan lớn thử xét: nó trẻ trung thế kia mới ở góa không nổi, thành ra có sự bướm ong chẳng chớ, làm xấu cho tôi; chứ tôi đã già nua thế này, bảo còn ngoại tình, ai mà tin được.

Mụ day lại nói với nàng dâu:

- Mày ám muội với thằng gian phu đó những thế nào, cứ thú thật với quan lớn, để ngài châm chước cho, con ạ!

- Con lạy mẹ! Con xin khuyên mẹ bằng những lời mẹ vừa nói với con! Nàng dâu hậm hực nói.

- Nó là tình nhân của mày, đừng chối! Mụ già trừng mắt, nói với giọng nạt nộ, toan bẻ cả vú lấp miệng em.

- Của bà!... Nàng dâu trả lời rần rỏi không vừa.

- Của mày!

- Của bà!... Nàng dâu đấu khẩu với mụ già rồi ngoảnh mặt lên công đường: Bầm quan lớn, xin quan lớn đòi tên gian phu đến đối chất thì biết.

- Trời cao đất dày ôi! Nhà tôi vô phúc mới có con dâu vu oan giá họa cho mẹ chồng thế này! Mụ gia vừa gào vừa khóc, làm như mình thật thà oan uổng lắm vậy.

- Vâng, nhà ta vô phúc mới có mụ gia làm lỗi, muốn đồ trút cho con dâu thế này, trời Phật có thấu cho không? Nàng dâu cũng khóc mếu, cũng nói to, chẳng nhường mụ gia chút nào.

“Mẹ chồng đồ triệt cho nàng dâu, nàng dâu một mực chối cãi và nói quyết là mẹ chồng; hai người đứng trước công đường đồ quanh cho nhau mãi, làm cho quan huyện bối rối, chẳng biết thực hư ở đâu mà phân



xử. Ngài cho cả hai bên hãy về đợi bắt tên gian phu lên đối chất xem thế nào, bây giờ sẽ hay.

“Hôm sau tên gian phu bị đòi lên huyện, lại khai một giọng khác:

- Bẩm quan lớn, sự thật, con không hề quen biết tư tình gì với một ai trong hai người này. Chẳng qua mẹ con nhà họ thù ghét lẫn nhau, rồi bịa chuyện ngoại tình, vu cáo cho con, thế thôi.

- Trong làng chẳng thiếu gì người, sao thiên hạ không đổ cho ai, lại chỉ đổ riết cho mày? Quan huyện hỏi vặn.

- Bẩm, điều đó thật tình con không hiểu!... Tên gian phu trả lời một cách vắn vơ cho xuôi chuyện.

- Ủ ề ề rồi xem mày có hiểu không?

“Quan huyện tức thời truyền đem cùm kẹp ra tra tấn. Đau quá, tên gian phu phải tự thú.

“Nhưng thằng khốn nạn, không tự thú có tư tình với mẹ gia chính là sự thật, nó lại tiêu xưng bấy lâu quả có bí mật giao thiệp với nàng dâu. Chắc hẳn mẹ gia với nó đã đồng tình như thế, cố buộc tội nàng dâu, để nhỏ cây đình trong mắt đi, chúng sẽ được tự do tới lui ân ái.

“Phải biết chúng khẩu đồng từ, ông sư cũng chết; trong trí của quan phụ mẫu, nàng dâu tư tình với gian phu không còn phải nghi gì nữa.

“Tội nghiệp cho người thiếu phụ bị đánh khảo cũng một mực chối cãi, kêu mình mắc oan, nhưng quan huyện nào có chịu tin lời nàng và tra xét vụ án cho thật đến nơi đến chốn. Nàng chỉ bằng theo lời khai của mẹ gia và gian phu, xử nàng phải cuốn gói đi ra khỏi nhà mẹ chồng từ nay.

“Tấn kịch không phải hạ màn ở chỗ ấy; đến đoạn sau mới có ý nghĩa, có thú vị.

“Nàng dâu tức mình, nhờ chú bác trong nhà làm hộ một tờ trạng lời lẽ cực kỳ thống thiết, rồi nàng thân hành lên quỳ trước công đường quan lớn thượng ty ở bản trấn mà khiếu nại.

“Quan án chấp đơn, liền tư về huyện lấy tập hồ sơ lệnh, đồng thời sức đòi hai bên nguyên bị và giải tên gian phu cùng lên công đường hậu thẩm.



“Ngài vốn là một vị đường quan rất thanh liêm chính trực, có tài đoán ngục xét án đã nổi tiếng; nhiều vụ án rắc rối như tơ vò, qua tay ngài đều gỡ đâu ra đấy, xét xử hết sức công bình. Có kẻ muốn cạy thần thể cách nào, cũng không thể xoay đổi ý hướng của ngài chỉ biết tôn trọng phép vua luật nước, bênh vực lương dân.

“Sau khi xem lại hồ sơ ở huyện đệ lên, ngài thấy ngay bên trong có lẩm tình tiết mờ ám, khả nghi, chứng tỏ ra người nàng dâu quả tình là oan uổng.

“Ra trước công đường thẩm vấn, hai bên nguyên bị cùng tên gian phu đều một mực cung khai như lúc còn ở huyện; ai có lý sự nấy, không chịu thay đổi hay thụt lùi phân tặc nào. Quan án truyền cho nguyên bị cùng về, ba ngày nữa sẽ đến nghe lệnh phân xử.

“Buổi chiều trước hôm kỳ hẹn quan án sai lính đi gánh những đá cục, to có nhỏ có, đem về chất đống ở thềm công đường, như xếp một cảnh non bộ con con, trông thật lạ mắt. Hơn nữa, hai bên lại dựng hai con dao mã tấu sáng quắc. Ai cũng kinh ngạc, không hiểu ý quan lớn dự bị những đồ ấy để làm gì? Nếu bảo rằng để tra khảo tù phạm, thì nhà nước chẳng có sẵn những hình cụ roi, hèo, cùm, kẹp, là vật thường dùng ư? Một thầy thơ lại đánh bạo ngỏ ý muốn biết:

- Bẩm cụ lớn muốn dùng hình cụ mới lạ ấy, là ý thế nào?

- Phải, ta có việc dùng đến rất hay, rồi người sẽ biết, quan án trả lời.

“Sáng hôm sau đăng đường, quan án gọi cả đôi bên quan hệ ra đứng thành hàng dưới thềm, và nói:

- Máy người nhất định giữ lời cung khai hôm trước, phải không?

- Bẩm quan lớn, nhà chúng con chẳng may có đứa con dâu hư hỏng như vậy, thật không thể nào cho nó ở cùng một nhà được nữa! Mụ gia nói.

- Bẩm cụ lớn, con đã tự thú quả có tư tình với người thiếu phụ này; tên gian phu vừa nói vừa trở vào nàng dâu. Tùy lượng cụ lớn bắt tội thế nào, con phải chịu thế ấy.

- Trăm lạy quan lớn minh xét cho con nhờ: quả thật mẹ chồng con mưu mô với người ta để vu cáo hãm hại con; tình cảnh con hết sức đau đớn oan uổng! Nàng dâu nói mọi cách tức tưởi muốn khóc.



“Quan án nghiêm trang chăm chú nhìn vào mặt nguyên bị và nói:

- Thôi, ta nghĩ lại việc này bắt tất phải tìm xét cho minh bạch trong hai mẹ con, ai là dâm phụ, ai không; nhưng đến gian phu thì đã rõ ràng nhất định là thằng mặt dày đứng đây, không còn phải nói. Ta biết mẹ con nhà người đều là chỗ nho phong lương thiện tất cả, nguyên lai không phải là người hư thân trác nết gì; chẳng qua nhất thời bị thằng mặt dày này tham tài hiếu sắc, cảm dỗ khôn ngoan, khiến cho mẹ con sinh ra xích mích lẫn nhau; không có nó thì đâu có gây nên nông nổi. Ta đã suy nghĩ đắn đo rất kỹ: tội lỗi hết thấy ở một mình nó, và chỉ một mình nó thôi!... Vậy thì dưới thêm sẵn có đá với dao đây, hại mẹ con cứ việc đánh chết thằng khốn nạn đi cho ta!...

“Cách xử kiện lạ lùng của quan án làm cho tất cả công đường trên dưới đều ngẩn ngơ kinh dị đưa mắt nhìn nhau, chẳng ai đoán được dụng ý ra thế nào?

“Thấy hai mẹ con nguyên bị cùng tần ngần, sững sốt, quan án thúc giục với giọng cương quyết, tỏ ra một lệnh truyền, không thân hành không được:

- Ta bảo thật đấy! Hai mẹ con nhà người phải vác đá mà đập bể đầu nát óc thằng khốn nạn, để nó phải chết trước mắt của ta trông thấy!... Cái thứ người chỉ chăm chăm quyền rũ đàn bà mà kiếm ăn cầu lợi, cứ đánh cho chết là xong; nó sống chỉ tổ làm hại cho phong hoa nhà nước, cho gia đình người ta. Nào, hai mẹ con ra tay đi xem!

- Nhưng rủi tay đánh nó chết thật, chúng con bị quan trên bắt phải thường mạng thì sao? Cả hai mẹ con đồng thanh nói.

- Không! Không! Mẹ con nhà người không lo điều ấy; quan án trả lời. Bể nào cũng có ta đây chứng kiến bênh vực cho mà!... Cái mạng của thứ người như nó xá kể vào đâu mà phải thương?... Đập chết phút nó đi, tức là làm ơn cho thiên hạ thì có!... Ta bảo hai mẹ con nhà người cứ việc...

“Bấy giờ, hai người cùng chạy lại nhặt đá mà ghè vào thằng gian phu chan chát, túi bụi. Nó né bên này, bị bên kia, đau đớn kêu la rầm rĩ.

“Sự thật, nàng dâu ôm lòng bức tức hờn giận đã lâu; bây giờ được quan trên cho tha hồ đánh nó, dù chết cũng không phải liên lụy gì, ta



tưởng tượng đủ biết nàng mở cờ trong bụng, hả hơi thích ý đến thế nào? Bởi vậy, người ta thấy nàng hăm hở lấy những viên đá to nhất trong đám, nhè ngay đầu cổ mặt mũi thẳng gian phu mà ném mà ghè, mà dằn, mà đập, nghe tiếng huỳnh huỵch. Có thể nói mỗi viên đá từ bàn tay nàng dánh vào thân thể kẻ thù, dường như ký thác âm hưởng một tiếng gào minh oan, một nụ cười tuyệt hận của nàng vậy.

“Đồng thời, mục già cũng làm bộ hậm hực trợn trừng, cũng ra tay đập đánh như ai, nhưng thật thì mục chỉ lượm mấy cục đá nho nhỏ, và dụng tâm giơ cao đánh khẽ vào bắp đùi vào mông đít chẳng hạn, là chỗ có nhiều thớ thịt che chở, ít đau. Thường tình, ai nữ chính tay mình hành hạ da thịt người yêu phải chịu đau đớn?”

“Cử chỉ của hai người, từng ly từng chút, không hề lọt qua con mắt tổ nhận của quan thẩm án thông minh chính trực. Muốn nghiệm xét cho thêm rõ ràng, ngài bảo hai mẹ con hãy ngừng tay ném đá”.

- Thôi, bây giờ mỗi người lấy dao chém một vài lát cho nó chết phứt đi, chứ ghè bằng đá mà mày dằn mặt dạn nó vẫn trơ ra thế kia, tốn công vô ích.

“Lập tức, nàng dâu phăm phăm chạy lại lấy dao cầm tay; gương mặt xám ngắt sát khí, như muốn băm vằm kẻ thù ra trăm nghìn mảnh mới đã giận. Còn mục già thì ngần ngừ, sợ hãi, run rẩy, không dám tiến bước đến chỗ để dao; chẳng thà ném đá, người yêu tuy đau mà còn được sống, chứ bảo cầm dao chém cho chết đi, mục thật không nỡ.

“Nhận rõ trạng thái mục đã tố giác chỗ yếu của mục ra, quan tòa khoát tay và nói:

- Như thế là đủ, không cần phải thử nhiều hơn nữa. Ta đã tìm ra đích danh con dâm phụ rồi!... Lính đâu! Nọc con mục này ra, đánh cho nó mấy chục roi, xem nó còn khéo gian ngoan vừa đánh trống, vừa ăn cướp nữa thôi?... Ta bảo có khôn hồn thì tự khai thật tình tặc ra đi!

“Mục sợ tái mặt, ôm mặt khóc nức nở, rồi đem hết sự tình từ trước đến sau, khai thật rõ ràng và xin nhận tội.

“Quan án xử tên gian phu phải đi sung quân, mục bị phạt giam sáu tháng, còn nàng dâu thì được giải nổi oan, và trở về nhà chồng như cũ.

“Bấy giờ người ta mới hiểu quan án cốt dùng mưu chước để tra



cứu ra chân tướng của vụ án quan hệ phong hóa này; ai cũng phục ngài là minh đoán, xa gần nghe nói, đều cho một việc thống khoái. Không có ông minh quan khéo xét xử như vậy, mà chỉ dựa vào lời chứng tá man khai và dùng cách tra tấn lập uy, thì đũa có tội cứ ở ngoài vòng pháp luật, còn người trong sạch vô cố thì chịu oan uổng tai tiếng suốt đời!”

\*

Sau khi kể xong, bà quả phụ lại hôn nựng cô Mạnh và hỏi:

- Câu chuyện cổ tích thế đấy, con nghe có thấy lý thú không?

- Ô! Chuyện hay lắm, má ạ! Cô Mạnh trả lời. Con nghe cảm động lắm, thật là tình cảnh người nàng dâu.

- Má đồ con biết ông minh quan xử vụ án ấy, rồi sau thế nào?

- Má không nói nốt thì làm sao con biết được? Nhưng con đoán chắc ông mau được thăng quan tiến chức, có phải không, má?

- Trời ơi! Việc đời nào có luôn luôn thuận lẽ như con nghĩ thế đâu. Bởi vậy, ông minh quan ấy chính vì đã xử vụ kiện mới nói mà bị chết oan... Để má kể nốt cho con nghe; nhất là vì lẽ ông minh quan ấy đối với má cũng như với con không phải người lạ.

Cô Mạnh sững sốt chưa hiểu còn má cô thì rơm rớm nước mắt.

## II. Mối thù không đội trời chung

Mụ Tri bùng cháo lên, Mạnh nài nỉ mẹ ăn được hai lưng chén.

Bà tự thấy tinh thần thêm phần sảng khoái để nói nốt câu chuyện cần nói với con; nhất là câu chuyện lại cốt thuộc về tinh thần.

Day mặt chỗ khác, thở nhẹ một hơi dài, rồi bà nói chuyện tiếp:

- Vị minh quan ấy không được thăng quan tiến chức như con tưởng đâu. Trái lại, ngài vì quá đem công tâm xử vụ án nọ phải thiệt thân, con ạ!

- Má nói thiệt thân? Nàng hỏi lại với dáng sững sốt. Làm gì xử một vụ án mà đến thiệt thân?



- Ủ, việc đời có trái nghịch bất nhân như thế mới nên chuyện, mới có mối thù bất cộng đái thiên, con ạ! Bà quả phụ trả lời con gái với nét mặt rầu rĩ và dần nặng mấy tiếng mối thù bất động đái thiên, nhưng cô bé ngây thơ không hề để ý.

Rồi như có cục ức uất chặn ngang cổ họng, bà nghẹn ngào một lát mới có thể nói tiếp, trong khi bàn tay xương xương vuốt ve mái tóc cô bé:

- Con hãy lắng tai, má kể nốt câu chuyện cho mà nghe nhớ!... Mụ gia khốn kiếp kia, đã hư thân mất nết, lại còn dám vừa đánh trống, vừa ăn cướp, sờ dĩ một hai vu vạ cho nàng dâu, muốn đuổi nàng và lũ cháu thơ đại ra khỏi nhà, cho mình được tự do hành động, là vì mụ ý thể có họ hàng thân thích với kẻ gian thần đang có oai quyền hiển hách trong triều. Vì thế, mụ dám ngang nhiên đến cửa công thưa kiện vu cáo nàng dâu, cầm chắc quan nào cũng phải xử cho mình thắng...

- Hẳn là kẻ gian thần bắt buộc quan huyện xử cho mụ già được phép đuổi nàng dâu đi, có phải không má? Cô Mạnh đặc ý hỏi mẹ, làm như cô đoán trúng một câu đố mẹo vậy.

- Ủ, con nói trúng đấy. Khi việc kiện thưa đến huyện, mụ đã có bức thư riêng của gian thần đưa cho quan huyện, nên chỉ nắm chắc phần thắng từ trước. Quan huyện nào dám làm trái ý tể tướng đương triều? Trừ ra người khảng khái, tự trọng, thà treo ấn từ quan, chứ không chịu làm một việc trái với lương tâm và công lý; nhưng mà hạng làm cha mẹ dân được như thế, con tưởng có mấy?... Lão huyện nọ sợ vía gian thần, chỉ xét hỏi chiếu lệ, rồi xử ức nàng dâu, phải cuốn gói đi ra khỏi nhà chồng. Trong ý lão định chắc nàng quê mùa, quan xử sao y thế, chả dám sinh sự gì nữa.

Không ngờ nàng là tay đáo đê, làm đơn khiếu oan tới thượng ty ở bản trấn, tự nhiên vụ mụ già nàng dâu thuộc quyền vị mình quan xét lại. Bấy giờ mụ già mới hoảng sợ; phạm kẻ có hành vi ám muội vẫn ghê sợ ánh sáng, nhất là với ông minh quan này là ánh sáng không thể lấy gì đây che được.

Mụ đến khóc lóc năn nỉ với gian thần, để nó lấy quyền thế tể tướng bắt buộc ông minh quan phải tha tên gian phu, chấm vụ án đi, và xử đuổi nàng dâu như huyện đã xử; không được như vậy thì xấu lây cả họ hàng,



chắc mẹ phải tự tử mất. Kể vai vế trong họ, mẹ là bậc trưởng thượng, nên chỉ gian thần phải kiêng nể. Mình là Thái sư Tể tướng trong triều, dù bà có phạm tội giết người hay làm việc đại ác đến đâu mình cũng phải cứu vớt, huống chi là chuyện nhỏ mọn này?

Trong khi ông Minh quan đòi nguyên bị sắp đến công đường hậu chất, thì gian thần sai người đem thư đến bản trấn bảo ông bỏ vụ kiện ấy đi, không được xét xử lời thôi. Trong thư có những lời đe dọa kín đáo khiến người tự trọng như ông không thể nhin nổi.

Ông bèn viết thư phúc đáp cứng cỏi; đại ý nói rằng: “Phép là phép của triều đình, trong lúc có một tên dân kêu mình oan uổng, phận sự quan án tất phải thân mình công lý, trừng phạt tội nhân, không thể vì một lẽ gì để phép luật triều đình thiên vị ai hay khuất lấp đi được! Quốc pháp vô thân, thừa tướng cầm quyền nhà nước hẳn biết tôn kính bốn chữ thiêng liêng ấy hơn cả mọi người. Tôi chỉ biết làm chức vụ bằng lòng chỉ công, hầu không phụ ân triều đình ủy nhiệm bấy lâu và thừa tướng không mang tiếng rằng có một viên thuộc hạ bất lực; ngoài ra, tư tình tư ý là thế nào, quả tôi không biết”.

Thế rồi vụ án kết liễu bằng sự nghiêm phạt mẹ gia và thẳng tình nhân đồng lõa.

Gian thần nghe tin, giận đỏ mắt tía tai, nói với tả hữu:

- Ta phải giết chết thẳng ấy mới được hả lòng!

Thằng ấy là trở vào ông minh quan đó, con ạ!

Bà quả phụ nói đến đây có dáng mặt mệt mỏi, tiếng nghe hơi run; cô Mạnh khuyên mẹ hãy nằm nghỉ, còn câu chuyện lúc nào kể hết cũng được, nhưng bà không nghe:

- Dễ thường không có lúc nào khác nữa, con ơi!... Để mẹ kể hết, nếu còn được nghỉ ngơi, sẽ nghỉ một thể. Bây giờ thì mẹ thấy cần nói, nhất là câu chuyện có quan hệ đến con.

- Thật ư, má? Sao lại lạ thế? Nàng ngạc nhiên hỏi, có vẻ càng ngày càng chú ý.

- Quan hệ nhiều lắm, rồi con sẽ biết... Kẻ gian thần thù ghét ai, hẳn không thiếu gì cách hãm hại. Quả nhiên, cách vài tháng sau, nhân phát giác một vụ tư thông ngoại quốc; phần nhiều người dính dấp vào vụ này



là quan võ và quân lính. Họ chỉ vì oán tức gian thần lộng quyền hiếp vua, hại dân khổ nước, nên muốn vì nước trừ họa, song vây cánh nó đầy rẫy trong triều ngoài quận, họ tự liệu sức mình không thể làm nổi, bèn âm mưu với nhau, tính nhờ binh lực của nước láng giềng để trừ quốc tặc. Nhưng bởi tai vách mạch rừng, mưu sự không kín, thành ra chưa kịp cử sự, đã có một người trong bọn lo sợ vạ lây, tham cầu phú quý, đến gõ cửa gian thần, tố giác đầu đuôi và đưa quyền sở biên tên tất cả những người dự mưu.

Nội bọn bị bắt hạ ngục, không sót người nào.

Gian thần quyết định nhân lấy việc trọng đại này, gấp lửa bỏ vào tay người, để trả thù cho bà cô nó.

Con có biết nó làm thế nào không?

- Thưa má, con không đoán ra, cô Mạnh ngay thật trả lời. Nó gấp lửa bỏ vào tay người thế nào hở, má?

- Trời ơi! Thật là độc ác, thật là ai oán, con ạ!... Nó đồ dành một viên quan võ trong bọn bị cáo nếu khai theo lời nó bày vẽ, thì nó làm phúc gỡ cho khỏi tội. Ở đời, chẳng thiếu gì kẻ hèn nhát, muốn gỡ tội mình, không ngần ngại vu oan giá họa cho người ta. Viên quan võ ấy, theo lời gian thần sai bảo, man khai rằng chính ông mình quan kia là người thủ xướng.

Gian thần lập tức ra lệnh bắt ông hạ ngục. Rồi thì nó dùng đủ thứ khổ hình, nào roi, nào vọt, nào kẹp, nào cùm, nào ngâm tay vạc dầu, nào dui lửa nướng thịt, một hai bắt buộc ông phải nhận mình khởi xướng ra cuộc âm mưu nguy hại triều đình. Cố nhiên, ông không hề làm, và không dấn dằng xa gần gì hết. Nó tra khảo ông tàn nhẫn đến nỗi ngất đi tỉnh lại, nát cả da thịt. Sự đau đớn làm ông mất trong ngục.

Muốn báo thù đến tận thân ma, gian thần làm giả một tờ di bút của ông tự thú tội mình, rồi vin lấy đấy mà cách hết quan chức, lại hạ lệnh nã tróc tới vợ con ông để phạt làm tội tởn hèn hạ nhà quan, trong luật gọi là “sung vi quan nô”...

- Độc ác quá, má nhỉ! Cô Mạnh chặn ngang lời mẹ và hỏi. Đã hành hạ ông quan chết, lại còn bắt vợ con ông đi làm đầy tớ?

- Thế đấy con ạ! Bà quả phụ thở dài và nói với giọng chua xót. Nó



quyết làm cho gia quyến ông, cả người chết người sống, cùng phải nhục nhã khổ sở, thì mới cam tâm.

- Nhưng vợ con ông có bị bắt không hở má?

- Không, vợ con ông nhờ có người hảo tâm, bảo cho biết trước mà trốn thoát!... Nhưng mà mẹ góa con cô, thù chồng thù cha, tình cảnh đau thương ai oán lắm, con ôi!...

Bà nói tới đó, bỗng rú lên mấy tiếng “Trời hỡi trời”, rồi thì bao nhiêu con sóng bi sầu khổ hận chất chứa trong tâm, nhất thời trào lên, không sao đè nổi; bà gục mặt trên vai cô Mạnh mà khóc rung rức, nghe rất thảm thiết náo nùng.

Cô bé giật mình kinh ngạc, không hiểu ra sao, ôm chăm lấy cổ bà mẹ, tìm lời khuyên giải:

- Tại sao má khóc, hở má? Chuyện đời việc người, can gì mà phải thương tâm quá thế?

Bà ngẩng đầu lên, nhìn con bằng hai con mắt ứa lệ, tiếng nói nghe run rẩy bi thương.

- Con yêu dấu của mẹ ơi! Ông minh quan bị gian thần sát hại chính là cha của con đấy!

- Thế ư?... Sao từ hồi nào tới giờ má không kể chuyện cho con hay?

Nàng bất giác cảm động phụ tử tình thâm, cũng cất lên khóc.

Bà lấy vạt áo vừa lau nước mắt cho con, vừa nói:

- Bấy lâu má nghĩ chưa đến ngày giờ nên kể, là vì má còn khỏe mạnh mà con thì còn nhỏ dại... Lúc gian thần giết chết cha con rồi, truyền lệnh khẩn cấp bắt mẹ con ta, một người trong triều có lòng thương xót ba con trung trực thác oan, bí mật thông tin cho má hay; lập tức má biến tướng giả hình, đem hai con đi trốn vừa kịp... Trong bảy tám năm, má hai nách hai con thơ, đào nạn trong dân gian rồi đến ở phương này, nuôi nấng các con, phòng bị kẻ thù, không có miệng lưỡi nào kể hết được những nông nỗi đau khổ, lo sợ... Được ít lâu, thằng anh con mang bệnh chết, làm má càng đau khổ nữa. Đau khổ chừng nào, má lại nguyên rửa oán hận kẻ thù chừng ấy.

Nghỉ hơi giây lát, bà lại nói tiếp, không để cho con kịp xen vào



một câu hỏi nào, làm như bây giờ sự nói là phương thuốc cần dùng cho sự sống còn lại của bà vậy.

- Má nói đây, con hãy nhớ cho kỹ nghe: cha con tên là Bùi Đắc Nhân, bị gian thần hãm hại giữa lúc đang làm quan Khám lý Quảng Nam dinh, còn gian thần tức là Trương Phúc Loan thái phó đương triều... Con đã nhớ chưa?

- Vâng, con nhớ rồi: Trương Phúc Loan, thái phó đương triều! Cô Mảnh đáp và hỏi luôn: chúc thái phó to hay bé, má nhỉ?

- Chúc to lắm, to nhất triều đình. Vì thế, nó mạo chiếu chỉ, lập ấu chúa cho để lộng quyền, muốn làm hại ai thì làm, không kể gì là công lý. Con nhớ cho kỹ: Trương Phúc Loan; nó là kẻ thù giết chồng má, giết cha con đây; nó với ta một còn một mất, không thể cùng đội trời chung... Nỗi oan gia đình, mối thù giết cha, má đã kể lại cho con biết rõ thế rồi, bây giờ má muốn xin con một điều...

- Má muốn dạy bảo con thế nào, tự nhiên con phải vâng lời thế ấy, việc gì phải xin? Mảnh nói. Má định bảo con việc gì?

- Việc này: má xin con phải thề đọc một câu! Bà nói giọng rất cương quyết.

- Má bảo con thề?

- Ừ, con phải thề, để cho má được yên lòng nhắm mắt.

- Thề làm sao, thưa má?

- Con hãy đỡ má đứng lên, sẽ hay!

Trong khi cô bé chưa kịp cản trở mẹ đứng dậy, bà đã bước xuống giường, nhanh nhẹn, khỏe mạnh như người vô bệnh, thông thả đi lại góc nhà, lấy thanh mã tấu đang treo trên vách, rồi dắt tay Mảnh đến trước bàn thờ.

Lúc này trông bà uy nghiêm hiền hậu như một vị thiên thần: tay nàng ử trên đầu con, tỏ dấu âu yếm bênh vực, tay kia cầm thanh mã tấu chỉ mũi lên tấm hoành phi và nói:

- Con xem bốn chữ nho này: “*Thệ báo phu cừ*” nghĩa là thề báo thù chồng, má cố treo ngay trên bàn thờ, để sớm tối ra vào, không giây phút nào quên cái thù cha con bị gian thần sát hại... Luôn tám năm nay, mỗi sáng thức dậy, má cũng sức nhớ mà trông thấy bằng tượng tượng cái



thảm cảnh cha con bị tra khảo tàn ngược tới chết trong ngục; rồi phường phát như có oan hồn cha con đứng gần đầu đây, mặt mày thảm thương máu me nhễ nhại, kêu gọi má với hai con mà nói: Vợ con ta thế nào cũng phải trả thù cho ta!

Sở dĩ má dám mạo hiểm đến nương nấu trong phường này, gần kề kinh thành, nghĩa là gần kề tai mắt kẻ thù, mà không sợ kẻ thù bất thần phát giác, là cốt có mục đích xem xét cử động của nó, phòng thừa cơ phi hành sở chí của mình cho dễ.

Nhiều khi má đóng vai thích khách, mượn cớ đi bán hàng dệt, vào tận biệt thự Phấn Dương, hề được giáp mặt thẳng Trương Phúc Loan, thì xông tới đâm nó một dao cho xong đời.

Con nên biết má đã dụng tâm học tập ít nhiều võ nghệ, nhất là phép sử dụng gươm đao, cốt để theo đuổi có một việc ấy, ngày đêm sớm tối chẳng bao giờ quên.

Một hôm, trời run rủi thế nào, má ôm một bọc hàng vào biệt thự Phấn Dương, tên gian thần gọi đem lại bên sập nó ngồi, chung quanh có năm bảy cô hầu non hầu hạ; nó ngồi, chằm chệch vênh râu, nói năng lên mặt hách dịch, trông thấy mà đầy gan lộn ruột!

Trong một cuộn hàng gói sẵn một mũi dao găm thật sắc, như Kinh Kha ngày trước gói trong bức địa đồ Đốc Khương lúc đem dâng vua Tần Thủy Hoàng. Trước khi sắp mở đến cuộn hàng ấy, má đã vận hết tinh lực và can đảm, chỉ có việc mở ra đến con dao thì xuất kỳ bất ý túm lấy ngực kẻ thù mà đâm, trong ba bước lấy máu của nó không phải sự khó.

Nhưng má chợt nghĩ lại hai con còn nhỏ dại quá, mà bơ vơ cô đơn ở đời, không ai chăm nuôi dạy dỗ thì làm thế nào? Vạn nhất thành công hay chẳng, một thân má chết đã đành, lại còn lo đảng vụ chúng nó truy tầm đến tung tích hai con mà sát hại - ừ, thế nào chúng nó cũng phải giết, không kể gì các con đầu xanh vô tội - như thế thì vài giọt di huyết của cha con cũng mất nốt... Cái ý nghĩ ấy làm cho má bỗng dưng tay chân bủn rủn, hình như không cất nhắc nổi, đành xếp cuộn hàng kia ra một bên, mà thần sắc có hơi biến.

Không hiểu Trương Phúc Loan có nhận thấy hay không, chỉ nghe nó nạt hỏi:

- Sao còn cuộn hàng kia là hàng chi, mụ không mở cho ta xem?



- Bầm cụ lớn, thứ hàng này xấu lắm! Má vội vàng trả lời, cố giữ nét mặt trở lại ung dung, trấn tĩnh. Nhà cụ lớn là nhà cao quý nhất thiên hạ, chả khi nào thềm dùng, cho nên con không dám mở ra.

Lúc về nhà, má nghĩ lấy làm ân hận mãi, sao khi ấy không hạ thủ đi cho rồi, e sợ sau trở lại chẳng có dịp được giáp mặt gian thần nữa.

Mảnh tuy mới có mười ba tuổi đầu, nhưng được mẹ khéo dạy dỗ từ khi còn tấm bé cho nên trí khôn nàng đã mở mang khác trẻ thường. Nhất là tấm lòng thương xót cha, khiến nàng nghe câu chuyện bà mẹ đang kể với tất cả chú ý. Muốn cho hiểu rõ đầu mối việc đại thù, nàng không bỏ qua một chi tiết nào hết, bởi vậy nàng hỏi:

- Ban nãy má bảo gian thần hãm hại cha con vào việc tư thông ngoại quốc để làm nguy hại triều đình, việc ấy thế nào hở má?

- Ủ, má quên nói rõ chuyện cho con nghe; bà quả phụ trả lời. Gian thần vu cáo cha con âm mưu làm nội ứng cho quân chúa Trịnh ở đảng ngoài, để lật đổ cơ nghiệp chúa Nguyễn ta ở đây; thế là tư thông ngoại quốc. Nó quyết buộc cha con vào tội chết và có thể hành hạ tới vợ con thân thuộc cho nên mới đặt chuyện tày đình như thế. Cũng vì đó mà mối thù của mẹ con ta càng to, con ạ, không báo không được.

Nhưng trời còn tựa nó hay sao không biết, mới xui khiến ra lúc má sắp đánh liều rút dao đâm nó thì chợt nghĩ thương hại các con.

Tức tối lắm, con ơi! Quả nhiên sau đấy có hai ba lần má đi lại biệt thự Phần Dương, không một lần nào được thấy mặt kẻ thù. Còn những lúc nó đi đường, thì tiền hô hậu ủng, quân lính hộ vệ rất nghiêm, mình không làm gì nổi.

Rồi thì tới thằng anh con bất hạnh chết yểu; kẻ đó chính thân má phát bệnh lao suyễn, càng ngày càng trầm trọng, phải nằm liệt một nơi, quý hồ giữ kín được tông tích mẹ con mình là may, việc đại thù đành xếp lại một bên không hành động gì được nữa.

Bá mũi lòng quá, vừa nói vừa khóc. Đoạn, thấp hương cắm trên bàn thờ, đứng gục mặt lầm rầm khấn vái giây lâu, rồi mới dạy lại bảo Mảnh.

- Con hãy lạy đi. Bây giờ có anh linh ba con về làm chứng đấy. Con lạy rồi mẹ con ta lại nói chuyện.



Nàng như bộ máy thuần tòng, mẹ bảo là vâng lời ngay.

Giữa lúc ấy mẹ Tri ở dưới bếp lên; nàng bảo mẹ đi lấy chiếc ghế đầu đem lại cho mẹ ngồi, kéo sớ đứng mãi mỗi một. Bà hôn con và nói:

- Con tôi biết thương yêu mẹ đến thế, mà tôi không được sống đời bao lâu nữa, đau đớn biết mấy! Mẹ Tri ơi! Ở đây nghe; đứng xích lại bên cạnh mẹ con tôi này... Con nên nhớ mẹ Tri là người quản gia rất quý hóa của nhà ta trải hơn hai mươi năm, trong cơn an lạc hoạn nạn đều có nhau; sau này con phải coi mẹ như một người mẹ nuôi vậy.

Giây lát, bà trịnh trọng nói tiếp:

- Con ạ, má tự biết bệnh tình đến lúc trầm trọng lắm rồi, chắc hẳn không được ở nhân gian bao lâu nữa, chỉ trong sớm chiều mai một không chừng... Việc đại thù của nhà ta, má chưa làm được, từ đây trở đi, trông cậy tất cả vào một mình con. Trước khi sắp nhắm mắt, má muốn con đứng trước bàn thờ này, vạch gương xuống đất, phát thề hai điều, cho má được yên tâm. Một mai xuống tuyền đài gặp mặt cha con, má có thể nói “Thế nào con ông cũng báo thù cho ông”.

- Má bảo con thề thế nào, con xin thề ngay! Mạnh nhanh nhẩu hỏi.

- Nhưng trước nhất con nên hiểu rằng những lời thề ở trước anh linh người chết, - nhất là người ấy lại là thân phụ của con, - có trời đất quỷ thần làm chứng, suốt đời phải giữ phải làm, nếu con sai lời thì trời đất quỷ thần trừng phạt ghê gớm đấy, nghe?

- Vâng, con biết. Phải thề làm sao, má cứ bảo đi!

- Điều thứ nhất, con phải thề suốt đời tâm tâm niệm niệm không đội chung trời với Trương Phúc Loan: hễ nó còn sống thì con tìm đủ cách trừ khử cho bằng được để báo thù giết cha; hễ nó chết rồi thì làm sao đào mả nó lên, đánh vào hài cốt nó, như Ngũ Tử Tư ngày xưa quật mả đánh thây Bình Vương, nước Sở vậy... Nào, con thề cho má nghe!

Nàng vâng lời, đón lấy thanh gương ở tay mẹ, quỳ gối cúi đầu, vạch gương xuống đất ba lần và nói:

- Tôi xin thề nguyện trọn đời tâm tâm niệm niệm vào việc trừ khử Trương Phúc Loan để báo thù cho cha tôi, nếu tôi sai lời, thì quỷ thần tru lục.



Nàng chưa dứt lời, một luồng gió mạnh thổi vào những chân hương cháy tàn, làm bốc ngọn lửa lên; đó chỉ là hiện tượng vật lý rất tự nhiên, nhưng bà tin tưởng có quỷ thần làm ra thế, cho nên bà vội vàng đứng dậy chặn tay khăn vái rồi tươi cười nói với con:

- Đây, con xem vong linh cha con có thiêng không?... Bốc chân hương, thế là tỏ ra cha con đã nghe lời con thề nguyện đấy!... Giờ đến điều thứ hai, con phải thề mai sau khôn lớn không được lấy chồng một người làm quan, làm lại, làm lính, hay là hưởng thụ bất cứ danh vị bổng lộc gì của triều đình này; hơn nữa, rồi đây có ai nổi lên tảo trừ gian tặc, đánh đổ triều đình ấy thì con phải hết lòng giúp sức cho người ta... Ấy là câu thề thứ hai, con hãy thề cho má nghe!

Cô Mạnh sững sốt, ngập ngừng, tỏ vẻ lo ngại, suy nghĩ.

- Sao, con không dám thề câu ấy ư? Bà quả phụ nhìn sững con và hỏi.

- Thưa má, không phải con không dám, nhưng con nghĩ chuyện tương lai duyên số bởi ông trời đặt để, mai sau thế nào biết đâu, con lo chẳng biết tự mình có làm theo ý muốn được không mà thề... Vả lại, con nghĩ kẻ thù nhà mình chỉ là Trương Phúc Loan, nào phải chung cả triều đình sao mình lại thù vợ oán chạ đến thế?

Bà bảo con hãy đứng dậy để bà giảng nghĩa cho mà nghe:

- Con ơi! Má là người sắp ra đời, con là người gần vào đời, không bao giờ trứng khôn hơn vịt, con nên nghe lời má!... Phải, chuyện duyên số tương lai do trời làm chủ, mình có biết đâu?... Nhưng con người ta trước hết có lập chí cho vững, thì ông trời giúp cho... Còn nói rằng chỉ có mình Trương Phúc Loan là kẻ thù, can chi thù vợ oán chạ cả triều đình; vậy là con chưa hiểu lẽ nhân quả. Con nên biết rằng: một nước có gian thần làm việc bạo ngược với dân, mà triều đình không kiềm chế được, tức thị triều đình cũng có trách nhiệm. Bởi vậy đối với nhà ta, cả triều đình cũng là cừ địch, chứ không riêng một Trương Phúc Loan. Nếu sau này con lấy người chồng nào bất cứ làm quan, làm lính hay là hưởng thụ may may tước lộc của triều đình ấy, tức là đại bất hiếu, con đã nghe chưa?

Cô bé chưa kịp nói gì, bà đã nổi lời:



- Ông ngoại con thuở trước tinh thông Kinh Dịch lắm; má còn nhớ có lần ông lấy Kinh Dịch bói toán tương lai vận nước việc đời, quyết đoán rằng đến năm thân năm dậu trở đi, thiên hạ sẽ tạo loạn, mà nói việc quý thần huyền diệu, cứ lấy ngay nhân sự mà xét cũng đủ biết: nước ta ngoài có cường lân dòm dò, trong thì quyền thần loạn chính, làm cho nhân dân sưu cao thuế nặng, khốn khổ trăm bề, hạn hán mất mùa, năm nào cũng có, người ta oán hận đã sâu, chẳng sớm thì muộn, thế nào cũng phải sinh loạn. Lúc bấy giờ nếu có người anh hùng ra định loạn an dân, dựng lại cuộc đời, thì con với chồng con phải giúp đỡ người ta... Đàn ông đàn bà cũng đều là người, đừng nghĩ đàn bà không làm nên sự nghiệp to lớn... Má từng kể sự tích Hai Bà Trưng cho con nghe rồi, con có nhớ không?

- Vâng, con nhớ... Má cắt nghĩa rõ ràng như thế, giờ con hiểu rồi.

- Thế thì bây con dám thề chứ?

- Vâng, con xin thề.

- Nào, con thề đi!

- Má nhắc lại câu thề cho con,

- Đây, má nhắc lại câu thề, con cứ y theo mà nói nhé: Tôi thề mai sau không lấy chồng là người có tước lộc gì của triều đình này, và ai phản đối triều đình đó thì tôi coi là bạn đồng chí, lấy nghĩa vụ giúp đỡ người ta.

- Con nhớ rồi, má ạ!... Má nghe con thề nhé!

Nàng lại vạch gờm xuống đất ba vạch, nghiêm chỉnh xướng lại câu thề, như bà mẹ vừa dạy; nàng nói to, rắn rỏi, phân minh từng tiếng một. Mụ Tri nghễnh ngãng mà cũng nghe rõ; mụ gật đầu hai ba lần, tỏ ý vui vẻ.

Bà quả phụ cũng thế, sau khi nghe con thề nguyên có vẻ thành thực, sốt sắng, bà vui mừng quá, nói cười múa chân múa tay như người điên; ôm con hôn lấy hôn để, day qua vỗ vai bá cổ mụ Tri, kéo bàn tay mụ đặt vào bàn tay con; kêu rú lên mấy tiếng “Thế là tôi xong việc, yên lòng”, rồi ngã lăn dưới đất.

Mảnh với mụ Tri cùng kinh hoảng; kẻ ôm mình, người đỡ chân, vội vàng khiêng bà lên giường.



Nàng để tay trên ngực mẹ, không nghe trái tim đập nữa: bà đã tắt thở.

### **Thạch Bi Sơn**

Một bọn sáu bảy người buôn gánh, để bò sọt ở bên đường, vào ngồi nghỉ trong một quán nước dưới chân Đại Lãnh (Đèo Cả, phân giới Phú Yên, Khánh Hòa).

Lúc ấy mới xế trưa.

Họ ngồi uống nước, nói chuyện gẫu, cốt đợi những người đến sau. Chúng nào tụ họp vài ba chục người, sẽ kết đội qua đèo một thể. Tuy họ thông thuộc đường núi như trầu thuốc đựng trong hồ bao, đến nỗi nhớ chôn trong trí từng gốc cây, từng mỏm đá, từng lối tắt có thể chui qua đường đèo vừa gần vừa mau, nhưng với sáu bảy người, họ không dám để bước vào khoảng chót vót, um lùm, có khi giữa trưa mà giáp mặt không trông thấy nhau, mây bay quanh mình nghỉ ngút.

Không phải họ sợ lâu la cướp bóc gì, họ sợ beo cạp.

Cạp Khánh Hòa, ma Bình Thuận, đã thành tục ngữ.

Họ tán chuyện đã nhiều, chờ đợi đã lâu, có người mệt mỗi ngủ gà ngủ gật, phía bắc vẫn không thấy bóng người đồng bạn hay một khách bộ hành nào đi đến.

Ai nấy sốt ruột, thở dài:

- Mất cả thời giờ! Thế này thì không khéo chiều tối chẳng qua khỏi đèo!

- Hay là chúng ta cứ đi liều, xem nào? Một người xướng nghị với giọng miến cưỡng.

- Phải, đi sáu bảy đứa với nhau để làm cớ cho cạp nó xơi hử? Người khác trả lời. Chỗ này có tiếng cạp nhiều như chó con...

Một người có tuổi hơn nội bọn vội vàng bịt miệng người mới nói kia, và nhăn mặt, cần rần rần:

- Chết!... Chết!... nghề buôn bán phải qua lại núi rừng, sao ăn nói chẳng từ tốn gì hết?... Phải nói là Sơn quân hay ông Ba mươi, chứ không nên xách mé... Ai nói gì, các ông nghe cả đấy!

- Bác chỉ khéo vẽ! Người bị trách vừa nói vừa cười. Gọi cạp bằng



ông mà qua đèo một mình thì nó cũng xơi; trái lại, xách mé nhưng đi bọn đông, hấn ta đành lui trong bụi.

Mê tín chống với ngộ nghịch, hai người sừng sộ lời qua tiếng lại, chỉ vì vấn đề lễ phép cùng chúa sớm lâm; bà chủ quán sợ họ đến dùng võ, không khỏi thiết hại chén bát của mình, xen vào can ngăn:

- Này, các bác đừng cãi nhau nữa... Im mà nghe!... Có tiếng nhạc ngựa!

Mọi người làm thinh, mắt nhìn chăm chăm về phía Bắc, quả có tiếng nhạc ngựa nhong nhong, sắp sửa đến gần.

Giây lát, một người một ngựa đến trước quán dừng lại. Người ngồi trên mình ngựa nhảy thót xuống.

Ngựa trông vạm vỡ, ra vẻ lương mã. Người rong rỗng cao, chưa đến ba mươi tuổi, mắt hơi xếch, hàm vuông và hô ra, dấu tỏ giàu nghị lực; mình nai nịt gọn ghẽ, lưng đeo cung tên và một bọc hành lý khá to, cạnh sườn dắt một thanh gươm dài, chuôi nạm sà cừ bóng lộn. Tướng mạo và khí giới đủ cho người ta nhận biết ngay là một tráng sĩ.

Khách thả ngựa một chỗ có nhiều cỏ non, rồi bước vào trong quán, niềm nở chào hỏi mọi người, tháo bọc hành lý trên vai xuống, đặt bên ghế ngồi, tươi cười và nói với bà lão chủ quán:

- Cụ bán cho tôi ba đôi nước rõ ngon, rõ đầy, nào!... Tôi đi luôn một hơi mấy trăm dặm đến đây, khát quá!

- Thưa ông, vậy chắc ông ở Phù Cát vô đây? Một người trong bọn lái buôn hỏi chuyện, còn những người khác ngồi lóng tai chú ý nghe.

- Xa hơn nữa! Khách đáp.

- Hay là Quy Nhơn phủ?

- Chính thế.

- Thế, ông đi suốt đêm ư?

- Tôi đi suốt đêm, một mạch.

- Con ngựa của ông quý hóa nhỉ, hấn là thiên lý mã?

- Vâng, cũng gần đâu đó... Các ông xem dáng nó có mỗi một tí nào không?



- Quả thế, ngựa trông như mới dắt ở tàu ra... Tôi nói khí vô phép, cả ông xem cũng ung dung, khỏe khoắn; nếu không có bụi bặm ở quần áo thì đồ ai dám bảo ông đi đường xa đến đây.

- Vâng, có thể!

Khách gật đầu và mỉm cười, nói hai tiếng *có thể* với vẻ tự hào, tự phụ.

Bọn lái buôn thấy khách, có tướng mạo lạ, nói năng lanh lợi mà tử tế, lại ở miền ngoài vào, cho nên họ càng mạn hỏi chuyện, quên lửng việc cần qua đèo.

- Nghe nói miền ngoài đô này có giặc giã hoành hành lắm, có phải không ông? Một người trong bọn hỏi.

- Không, có giặc giã nào đâu! Khách trả lời có dáng sừng sốt.

- Ông nói thật hay bỡn?

- Tôi nói thật đấy:

- Quái, hay là ông từ giã Quy Nhơn đã lâu ngày cho nên không biết?

- Không, xế chiều hôm qua tôi ăn cơm ở Quy Nhơn rồi mới nhảy lên lưng con Thần phong, tề một mạch đến đây.

- Lạ nhỉ! Hôm qua chúng tôi gặp một tốp người đào nạn; họ kể chuyện rằng Biện Nhạc ở ấp Tây Sơn nổi lên làm giặc, đã chiếm thành Quy Nhơn, đuổi quan lớn Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên chạy mất; cả Đạm Thủy Càn Dương cũng thất thủ rồi kia mà?... Việc quan hệ như thế, lẽ nào ông không biết; ông vừa ở Quy Nhơn lên đường hôm qua?

Khách uống một hơi, cạn tô nước sau cùng, trừng mắt xéch ngược, nói tiếng sang sảng như chuông:

- Thưa các ông, thật tôi chả biết có giặc nào hết... Tôi chỉ biết rằng: triều đình nhu nhược, để gian thần Trương Phúc Loan lạm quyền bại pháp, đồ khổ sinh dân, anh em ông Biện Nhạc họp đồng chí, khởi nghĩa binh, cốt trừ tàn khử bạo, cứu nước an dân; nếu các ông bảo những người ấy là giặc thì quả tôi không biết.

- Vậy thì Quy Nhơn quả thật đã thất thủ, thưa ông?

- Phải!... Nhưng tại sao các ông ân cần đến sự Quy Nhơn còn mất lắm thế?



- Tại là quê hương chúng tôi.

- À!... Rồi đây còn nhiều nơi khác sẽ về Tây Sơn, há phải một Quy Nhơn mà thôi ư?... Các ông chờ đấy mà xem!

Khách nói và đứng dậy khoác tay nải lên vai, sửa soạn đi.

Bọn lái buôn nhìn nhau, kinh ngạc. Người tiếp chuyện khách nãy giờ, sững sốt hỏi:

- Giờ ông lại đi ngay.

- Vâng, tôi phải đi ngay, vì có việc khẩn yếu! Khách trả lời và hỏi lại. Từ đây tới Thạch Bi Sơn còn xa lắm không hề, các ông?

- Thưa không xa. Chỉ qua đèo này, rẽ sang phía tây nam là thấy Thạch Bi Sơn. Nhưng ông đến Thạch Bi Sơn thật à?

- Phải!

- Một người một ngựa, thế ư?

- Phải, tôi với con Thần phong!

- Nhưng trước hết là phải trèo qua Đại Lãnh?

- Phải, bây giờ tôi sắp trèo qua Đại Lãnh đây.

- Cũng một người một ngựa thế ư?

- Phải, tôi với con Thần phong!

Không phải ước hẹn, cả bọn lái buôn và con cái gia đình bà chủ quán, tất cả mười lăm miệng cùng thốt một tiếng kinh dị:

- Trời!

- Sao các người lại kêu Trời? Khách hỏi, tay thì sửa lại cái bọc mang trên lưng cho được thẳng bằng, hai chân chỉ dậm bước ra khỏi quán.

Người lái buôn nhiều tuổi nhất đám mà ta đã biết, chắt lưỡi gọi giật:

- Này, ông ơi!

- Sao? Khách day lại hỏi.

- Chắc ông là người xa lạ, thuở giờ chưa đi lại con đường này bao giờ?



Vâng, có thể! Lần này là lần thứ nhất.

- Hèn gì ông không biết.

- Không biết thế nào cơ ông?

- Anh em chúng tôi bảy người đến đây từ lúc xế trưa, còn phải đợi mãi, không kết đội chừng vài ba chục người thì không dám qua đèo; là vì...

- Là vì thế nào? Ông nói thẳng cho tôi nghe với, chứ sao lại ngập ngừng thế? Khách hỏi dồn, có ý sốt ruột.

- Vì trên Đại Lãnh sơn quân nhiều có tiếng! Ông lái già trả lời, lộ vẻ sợ hãi trên mặt, nói hai tiếng *sơn quân* nhỏ như nói thầm.

Khách cười gằn:

- Tưởng là gì? Cái đó tôi đã biết trước. “Cọp Khánh Hòa...” đã thành tục ngữ, tôi có lạ đâu!

- Cơ khổ! Lại còn núi Bia nữa! ông lái già nói tiếp. Chúng tôi lo ngại giùm ông, vì thấy ông là người hiền lành, bỡ ngỡ không biết.

- Thì ở núi Bia cũng nhiều cọp như trấu là cùng, chứ gì?

- Nào phải! Ở đây có cái nguy hiểm khác... Trong thung lũng núi Bia lâu nay, có bọn thầy trò Giáo Hiến kết lều lập trại, tụ tập xưng hùng; triều đình muốn tập nã mãi không được. Hai ba lần quan quân ở Phú Yên đạo lần mò đến, toan bề đánh bắt, đều bị thầy trò hấn ta giết sạch. Nay ông một mình một ngựa đi đến, chúng định chắc ông là công sai, cho ông một mũi tên độc thì ông phải chết. Nguy nhất là chúng núp trong hang đá bụi cây, không khi nào cho ông thấy mặt mà hòng cự lại.

Khách lại cười gằn:

- Đa tạ hảo ý của ông. Tưởng là ông mách cho điều gì lạ kia, chứ điều đó tôi cũng thừa biết từ trước.

- Vậy ông cứ nhất định đi à? Ông lái già ân cần hỏi lại.

- Vâng, tôi phải đi.

- Một người một ngựa thế mà ngang nhiên qua Đại Lãnh thẳng đến Trạch Bi Sơn à?

- Cố nhiên!



- Trời ôi! Ông tự tin vào chỗ nào mà dám mạo hiểm thập tử nhất sinh như thế? Hãy đợi chốc nữa có đông người, rồi cùng đi với chúng tôi có được không?

- Cảm ơn các ông, tôi phải đi ngay... Chỗ nào tôi tự tin ư? Thưa, tôi tin vào hai bạn đồng hành tả phù hữu bất, chả sợ gì cả.

Mọi người xúm quanh đều lấy làm lạ, không hiểu khách là công sai, là cường đạo, là tiên quý hiện hình, hay có bản lĩnh đến thế nào, mà đơn thân độc mã, dám hung hăng làm việc mạo hiểm như vậy? Họ băn khoăn lo ngại, tự nghĩ như mình sẽ có tội và lương tâm cắn rứt không yên, nếu để cho người này mạo hiểm, rủi có bề nào. Cái nghề đi lại núi rừng buộc họ giàu lòng đoàn kết và thương yêu cứu giúp lẫn nhau. Bởi vậy khi nghe khách nói có hai bạn đồng hành, tả phù hữu bất, họ nghĩ rằng khách điên, muốn tìm cách cố lưu lại, đợi chốc nữa hay qua sáng hôm sau cũng đành, có đông người kết bọn sẽ đi.

Một người nín áo khách và hỏi mát:

- Ông định tự tử à?... Trơ trọi đơn thân độc mã, hai bạn đồng hành là hai bạn nào đâu?

- Hai bạn tôi đây này!

Khách ung dung trả lời một tay trở vào cung tên đeo bên mình, một tay nắm lấy thanh kiếm. Rồi cười kha kha, nói tiếp:

- Với hai thằng bạn này, tôi đi một người một ngựa qua Đại Lãnh đến Thạch Bi Sơn, trăm phần trăm an toàn vô sự, chẳng hổ báo lâu la nào dám động đến lông chân mình mà lo! Các ông phải chờ đợi ai làm gì, cứ đi với tôi, tôi bảo hộ cho.

- Ông chắc bảo hộ anh em chúng tôi được vô sự ư?

- Đã bảo cứ đi với tôi mà! Hễ gặp hổ thì giết hổ chết tươi, gặp giặc thì chém giặc tại trận, dù có bao nhiêu đứa cũng mặc. Tôi cam đoan bảo hộ các ông, nếu có một sầy da tróc vảy bởi cọp hay lâu la tôi cho phép mấy người kia chặt đầu tôi đi!... Nào có đi thì ra đi, kéo tới ngày mất?

- Nếu thế thì may phước quá, ông cho anh em chúng tôi đi theo với!

Bảy người lái buôn hớn hờ chạy ra lấy gồng gánh, đồng dục lên đèo nhờ có tráng sĩ hộ vệ.



Họ đi trước, tráng sĩ cỡi ngựa theo sau cung tên cầm sẵn trong tay và gươm tuốt ra ngoài vỏ.

Thạch Bi Sơn, tục danh núi Bia, ở phía tây nam Đát Lãnh, châu vi hơn mười dặm, hình thể sầm uất, đỉnh cao và phẳng, đứng xa trông như bức thành xây. Mạch núi chạy dài, phía ngoài ra đến bờ bể, phía trong tiếp giáp sơn mạch Bà Nam, nơi có hai nước mọi độc lập, thuở xưa vẫn triều cống là: Thủy xá quốc và Hỏa xá quốc.

Tương truyền vua Lê Thánh Tôn, năm Hồng Đức nguyên niên (1470), thân đem 20 vạn quân vào đánh Chiêm Thành, mở đất nước, lấy ngay núi ấy làm phân giới nước ta và nước Chiêm.

Nhà vua sai người lên tận đỉnh núi, mài đá khắc bia gồm có 16 chữ sau này: *“Chiêm thành qua đây, quân thua nước mất, An Nam qua đây, tướng chết binh tan”*. Vì thế, núi mới có tên là Thạch Bi Sơn hay núi Bia.

Tuy nhiên, văn bia lâu ngày đã mờ chữ mòn nét, không nhận ra được nữa, mười sáu chữ trên chỉ do truyền văn thể thôi, chưa chắc nguyên xưa có phải như vậy. Nhất là một việc quan hệ đến thế, không lẽ sử đời Hồng Đức và thi tập của Thánh Tôn ghi chép việc đi đánh Chiêm, không nói gì đến?

Nhiều người Tàu vào khoảng Đường Tống lại phỏng đoán rằng: đời Hán, Mã Viện sang đánh Giao Chỉ rồi lập đồng trụ phân giới ở trên núi ấy, rồi sau người Chiêm Thành nhổ đi.

Hình như đến đời Lê Thái Tôn người Chiêm mưu toan lấy lại đất Hóa Châu tức là đất Huế mà tiên vương họ đã dâng nhà Trần làm lễ cưới Huyền Trân công chúa, và định khiêng đồng trụ ra cắm ở Đèo Ngang, vì đó Thánh Tôn phải đem quân vào đánh rồi mài núi lập bia như trên đã nói.

Nhưng, chuyện bia đá này cũng như cột đồng kia, toàn là người sau ức đặc, chẳng ai biết rõ thực hư thế nào. Vì hình thể Thạch Bi Sơn hiểm trở quá, thuở nay không người nào dám in vết chân mình lên, không khám phá được dấu tích lịch sử có không, không có.

Thế mà trước bốn năm có câu chuyện chúng tôi đang kể đây nghĩa là vào khoảng năm Canh Dần (1770), có một người đem hai ba chục học trò đến ở thung lũng này mở trường dạy học, vỡ đất trồng màu. Thầy và



học trò phần nhiều đem gia nhân quyền thuộc đi theo, tổ chức thành một thế giới riêng trong núi, tự nuôi tự trị lấy nhau, không chịu thuộc quyền triều đình quan phủ.

Người ấy tên là Trương Văn Hiến, vì chuyên dạy học, nên người ta quen gọi là giáo Hiến.

Hiến là anh em thúc bá, có người nói chính là em ruột ông Trương Văn Hạnh, là quan ngoại hữu ở triều Đinh vương. Tính ông rất cương trực, thấy Trương Phúc Loan lạm quyền nhiều dân thái quá, không thể chịu nổi, trước ông còn can ngăn, sau âm mưu với một số đồng liêu đồng chí, định giết kẻ gian thần, sửa lại triều chính. Không may sự cơ bại lộ, bị Phúc Loan hãm vào tử tội và định tru di đến cả họ hàng bà con.

Lúc ấy Hiến đang ở Phú Xuân, sợ mang vạ lây, vội vàng đáp thuyền vào cửa Hàn, định nương náu ở Quảng Nam. Nhưng Phúc Loan nghe danh Hiến có học, lại giỏi cả võ nghệ, lo sợ Hiến sẽ phục thù, cho nên ra lệnh tập nã rất gắt. Các bến đò quán chợ đều yết thị, tả vẽ hình dáng, giao hẹn ai chặt đầu đem nộp, sẽ được một bước bổ thụ ký lục; trái lại, ai mà giấu giếm, bị tội lăng trì, làng nào chứa chấp, sẽ bị triệt hạ.

Như Ngũ Tử Tư ngày xưa đi trốn nước Sở, một đêm bạc trắng cả đầu, Hiến lo sợ quá cũng thế: người đang trẻ mà trong mấy hôm biến ra bạc đầu hóp má, trông như ông lão. Hình dáng khác hẳn, không ai nhận ra.

Sợ nản ná ở Quảng Nam, nguy hiểm, vì đảng vũ gian thần ở đây nhiều, Hiến đi bộ đêm ngày, tiến vào Quy Nhơn, cho thật xa xôi cách tuyệt.

Dem sở học ra làm sinh kế, Hiến mở trường dạy học tại ấp Yên Thái. Dân vùng này đang oán hận triều đình, cho nên dù người biết rõ tông tích Hiến, cũng không muốn tố giác lập công với gian thần; huống chi thấy Hiến tài gồm văn võ, làm thầy học quanh vùng, ai nấy lại đem lòng kính mến, ra sức bảo hộ. Nhờ thế, Hiến được ở yên?

Học trò đến thụ nghiệp khá đông; ai muốn học văn hay học võ, đều được dạy dỗ chu đáo.

Cả ba anh em Nhạc, Lữ, Huệ, và danh thần dũng tướng của triều Tây Sơn sau này như đô đốc Trương Văn Đa, Đặng Văn Chân, thái phó Trần Quang Diệu đều là thụ nghiệp môn sinh.



Anh em Tây Sơn đến học độ ba năm. Nhạc chuyên học văn, Lữ và Huệ học võ. Nhất là Huệ, tướng mạo khôi vĩ, học tấn tới vượt cả mọi người, ông giáo Hiến rất yêu vì, càng gia công dạy bảo, thường khoe Huệ với người ta:

Chàng thiếu niên này, tương lai không biết đâu mà lường, chỉ tiếc rằng người e không thọ!

Nhân lúc bấy giờ dân gian có câu sấm ngữ “*Tây khởi nghĩa, bắc thu công*”. Ông bảo riêng anh em Nguyễn - Nhạc:

- Các anh có lập chí cao xa gì không? Câu sấm “*Tây khởi nghĩa*” có lẽ ứng vào các anh là người ấp Tây Sơn đây.

Chung cả học trò, ông thường khuyên ai nấy nên lập chí hướng cho to, lấy việc cứu thế an dân, trừ tà khử bạo, làm phận sự nam nhi, chứ đừng cầu những cái lợi lộc công danh tầm thường như thói thiên hạ.

Một cách gián tiếp, và mỗi ngày một tí, ông nhồi vào trí não học trò những tư tưởng cách mạng triều đình thử thời. Cái gánh thù nhà, ông tự biết không đương nổi, muốn đặt trên vai học trò.

Cũng vì thế, tông tích khả nghi của ông dần dần bay đến tai quan lại địa phương.

Sợ nguy đến nơi, ông vội vàng thu xếp già từ Yên Thái để tránh đi nơi khác; ông nói:

- Đã thế, ta vào ở non xanh rừng rậm, thật biệt mù hiểm hóc, thử xem chúng nó làm gì được ta!

Có vài chục học trò tình nguyện đi theo ông; họ đem cả gia đình và khí cụ canh nông, nhắm mắt theo thầy, hễ ở chỗ nào thì khai khẩn sinh nhai chỗ ấy.

Thế rồi không trống không kèn, ông dẫn ngót bốn chục người, cả học trò với gia nhân họ, đàn ông có, đàn bà có, vào ở trong thung lũng Thạch Bì Sơn.

Thầy trò xuất lực đồn cây dựng nhà vỡ đất trồng tía cày cấy, lập nên một nước riêng ở trong một nước, tự sinh sống đùm bọc nhau, không giao thiệp với ai, cũng không phục tòng phụ thuộc ai. Mỗi ngày, ngoài giờ làm lụng, ông giáo Hiến dạy học trò đánh quyền múa gươm, bắn cung cưỡi ngựa, quanh quẩn trong khoảng núi non mà mình làm chủ.



Những người đi buôn bán trên mọi thường qua lại đây, thầy trò tuyệt nhiên không đòi tiền mồi lộ hay quấy nhiễu gì, nhưng nếu là người công sai hoặc binh lính ở đạo phủ Yên, lò mò đến dò la khiêu khích, tất được đề da gởi thịt lại núi Bia, mười kẻ chỉ về được một hai là phúc.

Trong vòng một năm, công cuộc xếp đặt đã thành cơ ngũ; Lều trại sừng lên san sát, hoặc một gia đình ở riêng, hoặc hai ba người ở chung với nhau; lương thực cũng ăn chung đồ lộn, gạo thóc có, ngô khoai có; hằng ngày học trò đi săn bắn, chim chóc và thịt thú rừng ăn không hết, còn thừa phơi khô.

Tóm lại thầy trò lập riêng với nhau một thế giới tự chủ, hầu như đoạn tuyệt giao thiệp với bên ngoài, đến nỗi chung quanh Thạch Bi Sơn trở ra có việc biến chuyển gì thầy trò cũng không biết, và cũng không cần biết.

Khoảng năm Nhâm Thìn, có một bà lão dẫn một cậu trai trẻ đến, xưng là mẹ con, lạy xin thu nghiệp.

Bà lão độ sáu mươi ngoài, tai hơi nghễnh ngãng, nhưng cặp mắt còn tinh anh và tác người trông khỏe mạnh, nở nang, không ra dáng một người đã gánh bấy nhiêu xuân thu trên vai. Còn người trai trẻ mà bà nhận là con, diện mạo khôi ngô, tay chân mềm mòng như con gái; xem dáng người và nét mặt đáng ngót đôi mươi, nhưng bà nói rằng cháu mới có 13 tuổi.

Hành lý của hai mẹ con chỉ có một cái bọc quần áo, cơm khô và hai chục nén bạc, xỏ vào cây đòn dài năm thước, chính bà lão vác trên vai. Thoạt trông, người ta tưởng là đòn tre, chừng nhìn kỹ mới biết là một cây gậy sắt, nặng đến năm sáu chục cân.

- Làm sao bà lão biết chỗ này mà đưa đến? Ông Giáo Hiến dòm kỹ tướng mạo hai mẹ con và hỏi. Mẹ già con bé thế mà dám xông pha rừng núi ư?

- Bẩm ông, chúng tôi nghe đại danh ông đã lâu; thoát tiên tìm đến ấp Yên Thái, người ta chỉ dẫn vào đây. Vì lòng thiết tha mộ đạo tìm thầy cho con học, chúng tôi đánh liều xông pha, nhờ có trời Phật phù hộ, không ngại ngừng sợ hãi gì cả...



Ông Giáo Hiến chưa kịp hỏi thêm, bà lão đã nói tiếp:

- Vả lại chúng tôi có một bức thư người ta gửi trình ông.
- Không biết người viết thư là ai và trong nói gì, chỉ thấy ông Giáo Hiến xem thư rồi niềm nở hỏi chuyện, có vẻ tin cậy, thân mật:
- Thế cháu bao nhiêu tuổi?
- Bẩm ông, cháu còn nhỏ dại lắm, năm nay mới có mười ba...
- Trời ơi! Tác người đầy đặn thế mà mới có mười ba tuổi thôi à?
- Bẩm vâng, tuổi Tân Ty.
- Tên họ?

Bà lão làm bộ như đang trí, một lát mới nói:

- Bẩm, cháu họ Bùi, con nhà côی cút, hiếm hoi, từ nhỏ vẫn gọi cháu là thằng Mạnh vì tôi là đàn bà dốt nát, không biết đặt đề thế nào cho hay. Bây giờ nhân tiện xin ông cho cháu một chữ làm tên.

- Bà sinh cháu ra ở đâu? Ông giáo Hiến hỏi.
- Thưa, ở Phú Xuân.
- Vậy thì đặt tên cho nó là Xuân, đệm chữ Văn hay chữ Phùng nghe hay hơn
- Đa tạ ông, ba chữ Bùi Phùng Xuân nghe hay lắm!
- Thế cháu đã học vỡ lòng chưa Xuân? Giờ ông Giáo hỏi người con.
- Bẩm cụ, cháu đã học được ít nhiều chữ nho! Chính Xuân trả lời.
- Bây giờ lại muốn kế tiếp học văn để thi cử chứ gì?
- Thưa không, cháu xin học võ.

Bà lão xếp hai chục nén bạc trên khay trầu, bảo con lạy ông Giáo Hiến hai tay và nói:

- Xin ông nhận lễ nhập môn, từ nay cháu là đệ tử ông, trăm sự nhờ ông dạy bảo, thân già này chỉ trông cậy có nó và tương lai có thể nào trông cậy hoàn toàn ở ông.

- Được rồi, đã có thư của bạn tôi giới thiệu, tôi vui lòng nhận cháu là môn sinh và dạy bảo nó tận tâm! Ông Giáo Hiến trả lời và tay gạt gói



bạc ra. Nhưng còn tiền bạc thì bà thu về, tôi không nhận đâu. Ở đây, ai nấy xuất lực mà sinh sống học hành, có cần gì tiền bạc?... Còn bà, bà cũng ở đây với con chứ?

\*

Thưa vâng, trước khi đến đây, tôi đã biết rõ cách thức sinh hoạt giáo huấn của ông thế nào rồi... Từ nay, mẹ con tôi xin làm dân Thạch Bi Sơn y như mọi người: cháu thì học ông, tôi thì xuất lực trồng cây cuốc đất mà sống, góp vào cuộc sinh tồn chung. Bởi vậy, tôi thành tâm dâng cả sự sản vốn liếng của tôi có bấy nhiêu đây, không phải để trả tiền học cho cháu, nhưng xin ông nhận lấy, để mua sắm khí cụ vật dụng gì cần dùng cho cuộc sinh tồn chung cả mọi người. Ví dụ cây cuốc trâu ngựa chẳng hạn. Tôi tưởng ông nên cho người lên xứ mọi mua trâu ngựa để khai khẩn thêm, hình như ở đây còn thiếu vật dụng ấy mà sự khai khẩn có thể được hơn... Nếu ông không nhận lòng thành này thì mẹ con tôi xin ra khỏi Thạch Bi Sơn ngay, người ta nói lòng thành cảm được thần minh, có lẽ bậc kỳ tài cao sĩ như ông lại chẳng hiểu cho?

Bà lão nói rất thiết tha ân cần, mà lại có lý thành ra ông Giáo Hiến không thể từ chối.

Tuy vậy, ông phải trầm ngâm suy nghĩ, không hiểu mẹ con nhà này, tất có tung tích ẩn khúc thế nào, chứ không phải giản dị là “một người mẹ mộ đạo nghe danh muốn tìm đến cho con tòng học” như trong bức thư của người cố giao ở ấp Yên Thái giới thiệu.

Ông tự hện trong trí, để thông thả sẽ kéo tấm màn bí mật này lên.

Từ đây, xã hội Thạch Bi Sơn thêm hai tên dân mới, là mẹ con Bùi Phùng Xuân, ở riêng một túp lều đầu núi. Hằng ngày, bà lão đi làm việc cày cuốc trồng tía như mọi người, bà làm như một tay lực điền mà tính ý lại vui vẻ, nên chi ai nấy đều kính nể, yêu mến.

Xuân thì chuyên việc học tập ở trường võ, sáng ý, chăm chỉ và rất chịu khó; ông Giáo Hiến thấy thế càng có lòng thương, hết sức dạy dỗ, cho chàng được chóng theo kịp các bạn đồng môn.

Chàng hơn được các bạn là biết chữ, thành ra tôn sư có thể đem những sách chuyên môn về việc binh nghề võ, như *Kiểm pháp bí truyền*, *Binh thư yếu lược* và *Tôn tử thập tam thiên*, giảng dạy kỹ lưỡng, khiến



chàng vừa hiểu lý thuyết, vừa được thực hành, nhờ vậy mà công phu luyện tập mau thấy tấn tới hơn người.

Duy có tính nết nhu mì, điềm đạm, ít nói ít cười, lại hay cả thẹn: ví dụ trong khi thao luyện một bài kiếm, một đường roi chẳng hạn, hơi có chút nào lỗi lầm, đủ khiến chàng tự lấy làm thẹn thùng, đỏ mặt tía tai lộ vẻ kiêu diễm như người con gái. Anh em bạn học lấy làm lạ bảo nhau:

- Quái! Thằng Xuân có lẽ bà mẹ lỡ tay hay quên kiếc thế nào, giá nặn nó là con gái thì phải hơn!

Tuy vậy, sự học của chàng không vì thế mà kém phần tiến bộ, xuất sắc. Nhờ ông thầy khéo cảm hóa, khuyến khích, không bao lâu chàng biến đổi khác hẳn, trở nên lý lợm, bạo dạn lạ thường, bạo dạn đến quên cả nguy hiểm.

Sau một năm rưỡi, Xuân tinh thông kiếm pháp, do công phu tập luyện ráo riết mà cũng do thiên tài góp vào một phần.

Những lúc Xuân múa kiếm, người ta chỉ thấy sắt chớp nhoáng chung quanh mình chứ không trông thấy người. Chàng lại có tài phóng thanh gươm đi cách xa đôi ba trăm bước, đâm trúng bất cứ vật gì mình nhắm làm đích. Bạn cùng học kiếm phải tấm tắc kính phục, bảo rằng trong bọn đồng môn được thầy truyền kiếm pháp, mấy năm về trước có Nguyễn Huệ, giờ thì có Phùng Xuân, mới đi tới chỗ tuyệt kỹ như thế.

Chàng cỡi ngựa bắn cung nỏ cũng thiện nghệ. Mỗi khi bạn học thao diễn nghề bắn với nhau, chỉ có dăm người với chàng bắn trúng hồng tâm luôn năm phát, còn những người kia chỉ trúng được ba bốn. Một hôm, người ta muốn thử tài, trở vào đàn chim đang bay, thách chàng bắn trúng con thứ ba. Ứng thanh, mũi tên vọt lên, bắn đúng con chim ấy ngã. Ông giáo Hiến vui mừng dạy dỗ được một người học trò giỏi như thế ông nói:

- Dưỡng Do Cơ tài bắn nhất đời Chiến quốc, chẳng qua cũng thế thôi.

Giữa lúc ấy, người tráng sĩ lạ lùng mà ta đã thấy, gia roi tể ngựa gần đến Thạch Bi Sơn.



## IV. Con cộp làm mối

Sau khi bình yên qua đèo Đại Lãnh, khách cười nói pha trò với các ông lái:

- Nào, các ông kiểm lại da thịt xem có ai sứt mẻ gì để tôi xin lấy mạng thường mạng cho nào?

- Bẩm không ạ! Các lái đồng thanh đáp. Đa tạ ông hộ vệ anh em chúng tôi qua đèo được vạn sự bình yên... Thật là may quá, chẳng gặp ông thì không khéo chúng tôi phải ngủ đố lại bên kia đến sáng mai.

- Vậy thì bây giờ các ông cho tôi sống, để tôi đi việc tôi chứ?

- Bẩm không dám ạ, ông dạy quá lời!... Một lần nữa, chúng tôi cảm ơn ông và xin chúc ông đi cho công việc được như ý. Thạch Bi Sơn trông thấy kia, nhưng đường khuất khúc cũng hơi xa, ông đi kéo trời sắp tối mất!

Thế rồi bọn lái buôn quảy bò đi thẳng, còn khách thì thúc ngựa rẽ sang ngõ Thạch Bi Sơn.

Lúc ấy, mặt trời đã lặn, con Thần phong đang nện bốn vó đều đều trên đường núi gồ ghề, bỗng dừng rúc đầu vào bụi rậm, miệng kêu hí dữ dội, còn hai chân sau thì hất đá tứ tung.

Khách nói cần nhằn một mình, bắt như ý:

- Thần phong vẫn thính mũi lắm!... Hẳn có chó rừng đây mà!

Quả nhiên, trong đám lau sậy cách xa trước mặt độ trăm thước, có tiếng rào rạt, ngọn cây ngả ra hai bên, chứng tỏ có một chú cộp chưa biết lớn nhỏ, đang rúc lau rẽ lá tiến đến phía khách rất nhanh. Con Thần phong đánh hơi từ xa, cho nên chúi đầu vào bụi, hất đá chân sau là để nghênh địch. Giống ngựa đi rừng gặp hổ bao giờ cũng thế.

Khách vội vàng nhảy xuống đất, nhưng chưa kịp rút gươm ra, thì một con cộp to lớn kinh hồn, nhanh như biến, đã vọt đến trước mặt.

Tấn kích từ lúc con Thần phong đánh hơi, khách miệng nói lầm rầm, mình phóng xuống đất, cho đến khi con hổ vọt tới, nhà văn phải viết hết mấy chục hàng, nhưng sự thật lúc bấy giờ bay nhanh như gió, tất cả đồng thời phát hiện trong vòng nửa phút đồng hồ.



Cọp đã nhắm đúng độ xa thế nào không biết, vừa thò mặt ra ngoài đám lau, trong khi người bị ráng chiều rọi ngang giữa mắt chưa kịp nhìn thấy kẻ địch, thì đánh vụt một cái nhẹ nhàng như cơn gió thoảng, cọp lao mình đến nơi vừa vịn không xê xích hào ly nào.

Móng vuốt trương hết mãnh lực, hai tay cọp chụp lên hai vai người, vật người ngã ngửa dưới đất, đè cả thân hình mấy trăm cân lên trên, miệng há thật to, phơi cả răng nanh nhọn hoắt và cái lưỡi mọc gai, tưởng tượng như bộ máy nghiền đá, chỉ còn có việc ngoạm lấy đầu người mà nghiền nhẹ cũng đủ rán nát như, hoặc thè lưỡi liếm qua trên mặt, là đủ lạng đi cả tảng.

Nếu ta được chứng kiến giây phút rùng rợn ấy, tất phải cảm chắc người chết mười mươi, không còn lấy người tí sinh vọng nào nữa. Cọp ngồi trên mình người, hai bàn tay bầu chắc lấy vai như đóng đinh vào thịt, còn cái miệng đáng khiếp với răng như đao, lưỡi, như nĩa kia chỉ còn cách xa gang tấc!

Nhưng nếu ta tưởng vậy, thì ra ta quên mất người còn hai cánh tay tự do. Nhất là hai cánh tay tráng sĩ, đã từng luyện tập cứng rắn như sắt. Ý chừng tráng sĩ cũng đã phòng bị có lúc bất ngờ hay là tất nhiên này, cho nên bên trong áo vải, có mặc một thứ đoản giáp hộ thân, từ vai xuống đến háng, có thể che chở được gươm đao đâm chém vô hại. Nhờ thế, bàn tay cọp bầu lấy vai tuy chắc, móng vuốt ghì vào tuy sâu, nhưng xương thịt người không bị tổn thương gì cho đến nổi mất hết gân sức. Với hạng người ấy, trầy da đổ máu chỉ là chuyện rất tầm thường. Hai cánh tay tráng sĩ còn khỏe mạnh chán!

Tráng sĩ tính thế thủ thân cũng vừa vịn đúng, vừa vịn kịp. Giữa lúc cọp há miệng nhe răng, hạ gần xuống đến đầu mình, tráng sĩ đồng thời đưa hai cánh tay lên, vịn hết tinh lực, bàn tay trái đặt ngay vào hàm răng dưới của cọp mà ghì kéo xuống còn bàn tay phải thì chống lấy hàm trên của má căng thẳng lên. Cọp nằm trên mình, mình nằm trên gươm, tráng sĩ chỉ còn hai cánh tay là khí giới tự vệ.

Tinh thần là lực lượng của tráng sĩ chỉ còn hai cánh tay và dồn hết vào đấy, có hai điều lợi: một là căng thẳng gân sức, bạnh hẳn miệng cọp ra bắt nó ngửa mặt lên cao, không thể cúi xuống nhìn và ngoạm lấy đầu người như ý nó muốn; hai là giảm bớt sức mạnh ở hai bàn tay cọp đang đè nén trên vai mình.



Nhưng cạp bị căng mồm đau quá, cái đầu cổ sức lắc lư vùng vẫy để gỡ ra. Cạp cố sức gỡ chừng nào, hai cánh tay cứng như sắt của tráng sĩ lại cố càng cố ghì chặt thêm chừng ấy; nếu để buột tay ra thì chết.

Cạp dùng tới hai chân sau, muốn day đạp trên mình tráng sĩ, nhưng tráng sĩ nhanh nhẹn lấy bàn tay và đầu gối đỡ đòn được nhiều. Vả lại thiên tính giống cạp bao giờ cũng lo giữ thận nang kỹ lưỡng hơn hết các bộ phận khác trong thân thể, vì sợ thận nang hơi sây sát bị thương, sẽ nguy đến tính mạng. Người đi rừng biết được chỗ nhược của cạp như thế, cho nên chống cự với nó, thường nhắm vào đấy hơn cả.

Tráng sĩ cũng thế, cho nên cạp ta chỉ dùng sức mạnh hai chân sau một cách rất dè dặt, phòng xa, chứ không dám đem hết toàn lực.

Người và cạp cầm cự trì kéo nhau như thế đến nửa giờ đồng hồ. Cố nhiên người chưa biết làm sao gỡ mình thoát khỏi kẻ địch, mà cạp cũng tức tối, không tìm cách gì xơi được miếng mồi đã kề bên miệng.

Hai bên tương địch chỉ còn có cách chịu trận giữ miếng nhau, bên nọ chờ trên kia hở cơ một chút gì hay là sức đuối trước, thì mình nắm phần thắng. Chắc chắn người mau đuối sức hơn. Vì cạp đè trên mình, lại phải dùng sức hai cánh tay thái quá, có giới chịu đựng, chẳng qua độ nửa giờ đồng hồ nữa cũng được tự nhiên kiệt quệ, rời rã, để cạp phân thân xé xác cách nào tùy ý.

Nhất là cạp ta càng đau miệng, cái đầu to như thúng cái, lại càng lắc lư để mong tháo gỡ, không chịu để yên giây phút nào. Lưỡi nó thè lè, nhều cả nhót rãi xuống mặt tráng sĩ; tiếng gầm hét ú ớ trong họng không phát ra được, tỏ vẻ giận uất kêu rên, nghe đủ lạnh tóc gáy.

Cạp muốn tháo gỡ miệng nó bao nhiêu, tráng sĩ phải dùng hết gân tay căng lên; tay ghì xuống bấy nhiêu, thành ra càng tổn hơi sức.

Quả thật, một chặp sau, tráng sĩ cảm giác gân sức mình đuối dần, mặc dầu khí phách vẫn hùng hồn, tâm trí vẫn tỉnh táo. Sự sống chết xem ra chỉ còn cách nhau gang tấc.

- Chết cha mi! Tao không giết được mi, không còn phải là hảo hớn ở đời!

Tráng sĩ tuy nghiêng rãng trợn mắt, thét lên những tiếng găt gao hùng dũng với cạp như thế, nhưng thật sự mồ hôi đã đầm ướt khắp mình,



gân tay đã thấy mỗi phút suy nhược đi một vài phần, tự biết hơi sức không còn cầm cự dai dẳng được bao lâu.

Phút đồng hồ cuối cùng sắp sửa đến nơi, thắng lợi cho cộc, nguy hiểm cho người.

Hình như cộc nghe chừng người đã yếu sức, lại cựa quậy già. Bây giờ nó dụng lực cả đầu cổ, chân tay, mình mẩy; ý muốn cố kỉnh một vài hơn sức nữa là đủ kết liễu tranh đấu, xơi ngon miếng mồi.

Tráng sĩ nghe hai cánh tay mình đã rời rã, không chịu vâng mạng lệnh của khí phách nữa; cơn phẫn uất bốc lên, tràn ngập trong lòng, muốn lừa miếng sau cùng, làm sao luôn được hai bàn chân vào dưới bụng cộc, tung hất nó văng ra, rồi mình vùng dậy rút gươm đấu võ với nó một phen, có chết cũng hã.

Nhưng cộc khôn lắm, không để cho địch thủ mình chơi được miếng hiểm ấy; nó ngồi thu vén đề phòng phía sau, trong khi hai hàm răng cố xoay đảo lấy lại tự do, còn hai bàn tay thì cố vấu mạnh vào vai người. Tráng sĩ thấy móng nhọn đã xuyên qua áo giáp mà cắm sâu vào da thịt, đau buốt cả người. Bây giờ hai cánh tay thật là hoàn toàn mất hết gân sức, tráng sĩ chỉ còn có nước buông ra, đành phải chịu thua, chịu chết.

Giữa phút thiên nguy vạn hiểm, thập tử nhất sinh ấy, tráng sĩ nghe vun vút như từng luồng gió mạnh, kế tiếp thổi qua trên đầu mình; nhìn lên thì ra ba mũi tên thông luôn, từ đâu bắn lại không biết, đâm phập vào giữa miệng cộc mà không thấy động chạm gì đến bàn tay mình.

Cộc ta ăng ặc trong cổ, rú lên một tiếng nghe kinh khủng, rung chuyển cả thân thể, đồng thời máu trào ra miệng, rồi tự vật mình ngã lăn dưới đất, giãy giụa dữ tợn...

Tráng sĩ thoát thân, liền đứng phắt dậy, rút gươm cầm tay để giao chiến với cộc nếu nó còn có sức chồm lên vồ chụp mình. Giống ác thú này lúc bị thương gần chết vẫn còn sức mạnh đáng sợ.

Nhưng tráng sĩ đứng lên, chỉ vừa kịp tay rút thanh gươm, mắt trông ra phía trước xa xa thấy một người đang ghì ngựa từ trên sườn núi chạy xuống; thế là hai mắt hoa lên, chân tay bải hoải, muốn cố gượng mà không sao gượng được, mình lắc lư lão đảo mấy vòng như người say rượu, rồi ngã nằm sóng sượt, bất tỉnh nhân sự.



Cầm cự với cộp lâu quá, tráng sĩ mệt đuối, không thể tự chủ được nữa.

Lúc ấy người cỡi ngựa mà tráng sĩ đã trông rõ từ trên núi chạy xuống, vừa vắn đến nơi.

\*

Người cỡi ngựa là một chàng thiếu niên tuấn tú, nai nịt gọn ghẽ, bộ dạng trông như học trò, có vẻ con nhà quý phái, không đen đui gân guốc như một người sinh trưởng ở chốn sơn lâm.

Chiều hôm, chàng theo lệ quen, quần ngựa chơi trong thung lũng Thạch Bi, Đại phế và Hải hồ; chủ ý là tập cỡi ngựa, nhưng bao giờ cũng đem theo nỏ với đoản đao, hễ gặp chim muông thích ý thì sẵn bắn lấy thịt đem về ăn.

Lúc này, chàng buông cương cho ngựa đi bước một bên sườn núi gập ghềnh, bỗng nghe cách không xa, rõ ràng có tiếng cộp gầm gừ giống một, như lúc nó đang ăn con nai con mễn mà bị xương mắc cổ vậy. Người quen ở rừng, nghe những tiếng ấy, chẳng những không sợ hãi tránh xa, lại còn tò mò mạnh bạo tìm đến; có khi vớ được cả cộp lẫn môi của nó.

Thiếu niên dừng ngựa lại, nhìn quanh nhìn quất để tìm xem cộp ở chỗ nào; tới chừng đưa mắt xuống chân núi, nhận thấy phân minh một con cộp hình thể khá lớn, đang đè một người nằm dài trên cỏ, cái đầu thì héch lên cao vì bị hai tay người chống thẳng. Cách xa trăm bước, một con ngựa bạch thả lỏng, quay cuồng ở bên lùm cây, rít lên từng hồi, dường như kêu cứu hộ ông chủ vậy.

Chẳng biết kẻ mắc nạn kia là ai, chỉ biết rằng người có hiệp khí lại mang ít nhiều võ nghệ trong mình, thà không bắt gặp thì thôi, đã trông thấy đồng loại đang bị ác thú áp đảo và lăm le cắn xé như thế, nghĩa phải ra tay cứu giúp, dù nguy hiểm đến mình cũng không từ. Thiếu niên nghĩ vậy, sát khí bốc lên mặt phùng phùng, lập tức thúc ngựa xuống núi.

Chính lúc ấy tráng sĩ nghe cánh tay mình đuối sức lắm rồi, sắp phải buông ra đến nơi.

Thiếu niên càng xuống gần, càng nhận thấy rõ hơn, trong trí suy tính:



- Sẵn nó há hốc miệng thế kia, ta tổng ngay vài mũi tên vào đấy mà giải cứu người bị nạn, có lẽ nhanh hơn!

Nghĩ liền làm liền, chàng kèm ngựa đứng lại, đặt luôn ba phát tên vào cây nỏ, giương hết sức mạnh và nhắm rất trúng đích.

Cọp bị trọng thương, ngã ngay.

Mừng rỡ, đắc ý, chàng tể ngựa như bay đến chỗ ấy. Việc thứ nhất là cầm dao đâm bồi mấy phát cho cọp chết rồi, vì sợ giống thú dữ này thường có sức phản động ghê gớm, bị thương gần chết mà nó còn có thể chồm dậy vồ cắn người ta.

Muốn chắc dạ hơn, chàng lại vác mấy tảng đá to nện cọp vỡ đầu văng óc, bấy giờ mới để ý trên trán cọp có một đám lông trắng nuốt, lớn bằng hai bàn tay; dấu vết ấy khiến chàng gọi lại trí nhớ, bất giác tươi cười hơn hờ, nói lầm rầm một mình.

- Hừ! Con bạch diện hồ đây mà! Tao theo dõi mi hèn lâu, không ngờ hôm nay gặp nhau ở chỗ này!

Thì ra mấy tháng nay, chàng với nhiều bạn đồng môn rình bắt con cọp này, nhưng nó đều vượt khỏi.

Xử trí con vật xong, vội vã chạy lại thăm nom người nằm ngoài cách đó chừng mười lăm thước.

Người vẫn nằm thiêm thiếp như người ngủ say.

Thiếu niên nâng đầu tráng sĩ nhẹ nhàng đặt trên gói hành lý cho êm. Thấy động đến mình, tráng sĩ mở bừng mắt ra, muốn nói nhưng còn mệt là chưa nói được, chỉ nhìn thiếu niên bằng cặp mắt đăm đăm, tỏ vẻ cảm ơn cứu mạng, và đưa một ngón tay tự trở vào miệng.

Thiếu niên hiểu ý, lập tức cầm cái nón lá chạy đi múc đầy nước suối đem đến cho tráng sĩ uống một hơi và xấp khăn ướt lau mặt, bấy giờ người thấy tỉnh táo khỏe khoắn trở lại ngay.

Tráng sĩ từ từ đứng lên, vuốt vai mấy cái, cho giãn gân cốt rồi nắm lấy hai bàn tay thiếu niên, vồn vã nói:

- Đa tạ ân nhân!... Đa tạ ba mũi tên tiêu tai cứu khổ của ân nhân!

- Có gì mà ông phải khách khí quá thế! Thiếu niên vừa kéo tay ra



vừa trả lời, có dáng không được mạnh bạo tự nhiên. Có gì mà gọi là ơn? Người ta ở đời cứu nguy giải ách cho nhau là sự rất thường.

- Chà! Con chó chết kia làm tôi phải cầm cự lâu quá!... Tráng sĩ trở cái xác con cạp nằm dài gần đấy.

Thế mà ông chẳng có thương tích sây sát tí nào, thật là anh hùng!

Ồ! Tất cả móng nhọn của hai tay nó làm như đóng đinh vào vai tôi, nhưng may không đến nỗi tổn thương gì phải đáng kể! Tráng sĩ nói và chỉ vai áo cho thiếu niên xem. Có điều, nếu không nhờ ba mũi tên thần tình của ân nhân đến nơi vừa vắn giải thoát, thì chắc tôi sắp phải buông hai tay, để cho nó nhai ngấu tôi rồi. Một lần nữa tôi đa tạ anh... Mặc dầu bèo nước gặp nhau, anh cho phép tôi gọi bằng anh, cho được tỏ hết lòng thân thiết và biết ơn... Tôi rất mong đời tôi sẽ có dịp báo đền về cái đại ân cứu mạng hôm nay.

Thiếu niên đứng ngẩn người, làm thỉnh, chăm chú nhắm nhía giây lát, rồi nói với vẻ mặt tươi cười, dường như tìm ra một điều gì trong trí nhớ:

- Nếu tôi không lầm, thì tôi nên thôi xưng hô anh bằng tiếng ông như vừa rồi, mà anh thì phải gọi tôi là em mới đúng.

- Sao thế?... Sao thế?... Tráng sĩ hỏi dồn hai ba lần, sừng sốt.

- Anh hỏi tại sao? Thiếu niên trả lời. Tại anh là bậc sư huynh của tôi, tôi đoán chắc như thế.

- Sư huynh?

- Phải, chúng ta cùng thụ nghiệp một thầy mà anh là hạng tiền bối của chúng tôi ngày nay. Trông mặt mà bắt hình dung, tôi tưởng tôi không sai lầm thì phải. Mà anh đến đây hôm nay là cốt đến thăm thầy.

Tráng sĩ nghe lấy làm kinh dị, chưa kịp hỏi lại, thiếu niên đã nhanh nhẩu nói tiếp:

- Để tôi thuật chuyện cho anh nghe, vì sao tôi dám đoán già như thế. Sáng sớm hôm qua, thầy đang ngồi giảng nghĩa binh thư cho chúng tôi, bỗng có con chim khách đến đậu trên giàn hoa, kêu hót riu rít. Thầy xúc cảnh động tâm thế nào không biết, liền bảo tôi lấy Kinh Dịch đem lại cho thầy bói một quẻ. Thầy bói được quẻ “Mão quỷ động”, ngồi trầm ngâm nghĩ ngợi, “Bẩm thầy, quẻ bói xấu hay tốt?”, chúng tôi đồng thanh



hỏi, vì tính hiếu kỳ. – “Quẻ này xấu, nhưng nó động lại hóa tốt, thầy trả lời. Ta đoán chỉ sớm tối ngày mai, thế nào cũng có người đến đây, nhưng không phải lính tráng ở động Phú Yên đến rình mò rắc rối như mọi khi, mà ta phải đề phòng, e ngại; người sắp đến tất là người thân và đưa tin quan hệ thì phải!” Giây lát, thầy chắt lưỡi và nói thêm: Cứ theo quẻ ứng mà đoán, thì người ấy đi dọc đường phải mắc một cái nạn thế nào, rồi mới đến nơi.” – “Bẩm thầy, liệu chừng tai nạn có nguy hiểm gì không?” Chúng tôi lại hỏi, có ý muốn biết sự lạ kỳ cùng. – “Không nguy hiểm gì, bởi có người tình cờ giải thoát hộ”, thầy ung dung đáp. Ấy là câu chuyện từ sáng hôm qua... Nay gặp anh trong trường hợp này, lại chợt nhớ thầy và xem tướng mạo anh, tôi định chắc là học trò cũ. Không phải thế, thì không ai dám đơn thân độc mã đến núi này làm gì!...

Tráng sĩ ngửa mặt lên núi, chấp tay xá vọng thỉnh không và nói:

- Lạy thầy! Thầy quả là bậc thiên hạ kỳ tài ngày nay!

Đoạn, dạy lại thiếu niên:

- Phải, em đoán trúng đấy. Tôi là Trần Quang Diệu, môn sinh của thầy mấy năm về trước.

- À, thế thì em biết rồi! Thiếu niên nói và cúi đầu xá hai xá, tỏ ý kính phục. Bình nhật thầy nhắc đến tài năng anh luôn; thầy bảo chúng tôi rằng anh có tướng tài và dũng cảm lạ thường, có thể xông vào đám quân nghìn vạn người, lấy đầu thượng tướng như thò tay vào túi vậy... Hôm nay được trông thấy anh cầm cự với con hổ to thế kia thì đủ biết.

Quang Diệu – vì chính là tên tráng sĩ - lắc đầu, nói giọng khiêm nhường:

- Thầy có lòng quá yêu mà nói thế thôi, tôi có tài cán nào dám đương những lời tán mỹ ấy. Chúng có là hôm nay không có em giải cứu, thì tôi bỏ đời vì hổ rồi! Em đến thụ nghiệp thầy từ bao lâu?

- Mới ngót hai năm.

- Trời ơi! Chưa đầy hai năm mà có bản lĩnh thế à? Vậy thì tương lai biết đâu mà hạn lượng... À quên tôi mãi nghe chuyện mà quên hỏi quý danh.

- Em tên là Phùng Xuân, họ Bùi; thiếu niên nói nho nhỏ, như hơi có vẻ bẽn lẽn.



- Phùng Xuân?

- Vâng, Phùng Xuân, tên thầy đặt cho em đấy.

- Cái tên hay quá, nghe có vẻ yếu điệu như người... Ai thoát nhìn có thể tưởng em là con gái...

- Thế à? Phùng Xuân hỏi giọng, muốn đỏ ửng hai gò má, nhưng cố tự chế được ngay.

Hay thật! Phùng Xuân nghĩa là gặp xuân; cây cỏ gặp xuân thì tươi tốt, cũng như người có bản lĩnh gặp thời loạn thì phải xông ra cứu dân giúp nước, dựng lên sự nghiệp oanh liệt ở đời... Em là người có bản lĩnh đồng môn, vừa có ơn cứu mệnh, vậy chuyện này em nên theo tôi xuống núi, tôi sẽ tiến cử cho...

- Đa tạ anh có hảo ý, nhưng còn tùy ở quyền thầy có cho mới được. Vả lại ý em còn muốn học thêm ít năm nữa cho giỏi, sẽ hay.

Quang Diệu trừng mắt, vỗ tay trên vai Phùng Xuân, khiến Phùng Xuân có cảm giác như luồng điện chạy khắp mình:

- Hừ! Thời thế này mà anh em ta không ra vẫy vùng oanh liệt thì còn đến bao giờ?... Em không đi, tôi cũng lôi em đi! Để tôi xin phép thầy cho. Thôi, bây giờ chúng ta lên núi, kéo trời tối mất... Còn con vật kia thì vứt đi chứ?

- Ấy chết! Của quý sao lại vứt đi? Để tôi đem về lấy thịt cho anh em cùng ăn...

Phùng Xuân nói rồi nhờ Quang Diệu phụ lực với mình khiêng xác cộp để nằm vắt ngang trên lưng ngựa, tìm dây sẵn buộc lại chặt chẽ.

- Anh lên ngựa đi, em xin hướng đạo, Phùng Xuân nói.

- Vậy chúng ta ngồi chung ngựa với nhau có được không? Quang Diệu kéo tay Phùng Xuân và nói. Con Thần phong của tôi khỏe lắm, cõng hai chúng ta thừa sức.

- Cám ơn anh, để tôi đi bộ. Tôi không quen ngồi chung ngựa, anh ạ!

Phùng Xuân nói và mỉm cười, đoạn nắm dây cương dắt con ngựa chở cộp, phăng phăng đi bộ trước dẫn đường, Quang Diệu cỡi ngựa thủng thẳng theo sau.



Một chặp sau, hai người lên đến sơn trại.

Ông giáo Hiến vui mừng và cảm động, thấy một người môn sinh ở ấp Yên Thái ngày trước, đã chịu khó bạt thiệp vất vả, đến đây thăm thầy.

Học trò loan báo nhau, rồi cùng gia nhân tức khắc tụ tập ở nhà học, để xem người mới đến và nghe chuyện giết cọp. Họ tự nhốt mình trên núi đã mấy năm, cách tuyệt hản với thế gian, nay nghe có một người ở thế gian lên, mà người ấy lại là bạn đồng môn tiền bối, thêm có thủ đoạn cao cường như ta vừa thấy; tự nhiên ai cũng động lòng hiếu kỳ, kính mộ, thân ái, muốn đến chào hỏi trước, nhân tiện thăm dò nghe ngóng tin tức thế gian.

Trước khi vào bái yết thầy, Quang Diệu đã bị chào đón xúm xít tận cổng ngoài, và phải trả lời tứ phía, đủ thứ câu hỏi:

- Mùa màng vùng ngoài thế nào?
  - Dân tình mấy năm nay có bớt khổ sở đói kém không?
  - Thằng gian thần họ Trương đã chết chưa, hay nó vẫn còn sống để làm khổ dân?
  - Thế nào, anh Võ Tòng đánh nhau với cọp nửa buổi mới hạ được nó à?
  - Nghe nói ngoài ta gần đây có “giặc ó” nổi lên, là giặc gì thế?
- v.v.

Chính ông giáo Hiến cũng chạy ra sân, tươi cười vồn vã, ôm lấy Quang Diệu, thân mật như người cha cách biệt con lâu ngày mới gặp, rồi cầm tay chàng mà dắt vào trong nhà.

Quang cảnh nhà học lúc ấy tưởng tượng như một tiểu triều đình mà ông giáo Hiến là vua; mọi người đứng lối nhỏ, như bá quan văn võ thị lập bên cạnh vua để tiếp kiến một vị sứ thần ngoại quốc đến dâng lễ cống.

Sự thật, Quang Diệu đến Thạch Bi Sơn với chức vụ gần như sứ thần.

Chàng mở tay nải, lấy ra năm tấm vải, bốn bao trà Tàu thượng phẩm, mười nén bạc, bày trên mâm gỗ, trân trọng đặt trước mặt thầy, sụp xuống lại hay lạy, rồi hai tay nâng ngang mày, kính cẩn trình một bức



thư. Cử chỉ ấy tỏ hết tinh thần lễ giáo phương đông, một người học trò kính trọng thầy học đến thế nào?

Ông giáo Hiến xem xong bức thư, nét mặt nở nang, hớn hởi:

Ồ, giỏi nhỉ! Ông nói. Thế ra anh em Biện Nhạc đã xuất binh đánh ra miền ngoài rồi ư? Ta ở tít trong thâm sơn cùng cốc này, chỉ được nghe tin phảng phất.

- Dạ, bẩm thầy, đại binh Tây Sơn đã hạ được thành Quy Nhơn làm nơi căn bản; Quang Diệu đáp. Sau khi lấy xong Quy Nhơn thì đệ tử vâng tướng lệnh tức tốc vào đây báo tin với thầy. Hiện nay đại binh chắc đang giao chiến với quân triều ở khoảng Quảng Nghĩa Quảng Nam.

- Binh lực có khá không?

- Thưa, lúc đầu chỉ có chừng dăm nghìn, nhưng sau khi hạ thành Quy Nhơn, số quân tinh nhuệ tăng lên dư vạn, đã chia ra trung quân và tiền hậu tả hữu tất cả năm dinh. Dân tâm hưởng ứng như sấm vang nước chảy. Lại có quân khách “tàu ô” quy phụ nữa. Bởi vậy, thanh thế Tây Sơn rất mạnh, đại binh tiến đến đâu, có thể như quét lá chẻ tre đến đấy.

Việc nước thù nhà, tự ông giáo Hiến không làm được, nhưng bấy lâu ông xuất lực đào luyện người khác làm; nay thấy chính học trò mình có thủ đoạn anh hùng như thế, ông đặc ý mừng thầm, vuốt râu cười ha hả:

- Ủ, ta vẫn biết anh em Biện Nhạc có chí to lớn, nay thấy hiển nhiên, ta vui mừng lắm! Sự nghiệp tranh bá đồ vương của họ tất được thành tựu phen này, mà chính nhà ngươi sẽ dự một phần vẻ vang trong ấy, Quang Diệu ạ! Nhà ngươi cố lên.

Sau mấy lời cảm tạ thầy có lòng khuyến khích, Quang Diệu nói tới sứ mệnh của mình:

- Bẩm thầy, chủ tướng Tây Sơn vì quân sự ràng buộc, giữa lúc nhất sơ, không thể rời bỏ mà đi. Bởi vậy đệ tử thay mặt lặn lội vào đây, trước là kính thăm thầy, sau là thành thật mời thầy hạ sơn để dạy bảo và giúp đỡ anh em chúng tôi, thì mới chắc làm nên được đại sự.

Ông giáo Hiến lắc đầu:

- Các người đều là hạng thiếu niên anh tài, thừa sức làm nên đại sự, không phải phiền đến ai!... Ta là người thợ rèn đúc con dao, nhưng



không thể tự mình làm con dao. Môn đồ ta làm nên việc lớn thế là về vang cho thầy; còn sự xuống núi thì ta chịu thôi.

Quang Diệu ân cần nài nỉ đôi ba lần, ông cứ một mực từ chối:

- Nhà người nên biết ta bây giờ tuổi già sức kém, bao nhiêu lòng công danh thế sự đã nguội lạnh lâu rồi. Sống chết ở núi Thạch Bi này, không có gì đánh đổi được cái thú sống ẩn cư giảng học của ta... Này, trí khôn của Nhạc, anh dũng của Huệ, thêm những tay phò trợ cao cường như nhà người, ta thấy trước đại sự tất thành. Có điều ta muốn nhà người trở về, nhớ nói cho anh em Biện Nhạc biết rằng: thầy khuyên họ nên giữ tình huynh đệ tương thân, chớ vì lợi danh nghi kỵ mà sinh ra xích mích; hễ cốt nhục tổn thương ngờ vực lẫn nhau thì quân địch thừa cơ làm hại cho việc lớn của mình đấy...

Bỗng dưng ông ngừng lại, trầm ngâm giây lát, thở dài và nói tiếp:

- Nguyễn Huệ! Đáng tiếc cho Nguyễn Huệ! Con người anh tài cái thế, mà số không được thọ, buồn thay!

Quang Diệu thừa dịp, xin thầy chỉ bảo cho một hai câu về số mạng mình; ông giáo chạy đi lấy tập số tử vi những học trò cũ mà ông đã soạn ngày trước, mở lá số Quang Diệu ra xem, mỉm cười và nói:

- Số anh thì có vợ nay mai đấy, thầy mừng cho!

- Bẩm thầy, giữa lúc binh nhung bất trắc, con đâu dám mong tương sự lạ ấy? Quang Diệu đáp.

Mọi người đứng chung quanh, cười chúm chím, đưa mắt nhìn nhau, dường như muốn nói: “Con người thế kia thiếu gì con gái cầu lấy”.

Trừ ra Phùng Xuân vẫn đứng lặng lẽ nghiêm trang, không động thanh sắc.

- Thầy bảo thật đấy! Ông giáo nói. Dù anh không mong tưởng, nhưng duyên số đã định, ngay giữa lúc binh nhung, cũng vẫn thực hiện như thường... Vả lại, số anh có vợ cũng là anh hùng, chứ không phải là người tầm thường đâu!

- Thừa thầy, hậu vận con thế nào? Quang Diệu hỏi.

- Hậu vận anh ư?...

Ông giáo nói mấy tiếng ấy rồi thôi, không muốn nói thêm nữa. Quang Diệu nài xin chỉ thị minh bạch, ông trả lời lảng ra:



- Ôi! Đại trượng phu đã có chí khí làm việc đời thì cứ hăng hái làm tới, cần biết hậu vận làm quái gì!

Đoạn, day lại nói với học trò:

- Sẵn có thời cơ, anh nào muốn tùy thế lập công thì đi!... Không thể chính mình đem tâm lực xuống giúp đỡ Tây Sơn, ta giúp cho nhiều ít nhân tài cũng thế.

Hôm sau cả thầy bảy người lạy tạ thầy rồi theo Trần Quang Diệu từ giã Thạch Bi sơn; trong số ấy, Bùi Phùng Xuân là một.

## Chiếc cũi có ma!

Nửa đêm vào khoảng tháng 10 năm Tân Mão (1771), ở nhà thờ họ Hồ, ấp Kiên Thánh, huyện Phù Ly, thuộc Quy Nhơn phủ có cuộc mật nghị bảy người: ba anh em họ Hồ là Nhạc, Lữ, Huệ và Khê, Thung, Lê, Toại, bốn tay thổ hào trong vùng.

Trên chiếc giường tre, bên đĩa dầu lạc thấp bắc leo lét, năm người trước đang ngồi uống trà Huế, nói chuyện mùa màng; Lê và Toại lững thững đến sau cùng, miệng cười hề hà chào hỏi mọi người và nói:

- Hôm nay chắc ông tuần biện được bạc, cho nên nửa đêm cũng cố mời kéo anh em đến đánh chén ăn khao, chứ gì?

- Vâng, người ta mới cho một cái đuôi nai, tôi muốn họp anh em làm vui, nhân dịp để cho tôi từ biệt luôn thể! Nhạc trả lời, vì tuần biện lại Vân đồn là biện chức của mình.

- Tiễn biệt à? Lê sững sốt hỏi lại. Ông nói bốn anh em đây chứ.

- Nói thật, thì phải nói là vĩnh biệt nhau mới đúng, Nhạc đáp.

- Gì mà to chuyện lắm thế?

- Vâng, chuyện to đến nỗi các ông không thể tưởng tượng nổi kia.

Rồi đổ mâm rượu thịt nai bung lên, bảy người quây quần, chén thù chén tạc rất vui vẻ. Ai giục hỏi chuyện gì mà tiễn biệt với vĩnh biệt, Nhạc chỉ cười gằn một cách bí mật mà không chịu nói ngay; hứa hẹn sau tiệc rượu sẽ hay, không thì nhạt mất hứng thú.



Nhạc là người hào ẩm nhất đám, ăn cực khỏe, uống cực nhiều, mà thần thái vẫn tỉnh táo như thường.

Đến chén rượu cuối cùng, Nhạc rót thật đầy, tay nâng chén, mắt nhìn quanh mọi người và nói:

- Tôi xin uống chén này để vĩnh biệt tất cả anh em, vì sáng mai nhất định lên phủ để nộp mình vào ngục đây! Mà vào ngục nghĩa là tất chết, từ mai trở đi, chúng ta không trông thấy mặt nhau nữa.

Nói đoạn Nhạc uống một hơi cạn chén rượu to, nét mặt đầy vẻ buồn rầu cảm khái.

- Việc gì mà dữ dội thế? Khê và Thung đồng thanh hỏi. Bất quá là việc tiền thuế Vân Đồn, phải không?

- Phải, tôi thua bạc mất sạch cả rồi. Nguy quá! Nhạc nói và thở dài.

- Ủ, hèn nào hôm qua có thủ hạ của đốc trung Đằng về ấp ta dò tẩm xem bác có về đây không? Toại nói với giọng rên rỉ, tỏ vẻ rất thương hại Nhạc.

Khê, hay Huyền Khê, nhà giàu nhất vùng, vỗ vai Nhạc, hỏi:

- Số ấy bao nhiêu?

- Ngót năm nghìn quan, nghĩa là tất cả tiền thuế Vân Đồn mùa này! Nhạc đáp:

- Ô, tưởng là gì?... Năm nghìn quan?... Đồ bỏ!... Để tôi trả đây cho, việc quái gì mà sợ?

- Nhưng trả đây thì tôi cũng vẫn phải tù, vẫn có tội, vì là chậm trễ tiền thuế của triều đình... Mà ông trả đây cho tôi, có lẽ ông cũng bị liên lụy nữa; người ta sẽ buộc cho ông là đồng lõa xâm đoạt công ngân thì khôn!... Với quan Quốc phó Trương Phúc Loan, đừng nói chuyện chơi.

Nhạc vừa nói vừa đưa mắt xem xét thần sắc của mỗi người.

Không phải hẹn ước, cả Khê, Thung, Lê, Toại cùng lắc đầu và đồng thanh:

- Thế thì bây giờ biết làm sao?

- Làm sao à?... Thì làm giặc chứ còn sao nữa?



Ấy là tiếng nói rần rỏi của Huệ, người em thứ ba của Nhạc, nãy giờ vẫn ngồi làm thỉnh.

Nhạc vội vàng bưng lấy miệng em:

- Ấy chết!... Em chớ nói càn! Phải nhớ rằng họ Hồ nhà ta bị chúa Nguyễn bắt làm tù dân, đầy vô đây trái bốn đời rồi. Nếu vỡ chuyện này ra, chúng ta diệt tộc mất.

Huệ dang tay anh ra, đứng phắt dậy, biện thuyết đông dặc, tiếng sang sảng như chuông:

- Phải, tôi nói làm giặc! Nhất là có tiền trả đủ, cũng không khỏi tội, vậy thì không làm giặc còn đợi gì?... Và lại, thời thế hiện nay, triều đình thì chia bè tôi gian, kỷ cương đổ nát, dân chúng thì sưu cao thuế nặng khôn khổ lắm than, chính là lúc những người thảo dã anh hùng như chúng ta phải tuốt gươm phất cờ nhảy ra kiến công lập nghiệp, tranh bá đồ vương.

Nhạc làm bộ ngăn can em, và chấp tay van lạy:

Thôi đi! Tôi van chú, nói càn rõ vừa vừa chứ, tai vách mạch rừng, lỡ ra thì chết!... Mình là bọn dân đen áo vải, cứ cam số phận cho xong!

- Ô hay! Anh bảo phường áo vải thì không được xuất đầu lộ diện với đời à? Huệ trừng mắt cãi lại. Tôi xin hỏi tất cả các ông có ai cấm phường áo vải thì không được dấy lên, đảm đương cứu vớt sinh linh và làm nên thiên hạ đại sự? Cổ lai, thiếu gì phường áo vải có tài năng, chí khí, biết nhân thế thừa thời, chẳng lập nên đại nghiệp, hoàng bào long cổn đầy ư? Há Cao tổ nguyên là một anh đình trưởng đất Sái; dựng lên Minh triều là một thầy tu ở chùa Hoàng giác, cũng như là Lê Thái tổ nước tra chính là một bác nông dân ở Lam Sơn; xưa nay dựng được công to, lập nên nghiệp lớn ở đời, phần nhiều do hạng bố y vô lại như thế cả, ... Ngày nay, thiên hạ tao loạn, những người có thao lược tài trí như đại huynh, có ít nhiều cơ mưu vũ nghệ như anh Lữ và tôi, có thanh danh lực lượng như bốn ông bạn thân chúng ta đây, không đồng tâm hiệp lực, mưu đồ đại sự với nhau thì còn đợi lúc nào nữa?...

Huệ còn muốn nói nữa, nhưng Nhạc thấy chỗ mình muốn đợi chờ đã đến nơi rồi, cho nên khoác tay ra hiệu bảo em hãy nhường lời cho mình:



- Ủ, chú ba nói cũng có lẽ phải lắm đấy... Nhưng anh em ta ví bằng có vì sự thể bức bách, mà phải khởi binh làm liều chẳng nữa, chỉ là việc riêng của anh em nhà ta, được ăn thua chịu, chứ sao lại nói gấp cả bốn ông bạn đây vào, biết các ông có đồng tâm hiệp lực với mình hay không?

Bốn người bạn ngẩng mặt nhìn nhau, trong khi Huệ trả lời anh nhưng kỳ thật là buộc họ vào phe một cách gián tiếp:

- Xin anh đừng lo. Em biết chắc bốn ông bạn thế nào cũng đồng tâm hiệp lực với ta, vì có hai lẽ cốt yếu. Một là thuở nay các ông vẫn đi lại thân mật với anh em ta, khắp làng xóm và cả địa phương này càng biết. Nhất đán chúng ta khởi binh, phản đối triều đình, dù các ông theo ta hay không theo, thì trước mắt hương lý quan lại, các ông cũng là đồng lõa: Chừng đó người ta tìm kiếm xem Biện, Nhạc ngày thường bạn bè với ai, đổ khối các ông bị bắt bớ lôi thôi, tù tội chắc chắn, vì giữa đời tao loạn này, người ta có kẻ công lý là gì? Không theo, để chịu lấy tai vạ như thế, chẳng thà đem tài góp sức cùng mưu đồ đại sự với chúng ta, để mai sau chia hưởng phú quý với nhau còn hơn. Các ông đều là người thông minh, hẳn đã hiểu rõ chỗ lợi hại ấy.

Khê, Thung, Lê, Toại ngồi nghe Huệ nói cùng toát mồ hôi, trong trí biết rằng anh em họ Hồ mưu phản, định gấp cả bọn mình vào.

- Còn lẽ thứ hai thế nào, chú phân giải nốt cho nghe? Nhạc hỏi.

Huệ chậm rãi nói tiếp:

- Lẽ thứ hai là chúng ta xử sự, phải có danh chính ngôn thuận thì dân chúng mới theo. Việc gian thần Trương Phúc Loan mạo chừa di chiếu, bỏ Hoàng tôn Dương mà lập Định vương còn bé cho dễ chuyên quyền, thiên hạ đều biết. Mấy năm nay, Phúc Loan tham lam, bạo ngược, bóc lột của dân, khiến cho lòng người cừ oán lắm rồi. Nay chúng ta lấy cái danh nghĩa phù lập Hoàng tôn Dương và trừ diệt Trương Phúc Loan, mà dấy lên, thì trúng vào sở nguyện của dân. Mà làm như thế, tức là vì quốc gia, vì triều đình, nào phải là phản loạn gì đâu. Các ông bạn đây cùng ta đồng tâm hiệp lực, sẽ được tiếng trung thần nghĩa sĩ thì có, cho nên em biết thế nào mà các ông cũng hết sức giúp ta, cùng ta cộng sự.

Nghe đến đây, bọn Khê bốn người, thấy vững dạ, hết lo; ban nãy



hồi hộp chừng nào, bây giờ sốt sắng tán thành chừng ấy, có ý thúc giục thêm:

- Ngẫm cho kỹ, anh ba Huệ nói phải lắm, ông tuần biện nên quyết định đi!

- Các ông giúp tôi một tay nhé? Nhạc hỏi và cười thâm, vì biết bọn này măm mòi công danh, trúng kế mình rồi.

- Vâng, ông cứ làm đi, chúng tôi xin tận lực giúp đỡ! Khê trả lời thay cho cả ba người kia. Nhưng phải tìm một chỗ địa lợi nào, chứ sò sò ở giữa đồng bằng này ư?

- Cố nhiên, tôi đã có chủ trương rồi: Nhạc nói. Chúng ta phải lên thượng đạo Tây Sơn, lấy đó làm căn cứ mới được.

- Ô! Thế là vạn toàn rồi còn gì nữa? Khê cười nói hể hả, một phần vì hơi men nồng nàn, một phần vì ý nghĩ công danh cám dỗ. Phải, thế là vạn toàn! Anh em mình có của, có người lại được cả nhân hòa, địa lợi thì việc tất thành!... Ủ, làm đi! Ta làm ngay đi!... Chúng tôi vui lòng khuynh gia phá sản, để mộ quân, sắm khí giới, và xin tôn ông tuần biện làm mình chủ!...

Sự thật Nhạc đã có chủ trương khởi nghĩa sắp sẵn trong trí và bàn định với hai em rồi. Tiêu hết cả một vụ thuế Vân Đồn, Nhạc sợ bị tù tội, nghĩ không có cách gì hơn là vào núi làm giặc, chống lại triều đình. Nhưng còn lo mình không có tài sản để dùng vào việc binh lương khí giới, nhân thể làm cho to chuyện, thì chung quy là một tên lâu la vô nghĩa. Nhạc có chí khí thừa thời làm to, cho nên muốn gấp cả bọn Khê vào, bởi họ có địa vị danh vọng trong vùng, kẻ này là thổ hào sẵn có gia đình, thủ hạ, người kia là cự phú, trong tay lắm thóc nhiều tiền, có thể giúp mình mưu đồ đa sự được.

Song, mặc dầu bình nhật giao tình, biết họ có sẵn lòng quên bỏ thân gia tài sản đi theo sở chí của mình không?

Nhạc bèn vận dụng mưu trí, bày ra tiệc rượu thịt nai, nói chuyện vĩnh biệt, rồi cho em là Huệ đứng lên nhập đề nói khích, trước thì dọa nạt bóng bẩy với mặt luật đồng lõa, sau thì nhử mồi công danh lợi lộc bằng việc tôn phù Hoàng tôn Dương; khiến cho bọn Khê hớn hờ đưa đầu vào tròng, chứa chan hy vọng.



Một khi thấy họ đã tán thành nhập lửa rồi, Nhạc vừa tươi cười vừa móc trong túi áo lấy ra một tờ giấy đã viết sẵn từ hồi nào, đưa cho bọn Khê xem và nói:

- Ban nầy tôi muốn thử lòng các ông thế thôi, chứ đại trượng phu như chúng ta không thừa lúc này làm việc oanh liệt ở đời, chẳng uổng lắm ư?

Khe đưa gần đèn xem, rõ là tờ lộ bá do Nhạc thảo sẵn, định nay mai khởi binh thì truyền tống khắp các thôn ấp phủ huyện, hiệu triệu nhân tâm. Bên trong, đại ý kể tội Trương Phúc Loan hại dân loạn nước, rồi bày tỏ mục đích xướng nghĩa là tôn phù Hoàng Tôn Dương v.v... Dưới đứng tên cả bảy người: ba anh em Nhạc và bọn Khê, Thung, Lê, Toại.

Nhưng Khê lấy làm lạ:

- Quái, ba anh em ông họ Hồ, còn chúng tôi thì trừ ra ông Thung chính thật họ Nguyễn, người này họ Lê, người kia họ Trần, sao ông lại để họ Nguyễn tất cả thế này?

Không trả lời thẳng vào câu hỏi, Nhạc ung dung nói:

- Các ông có nhớ chúa ta họ gì không?

- Họ Nguyễn chứ gì! Toại và Lê cùng trả lời.

- Đất này ai mở mang làm chủ, đồ các ông biết?

- Không chúa Nguyễn thì còn ai!

- Ấy đấy, sở dĩ tôi để ba anh em nhà tôi và các ông cùng họ Nguyễn cả, là muốn chỉ tỏ ra chúng ta ăn cây nào, rào cây ấy, người trong họ, lo việc chung, có thể dân chúng mới nô nức theo mình. Cái thuật chiêu dụ lòng người, phải thế mới được.

Cả bọn Khê gật gù khen mãi Nhạc là người thâm mưu cao kiến. Họ càng quyết tâm nhập đảng và giúp sức.

Bắt đầu ngay hôm sau, anh em Nhạc bỏ ấp Kiên Thành, kéo lên thượng đạo Tây Sơn, bí mật tạo lập dinh trại, xếp đặt quân sự; còn bọn Khê thì chuyên việc vận lương mộ người đưa lên.

Công cuộc tổ chức không đầy bốn tháng, nghĩa là bước qua tháng hai năm Thìn, ở thượng đạo Tây Sơn đã thành một căn cứ cách mạng, do



Nhạc làm đầu. Lúc này, thủ hạ chưa có bao nhiêu, chỉ độ dăm sáu trăm người, nhưng do tay Huệ khéo luyện tập, dăm sáu trăm người ấy đều trở nên chiến sĩ không thể coi thường.

Mặc dầu lương thực quân gia, nhất nhất còn kém, Nhạc công nhiên truyền hịch đi các nơi, lên tiếng kêu gọi dân chúng và ra mặt kháng cự triều đình. Vì Nhạc tự tin vào tài trí anh em nhà mình, và lại triều đình hồi bấy giờ, dưới tay bạo tàn phá hoại của gian thần Trương Phúc Loan, đã tiêu hao mất cả nguyên khí thực lực, dù muốn đàn áp mình cũng chẳng đàn áp nổi.

Nghe tiếng Tây Sơn hiệu triệu dân chúng từ Quảng Nam vào Bình Thuận tìm đến quy phục mỗi ngày một đông. Nhất là Nhạc khéo mua chuộc nhân tâm bằng những thủ đoạn lấy của nhà giàu - hạng giàu bắt nhân cho vay cắt cổ - giúp cho nhà nghèo, thành ra bọn này mang ơn cảm đức, rủ nhau đi theo như nước, hoặc làm tai mắt do thám hộ quân Tây Sơn.

Tiếng hào hiệp nhân nghĩa của Nhạc đồn khắp xa gần. Dân nghèo đói nội vùng, coi như một vị phúc tinh. Giờ họ tôn Nhạc là ông chúa trại Tây Sơn, chứ không dám gọi là Biện - Nhạc xách mé như trước.

Suốt năm Thìn, anh em Nhạc lo huấn luyện quân sĩ, tích tụ binh lương, chiêu nạp hào kiệt. Tiền thuế của Triều đình thu ở các tỉnh miền trong giải nạp ra kinh đô, thường bị quân Tây Sơn đón đường cướp mất.

Bọn vong mệnh bốn phương nghe tiếng, tìm đến theo càng ngày càng nhiều. Bạn đồng môn như Trần Quang Diệu, Nguyễn Văn Huân, Nguyễn Văn Danh, Lê Đức Bảo, những tay lực lâm kiện tướng như Sơn quân, Kiều mộc, Tứ linh, Nhòng bay, người đem tài năng, kẻ góp thủ hạ, làm cho thanh thế Tây Sơn nổi dậy như sấm vang sóng cồn.

Binh triều đánh trận nào thua trận ấy. Quan địa phương lại sợ bóng vía Trương Phúc Loan, không dám tâu báo sự thật về triều, thành ra quân Tây Sơn cứ việc tung hoành và xây dựng thế lực một ngày một to, mà triều đình tuyệt nhiên không ngờ. Nếu có phong văn đến kinh sư, Phúc Loan cũng chỉ tưởng tượng anh em Biện - Nhạc vì sợ tội mà tự bạ làm giặc cỏ thế thôi, không cần giới ý.

Dần dà đến cuối năm, cả mấy phủ huyện xung quanh như Bồng



Sơn, Phù Ly, Tuy Viên, trở nên thuộc hạt của Tây Sơn cai trị và thu thuế bảy giờ triều đình mới xanh mặt đêm lo, thì lực lượng giặc đã hùng hậu lắm rồi, không chế ngự được nữa. Nhất là Nhạc khéo đánh vào chỗ tâm lý dân chúng là khởi binh để phù lập Hoàng Tôn Dương, thành ra có danh chính ngôn thuận được phần đông dân chúng cho là đạo binh trung nghĩa của nhà Chúa. Rất đông có nhiều toán binh triều vâng lệnh đi đánh giặc mà lại cuốn gói và đem cả khí giới theo về Tây Sơn.

Bước sang năm Tỵ, Nhạc tự nhận thấy nhân tài và thực lực trong tay mình có thể công nhiên đối đầu với triều đình được rồi, bèn dời cả dinh trại từ thượng đạo xuống hạ đạo, nghĩa là bỏ rừng núi mà xuống đồng bằng, và định kế hạ thành Quy Nhơn để làm căn bản.

Thành này là nơi xung yếu, cả bộ lẫn thủy, nhà dùng binh cần phải tranh đoạt trước hết, để mở đường ra Phú Xuân. Sau này năm bảy phen chúa Nguyễn Ánh và Tây Sơn huyết chiến ở Quy Nhơn chính vì lẽ ấy.

Hồi đó, thành trì Quy Nhơn rộng lớn và kiên cố, binh lực cũng nhiều. Nhạc nghĩ nếu đường trường tiến đánh thì e hao tổn công phu ngày giờ, không chắc trong năm ngày đã hạ được, mà triều đình phái viện binh đến, thủy bộ cùng đánh ập vào sau lưng mình và quan trọng thành thừa thế đánh ra, thì mình nguy khốn. Chi bằng dùng mẹo thế nào mà lấy thành, như sấm vang chớp nhoáng, kẻ địch không kịp xoay trở, mới thật là thu công vạn toàn.

Lại dò biết quan Lưu thủ Quy Nhơn là Nguyễn Khắc Tuyên vốn người dũng mãnh thiện chiến, nhưng vô mưu và hay khinh địch, như vậy càng nên lấy mưu thắng hơn là lực thắng.

Nhạc ngồi trầm ngâm suy nghĩ chốc lát, gật gù cười nói một mình, đắc ý.

- Thôi, ta có mẹo bỏ thành Quy Nhơn vào trong túi rồi.

Lập tức sai quân đi chặt tre đóng ngay một chiếc cũi thật to; một mặt, đánh trống chiêu tập chư tướng họp ở đại trại nghe lệnh.

Nhạc ngồi giữa, trước mặt có thanh kiếm nam sà cừ, và lá cờ vàng nhỏ, một bên viết chữ “Quân lệnh” một bên chữ “Tiết chế” tức là chức vị của Nhạc do chư tướng đã suy tôn, để cầm đầu việc quân, quyền hành sinh sát như ý. Hơn hai mươi vị đốc chiến và giám quân lớn nhỏ đứng



hàng dài hai bên, ai nấy đều mặc áo vải xanh, đao gươm cạnh sườn, trông rất nghiêm trang uy vũ.

- Từ nay về trước, chúng ta không khỏi mang tiếng thảo khấu, nhưng từ nay trở đi, chúng ta là một đại quân: Nhạc nói một cách hùng dũng, có oai, rõ ràng một vị Thống tướng. Từ nay trở đi, chúng ta sẽ phải giao chiến với kẻ địch, một sống một chết, một mất một còn. Vậy ba quân lui tới, được thua quan hệ ở người làm tướng; các người đã phú thác cái trách nhiệm nặng nề ấy cho ta, thì nhất nhất phải theo ta hiệu lệnh nghe!

- Xin vâng! Chư tướng đồng thanh đáp.

- Hôm nay là hôm chúng ta bắt đầu công nhiên xuất binh đối kháng triều đình, vậy tất cả anh em cùng nên gắng sức vì công việc chung, cho được thắng lợi ngay từ buổi đầu, để lấy sự may mắn cho toàn quân và lập uy danh với thiên hạ. Chính ta sẽ đem thân chịu phần nguy hiểm trước nhất, chứ không phải ta đây là ông tiết chế gan thỏ, chỉ biết đẩy anh em ra trận, còn mình thì lui lại sau đâu?

Nhạc nói và cười, nhìn quanh mọi người. Chưa ai kịp thốt lời nào, ông đã nói tiếp:

- Anh em nên biết thành Quy Nhơn như cái đầu con nai của binh triều, mà Đạm Thủy và Càn Dương tức là cặp nhung rất tốt, vì tiền bạc thóc gạo tích tụ ở hai nơi đó nhiều lắm. Trong chư tướng có ai tình nguyện đi lấy Càn Dương và Đạm Thủy hộ ta nào?

Nguyễn Thung và Trần Quang Diệu cùng xin đi. Nhạc bảo hai người gấp thăm, ai trúng nơi nào thì đánh nơi ấy.

Thung gấp trúng Càn Dương, còn Đạm Thủy về phần Diệu.

- Hai người muốn đi, phải lập quân lệnh trạng mới được; Nhạc nghiêm chỉnh nói. Hễ lấy không được thì phải chịu quân pháp đấy. Vì hai nơi ấy đối với Quy Nhơn có hình thế rất trọng yếu về mặt quân sự. Nhất ta có thể cản trở binh triều từ đại dinh Quảng Nam kéo vào. Thế, hai người có dám viết quân lệnh trạng không?

- Tôi xin ký cả hai tay! Diệu hăng hái nói.

Thung có vẻ hơi ngần ngại, nhưng thấy Diệu mạnh bạo nhận lời, tự nhiên mình cũng buộc phải nhận theo, chả lẽ lại tỏ ra mình yếu bóng vía.



Sau khi Trần Văn Kỳ, làm quân chính kỳ lục, thảo xong quân lệnh trạng cho Thung và Diệu ký tên rồi, Nhạc chỉ bảo cơ nghi tiến hành:

- Một người dẫn 200 quân...  
- Chết nổi, 200 quân thì đánh chắc thế nào? Thung giựt mình, hỏi.

- Ô! bằng ấy là nhiều lắm rồi; Nhạc mỉm cười và đáp. To đến như thành Quy Nhơn, mà đánh lấy nó cũng không cần tới bằng ấy quân kia mà! Rồi các ông xem tôi nói có thật không? Cứ nghe kế hoạch tôi dặn dò thì lấy được Càn Dương, Đạm Thủy như bỡn, có lẽ không phải đánh chắc gì cả cũng nên. Mỗi người dẫn 200 thủ hạ, chập tối nay lên đi rải tác theo đường tắt, đến ngoài thành Càn Dương và Đạm Thủy, tìm chỗ ẩn nấp kín đáo. Chờ tới đêm khuya, hễ trông về Quy Nhơn thấy đốt lửa làm hiệu, thì bấy giờ tất cả nổi dậy vừa tiến vào thành, vừa kêu cho to, hét cho lớn, làm như có mấy nghìn người vậy: “Bớ bà con! Bớ bà con!... Giặc Tây Sơn lấy mất Quy Nhơn rồi!... Chúng nó đến kia kìa!... Chạy mau kéo chết!...” Tự nhiên binh triều đồn thủ trong thành phải kinh hoàng chạy rảo; dù có tốp nào chống cự, cũng chỉ vừa đánh vừa đào tẩu đấy thôi... Cốt nhất là sẵn số tiến vào và kêu la cho lớn, sự thành công quan hệ ở đó... Rồi hai người phân binh giữ lấy thành trì kho tàng, đợi sáng hôm sau ta đến nghe chưa?

Diệu vẫn thản nhiên, trả lời đã nghe rõ; còn Thung thì hơi lo, vì nghe nói Càn Dương là đồn hiểm yếu nhất, binh triều thường đông nhiều, mà vô phúc cho mình lại gặp thăm trúng nó.

Thung lại sốt ruột, vì không nghe Nhạc nói gì đến sự đánh Quy Nhơn, chỉ thấy phân phát mình và Diệu đi lấy hai thành ở phía ngoài, cho nên muốn ở lại giây lát để hỏi cho rõ hắc bạch. Vả lại, Thung nghĩ bây giờ mới có xế trưa, công việc mình nhận làm, phải đợi chập tối mới dẫn binh đi kia. Nhạc trông thấy, hỏi:

- Sao ông chưa về trại điểm binh và dự bị các thứ sẵn sàng?  
- Tôi còn muốn lưu lại để xem quan Tiết chế điều độ việc đánh lấy Quy Nhơn ra thế nào? Thung trả lời.

Nhạc biến sắc, vì nghe những tiếng “để xem quan Tiết chế điều độ việc đánh lấy Quy Nhơn ra thế nào?”. Trong ý cho Thung nói thế là khinh mạn chủ tướng và nghi ngờ cả mưu lược tài năng của mình,



là Nhạc, mà tướng sĩ đã tôn lên làm đầu. Ông muốn giết Thung ngay, nhưng chợt nghĩ lại hẳn ta là người đồng chí buổi đầu, cho nên đành tạm nén giận, chờ mai sau có tội sẽ trừ đi cũng không phải muộn. Bởi vậy, ông cố hòa nhã sắc mặt và cười nói vui vẻ:

- À! Ông muốn chứng kiến tôi cắt đặt công việc đánh thành Quy Nhơn ư? Được lắm!... Ông xem tôi đã đóng sẵn cái cũi để nhốt tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên kia kìa?

Lúc ấy, lính vừa khiêng chiếc cũi đóng xong, đặt ở trước thềm.

Nội chur tướng không ai hiểu Nhạc dụng ý thế nào, trừ ra hai ba người đã lĩnh mật kế.

Cũng như đã dặn dò Thung và Diệu ban nãy, Nhạc truyền cho Huệ cùng hai viên phó tướng dẫn 100 quân cầm tử, giả làm dân buôn bán, nhưng trong bồ trong thúng đựng toàn gươm đao cùng các vật liệu dẫn hỏa, độ gần nửa đêm, lục tục kéo đến trước cửa thành, làm như thường dân chăm chỉ buôn bán châu chực gà gáy hai đạo thì lính mở cửa thành cho mà vào vậy. Tuy nhiên, đêm nay họ sẽ thấy khác hẳn thường lệ: độ gần nửa đêm, thấy cửa thành mở toang ra và có hiệu pháo, thì cứ việc xông vào, một mặt đốt lửa cháy bùng nhiều nơi, một mặt chia nhau đánh phá các dinh thự, kho trại; cũng phải vừa đánh vừa hò hét cho lớn, để đoạt hết khí phách binh triều, tự nhiên tan vỡ tẩu tán.

- Bẩm quan Tiết chế: người lĩnh trách nhiệm mở cửa thành cho quân ta vào, là ai? Thung hỏi có giọng thắc mắc.

- Thì tôi đây chứ còn ai? Nhạc trả lời rắn rỏi.

- Nhưng ngài phải làm sao vào thành trước để nửa đêm mở cổng cho quân ta tiến công chứ?

- Điều ấy cố nhiên!... Nhưng đó là việc quân cơ bí mật, về sau tự khắc các ông biết, giờ không thể nói trước. Chỉ biết rằng hiện tại ai có phận sự nấy phải lo, dù mạo hiểm hy sinh mấy cũng phải chịu... Tôi đã nói rằng tôi xin mạo hiểm hy sinh trước cả các ông, vì các ông đến chấp tôi mới tiến binh, còn tôi thì tôi phải đi ra trận ngay bây giờ...

Nhạc nói đoạn tắt tả vào hậu đường, giây lát trở ra với y phục bộ dạng khiến cho mọi người ngơ ngác, khó hiểu. Chủ tướng nói rằng phải đi trước ra trận ngay bây giờ, mà không mặc giáp trụ, không mang khí



giới gì cả, trái lại, vẫn khăn đầu riu, áo cộc rách tả tơi, với chiếc quần thượng đẳng cháo lòng, trông rất ghê tởm.

Mọi người đưa mắt nhìn nhau, chưa hiểu ra sao, bỗng thấy Nhạc đứng dậy đi và nói:

- Thôi, các ông ở lại đi sau, việc tôi cần kíp, vậy xin đi trước, nghe!

- Quân đâu? Dắt ngựa ra cho quan Tiết chế? một viên tiểu tướng nhanh nhẩu truyền lệnh.

Nhạc khoát tay ra hiệu bảo thôi:

- Không! Tôi không cần voi ngựa gì cả!

Thế rồi, trước vẻ kinh ngạc vô cùng của tướng sĩ, ông ung dung đi xuống thêm, chui vào ngòi bó gối trong cũi, và truyền mệnh lệnh cho mười mấy người đang đứng châu chực xung quanh:

- Khiêng ta lên phủ lỵ Quy Nhơn!... Đi cho mau!

Hơn một năm nay, quan quân khổ sở về việc đánh Tây Sơn, tốn hao vất vả mà không thu được công trạng gì cả. Nhất là quan quân ở phủ lỵ Quy Nhơn, vì Tây Sơn là đất thuộc hạt. Triều đình đã bổ ông Nguyễn Khắc Tuyên, chức tuần phủ, vào làm tướng lưu thủ thành Quy Nhơn, là trông cậy việc trừ diệt Tây Sơn, vì ông có tiếng dũng mãnh, thiện chiến. Nhưng ông cũng chẳng thu được kết quả gì hơn hai viên tướng lưu thủ trước, đã bị triệt hồi.

Còn tệ hơn nữa, là dưới trách nhiệm ông, quân Tây Sơn lại tràn lan thế lực to thêm và rộng thêm; mỗi lần ông đem binh đi tiểu phủ, là một lần tước lấy con số tổn hao, tiếng tăm bại trận.

Quan trấn thủ Quảng Nam dinh (lúc bấy giờ Quy Nhơn thuộc về dinh Quảng Nam thống hạt) thường tư giấy trách móc và đe dọa đủ điều khiến ông cảm thấy khó chịu như ngồi trên đệm nhồi đinh; hơn nữa, như người đã trót cỡi trên lưng cọp, không thể nhảy xuống được nữa.

Mỗi khi nghe ai nhắc đến tên Biện Nhạc – mà hàng ngày có dịp nghe nhắc đến không biết mấy lần – ông giựt mình thon thót. Đến đổi chưa tới, ông đã bắt đóng hết các cổng thành và sai lính canh phòng rất nghiêm mật, chính ông đêm đêm phải thân hành đi tuần, chỉ sợ quân Tây Sơn đến đánh thì khổ to!



Luôn ba tháng nay ông truyền rao treo thưởng cho quân dân sĩ thứ khắp vùng, hễ ai bắt sống hoặc chặt đầu Biện Nhạc đem tới nộp ông, sẽ được thưởng 2 nghìn quan tiền và ông tâu xin triều đình đặc cách bổ làm ký lục hay khám lý một dinh trấn. Khoản tiền 2 nghìn quan ở đời bấy giờ là tư sản một nhà giàu khá! Số tiền to ấy không phải của triều đình, mà là tiền của ông, vì ông là con nhà cự phú. Muốn cho khỏi bị quan trên luôn luôn trách vấn, nhân thể lập công to với triều đình, cho nên ông không ngần ngại vác tiền túi ra treo món thưởng to ấy, để khuyến khích những người mộ danh háms lợi sẽ cày cục bắt được Biện Nhạc hộ ông.

Buổi trưa hôm ấy, lính phủ đã đem tin phong văn bởi những bá tính đi chợ búa, đồn rầm lên rằng Biện Nhạc đã bị bắt hồi sáng; ông Nguyễn Khắc Tuyên khắp khởi mừng thầm, nhưng cũng còn bán nghi bán tín. Ông sai hai ba thủ hạ cỡi ngựa đi thăm dò tin tức, chốc lát họ trở về đều bẩm như nhau: Biện Nhạc quả bị quân dân ở Phù Ly lập kế bắt sống được ở một làng gần huyện lý, hiện đang giải lên phủ, chỉ nội buổi chiều đến nơi.

Giờ mùi, ông ra công đường ngồi chưa nóng chỗ, bỗng có tên lính từ ngoài cổng phủ, hốt hải chạy vào, vừa nói vừa thở:

- Bẩm... Bẩm quan lớn, hương lý và tuần đinh phường Đông An đóng cũi Biện Nhạc, giải đến phủ rồi!

Mừng quá, ông nhảy đứng lên, hất đổ cả điều tráp và khay nước trà Tàu mới pha chưa uống, không kịp xỏ chân vào giày, chạy hộc tốc ra ngoài cổng phủ lúc ấy, bọn người gọi là hương lý và tuần đinh phường Đông an (huyện Phù Ly), kẻ khiêng cũi, người áp giải, lố nhố, đến mười người, vừa vắn đến nơi. Sáu người áp giải, bộ dạng ra phết thầy lý và hương tuần trong tay đều cầm dao quắm, dáo mác, để phòng bắt trặc. Trông thấy quan phủ chạy ra, ai nấy vội vàng ngả nón, chắp tay vái chào sát đất.

Quan chạy lại bên cũi, nhìn vào trong rất kỹ lưỡng, rồi nở cười như pháo:

- Ủ, thằng này chính phải Biện Nhạc đây mà!... Mi còn trốn lánh làm giặc nữa thôi?

- Bẩm lạy quan lớn, chúng con hết thời và biết tội nhiều lắm! Nhạc



ngồi trong cũi làm bộ sợ sệt, trật khăn đầu riu xuống, chấp tay vái lạy quan phủ và nói rất mực cung kính – Trăm sự nhờ quan lớn thương tình châm chước cho chúng con, được phận nào hay phận ấy.

- Tội mi dù có mấy đầu lâu, chết chém cũng vừa, chứ châm chước gì? Ông Tuyên bấu môi trả lời Nhạc, rồi day lại hỏi bọn áp giải. À, thầy lý và mấy cha trương tuần giỏi lắm, ta khen cho; làm sao mà bắt được nó thế?

- Bầm cụ lớn (người mặc áo địa, đội nón lông, tự nhận là thầy lý, chấp tay và nói)... Bầm cụ lớn, nhân thấy cụ lớn hết lòng vì dân, trao thưởng rất hậu, anh em con vì phận sự mà cũng vì ham danh vụ lợi, bàn nhau đánh lừa Biện Nhạc vào phường chúng con, rồi chúng con bỏ vây, bắt được cả mấy thầy trò nó...

- Ủa, còn mấy đứa nữa kia ư, sao không giải lên một thể? Quan phủ hỏi.

- Bầm vâng, còn bốn đứa thủ hạ nữa; thầy lý đáp. Nhưng trong lúc thắng thoát, anh em không kịp đóng cũi mà giải lên một lần, cốt giải tên thủ phạm lên trước. Còn bốn đứa kia hiện giam ở trong làng, canh giữ rất kỹ, xin để ngày mai giải nốt!... Bầm cụ lớn, thầy trò nó giỏi võ quá, trai tráng làng con họp lại bốn năm chục người, tử trận và bị thương đến ngoài chục mới bắt nổi thầy trò nó...

- Có thể, càng tỏ ra các người xứng đáng món tiền thưởng ta treo, và rồi xứng đáng chức vị triều đình sẽ ban cho, quan phủ vỗ vai thầy lý và nói. Thôi, bây giờ các người khiêng cũi vào trại giam và ở chơi đây một đêm, ta khao thưởng cho. Công lao các người đáng khen vô cùng!...

Nói đoạn, ông Tuyên đi kèm bên cũi, đưa vào trại giam, cắt hai chục tên lính canh phòng cẩn mật; lại truyền để riêng một gian buồng cạnh đó làm chỗ nghỉ ngơi cho bọn áp giải, và dặn lính hầu đối đãi họ tử tế.

Trở về công đường, ông trò chuyện rớt rít với nha lại, tỏ ý vui mừng vô hạn, vì trong trí ông cảm chắc, với sự bắt được Biện Nhạc, chẳng những từ nay nha lại binh lính ở thành Quy Nhơn có thể ăn ngon ngủ yên, mà về phần ông thì thăng quan tiến chức đến nơi. Cái gì chứ tổng trấn một dinh là việc nắm lỏng trong tay; đã có công to thế, lại thêm



ít vàng bạc hồi lộ Quốc phó Trương Thúc Loan, thì muốn nhảy một bước dài, về làm quan triều cũng được.

Ông khoa chân múa tay, nói cười hể hời, gọi bọn hương lý tuần tráng phường Đông An lên lĩnh món tiền thưởng đã hứa, bảo họ ở lại dự tiệc khao quân tối nay; rồi truyền lệnh giục giã tất cả bộc dịch trong phủ, người thì mổ lợn vật bò làm tiệc, người thì phi ngựa đi đón phường tuồng hay nhất về phủ hát mừng. Ông nói tíu tít:

-Ta khao thưởng tất cả nha lại lính tráng một bữa thật hể hả say sưa... Ai uống được bao nhiêu, cho uống. Hừ, đời người được mấy gang tay, tội gì có dịp đáng khoái lạc thế này lại không tận hưởng cho thích!

- Bẩm quan, việc phòng bị vẫn nên cẩn mật; một viên thơ lại nói. Đề đảng chúng nó có thể đánh thành cướp tù không chừng.

- Hừ, ngày mai thì giải tù đi ra kinh, lo gì? Ông Tuyên hát hàm và đáp. Vả lại, bên giặc có Biện Nhạc bày mưu lập kế mới đáng sợ; bây giờ bắt được thằng quý quái này rồi thì chúng nó chỉ còn là cái xác không hồn, muốn chôn lúc nào được lúc ấy... Nhưng đây là chuyện ngày mai, hôm nay thì ta bảo đảm cho các người cứ việc đánh chén thật say rồi trùm chần ngủ kỹ.

Chiều tối hôm ấy, trong dinh quan ngoài trại lính, cỗ bàn linh đình; cứ bốn năm người một mâm, rượu ngon đồ nhắm tốt, người nào người nấy ngất ngưỡng đánh chén, rất mực thống khoái.

Quan phủ vừa cầm chén hát bội vừa uống rượu gật gù, vẻ tự kiêu tự đắc của ngài hiện ra từ cái nụ cười, ngón tay vuốt râu cho đến tiếng gọi quân hầu châm điếu. Thâm tâm ngài tự cho mình bắt được Biện Nhạc ngày nay, đối với quốc gia cũng có đại công như Hung Đạo Vương dẹp giặc Nguyên hay Lê Thái Tổ bình định quân Minh, khôi phục xã tắc vậy.

Trong lúc đó, ở trại giam Biện Nhạc, bọn người áp giải, gọi là hương lý tuần tráng phường Đông An, hiệp với các thầy cai đội và lính canh, ngồi quây quần nhau sáu bảy mâm cỗ, chén chú chén anh, uống rượu hình như uống nước.

Bọn áp giải lại khéo nói chuyện ba hoa, thách đố các cậu lính uống thật say:

- Ô! Mấy khi dân làng với lính phủ được dịp họp nhau đánh chén



vui vẻ như thế này?... Quan lớn đã ban cho, chúng ta cứ uống thả cửa, có chết cũng sướng đời.

- Uống rượu khi nào tới chết? Một cậu lính canh nói. Chỉ có say quá thì không ai gác tù cho!

- Các cậu cứ uống, có say thì chúng tôi canh gác hộ cho! Chính tay chúng tôi bắt sống đóng cũi Biện Nhạc giải lên cửa quan giam vào chỗ này, dù nó có ba đầu sáu tay, mọc lông mọc cánh, cũng không bay đi đằng nào được với chúng tôi!

Mấy thầy hương lý Đông An nói bè nhè và chuốc chén mời các cậu lính uống mãi. Đến cuối canh một, thì chén mâm bữa bãi, cả chủ lẫn khách ở trong trại giam đều say nằm ngổn ngang, như từng đồng thịt mất hết tri giác. Có ba bốn cậu lính biết giữ gìn chức vụ, tự tin mình uống ít và tỉnh nhất thì cũng mất hoa đóm đóm, trông một người thành hai, đi thì chân nam đá chân chiêu, đến nỗi cầm khóa đi khóa buồng giam Biện Nhạc lại khóa trật ra ngoài.

Nhưng, sự thật, duy có chủ say, chứ khách chẳng say tí nào, hoặc khách chỉ giả đồ say, như người giả chết bắt quạ vậy.

Nửa đêm, họ bấm nhau chỗi dậy, đi mở cũi cho Nhạc ra, trói ghì quân cánh lại, rồi chạy thẳng ra cổng thành đối pháo làm hiệu, mở tung hai cửa cho binh Tây Sơn vào. Lúc ấy, lính gác thành môn cũng say mềm, không biết gì cả.

Nhạc, Huệ dẫn đầu toán quân cảm tử, hợp với bọn gọi là thần lý và thần đình phường Đông An, đánh thốc vào đại dinh. Họ vừa đánh, vừa reo hò, vừa khua chiêng nổ pháo, vừa đốt lửa cháy lung tung, nhất thời làm rầm rĩ chấn động trong thành, quân dân không biết là giặc nhiều ít, chỉ có việc vỡ lở chạy trốn. Dân nghe giặc Tây Sơn vào thành là đủ khiếp vía, còn quân lính thì dờ say, muốn đánh cũng chẳng đánh nổi.

- Thôi chết rồi! Ta mắc mưu thằng Biện Nhạc!

- Quan phủ Nguyễn Khắc Tuyên vẫn đang ngất ngưỡng cầm châu hát bội, nghe tin cấp báo, chỉ vừa kịp tỉnh ngộ, nói câu tri bỉ tri kỷ ấy rồi bỏ chạy bán sống bán chết, thoát ra cửa hậu.

Nếu ngài không mau chân, tất bị Biện Nhạc nhốt vào cũi hán còn ngồi ban này.



Không đầy một phần ba trống canh, toàn thành Quy Nhơn vô tay quân Tây Sơn chiếm lĩnh, dễ thường không tốn một giọt máu nào. Quá nửa đêm, cờ Tây Sơn phấp phới trên bốn cửa thành, và tiếng loa kẻ tiếp rêu gọi bá tánh hồi gia yên nghiệp, vì quân Tây Sơn tư hào vô phạm, cốt đến cứu dân.

Trước lúc đó, Trần Quang Diệu và 200 thủ hạ đã nấp sẵn ngoài đồn Đạm Thủy, nhìn thấy hiệu lửa ở phía Quy Nhơn, liền hô quân nhất tề sẵn sàng đánh vào trong đồn, bắt sống được viên chủ tướng là Khâm sai Lượng, chém giết quá nửa binh triều trong cơn bất ngờ, mà thủ hạ mình chỉ có vài chục người tử thương.

Lấy xong Đạm Thủy, Diệu lên mặt thành trông sang Càn Dương (vì hai nơi gần nhau), vẫn thấy đuốc sáng lập lòe và nghe vẳng những tiếng reo hò dữ tợn, định chắc Nguyễn Thung đang phải giao chiến, chưa hạ được thành. Lập tức, Diệu đem một nửa quân chạy sang cứu viện.

Quả thật, Nguyễn Thung hành binh có hơi sai hiệu lệnh, khiến cho Đốc trung Đảng kịp gọi quân lính công ra cự chiến. Hai bên đánh sập lá cà. Quân Đảng dùng rơm và đuốc tẩm dầu ném vãi như mưa, làm cho quân Thung chết cháy và bị thương đến quá nửa, tiếng kêu rên nghe thảm thiết. Thung toan rút tàn quân chạy trốn, bỗng thấy sau lưng quân Đảng xông xáo rồi rít, lại nhận rõ tiếng reo hò là tiếng quân nhà, bèn liều chết đánh sẵn tới, chuyển bại thành thắng. Thì ra Diệu đem cứu binh đến vừa kịp, đánh bọc phía sau binh triều một cách bất ngờ, bắt sống Đốc trung Đảng và giúp Thung lấy được Càn Dương. Không có Diệu thì hẳn Thung phải bỏ chạy, tức thì quân Tây Sơn không chiếm được thành ấy theo như kế hoạch Nhạc định.

Bởi vậy, qua hôm sau Nhạc đến Đạm Thủy và Càn Dương để biên sổ tiền gạo quân mình đã lấy được, nhân dịp muốn hài tội làm sai tướng lệnh, chém Nguyễn Thung một lượt với bọn Khâm sai Lượng, Đốc trung Đảng, may nhờ chư tướng xin hộ, Nhạc mới tha cho, nhưng hăm hực đe dọa:

- Nhà ngươi liệu hồn! Lần này ta hãy gửi cái đầu nhà ngươi ở trên cổ đấy, nếu sau còn vi phạm thì đừng có trách.

Lời nói giằn mặt ấy rồi trở nên thực sự, khi Nguyễn Thung lại trái tướng lệnh mà bại binh ở vùng Bình Thuận.



Nhưng đó là chuyện sau, giờ ta hãy biết Quy Nhơn, một nơi quân sự trọng yếu đã thành ra căn cứ vững chãi của quân Tây Sơn, từ đây họ dùng làm chỗ đạp chân mà đi ra, ngót ba chục năm hoành hành vô địch thiên hạ.

Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên bỏ thành chạy trốn về kinh lạy lục đút lót Trương Phúc Loan, kiếm chuyện nói gỡ tội rằng: trại giam có ma, ban đêm nó mở cũi cho Biện Nhạc thoát thân, rồi quân Tây Sơn nội ứng ngoại công mà hạ được thành, mặc dầu quan quân tử chiến - Thuở ấy người ta lấy chuyện cái cũi có ma làm một giai thoại. Nó không hạ chức hay buộc tội ông Tuyên chút nào, còn làm cho ông thăng thưởng là khác.

## VI. Đục nước béo cò

Hạ xong Quy Nhơn hôm trước, hôm sau Nhạc nghĩ ngay đến ông thầy học cũ là người văn võ toàn tài, cơ mưu trí trọng, có ý muốn mời ra giúp anh em mình một tay, cho nên sai Trần Quang Diệu đem sính lễ vào Thạch Bi Sơn như ta đã thấy trước là tỏ lòng kính thầy, sau là thỉnh ông Giáo Hiến hạ sơn.

- Đại huynh muốn mời cụ hạ sơn làm quân sư chẳng? Nguyễn Lữ hỏi anh.

- Không phải, Nhạc đáp. Quân sư là anh đấy chứ còn ai nữa, nhưng anh có một chú ý khác.

- Chủ ý đại huynh thế nào?

- Ta có cái kế hoạch định tiến công cả phía trong phía ngoài một lượt, trên bộ cũng như dưới nước. Chiếm được Quy Nhơn thế này, lương thảo, khí giới, binh lực thêm phần hùng hậu, kể chung cả quân nhà sẵn có, thêm số binh triều mới hàng. Tại trong sớm tối nay mai có bọn Tập Đình Lý Tài đầu đảng giặc khách tàu Ô, đem thủ hạ đến quy thuận ta, vậy thì sức ta có thể đồng thời tiến công hai mặt được lắm. Tình thế bây giờ, dụng binh cần phải thần tốc thì mới ăn to. Bởi vậy, ta muốn phân binh nhất tề công kích, mau chừng nào hay chừng ấy: ta định cùng tam đệ đánh thốc vào làm sao ra đến Huế cho thật chóng, không thì có kẻ phỗng tay trên mất.

- Hẳn đại huynh lo quân Bắc Hà? Huệ và Lữ cùng hỏi.



- Chứ sao! Nhạc cười và nói. Nếu như quân ta phải giao chiến đây đưa với bọn Nguyễn Cửu Dật, Tôn Thất Nghiễm, ở trước mặt, quanh vùng Quảng Nam, Quảng Nghĩa này, lại còn lo binh triều ở miền trong Phú Yên Gia Định sẽ kéo ra đánh sau lưng ta, thì ta phải day trở đối phó một xác và không thu được công to. Mà trong khi ấy chúa Trịnh vẫn là thế thù với chúa Nguyễn thuở nay, sẽ thừa dịp trãi cò mồi nhau mà ngư ông ở giữa thủ lợi, lấy mất Thuận Hóa trước ta còn gì? Hai em cứ nhớ lời ta nói để mà nghiệm xem, sự thế tất đi tới đó nếu ta lết đệt chậm bước thua người. Ta muốn tiến công ra ngoài và vào trong cho nhanh là vì thế.

- Vậy em xin đương mặt trong; Lữ nói. Để cho đại huynh và tam đệ chuyên tâm mặt ngoài nhé!

- Cố nhiên, đó là chủ ý của ta. Song tính em hay thô bạo, khinh địch, một mình sợ không đương nổi một mặt. Chỉ lo ông nhậu rượu vào rồi làm liều làm lĩnh thì oan gia! Vì thế anh muốn có cụ Giáo Hiến giúp chú thì anh mới yên tâm, vì cụ có cơ mưu là lại thận trọng.

- Nhưng cụ đã già quách đi rồi, còn xông pha trận mạc sao được?

- Ấy chết. Đi hỏi già về nhà hỏi trẻ, ta vẫn nói. Tuổi cụ già chứ mưu trí và võ nghệ cụ vẫn là siêu tuyệt hiện thời đây!

Nhạc nói đoạn giục già Trần Quang Diệu đi.

Nhưng ông Giáo Hiến từ chối, lấy cớ mình già yếu, trí khôn kém phần sáng suốt, e sự bàn mưu tính kế chớ chỗ thất thố sai lầm, bất lợi cho đại sự, cho nên ông không dám nhận cái vinh dự mà anh em Nhạc nghĩ tình thầy trò, để dành cho ông.

Thế ra ông quên mất việc giả thù của ông rồi ư?

Không, mối thù nhà ông, ông vẫn đóng đinh trong trí, có khi nào quên được? Song ông tự nghĩ một việc tử thù lại gồm công nghĩa ở trong tuy mình già yếu không làm nổi, mà đào tạo cho người khác làm hộ cũng thế, miễn được thành công kết quả. Chính thật anh em Nhạc quyết ý khởi binh chống cự chúa Nguyễn, có nhờ ông giáo hóa và khuyên khiến rất nhiều. Có người biết rõ tâm sự ông, nói rằng sở dĩ ông từ khước, chẳng phải vì lẽ già yếu, thật là vì lẽ ông biết rõ tâm cơ và vận số của anh em Tây Sơn: Nhạc tham lam mà đa nghi, Lữ thì vô tài, Huệ thì yếu tướng; công việc họ làm, trong trí ông đã dự đoán, bất quá chỉ sôi nổi chừng



đôi ba chục năm rồi tắt, chứ không được thiên mệnh cho dựng nên đại nghiệp trường cửu. Bởi thế, ông không muốn dự vào; nghĩ mình có dự vào cũng chẳng làm sao chữa lại được thiên mệnh, thế thì yên thân ở ẩn, bàng quan cuộc đời còn hơn.

Mấy hôm sau, Diệu từ Thạch Bi Sơn trở về, với bức thư ông Giáo Hiến trả lời, không thể hạ sơn, Nhạc vỗ trán, thở dài:

- Thế thì quân thì quân ta phải chậm ngày giờ trường khu đại tiến ra Huế, tiếc thay!

- Chuyến này tôi đi, không đón được quân sư, nhưng có đem về được ít nhiều tráng sĩ! Diệu nói và giới thiệu bọn Xuân cả thầy sáu bảy người theo mình.

Nhạc ân cần hỏi han tài nghệ và chí hướng của mỗi người. Đến Xuân, trước khi hỏi, Nhạc nhắm nhía giây lâu rồi vừa cười vừa nói:

- Anh này, trông tướng mạo như đàn bà, họa chăng để ở trong quân làm việc biên chác tiền gạo thì được, chứ ra trận ngửi mùi thuốc súng, không khéo chết ngất.

- Bẩm quan Tiết chế, người có vẻ như đàn bà thế mà một tay giết chết con cạp lớn bằng con trâu đấy!

- Quân thảo với cạp mà giết được nó hay thế nào? Nhạc hỏi lại.

- Thưa, anh ta bắn trúng vào giữa miệng cạp chết không kịp ngáp! Diệu trả lời.

Rồi Diệu đem chuyện mình vừa đến chân núi Bì, bất ngờ bị cạp vô ngã, nhờ Xuân bắn ba mũi tên hạ cạp tức tốc mà cứu được mình, kể lại đầu đuôi tỉ mỉ cho anh em Nhạc nghe.

..... (mất nửa trang, bài báo)

Tham tán quân vụ, Đỗ Văn Hoảng khuyên can thông thả:

- Xin tướng quân cho đồn binh ở đây, phải dò xét tình hình quân giặc đã, rồi sễ sang sông, không khéo ta hấp tấp thì mắc mưu dụ địch của chúng nó đấy.

- Đỗ quân lo xa như thế là phải! Nguyễn Cửu Sách nói.

Nhưng Cửu Thống lắc đầu bĩu môi, tỏ ý chê hai người hèn nhát:

- Hừ! Các ông kém lịch duyệt chiến trận có khác! Quân giặc chỉ



hư trương thanh thế xằng, giỏi đánh lừa Nguyễn Khắc Tuyên mà chiếm lấy Quy Nhơn, chứ bây giờ ra chỗ chiến trường, gặp người đã bạc đầu với thanh gươm yên ngựa như tôi thì chúng nó phải chết. Ngày mai quân ta cứ sang sông, để tôi phá tan chúng nó cho các ông xem. Nếu ta không thừa thắng đánh rốc tới, còn chần chờ dò xét như ý các ông, thì giặc có thể xếp đặt cố thủ, còn gì!

Nói đoạn, Cửu Thống truyền lệnh cho tướng sĩ thu xếp canh tư đêm nay sang sông; tảng sáng qua bờ bên kia sẽ bắc bếp, thổi cơm ăn. Sở dĩ ông có hiệu lệnh gay gắt như thế, vì được tin thám báo chắc chắn rằng quân giặc đã chạy lui hết rồi, từ bờ sông cho đến mười lăm hai chục dặm vào mãi phía trong, tịnh không còn bóng dáng một quân ó nào.

Ông khinh địch làm cho hơn hai nghìn người chết oan uổng.

Binh triều qua sông xong xả, chưa hết canh tư, ai nấy mệt và đói, vội vã để chụm khí giới lại từng đồng mò mẫm đi tìm những bờ ruộng, mô đất khô ráo để bắc nồi nấu cơm. Họ được chủ tướng nhồi sọ, tin tưởng quân giặc cách xa mình biệt mù, giờ này không ai có thể làm rộn bữa cơm của mình, thôi thì cứ nấu ăn thông thả ung dung; nhất là cần ăn no nê, mới cứng hai đầu gối mà đi đuổi giặc, có lẽ suốt ngày đến tối mịt mới lại được ăn không chừng.

Tội nghiệp họ rờ cơm ra, chưa ai kịp và miếng nào, bỗng nghe từ phía vang dậy pháo nổ trống hồi, nhất là những tiếng la ó mà họ đã quen tai: trước mặt, sau lưng, trên bộ dưới thủy, đồng thời bị giặc ồ ạt công kích bất ngờ, khiến họ hoảng kinh, không còn hồn vía.

- Chết cha rồi! Quân ó!

Họ hốt hoảng bảo nhau thế rồi cuống quýt xô đẩy lẫn nhau, mạnh ai nấy tìm đường chạy trốn, nhưng mà trời còn tối tăm, thần hồn nhất thần tính, làm họ quên cả phương hướng, đến nỗi tai mắt quay về phía nào cũng nghe thấy tiếng giặc hò hét và thấy bóng giặc lù lù tiến đến gần mình như giông, như gió.

Thật sự, chiều hôm trước quân Tây Sơn có rút lui khuất bóng ở Bến Vân rất xa, cốt tỏ ra mình khiếp sợ, để nhử cho Nguyễn Cửu Thống quyết định đem binh qua sông mà đánh. Đêm khuya, trước khi binh triều sang dò. Huệ thân dẫn bọn Diệu, Xuân, Tập Đình, Lý Tài và 1300 thủ hạ, người ngậm tăm, ngựa tháo nhạc, trở lại Bến Vân sắp đặt mai



phục. Tập Đình Lý Tài cầm đầu 400 quân đại đao, gồm cả người Tàu và Annam phục ở khu rừng cách xa bờ sông chừng một dặm. Xuân thì dẫn 400 tay nỏ, chia làm hai đội, trèo lên những cây to ở bờ sông, tên lấp vào nỏ sẵn sàng. Diệu cũng đem 40 người phân ra bốn toán, nằm phục bốn nơi, khít bên mé sông, phận sự là khua chiêng, đánh trống, luân phiên la hét để giúp thanh thế, và đem theo vật liệu hỏa công phòng thiêu hủy thuyền bè bên địch; công dụng trước hết của cách phục binh này là khiến bên địch trong lúc tắm tối mù mờ, tưởng tượng mình bị vây bọc đánh úp cả trên mặt sông, nghĩa là sau lưng. Còn Huệ chỉ giữ cho phần mình một trăm quân cầm tử, lâm thời sẽ ra hiệu nhất tề cử động và tiếp ứng cho cả ba mặt.

Việc mai phục Tây Sơn bố trí như thế, cố nhiên ông Nguyễn Cửu Thống chẳng hay biết tí nào, và cũng không hề ngờ vực. Trong thâm tâm khinh thị của ông chỉ những chắc mẫm quân Tây Sơn đã nếm mùi chua chát một trận đầu tiên, hấn sợ bóng vía ông mà trốn chạy biệt mù sơn dã đâu rồi. Nào dè quân giặc đón rước ông bằng sắt máu ở ngay bờ sông!

Để cho binh triều lên bờ thông thả rồi nấu ăn dở dang, bây giờ Huệ mới nổi pháp làm hiệu, tức thời ba bề bốn bên phục binh nổi dậy với trống vang pháo nổ liên thình, tiếng người hò hét như sấm, thầy trò Cửu Thống hồn vía lên mây, sợ hãi lúng túng, không biết xoay sở thế nào, khác hơn là chạy trốn thực thân. Tình hình rối loạn không sao tả được.

Nhưng bảo họ chạy đâu? Sau lưng là trường giang, trước mắt thì ào ào những quân giặc múa đại đao sáng nhoáng, cứ việc đâm tả chém hữu hết sức hùng hổ, những tiếng reo hò “Tả lơ! Tả lơ!” của bọn thủ hạ Tập Đình Lý Tài làm cho binh triều nghe danh khiếp đảm. Họ dẫm đạp chen lấn nhau, chạy cả xuống thuyền còn đậu bên bờ.

Khốn nạn, nhiều thuyền chìm ngìm, vì số người nhảy bừa xuống đông quá. Quân sĩ ngoi ngóp rồi hụt hơi chết đuối, hoặc bám vào thuyền khác, làm phải chìm lây.

Những thuyền mở đôi chèo ra khỏi bờ, thì bị cánh phục binh của Diệu núp ở bụi lau bãi cỏ gần đấy, ném tung mỗi lửa đốt cháy tung bùng...

Thuyền nào chạy được xa tầm mỗi lửa, thì bị mấy trăm tay nỏ của Xuân phục trên cây, bắn theo như mưa vãi. Thứ nỏ lợi hại gồm ghê,



Xuân chế theo kiểu riêng của dân mọi Thủy xá quốc và Hỏa xá quốc, đầu mũi tên có thuốc độc, mà mỗi lần khẽ động vào cái lẫy, đồng thời ba mũi tên vụt đi như biến, lại tỏa ra như chia ba; hễ một vật đã bị ngấm đích không trúng mũi này cũng trúng mũi kia, có khi trúng phấp cả hai, như chú cọp núi Bia đã cho chúng ta thấy rõ hiệu lực.

Những mũi tên này đuổi theo vật chết binh triều ở trên thuyền hoặc xô ngã xuống nước, tổn hại thêm một mớ khá to, không kém con số với đại đạo trên bờ.

Chính Nguyễn Cửu Thông bị một mũi tên độc trúng vào bả vai hại chết, còn hai tướng Sùng và Hoàng thì trút linh hồn ngay ở dưới thuyền. Các cụ lớn ta đã phải bỏ cả chiến mã ở lại trên bờ, hấp tấp chạy xuống thuyền để thoát thân, nhưng còn tương hoàng với lính áo nẹp đỏ che lọng và xách điều tráp theo hầu, thành ra làm bia cho quân địch nhắm rõ mà bắn như mưa. Trừ ra Cửu Sách khôn hồn, nằm dán mình vào bên mạn thuyền, nên được vô sự.

Sáng ra, Tây binh nhận thấy quan quân cụt đầu lòi ruột nằm ngổn ngang trên bờ, chết đuối lênh bênh dưới nước nhiều quá, không biết bao nhiêu mà đếm, nhất là thấy bốn viên đại tướng của quan quân đã chết hai và nghe nói trọng thương một, cho nên để mặc tàn quân chạy trốn, không buồn đuổi theo nữa.

Tây binh với được hai cỗ súng thần công và vô số đạn được, lương thực.

Huệ thích chí quá, lấy ngay con chiến mã lông trắng như tuyết của Cửu Thông bỏ lại, thưởng cho Xuân và nói:

- Quân ta đại thắng trận này là công lao chung cả anh em, nhưng mà sát hại được ba viên chủ tướng bên địch, thật là ở tài bắn của người, vậy ta trộm lệnh quan Tiết chế, tặng người con chiến mã này đó!

Huệ lại nói tiếp, khôi bài:

- Chắc là hồi đó bà mụ ham đánh tứ sắc mà nặn nhăm, không thì bà phải nặn Xuân ra con gái kia đấy!...

Mọi người cùng cười ồ.

Xuân cúi đầu tạ ơn cho ngựa nhưng cốt để dấu vừng hồng mới mọc ở hai gò má.



Giữa khi ấy Nhạc đến Bến Vân. Thấy quân nhà thắng trận, theo như mưu lược mình đã định, Nhạc niềm nở ngợi khen chư tướng, rồi day lại nói với Huệ.

- Bây giờ anh em ta bắc nam hai ngã mỗi người đi một đường nghe! Chú đánh trở ra, anh đánh trở vào...

- Đại huynh muốn lấy Phú Yên chứ gì? Huệ hỏi anh.

- Chính thế! Nhạc cười và đáp. Có lẽ phải vào tới Khánh Hòa Bình Thuận mới được.

- Quân ta nên thừa thắng, dẫn cả binh lực ở đây, hãy đánh thốc ra Quảng Nam chẳng hơn ư? Đã vội gì lo đến mạn trong? Trần Quang Diệu nói:

Huệ cũng nghĩ thế. Nhưng Nhạc lắc đầu:

- Em nên biết việc dùng binh phải lo toan kín đáo cả mọi mặt, mới nắm được cái cơ tất thắng ở phần mình. Binh lực chúa Nguyễn ở trong Gia Định to tát đáng sợ, nếu ta không chặn đường tiếp viện ấy để họ có thể kéo ra đánh thốc vào sau lưng ta thì nguy. Bởi vậy, anh quyết định chia binh làm hai: công việc tiến đánh Quảng Nam ủy thác cho em, ví bằng tiến được càng hay, không thì cố giữ thế thủ, đợi anh; còn anh thì mang bọn Lữ, Khê, và Thung vào chiếm lấy Khánh Hòa, Bình Thuận, để chặn đường quân Nguyễn trong Gia Định không cho chúng ra cứu viện, thì ngoài này chúng ta mới dễ đắc chí.

Nói liền làm liền. Trong khi Huệ cầm chắc sự lây lất với quân Tôn Thất Nguyễn ở địa đầu Quảng Nam, Nhạc dẫn binh vào đánh mạn trong.

Không đầy ba tháng toàn cõi Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận đều thuộc về .....

.... (mất một trang báo)

Hôm ấy, Tỉnh đô vương đang ngồi với Đặng Phi, uống trà Tàu hảo hạng của một thuyền buôn khách vừa đem từ bên Tàu sang biếu. Nhận được mật tấu của Bùi Thế Đạt đưa đến, Tỉnh đô vương xem đến đâu nét mặt thay đổi đến đấy, mừng quá, hất tay đổ vỡ cả bộ khay chén bằng ngọc và truyền bảo thị vệ tíu tít:



- Đi gọi quận Việp!... Đi gọi quận Việp!... Đánh trống... đánh trống... họp phủ liêu, mau lên.

Đặng Phi ngẩn người, tiếc bộ chén ngọc đã vỡ tan tành:

- Có việc gì mà vương thượng làm như người phát điên thế?

- Một tin đáng mừng!... Một tin đáng mừng!... Trịnh Sâm múa tay và nói, tỏ vẻ mừng rỡ cực điểm.

- Gớm chết! Đặng Phi nói giọng nũng nịu. Ví rằng có hai tin đáng mừng như thế, thì không khéo vương thượng đốt cả vương phủ, giết cả vợ con chắc!... Trông bộ chén quý báu đã tan ra từng mảnh kia kìa!

Nàng nói rồi, làm bộ giận dỗi. Tình độ vương phải vuốt ve, dỗ dành và nói:

- Ô! Máy cái chén ngọc là đồ bỏ; ái phi sẽ thấy trong tờ mật tấu này đem lại cho ta những của quý báu gấp nghìn lần, muôn lần.

- Nhưng mà tin gì thế Đặng Phi nhõng nhẽo gạn hỏi. Vương thượng phải nói cho thiếp nghe.

- Tin xứ đảng trong có nội loạn, ta phải nhân dịp này đánh lấy Thuận Hóa, để mở mang bờ cõi rộng thêm. Thuận Hóa quý hơn chén ngọc ước vạn lần, ái phi có biết không?

- Vâng, đất quý hơn ngọc; nhưng vương thượng định bỏ mẹ con tôi ở nhà để đem quân đi thân chinh đấy chẳng? Đặng phi gục mặt trên vai chúa Trịnh vừa nói vừa giả đồ khóc tầm túc.

- Đã có quận Việp, chứ ta rời xa ái phi sao được! Thôi, ái phi nín đi!

Tình độ vương an ủi Đặng phi rồi đi ra triều đường, bàn việc chinh nam.

Việc xuất binh nhất định trong nửa buổi họp.

Lão tướng Hoàng Ngũ Phúc, tức Việp quận công, phụng mạng chinh nam, mùa đông năm ấy tiến binh qua Linh Giang, vào bờ cõi chúa Nguyễn, nghênh ngang như đi vào một chỗ không người. Vì tướng tài binh lực chúa Nguyễn lúc này không bằng mấy đời trước, còn lại được chút nào gọi là tinh binh mãnh tướng, đều rút vào phía trong cự chiến Tây Sơn, không phòng bị gì mặt bắc, bởi không ngờ đến sự quân Trịnh xâm lấn.



Ngũ phúc phao ngôn rằng vâng mệnh chúa Trịnh, đem quân Bắc Hà vào trừ gian dẹp loạn hộ nhà Nguyễn, chứ không có ý thềm muốn đất đai gì cả. Vào đến Quảng Trị, Bắc quân mới gặp mấy đạo Nam quân chống cự, nhưng dễ giặc giã vào sâu quá rồi, còn chống cự làm sao được nữa? Vả lại, sự thật Nam quân hồi ấy, không có mặt nào địch lại Ngũ Phúc, một tay đại tướng có đủ cả trí mưu và dũng lược.

Định Vương hiểu tình thế nguy, cùng mấy vị triều thần có lòng trung nghĩa, mật mưu bắt trói Trương Phúc Loan đem ra nộp Ngũ Phúc để cho Ngũ Phúc hết cố tiến binh. Bản thân Phúc Loan cũng sai người đem một nghìn lạng vàng cùng nhiều đồ châu báu khác, đút lót Ngũ Phúc, mong được bao dung tha chết cho mình. Ngũ Phúc thu nhận Phúc Loan hối lộ nhưng cứ việc trường khu đại tiến vào Thuận Hóa.

Biết thế không còn trông cậy ở cảm tình hay võ lực gì được. Định vương đành bỏ đô thành, dắt díu cung quyến chạy vào Quảng Nam. Nhưng ở đây có quân Tây Sơn đang tung hoành, chúa đã được cộp tha, lại sợ ma bắt, phải do đường thủy trốn vào Gia Định.

Bắc quân tiến vào, hạ thành Phú Xuân một cách dễ dàng, mặc dầu có hai đạo binh thủy lục bên Nguyễn, do Tôn Thất Tiệp và Nguyễn Văn Chính án ngữ ở phía Quảng Điền.

Thành trì Phú Xuân của họ Nguyễn, từ chúa Nguyễn Hoàng xây dựng hơn hai trăm năm, bây giờ về tay quân Trịnh chiếm giữ.

Nhưng bản tâm chúa Trịnh là muốn thừa thời đoạt hết thổ địa họ Nguyễn cho tới Gia Định, để thống nhất bản đồ nước Nam, chứ không phải đến Phú Xuân thì thôi. Bởi vậy, tháng tư năm sau, Hoàng Ngũ Phúc lại tiến binh qua đèo Hải Vân, vào Quảng Nam.

Đến đây, quân Trịnh gặp quân Tây Sơn lấy danh nghĩa phò tá Hoàng tôn Dương để chống lại.

Nguyên mấy tháng trước, Đinh vương từ giã Quảng Nam chạy vào Gia Định, để người cháu là Nguyễn Phúc Dương đóng giữ ở huyện Hòa Vang, lo việc chống cự với quân Tây Sơn. Kế đó Tây Sơn phá tan quân Nguyễn, lấy được Quảng Nam, vừa gặp lúc quân Trịnh đang từ Phú Xuân kéo vào, Nhạc bèn lập kế bắt được Hoàng tôn Dương, tôn làm minh chủ, để dựa vào danh nghĩa ấy chống nhau với quân Trịnh.

Hai quân đại chiến ở làng Cẩm Sa, thuộc huyện Hòa Vang. Bọn



khách Tập Đình Lý Tài làm tiên phong, quân sĩ toàn là người Quảng đông và dân mọi cao lớn, ai nấy cởi trần, bịt khăn đỏ, tay khiên tay phang, lẫn sả vào trận mà hò hét đâm chém cực kỳ táo tợn, tiền đội của Ngũ Phúc cự địch không nổi, bỏ chạy tứ tán.

Ngũ Phúc liền thét Hoàng Phùng Cơ và Hoàng Đình Thê đem quân thiết kỵ xông bừa ra trận, bộ binh nối gót tràn tới. Bọn Tập Đình Lý Tài thua chạy.

Trận này quân Tây Sơn tổn hại nhiều, Nhạc phải lui binh về giữ Biên Vân rồi đưa Hoàng Tôn Dương về Quy Nhơn.

Quân Trịnh thắng trận mà không dám đuổi theo, vì bị toán lính thiện xạ của Xuân đi đoạn hậu, quay lại bắn tên độc như mưa, cứu được tiền quân mình rút yên ổn. Quang Diệu nắm lấy tay Xuân, vồn vã ngợi khen mãi:

- Tài bắn của em năm xưa đã cứu tôi thoát khỏi con cọp ở núi Bia; phen này lại cứu cả đại quân nhà ta thoát khỏi hàng muôn con cọp Bắc Hà!

## VII. Tấn tuồng bắt cá hai tay

Lúc này Tây Sơn lâm vào tình thế như chiếc đinh nằm giữa cái kìm: phía ngoài bị quân Trịnh đánh vào, phía trong bị quân Nguyễn đánh ra. Thật thế, Tổng Phúc Hiệp tụ tập dân binh, đủ giựt lại ba đất Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, như đoạn trên đã nói, đang rần rộ tiến ra, muốn đánh ra tới Quy Nhơn là nơi căn bản sào huyệt của Tây Sơn.

Mặc dầu tướng tá phần nhiều là tay giỏi, quân lính cũng dũng cảm thiện chiến, Tây Sơn chưa đủ lực lượng chống cự cả hai mặt, cũng là cường địch. Đang muốn tung hoành thiên hạ, lại phải rút về ở một xó Quy Nhơn thật là sự vạ bất như ý. Nhiều tướng sĩ có vẻ lo ngại, nhất là thấy Nhạc chuyên vận của tiền châu báu lên Tây Sơn thượng đạo, mà sắc mặt vẫn nhợt nhợt trấn tĩnh, khiến cho người ta càng phân vân, không hiểu ra thế nào. Họ rủ nhau vào dinh vấn nạn Nhạc:

- Quân ta bây giờ trước mặt sau lưng cùng có cường địch, vậy quan Tiết chế định xử trí ra sao?

- Định xử trí ra sao à? Nhạc vừa nói vừa cười. Tôi định cùng các



ông tỉnh dưỡng ít lâu, rồi chúng ta tung hoành trong thiên hạ, chứ còn định gì hơn!

- Không đánh chắc gì cả ư? Các tướng hỏi lại.

- Phải không đánh chắc gì cả. Để cho quân sĩ nghỉ ngơi một độ, sẽ hay. Anh em mình còn biết nghỉ ngơi, nữa là họ.

- Thế ra, ý ngài chủ hòa?

- Vâng, tôi định thế. Chắc hẳn các ông cũng đồng ý thì phải.

- Nhưng nên hòa với ai? Với Trịnh hay với Nguyễn? Tình thế chúng ta gần như nước Thục ở đời Tam quốc vậy.

- Các ông so sánh đúng mà sai! Nhạc nói ngắt lời chư tướng. Chúng ta khác hẳn nước Thục, là không bắc cự Tào Tháo, đông hòa Tôn Quyền.

- Nghĩa là hòa với cả hai?

- Chính thế, hòa cả với hai, để rồi ta giọt cho cả hai, mỗi chú một mẻ nên thân.

Nhạc cười ha hả, tỏ vẻ đắc ý, khiến chư tướng càng thêm kinh ngạc, xoắn xít hỏi gạn:

- Ngài nói lạ! Việc đời có thể nào bắt cá hai tay như thế được ư? Tất nhiên có một bên hiểu rõ cơ mưu của mình rồi lấy cớ ấy mà đánh, chứ không sao khỏi?

- Ô! Các ông khéo lo! Ai đánh thì ta đánh với chứ sợ gì?... Nhạc đáp một cách tự nhiên. Tôi đã liệu định kỹ rồi, một khi đã hòa không bên nào có thể dở mặt làm gì được ta mà phòng sợ; rồi ra chính ta sẽ dở mặt với họ thì có. Chúng ta như anh chàng có hai cô nhân tình, làm sao chiều chuộng cả đôi, để rồi ruồng rẫy cả đôi sau khi chán chường thỏa mãn, thế mới giỏi chứ!

Đến đây, Nhạc ghé vào bên tai mấy người tướng lĩnh trọng yếu, nói nhỏ những gì không biết, liền thấy mấy người này đổi vẻ lo sợ ban nãy ra dáng tươi cười hơn hờ, và chấp tay vái Nhạc lia lịa:

- Thật là cao mưu diệu kế. Chúng tôi bái phục ngài sát đất.

Khi chư tướng cáo từ, Nhạc dặn với lại:

- Các ông có nói chuyện cho nhau nghe, phải giữ bí mật nhớ. Việc



quân quốc hệ trọng, nếu để lọt qua tai vách mạch rừng thì hỏng bét đấy!

Qua hôm nay, Nhạc gọi Trần Văn Kỳ vào, trao cho ý kiến, bảo viết một bức thư rất khôn ngoan khẩn thiết, rồi sắp đặt vàng lụa, sai Phan Văn Tuế đem ra Quảng Nam trình Hoàng Ngũ Phúc. Trong thư Nhạc xin nộp đất Quảng Nghĩa, Quy Nhơn và Phú Yên hàng chúa Trịnh và tình nguyện làm một viên tướng tiền khu, đem bản bộ binh mã đi đánh chúa Nguyễn.

Quân Trịnh vào đây, cốt đánh kẻ cừu địch là chúa Nguyễn, chứ không phải Tây Sơn, nay được Tây Sơn tự động quy thuận thì còn gì hay hơn. Nhất là Hoàng Ngũ Phúc đang có ý cướp lấy tất cả đất Gia Định của chúa Nguyễn, lại nghe tiếng anh em Nhạc là anh hùng hảo hớn; nay Nhạc xin về hàng, mà sự hàng ấy đem lại cho quân Trịnh được ba đất Quảng Nghĩa, Quy Nhơn, Phú Yên, khỏi phải mất công đánh chác gì, còn thêm binh lực Nhạc đi mở đường cho mình vào Gia Định là khác. Vậy thì thu dụng anh em Nhạc chính là một việc lợi to. Ngũ Phúc bèn làm biểu xin chúa Trịnh phong Nhạc làm chức Tiên phong tướng quân, Tây Sơn hiệu trưởng.

Trịnh Sâm trả lời bằng lòng ngay và sai người gấp đem sắc chỉ vào nam.

Ngũ Phúc tiếp được thú sắc chúa Trịnh cho tiện nghi hành sự, liền gọi người mặc khách tin dùng là Nguyễn Hữu Chỉnh, giao cho công việc đi sứ Tây Sơn, đem cờ và kiếm ấn vào, phong Nguyễn Nhạc. Một mặt truyền lệnh cho quân sĩ đóng lại ở Châu Ô, không được tiến vội.

Nhạc khéo vờ vĩnh che đậy, đến nỗi Nguyễn Hữu Chỉnh có tiếng là người thối mồm khôn ngoan, mà khi phụng mệnh đem sắc vào phong, ở Quy Nhơn trót thảng không biết gì về nội tình Tây Sơn.

Xong việc hàng Trịnh, khỏi lo đối phó mặt ngoài, Nhạc liền xoay vào mặt trong xin hàng chúa Nguyễn.

Chỉnh vừa lên đường trở về Quảng Nam, Nhạc lại sai Phan Văn Tuế đem lễ vào Phú Yên xin quy phục Tổng Phúc Hiệp.

Ông vốn là dòng dõi họ Tống ở Thanh Hóa đi theo chúa Nguyễn – Hoàng tử khi mới được phong vào trấn thủ Thuận Quảng, đời đời nối nhau làm tướng và dốc lòng trung nghĩa với họ Nguyễn. Năm trước, từ



Phú Yên vào Bình Thuận đã Tây Sơn chiếm mất, ông đứng ra phát cờ cần vương, cử hợp dân chúng đánh đuổi quân giặc, khôi phục thất địa và chống giữ ráo riết ở khoản Diên Khánh, chẹn đường Tây Sơn không cho tràn lấn vào.

Tuy nghe tin quân Trịnh đã lấy Thuận Hóa và Định vương đã bỏ ba vào Gia Định, Tống Phúc Hiệp vẫn không bỏ mặt trận Phú Yên, vì ông cho rằng giữ đây là giữ cả miền nam; vả lại trước mắt ông, Tây Sơn mới là quân cường địch gồm ghê, đáng phòng bị gắt hơn quân Trịnh.

Nay bỗng nghe có sứ Tây Sơn sai vào, thoát tiên ông lấy làm lạ, sau bất giác sinh nghi:

- Quái lạ! Mình với Tây Sơn vốn là cừu địch một sống một chết, tự nhiên nó sai sứ vào làm gì?

Ông tự vấn một mình như thế, rồi lại suy nghĩ hay là Tây Sơn đã hợp binh với Trịnh, muốn vì Trịnh du thuyết chiêu dụ ta chăng? Có lẽ việc Tây Sơn vừa mới giao thiệp với Hoàng Ngũ Phúc, ông có nghe biết tin tức ít nhiều.

Muốn tỏ ra uy lực của mình, ông dàn quân sĩ, bày binh trượng cờ quạt, cực kỳ nghiêm túc, rồi mới tiếp sứ Tây Sơn.

Vừa trông thấy mặt sứ, Phúc Hiệp mắng hỏi phủ đầu, thái độ hết sức khinh ngạo, chẳng thềm đứng dậy đón tiếp gì cả;

- Thằng độc nhớn kia! Mi vác mặt vào đây, muốn khua ba tác lưỡi làm thuyết khách cho quân giặc Tây Sơn phải không?

Ông nói và đảo mắt chung quanh dường như muốn bảo sứ Tây Sơn rằng: Mi hãy xem quân gia khí giới của ta hùng cường là thế đấy!

Phan Văn Tuế, chột mắt, người xấu, nhưng là một tay mưu sĩ của Tây Sơn, vốn tính can đảm và có khẩu tài, cứ việc ngang nhiên đi vào, liếc mắt nhìn gươm đao quân lính hai bên với dáng điệu khinh khỉnh, coi như vô vật, tiến đến tận trước mặt Phúc Hiệp, không chào không hỏi, cười gằn và nói:

- Chao ôi! Ở đời có kẻ chết đến sau lưng, mà còn đem những thứ dao mổ trâu và chọc tiết lợn ra khoe khoang, lại dám thịnh khí nạt nộ thiên hạ mới kỳ chứ!

Phúc Hiệp nóng tính như Trương Phi, nghe nói mịa mai không



chịu nổi, dùng dùng giận dữ, tuốt gươm đứng phắt lên điểm vào mặt Tuế, nói rất hung hăng:

Mi... Mi bảo ta chết đến sau lưng à? Bộ thầy trò Tây Sơn nhà mi dám vô đây nhổ được lông chân của ta thử coi!

Không giận, không kính, không đổi thần sắc, Tuế chỉ cười nụ, vừa khoát tay vừa nói, trở vào thanh gươm Phúc Hiệp đang múa men đe dọa...

Ai sợ thứ dao đàn bà bồ cau ấy thì sợ, Tuế này coi chẳng mùi vắn gì đâu!... Tướng quân có lòng tốt, làm quà cho Tuế đem về cho cháu đào giun, chơi càn hay, không thì hãy bỏ nó vào tráp trầu kia rồi sẽ nói chuyện... Phải tôi bảo tướng quân chết đến sau lưng mà không tự biết đấy!... Sự thật không phải như thế hay sao? Nếu như mấy tháng trước, Tây Sơn chúng tôi không đánh ngăn quân Trịnh ở vùng Cẩm Sa; nếu như chúng tôi không có lòng trung nghĩa với nhà chúa, mà hiệp mưu với Trịnh, mở tung đường Quảng Nghĩa Quy Nhơn cho quân Bắc Hà tràn vào, vậy thử hỏi xem hôm nay tướng quân có còn ngồi yên ở chỗ này mà hòng nạt nộ tôi và khoe võ lực với tôi hay là không?

Nghe mấy lời Tuế nói có lý, Phúc Hiệp xuôi tai đầu dụi:

- Nhưng mà nghe như vừa rồi thầy trò nhà người có giao thiệp với quân Trịnh kia mà?

Câu hỏi ấy chỉ tỏ ra Phúc Hiệp cũng khéo do thám nhất cử nhất động của Tây Sơn; giá như người khác nghe nói trúng vào tim đen của mình như thế, tất phải luống cuống, nhưng Tuế là tay ngoại giao giỏi thân nhiên đối đáp:

- Tướng quân có tai mắt để ở bên ngoài cũng khá lắm đấy, nhưng mới biết được một chưa biết được hai... Thật sự, quân Trịnh sai sứ vào chiêu hàng Tây Sơn thì có; họ ước hẹn cùng nhau chia đất chúa Nguyễn, nhưng mà chúng tôi không nghe.

- Là vì?... Phúc Hiệp ngắt lời Tuế và hỏi.

- Là vì chúng tôi nghĩa quân Trịnh là giặc, còn chúng tôi đối với chúa Nguyễn, dù sao cũng là con dân, không lẽ nào quen vua bỏ nước cha mẹ, đi cống rần cống gà nhà cho đành!

- Vậy bây giờ các ông định ra thế nào?



Phúc Hiệp đổi giọng ôn tồn, mời Tuế ngồi đàm đạo và đuổi cả giáp sĩ lui ra. Tuế thấy Phúc Hiệp trúng kế rồi, chững chặc nói:

- Chủ tướng Tây Sơn chúng tôi chỉ vì nặng lòng trung nghĩa với nhà chúa ta mà từ khước quân Trịnh, cho nên sai tôi vào đây thuyết minh lợi hại, muốn cùng tướng quân giảng hòa hợp binh, cùng nhau đánh đuổi quân Trịnh là quân giặc chung, để khôi phục Phú Xuân, dựng lại nghiệp chúa.

Phúc Hiệp chưa kịp ngỏ ý, khả phủ ra sao, Tuế đã nói tiếp, có vẻ hăm dọa bằng danh nghĩa?

- Nếu tướng quân cố chấp không nghe thì chúng tôi thế tất phải đối phó quyết liệt, kỳ cho được việc mới thôi.

- Các ông sẽ đối phó ra sao có thể nói trực tình cho tôi biết không?

- Lúc bấy giờ có lẽ chúng tôi không từ chối mượn thêm sức quân Trịnh để đánh tướng quân đến cùng. Vì tướng quân phạm tội phản bần triều đình. Vì danh chính ngôn thuận hiện nay ở phần chúng tôi.

Nghe nói mấy câu sau chót, Phúc Hiệp đỏ mặt tía tai, lại muốn sùng sộ:

- A! ông này dám nói phản bần triều đình là tôi và danh chính ngôn thuận ở phần các ông?

- Phải, sự thế xoay đổi, hiện nay việc thật là thế đấy! Tuế đáp một cách ung dung như thường. Vì sao? Vì mục đích chúng tôi khởi binh là cốt tôn phù Hoàng tôn Dương, mà Hoàng tôn Dương đã được chúa Trịnh lập làm đông cung trước khi ngài bôn ba vào Gia Định, và hiện thời đông cung đang ở trong quân Tây Sơn chúng tôi, chấp chương binh quyền. Chính vì việc lớn của Đông cung của nghiệp chúa, của nhà nước, tôi đi vào đây. Như thế rõ ràng chúng tôi có danh chính ngôn thuận, mà nếu tướng quân cự mệnh thì chẳng phải phản bần triều đình là gì?

Phúc Hiệp ngẩn người, lặng lẽ ngẫm nghĩ giây lát, gật gù và nói:

- Lời ông nói rất phải. Nhưng việc tôn phù đông cung lấy gì làm bằng chứng cho tôi trông thấy chẳng?

- Điều ấy có khó gì? Tuế đáp. Nếu tướng quân không tin thì xin mời quá hạ ra Quy Nhơn mà xem. Không thì tướng quân phái ai là người



thân tín cùng đi với tôi; tôi cần trở về phục mệnh, kéo đông cung mong đợi.

- Nếu quả như lời ông nói, thì tôi rất sẵn lòng cùng các ông cộng sự cần vương.

Tổng Phúc Hiệp nói đoạn, niềm nở cầm giữ Phan Văn Tuế ở lại một ngày, đãi đằng trọng hậu, rồi hôm sau sắm sửa phẩm vật, sai Tôn thất Chất cùng đi, tiếng là thỉnh an đông cung, nhưng có chủ ý muốn xem tình hình hư thực của Tây Sơn đã quyết định về việc bắt tay cộng sự.

Ta còn nhớ mấy tháng trước, quân Tây Sơn lập kế bắt cóc được Hoàng tôn Dương ở Câu Đê, Nhạc đưa về Hội An ít ngày; kế đến trận đánh Cẩm Sa phải thua quân Trịnh, Nhạc rút binh về Quy Nhơn, cũng đem Hoàng tôn về theo.

Về đây, cốt lợi dụng Hoàng tôn làm bung xung để thu phục nhân tâm, Nhạc khoản đãi rất long trọng: dọn một dinh thự riêng cho Hoàng tôn ở, cất một trăm tên lính túc vệ, luân phiên hầu hạ, mà thực là giám thị; lại đem con gái mình là Thọ Hương dâng làm Hoàng phi. Tóm lại, Nhạc tự xử như phận bầy tôi trung thành và đãi Hoàng tôn như bậc vua chúa vậy. Mỗi việc quân chính, Nhạc giả đồ bẩm mệnh Hoàng tôn rồi mới làm. Ai trông bề ngoài cũng phải tưởng rằng Tây Sơn thật lòng tôn phù chúa Nguyễn.

Nhạc lấy danh nghĩa Hoàng tôn đánh lừa Tổng Phúc Hiệp, tức là trá hàng chúa Nguyễn, xin làm quân tiên đội đi đánh Hoàng Ngũ Phúc, khôi phục kinh thành Phú Xuân.

Khi được tin của Phan Văn Tuế mật báo cho biết trước rằng có sứ của họ Tống sắp ra đến nơi, Nhạc xếp đặt nghi lễ tôn vương cực kỳ khéo léo, dù ai cũng phải choáng mắt tin lầm.

Dinh thự Hoàng tôn biến đổi ra một triều đình lâm thời. Cờ quạt, tàn lọng voi ngựa, lính tráng, bài trí rất mực oai nghiêm.

Hoàng tôn khăn vàng, áo vàng, ngồi chính chận trên sập kê chính giữa, phía trong có bốn chữ “Phụng thiên thảo tội” viết trên tấm vóc vàng, trước mặt có hương án để lư trầm và kiếm ấn, dấu hiệu uy quyền của Hoàng tôn. Bài ban, bên tả là Nguyễn Nhạc cùng tướng tá Tây Sơn, bên hữu là Tôn thất Chất và một viên tùy tùng.



Nhạc cung kính mở lời, đại ý tỏ lòng trung thuận của tướng sĩ Tây Sơn và xin đặt mình dưới hiệu lệnh Hoàng tôn, mong sớm thu hồi Phú Xuân, khôi phục đại nghiệp.

Tôn thất Chắt cảm động nói:

- Minh công có lòng tôn phù như thế thật là quý hóa...

- Bẩm, đạo thần tử phải vậy! Nhạc trịnh trọng đáp.

Cuộc xếp đặt tiếp đãi của Nhạc làm Chắt xiêu lòng. Sau khi Chắt trở về Phú Yên, Tổng Phúc Hiệp tin chắc Tây Sơn thực tâm hàng Nguyễn, giờ là quân một nhà, tôi một chúa với nhau rồi, không phải án binh phòng bị gì nữa.

Nếu ai đề ý, hẳn nhận thấy trong buổi chiều tiếp sức trên đây, đủ mặt tướng tá Tây Sơn đứng bài ban sau lưng Nhạc, trừ ra Xuân.

Xuân cáo ốm.

## VIII. Nguyễn Huệ chủ hôn

Tân kịch tôn vương trá hàng đã diễn xong, chiều hôm sau ở vạn thuyền Thi lại tập nập những ghe mảnh sửa soạn kéo buồm ra khơi, sau khi quan chức thủy quân Tây Sơn đã khám xét.

Trên bờ còn nhiều hành khách và đồ đạc hòm xiềng định xếp xuống ghe mà chưa xuống được; vì ghe nào cũng đầy cả rồi. Phần nhiều là thường dân muốn tránh nạn. Họ thấy quân Tây Sơn rút cả về Quy Nhơn, sợ chỗ này sẽ thành chiến địa dữ dội, cho nên muốn tìm đường tránh ra miền ngoài, hoặc vào Gia Định.

Quân Tây Sơn phòng xa vấn đề lương thực, cũng muốn bớt đi một ít miệng ăn, để mặc đàn bà trẻ con cùng những người già yếu tự tiện di cư, không hề ngăn cản duy hạng trai tráng có thể sung quân thì giữ lại. Hạng ấy đi trốn, nếu bị phát giác là xử chém ngay. Lắm kẻ phải trá hình cải trang đàn bà cho được thoát thân.

Bọn ghe mảnh tham lợi, thường có cách che chở giấu giếm hộ người ta đào thoát. Sự khám xét của thủy quân Tây Sơn tuy nghiêm mà cũng không xuê.

Chiều hôm ấy, mặt trời đã lặn, một người trai trẻ, khăn áo lượt ra



dáng học trò, đi thơ thẩn trên bờ, thăm hỏi hết thuyền nọ đến thuyền kia, dòm ngó qua tốp người này sang tốp người khác, trông như có vẻ băn khoăn, ngờ ngác muốn tìm kiếm ai hay dò dẫm một sự gì vậy.

Đưa mắt ra hiệu, mấy người người lái mạnh thăm thì bảo nhau:

- Thám tử của quân ó đi dò la người trốn chứ gì? một bác lái nói.

Các ngài còn nhớ quân ó là quân Tây Sơn.

- Không phải! Bác lái kia trả lời rần rỏi một tở ra mình thạo đời tinh mắt hơn. Không phải! Anh chàng này chắc là một người muốn đáp thuyền đi trốn đây. Quần áo trông chừng chặc lắm, ai vớ được mỗi này hắt bỏ, ... Để tôi ướm hỏi thử xem.

Nói đoạn, bác lân la đến cạnh thiếu niên, khẽ nói bên tai:

- Này, cậu nhó muốn vào Gia Định hay ra đàng ngoài?

Thiếu niên ngẩng người, làm thình.

Bác lái nói tiếp, lần này lại nói nhỏ hơn:

- Cậu cho hai lượng thôi, tôi cam đoan đưa cậu đi đến nơi, về đến chốn...

Bác nói thế nào? Thiếu niên sừng sốt hỏi.

- Vâng, tôi xin hai lượng là giá rẻ lắm đấy... Nếu cậu đi những mảnh kia, không khi nào chúng tôi dám mạo hiểm với giá như thế... Nói riêng với cậu: trong hai lượng tôi cũng phải lễ thầy đội thủy quân hết một thì mới trôi việc chứ nào tôi có được ăn cả đâu!

Thiếu niên lẳng lặng, khẽ vạch tà áo cho bác lái ta thấy miếng tín bài sơn son đeo giấu bên sườn, trên có khắc bốn năm chữ gì không biết; làm bác tái mặt hoảng hồn, chấp tay vái lạy vái đề:

- Trăm lạy quan lớn, thật là con đại đột hữu nhỡn vô châu xin quan lớn tha thứ.

Người được tôn là quan lớn vội vàng đưa tay bịt miệng bác lái và nói cằn rằn nho nhỏ, có ý trách móc:

- Im mồm đi! Ai khiến nhà anh gọi tôi là quan lớn bé ở giữa chỗ này.

- Bẩm quan! Bác lái nói nhỏ và kiếm chuyện tâng công. Nếu quan muốn tìm bắt tụi đi trốn, con xin điểm chỉ... bẩm ghe nào cũng có một vài mống, duy có ghe con là không.



Thiếu niên cau mặt nói:

- Việc ấy mặc kệ nhà các anh không bận gì đến tôi... Đằng này chỉ cốt đi tìm người, chứ không phải đi bắt ai hết.

- Quan đi tìm người?

- Ủ, bà lão ngoài sáu mươi với người con, trai tráng độ mười tám đôi mươi, mặt mũi dĩnh ngộ... Từ trưa đến giờ anh có biết hai mẹ con người ấy có đáp thuyền không, bất cứ thuyền ra hay vô, và đáp thuyền nào, mách cho tôi biết, tôi thưởng tiền cho...

- Bẩm, quan nói người con bà lão là con trai, mười tám đôi mươi?

- Phải, anh ta vạm vỡ và đẹp người.

- Ô, nếu thế thì con tưởng quan tìm đến sang năm cũng không ra!...

- Tại sao vậy? Thiếu niên hỏi dồn, tỏ ra nôn nao, sốt ruột.

- Thưa, tại họ sợ chết, có dám ra mặt đâu! Bác lái đáp. Quan xuống mà xem, cả bấy nhiêu chiếc ghe, hành khách toàn là ông già trẻ nít, không thì con gái đàn bà, chứ không có lấy một người trai tráng nào dám đường hoàng xuất đầu lộ diện... Vì quân lệnh của các quan chúa trại Tây Sơn nghiêm lắm, họ chả dám chường mặt đáp thuyền, bị bắt thì chết... Có chẳng, họ đã cải hình biến tướng, biết ai mà tìm?... Thật quả từ sáng cho đến bây giờ, con sục sạo chạy đi chạy lại, đủ hết mọi ghe, không thấy bà lão với một cậu con trai đáp ghe nào hết...

- Quái lạ! Hay là hai mẹ con đáp một chiếc ghe đã đi trước rồi?

- Không, nội nhật hôm nay chưa có chiếc nào dờn bến đâu! Hay quan thử tìm trong đám hành khách con bỏ rơi kia xem.

- À, tôi đã tìm rồi, không có.

Thiếu niên nói rồi thở dài, trong trí vẫn vơ lửng lự, không biết bây giờ mình phải lui tới thế nào, tìm đâu cho thấy người mình định tìm? Người ấy nhất định phải đi đường thủy, chứ không thể nào đi đường bộ. Nhất là trong thư để lại từ biệt, có nói đáp thuyền!

Bỗng sau lưng có tiếng người gọi dáo dạt:

- Tôi đây! Anh Diệu nè!



Thiếu niên có dáng như một thư sinh mà ban đầu bác lái mành gọi là cậu, sau bầm quan lớn, quan bé, không phải ai lạ, chính là Trần Quang Diệu một trong hàng kiện tướng Tây Sơn, chúng ta đã biết. Bốn chữ trên miếng tín bài Diệu để giấu bên trong áo, chỉ hé qua cho bác lái ta trông thấy, từ phải thay đổi lễ mạo, ấy là bốn chữ “*Tây Sơn đốc chiến*”, dấu hiệu của mỗi viên bộ tướng ông mang trong mình, theo kỷ luật riêng.

Tiếng gọi đích danh làm cho bác lái và Diệu cùng day mặt lại và cùng ngạc nhiên, có điều mỗi đằng ý nghĩ một khác.

Bác lái cung kính vái chào rồi lảng đi, miệng lẩm bầm nói lên:

- Ngõ là gì?... Hẹn hò trai gái!...

Diệu chủ tâm đi tìm người bạn trai, khi ngoảnh mặt lại thấy là người con gái mặc y phục trắng, đầu trùm khăn vuông, nhanh nhẹn tiến đến chỗ mình đứng, trong trí lấy làm sửng sốt lạ lùng, suy nghĩ hay là cô ả nào đây nhận lầm chăng. Nhưng mà làm thế nào được, cô gọi chính tên cái của mình kia mà?

Người con gái tiến đến bên, kéo khăn vuông trùm đầu xuống, nhìn Diệu mà cười, không nói năng gì, hình như muốn thử xem người đứng trước mặt có nhận ra mình không?

Diệu thoát trông, tự nhiên kêu rú lên, vừa lạ vừa mừng:

- Trời ơi! Xuân đây hử! Thế mà báo hại người ta thơ thẩn người ta đi tìm nãy giờ.

- Phải, chính nó! Thoạt tiên anh ngăn người, không nhận ra tôi phải không?

Nàng đáp và cười rữ. Chẳng cần giới thiệu, bạn đọc thừa đoán nàng tức là Bùi Thị Xuân, người giả trang nam tử đi học ông giáo Hiến ở núi Bia, rồi theo Trần Quang Diệu xuống giúp Tây Sơn, làm tướng đạo quân cung nỏ bấy lâu, nay trở lại nguyên hình.

- Khéo làm trò khi! Diệu nhăn mặt trả lời, trong trí vẫn đinh ninh Xuân là bạn trai với mình. Sao tự nhiên chú phải cải trang đàn bà, ai thoát trông chẳng phải bờ ngõ? Lúc đầu, tôi không nhận ra thật.

- Anh không hiểu vì lẽ gì ư?

- Vì lẽ gì? Diệu hỏi lại.



- Anh còn lạ gì tướng lệnh Tây Sơn đang sẵn bắt hạng tráng đinh ở lại sung quân, không cho xuất cảnh. Tôi không cải trang thế này thì đi lọt ra bề làm sao được?

- À phải, tôi quên!... Nhưng mà bỗng dưng chú đừng đừng bỏ việc quân mà đi, không nói lý do, không đến từ biệt, là nghĩa thế nào chứ?

Diệu nói vùng vằng có ý trách móc một cách nhẹ nhàng thân mật; Xuân đứng lặng giây lát, và thở dài nói:

- Đó cũng vì một lẽ riêng, chỉ có tôi biết, không tiện nói ra, anh ạ!

- Hừ, lẽ riêng?... Lẽ riêng thế nào?... Không nói với ai, chứ không nói với tôi là người đã mang ơn chú cứu mạng...

- Ô! Cần gì phải nhắc mãi câu chuyện nhỏ nhặt ấy! Xuân ngắt lời Diệu.

- Sao lại không nhắc? Diệu cần nhằn đáp. Nhắc lại để tỏ ra tôi với chú là bạn sinh tử quan hệ; nhất là chúng ta đã kết nghĩa anh em, lẽ riêng của chú không cho ai biết đã đành, há không nói thật với tôi được ư?

Xuân tần ngần chưa kịp nói gì, Diệu đã nói tiếp:

- Thật thế, chú đừng đừng bỏ việc quân mà đi thế này, làm cho tôi khó chịu đáo đẽ; vì tôi đã đưa chú ở núi Bia xuống, tôi đã tiễn cử chú... Người ta đang trọng dụng mình thế, sao tự dưng lại bỏ đi?... Sự đi hay ở của chú tôi đã chịu phần trách nhiệm không phải là nhỏ. Chú nên biết giữa lúc binh đao biến loạn này, người ta có thể dùng đại quyền trong tay, sai một vài toán lính đi đuổi theo lưng bắt chú, buộc cho vào tội đi theo địch quốc thì còn ra thế nào?...

- Anh nói chớ quá! Xuân cười gằn và nói, Tây Sơn đã hàng phục cả Trịnh lẫn Nguyễn, vậy thì còn địch quốc nào mà buộc tôi vào tội đi theo địch quốc được chứ?

Diệu vỗ vai bạn, trả lời:

- Ấy là tôi nói ví dụ mà nghe. Vả lại cũng chính là sự thật... Chẳng qua chú còn trẻ tuổi, không hiểu hết việc đời. Một khi người ta muốn gia tội cho nhau, có thiếu gì cách?... Trưa hôm nay, lúc được tin báo và thấy thư chú để lại từ biệt, ông Tiết chế định dùng quân lệnh cho đi nã tróc chú; nhưng tôi nhờ ông Huệ nói giùm, để tôi xin lĩnh trách nhiệm đi tìm chú đem chú trở về, không thì cũng được biết rõ chú bỏ đi tại vì



lẽ chính đáng gì? Tôi học tốc đến trại chú ở, thấy quanh hiu vắng vẻ, trước sau nào thấy bóng người, thì ra chú đã gói hành lý và đem bà lão mẫu lên đường từ hồi nào rồi... Tôi liệu định rằng chú muốn đi đâu, ra đàng ngoài hay vào đàng trong, đều bất tiện đi bộ, tất là đi đường thủy, cho nên tôi mò đến vạn thuyền này... May quá, gặp chú. Bây giờ thì tôi không để chú đi...

- Anh muốn bắt em chứ gì? Đây em xin vui lòng chịu trời! Xuân nói và chụm hai cổ tay đưa trước mặt Diệu, cử chỉ ấy như thay cả câu nói: Đây, anh định bắt em giải về cho Tây Sơn thì trời em đi.

Diệu trừng mắt:

- Không, tôi không bắt chú! Cơ khổ, sao chú lại tưởng cho tôi cái ý nghĩ quái gở như thế?... Cũng không khi nào tôi đồ cho ai bắt được chú nữa kia!

- Thế thì anh muốn cản trở, không cho tôi đi chứ gì?

- Cũng không! Ai có chí nấy, cản trở nhau làm sao được? Có điều anh em ta một ngày là nghĩa, tôi không muốn để chú đi một cách vô tình...

Diệu nói và trông ra bên hỏi Xuân.

- Hắn chú đáp thuyền rồi?

- Vâng, từ lúc nãy! Xuân đáp.

- Chiếc nào đâu?

- Anh cứ đếm từ tay phải qua tay trái, chiếc đồ hàng thứ năm, Xuân trở tay ra vạn thuyền và nói.

- Bà cụ ta cũng xuống thuyền rồi, hay còn đi đâu?

Diệu hỏi “bà cụ ta”, tức là trở vào mộ Tri, người quản gia trung tín của nhà họ Bùi mà Xuân vẫn nhận là mẹ trong mấy năm nay. Diệu chưa biết rõ tung tích, yên trí mộ Tri là thân mẫu của bạn thật.

Xuân nhanh nhẩu đáp:

- Má tôi vẫn ngồi ôm gói hành lý dưới thuyền nãy giờ, chứ có đi đâu. Chính tôi, từ hồi xuống thuyền cũng ngồi giữ chỗ, không muốn thò chân lên bờ. Nhưng ban nãy dòm qua cửa sổ, trông thấy bóng anh đi lại tìm kiếm, thăm hỏi, tôi nghĩ không đành lòng ẩn mặt, cho nên mới bước lên đây.



- Thế à? Nếu không thì chú đi thẳng, không đoái hoài đến người bạn kết nghĩa kia đây! Diệu vừa nói vừa cười. Nhưng mà thôi, không nói chuyện phiếm nữa. Tôi hỏi thuyền chú bao giờ ra khơi?

- Khuya nay họ mới nhổ neo, vì còn đợi nước; Xuân nói.

- Vậy thì bây giờ chú dẫn tôi xuống thuyền, mau lên!

- Anh xuống làm gì?

- Tôi đã nói không để chú đi một cách vô tình... Giờ ta xuống thuyền để tôi mời bà cụ, và xin phép cụ cho chú ở chơi trên bờ với tôi một chốc... Anh em ta dắt nhau vào quán rượu trong chợ kia, cùng uống một vài chén làm vui, nhân tiện nói chuyện. Nếu những lời tôi sẽ nói có thể lọt tai chứ, thì chén rượu ấy để lưu chú ở lại; bằng không thì nó là chén rượu anh em từ biệt, để tiễn chú đi.

Nói đoạn, Diệu lôi kéo Xuân chạy xuống thuyền, năn nỉ cho bằng được mụ Tri đem cả hành lý lên bờ, rồi ba người cùng vào trong chợ gần đấy, tìm một quán rượu vắng vẻ làm nơi ăn uống, đàm đạo.

Trời đã xẩm tối.

Diệu gọi chủ quán lấy rượu và dọn riêng ở một chái nhà, cách biệt tai mắt khách hàng. Mụ Tri từ chối còn no, lảng đi chuyện trò với vợ con chủ quán, để mặc hai người đối diện đàm tâm.

Nhà hàng lấy cá bẻ còn tươi vừa ở chài lưới đem lên hồi chiều, xào nấu mấy món giai vị để bán cho khách. Họ bảo nhau bọn này chắc là một gia đình khá giả, muốn tìm đường tị nạn, nhưng ghe nào cũng chật chỗ cả rồi; nhất là vì anh chồng còn trẻ thế kia mà định đi công nhiên, cho nên không tìm được ghe dám chứa. Cũng như bác lái kia lúc ban đầu, chủ quán định bụng chốc nữa sẽ thừa cơ dò la tình ý rồi bày mưu mách mồi cho khách để kiếm tiền. Người vợ chủ quán muốn tỏ ra mình cao đoán hơn, nói nhỏ với chồng và mấy người đang ngồi gật gù đánh chén ở đầu ghé rằng: cô thiếu nữ với bà lão mới thật là khách sắp sửa đáp thuyền, còn anh chàng nọ xem ý như là nhân tình, đi theo để tình tự tiễn biệt đây thôi. Mụ kết luận bên tai chồng:

- Tôi đoán thế không sai đâu, mình ạ! Chứ thời buổi này ai còn lạ gì... không lẽ một anh trai tráng, thế kia lại toan sờ sờ đáp thuyền ra đi, thì có mà khốn! Nhưng xem chừng hồ bao anh chàng no lắm, ba nó cứ việc dọn mâm rượu cho thật phủ phê vào, tha hồ tính tiền.



Mấy ông khách đầu ghé kiếm lời phỉnh khéo mụ quán, mong đến nậm rượu sau được mụ đong cho đầy đặn hơn:

- Chị ấy có mắt tinh đời thật, chúng tôi xin chịu. Phải, anh cứ việc thịnh soạn cho người ta mà tính tiền. Món bở này không đào thì uống mất...

Nhưng chúng nhân đoán sai tán nhảm tất cả. Diệu với Xuân vào quán, không phải trai gái tìm chỗ tự tình, tiễn biệt, mà chỉ cốt lấy nơi nói chuyện anh hùng, bàn việc thời thế.

Hai người ngồi đối diện trên bục, bên cạnh hai tô trà Huế nóng sôt mà mụ chủ quán mới bung vô cho khách giải khát trong khi chờ đợi làm cơm. Diệu lấy trong bọc ra gói thuốc lá Cẩm lệ và giấy quỳn, mời bạn hút, nói rằng độ họ đánh trận với quân Trịnh ở vùng Cẩm sa, đã thừa dịp mua được ít bó thuốc lá giai phẩm này đem về làm kỷ niệm, gặp bạn chí thân mới đem ra thết đãi.

Xuân ngượng nghịu chối từ, lấy có mình khản cổ.

Trước khi bước vào chính đề, Diệu ngắt nhỏ vào cánh tay Xuân, đưa mắt ra ngoài chõng hàng và nói:

- Chú xem mấy thằng cha ngồi đầu chõ ở ngoài kia chỉ trỏ xầm xì với nhau, chuyện gì thế, rồi đồ chú biết?

- Thường tình họ thấy khách lạ thì dòm dòm chứ gì? Xuân đáp.

- Không phải! Họ xầm xì ra điều anh em chúng ta là cặp trai gái tự tình với nhau đấy, vì chú cải trang thiếu nữ trông giống hệt và xinh đẹp lắm cơ. Mắt họ gà mờ, có biết đâu trong bộ tịch yếm khăn này, kỳ thật là một thiếu niên tráng sĩ...

Xuân cười thâm và nghĩ riêng trong trí:

- “Tội nghiệp nhỉ! Họ dễ thường không phải gà mờ, chính anh gà mờ thì có. Người con gái ngồi trước mắt sờ sờ mà vẫn không biết!” Xuân nghĩ bụng thế rồi thân nhiên nói:

- Họ nói gì mặc họ! Anh là trượng phu tráng sĩ mà còn bận lòng về mấy chuyện tiểu tiết thế ư?... Mà dù chúng ta chính thật trai gái ngồi nói chuyện với nhau đây thì có làm sao, anh nhỉ?

- Ấy chết! Chú này nghĩ lẫn thân... Ví dụ trong bọn kia có người nhìn nhận ra tung tích tôi là Trần Quang Diệu, rồi họ ngồi lê đôi mách,



đồn nhau rằng hôm ấy, hôm nọ thấy Trần Quang Diệu đem gái vào một quán cơm chuyện trò chú thử tính xem còn gì là danh tiếng của tôi chứ?

Xuân biến sắc, đứng dậy:

- Nếu vậy, thì để tôi đi cho anh khỏi mang tiếng; tôi còn ngồi đây làm gì?

- Không, không, với chú lại là chuyện khác! Diệu cười nói và kéo tay bạn ngồi xuống. Tôi mất công đi tìm mãi mới bắt được chú, bây giờ phải hỏi cho ra lẽ, tại sao đang tự nhiên chú bỏ Tây Sơn mà đi? Nếu như cái lý chú phải thì tôi đi theo chú, vì chúng ta là bạn kết nghĩa, sống chết đi ở có nhau, ví bằng cái lý của tôi phải, thì tôi kéo áo chú trở về, chứ không khi nào tôi để chú đi một mình đâu!

Lúc ấy, chủ quán bung mâm rượu vào, chào mời nịnh nọt rồi lui ra. Diệu toan đứng lên, đi mời mụ Tri vào ăn một thể, nhưng Xuân can lại:

- Thôi, tính bà cụ nhà tôi không chịu ngồi ăn chung thể đâu. Anh cứ để mặc bà tự do.

Bên ngoài, đối với Tây Sơn, mụ Tri đóng vai làm mẹ Xuân, nhưng bề trong vẫn giữ lễ chủ bộc, cho nên mụ đã kiếm cớ đi vắng vào trong xóm để tránh mặt.

Quả thật, Diệu với Xuân không cốt gì ăn uống; sau khi nhấp môi vài chén rượu gọi là, Diệu trịnh trọng nói:

- Chú Xuân ạ! Con người ta ở đời, có chí khí và bản lĩnh như hạng chú với tôi, nếu không muốn lập công danh sự nghiệp gì thì khỏi phải nói; ta cứ tìm lấy một chỗ ở ẩn, tự lực cày ruộng mà ăn, trồng vườn mà sống là xong. Trái lại, nếu ta có chí lập công danh sự nghiệp với đời, thì cuộc cách mạng của Tây Sơn thật đáng cho ta đem tài năng ra theo đuổi, giúp đỡ, cộng sự. Vì thế, tôi mới đem chú từ Thạch Bi Sơn xuống mà tiến dẫn nhập đoàn. Bấy lâu, người ta đã đãi chú không bạc và anh em đồng sự đều có lòng mến yêu, vậy thì chú nên tự cho mình là gặp thời đắc sở lắm mới phải!... Thế mà bỗng dưng chú dửng dưng phui áo đứng dậy, chẳng nói năng gì, lẳng lặng bỏ đi như tuồng trốn tránh là nghĩa làm sao?

Xuân ngồi cúi mặt thở dài, không nói gì cả.



Diệu nói tiếp với giọng ân cần năn nỉ:

- Ủ, tại làm sao tự nhiên chú bỏ đi chứ? Người ta có bạc đãi chẳng? Không! Anh em đồng sự có lỗi gì với chú chẳng? Cũng không! Nhưng chú đành dứt áo ra đi thế này, tất có một lẽ gì? Cái lẽ ấy, chú muốn giấu thiên hạ, nhưng nỡ lòng nào lại giấu tôi là người chú đã cứu mạng, là người đã cùng chú kết bạn tâm giao? Phải, không lẽ chú đi giấu tôi, vậy tôi van lơn chú phải nói thật cho tôi biết. Trước hết, tôi xin hỏi chú đi đây là có mục đích gì và định đi đâu?

- Tôi định ra Huế theo Hoàng Ngũ Phúc, anh ạ! Xuân trả lời đột ngột, như tất cả nỗi hơi phần uất trong lòng tự dung bùng lên.

- Chú muốn đi theo quân Trịnh? Diệu trở mặt hỏi lại.

- Phải, tôi muốn thế! Xuân đáp rất thản nhiên.

- Nhưng để làm gì?

- Để lập công trạng cho họ rồi nhân đấy xin họ ban thưởng cho mình...

- À, đeo ấn phong hầu, truy tặng tổ phụ? Diệu đỡ lời bạn và hỏi.

- Không phải thế? Xuân lắc đầu nói. Tôi có ham mê gì những cái hư vinh.

- Thế thì chú muốn được ban thưởng gì? Cái phần thưởng chú muốn có ở quân Trịnh hẳn không thể mong được với Tây Sơn, cho nên mới bỏ chỗ này mà đi?

- Anh nói đúng. Chỉ có quân Trịnh mới cho tôi đạt cái sở nguyện ấy được.

-Ồ, sở nguyện gì mà lạ lùng khó khăn lắm thế, chú nói tôi nghe nào?

- Không, không lạ lùng khó khăn gì cả. Cái sở nguyện ấy là chính tay tôi được cầm dao chém đầu thằng gian thần Trương Phúc Loan; vì nó đã bị quân Trịnh cầm tù, thì chỉ có quân Trịnh có quyền cho tôi làm theo điều ước muốn.

Diệu nhìn Xuân và cười ngất, mặc dầu trong trí rất kinh ngạc vì nghe mấy câu Xuân vừa trả lời

Xuân thấy bạn cười, lấy làm khó chịu, cau mặt hỏi cách gay gắt:



- Anh cười... Hẳn anh cười sở nguyện của tôi là tầm thường, nhỏ mọn?

- Không phải thế đâu, chú đừng nghĩ lắm! Diệu nín cười đáp. Tôi hiểu có chuyện oan gia cừu hận thế nào, cho nên chú cũng như nhiều người, muốn cho thằng gian thần Phúc Loan phải chết; nhưng tôi buồn cười chú bây giờ còn muốn được chính tay chặt đầu nó cho được hả giận.

- Tại sao lại không như thế được, hả anh? Xuân hỏi lại hơi vẻ sùng sộ kín đáo.

- Chú không biết thật à? Tại thằng Phúc Loan đã chết quách rồi, còn đâu!

- Anh nói thật hay bỡn?

- Tôi nói thật.

- Nghĩa là quân Trịnh đã xử trảm nó rồi? Nhưng tôi nghe nói Phúc Loan đã đem cả gia tài đốt lột đổi mạng kia mà!

- Quân Trịnh chưa xử trảm Phúc Loan, nhưng Phúc Loan đã chết. Chú muốn báo thù chỉ còn có cách tìm đến chỗ chôn nó mà đào mả đánh thây, như cách Ngũ Tử Tư báo thù Sở Bình vương ngày xưa. Mả nó nghe đâu ở chặng Quảng Bình ấy, vì Hoàng Ngũ Phúc cho giải ra Thăng Long để xét án, khi đến Quảng Bình thì Phúc Loan mang bệnh chết tại đó...

Xuân tái mặt, đứng lặng cả người, tay buông đĩa bát, thở dài:

- Thế ra trời không cho tôi kịp giết thằng khốn nạn ấy để báo thù cho cha, trọn lời thề với mẹ, hử trời!

Rồi nhanh như biến, trong trí Xuân suy nghĩ và quyết định không cần phải giấu giếm chân tướng với tâm sự nữa, cho nên chẳng để Diệu kịp hỏi lại câu nào, Xuân đã đồng dục nói tiếp:

- Anh Diệu ơi! Em có một câu chuyện riêng, bấy lâu vẫn giấu cả anh và mọi người, bây giờ sắp sửa biệt ly, mà có lẽ là vĩnh quyết, vậy em xin nói thật, anh tha lỗi?

- Được, chú cứ việc nói! Diệu uống cạn chén rượu và gật gù trả lời. Chú với tôi tuy là anh em kết nghĩa, nhưng tình thân như cốt nhục, còn có việc gì quan ngại. Tôi đã bảo nếu như cái lý của chú phải thì tôi cũng xin bỏ Tây Sơn, để cùng đi với chú kia mà!



- Trước hết từ giây phút này, anh không được gọi em là chú nữa nghe! Xuân mỉm cười nói.

- Sao... Sao thế? Diệu quắc mắt hỏi lại, đầy vẻ sừng sốt.

- Vì, chính thật em là con gái, anh ạ! Giờ này, với y phục này mới thật là bản tướng em... Bấy lâu em trá hình nam tử, chỉ để che mắt thế gian, nhiều khi vẫn muốn nói thật với anh, mà chưa có dịp.

Không sao tỏ hết được thần thái và tâm trạng Diệu trong giây phút vừa ngạc nhiên này. Chàng tê mê ngơ ngẩn cả người, đến nỗi muốn nói mà chưa biết nói thế nào cho đúng với trường hợp lạ lùng, ngoài hẳn tưởng tượng. Miệng chàng chỉ lẩm rầm những tiếng “Thảo nào! Thảo nào!”, trong khi cặp mắt tinh anh và nẩy lửa kinh dị, nhìn sững người ngồi đối mặt.

Xuân cười và nói:

- Anh còn lạ mặt em lắm sao mà nhìn dữ thế?... Để em kể hết câu chuyện cho anh nghe!

Rồi thì với giọng chậm rãi dịu dàng, Xuân đem chuyện thân thế mình: con cái nhà ai? đối với Trương Phúc Loan có mối thù giết cha làm sao? Trước khi bà mẹ nhắm mắt, mình đã thề nguyện cầm dao chém đất thế nào? Giả trai lặn mò vào núi Bia học võ nghệ ông giáo Hiến là có lập chí gì? Nhất nhất kể rõ cho Diệu nghe, không dấu tí nào.

Không đè nén được lòng bi thương, cảm khái, nàng – ta nên trả lại tiếng xưng hô ấy cho Xuân từ đây – khóc tẩm tức và kết thúc với ý quyết định:

- Đây, anh coi em đã lỗi mất lời thề thứ nhất đối với vong linh ba má em rồi!... Giờ còn có cách gì hơn là bắt chước Ngũ Viên ngày xưa là trả thù Sở Bình vương, như anh đã nói ban nãy, em phải làm sao đến chỗ chôn Phúc Loan, đào mả nó lên, đánh vào thây ma nó ít hèo, thì mới chuộc được lời thề, hả được lòng giận... Anh ơi! Cái thù cha mẹ chất nặng trong tâm hồn em từ mấy năm nay, không giây phút nào quên... Em không có anh trên em dưới nào mà hòng đổ trút công việc báo thù, tuyệt hận ấy cho ai!... Thế thì phen này em muốn ra theo Trịnh lại càng là đắc sách, anh thử nghĩ xem!

Diệu vội vàng trụt xuống dưới đất, chấp tay vái nàng lia lịa và trịnh trọng nói:



- Cô thật là Mộc Lan đời nay: tôi xin chấp tay vái cô để tỏ lòng kính mộ một bậc hiền nữ anh thư mà bấy lâu tôi có mắt không thấy.

Nàng then thùng luống cuống, gạt tay Diệu và kéo chàng ngồi xuống:

- Trời ơi! Anh chớ làm quá thế! Cho thiên hạ dòm ngó dị nghị chúng ta! Em đã thật tình nói rõ chân tướng và tâm sự cho anh biết rồi, giờ em van anh không được gọi em là cô đấy. Anh cứ coi em như đứa em út mà gọi bằng em, không thì em xuống thuyền ngay bây giờ, không nói chuyện nữa.

- Vâng, cô cho phép thì tôi xin gọi là em! Diệu thông thả đáp, đổi vẻ mặt thân thiết bả lả ban nãy ra mạo kính cần. Thảo nào... Thảo nào từ trước ông Huệ vẫn ngỡ ngợ em là đàn bà cải trang, té ra em là đàn bà thật. Lập chí của em đáng kính đáng phục quá. Nhưng tôi thành thật nói với em rằng: em muốn đầu Trịnh để theo đuổi chí hướng phục thù, rõ là thất sách, chả khác gì muốn bắt cá mà trèo lên cây cao. Em nghĩ sao lại có tư tưởng trái ngược thế không biết.

- Anh nói lạ! Hiện nay Trịnh ở Bắc Hà không phải hùng cường bậc nhất đấy ư? Chúng cứ rành rành là họ đánh có một trận mà hạ được kinh đô chúa Nguyễn dễ dàng như trở bàn tay. Em muốn toại chí phục thù, không nương bóng họ thì còn trông vào ai được bây giờ?

- Ấy chết! Thế là em định trèo cây tìm cá đấy.

- Vậy thì anh bảo em phải làm sao cho được toại chí?... Dù sao em cũng là đàn bà còn trẻ người non dạ, nghĩ chưa rộng, lo chưa xa, anh cứ thật tâm chỉ dẫn hộ em.

- Muốn được toại chí, em không phải đi đâu cả, cứ việc ở lại đây.

- Với Tây Sơn?

- Phải, với Tây Sơn. Em nên biết nhất trị, nhất loạn, nhất hưng, nhất suy, lẽ trời cuộc đời xưa nay tuần hoàn đáp đối vẫn thế. Cổ lai không có ngôi vua nào, thế nước nào được vững bền thịnh trị mãi mãi. Phàm kẻ có thiên hạ, hễ trị quá thì kiêu, kiêu quá thì đầy, đầy quá thì đổ, là lẽ tự nhiên. Họ Trịnh xứ Bắc cũng như chúa Nguyễn trong ta, hưởng mãi thịnh trị và sinh ra kiêu mãn lắm rồi, bây giờ đến lúc dân tâm ngánh mặt, thiên vận đổi thay; cuộc thắng của họ chẳng qua như ngọn đèn hết



dầu, phùng lên một cái đê rồi tắt rụi đấy thôi. Chúng ta cứ xem dân tâm nhân sự đủ đoán thiên vận sắp sửa đổi đời. Lâu nay dân tình lưu ly khổ sở ra sao, chẳng nói thì em cũng rõ. Đời này chính là đời loạn, dân khổ trăm đường, ai nấy đều mong được thay tay đổi mặt làm chủ, để cho sự sống của họ sửa lại khác hơn, dễ chịu hơn. Thế là cải thiên mệnh lẫn nhân tâm cùng muốn từ giã hai họ Trịnh Nguyễn...

- Để chuyển sang họ Tây Sơn ư? Xuân ngắt lời Diệu và hỏi lại, dường như có ý ngờ vực.

- Chứ lại còn ai! Diệu trả lời một cách rắn rỏi, tỏ hết lòng tin. Gặp đời loạn lạc thế này, phàm người anh hùng hào kiệt đều muốn nói tuốt gươm đứng dậy, ra tay sửa lại cuộc đời, dựng lên đại nghiệp. Vì thiên hạ là của công ai có tài dẹp loạn yên dân thì người ấy làm chủ. Xưa nay làm nên việc lớn trong thiên hạ, bởi tay những hạng quần manh áo vải thiếu gì? Theo con mắt tôi nhận xét, mà tôi tự tin rằng nhận xét đúng, anh em Tây Sơn trại chủ tức là hạng anh hùng ứng vận ra đời, thế nào họ cũng lập thành đại nghiệp. Hễ tôi đoán sai, thì cho em khoét mắt cắt lưỡi tôi đi.

... Bởi vậy, tôi thế, mà em cũng thế, dù là trai gái, chúng ta đều có nhiệm vụ đóng góp với cuộc đời, chẳng gì chúng ta cũng có ít nhiều tâm huyết, ít nhiều tài nghệ, cần phải xem xét việc đời và cân nhắc sự cử động mình cho đúng, chim khôn tìm cây mà đỗ chân, người hiền tìm chủ mà giúp đỡ, chớ nên tháo thứ mà đi lạc nẻo lầm đường, mang tiếng con người bất trí, rồi ra hối hận không kịp. Ví như em đừng đừng bỏ đi, tính ra đầu Trịnh đó. Tôi xin khuyên em phải ở lại đây, đừng đi đâu hết.

Những lời biện luận xác đáng của Diệu chưa đủ làm cho Xuân phải chiết phục; nàng cười gằn và nói với giọng rất khó chịu:

- Tiền thân ông anh tôi dễ thường là Trương Nghị, Tô Tần! Anh khéo bênh vực tâng bốc anh em họ Tây Sơn như trời!...Họ có đại chí tranh vương đồ bá ở đời, thế sao lại khuất thân hàng Trịnh, nhận lấy cái chức Tây Sơn hiệu trưởng làm vinh?... Đã hàng Trịnh thì thôi, lại còn hàng Nguyễn nữa chớ! Thú thật với ông anh; tấn kịch tôn phù diễn ra ngày hôm qua, khiến em là đàn bà cũng thấy sượng sùng hết sức. Vì thế mà em phải cáo bệnh, không dám thò mặt ra bài ban hành lễ, chứ có đau ốm gì đâu. Cũng vì thế mà em phải tính nước cao chạy xa bay cho mau, nếu ở lại thì em lổi đến lời thề thứ nhì của em nữa.



Đến đây, Diệu mới hiểu rõ nguyên do bí ẩn đã xui khiến Xuân bỏ Tây Sơn ra đi thế này; chàng cau mặt, nói như rên rỉ:

Chết nổi! Em rõ lắm to!

- Trời đất ơi! Việc rành rành giữa thập mục sở tại như vậy, mà anh còn bảo rằng em lầm ư?

- Phải, em lầm! Điều lầm của em to hơn cái đình. Con người ta trông thấy núi Thái sơn mà không nhìn rõ mây lông bay qua trước mắt là chuyện thế đấy.

Đoạn, Diệu kiễng mình, ghé vào bên tai nàng nói nho nhỏ, phòng sợ có ai rình rập nghe trộm:

- Này, việc quân cơ bí mật, tôi nói riêng cho em biết để tổng khứ ngay sự hiểu lầm trong trí em đi nhớ!... Tây Sơn hàng Trịnh cũng như hàng Nguyễn chỉ là trá hàng, cũng như em đã trá hình ấy mà!

Nàng băng khuâng như ngủ say mới tỉnh, hỏi lấy hỏi đề:

- Thật thế ư?... Thật thế ư?...

- Phải, thật thế đấy! Diệu đáp. Con hổ trước khi muốn đánh, vẫn co mình lại để lấy đà mà phóng cho xa, vỗ cho mạnh, em còn lạ gì? Anh em Tây Sơn chính là con cọp ấy. Họ không phải hạng người chịu cúi đầu làm thần bộc Nguyễn hay Trịnh đâu... Bữa trước, hàng Trịnh chỉ vì binh cơ bắt buộc, không thể không yên; hôm qua bày trò Hoàng Tôn Dương, chẳng qua là một kỳ kế cho được tạm thời lung lạc nhân tâm, để từ đó lương sách đó thôi. Duy có ai nghĩ nông nổi mới tưởng là họ thất thế hàng thật... Rồi họ xoay ra phá Trịnh, đánh Nguyễn cho mà xem. Cái ngày ấy không xa, chúng ta nên tin chắc như thế. Tôi xem trong anh em họ, nhất là Nguyễn Huệ, anh hùng, khoáng đạt, thao lược hơn người; sở chí ông ta rất to tướng lại không biết đâu mà hạn lượng... Việc phục thù em muốn, có thể ỷ thác các ông mà sẽ được như nguyện chắc chắn... Nhiều người mong mỗi tri ngộ như chúng ta còn không được thay; em đang ở trên cao gió mát, lại muốn tuột xuống, chui vào hang tối, chẳng phải là người bất trí lắm ư?

Một thiên thần, thuyết lợi hại của Diệu, vừa minh bạch vừa chân thành lay động Xuân tỉnh hẳn giấc mê, bất giác bẽn lễn hỏi hận, mạnh bạo nhận lỗi mình nhất thời suy xét nông nổi:



- Chết chưa! Không có ngọn đèn cao minh của anh chỉ dẫn, tí nữa em bỏ đường quang âm quang vào bụi rậm còn gì!

Diệu cười, chăm chú nhìn vẻ mặt nàng bên lén hồi hận, càng tôn thêm nhan sắc ngây thơ, thùy mị. Trong trí chàng khắp khởi âm thầm những cảm giác từ kính đến yêu, từ yêu đến muốn. Chàng chợt nhớ lời cụ Giáo Hiến đã tiên đoán mình năm nay sẽ thấy lá thắm đề thơ, chỉ hồng buộc căng, mà vợ cũng là tay anh hùng, vậy thì hẳn ứng vào Xuân chứ còn ai?

Hai người như có giây thần ràng buộc, tương cảm tương thông; chính lúc ấy Xuân cũng ước mong cùng Diệu sống làm chim liền cánh, thác làm cây liền cành; được người bạn chung thân là Diệu; chẳng những nàng sung sướng vô cùng, mà cũng không lỗi với lời thứ ba trước khi bà mẹ nhắm mắt.

- Bây giờ em tính thế nào? Diệu hỏi với tất cả tình tứ ân cần.

- Còn gì nữa, anh chỉ bảo thế nào là phải, em xin vâng thế! Nàng dịu dàng đáp, tỏ ý phục tùng.

- Quân tử nhất ngôn. Ban nãy tôi đã nói rồi: hễ cái lý em phải thì tôi nguyện cùng em cùng bỏ Tây Sơn; trái lại, nếu cái lý tôi phải, thì em cùng tôi trở về. Thế em có nhận cái lý tôi phải hay không?

- Em chịu cái lý anh phải. Bây giờ vác mặt trở về xem ra khó coi thế nào ấy, anh ạ!

- Cơ khổ! Em không hiểu ông Huệ có lòng yêu mến tài em ra sao đấy... Lúc được tin báo rằng em bí mật bỏ trại ra đi, ông chẳng lộ thanh sắc với ai, chỉ gọi riêng anh đến và bảo: Anh Diệu, tôi ủy thác anh đi theo dõi Phùng Xuân, dỗ khéo hẳn ta trở về đây? Con người niên thiếu hữu tài ấy, ta chớ nên để cho qua tay địch quốc, hay là có điều gì bất đắc chí mà phải mai một thân danh!" Đấy, em xem ông Huệ đối với em có thiện cảm đến như thế, huống chi bây giờ thêm biết rõ bản tướng và tâm sự em, hẳn ông là người có độ lượng rộng rãi, còn quý mến em hơn nữa... Em cứ trở về, đừng ngại.

- Vâng, em xin theo anh!

Nàng nói đoạn đứng phắt dậy, gọi mụ Tri xuống thuyền lấy hành lý, rồi cùng Diệu trở về Quy Nhơn.

\*



Liên sáng hôm sau, Diệu cùng đi với Xuân đến đại trại Nguyễn Huệ, để một người thì phục mệnh, một người thì ra mắt với bộ y phục mới lạ. Cả hai vẫn là bộ tướng trực thuộc dưới quyền Huệ chỉ huy, như ta đã biết.

Huệ vừa ở giáo trường về, lưng còn đeo kiếm, ngồi một mình ở chái đông đang mài cạm cùi nhìn bức họa đồ hành binh trải rộng trên mặt án thư, cốt xem hình thế sơn xuyên và đường xá từ khoảng Hải Vân quan ra đến kinh đô Phú Xuân, phòng nay mai lâm thời dụng binh cho được thông thuộc.

Sử dụng tâm ấy cho ta thấy rõ lời Diệu xét đoán rất trúng: anh em lập chí bay nhảy cao xa, chứ không khi nào chịu cúi đầu làm thần bộc Trịnh Nguyễn.

Lúc nghe tiếng động sau lưng có người tới, Huệ ngảnh lại chỉ vừa kịp trông thấy bóng Diệu, rồi lại để mắt vào họa đồ mà vừa nói chuyện, không lưu ý sau lưng Diệu còn có một cô thiếu nữ đứng khuất.

- Thế nào, anh Diệu? Anh không tìm ra tung tích Bùi Phùng Xuân mà đổ hấn trở về ư?

- Bẩm, tôi...

Diệu vừa thốt ra được hai tiếng đã bị Huệ đỡ mất lời. Thiên tính Huệ nói năng rất nhanh nhẹn, mau mắn, thường khi nói chuyện với đôi ba người, mà mình Huệ đỡ bên này, chặn bên kia, một mình nói gần hết cả buổi; người đối thoại nhanh lắm mới xen được một hai câu. Huệ lại thông minh khác thường; nhiều khi đồng thời cả trí, cả miệng, cả mắt, mà mỗi đằng một việc, đằng nào phân minh đằng ấy, không hề lộn xộn. Tức như lúc này miệng hỏi chuyện Diệu nhưng mắt cứ để vào địa đồ, trí cứ suy nghĩ quân cơ chiến lược. Có điều lúc nào cũng như người tiếc thời giờ, bận trí khôn, chỉ thích nghe nhanh, nói nhanh, đến nỗi Diệu mới chầm rãi thưa thốt được hai tiếng, Huệ đã cướp lời và nói tiếp lia lịa, vì tưởng Diệu nói thông thả dường như áp ứng thế ấy, là dấu tỏ công việc bất thành rồi:

- Thôi, tôi hiểu rồi! Chắc hấn đã mau chân tẩu thoát trước khi tôi bảo anh đi tìm chứ gì!

Rồi Huệ lại tiếp ngay:



- Con người tuổi trẻ có tài ấy đi mất, tôi lấy làm tiếc, anh nghĩ thế nào?

- Thưa, tôi cũng nghĩ đáng tiếc, Diệu trả lời xuôi xị cho qua chuyện.

- Tài thiện xạ của hấn đã có công lao với chúng ta rất nhiều, anh có nhớ không?

- Vâng, tôi nhớ lắm!

- Giá tí hôm ở Thạch Bi sơn, anh không gặp được hấn thì chẳng còn đời?

- Quả thế!

- Ví dụ trận đánh ở Bản tân, chính tay hấn đã cắm mũi tên nhíp ba vào cổ bọn Đỗ Văn Hoảng, chứ còn ai?

- Sự ấy thật có.

- Lại còn trận đánh với quân Trịnh ở Cẩm Sa, không có hấn đem đội thiện xạ đi đoạn hậu rất táo gan đặc lực, thì hôm ấy binh nhà còn phải tổn hại nhiều?

- Vâng, ngài dạy chí phải!

- Một người thiện xạ như vậy, không ở lại giúp sức với chúng ta lúc này, thật uổng biết mấy!... Tôi định một mai đánh đuổi quân Trịnh mà phục sẵn vài ba nghìn tay cung ở chỗ này thì chúng nó phải chết như rạ, mấy thằng Quận Việp cũng chẳng còn hồn! Đây... Đây nè, anh lại gần, tôi chỉ cho mà xem!

Huệ nói và trở tay vào khoảng Lãng Cô ở trên địa đồ.

Lúc ấy, Huệ mới nghĩ nói trong giây lát, vì mãi chỉ dẫn Lãng Cô hiểm yếu cho Diệu xem.

Thừa cơ Diệu mới được nói theo ý mình muốn:

- Bẩm tướng quân, tuy tôi không tìm được Phùng Xuân, như ý ngài đã đoán hồi nãy, nhưng đền bù lại tôi đã tìm ra một người khác, cũng niên thiếu, cũng anh dũng, cũng khôi ngô, lại cũng thiện xạ y thế, dám chắc không kém chút nào...

- Thật ư? Huệ chận lại hỏi, không đợi cho Diệu nói hết lời.

- Khi nào tôi dám nói sai với chủ tướng! Diệu ung dung đáp, có ý



muốn khích phát tâm lòng bên tài hiệu dị của Huệ trước khi giới thiệu người đang đứng khuất sau lưng mà Huệ vô tình chưa hay.

- Lạ nhỉ! Một người cũng thiện xạ như Phùng Xuân? Huệ hỏi với giọng sốt ruột.

- Vâng, còn lạ hơn nữa, là người này cũng tên là Xuân!... Diệu cứ thông thả nói, như tuồng đánh đố bí mật, vì Diệu với Huệ mặc dầu phân cách bởi danh vị chủ tướng bộ tướng, nhưng vẫn có tình bạn bè đồng học xưa kia, lại thêm được Huệ tin dùng ưu đãi, nên Diệu mới dám nói chuyện úp mở dóng một như thế.

- Ô! Tên cũng là Xuân à? Huệ chắm câu hỏi bằng vẻ mặt sững sốt. Nhưng người trong thiên hạ đồng tình, đồng danh thiếu gì? Hễ thiện xạ thì được, trong quân ta đang cần nhiều tay bắn giỏi.

- Vâng, cũng tên là Xuân, chỉ có điều khác; đằng kia là Phùng Xuân thì đằng này Thị Xuân.

- Thì anh nói trắng là người ấy đàn bà có gọn chuyện không?

- Thưa, còn hơn nữa, người ấy là con gái còn trẻ măng, người hợp với tên, tên đúng như người.

- Quý hóa lắm!... Nhưng anh còn đợi gì không dẫn nàng đến giới thiệu với tôi?

Diệu nói và cười, rồi né qua một bên để cho Huệ ngảnh lại thấy Xuân tiến lên cúi chào lễ phép, không nói câu gì. Nàng trở lại thái độ e lệ vì bản tính, vì trường hợp:

Huệ sững sốt nhìn nàng từ đầu xuống chân, từ chân lên đầu, rồi reo rầm lên, vừa mừng vừa lấy làm lạ:

- Ha! Ha!... Chính là Xuân chứ còn ma nào khác!

- Vâng, thưa tướng quân, chính là tôi! Xuân khép nép nói.

- Quái! Thế này là nghĩa thế nào? Huệ sững sốt, nói lảm rầm như tự mình hỏi mình, nhưng mắt nhìn Diệu. Ủ, thế này là nghĩa thế nào? Xuân bỏ trại đi là một chàng thiếu niên, bây giờ Xuân trở về là một người con gái?

- Bẩm chủ tướng, Xuân con gái mới thật phải là Xuân! Diệu nói.

- Thật ư?



- Vâng, ngài trông thấy thì biết.

Huệ nhìn sừng giây lát, vỗ tay nói cười ra vẻ đắc ý:

- Phải rồi!... Phải rồi!... Hèn nào từ trước ta vẫn ngờ ngờ Xuân chắc là con gái giả trai, nhưng ai cũng bảo ta hoa mắt, nghi bậy... Hôm vừa mới đây, trong nhà ta có cuộc đánh đố vì Xuân đánh đố ăn tiền: đại ca với tâu tâu ta một hai bảo ta nói láo, còn ta thì yên trí tin theo con mắt ta xưa nay nhận xét phán đoán người không sai bao giờ; ta nhất định Xuân là gái. Ta quả quyết đánh cuộc hôm nào khám xét mà coi, hễ ta thua cuộc thì chịu mất mười nén bạc... Mấy hôm, vì mắc bận việc quân, nên ta quên nhãng, không thì đã có vụ khám xét hư thực để ta thua cuộc chịu mình hai mất không tinh, hay là ta đã ăn của đại ca và tâu tâu ta mười nén bạc rồi... Có lẽ Xuân nghe được câu chuyện đánh cuộc đó, mà bỏ trốn đi trước chăng?

- Thưa, không phải vì thế đâu! Diệu trả lời thay nàng. Sự thật, vì một lẽ quan hệ hơn nhiều kia.

Đoạn, với giọng nói rất bi tráng, Diệu đem hết gia tình oan khúc và những lời thề nguyện của nàng với bà mẹ trên giường hấp hối, kể lại một lượt cho Huệ nghe.

Trong khi Diệu thuật chuyện, nàng đứng dựa bên cột, cúi mặt khóc rầm rút.

Huệ thấy trước mặt mình một người con gái còn nhỏ tuổi, con nhà lương thiện, côی cút, gặp cảnh nhà tan đời loạn thế này mà không chìm đắm, lại có lập chí lạ lùng, đáng kính, cho nên trong lòng cảm động chứa chan. Khi Diệu kể xong, Huệ yên ủi nàng bằng những lời rất thành thực, niềm nở, và hỏi chuyện ân cần:

- À! Tôi nhớ có được nghe nói việc oan của quan Khám lý hồi đó! Té ra cô là con ngài?

- Thưa vâng! Nàng gạt nước mắt và đáp. Tôi là con mà là con một còn sót lại. Việc cải trang mà đặt mình dưới bóng cờ tướng quân bấy lâu, thật là tình thế phải vậy, cúi xin tướng quân tha thứ...

Huệ ngắt lời nàng và nói:

- Không, không, cô không có điều làm lỗi gì mà cầu xin tha thứ, trái lại, hiếu tâm và lập chí của cô, khiến ai là người có chút lòng khí



khái, cũng phải kính nể. Điều sở nguyện của cô, cứ đặt vào Tây Sơn, sẽ không phải thất vọng đâu! Tây Sơn hứa giúp cô làm đúng cả mấy lời thề.

- Đa tạ tướng quân. Được vậy thì không những tôi mang ơn, mà vong linh thầy mẹ tôi cũng phải cảm kích.

Nàng chấp tay nói, rồi toan sụp xuống lạy tạ, nhưng Huệ gạt đi và hỏi:

- Từ nay cô vẫn phụ tá việc quân cho chúng tôi được chứ?

- Vâng, tôi càng xin tận tâm hiệp lực hơn trước! Nàng trả lời rần rỏi.

- Vẫn chỉ huy đội binh cung nỏ?

- Thưa vâng, nếu tướng quân vẫn lòng tin dùng ủy thác.

- Ô! Tin dùng ủy thác một người có tài thiện xạ hiếm hoi như cô, bao giờ tôi cũng sẵn lòng. Nhưng mà...

Huệ đứng lại suy nghĩ; có ý phân vân về chỗ dùng một người thiếu nữ; trong quân, nhất là người thiếu nữ chưa chồng, e có điều vật nghị không tiện.

Như đón biết ý Huệ, nàng nói:

- Nhưng mà... Chắc hẳn tướng quân e ngại tôi là con gái độc thân.

- Chính thế. Cô tài thật, đoán trúng điều tôi đang nghĩ! Huệ đáp: Tài nghề cô vẫn là tài nghề ấy, duy có hình tích thì trước thế khác, bây giờ thế khác, làm sao?

- Thưa, tướng quân lo xa thế thôi, chứ đàn bà con gái cũng là người; đã là người thì cũng có phận sự với nước non giống nòi, y như đàn ông con trai. Nếu đủ nhiệt thành, đủ tài lực, đủ can đảm, người đàn bà cầm đầu một đội quân, xông pha trận mạc không được ư? Sử sách từng chép những hạng ấy, thiếu gì? Tôi tuy tài năng hèn mọn, dám quyết không khi nào phụ lòng tri ngộ của tướng quân.

- Phải, tôi vẫn biết thế. Có điều tôi đang nghĩ tìm một cách giải quyết lưỡng toàn thì hay hơn.

Huệ đưa mắt nhìn Diệu và mỉm cười nói tiếp, hỏi nàng:



- Cô gặp gia biến như thế, thì chắc khi xưa ở nhà chưa đính ước với ai?

- Bẩm chưa! Nàng bẽn lễn đáp.

- Hay quá! Thế thì tôi có cách giải quyết lương toàn rồi.

Trước vẻ sùng sốt bất ngờ của Diệu cũng như của nàng. Huệ chạy lại vỗ vai Diệu và nói với nàng cách trịnh trọng, vui vẻ, mà hầu như có một mạng lệnh bên trong:

- Nói gần nói xa, chẳng qua nói thật, tôi xin tác hợp cho cô với Diệu trở nên đôi bạn... Thật là phải đôi vừa lứa, tráng sĩ – giai nhân... Ủ, chiều nay tôi bầm mệnh với ông Tiết chế, anh tôi, rồi tôi đứng chủ hôn cho hai anh chị. Cuộc gặp gỡ ở Thạch Bi Sơn, không phải ngẫu nhiên; ông trời xe duyên hai người từ đây...

Diệu mừng thầm, nàng làm thính. Làm thính là dấu tỏ bằng lòng. Nhưng hai người chưa ai kịp ngỏ lời gì, Huệ đã nhanh nhẹn, tươi cười, nắm mỗi người một tay lôi đi và nói:

- À, việc quân nên giải quyết mau chùng nào hay chùng ấy... Không đợi đến chiều. Hai người đi theo tôi qua dinh Tiết chế ngay bây giờ để tôi bầm mệnh cho xong... Nhân tiện để lấy mười nén bạc được cuộc, sắm lễ mừng Xuân với Diệu thành hôn.

## IX. Áo vải thêu rồng

Nguyễn Huệ đứng chủ hôn cho Diệu và Xuân rồi, vẫn giữ vợ chồng làm bộ tướng trực thuộc dưới quyền mình chỉ huy, hậu đãi tin dùng, có việc gì cũng bàn soạn, hỏi han, ủy thác, xem thân mật hơn anh em ruột thịt. Chẳng trách hai người cảm tình tri ngộ ấy, về sau tận trung cho đến phút cuối cùng, hăng hái lấy sức một cột chống đỡ trời nghiêng và đền đáp ân sâu bằng cách chết rất hùng tráng, rất bi thảm.

Lúc ấy, Tổng Phúc Hiệp lại sai Tôn thất Chất trở về Quy Nhơn, đem lễ vật dâng Hoàng tôn Dương, nhân tiện dò la thôi thúc Tây Sơn liên binh đánh Trịnh.

Nguyễn Lữ đang trông nom chế tạo hơn trăm chiến thuyền gần xong; nhiều chiếc đã đặt thần công đại bác lên trên và quân lính đã đem



ra luyện tập thủy chiến. Còn trên bộ thì hàng ngày Nguyễn Huệ trần lực thao diễn kỵ đội cùng bộ binh. Nguyễn Nhạc dẫn Tôn thất Chắt đi xem quang cảnh rộn rục trên bờ dưới nước rồi nắm tay Chắt và nói ra vẻ thành thực:

- Đây ngài xem, chúng tôi dự bị ráo riết, nhất định trong vòng hai tháng nữa thu xếp hoàn toàn thì đưa Đông cung hạ lệnh xuất sư, đồng thời tiến công cả thủy lẫn bộ. Chẳng những thu phục kinh đô Thuận Hóa, lại bỏ rọ hết thủy quân Trịnh, không cho một móng nào chạy thoát về Bắc Hà.

Khôn ngoan đủ cạnh, Nhạc lại sai Trần Văn Kỳ thảo sẵn tờ hịch đứng tên Đông cung để hôm xuất sư ngài sẽ bá cáo với thần dân, đưa cho Chắt xem. Chắt càng tin Tây Sơn thực lòng trung nghĩa, trở về Phú Yên kể rõ với họ Tống mọi sự mình được mục kích.

Tống thêm yên tâm vững trí, coi Tây Sơn là quân triều đình cùng thờ một chúa, làm một việc với mình, chẳng còn là kẻ thù nước địch như trước mà phải phòng bị.

Ông tin cậy vui mừng đến nỗi cho phép bộ hạ luân phiên về nhà thăm vợ thăm con, lại gọi phường tuồng vào trại hát suốt đêm cho sĩ tốt cùng ông giải trí.

Cai cơ Nguyễn Khoa Kiên nhất định vào can, vẻ lo lắng buồn rầu in rõ nét trên mặt. Tống đón đầu bằng giọng hài hước:

- Ông cai cơ có chuyện gì lo buồn như người mất trộm nàng hầu thế? Vào đây cầm châu một lúc cho khuây nào!

- Bẩm, tôi đang lo nấu ruột, còn bụng dạ nào nghe hát cầm châu? Kiên nhăn nhó trả lời: Tây Sơn xảo quyết lắm, tướng quân chớ nên quá tin!

- Ô! Họ độc lòng tôn phù, hiện đang dự bị binh mã sắp sửa khởi công quân Trịnh nay mai, ông không biết à? Tống hỏi lại, đầy vẻ tin cậy anh em Tây Sơn.

- Thưa, tôi có biết!.. Chúng nó dự bị để đánh Phú Yên ta trước đây.

- Cơ khô! Cứ lo đầu này, ngờ đầu kia như ông thì mất lòng hào kiệt trong nước, còn mong có ai xuất thân hiệp lực với triều đình chứ?... Tống hất hàm cười nói. Nào, ngồi đây nghe hát một lúc.



Nguyễn Khoa Kiên lắc đầu và thở dài đi ra cửa trại, gặp cai đội Nguyễn Văn Hiền, nín lại kể lể than vãn:

- Tổng công bị anh em Biện Nhạc cho ăn bùa mê thuốc lú mất rồi, cái đầu anh em mình chưa biết còn gắn trên cổ được tới hôm nào?

- Bọn mình là võ tướng, hễ có giặc đến thì đánh! Hiền trả lời: Đánh mà thua thì ta chỉ có việc chết theo thành trì đất nước cho tròn danh tiết nam nhi, trả nợ cơm áo vua chúa. Chỉ có vậy thôi, can chi phải than vãn cho mất nhuệ khí.

- Đã đành rằng thế! Kiên trợn mắt tròn xoe và nói. Nhưng muốn đánh giặc cũng phải xếp đặt phòng bị thế nào, chứ để giặc đến rồi ta múa hai bàn tay không với chúng à. Đằng này, Tổng công nhẹ dạ quá tin lũ Tây Sơn, giờ không phòng bị cóc khô gì cả mới là khó cho!

- Nếu thế thì anh em là phải lấy quân bản bộ mà lo phòng bị riêng vậy.

- Bác nói rất phải, tôi cũng nghĩ thế.

Hai tướng từ giã nhau, ai lo phận sự nấy là canh phòng Tây Sơn, trái hản sở kiến nông nổi của Tổng Phúc Hiệp.

Nhưng tự lực của họ khác nào muốn mức nước gáo tưới xe củi cháy, mà cũng muộn rồi.

Họ bố trí chưa xong, mờ sáng hôm sau đã thấy kỵ binh Tây Sơn, dưới hiệu cờ Nguyễn Huệ, đã kéo đến như nước tràn núi lở, reo hò đánh phá tung bừng.

Tổng Phúc Hiệp vừa kịp hốt hoảng chạy trốn. Binh Nguyễn bị đánh úp bất ngờ, mạnh ai nấy tìm đường tẩu thoát, nhất thời như ong vỡ tổ, tình cảnh sợ hãi rối loạn rất thương; họ chỉ dày đạp lẫn nhau mà chết khá nhiều, không cần giặc chém giết.

Văn Hiền và Khoa Kiên hấp tấp đem dăm sáu trăm quân bản bộ đến tiếp chiến, không khác gì tự dâng thịt trước miệng hùm.

Được chủ tướng treo gương khích lệ, binh Nguyễn kháng chiến cực hăng nhưng vì quả bất địch chúng, thêm khí giới kém thua tình nhuệ, thành ra đánh nhau không đầy một giờ đồng hồ, chết dần chết mòn gần hết. Văn Hiền bị tướng khách Lý Tài chém chết tại trận.



Các trại kia nghe thế giặc mạnh quá, vội vàng rút lui vào mạn trong không dám kéo ra tiếp ứng.

Khoa Kiên đơn thân độc mã ở giữa vòng vây, còn múa tít siêu đao, tả xung hữu đột, ngã mấy chục quân Tây Sơn, mở được một huyết lộ mà chạy.

Trần Quang Diệu thúc ngựa đuổi theo gần sáu dặm đường vào hẻm núi non, Khoa Kiên chẳng may vì ngựa ngã vật mình xuống đất, mới bị bắt sống.

- Tức chết được!... Tao bị chúng bay bắt đây là do thiên mệnh, chứ không phải tự tao hèn nhát, bất tài! Khoa Kiên trợn mắt nghiêng răng nói với quân Tây Sơn bắt trời.

Nguyễn Huệ thấy Khoa Kiên khôi ngô anh dũng bèn động lòng, nghe Diệu tấp tấc khen Kiên ở trận chiến đấu như con hổ dữ, nên Huệ càng thương tiếc, muốn thu làm bộ tướng mình:

- Nhà ngươi chịu hàng, ta tha chết cho! Huệ niềm nở nói khi thấy lính ấy giải Kiên đến dưới thềm.

Kiên trừng hai mắt đầy tia máu, hàm râu vênh ngược, nói lớn:

- Thằng chết bầm kia! Tao, Nguyễn Khoa Kiên có hề sợ chết mà cầu mi cho sống?... Vả lại, có ba lẽ đáng chết, mi đã bắt được tao, thì giết ngay tao đi, không phải nói gì lời thôi...

- Ba lẽ đáng chết là ba lẽ gì, thử kể nghe nào? Huệ ung dung hỏi và giữ nét mặt hòa nhã, không vì Khoa Kiên hỗn xược mà nổi giận như thường tình mọi người.

- Tao là võ tướng triều đình, có một phần trách nhiệm giữ đất này, mà giặc kéo đến, tao không đánh không được: một lẽ đáng chết. Tao vẫn biết bọn Tây Sơn hay trá hàng, cho nên thường khuyên can Tổng công phải dè chừng, phòng bị chúng bay, nhưng can không đắt, trí sáng bằng thừa, ấy hai lẽ đáng chết. Tao vẫn tự phụ là tiếng dũng sĩ, thế mà phen này thất thế để chúng bay bắt sống được, không kịp tự sát cho được toàn danh, ấy là ba lẽ đáng chết. Có ba lẽ đáng chết như thế, tao có sợ chết ham sống, ư hầu thềm công danh tước lộc của bấy ư. Thôi, bay giết ngay tao đi, mau lên... Không thì đưa gươm đây, tao tự đâm cổ ở đây cho bay xem!...



- Nghĩa sĩ!... Nghĩa sĩ!... Huệ gật gù khen ngợi và ra hiệu cho đao phủ dẫn Kiên đi chém cho toàn danh tiết.

Đao phủ giải Kiên đi mấy bước Huệ to tiếng bảo quân sĩ:

- Quân bay đưa gia quyến ông cai cơ về Quy Nhơn cấp dưỡng tử tế nghe!

Huệ sai chém, nhưng vẫn thiết tha mền tiếc, cho nên cố ý để khỏi việc chiếu cố gia đình, hoặc Kiên có cảm động hồi tâm mà chịu hàng chăng?

Kiên nghe rõ ràng, song cứ điềm nhiên đi thẳng, không thềm ngảnh cổ lại tạ ơn' cũng chẳng có vẻ cảm động, tỏ ra mình đã vì việc nước mà không tiếc thân, lại không đoái tiếc cả gia quyến vậy.

Đi ra gần khỏi viên môn, một trong hai người đao phủ cũng động lòng kính mền, thương hại hay sao không biết, nói rầm rì bên tai Kiên với giọng khuyên bảo hơn thiệt:

- Ông này gàn quá, không biết thời thế!... Cứ chịu hàng phục đi, có phải khỏi chết, lại được sung sướng tẩm thân?...

Kiên tức lộn ruột, quắc mắt trông lăm liệt ghê sợ, cả tiếng mắng nhiếc:

- Đồ khốn nạn!... Mi cũng là con dân chúa, mi khuyên tao hàng giặc à?

Trong khoảng chớp mắt, Kiên vừa cựa mình, đứt cả dây trói, chụp lấy mã tấu trong tay người đao phủ hàng, chém bửa đầu người ấy và thừa trớn lia ngã người kia, rồi ù té chạy.

Cửa dinh nhất thời náo động, kẻ la ó, người rượt theo, nhưng không ai dám đến gần vì Kiên khỏe quá, lại có khí giới trong tay, đã quay lại cướp thêm được một ngọn mác của đám truy binh và đâm mấy người trọng thương.

Chỉ còn cách độ bốn năm trăm thước nữa thì đến một khu rừng rậm rạp, nếu Kiên chạy được vào đấy là thoát thân mất tích, truy binh không thể tìm ra.

Nhưng giữa lúc ấy Bùi Thị Xuân vừa về đến viên môn, hỏi rõ sự tình, liền giật lấy cung tên của một người lính gác, té ngựa đuổi theo, giương cung đặt tên nhắm rất đích xác, bắn trúng vào đùi Kiên đau quá, phải ngã phục xuống, không chạy được nữa.



Quân sĩ lại dẫn vào trước mặt Huệ.

Khuyên nhủ quy hàng đã không chịu nghe, lại giết quân lính người ta mà chạy trốn, ai cũng đoán chắc phen này Kiên sẽ được thấy chủ tướng Tây Sơn tháo đê thịnh nộ và tự tay chém lấy đầu Kiên, không cần đến lính đao phủ.

Mọi người sửng sốt vô cùng, khi trông Huệ lại đón tiếp Kiên bằng nụ cười và nhan sắc hòa nhã hơn trước:

- Ta khen nhà ngươi đáng là kẻ hảo hớn đời này!... Giờ nên ta rộng lượng, tha cho mà về, thì nhà ngươi tính sao?

Kiên trả lời rất quật cường:

-Thì ta lại chiêu tập binh sĩ đánh nhau với Tây Sơn các người chỉ chết, còn phải toan tính gì nữa.

Huệ cười, bảo viên giám quân trao cho Kiên một cây lệnh tiễn và nói:

- Đó, nhà ngươi cầm lệnh tiễn này đi bình yên; ta cho một con ngựa mà đi!

Không nói không rằng, ý chừng có vẻ tự thẹn, Kiên lẳng lặng rảo bước ra ngoài viên môn, cỡi ngựa đi thẳng.

Tướng sĩ đều ngơ ngác nhìn nhau, sửng sốt về cử chỉ lạ của Huệ. Có người hỏi tại sao không chém phứt cho rồi, lại thả cộp về rừng là nghĩa thế nào?

Huệ ung dung đáp:

- Các người lấy làm quái lạ, chỉ vì không chịu suy rộng nghĩ xa đây thôi. Ta tha nó về để bảo nhau cho biết uy đức Tây Sơn; hoặc vị thế mà trong bọn chúng nó đâm ra nghi kỵ lẫn nhau, ta cũng có lợi... Phải, ta biết Khoa Kiên là một hổ tướng bên địch, nhưng các người thử nghĩ xem cái nhà đã dột nát lung tung, sắp đổ đến nơi, dù có một vài tà lá mới đập che, một vài cây tre tốt chống đỡ cũng không ăn thua vào đâu?... Nhất là ta rất thương người tài, muốn họ tâm phục, chứ không muốn đa sát. Vả lại bây giờ, ta thả cho đi, nay mai lại tóm cổ nó cũng không khó kia mà!

Bây giờ mọi người mới hiểu chỗ dụng tâm của Huệ là cao.



Tây Sơn thừa thắng đuổi theo binh Nguyễn và quét sạch từ đây vào mãi Bình Thuận, mỗi chỗ đều phân binh trấn thủ, đặt quan cai trị.

Tiện đường, Huệ dẫn vợ chồng Quang Diệu lên núi Bia thăm ông Giáo Hiến. Thầy trò gặp nhau rất vui vẻ. Ông Giáo Hiến vẫn yêu mến Huệ nhất trong đám môn đồ, lại có nhỡn lực biết Huệ là bậc anh hùng, sau này tất làm nên sự nghiệp hiển hách.

Vừa gặp dịp mới săn được con heo rừng, ông đem ra khao đãi tướng Tây Sơn. Trong lúc thầy trò đánh chén, ông hào hùng nói với Diệu:

- Năm nọ ta đoán tiền định cho người rồi có vợ cũng tài giỏi, có sai đâu nào. Mà tưởng ai lạ, té ra Xuân cũng là học trò ta, hồi còn thụ nghiệp ở đây ta đâu ngờ là con gái giả trang... Thế là hợp cơ trời đấy! Vợ chồng anh em tận tâm phù tá Huệ nghe.

- Bẩm thầy, vợ chồng con đã thề nguyện với nhau điều đó! Diệu và Xuân đồng thanh nói.

Trước khi sắp từ biệt, Huệ cũng hiếu kỳ, yêu cầu ông Giáo Hiến xem tướng số cho mình, thử coi hậu vận thế nào? Ông lắc đầu và nói:

- Người ta bảo “quý nhân bất tướng” còn phải xem xét gì nữa!... Có điều lão có mười sáu chữ này, để sau mà nghiệm...

Tức thời ông cầm bút viết 16 chữ sau này đưa cho Huệ:

*“Nội huých vu tương  
Ngoại ngữ kỳ vũ  
Lưỡng tiểu tương thừa  
Thập hậu hữu tứ”*

- Huệ đón lấy xem đi xem lại không hiểu gì cả, xin thầy giảng nghĩa rõ ràng cho nghe, nhưng ông Giáo Hiến dồn cả nỗi buồn vào trong tâm, gượng cười và nói:

- Ông cứ giữ lấy, để sau nghiệm xem, lão không dám tiết lộ thiên cơ, sợ trời bắt tội... Cố lên! Tiền đồ của ông to lắm đấy!

Mười sáu chữ trên chỉ là ẩn ngữ của ông Giáo Hiến nói về vận số họ Tây Sơn. Hai câu trên chắc là ám chỉ vào việc anh em Nhạc Huệ bên trong, sẽ có chuyện lục đục tới đánh nhau, nhưng bên ngoài thì sẽ chống cự cường địch, có lẽ trở về trận Quang Trung hoàng đế đại phá quân



Thanh sau này. Còn hai câu dưới, ông tiên tri tới chỗ mai sau Huệ xưng đế, kỷ nguyên Quang Trung, rồi truyền cho con là vua Cảnh thịnh, cả hai đời chỉ được 14 năm là hết; mà trên chữ Quang và dưới chữ Cảnh đều có chữ “tiểu”, thế là “Luỡng tiểu tương thừa”.

Kể ra ông thật đáng là một bậc cao ẩn kỳ nhân đương thời, hình như tinh thông về Lý học của ông Trạng Trình. Đến sau chúa Nguyễn Ánh ra đánh Quy Nhơn, nghe đồn tiếng ông, sai người đi tìm, thì núi Thạch Bi trở lại hoang vu, tung tích ông đâu mắt không biết. Có người nói ông bỏ đây mà vào tận trong xứ mọi Thủy xá, Hỏa xá. Người khác kể chuyện khi ông thấy vận Tây Sơn suy và chúa Nguyễn chắc nắm phần thắng, ông thở dài và nói: “Ta đã thề bao nhiêu năm nay không chịu làm dân Nguyễn chúa, bây giờ lẽ nào để họ làm nhục được ta ư?”, thế rồi gieo mình xuống bể mất tích.

Sau khi Huệ thắng binh Nguyễn ở miền trong về, Nhạc sai người báo tin thắng trận cho Hoàng ngũ Phúc biết, nhân thế xin chúa Trịnh phong thưởng cho em mình chức vị gì để lấy danh diện với ba quân.

Trịnh Sâm lập tức phong Huệ làm Tây Sơn hiệu Tiên phong tướng quân.

Đó là Nhạc theo đuổi chính sách tam hòa phía Bắc, che được chuyên tâm đánh phá chúa Nguyễn ở miền nam rồi sẽ hay. Trong tướng sĩ vẫn có nhiều người chưa thấu rõ thâm mưu viên lược ấy, cho là Tây Sơn tự hạ quá; tưởng là chức gì chứ Tiên phong tướng quân hay to hơn thế nữa, ông Tiết chế (tức là Nhạc) tự phong cho em không được ư, hà tất phải chờ có tờ giấy vàng đóng ấn chúa Trịnh mới là vinh?

Huệ nghe chỉ cười nhạt, nói riêng với Quang Diệu:

- Cái chí của chim hồng, lũ sẻ kia làm sao hiểu nổi!

Thật thế, cử chỉ Tây Sơn giả vờ quy thuận, chẳng những gắn chắc lòng tin của chúa Trịnh, lại giúp họ được lợi thêm đất nữa.

Nguyên lúc bấy giờ quân Trịnh đóng ở Châu ô, địa đầu Quảng Nghĩa, bị lam chương dịch lệ vật chết rất nhiều. Đến tháng chạp năm Ất tị (1775), Hoàng Ngũ Phúc thấy bộ hạ mình chết hao chết mòn nhiều quá, lấy làm lo sợ, lại chính mình cũng mắc phải bệnh lỵ, bèn viết thư khẩn thiết và sai ngựa cấp truyền chạy ra Thăng Long, xin chúa Trịnh



cho rút quân về giữ Thuận Hóa. Còn Quảng Nam thì giao cho Tây sơn trấn thủ, vì anh em họ đã tỏ hết lòng trung thuận đáng tin.

Trịnh Sâm chuẩn y ngay. Hoàng Ngũ Phúc tuổi già bệnh nặng, chỉ kịp rút binh về đến thành Thuận Hóa để thở hơi cuối cùng.

Ngũ Phúc vừa nhắm mắt, thì Hoàng Đình Thê từ Bắc Hà trở vào đến Thuận Hóa<sup>(1)</sup>, vâng lệnh chúa Trịnh sai đi ngày đêm thuốc men vào cho, và nếu bệnh không thể cứu, thì hỏi han Ngũ Phúc về quốc gia đại kế sau này.

Đình Thê học tốc chạy vào bên giường, ném tọt bọc thuốc xuống đất, bung mặt khóc hu hu tiếng rất thảm thiết, làm não nề ruột gan tất cả mọi người:

- Trời cao đầy dày ôi!... Tôi đi chậm hết mấy giờ, để làm lỡ mất việc lớn nhà nước rồi còn gì?... Trời hỡi trời!

Có lẽ Ngũ Phúc chỉ mới bắt đầu trạng thái chết giả, chưa phải tắt hơi thật, cho nên khi có những tiếng náo động gây nên bởi mọi người chung quanh, khiến ông hồi tỉnh, từ từ mở mắt trông thấy Đình Thê đứng gào khóc bên cạnh. Ông nhẹ nhàng hỏi:

- Hẳn nhà ngươi vâng lệnh chúa thượng sai vào?

- Bẩm vâng!... Đình Thê gạt nước mắt và nói, nét mặt hơn hờ. Lão tướng quân đã lai tinh!... May quá, thiếu chút nữa tôi có tội to với quốc gia, không biết đến đâu!

- Chúa thượng sai nhà ngươi vào tất có việc trọng yếu gì?

- Vâng, trọng yếu lắm. Trước hết là đem thuốc của ngự y bào chế, ban cho tướng quân...

Ngũ Phúc ngắt lời Đình Thê, thở dài và nói; lời nói bây giờ minh bạch, rần rỏi, hầu như một người vô bệnh vậy:

- Phiền nhà ngươi chuyển tấu hộ tôi muôn vàn cảm tạ thâm ân chúa thượng; nhưng bệnh ta đã vào tận cao hoang rồi, còn thuốc men nào kịp nữa, dù cho với những tay danh y như bực Cao Hoãn, Hoa Đà ngày xưa.

---

(1) Hoàng Đình Thê vốn là bộ tướng của Hoàng Ngũ Phúc, theo đại quân vào đánh Thuận Hóa từ trước, nhưng Ngũ Phúc có việc quân cơ đã sai ra Bắc cách sáu bảy tháng, nhân nghe tin Ngũ Phúc ốm nặng, chúa Trịnh vội sai Đình Thê trở vào Thuận Hóa.



Ta vừa tắt thở trước khi nhà người bước chân vào, không hiểu sao tự dung tỉnh lại, có lẽ trời khiến ta thế, vì việc quốc gia hậu sự, chúa thượng có lòng tin yêu ban hỏi ta.

- Vâng, quả thật có thiện ý bên trong... Đình thể đáp. Chúa thượng có một việc khẩn yếu, muốn hỏi riêng tướng quân.

Ngũ Phúc khoát tay đuôi tả hữu ra ngoài hết, chỉ lưu lại một viên tòng quân thơ lại tin cẩn xưa nay, để ghi chép những lời cơ mật sắp nói và ký tên đóng ấn làm bằng, gửi Đình Thể mang về dâng chúa Trịnh.

- Nào, chúa thượng truyền hỏi những gì, nhà người cứ việc nói đi! Ngũ Phúc mở lời sau khi thấy tả hữu lui ra khỏi buồng mà viên thơ lại đã chạy theo gài then đóng cửa cẩn thận.

..... (mất một số báo)

Huệ tiến binh đến Gia Định đánh có một trận, Lý Tài, Tân chính vương và Thái thượng vương, mỗi người tháo chạy một đường. Thừa thắng, Huệ ruổi quân đến Long Xuyên, Vĩnh Long, bắt được cả ba người đem giết. Tàn binh chúa Nguyễn vỡ chạy tan nát, chỉ nghe tiếng quân Tây Sơn đã đủ khiếp vía.

Sử chép Nguyễn Huệ bốn lần đánh Gia Định, trận này là lần thứ nhất.

Lúc bấy giờ, nhân tâm trong Nam thương mến chúa Nguyễn, vẫn ngấm ngấm cừ địch với Tây Sơn, chỉ đợi cơ hội là quật khởi. Huệ dò biết rõ ràng như thế, cho nên sau khi hạ được Gia Định rồi, muốn xin anh cho mình ở lại trấn thủ miền nam, phòng giữ thế lực chúa Nguyễn. Nhưng mà Nhạc không nghe, vội vàng ra lệnh triệu về; thâm ý là sợ để em hùng trấn một phương, quyền to thế lớn, sau này khó trị. Thối đời vẫn thế, anh em ruột thịt, khi còn hàn vi nghèo khổ với nhau thì không sao, song đến lúc chung lưng đấu cật, làm nên có ruộng trước vườn sau, nhà ngói cây mít, cái mối tham lam nghi kỵ cũng theo đó mà nảy ra.

Thông minh, thao lược, Huệ hẳn biết ý của ông anh như thế, cho nên khi tiếp được lệnh Nhạc triệu về, chỉ cau mặt thở dài một cách kín đáo, rồi truyền cho ba quân sửa soạn lên đường, chứ không than phiền bàn nói gì cả. Trần Quang Diệu hỏi:

- Việc bình định Nam kỳ sự thật chưa xong, sao Thượng công đã vội rút quân về?



Có lệnh của Đại vương; Huệ đáp.

- Ông tướng cầm binh ở ngoài, có khi mệnh vua không tuân cũng được, Thượng công không biết sao? Ta rút binh về hôm nay thì ngày mai đồ đảng Chúa Nguyễn nổi lên như ong lập tức; bây giờ lại phải trở vào đánh dẹp mất công.

- Nhà người nói phải, ta cũng biết thế, nhưng mà có lệnh của Đại Vương.

Diệu toan nói nữa, nhưng Bùi Thị Xuân ở đằng sau khẽ kéo vạt áo chồng, ra hiệu bảo thôi.

Liên ngày hôm ấy, Huệ giao kiếm ấn cho Đô đốc Chu ở lại giữ thành Gia Định, rồi cùng Lữ đem đại binh trở về Quy Nhơn.

Mùa xuân năm sau, Mậu Tuất (1778) Nguyễn Nhạc ngầm bảo tướng sĩ bộ hạ dâng biểu khuyến tiến, rồi lập đàn làm lễ tế cáo trời đất, lên ngôi Hoàng Đế kỷ nguyên là Thái Đức.

Người áo vải ở ấp Tây Sơn tiêu chẵn tiền thuế nhà nước, bây giờ mặc áo hoàng bào; thống trị ngót mười triệu dân, từ bên này đèo Hải Vân cho đến mũi Cà Mau.

Thái đức Hoàng đế đóng đô ngay ở thành Đồ Bàn đã tu bổ năm trước, nay đổi tên là Hoàng đế thành, giáng chỉ phong cho ngự nhị đệ Nguyễn Lữ làm Tiết chế, ngự tam đệ Nguyễn Huệ làm Long nương tướng quân; trở xuống các quan văn võ đều được phong thưởng, tùy theo công lao trận mạc bấy lâu.

Giữa lúc làm lễ đăng quang, quần thần đang bài ban triều hạ, bỗng thấy một đoàn chim cắt, từ trên nóc nhà Thái cực điện bay ra, mổ nhau kêu inh ỏi. Duy có một con bay vút lên cao, còn mấy con kia bay ra ngoài bể. Những người có tâm cơ, đều cho đấy là một điềm đáng nên suy nghĩ.

Chiều hôm ấy, Hoàng đế ban đại yến cho tất cả nội cung, ngoại triều và thủy bộ chư quân.

Dự yến xong, trở về bản dinh, Quang Diệu có vẻ ngà ngà say, vừa cời áo mũ nhìn vợ và gật gù hỏi:

- Thế nào? Em có lấy làm thích khẩu với bữa yến Ngai ngự ban cho hôm nay không?



- Phát ngậy thì có!... Thị Xuân trả lời vắn tắt, gương mặt không vui.

- Ủ, có thể, phát ngậy!... Toàn là sơn hào hải vị, tôi không thích... Tôi chỉ thích ngồi trên mình ngựa ăn cơm nắm với muối tiêu đã quen đi rồi.

- Không, em không phát ngậy vì nhiều sơn hào hải vị đâu! Chỉ phát ngậy vì trông thấy cái mặt Biện Nhạc thế mà cũng vua với chúa...

Giá có sét đánh khít ngay bên tai, Quang Diệu cũng không giật mình khiếp vía cho bằng nghe vợ mới nói mấy câu bất ngờ ấy. Chàng tỉnh rượu hẳn, vội vàng đưa tay bưng lấy miệng Thị Xuân, không để cho nàng nói hết câu:

- Trời ơi! Tai vách mạch rừng, em muốn vợ chồng ta chết chém à?

Đoạn, chàng ghé bên tai hỏi:

Tại sao em có ý nghĩ hăn học như thế?... Nói cho tôi nghe, nhưng nó khe khẽ chứ, tôi van em đừng có gây nên tai họa vô ích!

Thị Xuân vâng lời chồng, nói khẽ, nhưng nếu có người rình ngoài sân, chắc cũng nghe rõ:

- Mình nghĩ không bức bối sao được? Giá như người ta, đã xưng hoàng xưng đế như vậy, tí nào cũng phải tấn phái tấn phong cho em mình tới quốc công hay là vương tước cũng đáng. Nhất là người em như ông Huệ, đã lập bao nhiêu công lao chinh chiến mới dựng lên cơ nghiệp này!... Hừ!... Long nương tướng quân? Chức tước ấy quý báu gì? Nó không xứng với công lao ông Huệ một chút nào!... Tôi xem ra Nhạc nham hiểm, tham lam, có ý nghi kỵ em; lúc thành công phú quý không muốn cùng em chung hưởng... Thế nào rồi cũng có cuộc xung đột cho mà xem. Mình không nhớ bốn chữ “Huỳnh đệ huých tường” của cụ Giáo Hiến ư?... Tôi nghĩ ông Huệ bị bạc đãi mà bức thay!... Rồi đây chúng ta cũng nên tôn ông lên làm hoàng đế không được sao?

Mấy lời Thị Xuân nói, như liều thuốc đánh thức Quang Diệu sự tỉnh cơn mê, bắt chàng suy nghĩ, phải chịu rằng nàng nhận xét đúng.



## X. Con điều biển cát cánh về Nam

Quả như lời Quang Diệu đã tiên đoán: Tây Sơn lấy được Nam kỳ lần đầu, mà không để Nguyễn Huệ ở lại xếp đặt mọi việc nội trị, phòng thủ, chỉ cốt lấy thóc gạo tiền bạc rồi về, giao cho một hai viên tướng bất tài giữ thành Gia Định, thành ra những tội trung nghĩa của chúa Nguyễn có thể nổi lên chống cự và làm nên to chuyện.

Sau đó Nguyễn Huệ lại vào đánh Gia Định ba lần nữa và một lần phá tan quân Xiêm ở Mỹ Tho, kẻ võ công thật hiển hách, nhưng mà cơ sở và thanh thế của Nguyễn vương Phúc Ánh đã bắt đầu xây dựng chắc chắn ở đất Nam Kỳ, trở nên đối địch với Tây Sơn rồi. Tuy lúc sơ khởi, Nguyễn vương hay bại trận mặc lòng, nhưng thế lực về tinh thần thì càng ngày càng mạnh; dần dần lấn được Tây Sơn ở miền Nam.

Thế là nhất thời thất sách, Tây Sơn phải mất công đánh dẹp luôn mà vẫn không hoàn toàn làm chủ được cả xứ Đồng Nai, lại còn chậm trễ cả cuộc tiến ra miền Bắc.

Vua Thái Đức lên ngôi được hơn bốn năm có con điều biển bay về Hoàng đế Thành, bấy giờ Tây Sơn mới có cơ hội Bắc tiến. Con điều biển ấy tên là Nguyễn Hữu Chỉnh.

Chỉnh là người Đông Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An, khôn ngoan giao hoạt từ bé, lúc đi học văn ông thầy đã nói: “Thằng này về sau là bầy tôi giỏi ở đời trị; nếu gặp đời loạn, nó sẽ là một tay gian hùng đảo đê” tuổi trẻ đỗ hương cống, Chỉnh lại học binh thư võ nghệ, định theo đuổi con đường này cho đi tới công danh sự nghiệp to tát ở đời.

Nhưng hai ba khoa đi thi tào sĩ không đỗ, Chỉnh bực mình không học nữa, lần mò được làm môn hạ Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc, tỏ ra người túc trí đa mưu, Ngũ Phúc đem lòng yêu mến và rất tin dùng.

Ta còn nhớ hồi Ngũ Phúc vâng mệnh chúa Trịnh vào đánh Thuận Hóa, Chỉnh đi theo trong quân, giúp đỡ nhiều mưu hay chước lạ, và có dịp đem kiếm ấn bằng sắc vào Quy Nhơn phong chức Tây Sơn Hiệu trưởng cho Nguyễn Nhạc.

Chỉnh làm quen với anh em Tây Sơn từ đó. Lúc đưa trở về, Chỉnh đã nói với Ngũ Phúc:



- Tôi xem anh em Tây Sơn có khí phách ngang tàng, không chịu ở dưới thiên hạ. Nhất là Nguyễn Huệ chí khí khác thường có tài thao lược hơn cả hai anh!

Ngũ Phúc biết rõ rài năng tâm địa Chỉnh, cho nên khi hấp hối trên giường bệnh ở thành Phú Xuân, đã căn dặn Hoàng Đình Thễ về tâu chúa Trịnh nên trọng dụng Chỉnh, không thì giết đi, chớ để bắn qua tay địch quốc, sinh sự bất lợi cho nước nhà.

Không biết Hoàng Đình Thễ nói với chúa Trịnh thế nào chỉ biết Ngũ Phúc qua đời rồi, Chỉnh về Nghệ An quê nhà, theo Hoàng Đình Bảo, làm chức tham quân, trông nom tuần phòng mặt biển. Chỉnh tài thủy chiến, đánh dẹp bọn hải khấu khiếp sợ, nhân đây có tên là con điều biển, không mấy chốc được phong Bằng tĩnh hầu.

Sau chúa Trịnh Sâm với Hoàng Đình Bảo ra Thăng Long, giao cho quyền chính, vì chúa đã nhất định bỏ con trưởng, lập con thứ, con của Đặng phi, cho nên muốn đặt tương lai người con thứ ấy vào lòng trung thành hộ vệ của Đình Bảo. Tội nghiệp Trịnh Sâm không ngờ mình đang mở cửa đón rước nội loạn vào trước rồi ngoại xâm đến sau.

Tháng mười một năm Nhâm Dần (178?) một người môn hạ Chỉnh là Hoàng Viêt Tuyền ở Thăng Long về Nghệ, bộ mặt hớt hơ hớt hải, đầy vẻ lo buồn. Tuyền mới bước chân vào, Chỉnh đã cười và hỏi đón:

- Trông cái bộ mặt anh đủ biết ngoài kinh sư mới có chuyện chi lạ phải không?

- Bẩm, có thể! Tuyền thở dài đáp. Chuyện nguy biến to chứ không phải lạ mà thôi.

- Thế nào? Chỉnh hỏi vồ vập, biến sắc.

- Thưa, máu nhuộm vương phủ, xác đầy kinh sư! Tuyền tóm tắt thời cuộc Thăng Long bằng tám tiếng ấy, ngồi phịch trên chiếc ghế đầu, nghỉ hơi giây lát rồi mới nói tiếp. Tĩnh đô vương (tức Trịnh Sâm) vừa mới nhắm mắt xong, kiêu binh Tam phủ nổi lên giết Tôn đô vương Trịnh Cán (con Đặng phi) lập Đoan Nam vương Trịnh Khải. Nhiều đại tướng triều thần bị chúng sát hại, thầy nằm ngổn ngang phủ đường, thấy mà ghê khiếp!... Khắp kinh thành đang xôn xao đầm máu vì kiêu binh, thì tôi bỏ trốn về đây, báo tin cho ông hay...



- Khổ quá, Huy quận (tức Hoàng Đình Bảo, tước phong Huy quận công) không trấn áp nổi bọn lính làm loạn ư? Chỉnh ngắt lời hỏi.

- Trời ơi! Chính Huy quận nhu nhược mà gây nên cuộc đại biến này, bị kiêu binh làm thịt phanh thây trước nhất.

- Thật à?

- Vâng, mắt tôi trông thấy loạn quân xả Huy quận ra làm năm bảy mảnh ở dưới chân voi, đầu một nơi, mình một nẻo... Bọn khởi loạn lại lòng bắt tất cả vây cánh đồ đảng Huy quận mà giết, bất cứ xa gần. Chúng nói phát cỏ phải bứng cả rễ, bởi vậy, tôi nghe có tên ông ở trong sổ “trảm thảo trừ căn” ấy nữa... Thấy sự tình nguy cấp cho ông, nên chỉ tôi phải lật đật về đây báo tin, để ông liệu cách đối phó với thời cuộc làm sao cho thầy trò ta cùng được an toàn.

Cổng Chỉnh thoát nghe, hoảng sợ tái mặt, nhưng lại đổi ngay sắc mặt tỉnh táo:

- Ô! Đại trượng phu gặp lúc biến thì phải tìm cách chống trả cuộc đời, tự toàn lấy thân, chứ khi nào chịu để ba thằng lính đặc chí ấy làm hại được mình!... Nhà ngươi cứ lẳng lẳng theo ta, không phải hỏi gì hết.

Tức thời, Chỉnh cưỡi ngựa vào thành, yết kiến Vũ Tá Giao, trấn thủ Nghệ An, cung kính vái chào và nói:

- Việc đại biến vừa phát ở kinh sư, chắc hẳn tướng quân đã biết?

- Vâng, tôi cũng vừa mới được nghe; Tá Giao trả lời. Nhưng tại sao hôm nay phải đến đây lại bày vẽ lễ mạo quá thế?

Chỉnh ung dung nói tiếp:

- Nếu vậy thì hôm nay không phải Nguyễn Hữu Chỉnh đến ra mắt Vũ Tá Giao mà chính là Khoái Triệt đến nói lễ lợi hại với Hàn Tín, chẳng hay tướng quân có vui lòng hay không?

Tá Giao nhìn Chỉnh sừng sốt:

- Có lẽ ông là Khoái Triệt đời nay, nhưng tôi đâu dám sánh với Hàn Tín! Tuy vậy, lễ lợi hại thế nào, xin ông bảo cho biết.

Không úp mở gì hết, Chỉnh nói thẳng:

- Sự thế thiên hạ ngày nay, người có địa vị như tướng quân, nếu biết tự lập thì còn, hễ do dự thì chết. Việc triều đình rối nát và loạn đảng



đắc chí thế nào, tướng quân đã rõ; chúng đã quyết định tẩy trừ vây cánh gần xa của Huy quận, tôi với tướng quân cùng ở trong số đó... Vậy tướng quân nên nhanh bước đi trước người ta thì hơn, ngồi đợi cho lũ tiểu nhân kia ám hại được mình, chẳng hóa bất trí; sao bằng tướng quân giữ ngay lấy đất Hoan Châu này mà xưng vương tự hùng; một mặt ta đóng đại binh ở Hoàng Mai để ngăn đường quân địch, một mặt bảo Hoàng Đình Thê giết Phạm Ngô Cầu mà giữ lấy đất Thuận Hóa để làm thanh viện cho ta, còn về mặt bề thì Chinh này xin đảm đương vô sự. Như thế là tướng quân chia phân thiên hạ, giữ được lâu dài, không hơn luôn cúi bòn cừu địch, mà tính mạng treo ở trong tay chúng ư? Cổ lai, những người dựng lên cơ nghiệp đồ vương, phần nhiều bởi khéo lựa cơ và biết thừa thời; nay chính là thời cơ rất tốt, tướng quân chớ nên bỏ qua.

Tá Giao lắc đầu lia lịa:

- Thôi, thôi, ông bảo tôi làm phản triều đình mà giữ đất xưng vương, thật tôi không dám!

Chinh muốn thuyết một câu trót:

- Nay, thừa xưa Khoái Triệt hiến kế xưng vương đất Tề mà Hàn Tín không biết nghe, quả nhiên về sau Hàn Tín bị giết đấy!... Địa vị tướng quân ngày nay cũng tương tự, nên nghĩ cho kỹ.

- Tôi nghĩ kỹ rồi! Tá Giao đáp.

- Nghĩa là chờ bọn cừu địch hạ lệnh bắt về Thăng Long thì về?

- Phải, tính mạng sinh tử, tôi đành nhờ trời! Tá Giao nói thế rồi hỏi lại Chinh. Còn ông thì ông tính thế nào?

Chinh làm bộ bùng chén nước uống cho kịp thời giờ suy nghĩ xoay đổi mưu mô trong trí, rồi thản nhiên trả lời:

- Tôi thành tâm phù trợ tướng quân lên bậc chí tôn chí quý, tướng quân không khứng nghe thì thôi. Còn tôi thì nội ngày mai tôi xuống thuyền đi ra Thăng Long...

- Chết! Ông ra Thăng Long để tự đưa thịt vào miệng hùm ư! Tá Giao ngắt lời Chinh và hỏi lại, kinh ngạc.

- Vâng, tôi ra để tự thú với bọn cừu địch, vì đảng nào cũng chết. Thà rằng tự thú trước, chúng còn lượng tình mà nới tay cũng nên, chứ ở đây chờ đợi lệnh bắt, thì thế nào cũng không còn đầu lâu. Huống chi tôi



ra tự thú chẳng những may ra tự cứu được mình lại cứu cả tướng quân nữa.

- Ủa! Ông này nói nghe lạ quá! Lại cứu được cả tôi!

- Có lạ gì? Tôi ra trước mặt chúng, sẽ nói ngay thật rằng có kẻ khuyên tướng quân giữ đất Hoan Châu làm phản, nhưng tướng quân nhất định không nghe, như vậy là tỏ lòng tướng quân trung nghĩa với triều đình và tán thành việc làm của kiêu binh Tam phủ, tất nhiên chúng hoan hỉ tha giết tướng quân, lại còn trọng dụng thêm không chừng.

Nói đoạn, Chinh vái chào đi thẳng, không đợi cho Tá Giao ngỏ lời cảm tạ hảo ý của mình hay là hỏi gì thêm nữa.

Trở về dinh, Chinh hỏi hạ Viêt Tuyền dọn sẵn hai chiếc thuyền to, túc trực ở bến, để ra Bắc có việc quan.

Viêt Tuyền biết tính khí Chinh độc đoán, không muốn hỏi cặn kẽ, cứ việc lẳng lặng đi sắp sẵn thuyền bè, theo lời đã dặn.

Nửa đêm hôm ấy, Chinh đem cả gia quyến, hành lý và bọn Viêt Tuyền tùy tùng thân tín hơn hai chục người xuống thuyền ra lệnh nhổ neo rời bến lập tức. Chinh không quên lớn tiếng truyền bảo thủy thủ trước lúc khởi hành:

- Mùa này đường ra Bắc Hà thường có sóng gió to, chúng bay liệu xem buồm lái cho tử tế nghe!

Trên bến dưới thuyền, ai cũng định chắc Bằng lĩnh hầu đi ra Bắc thật. Trong bọn thuộc hạ có nhiều người ra tận nơi sứt sùi tiễn biệt, vì họ tin rằng trưởng quan họ đi ra Thăng Long phen này hẳn là dữ nhiều lành ít, một đi không về. Vũ Tá Giao cũng thân ra tiễn, nhưng kỳ thật là muốn thám thính hư thực; lúc về cười ha hả, nói với mọi người:

- Thế mà người ta vẫn ca tụng Cống - Chinh khôn ngoan nhất đời này?... Tôi cho là thằng chí đại... Chẳng thế lại tự nhiên đi ra kinh sư cho chúng làm thật!

Thì ra Chinh đánh lừa được cả mọi người, bắt đầu từ bọn thủy thủ trở đi.

Lúc thuyền ra cửa Hội Thống, Chinh bảo lái sang tay phải, nghĩa là đi vào Đàng trong, bấy giờ ai nấy đều chung hừng, biết Chinh cốt lập kế thoát thân, nói một đàng, đi một ngả.



- Ngài đưa chúng tôi đi đâu đây? Viết Tuyền đánh bạo hỏi.
- Đưa các người đi đến chỗ yên ổn phú quý, chứ còn đi đâu! Chinh cười nói. Ta đã bảo cứ nhắm mắt đi theo ta.
- Có lẽ vào Huế với Phạm Ngô Cầu?
- Ai thềm nương nhờ bọn vô dụng ấy?... Vả lại, Phạm Ngô Cầu, Hoàng Đình Thể không ưa gì ta.
- Hay là vào Đồng Nai?
- Không! Không đi xa quá thế đâu. Chỗ này còn gần hơn, ta cho nhà người đoán xem.

Còn gần hơn thì là Quy Nhơn, nhưng không lẽ ngài đi vào Tây Sơn?

- Sao lại không có lẽ? Chính thật ta định vào Tây Sơn đây. Ai biết dùng tài năng mình thì mình đến với họ, miễn là có nơi cho mình dương mi thổ khí ở đời... Tây Sơn được ta sẽ đãi như khách quý, vì họ có con mắt sáng hơn chúa Trịnh và hạng Vũ Tá Giao.

- Nhưng sao lúc đi, ngài lại phải thanh ngôn là đi ra Bắc?

- Ô! Nhà người thơ ngây đến thế kia ư? Không lập mưu *thanh đông kích tây* như vậy, Vũ Tá Giao có thể dâng công với bọn kiêu binh Tam phủ mà sai người trói ta giải ra Thăng Long còn gì!... Rồi ta sẽ cho tất cả chúng nó một bài học, bấy giờ mới tiếc xưa kia sao không biết dùng cái tài vớ trời lấp biển của thằng Chinh này!

Chinh nói và nghiêng rặng, ngảnh mặt nhìn về hướng Bắc, hai con mắt như nẩy lửa ức uất, hằn thù, đến nỗi trong trí đã sắp sẵn cơ mưu một ngày kia sẽ đem ra thi hành cho hả, dù phải mượn tay nhờ sức thiên hạ về dày xéo gia hương cổ quốc cũng là.

Giữa lúc con diều biễn vỗ cánh bay vào nam, vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc cùng ngự đệ Nguyễn Huệ đã đánh thắng chúa Nguyễn Ánh một trận rất lớn ở Thất Kỳ giang, vừa mới từ Gia Định ban sư về Quy Nhơn được một tuần.

Hôm đó, Long Nhương tướng quân đang ngồi trong phủ, xem những giấy tờ quan hệ việc binh, chợt thấy tên lính vào bẩm có Nguyễn Hữu Chinh ở Bắc Hà mới vào, đến xin ra mắt. Vừa mừng vừa lấy làm lạ, Huệ quên cả giày dép, vội vàng chạy ra cổng phủ đón rước, tay bắt miệng cười, rất mực niềm nở:



- Kính chào tiên sinh!... Cái túi khôn đệ nhất xứ Bắc vào đây hẳn không phải một sự ngẫu nhiên!

- Con người bốn bề không nhà đâu dám đương lời đại tướng quân quá tưng! Chỉnh vái chào lễ phép và nói. Tôi là kẻ đắc tội ở cố hương, đến phải đem thân bỏ đào, thật không thể nhận mình là cái túi khôn.

- Tuy vậy, tiên sinh bỗng dừng chiếu cố, tất có nhiều việc hay chỉ giáo cho chúng tôi.

- Hai tiếng chỉ giáo, tôi cũng không dám lĩnh. Chỉ xin tự đem tài hèn sức mọn vào đây nương dựa vào uy đức của Hoàng thượng và chờ nghe hiệu lệnh tướng quân sai khiến đây thôi.

Huệ ân cần dắt Chỉnh vào công đường nói chuyện chốc lát, rồi thân dẫn vào cung bái kiến Thái Đức hoàng đế.

Trước khi dẫn kiến, Huệ để Chỉnh ngồi ở chái điện, vào nói riêng với anh rằng Chỉnh là bậc tài trí xứ Bắc, nếu ta muốn Bắc tiến thì nên lợi dụng hẳn, vậy xin lấy khách lễ tiếp đãi, để lưu hẳn ở đây, một mai tất sẽ vì ta hiệu lực. Nhưng Chỉnh là người gian hiểm, phản phúc, lại hay tự phụ, tưởng trong thiên hạ không còn ai bằng mình, cho nên trước hết ta phải tìm cách dè chừng, hạ bớt kiêu khí của con người ấy xuống, khiến phải thiếp phục thì mới dùng được việc.

Thái Đức hoàng đế cười nói:

- Sở kiến của ngự đệ rất hợp ý ta... Nhớ là ai, chứ Cống Chỉnh thì ta thừa biết, năm xưa phụng mệnh đem sắc phục vào đây, Chỉnh làm bộ khúm núm bước vào ta có dịp đàm đạo với nó luôn ba hôm, đã thấy rõ gan ruột nó lắm rồi. Hiền đệ đưa nó vào đây!

Chỉnh làm bộ khúm núm, bước vào, toan sụp lạy, vua Tây Sơn vội vàng đưa tay đỡ lên và nói:

- Tiên sinh là bậc đại hiền thượng quốc, tôi như là một chư hầu tiểu bang, đâu dám nhận lễ của tiên sinh!

Đoạn, sai lính đặt ghế một bên ngự tọa mời Chỉnh ngồi. Vua Tây Sơn nói tiếp:

- Mới hồi nào mà nay trông dung nhan tiên sinh tiêu tụy đi nhiều, không được phong quang như xưa, ý chừng gần đây phải lo nghĩ việc nước nhiều lắm?



Càng người nói thù tạc nhã nhặn, mà ở trong có vô số mũi kim châm vào tâm sự riêng của Chinh, khiến Chinh tự thấy sượng sùng khó chịu, ngồi điếng lạng giây lát mới dám mở lời:

- Tâu ngài, kẻ viển thân này tài học kém cỏi, không có chỗ thi thố ở quê hương, cho nên phải bỏ bá vào đây, mong được hiệu lực nhiều ít, chẳng dám có xa vọng gì khác hơn.

- Ô! Sao tiên sinh tự khiêm quá? Tiên sinh đã hạ cố vào đây, tức là quốc tân của chúng tôi, xin cho thời thường nghe lời giáo huấn.

Tức thời, Thái Đức hoàng đế chiếu theo nghi lễ đời Chiến quốc bên Tàu ngày xưa, phong Chinh làm *Khách khanh*, truyền dọn một dinh thự rộng rãi cho Chinh ở, và cắt riêng năm chục tên lính hầu hạ. Lại sai đem vải lụa cùng các thứ vật dụng ở trong cung ra ban cho, ân lễ cực kỳ trọng hậu.

Hôm sau, vua Tây Sơn bày đại yến ở điện Tập hiền để khao thưởng các tướng sĩ chinh Nam mới về, nhân thể khoản đãi Chinh.

Rượu được vài tuần, một người ngồi ở hữu ban cất tiếng nói:

- Thuở nay vẫn nghe Bằng Lĩnh tiên sinh tự phụ là trí sĩ đất Bắc Hà, không ai bì kịp. Nhưng cứ theo việc xét người, thì tiên sinh, bất trí vô cùng. Không được chúa Trịnh tin dùng ở bên tả hữu, đến nỗi phải bắt đắc chí với một chức quan xa xôi ở trấn Nghệ An. Tới khi kêu binh Tam phủ hoành hành, đe giết cả vây cánh Huy quận, tiên sinh khuyên Vũ Tá Giao kéo cờ tự lập ở xứ Nghệ không được, phải đem thân đi lưu lạc nương nhờ nước khác; may gặp được chúa ta nhân từ thu dụng, nếu không thì chưa biết tiên sinh phải trôi nổi đến đâu? Như thế mà tự phụ trí sĩ, tôi không hiểu tiên sinh trí ở chỗ nào?

Đình Thê cúi xuống bên gối, nói nhỏ chỉ vừa đủ nghe, trong khi viên thơ lại, sửa soạn giấy mực, làm việc tốc ký:

- Chúa thượng biết tướng quân là bậc lão thành ưu quốc, về hậu sự nhà nước tất nhiên tướng quân hiểu sâu biết rõ hơn cả mọi người. Cho nên chúa thượng sai tôi đi đêm ngày vào đây cho kịp trước khi tướng quân thành thân, để hỏi quốc gia hậu sự, tướng quân sở kiến lợi hại thế nào, xin cứ trực tình, tâu gửi... Chúa thượng chỉ cần hỏi có thể, nhưng xem tướng quân nhọc mệt quá rồi, không biết còn đủ trí sáng và sức khỏe để tỏ bày mọi việc theo ý ngài muốn chăng?



- Được... Được... Ta cảm thấy mình ta lúc này tỉnh táo và khỏe khoắn trở lại, dường như cái chết muốn buông tha ta vậy.

Ngũ Phúc nói đoạn, ngược mắt nhìn về phía bắc, chấp tay vái ba vái rồi lại vòng tay xếp đũa trên ngực, khoan thai nói tiếp:

- Ta phụng mạng chinh nam, công việc dở dang chưa xong, lại phải lui binh về đây mà từ giã cõi đời, trong lòng ta thật lấy làm băn khoăn, ân hận... Nhưng việc ở đây ta không quan tâm lo nghĩ cho bằng việc ở Bắc Hà, nơi căn bản đại nghiệp của chúa thượng... Quốc gia hậu sự?... Ta không thấy có việc gì đáng nguy ngập đề phòng cho bằng Tam phủ kiêu binh<sup>(1)</sup>!... Ủ, cái hoa kiêu binh như con hổ đói chỉ chực vồ cắn người, đáng sợ lắm đấy. Phàm là quân lính, khi nhà nước biết cách dạy dỗ, kiểm chế, thì họ rất đắc lực cho triều đình, quốc gia; nhưng một khi để họ ý thể cậy công, kiêu căng trái phép, thì việc gian ác đến đâu chúng cũng dám làm rất khó ngăn cản, vì chúng quá đông, trong tay sẵn có khí giới... Ta còn sống ngày nào, còn có thể lấy mình làm con đê ngăn cản tai vạ, nước lụt ấy cho quốc gia; chỉ e sau lúc ta chết rồi, kiêu binh lại sẽ thừa cơ quật cường bạo động, chẳng hạn bên trong dựa vào thế lực chốn cung vi, bên ngoài a dua với lũ tranh quyền hiếu danh, nổi lên làm loạn, có thể rung động tới căn bản nhà nước, chứ không phải chuyện chơi đâu!... Nhà người nên nhớ lời ta, khẩn khoản tâu bày chúa thượng về việc quốc gia, đại kế đó... Ấy là trung can nhiệt huyết cuối cùng của ta đối với Chúa thượng... Thánh nhân đã dạy: con chim sắp chết, tiếng kêu ai bi, người ta sắp chết, lời nói ngay thật!... Giờ có hai cách, một là giải tán họ đi các trận, hai là tìm cách kiểm chế phòng bị hấn hoi. Không vậy thì mầm họa còn mãi, một mai nó lại đột phát lên, sự nguy hiểm không biết làm sao mà lường trước được!

- Vâng, lão tướng quân thật là thâm mưu viễn lược, tôi xin tâu bày cặn kẽ với chúa thượng! Đình Thê gật gù nói. Chính tôi cũng từng lo nghĩ nhiều về việc ấy.

Còn chén sâm thang để gần chỗ nằm. Ngũ Phúc bảo viên thơ lại, đổ cho vài thìa, nằm lặng nghĩ hơi chốc lát, rồi lại nói tỉnh táo:

---

(1) *Kiêu binh*: là lính ở hai xứ Thanh Hóa, Nghệ An có công giúp họ Trịnh phù Lê trung hưng và dựng nên nghiệp chúa... Nhưng sau họ cậy công nổi loạn, chém giết đại thần, nhân đó lịch sử gọi bọn là *Kiêu binh*.



- Ta còn một chuyện quan hệ, suýt nữa quên mất... Ban này, một người cao rộng, làm bộ khép nép đi ra sau cùng, nhà người có để ý không?

- Thưa, có phải Cống Chính cứ Nghệ? Đình Thế trả lời:

- Chính hấn đây!

- Lão tướng quân suy nghĩ về người ấy thế nào?

- Nhà người không hỏi ta cũng định nói. Chính có tướng gian hiểm phản phúc, nhưng chính là bậc kỳ tài hiếm có ở nước ta hiện nay. Vậy sau khi ta chết, nhà người trở về, nhớ tâu chúa thượng nên vời ngay Chính ra Thăng Long mà dùng... Điều cốt yếu là đã dùng hấn thì nên trọng dụng, cho hấn được thi thố tài năng; nếu không trọng dụng thì nên tìm cơ mà giết đi... Chớ để con người ấy chạy theo địch quốc thì tất đa đoạn sinh sự, trở nên mối hại cho nước nhà...

Ngũ Phúc nói đến đó thì kiệt sức, nằm điếng lặng giây lâu, lại mở mắt hồi tỉnh, gọi viên thơ lại đưa cho xem tờ chép những lời đã nói, tay cầm bút run run, viết được tám chữ “*Thần Hoàng ngũ Phúc lâm chung cẩn tấu*”. Thế rồi thở hắt ra một hơi nhẹ, hai mắt từ từ nhắm lại, mà diện mạo có vẻ tươi sáng, như người lấy làm hài lòng đã xong công việc ở đời và trọn phận sự với vua chúa vậy.

\*

Quân Trịnh rút về Thuận Hóa rồi, Tây Sơn thống trị toàn hạt Quảng Nam, không phải mất một mũi tên, nhiều một giọt máu nào cả.

Lúc này đất nước ta thành ra thế tam phân đỉnh túc rõ ràng; *nước Trịnh* ở Bắc Hà, *nước Nguyễn* trong Gia Định, *Tây Sơn* chiếm một giải đất chạy dài từ đèo Hải Vân vào đến Bình Thuận, giống như nước Thục Hán ở giữa Ngụy với Ngô đời Tam quốc; nhưng có điều khác, là nước Thục này không phải suy vi, mà lại có thể mỗi ngày hùng cường sắp nuốt cả hai nước kia.

Hai năm Bính Thân và Đinh Dậu (1776 – 1777), Nguyễn Nhạc lo sửa sang nội trị, rèn tập quân lính, chiêu mộ lưu dân, tu bổ thành Đồ Bàn của nước Chiêm Thành cũ, tự xưng là *Tây Sơn vương*, định ra triều nghi, quan chế, phong chức tước cho mọi người; tóm lại quy mô xây dựng nghiêm nhiên thành một nước riêng.



Trong thời gian ấy, chỉ có một lần Nguyễn Lữ phụng mạng vào đánh lấy được thành Sài Gòn, rồi tạm bỏ, chỉ thu hết thóc gạo trở về Quy Nhơn. Ngoài ra, Tây Sơn không có việc động binh, dụng võ nào khác, với Trịnh hay với Nguyễn cũng vậy.

Những tướng tá mong được chiến trận để lập công danh, khuyên Nhạc nên xuất sư Bắc phạt, thì Nhạc mỉm cười gạt đi:

- Các người thích được chém giết thế kia ư? Mấy năm trước đã chém giết mãi chưa chán à? Giờ chúng ta ngồi yên mà hưởng cảnh thái bình, phú quý với nhau chẳng hơn!

- Chúa công dạy thế, thật là có lòng chí nhân đối với tướng sĩ nhưng chúng tôi nhàn cư lâu ngày, không cảm thương lên ngựa, ra trận giết giặc, thấy sao không vui!... đô đốc Đặng Văn Châu nói:

- Các người muốn được vui thì để nay mai ta cho vào cứ Đồng Nai, tha hồ chém giết!

- Bẩm vương thượng, thế còn mặt Bắc?

- Không nói chuyện ấy vội! Nhạc vừa nói vừa nhìn quanh ban văn ban võ, hình như có ý tìm một người. Ừ, không nói chuyện ấy vội. Về mặt Bắc, hiện thời ta chỉ cần dùng một cái lưỡi như lưỡi Phan Văn Tuế chẳng hạn, chưa muốn phiên đến thanh gươm của các ông.

- Vâng, Tam quốc đời nay phải đổi nước cờ bắc hòa Tào Tháo, đông cự Tôn Quyền, ấy đó là sở định của chúa công? Tán lý Trần Văn Năng hỏi.

- Phải, chính thế đấy! Nhạc cười nói ra vẻ đắc ý. Chủ kiến của tôi mấy năm nay chưa thay đổi mà! Ông Tán ý thuộc truyện Tam Quốc nhỉ!... Phiên ông thảo một tờ biểu ra Bắc Hà đi! Nhưng trong biểu chớ có xưng là Tây Sơn vương nhé!...

Đoạn Nhạc giữ Trần Văn Năng ngồi lại, tức tịch ngỏ bày ý tứ, sai viết tờ biểu gửi ra Thăng Long, lời lẽ rất khiêm tốn, xin chúa Trịnh phong cho mình làm *Quảng Nam Trấn thủ sứ*, để vì họ Trịnh làm hàng rào che chống Đàng trong.

Sứ giả Tây Sơn đến Thăng Long, vãi tiền bạc châu báu ra đút lót từ Đặng phi cho tới cận thần, nội thị. Lúc nào triều kiến, lại kéo theo dệ, tỏ ra Nguyễn Nhạc hết lòng sợ uy mến đức, khiến cho Trịnh Sâm vui vẻ



tưởng thật, không nghi gì hết. Vả lại, lúc ấy Trịnh Sâm đang buồn vì mới mất Hoàng Ngũ Phúc, thêm phần chán ghét chiến tranh' lập tức hạ chiếu, phong Nhạc làm chức *Quảng Nam Tuyên phủ đại sư, Cung quận công*.

Một lần nữa, Nhạc lại được yên tâm không phải lo ngại mặt Bắc, để dồn cả lực lượng vào việc đánh Gia Định, diệt trừ chúa Nguyễn.

Trong những lúc Tây Sơn lặng lẽ tự xây thế lực, làm con hổ co mình lại để chực vồ xa, như ta đã thấy trên đây, chúa Nguyễn Định vương nương náu trong Nam kỳ, nhờ có mấy tay hào kiệt Trung nghĩa mộ binh tôn phù. Đông cung Dương, tức là Hoàng tôn Dương mà Nguyễn Nhạc đã gả con gái cho thừa dịp trốn khỏi Quy Nhơn, lần mò vào Gia Định với Định vương, viên tướng khách Lý Tài theo Tây Sơn lúc đầu, năm trước theo Nguyễn Huệ vào đánh Phú Yên, sau Huệ giao cho trấn giữ thành này, chỉ vì Lý Tài làm sai tướng lệnh mà để mất di chiếu theo quân pháp, không khỏi bị chém. Hắn ta sợ lộ, bèn phản Tây Sơn chạy vào miền Nam, chiếm thành Sài Gòn, tôn Đông cung lên làm *Tân chánh vương*. Định vương làm *Thái thượng vương* mộ binh tập trận, tích thảo đồn lương, ra mặt chống cự Tây Sơn và thề nguyện khôi phục cơ nghiệp chúa Nguyễn.

Người ta kể chuyện cho Nguyễn Huệ nghe, có ý lo ngại Lý Tài kiêu dũng, khó bề trừ nổi; Huệ cười và nói:

- Thằng bắt nạt ấy, tôi chỉ cho cái đầu nó ở tạm trên cổ đến ngày nào tôi vào Đồng Nai!

Cuối năm Đinh Dậu, Nhạc sai Lữ và Huệ đem đại binh vào đánh Gia Định, thủy bộ cùng tiến, thanh thế như Thái sơn đè quả trứng.

- Bẩm phải! Một người lính đáp.

- Anh biết đích con nào là con của vườn ngư uyển không?

- Thừa có, chính con có buộc sợi dây nhiều đỏ dưới chân, đang lòng thông xuống nhánh cây, trông thấy rõ ràng đó.

Tức thời hai mũi tên vút đi như biến, mấy trăm con mắt cùng trông thấy hai con công ngã từ trên nhánh cây lao xuống, sống chết chưa rõ. Con thứ ba thì kêu thảm thiết và bay đi mất.

Nữ Dưỡng Do Cơ thúc giục bọn lính:

- Mấy anh chạy ra ôm vào đây, mau! Tôi nhắm vào chân, cả hai



chỉ què thôi, không chết đâu!... Tiếc thay tôi không đem theo ba mũi tên để sửa nỗi con kia!

Lính ôm hai con công vào, nhất nhất đúng như lời nữ tướng đã thanh minh, Chinh thành thật thán phục:

- Người đàn bà có tài cung nỏ như thế, gọi là Nữ Dưỡng Do Cơ cũng đáng.

- Ấy là Bùi Thị Xuân, nữ tướng duy nhất trong quân đội Tây Sơn đây! Huệ giới thiệu tên nàng với Chinh, còn bản thân nàng thì đã lặng lẽ ra khỏi cung môn ngay sau khi làm xong công việc tướng lệnh sai khiến.

- Thưa, có phải người cầm đầu toán lính cung thủ đã giết hại nhiều quân Trịnh trong trận Cẩm Lệ?

- Phải, dưới trướng tôi không có hai người.

Rồi đó vua tôi quan khách lại ngồi vào tiệc, uống rượu nói chuyện vui vẻ.

Sau một hồi lâu, Thái Đức hoàng đế trông hút ra ngoài, thấy thán hai tên lính đeo mã tấu, dẫn một người đóng gói và trối thúc ké đi qua trước cổng mình liền sai thị vệ triệu vào để hỏi:

- Bay dẫn thằng này đi đâu thế? Vua Tây Sơn phán hỏi:

- Muốn tâu bệ hạ, lữ thần đưa nó đi chém! Một trong hai người lính quỳ tâu.

- Nó là người ở đâu?

- Bẩm ở Đàng ngoài.

- Vô đây từ bao giờ, làm công việc trong quân ta?

- Bẩm hoàng thượng: hần vô Quy Nhơn ba bốn năm nay; ban đầu bơ vơ đói rách quan Vận lương sứ trông thấy thương hại, vì xét ra là con nhà khác, có học ít nhiều bèn cho hần vào một chức biên sở trong kho.

- Thôi, chắc nó trộm cấp binh lương phải không? Vua Tây Sơn cười nói. Một trăm người vào làm chỗ binh lương, khó chọn lọc được nửa số liêm khiết thật thà.

- Tâu bệ hạ: Quân số xét ra nó phạt tội nặng hơn thế nhiều. Một là gắp ghé tư thông với ngoại địch; hai là phụ bạc vong ân người cứu



vớt mình, cho mình có việc làm, có cơm ăn; vì thế Quân bộ kết án trăm quyết.

- Ô! Tưởng là tội gì nhẹ thì quả nhất sinh phúc miễn tử cho, nhưng đến tội gấp ghé tư thông ngoại địch, phụ bạc ân nghĩa người ta thì chém quách là phải!... Để những người ấy sống ở đời làm gì vô ích. Thôi, bay dẫn ra pháp trường hóa kiếp cho nó đi!

Bọn lính đao phủ dạ vâng một nhịp, rồi dẫn tội nhân đi ra. Chinh đưa mắt nhận thấy tội nhân không có vẻ gì buồn rầu sợ hãi sắp phải chết chém, mà trên gương mặt đao phủ cũng không thấy có sát khí chút nào, trong ý càng tin chắc chỉ là một trò Tây Sơn bày ra để rung cây nhất khí, một lần mặt mình đầy thôi. Quả nhiên, Chinh trông theo hút thấy đao phủ dắt tội nhân ra khỏi cung môn thì mỗi đảng đi một ngả, sau khi ai đóng vai tuồng nấy đã xong.

Sự thật, những trò diễn mặt Tây Sơn cốt đặt ra để răn đe Chinh không phải vô ích. Từ đấy, Chinh làm quan ở triều Tây Sơn, rất mực trung thành, chăm chỉ; có những trí mưu gì đều tuôn ra hết, chỉ cầu được Thái Đức hoàng đế và Nguyễn Huệ tin dùng.

Nào sửa sang triều nghi, định lại quan chế; nào đóng chiến thuyền, rèn tập thủy quân; lại mở trường Thái học và đặt phép thi cử để kén chọn nhân tài, bao nhiêu chính lệnh mới, chế độ mới, Tây Sơn thi hành từ năm Nhân Dân trở đi, đều do Chinh trừ mưu hiến kế và một tay xếp đặt kinh doanh hết thảy.

Chinh trung thành với chức vụ đã hai ba năm, tuy được vua Tây Sơn tin yêu trọng đãi, ngôn thính kế tòng, nhưng trong thâm tâm Chinh vẫn lo sợ nơm nớp. Là vị bệ hạ văn võ đồng liêu, không ưa mình rất nhiều, thường dòm nom kẻ vạch từ ly từ chút, bất cứ lúc nào Nguyễn Nhạc có thể nghe lời sàm tấu mà trở mặt giết Chinh như chơi. Phe thù nghịch luôn luôn có cơ nói với Nguyễn Nhạc rằng Chinh tuy làm quan ở Tây Sơn, nhưng bụng dạ không khi nào quên bỏ cố hương ở Bắc Hà, không khi nào vô tình với chủ cũ là chúa Trịnh. Đã ở Quy Nhơn lâu ngày, nội tình Tây Sơn thế nào Chinh thừa hiểu rõ, một khi biến tâm, bỏ Tây Sơn mà trở về Trịnh thì nguy cho Tây Sơn lắm thay!

Thấy phe thù nghịch rình rập đánh mình bằng trận đòn ngầm ấy, Chinh ngày đêm lo nghĩ phòng bị, chỉ mong có cơ hội gì chứng tỏ mình đã tuyệt tình với Trịnh rồi.



Người em rể Chinh từ Bắc Hà vào, trong trí định ninh rằng thế nào cũng được ông anh vợ tiếp rước niềm nở, không ngờ mới bước chân vào dinh, liền thấy người chí thân chờ đợi bằng bộ mặt cực kỳ lạnh lẽo, nghiêm khắc.

Chinh quắc mắt hỏi.

- Mi vô đây làm chi?

- Thưa, tôi vô thăm anh! người em rể đáp, lấy làm lạ thái độ Chinh đối với mình.

- Ai bảo cho mi biết ta ở trong này mà vô thăm?

- Lâu nay anh làm quan lớn ở triều Tây Sơn, tiếng tăm vang dậy xứ Bắc, còn ai mà không biết!

- Hừ! Bây giờ chúng nó mới biết thằng Chinh không phải vô dụng nhỉ?...

Chinh nhìn người em rể với cặp mắt sát hạch gay gắt và nói tiếp:

- Tuy vậy, mi vô đây tất có kẻ sai khiến, chứ không được ngẫu nhiên?

- Bẩm, có thể!

- À! Ta muốn biết ai sai mi?

- Bẩm, chúa Trịnh.

- Thật à? Chinh nói và đảo mắt tứ phía, xem có ai rình nghe không.

- Vâng, chúa căn dặn tôi vô nói với anh nên nghĩ tình cố quốc, trở về sẽ được trọng dụng tức thời, Em nghĩ anh nên về là phải, ai nỡ bỏ quê cha đất tổ, đem tài trí đi phục dịch thiên hạ như thế cho đành?...

Vô phúc cho người em rể thổ lộ những câu tâm sự ấy, vừa lúc mấy thầy thơ lại bước vào, đem giấy tờ đến hầu chữ quan. Chinh thấy trong lòng rạo rực cảm xúc khi nghe em rể nhắc đến cố hương và chúa Trịnh có tình đoái tưởng, nhưng ngoài mặt phải làm ra vẻ giận dữ, vì có mấy kẻ làm chứng bất ngờ:

- Mi là thằng ngu, có chết cũng đáng đời! Mấy năm nay tao chịu ơn tri ngộ rất hậu của đức hoàng đế Tây Sơn, chứ có phải là bây tôi chúa Trịnh đâu, mà chúa Trịnh sai mi vô đây thuyết tao!... Chẳng qua số phận em gái tao đến ngày phải góa bụa, cho nên mới xui may lần mò đến chỗ



này tự tìm lấy cái chết!... quân đâu? Đưa thằng này ra công dinh chém đi cho tao!

Tội nghiệp người em rể run sợ, mặt không còn máu, bị quân sĩ lôi kéo đi, còn ngoái cổ lại kêu gào van lơn, xem Chinh có hồi tâm tha thứ cho chăng? Nhưng Chinh không thềm đoái hoài, lại thét mắng theo:

- Mi chết, đừng oán hận tao!... Có khôn thiêng thì oán hận đứa nào sai khiến mi đại đột vào đây ấy!

Thảm họa của kẻ này thường làm hạnh phúc cho người kia. Cái chết của người em rể giúp Chinh được lòng tin nhiệm hoàn toàn của vua Tây Sơn. Thế là Chinh tỏ mình đoạn tuyệt quan hệ với Trịnh; những kẻ ganh ghét không còn chỗ nào vạch lá tìm sâu để hại ngầm Chinh được nữa. Từ danh nghĩa khách khanh nghiêm nhiên bước lên quyền vị đệ nhất mưu sĩ; phạm việc quân cơ quốc chính, vua Tây Sơn đều hỏi Chinh rồi mới thi hành.

Nhân đây, Chinh khuyên Tây Sơn nên đánh Thuận Hóa để mở mang bờ cõi ra phía bắc; Thái Đức hoàng đế cho là phải, nhưng xét chưa có cơ hội thuận tiện.

Qua đầu năm Bính Ngọ (1786) Chinh đang bóp trán suy nghĩ mưu chước lấy đất Thuận Hóa, bỗng có tin báo tướng Trịnh trấn thủ Thuận Hóa là Phạm Ngô Cầu sai Nguyễn Phú Như và Võ Vĩnh Thành đi sứ vào Quy Nhơn.

Mừng quá, Chinh bỏ dở bữa ăn vội vàng vào tâu vua Thái Đức:

- Tây Sơn ta có cơ hội lấy Thuận Hóa rồi!... Việc thành bại quan hệ ở hai viên sứ quan sắp đến nay mai, xin Hoàng thượng cho tiếp đãi cực trọng hậu, hạ thần sẽ có diệu kế ở trong.

Vua Tây Sơn y lời, sai đón rước và khoản đãi bọn Phú Như hết sức long trọng; nay mở yến diên, mai mời đi thưởng hoa trên núi, tuyệt nhiên không đả động gì tới việc Thuận Hóa. Phú Như đợi Chinh gọi chuyện ra trước, nhưng Chinh cũng một mực làm thinh, chỉ than vãn mình được Tây Sơn hậu đãi bấy lâu mà chưa lập được công lao gì đền bù lại.

Sau rốt, Phú Như phải thú thật rằng Phạm Ngô Cầu sai mình với Võ Vĩnh Thành vào đây là cốt dò la ý hướng Tây Sơn để mà phòng bị, nhưng Phạm Ngô Cầu là thằng bất tài. Tây Sơn muốn lấy Thuận Hóa lúc



này dễ dàng như chơi. Đoạn, Phu Như đem nội tình Thuận Hóa, kể hết với Chinh.

- Nhưng ở đây còn có Hoàng Đình Thê cũng là một tướng tài, không nên khinh thị. Chinh nói.

- Phải, Đình Thê là tướng tài, nhưng bất hợp với Ngô Cầu, chẳng làm được trò gì đâu mà lo! Phu Như đáp.

- Thê bác ở trong giúp cho tôi một tay nhé?

- Xin vâng! Tôi biểu cố nhân món quà Thuận Hóa đây, cố nhân ra mà lấy. Ngô Cầu là người mê tín và hiếu danh, ta cứ đánh vào chỗ yếu đó, bắt nó bỏ rọ lúc nào xong lúc ấy mà!

Chinh hiểu ý cả cười, tức khắc xin vua Tây Sơn quyết định việc cử binh đánh Huế.

## **XI. Đám chay đồ máu**

Phạm Ngô Cầu, tướng trấn thủ Thuận Hóa, phong tước Tào quận công, ngồi chễm chệ trên chiếc sập gỗ trắc, dựa lưng vào gối xếp; bốn tên lính mặc áo nẹp đỏ cầm gươm trần đứng túc trực bốn phía; hai người thị nữ xứ Huế xinh đẹp, trẻ măng, thay phiên nhau phe phẩy chiếc quạt lông và hầu điều đóm trong khi một thầy đội vòng tay bấm báo việc quan ở trước mặt. Trông rõ khí tượng một vị quan lớn hách dịch, quyền thế. Thanh kiếm Thượng phương nạm vàng tua đỏ, treo bên chỗ ngồi, càng chứng tỏ quyền thế quan lớn thêm to; ấy là dấu hiệu của bậc đại tướng, nguyên nhung, được phép tiện nghi hành sự, tiền trạm hậu tẩu.

- Thê nào, chú đội! Ngô Cầu hát hàm nói mà cặp mắt lòng trong mục kính không thềm ngó lên. Việc ta giao cho chú xét hỏi người đạo sĩ lạ lòng ấy đã xong chưa?

- Bấm cụ lớn, xong rồi! Thầy đội chấp tay nói kính cẩn từng tiếng. Hôm nay, chúng con vào hầu cốt để phục mệnh.

- Thê ư?

- Dạ.

- Vậy, người đạo sĩ ấy có chỗ nào tung tích khả nghi không?

- Không thì sao luôn trong mấy ngày hẵn ta lảng vảng ở quanh



dinh ta, như có vẻ muốn dòm hành gì thế?... Chú có khám xét kỹ trong người hắn không?

- Bẩm, đó là việc chúng con lưu ý trước nhất. Khám kỹ từ trong người cho đến tay nải tùy thân và cả nhà trọ nữa, ngoài ra mấy quyển sách kinh tán bốc phệ, tuyệt nhiên không có lấy mảnh sắt hay một ché giấy nào tỏ ra hình tích đáng ngờ. Xét ra đạo sĩ chỉ là một nhà tu hành, chuyên môn về thuật số...

- Ấy chết! Không khéo chú bị chúng nó giả trang lừa dối đấy! Ngô Cầu ngắt lời thầy đội và nói. Đời này chúng nó quỷ quyết lắm, bộ áo cà sa có thể giấu mặt thật của một tên gian tế, một kẻ mưu sĩ bên địch mà mình không ngờ. Vậy chú có tra hỏi hắn ta là người ở đâu?

- Bẩm, chính người ở xứ Sơn Nam, vì thế không có chỗ nào ngờ được là gian tế hay mưu sĩ bên địch trá hình! Thầy đội chậm rãi đáp. Chúng con đã xét tung tích đạo sĩ quả người Sơn Nam, bỏ nhà đi tu từ hồi còn nhỏ, lần mò vào Ngũ Hành Sơn, ở trong hang núi học đạo trải ba chục năm, giờ mới hạ sơn, lấy nghề thuật số mưu sinh, tìm cách trở về quê quán.

- Nhưng có điều ta lấy làm băn khoăn lạ lùng nhất, là sao hắn ta cứ tối ngày vờ vẫn ở trước dinh này, mắt dòm lên trời, khi reo, khi cười, khi vỗ tay mừng rỡ, khi nói gì lầm rầm một mình, làm như thẳng điên, là nghĩa thế nào?... Mà không phải một chốc một lát, kỳ thật suốt bảy tám hôm nay, hôm nào cũng thế. Vì đó ta cho là đáng ngờ, truyền lệnh cho chú nã tróc, xét hỏi cho ta. Thế chú có hỏi va tại sao có những cử chỉ kỳ quái ấy không?

- Bẩm, có ạ!... Đạo sĩ thú thật rằng từ hôm đến thành Phú Xuân này, liền trông thấy những vàng mây ngũ sắc, cuộn cuộn từ trên không trung, tỏa xuống nóc dinh trấn thú, cho nên ngày nay ông ham mê đứng xem, nhận thấy vượng khí trời đất chung tụ ở đây, khiến ông không sao đứng được vui mừng, đến nỗi có những cử chỉ kỳ quái trước mắt thiên hạ...

- Ha! Ha! Chú bảo rằng ông đạo sĩ trông thấy những vàng mây ngũ sắc? Ngô Cầu hớn hờ cười hỏi và bây giờ mới ngược mắt lên nhìn thầy đội.

- Dạ, ông nói trông thấy rõ ràng.

- Những vàng mây ấy tỏa xuống nóc dinh Trấn thủ ta đây?



- Dạ, ông tả hình dạng như những rồng phượng che phủ lấy dinh này, mà con mắt kẻ thường không thể nhận thấy.

- Thật thế?

- Bẩm vâng, chúng con không dám nói sai tí nào; cụ lớn tự hỏi đạo sĩ khắc biết.

- Ủ, chú đi dẫn ông ta lên đây cho ta hỏi chuyện ngay, nhé! Ngô Cầu bảo thầy đội và giục quân hầu sửa soạn pha nước, rồi tự nói rầm rì một mình. Quái lạ! Thảo nào đêm hôm nọ ta nằm mộng thấy mặt trời rơi trúng đỉnh đầu ta, lửa bắn tung tóe. Chắc hẳn là giai triệu đây!

Ngô Cầu làm tôi chúa Trịnh, đã phong tới bậc quận công, đại tướng, phú quý tốt vời, nhưng không phải là con người tự biết mình chỉ gặp thời dựa thế mà lên, chẳng có tài đức gì; con người không tri túc, trong lòng chứa đầy tham vọng cao quá tầm sức, ngấm ngấm muốn trèo lên đến ngôi đại vương, chư hầu nghênh ngang vua chúa, một cỏi như ai kia. Cho nên khi nghe nói đạo sĩ trông thấy vượng khí chung tụ ở dinh mình, Ngô Cầu khắp khởi mừng thầm, tưởng chắc thiên vận đã đến, muốn gặp mặt đạo sĩ để hỏi cho rõ.

Đạo sĩ theo chân thầy đội khúm núm bước vào đến trước mặt Ngô Cầu, hai mắt nhìn sững từ trên mái nhà xuống đến sập Ngô Cầu ngồi, đầu gật gù, miệng tấm tắc không ngớt, trong lúc chính Ngô Cầu cũng sững sốt về trạng thái của đạo sĩ, chưa kịp hỏi han gì, đạo sĩ đã sụp mình xuống đất, lạy lạy lạy lễ, vừa lạy vừa nói lia lịa:

- Trăm lại đại vương! Nghìn lạy điện hạ!... Thật quả khí thiêng chung đúc, mây lành giáng lâm... Đó, đó, ngũ sắc tường vân từ trên trời tỏa xuống, xuyên qua mái nhà, phủ khắp một vùng, quanh sập đại vương điện hạ đang ngồi, không ai trông thấy, nhưng bản đạo trông thấy rõ ràng: Sắc mây tuyệt đẹp, báo ứng, điềm lành...

Đạo sĩ còn một nói nhiều nữa, nhưng Ngô Cầu vội vàng gạt đi:

- Ô! Đạo sĩ chớ có nói nhảm, ta là đại tướng khâm mệnh của triều đình thì có, chứ phải đại vương điện hạ gì đâu!... Mời ông ngồi chơi uống nước nói chuyện.

- Bẩm ngài, hiện thời ngài là đại tướng, nhưng nay mai sẽ tiến phong đại vương. Đạo sĩ lại vái dài Ngô Cầu và nói.



- Chết nổi! Mệnh trời đã xếp đặt đâu đó an bài, ông đừng nói chuyện cuồng dại mà đắc tội sát thân cả núi đầy, biết không? Ngô Cầu nói ra vẻ nghiêm nghị, nhưng trong bụng thì đắc ý thầm.

- Tâu đại vương, thiên mệnh một khi đưa đến, người ta muốn chối từ cũng chẳng được nào! Tống Thái Tổ khi xưa không phải là một viên đại tướng ở triều nhà Chu đấy ư? Nhưng đến lúc Trần Kiều binh biến, tướng sĩ cứ khoác áo hoàng bào vào mình, rồi la bá tung hô vạn tuế, vậy là trở nên thiên tử. Nay ngài nam chinh bắc phạt, lập công với triều đình đã nhiều, Lê hoàng và Trịnh vương nghĩ đến công lao ấy, có thể tấn phong vương tước cho ngài, để làm phiên vương chư hầu ở đất Thuận Hóa này, bản đạo dám quyết là việc phải có, vì thấy tường vân hiển hiện đây kia.

Ngô Cầu nghe khoái ý, tiếp đãi đạo sĩ hết sức niềm nở. Bấy lâu vẫn ôm cái mơ ước thầm kín là được phong vương ở một nơi nào, nay nghe đạo sĩ nói trúng tim đen, không khác gì gãi vào chỗ ngứa.

- Ông bảo tường vân năm sắc từ trên tỏa xuống quanh chỗ tôi ngồi, nhưng sao tôi và mọi người không thấy gì cả? Ngô Cầu hỏi căn vặn, có ý còn ngờ vực.

Đạo sĩ ung dung đáp:

- Chỉ có mắt bản đạo mới nhận thấy được thôi.

- Tại sao thế?

- Bẩm ngài, bản đạo tu hành ở chốn danh sơn động phủ trải ba chục năm, ngày nào cũng trông mây nhìn trời để luyện thần nhõn, cho nên quen mắt đi... Những sự vật mà người phạm tục không thấy, bản đạo thấy rõ.

- Nhưng sao tường vân đã hiện, lại không cho ai cũng có thể trông thấy như hai năm rồi mười?

Câu hỏi thắc mắc và đúng lý luận của Ngô Cầu làm cho đạo sĩ hơi lúng túng về sự trả lời. Nhưng kẻ dụng tâm không thiếu gì cách nói. Đạo sĩ mỉm cười, đầu gật gù, làm như đang chú ý xem mấy câu đối sơn treo cột, song thật ra để hoãn thờ giờ, suy nghĩ câu đáp:

- Thưa ngài, tường vân khi ẩn khi hiện, vốn là tùy theo điềm lành cao hay thấp, ít hay nhiều...



- À, có chỗ phân biệt như thế? Ngô Cầu ngắt lời, hỏi.

- Vâng, đám tường vân này ần, cho nên ngài sắp được lên ngôi phiên vương, nếu như nó hiện rõ để ai cũng trông thấy được, thì ngài đã là chân mệnh thiên tử, chứ không phải vừa.

Ngô Cầu được bom hót trúng tim thích chí quá, vuốt râu cười ha hả, day mặt sang phía tả, gọi một cô thị nữ châm thuốc.

Giữa lúc ấy, đạo sĩ bỗng dựng phất lên, hấp tấp đến bên cạnh Ngô Cầu, nhìn tròn trọc vào gò má bên hữu, rồi chớp miệng chất lưỡi, thở vắn than dài:

- Châu cha! Tiếc quá!... Tiếc quá!

Ngô Cầu giựt mình và lấy làm lạ, nhìn sững đạo sĩ, hỏi dồn:

- Có chuyện gì mà ông thở dài và nói tiếc quá, như thế?... Tiếc là tiếc cái gì?

- Vâng, tiếc thật! Đạo sĩ vừa nói vừa lắc đầu, như người có ý nghĩ không được thỏa mãn. Vâng, tiếc quá, thưa ngài... Té ra tại cái nám đen này giờ ngài day mặt tôi mới trông thấy... Ô, thảo nào!...

Trước thái độ lạ lùng và lời nói giống một của đạo sĩ, Ngô Cầu lo ngại, hồi hộp, giục thị nữ đem gương ra tự so, cặp mắt âu sầu, bàn tay xoa đi xoa lại trên gò má:

- Ủ, chỗ này có cái nám đen này có can hệ gì không hả, ông?

- Can hệ lắm! Đạo sĩ đáp, dần từng tiếng nói. Chính nó làm cho ngài trắc trở chậm trễ trên đường công danh phú quý.. Đừng có nó thì ngài đã tấn tước phong vương lâu rồi.

- Thế à?

- Vâng, chính thế!... Bần đạo xem xét tướng mạo người ta không sai bao giờ.

- Liệu có cách gì tiêu trừ nó đi được không?

- Thưa có.

- Vậy ông làm sao tiêu trừ nó đi hộ tôi nhé, tôi xin báo đáp cực hậu. Nhưng mà cách tiêu trừ thế nào?

- Bẩm ngài, bần đạo nghĩ ra đây chỉ là một vàng sát khí, bởi xưa nay ngài cầm quân đi nam chinh bắc phạt, không khỏi chém giết nhiều...



- Ô, tôi làm việc vua quan, phận sự bắt buộc, chứ nào có phải bản tâm? Ngô Cầu chận lời đạo sĩ mà tự chữa mình.

- Đã đành rằng thế! Đạo sĩ cười nói. Nhưng mà bao nhiêu hồn oan quỷ đói cũng phụ thác quanh quần bên ngoài, để cầu siêu độ. Cái nám đen từ đó hiện ra. Bây giờ chỉ có cách tiêu trừ, là đặt một đàn chay thủy lục bảy đêm ngày thật linh đình long trọng, để tụng kinh siêu độ cho những vong hồn chiến sĩ, tự nhiên ngài được tấn phong vương tước chỉ trong sớm tối. Nếu không đúng như vậy, thì ngài cứ cho kê đầu bản đạo trên thớt mà chặt nghiền đi... Ngài còn lạ gì, việc đời thường khi trở ngăn bởi một cớ rất nhỏ, hai đảng vẫn có liên lạc quan hệ mà người ta không dè. Vì dụ ta đi đường, chỉ một cái gai nhỏ tí, cắm vào gót chân, đủ khiến ta phải khập khễnh mà đi chậm lại, chừng nào nhổ được nó ra mới có thể lẹ bước tiến mau. Cái nám đen trên gò má ngài tức là mũi gai nhỏ tí đó!

Mấy lời đạo sĩ giảng giải vừa khôn khéo vừa xuôi tai, như gãi đúng vào chỗ ngứa của Ngô Cầu là người kiêu căng, tham vọng mà lại mê tín dị đoan. Giờ thấy nét mặt Ngô cầu trở lại tươi tỉnh, hớn hờ, đầy vẻ tự cao, tự đắc:

- Ha ha! Tưởng là việc khó khăn thế nào, chứ làm đàn chay siêu độ thì ta có thể nay nói mai làm được ngay. Vậy công việc thiết lập đàn chay, tôi ủy thác cả cho ông, ông trông nom giúp tôi nhé!... Quân lính bộ hạ của tôi đó, tha hồ ông sai khiến phục dịch!... Đồ mã phải làm đủ thứ!... Ta lập cả đàn Mông Sơn, phá ngục!... Vời hết thầy tăng ni ở Thiên Mục và các sơn môn về đây!... Tóm lại, tôi không ngại sự tốn kém cứ việc làm đàn chay thế nào thật lớn, thật sang, thật trọng thể, chẳng những siêu độ vong hồn, lại cho tất cả binh sĩ nhân dân ở thành Phú Xuân này, cùng được lễ bái, cùng được bố thí, sao cho xứng đáng là một đám chay của quan Trấn thủ đứng làm, mà người ở đây thuở giờ chưa hề được thấy...

Đạo sĩ trước làm bộ từ chối công việc tổ chức mà Ngô Cầu định giao cho mình, sau nài nỉ mãi thì mới chịu nhận:

- Bản đạo muốn xây đắp đàn trường tứ phương ngũ hành ở ngay trước dinh, cho ra vẻ một đàn chay của bậc vương công quyền quý nhất đời... Thế tất phải dùng đến binh sĩ, cờ xí, gươm đao, để bố trí cho cực uy nghiêm, nhưng e quân sĩ không chịu tuân lệnh một thầy sãi thì làm thế nào?...



- Điều ấy ông chớ lo! Tôi sẽ hiệu lệnh tất cả tướng sĩ bộ hạ phải thuộc quyền ông sai phái, cắt đặt, kẻ nào bất tuân thì có quân pháp.

- Nếu vậy thì bản đạo xin phụng mệnh. Nay mai ngài trèo lên tột bậc tôn vinh hiển hách ở đời, bản đạo chỉ xin ngài nhớ công lao hôm nay mà cho một ngôi chùa nho nhỏ làm chỗ tu hành, để trọn đời ôm chân nấp bóng ngài, thế là mãn nguyện.

Ngô Cầu vui cười hể hả, không ngần ngại khôi hài với một thầy tu:

- Cứ việc tận tâm tận lực giúp tôi đi!... Một mai ông muốn rước cả chị Hằng xuống ở chung cho đỡ buồn, tôi cũng cho ngay.

Đoạn, lại nói tiếp:

- Ông tính xếp đặt đám chay này vào khoảng nào thì có thể cử hành được?

- Bẩm, xin nhất định vào châu hạ thần tháng 5 này! Đạo sĩ tính đốt ngón tay rồi trả lời nhanh nhẹn.

Hôm ấy là 27 tháng 5 năm Bính Ngọ; đàn chay linh đình của Phạm Ngô Cầu thiết lập đã đến ngày thứ năm hay thứ sáu, rộn rục cả thành Phú Xuân.

Bộ binh và thủy binh Tây Sơn đông như kiến, hiện như ma, nhanh như gió, rần rộ đến sát chân thành, giữa lúc bên trong: chuông trống đàn chay đang inh ỏi, hàng trăm vị sư đang tụng kinh ê a. Phạm Ngô Cầu đang lạy nghi ngúp, quân sĩ đang say sưa vì được nghỉ ngơi, mệt mỏi vì đã phục dịch.

Nếu đội quân canh gác không nhanh tay kịp đóng cửa thành lại, thì dễ thường quân Tây Sơn vào thẳng đến trước đàn chay, bấy giờ người ta mới biết.

Nguyên từ hôm Nguyễn Phú Như đi sứ vào Quy Nhơn đem nội tình Phú Xuân kể cho Cống Chính nghe; Cống Chính liền khuyên vua Tây Sơn nên thừa cơ hội này phát binh đánh úp lấy Thuận Hóa, để mở mang thêm rộng bờ cõi. Thái Đức hoàng đế y theo lời tâu ấy, lập tức phong ngự đệ Long nương tướng quân Nguyễn Huệ làm nguyên soái, Tổng thống quân vụ; phò mã Võ Văn Nhậm làm tả quân đô đốc; Nguyễn Hữu Chỉnh làm hữu quân đô đốc, dẫn binh thủy lục, phân làm ba đội cùng tiến đánh Phú Xuân.



Nam quân - tức quân Tây Sơn - khởi hành ngày 13 tháng 5, đến ngày 24 thì bộ binh qua Hải Vân quan; đối với phương pháp giao thông và cuộc hành binh ở đời bấy giờ, như vậy kể là nhanh chóng Hoàng Nghĩa Hồ, tướng Trịnh giữ đồn An Nông là đồn địa đầu, bị đánh bất ngờ tất cả bốn mặt, chết gục trên mình voi sau khi chiến đấu đã kiệt lực. Nam quân chen đường chém giết và bắt trọn Bắc quân, không để một tên nào chạy thoát ra Phú Xuân cáo cấp. Thành ra Nam quân ung dung đến thẳng trước mặt thành trì.

Đang lễ hì hụp, nghe dưới đàn chay xao xuyến, bộ hạ chạy xuôi chạy ngược, kêu gọi nhau rằng quân tiền đội giặc Tây Sơn đã tới đóng trước thành, Ngô Cầu xám ngắt mày mặt, líu lưỡi, luống cuống cả người, vội vàng chạy xuống dưới đàn, suýt vấp ngã hai ba lần, đứng ai níu người ấy lại mà hỏi dồn hỏi dập, thở chẳng ra hơi:

- Chết chưa!... Giặc... giặc đã đến chân thành ta, thật... thật à?

- Dạ, bẩm cụ lớn, thật thế!... Chúng nó đến đen như kiến ở trước cửa thành kia kìa!... Xin cụ lớn hiệu lệnh, kháng chiến thế nào không thì hồng mắt.

Một viên vệ úy trả lời Ngô Cầu thế rồi vội vã cầm đầu chạy miết về trại. Ngô Cầu lại gọi giựt người khác mà hỏi:

- Trời ôi! Quân giặc có cánh bay từ trên mây sa xuống ư?

- Bẩm, không biết chúng nó ở trên trời hay ở đâu sa xuống, chỉ biết chúng nó hiện đóng hăng hà sa số ở chân thành, đang trí sùng thần công, sắp sửa khai pháo...

Người bị hỏi là một viên xuất đội, trả lời xong rồi cũng tìm đường chạy nốt.

Tất cả đàn chay rồi rít, mạnh ai nấy chạy. Các ông sư bà vải ôm áo cà sa cùng chuông mõ, tính quỳnh tẩu tán như vịt. Quân sĩ phần nhiều uể oải, đi không muốn vững, vì đã phải khó nhọc phục dịch mấy hôm. Lắm chú vênh váo bướng bỉnh như Tam phủ Kiêu binh ở Thăng Long, bàn nhau thoát thân cửa hậu, chả tội gì đánh nhau với giặc mà chết.

Thấy tình hình rối loạn, lòng quân tan lìa, càng bối rối hoảng sợ già, lại không biết lâm cơ ứng biến thế nào, chỉ thấy mặt tái không còn sắc máu, chân thì run lẩy bẩy, vừa đi chập choạng vừa hô gọi líu tíu:



- Quân ta lên cả mặt thành ứng chiến, mau mau!... Đi tìm ông Phó tướng lại đây cho ta!... Còn ông đạo sĩ đâu? Bay mời ngay vào dinh để tao sai bói một quẻ, xem việc hành binh cát hung ra sao cho biết!...

Tình cờ, Phó tướng Hoàng Đình Thề vừa đến nơi, đã nai nịt chỉnh tề, cốt tìm Ngô Cầu để bàn việc quân và chờ tướng lệnh. Nghe rõ mấy lời sau chót Ngô Cầu vừa mới thốt ra. Đình Thề cười gằn và nói:

- Chết rồi! Giờ khắc này mà ông còn mơ tưởng ông đạo sĩ nữa à?... Đạo sĩ gì? Nó là tay gian tế của quân giặc sai đến Phú Xuân trước để xem xét binh tình, và bày trò dị đoan để trác ông đó... Bây giờ chỉ có việc kháng chiến đáo đẽ, không thì chết tươi cả lũ!

Ngô Cầu trợn mắt tròn xoe, dẫu tỏ bất bình về khoản Đình Thề buộc tội đạo sĩ, nhưng không muốn cãi nhau về chuyện đó vội, hãy lo cắt đặt việc quân khẩn cấp hơn:

- Ta phân binh ra làm ba, tôi ở trong giữ thành, ông đem quân ra ngoài đối địch với giặc nhé!

- Thừa ông, đây là tướng lệnh, hay chỉ là một ý kiến nói giả tĩ mà nghe thế thôi? Đình Thề cau mặt hỏi, có ý hăm hực, vì bấy lâu vẫn khinh ghét Ngô Cầu.

- Đây là tướng lệnh, không phải chuyện chơi! Ngô Cầu trả lời quyết liệt.

- Vâng, tôi xin đem quân ra ngoài thành đối địch! Đình Thề nói và quắc mắt nhìn Ngô Cầu chăm chăm. Nghĩa là ông đem cái chết mười phần chắc mười, đặt lên mình tôi đấy!... Được rồi, Đình Thề này quyết chiến với giặc đến cùng, đâu có sợ chết. Thôi xin chào ông, để tôi đi làm việc nghĩa vụ; tình thế khẩn cấp lắm rồi.

Đình Thề nói đoạn, day gót đi liền.

Giữa lúc ấy, súng thần công của Nam quân ở ngoài bắn vào trong thành đùng đùng, đốt cháy nhà dân và dinh thự nhiều chỗ.

Mấy hôm trước lũ trên rừng đổ về như thác, mặt nước sông Hương dâng lên cao, súng thần công Nam quân đặt trên thuyền chiến, có thể nhắm bắn vào thành rất trúng đích.

Tuy vậy, đạo binh Hoàng Đình Thề dựa lưng vào thành, đánh nhau với Nam quân ở trên bộ cực kỳ anh dũng, khiến Nam quân không thể



lại gần mà hồng hãm thành. Có khi Đình Thê lại bắn chìm một hai chiến thuyền Nam quân ở trên sông Hương, mà súng thần công của đạo binh Ngô Cầu đặt trên mặt thành bắn ra, rõ ràng được thể trên cao đánh xuống, lại không ăn thua gì; đạn chỉ rơi xuống nước lồm bồm, làm khô bầy cá vô tội thì có.

Xông pha mũi tên hòn đạn, Đình Thê ngang nhiên cỡi voi đi lược trận ở trên mé sông, nhận rõ Cống Chính ngồi trên một chiếc thuyền chiến đi xuôi, cất tiếng gọi to và nói:

- Chào ông Cống Chính, đi đâu mà vội vàng thế?... Ông đi rước voi thiên hạ về dày đập mồ mả ông bà, tàn sát anh em đồng loại thế này, anh hùng đấy nhỉ?

Chính nghe nói đâm hòng, có ý hồ thâm, lại trông rõ Đình Thê, không nói năng gì cả, chỉ ra hiệu cho quân thủ hạ bắn phóng lên bờ một loạt độ dăm chục mũi tên, và hối thủy thủ chèo thuyền cho mau, đi thẳng.

Tối hôm ấy, Huệ với Chính tới bản doanh đóng ở Phủ Cam, thương lượng quân sự:

- Viên tướng Bắc quân cỡi voi đó, tên là gì? Huệ hỏi Chính. Người đã có tuổi mà tôi xem rõ là một tay thiện chiến đáo để.

- Bẩm thượng công, hần là Hoàng Đình Thê, tôi biết. Chính đáp.

- Có phải là bộ tướng của Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc, từng theo ông này vào Quảng Nam, đã giao chiến với quân ta ở trận Cẩm Lệ năm xưa?

- Thưa, chính là hần ta.

- À, Đình Thê là một trong số năm hổ tướng Bắc Hà, có tài thiện chiến nổi tiếng, tôi nhớ hình như người Đảng ngoài đã gọi hần là “Lão tướng Hoàng Trung”, có phải thế không?

- Bẩm có thể.

- Nếu vậy thì ta phải tìm cách trừ thẳng cha ấy trước, mới có thể mau hạ được thành Phú Xuân... Mấy hôm nay hần ta kháng chiến rất quá!.. Tiên sinh hần có diệu kế để nhổ cây đinh trong mắt, lể mũi gai cản đường ấy đi?

- Thượng công chẳng hỏi, chính tôi cũng đã có ý muốn bằm bịch



về chuyện đó. Thừa, Phạm Ngô Cầu là phường nhút nhát bất tài, thì nghiêm nhiên ở ngôi chủ tướng, còn Hoàng Đình Thể lão thành thiện chiến, lại phải phụ thuộc dưới quyền một kẻ thua kém mình đủ mặt.

Đình Thể vẫn tấm tức âm thầm bất phục Ngô Cầu. Hai người chỉ bằng mặt chứ không bằng lòng nhau. Sự tình éo le ấy giúp sức cho ta, chỉ thi hành một kế phản gián là đủ vật ngã cả đôi...

- Kế phản gián thế nào mà vật ngã cả đôi? Huệ hỏi sẵn đón, nóng nảy muốn biết.

Chỉnh ghé bên tai nói nhỏ mấy câu, làm cho Huệ hớn hờ, vỗ tay cả cười:

- Hay!... Kế ấy hay thật! Vậy tiên sinh viết cho bức thư ngay đi!

Lập tức cầm bút đặt giấy, Chỉnh viết loay hoay một lát xong bức thư, xem đi xem lại mỉm cười đắc ý, rồi trao tay cho Huệ và nói:

- Bẩm, thư tôi viết đây, nhưng sự thành bại còn phải quan hệ ở cách truyền đạt cho khéo mới được:

Huệ tiếp lấy bức thư đọc qua, cũng mỉm cười đắc ý, khoan thai hỏi Chỉnh:

- Theo ý tiên sinh, cách chuyển đạt nên làm thế nào thì hơn?

- Tôi nghĩ nên bắn theo mũi tên là diệu hơn cả. Chỉnh đáp.

- Ô!... Nếu thế thì lại phiền đến “Nữ Dưỡng Do Cơ” của ta chứ còn ai?

- Ngài có đem theo trong quân?

- Có!... Có!... Thuở nay không có khi nào đi chinh chiến mà nàng không theo quân!

Huệ nói rồi, sai người đi triệu ngay Thị Xuân đến cho Chỉnh dặn dò cách thức và bảo chỗ đưa thư.

Tang tảng hôm sau, trời còn mờ mờ, chưa thể nhận rõ mặt người, Thị Xuân buộc thư vào mũi tên sẵn sàng, cỡi ngựa đến trước nam môn, réo gọi ông Hoàng Đình Thể, có thư của Công Chỉnh gửi đây này, ra mà nhận lấy. Quân sĩ trên thành, nhắm chừng tiếng nói mà bắn xuống rào rào, chứ không trông thấy ai cả. Bấy giờ Thị Xuân mới đặt tên vào cung, nhắm rất thân thiết, bắn lên vọng lâu, mũi tên cắm chặt vào cột giữa; thế rồi nàng tể ngựa chạy.



Vọng lâu cửa nam là chỗ Ngô Cầu vẫn ngồi giám trận, ếp quân giữ thành.

Bức thư đáng lý đưa cho Đình Thê đã lọt vào tay Ngô Cầu.

Quân canh nhỏ lấy bức thư, đánh thức Ngô Cầu dậy để trình. Ngô Cầu ra trước ngọn đuốc, xem bức thư vắn tắt sau này:

*“Đồng Châu Hoàng tướng quân túc hạ. Túc hạ đã hiểu rõ thời thế và thế tất lòng tốt của tôi, mà tình nguyện hiến thành, vậy xin y ước đêm mai, trước giờ tý, mở cửa thành cho Nam quân tiến vào. Túc hạ thừa cơ lấy đầu Ngô Cầu làm lễ tiên kiến, ấy là quân công thứ nhất. Đệ đã sai người về Quy Nhơn, tâu xin Tây Sơn hoàng đế sắc phong túc hạ là Phú Xuân vương, trấn giữ Thuận Hóa đời đời.*

*Cố nhân Hữu Chinh bái thư.”*

Ngô Cầu xem xong, vừa tức vừa sợ, càu nhàu nói một mình:

- À!... Thằng khốn nạn này mưu mô hiến thành đầu hàng, bán đầu ta cho giặc! Nhưng quyền chủ tướng ở ta, ta đóng chặt cửa thành thì nó lấy gì mà hiến?

Đoạn, suy nghĩ trong trí:

- Đình Thê mà hàng thì còn lấy ai chống với quân giặc?... Vả lại, Tây Sơn binh ròng thế mạnh quá, chống cự cũng chẳng được nào!... Chi bằng ta cho người dò ý Tây Sơn nếu họ chịu theo điều khoản ta xin, thì ta cũng hàng trước cho xong.

Dưới chân thành, hai bên vẫn xung sát dữ dội. Những tiếng súng nổ, quân reo, loa truyền, trống giục, làm rung động cả dòng nước Hương Giang, vách tường Phú Xuân. Đình Thê ngồi trên mình voi độc chiến, lấy sức một chọi năm, giết hại Nam quân vô số. Nhiều lần Nam quân ồ ạt phá thành, đều bị bộ hạ Đình Thê tung máu thịt ra đánh lui. Quân hai bên chết nằm ngổn ngang, từ chân thành ra đến bờ sông, và trên mặt nước, chỗ nào ràn có. Trời tháng năm nóng nực, người ta mãi miết đánh nhau luôn mấy đêm ngày rồi, bỏ mặc tử thi chẳng ai lượm lật chôn cất, mùi hôi thối xông lên ghê tởm.

Xế chiều Đình Thê hết cả đạn dược, sai người gõ cửa thành xin thêm đạn dược và binh tiếp tế. Ngô Cầu giả điếc làm ngơ, không nói gì hết, chỉ truyền quân lính canh gác các cửa thành kỹ lưỡng, chớ để một tên quân nào của Đình Thê lọt vào.



Quân sĩ chết dần mòn thuốc đạn thì đã hết, mà đợi mãi không thấy viện binh trong thành ra, Đình Thề chạy đến nam môn nhờ lính gác mở cửa cho mình vào gặp mặt chủ tướng Ngô Cầu.

Lính gác trả lời bằng một loạt súng bắn xuống. Một quả đạn trúng vào chân con voi Đình Thề cỡi. Voi đau kêu rống và chạy, viên quân lượng kèm mãi mới được.

Đình Thề ngảnh mặt trông lại, thấy kỳ đài trong thành đã treo cờ trắng bay phất phới, sóng giận dâng đầy ruột gan, thúc voi trở về mặt trận, gọi bộ tướng Võ Tá Kiên, và đốc chiến Nguyễn Trọng Đang, ứa nước mắt nói:

- Thằng phản quốc, thằng hèn nhất Phạm Ngô Cầu đã treo cờ đầu hàng quân giặc rồi các ông ạ!... Các ông tự xử lấy mình thế nào tùy ý, còn cha tôi thì quân giặc sẽ bới thấy xác ở chỗ này!

- Chúng tôi xin chết theo tướng quân.

Mặt mũi nào phụ nước mà hàng giặc cho đành? Võ Tá Kiên và Nguyễn Trọng Đang cùng nói:

Lúc ấy thuyền Chinh đầu khít mé sông, Chinh ngồi chễm chệ trên mũi thuyền đốc chiến, giữa bốn cây lọng xanh và lá cờ lệnh oai nghiêm trước gió, sai lính bắc loa réo gọi Đình Thề chiêu hàng:

- Bớ lão tướng Hoàng Đình Thề!... Đầu hàng thì ta tha chết cho!

Đình Thề gằm thét như con hổ đói, muốn vồ lấy thịt Cống Chinh mà nhai ngấu cho đã thèm:

- Phản tặc Cống Chinh ơi! Mi cũng rắn về căn gà nhà, để xem có được trọn đời an hưởng phú quý không, nhớ!

Đồng thời miệng nói, tay ra hiệu cho hai người con lấy cung tên nhắm thẳng Cống Chinh bắn luôn mấy phát; Cống Chinh phải cúi rạp mình xuống để tránh tên.

Thế rồi ba cha con Đình Thề và Trọng Đang, Tá Kiên chia nhau mỗi người một ngả, đông xung tây đột, hò hét đánh giết Nam quân tới đâu rập đó. Nhất là Đình Thề giục voi xông bừa vào trận, tay múa trường đao, chém bên tả, đâm bên hữu, dững mãnh đáo đẽ, Nam quân không dám lại gần.

Một chặp, thế cô lực kiệt, quanh mình chỉ còn vài chục thủ hạ,



Đình Thê biết thế không đánh được nữa, nếu chậm thì bị giặc bắt sống, liền rút gươm đâm cổ tự sát trên lưng voi, sau khi hét rống mấy tiếng: Trời hại ta! Trời hại ta!

Hai người con trọng thương giữa trận, đều bị Nam quân bắt sống. Trọng Đang và Tá Kiên cùng chết trong đám loạn quân.

Sáng hôm sau, Nguyễn Huệ chỉnh tề đội ngũ, uy nghi hùng tráng, rần rộ kéo vào trong thành Phú Xuân.

Ngô Cầu bày bàn hương án phía trong cửa chính, mặc áo thụng xanh, thân ra đón trước đầu ngựa Nguyễn Huệ, vái rạp đến đất, trình những sổ bộ kho tàng và đình điền xứ Thuận Hóa.

Huệ niềm nở an ủi Ngô Cầu, bảo hãy về dinh ở yên chờ lệnh.

Nam quân vào thành tìm người Thanh Nghệ mà chém giết, bất cứ là quân sĩ hay thường dân, vì cho là một tội với kiêu binh Tam phủ đã làm loạn xứ Bắc. Thêm cư dân trong thành cũng bị vạ lây, Số quân dân Bắc Hà chết oan đến một hai vạn, nhuộm đỏ mặt đất Phú Xuân.

Cống Chính trông thấy thảm trạng ấy mà không dám mở miệng nói gì để cứu với anh em đồng hương, cho nên càng bị người Bắc Hà khinh bỉ thù ghét.

Không để việc quân trễ nải một phút nào, Huệ lập tức phái một đạo binh ngay hôm ấy lên đường, tiến ra đánh lấy hai đồn Cát Doanh và Đông Hải, nghĩa là lấy hết địa giới của Nguyễn chúa khi trước. Thành ra Tây Sơn trở nên lân quốc Bắc Hà.

Riêng phần Ngô Cầu thấy chủ tướng Tây Sơn đối với mình tử tế, trong dạ khắp khởi mừng thầm, tưởng chắc bề nào họ cũng nghĩ lại công mình hiến thành quy thuận, mà để cho ở nguyên chức Trấn thủ xứ này và tặng thêm quả ấn phiên vương.

- Nếu vậy thì chỉ có cuộc diện thay đổi thôi! Ngô Cầu nghĩ thầm trong trí. Còn ta vẫn nghiêm nhiên là ta, mà lời đoán vận mệnh của ông đạo sĩ hôm nọ cũng vẫn là!...

Nửa buổi hôm sau, có lệnh triệu Ngô Cầu đến hành dinh của Hữu quân đô đốc Nguyễn Hữu Chính có việc.

Đến nơi, thấy trước thềm bày sẵn một cái cũi to và binh lính rộn rịp, Ngô Cầu tái mặt, giựt mình, chưa kịp chào hỏi gì đã nghe Chính gọi đích danh mà nói nghiêm nghị như là truyền lệnh:



- Phạm Ngô Cầu! Chui vào cũi kia để người ta đưa đi Quy Nhơn!
- Đi Quy Nhơn làm gì? Ngô Cầu run và hỏi, thừa hiểu số phận đợi mình ra sao.
- Cứ vô đó sẽ biết! Chính đáp vẫn tắt.
- Thế ra Tây Sơn các người phụ ước với ta ư?
- Ước gì mà phụ?
- Ta đã giao hẹn hiến thành quy hàng thì phong tước thiên vương, vẫn trấn thủ Thuận Hóa; chính các người đã nhận điều ấy với người mà ta sai đến thương thuyết hôm trước?
- Có lẽ người ông sai đi, đã nghe lầm thế nào đấy! Chính nói và mỉm cười. Phong ông làm Diêm vương, chứ phiên vương hãy còn bé. Thôi, chui vào cũi đi, đừng nói nhiều!
- Ngô Cầu khóc rống, mắng chửi Cống Chính thậm tệ. Rốt cuộc đành phải vào cũi để cho người ta đưa về Hoàng đế thành, làm lễ hiến phù trước nhà Thái miếu.



## PHẦN THỨ HAI

### I. Bà lớn Đại đô đốc

Phủ Đại đô đốc xứ Nghệ An mới xây dựng xong ít lâu, quy mô rộng lớn: công đường, tư thất, cơ tào, binh trại, ngang dọc đến hai chục tòa nhà liền nhau, trông rất uy nghi hùng tráng. Cửa chính đối diện thành nội Phụng hoàng cũng mới kiến trúc toàn bằng đá ong; cổng sau tiếp giáp phố phường dân cư, suốt ngày đông đảo, vui vẻ.

Không ai đi ngang qua phủ mà không cố ý chậm bước lại, để nhìn những mái nhà kiêu mới, hoặc xem quân gia, các thầy tư thuộc, cùng là nội nhân trong phủ đi ra đi vào tấp nập. Phủ này có đủ vẻ làm đại biểu cho tất cả triều đại mới lên, uy quyền mới đặt, nhân vật mới nổi, chẳng trách thiên hạ tò mò dòm ngó.

Bởi vậy, nhất cử nhất động trong phủ, thường khó lọt qua tai mắt phường phố và người qua đường.

Sau phủ, cách xa cổng cái độ mười thước, có một cửa nách nhỏ, khuất một góc tường và cây đa to che lấp; lại đóng kín mít đêm ngày, không mấy khi thấy mở đến, hầu như một cửa vô dụng vậy.

Nhưng luôn năm sáu hôm nay, hàng phố nhận thấy có sự lạ ở ngay cửa ấy.

Hôm nào cũng thế, vào lúc chiều hôm chạng vạng, một người trông còn trai trẻ, chỉ độ ba mươi tuổi trở lại, đầu đội nón lá rách, quần áo lam lũ, vai khoác một cái bị, hình dáng nửa như ăn mày nhà nghề, nửa như hàn sĩ lỡ bước, từ đâu đến không biết, ngồi cò rò dưới gốc cây đa, hai mắt chăm chú nhìn về phía cửa nách. Người này là người lạ, vì quanh đây có bao nhiêu ăn mày nhà nghề, thiên hạ đã nhẵn mặt cả.

Giây lát, cửa kẹt mở, một người ra tay cầm nắm cơm trao cho người lạ kia rồi quay gót trở vào, đóng cửa lại ngay, không nói không rằng gì hết. Người lạ cũng thế, nhận lấy nắm cơm rồi từ từ đi, chẳng cúi đầu chào hay nói một tiếng cảm ơn.



Hai người như đã ước hẹn nhau mỗi ngày cứ khoảng giờ khắc ấy, thì người nọ đến chờ dưới gốc đa, người kia đem nắm cơm ra cho; rồi ai đi đàng nấy, không nghe trao đổi một tiếng nói bao giờ. Hay là họ trao đổi bằng giấy tờ bí mật với nhau thì không biết.

Hôm nào cũng như hôm nào, khiến những người phường phố bắt gặp thông luôn năm sáu lần, không khỏi cho là sự lạ, cùng nhau bàn tán dị nghị.

- Này, các anh có thấy không? Độ này cô Mười trong phủ nhân đức quá, chiều nào cũng cho kẻ khó một nắm cơm.

- Có, tôi cũng thấy thế... Nhưng người đàn bà ấy là cô Mười đấy à?

- Chứ còn ai!

- Tuyệt sắc nhỉ! Anh chàng ăn mày nào đó mỗi chiều được nhìn cái sắc đẹp âu cũng đủ no, chả cần ăn cơm.

- Lại còn phải nói! Ai có mắt mà không biết cô Mười là đẹp thì là kẻ mù; hoặc ngu dại không biết sự đẹp là gì.

- Cô là người thế nào ở trong phủ, các anh nhỉ?

- Người nói là ái thiếp, người bảo là con nuôi quan Đô đốc, chả biết thế nào... Chỉ biết rằng cô ở Bắc Hà mới vô chừng vài năm nay.

- Nhưng có một chỗ lạ đáo để, chả hiểu bà con có nhận thấy không?

- Chỗ lạ gì?

- Thử nghĩ xem!

- Xin chịu.

- Thế mà các bác hay khoe tình mắt!...

- Này nhé, chiều nào cũng là kẻ khó ấy đến xin mà cũng là cô Mười đem cơm ra cho, như thế không phải là một việc lạ ư?

- Phải đấy, kẻ cũng lạ lùng. Làm sao cả ngày không thấy cô ta làm phúc thí cơm cho kẻ khó nào, chỉ đến chạng vạng mới thò mặt ra thí cơm cho một kẻ khó ấy thôi?

- Có lẽ nó là bà con họ hàng gì của cô ta, thất cơ lỡ vận, nên cô thương hại bố thí chăng?

- Hay là nhân tình của ả không chừng? Một người trong bọn vừa cười vừa nói.



- Bậy nà! Người khác cãi lại. Khi nào một người mặt hoa da ngọc như thế, lại tự tình với một kẻ ăn mày?... Tôi không thể tin ở đời có chuyện ấy được.

- Anh không tin mặc anh, chứ ở đời vẫn có con nhà giàu sang dòng dõi mà phải lòng một kẻ hàn nho cùng sĩ là sự thường thấy.

- Ủ, nói có lẽ!... Hai ba lần tôi nhìn giáp mặt kẻ khó ấy, trông có vẻ sáng sủa, lanh lợi, nhất là cặp mắt trung hậu mà đen nhánh; ý chừng là người cùng đồ lạc phách thế nào đó, quyết nhiên không phải ăn mày nhà nghề.

Mỗi người nói một câu, đưa ra một giả thuyết, chứng tỏ lòng dân hiếu kỳ, muốn dòm hành xem xét mỗi việc lạ xảy ra trong những nhà quý tộc quyền môn để làm trò cười với nhau, hoặc là phê bình, chỉ trích.

Cách dăm hôm sau, họ lại có dịp tụ họp trước tô nước chè xanh và chiếc điều cày, rồi trở lại bàn tán chuyện cũ:

- Thế nào? Trong bọn ta có chú mô đi qua cổng phủ lúc nãy, vẫn thấy tấn tuồng cô nàng và kẻ khó còn diễn đấy chứ? Một người gọi chuyện và hỏi.

- Vẫn trò rồi!... Vẫn trò rồi, anh em ạ! Người kia đáp và cười ha hả.

- Sao thế?

- Không có kếp chứ sao!

- Ô! Chú này khéo nói giả ngộ hoài; chuyện thật thấy thế nào, kể rõ cho anh em nghe với?...

- Thì tôi nói không có kếp, đào còn hát với ai!

- Đó, vẫn là chuyện bịt mắt bắt chim mãi!... Nghĩa là chiều nay anh đi qua, không thấy người lạ kia chờ cô Mươi cho cơm nữa, có phải thế không?

- Có!... Có!... Tấn tuồng vẫn diễn hồi đầu như mọi khi, cũng đào ấy, kếp ấy, nhưng qua đến hồi thứ hai thì khác...

- Khác thế nào?... Nói chuyện nhát gừng, làm người ta sốt cả ruột.

- Hồi thứ hai là hồi người lạ nhận xong nắm cơm rồi đi... Mọi



lần anh chàng đi thẳng một mạch, bình yên vô sự... Nhưng mà lần này, chàng từ già gốc đa lên đường, lùi thui đi chừng mười lăm bước, thì hai chú lính nấp ở góc tường hồi nào không rõ, nhảy sỏ tới cùng thộp ngực chàng mà điệu vào trong phủ...

- Trời ơi! Tội nghiệp người ta đói thì đi xin, có tội gì mà bắt?

- Nào ai biết tổ con chuồn chuồn? Tôi nghe giọng lưỡi của hai chú lính mà đoán, thì anh chàng nọ không cốt vì đói mà xin, không phải ăn mày gì đâu, chỉ là tay sai của các ông Cố Lê chư thần, đội lột kẻ khó đến do thám binh lính trong phủ Đại đô đốc...

- Ủ, có lẽ thế thật!... Trông mặt anh chàng rõ ràng khôi ngô, tinh táo, chẳng ra vẻ đói khát đi xin tí nào!

- Khoan, để tôi nói hết rồi tự các anh suy xét thế nào tùy ý... Tôi nghe bọn lính nói cử chỉ anh chàng khả nghi, cho nên bà lớn truyền lệnh cho họ bắt đưa vào phủ xét hỏi...

Câu chuyện mấy người hàng phố nói với nhau trên đầu ghé một quán nước. Hai người khách lạ cỡi ngựa ghé vào quán ngồi nghỉ từ nãy, vẫn lóng tai nghe chuyện, bây giờ một trong hai người cất tiếng, góp vào cuộc bàn phiến, hướng mặt về phía người hàng phố vừa mới nói xong:

- Chắc ông định nói quan lớn truyền lệnh bắt giải vào phủ xét hỏi, nhưng ông nhịu lưỡi ra nói bà lớn, phải không?

- Không, tôi nói bà lớn rõ ràng, chứ không phải nhịu lưỡi mà lảm đầu! Người hàng phố trả lời, tỏ ra mình nói chắc chắn và thạo chuyện thời thế.

- Sao lại bà lớn xét hỏi, thế thì quan lớn đâu? Người khách hỏi lại.

- Quan lớn đi vô kinh triều kiến chưa về; nhất thiết công việc quân cơ chính sự ở trấn ta đây, bà lớn thay mặt xử phân được cả.

- Vậy ư?... Thời thế đổi mới có khác, đúng như câu tục ngữ “*gái ngoan là quan cho chồng*”, các ông nhỉ? Người khách nói và đưa mắt nhìn bạn mình, hai người khẽ gật đầu, tỏ dấu hiệu riêng với nhau.

- Phải, cứ nói cho ngay, bà lớn này có tính cách dễ dãi, thân dân, lại giỏi cả võ nghệ, cỡi ngựa chạy đi quanh thành như bay, không phải hạng bà lớn khệnh khạng, hách dịch như thời cũ... Nghe đâu cũng là một chiến tướng có nhiều công trận với bản triều.



Người ngồi bên cạnh, cùng bạn hàng phổ với nhau, nói phụ thêm:

- Người anh em ta nói đúng sự thật đấy!... Hạng đàn bà ấy đáo để, chớ ai trên ghẹo vào mà khỗ. Những ngữ có bắp thịt rắn rỏi như bà con mình đây, chưa chắc kham nổi một quả đấm. Chẳng thế mà một mình thay chồng phủ trị cả một trấn; các ông phản đối không dám nhóc nhách.

Hai người khách không nói gì, chỉ đưa mắt nhìn nhau, trả tiền nước rồi lên ngựa đi.

Bọn ngồi lại trông theo, giây lát một người nói:

- Theo ý tôi, hai thằng cha vừa mới cỡi ngựa đi, có lẽ đáng bắt hơn là chú ăn mày nọ... Các anh có để ý bầu áo của họ có mang “tín bài” gì đâu?

\*

Trong lúc ấy, hai người lính dẫn chú ăn mày đến trước mặt bà lớn Đô đốc.

Thoạt tiên, bà nhìn với nét mặt giận dữ, nghiêm khắc. Nội người trong phủ đều tin thế nào chú nọ cũng bị tra tấn cực hình y như những kẻ tình nghi do thám bị bắt mấy lâu. Đến khi bảo lính khám xét trong bị và khắp người chú, ngoài bộ quần áo rách, không có vật gì khác hơn là một miếng giấy nhỏ viết bốn câu thơ; bà xem đi xem lại kỹ lưỡng, nhìn mãi nét chữ rồi thấy nhan sắc trở lại hòa nhã, hỏi chú ăn mày với giọng điềm tĩnh:

- Tên gì?
- Bầm, tên là Nhữ Hùng.
- Năm nay bao nhiêu tuổi?
- Bầm, đúng ba mươi.
- Quê ở Bắc Hà?
- Vâng, ở Sơn Nam hạ trấn.

Bà truyền cho lính đưa chủ xuống ở tại trại giam, dặn dò đối đãi tử tế, rồi day lại gọi một thị nữ và nói:

- Cô Mươi đâu? Đi tìm lại đây!

\*



Đến chỗ này, độc giả tất đã nóng ruột muốn giết bà lớn Đề đốc là ai mà được người sở tại xem ra kính phục, và trước mặt kẻ tình nghi do thám, lại có thái độ đột ngột khó hiểu như thế?

Chúng ta đã nhảy qua bốn năm mấy tháng trên đường lịch sử tiến phát của Tây Sơn mà đến câu chuyện lạ này. Trong thời gian bốn năm mấy tháng ấy, nghĩa là từ tháng 5 năm Bính Ngọ (1786) đến đầu năm Canh Tuất (1790) cuộc diện nước ta đã thay đổi nhiều: hai chiếc ngai thế truyền hàng mấy trăm năm bỗng bị lật đổ, một người áo vải thứ hai tự khoác long cốn vào mình nhờ có những võ công oanh liệt chưa kể mấy vạn chú khách đem thân sang nhờ đất Việt Nam chôn vùi.

Giữa năm Bính Ngọ, chiếm được Phú Xuân rồi, Nguyễn Huệ nghe mưu Công Chính, tiến binh thẳng ra Bắc Hà, diệt Trịnh phù Lê; nhân đó ông được gia phong là Bắc bình vương, nhưng bị Thái Đức hoàng đế nghi kỵ, anh em thành ra hiềm khích. Đến nỗi ông phải đem binh uy hiếp Quy Nhơn, khiến anh trèo lên mặt thành than thở nỗi da xáo thịt, hạ mình năn nỉ mới thôi. Qua tháng mười một năm Mậu thân ông lên ngôi hoàng đế ở Phú Xuân, kỷ nguyên Quang Trung, rồi kéo binh ra Bắc, phá tan mấy vạn quân Thanh, lập nên võ công oanh liệt nhất trong lịch sử nước ta. Nhất nhất đúng câu “*nội huých vu tường, ngoại ngữ kỳ vũ*”, mà tôn sư Giáo Hiến đã đoán số cho ông từ mười năm trước.

Từ Mậu Thân cho đến khi ở trấn Nghệ An có câu chuyện chúng tôi kể trong chương này, là năm Canh tuất, bản đồ Việt Nam phân ra Tam quốc rõ ràng.

Nguyễn vương Phúc Ánh như Hán trung vương Lưu Bị muốn khôi phục nhà Hán, đã chiếm được toàn cõi Gia Định làm căn bản mà dựng lên nước Thục. Nhờ dân tâm quy phục, nhờ có nhiều mưu thần võ tướng lại nhờ vì em Nguyễn Nhạc là Đông Định vương Nguyễn Lữ nhu nhược bất tài, cho nên Nguyễn vương Phúc Ánh mới lấy lại được Gia Định. Đại khái cũng như ngày xưa Lưu Chương, Trương Lỗ đều là kẻ ngu hèn, thành ra Đông, Tây Xuyên mới về tay Lưu Bị mà nước Thục dựng lên vậy,

Không khác gì Tôn Quyền nhờ công tạo lập của cha anh (Tôn Kiên và Tôn Sách) để lại cho mà được ung dung làm chủ đất Giang Đông, Nguyễn Nhạc ta lên ngôi Thái Đức hoàng đế, thống trị từ Bình Thuận trở ra đến Quảng Nam, tọa hưởng thái bình, cực điểm phú quý, phần nhiều



là nhờ sức chiến đấu khó nhọc của hai em cùng chiến sĩ. Nhiều nhất là sức chiến đấu Nguyễn Huệ. Ấy là nước Ngô.

Còn Nguyễn Huệ thì hùng tài đại lược giống như Tào Tháo, vận dụng tài làm tất cả, không lúc nào nghỉ xuất thân chinh trái hơn mười năm, lập thành nước Ngô suốt từ đèo Hải Vân trở ra, qua Phú Xuân đến suốt cả Bắc Hà. Có người bảo rằng hậu thế vẫn trách họ Tào cướp đất nhà Hán, nghĩ thật là oan. Hồi ấy nhà Hán đã suy, quần hùng cát cứ mỗi người một nơi, không còn thuộc quyền của Hán giá ngự nữa. Họ Tào phải chịu xuất mưu cơ tài lược đi đánh đông, dẹp bắc hàng mấy chục năm, quét hết những lũ Lữ Bố, Viên Thiệu hàng mấy chục tay cường địch, mới lấy lại được những đất nhà Hán đã mất chủ quyền mà dựng lên nước Ngụy, có phải trở tay năm ngón, tự nhiên tọa hưởng đâu?

Nguyễn Huệ cũng vậy, không phải lấy Phú Xuân của chúa Nguyễn mà là đoạt lại trong tay họ Trịnh, vì quân Trịnh chiếm giữ Phú Xuân đã hơn 10 năm. Cũng không phải lấy Bắc Hà của vua Lê mà là đoạt lại trong tay quân Thanh; vì vua Thanh sai Tôn Sĩ Nghị đem đại binh sang, cốt thừa cơ chiếm lấy Bắc Hà làm quận huyện, chứ không thực tâm cứu vua Chiêu Thống! Huống chi Nguyễn Huệ đã một lần ra diệt trừ họ Trịnh, trả hết đất đai quyền hành lại cho vua Chiêu Thống, mà vua Chiêu Thống không biết gìn giữ?

Bởi thế, ta phải nhìn nhận cho ông rằng: từ Hải Vân ra suốt Bắc Hà mà ông cầm quyền thống trị với cái tôn hiệu Quang Trung hoàng đế, là do tài năng, tâm huyết của ông xây dựng lên; chẳng trách, Cố Lê chư thần không muốn phục quyền thống trị ấy, ông được phép coi là ngoan dân, là kẻ thù, mà thẳng tay đàn áp.

Từ cái điểm ấy chúng ta sẽ đi tới bà lớn Đại đô đốc.

Sau khi đuổi xong quân Tàu rồi, vua Quang Trung đặt quan cai trị xứ Bắc rồi trở về Phú Xuân là nơi đã chọn làm kinh đô bắt đầu sửa sang công việc toàn quốc.

Chúng ta hãy bỏ những chuyện ngoại không nói, để cùng nhau đi ngay đến câu chuyện cần biết là hơn.

Một hôm, xong buổi chiều, nhà vua cho mấy chục vị văn võ đại thần từng theo chinh chiến, như hạng Vũ Văn Dũng, Trần Quang Diệu, Phạm Công Hưng, Trần Văn Kỳ, Nội Hầu Tử v.v... vào trong tiền điện hầu cơm. Ngài phán:



- Tiếc quá, cuộc vui ở đời thật có thú vị, thường không đem đến cho con người ta hai lần!... Ví dụ, ngày nay ta muốn cũng chẳng được cùng chư khanh ăn những bữa cơm thân mật, giản tiện như khi ở chiến trường. Là vì bức tường lễ nghĩa của ông thánh xây dựng kia phiền phức vô cùng... Dù ta có muốn dẹp tạm nó sang một bên, có lẽ chư khanh cũng thủ lễ, không ưng.

Đại thần cùng cúi đầu cảm tạ mấy lời nhà vua vừa nói, rồi quan Trung hưng lệnh Trần Văn Kỷ tâu:

- Bệ hạ có lòng chí nhân, thương tưởng công thần mà phán dạy như vậy, chứ lễ nghĩa khi nào bỏ được. Thánh nhân đặt ra lễ nghĩa là để phân tôn ti, định trật tự; nước có giữ lễ nghĩa thì nước mới còn được lâu dài.

Vua Quang Trung mỉm cười.

Đoạn, vua tôi cùng ngồi vào tiệc. Đồng thời, ở trong nội điện, Tây cung hoàng hậu (bà vợ từ thuở hàn vi, sinh mẫu Thái tử Quang Toản) và Bắc cung hoàng hậu tức Ngọc Hân công chúa, con vua Lê Hiển tông) cũng ban yến cho các bà mệnh phụ.

Nhà vua sai cung nữ luôn phiên chuốc rượu cho các quan uống thật say. Cung nữ đều trẻ măng, sắc đẹp, y phục tha thướt chế theo kiểu riêng, trông rất lạ mắt. Vua ngà ngà say, cười và nói:

- Ta cho phép các người tha hồ mà uống đứt giải mũ!

Câu nói của vua Quang Trung nhắc lại điển cố “*Tuyệt anh Đại hội*” ở đời Sở Trang vương, hồi Xuân Thu.

Nguyên là Sở Trang vương đi đánh trận toàn thắng trở về, mở tiệc thết đãi bách quan, uống mãi tối mịt còn thấy con hứng bèn sai thấp đèn uống nữa. Lại sai Hứa Cơ là nàng hầu được yêu mến đệ nhất, ra rót rượu mời các quan. Một vị quan trông thấy nhan sắc Hứa Cơ mà thèm, nhân lúc gió thổi tắt phụt cả đèn trong tiệc, liền thò tay nắm lấy vạt áo Hứa Cơ. Nhanh trí, Hứa Cơ dằng đứt giải mũ của vị quan ấy rồi chạy lên bên Trang vương mà mách. Giá lúc bấy giờ thấp đèn mà tìm vị quan vô lễ nào đó thì ra ngay; nhưng Trang vương không làm thế. Ông suy nghĩ người ta chén say vào sinh cuồng hứng, là chuyện thường tình, ta không thể vì một người đàn bà mà làm méch lòng hiền sĩ trong nước. Đoạn, ông truyền lệnh khoan thấp đèn và nói với các quan:



- Đêm nay quả nhân muốn cùng chư khanh uống thật say mới thôi. vậy ta cùng xé giải mũ vứt đi cho được thông thả mà uống rượu. Ai không làm thế là không tận tình mua vui với quả nhân.

Tức thời các quan làm theo lời vua dạy. Đến lúc thấp đèn trở lại, thì không còn biết ông quan nào mất giải mũ hầu tìm ra người đã gheo Hứa Cơ.

Nhân thế, bữa tiệc của Sở Trang vương, có tên là “Tuyệt anh đại hội”. Giờ vua Quang Trung cũng đãi bách quan, cũng sai cung nữ ra chuốc rượu, bỗng nhớ lại câu chuyện lý thú đời xưa, ngài bảo các quan: “Trẫm cho phép chư khanh tha hồ uống dứt giải mũ”, khác nào là bảo: “Cung nữ xinh đẹp nhớn nhोर trước mắt đây, chư khanh chén say, muốn níu áo con nào cứ việc!”. Nghĩa là vua Quang Trung muốn tỏ mình cũng có độ lượng như Sở Trang vương, biết quý người tài hơn là nhan sắc vậy.

Ngài lại khéo gợi chuyện vui hỏi các quan, nhưng tựu trung có ngụ một thâm ý:

- Con chim có biết nhớ sào huyết nó không, chư khanh?

- Tâu Hoàng thượng, có! Thị trung ngự sử Nguyễn Văn Huân đáp. Một con chim không nhớ ổ của nó, không phải là con chim.

- Giả tí người ta nhốt nó trong lồng son lâu ngày, rồi một đêm thả cho tự do, phỏng nó còn nhận được sào huyết cũ mà về chăng?

- Bẩm, dù được người ta hoạn dưỡng sung sướng đến đâu mặc lòng, hễ có một phút tự do, là nó vỗ cánh bay thẳng về rừng rậm non xanh, quê quán sinh trưởng, không khi nào quên!

- Như thế đáng gọi là một lòng không vong bản, phải không?

- Dạ, chính thế. Hoàng thượng đã phán dạy không sai.

Nhà vua vui vẻ, đắc ý, nói tiếp theo câu chuyện:

- Ấy thế mà loài người có nhiều kẻ không biết nghĩ như loài chim... Ta nhớ mãi câu chuyện người ta đã kể năm nọ, về một lão quận công chỉ chỉ đây, - tức quá, quên bằng mất tên, - gốc người Hoan Châu, ra Bắc Hà làm quan. Bố quận công, hai con tham tụng, rể tổng trấn, đều khéo nịnh hót chúa Trịnh, thành ra uy danh phú quý chung đúc vào một nhà, khắp thành Thăng Long phải kiêng sợ. Tuy vậy người ta khinh bỉ thầm, là vì



bố con nhà nó làm nên hiển hách rồi thì quên hẳn quê hương, bạc bẽo đối với thân tộc... Người ta cho bố con nhà nó vong bản, thế nào cũng chẳng được hưởng phúc lâu bền. Quả nhiên, không bao lâu thời thế thay đổi, nếu binh Tam Phủ nổi lên, cả nhà lão quận công vong bản đó đều gặp ác báo, kẻ thì mất chức, kẻ thì bị giết, gia tài đều bị mất sạch... Thiên hạ không thương hại chút nào, lại còn cho là một khoái sự.

Nghĩ một lát, nhà vua nói tiếp:

- Bởi vậy, ta nghĩ làm người phải biết nhớ gốc công như con phải biết có nhà, dân phải biết có nước; chư khanh nên theo ý đó của ta mà thời thường răn đe lê thứ.

Bấy giờ, ai nấy mới hiểu thâm ý nhà vua từ khi lên ngôi, lo ngay đến việc sửa sang trấn Nghệ An, tức là tỏ mình không vong bản. Hôm nay đem chuyện con chim nhớ ổ ra hỏi, là cốt cho chư thần hiểu rõ cái thâm ý đó.

Nhân tiện cuộc yến vừa xong, chư thần đứng dậy vòng tay cùng nói:

Bệ hạ lấy đạo nhớ gốc làm bài học dạy bảo thần dân, thật là một điều phúc lớn của nhà nước.

Vua Quang Trung chỉ đưa tay lên, mỉm cười, không nói gì.

Thật thế, lúc đánh đuổi quân Thanh rồi từ Thăng Long đem binh khái ca trở về, qua trấn Nghệ An, vua ở lại mấy hôm, để bái yết tổ mộ ở Hưng Nguyên và chẩn cấp gạo vải cho bô lão bản dân trong hạt. Như ai nấy đã biết, anh em nhà Tây Sơn vốn họ Hồ gốc tích ở huyện Hưng Nguyên, xứ Nghệ, đồng tông với Hồ Quý Ly ở đời Trần. Giữa thế kỷ 17, chúa Trịnh và chúa Nguyễn đánh nhau, một người trong họ Hồ ấy tòng chinh bên hàng ngũ quân Trịnh, bị quân Nguyễn bắt làm tù binh, đưa về an trí ở ấp Tây Sơn trong Quy Nhơn, thành ra một chi họ Hồ ở đây. Sau anh em khởi binh mới đổi ra họ Nguyễn, để hiệu triệu nhân tâm cho dễ. Vì nhớ tổ tích xa xôi như thế, cho nên vua Quang Trung mới ruổi xa giá về tới Hưng Nguyên, muốn tỏ cho thiên hạ biết mình phú quý không quên cố hương vậy.

Cử chỉ của nhà vua khiến cho dân chúng sở tại hết sức cảm động.

Và nhân đây cả trấn Nghệ An được chú ý đặc biệt trong công cuộc sửa sang.



Vua thấy Nghệ An là đất ở chính giữa nước, lại là quê hương tiên nhân mình, bèn sai quan ra tận nơi giám đốc công việc xây dựng đền đài cung điện. Đá, gỗ, gạch, ngói, nhất nhất từ trong Phú Xuân tải ra.

Các thợ chuyên môn cũng vậy.

Dụng công hơn nữa, nhà vua cho lấy đá ong từ Đàng trong chở thuyền đem ra Nghệ An để xây vòng thành nội, đặt tên là “*Phụng hoàng trung đô*”, để làm ly cung cho xa giá những khi có việc đi lại xứ Bắc.

Lúc đãi yến đại thần vừa kể trên đây là lúc “*Phụng hoàng trung đô*” xây dựng chưa được hoàn thành đúng theo sở nguyện, lại thêm có những tin mật báo về kinh luôn luôn quan hệ về chuyện Cố Lê chư thần rục rịch phản đối, càng ngày càng nhiều.

Vua Quang Trung đang băn khoăn lo nghĩ, cân nhắc, định chọn một người khác làm trấn thủ Nghệ An thay đô đốc Bảo mà tìm chưa ra; một người có võ lược đã đành, nhưng phải có tài chính trị nữa mới được. Vì sự đối phó với Cố Lê chư thần, không nên tiêu trừ bằng binh lực; dùng binh lực lại gây ra nội chiến làm khổ dân, ấy là một việc nhà vua không muốn tí nào; chỉ nên xử trí bằng cơ mưu làm sao vừa cương quyết vừa ôn hòa, khiến phe phản đối phải phục tùng, hay không quật cường được nữa, là điều quý hóa nhất. Đô đốc Bảo thô lỗ, chỉ giỏi chém giết, thế là người không hợp với tình thế xứ Nghệ, cho nên phải thay.

Nhưng người thay là ai bây giờ?

Cái dấu hỏi ấy hiện đang múa rối ở trong đầu óc nhà vua.

Sau cuộc ban yến đại thần, vua ngự về Bắc cung.

Bắc cung Hoàng hậu cũng vừa đãi các bà mệnh phụ xong, thấy cung nữ tâu có Ngải ngự đến, hớn hờ chạy ra đón tiếp theo Lê. Vua Quang Trung tạm gác trí nghĩ quốc sự qua một bên, niềm nở hỏi chuyện:

- Tây cung Hoàng hậu đâu rồi?

- Bẩm, vừa mới ra ngự uyển! Bắc cung Hoàng hậu đáp. Chắc là chọn hái mấy thứ hoa đẹp, để dâng ngự án.

- Thế nào? Hôm nay hai Hậu ban yến cho mệnh phụ, họ đến có đông đủ không hử? Vua Quang Trung hỏi tiếp.

- Bẩm, đông lắm! Bắc cung Hoàng hậu đáp. Có lẽ đến bốn chục người.



- Những ai nào? Hậu thử kể cho ta nghe xem có đúng không?

- Tâu Ngài ngự, thiếp không biết mặt nhớ tên mỗi người, nhưng dễ thường đủ mặt các bà vợ đại thần trong trào... Có cả bà Đại đô đốc Trần Quang Diệu, tức là nữ tướng Bùi Thị Xuân, mà bình nhật Ngài ngự đã kể chuyện cho thiếp nghe là một tay bắn giỏi, đánh giặc giỏi lắm... Hôm nay thiếp được thấy người tận mắt: trẻ trung, xinh xắn, nói năng dịu dàng lịch thiệp đáo để. Nhưng xem bộ tịch cũng yếu đuối, lượt thướt, trói gà không chặt, bảo là người cử chỉ đoan trang, xứng đáng một bà mệnh phụ thì phải, chứ bảo là nữ tướng thì thiếp xin phép ngờ vực...

Bắc cung Hoàng hậu nói tới đó thì phá ra cười ngất, tỏ ra thật tình không tin Bùi Thị Xuân có thể vác nổi cái gậy tre – khoan nói gươm đao nặng nề - mà ra trận đánh giặc, như tiếng tằm đồn dậy bấy lâu.

Vua Quang Trung hiểu ý, để cho Bắc cung cười chán rồi kéo ngồi lại một bên, vuốt ve và nói:

- Hậu chớ xét người ở bề ngoài! Thị Xuân trông lượt thướt trói gà không chặt thế mà từng giết chết cọp và chặt đầu không biết bao nhiêu quân Trịnh đấy!

Bắc cung Hoàng hậu chưa kịp nói gì; bỗng một ý nghĩ chợt nảy ra trong trí nhà vua, thấy ngài tự vỗ trán, vui cười hể hả, lầm rầm tự nói những câu nhát gừng, dường như chẳng ăn nhập vào đâu, khiến cho Hoàng hậu ngẩn người, không hiểu gì cả:

- Ô! Ta thấy rồi!... Vậy mà đi tìm mãi!... Té ra ở ngay trước mắt!... Ừ, được lắm, được lắm!... Võ lược khác, thêm có tài năng chính trị!... Vả lại, một người mà được cả hai!

Nhà vua nói đi nói lại mãi mấy câu trên, nét mặt hớn hờ, nụ cười nở luôn trên môi... Rồi truyền gọi thượng khản một tên Thị vệ:

- Mau, mau cầm kim bài này đi với Đô đốc Diệu vô châu lập tức!... Cho phép không bịt khăn, không áo thụng, hay là không mang cả giày nữa được, miễn là vô châu tức tốc, nghe!

Ngài vừa nói vừa cười và trao kim bài cho người Thị vệ.

Thị vệ phụng mệnh đi rồi, Hoàng hậu nghiêm trang, nói:

- Thần thiếp được châu hầu đã mấy năm, chưa bao giờ thấy Ngài ngự có trạng thái buồn cười như hôm nay!... Thưa, có chuyện gì mà lạ thế?



- Ấy, nhờ ái khanh nhắc tới Bùi Thị Xuân mà ta chợt nghĩ ra một việc quốc gia chính sự có ích lợi đây! Vua Quang Trung cười và đáp.

Giữa lúc ấy, Trần Quang Diệu theo chân Thị vệ vào châu, khăn áo tề chỉnh. Vua chụm nói ngay:

- Trẫm cho khanh thăng chức Đại đô đốc, kể từ giây phút này.

- Đa tạ thánh ân! Quang Diệu cúi mình và đáp.

- Nhưng khanh phải thu xếp hành trang, để kịp lên đường nội ngày mai. Trẫm cho phép dùng chiếc tàu Hải Long của thủy sư mà đi cho được mau chóng.

- Hoàng thượng định sai hạ thần đi đâu? Quang Diệu hỏi với tất cả ý nghĩ lo sợ hồi hộp, tưởng chừng như mình sắp bị phóng trục vậy.

- Sai khanh ra trấn thủ Nghệ An.

- Bẩm, hiện có Đô đốc Bảo?

- Khanh sẽ mang thủ sắc ra trừu hấn về kính cung chức. Tình hình rạo rục ở Hoan Châu, phải có một tay sắc sảo như khanh chế ngự mới được.

- Bẩm, xin lấy hai chữ ân và uy, châm chước thi hành, có được chăng?

- Được lắm! Đó là bản ý trẫm. Vì thế trẫm phó thác công việc xứ Nghệ cho khanh đảm đương.

- Thần xin phụng mạng! Nhân vì việc quan khẩn bách, thần về thu xếp ngay, kịp ngày mai một mình lên đường đáo nhậm.

- Một mình?

- Dạ, thần ra Nghệ một mình, để gia quyến ở lại kinh đô.

- Không thể được! Vua Quang Trung khoát tay và nói. Trẫm truyền cho khanh phải thu xếp cho cả gia quyến đi theo. Vì trong công việc phủ dụ dân tình, Xuân sẽ là một tay phù tá khanh rất đắc lực!... Con người ấy đủ cả trí dũng, trẫm đã biết. Nhất là ba tháng, khanh phải về kinh diện tấu công việc một lần; vậy mỗi lần khanh vắng mặt ở trấn, tính ra nửa tháng là ít, không có người tin cậy thân thiết như Xuân thay khanh đối phó mọi việc, thì làm thế nào?... Thế là trẫm phó thác trấn Nghệ cho một người mà tức là hai đây!



Một lát, vua lại nói tiếp:

- Huống chi triều đình sửa soạn thi hành “Tín bản” khắp các châu quận. Có lẽ ở xứ Nghệ sẽ khó khăn trắc trở hơn các nơi, khanh liệu thi hành làm sao cho được chu đáo, khỏi phụ lòng trăm tin cậy.

- Thần nguyện đem hết tâm lực để báo đáp ơn sâu tri ngộ của bệ hạ.

Quang Diệu bái tạ Quang Trung Hoàng đế cùng Hoàng hậu rồi đi ra, không dám kêu nài gì hơn nữa; vì xưa nay đã biết tính nhà vua thân yêu bày tôi, nhưng rất nghiêm nghị, thường hay độc đoán, hễ đã quyết định việc gì làm là làm, không để ai có thể can ngăn hoặc trái lệnh. Lúc bấy giờ Bùi Thị Xuân vừa mới ở cử xong, trong ý Quang Diệu muốn để vợ con lưu lại kinh đô dưỡng sức, không thích cho theo mình đi xa; ngặt vì lệnh vua bắt buộc phải tuân, dù muốn kêu nài cũng không dám nói.

Ba hôm sau, ở thành Nghệ An, đã có quan Trấn thủ mới, từ trong kinh đề huề ra nhận chức; ấy là Đại đô đốc Trần Quang Diệu và phu nhân Bùi Thị Xuân.

Ra đây, Thị Xuân đem hết khôn ngoan sẵn có và thiên tính mềm mỏng của người đàn bà, đối đãi với ai cũng được lòng. Nhất là người ta thấy nàng là một võ tướng, mà không hung bạo; tuy là bà lớn mà không hách dịch khệnh khạng như các bà lớn từ trước; lại thường có dịp thay chồng xử trí nhiều việc rất thích đáng, công bằng, thành ra tiếng đồn khắp địa phương, ai cũng kính nể.

### **Cô Mười và chàng ăn mày lạ**

- Bẩm, bà lớn gọi con? Cô Mười tiến đến, lễ phép hỏi, dáng rất tự nhiên.

- À, chị Mười đấy ư?... Phải, tôi sai đi tìm chị lên có chút việc... Chị kéo cái ghế đầu mà ngồi.

Bà lớn Đại đô đốc - tức là Thị Xuân, chúng ta đã biết - vừa nói vừa chăm chú nhìn sắc mặt cô Mười xem có lộ vẻ gì lo lắng sợ hãi không? Nhưng sắc mặt nàng vẫn tươi như hoa hồng mới nở, chẳng thấy biến thái gì tỏ ra lo sợ, lại còn có dáng vui vẻ là khác, hình như người mới có chuyện đặc ý âm thầm vậy.

- Không dám, bà lớn có việc gì sai bảo, con đứng hầu cũng được, đâu dám vô lễ! Cô Mười nói và đứng nguyên chỗ cũ.



- Chị cứ tự nhiên! Việc tôi cần dùng chị giúp, chị phải ngồi mới được... Cái ghế có sẵn kia kìa! Thị Xuân thúc giục.

- Thừa là việc gì, bà lớn cứ dạy cho biết.

- À, trước hết chị đi lấy giấy bút, giấy lát trở lại; Thị Xuân niềm nở hỏi:

- Hình như chị Mười biết viết chữ đấy hỉ? Tôi nhớ như thế.

- Dạ, con biết võ vẽ gọi là thôi! Cô Mười trả lời, nét mặt bắt đầu sùng sốt, vì lần này mới nghe bà lớn hỏi đột ngột đến chuyện ấy là lần thứ nhất.

- Chị viết chữ nôm cũng được chớ?

- Bẩm bà lớn, chữ nôm thì con biết nhiều hơn chữ nho.

- Ô! Vậy thì càng hay! Chị cứ viết chữ nôm giúp tôi, không cần viết bằng chữ nho... Đức Kim thượng ta chuộng chữ nôm hơn ngài đã hạ chiếu dùng toàn chữ nôm trong giấy tờ việc quan, cho đến tấu sớ cũng vậy; lại truyền lệnh cho quan trường ra đầu bài thi cử bằng chữ nôm. Sĩ tử làm bài cũng thế, không được dùng chữ nho nữa. Ý ngài muốn dân chúng học cho mau biết và lại cổ nhân mình, đã đặt ra nôm là thứ chữ riêng, can gì không dùng, phải đi học mượn chữ Tàu mãi?

Nghe cô Mười nói những câu xét ra trung hậu, thành thực, khiến cho Thị Xuân phải suy nghĩ, trong mười phần có đến năm sáu tin rằng cô chắc vô tội. Nghĩa là cô đã vô tình thế nào, chứ không phải dụng tâm tư thông với đảng phản đối theo như ý nghĩ của nàng lúc đầu.

Tuy nhiên, con có nhiều chỗ lù mù như đám khói đen che án trước mắt, nàng còn cần lấy quạt xét đoán thông minh để xua tan đám khói ấy đi cho được trông thấy ánh sáng hoàn toàn.

Nhữ Hùng là ai? Sao hôm nào cũng đến cổng phủ châu chực xin cơm mà người đem cơm ra cho tất là cô Mười?

Bốn câu thơ trên miếng giấy kia là nghĩa thế nào? Có phải là ám hiệu chăng?

Ấy đó là những đám khói lù mù nàng đang muốn xua đuổi.

Bây giờ, nàng bước thẳng dần dần vào giữa màn bí mật để vén nó lên.



- Này, chị Mười ạ, chị không nghe nói lâu nay bọn phản đối thường sai người đến dò dẫm chung quanh phủ ta ư?

- Bẩm, không! Cô Mười trả lời. Việc đó thật con không nghe.

- Có đó, chị ạ! Đã hai ba bận, lính vệ sĩ bẩm tôi rằng cứ vào buổi chiều hôm nhá nhem, cách vài hôm lại có người cỡi ngựa từ đâu lại không biết, đến ngồi lê la ở những hàng quán đối diện cổng sau phủ ta, gọi là nghỉ ngơi uống nước, nhưng xem ý là nghe lóng chuyện gẫu của người hàng phố, một chập lâu mới đi... Hình tích họ xem ra đáng ngờ!... Nhất là ở bầu áo dường như không có “Tín bài”. Chị nên biết lúc này ai không mang “Tín bài” theo lệnh triều đình, tức là kẻ phản đối... Tôi e hai người ấy là thủ hạ của bọn tiến sĩ, hương cống đang tụ tập ở dưới Hồng Lĩnh mưu mô khởi loạn gì đó. Sào huyết bọn này tôi biết cả rồi, nay mai sẽ đem binh đi nã tróc!... Ấy thế mà vừa rồi chị ngỏ ý tin tưởng rằng bản trấn bình an vô sự?...

- Vâng, con nói như vậy là nói chung cả đại thể! Cô Mười đáp. Hoặc giả cũng còn có ít nhiều kẻ bất bình, tụ họp chòm nhóm ở tận thâm sơn cùng cốc, nhưng dám chắc không có lực lượng gì đáng kể. Bà lớn hà tất phải nhọc hơi tự dẫn binh đi, chỉ sai một tiểu đội đem giấy thừng đi trói cổ điệu về lúc nào xong lúc ấy, chả cần phải lo.

- Tuy vậy, chúng cứ rình mò chung quanh phủ ta, không biết định giở trò trống gì?... Lại còn thằng ăn mày chiều nào cũng đến cổng sau xin cơm, hình như chiều nào chị cũng đem cơm bố thí đó!... Theo con mắt, chị là người thế nào?

- Bẩm.. Bẩm..., con nhận... nhận thấy là một người nghèo đi xin ăn, chứ không có gì là đáng... đáng nghi! Cô Mười trả lời hơi lúng túng, nhịu lưỡi, mà thần sắc cũng biến đổi, chứ không còn vẻ thản nhiên như trước.

- Làm sao chị biết chắc? Thị Xuân hỏi vặn lại, cặp mắt nhanh sáng như điện, không rời nét mặt cô Mười.

- Thưa, con thấy ngực áo có dính miếng vải “Tín bài” cho nên mới bố thí cơm thừa mỗi chiều.

- Ô! Chị nghĩ “Tín bài” mà chắc à? Nỏ đeo “Tín bài” che mắt bề ngoài, nhưng bề trong cứ âm mưu phản đối, giả vờ ăn mày làm việc do thám, ai cấm?... Thằng ăn mày ấy tuy lam lũ mà gương mặt rắn rỏi, khôi ngô, hai mắt rất tinh anh, cho nên hình tích nó rất khả nghi...



Cô Mười cúi mặt làm thinh, Thị Xuân nói tiếp:

- Bởi thấy hình tích nó khả nghi quá, cho nên tôi đã hạ lệnh bắt giam cô lại rồi.

- Bà lớn đã bắt giam? Cô Mười hỏi mà hơi cau mặt, tiếng nói run, Thị Xuân tinh ý nhận bấy cả.

- Ủ, bắt giam lại rồi! Thị Xuân đáp. Mà quái lạ, khám trong mình nó, thấy có mảnh giấy rách, trên viết bốn câu thơ, lại là chữ của chị mới kỳ!... Tôi độ chừng là chị vớ quanh lấy miếng giấy lộn, gói cơm đưa cho nó một buổi chiều nào đó... Có phải vậy không?

Cô Mười vẫn cúi gằm, không nói gì sắc mặt hồng hào bắt đầu tái nhợt.

Sự làm thinh tức là thú mình có tội. Huống chi, mặt bỗng tái đi, là nghĩa thế nào?

Thị Xuân bắt được thóp ấy càng đi riết tới, muốn chóng đến chỗ bắt buộc. Mười phải tự thú mình có tư thông với người đảng nghịch, vì sự làm thinh và tái mặt ấy nên nàng cảm chắc cô Mười quả có phạm vào tội lỗi mà ban nãy nàng đã thác gỡ nghi tình cho già phần nửa.

- Thằng ấy tất phải chém đầu mới được! Thị Xuân nói giọng nghiêm nghị, hằn học. Nó là người Bắc Hà, chiều nào cũng đến công phụ tạ xin ăn, mà thật là nghịch đảng giả trang ăn mày đến do thám binh tình, phải chém để lập uy cho bọn nó sợ! Tôi thương hại cho chị, có miếng giấy kia tất phải liên can. Vậy sự thực thế nào, chị cứ nói đi; nay mai quan về, tôi liệu năn nỉ với ngài châm chước dung thứ cho.

Tới đây, cô Mười ngược mắt lên, đầy hai hồ lệ, nhìn Thị Xuân mà thở dài.

- Ủa, chị này khóc à? Thị Xuân hỏi. Chị hối hận phải không? Con người ta làm lỗi mà biết hối hận tự thú, là sự đáng khen!

- Bẩm bà lớn không? Cô Mười lau nước mắt và đáp. Con không làm điều gì làm lỗi hay là may may trái với lương tâm mà phải hối hận. Con nghĩ thương giùm một người nghèo khó, nếu bà lớn chém người ta, tức là giết một tên dân thật là vô tội.

- Chị dám chắc nó vô tội?

- Vâng, con dám chắc như hai năm là mười. Vì con biết người ấy



gia thế khá, chẳng qua gặp cảnh loạn ly mà phải lưu lạc vào đây, cơ nhỡ, đói khổ, bắt đắc dĩ mà xin ăn qua ngày, chờ dịp xây dựng lại cuộc đời lương thiện, chứ không hề có ý phản nghịch gì cả...

- Sao chị biết rõ lắm thế?

- Thưa, người ấy chẳng những không phản nghịch bản triều, lại coi bọn phản nghịch như cừu thù là khác.

- Quái! Chị này hiểu cả tâm lý người ta đến thế kia à?

- Con không dám khoe mình hiểu tâm lý thiên hạ, nhưng đến tâm lý Nhữ Hùng thì con hiểu rõ như trông vào trong gương.

- Ô, lại biết cả tên nữa?

- Cổ nhiên, con phải biết cả tên chàng... Con biết chàng là người có gia thế, có học thức, có tài năng, chỉ vì hoạn nạn mà phải lưu lạc, cùng khốn... Con biết chàng không đồng ý với những kẻ phản nghịch bản triều... Sở dĩ con biết rõ như thế là vì...

Cô Mười nói đến đó, ngập ngừng rồi thôi, Thị Xuân hỏi thúc:

- Là vì... Là vì thế nào, chị Mười?

- Thưa, bà lớn, là vì người ăn mày ấy với con không phải người xa lạ... Chính là chồng con...

Cô Mười nói rồi òa lên khóc, gục mặt trên án thư, trong lòng xót xa cảm động quá, càng khóc càng thảm.

Thị Xuân sững sốt vô cùng. Nàng tiên đoán đủ cả, chỉ trừ có sự bất mãn lạ lùng ấy.

Chợt nhớ lại mảnh giấy viết bốn câu thơ còn để trong túi, nàng lấy ra xem, trong khi cô Mười khóc nức, khóc nở.

*Tấc lòng quỳ hoắc âu trời biết  
Giấc mộng gia hương cách núi xa  
Thiếp dựa hầu môn, chàng lỡ bước  
Bao giờ lại họp lứa đôi ta?*

(đến số này - 125 năm 1945 thì đình bản vì CMT8)



## MỤC LỤC

Dẫn .....	5
<b>I- Văn học.....</b>	<b>7</b>
1. Bùi Thị Xuân .....	5
2. Lê Văn Khôi .....	6
3. Cô Tư Hồng.....	7
4. Một kẻ bán trời .....	8
5. Đóng cửa dạy chồng.....	10
6. Con quỷ phong lưu .....	11
<b>II- Dịch thuật</b>	
Liêu trai chí dị .....	12
Cô Tư Hồng.....	17
Con quỷ phong lưu .....	163
Một kẻ bán trời .....	293
Đóng cửa dạy chồng.....	434
Bùi Thị Xuân .....	600